LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 183

GIA PHẢ PHẬT THÍCH CA

SỐ 2040
(QUYỂN 1 →5)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2040

GIA PHẢ PHẬT THÍCH-CA

Sa-môn Thích Tăng Hữu Đời Lương soạn

LỜI TỰA

Nghe rằng Bồ-đề là cao tột nhất, thần diệu vắng lặng, trí tròn đầy chiếu sáng. Đạo dứt hết sự đóng khung của hình thức, lý rốt ráo ở cảnh sinh diệt. Hình thức đã dứt từ lâu, há thật sinh ra ở cung vua, sinh diệt đã hết, đâu thật xa lìa sự bền chắc. Chỉ có bọn ngu mê, không biết cùng về chốn Đại giác. Do duyên cảm hóa đến thì liền ứng. Nếu ứng mà bất sinh thì ai cùng ngộ tục, hóa mà không tin thì sao gọi là dẫn dắt thế gian. Do đó nêu tên họ Thích-ca nối truyền các cõi là tôn quí về thể, cõi là sự đẹp lạ của trời, người. Sau mới cởi giày ở cung chân mà xem cây Đạo, mới bỏ vị Kim Luân mà ngự chốn Đại thiên, mới phát ra ánh sáng từ sợi lông trắng mà chế phục pháp giới, đó là lý do hiện dấu vết. Bèn tự giáng thai đến khi phần tháp biến hóa ra ngàn muôn điềm lành. Và nghĩa thì sáng kinh điển, việc thì đầy truyện ký mà có nhiều lời khác nhau, đầu đuôi bất nhất. Và sự thì lộn xộn đồng khác không đều. Đầu đuôi không nhất quán thì phải nhất quán, đồng khác không đều thì phải khế hợp hội thông. Cho nên biết, rộng quá thì khó bao gồm nên tóm tất lại cho dễ xem. Hữu tôi vì kém thông minh ít học nhân bệnh lại ham chơi bèn mở kinh mà ghi chép từ đầu đến cuối, kính thuật lại gia phả Phật Thích-ca lập thành năm quyển. Như nói về nguồn gốc nối dõi thác sinh, nói chỗ yếu đắc đạo độ người, nêu cớ tháp tượng Nê-hoàn, tả tướng di pháp sắp mất, tổng hợp các kinh làm bản chánh, phần nối đời thì ghi ở cuối sách, khiến lời Thánh phân biệt với lời tục, chuyện xưa việc nay làm chứng cho nhau. Muôn dặm tuy xa nhưng như đích thân bước đến,

việc cách ngàn năm mà như trước mắt. Nay ghi chép các kinh thuật lại chứ không soạn ra, lại lựa tìm hỏi rất công phu. Nay đem lòng thành kính phát thệ mấy điều:

Tăng Hữu trước lễ Tối Thắng Tôn
Kính lễ pháp tịnh không gì sánh
Kế lạy Ly Cấu Ứng Chân Tăng
Tam Bảo Từ Hộ thường trụ thế
Tượng Mạt ít tin, tin không thuần
Tà kiến ngu mê bị các khổ
Ba tạng lâu xa khó nghiên cứu
Biếng lười chướng ngại khiến pháp mất
Nên gom các truyện ký bổn sư
Kinh luật truyền chứng thêm lòng tin
Nương theo Đại sĩ phát tâm nguyện
Dám chứa ý rộng ở đời sau
Nguyện đồng thấy nghe phước tùy hỷ
Đèn pháp chiếu mãi ở vị lai.

SỐ 2040

GIA PHẢ PHẬT THÍCH-CA

Sa-môn Thích Tăng Hữu Đời Lương soạn

QUYỂN 1

Quyển này có chín chương như sau:

1. Gia phả về các cõi truyền nhau Thỉ Tổ Phật Thích-ca ở kiếp sơ
2. Gia phả về Thỉ Tổ Phật Thích-ca họ Cù-đàm ở kiếp sơ
3. Gia phả về 6 đời Thỉ Tổ Phật Thích-ca
4. Gia phả về Phật Thích-ca giáng sinh và dòng họ Thích cho đến thành Phật
5. Các điểm đồng khác về gia phả, dòng dõi của Phật Thích-ca ở cuối bảy Đức Phật
6. Gia phả của Phật Thích-ca đồng với ba ngàn Đức Phật
7. Gia phả về tên và dòng dõi nội ngoại của Phật Thích-ca
8. Gia phả về tên họ các đệ tử Phật Thích-ca
9. Gia phả về 4 bộ đệ tử nổi tiếng của Phật Thích-ca.

I. GIA PHẢ VỀ CÁC CÕI TRUYỀN NHAU THỈ TỔ PHẬT THÍCH CA Ở KIẾP SƠ

(Xuất xứ từ kinh Trường A-hàm)

Ở kiếp Sơ khi trời đất sắp thành chỉ là một biển nước mênh mông, sau đó gió thổi mà kết lại thành thế giới. Khi thế gian này sắp thành thì tất cả chúng sinh có phước ở cõi trời Quang Âm sanh đến làm người, đều là hóa sinh, lấy tâm hoan hỷ làm thức ăn, thân có ánh sáng và thần thông bay đi tự tại, không có nam nữ lớn nhỏ. Chúng cùng ở đời nên gọi là chúng sinh. Đất có mùi vị thơm ngon tự nhiên cũng như đề hồ, mầu như bơ sống, vị ngọt như mật. Chúng sinh bốc lấy nếm thử bèn đắm mê

mà lấy ăn. Do đó ánh sáng và thần thông biến mất. Người ăn nhiều đất thì thân hình, mặt mày xấu xa, người ăn ít thì đẹp đẽ. Bèn có kém hèn, có đúng sai. Vị đất dần dần hết ngon, ai nấy đều buồn khổ than thở là tai họa. Vị đất hết rồi lại sinh ra da đất như màng cháo đặc mùi vị cũng thơm ngon bèn lấy ăn, liền sinh ra khinh mạn. Lớp da đất hết lại sinh ra lớp da ngoài của đất. Do ăn da đất nhiều ít mà sinh ra các việc ác. Lớp da ngoài của đất lại mất - Kinh Tăng Nhất A-hàm nói: Đất tự nhiên có vị ngon béo như rượu Nho. Kinh Lâu Thán nói: Đất béo không sinh nữa, liền sinh hai nhánh nho vị cũng ngọt, ăn nhiều lâu thì chê bai nhau. Sau đó, hai nhánh nho mất đi, liền sinh ra cây lúa. Sau có lúa thóc tự nhiên không có vỏ trấu, không cần phải xay giã, vo nấu mà đầy đủ ngon ngọt. Chúng sinh ăn vào bèn có thân nam nữ.

Kinh Tăng Nhất A-hàm nói: lúc đó, Thiên tử người nào có dục ý nhiều thì thành người nữ, rồi khởi dục tình mà đùa vui. Nhìn ngó lẫn nhau mà sinh dục tưởng, ở chỗ vắng làm việc bất tịnh. Các chúng sinh khác nhìn thấy than là phi pháp: vì sao chúng sinh có việc như thế. Người nam bèn bị trách mắng, liền tự hối lỗi mà gieo mình xuống đất, Người nữ bèn dâng thức ăn đỡ ngồi dậy. Do đó thế gian bèn có danh từ bất thiện là Chồng, người dâng cơm kia là Vợ, sau đó chúng sinh mới có dâm dật. Rồi cất nhà để ở, Chúng sinh dâm dật càng nhiều nên vợ chồng ở riêng. Các chúng sinh khác ở tầng trời Quang Âm khi hết phước thọ rồi thì đọa xuống cõi này ở trong thai mẹ. Do đó mà thế gian này có thai sinh.

Kinh Lâu Thán nói: Về sau, dần dần mê đắm, rồi lấy người nữ làm vợ, ca múa đùa giỡn nguyện làm vợ chồng để được an ổn. Lúc đó, tạo ra thành Chiêm-bà ở trước, rồi tạo ra các thành quách khác, lúa gạo tự nhiên, sáng cắt thì chiều chín, chiều cắt thì sáng chín. Cắt rồi lại mọc (kinh Trung A-hàm nói cao bốn tấc) không có cành lá. Lúc đó, chúng sinh hằng ngày lấy ăn. Sau lấy để dành ăn năm ngày ăn nên bèn có vỏ trấu, cắt rồi thì không mọc ra nữa mà có rơm khô.

Kinh Lâu Thán nói: Sau có người lười biếng lấy lương thực để ăn bốn, năm ngày, lúa cắt rồi thì không mọc ra nữa.

Hữu tôi cho đó là máy tâm, một khi động lên thì vật liền lìa chân. Tinh linh cảm được còn mau hơn ánh chớp. Có nghe thời Lưỡng Hán, nhà Đông Hán tăng thuế nên biển không có cá, xuống biển mò châu tham lam nên châu không còn trai hến thì ở càng sâu. Đời cận đại so với thời xưa thì rất phù hợp, lúa không mọc nữa thì chẳng có gì lạ.

Khi ấy chúng sinh buồn rầu than khóc bèn chia ra ranh giới ruộng

vườn nhà cửa. Sau chúng sinh cất giấu lúa thóc của mình mà đi trộm cướp gạo thóc của người, không ai giải quyết được. Bèn hợp nhau lập lên một vị chúa tể để chăn dắt người dân, thưởng thiện phạt ác. Ai nấy đều giảm phần mình mà cùng cung cấp cho người ấy. Lúc đó, trong chúng có một người thân hình cao lớn, đẹp đẽ, rất có oai đức được tôn làm chúa tể. Người đầu tiên có tên là Dân chủ Luật Đàm-vô-đức nói: xưa có vị vua ra đời trước nhất tên là Đại nhân do chúng đề cử lên. Kinh Lâu Thán nói: lúc đó, trong chúng có một người rất đẹp đẽ, tôn quí, oai dũng. Mọi người đều tôn làm chủ về pháp luật, gọi là Vua. Y theo pháp luật mà lấy tô thuế, nên gọi là Sát-lợi. Lúc đó, thiên hạ cõi Diêm-phù giàu có vui vẻ an ổn, mọc ra cỏ xanh mầu như đuôi chim công. Có tám muôn quận ấp, người dân nhóm họp thành xóm làng, gà gáy đều nghe. Thiên hạ không bệnh hoạn, thời tiết không quá lạnh quá nóng. Vua thì theo pháp luật mà trị nước, vâng giữ mười điều lành thương dân như cha mẹ thương con, dân kính trọng vua như con kính trọng cha mẹ. Tuổi thọ con người rất cao. Sau có vua khác đức hạnh không bằng vua trước nên tuổi thọ giảm dần, đến chỉ còn mười muôn tuổi, sau giảm dần còn một muôn tuổi, đến nay chỉ còn một trăm tuổi.

1. Đầu tiên là Dân Chủ có con tên là Trân Bảo
2. Trân Bảo có con tên là Hảo Vị
3. Hảo Vị có con tên là Tĩnh Suy
4. Tĩnh Suy có con tên là Đảnh Sinh
5. Đảnh Sinh có con tên là Thiện Hạnh
6. Thiện Hạnh có con tên là Trạch Hạnh
7. Trạch Hành có con tên là Diệu Vị
8. Diệu Vị có con tên là Vị Đế
9. Vị Đế có con tên là Ngoại Tiên
10. Ngoại Tiên có con tên là Bách Trí
11. Bách Trí có con tên là Thị Dục
12. Thị Dục có con tên là Thiện Dục
13. Thiện Dục có con tên là Đoạn kiết
14. Đoạn Kiết có con tên là Đại Đoạn Kiết
15. Đại Đoạn Kiết có con tên là Bảo Tạng
16. Bảo Tạng có con tên là Đại Bảo Tạng
17. Đại Bảo Tạng có con tên là Thiện Kiến
18. Thiện Kiến có con tên là Đại Thiện Kiến
19. Đại Thiện Kiến có con tên là Vô Ưu
20. Vô Ưu có con tên là Châu Trữ

21. Châu Trữ có con tên là Thực Sinh
22. Thực Sinh có con tên là Sơn Nhạc
23. Sơn Nhạc có con tên là Thần Thiên
24. Thần Thiên có con tên là Tiến Lực
25. Tiến Lực có con tên là Lao Xa
26. Lao Xa có con tên là Thập Xa
27. Thập Xa có con tên là Bách Xa
28. Bách Xa có con tên là Lao Cung.
29. Lao Cung có con tên là Thập Cung.
30. Thập Cung có con tên là Bách Cung.
31. Bách Cung có con tên là Dưỡng Chi.
32. Dưỡng Chi có con tên là Thiện Tư.

Từ Thiện Tư đến nay có dòng họ Chuyển Luân Thánh vương nối nhau mãi không dứt như sau:

1. Vua tên Tiễn-già-nậu-già có năm trăm vị Chuyển Luân Thánh vương.
2. Vua tên Đa-la-nghiệp có năm trăm vị Chuyển Luân Thánh vương.
3. Vua tên Mã-a-diệp-ma có bảy vị Chuyển Luân Thánh vương.
4. Vua tên Trì Địa có bảy vị Chuyển Luân Thánh vương.
5. Vua tên Chi-thuật Ca-lăng-già có chín vị Chuyển Luân Thánh vương.
6. Vua tên Chiêm-bà có mười bốn vị Chuyển Luân Thánh vương.
7. Vua tên Câu-la-bà có ba mươi mốt vị Chuyển Luân Thánh vương.
8. Vua tên Bát-xà-la có ba mươi hai vị Chuyển Luân Thánh vương.
9. Vua tên Di-tư-la có tám mươi bốn ngàn vị Chuyển Luân Thánh vương.
10. Vua tên Cổ Ma có một trăm vị Chuyển Luân Thánh vương.

Cuối cùng có vua tên Đại Thiện Sinh.

Từ vua Ý-ma có người con tên là Ô-bà-la, Ô-bà-la có người con tên là Lệ-bà-la.

Lệ-bà-la có người con tên là Ni-cầu-la, Ni-cầu-la có người con tên là Sư Tử Giáp, Sư Tử Giáp có người con tên là Tịnh Phạn, vua Tịnh Phạn Vương có người con tên là Bồ-tát. Bồ-tát có người con tên là La-hầu-la.

Do đây mà gọi là dòng Sát-lợi.

- Hữu tôi xét rằng: kiếp sơ mịt mờ việc lập ra dòng vua, bắt đầu từ Dân chủ và kết thúc ở Thiện Tư, cha con nối nhau ba mươi ba đời vua. Từ Thiện Tư về sau có mười dòng họ vua Chuyển luân. Vua thứ nhất là Dà-nâu đến vua thứ mười là Ý-ma, hoặc anh em nối nhau, hoặc Thánh hiền thay nhau làm hưng thạnh, có thể họ khác chen vào mà nối truyền khó biết, gồm đến tám mươi bốn ngàn hai trăm mười vị vua Thánh. Cho đến Bạch Tịnh nối ngôi là xuất phát từ Ý-ma các vua Chuyển Luân nối nhau nhiều đời. Đó là do Thích-ca quyền ứng thị hiện giáng sinh mà có con cháu nối nhau, nhưng kinh chỉ nêu số lớn dường như chưa đầy đủ. Ngày xưa, các vua Phục Hy, Thần Nông còn chưa biết rõ tháng năm, huống chi là các bậc Thánh đế bay đi trên hư không, năm tháng đã quá xa, kẻ phàm phu làm sao biết được.

II. GIA PHẢ PHẬT THÍCH CA HỌ CÙ ĐÀM Ở KIẾP HIỀN

(Xuất xứ từ kinh Thập Nhị Du).

Thuở xưa, cách nay A-tăng-kỳ kiếp (vô số kiếp) có Bồ-tát làm vua, cha mẹ mất sớm, bèn nhường ngôi cho người em mà đi cầu đạo. Vua thấy có Bà-la-môn họ Cù-đàm bèn đến học. Bà-la-môn nói: Hãy cởi bỏ áo vua mặc đồ như ta và mang họ Cù-đàm. Do đó Bồ-tát có họ Cù-đàm vào sâu trong rừng, ăn rau quả, uống nước suối, ngồi thiền suy nghĩ về Đạo. Bồ-tát đi ăn xin trong nước nhưng quan dân trong nước đều không biết là vua mà gọi là Tiểu Cù-đàm. Bồ-tát cất tinh xá trong vườn mía ở ngoài thành.

Kinh Phật Sở Hành Tán nói: con cháu của Cam giá là vua Thích-ca Vô Thắng tài đức tịnh thuần gọi là Tịnh Phạn. Xét Tổ xa Tịnh Phạn là hậu thân của Cù-đàm vì đời trước ở trong vườn mía, nên kinh gọi là con cháu của Cam giá.

Trong khi Bồ-tát ngồi một mình có năm trăm tên cướp trộm vật của quan đi ngang qua chòi tranh của Bồ-tát. Hôm sau, quan quân tìm thấy dấu chân, bèn bắt Bồ-tát gán ghép tội trộm cướp, dùng gậy đâm xuyên qua mình, máu chảy ướt đất. Đại Cù-đàm dùng mắt trời thấy rõ bèn dùng thần thông bay đến hỏi rằng: ông bị tội gì mà chịu khổ hình như thế? Con không có con cháu, lấy ai nối dõi. Bồ-tát đáp: mạng sống trong giây lát cần gì nêu con cháu. Vua (là em của Bồ-tát) sai người hầu dùng cung nỏ bắn chết. Đại Cù-đàm khóc lóc thảm thiết. Khi chôn rồi bèn giở nắp quan tài ra mò lấy cục máu đem về tinh xá. Máu bên trái để vào một bình bên trái, máu bên phải để vào một bình bên phải.

Đại Cù-đàm nói rằng: Đạo sĩ đã thành tâm, Thiên thần biến máu thành người. Mười tháng sau thì máu bên trái biến thành người nam, máu bên phải biến thành người nữ. Do đó lấy họ Cù-đàm, một tên là Xá-di. Nhân kiếp hiền đến nay là Bảo Như lai Thích-ca Việt.

Xét: Tiểu Cù-đàm máu hóa thành người là việc ở đời trước, đến kiếp hiền làm Bảo Như lai ra đời là thần thức của Cù-đàm mới sinh vào thế giới này làm vua. Thích-ca Việt là danh hiệu của vị vua này. Trộm nghĩ Bảo Như lai là một tên của bảy Đức Phật trong kiếp hiền. Chỉ dịch tiếng Phạm là Bảo, nên cùng tên với bảy Đức Phật tên khác, thọ năm trăm muôn tuổi.

Kinh Trường A-hàm nói: Vào thời Phật Câu-lưu-tôn, người sống bốn muôn tuổi, thời Phật Câu-na-hàm người sống ba muôn tuổi, thời Phật Ca-diếp người sống hai muôn tuổi. Nay nói vua Thích-ca Việt sống năm trăm muôn tuổi nếu ở đời Câu-lưu-tôn thì so với dân sống gấp trăm lần. Xét theo tiêu chuẩn thì như khác, nhưng tất cả nghiệp báo không dễ nghĩ bàn. Đến thời Phật Thích-ca ra đời thì người ở Diêm-phù-đề chỉ sống có một trăm tuổi. Chỉ có Uất-đơn thì sống một ngàn tuổi.

Từ vua thứ hai mươi lăm trở xuống thì tuổi thọ hai, ba trăm muôn tuổi. Vua Văn-đà-yết sống một trăm muôn tuổi, vua Đảnh Sinh, vua Già-ca-việt và nhân dân đều sống mười muôn tuổi. Từ vua Hoan Hỷ đều sống tám mươi bốn ngàn tuổi. Từ Già-ca-việt Ác Niệm giết con trâu để cúng tế, hại mạng nên mất ngôi Kim luân, chỉ được làm vua Ngân luân làm chủ ba thiên hạ, sống một muôn tuổi. Vua Kiên Niệm làm áo giáp sống năm ngàn tuổi, được làm vua Đồng luân làm chủ hai thiên hạ, làm chủ phương Tây Nam. Vua Hỷ Sát sống hai ngàn năm trăm tuổi được ngôi vua Thiết Luân làm chủ thiên hạ ở phía Nam. Vua ấy có Thái tử làm ác nên chỉ sống có một ngàn tuổi. Người xưa bị chín bệnh là nóng lạnh đói khát sinh già bệnh chết. Bà-la-môn vì sát sinh cúng tế nên sinh ra bốn trăm linh bốn bệnh. Từ vua Sư Tử Niệm tuổi thọ của người càng giảm, sống một trăm hai mươi tuổi. Từ sau vua Sư Tử Niệm là vua Sư Tử Ý... có tám mươi bốn vị vua, tuổi thọ của người giảm xuống chỉ còn tám mươi, bảy mươi, sáu mươi, năm mươi, ba mươi, hai mươi, mười tuổi. Sau, vua Sư Tử Hợp Xa có người con tên là Bạch Tịnh, là cha của Bồ-tát. Tính ra thân Bồ-tát trước sau có tám vạn bốn ngàn vua Già-ca-việt.

Già-ca-việt, tiếng nhà Tề gọi là Phi Hành Hoàng đế, tức là kinh Trường A-hàm và Luật Đàm Vô Đức gọi là vua Chuyển Luân (đã kể số đời vua Chuyển Luân trước đây rất rõ). Ở đây chỉ ghi tóm tắt sợ khó tìm.

Nếu y theo toàn kinh thì phải lấy kinh A-hàm làm chánh. Đại Cù-đàm là dòng họ thuần thục. Kinh Đại Phương Tiện nói: vua Bạch Tịnh nhiều kiếp đến nay đều thường nối ngôi làm vua Chuyển Luân. Gần ba đời trở lại đây không làm vua Chuyển Luân mà làm vua cõi Diêm-phù-đề.

Tăng Hữu tôi thấy kinh Thập Nhị du không có nói: "Ta nghe", cũng không có "Phật nói" là do La-hán ghi chú lại. Lại tìm họ Cù-đàm là ở nhiều đời của họ này xa xôi khó biết. Nói về vua Chuyển Luân lược bỏ không đồng khó tìm đầu mối. Song nguồn gốc họ Cù-đàm thì rất rõ ràng nên lược nêu ra.

III. GIA PHẢ VỀ SÁU ĐỜI THỈ TỔ CỦA DÒNG HỌ THÍCH CA

(Xuất xứ từ kinh Trường A-hàm)

Thời quá khứ có vua tên Ý-ma, Luật Đàm-vô-đức gọi là Cổ-sư - ma. Luật Di-sa tắc nói Uất-ma-nhất-ý-uất, ba âm này gần nhau, lấy âm mà suy thì trộm nói Ý-ma là chánh, còn Cổ-Ý thì chỉ là giống, nên nói chữ Cổ là viết nhầm.

Vua Ý-ma có bốn người con, thứ nhất là Diện Quang, thứ hai là Tượng Thực, thứ ba là Lộ Chỉ, thứ bốn là Trang Nghiêm. Bốn người con này có phạm chút tội nhỏ, vua bèn đuổi ra khỏi nước. Bốn người bèn đến ở cạnh núi Tuyết dưới rừng cây trực. Mẹ của họ và gia thuộc đều rất thương nhớ bèn họp lại bàn luận rồi cùng đến chỗ vua Ý-ma thưa rằng: Đại vương nên biết bốn con và xa cách nhau đã lâu, nay muốn đến thăm viếng. Vua bảo muốn đến thì tùy ý. Lúc đó, mẹ và quyến thuộc cùng đến chỗ các con trong rừng cây Trực ở núi Tuyết. Lúc đó, bà mẹ bèn cưới vợ cho các con. Sau, vua Ý-ma nghe bốn con sinh được các cháu đẹp đẽ. Vua rất vui mừng bảo rằng: Đây thật là con cháu dòng họ Thích có thể tự lập. Do đó mà có dòng họ Thích.

Thích, đời Tề dịch là Năng. Kinh Thụy Ứng Bản Khởi cũng nói: Thích-ca là năng hiểu biết. Đây là đồng với bốn người con đều nhân lấy tài năng làm họ. Ở dưới rừng cây Trực nên gọi là Thích, tiếng Hồ (Phạm) cũng dịch Trực là Thích. Ở Thiên-trúc một tiếng gồm nhiều nghĩa, đây là loại tiếng này. Vua Ý-ma là người đầu tiên mang họ Thích.

Di-sa-tắc nói: Ở thời quá khứ có vua tên là Uất-ma có bốn người con, thứ nhất là Chiếu Mục, thứ hai là Thông Mục, thứ ba là Điều Phục Tượng, thứ bốn là Ni-lâu. Đều rất thông minh và có oai đức lớn. Bà Hoàng phi thứ nhất có con tên là Trường Sinh, hình dung xấu xí, mọi người đều xem thường. Bà mẹ nghĩ rằng con ta tuy lớn mà tài năng

không bằng người, nhưng cả bốn người con kia đều có oai đức, đều nối ngôi trị nước. Làm cách nào để cơ nghiệp của con ta được vững chắc, bèn lập phương tiện là tự trang điểm đẹp đẽ, nhân lúc vua vui vẻ mà đến gần. Vua hỏi có ý muốn gì, nếu làm được thì ta không từ chối. Bèn thưa rằng: bốn đứa con đều có oai đức và thông minh tài trí. Con thiếp tuy lớn, tánh dữ hình xấu, việc nối ngôi của con thiếp ắt khó được. Vậy nếu bệ hạ đuổi bốn người con kia ra khỏi thành thì lòng thiếp mới an. Vua nói bốn người con kia đều nhân từ hiếu thảo không có lỗi lầm gì làm sao đuổi đi được. Hoàng phi nói: thiếp cực nhọc lo toan việc nhà việc nước, bốn người con kia oai vệ, dân chúng, đều qui phục, đã lập bè đảng, một khi sớm tranh ngôi thì sẽ giết nhau nước nhà sẽ thuộc về người khác. Xin vua suy tính kỹ, không phải vì một người con riêng. Vua bảo Phi nói phải, ta tự biết mình phải làm gì. Liền gọi bốn người con bảo rằng: Các con có lỗi với ta, ta không muốn thấy các con phải chết. Vậy hãy ra khỏi nước mà tự sống, không nên dòm ngó ngôi vua, sau sẽ hối hận. Bốn người con vâng lệnh sửa soạn hành lý ra đi. Bấy giờ, người mẹ và các chị em ruột biết không lỗi mà bị đuổi đi, bèn cùng dắt nhau ra đi, các lực sĩ dân chúng cùng xin theo rất đông, cùng đến phía Bắc núi Tuyết. Nơi đây đất đai rộng rãi và phì nhiêu. Không mấy năm thì thành một nước mạnh giàu có. Sau, vua gọi các con về gặp nhưng đều nói là có lỗi chẳng dám về. Vua bèn than con ta có tài năng, do đó mà có dòng họ Thích (Thích = năng) - Truyện khác thì nói: nước này có cây Thích-ca rất sum suê. Thầy tướng nói chỗ này sẽ sinh ra vua. Bèn dời bốn người con đến lập quốc. Nên gọi là dòng họ Thích. Tuy không phải kinh nói nhưng cũng ghi thêm vào đây.

Xét rằng: luật nói việc bốn người con thì rất giống với kinh A-hàm, thầm nghĩ: kinh có thêm thất là do người dịch có châm chước, người trích văn có sở thích riêng, cho nên thường không giống nhau. Cũng như sử sách nhà Hán và sách ngoài có nhiều điểm trái nhau, huống chi là việc cách xa muôn dặm và từ mấy ngàn năm. Người sáng suốt chọn điều tốt mà theo, ngoài văn mà vẫn biết đúng.

Ni-lâu có người con tên là Ô-đầu-la. Ô-đầu-la có người con tên là Cù-đầu-la. Cù-đầu-la có người con tên là Thi-hưu-la. Thi-hưu-la có bốn người con, một người trong đó là Tịnh Phạn.

Luận Đại Trí Độ nói: xưa có dòng vua tên Sư Tử Giáp có bốn người con, người lớn nhất tên là Tịnh Phạn. Kinh Trường A-hàm và Luật Đàm-vô-đức giống nhau. Chỉ có Di-sa-tắc nói Thi-hưu-la có người con là Tịnh Phạn, có thể do truyện chép sai. Nếu theo số đông thì lấy

kinh A-hàm làm chánh. Vua Tịnh Phạn có người con tên là Bồ-tát .

Hữu tôi xét: Theo Phật Định Quang thọ ký thì ghi hiệu là Thích-ca. Vì khế hợp với Huyền Minh nên mượn dòng họ Thích mà giáng sinh. Danh là báo hiệu lúc hình chưa có, Tích là phù hiệu sau khi đã sinh, bèn xuống cõi trời cõi người rất nhiều kiếp.

IV. GIA PHẢ VỀ ĐỨC THÍCH CA TỪ KHI GIÁNG SINH ĐẾN KHI THÀNH PHẬT

(Xuất xứ từ kinh Phổ Diệu, còn gọi Phương Đẳng Bổn Khởi)

Bồ-tát ở cung trời Đâu-suất, có sáu mươi sáu ức vị Thiên tử cùng bàn xem Bồ-tát hiện sinh vào dòng họ nào? Có người nói dòng họ Duy-đề nước Ma-kiệt, bà mẹ chân chánh mà cha thì không chân chánh. Còn nước Câu-tát cả cha mẹ dòng họ đều không chân chính. Vua nước Hòa-sa thì không có oai thần, bị người khác sai khiến. Nước Duy-da-ly hạnh bất hòa không thanh tịnh. Còn nước Bát-thọ thì có nhiều dối trá, chí tánh thô bạo, chẳng nên sinh vào nước đó. Lúc đó, có một vị Thiên tử tên là Tràng Anh đến hỏi Bồ-tát rằng: Bồ-tát Nhất Sinh Bổ Xứ sau cùng sẽ sinh vào dòng họ nào. Bồ-tát nói dòng họ nước nào có sáu mươi đức, Nhất sinh bổ xứ sẽ giáng thần vào đó. Nay, trong thành Ca-duy-la-vệ dòng họ Thích mạnh mẽ, đất nước phì nhiêu vui sướng, người dân đông đảo gieo nhiều phước lành, mọi người hòa thuận kính nhường nhau. Tất cả dòng họ Thích đều kính ngưỡng Nhất thừa. Vua Bạch Tịnh thì tánh hạnh nhân hiền, phu nhân thì đẹp đẽ trinh lương, thường giữ thân, miệng, ý vững chắc như kim cương, năm trăm đời trước có làm mẹ Bồ-tát. Nên giáng thần vào thai của bà. Lúc đó, Bồ-tát hỏi Thiên tử nên dùng thân gì mà giáng thai? Có người nói thân Nho đồng, có người nói nên dùng thân Thích Phạm, người khác nói lấy thân mặt trời, mặt trăng hoặc thân chim cánh vàng. Lúc đó, có vị Phạm Thiên tên là Cường Oai từ Tiên Đạo đến bảo các vị trời rằng: Thân voi là bậc nhất, voi trắng sáu ngà oai thần. Sách Phạm chép thế gian có ba con thú thỏ, ngựa và voi trắng. Thỏ lội qua sông chỉ có một mình, ngựa kéo mạnh hơn nhưng qua sông chẳng biết cạn sâu, chỉ có voi trắng qua sông thì biết đến đáy sông. Thinh văn, Duyên giác cũng như thỏ, ngựa tuy qua biển sinh tử mà không biết được gốc pháp. Còn Bồ-tát Đại thừa ví như voi trắng, hiểu rõ ba cõi mười hai duyên khởi vốn là không, cứu hộ tất cả các loài. Bồ-tát đợi hết Đông lạnh, cuối xuân, đến đầu mùa Hạ, lúc này hoa cỏ xinh tươi không qúa lạnh không quá nóng, bèn từ cung trời Đâu-suất

hóa thành voi trắng, miệng có sáu ngà, các căn vắng lặng ánh sáng chói lòa, chui vào hông phải của mẹ, Hoàng hậu, thơm tho sạch đẹp, ngủ vừa thức dậy, thấy voi trắng chui vào hông thì thân tâm an ổn vui vẻ.

Kinh Thụy Ứng Bản Khởi nói: Bồ-tát hiện thân ngồi trên voi trắng, đầu đội mũ mặt trời sáng lòa. Kinh Tu Hành Bản khởi nói: phu nhân nằm mộng thấy trong hư không có người ngồi voi trắng chiếu sáng khắp thiên hạ, bèn đến dưới cây Vô ưu. Kinh Đại Hoa Nghiêm nói khi Bồ-tát từ cõi trời Đâu-suất-đà giáng thần thì trong rừng có mười tướng lành:

1/ Bỗng nhiên rộng rãi
2/ Đất đá biến thành kim cương
3/ Cây báu sắp thành hàng
4/ Nước trầm hương, bột thơm các thứ trang nghiêm
5/ Tràng hoa đầy khắp
6/ Nước báu tuôn chảy
7/ Ao có hoa đẹp
8/ Trời rồng, dạ-xoa chấp tay đến hầu
9/ Thiên nữ chắp tay cung kính
10/ Tất cả Chư Phật mười phương đều phát ra ánh sáng chiếu khắp khu rừng Phật thọ sinh.

Hoàng hậu sai người hầu báo tin cho vua Bạch Tịnh. Vua nghe tin rất vui mừng bèn đến dưới cây Vô Ưu chúa, nghĩ nên để Hoàng hậu ở nơi nào. Lúc đó, trời Đế-thích và trời Hóa Tự Tại đều lên cung trời, đem hoa hương âm nhạc hay ho đến cúng dường. Hoàng hậu thân nhẹ nhàng không nghĩ đến ba độc. Nếu có người bệnh về thân tâm, xin Hoàng hậu xoa đầu thì các bệnh liền hết. Bồ-tát ở trong thai mười tháng dạy bảo các vị trời, nhân dân, trong ba mươi sáu năm, lập ra Thinh văn và các Đại thừa. Bồ-tát khi sinh ra có ba mươi hai điềm lành:

1/ Cây sau vườn tự nhiên có trái
2/ Ao mọc ra hoa sen xanh, lớn như bánh xe
3/ Cây khô mọc ra hoa lá
4/ Thiên thần kéo xe bảy báu đến
5/ Kho báu trong lòng đất xuất hiện
6/ Các mùi thơm nồng nặc xa gần
7/ Năm trăm con sư tử ở núi Tuyết về ở trước cửa thành
8/ Voi trắng về ở trước điện vua
9/ Trời mưa nhẹ nước thơm
10/ Trong cung vua có trăm thức ăn ngon chiêu đãi những người đói khát - Với ba mươi hai tướng ai nấy đều khen ngợi việc chưa từng

có.

Khi Hoàng hậu sắp sinh có ý muốn đến vườn hoa thì mây kết thành xe báu, thể nữ vây quanh cùng đến dưới cây vô ưu. Hoàng hậu ngồi giường sư tử, sáu phương rung chuyển ba ngàn cõi nước. Bốn vị Thiên Vương kéo xe Hoàng hậu, Phạm thiên dẫn đường đi trước, khi đến dưới cây thì cây chìa cành ra cho Hoàng hậu. Trăm ngàn vị trời đều vui mừng tung hoa. Khi ấy, Bồ-tát từ hông phải bước ra.

Kinh Phật Sở Hành Tán nói: vua Ưu-lưu thì sinh ở vế, vua Ty-thâu thì sinh ở tay, vua Mạn-đà thì sinh ở đỉnh đầu, vua Già-xoa thì sinh ở nách. Bồ-tát thì cũng thế từ hông phải mà sinh. Kinh Đại Thiện Quyền chép: Bồ-tát phát ý có thể từ trời Đâu-suất, không do bào thai trong giây phút thì thành Chánh giác. Nhưng sợ người nghi từ đâu biến hóa đến mà không chịu nghed nhận pháp Ngài, cho nên hóa hiện cũng ở trong thai. Mọi người bảo Hoàng hậu sinh Bồ-tát cũng có đau đớn, muốn hiện an ổn, bà bèn đến vịn cây thì Bồ-tát sinh ra. Ấy là vì Bồ-tát khéo dùng phương tiện. Bỗng nhiên hiện thân trên hoa sen báu mà bước đi bảy bước, nói tiếng Phạm rằng: “trên cõi trời, dưới thế gian chỉ có ta là tôn quí nhất”.

Kinh Đại Thiện Quyền nói: Bồ-tát đi trên đất bảy bước mà không đi tám bước là nêu bảy giác ý của bậc chánh sĩ. Đưa tay lên mà nói: ta ở đời nếu không hiện điềm này, ai nấy đều tự tôn thì ngoại đạo phạm chí phải đọa đường ác, đây là khéo thực hành phương tiện. Trời mưa hương thơm, chín rồng ở trên phun nước xuống tắm gội Bồ-tát.

Kinh Thụy Ứng Bản Khởi nói: Phạm Thích đứng hầu ở dưới, Tứ Thiên Vương ẵm Bồ-tát để trên, Tứ Thiên Vương ẵm Bồ-tát để trên ghế vàng. Kinh Tu Hành Bản Khởi nói: anh em Long vương bên trái thì mưa nước ấm, bên phải thì mưa nước lạnh. Phạm Thích dùng áo trời mặc cho Ngài. Năm trăm kho báu cùng lúc xuất hiện. Phạm Chí xem bói khắp khen muôn năm, liền đặt tên cho Thái tử là Tất-đạt, tiếng Hán gọi là Tài Cát. Năm ngàn thanh y đều sanh ra lực sĩ. Ngựa trắng sinh con lông trắng như tuyết, dê đẻ con đẹp, năm ngàn ngọc nữ đều đến hầu. Kinh Tu Hành Bản Khởi nói: Ở trong nước tám vạn bốn ngàn vị Trưởng giả đều sinh con trai, tám vạn bốn ngàn ngựa hay đều sinh con một màu lông toàn trắng, lông đuôi để xỏ hạt nên gọi là kiền-đặc. Người nài ngựa tên là Xiển-đặc. Kinh Thụy Ứng Bản Khởi nói: người hầu tên Xa-nặc, ngựa tên Kiền-trắc.

Bồ-tát sinh được bảy ngày thì mẹ mất. Vì sao? Vì Bồ-tát xét mẹ sắp mất nên mới đến hạ sinh. Khi có thai Bồ-tát thì các vị trời cúng

dường thức ăn của cõi trời nên không ăn thức ăn của thế gian nữa. Vốn phước phải như thế, Chư Phật xưa nay cũng đều như vậy. Thái tử sanh được bảy ngày thì mẹ mất được sinh lên cung trời Đao-lợi để hưởng phước. Có năm muôn vị Phạm Thiên đều cầm bình báu, và hai muôn người vợ ma cầm sợi báu để hầu mẹ Bồ-tát.

Kinh Thụy Ứng Bản Khởi nói: Bồ-tát vốn biết Đức của Mẹ không kham nhận được lễ ấy nên nhân lúc mẹ sắp mất mà đến gá sinh. Kinh Trường A-hàm nói: Phật Tỳ-bà-thi giáng thần vào thai mẹ, chuyên niệm bất loạn, an vui không sợ, thân mẹ chết rồi thì liền được sinh lên cõi trời Đao-lợi, đây là pháp thường hằng - Kinh Đại Thiện Quyền nói: sau khi sinh được bảy ngày thì mẹ mất, vì có phước nên sinh lên cõi trời, chẳng phải lỗi của Bồ-tát. Trước ở cung Đâu suất thấy biết Hoàng hậu Ma-da sắp mất chỉ còn có mười tháng bảy ngày nên mới giáng thần thọ sinh, ấy là Bồ-tát khéo léo phương tiện. Có người nói Thái tử tuổi nhỏ ai có khả năng nuôi dưỡng, chỉ có Đại Ái Đạo mới có khả năng nuôi lớn mà thôi. Đại Ái Đạo là dì của Thái tử, vốn thanh tịnh không có chồng con. Lúc đó, vua Bạch Tịnh mời Đại Ái Đạo đến nuôi dưỡng- Các quan tâu vua rằng: nghe ở núi Tuyết có tiên Phạm Chí tên là A-di-đầu, học rộng biết tướng pháp. Vua rất vui mừng bèn ngồi voi trắng đến chỗ A-di-đầu. Đạo Nhân khoác áo lông xem tướng Thái tử thấy có ba mươi hai tướng thân thể mầu vàng đỉnh đầu có nhục kế, tóc mầu xanh biếc, giữa hai đầu chân mày có sợi lông trắng, cổ có vòng sáng, mắt xanh, trên dưới đều đầy đặn, miệng có bốn mươi răng trắng đều bằng khít, hàm rộng, lưỡi dài, ngực sư tử, thân ngay ngắn, cánh tay ngón tay dài, mặt dưới chân bằng, gót đầy, bàn tay dầy mềm, dưới lòng bàn chân có hình bánh xe ngàn căm. Có mã âm tàng, chân nai, xương như móc xích, lông xoắn về bên phải, mỗi lỗ chân lông có một sợi lông, da mềm mại không dính bụi nước, ngực có chữ muôn. Tiên A-di-đầu thấy thế than thở, khóc lóc chẳng nói nên lời. Vua kinh hoàng hỏi có điềm chẳng lành chăng? Vị Tiên đáp rất tốt, không có gì bất lợi. Mừng cho Đại vương sinh được Thần nhân. Hôm qua trời đất rung chuyển vì việc này. Theo tướng pháp của tôi, vua sinh con có ba mươi hai tướng nếu ở tại gia thì làm vua Chuyển Luân, bảy báu tự đến. Nếu bỏ ngôi vua xuất gia thì tự nhiên thành Phật. Tôi tiếc rằng tuổi đã xế chiều, sau này không được gặp Phật, nên tự buồn khóc. Vua Tịnh Phạn bèn xây cung điện ba mùa, chọn năm trăm kỹ nữ toàn người đẹp có tài giỏi, thay nhau hầu hạ. Vua bảo Đại Ái Đạo ẵm Thái tử đến đền tế Trời. Thái tử ở đó cười nói vui vẻ, khi bước vào đền thì tất cả các tượng thần đều đứng dậy lạy Bồ-tát.

Thái tử lên bảy tuổi, dòng họ Thích đều theo ngồi xe dê đến chỗ thầy dạy học. Thầy tên là Tuyển Hữu. Bồ-tát tay cầm bút vàng, giấy chiên đàn viết chữ trên bàn minh châu, hỏi thầy Tuyển Hữu nay thầy dạy con sách nào? Thầy đáp: dạy cho Phạm Khư Lưu. Bồ-tát hỏi: sách lạ có sáu mươi bốn thứ, nay sao thấy nói có hai thứ. Thầy hỏi: đều có tên gọi là gì? Đáp: sách Phạm, sách Khư Lưu, sách Hộ Chúng, sách Tật Kiên, sách Long Quỉ, sách Kiền-tra-hòa, sách A-tu-luân, sách Lộ-luân, sách Thiên Phúc, sách Chuyển Số, sách Chuyển Nhãn, sách Quán Không, sách Nhiếp Thủ, trong sáu mươi bốn sách này lấy gì dạy nhau? Lúc đó thầy vui mừng nói kệ khen Bồ-tát. Vì các đồng tử, phân biệt từng điều một, các chữ gốc ngọn, khuyên phát Đạo ý Chánh Chân Vô Thượng.

Kinh Thụy Ứng Bản Khởi nói: Lúc đó, cách Thánh đã lâu bèn viết hai chữ đem hỏi thầy, thầy không hiểu bèn khơi dậy chí của Ngài.

Lúc đó, các Trưởng giả lực sĩ dòng họ Thích tâu với vua Bạch Tịnh rằng: nếu Thái tử thành Phật thì dứt mất giống Phật? Vua đáp: Phải cưới Vương nữ làm vợ Thái tử. Bồ-tát nghĩ rằng: ta chẳng vì tham dục ở trời Đâu-suất mà đến đây dùng quyền phương tiện để thử xem. Bèn sai thợ giỏi làm tượng vàng đề chữ rằng cô gái nào có đức nghĩa như ta lúc ban đầu thì sẽ cưới làm vợ. Lúc đó, vua Bạch Tịnh bảo: Hữu Phạm Chí vào nước Ca-di-vệ tìm kiếm khắp nơi. Phạm Chí thấy một ngọc nữ xinh đẹp như hoa sen. Vua hỏi: con gái của ai? Phạm Chí đáp: là con của dòng họ Thích Chấp Tượng. Vua nói: để tự nàng chọn. Bèn mời người đẹp đến giảng đường. Khi ấy, cô gái Câu-di đến chỗ Bồ-tát, ngắm nhìn Bồ-tát không nháy mắt. Bồ-tát mỉm cười, cầm bảo anh tặng Câu-di, nàng đáp “thiếp không thích vật báu, chỉ dùng công đức trang nghiêm. Vua sai Phạm Chí đến xin cưới cô gái ấy làm vợ. Họ thích Chấp Trượng nói tánh ta thích người có tài nghệ mới gả. Vua hỏi Bồ-tát có thi tài được chăng? Bồ-tát đáp: được. Vua bèn ra lệnh khắp nước giống trống khua chiêng thông báo bảy ngày nữa Thái tử thi tài. Người nào có tài đều đến thi, ai thắng sẽ gả công chúa cho. Do đó, Điều-đạt tay phải dắt voi tay trái đánh chết. Nan-đà thì ra cửa thành kéo thân voi chết dẹp qua bên đường. Bồ-tát ra khỏi cửa thành nói: để thây voi chết ở đây hôi thối lắm. Bèn đưa tay phải nâng thân voi quăng ra ngoài thành. Lúc đó, quan Đại thần là Viêm Quang có tài tính toán thuật thuật bậc nhất thì nói toán thuật cũng không ai bằng Bồ-tát. Các loại cây cỏ, từng giọt nước, mỗi thứ đều biết. Các thứ cờ vây, Xu Bồ, Lục Bác, Thiên Văn, Địa lý, tám muôn thuật lạ tất cả đều rành nhưng cũng không bằng Bồ-tát. Điều-đạt và Nan-đà muốn đánh nhau, Bồ-tát thương xót nhấc thân Điều-đạt

hất lên hư không quay ba vòng rồi rớt xuống nhưng không đau. Vua và dòng họ Thích muốn thi bắn tên. Điều-đạt để chiếc trống cách xa bốn mươi dặm, Nan-đà để xa sáu mươi dặm, Bồ-tát thì để xa một trăm dặm. Điều-đạt bắn đến trống thứ bốn mươi thì không qua được nữa, Nan-đà cũng chỉ bắn đến trống thứ sáu mươi thôi. Bồ-tát giương cung thì cung liền gãy. Hỏi: có cung khác để tôi dùng chăng? Vua nói: Tổ phụ ta có một cây cung kỳ lạ chưa ai bắn được, hiện để tại đền trời, sẽ mang đến. Tất cả dòng họ Thích đều không giương nổi cung. Bồ-tát thử kéo dây cung buông ra thì tiếng nghe vang khắp thành. Lắp tên vào thì bắn lủng đến chiếc trống cách xa một trăm dặm, mũi tên chui vào lòng đất khiến suối nước chảy ra. Trong núi Thiết vi cả ba ngàn cõi Tam Thiên đều rung chuyển. Tất cả dòng họ Thích quái lạ cho là chưa từng có. Bấy giờ, dòng họ Thích Chấp Trượng bèn gả con gái Câu-di cho Bồ-tát làm vợ. Thuận theo thói đời Bồ-tát cũng giả hiện tướng đùa vui.

Kinh Tu Hành Bản Khởi nói: Năm Thái tử mười bảy tuổi. Vua chọn nhiều cô gái đẹp nổi tiếng đều không vừa ý. Có một nước nhỏ tên Tu-ba-phất, Hán dịch là Thiện Giác có con gái tên là Câu-di rất đẹp, tám nước đến cầu hôn mà không được. Vua Bạch Tịnh mời đến bảo rằng: ta cưới con gái Ngài cho Thái tử. Thiện Giác buồn lo nếu không nhận lời thì nước sẽ bị đánh chiếm, nếu chấp thuận thì tám nước kia kết oán. Cô gái thưa với vua Bạch Tịnh rằng: ai thi tài giỏi nhất nước thì tôi sẽ làm vợ người ấy. Vua bèn ra lịnh cho các quan cùng ra hý trường. Thái tử ném voi và bắn trúng núi Thiết vi, Thiện Giác bèn đưa con gái đến cung Thái tử.

Kinh Thụy Ứng Bản Khởi nói: Năm Thái tử mười bảy tuổi. Vua chọn vợ cho có cả ngàn người, cuối cùng có một cô gái tên là Câu-di xinh đẹp bậc nhất, lễ nghi đầy đủ. Đó là cô gái bán hoa đời trước. Thái tử cưới về nhưng đã lâu không tiếp xúc. Người vợ có dục tình muốn gần gũi, Thái tử nói: thường có hoa đẹp đặt giữa ta và nàng cùng nhìn nhau chẳng tốt hay sao? Cầu-di liền sắm đủ hoa đẹp và muốn gần. Thái tử bảo: Hoa này làm dơ bẩn giường chiếu. Sau đó bảo rằng: có áo lót mình đặt ở đây, hai người cùng nhìn thấy chẳng tốt sao? Người vợ sắm đủ áo lót nhưng cũng có ý muốn gần. Thái tử nói: người nhơ uế sẽ làm dơ áo lót này. Người vợ chẳng dám gần gũi. Các thị nữ đều nghi là Thái tử là người bất năng nam. Thái tử chỉ tay vào bụng vợ bảo sáu năm sau sẽ sinh con trai, vì người vợ đã có mang.

Kinh Đại Thiện Quyền nói: Vì sao Bồ-tát mà có vợ? Bồ-tát vô dục nhưng thị hiện có vợ con để ngăn ngừa người nghi rằng Bồ-tát chẳng

phải đàn ông hay bị thiến, cho nên cưới vợ là Câu-di dòng họ Thích. La-vân thì ở trên cõi trời qua đời mà biến hóa xuống, không do cha mẹ tạo ra. Ấy là do bổn nguyện của Bồ-tát mà được như thế.

Lúc đó, vua Bạch Tịnh nghĩ rằng: Thái tử muốn dạo chơi, bèn ra lịnh sửa sang dọn dẹp đường phố chớ để Thái tử thấy việc bất tịnh mà không vừa ý. Lúc đó, Thái tử ra cửa thành Đông. Do oai thần của Bồ-tát lập ra mà các vị trời hóa thành người già tóc bạc răng rụng, mắt mờ tai điếc, chống gậy mà đi. Bồ-tát biết mà hỏi rằng: đây là ai? Người hầu thưa: đây là người già. Bồ-tát nói mạng người ngắn ngủi cũng như dòng thác đổ, chẳng trở lại được. Không chỉ riêng người này mà cả thiên hạ đều như thế. Rồi trở về cung thương xót khắp mười phương. Bồ-tát lại ra cửa thành nam, giữa đường gặp một người bệnh, mình mẩy gầy đét, nước trong bụng chảy ra, nằm bên vệ đường. Người hầu thưa: đây là người bệnh, mạng sống chỉ còn chốc lát. Bồ-tát nói: Muôn vật vô thường có thân thì có khổ, ta cũng phải như thế. Rồi trở về cung. Sau lại dạo chơi cửa thành Tây, thấy một người chết, bà con ngồi cạnh khóc lóc thảm thiết. Bồ-tát hỏi người này là ai? Người hầu đáp: đây là người chết. Người có sinh ra thì phải có chết, cũng như mùa xuân phải có mùa đông, người và vật một thứ nếu không sinh ra thì không chết. Bồ-tát nói hễ người chết thì rất đau đớn, là nơi tinh thần nương vào đó. Ta thấy người chết cơ thể tan hoại mà tinh thần không mất. Ta chẳng thể lấy cái chết mà thọ sinh qua lại năm đường, cực nhọc tinh thần. Rồi liền trở về cung. Hôm khác, lại ra cửa thành Bắc thì thấy một vị Sa-môn y phục ngay ngắn, tay ôm bình bát. Bồ-tát hỏi: đây là ai. Người hầu thưa: đây là Tỳ-kheo vì bỏ tình dục, các điều nhơ khó dính mắc, sạch như không, từ tâm thương xót tất cả, muốn độ mười phương. Bồ-tát nói: Lành thay, chỉ đây là hợp với ý ta. Bồ-tát thầm nghĩ: Ta chẳng từ biệt vua cha mà lén đi xuất gia. Lúc đó, đêm yên ắn, Bồ-tát vào cung điện vua, ánh sáng chiếu gần xa. Cha vừa thức giấc, bèn thưa rằng: các trời khuyên con nên đi xuất gia. Vua cha buồn rầu, con muốn điều gì? Lúc nào trở về? Bồ-tát nói: muốn được bốn điều: Một là không già, hai là không bệnh, ba là không chết, bốn là không chia lìa. Nếu cha cho bốn điều ấy thì con sẽ không xuất gia. Vua nghe càng buồn. Bốn điều mong này xưa nay chưa hề có được. Sáng hôm sau, vua liền ra lệnh năm trăm người lực sĩ ngày đêm hầu hạ canh giữ Bồ-tát, bốn cửa thành khi đóng mở thì tiếng vang xa bốn mươi dặm. Lúc đó, vào lúc nửa đêm, Bồ-tát thấy các kỹ nữ thân thể bày ra như cây chuối, đầy nước mũi nước mắt, đờn sáo bỏ ngang dọc. Nhìn vợ thì thấy có đủ hình thể nhưng não tủy

tim gan phổi ruột do lớp da bọc bên ngoài, bên trong hôi thúi, chỉ tạm gá vào nhau chẳng được bao lâu. Ba cõi không chỗ nương cậy, chỉ có Đạo là chỗ nương nhờ. Các tầng trời cõi dục đứng trên hư không, có vị Thiên tử bạch Bồ-tát rằng: giờ khắc đã đến, sao (mai) vừa mọc. Bèn gọi Xa-nặc sửa soạn ngựa kiền-trắc. Nói xong thì Tứ Thiên Vương cùng vô số duyệt-xoa rồng v.v... đều mặc áo giáp từ bốn phương nhóm họp đến, cúi đầu lạy Bồ-tát. Trong thành nam nữ đều ngủ mê, các loài chim công cũng đều ngủ mê.

Kinh Tu Hành Bản Khởi nói: các vị trời nói: Thái tử mau nên đi, sợ bị giữ lại. Bèn mời Ô-tô-mạn, Hán dịch là thần ngủ mê, vừa đến thì mọi người trong cung đều ngủ mê. Xa-nặc lo lắng cửa thành đóng rồi ai mở ra được. Các quỉ thần A-tu-luân v.v... bèn đến mở cửa, bốn vị Thần nâng chân ngựa, Thiên-đế dẫn đầu, phát ra ánh sáng thanh tịnh rực rỡ đưa đến cây Phật. Đến sáng, Câu-di thức dậy không thấy Thái tử liền gieo mình xuống đất, than khóc rằng nay Thái tử bỏ ta mà đi đến chỗ nào?

Kinh Thụy Ứng Bản Khởi nói: Vua tự đến ruộng lúa, từ xa thấy Thái tử ngồi dưới tàng cây. Vua sửng sốt như người ngủ mới thức, sợ sệt xuống ngựa đảnh lễ. Thái tử lạy nói: nay chính là con, Đại vương sao uổng công đến đây, khi đắc Đạo rồi con sẽ trở về, không quên lời thề xưa. Bồ-tát cởi áo báu giao cho Xa-nặc về thưa với vua cha và Xá-di "nếu thành Chánh giác thì sẽ trở về". Xa-nặc khóc như mưa, ngựa trắng quì xuống đất liếm chân Bồ-tát. Vua thấy Xa-nặc đem áo báu và ngựa trắng trở về mà không thấy Thái tử thì gieo mình xuống đất, bảo: con ta giờ đây sao đến nỗi như thế! Câu-di buồn khóc ôm cổ ngựa trắng hỏi Thái tử cỡi ngươi sao chỉ một mình ngươi trở về. Vua nghĩ Bồ-tát chẳng bỏ ý muốn, bèn bảo khắp các Đại thần dắt con trai, ẵm cháu đến cùng đùa vui, bảo: ta có một con trai bỏ ta đi vào núi, nay chọn con cháu các ngươi năm người theo hầu Thái tử. Nếu bỏ về nửa chừng ta sẽ giết chết cả họ. Năm người đuổi theo mà không kịp. Bèn nghĩ thôi thì làm người ẩn dật, trở về sẽ bị giết cả họ, ở đây rau quả nước suối không thiếu. Bồ-tát muốn làm Sa-môn bèn vào rừng sâu. Thiên Vương cầm dao cạo tóc, Đế-thích nhận lấy tóc, liền thành Sa-môn, nhục kế hiện ra. Kinh Đại Thiện Quyền nói: Bồ-tát tự cạo tóc, các trời rồng thần không nhìn thấy được đỉnh huống chi là cạo tóc. Bồ-tát nghĩ vua Bạch Tịnh nghe ai cạo tóc con mình chắc chắn sẽ nổi giận. Nếu nghe con tự cạo thì sẽ im lặng, đó là phương tiện. Bồ-tát đến bờ sông Ni-liên, ở chỗ vắng vẻ mà suy nghĩ tư suốt sáu năm, tu các hạnh khổ, ngày ăn một hạt mè, hạt gạo,

ngồi kiết già không nghiêng ngã. Mưa lớn sấm chớp mùa đông mùa hạ vẫn ngồi yên, không hề lấy tay che chắn. Mọi người lấy làm lạ lấy cỏ chọc vào mũi vào tai cũng không động.

Kinh Thụy Ứng Bản Khởi nói: Bồ-tát lấy cỏ trải đất, chắp tay nhắm mắt tự thệ rằng: dầu ta thịt xương rả nát, nếu không thành Phật thì không bao giờ đứng dậy. Thiên thần dâng thức ăn, Bồ-tát chẳng nhận. Trời khiến chung quanh tự nhiên có cháo sữa, mà ngày chỉ ăn một hạt mè, hạt gạo để nối tiếp tinh khí mà ngồi suốt sáu năm. Kinh Quán Phật Tam-muội nói: ngồi dưới cây thân hình gầy ốm, chỉ có ánh sáng mầu vàng càng hiệm rõ, xương gân chống đỡ nhau. Sau sáu năm tâm tự nghĩ rằng nay đem thân ốm gầy đến cây Phật, đời sau sẽ có người cho rằng do đói mà được Đạo. Bèn ăn uống lại để thân thể bình phục, sau mới thành Phật. Lúc đó, có con gái của vị Trưởng giả đã có chồng sinh con trai, lòng rất vui mừng có nuôi bò để lấy sữa, đã chọn sữa ngon nấu cháo để cúng Thần. Cô gái hầu vào rừng thấy Phật ngồi, không biết là vị thần nào, bèn về thưa lại rằng: Có thần ngồi dưới gốc cây dáng vẻ oai nghiêm đẹp lạ. Cô gái vui mừng đến múc sữa từ nồi ra thì cháo sữa văng cao hơn trượng không thể lấy được, cô gái lấy làm lạ thì trên hư không có tiếng nói rằng: Có Đại Bồ-tát đã từ đứng dậy khỏi chỗ ngồi, nhà ngươi có nguyện mau đem cháo đến cúng dường trước, sẽ thành Chánh giác. Cô gái nghe tiếng các vị trời nói bèn múc sữa đầy bát vàng. Bồ-tát ở bên sông Ni-liên dùng thần thông xuống sông tắm gội. Trời Đâu-suất dâng ca sa cõi trời cho Bồ-tát mặc vào đứng bên sông Ni-liên, cô gái con Trưởng giả dâng cháo sữa rồi lạy dưới chân. Bồ-tát cùng cháo sữa xong biết khí lực đầy đủ. Đến chỗ cây Phật ở bên đường, có một người tên là Cát Tường có cỏ xanh mềm mại không rối. Bồ-tát đến nói ta muốn dùng cỏ nầy. Vừa trải cỏ ngồi thì mặt đất rung chuyển. Các vị trời hóa thành tám vạn cây Phật, có tòa sư tử, có cây cao tám ngàn dặm hoặc bốn ngàn dặm. Mỗi vị trời đều thầm mong Phật ngồi trên tòa mình mà không ngồi trên tòa khác. Chúng sinh thấp kém phước mỏng thì thấy thân Bồ-tát ngồi trên nệm cỏ. Bồ-tát ngồi xong bèn nghĩ ma Ba-tuần rất tôn quí, nay ta thành Vô Thượng Chánh Giác, sẽ cùng đến đây mà hàng phục nhiếp hóa ta, bấy giờ bèn khởi chúng sinh ba cõi. Lúc đó, Bồ-tát ngồi dưới cây Phật.

Kinh Thọ Thai nói: ngồi dưới cây Diêm-phù ba mươi tám ngày nhìn cây mà suy nghĩ, cảm động trời đất đều rung chuyển sáu cách, phát ra ánh sáng rực rỡ, bao trùm các cung điện ma. Lúc đó, ma Ba-tuần đang nằm ngủ mộng thấy ba mươi hai thứ thần biến, cung điện tối đen

dơ uế, rơi vào đường tà. Nước ao khô cạn, các nhạc khí bể nát, đầu các quỉ Duyệt-xoa đều rơi xuống đất. Các vị trời bỏ đi không nghe lời dạy. Thức dậy vô cùng sợ sệt bèn nhóm họp các Đại thần và binh chúng, kể lại điềm mộng, hỏi làm cách nào để đối phó. Quỷ bèn triệu tập ngàn người con, nhưng hết năm trăm người đã tin theo Bồ-tát, chỉ còn năm trăm người con vẫn còn hung ác nghe theo lời ma. Ma vương rối ruột bảo bốn cô con gái: 1/ Dục Phi, 2/ Duyệt Bỉ, 3/ Khoái Quán, 4/ Kiến Trùng. Các con hãy đến chỗ hắn ta mà mê hoặc phá rối. Các cô con gái liền đến chỗ Bồ-tát nói ngọt làm nũng, liếc mắt tình tứ, lộ bày đùi ngực, làm các tiếng chim kêu. Ma nữ rất khéo mê hoặc dụ dỗ rằng: chúng tôi đang ở tuổi xuân thì đẹp hơn ngọc nữ, nguyện sớm tối luôn hầu hạ Ngài. Bồ-tát đáp rằng: các ngươi có phước đời trước nên được hưởng phước trời, thân hình đẹp đẽ nhưng tâm địa xấu xa, chỉ là túi da chứa vật hôi thúi đến đây làm gì? Đi đi ta không cần. Ma nữ bỗng biến thành các mụ già, liền trốn mất. Kinh Quán Phật Tam-muội nói: ma có ba con gái đứa lớn là Duyệt Bỉ, đứa kế là Hỷ Tâm, đứa út là Đa Mị thưa với cha rằng: Chúng con sẽ đến phá rối xin cha chớ lo. Rồi tự trang điểm hơn cả ma hậu gấp ngàn muôn lần, liếc mắt làm nũng đi nhiễu quanh Bồ-tát bảy vòng, kính lễ bạch rằng: Thái tử ngàyxưa các quan hầu hạ, sao bỏ ngôi trời mà đến ngồi dưới cây này. Chúng tôi là thiên nữ đẹp nhất sáu tầng trời, nay đến đây hầu hạ Thái tử. Chúng tôi rất giỏi xoa bóp nay muốn gần gũi, ngồi lâu dưới cây thân thể mệt mỏi sẽ chết tức khắc, lại ăn các thứ cam lồ đựng trong bình báu, thức ăn cõi trời trăm thứ thơm ngon. Nhưng Thái tử vẫn ngồi im, thân tâm không động. Từ sợi lông trắng giữa hai đầu chân mày phát ra ánh sáng khiến ma nữ tự thấy thân mình máu mủ nhầy nhụa, chín lỗ ứa nước, sinh tạng thục tạng rõ ràng, đầy dẫy giòi tửa lúc nhúc chui rúc, cắn hút các tạng v.v... Các ma nữ thấy thế thì ghê tởm nôn ói. Bỗng trên thân bên trái hiện đầu rắn, bên phải hiện đầu chồn, ở giữa là đầu chó, cõng mụ già trên lưng tay ôm thây đứa trẻ chết. Các ma nữ sợ quá bỏ chạy. Cúi đầu nhìn rún thấy thân xấu xí hôi thúi. Lại thấy các con sâu có hình chiếc vòng tay, xúm xít đeo dính mà có rất nhiều miệng sinh ra các độc, cắn hút nữ căn. Các ma nữ thấy vậy tâm rất chua xót như tên bắn vào tim, lủi thủi mà đi. Về than thở trước ma cha. Ma độc càng mạnh bèn nhóm họp bốn bộ mười tám ức chúng, biến thành các loài sư tử, cọp, beo, gấu, khỉ hoặc thú đầu người mình rắn, xô núi phun lửa, sấm chớp bốn bề, tay cầm giáo mác, Bồ-tát từ tâm mảy may không động, mặt mày sáng tươi đẹp đẽ, quân ma chẳng dám đến gần.

Kinh Quán Phật Tam-muội nói: Ma vương giận dữ, ra lệnh sáu tầng trời và tám bộ hãy đến chỗ Cù-đàm. Lúc đó, các quỉ như mây bay đến. Hoặc có các quỉ đầu như đầu trâu, đầu bốn mươi tai, có thêm mũi tên sắt bắn ra khắp nơi. Hoặc có các quỉ đầu như đầu chồn, có mười ngàn mắt, tiếng gầm rống như sấm sét. Quỉ thần đồng trống, các đại tướng quân, v.v... một cổ sáu đầu, bụng có sáu mặt, đầu gối có hai mặt, mình có lông như mũi tên, lắc mình thì bắn vào người, mắt mở đỏ quạch có máu chảy ra, liền vội chạy đến. Ma bảo các quỉ. Cù-đàm là người lành, có thể biết thần chú, phải chống bốn thứ binh hóa binh, bèn hoá thành, bèn hoá thành bốn binh như rừng cây, mới làm sợ hãi được, từ trên hư không xuống bên cây Đạo. Ma lại nghĩ: “Nếu chúng này không hàng phục được Cù-đàm thì hãy lột mũ báu ném xuống đất”. Bèn đến cung điện vua Diêm-la bảo các quỉ rằng: Ngục tốt các ngươi và vua Diêm-la ở ngục A-tỳ, dao kiếm kích vòng lửa, xe lửa, lò than tất cả đều mang đến Diêm-phù-đề. Ma vương thổi còi ra lệnh các binh ma mau hại Cù-đàm. Trên thì sấm sét mưa lửa và hoàn sắt nóng rơi xuống, dao kiếm vũ khí che rợp hư không, tên lửa bắn ra, nhưng không đến gần được Bồ-tát. Khi ấy, Bồ-tát từ giữa hai đầu chân mày phát ra luồng sáng đến địa ngục A-tỳ khiến các người tội thấy sợi lông trắng phun nước, khiến lửa lớn tạm tắt, tự nhớ được tội ác đời trước của mình, tâm được mát mẻ, xưng Nam-mô Phật. Nhờ đó, nhân duyên tạo tội hết, liền được sinh làm người, ma thấy thế liền buồn rầu trở về cung, ánh sáng trắng phát ra soi thẳng đến sáu tầng trời cõi dục, thấy trong lỗ lông trắng có bảy Đức Phật quá khứ đứng trên hoa sen báu. Như thế ánh sáng chiếu đến bảy tầng trời cõi vô sắc, chiếu khắp tất cả như gương pha lê. Tám mươi bốn ngàn thiên nữ thấy thân ma Ba-tuần như cây khô chỉ nhìn Bồ-tát phát ra ánh sáng từ sợi lông trắng. Vô số Thiên tử, thiên nữ đều phát Đạo ý sinh tâm Bồ-đề.

Ma vương từ trước gây khó dễ cho Phật, Bồ-tát dùng năng lực trí tuệ đưa tay vỗ đất, đất liền rung chuyển, ma và cung thuộc ngả nghiêng mà rơi đổ. Hàng phục ma oán xong thì thành chân Chánh giác.

- Hữu tôi xét thấy: pháp thân vô hình, các hữu đã diệt, giác trí không khởi. Muôn vọng động đều lặng yên mà hiện có thác sinh, giáng thần thai hóa là sao? Ấy là nương duyên lớn để ứng tục, dùng năng lực bổn thệ để hoằng Từ. Cho nên có thể vận quyền Bát-nhã, dùng thế Thủ-lăng mà hồi linh Đâu-suất, diệu hóa xích trạch, đào huyện chẳng phải ta mà lợi ích do vật, há nói voi có nghĩ bàn mà nói được cái cùng cực. Cho nên vì nhiếp thọ loài chúng sinh mà phải ở ngôi cao, dẹp các

khoe khoang nên thi thố tài ba, dứt hết lưới ái nên bỏ nước vào túi, hiển bày pháp tôn quí nên cây đạo hàng ma, các dấu vết lạ là nhằm trấn áp tục, ứng thể viên thông mà tùy phương biến hiện, pháp thân vắng lặng bất động không hề khởi diệt. Song thói đời quen trệ, cho tích là chân, muốn quán Như lai mà lạc đường càng xa. Cho nên kinh Niết bàn nói: Nếu nói Bồ-tát ở cung vua Bạch Tịnh nhờ cha mẹ sinh và nuôi thân thì đó là ma nói, bởi đó là chứng tích mà mê bản, nều Bản tích cùng chiếu, quyền thật đều sáng thì xem kinh vô ngại, pháp thân sẽ thấy.

V. GIA PHẢ VỀ ĐIỂM ĐỒNG KHÁC GIỮA DÒNG HỌ THÍCH CA VỚI BẢY ĐỨC PHẬT

(Xuất xứ từ Trường A-hàm)

Phật bảo các Tỳ-kheo ở thời quá khứ cách nay chín mươi mốt kiếp có Đức Phật tên là Tỳ-bà-thi Như Lai Chí Chân xuất hiện ở đời. Lại ở quá khứ cách nay ba mươi mốt kiếp có Phật tên là Thi-khí Như Lai xuất hiện ra đời. Lại trong ba mươi mốt kiếp đó có Đức Phật tên là Tỳ-xá-bà Như lai Chí Chân xuất hiện ở đời. Lại nữa, trong kiếp hiền này có Phật tên là Câu-lâu-tôn, lại tên là Câu-na-hàm, lại tên là Ca-diếp. Nay ta cũng ở trong kiếp hiền mà thành Tối Chánh Giác (tên là Thích-ca)

Trong thời Phật Tỳ-bà-thi con người sống lâu tám muôn tuổi, thời Phật Thi-khí người sống bảy muôn tuổi, thời Phật Tỳ-xá-bà người sống sáu muôn tuổi, thời Phật Câu-lâu-tôn người sống bốn muôn tuổi. Thời Phật Câu-na-hàm người sống ba muôn tuổi, thời Phật Ca-diếp người sống hai muôn tuổi. Nay ta đời người sống một trăm tuổi, ít người hơn, nhiều người giảm, Phật Tỳ-bà-thi, Phật Thi Khí, Phật Tỳ-xá-bà xuất thân từ dòng Sát-lợi, họ là Câu-lợi-nhã. Phật Câu-lâu-tôn, Phật Câu-na-hàm và Phật Ca-diếp thì xuất thân từ dòng Bà-la-môn, họ là Ca-diếp. Còn ta Như lai Chí chân thì thuộc dòng Sát-lợi, họ Cù-đàm.

Phật Tỳ-bà-thi ngồi ở dưới cây Ta-la mà thành Tối Chánh giác. Phật Thi-khí ngồi dưới cây phân-đà-lợi mà thành Tối Chánh giác. Phật Tỳ-xá-bà ngồi dưới cây ba-la mà thành Tối Chánh giác. Phật Câu-lâu-tôn ngồi dưới cây thi-lợi-sa mà thành Tối Chánh giác. Phật Câu-na-hàm ngồi dưới cây ô-tạm Bà-la-môn mà thành Tối Chánh giác. Phật Ca-diếp ngồi dưới cây ni-câu-luật mà thành Tối Chánh giác. Nay ta Như lai Chí Chân ngồi dưới cây bát-đa mà thành Tối Chánh giác.

Tỳ-bà-thi Như lai ba hội nói pháp. Hội thứ nhất đệ tử có mười sáu muôn tám ngàn người (một trăm sáu mươi tám ngàn). Hội thứ hai có

mười muôn người (một trăm ngàn), hội thứ ba đệ tử có tám muôn người (tám mươi ngàn) – Thi-khí Như lai cũng ba hội nói pháp. Hồi thứ nhất đệ tử có mười muôn người (một trăm ngàn), hội thứ hai đệ tử có tám muôn người (tám mươi ngàn), hội thứ ba đệ tử có bảy muôn người (bảy mươi ngàn) - Tỳ-xá-bà Như lai có hai hội nói pháp. Hội thứ nhất đệ tử có bảy muôn người (bảy mươi ngàn), hội thứ hai đệ tử có sáu muôn người (sáu mươi ngàn). - Câu-lâu-tôn Như lai có một hội nói pháp, đệ tử có bốn muôn người (bốn mươi ngàn) - Câu-na-hàm Như lai có một hội nói pháp, đệ tử có ba muôn người (ba mươi ngàn)- Ca-diếp Như lai có một hội nói pháp, đệ tử có hai muôn người (hai mươi ngàn), nay ta một hội nói pháp, đệ tử có một ngàn hai trăm năm mươi người.

Phật Tỳ-bà-thi có hai vị đệ tử: một tên Khiên-đồ, hai tên Đề-xá, là bậc nhất trong các đệ tử . Phật Tỳ-bà-thi có hai đệ tử: một tên A-tỳ-phù, hai tên Tam-bà-bà, là bậc nhất trong các đệ tử - Phật tỳ-xá-bà có hai đệ tử: một tên Phù-du, hai tên Uất-đa-ma là bậc nhất trong các đệ tử. Phật Câu-lâu-tôn có hai đệ tử: một là tân Tát-ni, hai tên Tỳ-lâu, là bậc nhất trong các đệ tử. Phật Câu-na-hàm có hai đệ tử: 1/ Thư-bàn-na, 2/ Uất-đa-lâu là bậc nhất trong các đệ tử. Phật Ca-diếp có hai đệ tử: 1/ Đề-xá, 2/ Bà-la-bà là bậc nhất trong các đệ tử. Nay ta có hai đệ tử: một tên Xá-lợi-phất, hai tên Mục-kiền-liên là bậc nhất trong các đệ tử.

Phật Tỳ-bà-thi có vị đệ tử chấp sự tên là Vô Ưu, Phật Thi-khí có vị đệ tử chấp sự tên là Nhẫn Hạnh, Phật Tỳ-xá-bà có vị đệ tử chấp sự tên là Tịch Diệt. Phật Câu-lâu-tôn có vị đệ tử chấp sự tên là Thiện Giác. Phật Câu-na-hàm có đệ tử Chấp sự tên là An Hòa. Phật Ca-diếp có vị đệ tử chấp sự tên là Thiện Hữu, Còn đệ tử chấp sự của ta tên là A-nan.

Phật Tỳ-bà-thi cóngười con tên là Phương Dung - Phật Thi-khí có người con tên là Vô Lượng. Phật Tỳ-xá-bà có người con tên là Diệu giác, Phật Câu-lâu-tôn có người con tên là Thượng Thắng, Phật Câu-na-hàm có người con tên là Đạo Sư, Phật Ca-diếp có người con tên là thắng Quân, còn ta có người con tên là La-hầu-la.

Phật Tỳ-bà-thi có người cha tên là Bàn-đầu, dòng vua Sát-lợi, mẹ tên là Bàn-đầu-bà-đề, thành vua tên là Bàn-đầu-ba-đề; Phật Thi-khí có cha tên là Minh Tướng, dòng vua Sát-lợi, mẹ tên là Quang Diệu, thành vua tên là Quang Tướng; Phật Tỳ-xá-bà có cha tên là Thiện Đăng, dòng vua Sát-lợi, mẹ tên là Xứng Giới, thành vua tên là Vô Dụ; Phật Câu-lâu-tôn có cha tên là Lễ Đắc, dòng Bà-la-môn, mẹ tên là Thiện Chi, vua tên là An Hòa. Đặt theo tên vua nên tên thành cũng là An

Hòa; Phật Câu-na-hàm có cha tên là Nội Đức, dòng Bà-la-môn, mẹ tên là Thiện Thắng, lúc đó cõi nước tên Thanh Tịnh nên thành cũng tên Thanh Tịnh; Phật Ca-diếp cha tên là Phạm Đức, dòng Bà-la-môn, mẹ tên là Tài Chủ, lúc đó vua tên là Ba-tỳ, thành vua tên là Ba-la-nại; Phật Thích-ca, cha tên là Tịnh Phạn, dòng vua Sát-lợi, mẹ tên là Đại Thanh Tịnh Diệu, thành vua tên là Ca-tỳ-la-vệ.

Kinh Quán Phật Tam-muội nói: Phật Tỳ-bà-thi thân cao sáu mươi do-tuần, có vầng ánh sáng tròn rộng một trăm hai mươi do-tuần. Phật Thi-khí thân cao bốn mươi hai do-tuần, có vầng ánh sáng tròn rộng bốn mươi lăm do-tuần, ánh sáng quanh thân rộng một trăm do-tuần. Phật Tỳ-xá-bà thân cao ba mươi hai do-tuần, vầng ánh sáng tròn rộng bốn mươi hai do-tuần, ánh sáng quanh thân sáu mươi hai do-tuần. Phật Câu-lưu-tôn thân cao hai mươi lăm do-tuần, vầng ánh sáng tròn rộng ba mươi hai do-tuần, ánh sáng quanh thân rộng năm mươi hai do-tuần. Phật Câu-na-hàm Mâu-ni thân cao hai mươi do-tuần, vầng ánh sáng tròn rộng ba mươi do-tuần, ánh sáng quanh thân rộng bốn mươi do-tuần. Phật Ca-diếp thân cao mười sáu trượng, Phật Thích-ca Mâu-ni thân cao một trượng sáu, vầng ánh sáng rộng bảy tấc, thân Phật đều có mầu vàng ròng.

Hữu xét: Bảy Đức Phật nối nhau, hóa Tích đều khác. Pháp thân thì bình đẳng không có hơn kém, vì nghiệp chúng sinh khác nên ứng hiện khác nhau mà thôi. Do đó, Đức Thích-ca ra đời thân tướng có mầu vàng ròng mà cả ngàn Tỳ-kheo đều thấy mầu đỏ, mười sáu tín sĩ nói thấy mầu xám. Mầu sắc là do họ có khác, Chư Phật thì luôn đồng nhất. Theo đây mà nói thì không mê lầm.

VI. GIA PHẢ VỀ ĐỨC THÍCH CA ĐỒNG VỚI BA NGÀN VỊ PHẬT

(Xuất xứ từ kinh Dược Vương Dược Thượng Quán).

Phật Thích-ca Mâu-ni bảo đại chúng rằng: Ta từ xa xưa, cách nay vô số kiếp, ở trong thời Mạt tháp của Phật Diệu Quang, xuất gia học đạo nghe năm mươi ba danh hiệu Phật, nghe xong chắp tay tâm rất vui mừng, lại dạy khuyên người khác lắng nghe tụng trì. Người khác nghe xong cùng xoay vần bảo nhau đến ba ngàn người. Ba ngàn người này khác miệng đồng tiếng xưng niệm danh hiệu Chư Phật và nhất tâm kính lễ, nhờ năng lực nhân duyên công đức nầy mà siêu thoát được tội trong vô số kiếp sinh tử. Trong ngàn người thì Phật Hoa Quang đứng đầu,

cuối cùng là Tỳ-xá đều được thành Phật đạo ở kiếp Trang Nghiêm, đó là một ngàn Đức Phật quá khứ. Trong các Đức Phật nầy thì Phật Câu-lưu-tôn đứng đầu, cuối cùng là Lâu-chí Như lai ở trong kiếp hiền mà thứ lớp thành Phật. Trong ngàn Phật sau thì Nhật Quang Như lai đứng đầu cuối cùng là Tu-di Tướng, sẽ được thành Phật trong kiếp Tinh Tú. Hiện tại Chư Phật mười phương như Thiện Đức Như lai, v.v... cũng được nghe danh hiệu năm mươi ba Đức Phật ấy, cho nên ở các thế giới mười phương đều được thành Phật. Năm mươi ba danh hiệu Phật ở quá khứ là trong kinh Dược Vương Dược Thượng Quán, còn tên ba ngàn Phật là Kinh chư Phật tập Công Đức Hoa. Còn ngàn Đức Phật có tên danh hiệu, cõi nước, dòng họ, cha mẹ, đệ tử quyến thuộc, chúng hội năm tháng là trong kinh Hiền Kiếp. Thích-ca là Phật thứ bốn trong một ngàn vị Phật ở kiếp Hiền.

Tăng Hữu Xét thấy: Duyên cảm của Đại giác rất chí cực. Hễ nghe danh mà kính lễ thì thắng nghiệp khởi lên trong phút giây, y cứ vào tâm mà hóa tưởng thì quả mầu sẽ thành trong nhiều kiếp. Cho nên năm mươi ba danh hiệu Phật nghe thì liền sạch hết các bụi nhỏ. Ba ngàn vị Chí chân ánh sáng khắp Hằng sa, tuy chấp tay là nhân xa nhưng báo của thọ Vương thì rất gần. Lễ bái khen ngợi chẳng lẽ là vô ích hay sao?

VII. GIA PHẢ VỀ DANH HIỆU VÀ DÒNG DÕI NỘI NGOẠI CỦA ĐỨC THÍCH CA

(Xuất xứ từ kinh Trường A-hàm).

- Vua Thi-hưu-la họ Thích có bốn con: (Đây là theo luật Di-sa-tắc, Còn kinh Trường A-hàm, luật Đàm-vô-đức, luận Đại Trí thì nói Sư Tử Giáp sinh ra vua Tịnh Phạn).

1/ Tịnh Phạn, 2/ Bạch Phạn, 3/ Hộc Phạn, 4/ Cam Lộ Phạn

- Tịnh Phạn có hai người con: một là Bồ-tát (Tất-đạt-đa), hai là Nan-đà

- Bạch Phạn có hai người con: một là Ma-ha-nam, hai là A-na-luật

- Cam Lộ Phạn có hai người con: một là Bà-bà, hai là Bạt-đề.

- Điều-đạt sinh ngày bảy tháng bốn vào giờ ăn trưa, thân cao một trượng năm thước bốn tấc - Bồ-tát sinh ngày tám tháng bốn (nay cho là mười lăm tháng bốn) vào nửa đêm khi sao mai vừa mọc, thân cao một trượng sáu thước - Em của Phật là Nan-đà sinh ngày chín tháng bốn, thân cao một trượng năm thước bốn tấc, A-nan sinh ngày mười tháng

bốn, thân cao một trượng năm thước ba tấc.

- Họ ngoại của Bồ-tát ở cách thành Ca-duy-la-duyệt (Ca-tỳ-la-vệ) tám trăm dặm, họ Cù-đàm, làm vua nước nhỏ một trăm muôn hộ, tên là vua Nhất Ức. Vợ Bồ-tát họ Cù-đàm, Trưởng giả Xá-di tên là Thủy Quang, mẹ vợ tên là Nguyệt Nữ có một ngôi thành lớn ở gần bên. Khi sinh con gái lá lúc mặt trời sắp lặn, còn chút ánh nắng chiếu sáng nhà cửa, do đó đặt tên là Cù-di, là vợ thứ nhất của Thái tử.

- Vợ thứ hai của Thái tử sinh ra La-vân tên là Da-duy-đàn (Da-du-đà-la), cha là Trưởng giả Di Thí.

Tăng Hữu xét thấy: các kinh Thụy Ứng Bản Khởi, Thiện Quyền và luận Đại Trí đều nói La-hầu-la là con do Câu-di sinh ra, chỉ có kinh Thập Nhị Du nói: là vợ thứ hai của Thái tử. Vậy theo số đông thì thấy kinh Thụy Ứng nói là đúng.

- Vợ thứ ba của Thái tử tên là Lộc-dã, cha tên là Trưởng giả họ Thích. Vì có ba vợ nên vua lập ra điện ba mùa, có hai muôn thể nữ hầu hạ. Vì Thái tử sẽ làm vua Già-ca nên ba điện có đến sáu muôn thể nữ.

Tăng Hữu xét thấy: Đấng Đại giác hiện thân đều theo phép thế tục, cho nên việc cưới vợ sinh con để nối dõi tùy duyên mà rộng mở đó thôi.

VIII. GIA PHẢ VỀ CÁC ĐỆ TỬ CỦA PHẬT THÍCH CA

(Xuất xứ từ kinh Tăng Nhất A-hàm).

Phật bảo các đệ tử rằng: có bốn con sông lớn đều bắt nguồn từ suối A-nậu-đạt chảy ra, đó là sông Hằng-già, sông Tân-đầu, sông Bà-xoa, và sông Tư-đà-ba. Sông Hằng-già chảy về phía Đông, ra cửa Ngưu-đầu - Sông Tân-đầu chảy về phía Tây, ra cửa Tượng - Sông Bà-xoa chảy về phía Bắc, ra cửa Mã. Lúc đó, bốn sông này chảy quanh ao A-nậu-đạt, rồi Hằng-già ra biển Đông, Tân-đầu ra biển Nam, Bà-xoa ra biển Tây, Tư-đà ra biển Bắc. Khi bốn sông lớn chảy ra biển thì không còn tên gọi cũ mà đồng gọi là Biển. Đây cũng có bốn dòng họ là Sát-lợi, Bà-la-môn, Trưởng giả, cư sĩ. Ở Như lai khi đã cạo râu tóc mặc ba pháp y xuất gia học đạo rồi thì không còn dòng họ, chỉ gọi là Sa-môn đệ tử Phật Thích-ca. Vì sao? Vì chúng của Như lai cũng như biển lớn. Bốn Đế cũng như bốn sông lớn, dứt bỏ kiết sử mà vào thành Vô Úy Niết-bàn. Cho nên các Tỳ-kheo có bốn dòng họ khi cạo bỏ râu tóc giữ niềm tin cho vững chắc, xuất gia học Đạo thì phải bỏ tên riêng của mình tự gọi là Tỳ-kheo xuất gia học Đạo đệ tử họ Thích. Nếu nói về nghĩa sinh con thì

phải gọi Sa-môn là con nhà họ Thích. Vì sao? vì sinh là do ta sinh, thành là do pháp mà thành. Cho nên, Tỳ-kheo phải cầu phương tiện được làm con nhà họ Thích. Các Tỳ-kheo phải học như thế.

Luật Di-sa-tắc nói: Tỳ-kheo các thầy có đủ mọi thành phần mà xuất gia đều bỏ tên họ mình, được gọi là Sa-môn con nhà họ Thích. Kinh Trường A-hàm nói: khi Phật Di-lặc ra đời các Tỳ-kheo đệ tử đều được gọi là đệ tử họ Từ. Như nay đệ tử ta đều xưng là con nhà họ Thích.

Tăng Hữu xét thấy: Bốn sông chảy ra biển đều gọi chung là Biển, bốn dòng họ vào Đạo đều gọi là Thích. Có thể nói đều là khác dòng mà cùng chung một vị.

IX. GIA PHẢ VỀ BỐN BỘ ĐỆ TỬ NỔI TIẾNG CỦA PHẬT THÍCH CA

(Một trăm Tỳ-kheo xuất xứ từ kinh Tăng Nhất A-hàm)

- Phật nói: Trong số đệ tử Thanh văn của ta, có:

1. Tỳ-kheo A-nhã-luân là người đầu tiên nhận được pháp vị, suy nghĩ Bốn đế, nhân thức rộng rãi, khéo léo khuyến hóa, nuôi dưỡng thánh chúng chẳng mất oai nghi.
2. Tỳ-kheo Ưu-đà-di, thì khéo khuyên dạy làm phước độ người
3. Tỳ-kheo Ma-ha-nam, thì mau thành tựu thần thông không lui sụt nửa chừng
4. Tỳ-kheo Thiện Trửu, thường bay trên hư không, chân không dính đất
5. Tỳ-kheo Bà-phá, ở trên hư không giáo hóa, ý không mong cầu
6. Tỳ-kheo Ngưu Tích, thích ở trên cõi trời, không ở cõi người
7. Tỳ-kheo Thiện Thắng, thường quán tưởng các chất dơ bất tịnh
8. Tỳ-kheo Ưu-lưu-tỳ Ca-diếp: ủng hộ thánh chúng, cúng dường bốn thứ cần dùng.
9. Tỳ-kheo Giang Ca-diếp, tâm ý vắng lặng, hàng phục các kiết
10. Tỳ-kheo Tượng Ca-diếp, quán rõ các pháp đều không hề chấp đắm.
11. Tỳ-kheo Mã Sư: Oai dung đẹp đẽ, bước đi khoan thai.
12. Tỳ-kheo Xá-lợi-phất: Trí tuệ vô cùng, dứt hết các nghi
13. Tỳ-kheo Đại Mục-kiền-liên: Thần túc nhẹ nhàng, bay khắp mười phương
14. Tỳ-kheo Nhị Thập Ức Nhĩ: Siêng năng mạnh mẽ, chịu đựng các khổ hạnh

15. Tỳ-kheo Đại Ca-diếp: Thực hành được mười hai hạnh đầu-đà khó thực hành.

16. Tỳ-kheo A-na-luật: Thiên nhãn bậc nhất, thấy các cõi nước ở mười phương

17. Tỳ-kheo Ly Việt: Ngồi thiền nhập định, tâm không tán loạn

18. Tỳ-kheo Đà-la-bà-ma-la: Hay rộng khuyên tu, lập bày trai giảng

19. Tỳ-kheo Tiểu Đà-la-bà-ma-la: Xây cất nhà cửa, cúng dường cho Chiêu-đề Tăng

20. Tỳ-kheo La-tra-bà-la là dòng họ giàu sang mà xuất gia học Đạo.

21. Tỳ-kheo Đại Ca-chiên-diên, khéo phân biệt nghĩa, giảng nói Đạo giáo

22. Tỳ-kheo Quân-đầu-bà-hán, trù tính giỏi không trái với phép cấm

23. Tỳ-kheo Tân-đầu-lô: Hàng phục ngoại Đạo, thực hành chánh pháp

24. Tỳ-kheo Sám: cúng dường bốn thứ cần dùng và trông nom thuốc men cho chư tăng bị bịnh.

25. Tỳ-kheo Bằng-kỳ-xá: Biện luận không trệ ngại, giỏi làm kệ khen ngợi đức của Như lai

26. Tỳ-kheo Ma-ma-câu-hy-la: Có bốn biện tài, giỏi vấn nạn đối đáp.

27. Tỳ-kheo Kiên-lao: Thích ở chỗ thanh tịnh vắng vẻ, không thích đông người

28. Tỳ-kheo Nan-đề: Khất thực nhẫn chịu, không ngại lạnh nóng

29. Tỳ-kheo Kim-tỳ-la: Ngồi riêng chỗ vắng, chuyên ý nghĩ về Đạo

30. Tỳ-kheo Thi-la: ngồi ăn một chỗ, không dời chỗ khác

31. Tỳ-kheo Phù-di: Giữ gìn ba y, ăn ngủ không lìa

32. Tỳ-kheo Hồ-nghi-ly-việt: Ngồi thiền dưới cây, ý không dời đổi

33. Tỳ-kheo Bà-sai: Khổ thân ngồi ngoài trời, không tránh mưa gió

34. Tỳ-kheo Đà-tố: Vui riêng ở chỗ vắng, chuyên ý suy nghĩ.

35. Tỳ-kheo Ni-bà: Mặc y ngũ nạp, không thích làm đẹp.

36. Tỳ-kheo Ưu-đa-la: thường sống nơi mồ mả, không thích ở chỗ có người sống.

37. Tỳ-kheo Lô-hê-ninh: Thường ngồi trên nệm cỏ, nói phước độ người.

38. Tỳ-kheo Ưu-kiềm-ma-cư-để: Không nói chuyện với người, ngó xuống đất mà đi.

39. Tỳ-kheo Na-đề: Đi đứng nằm ngồi thường nhập tam-muội.

40. Tỳ-kheo Ưu-ma-lưu-chi: Thích đến nước xa, truyền trao cho mọi người.

41. Tỳ-kheo Già-kiệt: Thích nhóm họp Thánh chúng, luận nói pháp vị.

42. Tỳ-kheo Bà-câu-la: Sống rất lâu, thường ở chỗ vắng, không thích ở trong chúng.

43. Tỳ-kheo Mãn-đầu-tử: Hay nói pháp, rộng phân biệt nghĩa lý.

44. Tỳ-kheo Ưu-ba-ly: Giữ gìn giới luật không hề trái phạm.

45. Tỳ-kheo Bà-ca-lợi: Được tín giải thoát, ý không dụ dự.

46. Tỳ-kheo Nan-đà: Hình dung đẹp đẽ khác thường, các căn vắng lặng, tâm không dời đổi

47. Tỳ-kheo Bà-đà: Biện tài giỏi, dứt hết nghi ngờ vướng mắc cho người.

48. Tỳ-kheo Tư-ni: Nói rộng nghĩa lý chẳng trái nhau

49. Tỳ-kheo Thiên-tu-bồ-đề: Thích mặc áo đẹp, bổn hạnh thanh tịnh

50. Tỳ-kheo Nan-đà-ca: Thường thích dạy dỗ người mới học.

51. Tỳ-kheo Tu-ma-na: Giỏi khuyên Tỳ-kheo Tăng, Ni sám hối giới cấm

52. Tỳ-kheo Thi-bà-la: Công đức đầy đủ chỗ ưa thích không lỗi

53. Tỳ-kheo Ưu-ba-tiên-ca-lan-đà-tử : đầy đủ các pháp đạo phẩm.

54. Tỳ-kheo Bà-đà-tiên: Nói năng vui vẻ, không gây tổn thương ý người.

55. Tỳ-kheo Ma-ha-diên-na: Tu hành an-ban, suy nghĩ chất bất tịnh chảy ra.

56. Tỳ-kheo Ưu-đầu-bàn: Nghĩ ngã vô thường tâm không có tưởng.

57. Tỳ-kheo Câu-ma-la Ca-diếp: Thường luận nói các thứ làm vui thích tâm thức

58. Tỳ-kheo Diện-vương: Chỉ mặc áo xấu rách không hề mắc cỡ.

59. Tỳ-kheo La-vân: Chẳng phạm giới cấm, thường tụng đọc không biếng lười.

60. Tỳ-kheo Bác-thố: Dùng năng lực thần thông ẩn mình vào cái bình.

61. Tỳ-kheo Lợi-bác-thố: Có khả năng biến hóa thân thành ra các thứ.

62. Tỳ-kheo Thích-vương: Dòng dõi giàu sang, tánh tình mềm mỏng.

63. Tỳ-kheo Bà-đề-bà-la: Khất thực không nhàm chán, giáo hóa vô cùng, khí lực mạnh khỏe không hề sợ khó.

64. Tỳ-kheo La-bà-na-bà-đề: Tiếng nói vang đến cõi trời Phạm Thiên.

65. Tỳ-kheo Ương-ca-xà: Thân thể sạch thơm, xông khắp bốn phương

66. Tỳ-kheo A-nan: Biết thời biết người, đến đâu cũng vô ngại, nghe rồi không quên, học rộng hiểu xa, thường hậu hạ Phật.

67. Tỳ-kheo Ca-trì-lợi: Ăn mặc trang nghiêm, đi đứng thường nhìn bóng mình.

68. Tỳ-kheo Nguyệt Quang: Các vua trọng đãi, các quan kính trọng.

69. Tỳ-kheo Luân-đề: Trời người kính trọng, thường thăm hỏi buổi sáng, vì xả bỏ hình dáng người trời

70. Tỳ-kheo Thiên: Dắt dẫn các vị trời, truyền trao chánh pháp.

71. Tỳ-kheo Quả Y: Tự nhớ việc đời trước, cách nay vô số kiếp.

72. Tỳ-kheo Ương-quật-ma: Thể tánh nhanh nhạy, trí tuệ sâu xa.

73. Tỳ-kheo Tăng-ca-ma: Có khả năng hàng phục ngoại Đạo tà nghiệp.

74. Tỳ-kheo Chất-đa Xá-lợi-phất: Nhập vào thủy tam-muội, không cho là khó, có nhiều hiểu biết, được người yêu mến.

75. Tỳ-kheo Thiện-lai: Nhập vào Hỏa tam-muội chiếu khắp mười phương

76. Tỳ-kheo Na-đà-la: Hàng phục được rồng, khiến kính thờ Tam bảo

77. Tỳ-kheo Quỉ Địa: Hàng phục quỉ thần, khiến bỏ ác làm lành.

78. Tỳ-kheo Lô-già: Hàng phục vui hòa, siêng làm các hạnh lành

79. Tỳ-kheo Tu-bồ-đề: Thường ưa thích không định, phân biệt nghĩa không, chí ở trong vắng lặng, đức nghiệp mầu nhiệm.

80. Tỳ-kheo Kỳ-lợi-ma: Thực hành định vô tưởng, dứt bỏ các niệm.

81. Tỳ-kheo Viêm Thạnh: Nhập vào Định Vô nguyện, ý không khởi loạn

82. Tỳ-kheo Phạm Ma Đạt: Nhập Từ tam-muội, tâm không giận dữ.

83. Tỳ-kheo Tu Thâm: Nhập Bi tam-muội, thành tựu bổn nghiệp.

84. Tỳ-kheo Ta-di-đà: Được Đức hỷ Hạnh, không có các tướng

85. Tỳ-kheo Diệu-ba-ca: Thường giữ gìn tâm ý, không hề lìa bỏ

86. Tỳ-kheo Đàm-di: Thực hành tam muội Viêm Thạnh, không bao giờ buông bỏ.

87. Tỳ-kheo Tỷ-lợi-đà-đà-bà-giá: nói năng thô lỗ, không chừa kẻ tôn quí mànhập vào tam-muội Kim quang.

88. Tỳ-kheo Vô Úy: Nhập vào tam-muội Kim cương không trở ngại

89. Tỳ-kheo Đà-ma: Thường thích vắng lặng không thích ở chỗ náo loạn.

90. Tỳ-kheo Tu-ni-đa: Lời nói rạch ròi, không yếu mềm nhược

91. Tỳ-kheoTu-la-đà: Nghĩa không thắng được thì không bao giờ khuất phục.

92. Tỳ-kheo Na-già-ba-la: Hiểu rõ các sao, biết trước lành dữ.

93. Tỳ-kheo Bà-tư-tra: Thường dùng Hỷ tam-muội thiền duyệt làm thức ăn.

94. Tỳ-kheo Vị-tu-dạ-xa: thường dùng Pháp hỷ làm thức ăn

95. Tỳ-kheo Mãn Nguyện Thạnh Minh: Thường tu hạnh nhẫn nhục, người chọc ghẹo không giận

96. Tỳ-kheo Di-hề: thường tu tập tam-muội Nhật quang.

97. Tỳ-kheo Ni-câu-lưu: Biết rõ pháp toán thuật không có sai lầm

98. Tỳ-kheo Lộc-đầu: Các trí như phân biệt v.v... thường không quên mất.

99. Tỳ-kheo Địa: Được tam-muội Điển lôi không hề sợ sệt.

100. Tỳ-kheo Na: Quán rõ gốc của thân.

101. Tỳ-kheo Tu-bạt: Cuối cùng chứng được lậu tận.

SAU ĐÂY LÀ NĂM MƯƠI VỊ TỲ KHEO NI NỔI TIẾNG:

1/ Tỳ-kheo-ni Đại Ái Đạo Cù-đàm-di: Xuất gia tu học lâu, vua chúa kính trọng.

2/ Sám-ma: Trí tuệ thông minh

3/ Ưu-bát Hoa Sắc: Thần túc bậc nhất, cảm đến các vị thần.

4/ Cơ-lê-xá-Cù-đàm-di: Làm hành đầu đà không có hạn ngại.
5/ Xa-câu-lợi: Thiên nhãn bậc nhất, thấy khắp vô ngại.
6/ Xa-ma: Ngồi thiền nhập định, ý không phân tán.
7/ Ba-đầu-lan-xa-na: Phân biệt nghĩa thú nói rộng Đạo giáo.
8/ Ca-chiên diên: Được tín giải thoát, không hề lui sụt.
9/ Tối Thắng: Được bốn biện tài, không hề mềm yếu.
10/ Bạt-đà-tỳ-ly: Biết được việc túc mạng vô số kiếp trước.
11/ Hê-ma-xà: Dung mạo đẹp đẽ được người yêu kính.
12/ Du-na: Hàng phục ngoại đạo mà lập thành chánh giáo.
13/ Đàm-ma-đề-na: phân biệt nghĩa thú, nói rộng phần bộ.
14/ Ưu-đa-la: Mặc áo xấu rách không hề mắc cỡ.
15/ Quang Minh: Các căn vắng lặng, thường được nhất tâm.
16/ Đơn Đầu: Yphục đúng như giáo pháp.
17/ Đàn-đa: Luận bàn nhiều thứ không nghi ngờ dính mắc.
18/ Thiên Dữ: Làm kệ khen đức của Như lai.
19/ Cụ-ty: Học rộng ân huệ dắt dẫn người dưới.
20/ Vô Úy: Thường ở chỗ vắng lặng, không ở chỗ có người.
21/ Tỳ-xá-khư: Khổ nhọc khất thực, không chọn giàu nghèo.
22/ Bạt-đà-bà-la: Ở một chỗ, ngồi một lần không hề dời đổi.
23/ Ma-nộ-kha-lợi: Đi khắp khất thực, rộng độ người dân.
24/ Đà-ma: Mau thành đạo quả, giữa chừng không dính mắc.
25/ Tu-đà-ma: Giữ gìn ba y, không hề rời bỏ.
26/ Hiếp-na: Thường ngồi dưới gốc cây, ý không thay đổi.
27/ Xà-đà: Thường ở chỗ trống, không nghĩ việc che đậy.
28/ Ưu-ca-la: Thích chỗ trống vắng, không ở với người.
29/ Ly-na: Thường ngồi trên nệm cỏ, không thích làm đẹp.
30/ A-nô-ba-ma: Đắp y ngũ nạp, thứ lớp khất thực.
31/ Ưu-già-ma: Thích ở chỗ gò mả.
32/ Thanh Minh: Thường dạo chơi, thương xót các loài chúng sinh.
33/ Tố-ma: Buồn khóc vì chúng sinh không gần gũi Đạo pháp.
34/ Ma-đà-lợi: Mừng người được Đạo đến khắp với mọi người.
35/ Ca-la-già: Giữ gìn các hạnh, ý không xa lìa.
36/ Đề-bà-tu: Giữ không chấp hư, hiểu rõ không thật có.
37/ Nhật Quang: Tâm thích vô tưởng, dứt bỏ các mê đắm.
38/ Mạt-na-bà: Tu tập vô nguyện, tâm thường rộng cứu giúp.
39/ Tỳ-ma-đạt: Các pháp vô ngại, độ người vô hạn.
40/ Phổ Chiếu: Nói rộng ý nghĩa, phân biệt pháp sâu.

41/ Đàm-ma-đề: Tâm ưa nhẫn nhục, như đất dung chứa gánh vác.

42/ Tu-dạ-ma: Có khả năng giáo hóa người lập ca đàn hội, sắm đủ giường ghế.

43/ Nhân-đề-xà: Tâm dứt hẳn, không khởi loạn tưởng.

44/ Long: Quán rõ các pháp không biết thỏa mãn.

45/ Câu-na-la: Ý rất mạnh mẽ, không có đắm nhiễm.

46/ Bà-tu: Nhập vào thủy tam-muội, nhuận khắp tất cả.

47/ Giáng-đề: Nhập vào tam-muội hỏa quang chiếu khắp đám mê.

48/ Giá-ba-la: Quán các chất bất tịnh phân biệt duyên khởi.

49/ Thủ-ca: nuôi dưỡng mọi người, cứu giúp kẻ nghèo khổ.

50/ Bạt-đà-quân Đà-la-câu-di-quốc: Chứng đắc sau cùng.

BỐN MƯƠI VỊ ƯU BÀ TẮC NỔI TIẾNG:

1.Người đủ buôn chứng quả thứ ba: Người đầu tiên nghe thuốc pháp chứng thành Hiền thánh

2. Trưởng giả Chất-đa: Trí tuệ bậc nhất.

3. Càn-đề A-lam: Thần đức bậc nhất.

4. Trưởng giả Quật-đa: hàng phục ngoại đạo.

5. Trưởng giả Ưu-ba-quật: Giảng nói pháp sâu.

6. Kha-di A-la-bà: Thường ngồi thiền tư.

7. Trưởng giả Dũng Kiện: Hàng phục ma quan.

8. Trưởng giả Xà-lợi: Phước đức đầy đủ.

9. Trưởng giả Tu-đạt: Đại đàn việt chủ.

10. Trưởng giả Mẫn-dật: Môn tộc thành tựu.

11. Sinh-lậu Bà-la-môn: Khéo hỏi các nghĩa thú.

12. Phạm Ma du: Lợi căn thông minh.

13. Ngự Mã Ma-nạp: Sứ giả đáng tin của Chư Phật

14. Hỷ Văn Cầm Bà-la-môn (Bà-la-môn thích nghe đàn): Chấp thân là vô ngã

15. Bà-la-môn Tỳ-cầu: Luận không thể thắng.

16. Trưởng giả Ưu-ba-ly: Nói năng nhanh nhẹn, hay làm kệ tụng.

17. Trưởng giả Thù-đề: Thích bố thí của báu tâm không luyến tiếc

18. Ưu-ca-tỳ-xá-ly: Làm các việc lành.

19. Ưu-bà-tắc Tối Thượng Vô Úy: Có khả năng giảng nói pháp mầu.

20. Đầu Ma Đại tướng lãnh Tỳ-xá-ly: Nói năng không sợ sệt.
21. Vua Tỳ-sa: Thích bố thí làm vui lòng mọi người.
22. Vua Quang Minh: Cứu giúp kẻ nghèo thiếu.
23. Vua Ba-tư-nặc: Tạo dựng gốc lành.
24. Vua A-xà-thế: Được vô căn thiện tín, khởi tâm vui mừng.
25. Vua Ưu-điền: Dốc lòng hướng Phật, ý không dời đổi.
26. Vương tử Nguyệt Quang: Vâng giữ chánh pháp
27. Vương tử Xây dựng Kỳ Hoàn: Dâng cúng thánh chúng ý thường bình đẳng.
28. Vương tử Sư Tử: Thường thích cứu giúp, không phải vì mình.
29. Vương tử Vô Úy: Khéo cung cấp cho người, không có cao thấp.
30. Vương tử Kê Đầu: Dung mạo đạp đẽ hơn người.
31. Trưởng giả Bất Ni: Thường thực hành tâm Từ.
32. Bạt-đà Thích Chung: Thường thực hành tâm Hỷ.
33. Ưu-bà-tắc Tỳ-xà-tiên: Thường thực hành tâm che chở, giữ gìn không mất hạnh lành.
34. Đại tướng Sư Tử: Thường thực hành hạnh nhẫn nhục.
35.̣ Ưu-bà-tắcTỳ-xá-ngư: Hay luận bàn các thứ.
36. Ưu-bà-tắc Nan-đề-ba-la: Im lặng như hiền thánh.
37. Ưu-đa-la Ưu-bà-tắc: Siêng tu các hạnh lành không ngừng nghỉ.
39. Câu-di-na-kiệt-ma-la: Người chứng sau cùng.

BA MƯƠI VỊ ƯU BÀ DI NỔI TIẾNG

1. Ưu-bà-di Nan-đà-nan-đà-bà-la: Người mới nhập Đạo đã chứng.
2. Ưu-bà-di Cửu-thọ-đa-la: Trí tuệ bậc nhất.
3. Ưu-bà-di Tu-tỳ-da-nữ: Ưa thích ngồi thiền.
4. Ưu-bà-di Tỳ-phù: Tuệ căn sáng tỏ.
5. Ưu -bà-di Ương-kiệt-xà: Khéo nói pháp.
6. Ưu-bà-di Bạt-đà-bà-la: Khéo giảng nói nghĩa kinh.
7. Ưu-bà-di Bà-tu-đà: Hàng phục ngoại đạo.
8. Ưu-bà-di Vô-ưu: Tiếng nói trong trẻo.
9. Bà-la-đà Ưu-bà-di: Luận nói các thứ.
10. Tu Ưu-bà-di: Mạnh mẽ siêng năng.
11. Phu nhân Ma-lợi: Bậc nhất cúng dường Như lai.
12. Phu nhân Tu-lại-bà: Làm theo chánh pháp.

13. Phu nhân Xá-di: Cúng dường thánh chúng

14. Phu nhân Nguyệt Quang: Nhìn thấy các hiền sĩ ở đương lai, quá khứ.

15. Phu nhân Lôi Điển: Thí chủ bậc nhất

16. Ưu-bà-di Ma-ha-tiên: Thường thực hành Từ tam-muội.

17. Ưu-bà-di Tỳ-đề: Thường có lòng bi thương xót.

18. Ưu-bà-di Bạt-đà: Tâm hỷ không dứt.

19. Ưu-bà-di Mẹ Nan-đà: Thường làm việc che chở giữ gìn.

20. Ưu-bà-di Chiếu Diệu: Được tín giải thoát.

21. Ưu-bà-di Vô Ưu: Thường thực hành hạnh nhẫn nhục.

22. Ưu-bà-di Tỳ-thù-tiên: Thường thực hành Không tam-muội.

23. Ưu-bà-di Ưu-na-đà: Thực hành tam-muội Vô tướng.

24. Ưu-bà-di Vô Cấu: Thực hành tam-muội vô nguyện.

25. Ưu-bà-di Thy-lợi phu nhân: Ưa thích truyền dạy.

26. Ưu-bà-di Ương-kiệt-ma: Khéo giữ gìn giới cấm.

27. Ưu-bà-di Lôi Viêm: Hình dung đẹp đẽ.

28. Ưu-bà-di Tối Thắng: Các căn vắng lặng.

29. Ưu-bà-di Nê-la: Học nhiều, trí sâu rộng.

30. Ưu-bà-di Tu-đạt nữ: Hay làm kệ tụng Tu-ma-ca-đề không yếu hèn.

31. Lam Ưu-bà-di: Ưu-bà-di chứng đắc sau cùng.

Tăng Hữu xét: Thấy người học nghiệp thạnh thì nổi tiếng nhiều kể không biết, nên chỉ nêu tên mười đệ tử lớn đứng vào bậc nhất trong bốn chúng, là những người mà chúng đều biết, để nhắc nhở người sau tự cố gắng.

CHƯƠNG IV: ĐỨC PHẬT THÍCH CA TỪ KHI GIÁNG SINH ĐẾN THÀNH PHẬT

(Xuất xứ từ kinh Nhân Quả)

PHẦN I

Bấy giờ, Bồ-tát Thiện Tuệ hạnh công đức đầy đủ, bước lên giai vị Thập địa, ở Nhất sinh bổ xứ, gần Nhất thiết chủng trí (gần bằng Phật). Sanh lên cung trời Đâu-suất tên là thánh Thiện Bạch, nói cho các thiên chủ nghe về hạnh Nhất sinh bổ xứ (còn một đời được bổ làm Phật), cũng ở các cõi nước mười phương khắp hiện các thân, vì các chúng sinh mà tùy nghi nói pháp, hẹn kiếp sắp tới sẽ thành Phật, liền xét năm việc: 1/ xét xem các chúng sinh căn đã chín muồi hay chưa – 2/ xem thời đã đến hay chưa – 3/ xem các cõi nước nơi nào là trung quốc – 4/ xem các

chủng tộc nào tôn quí nhất – 5/ xem nhân duyên quá khứ ai là cha mẹ chân chánh nhất. Xét năm việc rồi liện tự nghĩ rằng, nay các chúng sinh đều do ta từ khi mới phát tâm đến nay đã thành thục có khả năng nhận được pháp mầu thanh tịnh. Trong Tam thiên Đại thiên thế giới này thì nước Ca-tỳ-la-thi-đẩu của Diêm Phù Đề là trung quốc.

- Kinh Thụy Ứng Bản Khởi nói: Ca-duy-vệ là ba ngàn nhật nguyệt ở giữa của một vạn hai ngàn trời đất. Phật rất oai thần đáng tôn đáng kính chẳng thể sinh ở biên địa, vì ở đó (đất) nghiêng lệch nên phải ở giữa mà hóa độ khắp mười phương. Thuở xưa, Chư Phật khi ra đời đều sinh từ đó. Các dòng họ thì họ Thích-ca là bậc nhất, là con cháu của vua Thánh vương Cam Giá, xét nhân duyên quá khứ của vua Bạch Tịnh thì vợ chồng đều chân chánh xứng đáng làm cha mẹ. Lại thấy phu nhân Ma-da tuổi thọ còn ít đủ để mang thai Thái tử mười tháng thì sinh, sinh xong bảy ngày thì bà qua đời. Đã xem xong liền tự nghĩ rằng: Nay nếu ta hạ sinh ngay thì không thể rộng lợi ích chúng trời, người. Vậy vẫn ở cung trời mà hiện năm tướng khiến các Thiên tử đều biết Bồ-tát sắp ứng hiện thành Phật. Một là mắt Bồ-tát bị máy động, hai là hoa vắt trên đầu héo, ba là áo dính bụi dơ, bốn là mồ hôi trong nách chảy ra, năm là không thích ở chỗ ngồi cũ. Lúc đó, các vị trời bỗng thấy Bồ-tát có năm tướng lạ thì rất kinh sợ, các lỗ chân lông máu chảy như mưa, tự bảo nhau rằng: Bồ-tát chẳng bao lâu nữa sẽ bỏ chúng ta. Khi ấy, Bồ-tát lại hiện năm điềm lành: 1/ phát ra ánh sáng rực rỡ chiếu khắp Tam thiên đại thiên thế giới, hai là đất bằng có mười tám tướng động, núi Tu-di trên biển, các cung điện trời đều lay động, ba là các cung điện ma đều ẩn mất không thấy, bốn là mặt trăng, mặt trời, và các sao không còn sáng nữa, năm là Thiên hạ tám bộ đều rung chuyển không tự kìm chế được. Các trời Đâu-suất thấy thân Bồ-tát đã có năm tướng, lại thấy bên ngoài có năm việc ít có thì đều nhóm họp đến chỗ Bồ-tát đảnh lễ và bạch rằng: Thưa Tôn giả, ngày nay chúng con thấy các tướng này toàn thân run rẩy không thể tự yên, cúi mong Ngài giải thích nguyên nhân. Bồ-tát đáp rằng: Các người thiện nam nên biết: Các hạnh đều vô thường, nay ta chẳng bao lâu sẽ bỏ cung trời này mà sinh về cõi Diêm Phù Đề. Các vị trời nghe nói xong thì lòng rất đau buồn than khóc, toàn thân máu rịn ra như hoa Ba-la-xoa. Có người chẳng thích chỗ ngồi của mình nữa, có người bỏ vật trang sức, có người chết ngất ra đất, có người than trách khổ vô thường. Khi ấy, có một vị trời nói kệ rằng:

Bồ-tát ở nơi này
Mở mắt pháp chúng con

Nay lại xa chúng con
như mù lìa dẫn đường.
Lại như muốn qua sông
Nhưng lại mất cầu thuyền
Cũng như trẻ mồ côi
Mất đi bà mẹ hiền
Chúng con cũng như thế
Mất đi chỗ nương cậy
Trôi giạt biển sinh tử
Không biết ngày nào ra
Chúng con trong đêm sâu
Bị tên si bắn trúng
Đã mất vị thầy thuốc
Ai sẽ cứu chúng con
Nằm trong rừng vô minh
Lặn ngụp biển ái dục
Mất hẳn Tôn giả dạy
Chưa biết khi nào ra.

Khi ấy, Bồ-tát thấy các vị trời buồn khóc, lại nghe nói kệ luyến thương, liền dùng tiếng từ bi bảo rằng: Này các người thiện nam! Hễ người có sinh đều có chết, ân ái hội họp thì có chia lìa, trên đến trời A-ca-nị-tra, dưới đến địa ngục A-tỳ, tất cả chúng sinh không có ai chẳng bị lửa lớn vô thường thiêu đốt. Cho nên các thầy chớ riêng kính mến ta. Nay ta và các ông đều chưa khỏi bị lửa sinh tử thiêu đốt. Cho đến tất cả giàu nghèo, sang hèn đều chẳng thoát khỏi. Do đó, Bồ-tát nói kệ rằng:

Các hạnh vô thường
Là pháp sinh diệt
Sinh diệt hết rồi
Vắng lặng là vui.

Bấy giờ, Bồ-tát bảo các vị trời rằng: Bài kệ này do Chư Phật quá khứ đã nói, tánh tướng các hành pháp đều như thế. Các thầy nay chớ buồn khổ ta ở trong sinh tử từ vô lượng kiếp đến nay, nay chỉ có một đời nầy, chẳng bao lâu sẽ lìa các hành. Các thầy nên biết rằng nay là lúc độ thoát chúng sinh, ta sẽ hạ sinh xuống cõi Diêm-phù-đề, nước Ca-ty-la-thi-đẩu, vào cung vua Bạch Tịnh dòng họ Thích, là con cháu của vua Cam Giá. Ta sinh đến đó rồi thì lìa cha mẹ, bỏ vợ con và ngôi vua Chuyển Luân mà xuất gia học đạo, siêng tu khổ hạnh, hàng phục ma oán, thành Nhất thiết chủng trí mà xoay bánh xe pháp, tất cả ma Phạm

ở thế gian đều không thể xoay được. Cũng y theo pháp thức của Chư Phật quá khứ đã làm, rộng làm lợi ích tất cả chúng trời, người. Dựng cờ pháp lớn làm nghiêng đổ các cờ Ma, làm khô cạn biển phiền não làm sạch đường tám chánh, dùng các pháp ấn mà ấn vào tâm chúng sinh, lập pháp hội lớn mà mời các trời người. Bấy giờ, các ông cũng đồng ở trong pháp hội đó mà hưởng pháp thực. Do đó, chẳng nên buồn rầu nữa. Bấy giờ, Bồ-tát nói kệ rằng:

Ta ở đây chẳng lâu
Sẽ xuống Diêm Phù Đề
Ca-tỳ-la-thi-đầu
Sinh cung vua Bạch Tịnh
Từ cha mẹ thân thuộc
Bỏ ngôi vua Chuyển Luân
Đi xuất gia học Đạo
Thành Nhất thiết chủng trí
Xây dựng cờ chánh pháp
Làm cạn biển phiền não
Đóng kín cửa đường ác
Mở rộng đường tám chánh
Rộng lợi ích trời người
Rất nhiều chẳng thể đếm
Vì nhân duyên ấy nên
Chớ nên buồn khổ chi.

Khi ấy, Bồ-tát đưa tay lên thì các lỗ chân lông đều phát ra ánh sáng. Các vị trời nghe lời Bồ-tát nói: lại thấy thân phát ra ánh sáng liền rất vui mừng mà lìa hết sầu khổ, đều nghĩ rằng Bồ-tát không bao lâu sẽ thành Chánh giác.

Kinh Phổ Diệu (còn gọi là kinh Phương Đẳng Bổn Khởi) nói Bồ-tát ở cõi trời Đâu-suất, các vị trời có sáu mươi sáu ức cùng nhau bàn luận xem Bồ-tát sinh vào dòng họ nào. Có người nói dòng Duy-đề, nước Ma-kiệt có mẹ chân chánh nhưng cha không chân chánh. Nước lớn Câu-tát thì cha mẹ dòng họ đều không chân chánh. Nước lớn Hòa-sa thì vua không có oai thần bị người khác sai khiến. Nước Duy-da-ly thì ưa tranh giành bất hòa, không có hạnh thanh tịnh. Nước Bát-thọ này thì ưa xảy ra việc luống dối, chí tánh thô bạo, không nên sinh ở đó. Có một vị trời tên là Tràng Anh đến chỗ Bồ-tát hỏi rằng Nhất sinh bổ xứ sau cùng của Bồ-tát sẽ giáng thần vào chủng tánh (dòng họ) nào? Bồ-tát đáp dòng họ nước ấy có sáu mươi tính chất tốt, Nhất sinh bổ xứ

giáng thần xuống đó. Nay họ Thích này rất hùng mạnh, năm thứ lúa chín ngon, vui sướng vô cùng, người dân đông đúc, làm các hạnh lành, dân chúng trong Ca-duy-la-vệ rất hòa mục trên dưới kính nhường nhau. Tất cả dòng họ Thích kính ngưỡng Nhất thừa vua Bạch Tịnh tánh hạnh nhân hiền, vợ rất đẹp đẽ trinh lương, cũng như ngọc nữ trên trời, giữ gìn thân, miệng, ý vững chắc như kim cương, năm trăm đời trước đã có làm cha mẹ Bồ-tát, nên đến giáng thần vào bào thai bà ấy. Lúc đó, Bồ-tát hỏi các vị trời rằng: Lấy hình dạng nào mà giáng thần vào thai mẹ? Có người nói hoặc thân đức trẻ, hoặc thân Thích Phạm, có người nói thân vua Nhật Nguyệt, người thì bảo hoặc thân chim cánh vàng. Lúc đó, có vị Phạm Thiên tên là Cường Oai từ Tiên Đạo đến bảo các vị trời rằng thân voi là bậc nhất, voi trắng sáu ngà oai thần cao vòi vọi, sách phạm đã ghi, đó là thế nào? Là ở đời có ba thú: Thỏ, ngựa và voi trắng. Thỏ lội qua sông chỉ một mình mà thôi, ngựa tuy có mạnh hơn nhưng cũng không biết cạn sâu, chỉ có voi trắng lội qua sông thì biết được đến đáy. Thinh văn, Duyên giác cũng như thỏ ngựa tuy lội qua biển sinh tử nhưng không thấu biết gốc pháp. Bồ-tát Đại thừa ví như voi trắng, hiểu rõ ba cõi mười hai duyên khởi, hiểu rõ vốn không, cứu hộ tất cả, đều được giúp đỡ. Bồ-tát chờ đông qua quá lạnh, cuối xuân đầu hạ, cây cỏ xinh tươi, không quá lạnh quá nóng, thời tiết thích hợp. đúng lúc hạ sinh. Bồ-tát từ cõi trời Đâu-suất hóa thành voi trắng miệng có sáu ngà, các căn vắng lặng, ánh sáng rực rỡ, hiện từ mặt trời giáng thần vào thai mẹ ở bên hông phải, vì ở bên phải thì không làm các hạnh tà. Hoàng hậu trong sạch đang an giấc chợt tỉnh dậy thì voi trắng đến nơi nhập vào bào thai, thân tâm an ổn như nhập thiền định. Bấy giờ, Bồ-tát xét thấy thời giờ giáng thai đã đến, liền cỡi voi trắng sáu ngà xuất phát từ cung trời Đâu-suất. Có vô lượng các vị trời trỗi nhạc, đốt các hương thơm, tung rải hoa đẹp, theo sau Bồ-tát khắp cả hư không, phát ra ánh sáng rực rỡ chiếu khắp mười phương, vào lúc sao mai mới mọc ngày mồng tám tháng tư (nay nói ngày mười lăm tháng tư) thì giáng thần vào thai mẹ. Lúc đó, phu nhân Ma-da đang ngủ ngon thấy Bồ-tát cỡi voi trắng sáu ngà từ trên hư không chui vào hông bên phải, thân hiện bên ngoài trong như lưu ly. Phu nhân thân thể khỏe vui như uống cam lộ. Ngó lại thấy thân mình như mặt trăng, mặt trời chiếu sáng, tâm rất vui mừng. Thấy tướng này rồi thì tự nhiên tỉnh giấc, cho là điều chưa từng có. Liền đến chỗ vua Bạch Tịnh thưa rằng: Khi thiếp đang ngủ thì như nằm mơ thấy các điềm lành rất kỳ lạ. Vua đáp ta cũng vừa thấy có ánh sáng rực rỡ, lại thấy nàng rất khác lạ. Nàng hãy kể lại điềm lành ấy xem. Phu nhân

liền kể đầu đuôi và dùng kệ khen rằng:

Thấy người cỡi voi trắng
Sáng rỡ như trời, trăng.
Thích Phạm các chúng trời
Thảy đều cầm cờ báu
Đốt hương tung hoa trời
Cùng trỗi nhạc ca múa,
Đầy khắp cả hư không
Vây quanh cùng giáng xuống,
Rồi chui vào hông thiếp
Trong sạch như lưu ly
Nay ở trước Đại vương
Ấy là điềm lành gì?

Khi ấy, vua Bạch Tịnh nghe thấy các điềm lành của phu nhân Ma-da thì rất vui mừng bèn cho mời Bà-la-môn xem tướng giỏi, dùng hoa hương quí và các thứ ăn uống ngon mà cúng dường. Cúng dường xong liền kể các điềm lành của phu nhân thấy, nhờ Bà-la-môn đoán xem có gì lạ. Lúc đó, Bà-la-môn đoán rằng: Hoàng hậu mang thai Thái tử các điềm lành nhiều không thể nói hết. Nay nói tóm lại, đứa con trong thai này sẽ làm rạng rỡ dòng họ Thích. Khi giáng thai có phát ra ánh sáng rực rỡ và các trời Phạm thiên Đế Thích vây quanh là điềm chứng Chánh giác. Nếu không xuất gia thì làm vua Chuyển Luân, làm vua bốn thiên hạ, bảy báu tự đến, ngàn người con đầy đủ. Vua nghe Bà-la-môn đoán xong thì rất vui mừng liền ban tặng cho vàng bạc, báu vật, ngựa voi, đưa về thôn ấp mà cung cấp cho Bà-la-môn này. Lúc đó, Hoàng hậu cùng các thể nữ cũng đem châu báu dâng tặng.

Kinh Thụy Ứng Bản Khởi nói: Vua bèn đoán mộng thì quẻ nói: Đạo đức theo về thế gian được phước, vậy hẳn là có thai Thánh tử. Từ lúc Bồ-tát ở trong thai thì Hoàng hậu ngày càng tu hành sáu Ba-la-mật. Trời dâng cơm tự đến, không thích ăn cơm cõi người. Tam thiên đại thiên thế giới đều sáng rỡ. Những nơi tối tăm, mặt trời mặt trăng không soi sáng đến được thì cũng sáng trưng. Chúng sinh trong các cõi ấy đều thấy nhau, cùng bảo nhau vì sao ở đây lại có chúng sinh. Khi Bồ-tát giáng thai thì Tam thiên Đại thiên thế giới có mười tám tướng rung chuyển, gió mát thơm theo khắp bốn phương, các bệnh đều lành, những người tham dục, sân si đều dứt hết.

Bấy giờ, ở cung trời Đâu-suất có một vị trời nghĩ rằng: Bồ-tát đã sinh vào cung vua Bạch Tịnh, ta cũng hạ sinh xuống chốn nhân gian.

Bồ-tát thành Phật thì ta là người đầu tiên được làm quyến thuộc cúng dường nghe pháp. Nghĩ đoạn, liền hạ sinh vào thành Vương xá, dòng họ Minh Nguyệt Chiên-đà-la và nhiều cung vua khác. Lại có vị trời sinh vào cung vua nước Xá-vệ, lại có vị trời sinh vào cung vua nước Thâu-la-khuyết-xoa, lại có vị trời sinh vào cung vua nước Độc tử, lại có Thiên tử sinh vào cung vua nước Bạt-la, lại có vị trời sinh vào cung vua nước Lô-la, lại có vị trời sinh vào cung vua nước Đức-xoa-thi-la, lại có vị trời sinh vào cung vua nước Câu-bà. Lại có vị trời sinh vào nhà Bà-la-môn, lại có vị trời sinh vào nhà Trưởng giả, cư sĩ, vào nhà Tỳ-xá-thủ-đà-la. Lại có năm trăm vị trời sinh vào nhà dòng họ Thích v.v... Số các vị trời lên đến chín mươi chín ức vị, hạ sinh vào chốn nhân gian. Lại ở cõi trời Tha Hóa Tự Tại cho đến trời bốn vị Thiên Vương đều có các vị trời hạ sinh số nhiều không kể xiết. Lại có các vị vua trời cõi Sắc cùng các quyến thuộc đều hạ sinh làm các vị tiên - Bồ-tát ở trong thai đi, đứng, nằm, ngồi đều không trở ngại. Lại chẳng làm cho người mẹ bị các chứng đau đớn bệnh hoạn. Bồ-tát ở trong thai mẹ, buổi sáng vì các vị trời cõi Sắc nói pháp, buổi trưa vì các trời Dục giới nói pháp, buổi chiều tối vì các quỉ thần nói pháp. Suốt đêm cũng có ba thời nói pháp như thế mà thành thục lợi ích cho vô lượng chúng sinh.

Bồ-tát ở trong thai, có phu nhân và thể nữ đến lễ bái cúng dường hoặc có người nguyện Thái tử sẽ làm vua Chuyển Luân, Bồ-tát nghe xong chẳng vui, còn ai nguyện Thái tử làm Nhất thiết chủng trí, Bồ-tát nghe xong rất vui mừng - Bồ-tát ở trong thai đủ mười tháng thì cơ thể đầy đủ đẹp đẽ, cũng khiến cho mẹ các căn vắng lặng, thích ở chốn núi rừng mà không thích nơi chợ búa. Lúc đó, vua Bạch Tịnh nghĩ rằng: Hoàng hậu mang thai đã đủ ngày tháng, sao chẳng thấy tướng sinh. Bỗng nghe tin Hoàng hậu muốn dạo thăm vườn hoa thì vua rất vui mừng, liền sai người quét dọn chăm sóc hoa quả nhành lá vườn Lâm-tỳ-ni, các ao suối đều sạch sẽ, rào dậu thềm bậc đều tô điểm bằng bảy chất báu. Các loài chim quí đẹp đều rất nhiều và đua nhau hót vang. Lại treo các cờ phướn tràng hoa tàn lọng, xông đốt hương thơm, trỗi nhạc hay cũng như vườn Đế-thích. Lại sai trang hoàng các lối đi cho sạch đẹp, đem mười muôn xe bảy báu trang sức lộng lẫy. Lại ra lệnh bốn quân binh canh gác cẩn mật dàn chào nghiêm túc. Và chọn tám mươi bốn ngàn thể nữ đều đẹp đẽ thông minh hiền hòa theo hầu Hoàng hậu. Lại chọn tám mươi bốn ngàn đồng nữ xinh đẹp mặc áo đẹp, đeo chuỗi anh lạc, tay cầm hoa hương đến trước để chào mừng. Vua và các Đại thần các quan đều có mặt cùng đưa tiễn Hoàng hậu lên ngồi xe báu với các thể nữ. Tất cả

rước sau cùng đến vườn Lâm-tỳ-ni. Khi ấy, lại có trời rồng, tám Bộ đầy khắp trên hư không.

Kinh Đại Hoa Nghiêm nói: khi Bồ-tát từ cõi trời Đâu-suất giáng trần thì trong rừng có mười điềm lành: 1/ rừng (vườn Lâm-tỳ-ni) bỗng trở lên rộng rãi, 2/ đất đá trong rừng biến thành kim cương, 3/ cây báu sắp thành hàng lối, 4/ nước trầm hương và bột hương thơm tho, 5/ tràng hoa đầy khắp, 6/ các báu tuôn ra, 7/ ao báu mọc hoa đẹp, 8/ Trời rồng, Dạ-xoa chấp tay đứng hầu, 9/ Thiên nữ chấp tay cung kính, 10/ rún của tất cả Chư Phật mười phương đều phát ra ánh sáng đến rừng này hiện thân Phật thọ sinh. Khi ấy, Hoàng hậu vào vườn các căn vắng lặng liền sai thị nữ báo tin cho vua. Vua vui mừng đến dưới cây vô ưu. Vua nghĩ nên để Hoàng hậu ở nhà cửa nào. Lúc đó, Thánh đế và trời Hóa Tự Tại đều đem hoa hương, âm nhạc kỳ lạ cõi trời mà cúng dường Hoàng hậu. Hoàng hậu thân thể khoan khoái nhẹ nhàng, không nghĩ đến ba độc. Nếu người bị bệnh thân tâm, được Hoàng hậu xoa đầu thì các bệnh liền mau hết, mười tháng đầy đủ vào ngày tám tháng tư (nay nói là mười lăm tháng tư). Khi mặt trời mới mọc, Hoàng hậu thấy trong vườn có một cây lớn tên là Vô ưu sắc hoa tươi đẹp, cành lá sum suê, liền đưa tay phải hái hoa, thì Bồ-tát từ hông hữu chui ra. Lúc đó, dưới cây mọc ra bảy hoa sen báu lớn như bánh xe. Bồ-tát liền rơi trên hoa sen, không có người đỡ, tự đi bảy bước, đưa tay phải chỉ lên trời, nói tiếng sư tử gầm ta là bậc tôn quí nhất của trời người. Vô lượng sinh tử đến nay đều dứt hết. Xuất hiện ra đây lợi ích tất cả trời người. Nói xong thì bốn vị Thiên Vương dùng gấm mầu đỡ thân Thái tử đặt trên ghế báu. Thích-đề-hoàn-nhân che lộng báu, Đại Phạm Thiên Vương cầm phất trần trắng đứng hai bên. Long vương Nan-đà, Long vương Ưu-ba-nan-đà ở trên hư không phun nước thanh tịnh, một vòi ấm một vòi mát để tắm gội Thái tử. Thái tử thân mầu vàng ròng, đủ ba mươi hai tướng, phát ra ánh sáng rực rỡ chiếu khắp Tam thiên Đại thiên thế giới, trỗi nhạc múa ca khen ngợi, xông các hương thơm, rải các hoa đẹp, lại rãi áo trời và chuỗi anh lạc rơi phơi phới xuống như mưa khắp nơi. Khi ấy, Hoàng hậu Ma-da sinh Thái tử xong thì thân tâm an vui không mệt nhọc, vui vẻ đứng dưới cây. Trước sau bỗng nhiên có bốn giếng nước thơm tho đủ tám công đức. Bấy giờ, Hoàng hậu và quyến thuộc tùy ý súc miệng rửa mặt. Lại có các vị trời Dạ-xoa đều vây quanh giữ gìn, che chở Thái tử và Hoàng hậu. Khi ấy, người ở cõi Diêm Phù Đề cho đến trời A-ca-nị-tra tuy lìa hỷ lạc nhưng cũng đều ở đó mà vui mừng khen ngợi bậc Nhất thiết chủng trí nay ra đời giúp cho vô lượng chúng sinh đều được lợi ích. Cúi

mong mau thành Đạo Chánh giác để xoay bánh xe pháp rộng độ chúng sinh. Chỉ có Ma vương là lo buồn, ngồi đứng chẳng yên. Lúc đó, cảm được ba mươi bốn điềm lành: 1/ Các thế giới mười phương đều sáng rực rỡ, 2/ Tam thiên Đại thiên thế giới đều có mười tám tướng động, đồi gò bằng phẳng, 3/ Tất cả cây khô đều lại xanh tươi, cõi nước tự nhiên mọc loại cây kỳ lạ, 4/ Trong vườn sinh trái ngọt lạ, 5/ Đất mọc hoa sen báu lớn như bánh xe, 6/ Trong đất có kho tàng ngầm đều hiện ra, 7/ Các kho châu báu đều phát ra ánh sáng rực rỡ, 8/ các y phục đẹp trên cõi trời tự nhiên rơi xuống, 9/ Tất cả dòng nước đều ngọt sạch, lắng trong, 10/ Gió ngừng thổi, mây giăng trên hư không sáng sạch, 11/ Gió thơm phức từ bốn phương nổi lên, có mưa thơm phơi phới, 12/ Trong nước tất cả người tật bệnh đều lành, 13/ Tất cả trong nhà cửa, mọi nơi đều rực sáng không cần đèn đuốc, 14/ Mặt trời, mặt trăng, các sao đều dừng lại không di chuyển, 15/ Sao Tỳ-xá-khư hiện xuống cõi người đứng hầu Thái tử sinh, 16/ Các Phạm Thiên Vương cầm lọng báu bằng lụa trắng che trên cung, 17/ Các Tiên nhân sư đều đem vật báu đến dâng, 18/ Trăm thức ăn cõi trời tự nhiên hiện ra, 19/ Vô số bình báu đựng đầy nước cam lồ, 20/ các xe trời chở báu đến, 21/ Vô số voi trắng đầu đội hoa sen đứng thành hàng trước điện, 22/ Ngựa báu đỏ tự đến, 23/ Năm trăm sư tử trắng đầu đàn từ núi Tuyết hiện ra không còn tánh ác, tâm rất vui mừng ở trước cửa thành, 24/ các kỹ nữ cõi trời ở trên hư không trổi các âm nhạc, 25/ Các ngọc nữ cõi trời cầm phất trần chim công hiện lên vách cung điện, 26/ Các cung nữ cõi trời đều cầm bình vàng đựng đầy nước thơm đứng trên hư không, 27/ Các trời ngợi khen đức của Thái tử, 28/ địa ngục dừng việc hành phạt người tội, 29/ độc trùng ẩn mất, ác quỉ thì khởi tâm lành, 30/ Các ác luật nghi cùng lúc trở thành từ bi, 31/ Các thai phụ trong nước đều sinh con trai, ai bị trăm thứ bệnh tự nhiên lành hết, 32/ Tất cả các thần cây đều hiện ra thân người đến lễ hầu, 32/ Vua các nước khác đều mang tạng các vật báu đến thần phục, 34/ Tất cả trời người đều không nói phi thời.

Khi các thể nữ thấy các điềm lành ấy thì rất vui mừng tự bảo nhau rằng: Thái tử nay sinh có các điềm lành như thế rất mong được sống lâu không có các bệnh khổ, chớ để chúng con sinh tâm buồn khổ. Nói xong, thì lấy áo lông mà bọc cho Thái tử đem về chỗ Hoàng hậu. Lúc đó, trời Tứ Thiên Vương ở trên hư không cung kính theo sau, Thích-đề-hoàn-nhân cầm lọng che mát, có hai mươi tám vị đại quỉ thần vương ở chung quanh che chở giữ gìn.

Bấy giờ, có một người hầu thông minh sáng suốt từ vườn Lâm-

tỳ-ni trở về cung đến chỗ vua Bạch Tịnh thưa rằng: Đại vương oai đức càng tăng mạnh, Hoàng hậu Ma-da sinh Thái tử rồi dung nhan đẹp đẽ, ba mươi hai tướng tám mươi vẻ đẹp, đứng trên hoa sen đi bảy bước, chỉ tay phải nói tiếng sư tử rống rằng ta là bậc tôn quí nhất của trời người, vô lượng sinh tử nay đã hết. Sinh ở đây mà làm lợi ích tất cả trời người. Có các việc kỳ lạ như thế không thể nói hết. Lúc đó, vua Bạch Tịnh nghe người hầu ấy nói xong rất vui mừng, liền cởi chuỗi anh lạc mà ban cho.

Khi ấy, vua Bạch Tịnh bèn trang nghiêm bốn binh, các quyến thuộc vây quanh cùng một ức người dòng họ Thích-ca trước sau cùng đến vườn Lâm-tỳ-ni. Thấy trong vườn ấy có trời, rồng, tám Bộ đều đầy đủ. Bèn đến chỗ Hoàng hậu thì thấy Thái tử thân tướng đẹp đẽ lạ thường, vô cùng mừng rỡ như biển nổi sóng lớn, già trẻ đều rất sợ sệt, như núi chúa Tu-di khó lay động, đất đai rung động thì đây chỉ một động. Vua Bạch Tịnh tánh người vốn rất điềm đạm, thường không lo mừng quá mức, nhưng nay thấy Thái tử thì vừa mừng vừa sợ cũng như thế. Hoàng hậu Ma-da thì tánh điều hòa, khi sinh Thái tử rồi thấy các điềm lạ thì càng thêm hiền dịu. Bấy giờ, vua Bạch Tịnh chắp tay kính lễ các thiên thần, rồi đến ẵm Thái tử đặt trên xe voi bảy báu, cùng các quan và hậu cung thể nữ. Trên hư không các trời trỗi nhạc cùng rước về thành. Lúc đó, vua Bạch Tịnh cùng dòng họ Thích chưa biết Tam bảo. Liền đem Thái tử đến đền thờ Trời. Thái tử vào đền thì các tượng trời Phạm Thiên đều đứng dậy kính lễ Thái tử mà bảo vua rằng: Đại vương nên biết! Thái tử đây là bậc tôn quí nhất của trời, người, trên hư không thiên thần đều kính lễ, Đại vương há chẳng thấy ư? Vì sao nay khiến Thái tử lễ ta. Lúc đó, vua Bạch Tịnh cùng dòng họ Thích và các quan trong ngoài nghe xong thì khen chưa từng có, liền đem Thái tử ra khỏi đền thờ Trời và trở về cung. Lúc đó, cả dòng họ Thích trong cùng ngày ấy đồng sinh năm trăm bé trai.

Kinh Tu Hành Bản Khởi chép: Tám vạn bốn ngàn vị Trưởng giả trong nước đều sinh con trai, tám vạn bốn ngàn con ngựa cái đều sinh ngựa đực, giống tốt sắc lông trắng như tuyết có lông bờm để xỏ châu nên gọi là kiển. Người coi ngựa tên là Xiển-đặc. Kinh Thụy Ứng Bản Khởi nói: người coi ngựa tên là Xa-nặc, ngựa tên là Kiền-trắc. Lúc đó, trong chuồng voi đẻ voi trắng, ngựa sinh bạch câu (ngựa trắng). Trâu dê cũng sinh con đức có năm mầu. Các loại như thế đều có số năm trăm . Vương Tử Thanh Y cũng sinh ra năm trăm thương đầu, Kinh Phổ Diệu nói: năm ngàn thanh y đều sinh ra lực sĩ.

Bấy giờ, trong cung có năm trăm kho báu ngầm tự nhiên trồi lên, mỗi kho ngầm đều có kho bảy báu chung quanh. Lại có các lái buôn lớn ra biển tìm châu trở về nước Ca-tỳ-thi-đẩu. Các lái buôn này đem các châu bau đến dâng tặng. Vua an ủi mọi người các ông xuống biển đều có lợi lớn, có khổ nhọc chăng, các bạn bè đều không bị lạc nhau phải không? Mọi người đều thưa trên đường đi đều rất an ổn. Vua nghe nói thì rất vui. Bèn sai thỉnh Bà-la-môn. Khi nhóm họp xong đều thiết lễ cúng dường hoặc bố thí voi ngựa, cho đến bảy báu, ruộng vườn, nhà cửa, tôi tớ. Cúng dường thì ôm Thái tử ra, hỏi các Bà-la-môn rằng: nên đặt Thái tử tên gì? Các Bà-la-môn cùng luận hồi lâu đáp rằng: lúc sinh Thái tử tất cả kho báu đều trồi lên, lại có các điềm lành, vì nghĩa đó nên đặt tên cho Thái tử là Tát-bà-tất-đạt. Kinh Thụy Ứng Bản Khởi nói: năm trăm kho báu ngầm cùng lúc trồi lên, người đi biển có lợi đều cùng lúc nhóm họp. Các Phạm Chí bói toán đều xưng hô vạn tuế, liền đặt tên Thái tử là Tất-đạt-đa, Hán dịch là Đốn Cát. Khí nói lời ấy thì trên hư không các vị thiên thần đánh trống trời xông hương rải hoa khen rằng lành thay! Các vị trời liền khen Tát-bà-tất-đạt.

Khi ấy tám vua cùng vua Bạch Tịnh trong ngày ấy đều hạ sinh Thái tư, Vua các nước ấy đều rất vui mừng. Nay ta sinh Thái tử có các điềm lạ, mà chẳng biết tướng Tát-bà-tất-đạt, đều nhóm họp Bà-la-môn, đều đặt tên tốt đẹp cho Thái tử. Thái tử thành Vương xá tên là Tần-tỳ-bà-la, Thái tử nước Xá-vệ tên là Ba-tư-nặc, Thái tử nước Thâu-la-câu-tra tên là Câu-lạp-bà, Thái tử nước Độc Tử tên là Ưu-đà-diên, Thái tử nước Bạt-la tên là Uất-đà-la-diên, Thái tử nước Lô-la tên là Tật-quang, Thái tử nước Đức-xoa-thi-la tên là Phất-ca-la, Thái tử nước Bà-la-câu-la-bà tên là Câu-la-bà. Bấy giờ, vua Bạch Tịnh sai khắp các quan hỏi tìm thầy tướng nào thông minh học rộng trí tuệ, được mọi người biết. Các quan liền đi tìm. Bấy giờ trong vườn vua xây một cung điện lớn cửa nẻo, lan can toàn bằng bảy báu. Các quan tìm về được năm trăm vị Bà-la-môn thông minh biết xem tướng. Vua vui mừng, mời các vua đến, rồi thỉnh các Bà-la-môn vào điện cúng dường. Các Bà-la-môn thưa rằng: chúng tôi nghe Đại vương mới sinh Thái tử có các tướng lạ hãy cho chúng tôi xem thử. Vua sai ẵm Thái tử ra, các Bà-la-môn thấy các tướng lạ, khen là điều chưa từng có. Vua bèn hỏi nay xem tướng Thái tử thấy thế nào? Các Bà-la-môn thưa ai sinh con cũng muốn con tốt. Nay Đại vương sinh Thái tử là vật rất quí báu chớ nên lo sợ. Lại nói Thái tử sinh ra Đại vương nói là con vua nhưng chính là mắt thế gian. Chúng tôi thấy Thái tử thân mầu sáng tươi nhuần cũng như vàng ròng, có các

tướng đẹp rất sáng sạch. Nếu xuất gia thì sẽ thành bậc Nhất thiết chủng trí, nếu ở tại gia thì sẽ làm vua Chuyển Luân thống lãnh bốn Thiên tử. Ví như trong các sông, thì biển là bậc nhất, trong các núi thì Tu-di là cao nhất, còn các ánh sáng thì mặt trời là bậc nhất, tất cả mát mẻ chỉ có mặt trăng, trời người thế gian chỉ có Thái tử là tôn quí nhất. Vua nghe nói rất vui mừng, hết buồn lo. Các Bà-la-môn ấy lại tâu vua rằng: có một vị Phạm tiên tên là A-tư-đà đầy đủ năm thần thông ở trên Hương Sơn, ông ấy có khả năng cởi mở các điều nghi của Đại vương. Các Bà-la-môn nói xong thì từ biệt vua mà lui.

Khi ấy, vua Bạch Tịnh nghĩ rằng: Tiên A-tư-đà ở Hương Sơn đường đi hiểm trở ít ai đến được, làm sao mời đến đây? Khi ấy, Tiên A-tư-đà ở xa mà biết được ý nghĩ của vua, lại thấy có các điềm lạ ở trước, hiểu rõ Bồ-tát vì phá sinh tử mà thọ sinh. Bèn dùng thần lực bay trên hư không mà đến trước cửa cung. Vua nghe báo tin rất vui mừng, đích thân ra đón rước kính lễ mời vào cung đãi đằng trọng hậu, rồi hỏi rằng: Tôn giả bốn đại an hòa chăng? Vị tiên đáp: nhờ ân Đại vương tôi thường an ổn. Vua hỏi: hôm nay Tôn giả đến đây khiến dòng họ Thích chúng tôi càng hưng thạnh, từ đó đến nay ngày càng tốt đẹp. Tôn giả đi đâu mà ngang qua đây? Tiên đáp: tôi ở Hương Sơn thấy có ánh sáng rực rỡ và các điềm lành, lại biết ý nghĩ của Đại vương, do đó mà đến đây. Tôi dùng thần lực bay lên hư không, đến nghe các vị trời nói Thái tử sẽ thành bậc Nhất Thiết Chủng Trí, độ thoát trời, người. Lại Thái tử từ hông phải sinh ra rơi trên hoa sen báu, đi bảy bước chỉ tay phải lên trời phát ra tiếng sư tử gầm, bảo rằng: Ta là bậc tôn quí nhất trong trời người, vô lượng sinh tử nay đã dứt hết. Hiện ra đây để lợi ích tất cả trời người, lại các trời vây quanh cung kính. Nghe việc đặc biệt này rất vui mừng, Đại vương nên hoan hỷ. Bây giờ, tôi được phép gặp Thái tử chăng? Vị Tiên bèn được dẫn đến chỗ Thái tử, vua và Hoàng hậu bồng Thái tử ra định lễ vị tiên, lúc đó, vị Tiên ngăn lại, bảo đây là bậc tôn quí nhất trong ba cõi, sao lại lễ tôi? Lúc đó, vị Tiên đứng dậy chắp tay lễ Thái tử. Vua và Hoàng hậu nói xin vị Tiên xem tướng Thái tử. Vị Tiên xem hết các tướng bỗng nhiên khóc òa lên, toàn thân run rẩy như sóng to lắc lư con thuyền nhỏ. Bèn hỏi vị tiên rằng: con tôi có đủ các tướng tốt, có gì chẳng lành mà Tiên buồn khóc như thế? Vị Tiên đáp: Thái tử của Đại vương có đủ tướng, không gì chẳng lành. Vua hỏi: Thái tử có thọ chăng, có làm vua Chuyển Luân, có làm vua bốn thiên hạ chăng? Tuổi tôi đã già muốn trao cho việc nước. Nay Thái tử chỉ muốn xuất gia học Đạo ở chốn núi rừng, Tôn giả xem có chắc chắn như thế chăng? Khi

ấy, vị Tiên đáp: Thái tử có ba mươi hai tướng tốt: 1/ Dưới lòng bàn chân bằng phẳng như đáy hộp – 2/ Dưới chân có hình bánh xe ngàn căm - 3/ Tay chân có ngón dài hơn người – 4/ Tay chân mềm mại hơn thân – 5/ Gót chân rộng đầy đặn – 6/ Ngón chân có màng hơn người – 7/ Mu bàn chân vung cao tương xứng với gót – 8/ Chân dài đẹp như chân nai đầu đàn y-nê-diên – 9/ đứng thẳng hai tay dài đến gối – 10/ Tướng mã âm tàng – 11/ Thân cao rộng như cây ni-câu-lê – 12/ Mỗi lỗ chân lông đều có mầu xanh lông mềm xoắn – 13/ lông mềm mại mầu xanh xoay về bên phải– 14/ tướng mầu vàng ròng cõi Diêm-phù đàn mầu nhiệm- 15/ Ánh sáng từ thân chiếu xa một trượng – 16/ Da mềm mỏng trơn láng không dính bụi, ruồi muỗi không bu đậu – 17/ Bảy chỗ đầy đặn (hai bàn chân, hai nách, hai vai, giữa cổ) đều đầy đủ rõ ràng – 18/ Dưới hai nách bằng đầy như châu ma-ni – 19/ Thân như sư tử – 20/ Thân rộng thẳng – 21/ Vai tròn đẹp – 22/ Có bốn mươi răng – 22/ Răng trắng đều khít và chân sâu – 24/ Bốn răng nanh trắng lớn – 25/ Má vuông như sư tử – 26/ Mùi trong miệng thơm tho, trong cổ họng có hai tuyến tiết nhiều nước bọt – 27/ Lưỡi rộng mềm mỏng, che trùm từ mặt đến tai và chân tóc – 28/ Tiếng Phạm sâu xa như tiếng chim Ca-lăng-tần-già – 29/ Mầu mắt như sao kim – 30/ Tròng mắt to như mắt trâu đầu đàn – 31/ Giữa hai đầu chân mày có sợi lông mềm trắng như đâu-là-miên – 32/ Trên đảnh có nhục kế. Thân có dủ các tướng đẹp như thế. Nếu ở tại gia thì năm mười chín tuổi sẽ làm vua Chuyển Luân, nếu xuất gia thì sẽ thành Nhất thiết chủng trí rộng cứu độ trời, người. Vậy Thái tử sẽ học đạo được thành A-nậu-đa-la-Tam-miệu-Tam-bồ-đề, không bao lâu sẽ xoay bánh xe pháp thanh tịnh lợi ích trời người, mở mắt thế gian. Nay tôi tuổi đã một trăm hai mươi, chẳng bao lâu nữa sẽ qua đời mà sinh về cõi trời Vô Tưởng, không được thấy Phật ra đời, không được nghe kinh pháp, cho nên rất lo buồn. Vua lại hỏi Tôn giả nói có hai điều; một là sẽ làm vua, hai là sẽ thành Chánh giác, mà nay sao nói chắc chắn thành Nhất thiết chủng trí. Vị Tiên nói: Theo tướng pháp của ta, nếu chúng sinh nào có ba mươi hai tướng mà sinh không đúng chỗ, hoặc chỉ tay không rõ ràng thì người này sẽ làm vua Chuyển Luân. Ta thấy Thái tử các tướng đều đầy đủ rất tỏ rõ cho nên chắc chắn sẽ thành Chánh giác. Vị Tiên nói xong liền từ bệt vua mà về núi.

PHẦN II:

Khi vua Bạch Tịnh nghe lời quyết định của vị Tiên thì lòng rất lo buồn, chỉ sợ Thái tử xuất gia. Liền chọn năm trăm người hầu hiền hòa

thông minh để hầu hạ Di mẫu và trông nom Thái tử. Có người chuyên lo cho bú, bồng ẵm hoặc tắm rửa, giặt giũ, v.v... lo lắng cho Thái tử rất đầy đủ. Lại xây riêng cung điện ba mùa ấm mát, lạnh nóng đều ở chỗ riêng. Điện này đều trang sức bằng bảy báu màn nệm quần áo đều hợp mùa. Vua sợ Thái tử bỏ nhà đi học đạo nên làm cho cửa thành đóng mở đều có tiếng vang nghe xa đến bốn mươi dặm. Lại chọn năm trăm kỹ nữ hình dung đẹp đẽ không gầy không mập, không cao không thấp, không đen không trắng, tài năng đều giỏi giang đeo chuỗi anh lạc báu, mỗi ca một trăm người thay nhau túc trực hầu hạ. Trước điện có nhiều hàng cây trái ngọt, cành lá hoa trái đẹp đẽ xinh tươi. Lại có các hồ nước sạch lắng trong, bên ao đầy cỏ thơm, trong ao có nhiều hoa sen lạ đẹp ngát hương. Có rất nhiều loài chim quí lạ, màu sắc rực rỡ, khiến vui mắt vui lòng Thái tử - Thái tử mới sinh được bảy ngày thì mẹ mất. Vì có công đức lớn mang thai Thái tử nên được sinh lên cõi trời Đao-lợi thọ hưởng phước trời. Thái tử tự biết mình phước đức oai trọng không có người nữ nào đáng nhận Thái tử kính lễ, nên bà mất sớm và sinh lên cõi trời.

Khi ấy, Di mẫu của Thái tử là bà Ma-ha-ba-xà-ba-đề nuôi nấng Thái tử như mẹ ruột không khác. Lúc đó, vua Bạch Tịnh sai làm mũ bảy báu đeo chuỗi anh lạc cho Thái tử. Thái tử lớn dần thì sắm xe voi ngựa, trâu dê, các đồ chơi của trẻ con đều đầy đủ. Lúc đó, cả nước lập đàn bố thí, lúa thóc trúng mùa, mưa gió hòa thuận, không có trộm cướp, đất nước yên vui, đều là do năng lực phước đức của Thái tử. Lúc đó, vua lấy năm trăm người con do các người hầu sinh ra để hầu hạ Thái tử, như Xa-nặc, v.v...

Thái tử lên bảy tuổi thì vua cha nghĩ rằng con ta đã lớn phải cho học hành. Bèn tìm các Bà-la-môn thông minh tài giỏi đến dạy Thái tử. Lúc đó, có một Bà-la-môn tên là Bạt-đà-la-ni cùng năm trăm Bà-la-môn làm quyến thuộc nhận lời mời của vua, bèn bảo các Bà-la-môn rằng: nên chọn Tôn giả Dục Khuất làm thầy Thái tử có được chăng. Các Bà-la-môn nói tùy theo sự hiểu biết mà dạy Thái tử. Lúc đó, vua liền xây trường học lớn cho Thái tử, đều dùng bảy báu để trang sức bàn ghế và các dụng cụ học tập. Bèn chọn ngày tốt mà khai trường. Khi đó, Bà-la-môn dùng sách bốn mươi chín chữ làm gốc dạy Thái tử học. Khi ấy, Thái tử hỏi thầy đây là sách gì? Trong Diêm-phù-đề tất cả các sách gồm có mấythứ. Thầy nín thinh chẳng biết đáp ra sao. Lại hỏi một chữ A nầy có những nghĩa gì. Thầy cũng làm thinh chẳng đáp được, trong lòng xấu hổ liền đứng dậy lạy Thái tử và khen ngợi rằng: Thái tử hồi mới sinh ra đã đi bảy bước tự nói là bậc tôn quí nhất trong cõi trời,

cõi người. Lời nói này không gian dối, vậy xin nói cho biết sách trong Diêm-phù-đề gồm có mấy thứ. Thái tử đáp rằng: Sách trong Diêm-phù-đề hoặc có Phạm thư, hoặc Khư-lâu Thư hoặc Liên Hoa Thư, v.v... gồm sáu mươi bốn thứ.

Kinh Phổ Diệu nói: Bồ-tát tay cầm bút vàng, sách Chiên-đàn, lệ với minh châu, hỏi thầy chọn bạn, nay thầy đem sách nào mà dạy con? Thầy đáp: truyền dạy Phạm Khư Lưu. Bồ-tát đáp: Sách lạ ấy có sáu mươi bốn thứ. Nay thầy nói có hai thứ vậy nó tên gì? Đáp: đó là Phạm Thư Khư-lưu Thư, Hộ Chúng Thư, Tật Kiên Thư, Long Quỉ thư, Kiền-đạp-hòa thư, A-tu-luân Thư, Lộc Luân Thư, Thiên Phúc Thư, Chuyển Số Thư, Chuyển Nhãn Thư, Quán Không Thư, Nhiếp Thủ Thư v.v... sáu mươi bốn thứ sách này định đem sách nào mà dạy con. Lúc đó, thầy vui mừng nói kệ khen ngợi Bồ-tát. Vì các trẻ mỗi thứ phân biệt ngọn ngành các chữ, khuyên phát Chánh Chân Đạo Ý vô Thượng.

Kinh Thụy Ứng Bản Khởi nói: Thời đó, cách Phật đã lâu, sách thiếu hai chữ. Hỏi thầy, thầy không biết. Liền nêu chí mình chữ A này là tiếng Phạm, lại chữ này nghĩa là không thể hư hoại, cũng là nghĩa Đạo Vô Thượng Chánh Chân. Phàm như nghĩa này có vô lượng vô biên chữ. Khi ấy, Bà-la-môn rất hổ thẹn, bèn đến chỗ vua thưa rằng: Thái tử là vị thầy bậc nhất của thiên hạ, sao lại bảo tôi dạy. Vua cha mừng rỡ khen rằng chưa từng có, bèn cúng dường trọng hậu tùy ý Bà-la-môn. Phàm các thứ nghề khéo, sách vở, luận nghị, thiên văn, địa lý, toán số, bắn tên, cỡi ngựa v.v... Thái tử đều biết rõ.

Khi Thái tử lên mười tuổi thì năm trăm trẻ con trong dòng họ Thích cũng đồng tuổi. Người em bà con là Đề-bà-đạt-đa, kế là Nan-đà và Tôn-đà-la-nan-đà v.v... có người có ba mươi tướng, có người có ba mươi mốt tướng. Cũng có người có ba mươi hai tướng nhưng tướng không rõ ràng, đều đấu tài về sức mạnh. Lúc đó, Đề-bà-đạt-đa và năm trăm trẻ em nghe Thái tử thông thạo các nghề, tiếng đồn khắp mười phương. Bèn bảo nhau rằng: Thái tử tuy thông minh trí tuệ, hiểu rõ các sách luận nhưng sức mạnh chưa hẳn đã thắng, chúng ta muốn thi tài với Thái tử.

Lúc đó, vua mời các người có tài bắn tên giỏi trong nước đến dạy. Thái tử bèn ra vườn sau bắn trống sắt. Bấy giờ, vị thầy trao một cung nhỏ cho Thái tử. Thái tử hỏi đưa cái này cho tôi để làm gì? Thầy đáp: Muốn dạy Thái tử bắn trống sắt này. Thái tử nói cung này quá yếu. Gộp cả bảy cung như thế mà bắn thì mũi tên đi qua bảy trống sắt. Thầy bắn tâu vua rằng: Thái tử tự biết nghề bắn tên, năng lực mũi tên xuyên qua

bảy trống sắt. Trong cõi Diêm-phù-đề này không ai làm được, sao lại bảo tôi làm thầy? Vua cha nghe nói lòng rất vui mừng, nghĩ rằng con mình thông minh, thư luận toán số bốn phương xa gần đều biết mà tài bắn tên thì chưa ai biết. Vua bèn ra lệnh khua chiêng đánh trống trong cả nước. thông báo rằng: Bảy ngày nữa Thái tử Tát-bà-tất-đạt và năm trăm thiếu niên như Đề-bà-đạt-đa v.v... sẽ thi tài, trong dân chúng ai có sức mạnh, tài năng cũng được tham dự. Đến ngày Đề-bà-đạt-đa cùng quyến thuộc đến trước ra cửa thành. Lúc đó, có một con voi lớn đứng chặn ngang, quân lính và dân chúng chẳng dám qua. Đề-bà-đạt-đa thấy thế bèn một mình tiến lên một tay đánh voi té nằm dưới đất, do đó dân chúng phải len lách từ từ mà qua. Khi ấy, Nan-đà đến sau hỏi sao đi chậm thế, bèn tiến lên dùng chân hất xác voi nằm qua một bên đường, vô số người đến xem. Bấy giờ, Thái tử và quyến thuộc cũng đến nơi, nghĩ rằng chính lúc này phải tỏ bày sức mạnh. Bèn đến lưng voi ném ra ngoài thành rồi chạy thật nhanh đến hứng đỡ voi xuống, tránh gây tổn thương dân chúng. Sau đó, voi sống lại mà không đau đớn gì. Dân chúng đều khen là việc chưa từng có. Vua nghe tin càng lấy làm lạ. Như thế Thái tử, Đề-bà-đạt-đa, Nan-đà, v.v... cùng người dân xa gần đều nhóm họp ở vườn sau. Bấy giờ, trong vườn đã bày đủ các thứ trống vàng, trống bạc, trống Thạch Du, các trống đồng sắt đều có bảy cái. Khi ấy, Đề-bà-đạt-đa bắn trước suốt qua ba trống vàng, kế Nan-đà cũng bắn qua ba trống vàng. Người xem đều khen hay. Bấy giờ, các quan đều nói Đề-bà-đạt-đa và Nan-đà đã bắn xong, nay đến lượt Thái tử. Thái tử nói cung này yếu lắm hãy tìm cái mạnh hơn. Sau cùng, khiêng ra cái cung của Tổ vương cất ở trong kho. Thái tử một lần buông tên thì suốt qua bảy trống, mũi tên lại chui vào đất, phá thành suối nước chảy ra, mũi tên ấy cũng chui luôn vào núi đại Thiết vi. Bấy giờ, Đề-bà-đạt-đa và Nan-đà vật nhau nhưng sức ngang bằng không ai hơn ai. Thái tử bèn đến tay nắm hai em vật té xuống đất nhưng vì lòng từ mà không gây thương tổn cho ai. Ai nấy nhìn thấy Thái tử có sức mạnh như thế thì đều lớn tiếng hoan hô. Vua Bạch Tịnh nghĩ Thái tử không phải chỉ hơn người về trí tuệ mà còn hơn cả về sức mạnh, nên càng nể phục hơn.

Bấy giờ, vua Bạch Tịnh nhóm họp các quan bàn rằng: Nay Thái tử đã lớn khôn, trí tuệ sức khỏe đều đầy đủ. Vậy phải lấy nước bốn biển mà rót trên đầu Thái tử vào ngày mồng tám tháng hai. Ngày ấy, vua các nước nhỏ và các Bà-la-môn cũng đều đến hội. Lễ hội treo cờ phướn lọng báu xông hương, tung hoa, gõ chuông đánh trống trỗi các thứ nhạc, dùng bình bảy báu đựng đầy nước bốn biển do các vị Tiên đội trên đầu

rồi lần lượt trao cho Bà-la-môn, các quan cũng đội trên đầu rồi lần lượt trao cho vua, đến bảy lần như thế. Rồi mới rót lên đầu Thái tử và trao cho ấn bảy báu. Lại đánh trống lớn mà xướng rằng: “Nay lập Tát-bà-tất-đạt làm Thái tử!” Khi ấy, trên hư không trời, rồng, Dạ-xoa, người, chẳng phải người cùng trỗi nhạc trời, khác miệng đồng tiếng hô rằng: Lành thay, nay nước Ca-tỳ-la lập Thái tử. Lúc đó, tám vị vua khác vào ngày ấy cũng đồng lập Thái tử.

Bấy giờ, Thái tử xin vua cha dạo chơi, được vua che phép. Sau cùng Thái tử và các quan dạo khắp, khi đến một thửa ruộng nọ ngồi nghỉ mát dưới cây Diêm-phù nhìn xem nông dân cày ruộng. Khi ấy, trời Tịnh cư hóa thành côn trùng bị chim mổ ăn. Thái tử thấy thế phát tâm từ bi, chúng sinh đáng thương ăn nuốt lẫn nhau. Rồi suy tư lìa ái cõi Dục, như thế cho đến được Địa vị Tứ thiền. Mặt trời sáng rực, cây rủ cành che mát Thái tử. Khi ấy vua rảo mắt tìm Thái tử thì quan hầu thưa Thái tử đang ở dưới cây Diêm-phù. Vua và các quan đến gần thì thấy Thái tử đang ngồi suy nghĩ, cây rủ cành che mát cho là kỳ lạ. Vua cầm tay Thái tử hỏi vì sao ngồi đây. Thái tử nói: thấy chúng sinh ăn nuốt lẫn nhau mà con đau xót quá. Nghe lời ấy vua càng buồn lo việc Thái tử xuất gia. Vậy phải gấp cưới vợ để làm vui ý Thái tử. Bèn ra lệnh trở về. Thái tử đáp: cho con ngồi lại đây. Nghe lời ấy, vua nhớ lại lời vị Tiên A-tư-đà nói ngày nào, nên rơi lệ lo lắng, bèn vội vã hối về. Thái tử phải theo về. Vua sợ Thái tử không thích ở tại gia bèn tăng thêm số kỹ nữ để đùa vui.

Bấy giờ, Thái tử đã mười bảy tuổi. Vua nhóm họp họp các quan bàn việc cưới vợ cho Thái tử. Các quan đáp: có một Bà-la-môn dòng họ Thích tên là Ma-ha-na-ma có con gái tên là Gia-du-đà-la nhan sắc tuyệt trần, trí tuệ thông minh, tài giỏi hơn người lễ nghi đầy đủ, xứng đáng làm vợ Thái tử. Vua bằng lòng, liền sai các người nữ trong cung thông minh trí tuệ đến nhà Trưởng giả Ma-ha-na-ma xem dung nghi, đức hạnh của cô gái ra sao, có thể ở đến bảy ngày. Nghe lệnh vua, các quan bèn đến nhà Trưởng giả liền ở bảy ngày xem kỹ cô gái. Rồi trở về cung thưa vua rằng: cô gái dung nhan tánh hạnh tài giỏi khó ai sánh bằng. Vua rất mừng, bèn sai người đến nhà Ma-ha-na-ma cưới cô gái làm vợ Thái tử. Ma-ha-na-ma đáp lời Sứ thần rằng: vâng theo sắc chỉ của vua. Vua bèn sai các quan chọn ngày tốt đem ngàn muôn cổ xe mà đón Gia-du về cung, tổ chức lễ cưới rất linh đình. Vua lại tăng thêm số kỹ nữ ngày đêm ca hát. Khi ấy, Thái tử và vợ đi đứng ngồi nằm không rời, nhưng chẳng có ý thế tục, trong đêm thanh vắng chỉ lo thiền quán. Khi ấy, hằng ngày

vua hỏi thăm các thể nữ rằng Thái tử và vợ có thường gần gũi nhau không. Các thể nữ tâu không thấy Thái tử có đạo vợ chồng. Vua càng sầu não chẳng vui, lại tăng thêm kỹ nữ nhưng Thái tử vẫn không vui, cũng không tiếp xúc. Vua càng sợ Thái tử chẳng có con trai.

Kinh Phổ Diệu nói: Lúc đó, các lực sĩ các Trưởng giả dòng họ Thích tâu vua rằng: Nếu Thái tử thành Phật thì sẽ dứt dòng giống vua. Vua nói: nơi nào có ngọc nữ để làm vợ vua. Bồ-tát nghĩ rằng ta không có tham dục, bỏ cõi trời Đâu-suất đến đây, nay dùng phương tiện mà thử xem. Bèn khiến thợ giỏi đúc một pho tượng vàng trên có viết chữ người nữ nào có đức như ta nói thì sẽ cưới. Lúc đó, vua Bạch Tịnh bảo Hữu Phạm Chí vào nước Ca-duy-vệ tìm khắp, thì thấy có một ngọc nữ trong sạch như hoa sen báu. Vua hỏi là con ai. Đáp: là con của Chấp Trượng họ Thích. Vua nói: sợ không vừa ý hãy để Thái tử tự chọn. Bèn mời các cô gái đẹp ở nước La-vệ đến giảng đường. Lúc đó, cô gái họ Thích là Câu-di đến chỗ Bồ-tát, nhìn Bồ-tát không nháy mắt. Bồ-tát mỉm cười cầm Bảo anh trao cho Câu-di. Câu-di đáp: Tôi chẳng tham vật báu chỉ trang nghiêm bằng công đức. Vua sai Phạm Chí đến cầu hôn cô gái cho Thái tử. Chấp Trượng nói: Bản tánh tôi thích ai có tài thì gả cho. Vua hỏi Bồ-tát có thi tài được chăng? Bồ-tát đáp được. Vua sai khắp cả nước gióng trống khua chiêng thông báo bảy ngày nữa Thái tử thi tài. Các người có tài năng đều đến hội họp thi tài, ai thắng thì gả con gái cho. Do đó, Điều-đạt tay phải nắm voi bằng tay trái và đánh chết. Na-đà ra khởi thành kéo voi sang bên đường. Bồ-tát ra cửa thành nói để thân voi to ở đây sẽ hôi thúi cả thành, bèn dùng tay phải nắm voi quăng ra khỏi thành. Lúc đó, có Đại thần là Diệm Quang tài giỏi bậc nhất về toán thuật thì tự nói toán thuật cũng không bằng Thái tử. Cây cỏ, thuốc men mỗi giọt cũng biết được. Các thứ xu bồ, lục bác, thiên văn, địa lý, tám muôn thuật lạ, tất cả các hội đều chẳng bằng Bồ-tát. Điều-đạt và Nan-đà muốn đánh Ngài, Ngài thương xót ném thân Điều-đạt lên hư không quay ba vòng khi rơi xuống không hề đau đớn. Vua và dòng họ Thích muốn thi bắn cung. Điều-đạt bắn qua trống xa bốn mươi dặm, Nan-đà thì bắn qua trống sáu mươi dặm, còn Bồ-tát thì bắn qua trống xa một trăm dặm. Khi Bồ-tát kéo dây cung thì cung gãy. Hỏi có cung khác thay chăng, thì vua nói ông nội ta có cây cung lạ chưa ai sử dụng được, để trong đền thờ Trời, hãy mang đến đây. Tất cả dòng họ Thích không ai giương cung nổi. Bồ-tát thử dây cung thì tiếng vang xa, mọi người trong thành đều nghe. Bắn ra tên trúng trống xa một trăm dặm rồi chui luôn xuống đất, khiến suối phun bắn nước lên. Mũi tên lại chui

luôn vào trong núi Thiết vi khiến cõi Tam thiên rung chuyển sáu cách. Tất cả dòng họ Thích đều khen là chưa từng có. Lúc đó, Chấp Trượng họ Thích bèn gả con gái là Câu-di gả cho Thái tử làm vợ, thể theo thế tục mà tỏ vẻ vui mừng.

Kinh Tu Hành Bản Khởi nói: Năm Thái tử mười bảy tuổi, vua nêu tên các cô gái đều không vừa ý. Có một vua nước nhỏ tên là Tu-ba-phất, Hán dịch là Thiện Giác, có con gái tên là Câu-di, xinh đẹp khó ai sánh bằng, tám nước đều cầu hôn nhưng vua không gả. Vua Bạch Tịnh xin cưới cho Thái tử thì Thiện Giác buồn lo. Nếu không bằng lòng thì sợ bị giết, nếu gả đi thì tám nước kết oán. Cô gái nói: "Hãy thi tài, ai thắng thì con làm vợ người ấy. Vua bèn ra lệnh cho các quan đều đến chỗ thi tài. Thái tử nâng voi lên khỏi đầu, lại bắn trúng núi Thiết vi. Vua Thiện Giác bèn gả con gái cho Thái tử.

Kinh Thụy Ứng Bản Khởi chépi: Năm Thái tử mười bảy tuổi vua chọn vợ cho cả ngàn người, cuối cùng có một cô gái tên là Câu-di, xinh đẹp lễ nghi bậc nhất, ấy là cô gái bán hoa đời trước. Thái tử cưới lâu mà không gần gũi, người vợ có ý dục muốn gần. Thái tử nói: có hoa đẹp đặt giữa nàng và ta cùng xem không tốt sao? Câu-di lại đặt hoa đẹp, rồi lại muốn gần. Thái tử nói: loại hoa ấy dơ bẩn giường chiếu, nếu có áo lông đặt giữa nhau cùng nhìn chẳng tốt sao? Người vợ lại sắm áo lông, lại có ý muốn gần. Thái tử nói người dơ bẩn làm dơ áo này. Người vợ không dám muốn gần nữa. Các thị nữ đều nghi Thái tử là bất sanh nam. Thái tử chỉ tay vào bụng vợ nói sáu năm sau sẽ có con trai, Câu-di bèn có thai.

Kinh Đại Thiện Quyền nói: Sao Bồ-tát mà có gia thất? Bồ-tát vốn vô dục mà hiện ra có vợ con là để ngăn ngừa người nghi ngờ Bồ-tát không phải đàn ông, hoặc bị thiến, cho nên cưới Cù-di làm vợ. Con là La-vân ở trên cõi trời chết rồi hóa sinh xuống, chẳng do cha mẹ tạo thành, là do bổn nguyện của Bồ-tát mà như thế.

Bấy giờ, Thái tử nghe các kỹ nữ đờn ca múa hát, trong vườn hoa quả xinh tươi, suối nước trong mát. Thái tử chợt muốn đi dạo chơi. Liền sai kỹ nữ đến tâu vua rằng ở trong cung lâu ngày nay muốn đi dạo chơi. Vua nghe rất mừng, nghĩ rằng con mình không muốn ở trong cung làm đạo vợ chồng, do đó muốn ra ngoài dạo chơi. Bèn ra lệnh sửa sang vườn rừng, đường sá sạch đẹp. Thái tử chào vua ra đi. Vua sai một quan hầu cận rất thông minh, biết nhiều nói khéo, theo hầu Thái tử.

Khi ấy, Thái tử cùng các quan hầu ra cửa thành đông. Lúc đó, người dân đông như tuyết. Bấy giờ, Tịnh Cư bèn biến thành một người

già đầu bạc lưng còng chống gậy lê từng bước. Thái tử liền hỏi quan hầu: đây là ai? Quan hầu đáp: đây là người già. Thái tử hỏi vì sao gọi là già? Người hầu đáp: người này ngày xưa cũng trẻ thơ, rồi thành thiếu niên, rồi trung niên, các căn dần dần thay đổi, suy yếu ăn uống kém, khí lực suy, đứng ngồi khổ sở v.v... cho nên gọi là Già. Thái tử hỏi chỉ người này thôi hay tất cả đều như thế. Quan hầu đáp tất cả đều phải như thế. Khi ấy, Thái tử rất buồn khổ nghĩ rằng ngày tháng qua mau, thời gian biến đổi, già đến như điện chớp, biết nhờ cậy ai. Nay ta giàu sang cũng đâu riêng tránh khỏi, vì sao người đời không sợ hãi. Thái tử từ xưa đến nay không thích ở đời nghe việc này càng chán sợ. Liền quay xe trở về. Vua nghe nói mà lòng không vui, sợ Thái tử học đạo bèn tăng thêm kỹ nữ để đùa vui.

Sau đó, Thái tử lại xin phép vua cha dạo chơi. Vua lo lắng nghĩ rằng lần trước Thái tử gặp một người già nên không vui, nay lại đi dạo nữa. Nên Vua phải chiều ý Thái tử, nhưng ngầm sai người sửa sang đường sá sạch đẹp treo đèn kết hoa và cho dẹp hết kẻ già bệnh trên hè phố. Lúc đó, ngoài bốn cửa thành đều có vườn hoa, cây cối, hoa lá đẹp tươi, ao hồ lầu đài đều đẹp đẽ. Vua lại bảo quan hầu nên dẫn Thái tử ra cửa Nam. Lúc đó, trời Tịnh Cư biến thành một người bệnh thân ốm gầy, bụng to thở gấp, mặt mày tái vàng, bủn rủn lập cập nằm ở bên đường. Thái tử hỏi đây là ai? Quan hầu đáp: đây là người bệnh. Thái tử hỏi người bệnh là sao? Quan hầu đáp: Người bệnh là do ăn uống vô độ, bốn đại không điều hòa nên bị bệnh, mình mẩy đau nhức, ăn ngủ đều kém, phải nhờ người đỡ mới ngồi dậy được. Khi ấy, Thái tử rất thương xót thấy người bệnh mà lòng buồn lo. Lại hỏi mọi người đều như thế hay chỉ có người này? Đáp rằng: Tất cả mọi người sang hèn giàu nghèo đều bị bệnh. Thái tử nghĩ rằng bệnh này gây ra nhiều khổ sở, sao người đời lại mê đắm? Thái tử buồn chán, thân tâm rung động như ánh trăng đáy nước nổi sóng. Bảo rằng thân này là một đống khổ lớn, người đời cùng với nó vui thú ngu si chẳng biết giác ngộ. Nay sao còn đến vườn hoa để đùa vui được nữa. Bèn quày xe về cung, tự ngồi suy nghĩ mà không vui. Vua hỏi quan hầu Thái tử đi chơi có vui không? Quan hầu đáp Thái tử ra cửa thành phía Nam gặp một người bệnh nên không vui trở về. Lúc đó, vua hỏi các quan vì sao ta đã bảo dọn dẹp đường sá sạch đẹp, cấm bày các thứ dơ bẩn và người già bệnh, sao lại để Thái tử gặp người bệnh. Các quan đáp: Hạ thần đã xem xét rất kỹ không chút sơ sót mà không biết vì sao lại có người bệnh này, chẳng phải là lỗi của hạ thần. Vua hỏi tất cả đều thấy người bệnh ở bên đường vậy từ đâu đến.

Quan hầu tâm không rõ tung tích không biết từ đâu đến. Vua nghĩ Thái tử còn do dự đối với việc học Đạo bèn tăng thêm nhiều kỹ nữ để dùng năm dục quyến rũ Thái tử.

Khi ấy, có người con trai của Bà-la-môn tên là Ưu-đà-di rất thông minh biện tài. Vua gọi đến bảo rằng: Nay Thái tử không thích ở đời thọ hưởng năm dục, sợ không bao lâu sẽ xuất gia học Đạo, cháu nên cùng Thái tử làm bạn nói đủ các chuyện vui năm dục thế gian khiến Thái tử động tâm mà không xuất gia. Ưu-đà-di đáp: Thái tử thông minh khó ai bằng, biết các sách luận rất sâu rộng mà cháu chưa từng nghe, làm sao khuyên dụ được, chỉ như sợi tơ vắt ngang núi Tu-di, cháu cũng như thế, chẳng thể làm hồi tâm Thái tử được. Cháu sẽ cố gắng hết sức. Lúc đó, Ưu-đà-di cùng đi đứng ngồi nằm với Thái tử chẳng dám lìa bỏ. Vua càng chọn nhiều kỹ nữ thông minh đẹp đẽ, giỏi ca múa dễ mê hoặc lòng người, trang sức lộng lẫy đến hầu hạ Thái tử.

Lâu sau Thái tử lại xin phép vua dạo chơi, vua nghĩ đã có Ưu-đà-di bầu bạn nay dạo chơi sẽ hơn lần trước không còn chán tục mà đi xuất gia. Vua bàn với các quan hai lần trước đã gặp già, bệnh mà sầu lo. Nay dắt sang cửa thành Tây, lại có bạn là Ưu-đà-di thì sẽ không như trước. Rồi sai sửa sang đường sá, lầu đài, vườn hoa xông hương, cờ phướn rợp trời. Lại sai dẹp hết những người già bệnh dơ dáy, khắp nơi đều có nhiều kỹ nữ xinh đẹp mùa hát. Và bảo Ưu-đà-di nếu giữa đường gặp việc chẳng lành thì hãy phương tiện khéo nói. Còn các quan thì phải quan sát kỹ, nếu có việc không tốt bày ra thì phải nhanh chóng tránh xa hoặc đuổi đi. Khi ấy, Thái tử và các quan ra đi có xông hương tung hoa, có trỗi nhạc véo von. Trời Tịnh cư nghĩ rằng: hai lần trước ta hiện già, bệnh, mọi người đều thấy khiến vua Bạch Tịnh nổi giận chê trách. Nay vua sai người rình kỹ canh gác nghiêm ngặt nếu để mọi người nhìn thấy thì vua sẽ nổi giận giết chết tất cả. Vậy nay chỉ hiện riêng cho Thái tử và Ưu-đà-di thấy mà thôi. Nghĩ đoạn, trời Tịnh Cư liền hiện ra một thây chết có bốn người khiêng, rải hoa đốt hương, vợ con chạy theo sau kêu khóc. Thái tử hỏi đây là ai mà có hương hoa trang nghiêm, lại nhiều người chạy theo kêu khóc như thế? Lúc đó, Ưu-đà-di nhớ lời vua dặn nên im lặng không đáp. Hỏi đến lần thứ ba thì do thần lực của trời Tịnh Cư khiến Ưu-đà-di đáp rằng: đó là người chết. Sao gọi là chết? Ưu-đà-di nói: Chết rồi thần thức đi mất, các căn không còn biết gì. Người này ở đời mê đắm năm dục, tham tiếc tiền của, làm lụng cực khổ, chỉ biết chứa nhóm, chẳng biết vô thường. Nay một sớm ra đi, cha mẹ bà con thương xót. Chết rồi thì như cỏ cây, ân tình tốt xấu chẳng còn liên quan.

Như thế chết rồi thì thật đáng thương. Thái tử nghe xong rất ghê sợ. Lại hỏi chỉ có người này chết hay người khác cũng như thế. Liền đáp tất cả mọi người đều phải như thế, không có sang hèn nào khỏi được. Thái tử tánh rất điềm đạm nghe nói cũng không tự an, bèn bảo nhỏ với Ưu-đà-di rằng: Thế gian có khổ này sao ở trong đó mà buông lung, tâm như gỗ đá chẳng biết sợ hãi. Liền ra lịnh trở về. Các quan tâu hai lần trước chưa đến vườn hoa, khiến Đại vương phiền trách, nay đâu dám như thế. Ưu-đà-di nói vậy thì chưa về được, phải đến vườn ấy. Hương hoa phướn lọng đầy đủ, các thể nữ ca múa đẹp như ngọc nữ, ai nấy đều muốn làm vui lòng Thái tử. Thái tử tâm yên tịnh chẳng dời, liền nghĩ ngơi dưới bóng cây mà ngồi yên suy nghĩ. Nhớ xưa từng ở dưới cội cây Diêm-phù, xa lìa cõi Dục, cho đến được Định Tứ Thiền. Khi ấy, Ưu-đà-di đến bên Thái tử bảo rằng: Đại vương ra lệnh làm bạn với Thái tử để khai ngộ cho nhau. Có ba việc; một là nếu thấy có lỗi thì khuyên can nhau, hai là nếu thấy có điều tốt thì tùy hỷ, ba là nếu có tai nạn thì chớ bỏ nhau. Nay tôi nói thật không sợ phiền trách. Từ xưa các vua cho đến nay đều hưởng thú vui năm dục, sau mới xuất gia. Thái tử vì sao dứt hết không đoái hoài. Vả lại người đời phải thuận theo tình người, không ai bỏ nước mà học Đạo. Cúi mong Thái tử hưởng vui năm dục khiến có con cái nối dõi không để dứt dòng giống vua. Thái tử đáp rằng: đúng thật như điều ông nói, ta không quên đất nước, cũng chẳng nói năm dục không vui nhưng vì sợ các khổ sinh già bệnh chết, cho nên đối với năm dục chẳng dám mê đắm. Ông vừa nói xưa các vua trước trải năm dục sau mới xuất gia, các vua này nay ở đâu. Vì ái dục nên nay đang ở địa ngục, hoặc ngạ quỉ, hay súc sinh, hoặc ở cõi trời, cõi người. Vì có khổ trôi nổi như thế, cho nên ta muốn lìa các khổ già bệnh và pháp sinh tử, vì sao ông lại xúi giục ta nhận lấy. Lúc đó, Ưu-đà-di đem hết biện tài khuyên can nhưng không làm Thái tử đổi ý, liền rút lui. Thái tử ra lệnh về cung ngay. Mọi người đều lo âu, buồn bã như người có tang cha mẹ. Thái tử về cung rồi. Vua Bạch Tịnh hỏi Ưu-đà-di: Thái tử hôm nay dạo chơi có vui không? Ưu-đà-di nói: Thái tử ra khỏi thành chẳng bao xa thì gặp một người chết cũng không biết từ đâu đến. Thái tử và con đồng thấy, Thái tử hỏi đây là ai, thì con cũng bất giác đáp là người chết. Khi ấy, vua hỏi các quan tùy tùng có thấy người chết hay không thì đều đáp là không thấy. Vua nghĩ chỉ riêng Thái tử và Ưu-đà-di thấy thì đó là ý trời nên hết sức lo buồn, bèn gấp rút tăng thêm số kỹ nữ ca múa. Hằng ngày sai người can ngăn Thái tử rằng: Nước là của ông vì sao cứ mãi buồn lo không vui. Vua lại ra lịnh các kỹ nữ ngày đêm thường làm vui lòng Thái tử. Khi

ấy, vua Bạch Tịnh biết việc do ý trời nhưng càng thương Thái tử chẳng thể chẳng nói. Vua nghĩ trước đây Thái tử đã ra dạo chơi ba cửa thành chỉ có cửa Bắc là chưa đến, không bao lâu sẽ cũng dạo qua. Vậy phải sửa sang đường sá ao vườn cho thật đẹp đẽ, chớ nên để chút gì cho Thái tử không vừa ý. Vua lại khấn vái các Thánh thần chớ hiện những điềm chẳng lành làm cho Thái tử lo buồn. Rồi sai các quân đi trước dọn dẹp và trang hoàng nếu Thái tử có dạo chơi. Lâu sau, quả nhiên Thái tử và Ưu-đà-di cùng các quan ra thăm cửa Bắc. Khi đến vườn hoa, Thái tử xuống xe ngồi nghỉ dưới gốc cây và suy nghĩ về các khổ già, bệnh, chết. Bấy giờ, trời Tịnh Cư hiện ra một thầy Tỳ-kheo mặc pháp phục ôm bát, tay chống tích trượng nhìn xuống đất mà đi ở trước Thái tử. Thái tử hỏi ông là ai? Tỳ-kheo đáp: tôi là Tỳ-kheo. Thái tử hỏi: Tỳ-kheo là gì? Đáp: Dứt trừ các kiết tặc, chẳng chịu thân đời sau gọi là Tỳ-kheo. Thế gian đều vô thường, tôi học Thánh đạo vô lậu, chẳng đắm nhiễm sắc thanh, hương, vị, xúc, pháp, thường được vô vi, đến bờ giải thoát. Nói xong liền hiện thần thông bay lên hư không mà đi. Lúc đó, các quan theo hầu đều thấy. Thái tử thấy thầy Tỳ-kheo lại nghe nói công đức xuất gia hợp với việc chán dục từ xưa nên bảo rằng: Lành thay! Lành thay! Trong trời, người chỉ có Tỳ-kheo là hơn hết. Quyết tâm tu học đạo ấy. Liền ra lệnh trở về. Thái tử rất vui mừng nghĩ rằng: Trước ta thấy khổ già, bệnh, chết, ngày đêm lo sợ bị chúng ép ngặt. Nay thấy Tỳ-kheo khai ngộ tâm ta bày đường giải thoát. Bèn suy nghĩ tìm cách xuất gia. Khi ấy, vua Bạch Tịnh hỏi Ưu-đà-di Thái tử dạo chơi có vui không? Ưu-đà-di đáp: Thái tử lên đường thì không gặp điều gì chẳng lành, liền đến vườn hoa, một mình tự tại ngồi dưới gốc cây, xa thấy một người cạo tóc mặc áo ca-sa đến nói chuyện với Thái tử, nói xong thì bay lên hư không mà đi, cũng không biết bàn luận điều gì mà Thái tử trở về thì sắc mặt vui vẻ, nhưng khi về cung thì lại nói buồn. Vua nghe nói rất hồ nghi, cũng không biết là điềm gì nên càng buồn lo, tự nghĩ Thái tử đã quyết định xuất gia học đạo. Từ lâu có vợ mà không có con, ta nay phải khiến Gia-du-đà-la nghĩ cách để có con nối dõi, lại phải rất đề phòng chớ để Thái tử ra đi mà không biết. Gia-du-đà-la nghe theo lời vua mà theo sát Thái tử chẳng lìa. Vua càng tăng thêm kỹ nữ làm các trò vui.

Bấy giờ, Thái tử đã mười chín tuổi tự nghĩ đã đến lúc ta phải xuất gia. Bèn đến chỗ vua dáng vẻ đường bệ như Đế-thích đến chỗ Phạm Vương. Vua nghe báo thì buồn vui lẫn lộn. Thái tử đến lạy vua cha, vua ôm chầm bảo ngồi. Thái tử thưa rằng: Thương yêu gặp gỡ phải có chia lìa, cúi mong cho con xuất gia học đạo. Tất cả chúng sinh bị khổ thương

yêu mà chia lìa đều giúp cho giải thoát. Lúc đó, vua rất đau khổ cũng như chày kim cương phá núi, toàn thân run rẩy không yên, cầm tay Thái tử mà nghẹn lời, nước mắt chan hòa. Hồi lâu mới nói nhỏ rằng: Con hãy dẹp bỏ ý định xuất gia, vì tuổi ta đã già mà chưa có cháu nối dõi.

Kinh Phổ Diệu nói: Thái tử tâu vua muốn được bốn điều là không già, không bệnh, không chết và không chia lìa. Nếu vua cho được bốn điều này thì sẽ không xuất gia. Vua nghe càng buồn lo vì xưa nay bốn điều ấy chưa ai có được. Thái tử thấy vua khóc lóc chẳng chấp nhận thì liền trở về nghĩ việc xuất gia mà không vui.

Bấy giờ, nước Ca-tỳ-la-thi-đẩu, các thầy tướng giỏi đều biết Thái tử nếu chẳng xuất gia thì bảy ngày sau sẽ làm vua Chuyển luân, thống trị bốn thiên hạ, bảy báu tự đến. Cùng đến tâu vua việc thấy biết trên, thì dòng họ Thích-ca sẽ rất hưng thạnh. Vua nghe thì rất mừng bèn hỏi các quan và dòng họ Thích: các người có nghe các thầy tướng nói chưa? Vậy hãy ngày đêm tục trực giữ gìn bốn cửa thành, mỗi cửa phải có hàng ngàn người canh gác. Ngoài thành trong vòng một du-xa-na cũng có người coi giữ.

Kinh Phổ Diệu nói: Sáng hôm sau, vua ra lệnh cho năm trăm người dòng họ Thích mạnh khỏe phải canh giữ Bồ-tát. Cửa thành đóng mở tiếng vang xa bốn mươi dặm. Lại khiến Gia-du-đà-la và người trong cung luôn canh giữ, trong bảy ngày chớ để Thái tử xuất gia. Lúc đó, vua đến chỗ Thái tử. Thái tử liền ra đón tiếp, đảnh lễ hỏi han. Vua bảo Thái tử rằng: Xưa ta nghe lời tiên A-tư-đà và các thầy tướng nói về các điềm lạ là con không thích ở đời. Nhưng việc nối ngôi là quan trọng ai lo việc ấy. Nay con sinh cho ta một cháu nam thì sau này có dứt tục cũng không có gì sai trái. Thái tử suy nghĩ vua cha không cho ta xuất gia là do muốn có người nối ngôi mà thôi, bèn thưa: tốt lắm, con xin vâng lệnh. Bèn chỉ tay vào bụng vợ thì Gia-du-đà-la mới biết mình có thai. Vua nghe Thái tử nói vâng lệnh thì rất vui mừng vì biết trong bảy ngày sẽ chưa có cháu, như thế ngôi vị vua Chuyển luân sẽ đến mà không xuất gia. Lúc ấy, Thái tử nghĩ rằng ta đã mười chín tuổi nay lại là ngày bảy tháng hai phải đi xuất gia. Vì sao? vì đã đến lúc. Vả lại, cha ta đã mãn nguyện. Nghĩ rồi thân bèn phát ra ánh sáng chiếu khắp trời Tứ Thiên Vương, cho đến trời Tịnh Cư, mà người thế gian không thấy ánh sáng này. Khi các vị trời thấy ánh sáng thì biết giờ Thái tử xuất gia đã đến, đều đến chỗ Thái tử chắp tay kính lễ bạch rằng: Từ vô lượng kiếp tu hành đến nay nguyện sắp thành! Thái tử nói: ”nhưng cha ta sai các quan trong ngoài canh chừng nghiêm mật”. Các vị trời nói “chúng con sẽ tìm cách khiến

Thái tử ra đi không ai biết”. Lúc đó, các vị trời dùng sức thần khiến mọi người đều ngủ mê. Gia-du-đà-la nằm mộng thấy một là mặt trăng rơi xuống đất, hai là răng rụng, ba là mất cánh tay phải, liền kinh hoàng thức dậy kể rõ cho Thái tử nghe. Thái tử nói: Trăng còn ở trên trời, răng không rụng, tay vẫn còn đó, mộng mị giả dối không thật, nàng chớ lo sợ. Gia-du-đà-la nói: Theo mộng là điềm Thái tử xuất gia. Thái tử nói: “nàng hãy ngủ yên chớ lo nghĩ không có việc xấu đó đâu”. Nàng nghe nói thì liền ngủ lại. Thái tử lén ngồi dậy thấy Gia-du-đà-la và các kỹ nữ ngủ mê như khúc gỗ, tất cả như thân cây chuối đều không chắc thật. Có kẻ nằm trên nhạc khí, tay thòng xuống đất, nước mũi nước miếng chảy ra. Lại nhìn kỹ vợ và các kỹ nữ thì thấy tóc lông, răng móng, đầu lâu da thịt, gân xương ruột gan, tim phổi cứt đái dẫy đầy, túi da bọc ngoài, trong đầy hôi thúi, dùng hương mà xông xức, dùng hoa ngọc mà đeo giắt, toàn là giả tạm chẳng bền lâu. Mạng sống trăm năm đã hết phân nửa đều là sầu não, vui chẳng bao nhiêu. Người đời vì sao thấy việc này mà chẳng giác ngộ, mà ở trong đó mê đắm dâm dục.

Kinh Phổ Diệu nói: Lúc đó, Bồ-tát ban đêm nhìn thấy các kỹ nữ trăm đốt xương trống rỗng ví như thân cây chuối, nước mũi nước miếng nhạc khí ngổn ngang, nhìn lại vợ mình thì thấy óc sọ não tủy, tim phổi ruột gan, ngoài thì bọc da, trong đầy hôi thúi, cũng đều tạm mượn rồi trả lại, cũng chẳng được bền lâu. Ba cõi không đáng cậy nhờ, chỉ có Đạo mới là chỗ nương cậy. Các trời cõi Dục ở trong hư không. Pháp Hành Thiên Tử ở xa bạch Bồ-tát rằng giờ đã đến, sao mai? vừa hiện, liền sai Xa-nặc dậy sửa soạn kiền-trắc. Nói xong, thì trời Tứ Thiên Vương cùng vô số duyệt-xoa, rồng, quỉ v.v... đều mặc áo giáp từ bốn phương đến nơi cúi lạy Bồ-tát. Trong thành, mọi người đều ngủ mê mệt, chim chóc gà công cũng ngủ vùi. Kinh Tu Hành Bản Khởi nói: Các vị trời đều nói “Thái tử nên đi kẻo bị giữ lại”. Bèn vời Ô-tô-mạn vừa đến cung thì trong ngoài đều ngủ mê. Nay ta phải học hạnh tu hành của các Đức Phật xưa, mau trốn xa đống lửa lớn này.

Thái tử nghĩ thế rồi thì đến nửa đêm, trời Tịnh cư ở cao nhất của cõi dục đầy khắp hư không đồng lên tiếng bạch Thái tử rằng: Trong ngoài mọi người đều ngủ mê, nay chính là lúc xuất gia. Lúc đó, Thái tử đến chỗ Xa-nặc thì Xa-nặc do sức trời mà thức dậy, bảo rằng: Ngươi hãy sửa soạn ngựa Kiền-trắc giúp ta”. Nghe bảo thì Xa-nặc toàn thân run rẩy và trong tâm do dự, một là chẳng muốn trái lệnh Thái tử, hai là sợ vua nghiêm trị. Suy nghĩ hồi lâu, Xa-nặc khóc lóc hỏi: Đại vương cấm ngặt, lại bây giờ chẳng phải là lúc dạo chơi, cũng không phải đi

đánh giặc, vì sao nửa đêm mà lên ngựa đi đâu? Thái tử bảo: Nay ta muốn vì tất cả chúng sinh hàng phục giặc phiền não kiết sử, chớ nên trái ý ta. Khi ấy, Xa-nặc khóc rống, muốn Gia-du-đà-la và mọi người thức dậy biết Thái tử định đi, nhưng nhờ sức trời nên vẫn ngủ mê như cũ. Xa-nặc liền dẫn ngựa đến, Thái tử bảo thương yêu gặp gỡ thì phải xa lìa, việc thế gian thì dễ thành, việc xuất gia rất khó thành tựu. Cả Xa-nặc và Kiền-trắc đều nín thinh. Khi ấy, Thái tử phát ra thân quang chiếu khắp mười phương, phát tiếng sư tử gầm bảo rằng: Pháp Chư Phật quá khứ xuất gia, nay ta cũng thế. Do đó, các trời nâng bốn chân ngựa và Xa-nặc, Thích-đề Hoàn-nhân che lộng đi theo. Các vị trời khiến cửa thành Bắc mở toang mà không một tiếng động. Do đó, Thái tử cùng Xa-nặc cỡi Kiền-trắc thoát nhanh. Trên hư không các trời khen ngợi bay theo. Thái tử bảo: Nếu ta không cắt đứt sinh, già, bệnh, chết, lo buồn khổ não thì không bao giờ trở về cung, nếu ta không chứng A-nậu-đa-la-Tam-miệu-Tam Bồ đề và xoay bánh xe pháp thì không trở về gặp cha nữa. Nếu không dứt hết tình ân ái thì không bao giờ gặp lại Ma-ha-ba-xà-ba-đề và Gia-du-đà-la. Khi Thái tử nói lời thề ấy thì trên hư không các vị trời khen rằng: Lành thay, lời nói sẽ có kết quả. Đến sáng thì đã đi được ba Du-xà-na. Khi đó, các vị trời đưa Thái tử đến đây thì biến mất.

Khi ấy, Thái tử đến rừng khổ hạnh của Tiên Bạt-già. Thái tử thấy trong rừng vắng lặng không ồn ào, lòng rất vui mừng, các căn hòa vui. Liền xuống ngựa, vỗ lưng ngựa bảo rằng: việc khó ngươi đã làm xong. Lại bảo Xa-nặc: ngựa phóng nhanh như chim cánh vàng đầu đàn. Ngươi thường theo ta mãi không rời. Người thế gian kẻ có tâm lành mà thân không theo, có kẻ thân theo ta mà tâm không xứng, ngươi thì tâm và thân đều theo mà không trái. Ta nay đã đến chốn yên tĩnh người và kiền-trắc nên trở về cung. Khi ấy, Xa-nặc khóc lóc nhào lăn ra đất, còn kiền-trắc thì lấy chân cào đất và liếm chân Thái tử. Xa-nặc nói: trong cung con trái lệnh vua cha dắt kiền-trắc và Thái tử đến đây, nhà vua và bà Ma-ha-Ba-xà-ba-đề mất Thái tử sẽ buồn lo, cả cung đều náo động, vả lại ở đây nguy hiểm thú dữ trùng độc đầy đường, lẽ nào tôi bỏ Thái tử mà trở về cung một mình. Thái tử đáp: ở thế gian ai nấy sinh một mình, chết một mình, đâu có bạn, lại khổ già bệnh chết làm sao ta làm bạn với ngươi? Nay ta muốn dứt các khổ mà đến đây. Nếu khổ dứt rồi thì sau này sẽ làm bạn với tất cả chúng sinh. Nay ta các khổ chưa lìa làm sao làm bạn với ngươi được. Xa-nặc nói: Thái tử sinh ở trong cung, thân thể tay chân đều mềm yếu, ngủ phải có mềm nệm trơn láng, làm

sao ngủ dưới gốc cây đầy ngói gạch, gai gốc. Thái tử nói: Đúng như ông nói. Nếu ta ở trong cung thì khỏi nạn gai gốc mà bị nạn khổ về già, bệnh, chết. Lúc đó, Thái tử cầm kiếm hét tiếng sư tử rằng: Chư Phật quá khứ vì thành tựu A-nậu-đa-la-Tam-miệu-Tam-bồ-đề mà cạo bỏ râu tóc, dẹp bỏ các đồ trang sức, nay ta cũng y theo pháp Chư Phật. Nói xong thì lấy viên ngọc trong búi tóc và lột mũ báu trao cho Xa-nặc, bảo rằng: Viên ngọc và mũ báu này ngươi nên dâng lên vua cha ta. Nay ta chẳng ưa thích sinh lên cõi trời, cùng vì hiếu thuận cha mẹ, cũng không giận ghét gì, mà chỉ sợ sinh, già, bệnh, chết, muốn từ bỏ nó mà đến đây, người nên giúp ta mà vui mừng, chớ với điều tốt đẹp này mà buồn rầu. Nếu vua cha bảo ta xuất gia bây giờ chưa phải lúc thì ngươi thưa rằng: già, bệnh, chết đâu có giờ khắc nhất định, người trẻ trung khỏe mạnh cũng đâu tránh được. Nếu vua cha lại trách ta chưa có con sao đi xuất gia, thì thưa rằng: Gia-du-đà-la đã có thai từ lâu rồi. Vả lại, từ xưa các vua Chuyển Luân bỏ ngôi vào núi xuất gia cầu Đạo, không ai nửa chừng thụ hưởng năm dục. Nay ta xuất gia cũng như thế, chưa thành Bồ-đề không bao giờ trở về cung. Đối với bà con thương ta ngươi nên tìm lời giải thích chớ để vì ta mà buồn khổ. Ngươi nên đem chuỗi anh lạc này về dâng cho bà Ma-ha-ba-xà-ba-đề, bảo rằng: Ta vì muốn cắt đứt các gốc khổ mà ra khỏi cung, hoàn thành nguyện lớn, chớ vì ta mà buồn khổ. Lại gởi các vật báu cho Gia-du-đà-la bảo rằng: Người đời có khổ thương yêu mà chia lìa, ta vì khổ này mà xuất gia học đạo chớ vì ta mà buồn khổ. Đối với các thân thuộc cũng nói như thế. Khi ấy, Xa-nặc rất buồn khổ nhưng không dám trái lệnh. Da-du-đà-la liền quì xuống nhận các vật báu mà khóc lóc thưa rằng: Con nghe chí nguyện của Thái tử mà toàn thân bủn rủn, dẫu người có tâm gỗ đá cũng phải buồn khổ, huống chi con từ xưa đã hầu hạ Thái tử, nghe lời thề mà không cảm kích. Cúi mong Thái tử bỏ đi chí nguyện này, chớ để vua cha, Di mẫu; Vương phi và các thân thuộc phải khổ sầu. Nếu Thái tử quyết không bỏ ý ấy thì không thể ngay đây mà bỏ con, nay con theo Thái tử không có lỗi gì. Nếu con trở về cung, nhà vua trách con vì sao bỏ một mình Thái tử mà trở về thì con biết trả lời thế nào? Thái tử bảo ngươi đừng nói thế. Người đời đều có chia lìa đâu tụ họp mãi. Ta sinh bảy ngày thì mẹ chết, mẹ con mà còn xa lìa nhau huống chi người khác. Ngươi và Kiền-trắc hãy trở về, nói mấy lần Xa-nặc cũng không nghe. Thái tử bèn rút kiếm báu tự cắt tóc, mình rồi phát nguyện rằng: Nay cạo bỏ râu tóc nguyện cùng tất cả cắt đứt phiền não và các tập chướng. Lúc đó, Thích-đề-hoàn-nhân nhận tóc bay đi. Các trời ở trên hư không đốt hương, tung

hoa, đồng tiếng khen rằng: Lành thay, lành thay!

Kinh Đại Thiện Quyền nói: Bồ-tát tự cắt râu tóc, các trời rồng quỉ thần không thể nhìn thấy đảnh, huống chi là cạo tóc. Bồ-tát nghĩ vua Bạch Tịnh sẽ nổi giận ai dám cạo tóc con mình. Cho nên tự cắt thì vua im lặng. Đó là phương tiện.

Khi Thái tử cạo tóc rồi thấy mình vẫn còn mặc y phục bảy báu, nghĩ rằng pháp Chư Phật quá khứ xuất gia không mặc y phục nầy. Lúc đó, trời Tịnh Cư bèn biến hóa thành một người thợ săn mặc áo ca-sa. Thái tử thấy vậy tâm rất vui mừng liền bảo rằng: áo ông mặc là y phục Tịch tịnh, tiêu biểu cho Chư Phật từ xưa, sao mặc áo này mà làm tội như thế? Thợ săn đáp: Ta mặc áo ca sa để dụ bầy nai. Nai thấy áo ca-sa đều đến gần, nên ta bắn được. Thái tử nói: Ông mặc áo ca-sa này mục đích chỉ muốn giết nai không phải để cầu giải thoát. Nay ta đem y phục bảy báu này đổi áo ca-sa là để cứu giúp tất cả chúng sinh cắt đứt phiền não. Người thợ săn nói: Lành thay, rồi đúng như lời nói mà cởi y phục báu đổi với thợ săn. Mình thì mặc áo ca-sa đúng theo pháp của Chư Phật quá khứ. Lúc đó, trời Tịnh Cư biến lại thành thân Phạm, bay lên hư không đứng vào chỗ cũ. Bấy giờ, trên hư không có ánh sáng lạ, Xa-nặc thấy thế khen là đặc biệt chưa từng có, điềm ứng không phải duyên nhỏ. Xa-nặc thấy Thái tử cạo tóc mặc pháp phục rồi biết rằng không thể trở về nữa. Thái tử bảo Xa-nặc rằng: “Thôi ngươi đừng buồn khổ nữa, hãy mau trở về cung làm đủ các việc theo ý ta”. Rồi từ từ bước về phía trước, Xa-nặc sụp lạy, nước mắt chan hòa, nhìn theo đến khi Thái tử khuất dạng ở ven rừng. Xa-nặc nghẹn ngào cầm mão báu và các đồ trang sức ngồi trên lưng ngựa Kiền-trắc mà trở về cung.

Bấy giờ, Thái tử đến chỗ của vị Tiên Bạt-già, chim thú đều chăm chú nhìn. Vị Tiên Bạt-già từ xa nhìn thấy Thái tử thì tự nghĩ chẳng biết đây là vị thần nào, là trời Nhật Nguyệt hay Đế-thích, bèn cùng học trò kính trọng đón tiếp mời ngồi. Lòng Thái tử nhẹ nhàng, khoan khoái. Ngài quan sát kỹ, thấy họ không còn oai quang nữa. Có người dùng cỏ làm y phục, có người lấy lá cây hoặc vỏ cây để che thân. Có người chỉ ăn rau cỏ hoa quả, có người ngày ăn một bữa, có người hai ngày, ba ngày mới ăn một lần v.v... Có người thờ lửa, có người thờ mặt trời, mặt trăng. Người thì đứng một chân, người thì nằm dưới đất, có người nằm trên gai góc, có người nằm cạnh nước hoặc cạnh lửa v.v... các khổ hạnh như thế. Thái tử hỏi vị Tiên Bạt-già rằng: Quí vị thực hành các khổ hạnh này rất là đặc biệt ấy là để cầu quả báo gì? Vị Tiên đáp: Ấy là muốn sinh lên cõi trời. Thái tử tự nghĩ: Các trời tuy vui nhưng phước hết

thì lại bị luân hồi vào sáu đường, cuối cùng vẫn còn khổ, vì sao tu nhân khổ để cầu quả báo khổ, muốn sinh lên cõi trời mà tu các hạnh khổ này khác nào kẻ muốn làm giàu phải xuống biển mò châu, vua chúa vì ngôi vị mà đem binh đánh giết nhau. Vị Tiên Bạt-già! ý Ngài thế nào? việc làm của chúng tôi có chân chính chăng? Thái tử đáp: Việc làm của quí vị đều rất khổ mà cầu được quả báo không còn khổ. Hai bên cùng tranh luận suốt ngày. Thái tử ngủ ở đấy một đêm. Sáng ra bèn nói lời từ biệt. Các vị tiên hỏi Ngài mới đến chúng tôi đều mừng, oai đức chúng tôi càng thêm mạnh, nay sao Ngài vội ra đi, có ai vô lễ xúc phạm Ngài chăng? Thái tử đáp: Quí vị chẳng có gì sai sót cả. Chỉ vì việc tu của quí vị chỉ thêm nhân khổ, còn tôi muốn học Đạo là diệt gốc khổ mà thôi. Các vị tiên đáp: Việc học Đạo rất rộng, chúng tôi không dám giữ Ngài ở đây - Khi ấy, có hai vị Tiên biết xem tướng, bảo chúng rằng: Người nầy đầy đủ các tướng sẽ được Nhất Thiết Chủng Trí làm thầy trời, người. Bèn đến bảo Thái tử rằng: Nếu Ngài muốn đi thì hãy đi về phía Bắc, ở đó có một vị Đại tiên tên là A-la-lam-ca-lan. Ngài hãy đến đó mà luận bàn hỏi Đạo, Thái tử bèn từ biệt ra đi.

PHẦN III :

Khi Thái tử ra khỏi cung rồi thì trời sáng. Gia-du-đà-la và các kỹ nữ thức dậy không thấy Thái tử đâu thì khóc lóc tìm kiếm, bèn báo cho bà Ma-ha-Ba-xà-ba-đề biết. Bà nghe tin thì ngất xỉu. Vua nghe báo thì như kẻ mất hồn. Các quan đi xem xét thì thấy cửa Bắc đã mở toang, Xa-nặc và Kiền-trắc biến mất, hỏi ai mở cửa thì đều nói không biết. Các quan liền sai ngàn xe muôn ngựa theo cửa thành Bắc mà tìm kiếm khắp nơi, nhưng nhờ sức trời nên lạc mất đường đi mà đều tay không trở về. Khi ấy, Xa-nặc và Kiền-trắc cũng vừa về đến. Mọi người đều tranh nhau hỏi Xa-nặc Thái tử đâu rồi mà trở về một mình như thế? Xa-nặc khóc òa không đáp được, còn Kiền-trắc thì hý vang khiến cho mấy bầy ngựa đều lên tiếng thảm thiết. Bà Ma-ha-ba-xà-ba-đề tỉnh dậy, ôm Gia-du-đà-la khóc nức nở, nghe Xa-nặc và Kiền-trắc trở về mà không thấy Thái tử đâu thì than thở rằng: Ta nuôi Thái tử đến lớn, bất ngờ bỏ ta chẳng biết đi đâu, như cây ra hoa kết quả, trái chín rồi rơi xuống đất, như người đói được ăn thức ngon trăm vị, đến lúc ăn thì đổ hết. Gia-du-đà-la cũng than: Thái tử đi đứng ngồi nằm chẳng rời ta, nay bỏ ta mà đi. Xưa các vua vào núi học Đạo đều đem vợ con theo, người thế gian hễ gặp thì biết nhau, chia lìa chẳng quên nhau. Tình vợ chồng yêu thương sâu nặng mà nay sao mỏng thế. Rồi bảo Xa-nặc rằng thà kết oán thù

với người trí chớ không thân thích với kẻ ngu. Ngươi đã đem giấu Thái tử ở đâu khiến dòng họ Thích này suy sụp. Lại trách Kiền-trắc: ngươi chở Thái tử đi đâu, sao im tiếng mà bây giờ trở về lại bày đặt hý vang? Xa-nặc tâu rằng chớ trách hạ thần và Kiền-trắc. Ấy là do sức trời bày ra. Đêm ấy phu nhân và các thể nữ đều ngủ mê. Thái tử kêu con dậy dắt Kiền-trắc ra, con lớn tiếng khóc rống cốt để can ngăn Thái tử, đánh thức phu nhân và các thể nữ thức dậy mà chẳng ai thức. Cửa thành mỗi khi đóng mở thì tiếng vang xa bốn mươi dặm, lúc ấy mở toang mà không một tiếng động, như thế đều do sức trời. Khi ra đi thì các trời nâng chân ngựa đỡ cả con, trên hư không các trời theo vô số, con làm sao ngừng được. Đến sáng thì đi được bốn du-xa-na, đến chỗ vị Tiên Bạt-già - Lại có nhiều việc kỳ lạ: Thái tử xuống ngựa vỗ lưng ngựa bảo con về, nhưng con không vâng lời, Thái tử rút kiếm báu cắt bỏ râu tóc bảo rằng: Chư Phật quá khứ thành tựu A-nậu-đa-la-Tam-miệu-Tam-bồ-đề bỏ đồ trang sức cạo bỏ râu tóc, nay ta cũng theo đúng pháp Phật. Rồi lột mão và minh châu giao lại cho con đem về dâng lên Đại vương. Chuỗi anh lạc thì giao cho Di mẫu, các vật trang sức khác thì giao cho phu nhân. Lúc đó con nghe dặn nhưng nhất quyết không trở về. Thái tử cắt tóc râu rồi thì các vị trời ở trên hư không lấy đi. Thái tử bèn đổi y phục báu để lấy ca-sa của người thợ săn. Lúc đó, trên hư không có ánh sáng rực rỡ. Con thấy Thái tử quyết chí không trở về nên khóc ngất và cuối cùng phải giã biệt, còn Ngài thì đến chỗ vị Tiên Bạt-già. Đây là sức trời chứ không phải việc người mà được. Di mẫu và phu nhân nghe nói thì bình tĩnh lại dần.

Khi vua Bạch Tịnh tỉnh lại, liền gọi Xa-nặc vào hỏi rằng: Sao ngươi lại làm cho dòng họ Thích phải nguy khốn. Ta đã cấm ngặt không để Thái tử xuất gia, vì sao ngươi lại đưa Thái tử đi đâu? Xa-nặc sợ sệt đem trình mũ báu, minh châu, v.v... và kể rõ đầu đuôi mọi việc. Vua hỏi Thái tử chưa có con sao dám xuất gia và khi ra đi lại không trình báo. Xa-nặc tâu Thái tử dặn con nói phu nhân đã có thai từ lâu. Vua bèn truyền hỏi thì Gia-du-đà-la tâu: Lúc trước, phụ vương có đến cung hứa khi nào Thái tử có con sẽ cho xuất gia thì Thái tử chỉ tay vào bụng con, từ đó con biết mình đã có thai. Vua nói: Ta hứa như thế là biết trong bảy ngày sẽ chẳng có con được, mà ngôi vua Chuyển luân sẽ tự đến, chứ đâu nói bảy ngày chưa xong mà đã có thai. Tự nghĩ mình trí tuệ cạn cợt, dùng phương tiện mà không thành. Ngày nay sự việc xảy ra cũng do ý trời. Thái tử xuất gia sẽ không trở về, tuy bỏ nước xuất gia nhưng đã có con thì không dứt dòng giống. Nay ta phải khiến Gia-du-đà-la đặc biệt

giữ gìn thai nhi. Vua bảo Xa-nặc: nay ta phải đi tìm Thái tử xem hiện đang ở đâu? Thái tử bỏ ta mà đi, làm sao ta sống một mình được.

Bấy giờ, các Đại thần và thầy vua nghe vua sắp đi tìm Thái tử thì cùng đến khuyên can, bảo rằng: Đại vương chớ nên sầu lo. Ta xem tướng của Thái tử, thấy rằng Thái tử đã tu tập từ lâu trong quá khứ, được làm Thích-đề-hoàn-nhân thì không thích, nay làm vua Chuyển Luân cũng không chịu. Đại vương chẳng nhớ Thái tử khi mới sinh ra đã đi bảy bước, chỉ tay đứng nói sanh tử của ta đã hết, đây là thân cuối cùng. Các Phạm Thiên Vương, Thích-đề-hoàn-nhân đều theo hầu, đặc biệt như thế làm sao thích thế gian. Lại bạch vua rằng: Xưa vị Tiên A-tư-đà xem tướng Thái tử đến mười chín tuổi thì xuất gia học Đạo sẽ thành tựu Nhất Thiết Chủng Trí. Nay thời đã đến, vì sao Đại vương buồn khổ. Lại Đại vương nghiêm cấm trong ngoài, lo sợ Thái tử xuất gia mà trời lại dẫn ra khỏi thành. Việc đó đâu phải sức người, rất mong Đại vương nên vui mừng, chớ có sầu lo. Nếu Đại vương có nhớ Thái tử thì nay tôi sẽ cùng các Đại thần đi tìm chỗ Ngài ở. Vua biết Thái tử chẳng chịu về nhưng chẳng thể không tìm, liền bảo đúng lắm cả cung trong ngoài đều phải tìm gấp. Vua sai Đại thần và nhờ Vương sư (Thầy vua) mau tìm Thái tử, liền đem chuỗi anh lạc và đồ trang sức của Thái tử trao cho bà Ma-ha-ba-xà-ba-đề và Gia-du-đà-la. Di mẫu than rằng: cả bốn thiên hạ thật là bạc phước, đã mất đi vị vua Chuyển Luân sáng suốt rồi. Gia-du-đà-la nhìn thấy đồ trang sức thì ngất xỉu. Vua phải khuyên nàng bình tĩnh mà giữ gìn bào thai.

Khi Vương sư và quan Đại thần đến khu rừng tu khổ hạnh của vị Tiên Bạt-già liền bảo những người theo hầu lánh mặt chỗ khác và dẹp bỏ các nghi lễ, bảo rằng: vua Bạch Tịnh có con là Thái tử đầy đủ tướng tốt, nhàm chán khổ sinh, già, bệnh, chết trên đường xuất gia học đạo đã đến đây, tiên có thấy chăng? Tiên Bạt-già liền kể lại mọi việc đã qua, rồi bảo: Có lẽ Thái tử đã đi về phía Bắc đến chỗ Tiên A-la-la Ca-lan. Khi ấy, các quan và Vương sư liền đến chỗ vị Tiên ấy thì giữa đường thấy Thái tử đang ngồi suy nghĩ dưới gốc cây, tướng tốt sáng rỡ như mặt trời, mặt trăng, liền xuống ngựa bảo những người hầu lánh mặt chỗ khác, dẹp hết đồ quan, đến bên Thái tử hỏi han. Thái tử hỏi nhà vua sai các ông đến tìm tôi có điều gì? Vương sư nói: Đức vua từ lâu biết Thái tử ưa thích xuất gia, ý nầy khó ngăn cản, nhưng Đức vua vì thương nhớ Thái tử đã nổi cơn điên cuồng, xin Thái tử về gấp, tuy có việc nhưng không để Thái tử bỏ phế đạo nghiệp, nơi tĩnh tâm đâu phải chỉ ở chốn núi rừng. Di mẫu và phu nhân đang đắm chìm trong biển sầu não, mong

Thái tử về gấp cứu họ. Thái tử bình tĩnh đáp rằng: Ta đâu phải chẳng biết Đức vua đối với ta ân tình sâu nặng. Nếu dứt hết yêu thương mà một ngày gặp gỡ, lại không có khổ sinh già bệnh chết thì ta đâu đến đây làm gì. Nay ta xa Đức vua chỉ vì mong tương lai sau này sẽ hội họp mãi. Đức vua bị lửa sầu khổ nấu đốt thì ta và Đức vua ở đời này chỉ có một khổ này mà tương lai sẽ dứt hết các hoạn nạn. Nay các ông bảo ta ở trong cung mà tu Đạo thì như trong nhà bảy báu đầy lửa dữ, ai dập tắt được, như thức ăn có các chất độc, dù có người đói cũng chẳng ai ăn. Ta đã bỏ nước xuất gia sao lại bảo ta trở về cung mà tu Đạo. Người thế gian đối với khổ lớn vì chút vui nhỏ còn mê đắm mà không chịu bỏ, huống chi ta ở chỗ vắng lặng không có các khổ nạn mà bảo ta bỏ đi trở về với chỗ khổ nạn. Xưa các vua vào núi học đạo chưa có ai nửa chừng trở về hưởng dục. Nay Đức vua muốn ta trở về là trái với pháp của Tiên vương. Vương sư nói đúng như Thái tử nói nhưng các bậc Tiên thánh một thì nói vị lai chắc chắn có quả báo, hai thì nói chắc chắn không, hai thứ này bậc Tiên thánh còn chẳng biết được, ở đời vị lai chắc chắn có hay không. Vì sao Thái tử muốn bỏ sự vui hiện tại mà cầu quả báo không chắc chắn ở vị lai. Quả báo sinh tử còn chẳng thể biết chắc chắn là có hay không, vì sao lại muốn cầu quả giải thoát. Cúi mong Thái tử hãy trở về cung. Thái tử đáp: hai vị Tiên ấy nói quả vị lai, một là nói có, hai là nói không, đều là tâm nghi chưa quyết định. Nay Ta chẳng hề y theo lời dạy đó. Đừng lấy đây mà vặn hỏi, vì sao? Vì ta chẳng phải ưa thích quả báo mà đến đây, chỉ vì chính mắt thấy sinh già bệnh chết là điều phải trải qua, cho nên cầu giải thoát để khỏi các khổ này, các ông chẳng bao lâu sẽ thấy ta thành Đạo. Với chí nguyện này Ta chẳng thể trở về, hãy trở về tâu với Đức vua lời ta như thế. Thái tử nói xong thì đứng dậy từ biệt Vương sư và quan Đại thần, đi về phía Bắc đến chỗ vị Tiên nhân A-la-la-ca-lan. Khi Vương sư và quan Đại thần thấy Thái tử bỏ đi thì rất buồn lo. Một người thì nghĩ tình sâu với Thái tử, một người thì tuân lệnh vua, mà cả hai đều không dời đổi được ý Thái tử, cả hai bàn nhau rằng: Vâng lệnh vua sai trở về tay không thì biết nói làm sao, chi bằng bọn ta lưu lại năm người thông minh trí tuệ, tâm ý bén nhạy thuộc dòng họ ngay thẳng, ngầm theo dõi mọi hành vi của Thái tử, bèn để năm anh em Kiều-trần-như ở lại theo dõi Thái tử, còn Vương sư và các quan Đại thần thì trở về cung.

Bấy giờ, Thái tử đến chỗ vị Tiên A-la-la Ca-lan, phải vượt sông Hằng, đi qua thành Vương xá. Khi vào thành, người dân nhìn thấy Thái tử đẹp đẽ thì vui mừng kính yêu, cả thành đều đến xem. Tiếng ồn ào

vang đến tai vua Tần-bà-ta-la, Vua kinh ngạc hỏi là tiếng gì, các quan tâu Thái tử rằng con vua Bạch Tịnh tên là Tát-bà-tất-đạt, xưa các thầy tướng đoán sẽ làm vua Chuyển Luân làm vua bốn thiên hạ, lại đoán nếu xuất gia thì sẽ thành Nhất Thiết Chủng Trí, nay người ấy đã đến thành này. Mọi người đến xem nên gây ra ồn ào. Vua Tần-bà-ta-la vui mừng sai người đến rình xem thì thấy Thái tử ở núi Bác-trà-bà đang ngồi suy tư trên một tảng đá. Sứ giả trở về nói rõ, vua Tần-bà-ta-la liền cùng các quan xa giá đến chỗ Thái tử thấy Ngài đẹp đẽ sáng rực hơn mặt trời, mặt trăng, bèn xuống ngựa cho người hầu nghỉ ngơi, dẹp lễ nghi đến bên thăm hỏi: Thái tử bốn đại có điều hòa chăng? Chúng tôi gặp Thái tử rất mừng nhưng có một điều không vui. Vì Thái tử là dòng giống mặt trời, nhiều đời làm vua Chuyển luân, Thái tử có tướng vua Chuyển luân đầy đủ, vì sao xả bỏ vào rừng sâu, chân đạp sỏi đá từ xa đến đây, chúng tôi thấy thế nên buồn, nếu Thái tử vì cha còn mà không nhận ngôi Thánh vương thì tôi sẽ chia cho nửa nước mà cai trị. Nếu cho là ít thì tôi xin nhường cho cả nước, còn tôi thì xin làm thần dân. Nếu không lấy nước tôi thì tôi xin cấp cho bốn binh để đi đánh chiếm các nước khác. Thái tử nghe xong thì cảm kích nói rằng: vua là dòng giống mặt trăng sáng, tánh cao quí, việc làm thanh thoát không thô lậu, nay nói thế không có gì lạ. Ngài nay đối với ba thứ thân mạng, tiền của, ngôi vị ai nấy đều chấp chặt mà Ngài đem nó để khuyên thưởng người khác. Nay tôi đã bỏ ngôi vua Chuyển luân thì sao lại còn làm vua, Ngài nhường nước tôi còn không lấy thì sao lại lấy bốn binh mà cướp phá nước người. Nay tôi từ bỏ cha mẹ, bỏ nước cạo bỏ râu tóc,là vì muốn dứt khổ sinh già bệnh chết, chớ không phải để cầu vui năm dục. Vì ngũ dục ở thế gian chỉ như đống lửa cháy, chúng sinh không thể tự thoát ra được, sao Ngài khuyên tôi tham đắm. Nay tôi ở đây là muốn đến chỗ Tiên A-la-la Ca-lan để cầu đạo giải thoát. Nay vua đang dùng chánh pháp trị nước chắc chắn không uổng phí cho người dân. Nói xong, Thái tử liền đứng dậy từ biệt vua Tần-bà-ta-la mà ra đi. Vua đưa tiễn một đoạn đường bảo rằng: Nếu Ngài thành Đạo thì đến độ tôi trước. Rồi buồn bã trở về.

Kinh Thụy Ứng Bản Khởi nói: Thái tử trèo núi vượt non, đi qua nước Ma-kiệt. Vua Bình-sa nhân đi săn thấy Thái tử ngồi bên đầm nước bèn đến hỏi rằng: Thái tử có nhiều tướng lạ đáng là vua Chuyển Luân cai quản bốn thiên hạ, bốn phương đều nghe danh vì sao bỏ ngôi mà vào rừng sâu, hẳn có ý nguyện lạ, xin hãy cho biết. Thái tử nói: Như tôi thấy trong trời đất, người và vật sinh ra phải có chết, khổ nhất có ba

thứ là già bệnh chết không thể tránh được. Thân là gốc khổ có rất nhiều âu lo. Vì tôn quí nó mà có kiêu mạn, buông lung, tham cầu vừa ý mà gây loạn lạc thiên hạ. Tôi đã nhàm chán nên vào núi tu hành. Vua và các bậc kỳ túc nói già, bệnh, chết ở đời là việc thường, sao lại lo lắng mà bỏ cả tiếng tốt, đi vào rừng vắng làm nhọc hình thể, chẳng phải khó khăn lắm ư? Thái tử nói: Các vị bảo chẳng cần lo lắng. Vậy nếu già bệnh chết đến thì có ai thay ta mà chịu cái nguy này, chẳng bằng không có, khỏi lo ai thay. Thiên hạ có cha từ con hiếu, thương nhau thấu gân xương, bệnh chết đến cũng không thay thế nhau được. Như thân giả dối này, tới lúc khổ đến thì tuy ở địa vị cao sang, bà con thân thích ở bên mà như người mù cầm đuốc, có ích gì cho kẻ không mắt. Ta thấy các hạnh vô thường đều không phải chân, vui ít khổ nhiều thân không phải của mình. Thế gian hư vô chẳng có gì lâu dài, sinh vật đều có chết, sự thành phải có bại, an thì có nguy, được thì có mất. Muôn vật rối rắm đều trở về không. Tinh thần vô hình, quậy đục không trong, cho đến cái nguy sinh tử không phải chịu một lần mà thôi. Chỉ vì tham ái che trong lưới si, chết chìm trong sông sinh tử không tỉnh giác. Cho nên ta nhất tâm suy rõ tánh bốn không, đoạn sắc dứt giận, dứt cầu niệm không, trở về nguồn gốc mới biết cội nguồn, đúng như nguyện thì mới yên ổn. Vua Bình-sa vui mừng nói lành thay, lành thay. Bồ-tát chí diệu, thế gian ít có, khi được Phật Đạo, xin độ tôi trước. Thái tử im lặng ra đi. Khi lội qua sông Ni-liên-thiền thì trời khiến cho sông tạm cạn. Qua sông rồi đi được mấy mươi dặm, thì có hai anh em Phạm Chí, mỗi vị cùng đệ tử sống ở bên khe núi. Đến hỏi Đạo, bảo rằng: Chúng tôi thờ Phạm Thiên, kính lễ mặt trời, mặt trăng. Hằng ngày thờ lửa, chỉ có nước là sạch. Bồ-tát nói đây là pháp sinh tử không phải chân Đạo. Vì sao? vì nước không thường đầy, lửa không nóng lâu, mặt trời có mọc lặn mặt trăng có tròn khuyết. Đạo ở thanh hư, nước làm sao khiến cho tâm thanh tịnh được. Rồi bỏ mà đi.

Thái tử tiến lên đến chỗ Tiên A-la-la. Lúc đó, các trời bảo vị Tiên rằng: Tát-bà-tất-đạt bỏ nước, từ biệt cha mẹ, vì cầu Đạo Vô Thượng Chánh Chân, vì muốn cứu khổ tất cả chúng sinh, nay đã đến đây. Vị Tiên nghe các trời nói thì rất vui mừng, chốc lát Thái tử đến liền ra đón rước. Thấy Thái tử diện mạo đẹp đẽ, oai nghiêm thì rất yêu mến, liền bảo Thái tử rằng: Việc Thái tử từ khi mới sinh và xuất gia đến nay tôi đều biết rõ, từ nhà lửa mà tự gĩa ra đi, như chim ở trong lưới mà thoát ra. Từ xưa các vua lúc còn trẻ thì mặc tình thọ hưởng năm dục, sau mới bỏ nước mà xuất gia Đạo. Nay Thái tử bỏ tuổi xuân, nhàm chán năm dục

mà đến đây thật là khác thường, ắt siêng năng mau thoát bờ kia. Thái tử đáp: Ngài có thể nói cho tôi pháp cắt đứt sinh già bệnh chết hay chăng? Tiên đáp hay lắm, lành thay. Trước hết, chúng sinh từ ngu mê vô thỉ mà khởi ngã mạn, từ ngã mạn mà khởi tâm si, từ si tâm mà sinh nhiễm ái, từ nhiễm ái mà sinh năm khí vi trần, từ năm khí vi trần mà sinh năm đại, từ năm đại mà sinh ra các phiền não tham dục, sân giận, v.v..., do đó mà bị trôi giạt trong sinh già bệnh chết, lo buồn khổ não, nay vì Thái tử nói lược như thế. Nay tôi đã biết ông nói về nguồn gốc sinh tử, vậy có cách nào dứt được. Tiên nói nếu muốn chặt bỏ gốc sinh tử này thì trước phải tu trì giới hạnh, khiêm tốn nhẫn nhục, ở chỗ vắng tu tập Thiền định, lìa bỏ dục ác và các pháp bất thiện, có giác có quán được Sơ thiền. Trừ giác quán định, sinh ra hỷ tâm, được Đệ nhị thiền, bỏ hỷ tâm mà được chánh niệm, đủ căn lạc mà được Đệ tam thiền, bỏ khổ lạc mà được tịnh niệm, nhập xả căn thì được Đệ tứ thiền, được Vô tưởng báo. Có một vị thầy nói như chỗ này thì gọi là giải thoát - Từ định giác rồi sau mới biết chưa phải là chỗ giải thoát. Bèn lìa sắc tưởng mà nhập vào Không xứ, diệt tưởng hữu đối mà vào Thức xứ diệt. Vô lượng tưởng thức chỉ quán một thức vào Vô sở hữu xứ. Lìa các tướng mà vào Phi tưởng Phi phi tưởng xứ. Xứ này gọi là rốt ráo giải thoát, là bờ kia của các học giả. Nếu Thái tử muốn dứt khổ sinh già, bệnh, chết thì phải tu học các hạnh như thế. Thái tử nghe nói thì tâm không vui liền tự suy nghĩ rằng chỗ biết của ông ấy chưa phải là chỗ rốt ráo, chưa phải là dứt hết các kiết phiền não. Liền bảo nay tôi đối với các pháp mà ông nói có chỗ chưa hiểu, như Phi tưởng Phi phi tưởng xứ là có ngã hay không ngã. Nếu nói không ngã thì chẳng nên nói Phi tưởng Phi phi tưởng, nếu nói có ngã thì ngã là có biết hay ngã là không biết? Nếu ngã không biết thì đồng với gỗ đá, còn nếu ngã có biết thì có phan duyên. Đã có phan duyên thì có đắm nhiễm. Đã có đắm nhiễm thì không phải giải thoát ông đã hết các kiết thô mà không tự biết các kiết tế vẫn còn. Do đó mà cho là rốt ráo. Các kiết tế lớn lên lại bị các hạ kiết (các kiết sau). Cho nên biết không phải là vượt qua bờ kia. Nếu trừ được ngã và ngã tưởng, tất cả đều bỏ hết thì mới gọi là chân giải thoát. Vị Tiên làm thinh tự nghĩ lời Thái tử nói rất sâu mầu. Thái tử hỏi vị Tiên: Ông bao nhiêu tuổi mới xuất gia, tu phạm hạnh được bao nhiêu năm. Tiên đáp ta xuất gia năm mười sáu tuổi, tu phạm hạnh đến nay đã một trăm lẻ bốn năm. Thái tử nghĩ xuất gia đến nay đã lâu mà được chánh pháp chỗ như thế sao? Thái tử vì muốn cầu thắng pháp (pháp cao siêu) bèn từ giã vị Tiên. Vị Tiên bảo: Ta từ lâu tu tập khổ hạnh này mà chỉ được như thế, ông là dòng vua

làm sao tu khổ hạnh được. Thái tử nói pháp ông tu không phải là khổ, có điều rất khổ khác, là Đạo khó thực hành. Vị Tiên thấy Thái tử có trí tuệ, ý chí lại bền chắc, biết là chắc chắn sẽ thành bậc Nhất Thiết Chủng Trí. Liền bảo nếu Ngài thành Đạo xin độ tôi trước. Thái tử đáp tốt lắm. Rồi Thái tử đến chỗ vị Tiên Ca-lan luận nghị đối đáp cũng như thế. Thái tử liền bỏ ra đi - Khi Thái tử đã điều phục hai vị Tiên, A-la-la và Ca-lan rồi, liền đến rừng khổ hạnh ở núi Già-xà là chỗ ở của năm anh em Kiều-trần-như, ở bên bờ sông Ni-liên-thiền mà ngồi suy nghĩ quán sát căn cơ chúng sinh phải nên sáu năm khổ hạnh mà độ. Suy nghĩ xong liền tu khổ hạnh. Do đó các vị trời hiền dâng mè gạo. Thái tử vì cầu Đạo chân chính nên tịnh tâm giữ giới ngày chỉ ăn một lạt mè, hạt gạo. Nếu có người xin thì cũng đem cho. Bấy giờ, năm anh em Kiều-trần-như thấy Thái tử ngồi suy nghĩ tu khổ hạnh thị họ cũng tu khổ hạnh mà cúng dường Thái tử không rời. Sau sai một người về báo với vua Bạch Tịnh và các Đại thần về việc Thái tử tu khổ hạnh. Khi ấy, Vương sư và các Đại thần đã về đến cửa cung, thân thể ốm gầy mặt mày buồn khổ cũng như người có tang người thân. Vua nghe báo thì nghẹn ngào không nói nên lời. Lâu sau, vua mới hỏi: Thái tử là tánh mạng của ta vì sao các khanh chỉ về một mình. Vương sư đáp: Chúng thần đến chỗ Tiên Bạt-già để tìm Thái tử, sau đó gặp Thái tử ngồi suy nghĩ dưới gốc cây, chúng thần có nhắc đến ân tình của Đức vua, Di mẫu và Gia-du-đà-la thì Thái tử đáp: chẳng lẽ ta chẳng biết ân tình của phụ và thân thích nhưng chỉ vì sợ khổ sinh tử và biệt ly vì muốn cắt đứt nó mà đến đây. Các lời nói ấy tượng trưng cho ý chí bền chắc như núi Tu-di chẳng thể lay động. Rồi bỏ chúng tôi mà đi như bỏ cỏ rác. Chúng thần bèn chọn năm người theo hầu Thái tử để theo dõi. Có một người đã về báo Thái tử đến chỗ hai vị tiên A-la-la và Ca-lan, vượt sông hằng rồi đến thành Vương xá. Lúc đó, vua Tần-bà-ta-la đến gặp Thái tử phương tiện khuyên không nên xuất gia hứa chia nước để trị, hoặc trị cả nước, hoặc đem quân đánh chiếm các nước khác, v.v... Nhưng Thái tử đều không nhận. Rồi đến luận bàn hàng phục hai vị Tiên A-la-la và Ca-lan. Sau đó, đến núi Già-xà bên sông Ni-liên-thiền mà tu khổ hạnh v.v... Vua nghe xong toàn thân run rẩy bảo rằng: Thái tử bỏ ngôi vua Chuyển luân, bỏ vui ân ái của cha mẹ thân thuộc, ở sâu trong rừng núi, tu các hạnh lành. Nay ta phước mỏng mất đứa con quí báu như thế. Rồi báo cho Di mẫu và Gia-du-đà-la biết. Bèn sắm sửa một ngàn xe lương thực, gọi Xa-nặc đem đến chỗ Thái tử cúng dường trong mọi lúc không để thiếu thốn. Xa-nặc đến nơi thấy Thái tử thân thể gầy ốn chỉ còn da bọc xương, cúi lạy rồi ngất xỉu, hồi

lâu tỉnh lại, khóc lóc thưa rằng: Đức vua ngày đêm nhớ thương Thái tử, sai con đem ngàn xe lương thực đến nuôi dưỡng Thái tử. Thái tử bảo ta trái ý Đức vua và thân thích, bỏ nước bỏ ngôi, từ xa đến đây cầu chí Đạo, sao lại nhận thức ăn này. Xa-nặc nghĩ rằng: Thái tử không nhận, ta phải tìm người đưa xe lương thực về cung, còn ta ở lại để hầu hạ Thái tử. Cho nên Xa-nặc ngày đêm theo dõi Thái tử không rời.

Bấy giờ, Thái tử nghĩ rằng: Nay ta ngày chỉ ăn một hạt mè hạt gạo, cho đến bảy ngày mới ăn một hạt mè, hạt gạo thân thể ốm gầy như cây khô, tu khổ hạnh đã tròn sáu năm mà chẳng được giải thoát, cho nên biết là chẳng phải Đạo: Không bằng ngày xưa ngồi dưới cây Diêm-phù suy nghĩ pháp lìa dục tịch tịnh là pháp rất chân chánh. Nay nếu ta dùng thân gầy ốm này mà chứng Đạo thì các ngoại đạo sẽ nói rằng thân đói khát là nhân của Bát Niết-bàn. Nay ta tuy gân cốt đều có sức mạnh Na-la-diên nhưng cũng không dùng đây mà chứng đạo quả. Ta sẽ ăn lại, sau mới thành Đạo. Nghĩ đoạn, bèn đứng dậy xuống sông Ni-liên-thiền tắm gội. Tắm xong, thân thể quá yếu chẳng lên bờ được. Các trời bèn đưa cành cây xuống để Thái tử vịn vào đó mà leo lên. Lúc đó, trong rừng có một cô gái chăn bò tên là Nan-bà-ba-la. Trời Tịnh Cư đến khuyên rằng: Thái tử đang ở trong rừng, ngươi nên đến cúng dường. Cô gái nghe xong lòng rất vui mừng. Bấy giờ, từ đất mọc lên hoa sen ngàn cánh, trên có cháo sữa nhừ. Cô gái ngạc nhiên bèn lấy sữa nhừ ấy đem đến lạy dâng Thái tử. Thái tử nhận cháo liền chú nguyện rằng: ăn sữa nhừ này giúp người ăn khí lực đầy đủ, còn người thì sẽ được yên vui không bệnh sống lâu và trí tuệ đầy đủ. Thái tử lại nói ta vì thành thục tất cả chúng sinh nên nhận thức ăn này. Nguyện rồi ăn xong thì thân thể sáng nhuận, khí lực đầy đủ, có khả năng chứng quả Bồ đề.

Khi ấy, năm anh em Kiều-trần-như thấy Thái tử ăn lại thì cho là đã lui sụt, bèn bỏ đi. Thái tử một mình đến dưới cây tất-bát-la tự phát thệ rằng: Ngồi dưới cây này nếu ta không thành đạo thì quyết không đứng dậy. Bồ-tát đức trọng, đất không thể hơn. Khi Thái tử bước đi thì đất đai rung chuyển phát ra những âm thanh rất lớn, khiến các con rồng mù tâm rất vui mừng, hai mắt đều mở sáng bảo rằng: Từng thấy các Đức Phật trước đều có điềm lành này. Các rồng từ đất vọt lên lạy Bồ-tát. Lúc đó, có năm trăm con chim sẻ màu xanh bay trên hư không nhiễu quanh bên phải Bồ-tát. Mây hiện đủ các mầu đẹp đẽ, gió thơm nổi lên. Bấy giờ, các con rồng mù nói kệ khen rằng:

Bồ-tát đi đến đâu
Đất rung chuyển sáu cách,

Phát tiếng lớn sâu xa
Ta nghe mà sáng mắt
Lại thấy trên hư không
Chim sẻ nhiễu Bồ-tát
Mây lành nhiều mầu đẹp
Gió thơm rất mát mẻ
Tất cả điềm lạ này
Đều giống Phật quá khứ.
Do đó biết Bồ-tát
Chắc chắn thành Chánh giác.

Bồ-tát suy nghĩ Chư Phật quá khứ lấy gì làm tòa ngồi để thành Đạo Vô Thượng? Liền biết rằng các Ngài lấy cỏ làm tòa. Thích-đề-hoàn-nhân hóa thành người phàm cầm bó cỏ mềm. Bồ-tát hỏi ông tên gì thì đáp tên Cát Tường. Bồ-tát vui mừng nói: Ta phá điều không tốt mà thành điều tốt (Cát Tường). Cát Tường dâng cỏ cho Bồ-tát mà nguyện rằng: Như lai thành Đạo xin độ tôi trước. Bồ-tát trải cỏ rồi ngồi kiết già, đúng pháp Chư Phật quá khứ mà thề rằng chẳng thành Chánh giác thì không bao giờ đứng dậy. Lúc đó, các trời, rồng, quỉ thần đều vui mừng, gió thơm mát nổi lên, các thú chim chóc im tiếng, mây đẹp nhẹ bay, bụi bặm đều lắng sạch thì biết là tướng Bồ-tát sẽ thành đạo.

Kinh Quán Phật Tam-muội nói: Vừa thí cỏ ngồi, đất liền rung chuyển dữ dội. Các trời hóa thành tám muôn cây Phật có tòa ngồi sư tử. Có cây Phật cao đến tám ngàn dặm, hoặc bốn ngàn dặm. Tất cả các vị trời đều nghĩ Bồ-tát sẽ ngồi trên tòa của mình mà không ngồi trên tòa khác. Các chúng sinh thấp kém vốn có phước mỏng nên thấy Bồ-tát ngồi trên nệm cỏ. Bồ-tát ngồi xong, nghĩ rằng: Ma-ba-tuần rất tôn quí kia thấy ta sắp thành Vô Thượng Chánh Giác chắc chắn sẽ đến đây để dụ dỗ ta mà lôi kéo chúng sinh ba cõi.

Kinh Thọ Thai nói: ngồi dưới cây Diêm-phù bốn mươi tám ngày, quán cây suy nghĩ, cảm động trời đất, rung chuyển sáu cách, phát ra ánh sáng rực rỡ trùm khắp cung ma. Khi ấy, Ma-ba-tuần đang ngủ, mộng thấy ba mươi hai thứ biến hóa như: Cung điện tối đen, cung điện dơ bẩn, vào đường nghiêng, ao nước khô cạn, nhạc khí hư hoại, quỉ Duyệt-xoa đầu đều rơi xuống đất, các vị trời bỏ đi chẳng nghe lời, v.v... Từ trong mộng thức dậy sợ sệt vô cùng. Liền hội họp các quan binh ma kể điềm mộng và tìm cách khắc phục. Ma bèn gọi ngàn người con, trong đó năm trăm người con thì tin ưa Bồ-tát, còn năm trăm người con thì còn tánh ác nghe lời ma dạy. Ma vương rối loạn bảo bốn con gái: một tên Dục

Phị, hai tên Duyệt Bỉ, ba tên Khoái Quán, bốn tên Kiến Trùng, các con hãy đến phá rối tịnh hạnh của ông ấy. Các cô gái đến chỗ Bồ-tát ỏng ẹo liếc mắt đưa tình hiện ba mươi hai vẻ đẹp, phơi bày tay chân đùi ngực, làm các thứ chim hót. Ma nữ khéo mê hoặc nhất bảo rằng: chúng tôi đang lúc xuân thì đẹp hơn ngọc nữ, nguyện ngày đêm hầu hạ Ngài. Bồ-tát bảo rằng: Các ngươi nhờ phước xưa mà được thân trời, hình thể đẹp mà lòng dạ xấu ác, túi da bọc chứa chất hôi thúi kia tới đây làm gì, ta không cần dùng. Các ma nữ bỗng trở thành già khú, liền chạy về cung vua.

Kinh Quán Phật Tam-muội nói: Ma có ba con gái: cô gái lớn tên Duyệt Bỉ, cô thứ hai tên Hỷ Tâm, cô thứ ba tên Đa Mị thưa cha: chúng con sẽ đến phá rối cha chớ lo. Rồi tự trang điểm đẹp đẽ gấp ngàn muôn lần ma mẹ, nũng nịu liếc mắt, kính lễ nhiễu quanh Bồ-tát bảy vòng bạch rằng: Thái tử lúc sinh thời muôn người hầu hạ, sao bỏ ngôi trời mà đến ngồi dưới gốc cây này. Nay chúng tôi là thiên nữ sáu tầng trời khó sánh, nguyện đem thân hèn hạ này cung phụng Thái tử. Chúng tôi có tài xoa bóp, xin xoa bóp để Ngài thư thái, xin dâng cam lộ để Ngài thưởng thức. Thái tử thân tâm vẫn yên lặng bất động. Từ giữa hai đầu chân mày phát ra ánh sáng, khiến ba ma nữ máu mủ và các bộ phận ruột gan, tim phổi, dạ con hiện ra rõ ràng có vô số trùng nhỏ đeo bám hút chích. Các nàng nôn mửa lại thấy thân mình bên trái có đầu rắn, bên phải có đầu chồn, ở giữa là đầu chó, lưng đeo mụ già, tay ẵm em bé chết, cúi xuống rún thì thấy các bộ phận hôi thúi dơ bẩn, lại có các con đỉa có nhiều miệng, miệng có chất độc đeo bám ăn hút nữ căn. Các ma nữ thấy rồi thì tâm khổ sở đau đớn như bị tên bắn, gầm đầu than thở trở về cung ma. Ma vương giận quá, liền sai khắp sáu tầng trời cùng tám bộ đến chỗ Cù-đàm. Lúc đó, các quỉ nhiều như mây nổi, hoặc có các quỉ đầu như đầu trâu, đầu có bốn mươi tai, tai có tên sắt nhọn lửa cháy trên đầu. Lại có các quỉ đầu như đầu chồn, có mười ngàn mắt, tiếng nói như sấm sét. Các quỉ thần khoáng dã, các Đại tướng quân thì một cổ sáu đầu, bụng có sáu mặt, đầu gối có hai mặt, mình có lông như tên, lắc mình thì bắn vào người. Mắt trợn đỏ quạch, máu tuôn ra mà chạy xộc đến. Ma bảo các quỉ "ông Cù-đàm kia biết thần chú". Hãy nổi bốn binh hóa đông như rừng rậm sẽ làm cho sợ sệt từ trên hư không mà xuống chỗ cây Đạo. Ma vương lại nghĩ có lẽ chúng này không hàng phục được Cù-đàm, liền cởi mũ báu quăng xuống đất, đến cung vua Diêm-la bảo các quỉ rằng: Ngục tốt các người và vua Diêm-la ở địa ngục A-tỳ, hãy đem rừng dao kiếm nhọn, xe lửa, lò than nóng v.v... tất cả đều đến

Diêm-phù-đề. Ma vương hét lớn, sai các binh ma mau hại Cù-đàm. Từ trên hư không sấm sét, mưa hoàn sắt nóng, đao kiếm vũ khí giao nhau trên hư không. Nhưng các mũi tên lửa không đến gần Bồ-tát được. Khi ấy, Bồ-tát phát ra luồng sáng rực rỡ từ giữa hai đầu chân mày đến địa ngục A –tỳ, khiến các người tội thấy nước phun ra lửa lớn tạm thời tắt hết, liền nhớ các tội đã làm từ đời trước, tâm liền mát mẻ niệm Nam-mô Phật, do đó tội báo đều hết, lập tức sinh lên làm người. Ma thấy việc ấy thì buồn bã trở về cung. Ánh sáng từ sợi lông trắng giữa hai đầu chân mày chiếu đến sáu tầng trời cõi dục thì thấy trong lỗ lông trắng có hoa sen báu, bảy Đức Phật quá khứ đều ngồi trên hoa. Ánh sáng sợi lông trắng chiếu đến cõi Vô Sắc, chiếu khắp tất cả như gương pha-lê. Tám vạn bốn ngàn thiên nữ thấy thân Ma-Ba-tuần như cây khô, chỉ nhìn ánh sáng sợi lông trắng của Bồ-tát, có vô số Thiên tử và thiên nữ đều phát đạo tâm Vô Thượng Bồ-đề. Lúc đó, Ma vương đến trước Bồ-tát gây trở ngại. Bồ-tát dùng năng lực trí tuệ chỉ tay xuống đất tức thì đất động, cung điện ma đều nghiêng ngã rơi đổ. Hàng phục ma oán rồi thì thành Chánh giác. Khi Bồ-tát ngồi dưới cội cây phát thệ lớn thì tám bộ trời rồng đều vui mừng ở trên hư không mà khen ngợi. Lúc đó, sáu tầng trời Ma vương tự nhiên cung điện lay động, Ma vương lòng rất buồn khổ, tinh thần rối loạn tự nghĩ rằng: Sa-môn Cù-đàm ở dưới cội cây bỏ hết năm dục ngồi yên suy nghĩ, chẳng bao lâu sẽ thành Đạo Chánh giác. Nếu Đạo ấy thành thì rộng độ tất cả sẽ hơn Chánh giác của ta. Vậy khi Đạo chưa thành hãy đến phá rối. Khi ấy, ma con Tát-đà thấy ma cha lo lắng thì hỏi duyên cớ. Ma cha nói: Sa-môn Cù-đàm nay ngồi dưới cây Đạo sắp thành sẽ vượt hơn ta, nay ta muốn đến phá hoại. Ma con khuyên cha rằng: Bồ-tát thanh tịnh vượt ngoài ba cõi, thần thông trí tuệ đều sáng suốt, tám Bộ trời rồng đều khen ngợi, sức cha không thể dẹp được, làm các việc ác sẽ vời họa vào thân.

Kinh Thụy Ứng Bản Khởi nói: Ma vương chẳng nghe bèn vời ba ngọc nữ: 1/ Dục Phi, 2/ Duyệt Bỉ, 3/ Khoái Quán đến phá hoại hạnh Bồ-tát. Bấy giờ, ba ngọc nữ đều mặc y phục diêm dúa, đeo chuỗi anh lạc cõi trời, cực kỳ đẹp đẽ, dùng thủ thuật yêu mị để phá rối Bồ-tát. Bồ-tát tâm tịnh như châu lưu ly, chẳng thể nhiễm ô. Ba nàng bạch rằng: Hởi đấng ân đức chí trọng! Các trời đều kính cúng dâng chúng tôi đến Ngài, chúng tôi đang lúc tuổi xuân đẹp đẽ, ngọc nữ khó sánh bằng, xin nguyện ngày đêm túc trực hầu hạ Ngài. Bồ-tát đáp: Các người nhờ phước xưa nay được làm trời, chẳng nghĩ vô thường mà làm yêu mị, hình thể đẹp nhưng lòng dạ xấu ác, ví như bình đẹp mà chứa chất độc thì tự hoại

mình đâu có gì lạ. Phước chẳng được lâu, dâm ác bất thiện tự phá thân mình, chết rồi sẽ đọa vào ba đường ác, làm thân chim thú muốn thoát ra khó được. Bọn ngươi phá loạn chánh ý của người, chẳng phải là hạt giống thanh tịnh. Da bọc đầy cứt đái đến đây làm gì, đi đi ta không cần. Ba ngọc nữ liền biến thành mụ già, không trở lại thân cũ được. Ma có ba cô con gái hình dung đẹp đẽ bậc nhất, yêu nghiệt khéo mê hoặc lòng người, xây ướp hương trời, đeo chuỗi anh lạc, một tên là Nhiễm Dục, hai tên là Năng Duyệt Nhân, ba tên là Khả Lạc, hỏi cha ma vì sao buồn lo. Cha nói: Thế gian nay có Sa-môn Cù-đàm, thân mang áo giáp pháp, bắn tên trí tuệ, muốn hàng phục chúng sinh phá hư cảnh giới của ta. Nếu ta không bằng, chúng sinh sẽ tin ông ấy mà qui y, cõi ta sẽ trống không vì thế nên ta buồn khổ, nhân khi chưa thành Đạo hãy đến phá hoại. Do đó, Ma vương tay cầm cung mạnh và năm mũi tên, cùng nam nữ quyến thuộc đồng thời đến chỗ cây tất-bát-la. Thấy Thích-ca Mâu-ni yên tịnh bất động muốn độ thoát biển sinh tử ba cõi. Bấy giờ, ma vương tay trái cầm cung, tay phải lấp tên, bảo Bồ-tát rằng: Ông thuộc dòng Sát-lợi, cái chết đáng sợ sao không mau dứng dậy làm vua Chuyển Luân mà bỏ pháp xuất gia tu hành đi thì sẽ sinh lên cõi trời, Đạo bậc nhất này các bậc Tiên thánh đã làm. Ông thuộc dòng họ Sát-lợi Chuyển Luân mà làm khất sĩ là không đúng. Nay nếu ngồi yên không đứng dậy mà xả bỏ bổn thệ thì ta sẽ bắn chết ông. Một khi bắn ra thì các tiên khổ hạnh đều khiếp vía bất tỉnh, huống chi là Cù-đàm nhà ngươi bị tên độc này. Hãy mau đứng dậy để giữ toàn mạng sống. Nhưng Bồ-tát vẫn an nhiên bất động. Ma vương bèn bắn tên và đưa Thiên nữ đến. Bồ-tát không ngó tên mà tên tự dừng trên hư không, đầu nhọn hóa thành hoa sen. Lúc đó, ba vị thiên nữ bạch Bồ-tát rằng: Này bậc chí đức trời người đều cung kính, chúng tôi đang lúc xuân thì, ngọc nữ đẹp nhất cũng không bằng, nay xin hiến thân sớm tối hầu hạ Ngài. Bồ-tát nói: Các ngươi có gieo trồng chút ít pháp lành mà được thân trời, chẳng nghĩ vô thường lại làm việc yêu mị, hình dáng tuy đẹp mà lòng dạ xấu dơ, dâm hoặc bất thiện, chết rồi sẽ đọa vào ba đường ác, làm thân chim thú khó thoát ra được. Nay các ngươi muốn phá rối định ý không phải là tâm thanh tịnh, hãy đi đi ta không cần dùng. Bấy giờ, ba thiên nữ biến thành mụ già đầu bạc, da nhăn, răng rụng, còn da bọc xương, bụng to như trống, chống gậy lụm cụm. Ma vương thấy Bồ-tátáy chí bền chắc như thế bèn tự nghĩ, ta xưa có lần ở núi Tuyết bắn Ma-hê-thủ-la liền sợ mà lui sụt tâm lành mà nay không thể lay chuyển được Cù-đàm. Mũi tên này và ba con gái ta không thể lay chuyển được, thật là đáng giận. Vậy phải làm cách khác.

Rồi nhẹ lời dụ dỗ Bồ-tát rằng: Nếu không thích vui cõi người thì hãy lên cõi trời. Ta đem ngôi trời và năm dục lạc tặng ông. Bồ-tát đáp rằng: Người đời trước có tu chút ít nhân bố thí, nay được làm Vua trời Tự tại. Phước này hết rồi sẽ trở lại chìm đắm trong ba đường khó thoát ra. Đây là tội ngươi làm chẳng phải do ta muốn. Ma nói quả báo của ta thì ông đã biết, quả báo của ông có ai biết được đâu? Bồ-tát đáp: "quả báo của ta có đất này biết". Nói xong thì đất rung chuyển sáu cách, thần đất cầm bình bảy báu đựng đầy hoa sen từ đất vọt lên bảo ma rằng: Xưa Bồ-tát lấy đầy mắt tủy não cho người, máu chảy ra thấm sâu vào đất. Đất nước, ngôi vị, vợ con, ngựa voi, châu báu cũng đem cho người mà không hề tiếc là vì cầu Đạo Vô Thượng Chánh Chân, do đó nay ông chẳng thể làm náo loạn Bồ-tát được. Ma nghe xong thì sợ hãi run rẩy. Lúc đó, thần đất lễ Bồ-tát, dâng hoa cúng dường rồi biến mất.

Kinh Tạp Bảo Tạng chép: Xưa Như lai ở dưới cây Bồ đề, ác ma-Ba-tuần đem tám mươi ức chúng đến phá hoại Bồ-tát. Đến chỗ Như lai nói rằng: Này Cù-đàm! Ông một mình sao ngồi đây, nếu không mau đứng dậy đi thì ta sẽ ném ông xuống biển. Phật nói: Trong thế gian không ai ném ta xuống biển được. Người đời trước có xây một ngôi chùa, thọ Bát quan trai một ngày, thí cho Bích-chi-phật một bữa ăn cho nên sinh vào sáu tầng trời cõi Dục làm Ma vương. Mà nay ta trong ba A-tăng-kỳ kiếp tu nhiều công đức. A-tăng-kỳ kiếp đầu ta cúng dường vô lượng Chư Phật, A-tăng-kỳ kiếp thứ hai và ba cũng giống như thế. Còn cúng dường bậc Thanh văn, Duyên giác thì nhiều không thể tánh đếm. Tất cả mặt đất không có hạt cát nào chẳng phải xương ta. Ma nói: Ngày xưa ta thọ giới một ngày, cúng dường Bích-chi-phật một bữa ăn tin là có thật, ta tự biết, ông cũng biết ta, còn việc của ông thì có ai làm chứng hay không? Phật bèn chỉ tay xuống đất bảo "đất này làm chứng cho ta". Lúc đó, mặt đất rung chuyển sáu cách. Thần đất từ lớp kim cương vọt lên chắp tay bạch Phật: con làm chứng cho Ngài. Từ khi có trái đất này con thường ở trong đó. Lời Như lai nói đúng, thật không luống dối. Phật bảo ma Ba-tuần: Ngươi lay động được bình này thì mới xô ta xuống biển được. Bấy giờ, Ma-ba-tuần và tám mươi ức chúng không lay động được mà nghiêng ngã rơi xuống và bỏ chạy tán lọan. Bấy giờ, ma vương tự nghĩ ta dùng cung mạnh tên bén và ba con gái để dụ dỗ mà bằng mọi cách chẳng phá hoại được tâm Cù-đàm. Lại dùng cách khác, phải tập họp binh ma dùng sức ép bức. Bỗng các quân ma kéo đến đầy khắp hư không, có nhiều hình dạng tay cầm kích bén nhọn hoặc đầu như gốc cây to, tay cầm gậy vàng, các thứ dụng cụ chiến đấu đều đầy đủ. Hoặc

chó, cá, lừa, ngựa, sư tử, đầu rồng, hùm beo, lang sói và các loài thú khác, hoặc một thân có nhiều đầu, mặt có một mắt hoặc nhiều mắt, hoặc bụng to thân cao, hoặc ốm nhom, hoặc chân dài gối to, hoặc nanh bén móng nhọn, hoặc đầu ở trước ngực, hoặc hai chân mà nhiều thân, hoặc mặt to, hoặc mặt hai bên màu xám tro, hoặc thân phun lửa khói, hoặc trần truồng, hoặc sắc mặt nửa đỏ nửa trắng, hoặc môi dài chấm đất, hoặc hình voi cõng núi, hoặc mang da hổ hay da sư tử rắn, hoặc rắn quấn khắp thân, hoặc trên đầu lửa cháy, hoặc đi ngang như cua, hoặc nhảy xổm, hoặc bay trên hư không v.v... có các hình dạng ghê tởm, như thế nhiều không kể xiết vây quanh Bồ-tát, hoặc muốn xé xác Bồ-tát, hoặc bốn phương nổi khói lửa khắp trời, hoặc la hét tiếng động cả hang núi, gió thổi lửa bụi mịt mù chẳng thấy gì, bốn biển lớn nước cùng lúc sôi sục. Các trời người hộ pháp đều giận, các vua càng giận dữ lỗ chân lông tuôn ra máu. Các vị trời Tịnh cư thấy các ác ma phá rối Bồ-tát thì từ tâm thương xót bèn hạ xuống đầy khắp hư không, thấy chúng ma quân vô lượng vô biên vây quanh Bồ-tát phát ra tiếng ác to lớn rung chuyển trời đất. Bồ-tát tâm định, sắc mặt không hề biến đổi, cũng như sư tử ở trước bầy nai, thảy đều khen rằng: Hoan hô, kỳ lạ thay! Việc chưa từng có! Chắc chắn Bồ-tát sẽ thành Chánh giác. Các chúng quân ma cùng nhau ra sức đánh phá Bồ-tát, hoặc húc sừng trợn mắt nhăn răng, hoặc bay ngang dọc, quăng ném loạn xạ. Bồ-tát xem như trò trẻ con đùa giỡn, quân ma càng giận dữ cố sức đánh càn. Bồ-tát thương xót khiến chúng lượm đá không được, kẻ lượm được thì ném xuống không được, kẻ múa dao kiếm thì dừng đứng trên hư không, sấm sét mưa lửa thành hoa năm mầu, rồng dữ phun độc biến thành gió thơm, các loại quỉ hình thù xấu xa muốn hủy hại Bồ-tát mà không động được. Có hai chị em ma Di-đà và Ca-lợi, tay đều cầm sọ người ở trước Bồ-tát biền thành hình lạ mà quấy rối, dùng các hình xấu xí nhát Bồ-tát, nhưng chẳng hề làm động được Bồ-tát. Ma càng lo buồn. Trên hư không có vị thần tên là Phụ-đa, ẩn thân nói rằng: nay ta thấy Đức Thích-ca Mâu-ni tâm ý an nhiên, không chút sợ sệt. Các ma ấy khởi tâm ác độc, ở chỗ không oán thù mà nổi giận ngang trái, là các ma si ác, cực nhọc mà không làm gì được, ngày nay phải bỏ tâm giận hại. Miệng các ngươi có thể thổi núi Tu-di làm cho sụp đổ, lửa các ngươi có thể khiến cho băng hà sôi sục, có thể khiến cho đất bền chắc trở nên mềm nhũn. Nhưng các ngươi không thể phá hại quả lành của Bồ-tát đã nhiều kiếp tu tập, chánh tư duy siêng năng phương tiện, tịnh quang trí tuệ, bốn công đức này không thể dứt mất, chẳng thể bị các lưu nạn mà không thành Chánh Giác, như ngàn

mặt trời chiếu sáng sẽ hết tối tăm, dùi gỗ thì được lửa, đào đất thì được nước, siêng năng phương tiện, không cầu thì chẳng được. Chúng sinh thế gian chết bởi ba độc không có người cứu. Bồ-tát từ bi cầu thuốc trí tuệ vì đời mà dứt trừ tai nạn. Nay vì sao ngươi lại phá rối. Chúng sinh thế gian si mê, hoặc vô trí, mang đầy tà kiến. Nay lập ra pháp nhãn, đường chánh tu tập để dẫn dắt chúng sinh. Nay vì sao ngươi phá rối Đạo sư thì chẳng thể được. Ví như ở trong chốn hoang vắng mà muốn lừa gạt người dẫn đường các thương buôn. Chúng sinh đọa vào ngục tối tăm, mịt mù không biết chỗ ở. Bồ-tát đốt lên đèn đại trí tuệ, nay sao ngươi muốn thổi tắt. Nay chúng đang chết chìm trong biển sinh tử, Bồ-tát làm thuyền báu trí tuệ, nay vì sao ngươi muốn nhận chìm. Nhẫn nhục là mầm rễ bền chắc, Vô thượng đại pháp là quả to, nay vì sao ngươi muốn phá bỏ. Tham sân si cột trói chúng sinh, Bồ-tát khổ hạnh muốn cởi ra, ngày nay quyết định ở dưới cây này mà ngồi kiết già để thành Đạo Vô Thượng. Đất này chính là tòa kim cương của Chư Phật quá khứ. Các phương khác đều chuyển chỗ này mà không lay động, có khả năng nhận lấy Diệu định các ông không thể phá hoại dẹp bỏ. Ngươi nay phải sinh tâm vui mừng, dứt ý kiêu mạn, nuôi lớn tri thức để phụng sự.

Lúc đó, Ma vương nghe tiếng nói trên hư không như thế, lại thấy Bồ-tát vẫn an nhiên không đổi sắc. Ma liền hổ thẹn mà bỏ kiêu mạn liền trở về cung xưa. Các ma lo buồn, đều tan như băng rã, tình ý không còn hết oai lực, các vũ khí chiến đấu ngang dọc khắp đồng hoang, khi các ác ma suy sụp tan tác thì tâm Bồ-tát thanh tịnh rỗng sáng, bất động. Trời không khói mù gió không lay động. Ánh trời chiều càng rực rỡ, ánh trăng sớm lấn át các sao, bóng tối bỗng nhiên biến mất. Các trời trên hư không mưa hoa hương nhiệm mầu và trỗi nhạc cúng dường Bồ-tát.

Kinh Thụy Ứng Bản Khởi nói: Ma vương nổi giận lại vời các vua quỉ thần gồm một ức tám vạn tên, đều biến thành hình sư tử, gấu, beo, cọp, voi, ngựa, trâu, heo, chó, khỉ, vượn v.v... đầu thú mình người hoặc thân rắn đầu rùa có sáu mắt, hoặc một cổ nhiều đầu, nhe nanh giương vuốt, cõng núi phun lửa, sấm sét bốn bề, cầm mâu vác giáo. Bồ-tát vẫn từ tâm không hề sợ sệt, sắc mặt càng tươi vui. Binh ma quỉ không thể đến gần. Ma vương đến trước đối đáp với Phật.

- Ma:

Tỳ-kheo tìm gì ngồi dưới cây
Vui chốn núi rừng giữa thú dữ,
Mây nổi lên mịt mù đáng sợ
Thiên ma vây quanh chẳng kinh sợ.

- Bồ-tát:

Xưa Đạo chánh chân Phật đã làm
An nhiên trên hết dứt vô minh
Để thành đầy kho pháp tối thắng
Ta ngồi ở đây với Ma vương

- Ma:

Rồi Ông sẽ làm vua Chuyển luân
Bảy báu bốn phương sẽ tự đến
Thọ hưởng năm dục không đâu hơn
Ở đây không Đạo, hãy về cung

- Bồ-tát:

Ta thấy dục mạnh nuốt lửa đồng
Bỏ nước như đàm, không ham thích.
Làm vua cũng có già, bệnh, chết
Bỏ đây không lợi vật nói suông

- Ma:

Sao ngồi trong rừng mà nói to
Bỏ ngôi, bỏ nước vào rừng vắng
Chẳng thấy ta dấy bốn bộ binh
Voi ngựa bộ binh ức tám ngàn,
Hiện đủ mọi loài khỉ cọp beo
Mình người đầu thú và rùa rắn
Đều cầm gươm giáo, kích, xa mâu
Nhảy múa hò hét khắp hư không

- Bồ-tát:

Nếu có ức triệu giống thần võ
Vì ma như ngươi đến hội nầy,
Dùng dao, tên đánh như mưa gió
Nếu chẳng thành Phật không đứng dậy
Dù ý ma muốn ta lui sụt
Ta cũng tự thề không về suông
Ngươi nay phước địa sao bằng Phật -
Như thế biết là ai sẽ thắng.

- Ma:

Ta từng trọn đời ưa bố thí
Nên làm Ma vương sáu tầng trời
Bồ-tát biết phước đời trước ta
Tự xưng vô lượng ai làm chứng?

- Bồ-tát:

Xưa ta, hạnh nguyện từ Định quang
Được thọ ký thành làm Phật Thích-ca
Tưởng lo sợ dứt nên ngồi đây
Ý nhất định phá dẹp quân ngươi
Ta vốn thờ phụng nhiều Chư Phật
Tiền của y phục thường thí người
Nhân giới chứa đức dầy như đất
Do đó dẹp tưởng không hoạn nạn
Bồ-tát liền dùng sức trí tuệ
Đưa tay chở đất là biết ta
Lập tức khắp đất đều rúng chuyển
Ma và bà con đều ngả nghiêng
Ma vương bại trận buồn mất lợi
Hôn mê ngồi ủ rũ trên đất
Nếu lại hiểu tâm là tỉnh ngộ
Lập tức quy y mà hối lỗi
Ta lại chẳng cần dùng binh khí
Hành các từ tâm bỏ ma oán
Đời có binh khí động lòng người
Mà ta đã bằng các chúng sinh
Như đã điều phục các voi ngựa
Sau đó, các trạng thái lại sinh
Nếu được điều phục như tánh Phật
Như Phật điều phục đều là nhân
Cả trời thấy Phật bắt chúng ma
Nhẫn điều vô tưởng oán tự hết

Các trời vui mừng dâng hoa đến, khi Pháp Vương hoại, Pháp Vương thắng.

Vốn từ sức trí tuệ của ý
Tuệ năng tức thời dẹp bất tường
Khiến được kẻ thù làm anh em
Nên lễ người chứng đạo Tứ đẳng
Mặt như trăng rằm sắc ung dung
Tiếng vang mười phương đức như núi
Cầu tướng mạo Phật khó sánh được
Cúi đầu kính lạy Tiên độ đời.

PHẦN IV:

Bấy giờ, Bồ-tát dùng năng lực từ tâm, vào đêm mồng bảy tháng hai hàng phục quân ma rồi phát ra ánh sáng rực rỡ. Liền nhập định suy nghĩ chân đế, đối với các pháp mà thiền định tự tại. Đều biết trong quá khứ làm các thiện ác, từ đây sinh kia, cha mẹ quyến thuộc giàu nghèo, sang hèn, tuổi thọ dài ngắn và tên họ thảy đều biết rõ. Liền khởi tâm đại bi đối với chúng sinh, mà tự nghĩ rằng: Tất cả chúng sinh không ai cứu giúp, luân hồi năm đường không biết nẻo ra, tất cả đều luống dối không hề chân thật mà ở trong đó bỗng sinh ra khổ vui. Suy nghĩ như thế đến hết nửa đêm.

Kinh Thụy Ứng Bản Khởi nói: Hôm ấy, đầu hôm thì được 1 thuật xà, tự biết việc đời trước từ vô số kiếp đến nay tinh thần thay đổi lần lượt thọ sinh vô số thảy đều biết rõ, đến phần thứ hai của đêm thì được hai thuật xà, đều biết rõ tâm niệm của chúng sinh trong đường thiện ác họa phúc sinh tử, đến phần thứ ba của đêm, thì lậu kiết dứt hết, tự biết thuở xưa bốn thần túc tu tập. Niệm tinh Tấn định, Dục định, Ý định, giới định các pháp biến hóa. Chỗ muốn như ý, không cần nghĩ đến, thân bay đi được. Có thể biến một thân thành trăm ngàn muôn ức thân hoặc họp lại thành một thân. Có thể đi xuyên qua đất đá, tường vách. Có thể ở một phương mà hiện ra hay biến mất. Có thể đi dưới nước, bay trên hư không, nằm ngồi giữa hư không như chim, thân đứng cao đến trời Phạm Tự Tại, tay nắm bắt mặt trời, mặt trăng. Mắt thấy suốt, tai nghe suốt, ý dự biết các ý niệm của trời, người, rồng, quỉ và các loài bò bay máy động, các việc thân làm miệng nói ý nghĩ đều thấy nghe biết rõ. Ai có tham dâm, ai có giận dữ, ai có si mê, ai có ái dục hay không đều biết rõ. Ai có hạnh đại chí, ai có hạnh nội ngoại, ai có thiện niệm hay bất thiện niệm, ai có nhất tâm hay không nhất tâm, ai có ý giải thoát hay không ý giải thoát đều biết rõ. Bồ-tát thấy trong năm đường: trời, người, địa ngục, súc sinh, ngạ quỉ có cha mẹ, anh em, vợ con tên tuổi trong ngoài đều biết rõ, biết việc một đời, mười đời, trăm ngàn muôn ức vô số đời đều biết rõ. Cho đến trong một kiếp trời đất băng hoại rồi trống không, thành tựu các nhân vật, cho đến mười kiếp, và trăm ngàn muôn ức vô số kiếp, các thứ tên họ nội ngoại, ăn mặc khổ vui, tuổi thọ dài ngắn, chết đây sinh kia, trôi giạt các cõi, các thân thay đổi sinh già bệnh chết, hình sắc xấu đẹp, hiền ngu vui khổ, tất cả ba cõi đều phân biệt rõ. Thấy rõ trời người quỉ thần theo chỗ làm mà sinh vào năm đường, hoặc đọa địa ngục, hay đọa súc sinh hoặc làm quỉ thần, làm người, làm trời, có người sinh nhà giàu sang vui sướng hoặc nhà nghèo hèn khổ sầu. Biết chúng

sinh năm ấm mê mờ tự che, một là hình sắc, hai là đau ngứa, ba là suy tưởng, bốn là làm việc, năm là hồn thức đều quen năm dục. Mắt ham sắc, tai ham tiếng, mũi ham mùi, lưỡi ham vị, thân ham trơn láng, bị ái dục lôi kéo, mê tiền của sắc đẹp mong được yên vui v.v.... Từ đó mà sinh ra các gốc ác, từ ác mà có các khổ. Nếu dứt bỏ được ái tập, chẳng theo tâm dâm, thực hành theo tám chánh đạo thì cuối cùng khổ sẽ diệt. Cũng như hết củi thì lửa tắt. Đó gọi là Đạo vô vi độ đời. Bồ-tát tự biết mình đã bỏ gốc ác, không còn dâm nộ si, sinh tử đã dứt, rễ giống đều nhổ, không còn gieo trồng các nhân ác, việc làm đã xong, trí tuệ đã rõ. Khi sao mai mới mọc thì hốt nhiên đại ngộ, được Đạo Vô Thượng Chánh Chân, là Tối chánh giác, được mười tám pháp của Phật, có mười thần lực và bốn vô sở úy.

Khi ấy đã nửa đêm, Bồ-tát liền được mắt trời, quán sát thế gian đều thấy rõ, như gương sáng soi mặt thấy rõ hình sắc. Thấy chúng sinh vô lượng các loại chết đây sinh kia, tùy làm thiện ác chịu quả báo khổ vui.

Thấy các chúng sinh trong địa ngục thời gian lâu dài bị nước đồng sôi chế vào miệng, hoặc ôm cột đồng nóng, ngồi giường sắt nóng, hoặc bị chảo dầu nấu sôi, hoặc bị nung nướng trên lửa, hoặc bị cọp sói cắn xé. Có người núp dưới cây tránh lửa thì bị lá cây bén nhọn như dao kiếm cắt nát, có người bị búa cưa mổ xẻ thân thể tay chân, hoặc bị xô xuống sông lửa, hoặc bị đẩy vào hầm cứt đái v.v... bị các khổ này vì nghiệp báo nên vẫn không chết. Bồ-tát thấy việc như thế nghĩ rằng các chúng sinh này gây ra các nghiệp ác, vì ham chút vui thế gian mà bị khổ dữ này. Nếu người thấy các khổ này sẽ không dám nghĩ ác làm ác nữa.

- Bấy giờ, Bồ-tát nhìn thấy súc sinh, tùy theo làm các việc ác mà chịu các thân hình xấu xí, hoặc vì có thịt xương, gân sừng, da lông, v.v... mà bị giết, hoặc bị người bắt mang kéo chở nặng, phải chịu đói khát mà người không biết. Lại bị xỏ mũi, cột, móc vào đầu, thường cung cấp thịt cho người, lại cùng đồng loại mà ăn nuốt lẫn nhau, chịu các khổ như thế. Bồ-tát sinh tâm từ bi thương xót nghĩ rằng: Các chúng sinh này thường lấy sức của thân mà cung cấp cho người, lại bị khổ đánh đập đói khát, đều là do quả báo của việc ác.

- Bồ-tát lại quan sát ngạ quỉ, thường ở trong chỗ tối tăm không hề thấy ánh sáng mặt trời, mặt trăng, cùng loại cũng chẳng thấy nhau, bị thân cao bụng to như quả núi, cổ nhỏ như lỗ kim, trong miệng thường có lửa cháy, luôn bị đói khát ép ngặt. Ngàn muôn năm chẳng nghe được tiếng ăn uống. Nếu trời có mưa xuống thì các hạt nước cũng là những

viên sắt cháy đỏ, khi đến ao hồ, sông biển thì nước cũng biến thánh đồng sôi tro nóng, động thân cất bước tiếng vang như người kéo năm trăm cỗ xe, thân thể từng đốt xương thường bị đốt cháy. Bồ-tát thấy họ bị các khổ đó mà sinh tâm đại bi thương xót, tự nghĩ rằng: đây đều do lỗi san tham, chứa để nhiều tiền của, chẳng chịu bố thí, cho nên phải chịu các tội báo này. Nếu ai thấy các khổ này thì nên bố thí, chớ có luyến tiếc. Nếu không có tiền của thì cũng cắt thịt mà cho.

Bồ-tát lại thấy loài người từ thân trung ấm chui vào thai, thấy cha mẹ hòa hợp mà khởi nghĩ điên đảo, nổi tâm ân ái, lấy chất bất tịnh làm thân. Ở trong thai thì thân ở giữa sinh tạng và thục tạng, bị nung nấu như khổ địa ngục. Đủ mười tháng thì sinh ra. Lúc mới sinh bị người ngoài nắm kéo, nhám nhúa đau rát như bị dao cắt. Sau đó, không lâu thì già chết. Lại bị luân hồi trong năm đường không thể tự biết, Bồ-tát thấy rồi khởi tâm đại bi thương xót nghĩ rằng: Đếu chúng sinh có khổ này, vì sao trong đó mà mê đắm năm dục cho là vui mà chẳng dứt bỏ cội gốc điên đảo.

Bồ-tát lại quán sát loài trời, thấy các vị trời thân thể sạch sẽ, không bị các dơ bẩn vám vào như lưu ly. Có ánh sáng rực rỡ mà mắt không nháy. Có loài ở trên đỉnh núi Tu-di, có loài ở quanh lưng chừng núi, hoặc ở trên hư không, lòng thường vui vẻ. Thường trỗi nhạc trời tự vui. Không có ngày đêm, bốn phương các nơi đều xinh tươi, thúc ăn y phục tự đến rất vừa ý. Nhưng cũng bị lửa dục thiêu đốt. Thấy các vị trời ấy phước hết thì năm tướng hiện ra, một là hoa trên đầu héo, hai là mắt máy động, ba là thân quang tắt, bốn là nách có mùi hôi, năm là muốn lìa chỗ ngồi cũ. Các quyến thuộc thấy các vị trời có năm tướng hiện thì thương mến. Trời thấy mình có năm tướng và được quyến thuộc thương mến thì rất buồn khổ. Bồ-tát thấy thế thì khởi tâm đại bi thương xót nghĩ rằng: Các trời này vốn nhờ tu ít cội lành mà được làm trời, quả báo sắp hết nên rất buồn khổ. Chết rồi thì bỏ thân trời, hoặc có người bị đọa vào ba đường ác. Do làm các hạnh lành để cầu quả báo vui mà nay vui ít khổ nhiều. Ví như người đói ăn thức ăn độc, mới đầu thì ngon nhưng cuối cùng thì bị khổ lớn. Vì sao người trí lại ham vui này. Các tầng trời thuộc cõi Sắc và Vô Sắc thấy mạng sống lâu dài thì bảo là thường vui. Nhưng khi thấy có biến hoại thì cũng rất buồn khổ. Liền khởi tà kiến cho là không có nhân quả. Do đó mà bị luân hồi trong ba đường ác, chịu đủ các khổ. Bồ-tát do năng lực mắt trời thấy rõ năm đường mà khởi tâm đại thương xót, tự nghĩ rằng: Trong ba cõi không có một vui, như thế suy nghĩ đến tận nửa đêm. Khi đến phần ba của đêm, Bồ-tát quán sát

tánh chúng sinh vì sao có già chết? Liền biết già chết lấy sinh làm gốc. Nếu lìa sinh thì không có già chết. Lại cái sinh này không phải trời sinh, chẳng tự sinh, cũng không phải vô duyên sinh, mà là nhân duyên sinh. Nhân ở Dục có nghiệp Hữu sắc và Vô sắc sinh ra. Lại xem nghiệp ba cõi từ đâu sinh ra, liền biết nghiệp ba cõi từ bốn Thủ sinh ra. Lại xem bốn Thủ từ đâu sinh ra, liền biết bốn Thủ từ Ái mà sinh. Lại xét Ái từ đâu sinh ra, liền biết Ái từ Thọ sinh ra. Lại xét Thọ từ đâu sinh ra, liền biết Thọ từ Xúc sinh ra. Lại xét Xúc từ đâu sinh ra, liền biết Xúc từ sáu nhập sinh ra. Lại xét sáu nhập từ đâu sinh ra, liền biết sáu nhập từ Danh sắc sinh ra. Lại xét Danh sắc từ đâu sinh ra, liền biết Danh sắc từ Thức sinh ra. Lại xét Thức từ đâu sinh ra, liền biết Thức từ Hành sinh ra. Lại xét Hành từ đâu sinh ra, liền biết Hành từ Vô minh sinh ra. Nếu diệt được Vô minh thì Hành diệt, Hành diệt thì Thức diệt, Thức diệt thì Danh sắc diệt, Danh sắc diệt thì sáu nhập diệt, sáu nhập diệt thì Xúc diệt, Xúc diệt thì Thọ diệt, Thọ diệt thì Ái diệt, Ái diệt thì Thủ diệt, Thủ diệt, thì Hữu diệt, Hữu diệt thì Sinh diệt, Sinh diệt thì già chết, lo buồn khổ não diệt. Như thế quán xét mười hai nhân duyên thuận nghịch. Phân ba của đêm là phá vô minh, khi minh tướng xuất hiện được ánh sáng trí tuệ, dứt hết tập chướng mà thành Nhất Thiết Chủng trí. Bấy giờ, tâm Như lai tự nghĩ, tám Thánh Đạo là đường đi của Chư Phật ba đời để đến được Niết-bàn, nay ta đã bước đi, trí tuệ thông suốt không gì chướng ngại. Lúc đó, mặt đất rung chuyển mười tám cách. Mây sương bụi bặm lắng sạch. Trống trời tự nhiên phát ra tiếng mầu nhiệm, gió thổi hương thơm dịu dàng mát mẻ, mây nhiều màu mưa cam lộ xuống, vườn rừng hoa trái tươi đẹp. Bấy giờ, trời lại mưa hoa mạn-đà-la, hoa ma-ha-mạn-đà-la, hoa mạn-thù-sa, hoa ma-ha-mạn-thù-sa và các hoa vàng, hoa bạc, hoa lưu ly, hoa sen bảy báu vây quanh cây Bồ đề, đầy khắp ba mươi sáu Du-xà-na. Lúc đó, các vị trời trỗi nhạc, tung hoa, xông hương, ca múa khen ngợi, cầm lọng báu trời và cờ phướn trời đầy khắp hư không cúng dường Phật Niết-bàn. Tám bộ trời rồng cũng cúng dường như thế. Lúc đó, tất cả chúng sinh đều từ ái, không còn tưởng sân hại, vô cùng vui mừng như thấy dấu vết của Phật không chút sợ hãi, tâm lại nhu hòa, dứt hết các kiêu mạn, cũng không còn san tham ganh ghét, nịnh bợ dối lừa. Các vị trời năm Tịnh Cư lìa căn hỷ lạc, cùng đều rất vui mừng. Ở địa ngục các khổ tạm ngừng, vô cùng vui vẻ. Tất cả súc sinh cũng không còn tâm ác ăn nuốt lẫn nhau. Loài ngạ quỉ đều no đủ không còn đói khát. Những chỗ tối tăm trong thế giới ánh sáng mặt trời, mặt trăng không soi đến được thì đều sáng rỡ, trong đó chúng sinh đều thấy nhau. Tự bảo nhau vì

sao trong đây lại có chúng sinh, Đại Thánh Pháp vương xuất hiện ra đời dùng ánh sáng đại pháp mà phá tối phi pháp. Cho nên khiến tất cả đều sáng tỏ. Tiên vương Cam-giá bỏ nước học đạo, thành vị Tiên có năm thần Thông, lại làm thực hành mười điều lành mà được sinh lên cõi trời đều nương thần thông đến cây Bồ-đề ở trên hư không vui mừng chắp tay khen ngợi rằng: Dòng Cam-giá dứt trừ các lậu, thành Nhất thiết trí, làm mắt cho thế gian rất là đặc biệt. Tất cả trời người đều rất vui mừng. Chỉ có ma vương thì lòng rất lo buồn.

Bấy giờ, Như lai trong bảy ngày, một lòng suy nghĩ, quán cây Thọ Vương mà tự nghĩ rằng: Ta tại đây dứt hết các lậu, việc làm đã xong, bổn nguyện đã tròn. Ta ở được pháp rất sâu, rất khó hiểu, chỉ có Phật và Phật mới biết được mà thôi. Tất cả chúng sinh ở đời năm trược bị tham dục giận dữ ngu si tà kiến, kiêu mạn, dua nịnh, dối lừa, v.v... che lấp, phước mỏng căn độn, không có trí tuệ, làm sao hiểu được pháp của ta. Nay nếu ta xoay bánh xe pháp, họ sẽ mê hoặc chẳng tin mà chê bai thì bị đọa vào đường ác chịu khổ vô cùng. Nay ta thà im lặng mà nhập Niết bàn. Bấy giờ, Như lai nói kệ rằng:

Thánh Đạo rất khó lên
Trí tuệ rất khó được
Ta ở trong khó này
Đều đã được tất cả
Trí tuệ mà ta được
Là mầu nhiệm bậc nhất
Chúng sinh các căn độn
Ham vui mà mê mù
Trôi theo dòng sinh tử
Chẳng thể trở về nguồn
Đủ các loại như thế
Làm sao mà độ được.

Như lai nghĩ thế xong, Đại Phạm Thiên vương thấy Như lai đã thành thánh quả, im lặng mà không xoay bánh xe pháp, thì lòng buồn lo liền tự nghĩ rằng: Thế tôn xưa ở trong vô lượng ức kiếp vì chúng sinh mà ở lâu trong sinh tử, bỏ cả nước thành vợ con, đầu mắt não tủy, chịu đủ các khổ, nay nguyện đã đầy đủ thành tựu A-nậu-đa-la-Tam-miệu-Tam-Bồ-đề. Vì sao im lặng mà không nói pháp. Chúng sinh trong đêm dài sẽ chìm đắm trong sinh tử, nay ta phải đến thỉnh Ngài xoay bánh xe pháp. Nghĩ xong liền từ cung trời phút chốc liền bay đến chỗ Như lai kính lễ, rồi đi nhiễu trăm ngàn vòng, quì xuống chắp tay bạch Phật rằng:

Bạch Đức Thế tôn, thuở xưa Ngài vì chúng sinh mà ở lâu trong sinh tử, bỏ thân đầu mắt để bố thí, chịu đủ các khổ, tu nhiều gốc đức, nay mới thành Đạo Vô thượng. Vì sao im lặng mà không nói pháp? Chúng sinh đêm dài chìm đắm trong sinh tử, đọa trong vô minh, muốn thoát ra rất khó. Nhưng có chúng sinh đời quá khứ gần gũi bạn lành, gieo trồng các gốc đức, có khả năng nghe pháp chứng Thánh đạo, cúi mong Đức Thế tôn vì các chúng sinh ấy dùng tâm đại bi thương xót xoay bánh xe pháp mầu. Thích-đề-hoàn-nhân cho đến trời Tha Hóa Tự Tại cũng đến khuyến thỉnh Như lai vì các chúng sinh mà xoay bánh xe đại pháp. Bấy giờ, Đức Thế tôn đáp lời Phạm Thiên Vương và Thích-đề-hoàn-nhân rằng: Ta cũng muốn vì tất cả chúng sinh mà xoay bánh xe pháp. Nhưng pháp ta tu được rất nhiệm mầu, khó hiểu khó biết, nên các chúng sinh chẳng thể tin nhận, sanh tâm chê bai mà phải đọa địa ngục, cho nên ta nay im lặng. Lúc đó, Phạm Thiên, các chúng khuyến thỉnh đến ba lần. Bấy giờ, Như lai đã hết bảy ngày im lặng bèn nhận lời. Phạm vương biết Phật nhận lời bèn kính lễ mà trở về cõi trời.

Kinh Hiền Ngu nói: Phật ngự tại Đạo Tràng Thiện Thắng ở nước Ma-kiệt, khi mới thành Phật liền nghĩ các chúng sinh bị mê trong lưới tà kiến điên đảo, khó có thể giáo hóa. Nếu ta ở đời là việc vô ích, chẳng bằng nhập Niết-bàn Vô dư. Bấy giờ, Phạm Thiên biết ý Phật nghĩ liền từ trên cõi trời xuống đến chỗ Phật, kính lễ quì xuống mà khuyến thỉnh Thế Tôn xoay bánh xe pháp. Phật đáp lời Phạm Thiên rằng: Các loài chúng sinh bị bụi nhơ che lấp, mê vui thế gian, không có tuệ tâm. Nếu ta ở đời thì chỉ uổng công. Như ta nghĩ nay chỉ diệt độ là vui. Bấy giờ, Phạm Thiên đến bên mà bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế tôn, hôm nay biển Pháp đã đầy, cờ Pháp đã dựng, nay chính là lúc dắt dẫn cứu giúp. Lại chúng sinh đáng độ cũng rất đông, vì sao Thế tôn lại muốn nhập vào Niết-bàn, nếu thế thì những người mê này sẽ không ai che chở cứu giúp. Đức Thế tôn thuở xưa từ vô số kiếp đến nay thường vì chúng sinh mà nhóm họp pháp lạc. Dù chỉ một bài kệ cũng bỏ thân mình và vợ con mà thỉnh cầu. Vì sao không nghĩ mà bỏ đi? Quá khứ lâu xa Ngài ở cõi Diêm-phù-đề làm vua nước lớn hiệu là Tu-lâu-bà cai quản tám vạn bốn ngàn nước nhỏ, bốn vạn núi sông, tám mươi ức xóm làng. Vua có hai muôn phu nhân, một muôn vị Đại thần. Lúc đó, Diệu sắc, Đức lực (của vua) không ai sánh bằng, che chở người dân giàu vui vô cực. Vua nghĩ nếu nay ta chỉ dùng tiền của mà bố thí tất cả, không có Đạo pháp dạy dỗ. Đây là lỗi lớn của ta. Nay phải tìm cầu pháp tài chắc thật cho khắp mọi người đều được dùng. Bèn ra lệnh khắp cõi Diêm-phù-đề ai có

pháp nói cho ta nghe thì muốn gì đều được, không dám trái ý. Lệnh ban ra nhưng không ai đáp ứng. Vua rất lo buồn. Thiên vương Tỳ-sa-môn thấy thế muốn đến thử bèn biến thành một quỉ Dạ-xoa hình thù gớm ghiếc, mắt đỏ như máu, răng nanh chìa ra, tóc cứng như bàn chải, miệng phun lửa, đến cung vua bảo rằng: Ai muốn nghe pháp tôi sẽ nói. Vua nghe tin báo rất vui mừng đích thân ra đón rước đảnh lễ, rồi mời ngồi trên tòa cao, nhóm họp các quan vây quanh nghe pháp. Khi ấy, Dạ-xoa bảo vua rằng: Việc học pháp rất khó, vì sao vua muốn được nghe biết mà không có điều kiện gì? Vua chấp tay nói: Muốn điều gì tôi xin đáp ứng không dám trái ý. Dạ-xoa nói: Nếu vợ con đáng yêu của nhà vua cho ta ăn thịt thì ta sẽ nói pháp cho nghe. Khi ấy, vua liền đem vợ và con rất yêu thương của mình cho Dạ-xoa ăn thịt. Bấy giờ, Dạ-xoa ở trên tòa cao mà ăn. Các quan văn võ đều gào khóc tiếc thương khuyên vua bỏ qua việc ấy. Vua vì pháp kiên quyết không đổi ý. Khi ấy, quỉ Dạ-xoa ăn thịt hết vợ con vua, rồi nói kệ rằng:

Tất cả hạnh vô thường
Có sinh đều có khổ
Năm ấm, không vô tướng
Không có ngã, ngã sở.

Vua nghe kệ xong rất vui mừng, sai viết ra truyền khắp cõi Diêm-phù-đề để mọi người đọc thuộc. Đức Thế tôn thuở xưa vì chúng sinh không tiếc thân mạng mình và cả vợ con. Nay biển Pháp đã đầy, trống pháp đã đánh, đuốc pháp đã sáng, nay đúng lúc thấm nhuận lợi ích. Vì sao Ngài muốn xả bỏ tất cả chúng sinh nhập vào Niết-bàn mà không nói pháp. Phạm vương khen ngợi Như lai ở quá khứ đã nhiều đời, nhiều thân vì chúng sinh mà cầu pháp như thế. Đức Thế tôn bèn nhận lời khuyến thỉnh nói pháp của Phạm vương, liền đến vườn Nai ở nước Ba-la-nại mà xoay bánh xe pháp. Tam bảo nhân đó mà xuất hiện ra đời.

Kinh Phổ Diệu nói: Như Lai thành Chánh giác đầy đủ rồi, bèn dời hang đá, tự nghĩ bổn nguyện, muốn độ chúng sinh, nghĩ đến sinh tử. Thế gian có chín mươi sáu Đạo thuật, đều có việc kính tin, đâu biết đó là sai lầm. Trời đất vô thường đều là khổ lớn, ai tin như thế. Bèn im lặng không nói pháp mà muốn nhập diệt. Lúc đó, trời Đế-thích biết Phật không muốn nói pháp, thương xót ba cõi sẽ gặp nguy hiểm, bèn đến hang đá mà đánh trống trổi nhạc khen ngợi bổn nguyện của Phật, thỉnh nói pháp bất tử. Phật tùy tâm tục dùng pháp sâu xa tâm không nghĩ tới, lời không diễn tả được, mà nói kệ rằng:

Sâu xa vắng lặng

Sáng suốt không nhơ
Ta đã được rồi
Cam lồ vô vi
Nay ta nói ra
Mọi người không hiểu
Nên ta hôm nay
Chi bằng im lặng
Dứt bỏ ngôn từ
Không nghĩ, không chứng
Như thế tự nhiên
Cũng như hư không

Bấy giờ, Phạm vương Thức-già cùng sáu vạn tàm ngàn Phạm Chúng đến chỗ Phật bạch rằng: Trời đất không chỗ nương nhờ, nay muốn hủy hoại, Phật không nói pháp, các khổ trói chặt, chết ở trong ba cõi, nguyện xoay bánh xe pháp, cứu độ chúng sinh. Khi đó, Phật im lặng nhận lời. Bấy giờ, có vị thần cây tên là Pháp Minh, cũng gọi là Pháp Lạc, cũng gọi là Pháp ý, cũng gọi là Pháp Trì, bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế tôn, nay xoay bánh xe pháp ở đâu. Phật nói: Trong vườn nai, là chỗ ở của các vị tiên trong thành Ba-la-nại. Ở đó, người dân tuy ít, nhưng nhiều kiếp xưa ta đã xây dựng đền pháp, ở đó sáu muôn ức năm, trong đó cúng dường sáu muôn ức Chư Phật, các vị Tiên cũng đến đó. Ta dùng mắt Phật quán khắp thế gian xem nên nói pháp cho ai trước nhất, là người dâm nộ si đã mỏng dễ hóa độ nhất, ấy là Uất-đàm-lam-phất, ba cấu đã mỏng, thân cũ đã đến, đã trải qua bảy ngày. Người thứ hai là Học Tiên nay đã chết rồi. Phật lại nghĩ xưa Đức vua sai năm người cùng ở với ta trải qua nhiều gian khổ, nay ta phải nói pháp độ họ trước.

Bấy giờ, Đức Thế tôn từ dưới cây đứng dậy, lên tiếng bảo Tam Thiên Đại thiên thế giới đều đến chỗ năm người ở thành Ba-la-nại. Năm người từ xa thấy Phật đến hẹn với nhau rằng: Sa-môn Cù-đàm đã mê mất vô định, không theo chí cũ, nếu đến chớ đứng dậy chào đón. Nhưng khi Phật đến thì đều qui kính.

Khi Thần đất nêu lời xong thì lập tòa mà nói rộng mười hai nhân duyên. Phật pháp thánh chúng liền thành Tam bảo. Tên vang khắp thiên hạ, tiếng thấu đến Phạm Thiên, nhóm năm người Kiều-trần-như (Câu lâu) và sáu mươi ức vị trời, tám mươi ức vị trời cõi sắc, tám vạn người đời được mắt pháp thanh tịnh.

Khi Thế tôn nhận lời khuyến thỉnh nói pháp của Phạm vương xong

thì trong bảy ngày dùng mắt Phật quán sát các căn thượng, trung, hạ của chúng sinh và các phiền não ở bậc hạ, trung, thượng, hai tuần đã qua. Bấy giờ, Thế tôn nghĩ nay ta sẽ mở pháp môn cam lộ, ai là người được nghe trước nhất. Đó là vị Tiên A-la-la người thông minh dễ ngộ lại xin độ mình trước. Lúc đó, trên hư không có tiếng nói rằng: vị Tiên A-la-la đã chết từ đêm qua. Lại nghĩ đến Ca-lan Tiên thì tiếng trên hư không cũng nói vị tiên Ca-lan đã chết đêm trước. Cả hai lần Thế tôn đều đáp ta cũng đã biết. Đức Thế tôn liền nghĩ xưa Vương sư và Đại thần đã sai năm anh em Kiều Trần Như trông nom ta đều là người rất thông minh, lại đời quá khứ ta từng phát nguyện độ họ nghe pháp trước, nay ta sẽ đến đó mà mở bày pháp môn. Lại nghĩ Chư Phật xưa đều xoay bánh xe pháp ở vườn nai nơi vị tiên ở, trong nước Ba-la-nại, năm vị ấy cũng ở đó. Ngài bèn đến nước ấy, lúc đó có năm trăm người lái buôn, hai người là chủ: một tên Bạt-đà-la-tư-na, người kia tên là Bạt-đà-la-lê, đi qua chỗ vắng thì thiên thần mách bảo có Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn ra đời là ruộng phước trên hết, các ngươi nên đến đó cúng dường trước tiên. Cả năm trăm người và các vị trời cùng đến thôn Bà-bạt-lợi. Người trong thôn thấy có tướng mạo trang nghiêm lại có các vị trời vây quanh thì rất vui mừng bèn đem dâng mật lên Đức Phật. Thế Tôn thường tự nghĩ Chư Phật quá khứ dùng Bát-đa-la mà đựng thức ăn. Bấy giờ, trời Tứ Thiên Vương mỗi người đều bưng một bát dâng lên. Phật nghĩ nếu ta nhận bát của một trời thì các vị kia sẽ giận, bèn nhận tốt cả các bát rồi dùng tay ấn thành một bát. Bấy giờ, Đức Thế tôn chú nguyện rằng: Nay vật bố thí khiến người ăn được đầy đủ khí lực, khiến người thí được sức khỏe bình an, không bệnh sống lâu các thiện thần luôn theo che chở. Mặt trời, mặt trăng và năm sao, hai mươi tám sao, thiên thần quỉ vương thường theo giúp đỡ. Bốn vị Đại Thiên khen thưởng người lành, bố thí cơm áo, dứt ba gốc độc, tương lai sẽ được quả báo có ba pháp vững chắc, thông minh trí tuệ, dốc tin Phật pháp, sinh ở đâu đều được Chánh kiến không mê muội. Trong hiện đời cha mẹ vợ con thân thích quyến thuộc đều được hưng thịnh, khỏi các tai ương. Trong dòng họ nếu có người chết phải đọa đường ác thì nhờ phước bố thí này mà trở lại làm trời, làm người, không khởi tà kiến, thêm nhiều công đức thường được gần gũi thờ phụng Chư Phật Như lai, được nghe pháp mầu, được chứng thấy Đế, sở nguyện đầy đủ. Thế Tôn chú nguyện xong liền thọ thực, thọ thực xong liền rửa bát súc miệng. Rồi trao ba qui y cho các lái buôn: một là quy y Phật, hai là quy y pháp,

ba là quy y Tăng ở tương lai. Việc xong thì từ biệt tất cả.

Kinh Thụy Ứng Bản Khởi nói: Phật định ý bảy ngày không dao động. Thần cây tự nghĩ Phật mới thành Đạo ngồi đã bảy ngày chưa ai dâng thức ăn, ta phải tìm người cúng Phật. Lúc đó có năm trăm người lái buôn đi ngang qua, xe trâu lún bánh không đi được, trong đó có hai người chủ: một tên là Đề-vi, hai tên là Ba-lợi, mọi người đến chỗ thần cây xin phước thần hiện ánh sáng, nói nay có Phật ra đời ở tại nước Ưu-ly bên sông Ni-liên-thiền chưa có ai cúng dường. Các ngươi gặp may cúng dường trước sẽ được phước lớn các lái buôn nghe tên Phật thì vui mừng nói Phật là bậc tôn quí nhất, thiên thần còn kính trọng huống chi là người phàm. Rồi dâng mật cúng dường lên Phật. Phật nghĩ xưa Chư Phật nhận người thí đều đựng trong bát, không như các đạo khác dùng tay nhận. Lúc đó, bốn vị Thiên Vương thấy biết liền bay lên núi Át-na, tự nhiên trong đá hiện ra bốn bát thơm sạch không dấu vết, bốn vua dâng lên bốn bát để nhận thức ăn của lái buôn khiến được phước lớn. Phật nhận cả bốn bát rồi ấy tay biến thành một bát rồi nhận mật và đi về phía trước dáng điệu oai nghiêm. Giữa đường gặp một ngoại đạo tên Ưu-ba-già, thấy Như lai tướng tốt trang nghiêm các căn vắng lặng khen là đặc biệt, bèn nói kệ rằng:

Thế gian các chúng sinh
Đều bị ba độc trói
Các căn lại thô ráo
Đuổi theo các ngoại cảnh
Nay lại thấy nhân giả
Các căn đều vắng lặng
Sẽ đến chỗ giải thoát
Chắc chắn không trở ngại
Nhân giả học thầy nào
Tên họ ấy là gì

Bấy giờ, Đức Thế Tôn đáp kệ rằng:

Nay Ta đã vượt hơn
Tiêu biểu cho chúng sinh
Pháp sâu xa mầu nhiệm
Nay Ta đã đầy đủ
Ba độc và năm dục
Dứt hết chẳng còn sót
Như hoa sen trong nước
Không dính nước bùn nhơ

Tự ngộ tám chánh đạo
Không thầy và không bạn
Như trí tuệ thanh tịnh
Hàng phục sức ma lớn
Nay được thành Chánh giác
Đáng làm thầy trời người
Thân, miệng, ý (hoàn toàn)
Nên hiệu là Mâu-ni
Muốn đến Ba-la-nại
Chuyển pháp luân cam lộ
Các trời, người, ma phạm
Đều không thể chuyển được

Bấy giờ, Ưu-ba-già nghe nói kệ xong rất vui mừng, khen ngợi chưa từng có chắp tay cung kính đi nhiễu quanh rồi ra đi. Khi ấy, Thế tôn đi về phía trước đến bên bờ ao A-xà-bà-la, thì trời tối, bèn nghỉ đêm ngồi nhập định ở đây. Lúc đó, mưa gió bảy ngày, dưới sông có con rồng lớn tên là chân-lân-đà thấy Phật nhập định bèn dùng thân quấn quanh bảy vòng. Bảy ngày sau hết mưa thì rồng hóa thành người bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế tôn trong bảy ngày gió mưa rất dữ. Bấy giờ, Thế tôn nói kệ rằng:

Trời và các người đời,
Ham mê vui năm dục
So vui của định ta
Không thể nào sánh bằng.

Rồng nghe Phật nói kệ xong thì vui mừng lạy Phật rồi lui về.

Kinh Thụy Ứng Bản Khởi nói: Phật đứng dậy đi đến bên bờ ao, có con rồng mù, ngồi nhập định bảy ngày bất động, ánh sáng chiếu xuống nước thì rồng mù sáng mắt liền biết Như lai ở trước. Do ánh sáng của ba Đức Phật mắt liền được thấy, rồng vui mừng tắm gội bằng nước thơm chiên đàn tô hợp, ra khỏi nước thấy Phật tướng tốt sáng suốt như cây có hoa, liền đến quấn Phật bảy vòng, thân dư ra bốn mươi dặm, rồng có bảy đầu che trên Phật để tránh ruồi muỗi nắng mưa cho Phật. Trời mưa suốt bảy ngày rồng vẫn một lòng không nghĩ đói khát. Hết bảy ngày thì Phật xuất định. Rồng biến thành một người trẻ tuổi ăn mặc đẹp đẽ lạy Phật hỏi rằng: Ngài có bị lạnh nóng và ruồi muỗi cắn đốt hay chăng? Phật đáp rằng:

1. Vui ở chỗ vắng
Nghĩ Đạo phước đã lâu

2. Nguyện xưa muốn nghe
Nay đều đã biết hết
3. Vui không bị nhiễu
Hay an ổn chúng sinh
4. Vui ba độc hết
Nay được Nê-hoàn Phật
5. Vui sinh ra đời
Được thấy Phật, nghe pháp
6. Vui gặp Bích-chi
Chân nhân ở một chỗ
7. Vui lìa người ác
Không làm việc kẻ ngu
8. Vui tin Chánh đạo
Phân biệt rõ chân ngụy

Phật bảo rồng nên tự qui y Phật, qui y pháp và qui y Tỳ-khưu Tăng. Rồng liền tự qui y. Trong các loài súc sinh rồng thấy Phật trước nhất.

Bấy giờ, Đức Thế tôn đến nước Ba-la-nại gặp Kiều-trần-như, Ma-ha-na-ma, Bạt-ba, A-xá-bà-xà, Bạt-đà-la-xa. Lúc đó năm người từ xa thấy Phật đến bèn bảo nhau rằng: Sa-môn Cù-đàm đã bỏ khổ hạnh mà nhận thức ăn uống, không còn đạo tâm, nay đến đây ta chớ đứng dậy chào đón kính lễ mời ngồi. Nhưng khi Phật đến thì cả 5 người bất giác đều chào đón kính lễ mời ngồi. Người thì đỡ y bát, người thì dâng nước súc miệng, người thì rửa chân... Bấy giờ, Đức Thế tôn hỏi: Các thầy giao kết nhau không chào đón ta, nay sao đều hầu hạ ta? Năm người nghe hỏi đều xấu hổ, bèn hỏi lại Cù-đàm hành đạo có mệt mỏi chăng? Thế tôn nói: Sao đối với bậc Vô Thượng Tôn lại kêu tên họ như thế. Tâm ta như hư không, đối với khen chê không hề phân biệt, nhưng các thầy kiêu mạn thị cậy thì sẽ vời lấy quả báo dữ. Vì như con kêu tên cha mẹ thói đời còn không được, huống chi nay ta là cha mẹ của tất cả. Lúc đó, năm người hổ thẹn bạch rằng: chúng con ngu si không có tuệ thức, không biết nay Ngài đã thành Chánh giác. Vì xưa thấy Như lai ngày ăn một hạt mè, hạt gạo, khổ hạnh sáu năm, mà sau ăn lại, chúng tôi cho là không được Đạo. Đức Thế tôn nói: Các thầy chớ đem trí nhỏ mà suy lường, thân khổ thì tâm buồn, thân vui thì tâm vui. Do đó, hai thứ khổ, vui không phải là nhân của đạo. Ví như dùi lửa mà tưới nước thì sẽ không có ánh sáng phá tối. Dùi lửa trí tuệ cũng như thế, có nước khổ vui thì ánh sáng tuệ không sinh, do đó không diệt được sự tối đen của sinh

tử. Nay nếu bỏ khổ vui, thường ở Trung đạo thì tâm vắng lặng, do đó có thể tu tám Chánh Đạo, lìa khổ nạn sinh già bệnh chết. Đã đã theo hạnh Trung đạo mà được A-nậu-đa-la-Tam-miệu-Tam Bồ-đề. Lúc đó năm người nghe nói tâm rất vui mừng, chiêm ngưỡng Thế tôn mắt không rời. Thế tôn biết căn cơ của năm vị có khả năng tin nhận Đạo pháp, bèn bảo rằng: Các thầy quán khổ năm ấm: khổ sinh, khổ già, khổ khổ chết, khổ yêu thương mà phải xa lìa, khổ oán ghét mà phải gặp nhau, khổ mong cầu mà không được, khổ mất vui. Này Kiều-trần-như, loài có hình hay không hình, loài không chân hai chân, bốn chân hay nhiều chân v.v... tất cả chúng sinh đều có các khổ như thế. Ví như tro phủ trên than đỏ, gặp cỏ khô sẽ cháy. Như thế các khổ do ngã làm gốc. Nếu có chúng sinh khởi chút tướng ngã thì liền bị khổ. Tham dục, sân giận, ngu si đều duyên vào gốc ngã mà sinh. Lại ba độc này là nhân của các khổ, cũng như hạt giống sẽ nảy mầm. Chúng sinh do đó luân hồi ba cõi. Nếu diệt hết ngã tưởng và tham sân si thì các khổ cũng đều từ đây mà dứt. Đều theo tám Chánh Đạo, như người tưới nước vào lửa mạnh. Tất cả chúng sinh đều chẳng biết cội gốc của khổ, đều luân hồi trong sinh tử. Này Kiều-trần-như nên biết: Khổ nên biết, Tập luôn dứt, Diệt phải chứng, Đạo phải tu. Này Kiều-trần-như, Khổ ta đã biết, Tập ta đã dứt, Diệt ta đã chứng, Đạo ta đã tu cho nên được A-nậu-đa-la-Tam-miệu-Tam Bồ đề. Cho nên, các ông phải biết Khổ, dứt Tập, chứng Diệt và tu Đạo. Nếu người không biết bốn Thánh đế này thì phải biết người ấy không được giải thoát. Bốn Thánh đế đó là chân thật. Khổ thật là khổ, Tập thật là Tập, Diệt thật là Diệt, Đạo thật là Đạo. Này Kiều-trần-như các ông đã hiểu chưa. Kiều-trần-như thưa Thế tôn, chúng con đã hiểu, đã biết. Ba lần chuyển pháp Bốn đế và mười hai hành pháp luân. Năm amh em A-nhã Kiều-trần-như đối với các pháp mà lìa bỏ bụi nhỏ được mắt pháp thanh tịnh. Lúc đó trên hư không có tám muôn na-do-tha các vị trời cũng lìa hết bụi nhỏ mà được mắt pháp thanh tịnh.

Bấy giờ, thần đất thấy Như lai ở trong cảnh giới mình mà xoay bánh xe pháp thì rất vui mừng lớn tiếng khen ngợi rằng: Như lai ở đây mà xoay bánh xe pháp mầu. Lúc đó, các vị trời ở trên hư không nghe lời ấy thì cùng truyền nhau vang đến trời Ca-nị-tra. Các vị trời đó nghe rồi thì vui mừng vô cùng, lớn tiếng khen rằng: Ngày nay, ở nước Ba-la-nại trong vườn Nai chỗ các vị tiên ở Như lai đã xoay bánh xe pháp. Tất cả thế gian, trời người, ma phạm, Sa-môn, Bà-la-môn không thể xoay được. Bấy giờ, khắp mặt đất có mười tám thứ rung chuyển. Tám bộ trời rồng ở trên hư không tấu trổi các âm nhạc và trống trời tự kêu, đốt các

thứ hương thơm, tung rải các thứ hoa quí đẹp, lọng báu cờ phướn đầy khắp, cùng ca múa khen ngợi. Trong thế giới bấy giờ tự nhiên tươi sáng rực rỡ. A-nhã Kiều-trần-như làm đệ tử thứ nhất, và chỉ một mình ông hiểu Đạo. Bốn người kia như Ma-ha-na-ma, v.v... tự nghĩ nếu Thế tôn vì chúng ta nói pháp thì cũng sẽ ngộ đạo, rồi kính nhìn Thế tôn vì chúng ta nói pháp thì cũng sẽ ngộ đạo, rồi kính nhìn Thế tôn không nháy mắt. Thế tôn biết rõ tâm niệm bốn người bèn nói rộng lại bốn đế thì cũng đối với các pháp lìa bụi nhỏ và được mắt Pháp thanh tịch. Bấy giờ, cả năm người đều xin xuất gia tu Đạo, cúi mong Đức Thế tôn từ bi chấp thuận. Phật bèn gọi năm vị là Thiên Lai Tỳ-kheo thì râu tóc tự rụng, mình mặc áo ca-sa, trở thành Sa-môn. Bấy giờ, Thế tôn hỏi: này các Tỳ-kheo, sắc thọ tưởng hành thức là Thường hay Vô thường, là khổ hay chẳng phải khổ, là không hay chẳng phải không, là có ngã hay vô ngã. Lúc đó, năm Tỳ-kheo nghe Phật nói pháp năm ấm xong thì lậu tận, ý giải mà thành quả A-la-hán và đáp rằng: sắc thọ tưởng hành thức thật là vô thường, khổ, không, vô ngã. Do đó, thế gian đầu tiên có sáu A-la-hán. Phật là Phật Bảo, bốn Đế pháp luân là Pháp bảo, năm vị A-la-hán là Tăng bảo. Như vậy thế gian có đủ Tam bảo làm ruộng phước bậc nhất cho trời, người.

Bấy giờ, có con vị Trưởng giả tên là Da-xá rất thông minh lợi căn và giàu có. Trong cõi Diêm Phù Đề là bậc nhất, đội mũ anh lạc, mặc áo báu vô giá. Vào lúc ban đêm cùng các kỹ nữ vui đùa rồi ngủ thiếp đi. Bỗng khi thức dậy, các kỹ nữ ngủ mê đầu tóc rối bời, nước miếng nước mũi chảy ra, nhạc khí vung vẩy bốn phía nên rất nhàm chán ghê tởm. Tự nghĩ ta ở trong chỗ tai ương, trong chỗ bất tịnh mà dối cho là sạch. Rồi nhờ sức trời trên hư không cửa sáng tự mở, tìm theo ánh sáng thì đến vườn Nai, đường phải đi qua sông Hằng thì lớn tiếng than rằng: Khổ thay, khổ thay! Phật bảo Da-xá: Ông qua đi, ta có pháp lìa khổ. Da-xá bèn cởi áo báu vô giá lội qua sông đến nơi thấy Phật có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp oai đức trang nghiêm thì rất vui mừng, kính lạy bạch rằng: Cúi mong Đức Thế tôn cứu con. Phật nói: Lành thay, này người thiện nam hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ. Rồi Như lai tùy căn cơ mà nói pháp. Này Da-xá! Sắc, thọ, tưởng, hành, thức là vô thường, khổ, không, vô ngã. Da-xá nghe Phật nói pháp mà xa lìa bụi nhỏ được mắt pháp thanh tịnh. Như lai nhắc lại Bốn đế mà lậu tận, ý giải, tâm được tự tại và thành quả A-la-hán. Khi ấy, Đức Thế tôn nói kệ rằng:

Tuy đang ở tại gia
Mặc áo báu nghiêm thân

Khéo thu nhiếp các căn
Mà chán lìa năm dục
Nếu người được như thế
Ấy xuất gia chân thật
Thân tuy ở chỗ vắng
Ăn mặc đều hẩm hiu
Ý còn tham năm dục
Thì chưa phải xuất gia
Tất cả Đạo thiện ác
Đều từ tâm tưởng sinh
Nên xuất gia chân thật
Đều lấy tâm làm gốc.

Bấy giờ, Da-xá nghe kệ xong thì biết Phật cho rằng vẫn mặc áo bảy báu, bây giờ con phải cởi áo bảy báu và lạy xin Phật cho xuất gia. Phật bèn gọi Thiện lai Tỳ-kheo thì râu tóc đều rụng và tự mặc áo ca sa mà thành Sa-môn. Bấy giờ, cha của Da-xá trời sáng thức dậy tìm con chẳng biết ở đâu thì rất lo buồn. Tìm đến bờ sông thì thấy giày của con mình bèn qua sông mà đến chỗ Phật. Phật biết ông đến tìm con nếu cho thấy thì ông rất khổ, hoặc có thể chết, bèn dùng thần lực mà giấu Da-xá. Nhân đó nói pháp cho ông nghe, ông cũng lìa bụi nhỏ mà được mắt pháp thanh tịnh và thấy dấu Đạo, nên ân ái cũng giảm dần. Phật bèn hỏi ông đến đây làm gì? Ông nói tôi có một con trai tên là Da-xá, đêm qua bỏ đi mất, sáng nay đi tìm, thấy giày báu bỏ bên sông Hằng nên đến đây tìm. Phật liền cho thấy Da-xá thì ông vui mừng bảo rằng: Lành thay, con làm việc này thật là vui, đã tự độ mình mà độ được người khác. Nhờ con ở đây mà ta thấy được dấu Đạo liền ở trước Phật mà thọ ba qui y. Trong dõi Diêm-phù-đề chỉ có Trưởng giả là Ưu-bà-tắc đầu tiên được cúng dường Tam bảo - Khi ấy, có người bạn của Da-xá là năm mươi con của năm mươi Trưởng giả nghe Phật ra đời, lại nghe Da-xá xuất gia tu Đạo trong Phật pháp. Tự nghĩ thế gian nay có Đấng Vô Thượng Tôn, con Trưởng giả là Da-xá thông minh tài giỏi hơn người nay đã bỏ gia tộc, bỏ vui năm dục hủy hình giữ chí mà làm Sa-môn. Nay ta sao còn luyến tiếc mà chẳng xuất gia. Rồi cùng đến chỗ Phật thấy Như lai tướng tốt trang nghiêm ánh sáng rực rỡ thì rất vui mừng toàn thân thư thới, bèn chấp tay đi nhiễu quanh rồi lạy xuống. Như lai bèn tùy căn cơ mà nói pháp: Sắc, thọ, tưởng, hành, thức là khổ, không vô thường vô ngã. Các con Trưởng giả cũng xa lìa bụi nhỏ mà được mắt pháp thanh tịnh và thấy dấu Đạo. Bèn cùng xin Phật xuất gia. Rồi thành Sa-môn. Phật nói

cho nghe pháp Bốn đế thì cũng lậu tận ý giải mà thành quả A-la-hán. Đó là năm mươi sáu vị A-la-hán đầu tiên. Khi ấy, Như lai bảo rằng: Này các Tỳ-kheo! các việc làm đã xong, có thể làm ruộng phước bậc thiện cho thế gian, đi du phương mà giáo hóa, dùng tâm từ bi độ các chúng sinh. Nay Ta một mình sẽ đến thành Vương xá nước Ma-kiệt-đề độ dân chúng. Các Tỳ-kheo nói: Lành thay Đức Thế tôn! Khi đó, các Tỳ-kheo kính lạy Đức Thế tôn rồi ôm bát từ biệt mà đi.

Bấy giờ, Đức Thế tôn tự nghĩ ta nên độ chúng sinh nào mà làm lợi ích rộng khắp tất cả trời người, chỉ có ba anh em Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp học Tiên đạo ở nước Ma-kiệt-đề. Vua và người dân đều qui tín. Người thông minh lợi căn thì dễ ngộ, nhưng ngã mạn thì cũng rất khó hàng phục, nay ta sẽ đến mà độ thoát. Nghĩ xong, thì từ Ba-la-nại mà đến nước Ma-kiệt-đề. Bấy giờ, trời sắp tối, Ca-diếp bỗng thấy Như lai tướng tốt trang nghiêm thì rất vui mừng hỏi rằng: Sa-môn trẻ kia từ đâu đến. Phật đáp: Tôi từ Ba-la-nại đến nước Ma-kiệt-đề, nay trời tối muốn nghỉ đêm ở đây, nghỉ đêm ở đây cũng được, nhưng các phòng đều có đệ tử, chỉ có hang đá rất sạch sẽ, ta cũng thờ lửa ở đó. Chỗ này có thể ở, nhưng trong ấy có con rồng dữ có thể làm hại Ngài. Phật đáp: Tôi đến để xem qua. Ca-diếp nói: Rồng rất hung dữ có thể làm hại. Phật nói: Thử xem! chắc không sao. Ca-diếp muốn đến thì tùy ý. Rồi đêm ấy vào hang ngồi kiết già mà nhập tam-muội (Định). Bấy giờ, rồng dữ tâm độc dữ dằn thân phun lửa khói. Đức Thế tôn liền vào tam-muội hỏa quang. Rồng phun lửa lên đến trời cao, đốt cháy hang đá. Các đệ tử thấy lửa liền đến bạch thầy mình là Ca-diếp rằng: Thầy Sa-môn trẻ đẹp thông minh kia đã bị rồng dữ đốt hại rồi. Ca-diếp kinh hãi sai đệ tử tưới nước lên nhưng lửa không tắt mà còn bùng lên dữ dội, bao trùm cả hang đá. Khi ấy, Thế tôn thân tâm bất động dung nhan tươi tỉnh hàng phục được rồng dữ trao truyền ba qui y và bắt bỏ vào bát. Khi trời sáng, thầy trò đến xem Sa-môn trẻ đẹp kia sống chết thế nào, thì Phật nói bên trong ta thanh tịnh, không hề bị lửa bên ngoài hại được. Còn rồng dừ kia nay ở trong bát này. Rồi mở bát đưa cho thầy trò Ca-diếp thấy chỗ Phật ở không cháy, mà rồng bị bắt vào bát, thì khen là việc chưa từng có. Ca-diếp bảo đệ tử rằng: Sa-môn trẻ tuổi tuy có thần thông nhưng không bằng chân đạo của ta.

Bấy giờ, Phật bảo Ca-diếp: Ta muốn dừng chân ở đây. Ca-diếp nói: Tùy ý. Đêm ấy, Như lai ngồi dưới cội cây, bốn vị Thiên Vương ban đêm cùng đến nghe pháp, đều phát ra ánh sáng hơn cả mặt trăng. Ca-diếp thức dậy thấy ánh sáng rực rỡ thì bảo đệ tử là Sa-môn trẻ tuổi kia

cũng thờ lửa. Sáng ra thì đến chỗ Phật hỏi Sa-môn cũng thờ lửa phải không? Phật nói không, có bốn vị Thiên Vương đến nghe pháp mà phát ra ánh sáng thôi: Ca-diếp bảo các đệ tử rằng: Sa-môn trẻ tuổi có thần thông đức độ rộng lớn nhưng không bằng chân đạo của ta. Sang đêm thứ ba thì Thích-đề-hoàn-nhân hiện xuống nghe pháp, phát ra ánh sáng như mặt trời mới mọc. Sáng ra, thầy trò Ca-diếp đến bảo Sa-môn nhất định thờ lửa. Phật nói không phải, chỉ là Thích-đề-hoàn- nhân đêm xuống nghe pháp mà phát ra ánh sáng thôi. Ca-diếp bảo học trò: Ông ấy vẫn không bằng chân đạo của ta. Đến đêm thứ tư thì trời Đại Phạm xuống nghe pháp phát ra ánh sáng như giữa trưa. Sáng ra, đến nói chắc chắn Sa-môn thờ lửa và bảo: Dẫu có đức độ rộng lớn nhưng vẫn không bằng chân đạo của ta. Bấy giờ, Ca-diếp cùng năm trăm vị đệ tử đều thờ ba thứ lửa, sáng ấy đệ tử muốn đốt lửa lên nhưng không cháy. Họ bảo có lẽ là do Sa-môn trẻ tuổi gây ra. Liền đến chỗ Phật bảo: Chúng tôi đều thờ ba thứ lửa, sáng nay đốt lên mà không cháy. Phật bảo: Các ông về đi lửa sẽ tự cháy. Trở về thì lửa tự cháy. Nhưng Ca-diếp vẫn bảo Sa-môn ấy không bằng chân đạo của ta. Các đệ tử cúng dường lửa xong, muốn tắt mà không tắt. Bèn đến hỏi Phật, Phật cũng bảo về thì lửa tắt. Và Ca-diếp vẫn bảo không bằng đạo của ta. Đến lượt chính Ca-diếp ra đốt lửa và tắt lửa thì sự việc cũng y như học trò của mình trước dây. Nhưng vẫn tự bảo Sa-môn ấy không bằng chân Đạo của ta.

Thụy Ứng Bản Khởi nói: Ca-diếp tự nghĩ Sa-môn ấy có thần thông nhưng chưa được Đạo, không bằng ta đã chứng A-la-hán. Các đệ tử Ca-diếp buổi sáng muốn chẻ củi nhưng vác búa lên không nổi, thầy trò cho là Sa-môn ấy làm ra, bèn đến gặp Phật. Phật bảo về thì vác búa được, Ca-diếp trở về thì thấy đệ tử vác búa được. Tự nghĩ rằng: Sa-môn ấy dẫu là thân diệu nhưng không bằng chân đạo của ta. Nhưng khi dơ búa lên thì hạ xuống không được, thầy trò bèn đến gặp Phật. Phật cũng bảo trở về, trở về thì thấy học trò chẻ củi được. Nhưng vẫn bảo Sa-môn không bằng Đạo ta. Bấy giờ Ca-diếp bảo Phật: Sa-môn trẻ tuổi kia mùa hạ hãy đến đây ở cùng tu tập Phạm hạnh. Phật nhận lời. Liền bảo đệ tử sửa soạn phòng ốc giường nệm, ngày ngày cung cấp thức ăn ngon. Sáng đến thỉnh Phật. Phật bảo hãy về trước ta sẽ đến sau. Trong phút chốc Phật liền đến Diêm Phù hái quả Diêm phù để trong bình bát. Khi Ca-diếp trở về thì thấy Phật đã có mặt. Liền hỏi Sa-môn đi đường nào mà đến trước tôi. Phật mở bát cho xem quả Diêm- phù, hỏi ông có biết quả này chăng? Đáp: Không biết. Phật nói từ đây đi về hướng Nam qua một muôn Du-xà-na, đến một châu, có một cây tên là Diêm phù, vì châu

ấy có cây này nên gọi là châu Diêm-phù-đề. Chỉ trong một niệm ta lấy được quả ấy đem về đây. Quả này rất thơm ngon, ông hãy ăn. Ca-diếp tự nghĩ nơi ấy cách đây rất xa, nay Sa-môn này chỉ trong phút chốc, mà lấy được đem về thì thần thông biến hóa rất đặc biệt, nhưng vẫn không bằng chân Đạo của ta.

Kinh Phổ Diệu nói: Ca-diếp vừa đi thì Phật dùng thần túc lên cõi trời Đao-lợi lấy quả Trí độ, rồi đi về phía Nam cách mấy ngàn muôn dặm đến cõi Diêm-phù-đề lấy quả Ha-lê-lặc. Ca-diếp hỏi Ngài đi đường nào đến đây. Phật nói khi ông về rồi, ta đến bốn cõi, rồi lên trời Đao-lợi mà lấy quả này rất thơm ngon, ông hãy ăn.

Thụy Ứng Bản Khởi nói: Đến giờ ăn sáng, Ca-diếp đến thỉnh Phật, Phật bảo ông hãy về trước ta sẽ đến sau. Phật bèn đi về hướng Nam đến cõi Diêm-phù-đề cách mấy ngàn muôn dặm mà lấy quả Ha-lê-lặc đựng đầy bát mang về. Ca-diếp vừa về tới thì thấy Phật đã ngồi ở đó rồi. Ca-diếp hỏi: Ngài đi cách nào mà đến trước được như thế? Phật nói: ông đi rồi ta liền đến cõi ấy lấy quả Ha-lê-lặc, rất thơm ngon, ông hãy ăn. Ca-diếp vẫn nghĩ Sa-môn ấy dẫu có thần lực nhưng không bằng chân Đạo của ta. Ca-diếp bèn bày ra các thức ăn. Phật chú nguyện:

Trong pháp Bà-la-môn
Thờ lửa là bậc nhất
Trong tất cả dòng nước
Biển cả là lớn nhất
Trong số các ngôi sao
Mặt trăng là sáng nhất
Trong tất cả ánh sáng
Mặt trời là sáng nhất
Trong tất cả ruộng phước
Ruộng phước Phật cao nhất
Nếu muốn được quả lớn
Nên cúng ruộng phước Phật.

Phật thọ trai xong thì trở về rửa bát súc miệng, ngồi dưới gốc cây. Đến giờ ăn sáng lại đến thỉnh Phật. Phật bảo ông hãy về đi, ta sẽ đến sau. Ca-diếp lui ra, phút chốc Phật đã đến Phất-bà-đề lấy quả Am-ma-la đựng đầy bát, rồi đến ngồi trước. Ca-diếp lâu sau mới về tới, bèn hỏi Phật: Ngài đi đường nào mà về trước nhanh như thế? Phật đưa bát cho xem quả Am-ma-la và hỏi ông biết quả này chăng? Ca-diếp đáp không biết. Phật nói: Từ đây đi về hướng Đông cách mấy muôn Du-xà-na đến Phất-bà-đề mà lấy quả này tên là Am-ma-la, rất thơm ngon, ông hãy ăn

đi. Ca-diếp tự nghĩ nơi đó cách đây rất xa, Sa-môn ấy lấy được, dẫu là thần lực chưa từng có nhưng vẫn không bằng chân đạo của ta. Ca-diếp liền bày ra các thức ăn. Phật bèn chú nguyện rằng:

Trong pháp Bà-la-môn
Thờ lửa là bậc nhất
Trong tất cả dòng nước
Biển cả rộng bậc nhất
Trong số các ngôi sao
Mặt trăng là sáng nhất
Trong tất cả ánh sáng
Mặt trời sáng bậc nhất
Trong tất cả ruộng phước
Ruộng phước Phật bậc nhất
Nếu muốn cầu quả lớn
Nên cúng ruộng phước Phật

Đến lần thứ ba, thì Phật đi về hướng Tây, đến Cù-đà-ni hái quả Ha-lê-lặc và các việc ăn uống, lời chú nguyện y như trước. Ca-diếp vẫn cho Phật là không bằng chân Đạo của mình.

Đến lần thứ tư, thì Phật đi về hướng Bắc, đến Uất-đơn-việt lấy cơm ngon tự nhiên bảo Ca-diếp ăn, Ca-diếp vẫn cho là Phật không bằng chân Đạo của mình. Phật vẫn chú nguyện y như cũ. Đến sáng hôm sau, Ca-diếp cũng đến mời Phật kỳ này Phật lạicùng đi, khi bày thức ăn ra, Phật cũng chú nguyện y như trước. Khi Phật chú nguyện xong thì Ngài mang thức ăn đem về ngồi dưới gốc cây thọ thực, thọ thực xong thì muốn uống nước. Thích-đề-hoàn-nhân liền từ trên cõi trời bay xuống lễ Phật lấy tay chỉ đất thì ao nước hiện ra, nước ao trong vắt thơm ngon có tám công đức. Phật uống xong súc miệng và nói pháp cho Thích-đề-hoàn-nhân, nghe xong rất vui mừng và biến mất mà trở về cõi trời. Ca-diếp ăn cơm xong thì đi kinh hành trong rừng, bỗng muốn đến gặp Phật. Đến nơi thì thấy dưới gốc cây ao lớn nước có tám công đức, liền ngạc nhiên hỏi Phật sao có ao ở đây? Phật kể việc Thích-đề-hoàn-nhân biến ra ao. Ca-diếp nghĩ Sa-môn này dẫu oai đức như thế nhưng vẫn không bằng chân đạo của ta - Hôm khác, Đức Thế tôn đi kinh hành trong rừng thấy trong đống phân có vải xấu, muốn lấy về giặt nhưng không có phiến đá và nước để giặt. Thích-đề-hoàn-nhân hiện ra đến Hương Sơn lấy một phiến đá, lại lấy nước ở đấy để trong máng đá lớn và đặt dưới gốc cây để Phật giặt vải, xong rồi thì biến mất về cõi trời.

Khi Phật giặt xong thì ra ngồi dưới gốc cây. Ca-diếp đến thì thấy

có phiến đá và máng đá lớn, tự nghĩ trong đây làm sao có hai vật, lòng rất nghi ngờ bèn hỏi Phật. Đức Thế tôn bèn kể việc Thích-đề-hoàn-nhân vừa làm. Ca-diếp nghe xong thì khen là việc chưa từng có, nhưng vẫn cho Phật không bằng chân đạo của mình.

PHẦN V:

Một hôm, Đức Thế tôn vào ao tắm gội. Tắm xong thì không có tay vịn để lên bờ. Lúc đó, trên ao có cây tên ca-la-ca cành lá sum suê che mát cả ao. Thần cây bèn chìa cành cây ra cho Phật vịn mà lên, đến ngồi bên gốc cây. Vừa lúc Ca-diếp đến nơi thấy cành cây cúp xuống sát mặt ao thì hỏi. Phật kể việc thần cây đã làm, Ca-diếp khen là việc chưa từng có, nhưng vẫn cho là Phật không bằng chân Đạo của mình.

Bấy giờ, Ca-diếp tự nghĩ ngày mai vua nước Ma-kiệt-đề và thần dân Bà-la-môn Trưởng giả, cư sĩ v.v... cùng đến chỗ ta mở hội bảy ngày, nay vị Sa-môn trẻ nầy đến đây thì Quốc vương, thần dân, Bà-la-môn, v.v... thấy tướng mạo đẹp đẽ và thần thông oai đức của ông ấy thì sẽ bỏ ta mà theo ông ấy. Mong Sa-môn ấy trong bảy ngày đừng đến đây. Phật biết ý ấy liền đến châu Uất-đơn-việt ở phía Bắc mà ở đấy bảy ngày đêm. Khi vua và thần dân v.v... ra về thì Ca-diếp nghĩ Sa-môn ấy cả bảy ngày nay không đến thật rất tốt. Nay Ta sửa soạn thức ăn ngon để cúng dường, nếu Sa-môn đến đây thật đúng lúc. Lúc ấy, Phật biết ý liền từ Uất-đơn-việt phút chốc trở về. Ca-diếp thấy Phật thì mừng rỡ hỏi bảy ngày nay Phật đi đâu không thấy? Phật đáp: Bảy ngày nay vua nước Ma-kiệt-đề, thần dân, Bà-la-môn, v.v... đến đây nhóm hội, ông nghĩ không muốn gặp tôi nên tôi đến châu Uất-đơn-việt, nay ông muốn gặp tôi nên tôi trở về. Ca-diếp nghe Phật nói thế thì kinh hoàng tự hỏi sao Sa-môn nầy biết được ý ta thật là là lùng. Nhưng vẫn cho rằng Phật không bằng chân Đạo của mình.

Hôm khác, Đức Thế tôn nghĩ Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp cơ duyên đã chín, nay đã đúng lúc hàng phục, bèn đến bên sông Ni-liên-thiền. Lúc đó Ma vương đến bạch Phật rằng: Nay Ngài phải nhập Niết-bàn. Vì sao, vì người đáng độ đều đã giải thoát, nay đã đúng lúc Ngài phải nhập Niết-bàn. Thỉnh như thế ba lần, Đức Thế tôn đáp rằng: nay Ta chưa nhập Niết-bàn, vì sao? vì bốn bộ chúng của ta là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo Ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di chưa đầy đủ, người đáng độ độ chưa rốt ráo, các chúng ngoại đạo chưa hàng phục, Như lai đáp như thế ba lần. Ma vương buồn khổ trở về cung. Thế tôn liền xuống sông Ni-liên-thiền, dùng thần lực khiến nước xẻ ra hai bên, chỗ mình bước đi thì đất nổi lên, hai bên

thì nước cuồn cuộn. Ca-diếp ở xa thấy Phật chết chìm bèn cùng đệ tử đem thuyền đến cứu. Khi đến nói thấy thế thì khen là ít có. Nhưng vẫn cho Phật không bằng chân Đạo của mình. Bấy giờ, Ca-diếp hỏi Phật có muốn lên thuyền chăng? Phật nói tốt lắm, bèn từ dưới đáy thuyền chui lên ngồi kiết già, Ca-diếp thấy Phật chui lên mà thuyền không lủng thì khen là ít có. Nhưng vẫn cho rằng tuy có thần lực như thế nhưng cũng không bằng chân Đạo của ta.

Kinh Thụy Ứng Bản Khởi nói: Biến hóa mười tám thứ lạ như thế, Ca-diếp nghĩ Sa-môn này thần lực như thế nhưng không bằng ta, vì ta đã được quả La-hán. Phật bảo: Này Ca-diếp, ông không phải là La-hán, cũng không phải Đạo A-la-hán. Sao nay ông sanh tâm ngã mạn lớn như thế?

Kinh Thụy Ứng Bản Khởi nói: Phật bảo Ca-diếp rằng: ông không phải La-hán, chẳng biết Đạo chứng, ngang bướng chẳng biết hổ thẹn, dối trá tự xưng là ta có đức. Do đó, Ca-diếp kinh sợ xấu hổ tự biết mình vô đạo. Tự nghĩ Sa-môn trẻ tuổi này biết rõ ý ta. Rồi bạch Phật rằng: Đúng thế! Đại tiên biết rõ lòng con, cúi mong nhiếp thọ con! Phật bảo: ông đã một trăm hai mươi tuổi, có nhiều đệ tử quyến thuộc, lại được vua và thần dân kính trọng. Nếu quyết định muốn vào pháp ta thì hãy cùng đệ tử bàn luận kỹ lưỡng. Ca-diếp thưa lành thay đúng như bậc Đại tiên dạy, dẫu con đã quyết định nhưng cũng phải bàn bạc kỹ với đệ tử. Rồi nhóm họp đệ tử bàn rằng: Từ khi Sa-môn trẻ tuổi đến đây, ta thấy các thứ thần thông biến hóa rất đặc biệt, trí tuệ sâu xa, tánh lại hiền hòa. Nay Ta muốn qui y pháp ấy. Các ông nghĩ sao? Đệ tử thưa: Sự hiểu biết của chúng con đều nhờ ơn Tôn giả, Sa-môn trẻ tuổi được Tôn giả tín nhiềm đâu phải dối trá, chúng con cũng thấy các thần biến lạ lùng. Tôn giả muốn y theo pháp ấy chúng con cũng nguyện noi theo. Rồi thầy trò cùng đến chỗ Phật mà xin quy y. Phật gọi Thiện Lai Tỳ-kheo thì râu tóc đều rụng, mặc áo ca sa mà thành Sa-môn. Phật nhân căn tánh nói rộng Tứ đế thì Ca-diếp xa lìa bụi nhỏ mà được mắt pháp thanh tịnh và dần dần chứng thành A-la-hán. Cả năm trăm vị đệ tử cũng xin xuất gia mà thành Sa-môn và thành Tu-đà-hoàn, rồi tu hành dần dần sau cũng chứng quả A-la-hán. Thầy trò Ca-diếp đều ném đồ thờ lửa xuống sông Ni-liên-thiền mà theo pháp Phật. Bấy giờ, hai người em của Ca-diếp là Na-đề Ca-diếp và Già-xà Ca-diếp, mỗi người đều có hai trăm vị đệ tử ở hạ lưu sông Ni-liên-thiền. Bỗng thấy đồ thờ lửa của anh mình và các đệ tử trôi theo nước sông thì tự nghĩ anh ta hẳn có việc chẳng lành, bị người ác hại rồi. Bèn bàn bạc nhau và tức tốc đi ngược sông mà tìm

anh. Đến nơi thì thấy bốn bề lặng lẽ không một bóng người. Hỏi thăm người ở gần mới biết anh mình và các đệ tử đều đến chỗ Phật xuất gia học đạo, hai em lòng rất buồn lo, tìm đến nơi thì thấy anh mình đã cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca sa, bèn quì xuống thưa rằng: Anh vốn là Đại A-la-hán thông minh trí tuệ không ai bằng, nổi tiếng khắp mười phương ai cũng tôn kính, nay sao bỏ Đạo mà học theo người khác, đây chẳng phải là việc nhỏ. Ca-diếp đáp hai em rằng: Ta thấy Thế tôn thành tựu Đại từ đại bi có ba việc rất đặc biệt, một là thần thông biến hóa, hai là tuệ tâm trong suốt quyết định thành tựu Nhất Thiết chủng trí, ba là khéo biết căn cơ người thuận theo nhiếp thọ. Do đó mà ta ở trong Phật pháp xuất gia tu đạo. Nay Ta tuy được vua và thần dân kính trọng, Thế biện luận thế gian không thể bẻ gãy được pháp ta, nhưng không phải pháp dứt hẳn sinh tử. Chỉ có Như lai giảng nói mới dứt hết sinh tử. Đã gặp bậc Đại thánh tôn quí mà không cố gắng thì quả là không có mắt không có tâm. Hai em thưa rằng như lời anh nói hẳn là bậc Nhất thiết chủng trí. Sự hiểu biết của chúng em đều nhờ sức của anh. Nếu anh đã theo Phật xuất gia thì chúng em cũng noi theo. Rồi mỗi vị cùng bàn bạc với hai trăm năm mươi người đệ tử của mình. Cuối cùng cả hai anh em Na-đề Ca-diếp và Dà-xà Ca-diếp cùng các đệ tử đều đến xin qui y Phật. Phật nói: Lành thay, rồi gọi Thiện Lai Tỳ-kheo thì râu tóc đều rụng, và mặc áo ca sa mà thành Sa-môn. Phật nhân đó hiện thần thông biến hóa rộng lớn và tùy cơ duyên nói pháp. Bảo rằng: Này các Tỳ-kheo! phải biết thế gian đều bị lửa dữ tham dục, sân giận, ngu si thiêu đốt, các thầy trước thờ lửa, nay đã bỏ điều sai lầm này, mà lửa ba độc còn ở trong thân thì phải mau diệt đi. Các Tỳ-kheo nghe xong thì đối với các pháp xa lìa bụi nhỏ mà được mắt pháp thanh tịnh. Thế tôn lại giảng nói: Bốn đế, đều được chứng quả A-la-hán.

Bấy giờ, Đức Thế tôn nghĩ đến vua Tần-bà-la xưa có hẹn với ta khi thành Đạo thì độ vua trước, nay ta phải đến đó để hoàn thành bản nguyện. Rồi cùng ba anh em Ca-diếp và một ngàn vị Tỳ-kheo quyến thuộc đến thành Vương xá. Vua Tần-bà-ta-la xưa cúng dường cho Ca-diếp, nay thấy cả ba anh em cùng các đệ tử đều làm Sa-môn thì cùng thần dân rất kinh ngạc nhưng đều im lặng. Lúc ấy, người dân bảo nhau rằng: Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp trí tuệ sâu xa không ai sánh bằng tuổi đã già lại thành A-la-hán, vì sao lại làm đệ tử Cù-đàm, đâu có việc đó, có lẽ chỉ nói thế thôi. Bấy giờ, Phật đến gần thành Vương xá tạm nghỉ ở rừng mai. Khi ấy, Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp sai người đến tâu vua Tần-bà-ta-la rằng: Nay tôi đã xuất gia học đạo theo Phật, nay cùng Phật đến

rừng mai, Đại vương nên đón rước, lễ bái, cúng dường. Lúc đó, mới chắc chắn biết Ca-diếp đã thật là đệ tử Phật. Vua liền sửa sang xa giá cùng thần dân, Bà-la-môn... đến rừng mai. Bấy giờ trên hư không có vị trời bảo vua rằng: Như lai là ruộng phước cao quí nhất của trời người, Đại vương và nhân dân nên cung kính cúng dường. Vua nghe xong thì tâm rất vui mừng.

Kinh Phổ Diệu nói: Lúc đó, vua Bình Sa (Tần-bà-ta-la) rất vui mừng nghĩ rằng: sẽ được Phật độ, bèn sai các vị Đại thần, Trưởng giả, Phạm Chí cùng người dân trong nước sửa sang đường sá, đốt hương rải hoa, cầm cờ phướn lọng báu. Vua ngồi xe báu, Đại thần bá quan có ngàn xe, trăm người cởi ngựa, Trưởng giả Phạm Chí có một muôn hai ngàn người muốn ra cổng thành đón rước. Bỗng có gió lớn nổi lên đóng ụp cửa thành. Vua quái lạ, tự bảo đáng lẽ lúc đón rước Phật phải có điềm lành vui vẻ. Lúc đó, thần giữ cửa thành hiện lên bảo rằng: Chẳng phải là không có lợi. Nhiều đời trước vua đã cùng tám vạn bốn ngàn vị vua khác dựng chùa xây tháp, thề rằng: ở đời sau hễ khi gặp Phật liền học hỏi Đạo pháp. Nay có một người đang bị nhốt trong ngục, trái với thệ xưa nên cửa thành không mở. Vậy vua nên ra lệnh đại xá, người ấy ra ngục, đồng được gặp Phật học hỏi đạo pháp thì cửa thành mới mở. Vua bèn ra lịnh đại xá, cho các tù người cùng đến đón rước Phật. Lúc đó, Phật vào thành cùng đệ tử ngồi dưới gốc cây giá việt. Vua từ xa nhìn thấy Phật như vầng trăng giữa các vì sao, như mặt trời mới mọc chiếu sáng thiên hạ, như Đế-thích Phạm Vương, vua ở trong cung. Hoa lá của cây đều có mầu vàng, oai thần sáng rỡ không gì sánh bằng. Vua bèn xuống xe, dẹp hết tàn lọng, quạt mão dao gậy, hết sức chí thành, cung kính lễ Phật, bạch rằng: Con là vua Bình-sa từ lâu nghe danh Đức Thánh Tôn, như thế ba lần. Phật bảo vua rằng: Chư Phật thiên thần đều ủng hộ vua. Khi vua và các quan lễ Phật xong đều ngồi yên, thì thấy có Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp đứng cạnh bên Phật. Vua tự hỏi Ca-diếp học đạo Tiên ở núi đã lâu, nay sao ở bên Phật? vậy Phật là thầy của Ưu-lâu hay Ưu-lâu là thầy Phật? Phật biết ý nghĩ đó bèn bảo Ưu-lâu, có kệ rằng:

Thế nào Ưu-lâu khanh
Xưa vốn là thờ thần
Thờ cúng các nước lửa
Nhật nguyệt, chúng Phạm Thiên
Việc thờ đã bao lâu
Suốt đem tinh tấn học

Tâm thường không biếng lười,
Mong lợi ích thần tiên.
Ca-diếp đáp lời Phật, kệ rằng:
Tự nghĩ cúng tế xưa
Đã qua tám mươi năm
Thờ thần gió nước lửa
Trời, trăng và núi sông
Suốt đêm không biếng lười
Trong tâm không nghĩ khác
Rốt ráo không được gì
Gặp Phật mới an tâm.

Vua và các quan, người dân bấy giờ mới biết ba anh em Ca-diếp và học trò là đệ tử Phật. Lại thấy Như lai tướng tốt trang nghiêm thì rất vui mừng lễ Phật và bạch rằng: con là vua Ma-kiệt-đề thuộc dòng họ mặt trăng, tên là Tần-bà-ta-la, Đức Thế tôn có biết chăng? Phật nói: Lành thay Đại vương. Khi vua, các quan, các Bà-la-môn và dân chúng lễ Phật xong ngồi yên thì Phật hỏi vua: Đại vương, bốn đại luôn an ổn và việc trị dân không nhọc mệt phải chăng? Vua thưa: đội ân Thế tôn, con luôn an ổn. Vua và đại chúng,,, Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ, Đại thần và dân chúng thấy Ca-diếp là đệ tử Phật thì tự khen rằng Như lai có thần lực rộng lớn, trí tuệ sâu xa chẳng thể nghĩ bàn, nên mới thâu nhiếp một người như thế làm đệ tử. Bấy giờ, vẫn còn một số người vẫn còn hồ nghi chưa tin, Phật biết liền bảo Ca-diếp hiện các thần thông. Ca-diếp liền bay lên hư không hiện thân đi qua nước, qua lửa, hoặc hiện thân lớn đầy khắp không gian, rồi rút thân cho nhỏ lại, hoặc một thân hiện thành vô lượng thân, hoặc chui xuống đất, vọt bay lên mà đi đứng ngồi nằm trong hư không. Mọi người thấy đều khen là vị Đại tiên bậc nhất chưa từng có. Ca-diếp liền từ trên hư không đến trước Phật kính lễ và thưa rằng: Thế tôn đích thật là thầy của trời người, con thật là đệ tử của Ngài. Nói như thế ba lần. Phật nói đúng thế Ca-diếp! ông ở trong pháp ta có lợi ích gì mà bỏ thờ lửa đi xuất gia? Ca-diếp dùng kệ đáp:

Lúc con ở ngày xưa
Thờ lửa có công đức
Được sinh làm trời, người
Thọ hưởng vui năm dục
Thường trôi lăn như thế
Chết trong biển sinh tử
Con thấy tai họa ấy

Do đó mà bỏ hết,
Còn như phước thờ lửa
Chỉ sinh trong trời, người
Thêm nhiều tham, sân, si
Cho nên con xa lìa
Lại như phước thờ lửa
Vì cầu sinh đời sau
Mà đã có sinh rồi
Phải có già, bệnh, chết
Đã thấy việc ấy rồi
Cho nên bỏ thờ lửa
Lập hội tu khổ hạnh
Và nhờ phước thờ lửa
Tuy được gọi Phạm Thiên
Nhưng không hề rốt ráo
Do nhân duyên như thế
Mà bỏ việc thờ lửa
Con thấy pháp Như lai
Lìa sinh, già, bệnh, chết
Chỗ rốt ráo giải thoát
Cho nên nay xuất gia
Như lai chân giải thoát
Là thầy của trời, người
Do nhân duyên như thế
Qui y Đại Thánh Tôn
Như lai Đại từ bi
Hiện các thứ phương tiện
Và các thứ thần thông
Mà dẫn dắt cho con
Thì sao còn thờ lửa
Làm gì cho uổng công?

Khi vua Tần-bà-ta-la và đại chúng nghe Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp nói kệ xong thì tâm rất vui mừng, càng kính tin Như lai, biết Như lai đã thành bậc Nhất Thiết Chủng Trí. Khi đó, các trời trên hư không rải hoa đẹp như mưa, trổi các nhạc hay, đồng tiếng khen rằng: Lành thay! Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp vui vẻ nói kệ. Phật biết mọi người đều đã tin chắc không còn hồ nghi. Lại quán sát các căn đều đã thành thục liền nói pháp. Nầy Đại vương, phải biết năm ấm thân này lấy thức làm gốc,

do thức mà sinh ý căn, do ý căn mà sinh ra sắc, mà sắc này sinh diệt không dừng nghỉ. Nếu quán được như thế thì biết thân là vô thường. Nếu quán thân này không chấp tướng thân thì liền lìa ngã và ngã sở. Nếu hay quán sắc mà lìa ngã và ngã sở thì liền biết sắc sinh thì khổ sinh, sắc diệt thì khổ diệt. Nếu người thấy được như thế thì gọi là giải thoát, nếu người không thấy được như thế thì gọi là bị trói buộc. Pháp vốn không có ngã và ngã sở, vì tưởng điên đảo mà cho là có ngã và ngã sở, không có pháp thật. Nếu dứt trừ được ý tưởng điên đảo mê lầm này thì tức là giải thoát. Bấy giờ, vua Tần-bà nghĩ rằng: Nếu cho rằng chúng sinh nói có ngã là bị trói buộc, vậy tất cả không có ngã thì ai chịu quả báo. Phật biết ý nghĩ ấy liền nói: Tất cả chúng sinh gây ra các điều thiện ác và chịu quả báo đều không phải do ngã tạo, cũng không phải do ngã chịu, mà nay thấy gây ra và nhận chịu chỉ là tình trần thức họp, đối với cảnh mà sinh nhiễm, lụy tưởng càng nhiều. Do đó mà rong ruổi trong sinh tử, chịu đủ các khổ báo. Nếu đối với cảnh không nhiễm, dứt hết các lụy tưởng thì liền được giải thoát. Vì ba việc nhân duyên Tình - Trần - Thức cùng khởi thiện ác, cùng chịu quả báo, mà không có ngã riêng. Ví như dùng lửa, do tay cọ sát gỗ mà có lửa, nhưng tánh lửa chẳng từ tay sinh, cũng không từ cái lấy lửa mà có, nhưng cũng không lìa tay và cái lấy lửa. Tình - Trần - Thức cũng như thế. Vua nghĩ nếu do Tình - Trần - Thức hòa hợp mà có thiện ác chịu quả báo là do thường họp chẳng lìa. Nếu không thường họp thì tức là đoạn dứt. Thế tôn biết ý liền nói Tình - Trần - Thức này không phải thường không phải đoạn. Vì sao? Vì hợp nên không đoạn, vì lìa nên chẳng thường. Ví như duyên với đất nước, nhân có hạt giống mà nảy mầm. Hạt giống đã chết thì không gọi là Thường, vì sinh mầm lá nên không gọi là Đoạn. Lìa cả đoạn thường gọi là Trung đạo. Ba việc nhân duyên của Tình - Trần - Thức cũng như thế. Vua nghe xong tâm ý rộng mở đối với các pháp mà xa lìa bụi nhỏ được mắt pháp thanh tịnh. Tám muôn na-do-tha Bà-la-môn và Đại thần nhân dân cũng dứt bỏ được bụi nhỏ được mắt pháp thanh tịnh. Chín mươi sáu muôn na-do-tha các trời, người cũng dứt bỏ bụi nhỏ được mắt pháp thanh tịnh. Lúc đó, vua Tần-bà-ta-la đứng dậy lễ Phật chắp tay thưa rằng; Nay con có thể bỏ ngôi vua Chuyển Luân, xuất gia học Đạo, thành bậc Nhất thiết chủng trí. Ngày xưa con ngu si muốn giữ Thế tôn ở lại trị nước nhỏ. Nay thấy từ nhan, lại được nghe chánh pháp mới thấy hổ thẹn mà hối tiếc lỗi xưa. Cuí mong Đức Thế tôn đại từ đại bi cho con sám hối. Ngày xưa con có thưa với Đức Thế tôn nếu thành Đạo xin độ con trước, ngày nay nguyện trước đã thành, nhờ ân Thế tôn đạt được

dấu đạo, từ nay con nguyện cúng dường Thế tôn và các Tỳ-kheo Tăng bốn thứ cần dùng không thiếu. Cúi mong Đức Thế tôn ngự trong vườn trúc, khiến cho nước Ma-kiệt-đề thường an ổn. Phật đáp: Tốt lắm! Đại vương bỏ được ba pháp bất kiên, cầu ba báo kiên, khiến nguyện của vua thường trọn đủ. Lúc đó vua biết Phật nhận lời ngự trong vườn trúc rồi thì vui mừng đảnh lễ lui ra.

Kinh Phổ Diệu nói: Đại thần chúc mừng vua, các vua trước đây đều không thấy Phật, chỉ một mình vua thấy là nhờ phước dầy đời trước. Vua vui mừng cũng chúc lại các quan: Các khanh có đức lớn mà gặp được Thế tôn. Vua trở về cung ra lịnh cho Hoàng hậu, thể nữ và người dân mỗi năm ba tháng, mỗi tháng sáu ngày trai phải giữ giới, bố thí, nghe pháp. Khi ấy, Đế-thích dẫn tám muôn vị rải hoa cúng Phật rồi đảnh lễ mà lui, miệng niệm Nam-mô Phật xin đều được độ, được mắt pháp thanh tịnh.

Khi ấy, trong nước Ma-kiệt có một vị Trưởng giả tên là Ca-lăng thấy Phật vào thành được trời, người cung phụng mà không có tinh xá, nghĩ rằng ta có một khu vườn đẹp hãy dâng cúng Phật. Liền đến chỗ Phật bạch rằng: Phật thương xót tất cả, như mẹ thương con bỏ cả ngôi vua Chuyển luân không nhận vinh hoa mà nay không có tinh xá. Con có một vườn trúc cách thành không xa, nay xin dâng Phật để làm tinh xá. Phật nhận lời cùng Thánh chúng sẽ đến ngự ở đó, nên gọi là Vườn Trúc Ca-lăng. Vua bèn ra lệnh xây cất nhà cửa, trang hoàng đẹp đẽ, treo cờ phướn rải hoa, xông hương đầy đủ. Vua Xa-giá đến chỗ Phật đảnh lễ và bạch rằng: Tăng-già-lam Trúc viên nay đã hoàn thành, cúi mong Thế tôn và Tỳ-kheo Tăng thương xót con đến ngự ở đó. Bấy giờ, Thế tôn cùng các Tỳ-kheo và vô lượng các vị trời, trước sau cùng vào thành Vương xá. Như lai đến đâu thì trong thành nhạc khí không đánh tự kêu, cửa hẹp thành rộng, cửa thấp thành cao, chỗ đứng ngồi của các Tỳ-kheo đều bằng phẳng, các bụi bặm dơ dáy đều trở nên thơm sạch. Người điếc nghe được, người mù thấy được, người câm nói được, người điên cuồng đều tỉnh táo, các tật bệnh đều lành, cây khô trổ hoa, cỏ mục tươi lại, ao cạn lại đầy, gió thơm mát rượi, các chim quí đẹp đua hót bay lượn rợp trời v.v... Khi Phật cùng vua đến vườn trúc thì các vị trời đầy khắp hư không. Lúc đó, vua cầm bình báu chứa đầy nước thơm đến trước Phật bạch rằng: Con kính dâng vườn trúc này lên Phật và các Tỳ-kheo Tăng, xin từ bi nhận cho. Nói xong thì rưới nước thơm cùng khắp. Phật im lặng thọ nhận, nói kệ chú nguyện rằng:

Nếu người hành bố thí

Dứt trừ các san tham
Nếu người hành nhẫn nhục
Thì dứt bỏ giận hờn
Nếu người làm điều lành
Thì xa lìa ngu si
Nếu đủ ba hạnh này
Ắt mau đến Niết-bàn
Nếu có người nghèo hèn
Không tiền mà bố thí
Là thấy người khác thí
Mà sanh tâm tùy hỷ
Thì phước báo tùy hỷ
Đồng thí không khác nhau.

Khi ấy, các Bà-la-môn, Đại thần và người dân thấy vua dâng cúng Như lai Tăng-già-lam thì đều rất vui mừng. Trong cõi Diêm-phù-đề, vị vua thấy Phật trước nhất là Tần-bà-ta-la, trong các Tăng-già-lam thì Tăng-già-lam Trúc viên là trước nhất.

Bấy giờ, trong thành Vương xá có hai vị Bà-la-môn thông minh bén nhạy, có trí tuệ rộng lớn, các sách luận đều thông suốt, biện tài luận nghị không ai hàng phục được. Một người họ Câu-lặc, tên là Ưu-bà-thất-sa, mẹ tên là Xá-lợi, nên người đời gọi là Xá-lợi-phất. Người kia họ Mục-kiền-liên, tên là Mục-kiền-la-dạ-na, đều có một trăm vị đệ tử, khắp được người trong nước kính trọng, hai người cũng là bạn thân rất thương mến nhau. Hẹn rằng ai được nghe pháp mầu trước thì cùng khai ngộ cho nhau không giấu diếm.

Khi ấy, Tỳ-kheo A-xá-bà-kỳ đắp y mang bát vào xóm khất thực, khéo nhiếp các căn, oai nghi trang nghiêm, trên đường ai gặp đều tôn kính. Bấy giờ, Xá-lợi-phất cũng vừa đến, thấy A-xá-bà-kỳ oai nghi nghiêm trang thì rất vui mừng vì căn tánh của Xá-lợi-phất đã chín muồi, bèn dừng bước nhìn kỹ mà hỏi rằng: Tôi thấy hình như thầy mới xuất gia mà giỏi nhiếp các căn, oai nghi trang nghiêm như thế. Vậy Đại sư của thầy là ai, dạy thầy những pháp gì? A-xá-bà-kỳ đáp: Thầy tôi là bậc Nhất thiết Chủng Trí dòng họ Cam-giá, thầy của trời người trí tuệ tướng tốt thần thông không ai sánh bằng. Tôi nhỏ tuổi mới học chẳng dám nói pháp mầu của Như lai, nhưng có thể nói chút ít chỗ biết của tôi với Ngài, có bài kệ rằng:

Vốn tất cả các pháp
Nhân duyên sinh không chủ

Nếu biết rõ điều này
Thì được Đạo chân thật.

Khi Xá-lợi-phất nghe kệ xong thì đối các pháp đều xa lìa bụi nhỏ được mắt pháp thanh tịnh. Thấy dấu đạo rồi thì tâm rất vui mừng nghĩ rằng: Tất cả chúng sinh vì chấp ngã mà phải luân hồi trong sinh tử. Nếu dứt được ngã tưởng thì đối với ngã sở cũng lìa. Ví như mặt trời phá được đen tối. Tưởng vô ngã cũng như thế, đều phá tan chướng tối ngã kiến. Ta từ xưa tu học đến nay đều là tà kiến, nay mới được Đạo chân chính. Nghĩ xong thì lạy A-xá-bà-kỳ mà trở về. Còn A-xá-bà-kỳ tiếp tục đi khất thực, sau đó trở về Trúc viên. Lúc đó, Mục-kiền-liên-dạ-na gốc lành đã chín thấy Xá-lợi-phất các căn vắng lặng oai nghi khoan thai, dung nhan khác ngày thường thì biết là đã được Cam lộ Diệu pháp bèn nhắc lời nguyện xưa ai biết được pháp mầu sẽ khai ngộ cho nhau không giấu diếm. Xá-lợi-phất bèn thuật lại tỉ mỉ việc gặp A-xá-bà-kỳ như thế nào và nhắc lại nguyên văn bài kệ trên. Nghe kệ xong thì Mục-kiền-liên-dạ-na cũng đốin với các pháp mà xa lìa bụi nhỏ và được mắt pháp thanh tịnh. Bấy giờ, cả hai cùng bàn với các đệ tử nên đến chỗ Phật mà xin xuất gia học đạo. Khi đến nơi thì Phật bảo các Tỳ-kheo rằng: hai người này dắt đệ tử đến cầu xin xuất gia, một người tên Xá-lợi-phất, sau này sẽ là người trí tuệ bậc nhất, một người tên là Mục-kiền-liên-dạ-na sẽ là người thần thông bậc nhất, hai trăm vị đệ tử cũng theo thầy mà xin xuất gia. Phật bèn gọi Thiện Lai Tỳ-kheo thì râu tóc đều rụng, mặc áo ca sa mà thành Sa-môn. Phật tùy theo căn tánh mà nói pháp Bốn đế. Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên-dạ-na đều chứng quả A-la-hán, hai trăm vị đệ tử sau này cũng lần lượt chứng được La-hán. Bấy giờ, Đức Thế tôn cùng với một ngàn hai trăm năm mươi Tỳ-kheo đều là A-la-hán cùng ở trong nước Ma-kiệt-đề mà độ nhiều chúng sinh. Và Phật gọi vị này là Đại Mục-kiền-liên-dạ-na để phân biệt với nhiều vị khác cũng trùng tên ấy.

Kinh Phổ Diệu nói: Phật có Sa-môn tên là An-lục sai đi nói pháp để khai hóa kẻ chưa nghe, người đời năm trược ở trong hoang mê mà chẳng đạt được chỗ chí chân. Vị Sa-môn này vào thành khất thực, y phục ngay ngắn, oai nghi trang nghiêm. Nhân đó mọi người nhìn thấy đều vui mừng. Lúc đó, Xá-lợi-phất từ xa nhìn thấy thì cũng vui mừng nghĩ rằng: Ta học đạo đã lâu nhưng chưa từng thấy có Sa-môn nào trang nghiêm như thế. Ta nghe nói có đạo mầu nhiệm nhưng còn nhiều nghi ngờ hãy đến hỏi thăm vị này thờ Đạo nào và thầy ông ta là ai. Thầy Sa-môn biết ý bèn nói kệ rằng:

Thầy ta thầy ba cõi
Có băm hai tướng tốt
Bình đẳng chẳng có không
Độ chúng mười hai môn
Ta tuổi hãy còn nhỏ
Chỗ học còn cạn cợt
Đâu dám nói chí chân
Nghiệp Vô Cực Như lai
Tất cả gốc các pháp
Từ duyên đều vốn không
Nếu rõ được nguồn cội,
Mới gọi là Sa-môn

Sa-môn An Lục đáp rằng: Tôi thờ thầy tôi từ vô lượng kiếp vâng giữ sáu độ và pháp Vô cực, bốn đẳng bốn ân đều vô tận. Dùng Vô cực từ mà độ tất cả, chứa nhiều công đức chẳng thể nghĩ bàn. Là bậc Nhất Sinh Bổ Xứ ở tại cung trời Đâu-suất giáng thần xuống Ca-duy-la-vệ. Ở trong thai Hoàng hậu như mặt trời hiện trong nước, sinh ra đi bảy bước đất trời rúng chuyển, ba mươi hai tướng tốt, xưng mình là Thánh, bacõi đều khổ ta sẽ cứu độ Thích Phạm Tứ vương đều đến khải thọ, chín rồng tắm thân, phước đức vô lượng. Chỉ nêu tóm tắt, ta lửa đom đóm so với đuốc khó có thể nói hết, là chỗ lời không thể diễn tả, ý không nghĩ đến được. Ấy là thầy ta, bậc tôn quí nhất của trời, người. Bèn có bài tụng rằng:

Thầy ta, trời trong trời.
Tôn quí nhất ba cõi,
Tướng đẹp thân trượng sáu
Thần thông dạo hư không
Dạy dỗ bỏ năm ấm
Nhổ hết mười hai gốc
Chẳng tham ngôi vị trời,
Tâm tịnh mở pháp môn.

Lúc đó, Xá-lợi-phất rất vui mừng như tối thấy sáng, miệng khen lành thay! Xưa nay ôm nghi, lại rất hiếu học, tám tuổi theo thầy đến mười sáu tuổi đều đến các tông khắp thiên hạ, mười sáu Đại quốc, tự cho là đã thấu suốt. Nay mới nghe Đạo Vô Thượng Chánh Chân, nay có Phật là hợp với bổn nguyện ta. Đáp rằng: Ở trúc viên Ca-lăng Phật ở tại đó. Bèn đem đệ tử đến chỗ Phật đảnh lễ thưa rằng: Bạch Đấng Chí Tôn, con thân đọa chốn ngu tối, mê mờ nhiều năm không được học hỏi.

Nay được biết Vô cực đại đạo của Đại Thánh cho con xuất gia được làm Tỳ-kheo thọ giới thành tựu. Phật nói: Lành thay, Thiện Lai Tỳ-kheo thì tóc râu tự rụng mặc áo ca sa mà thành Sa-môn. Phật vì nói kinh phân biệt các pháp, mười hai pháp căn bản khiến thông suốt, mà lậu tận ý giải được quả không mê đắm. Lại bạch Phật rằng: con có bạn đồng học họ tục là Câu-luật-đà, ở đây gọi là Mục-liên, trước có hẹn nhau nếu ai được Đạo chí chân thì báo cho nhau biết. Nay đã cứu giúp nhưng ông ấy chết trong bụi nhỏ chưa ra được. Xin dẫn đến đây nhờ Phật chỉ dạy. Phật nói: Tốt lắm, nay đã đúng lúc chớ để lâu. Xá-lợi-phất bèn lạy Phật ra về mà tìm Mục-liên. Mục-liên đang cùng các đệ tử dạo chơi trong thành, thấy Xá-lợi-phất đã thay đổi, y phục bèn hỏi nguyên do, thì đáp người học vô thường, chỉ thực hành Đại minh. Ta học đã nhiều năm không gặp được Đại thánh, nay mới gặp Đại Đạo Vô Thượng, vui mừng vô cùng nên đến tìm, đồng cùng Đạo vị nhiều kiếp vô cùng. Mục-liên đáp: Đây không phải là việc nhỏ, hãy khéo cùng nhau suy nghĩ. Xá-lợi-phất nói: Không cần nói nữa, tôi rất chán việc này, không muốn nghe khuyên bảo gì nữa. Người có của báu bố thí thì được lợi lớn. Được các báu quí minh châu như ý, lại muốn lụa vải nhà cửa mà thân không cần dùng. Mục-liên đáp rằng: Nhân trí của anh hơn tôi, nghe anh thì không lầm lẫn, chúng ta cùng đến qui y Đấng Chí Tôn. Rồi cả hai cùng đến bạch Phật xin làm Sa-môn, lãnh thọ pháp luật. Phật gọi Thiện Lai Tỳ-kheo thì râu tóc tự rụng mặc áo ca-sa mà thành Sa-môn. Phật nói chánh pháp cho nghe mà lậu tận ý giải, thành quả không đắm nhiễm. Phật bảo: Hai người này thuở xưa đã cúng dường ta, đợi ta thành đạo mà hầu hai bên, nay mới gặp. Trước Phật có một ngàn vị đệ tử, nay gặp Xá-lợi-phất và Mục-liên thì lên đến một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo, cùng lúc được độ.

Bấy giờ, nước Thâu-la-khuyết-xoa có một vị Bà-la-môn tên là Ca-diếp, có ba mươi hai tướng, thông minh trí tuệ, đọc kinh Tư-tỳ-đà, tất cả sách luận đều thông suốt. Rất giàu mà hay bố thí. Người vợ đẹp nhất nước. Cả hai vợ chồng không có tư tưởng dục nhiễm, cho đến không ngủ cùng phòng là do xưa đã trồng nhiều gốc lành, không thích ở đời hưởng vui năm dục, ngày đêm suy tư chán lìa thế gian siêng năng muốn học hỏi pháp xuất gia, tìm mãi mà không được, liền bỏ việc nhà vào trong rừng núi. Tự nghĩ Chư Phật Như lai xuất gia tu đạo, nay ta theo Phật xuất gia. Rồi bỏ y phục sang quí, mặc nạp y hoại sắc, nhưng có giá trị ngàn vàng, và tự cạo bỏ râu tóc. Bấy giờ, các trời ở trên hư không thấy Ca-diếp đã xuất gia mà nói rằng: Lành thay, người nam, vua

Bạch Tịnh dòng họ Cam-giá tên là Tát-bà-tất-đạt xuất gia học đạo mà thành bậc Nhất thiết chủng trí. Đời gọi là Phật Thích-ca Mâu-ni, nay cùng một ngàn hai trăm vị A-la-hán đang ở tại vườn trúc trong thành Vương xá. Khi Ca-diếp nghe vị trời nói xong thì rất vui mừng, liền đến Tăng-già-lam Trúc viên. Bấy giờ, Đức Thế tôn quán sát gốc lành, phải đến độ ông ta, bèn đi ngược lại đến Đa-tử-đâu-bà thì gặp Ca-diếp. Lúc đó, Ca-diếp thấy Phật tướng tốt oai nghiêm, liền chắp tay thưa rằng: Bạch Đức Thế tôn, là bậc Nhất Thiết Chủng Trí, từ bi cứu giúp chúng sinh, thật là chỗ cho mọi người qui kính. Rồi lạy xuống bạch: Thế tôn là thầy con, con là đệ tử Ngài, như thế ba lần Phật đáp: Ta là thầy ông, ông là đệ tử ta. Lại bảo: này Ca-diếp! nếu người không phải là Nhất Thiết Chủng Trí mà nhận ông làm đệ tử thì đầu sẽ vỡ ra bảy mảnh. Lại bảo: Lành thay, vui thay Ca-diếp, phải biết năm ấm của thân là đống khổ lớn. Ca-diếp nghe xong thì thấy Đế, cho đến được quả A-la-hán. Khi ấy, Ca-diếp theo Thế tôn về vườn Trúc. Vì Ca-diếp này có oai đức rộng lớn, trí tuệ thông minh nên gọi là Đại Ca-diếp.

Bấy giờ, Đức Thế tôn bảo các Tỳ-kheo rằng: Khi Phổ Quang Như lai ra đời, có tiên Thiện Tuệ là thân trước của ta, đi qua đường gặp năm trăm ngoại đạo cùng nghị luận và tùy hỷ, nay là các người trong hội này, ba anh em Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp cùng quyến thuộc là một ngàn vị Tỳ-kheo đó, cô gái bán hoa xưa nay là Gia-du-đà-la. Khi vị tiên Thiện Tuệ trải tóc lót đất để Phổ Quang Như lai đi, trước đó có hai người quét đất là Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên-da-na là nay cùng hai trăm đệ tử Tỳ-kheo. Các trời trên hư không thấy vị tiên Thiện Tuệ trải tóc trên đất thì đều tùy hỷ khen ngợi, nay là tám vạn vị trời và vua Tần-bà-ta-la cùng quyến thuộc tám muôn na-do-tha người, cùng chín mươi sáu muôn ức na-do-tha vị trời khi ta mới thành Đạo ở vườn Nai xoay bánh xe lần đầu tiên. Các ông nên biết, các thứ nhân duyên trong quá khứ từ vô lượng kiếp vẫn không mất. Ta ở quá khứ đã siêng năng tu tập tất cả nghiệp lành và phát tâm đại nguyện không lui sụt, cho nên nay thành tựu Nhất Thiết Chủng Trí. Các ông nên siêng năng tu các đạo hạnh không được lười biếng. Khi các Tỳ-kheo nghe lời Phật nói thì rất vui mừng lễ Phật mà lui ra.

Kinh Phổ Diệu chép: Vua Bạch Tịnh nghe tin con đã thành Phật, từ sáu năm nay nghĩ đã lâu, trong tâm buồn rầu nay muốn gặp. Có một vị Phạm Chí tên là Ưu-đà-la thông minh trí tuệ vốn hầu Bồ-tát rất vừa ý. Vua bảo Ưu-đà đến thỉnh Phật về cung, thưa rằng: đã gần mười hai năm ngày đêm buồn khổ thương nhớ chỉ mong một lần gặp nhau như

chết rồi sống lại. Ưu-đà đến lạy Phật và trình ý vua. Thấy Phật và thấy các vị trời Thích Phạm đều qui y Phật thì xin xuất gia. Phật gọi Thiện lai Tỳ-kheo thì râu tóc đều rụng, mặc áo ca sa, thành Sa-môn, được Đạo A-la-hán. Ngoài ra Phật độ chúng rất đông, nhiều không thể kể xiết. Phật tự nghĩ muốn Đức vua cũng thành Phật, liền trở về nước mà độ cha mẹ. Lại nghĩ nếu trở về nước mà không có cảm động thì việc hóa độ sẽ kém ít. Bèn sai đệ tử có thần túc là Tỳ-kheo Ưu-đà-da về trước, hiện các thần thông mọi người đều thấy, khen ngợi đệ tử còn như thế huống chi là Phật, oai đức vòi vọi vô lượng vô biên, đồng thời biết Đạo rất tôn quí. Quả nhiên khi Phật và đệ tử vừa về đến thì vua cùng Hoàng tộc, các Đại thần và người dân cả nước đều rất vui mừng tôn kính đón rước long trọng. Phật bèn nói kệ rằng:

Phật từ gốc thực hành,
Sinh tử vô số lần
Thường nghĩ loài sâu bọ
Siêng khổ vô lượng kiếp
Khi Phật ngồi dưới cây
Nhớ đến bổn nguyện xưa
Vui mừng mà nghe nói
Khó được thường thấy nghe
Khi mới thành Phật Đạo
Thì hàng phục các ma
Phá hoại gốc sinh tử
Dẹp sạch các ái dục
Phật nghĩ chỗ bản sanh,
Ý muốn thấy thân tộc,
Nay nghe vua Đầu-đàn
Than thở rất đáng thương
Tỳ-kheo tên Ưu-đà
Tánh hay làm vui người
Phật sai sứ đi trước
Báo rõ các tin tức
Lại đến nước vua cha,
Để nhập tuyên ý Phật.
Nay vua nhớ Thái tử
Có ý muốn đến cung
Ưu-đà nghe Phật dạy
Liền mau vội vâng làm

Vì khi ở trước Phật
Biến hóa tuỳ thế đất
Bỗng thân ấy biến mất
Dùng thần túc vào thành
Bèn đến cung điện vua
Ở trước chỗ vua ngồi
Tỳ-kheo Ưu-đà-da
Làm vui lòng Đầu-đàn
Biến hóa rất nhiều thứ
Hiện trước Điện nhà vua
Sạch thơm như hoa sen
Bùn nhơ không dính được
Nhà vua thấy sợ hãi
Bèn hỏi điều gì linh
Đây không cầu thần thánh
Sao từ đất vọt lên
Hình tánh này là ai?
Vốn từ đâu đến đây
Xin nói rõ tôi biết
Mà dứt các nghi ngờ
Từ mới sinh đến nay
Chưa từng thấy việc này
Thái tử xưa bỏ nước
Cầu đạo độ chúng sinh
Tu hành vô số kiếp
Đến nay mới được thành
Nay vua chớ lo sợ
Lại phải nên vui mừng
Con đã dứt các ác
Làm sứ giả của Phật
Vua nghe Thái tử hỏi
Lệ rơi như mưa sa
Mười hai năm đến nay
Đã vắng tiếng Tất-đạt
Nay từ Cát Tường đến
Như chết rồi sống lại
Thái tử bỏ ngôi vị
Thành Đạo hiệu là gì?

Bỏ nước ngồi sáu năm
Siêng năng hiện thành Phật
Gọi là trời trong trời,
Bậc nhất trong ba cõi
Xưa ta được quí trọng
Xây cho các điện báu
Trang hoàng thật đẹp đẽ
Nhà cửa nay sao bằng
Ưu-đà bèn đáp rằng
Phật là bậc Chánh Chân
Thường ngồi dưới gốc cây
Các trời đều qui kính
Khi con ta ở cung
Mền nệm và màn chiếu
Đều bọc gấm thêu hoa
Mềm mại và óng ánh
Vợ rồng dâng giường báu
Thiên-đế hiến ca-sa
Chẳng mừng vì áo tốt
Tâm ý không thêm bớt
Ở nước thức ăn ngon
Trăm vị đều đầy đủ
Nay thì việc ăn mặc
An thân chẳng ai bằng
Cầm bát đi khất thực
Các phước không thô tế
Chú nguyện người bố thí
Đời đời được an ổn
Tất-đạt khi nằm ngủ
Không dám vọng gọi giác
Tiếng trống đờn phát ra
Thì Ngài mới thức dậy
Định tam-muội của Phật
Suốt đêm không ngủ nghỉ,
Thích Phạm đến khuyên giúp
Đều cúi đầu thọ nhận
Tại gia tắm nước thơm
Các mùi xông ngào ngạt

Hương thơm xông đầy nhà
Nay dùng đâu vừa ý
Tám giải ba thoát môn
Rửa sạch dứt tâm nhỏ
Cùng tâm tịnh như không
An ổn không lo buồn
Tất-đạt khi tại gia
Giãbao nhiêu tạp hương
Xông hương vào y phục
Thanh tịnh không bụi nhơ
Giới định tuệ giải thoát
Dùng làm hương đạo đức
Xông vào chỗ tám nạn
Đời đời độ mười phương
Bốn phẩm giường ghế tốt
Do bao nhiêu báu thành
Lớp lớp bày các thứ
Để ngồi nằm bên trên
Bốn Thiền là giường ghế
Ý định không rối loạn
Thanh tịnh như hoa sen
Chẳng hề dính bùn nước
Ở cung vô số binh
Các quan bảo vệ đêm
Ở quanh thường giữ gìn
Mắt chẳng thấy dơ bẩn
Các đệ tử đầy đủ
Ngàn hai trăm năm mươi
Bồ-tát vô ương số
Đều đến cúi đầu lạy
Xưa tại gia chưa ra
Có bốn phẩm xe tốt
Voi ngựa trâu dê bước
Dạo chơi nhìn bốnphương
Năm thông làm xe tham
Nhìn suốt nghe tiếng bay
Thấy rõ tâm mọi người
Đi khắp độ chúng sinh

Ông ra đi qua lại
Phướn lọng và cờ xí
Người theo hầu trước sau
Đều cầm các binh khí
Bốn bậc từ bi hộ
Ân huệ nhân ái độ
Che khắp các nguy nạn
Để trang nghiêm chúng sinh
Sinh thời các ca múa
Đánh trống và khua chuông
Người xem đầy chật đường
Trước sau không hại nhau
Dưới cây Ba-la-nại
Đánh khua trống bất tử
Câu-lân thảy được Đạo
Tám vạn bốn ngàn trời
Chín mươi sáu Đạo phục
Tiếng vang đến Tam thiên
Chúng sinh thảy đều vui
Mở bày tâm đều sáng
Thống lãnh đất nước nào
Dân số nhiều hay ít
Hóa độ được mấy người
Thảy đều qui phục chăng?
Thống lãnh Tam thiên giới
Hóa độ các chúng sinh
Mười phương chẳng kể hết
Thảy đều được cứu độ
Trong nước nghĩ chánh pháp
Giúp ta trị muôn dân
Đông thuận dạy lễ tiết
Thảy đều vâng lời dạy
Phật hiểu không, vốn vô
Bỏ bốn thứ điên đảo
Ai nấy đều qui phục
Thần tĩnh thiên làm nghiệp
Phật không thù với đời
Tất cả đều thấu suốt

Lời ông đâu chẳng khắp
Tất cả đều tự quy
Chánh thiên hạ đầy người
Một người bao nhiêu đầu
Một đầu bao nhiêu lưỡi
Lưỡi nói vô số nghĩa
Tập hợp Hằng sa người
Khen ngợi công đức Phật
Hằng sa kiếp chẳng hợp
Huống ta đuốc đóm sáng.

Vua nghe xong buồn vui lẫn lộn, khen rằng: Lành thay, lành thay! Lời A-di không dối. Phật có đến hay chăng, ngày nào đến? Ưu-đà tâu rằng: Bảy ngày sẽ đến. Vua rất vui bèn ra lệnh cho các quan và muôn dân trong nước sửa soạn đường sá, quét dọn sạch sẽ, rải nước thơm, treo cờ phướn, làm cổng chào khắp nơi, cùng ta y phục ngay ngắn oai nghi nghiêm túc để đón chào Phật. Rồi ngàn xe muôn kỵ ra khỏi cửa thành bốn mươi dặm mà quì mọp đón rước Phật. Sắp đặt xong xuôi, đến sáng ngày thứ bảy thì Phật hướng dẫn các Tỳ-kheo lên đường về nước thăm Đức vua. Các trời Phạm Thích, Tứ vương đều ở trên hư không mà rải hoa xông hương như mưa, tám bộ trời rồng trỗi nhạc hoa hương đi trước, kế là bốn vị Thiên vương, hai bên Phật là Phạm vương và Đế Thích, các Tỳ-kheo y bát ngay ngắn đi sau Phật. Bấy giờ, Cõi Tam Thiên đều rung chuyển, cây khô trăm tuổi đều trổ hoa trái, các suối hồ cạn đều đầy nước. Vua thấy điềm lạ thì biết Phật đến. Vua sai các dòng họ Thích đại thần bá quan muôn dân đều đốt hương rải hoa mang tàn lọng đến đón rước Phật. Phật ở giữa đại chúng như vầng trăng giữa các vì sao, như mặt trời ở trên hư không, thân cao trượng sáu đẹp đẽ, oai nghiêm sắc vàng chói lòa. Tất cả đều cúi đầu kính lễ. Lúc ấy mặt đất rung chuyển, trời rải hoa báu như mưa, âm nhạc tự trỗi. Người mù thấy được, kẻ điếc nghe được, kẻ què đi được, người câm nói được, các bệnh đều lành, điên cuồng đều tỉnh, chim quí hót vang, muôn vật hòa vui, kho báu xuất hiện. Các tâm ác tham sân si, ghen ghét oán hờn đều dứt. Địa ngục dứt hết các khổ, ngạ quỉ đều no đủ, lần theo ánh sáng đến qui y Thế tôn, phát khởi Đạo ý. Vua thấy Phật thân cao trượng sáu, tướng tốt sáng suốt, thể sắc vàng ròng, các căn vắng lặng, như trăng giữa sao, như núi vàng rực rỡ. Thiên-đế, Phạm vương, Tứ vương cung kính. Thấy các Phạm Chí (Bà-la-môn) ở lâu trong rừng sâu, thân hình gầy ốm đen đúa hôi hám đứng hầu bên Phật, cũng như quạ đen đứng cạnh núi vàng. Vua

liền ra lệnh cho nhữn người họ Thích sang trọng giàu có hãy chọn năm trăm người con cháu mình những người đẹp đẽ để làm Sa-môn, hầu hạ bên Phật cũng như phượng hoàng trên núi Tu-di, cũng như ngọc ma ni để trong ly thủy tinh.

Lúc đó, em Phật là Nan-đà cũng làm Sa-môn, khi chưa cạo bỏ râu tóc đã bạch Phật rằng: Thân người khó được, Phật ra đời khó gặp. Nay tôi Đại thiên và các Tôn giả biết Đạo chí cao không hạn lượng, không ham vinh hoa thế gian, bỏ ngôi vị tôn quý ở đời mà làm Sa-môn. Nay con hèn kém sao lại ham hố mà chẳng xuất gia vì Đạo cả, mong Phật thương xót cứu độ kẻ ô uế, đang chìm đắm trong trần ai được làm Sa-môn. Phật nói: Lành thay, bèn gọi Tỳ-kheo Thiện lai thì râu tóc tự rụng, thân mặc áo ca sa, mà thành Sa-môn. Rồi lễ các Sa-môn khác, đến khi gặp các Sa-môn trước đây là tôi tớ của mình thì không chịu lễ. Phật biết ý bảo rằng: Phật pháp thông suốt, học trước học sau không kể tôn ty ở đời, như nước biển lớn nhận nước cả muôn sông, bốn biển đều thọ nhận, như đất của bốn đại đều bình đẳng, đất nước lửa gió trong ngoài không khác, thần thức trong sạch, do dính mắc mà đặt tên, cần phải bỏ tánh tự đại mà theo phép tắc, là Đạo vô cực của Tiên thánh. Nan-đà theo lời Phật dạy thấy mọi thứ vốn không, bèn bỏ tánh tự đại mà lễ khắp. Lúc đó, trời đất rung chuyển, chúng hội đồng khen. Lành thay! Lành thay! Đạo tâm bình đẳng, bỏ tự đại mà khiêm nhường nên cảm trời đất rung chuyển dữ dội. Từ đó, Phật đặt ra phép tu học trước là lớn, người học sau là nhỏ.

Bấy giờ, Phật vào cung ngồi trên điện, vua và thần dân hằng ngày cúng dường trăm thức ăn ngon. Phật nói: kinh pháp hoá độ vô lượng. Khi ấy, Cù-di dẫn La-vân đến lạy dưới chân Phật, thăm hỏi. Lúc đó, các quan đều nghi Phật bỏ nước đã mười hai năm sao lại có con là La-vân. Phật nói: Cu-di thủ tiết trong sạch không dấu vết. Nếu vua không tin sẽ có chứng cớ. Bèn hóa các Sa-môn đều giống như Phật. Cù-di bảo La-vân đã bảy tuổi, con đem chiếc vòng này đến trao cho ai là cha con, thì La-vân bèn đem ngay đến Phật. Vua và các quan thấy thế đều rất vui mừng, tin chắc là con Phật. Phật bảo từ nay chớ nghi ngờ, người con này do ta hóa ra, chớ trách lỗi Cù-di. Bấy giờ, vua chứng đạo, Cù-di xin thọ giới tịnh tu phạm hạnh, mọi người lớn nhỏ trong cung cũng đều thọ ba qui y, năm giới cấm. Bấy giờ, trong nước mưa thuận gió hòa, nông nghiệp trúng mùa, công nghệ buôn bán phát triển, giặc cướp dứt sạch, người dân muôn vật đều vui hòa.

- Tăng Hữu xét thấy: Pháp thân vô hình, giác trí không khởi, muôn

vật vốn vắng lặng mà lại hiện việc hóa thần giáng thai là sao? Ấy là nương Đại duyên mà ứng tục, do bổn thệ mà hoằng từ, cho đến vận quyền Bát Nhã, dùng thế Thủ-lăng, hồi linh ở Đâu-suất, diệu hóa nơi Xích Trạch, đào luyện vô ngã làm lợi cho người. Há lời nói có thể nghĩ bàn mà có thể nói được chỗ rốt ráo. Do đó, vì nhiếp thọ chúng sinh lên đến địa vị luân hoàng, vì chế phục khoe khoang mà thi tài nghệ thuật. Dứt bỏ lưới ái mà bỏ nước vào rừng sâu, hiển bày pháp tôn mà hàng phục ma oán dưới cây Đạo. Như dấu vết này đều chấn tục, ứng thể viên thông mà tùy phương biến hiện, pháp thân vắng lặng, chưa từng sanh diệt. Nhưng theo tập quán thế gian thì y theo dấu vết làm chân, nên muốn thấy Như lai thì mất Đạo càng xa. Cho nên kinh Niết bàn nói: Nếu nói Bồ-tát ở cung vua Bạch Tịnh, nương nhờ cha mẹ mà sinh ra thân nầy thì là lời ma nói, bởi vì chứng tích mà mê bổn. Nếu Bổn - Tích song chiếu, quyền thật đều sáng thì mở kinh xem đọc vô ngại, pháp thân sẽ thấy.

■

GIA PHẢ PHẬT THÍCH-CA

QUYỂN 2

----

10. DI MẪU PHẬT LÀ ĐẠI ÁI ĐẠO XUẤT GIA

Khi Phật về nước Ca-duy-la vệ, Đại Ái Đạo Cù-đàm-di đảnh lễ Phật bạch rằng: Con nghe nói người nữ tinh tấn sẽ được bốn đạo quả của Sa-môn, con nguyện được thọ giới luật của Phật mà xuất gia hành đạo. Phật nói; Hãy thôi! Ta không muốn người nữ vào pháp luật của ta, vì người nữ mặc pháp y thì sẽ không suốt đời thanh tịnh, rốt ráo phạm hạnh. Cù-đàm-di lại tha thiết cầu xin như thế ba lần. Nhưng Phật không cho bèn đảnh lễ lui ra. Thời gian sau, Phật đến Duy-la-vệ thì Cù-đàm-di vẫn nài nở xin xuất gia như trước, nhưng Phật vẫn không cho. Phật cùng các Tỳ-kheo ở đó ba tháng mùa mưa rồi ra đi, Đại Ái Đạo và các lão bà v.v...đều đi theo Phật chợt dừng lại bên bờ sông, Đại ái, Đạo bèn bước đến ra đảnh lễ và xin xuất gia như trước. Phật nói Hãy thôi ! Vẫn không cho như trước. Bà bèn lễ Phật đi nhiễu mà lui. Rồi đứng ở trước cửa, y phục rách rưới, mặt mày ủ dột khóc lóc. A-nan thấy thế, bèn hỏi thì đáp vì ta là người nữ không được xuất gia nên tự buồn khổ. A-nan liền vào bạch Phật hỏi duyên cớ. Phật nói: ta không muốn người nữ vào pháp luật ta làm Sa-môn. Vì như ở đời, nhà nào sinh nhiều con gái ít con trai

thì sẽ suy, nay người nữ xuất gia sẽ làm cho đạo phạm hạnh thanh tịnh của Phật ở đời chẳng lâu. Ví như ruộng tốt có lộn giống xấu sẽ có hại cho lúa. A-nan lại thưa: Đại Ái Đạo có nhiều thiện ý, đã nuôi nấng Phật từ lúc mới sinh đến lớn khôn. Phật nói: Đúng thế, Đại Ái Đạo có ân lớn với ta, nhưng ta đã đáp lại bằng cách truyền cho ba qui y, năm giới cấm, hiểu rõ bốn đế, có năm căn năm lực, v.v... So với việc cấp dưỡng y phục, thuốc men, ăn uống trọn đời thì cũng không bằng ân này. Phật bảo A-nan: Nếu người nữ muốn vào pháp ta làm Sa-môn thì phải giữ tám điều cung kính, cũng như phòng nước lũ lụt phải đắp đê điều chắc chắn, không để rò rỉ, nếu được như thế thì mới được xuất gia. A-nan bèn thuật lại lời Phật nói thì Di mẫu vô cùng mừng rỡ vâng theo. Bấy giờ, Đại Ái Đạo được xuất gia thọ đại giới làm Tỳ-kheo ni, vâng giữ pháp luật mà được Ứng chân. Về sau vào lúc khác, Đạo Ái Đạo cùng các Trưởng lão Ni đều đến chỗ A-nan hỏi rằng: Các Trưởng lão ni đều tu phạm hạnh đã lâu, đều đã thấy Đế, sao lại phải lạy các Tỳ-kheo nhỏ tuổi? A-nan vào hỏi Phật, Phật bảo: hãy thôi! Nên cẩn thận chớ hỏi việc ấy. Ông chẳng biết bằng ta, nếu không cho người nữ xuất gia thì ngoại đạo dị học, tất cả người hiền, sẽ cúng dường bốn thứ cần dùng, trải tóc lót đất mời bước lên, như thờ Nhật nguyệt, như thờ Thiên thần, chánh pháp của ta sẽ một hưng thạnh ngàn năm. Nếu độ cho người nữ thì chỉ còn năm trăm năm và dần dần suy yếu. Vì sao, vì người nữ có năm việc không làm được: 1/ không được làm Như lai, 2/ không được làm vua Chuyển Luân, 3/ không được làm vua trời Đao-lợi thứ hai, 4/ không được làm Ma vương tầng trời thứ sáu, 5/ không được làm Phạm Thiên vương thứ bảy Đại Ái Đạo v.v... nghe xong thì rất vui mừng vâng theo.

Tăng Hữu xét thấy: Chư Phật ba đời có đủ bốn bộ, mà Kiều-đàm-di cầu pháp lại bị từ chối, chính là vì người nữ chướng nặng, là con sâu trong Đạo. Cho nên phải kỹ càng răn đe để khuyến tấn tương lai.

11. VUA TỊNH PHẠN CHA CỦA ĐỨC PHẬT THÍCH CA NHẬP NÊ HOÀN

(Xuất xứ từ kinh Tịnh Phạn Vương Nê-hoàn)

Vua nước Xá-di (Xá-vệ) tên là Tịnh Phạn. Dùng chánh pháp trị nước, giáo hóa bằng nhân nghĩa, thường có từ tâm. Bấy giờ, bị bệnh nặng. Trong thân bốn đại bất an, khiến mình mẩy gân xương rả rời, hơi rã thở bất định như ngựa lội nước. Quan Phụ tướng ra lệnh cho các thầy thuốc giỏi trong nước đều vào cung chữa trị, nhưng bệnh vẫn không

thấy giảm bớt. Vua càng lo buồn như cá thiếu nước. Các phu nhân, thể nữ thấy vua như thế càng buồn khổ. Lúc đó, các vua Bạch Phạn và Hộc Phạn, các quan đều nói nay nếu vua băng thì nước sẽ suy yếu. toàn thân Vua run lên bần bật. Môi khô miệng ráo nói không ra lời nước mắt đoanh tròng. Lát sau, thều thào bảo các vua và các quan rằng: Ta có mất đi cũng không khổ, chỉ tiếc là không gặp được Tất-đạt con ta, cũng không gặp Nan-đà con kế vì đã dứt trừ các dục tham dâm thế gian. Cũng hận vì không gặp cháu ta là Nan-đà con vua Hộc Phạn hiện đang giữ kho Phật pháp một lời cũng không mất. Ngay cả cháu nội ta là La-vân tuổi tuy còn nhỏ mà thần túc đầy đủ, giới hạnh hoàn toàn. Nếu gặp được các con cháu ta thì bệnh dẫu nặng cũng chưa hẳn chết, cũng không khổ lắm. Các vua và các quan nghe lời ấy thì đều than khóc buồn thương. Vua Bạch Phạn nói: Tôi nghe Đức Thế tôn đang ở trên núi Kỳ-xà-quật trong thành Vương xá, cách đây hơn năm mươi do-tuần. Nếu vua sai sứ đi mời thì đường sá xa xôi, chậm trễ vô ích. Nay mong Đại vương bớt sầu lo, thương nhớ các con cháu. Bấy giờ, vua Tịnh Phạn nghe khuyên thì rơi lệ đáp rằng: Các con cháu ta tuy xa xôi cách trở nhưng ý vẫn không lìa ta. Vì sao? Vì con ta đã thành Phật, thường dùng tâm đại bi và thần thông, mắt trời thấy suốt, tai trời nghe suốt mà cứu giúp chúng sinh. Kẻ đáng độ trăm ngàn muôn ức chúng sinh đang bị nước cuốn nhận chìm thì liền dùng tâm thương xót mà làm thuyền bè để cứu thoát, không hề cực nhọc gì. Nay ta mong gặp Đức Thế tôn cũng giống như thế. Ắt ngày đêm Đức Thế tôn thường nhập vào tam-muội dùng mắt trời nhìn thấy chúng sinh những ai đáng được cứu độ thì liền dùng tâm thương xót như mẹ thương con. Khi ấy, Đức Thế tôn đang ở núi Linh Thứu dùng tai trời mà nghe lời các vua nói, lại dùng mắt trời mà thấy Đức vua bệnh nằm trên giường, thần thể ốm gầy mạng sắp mất. Lại biết ý Đức vua đang mong gặp các con cháu, liền bảo Nan-đà rằng: Cha đang bị bệnh nặng, chúng ta nên về, để lúc còn sống mà nhìn thấy nhau cho cha mãn nguyện. Nan-đà thưa đúng thế, cha sinh ra Thánh vương lợi ích thế gian, nay phải về mà báo ân nuôi nấng. A-nan chấp tay thưa vua là bác con, cho con xuất gia làm đệ tử Phật thì con phải về thăm. La-vân cũng thưa: Thế tôn là cha con, bỏ nước cầu đạo, con được ông nội nuôi dưỡng thành người mà được xuất gia, vậy cho phép con cùng về thăm nội. Rồi tất cả bèn dùng thần túc bay trên hư không, phút chốc đến nước Ca-duy-la-vệ mà phát ra ánh sáng rực rỡ. Người dân trong nước thấy Phật đến thì buồn bã, khóc thương cho vua Tịnh Phạn sắp mất. Có người thương quá bứt bỏ chuỗi anh lạc, có người lại lấy bùn đất

trét lên mặt, lên mình v.v... Phật thấy thế thì khuyên can rằng: Vô thường chia lìa xưa nay đều có, các người nên biết sinh tử là khổ, chỉ có Đạo là chân. Rồi Đức Thế tôn dùng mười lực, bốn vô sở úy, mười tám pháp bất cộng pháp mà phát ra ánh sáng rực rỡ, lại hiện ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp mà phát ra ánh sáng rực rỡ, lại đem công đức đã tu từ vô lượng A-tăng-kỳ kiếp mà phát ra ánh sáng rực rỡ. Ánh sáng rực rỡ chiếu suốt trong ngoài khắp cõi nước rồi chiếu lên mình vua thì vua liền hết bệnh. Vua lấy làm lạ hỏi ánh sáng ấy thì đâu chiếu đến, là ánh sáng của mặt trời, mặt trăng hay ánh sáng của các vị trời, khiến các bệnh khổ của ta đều dứt. Đại Xưng vương từ ngoài vào cung tâu vua rằng: Đức Thế tôn và các đệ tử A-nan, La-vân... đã bay trên hư không mà về tới, cả cung điện đều vui mừng. Vua cha nghe báo thì hết sức mừng rỡ bất giác tự ngồi dậy được. Phật cũng vừa vào đến. Vua cúi mình vái chào, và nói xin Như lai lấy tay rờ vào thân tôi để các bệnh khổ đều chấm dứt. Mạng tôi sắp mất cũng sẽ sống lại. Tôi cuối cùng được thấy Thế tôn thì các buồn khổ đã dứt hết rồi. Phật nói xin vua cha chớ nên buồn khổ nữa, vì đạo đức của cha rất đầy đủ. Phật đưa tay mầu vàng như hoa sen xoa vào trán cha thưa: Vua cha là người giới hạnh thanh tịnh, tâm cấu đã lìa, nay nên vui mừng chớ nên buồn lo, hãy nghĩ nhớ nghĩa các kinh pháp, ở chỗ không bền chắc mà nghĩ về các gốc lành bền chắc. Lúc đó, Đại Xứng vương tâu vua Tịnh Phạn rằng: Phật là con vua, thần lực đầy đủ không ai sánh bằng, Nan-đà cũng là con vua đã dứt sinh tử, bốn Đạo vô ngại. A-nan con vua Hộc Phạn cũng đã uống pháp phục vị. Pháp Phật nói ra không quên một câu. Cháu nội vua là La-vân thì đạo đức đầy đủ, chứng các Thiền định, thành bốn Đạo quả. Họ đều đã phá lưới ma. Vua nghe xong rất vui mừng, nắm tay Đức Thế tôn để lên ngực mình, rồi vua nằm xuống chấp tay xá Phật. Phật vẫn để tay mình trên tim vua. Bấy giờ, vô thường bỗng đến hơi thở nhẹ dứt, những người trong dòng họ Thích, các quan thấy vua đã qua đời đều gào khóc thảm thiết đấm ngực bứt tóc, than vua băng rồi thì nước mất oai thần). Lúc đó, dòng họ Thích dùng nước thơm gội rửa thân vua rồi liệm bằng lụa là gấm vóc quí đẹp, đặt vào quan tài đặt trên tòa sư tử, trang nghiêm bằng bảy báu, màn che trướng phủ bằng chân châu và rải hoa xông hương. Phật và Nan-đà đứng ở đầu quan tài, A-nan và La-vân đứng ở cuối. Phật vì làm gương hiếu kính cha mẹ cho chúng sinh nên cả bốn thầy trò cùng khiêng quan tài đưa tang. Bấy giờ, cả Tam thiên Đại thiên thế giới đều rung chuyển sáu cách. Tất cả các tầng trời cõi Dục cùng vô số trăm ngàn quyến thuộc đều đến đưa tang. Thiên Vương ở

phương Bắc là Tỳ Sa-môn dẫn trăm ngàn muôn ức các Dạ-xoa quỉ thần đến đưa tang. Thiên Vương ở phương Đông là Duy-đề-lại-đà dẫn trăm ngàn muôn ức các quỉ thần kỹ nhạc đến đưa tang. Thiên Vương phương Nam là Tỳ-lâu-lặc-xoa dẫn trăm ngàn muôn ức các quỉ thần Cưu-bàn-trà đến đưa tang. Thiên Vương phương Tây là Tỳ-lưu-bà-xoa dẫn trăm ngàn muôn ức các rồng thần đến đưa tang. Đều cùng buồn bã, khóc lóc. Lúc đó, bốn vị Thiên Vương nghĩ rằng: Phật vì muốn dạy chúng sinh ở tương lai phải hiếu kính cha mẹ nên đích thân khiêng quan tài vua cha, bèn cùng quì trước Phật bạch rằng: Chúng con là đệ tử Phật được nghe pháp Phật mà chứng quả Tu-đà-hoàn nên chúng con thay nhau khiêng quan tài Đức vua. Phật chấp thuận cho bốn vị Thiên Vương bèn biến thành bốn người thường thay Phật cùng các đệ tử mà khiêng quan tài rất nhẹ nhàng. Tất cả người dân đều khóc lóc đưa tang. Bấy giờ, oai quang của Phật rực sáng như trăm muôn mặt trời cùng hiện, Như lai đích thân tay bưng lư hương đi trước ở núi Linh Thứu có một ngàn vị A-la-hán từ trên hư không bay đến lạy Phật, thưa bây giờ chúng con phải làm gì. Phật bèn sai mau ra biển lớn tìm các gỗ thơm ngưu đầu chiên đàn đem về. Phút chốc thì liền có gỗ thơm. Phật và Đại chúng chất gỗ thơm trên quan tài Đức vua rồi châm lửa. Lửa bùng cháy mạnh mẽ thơm phức. Phật liền bảo bốn chúng rằng: Thế gian vô thường, khổ không chẳng phải thật thân, không có bền chắc, chỉ như huyễn hóa. Như cái nóng mùa hè, như trăng trong nước, mạng sống không lâu, mọi người nên cố gắng cầu lìa sinh tử mới được yên ổn lớn. Khi lửa thiêu thân vua xong thì các vua và Đại thần đem năm trăm bình sữa đến tưới tắt lửa. Rồi thâu hài cốt để vào bình vàng, đem về xây tháp miếu cúng dường. Đại chúng cùng hỏi Phật rằng: Nay vua Tịnh Phạn đã qua đời thì thần thức sinh về đâu? Phật bảo đại chúng rằng: Vua cha Tịnh Phạn là người thanh tịnh sẽ sinh lên cõi trời Tịnh Cư.

Tăng Hữu xét thấy: Vô thường biến đổi, vật có thân đều không tránh khỏi, kể cả trời cũng không thể kéo dài mãi được. Chắp tay ngang ngực mà không thể cứu, báo hết thì vô thường liền đến. Do đó, bậc Thánh tu thuật sống lâu mà không nuôi dưỡng thân bọt bèo.

12. MẸ PHẬT THÍCH CA LÀ PHU NHÂN MA-HA-MA-DA

(Xuất xứ từ kinh Phật Thăng Đao-lợi Thiên Vị Mẫu Thuyết Pháp).

Phật ở trên cung trời Đao-lợi trong vườn Hoan Hỷ, an cư ba tháng dưới cây ba-lợi-chất-đa. Bấy giờ bốn chúng vây quanh Như lai, lỗ chân

lông phát ra trăm ngàn tia sáng chiếu khắp Tam thiên Đại thiên thế giới. Mỗi tia sáng có hoa sen ngàn cánh, trong mỗi hoa đều có hóa Phật, chiếu sáng rực rỡ không thể so sánh. Các vị trời không biết vì sao có ánh sáng ấy. Phật bảo Văn-thù hãy đến chỗ mẹ, nói có Phật ở đây, xin mẹ đến kính Tam bảo. Văn-thù liền đến thưa với Ma-da phu nhân. Bà nghe thì sữa tự chảy ra, bèn nghĩ rằng nếu ta sinh Tất-đạt-đa thì xin sữa nầy đến miệng Tất-đạt-đa, nghĩ đoạn thì hai luồng sữa trắng phun ra như hoa sen trắng, rót vào miệng Như lai. Bà thấy rồi thì vui mừng tươi như hoa nở. Khắp cõi Đại thiên đều rung chuyển, các hoa quả quí không đúng (mùa) đều chín. Bà bảo Văn-thù rằng: Từ khi ta làm mẹ con với Phật đến nay thì nay là lúc ta an vui chưa từng có. Liền cùng Văn-thù đến chỗ Như lai. Đức Thế tôn trông thấy mẹ từ xa đến tướng như núi Tu-di bèn dùng Phạm âm thưa với mẹ rằng: Thân đã trải qua nhiều khổ vui phải nên tu Niết bàn mà dứt hẳn các khổ vui. Ma-da phu nhân bèn lạy xuống mà chuyên tâm chánh niệm, các kiết sử liền tiêu hết. Phật liền nói pháp cho mẹ nghe. Nghe xong thì bà liền biết được Túc mạng gốc lành, phá tan mười tám ức kiết sử, chứng quả Tu-đà-hoàn, liền bạch Phật rằng: Ngục sinh tử bền chắc nay đã chứng giải thoát. Lúc đó, chúng hội nghe xong liền đồng thanh nói rằng: Nguyện tất cả chúng sinh đều được giải thoát. Suốt trong ba tháng Phật ngự ở cõi trời Đao-lợi đều nói pháp lợi ích mọi người. Hết ba tháng thì trở về. Sai Cưu-ma-la xuống Diêm-phù-đề báo tin rằng: Không bao lâu Như lai sẽ nhập Niết-bàn. Lúc đó, chúng sinh nghe tin thì rất buồn khổ bảo rằng: chúng ta không biết Như lai ở đâu, nay ở cung trời Đao-lợi mà nhập Niết bàn, sao khổ như thế. Mắt thế gian sắp nhắm lại rồi. Chúng con thân tội nghiệp nặng nề khó có thể lên trời mà kính thỉnh Như lai mau về với chúng con. Nhờ Tôn giả thỉnh giúp. Bấy giờ, Đức Thế tôn bèn phát ra ánh sáng năm mầu sắc rực rỡ. Lúc đó, trời Đế-thích biết Phật sắp xuống trần, liền khiến quỉ thần làm ba đường thềm báu, đường giữa bằng vàng diêm-phù-đàn, bên trái bằng lưu ly, bên phải bằng mã não, hàng rào chạm khắc rất đẹp đẽ. Phật bảo Ma-da, pháp sinh tử hội họp thì có chia lìa, nay con xuống Diêm-phù-đề không bao lâu sẽ nhập Niết-bàn, Ma-da khóc lóc nói kệ. Đức Thế tôn từ biệt mẹ bước lên thềm báu, Phạm Thiên cầm lọng, Bốn Thiên Vương đứng hầu hai bên, bốn bộ đại chúng đọc tụng khen ngợi, trời trỗi nhạc vang khắp hư không, đốt hương rải hoa dẫn đường đi trước. Ở Diêm-phù-đề, vua Ba-tư-nặc cùng đại chúng nhóm họp ở thềm báu, cúi đầu đón rước Phật về Kỳ-hoàn ngồi trên tòa sư tử, bốn chúng vui mừng vây quanh.

Tăng Hữu xét thấy: Phật sinh bảy ngày thì mẹ sinh lên trời Đao-lợi, ba đời Như lai đều như thế. Ma-da phu nhân do chứa nhóm nhiều nhân lành mà thác hóa thành thánh, cho nên nay đã làm thầy cõi trời mà vẫn uống sữa. Khi sắp nhập Niết-bàn thì càng chí kính muốn báo ân đức mẹ hiền như thế.

13. DI MẪU PHẬT THÍCH CA LÀ ĐẠI ÁI ĐẠO NHẬP NÊ HOÀN

(Xuất xứ từ kinh Phật Mẫu Nê-hoàn)

Ở tại tinh xá Vương viên, Tỳ-kheo Ni Đại Ái Đạo là di mẫu của Phật sắp diệt độ bảo rằng: Ta không nỡ thấy đời không có Như lai Vô Sở Trước Chánh Chân Đạo Tối Chánh Giác và các Ứng chân diệt độ nên ta phải dứt thần thức trước mà trở về với bổn vô. Phật là bậc Nhất Thiết Trí thấy rõ các tâm niệm, liền bảo A-nan rằng: Đại Ái Đạo nói ta không nỡ thấy Thế tôn và các Ứng chân Nê-hoàn nên muốn diệt độ trước. A-nan nghe Phật nói thì cúi đầu bạch rằng: Nay con nghe Đức Thế tôn dạy thì tứ chi bủn rủn, tâm trí bị mê mờ, không còn biết tên gọi bốn phương, Phật bảo A-nan: Đại Ái Đạo diệt độ rồi thì cả giới định tuệ giải thoát độ tri kiến chủng, bốn ý chỉ cho đến tám phẩm Đạo hạnh đều bỏ hết chăng? A-nan đáp: thưa không, nhưng Phật sinh ra bảy ngày thì mẹ qua đời, Di mẫu là mẹ đã có ân lớn với Phật. Phật nói: ân nặng mẹ hiền nuôi nấng khó báo đền thì ta đã báo đền rồi, ta cũng có công ân rất nhiều với mẹ như ta chỉ dẫn qui y Tam bảo, do ta mà khổ tập đã dứt, mắt đạo sáng suốt, dứt hết các kiết, được không đắm trước. Nếu người nào làm ngộ được các mê lầm của người ngu, khiến vào chánh chân, khổ tập dứt hết mà được Đạo thì ân to hơn núi Tu-di. Cho nên, này A-nan, ân của ta đối với Đại Ái Đạo là vô lượng. Lúc đó, Đại Ái Đạo cùng năm trăm vị Tỳ-kheo ni đến chỗ Phật, lễ Phật và bạch rằng: chúng con không nỡ thấy Phật và các Ứng chân diệt độ nên muốn Nê-hoàn trước. Phật yên lặng chấp thuận. Đại Ái Đạo lấy tay sờ vào chân Phật, đây là lần cuối cùng nhìn thấy Như lai Tối Chánh Giác, từ nay sẽ không còn thấy nữa, năm trăm vị Tỳ-kheo-ni cũng bạch lời từ biệt như trên. Phật cũng chấp thuận. Phật nói pháp cho nghe, rằng thân là hoạn nạn, diệt độ là yên tịnh. Các Tỳ-kheo-ni đều rất vui mừng đi nhiễu Phật ba vòng rồi lui ra. Khi về đến tinh xá thì bày năm trăm chỗ ngồi, mỗi vị đều đến chỗ ngồi. Đại Ái Đạo hiện các thần túc từ chỗ ngồi mà ẩn mất, rồi từ phương Đông đến, ở trên hư không hiện ra mười tám biến, tám phương,

trên dưới đều như thế và phát ra ánh sáng rực rỡ chiếu đến những nơi tối tăm và chiếu sáng lên các tầng trời. Năm trăm vị Tỳ-kheo-ni cũng biến hóa như thế, rồi đồng thời cùng Nê-hoàn.

Phật bảo A-nan: Sáng mai ông vào thành, đến nhà Gia-du-lý bảo rằng: Di mẫu và năm trăm Tỳ-kheo-ni lão túc đều đã diệt độ. Phật khuyên Du-da-lý làm năm trăm giường chất đầy hương hoa dầu mè, gỗ thơm và trỗi nhạc để cúng dường. Vì sao? Vì năm trăm Tỳ-kheo-ni đều là bậc sáu thông bốn đạt, được không bất nguyện vô tưởng tịnh định, nay đã Nê-hoàn, được Phật khen ngợi, hễ cúng dường thì được phước vô lượng. A-nan vâng lời. Sáng sớm vào thành đến nhà Da-du-lý bèn hỏi duyên cớ, thì A-nan kể rõ lời Phật. Ưu-bà-tắc nghe báo thì gieo mình xuống đất khóc lóc than rằng: Từ nay tinh xá Duy-gia-lê sẽ trống vắng, đường sá sẽ không còn thấy các Tỳ-kheo-ni đi khất thực nữa, thật là đau đớn. A-nan đáp rằng: Phật nói trời đất tuy lâu dài nhưng cũng có lúc bắt đầu và kết thúc, ba cõi vô thường như huyễn như mộng. Sống thì cầu chẳng chết, hợp thì mong chẳng lìa, nhưng không bao giờ được. Du-da-lý hiểu rõ nên vui mừng. A-nan bèn đến các nhà Phạm Chí đang hội họp nghị luận, bảo rằng: Phật khuyên các hiền giả rằng: Ngày mai năm trăm Tỳ-kheo-ni đều diệt độ. Các Phạm Chí nghe nói đều gieo mình xuống đất màgào khóc. A-nan nói: ba cõi như huyễn đều là vô thường, thân là chỗ chứa nhóm các khổ, chỉ có Nê-hoàn là yên vui. Mọi người đều nghe theo mà sắm đủ đồ lễ tang rồi cùng đến tinh xá. Lúc đó, cửa vườn còn đóng, mọi người muốn vào giảng đường thì có ba nữ Sa-di, một vị đã được quả Bất hoàn, người kế quả Tần lai, người thứ ba là Giảng hạng bảo mọi người rằng: Thầy tôi ngồi thiền, nay được tịch định, cẩn thận chớ làm ồn. Đáp rằng: Thầy đã diệt độ, không phải tịch định đâu. Sa-di-ni nghe xong thì ngất xỉu, giây lâu tỉnh dậy, than rằng: Ai sẽ dạy dỗ chúng con, lời dạy của bậc Thánh đã hết. Mọi người buồn bã bảo Sa-di-ni rằng: Phật đã nói thương yêu gặp gỡ rồi phải xa lìa, chỉ nên lập chí mạnh mẽ chứng được Ứng chân. Làm lễ trà-tỳ xong thì đem xá lợi về chỗ Phật. Phật bảo A-nan: thầy xoay về hướng Đông chắp tay quỉ gối phải, nói rằng: Ai có trực tín trực nghiệp, ba thần sáu trí, Đạo linh đã đủ, đều hãy đến đây. Vì sao? Vì Di mẫu Phật và năm trăm vị Tỳ-kheo-ni đều đã diệt độ, nay ở pháp hội bốn phương đều như thế. Do đó, bốn phương đều có hai trăm năm mươi vị Ứng chân dùng thần túc bay đến lạy Phật. Phật đến chỗ xá-lợi của Đại Ái Đạo thì một ngàn vị Tỳ-kheo đều theo đến tòa. Phật bảo A-nan dùng bát đựng đầy xá lợi quì xuống trao cho Phật. Phật đưa hai tay bưng lấy, bảo các Tỳ-kheo rằng:

Xá-lợi này vốn là thân nhơ nhớp ngu si, dữ dằn ganh ghét, mưu mô làm hư hoại đạo đức. Nay Di mẫu dứt hết xấu nhơ tội ác của người nữ thực hành hạnh người nam mà được Đạo Ứng chân, dời linh vốn không thể mạnh mẽ như thế. Phật bảo các Tỳ-kheo và các Ưu-bà-tắc phải cùng nhau lập miếu cúng dường. Do đó, bốn chúng trời, người, rồng, quỉ nơi nơi đều lập miếu cúng dường các thứ.

Tăng Hữu xét thấy: Di mẫu ân đức sinh ra nên phải long trọng làm lễ trà tỳ để báo đền ân đức mà khuyên răn kẻ vô ân bất hiếu sau này.

14. DÒNG HỌ THÍCH CA DIỆT NGHIỆP ĐỜI TRƯỚC

(Xuất xứ từ kinh Trường A-hàm)

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc mới lên ngôi nghĩ rằng: Ta sẽ lấy một cô gái dòng họ Thích. Rồi bảo một vị đại thần rằng: Người đến thành Ca-tỳ-la đến nhà dòng họ Thích xứng danh ta mà nói: Vua Ba-tư-nặc chúc quí vị an khang, gia đình hưng thạnh vô lượng. Lại bảo ta muốn cưới một cô gái dòng họ Thích để nối dõi tông đường. Nếu ai trái lệnh, ta sẽ dùng binh lực đánh dẹp. Quan Đại thần bèn làm theo lệnh vua. Các người dòng họ Thích nghe tin thì nổi giận bảo ta là dòng họ lớn đâu thể kết thân với kẻ tôi tớ. Mọi người bàn luận có người bảo nên, có người bảo không nên kết thân. Lúc đó, Ma-ha-nam nói với mọi người rằng: Quí vị chớ giận dữ, Ba-tư-nặc là người bạo ác có thể đánh phá nước ta. Để tôi đích thân đến gặp mà xử sự. Lúc đó trong nhà Ma-ha-nam có một gái hầu rất đẹp, bèn trang điểm cực kỳ diễm lệ mà dắt đến vua Ba-tư-nặc bảo là con gái mình để thành thân. Vua Ba-tư-nặc vừa thấy thì bằng lòng bèn phong làm Hoàng hậu. Về sau, sinh một con trai vô cùng khôi ngô không ai bằng. Các thầy tướng tâu vua rằng: Khi cầu hôn các người dòng họ Thích tranh cãi, có người nói không nên kết thân, khiến kia đây chia lìa, nay nên đặt tên là Lưu-ly. Từ đó vua càng yêu thương Lưu-ly. Khi Lưu-ly lên tám tuổi, vua Ba-tư-nặc bảo hãy đến Ca-tỳ-la-vệ mà học thuật bắn tên. Rồi sai sứ giả cỡi voi đến ở nhà Ma-ha-nam (ông ngoại) mà học, Ma-ha-nam bèn chọn năm trăm đứa trẻ dòng họ Thích cho cùng theo học. Lúc đó, trong thành Ca-tỳ-la-vệ có xây một giảng đường rất đồ sộ lộng lẫy. Các người họ Thích muốn thỉnh Phật và các Tỳ-kheo tăng đến để cúng dường cầu phước rồi mới ở. Bèn trang hoàng đồ ngồ, cờ phướn, lọng báu, lụa là gấm vóc, rưới nước thơm, xông hương quí đốt đèn đuốc và bày một tòa sư tử rất oai nghiêm dành riêng cho Phật. Lúc đó Thái tử Lưu-ly đến giảng đường thấy tòa sư tử cao đẹp bèn leo lên ngồi. Các người trong dòng họ Thích thấy vậy rất

tức giận lôi cổ xuống kéo ra ngoài đánh cho một trận tơi bời, mắng là con nhà hèn hạ sao dám vô phép. Lúc đó, Lưu-ly ngó quanh quất chỉ thấy có một người bạn nhỏ tên Hảo Khổ con của một Phạm Chí cùng theo học bắn cung, thì bảo dòng họ Thích làm nhục ta, khi ta lên ngôi ngươi nên nhắc ta mối thù này. Sau đó, vua Ba-tư-nặc qua đời, bèn truyền ngôi cho Lưu-ly. Lúc đó, Hảo Khổ đến nhắc lại mối nhục xưa. Lưu-ly bèn kéo binh đến nước Ca-tỳ-la-việt. Bấy giờ, có nhiều Tỳ-kheo nghe Lưu-ly đem binh đánh dòng họ Thích bèn bạch lên Đức Thế tôn. Đức Thế tôn bèn đến ngồi kiết già dưới một gốc cây khô không cành lá. Lưu-ly kéo quân đi ngang, bèn xuống ngựa đến hỏi Phật vì sao không ngồi dưới gốc cây có cành lá mà ngồi dưới gốc cây khô, thì Đức Thế tôn bảo nhờ ân đức của thân tộc nên thắng người ngoài. Lưu-ly nghĩ hôm nay vì Đức Thế tôn là thân thích, ta không nên đến đánh, rồi trở về nước. Lúc đó, Hảo khổ lại nhắc lại mối nhục xưa. Vua nổi giận mà kéo binh đến Ca-tỳ-la-vệ nữa. Đại Mục-kiền-liên bạch Phật rằng: Nay vua Lưu-ly muốn đánh dòng họ Thích, con có thể khiến vua Lưu-ly và binh lính rơi vào thế giới khác. Phật hỏi thầy có khả năng đem nghiệp duyên đời trước của dòng họ Thích cho rơi vào thế giới khác hay chăng? Mục-liên đáp không thể. Mục-liên nói con có khả năng dời thành Ca-tỳ-la-việt lên hư không. Phật hỏi thầy có thể dời nghiệp duyên đời trước của dòng họ Thích lên hư không hay chăng? Thì đáp không thể. Mục-liên lại nói: Con có khả năng dùng lồng sắt chụp lên thành Ca-tỳ-la-việt. Phật hỏi: Thầy có thể dùng lồng sắt chụp lên nghiệp duyên đời trước của dòng họ Thích hay chăng? Lại đáp không thể. Phật bảo nghiệp duyên đời trước của dòng họ Thích nay đã chín muồi, nay phải chịu quả báo. Vua Lưu-ly bèn kéo quân đến Ca-tỳ-la-việt. Dòng họ Thích cũng đem quân ứng chiến. Trong vòng một do-tuần quân dòng họ Thích bắn tên phá hư hại cả xe cộ, tòa ngồi, dây cung, áo giáp v.v... nhưng người của quân Lưu-ly không hề hấn gì, thậm chí bắn trúng cả tai, mũi, đầu mà các cơ quan vẫn nguyên vẹn, người vẫn không chết. Vua Lưu-ly lấy làm lạ hỏi tên từ đâu tới. Các quan nói tên của dòng họ Thích cách đây từ một do-tuần bắn đến. Vua nói: Nếu họ có ý hại ta ắt ta chết rồi. Vậy phải kéo quân về Xá-vệ. Phạm Chí Hảo khổ bèn tâu vua rằng: Vua chớ sợ, người dòng họ Thích đều giữ giới, con sâu còn không giết, huống chi là hại người, nay cứ tiến lên đánh phá dòng họ Thích. Vua Lưu-ly tiến lên, dòng họ Thích đều rút vào thành. Vua hét phải mau mở cửa thành ra, nếu không ta giết sạch. Lúc đó có một cậu bé dòng họ thích mới mười lăm tuổi tên là Xá-ma mặc áo giáp cầm gậy một mình tiến ra

đánh với vua Lưu-ly. Lúc đó, Xá-ma giết hại nhiều người liền bỏ chạy hò hét bảo nhau rằng: Đó là người trời hay quỉ thần mà, ở xa nhìn như một đứa bé. Vua Lưu-ly sợ quá chui trốn dưới hố đất. Bấy giờ dòng họ Thích bảo Xá-ma rằng: cậu bé kia sao làm nhục chúng ta, há không biết rằng dòng họ Thích chúng ta tu hành, con sâu còn không giết, huống chi là giết người. Chúng ta mỗi người có khả năng chống chỏi cả muôn người, nhưng nghĩ rằng giết người thì chết rồi sẽ bị đọa vào địa ngục, nếu sanh làm người thì phải chết yểu. Cậu đi đi, chớ ở đây. Lúc đó, vua Lưu-ly lại đến cửa thành bảo mở cửa mau chớ chậm trễ. Các người dòng họ Thích bảo nhau ta không nên mở cửa. Bấy giờ ,Ma Ba-tuần hiện ra một người họ Thích bảo mở cửa mau chớ chịu khốn chung như thế. Người dòng họ Thích bèn mở cửa thành. Vua Lưu-ly bảo các quan rằng, người dòng họ Thích rất đông không dao kiếm nào giết hết. Hãy xô chúng xuống đất rồi cho voi dày đạp, các quan y lời làm theo. Vua Lưu-ly lại bảo: Chọn bắt năm trăm gái đẹp cho ta. Các quan y lời làm theo. Lúc đó, Ma-ha-nam đến chỗ vua Lưu-ly bảo rằng: Hãy làm theo lời tôi. Vua hỏi làm gì? Ma-ha-nam nói tôi sẽ lặn xuống nước tùy thời gian lâu mau thì thả người dòng họ Thích chạy đi, cho đến khi tôi trồi lên mặt nước thì lại tiếp tục tùy ý chém giết. Vua Lưu-ly bằng lòng. Ma-ha-nam liền nhảy xuống nước lấy tóc mình buộc vào gốc cây mà chết. Bấy giờ, người dòng họ Thích từ cửa Đông chạy ra thị lại vào cửa Tây, từ cửa Nam chạy ra thì lại vào cửa Bắc. Lát sau, Lưu-ly nói sao Ma-ha-nam ở lâu dưới nước thế, bèn cho người xuống tìm thì thấy đã chết. Vua bỗng hối hận bảo ông ngoại ta đã chết vì yêu dòng họ. Nếu biết vậy, ta không bao giờ đánh dòng họ Thích. Kể ra, vua Lưu-ly đã giết hại chín ngàn chín trăm chín mươi chín muôn người, máu chảy thành sông. Rồi đốt thành Ca-tỳ-la-việt mà đến vườn Ni-câu-lưu. Lúc đó, vua Lưu-ly bảo năm trăm cô gái dòng họ Thích rằng: Các nàng chớ buồn lo, ta là chồng của các nàng, các nàng là vợ ta. Bấy giờ, vua Lưu-ly bắt ra một nàng. Nàng hỏi muốn làm gì ta. Vua nói muốn giao tình. Nàng bảo nay ta làm sao có thể cùng kẻ do tôi tớ sinh ra mà giao tình được ư? Vua nổi giận ra lệnh chặt hết tay chân rồi vất xuống hầm sâu. Các nàng kia cũng đều mắng nhiếc như thế và đều bị hình phạt như thế. Vua Lưu-ly phá thành Ca-tỳ-la-việt xong thì trở về Xá-vệ. Bấy giờ, Thái tử Kỳ-đà vào cung sâu đùa vui với các kỹ nữ. Vua nghe tiếng nhạc bèn sai người hầu quay voi về, còn vua một mình đến chỗ Thái tử. Đến nơi, người giữ cửa tâu vua rằng: Vua đi nhẹ nhẹ chớ quấy rối, Thái tử đang ở trong cung đùa vui. Vua bèn rút kiếm giết chết người giữ cửa.

Thái tử Kỳ-đà liền ra gặp vua. Vua hỏi: Chẳng lẽ con không biết ta đánh nhau với dòng họ Thích? Kỳ-đà thưa con có nghe. Vua hỏi: sao vẫn ở trong cung vui chơi mà không đi giúp ta? Thái tử Kỳ-đà đáp: Vì con không thể giết người. Vua liền rút kiếm giết chết Kỳ-đà. Khi ấy, Đức Thế tôn dùng mắt trời thấy Kỳ-đà chết rồi được sinh lên tầng trời ba mươi ba. Lúc đó, năm trăm cô gái dòng họ Thích bảo nhau: Như lai ở nơi này xuất gia học Đạo mà sau thành Phật, nay bị khổ này sao Thế tôn không nhớ. Đức Thế tôn do tai trời mà nghe rõ lời oán trách của các cô gái. Bèn dẫn các Tỳ-kheo đến Ca-tỳ-la-việt. Năm trăm cô gái thấy Thế tôn và các thầy Tỳ-kheo đến thì rất hổ thẹn. Bấy giờ, Thích-đề-hoàn-nhân bèn dùng áo trời phủ lên người các cô gái, thiên vương Tỳ Sa-môn thì đem cơm trời cho các cô gái ăn đều no đủ. Đức Thế tôn bèn nói pháp mầu nhiệm: khổ tập hết thì Đạo hết. Bấy giờ các cô dứt sạch bụi nhỏ mà được mắt pháp thanh tịnh, đều ở đấy mà qua đời và đều được sinh lên cõi trời.

Bấy giờ, Đức Thế tôn đến cửa thành Đông thì thấy trong thành bị lửa khói thiêu rụi trống không, bèn đến ngồi trong vườn Ni-câu-lưu bảo các Tỳ-kheo rằng: xưa Ta ở đây nói pháp cho các Tỳ-kheo nghe mà nay trống vắng chẳng có ai. Sau này, Như lai sẽ không đến đây nữa. Rồi đứng dậy đi về vườn Kỳ thọ cấp-cô-độc ở nước Xá-vệ, bảo các Tỳ-kheo rằng: bảy ngày nữa vua Lưu-ly và quân lính đều sẽ chết. Vua Lưu-ly nghe nói thì sợ hãi bảo các quan rằng: Như lai nói ta bảy ngày nữa cùng quân lính đều chết. Các ông hãy xem ngoài nước không có giặc cướp, cũng không có tai ương nước lửa đe dọa, vậy là sao. Như lai không nói hai lời. Bấy giờ, Phạm Chí Hảo Khổ tâu vua chớ lo sợ. Ngày nay ngoài nước trong thành đều không có giặc giã, cũng không có nạn nước lửa đe dọa, nay vua hãy vui chơi thỏa thích. Vua nói Phạm Chí nên biết Phật không nói sai lời. Vua sai người đếm ngày, thì đã qua ngày thứ nhất vua rất mừng, dẫn binh lính và các thể nữ đến bờ sông A-chỉ-la dạo chơi. Bỗng mây đen sấm sét nổi lên, gió bão mưa dữ kéo đến. Lúc đó, vua Lưu-ly và binh lính đều bị nước cuốn trôi mà chết hết. Chết rồi bị đọa vào địa ngục A-tỳ. Lại có lửa trời cháy tan cung điện. Bấy giờ, Đức Thế tôn dùng mắt trời thấy vua Lưu-ly và bốn binh chủng đều chết và đều đọa địa ngục. Các Tỳ-kheo bạch rằng: dòng họ Thích đã gây ra nhân duyên gì mà nay phải bị vua Lưu-ly giết hại như thế? Phật bảo thuở xa xưa trong thành La-duyệt có một làng bắt cá, lúc đó nhằm đời đói kém, người phải ăn rau cỏ, một đấu gạo đổi một đấu vàng. Làng ấy có hồ lớn lại có nhiều cá. Lúc đó, người dân trong làng La-duyệt đến hồ bắt cá.

Lúc ấy, trong nước có hai con cá, một con tên là Câu-tỏa, hai tên là Đa-thiệt. Chúng bảo nhau rằng chúng ta ở đây chẳng có lỗi lầm gì, chúng ta tánh ở nước không ở trên đất khô, loài người đều đến đây bắt ăn. Nếu người đời trước có ít phước đức thì sẽ theo báo oán. Lúc ấy, trong làng có một cậu bé tám tuổi không bắt cá, cũng chẳng giết hại sinh mạng, nhưng lại lượm cá ở trên bờ. Đứa bé thấy cá thì rất vui mừng. Các Tỳ-kheo nên biết, lúc đó trong số người dân của thành La-duyệt đâu phải ai khác, chính là những người trong dòng họ Thích, còn con cá Câu-tỏa nay chính là vua Lưu-ly, con Đa-thiệt nay là Hảo khổ, đứa bé thấy cá mà mừng vui nay chính là ta. Các người dòng họ Thích vì bắt cá ăn nên vô số kiếp bị khổ ở địa ngục, nay phải chịu báo này. Còn ta thấy cá mà vui nên nay đầu bị đau nhức giống như bị đá đè, cũng như đầu đội núi Tu-di. Vì sao Như lai không bị các hình phạt? vì Như lai đã bỏ các hành nên vượt qua các ách nạn. Do nhân duyên ấy mà dòng họ Thích phải bị quả báo vậy.

-Tăng Hữu xét thấy: Đại thánh nói kinh có Ức Dương Trừng Khuyến, Phàm bậc Chánh giác thì muôn lụy đều dứt đã lâu, lạy nhiều kiếp mà bày dư bào, để nói lên việc dòng họ Thích bị giết không phải tự sức mình mà khỏi được. Đây thật là giới sâu về giới cấm sát sinh. Cẩn thận với quy luật rõ ràng về nghề nghiệp.

15. EM HỌ CỦA PHẬT LÀ ĐIỀU ĐẠT XUẤT GIA

(Xuất xứ từ kinh Trung Bản Khởi)

Khi Nhà vua đến chỗ Phật, thấy có ngàn người thuộc nhóm Ca-diếp, thân thể xấu xí thì tâm rất bất bình. Các thầy Tỳ-kheo này chỉ cần tâm tánh chuyên mà không nghĩ biểu hiện về dung mạo bên ngoài, vua muốn khuyên các tông thất ưa thích vô vi (đi xuất gia) nên khiến các Tỳ-kheo chọn những người có hình dung đẹp đẽ ăn mặc ngay ngắn. Rồi ra lịnh cho các tông thất hôm sau hội họp ở điện. Vua bảo các tông thất rằng: Thầy tướng đoán nếu Phật không xuất gia thì sẽ làm vua, thống lãnh khắp bốn phương thiên hạ, kẻ hầu hạ thảy đều xinh đẹp. Nay các đệ tử Phật có một số người không xinh đẹp lắm. Vậy muốn phù hợp với Đạo tôn thì nghi dung phải đầy đủ, để tăng thêm tăng số và làm oai vệ Thế tôn. Tất cả tôn thất đều tán thành và vâng lịnh, hẹn bảy ngày nữa sẽ thi hành (làm lễ xuất gia). Điều-đạt liền bảo các hành giả (người cùng đi) rằng: Bọn ta là đệ tử Phật, vốn là hàng vương tộc, nay bỏ đời vinh hoa mà xuất gia tu đạo, phải sửa sang y phục cực kỳ đẹp đè, dùng ngựa voi, xe cộ giá trị ngàn vàng. Đến ngày thi hành lịnh trên (làm lễ

xuất gia) người ra xem đầy đường, bỗng khăn mão của Điều-đạt tự nhiên rơi xuống đất, các voi ngựa đều té nằm ngổn ngang kêu hý inh ỏi. Thầy tướng xem quẻ đoán rằng: Mọi người đều đắc đạo chỉ có một người không tốt. Rồi cùng đến chỗ Phật xin làm Sa-môn, hàng phục cang cường, đều rất vui vẻ. Điều-đạt cũng có tên là ŒĐề-bà-đạt-đa, Hán dịch là Thiên nhiệt, vì khi lúc sinh ông thì tâm trời người đều kinh hãi, nóng nảy bứt rứt, do đó mà đặt tên ấy.

Kinh Tăng Nhất A-hàm nói: Đề-bà-đạt-đa bạch Phật xin xuất gia tu Đạo. Phật nói: ông nên ở tại gia mà lo bố thí, làm Sa-môn thật chẳng phải dễ, cả ba lần thưa xin Phật đều bảo không nên xuất gia, vì vậy Đề-bà-đạt-đa sinh thù hận nghĩ rằng: Sa-môn này có tâm ganh ghét, ta phải tự cạo đầu mà khéo tu phạm hạnh, đâu cần làm Sa-môn. Đề-bà-đạt-đa sau phạm tội năm nghịch có tâm ác muốn đến hại Như lai. Vừa bước chân xuống thì đất có lửa lớn, gió mạnh nổi lên đốt cháy Đề-bà-đạt-đa, ông ấy hối lỗi niệm Nam-mô Phật, nhưng không thật sự rốt ráo nên khi vừa niệm thì liền bị rơi vào địa ngục. A-nan buồn thương hỏi Phật rằng Đề-bà-đạt-đa phải ở trong địa ngục bao lâu? Phật nói: phải trải qua một Đại kiếp, sau đó sinh lên cõi trời Tứ Thiên Vương, rồi lần lượt sinh lên Trời Tha Hóa Tự Tại trải sáu mươi kiếp không bị đọa vào ba đường ác, thân cuối cùng được làm Bích-chi-phật tên là Nam-mô, vì khi chết miệng xưng niệm Nam-mô. Lúc đó, Đại Mục-kiền-liên thưa con muốn xuống địa ngục A-tỳ để an ủi Đề-bà-đạt-đa. Phật nói: Người tội ở địa ngục A-tỳ không hiểu tiếng người nhân gian. Mục-liên thưa: con dùng sáu mươi bốn thứ tiếng mà nói với người ở đấy. Phút chốc Mục-liên từ trên hư không xuống đến địa ngục A-tỳ, hỏi Đề-bà-đạt-đa ở đâu? Ngục tốt hỏi: Ở đây có Đề-bà-đạt-đa thời Phật Câu-lưu-tôn, thời Phật Ca-diếp,... vậy Ngài muốn hỏi người nào? Mục-liên nói tôi tìm Đề-bà-đạt-đa là em chú bác với Phật Thích-ca. Ngục tốt đang khều than đốt thân thì khiến Đề-bà-đạt-la tỉnh dậy, bảo: “Ngó lên trời đi” thì Đề-bà-đạt-đa thấy Mục-liên đang ngồi trên hoa sen báu, bèn hỏi rằng: vì sao Tôn giả đến đây? Mục-liên nói: Phật bảo vì ông muốn hại Thế tôn nên phải bị đọa vào địa ngục A-tỳ, cuối cùng được thành Bích-chi-phật hiệu là Nam-mô. Nghe xong, thì Đề-bà-đạt-đa vui mừng bảo: nay Tôi nằm nghiêng bên hông phải trong địa ngục A-tỳ suốt một kiếp, không hề mệt mỏi. Mục-liên hỏi có đau đớn khổ sở lắm không? Đề-bà-đạt-đa đáp: Tôi bị xe sắt nóng nghiền nát thân, lại bị chày sắt gõ đập, có voi đen hung dữ chà đạp thân, lại có núi lửa đè lên mặt. Áo ca-sa xưa nay biến thành lá sắt nóng thường đốt cháy. Nay nhờ Ngài nói tôi kính lạy

Thế tôn, lạy Tôn giả A-nan. Mục-liên bèn bay về chỗ Thế Tôn. Luận Đại Trí Độ nói: Đề-bà-đạt-đa chê bai Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên, chết rồi bị đọa vào ngục hoa sen, tức là Cù-hòa-lyŒ.

Tăng Hữu xét thấy: Đề-bà-đạt-đa đã nhiều kiếp hiện làm thân thích với Phật mà kết oán thù, đâu phải để nêu rõ thiện ác ảnh hưởng đến Bí giáo ư? Cho nên kinh nói: Nếu nói Đề-bà-đạt-đa gây ra năm tội nghịch mà đọa địa ngục A-tỳ thì không có việc đó. Đây là cảnh giới của Chư Phật, hàng Nhị thừa không thể nào đoán biết được.

16. VIỆC EM HỌ CỦA PHẬT LÀ A NA LUẬT BẠT ĐỀ XUẤT GIA

(Xuất xứ từ kinh Luật-đàm-vô-đức)

Có hai anh em dòng họ Thích, một người tên Ma-ha-nam, người kia tên A-na-luật. Mẹ A-na-luật rất thương con, thương không xa rời, bà làm điện ba mùa và cung cấp đầy thể nữ. Ma-ha-nam nói dòng họ Thích có nhiều người xuất gia chỉ có nhà ta là không có. Anh lo việc nhà thì em phải xuất gia, nếu không em lo việc nhà còn anh thì xuất gia. A-na-luật cho việc nhà là phiền phức bèn xin xuất gia. Đến chỗ mẹ ba lần xin cho xuất gia đều không được, bà dùng mọi cách mà bác bỏ, bảo dòng họ Thích có Bạt-đề, nếu mẹ nó cho nó xuất gia thì ta cho. Na-luật bèn tìm đến Bạt-đề, tìm đủ mọi cách thuyết phục nói: nay Ta xuất gia được hay không chỉ do một mình ông. Bạt-đề bèn về xin mẹ xuất gia. Bà mẹ cũng nói khi nào mẹ Na-luật cho nó xuất gia thì ta cho. Mãi đến bảy năm hưởng các vui năm dục rồi mới xuất gia. Na-luật nói: Mạng người vô thường khó thể giữ gìn, không nên nấn ná, rồi hẹn nhau một năm sau, cho đến bảy ngày thì Na-luật chịu. Tới ngày hẹn thì tám người dòng họ Thích, cả Ưu-ba-ly là thứ chín đều ăn mặc đẹp đẽ ngồi xe voi ngựa báu mà ra khỏi thành Ca-tỳ-la-vệ. Rồi cùng cởi y phục báu và voi ngựa mà trao cho Ưu-ba-ly đem về dùng, còn bọn ta đi xuất gia. Sau đó Ưu-ba-ly cũng muốn xuất gia bèn treo y phục báu ấy trên cành cây, có ai đến lấy thì cho. Rồi đến chỗ Phật thưa rằng: Cha mẹ con đã cho xuất gia, xin Phật độ con trước vì để dứt trừ tâm kiêu mạn. Bấy giờ, Đức Thế tôn độ cho sáu người: Ưu-ba-ly trước, kế độ cho Na-luật rồi Bạt-đề, Nan-đề, Kim-tỳ-la, Nan-đà, v.v... Ưu-ba-ly thọ đại giới trước làm Thượng tọa. Lúc đó, có Thượng tọa Tỳ-la-trà độ riêng A-nan-đà, kế đến Bạt-nan-đà và Điều-đạt. Bấy giờ, bạt-đề một mình dưới cây trong bãi tha ma, suy nghĩ đến hơn nửa đêm, lớn tiếng nói vui quá. Các

Tỳ-kheo bạch Phật, Phật gọi Bạt-đề hỏi lý do. Bạt-đề nói: Lúc con còn ở tại gia lúc nào cũng có người cầm dao gậy theo hộ vệ khiến con luôn sợ sệt, âu lo. Nay ngồi giữa bãi tha ma một mình không sợ sệt, con nghĩ cái vui xuất ly nên nói vui quá. Phật khen tốt lắm!

Tăng Hữu xét thấy: Thấy người thế tục chấp mắc khó mở mà pháp duyên thì dễ cảm, đạo Thích và ngoại đạo khắc ý thật sâu, cho nên lúc đầu đều lấp mà sau thì cả hai cùng mở. Hễ khổ bức không sinh thì gọi là rất vui, trong rừng mà kêu lên thì đâu phải thích ở ngoài.

17 EM HỌ CỦA PHẬT LÀ TÔN ĐÀ LA NAN ĐÀ XUẤT GIA

(Xuất xứ từ kinh Phổ Diệu)

Khi Phật ngự trong vườn Ni-câu-loại nước Ca-duy-la-việt cùng thị giả A-nan vào thành khất thực, Nan-đà ở trên lầu cao nhìn thấy liền xuống đến bên Phật hỏi rằng: Phật vốn dòng họ Chuyển Luân sao lại chịu nhục mà ôm bát khất thực. Bèn đỡ lấy bát của Phật đi vào nhà múc đầy thức ăn ngon quí. Phật bảo: A-nan khi Nan-đà đem bát ra chớ nhận, bảo phải tự mình đem bát đến Như lai. Rồi Phật về trước. Khi Nan-đà đem bát ra thì phải làm theo. Người vợ ra bảo Nan-đà hãy mau trở lại. Nan-đà vừa đến chỗ Phật thì vợ lại sai người thúc dục trở về vì sợ Nan-đà xuất gia. Nan-đà gặp Phật hai tay dâng bát: Xin Phật nhận cho, con phải trở về. Phật bảo: Ông đã đến đây rồi thì phải cạo bỏ râu tóc mặc ba pháp y, sao lại về. Rồi dùng thần lực ép Nan-đà phải cạo tóc xuất gia nhốt trong tịnh thất. Một thời gian sau thì phân công làm việc chùa. Nan-đà tự nghĩ khi nào rảnh thì chạy trốn về nhà. Bấy giờ, Nan-đà làm các việc đều tươm tất, nhưng có thiên thần theo giữ ngầm, khiến cho hễ xách nước đầy lu thì lại lưng, vừa quét dọn sạch cỏ thì cỏ lại mọc, vừa đóng cửa xong thì cửa lại tự mở v.v... tự nghĩ nhà ta có nhiều tiền của nếu có mất mát gì thì sẽ bồi thường. Rồi bỏ ngang theo đường nhỏ trốn về nhà, nếu đi đường lớn sẽ gặp Phật. Đi được một lúc thì bỗng gặp Như lai, bèn chạy núp sau cây lớn. Phật dùng thần lực khiến cây bay lên không. Nan-đà bèn nhảy xuống hố sâu mà trốn. Phật tìm đến hỏi vì sao ở dưới hố, thì xấu hổ làm thinh. Phật ba lần hỏi ông muốn đi đâu thì đáp: Con muốn về nhà gặp vợ, Phật nói vợ ông có nhiều dục tâm, không sợ tai họa đời sau thân bị thiêu đốt hay sao? Ta nay dẫn ông lên cõi trời dạo xem chớ sợ. Rồi dùng thần lực đưa Nan-đà lên cõi trời. Đến một cung điện rất trang nghiêm nhiều của báu, lại có rất đông ngọc nữ đẹp đẽ mà đều không có chồng. Nan-đà hỏi Phật đây là cung trời nào mà có nhiều thứ vui chơi, xưa nay chưa từng thấy lại không có đàn ông

như thế? Phật bảo đến hỏi xem, Nan-đà đến hỏi thì các tiên nữ bảo: Ông không biết sao? ở nước Ca-duy-la-việt có Nan-đà là em của Phật, sau sẽ sinh lên đây làm chồng chúng tôi. Nan-đà nghe xong thì thích quá, bèn kể lại với Phật. Phật bảo ông phải mau tu phạm hạnh chẳng bao lâu sẽ sinh lên đó mà hưởng phước trời. Đức Thế tôn lại dùng thần lực dẫn Nan-đà xuống địa ngục, trên đường đi vào núi Thiết-vi thì gặp một con khỉ cái. Phật hỏi Nan-đà: vợ ông là Tô-đà-lợi sao giống khỉ như thế? Nan-đà bảo chớ nói thế, vợ con đẹp nhất trong số người nữ, hơn họ gấp trăm ngàn vạn lần. Phật nói: Các thiên nữ cũng đẹp hơn Tôn-đà-lợi gấp trăm ngàn muôn lần. Phật dẫn Nan-đà đi sâu vào các ngục thấy các đau khổ. Có một vạc dầu lớn, ngục tốt vây quanh dầu sôi sùng sục không thấy có ai trong đó. Nan-đà hỏi Phật sao không thấy người tội? Phật bảo: Ông tự hỏi xem, Nan-đà liền đến hỏi thì ngục tốt đáp ở cõi Diêm-phù-lợi có con vua chân tịnh ược thành Phật Đạo, lại có em họ là con vua Cam-lộ tên là Nan-đà là người buông lung dâm dục, tự cậy giàu có khinh chê mọi người, chết rồi sẽ đọa vào vạc dầu sôi này. Nghe xong thì Nan-đà thất kinh hồn vía chạy mau đến Phật xin cứu hộ cho mau ra khỏi địa ngục. Phật nhân đó lần lượt nói các pháp mầu nhiệm vô vi an ổn.

Kinh Tạp Bảo Tạng nói: Phật ở nước Ca-tỳ-la-vệ vào thành khất thực đến nhà Nan-đà, gặp lúc Nan-đà đang trang điểm chỗ giữa hai đầu chân mày cho vợ, nghe Phật đến muốn ra ngoài gặp Phật. Vợ nói: Tôi cũng muốn ra ngoài gặp Như lai nhưng chấm điểm trên trán chưa khô, vậy hãy ra gặp rồi vào. Nan-đà ra gặp Phật, ôm lấy bát Phật đem vào nhà múc đầy thức ăn ngon rồi đem ra dâng Phật. Nhưng Phật không nhận, đưa A-nan cũng từ chối. A-nan nói: Ông nhận bát ai thì trả người ấy. Rồi cùng Phật trở về trước. Nan-đà phải ôm bát đi theo Phật đến tinh xá Ni-câu-lâu. Phật bảo thợ cạo râu tóc cho Nan-đà, Nan-đà không chịu đòi đánh. Người thợ không dám, Phật và A-nan bèn cạo bỏ râu tóc cho. Tuy đã cạo tóc nhưng vẫn thường muốn về nhà. Phật thường dắt đi mà chẳng dám cãi. Một hôm, ở lại một mình định trốn về nhà. Phật và chúng Tăng đi rồi liền nghĩ phải xách nước đầy lu để Phật về tắm. Nhưng đổ đầy thì lại lưng, nhiều lần như thế liền bỏ ngang, định chạy ra đóng các cửa rồi về. Nhưng đóng cửa này thì cửa kia mở ra, đóng hoài vẫn không được. Liền nghĩ nhà ta giàu có nếu có mất mát thì đủ sức bồi thường đâu có sao. Rồi lén theo đường nhỏ mà trốn về nhà, nghĩ rằng ra đi đường lớn sẽ gặp Phật. Đi một hồi bỗng gặp Phật trở về. Liền chạy đến núp dưới một gốc cây to. Phật dùng thần lực thì cây bay lên hư

không lộ nguyên hình Nan-đà đứng đó. Phật bèn dẫn về hỏi rằng ông nhớ vợ phải không? Đáp: nhớ lắm. Phật lại dẫn Nan-đà lên núi A-na-ba thì gặp một con khỉ cái già. Phật liền hỏi vợ ông là Tôn-đà-lợi sao mặt mũi giống con khỉ nầy như thế? Nan-đà nói: Không, không, vợ đệ tử đẹp nhất trần gian, đâu có xấu xí thế này. Phật lại dẫn Nan-đà lên cung trời Đao-lợi, đi xem các cung trời thì thấy các vị trời và thiên nữ đùa vui. Lại thấy có một cung có năm trăm thiên nữ đẹp đẽ vô cùng mà không có Thiên tử. Bèn đến hỏi Phật. Phật bảo tự đến hỏi xem. Nan-đà đến hỏi thì đáp ở Diêm-phù-đề có em Phật là Nan-đà, Phật ép đi xuất gia nên chết rồi sẽ sinh lên đây mà làm chồng chúng em. Nan-đà liền muốn ở lại cõi trời nầy luôn. Các thiện nữ nói chúng em là trời, chàng là người, phải chết rồi mới sinh lên đây ở được. Liền bạch lại với Phật, Phật hỏi vợ ông đẹp hơn các thiên nữ ở cõi trời này chăng? Nan-đà đáp vợ con so với các thiên nữ này thì như con khỉ mà so với vợ con thôi. Phật bèn dẫn Nan-đà trở về Diêm-phù-đề, bảo rằng Nan-đà muốn sinh lên trời thì phải siêng năng tu trì giới luật. Khi ấy, A-nan nói kệ rằng:

Như dê thiến đấu nhau
Phải bỏ các việc trước
Nếu ông muốn giữ giới
Việc cũng phải như thế.

Phật lại dẫn Nan-đà xuống địa ngục, thấy các vạc dầu đều có nấu người, chỉ có một vạc dầu sôi để trống, bèn hỏi Phật. Phật nói ông hãy đến hỏi xem. Đến hỏi thì các ngục tốt nói: Vạc dầu này để trống vì ở cõi Diêm-phù-đề có em Phật là Nan-đà, nếu xuất gia công đức sẽ được sinh lên cõi trời nếu vì dâm dục mà bỏ Đạo thì chết rồi phải đọa xuống địa ngục này mà bị nấu trong vạc đó. Nan-đà nghe nói toàn thân nổi ốc, sắc mặt biến đổi, đến chỗ Thế tôn bạch rằng: bạch Đức Thế tôn, Thế tôn là Đại sư Đại hộ của ba cõi, nay con thấy cảnh tượng nầy quá ghê sợ, muốn lìa địa ngục, xin nói cho con nghe về nê-hoàn. Phật nhân đó mà lần lượt nói pháp mầu cho nghe, chỉ trong bảy ngày thì chứng A-la-hán. Các Tỳ-kheo vui mừng nói rằng: Thế Tôn ra đời có rất nhiều đặc biệt. Phật nói không phải chỉ ngày nay mà từ thời quá khứ xa xưa cũng như thế. Các Tỳ-kheo hỏi quá khứ cũng thế, việc ấy thế nào xin Phật kể rõ. Phật nói thuở xưa vua nước Ca-thi tên là Mãn-diên. Ở nước Tỷ-đề-hy có một dâm nữ đẹp lạ lùng, lúc đó hai nước thường oán ghét nhau. Lúc đó có nịnh thần đến vua Ca-thy khen nói ở nước kia có một dâm nữ đẹp lạ lùng trên đời ít có, vua nghe liền mê mệt. Bèn sai Sứ đến đòi nhưng nước kia không cho. Lại sai Sứ nói cho gặp nhau bốn, năm ngày thì sẽ

trả lại. Bấy giờ, vua nước kia gọi dâm nữ đến bảo: Ngươi trang điểm cho thật lộng lẫy, lại học các nghề khéo khiến cho vua Ca-thy phải mê mệt, phút chốc sẽ không rời ngươi. Rồi cho mượn bốn, năm ngày. Sau lại nói có cúng tế lớn cần người nữ ấy về. Khi cúng tế xong thì sai Sứ đến đòi, vua ấy nói ngày mai sẽ đến. Rồi lần lựa hẹn mãi. Vua đã đắm mê cùng cực định dẫn vài người cùng đến nước ấy. Các quan đều can ngăn mà không nghe. Lúc đó trong núi tiên có một con khỉ đấu đàn thông minh nhưng vợ chết bèn lấy một con khỉ cái khác. Bầy khỉ đều giận ghét bảo con khỉ cái ấy là của chung sao lấy làm vợ riêng. Bấy giờ khỉ đầu đàn dắt khỉ cái đến nước Ca-thy vào chỗ vua ở. Bầy khỉ bèn đuổi theo tìm kiếm lật ngói phá tường, phá phách đủ thứ không thể ngăn được. Vua Ca-thy nói với khỉ đầu đàn rằng: Sao không trả khỉ cái cho bầy khỉ. Khỉ đầu đàn nói vợ tôi đã chết, nay tôi không vợ, sao lại bảo tôi trả. Vua nói nay bầy khỉ phá loạn nước ta, chẳng trả sao được? Khỉ đầu đàn nói việc này không tốt chăng? Vua đáp không tốt. Cả ba lần đều nói là không tốt. Khỉ đầu đàn nói ở trong cung của Ngài có tám vạn bốn ngàn người nữ sao Ngài không yêu thích lại muốn một dâm nữ ở nước thù địch. Nay tôi không có vợ, lại chỉ có con khỉ cái này sao Ngài cho là không tốt. Mọi người đều nhìn ông mà sống, sao vì một dâm nữ mà bỏ đi? Ngài nên biết việc dâm dục vui ít khổ nhiều, như cầm đuốc đi ngược gió, người ngu không bỏ phải bị cháy tay. Dục là bất tịnh như đống cứt đái, dục hiện bên ngoài da mỏng bao bọc, dục như rắn độc trong phân, dục như giặc cướp giả làm người thân, dục như thiếu nợ phải trả, dục thật đáng ghét như nhà xí mọc hoa, dục như phong cùi hơ lửa càng gãi càng ngứa dữ, dục như cho gân xương khô, nước miếng với đàm mà bảo là ngon, môi răng hư hết mà không chán. Dục như người khát uống nước muối, càng uống càng khát. Dục như cục thịt các chim giành nhau mổ, dục như cá thú tham mồi, gây nạn lớn chết chóc. Khỉ đầu đàn lúc ấy nay là ta, còn vua Ca-thy lúc ấy nay là Nan-đà, dâm nữ lúc ấy nay là Tôn-đà-lợi. Lúc ấy ta ở trong bùn nhơ mà cứu Nan-đà ra khỏi, nay cũng cứu Nan-đà ra khỏi khổ sinh tử.

18. CON CỦA ĐỨC THÍCH CA LÀ LA VÂN XUẤT GIA

(Xuất xứ trong kinh Vị Tằng Hữu)

Bấy giờ, Đức Thế tôn bảo Mục-liên rằng: Thầy hãy đến thành Ca-tỳ-la mà thăm hỏi cha ta là vua Duyệt-đầu-đàn và Di mẫu ta là Ba-xà-ba-đề và chú ta là vua Hộc Phạn, v.v... lại an ủi mẹ của La-hầu-la

là Gia-du-đà-la, để nàng dứt yêu thương mà cho La-hầu-la xuất gia làm Sa-di, tu tập Thánh đạo. Vì sao? vì mẹ yêu thương chỉ vui chốc lát mà chết rồi phải đọa địa ngục, mẹ và con chẳng còn biết nhau, mịt mù chia lìa nhau, chịu nhiều đau khổ, sau có hối cũng không kịp. La-hầu-la được đạo rồi thì trở về độ mẹ mà cắt dứt hẳn gốc rễ sinh già bệnh chết, được quả A-la-hán như ta ngày nay. Mục-liên vâng lệnh liền đến ngay chỗ vua Tịnh Phạn nước Ca-tỳ-la, hết lòng hỏi thăm Đức vua, chú là vua Hộc Phạn và Di mẫu Ba-xà-ba-đề lúc ấy Gia-du-đà-la nghe Phật sai Sứ về đến chỗ vua chưa biết ý thế nào, bèn sai người hầu đến thăm dò tin tức. Hồi lâu về báo Thế tôn sai sứ về độ La-hầu-la làm Sa-di. Nghe nói xong Da-du-đà-la liền dắt La-hầu-la lên lầu cao, sai giám quan đóng cửa lại thật chắc. Bấy giờ, Mục-liên đến cung vua thì không vào được vì chẳng gặp ai, bèn dùng thần thông bay lên lầu cao đến trước mặt Gia-du-đà-la. Nàng bất đắc dĩ phải mời ngồi và hỏi Mục-liên rằng: Thế tôn vẫn bình yên và việc giáo hóa chúng sinh vẫn không khó khăn nhọc mệt phải chăng, Đức Thế tôn sai Tôn giả đến đây có việc chi? Mục-liên nói: Thái tử La-hầu-la nay đã chín tuổi nên cho xuất gia để tu học Thánh đạo. Vì sao? vì mẹ con yêu thương nhau lúc nhỏ như ý nhưng một khi chết rồi thì phải đọa vào ba đường ác, yêu thương phải chia lìa mịt mờ mẹ chẳng biết con, con không biết mẹ. La-hầu-la được đạo rồi sẽ trở về độ mẹ dứt hẳn cội gốc sinh già bệnh chết, được Niết bàn như Phật ngày nay. Gia-du-đà-la đáp rằng: Đức Thích-ca Như lai khi còn làm Thái tử cưới tôi làm vợ, tôi hầu hạ Thái tử như thờ thiên thần, tôi chưa từng có một lỗi lầm nào, làm vợ chồng chưa đầy ba năm thì bỏ vui năm dục vượt thành vào chốn rừng sâu, vua đích thân đến đón trái lệnh chẳng theo, sai Xa-nặc dắt ngựa trắng trở về, thề mình thành Đạo mới trở về, rồi mặc áo da nai như kẻ điên khùng, ẩn dật chốn núi rừng, siêng năng khổ nhọc sáu năm mới thành Phật mà trở về nước. Đều chẳng thấy người thân, bỗng quên ân cũ xem như người lạ, để mẹ con tôi côi cút một mình. Nay lại sai người về bắt con tôi về với người, tàn khốc nào bằng: Thái tử thành đạo rồi tự nói là từ bi. Đạo Từ bi phải đem an vui cho chúng sinh, nay lại chia rẽ tình mẹ con còn khổ nào hơn, suy ra thì khác nào khổ yêu thương mà phải chia lìa. Nay lại chia rẽ mẹ con thì còn từ bi gì nữa, Ngài hãy đem lời tôi vừa rồi mà trình bày với Phật. Bấy giờ, Đại Mục-kiền-liên dùng đủ mọi cách khuyên can giải thích để Gia-du-đà-la hiểu nhưng nàng dứt khoát không nghe, đành phải từ biệt lui về chỗ vua Tịnh Phạn, trình bày mọi việc cho vua nghe. Vua bèn bảo bà Ma-ha Ba-xà-ba-đề rằng: Con ta Tất-đạt sai Mục-liên

đến đón La-vân về cho vào đạo tu học thánh pháp nhưng Gia-du-đà-la là người ngu si chưa hiểu pháp yếu, tâm ý bền chắc ôm chặt tình ân ái không buông. Khanh nên trở về khuyên can khiến tâm cô ấy ngộ ra. Khi ấy, Di mẫu Phật bèn cùng năm trăm gái hầu tức tốc về cung, ba lần khuyên căn nhưng Gia-du-đà-la vẫn không nghe, thưa rằng: Khi con còn ở nhà, tám vị vua đến tranh cưới nhưng cha mẹ con không chịu. Vì sao? vì Thái tử Thích-ca tài giỏi hơn người nên cha mẹ con gả con cho Thái tử, khi ấy biết mình xuất gia học Đạo sao lại còn cưới con lập làm vương phi, cùng hưởng hoan lạc và nối dõi tông đường làm gì? Thái tử đi rồi sao lại còn bắt La-hầu cho xuất gia học Đạo làm dứt tuyệt dòng vua thì còn nghĩa lý gì? Di mẫu nghe xong thì nín thinh chẳng biết trả lời ra sao. Bấy giờ, Đức Thế tôn liền hóa ra một người ở trên hư không bảo Gia-du-đà-la rằng: Nàng có nhớ lời nguyện xưa chăng? khi ta còn làm Bồ-tát đã đem năm trăm đồng tiền vàng mua năm cành hoa sen của nàng, lúc ấy là thời Phật Định Quang, nàng đã ước hẹn đời đời làm vợ chồng với ta. Ta chẳng muốn thế bèn bảo nàng rằng: Tôi là Bồ-tát nhiều kiếp tu hạnh nguyện vô tướng tất cả chẳng trái ý ai, nàng bằng lòng và chịu làm vợ ta. Nàng thề rằng: Đời đời sinh ra tất cả vợ con thành quách và thân thể tùy chàng cho biếu, không hề hối tâm, sao nay nàng lại mến tiếc La-hầu, không cho xuất gia học đạo Thánh. Nghe xong, Gia-du-đà-la chợt nhớ lại nghiệp nhân đời xưa thì lòng thương con tự nhiên dứt hết. Bèn quì xuống sám hối Mục-liên, dắt La-hầu trao tận tay Tôn giả, rồi ứa nước mắt mà từ biệt con thơ. La-hầu thấy mẹ buồn khổ bèn quỳ xuống thưa rằng: Xin mẹ chớ buồn, con đến thăm Đức Thế tôn rồi lại trở về, gặp mẹ mà thôi. Bấy giờ, vua Tịnh Phạn muốn an ủi làm vui lòng Gia-du-đà-la, bèn nhóm họp các Tiểu vương, các quan đại thần và các nhà giàu sang trong nước, chọn con cháu mình được năm mươi cậu bé cùng La-hầu đến chỗ Phật học đạo. Phật sai A-nan cạo tóc, Xá-lợi-phất làm Hòa-thượng, Mục-kiền-liên làm A-xà-lê trao cho mười giới làm Sa-di. Khi ấy, La-vân cùng năm mươi Sa-di nghe Phật nói về các tội của Phiến-đề-la thì rất sợ sệt. Bèn bạch Phật rằng: Chúng con nghe việc Phiến-đề-la thì rất sợ, vì các bậc Đại Trí Phước Đức đáng nhận thức ăn ngon của người trong nước cúng dường, còn chúng con còn bé ngu si đâu có phước đức mà nhận thức ăn ngon quí cúng dường, nếu nhận thì đời sau sẽ phải chịu tội báo như Phiến-đề-la, nay chúng con xin trở về nhà để khỏi bị tội. Phật bảo các con nay sợ tội mà xin về nhà là không đúng. Vì sao? Ví như có hai người đói khát bỗng gặp người giàu có cho ăn các thức ngon quí, người đói tham ăn quá no. Nhưng trong hai

người có một người trí và một người ngu. Người trí tự biết ăn nhiều quá thì thân thể nặng nề, đi đứng khó khăn liền đến thầy thuốc thì được cho thuốc ma-đàn-đề, uống vào liền nôn ra hết thức ăn hôm qua, sau đó hơ ấm thì khỏi các bệnh mà được sống lâu. Còn người ngu kia không biết do lỗi ăn uống nên giết súc sanh cúng tế quỉ thần cầu cứu mạng, thức ăn trong bụng hôm qua sinh độc khiến phải chết mà đọa địa ngục. Con sợ tội mà trở về nhà thì như người ngu kia. Con trước có gốc lành mà gặp được ta, như gặp thầy thuốc cứu bệnh mà khỏi chết, nay con sao bỏ sáng mà vào tối. La-hầu thưa: Trí tuệ Chư Phật rộng sâu như biển lớn, tâm con như hạt bụi nhỏ đâu thể nhận được trí tuệ của Như lai. Phật bảo như trời mưa giọt sau không nối liền giọt trước nhưng rồi cũng đầy bình lớn. Tu học trí tuệ cũng như thế, bắt đầu từ nhỏ mà cuối cùng thành lớn. Như thế lần lượt sẽ đầy vô lượng bình mà lợi mình, lợi người, gọi là Đại sĩ như ta ngày nay. Nghe xong thì nhóm La-hầu-la mở rộng kiến giải.

Kinh Phổ Diệu nói Phật trở về cung, ngồi trên điện cao. Cù-di dẫn La-vân đến lạy Phật và thăm hỏi. Bấy giờ, các quan quyến thuộc đều nghi ngờ rằng: Thái tử bỏ nước ra đi đã mười hai năm sao lại có con? Phật bảo các quan rằng Cù-di thủ tiết tinh khiết, không chút tì vết. Nếu vua không tin thì sẽ hiện chứng. Bấy giờ, Thế tôn hóa phép các Tỳ-kheo đều giống y như Phật. La-vân lúc đó bảy tuổi. Cù-di trao cho chiếc vòng ấn tín bảo con hãy đem đến cho cha con, thì La-vân liền đem vòng đến đúng Đức Phật. Vua và các quan đều mừng rỡ khen lành thay, thật là con Phật. Phật bảo vua và các quan từ nay chớ có ngờ vực. Đây là con ta do ta hóa ra, chớ trách lỗi Cù-di. Vua bèn chứng đạo, Cù-di cũng trì giới tịnh tu phạm hạnh.

Luật Di-sa-tắc nói: Phật đến cung vua Tịnh Phạn. Lúc đó, mẹ của La-hầu-la dắt con lên lầu cao, xa thấy Phật đến liền hỏi con thấy Sa-môn ấy chăng? Đáp rằng thấy, lại nói đó là cha con hãy đến xin Phật cho con tài sản còn lại của cha. Phật vào cung ngồi giữa sân. La-hầu-la chạy xuống lễ Phật và núp dưới bóng Phật rất thích, xin Phật cho con tài sản còn lại của cha. Phật hỏi con có muốn được chăng? Đáp rằng muốn được, rồi Phật dắt về bảo Xá-lợi-phất độ cho thọ giới làm Sa-di. Vua Tịnh Phạn nghe Phật độ cho La-hầu-la thì rất buồn khổ đến chỗ Phật bảo rằng: Phật xưa đi xuất gia còn có Nan-đà nên ta không buồn khổ như nay. Nay Nan-đà đã xuất gia rồi, tình yêu gởi hết vào đứa bé này. Nay nó lại xuất gia thì dòng họ từ nay dứt mất. Phật bảo: Tỳ-kheo nào độ trẻ em mà cha mẹ không cho thì không được xuất gia. Phật bèn nói pháp cho vua Tịnh Phạn nghe rồi nhóm họp Tỳ-kheo đặt ra điều cấm

trên.

Tăng Hữu xét thấy: Luật này nói việc La-hầu-la xuất gia khác xa với kinh Vị Tằng Hữu. Vì lúc đó tình cảm bất đồng nên có hai thuyết khác nhau như thế. Tăng Hữu xét thấy: Dòng họ Thích ân nặng khắp thấm tuy pháp tục có khác nhưng chỗ được Đạo thì đồng. Nan-đà bỏ tục theo Đạo, La-vân bỏ ngôi mà học pháp, chiên-đàn vây quanh, rồng voi thành bầy, không thân không sơ, tùy chỗ đáng độ mà độ. Chỗ tốt đẹp của Đấng Điều Ngự có thể thấy ở chỗ này.

■

GIA PHẢ PHẬT THÍCH-CA

QUYỂN 3

----

19. CHUYỆN VỀ TINH XÁ TRÚC VIÊN CỦA ĐỨC THÍCH CA

(Xuất xứ từ Luật Đàm-vô-đức)

Vua nước Ma-kiệt là Bình Sa nghĩ rằng khi Phật đến ở thì phải bố thí làm Tăng-già-lam. Bấy giờ, trong thành Vương xá có vườn trúc Ca-lan-đà là khu vườn đẹp nhất nước. Lúc đó, Phật biết ý vua bèn đến vườn trúc. Vua từ xa nhìn thấy Đức Thế tôn đến liền xuống voi, lấy nệm xếp thành bốn tầng thỉnh Phật đến ngồi. Phật ngồi xong, vua lấy bình vàng đựng nước thơm trao cho Phật, bạch rằng: Ở thành Vương xá có vườn trúc Ca-lan-đà đây là khu vườn bậc nhất, nay kính dâng lên Phật, xin Phật từ bi nạp thọ. Phật nói: Vua hiến khu vườn này cho Phật và Tăng bốn phương, nếu là vật sở hữu của Phật như phòng nhà, y bát, v.v... thì tất cả trời, người, ma phạm, Sa-môn, Bà-la-môn không thể dùng được, đều phải cung kính như chùa tháp. Đúng như lời Phật nói, nay con hiến cúng vườn trúc này lên Phật và Tăng bốn phương, xin từ bi nạp thọ. Lúc đó, Đức Thế tôn nói kệ khuyên dạy vua Bình-sa. Rồi chọn thợ giỏi mà xây cất điện đường, phòng xá, lầu gác và trang hoàng thật đẹp đẽ. Chung quanh có đào ao hồ, suối giếng, bến cầu. Mong Phật và chúng tăng sử dụng để chúng con được phước vô lượng.

20. CHUYỆN VỀ TINH XÁ KỲ HOÀN CỦA PHẬT

(Xuất xứ từ kinh Hiền Ngu).

Ba-tư-nặc là vua nước Xá-vệ có một vị Đại thần tên là Tu-đạt, nhà giàu có tiền của vô số, thích bố thí cứu giúp cho người nghèo thiếu, các cô nhi và người già cả cô độc. Do đó người đời đặt tên là Cấp Cô Độc. Lúc ấy, Trưởng giả Tu-đạt có bảy người con trai tuổi đã lớn khôn lần lượt cưới vợ đến người thứ sáu. Riêng người con trai thứ bảy thì rất khôi ngô ông rất thương yêu và muốn cưới cho một cô gái xinh đẹp nhất. Liền bảo các Bà-la-môn rằng: Quí vị thấy ai có con gái đẹp nhất xin cho biết để tôi đến cưới cho con. Các Bà-la-môn bèn đi hành khất tìm kiếm và đến thành Vương xá. Trong thành, có một đại thần tên là Hộ Di, giàu có vô lượng, lại kính tin Tam Bảo. Lúc đó Bà-la-môn bèn đến nhà xin ăn. Theo phép bố thí trong nước thì phải có cô gái trẻ cầm vật mà bố thí. Trưởng giả Hộ Di có một cô con gái nhan sắc tuyệt đẹp, bèn bảo đem thức ăn ra bố thí cho Bà-la-môn. Bà-la-môn thấy rồi thì lòng rất vui mừng bảo người ta tìm nay đã thấy. Bèn hỏi cô gái: Đã có người đến cầu hôn chưa, thì đáp là chưa. Hỏi: Cha cô còn không thì đáp là còn. Bà-la-môn bảo cô gái mời cha ra gặp tôi có việc muốn nói. Khi người cha ra gặp, vị Bà-la-môn chào hỏi xong bèn nói vua nước Xá-vệ có một vị đại thần Thừa tướng tên là Tu-đạt, giàu có bậc nhất, như Ngài có một cậu con trai út rất oai dũng, khôi ngô nhiều tài, muốn cưới con gái Ngài có được hay không, người cha đáp có thể được. Vị Bà-la-môn bèn viết thư nhờ một lái buôn đem về trao cho Tu-đạt trình bày mọi việc. Tu-đạt rất vui mừng đến nhờ vua cưới vợ cho con. Vua bằng lòng. Liền chở châu báu đến thành Vương xá, dọc đường cũng bố thí giúp đỡ kẻ nghèo thiếu. Rồi vào thành Vương xá đến nhà của Hộ Di để cầu hôn. Khi đến nơi thì Hộ Di mừng rỡ đón tiếp mời nghỉ đêm. Sáng ra thì tổ chức tiệc tùng thật linh đình. Tu-đạt bèn hỏi đây chắc là mời vua đại thần, quan khách và những người thân thích dự hôn lễ phải chăng, thì nói rằng không phải, chúng tôi thỉnh Phật và các Tỳ-kheo tăng. Tu-đạt nghe nói bỗng trong lòng rất vui mừng, hỏi Phật là ai xin cho biết. Trưởng giả Hộ Di nói: Ngài chẳng nghe con vua Tịnh Phạn tên là Tất-đạt. Ngày vị ấy sinh ra có nhiều điềm lành, có ba mươi hai muôn vị thần hộ vệ, đi bảy bước chỉ tay mà nói trên trời, dưới thế gian chỉ có ta là tôn quí nhất, thân mầu vàng ròng, ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp đáng làm vua Kim luân trị vì bốn thiên hạ. Thấy khổ sinh, già, bệnh, chết không thích ở nhà, mà xuất gia tu đạo, sáu năm khổ hạnh, được

Nhất thiết trí, kiết sở hết mà thành Phật, hàng phục mười tám ức muôn các ma, hiệu là Năng Nhân, mười lực vô úy, mười tám bất cộng, ánh sáng chiếu rực rỡ ba đạt soi sáng nên gọi là Phật. Tu-đạt hỏi thế nào là Tăng? Hộ di đáp: Phật thành Đạo rồi, phạm thiên khuyến thỉnh xoay bánh xe pháp, nên Phật đến vườn Nai nước Ba-la-nại xoay bánh xe bốn chân đế cho năm anh em Câu-lân, lậu hết kiết mở mà thành Sa-môn, sáu thông đầy đủ, bốn ý bảy giác tám Đạo đều luyện, trên hư không tám muôn các vị trời được quả Tu-đà-hoàn, vô lượng trời người phát Vô thượng Đạo ý. Kế độ cho anh em Uất-bệ Ca-diếp có cả ngàn người, được lậu hết ý giải, giống như năm vị trước. Kế đến Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên gồm năm trăm đồ chúng cũng được độ mà được Chân Ứng. Các vị ấy thần túc tự tại có khả năng làm ruộng phước cho chúng sinh, nên gọi là Tăng. Tu-đạt nghe việc hay như thế thì vô cùng mừng rỡ và kính tin, mong trời mau sáng để được gặp Phật. Vì quả thành khẩn nên thần ứng hiện đất sáng, bèn lần theo ánh sáng mà đi thì đến thành La-duyệt. Cửa thành này đêm mở ba lần: đầu hôm, nửa đêm và gần sáng. Nửa đêm ra khỏi thành thấy có đền trời thì đến lạy, bỗng quên niệm Phật thì tâm mắt thấy tối đen. Tự nghĩ đêm nên tối đen, nếu ta đi đến thì sẽ bị ác quỉ thú dữ làm hại. Bèn vào thành mà đợi sáng rồi sẽ đến. Có người bạn thân chết rồi sinh lên cõi trời Tứ Thiên, thấy ông muốn hối hận thì bảo rằng: Cư sĩ chớ hối ông đến gặp Phật sẽ được lợi ích vô lượng, dẫu được trăm xe đầy châu báu cũng không bằng một lần đến chỗ Phật thì được lợi hơn nhiều. Cư sĩ chớ hối hận, nếu có được châu báu đầy bốn thiên hạ cũng không bằng một lần đến chỗ Phật thì lợi hơn nhiều gấp trăm ngàn muôn lần hơn. Tu-đạt nghe vị trời nói thế thì càng vui mừng kính tin Đức Thế tôn. Trời tối liền sáng, bèn tìm đường đến chỗ Thế tôn. Khi ấy, Đức Thế tôn biết Tu-đạt đến bèn ra ngoài đi kinh hành. Tu-đạt từ xa trông thấy Đức Thế tôn như núi vàng oai nghiêm rực rỡ gấp ngàn muôn lần lời Hộ-di miêu tả, thì không biết lễ nghi bèn chạy đến hỏi không biết Cù-đàm ở đâu, Đức Thế tôn bèn mời ông ngồi ghế. Bấy giờ, trời Thủ-đà-hội ở xa thấy Tu-đạt tuy gặp Thế tôn mà không biết lễ bái cúng dường, bèn hóa thành bốn người sắp thành hàng đến lễ bái Đức Thế tôn mà thăm hỏi, đi nhiễu bên phải ba vòng rồi đứng sang một bên. Bấy giờ, Tu-đạt thấy thế bèn nghĩ pháp cung kính phải như thế, liền làm y như bốn người kia. Phật bèn nói pháp cho nghe bốn Đế mầu nhiệm, khổ không vô thường. Nghe pháp vui mừng liền nhễm thánh pháp mà thành Tu-đà-hoàn. Ví như bông gòn trắng sạch dễ nhuộm mầu. Bèn quì xuống chấp tay hỏi Phật trong thành

Xá-vệ người nghe pháp dễ nhiễm như con có hay không? Phật bảo ít có ai như ông. Trong thành Xá-vệ phần nhiều đều tin tà, khó nhiễm Thánh giáo. Tu-đạt nói cúi mong Đức Thế tôn hãy đến xá-vệ khiến chúng sinh ở đấy bỏ tà theo chánh. Thế tôn bảo pháp xuất gia khác với thế tục nên chỗ ở cũng có khác. Ở đó không có tinh xá làm sao đến được. Tu-đạt thưa đệ tử xin xây cất, Đức Thế tôn im lặng chấp nhận. Tu-đạt bèn từ giã Phật, lo việc cưới vợ cho con. Xong việc liền đến Bạch Đức Thế tôn: con về nước sẽ xây cất tinh xá, nhưng không biết cách thức, xin Thế tôn sai một vị biết rõ cùng đi với con. Đức Thế tôn suy nghĩ ở thành Xá-vệ có nhiều Bà-la-môn tin theo khiến chấp tà Đảo, chỉ có xá-lợi là dòng dõi Bà-la-môn, lại thông minh thần túc gồm đủ, đi sẽ có lợi, bèn sai đi với Tu-đạt. Tu Đạt hỏi Thế tôn một ngày đi mấy dặm. Xá-lợi-phất nói mỗi ngày đi nửa do-tuần cũng bằng với vua Chuyển Luân. Tu-đạt bèn ở trên đường cứ hai mươi dặm thì lập một nhà dừng chân, chứa đủ đồ ăn thức uống cho người coi ngó. Ông và Xá-lợi-phất từ thành Vương xá trở về nhà mình ở nước Xá-vệ tìm xem chỗ nào đất đai bằng phẳng rộng rãi thì xây tinh xá. Đi khắp nơi vẫn không có chỗ nào vừa ý. Chỉ có khu vườn của Thái tử Kỳ-đà đất đai bằng phẳng, cây cối xinh tươi. Xá-lợi-phất nói ở đây có thể xây cất tinh xá, nếu ở cách khu dân cư xa quá thì đi khất thực sẽ khó, nếu ở gần quá thì ồn ào khó hành đạo. Tu-đạt vui mừng bèn đến chỗ Thái tử nài mua khu vườn để xây cất tinh xá cúng dường Phật. Thái tử nói ta không thiếu tiền, khu vườn này đẹp đẽ dùng để tiêu dao dưỡng chí, giá cao lắm ông không mua nổi đâu. Nếu ông đem vàng ròng lót kín hết đất thì ta bán cho. Tu-đạt nói tôi chịu giá ấy. Thái tử nói ta chỉ nói chơi thôi. Tu-đạt nói Thái tử nói lời dối gạt làm sao nối ngôi mà trị nước. Tu Đạt muốn kiện ra triều đình. Bấy giờ, trời Thủ-đà-hội muốn xây cất tinh xá cúng dường Phật, sợ các đại thần bênh vực Thái tử liền hóa thành một người phê bình rằng Thái tử không được nói dối, đã hứa thì không rút lời, rồi quyết đoán như thế. Tu-đạt vui mừng sai người đem voi chở vàng đến, tám mươi chỗ đã đầy vàng chỉ còn một ít đất. Tu-đạt suy nghĩ nên lấy vàng ở kho nào mà không dư không thiếu. Kỳ-đà hỏi giễm rằng: Sợ đắt quá phải không? Đáp: không phải, mà là tôi đang lựa ở kho vàng nào cho tiện lợi. Kỳ-đà nghĩ Phật phải là người có Đức lớn lắm nên khiến người này coi thường vàng bạc. Bèn bảo: thôi đủ rồi đừng lấy vàng nữa, đất vườn thuộc ông, còn cây thuộc ta, cùng xây cất tinh xá mà cúng dường Phật, Tu-đạt bằng lòng. Nhóm sáu vị giáo chủ ngoại đạo nghe việc bèn tâu vua rằng: Trưởng giả Tu-đạt mua khu vườn của Thái tử Kỳ-đà để xây cất tinh xá cho Sa-

môn Cù-đàm. Vậy nay cho đồ chúng của họ thi tài với các Sa-môn, nếu họ thắng thì được xây cất, nếu không thắng thì thầy trò Sa-môn Cù-đàm về ở tại thành Vương xá, còn thầy trò chúng tôi ở đây. Vua gọi Tu-đạt đến cho biết sự việc trên. Tu-đạt về nhà áo quần xốc xếch mặt mày buồn khổ, lo rầu. Sáng hôm sau, Xá-lợi-phất đắp y mang bát đến thấy Tu-đạt không vui bèn hỏi duyên cớ. Tu-đạt kể lại việc nhóm sáu vị giáo chủ ngoại đạo đòi thi tài, nếu thắng mới được xây cất tinh xá. Xá-lợi-phất nói nhóm sáu vị giáo chủ ngoại đạo khắp Diêm-phù-đề số đông như tre trúc, không thể đụng đến chân lông của tôi, nay muốn thi tài thì lo gì. Tu-đạt mừng rỡ tâu vua tổ chức thi tài. Nhóm sáu vị giáo chủ ngoại đạo bảo người trong nước bảy ngày nữa ở ngoài thành trên bãi đất rộng sẽ thi tài với thầy trò Cù-đàm. Trong thành Xá-vệ có mười tám ức người. Nước này có thông lệ nghe đánh trống thì phải nhóm họp, như đánh trống đồng thì có mười hai ức người nhóm họp, đánh trống bạc thì có mười bốn ức người nhóm họp, đánh trống vàng thì tất cả đều nhóm họp. Đến ngày hẹn thì đánh trống vàng nhóm họp mọi người. Nhóm sáu vị giáo chủ ngoại đạo có ba ức muôn người. Có hai tòa cao, một bên dành cho vua và nhóm sáu vị, một bên dành cho Tu-đạt và Xá-lợi. Bấy giờ, Xá-lợi-phất đang ngồi nhập định dưới một gốc cây, nghĩ rằng hội này mọi người đều quen thói tà đã lâu, kiêu mạn tự cao, phải dùng ba đức mà hàng phục, thệ rằng nếu con từ vô số kiếp đến nay đã từ hiếu với cha mẹ, kính trọng Sa-môn, Bà-la-môn, v.v... thì cho con khi mới vào hội tất cả mọi người sẽ kính lễ con. Bấy giờ, sáu vị thấy chúng đã nhóm họp, chỉ có Xá-lợi-phất là chưa đến thì cho là Xá-lợ-phất sợ, bèn lên tâu vua. Vua hỏi Tu-đạt đệ tử Cù-đàm bỏ cuộc rồi ư? Ngay lúc ấy Xá-lợi-phất y phục ngay ngắn, Ni-sư-đàn vắt trên vai trái hùng dũng như sư tử đầu đàn đi vào hội trường. Mọi người thấy dáng vẻ uy nghiêm pháp phục khác lạ cả thầy trò sáu vị giáo chủ đều bất giác đứng dậy kính chào. Bấy giờ, Xá-lợi-phất bay lên đài cao, sáu vị giáo chủ có đệ tử tên là Lao Độ Sai, biết ảo thuật, ở trước đại chúng đọc chú hóa ra một cây to cành lá sum suê che mát cả chúng hội, có hoa quả rất lạ, mọi người đều khen ngợi. Khi ấy, Xá-lợi-phất dùng thần lực tạo ra gió, gió núi nổi lên lập tức thổi bật gốc cây ấy nát ra thành bụi. Chúng càng ngợi khen sẽ thắng. Lao Độ Sai hiến ra một cái ao bốn bên đều có bảy báu, trong ao có các hoa đẹp. Xá-lợi-phất bèn hóa thành một con voi trắng sáu ngà, mỗi ngà đều có bảy hoa sen, trên mỗi hoa có bảy ngọc nữ, Voi ấy đến bờ ao hút hết nước thì ao biến mất. Mọi người đều khen Xá-lợi-phất thắng rồi. Lao Độ Sai lại hóa ra một ngọn núi bảy báu rất trang

nghiêm, ao suối cây cỏ hoa trái sum suê. Xá-lợi-phất bèn hóa thành Kim Cương Lực Sĩ dùng chày kim cương ở xa mà chỉ thì núi ấy liền sụp đổ tan tành. Lao Độ Sai lại biến ra một con rồng dữ mình có mười đầu bay trên hư không rải xuống các vật báu như mưa, sấm chớp vang động làm mọi người sợ hãi. Xá-lợi-phất bèn hóa thành một con chim cánh vàng đầu đàn bay lên mổ ăn rồng ấy. Lao Độ Sai lại hóa thành một con trâu khổng lồ rất khỏe mạnh chỉa ra đôi sừng bén nhọn, đào đất rống to, chạy nhảy ở trước, Xá-lợi-phất bèn hóa ra một con sư tử đầu đàn đến xé xác trâu to. Lao Độ Sai lại biến thân mình thành quỉ Dạ-xoa thân hình to lớn trên đầu lửa cháy, mắt đỏ như máu, móng răng dài bén nhọn, miệng phun lửa rượt chạy khắp nơi. Xá-lợi-phất bèn hóa thân mình thành thiên vương Tỳ-sa-môn, Dạ-xoa trông thấy sợ hãi liền bỏ chạy, bốn bề lửa dậy không có chỗ thoát thân, chỉ có chỗ của Xá-lợi-phất thì mát mẻ không có lửa. Bèn khuất phục được mà lạy sát đất xin tha mạng. Nhục tâm đã sinh thì lửa liền tắt. Mọi người đều khen ngợi Xá-lợi-phất là người thắng cuộc. Bấy giờ, Xá-lợi-phất bay lên hư không hiện bốn oai nghi đi đứng ngồi nằm, hoặc trên thân phun ra nước, dưới thân phun ra lửa, Đông lặn thì hiện ra ở Tây, Bắc mất thì hiện ra ở Nam, hoặc hiện thân lớn đầy khắp hư không, hoặc hiện thân rất nhỏ, hoặc một thân hiện ra trăm ngàn muôn ức thân, hoặc thân đi qua đất nước, gồ đá, v.v... đại chúng thấy thần lực như thế đều vui mừng khen ngợi. Bấy giờ, Xá-lợi-phất tùy cơ nói pháp, tùy bản hạnh túc duyên mà giúp cho đều được đạo tích, hoặc Tu-đà-hoàn, hoặc Tư-đà-hàm cho đến A-la-hán. Nhóm sáu vị giáo chủ ngoại đạo và ba ức đệ tử đều xin xuất gia học Đạo, bốn chúng đều về chỗ của mình. Bấy giờ, Trưởng giả Tu-đạt cùng Xá-lợi-phất đến khu vườn đo đạc tính toán. Xá-lợi-phất mỉm cười. Tu-đạt hỏi lý do, Xá-lợi-phất nói: Trong sáu tầng trời trời cõi Dục cung điện đã thành Tu-đạt hỏi trong sáu tầng trời cõi Dục thì tầng trời nào vui nhất? Xá-lợi-phất đáp: ba cõi trời dưới thì sắc dục sâu dày còn hai cõi trời trên thì kiêu mạn, mặc tình vui chơi. Chỉ có cõi trời thứ tư thì thường có một vị Bồ-tát Nhất sinh bổ xứ sinh ở đời sau pháp huấn không dứt. Tu-đạt nói con sẽ được sinh lên tầng trời thứ tư. Nói xong thì các cung điện kia đều biến mất chỉ còn cung điện ở cõi tầng trời thứ tư. Bấy giờ, Xá-lợi-phất lại có sắc buồn. Hỏi lý do thì đáp: Ông có thấy các con kiến dưới đất trong khu vườn chăng? Đáp: có. Xá-lợi-phất nói ở quá khứ thời Phật Tỳ-bà-thi, tại khu đất này ông cũng đã xây cất tinh xá cho Đức Phật ấy, các con kiến này cũng đã sinh trong thời ấy. Đến thời Phật Thi-khí, thời Phật Tỳ-xá-phù, thời Phật Câu-lưu-tôn, thời Phật Ca-na-hàm-mâu-ni, thời Phật Ca-

diếp, v.v... thì ông cũng ở trên đất này mà xây cất tinh xá cho các Đức Phật ấy và các con kiến ấy cũng lại sinh ra trong các thời Phật ấy và ở đấy. Cho đến nay đã chín mươi mốt kiếp rồi mà vẫn là thân kiến chưa được giải thoát. Sinh tử dài lâu, chỉ có phước là chẳng thể không gieo trồng. Tu-đạt nghe xong cũng rất thương xót. Đo đạc xong thì xây cất phòng xá cho Phật và một ngàn hai trăm năm mươi Tỳ-kheo cư trú. Tu-đạt liền tâu vua thỉnh Phật đến ngự. Vua bèn sai Sứ đến thành thỉnh Phật và tăng chúng. Bấy giờ, Phật dẫn bốn chúng phát ra ánh sáng rực rỡ chấn động trời đất mà lên đường về nước Xá-vệ, trên đường đi gặp nhà dừng thì tạm nghỉ rồi độ vô số người. Khi Phật về đến còn ở ngoài thành thì mọi người nhóm họp đem vật cúng dường đến dâng lên Thế tôn và chúng Tăng. Phật phát ra ánh sáng rực rỡ chiếu suốt Tam thiên Đại thiên thế giới, dùng ngón chân ấn xuống đất thì mặt đất rung chuyển, trong thành chuông trống tự kêu, nhạc tự trỗi. Kẻ mù thấy được, người điếc nghe được, người câm nói được, kẻ què đi được, các bệnh đều dứt hết. Mọi người nam nữ già trẻ thấy các điềm lành đều vui mừng đến chỗ Phật, mười tám ức người. Bấy giờ, Đức Thế tôn tùy bệnh cho thuốc, tùy cơ nói pháp mầu. Người có duyên đời trước đều được dấu Đạo, hoặc quả chứng Tu-đà-hoàn, hoặc Tư-đà-hàm, hoặc A-na-hàm, hoặc A-la-hán, có người gieo nhân Bích-chi Phật, có người phát Đạo ý chánh chân Vô thượng, thảy đều vui mừng vâng làm. Phật bảo A-nan rằng: Khu vườn này Tu-đạt đã mua, cây cỏ hoa lá là của hai vị đồng tâm xây dựng tinh xá, nên gọi là vườn cây Kỳ-đà đất Cấp Cô Độc, hay vườn Kỳ thọ Cấp Cô Độc, truyền mãi đến đời sau.

Kinh Tạp A-hàm nói: Trưởng giả Cấp Cô Độc bị bệnh, Phật đến thăm, thọ ký rằng: Sẽ chứng được quả A-na-hàm, khi chết rồi thì được sinh lên trời Đâu-suất làm Thiên tử, tự nghĩ rằng: Ta ở đây không lâu phải đến gặp Thế tôn, bèn trong phút chốc ở trời Đâu-suất mà hiện trước Phật, lễ Phật xong, liền phát ra ánh sáng rực rỡ chiếu khắp vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc mà nói kệ khen ngợi rồi biến mất.

Tăng Hữu xét thấy: Chỗ ở dứt tâm gọi là tinh xá. Trúc Lâm, Kỳ Thọ là các tinh xá đầu tiên, từ đó mà nối truyền xây dựng cho đến ngày nay. Còn việc Tu-đạt được quả mầu thì có thể thấy rõ ràng.

21. CHUYỆN VỀ THÁP THỜ MÓNG TÓC CỦA PHẬT THÍCH CA

(Xuất xứ từ Luật Thập Tụng).

Phật đến các nước rất lâu mà không trở về, Tu-đạt nhớ Phật muốn

gặp. Bèn bạch Đức Thế tôn rằng: Cho con ít vật để thường cúng dường. Phật bèn cho ít tóc và móng tay. Bạch Phật: Con xin xây tháp thờ. Phật nói: được. Lại bạch Phật: Cho con làm mái che, đặt lan can dùng lụa màu, vẽ nhiều màu trang trí các thứ trang nghiêm. Phật đều chấp thuận.

22. CHUYỆN VỀ BỐN NGÔI THÁP THỜ PHẬT THÍCH CA TRÊN CÕI TRỜI

(Xuất xứ từ Tập Kinh Sao)

Ở cõi trời Đao-lợi về phía thành Đông trong vườn Chiếu Minh có tháp thờ tóc Phật, ở phía Nam thành trong vườn Thô sáp có tháp thờ y Phật, ở phía thành Tây trong vườn Hoan hỷ có tháp thờ bát Phật, ở phía thành Bắc trong vườn Giá ngự có tháp thờ răng Phật luận Đại Trí nói: Trời Đế Thích lấy tóc Bồ-tát ở ngoài cửa thành Đông mà xây tháp thờ tóc. Lại lấy bảo y của Bồ-tát mà ở ngoài cửa thành Đông xây tháp thờ y.

Tăng Hữu xét thấy: Ở cõi người có bốn ngôi tháp lớn. Tháp ghi nhớ chỗ sinh ở nước Ca-tỳ-la-vệ (vườn Lâm-tỳ-ni). Tháp ghi nhớ chỗ thành Đạo ở nước Ma-kiệt-đề. Tháp ghi nhớ xoay bánh xe pháp là vườn Nai ở nước Ba-la-nại. Tháp ghi nhớ nhập Niết bàn ở nước Câu-di-na-kiệt.

Tăng Hữu xét thấy: Bậc chí nhân ở đời làm lợi ích rộng lớn thì tóc móng y bát đều là pháp sự, nên lập chùa tháp mà rộng độ trời người, đây là nguồn gốc xây tháp không phải chỉ là để tán thân mà thôi.

23. VUA ƯU ĐIỀN TẠO TƯỢNG GỖ PHẬT THÍCH CA BẰNG CHIÊN ĐÀN

(Xuất xứ từ kinh Tăng Nhất A-hàm)

Thích Đề Hoàn Nhân thỉnh Phật lên tầng trời ba mươi ba nói pháp cho mẹ nghe, Đức Thế tôn nghĩ rằng: bốn bộ chúng phần nhiều lười biếng chẳng thích nghe pháp. Nay ta khiến bốn chúng khát ngưỡng đối với pháp mà chẳng bảo bốn chúng đến hầu hạ ta. Liền nhanh chóng bay lên tầng trời ba mươi ba. Lúc đó, ở cõi người không thấy Đức Thế tôn rất lâu. Bấy giờ, vua Ưu-điền đến chỗ A-nan hỏi rằng: Như lai hiện đang nay ở đâu? A-nan đáp hiện giờ tôi cũng chẳng biết ở đâu. Vua Ưu-điền, vua Ba-tư-nặc đều nghĩ nhớ Như lai nên rất buồn khổ. Bấy giờ,

vua bảo: Các thợ giỏi trong nước rằng: Ta muốn tạc tượng Như lai. Rồi vua Ưu-điền bèn dùng gỗ ngưu đầu chiên đàn mà tạc tượng Như lai cao năm thước.

24. VUA BA TƯ NẶC TẠO TƯỢNG PHẬT THÍCH CA BẰNG VÀNG

(Xuất xứ từ kinh Tăng Nhất A-hàm).

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc nghe vua Ưu-điền tạo tượng Như lai để cúng dường thì liền cho vời các thợ giỏi trong nước, bèn tự nghĩ nên dùng chất báu nào làm tượng. Thân Như lai như mầu vàng ròng. Do đó vua Ba-tư-nặc bèn dùng vàng ròng mà tạc tượng Như lai.

Từ đó, cõi Diêm-phù-đề có hai thứ tượng Như lai.

25. EM VUA A DỤC XUẤT GIA TẠO TƯỢNG PHẬT THÍCH CA BẰNG ĐÁ

(Xuất xứ từ kinh Cầu Ly Lao Ngục).

Em vua A-dục tên là Thiện Dung vào núi đi săn thấy các Phạm Chí để trần truồng, cầu thành thần tiên, hoặc ăn lá cây, hoặc hít thở không khí, hoặc nằm trên tro dơ, hay trên gai gốc v.v... làm các thứ khổ hạnh để cầu phước trời, thân hình khổ sở mà không được gì. Thiện Dung hỏi các Phạm Chí hành đạo ở đây có khó khăn gì mà việc không thành. Các Phạm Chí đáp: Ở đây thường có bầy nai tụ tập động dục, chúng tôi nhìn thấy bị động tâm, không thể tự chế. Bấy giờ, Thiện Dung có ý nghĩ xấu rằng: Các Phạm Chí ở đây hít thở không khí thân hình tiều tụy, khí lực suy kém, cũng còn có dâm dục khó có thể dứt trừ huống chi là các Thích tử Sa-môn ăn uống thơm ngon đầy đủ, nằm giường cao rộng, ướp hoa xông hương thì chẳng lẽ không dâm dục. Vua A-dục nghe em thắc mắc thì lòng rất lo buồn: Ta chỉ có một người em trai duy nhất lại sinh tà kiến sợ rằng sẽ bị đọa lạc chốn mê. Ta phải tìm cách dẹp bỏ ý nghĩ xấu ác ấy. Liền trở về cung khuyên các kỹ nữ phải trang điểm thật đẹp đến chỗ Thiện Dung mà đùa vui. Vua ra lệnh cho các đại thần rằng: Khi ta ra lệnh thì các ngươi giết chết Thiện Dung. Các quan can ngăn nên đợi bảy ngày nữa. Khi Thiện Dung đùa vui với các kỹ nữ không bao lâu thì vua bỗng đích thân đến hỏi Thiện Dung rằng: Thê thiếp của ngươi, ngươi tự do đùa giỡn, nay sao dám xâm phạm đến kỹ nữ của ta. Bèn giận dữ bảo các đại thần rằng: Ta không già yếu cũng không bị giặc

trong ngoài xâm phạm, ta cũng nghe ngạn ngữ xưa có nói: Hễ là người có phước thì bốn biển đều qui phục. Nếu phước hết đức mỏng thì tay chân trái nhau. Nay ta tự xét chưa có biến này, nhưng em ta là Thiện Dung lại dụ dỗ kỹ nữ hầu thiếp của ta mà mặc tình đùa vui, xem như không có ta. Vậy hãy đem ra chợ mà chém bỏ. Các Đại thần can ngăn rằng: Vua chỉ có một người em trai, lại không có người nối dõi. Xin vua hoãn lại bảy ngày hãy hành quyết. Vua chấp thuận và gia ân cho Vương tử hãy ăn mặc giống ta, vào cung ta mà tự do đùa chơi với các kỹ nữ của ta. Lại sai một vị đại thần mặc áo giáp, mang gậy đeo kiếm bén, mỗi ngày đến nhắc nhở Thiện Dung rằng: Hạn kỳ là bảy ngày, Ngài hãy cố gắng vui chơi năm dục, sau chết rồi có tiếc cũng vô ích. Nay một ngày đã qua còn sáu ngày nữa. Cứ thế nhắc mãi còn năm, còn bốn v.v... Đến ngày thứ bảy vua sai Sứ hỏi Hoàng đệ ý chí ham vui năm dục thế nào? Thiện Dung đáp: Không cảm thấy gì là vui cả. Vua hỏi: Sao mặc áo ta, vào cung ta, ăn thức ăn ngon, tự do vui thú với kỹ nữ của ta lại bảo là không cảm thấy gì là vui? Hoàng đệ nói: Người bị tội chết tuy chưa chết nhưng nào có khác gì đã chết, còn tình ý gì với vui năm dục nữa. Vua nói: Nói sao ngu thế, nay ông một thân lo liệu trăm thứ, một thân chết rồi đối với dục chẳng vui, huống chi là các Sa-môn Thích tử lo lắng ba đời, một thân chết rồi lại chịu thân khác, trăm kiếp ngàn đời các thân chịu khổ, vô lượng nạn tai sầu khổ, tuy ra làm người đua tranh với người, hoặc sinh vào nhà nghèo hèn thiếu thốn, cho đây là khổ sở bèn xuất gia hành Đạo mà cầu vô vi để độ đời. Nếu không siêng năng thì nhiều kiếp lại bị khổ sở. Bấy giờ, Hoàng đệ Thiện Dung tâm khai ý giải, liền thưa với vua rằng: Nay được vua chỉ dạy mới được tỉnh ngộ, sinh già bệnh chết thật đáng nhàm chán sợ hãi, lo âu khổ não trôi giạt mãi mãi không dừng. Xin Đại vương cho em vì đạo cẩn thận tu hành. Vua nói “thật biết đúng lúc”. Hoàng đệ từ giã vua xuất gia làm Sa-môn, giữ gìn giới cấm ngày đêm siêng năng chứng được quả A-la-hán, sáu thông trong suốt không quái ngại.

Truyện A-dục Vương nói: Vua A-dục nghe em được Đạo thì rất vui mừng, cúi đầu kính lễ xin cúng dường mãi mãi. Người em đã nhàm chán cuộc đời đau khổ, chẳng ưa thích cõi nhân gian thề nương chốn núi rừng mà nuôi mạng sống thừa. Vua A-dục bèn khiến quỉ thần ở trong thành tạo ra núi, ao, suối cấm người ngoài tới lui. Bèn theo lệnh vua mà tạo một pho tượng đá thân cao trượng sáu, để trong hang núi mà cúng dường. Núi và tượng ấy ngày nay vẫn còn.

Tăng Hữu xét thấy: Vẽ tượng đầu tiên xuất phát từ Giác Chế, bấy

giờ tượng vàng đá và gỗ thơm đúc khuôn chạm khắc điều nhiều và đẹp, dáng vẻ lại giống với tượng do Ưu-điền tạo ra và thần lực hóa ra.

26. CHUYỆN PHẬT THÍCH CA LƯU LẠI ẢNH HÌNH TẠI HANG ĐÁ

(Xuất xứ từ kinh Quán Phật Tam-muội).

Bấy giờ, vua thỉnh Phật vào thành. Long vương giận dữ bảo rằng: Ngươi đoạt lợi của ta thì ta sẽ tiêu diệt nước ngươi. Phật bảo vua nên về nước trước. Phật tự biết lúc, rồi vì Long vương và nữ La-sát mà nói ba qui y, năm giới cấm thì đều rất vui mừng. Quyến thuộc Long vương trăm nghìn các rồng đều từ ao bay lên. Phật khiến Mục-liên trao cho giới pháp. Bấy giờ, Long vương bạch Phật rằng: Xin Đức Thế tôn thường ở chốn này nếu không ở đây thì chúng con khởi tâm ác sẽ không do đâu mà thành Đạo. Hết lòng xin lưu lại thần thức mãi ở chốn này. Lúc đó, Phạm Thiên vương và trăm ngàn các Phạm cũng đến khuyến thỉnh rằng: Xin vì tất cả chúng sinh chớ không riêng vì một loài rồng ở đây. Phật mỉm cười miệng phát ra ánh sáng, vô lượng hóa Phật và Bồ-tát làm người hầu. Long vương ở trong ao dâng đài bảy báu lên Như lai. Phật nói ta, không cần đài này, ngươi chỉ cần lấy hang đá La-sát cho ta. Các trời nghe nói liền cởi áo báu mà quét hang. Phật nhiếp thần túc một mình vào hang đá, trải đồ ngồi khiến hang đá tạm có bảy báu. Lúc đó, nữ La-sát và Long vương vì bốn vị đệ tử lớn và A-nan mà tạo ra năm hang đá. Bấy giờ, Thế tôn ngồi yên trong hang đá mà nhận lời vua thỉnh vào thành Na-căn-ha và các nước, chỗ nào cũng đều thấy Phật trên hư không, trong tòa hoa có đầy hóa Phật. Long vương vui mừng phát thệ nguyện rộng lớn rằng: Nguyện con đời sau được Phật như đây. Phật nhận lời vua thỉnh. Sau bảy ngày vua sai một người cỡi voi đi tám ngàn dặm, đem đồ cúng dường đi khắp tất cả các nước mà cúng dường chúng tăng. Nơi nơi đều thấy Phật, trở lại tâu vua rằng: Phật Thích-ca chẳng những chỉ ở nước này, mà các nước khác cũng có, đều nói khổ không vô thường, sáu Ba-la-mật vua nghe thì được rỗng rang ý giải mà được Vô sinh nhẫn. Bấy giờ, Đức Thế tôn lại nhiếp thần túc từ hang đá mà ra cùng với các Tỳ-kheo, dạo khắp các nơi, rồng đều theo hầu. Lúc đó, Long vương nghe Phật trở về nước thì khóc và bạch rằng: Này vì sao Thế tôn bỏ chúng con, chúng con không thấy Phật sẽ làm việc ác, mà đọa đường ác. Bấy giờ, Như lai an ủi Long vương rằng: Ta nhận lời ngươi thỉnh mà ngồi trong hang của ngươi một ngàn năm trăm năm. Lúc

đó Long vương chắp tay khuyến thỉnh Phật lại vào ngồi trong hang mà hiện mười tám biến, thân đi vào đá giống như gương sáng, ở trong đá lại chiếu sáng ra ngoài, ở xa thì thấy, gần thì không thấy. Trăm ngàn các vị trời cúng dường hình bóng Phật. Hình bóng ấy cũng nói pháp. Hang đá cao một trượng tám tấc, sâu hai mươi bốn bước, đá màu xanh nhạt.

Tăng Hữu xét thấy: Pháp thân vô hình tùy ứng mà hiện, tuy hư ảnh mà lại có rõ ràng tức là Như lai, cho nên vô lượng rồng quỉ nói pháp với các vị trời. Do đó, kinh nói là các Hóa Phật đều là chân thật.

■

GIA PHẢ PHẬT THÍCH-CA

QUYỂN 4

----

27. PHẬT THÍCH CA NHẬP NIẾT BÀN Ở RỪNG SONG THỌ

(Xuất xứ từ kinh Đại Bát Niết-bàn)

Bấy giờ, Phật ngự tại thành Câu-thi-na, bên bờ sông A-di-la-bạt-đề, thuộc Lực sĩ sanh địa, trong rừng cây Sa-la song thọ, cùng với các Đại Tỳ-kheo và tám mươi ức trăm ngàn người cùng vây quanh. Vào ngày mười lăm tháng hai thì Phật nhập Niết bàn. Phật dùng thần lực phát ra tiếng rất lớn, cho đến hữu đảnh tùy loại âm thanh bảo khắp các chúng sinh rằng: Ngày hôm nay Đức Như Lai Ứng Chánh Chánh Biến Tri thương xót chúng sinh như La-hầu-la, làm chỗ qui y, Đấng Đại Giác Thế tôn sắp nhập Niết bàn, tất cả chúng sinh nếu có điều gì nghi ngờ thì nay nên hỏi, đây là lần hỏi sau cùng.

Kinh Trường A-hàm nói: Ở tại Tỳ-da-ly Phật ngồi với một A-nan) A-nan. Sau khi kiết hạ an cư thì Phật bị bệnh toàn thân đau nhức. Phật bảo A-nan rằng: Người nào tu Bốn thần túc, đầy đủ hạnh tu tập, thường nghĩ nhớ không quên thì tuỳ theo ý muốn có thể bất tử được hơn một kiếp. Này A-nan, Phật đã có bốn thần túc, Như lai có thể ở đời hơn một kiếp, vì đời trừ tăm tối, giúp trời người được an lành. Bấy giờ, A-nan im lặng không đáp, như thế ba lần, vì ma che chướng nên chẳng biết gì. Phật bảo A-nan: ông phải biết đã đúng lúc. Không bao lâu thì Ma-ba-tuần hiện đến bạch Phật rằng: Phật nên Niết bàn. Phật nói hãy thôi! Hãy thôi ta tự biết đúng lúc, nay chưa thể nhập Niết bàn. Ma-ba-tuần nói: Khi xưa, lúc Phật mới thành Chánh giác thì con đã khuyến thỉnh Ngài

nhập Niết-bàn rồi. Bấy giờ, Như lai đáp rằng: phải chờ ta giáo hóa các đệ tử tụ tập xong đã, nay đã là đúng lúc, sao Ngài không diệt độ? Phật bảo hãy thôi, này ma Ba-tuần: “Phật tự biết lúc, không lâu nữa đâu. Sau ba tháng nữa thì ở chỗ sinh xưa là Câu-thi-na kiệt tại rừng. Ta-la Song thọ ta sẽ diệt độ ở đó”. Lúc đó, ma nghĩ là Phật không nói dối rất vui mừng, liền biến mất. Bấy giờ, Phật ở tháp Giá-ba-la. Định ý tam-muội mà xả mạng trụ thọ. Lúc đó, trời đất rung chuyển, mọi người kinh sợ. Phật phát ra ánh sáng rực rỡ những chỗ tối tăm đều được sáng tỏ. Hiền giả A-nan kinh hoàng chạy mau đến chỗ Phật, lạy xuống rồi bạch Phật rằng: Lạ thay đất đai rung chuyển là nguyên do gì? Phật bảo: A-nan hễ đất đai rung chuyển là có tám nguyên nhân: phàm đất trên nước, nước ngăn gió, gió sinh trên không. Trên hư không khi có gió lớn nổi lên thì nước khuấy mạnh mà khắp mặt đất đều động đó là một, hai là, các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni được Đạo và các Đại thần tôn thiên quán tánh nước nhiều, quán tánh đất ít, muốn tự thử sức nên khắp đất đều động, ba là khi Bồ-tát giáng thần vào thai mẹ thì mặt đất rung động mạnh, bốn là khi Bồ-tát từ hông phải sinh ra thì đất rúng động mạnh. Năm là khi Bồ-tát mới thành Chánh giác, sáu là khi Bồ-tát chuyển bánh xe pháp Vô thượng. Bảy là khi Bồ-tát giáo hóa sắp xong muốn bỏ tánh mạng thì đất rung động. Tám là khi Như lai muốn nhập Niết-bàn, khi Bát Niết-bàn thì mặt đất rung động. Bấy giờ, Thế tôn bảo A-nan rằng: Hãy cùng đến Hương tháp mà nhóm họp tất cả Tỳ-kheo hiện tại ở đó, bảo khắp ba tháng nữa thì Như lai sẽ nhập Niết bàn. Bấy giờ, Hiền giả A-nan quì gối chấp tay bạch Phật rằng: Cúi mong Thế tôn ở lại một kiếp nữa chớ nên diệt độ. Thế tôn im lặng không đáp. Như thế ba lần, Phật bảo A-nan rằng: Từ khi ông theo Phật nghe pháp, Phật có bốn thần túc đã lâu, tu hạnh không quên có thể dừng ở bất tử hơn một kiếp phần nhiều đã làm lợi ích cho trời người được an ổn. Sao lúc đó ông chẳng khuyến thỉnh Như lai đừng diệt độ, nay mới nói há chẳng là lỗi ư? Ta đã bỏ tánh mạng, đã bỏ nói năng, muốn cho Như lai trái lời nói thì không có việc đó.

Bấy giờ, vào buổi sáng, Đức Thế tôn ở trước mặt phát ra ánh sáng chiếu khắp ba ngàn thế giới Chư Phật. Cho đến chúng sanh trong sáu đường ở mười phương gặp ánh sáng này thì tội nhơ phiền não tất cả đều dứt hết. Các chúng sinh ấy thấy nghe việc Phật sắp nhập Niết bàn thì đều buồn thương khóc lóc, mặt đất núi cao biển lớn đều rung chuyển. Các chúng sinh bảo nhau hãy mau đến thành Câu-thi khuyến thỉnh Như lai chớ nhập Niết bàn, xin ở lại đời một kiếp rồi hãy diệt độ. Các Đại đệ tử Tôn giả như Ma-ha Ca-chiên-diên, v.v... gặp ánh sáng này thì

toàn thân run rẩy không kềm chế được mà buồn thương gào khóc. Lại có tám mươi trăm ngàn các Tỳ-kheo đều là A-la-hán, như đại Long vương. Lại có sáu mươi ức Tỳ-kheo-ni cũng là Đại A-la-hán đều vào lúc sáng sớm toàn thân run rẩy chảy máu, như hoa Ba-la-xoa, buồn khổ mắt đầy lệ, liền đến chỗ Phật, cúi đầu lạy Phật, đi nhiễu cả trăm ngàn vòng rồi ngồi sang một bên. Lại có một Hằng sa Đại Bồ-tát đều là Thập Địa khi mặt trời mới mọc gặp ánh sáng này thì khắp mình ra máu, than khóc, vội đến chỗ Phật, lạy Phật đi nhiễu quanh trăm ngàn vòng rồi ngồi sang một bên. Lại có hai Hằng sa Ưu-bà-tắc, ba hằng hà sa Ưu-bà-di, bốn hằng hà sa các ly-xa ở thành Tỳ-xá-ly, năm hằng hà sa đại thần Trưởng giả, lại có vua ở cõi Diêm-phù-đề, lại có bảy Hằng hà sa phu nhân của các vua, chỉ trừ phu nhân của vua A-xà-thế lập ra các cúng dường gấp bảy lần lúc trước. Lại có tám Hằng hà sa các thiên nữ, chín Hằng hà sa các Long vương, mười Hằng hà sa các vua quỉ thần cúng dường nhiều hơn gấp bội các rồng. Lại có hai mươi Hằng hà sa các chim cánh vàng đầu đàn; ba mươi Hằng hà sa các vua Càn-thát-bà, bốn mươi Hằng hà sa các vua Khẩn-na-la, năm mươi Hằng hà sa các vua Ma-ha-la-dà, sáu mươi Hằng hà sa các vua A-tu-la, bảy mươi Hằng hà sa các vua A-na-bà, tám mươi Hằng hà sa vua La-sát, lại chẳng ăn thịt người hình thể xấu xí, do Thần lực Phật mà đều được đẹp đẽ. Lại có chín mươi Hằng hà sa các vua thần rừng cây, một ngàn Hằng hà sa vua trì chú, một ức Hằng hà sa quỉ mỵ tham sắc, một trăm ức Hằng hà sa các thể nữ trời, một ngàn ức Hằng hà sa các quỉ vương, mười muôn ức Hằng hà sa các Thiên vương và Tứ Thiên Vương. Lại có mười muôn ức Hằng hà sa thần gió bốn phương thổi các cây đúng thời và phi thời rải hoa trong rừng Song Thọ, mười muôn ức Hằng hà sa các thần mây mưa nghĩ rằng khi phạm thân Như lai nhập Niết-bàn thì ta sẽ mưa xuống khiến lửa tắt. Lại có hai mươi Hằng hà sa các Đại hương tượng đầu đàn nhổ đem các hoa sen đến chỗ Phật, hai mươi Hằng hà sa các thú sư tử đầu đàn nhổ đem các hoa quả đến chỗ Phật, hai mươi Hằng hà sa các loài chim bay đầu đàn, các chim nhạn, bồ câu, uyên ương, chim công, chim Ca-lăng-tần-già, chim kỳ-bà, đem các hoa quả đến lạy Phật, hai mươi Hằng hà sa vua trâu nước đến chỗ Phật tiết ra chất sữa thơm, sữa chảy đầy thành Câu-thi-na. Có những hầm hố đều tràn đầy sắc hương thơm ngon, hai mươi Hằng hà sa bốn thiên hạ, trong đó các thần tiên và loài người cầm các hương hoa, quả ngọt cúi đầu lạy Phật. Tất cả các con ong chúa trong cõi Diêm-phù-đề đều cầm các hoa đến chỗ Phật. Lại có vô lượng thế giới trung gian và các thần tiên trong Diêm Phù Đề, các thần

bốn biển lớn và các thần sông lớn có Đại oai đức sắp bày các thứ cúng dường nhiều hơn trước, rải các hoa chiêm-bà bên sông Ni-liên-thiền mà lạy Phật, rồi đứng sang một bên. Bấy giờ, trong thành Câu-thi-na rừng ta-la biến thành mầu bạc trắng như ngỗng trời. Trên hư không tự nhiên có lầu các bảy báu chạm khắc vẽ vời tuyệt đẹp, có ao nước suối chảy và hoa sen cao quí cũng như trong vườn Hoan hỷ trên cõi trời Đao lợi. Các trời, người, A-tu-la, v.v... thấy Như lai nhập Niết bàn thì đều buồn khóc. Lúc đó, bốn vị Thiên Vương và tầng trời ba mươi ba cho đến sáu tầng trời cõi dục đều cúng dường nhiều hơn trước. Đại Phạm Thiên vương và các phạm chúng khác phát ra ánh sáng thần diệu chiếu sáng khắp bốn thiên hạ, ánh sáng mặt trời mặt trăng ở cõi trời, cõi người đều không còn sáng nữa (bị lấn át) đem các cờ phướn báu rất ngắn treo ở các Phạm cung đến rừng cây Ta-la lạy Phật, bạch rằng: Cúi mong Như lai thương xót chúng con nhận cúng dường lần sau cuối. Đức Như lai im lặng chẳng nhận. Bấy giờ, vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa cùng vô lượng quyến thuộc đều nhóm họp thân có ánh sáng hơn Phạm thiên, đem các cờ lọng báu mà che khắp ngàn thế giới, đem thức ăn ngon quí đến chỗ Phật, Ma-vương Ba-tuần cõi Dục cùng các thiên nữ quyến thuộc của mình cả A-tăng-kỳ chúng mở cửa các địa ngục mà bố thí nước thanh tịnh, nhân đó bảo rằng: Nay các ngươi không có gì làm khác hơn là chuyên niệm Như lai, sẽ giúp các người đêm dài được an ổn. Lúc đó, ma Ba-tuần ở trong địa ngục đều dứt hết vô lượng khổ độc, đao kiếm và lửa cháy dữ đều bị tưới nước tắt hết là do sức thần của Phật mà thấy các quyến thuộc đều từ bỏ dao kiếm, cung nỏ, mâu dài, móc nhọn các vật đánh nhau, mà tranh nhau đem vật đến cúng dường nhiều hơn tất cả trời người. Số người che lọng nhỏ phủ cả thế giới trung thiên cũng đến chỗ Phật mà lạy Phật, bạch rằng: Cúi mong Như lai thương xót nhận chúng con cúng dường lần sau cuối. Ba lần thỉnh như thế Phật đều không nhận. Lúc đó ma Ba-tuần không thỏa ước nguyện thì rất buồn mà đứng sang một bên. Bấy giờ, trời Đại Tự tại cùng vô lượng vô biên các quyến thuộc và các chúng trời bày vật cúng dường đều che phủ cả. Vật cúng dường của trời người tám bộ Phạm Thích. Vật cúng dường của Phạm Thích như đống mực ở bên kha bối, đều chẳng hiện sợi lông nhỏ có thể che cả Tam thiên Đại thiên thế giới đến chỗ Phật lạy Phật, đi nhiễu quanh vô số vòng. Bấy giờ, ở phương Đông cách đây vô số A-tăng-kỳ Hằng hà sa số bụi nhỏ thế giới, ở đó có cõi Phật tên là Ý Lạc Mỹ Âm, Phật hiệu là Hư Không Đẳng Như lai, đầy đủ mười hiệu. Bấy giờ, Đức Phật ấy bảo vị đại đệ tử thứ nhất rằng: Ông nên đến Tây phương thế

giới Ta-bà ở phương Tây của Đức Thích-ca Mâu Ni Như lai. Đức Phật ấy không bao lâu nữa sẽ nhập Niết-bàn, ông nên đem cơm thơm ở thế giới này đến dâng lên Đức Phật ấy, Đức Thế tôn dùng xong thì nhập Niết-bàn. Bấy giờ, Bồ-tát Vô Biên Thân nghe lời Phật dạy, lạy Phật mà đến nước ấy. Đúng lúc đó, Tam thiên đại Thiên thế giới rung chuyển sáu cách. Phạm Thích Tứ vương, Ma vương Ba-tuần, Ma-hê-thủ-la thấy đất rung chuyển thì toàn thân run rẩy họng lưỡi khô khốc, kinh sợ muốn rã rời, tự thấy ánh sáng trên thân không còn sáng nữa. Lúc đó, Văn-thù-sư-lợi liền đứng dậy bảo đại chúng rằng: Các ông chớ sợ, phương Đông cách đây vô lượng A-tăng-kỳ Hằng hà sa bụi nhỏ thế giới có Phật hiệu là Hư Không Đẳng Như lai đầy đủ mười hiệu, ở cõi đó có Bồ-tát Vô Biên Thân cùng vô lượng Bồ-tát muốn đến đây cúng dường Như lai. Vì năng lực oai đức của Bồ-tát ấy mà khiến ánh sáng trên thân của các ông tối tăm. Bấy giờ, đại chúng đều xa thấy Phật ấy như nhìn mình trong gương sáng mà thấy rõ từng lỗ chân lông của Bồ-tát Vô Biên Thân đều có một hoa sen lớn, trong mỗi hoa sen có bảy vạn tám ngàn thành ấp đều là bảy báu, chúng sinh trong ấy không nghe tiếng khác chỉ thuần nghe tiếng Đại thừa Vô thượng viết chép đọc tụng kinh điển Đại thừa, tất cả đại chúng đều được thấy. Bồ-tát Vô Biên Thân có thân lớn vô biên bằng với hư không. Chỉ trừ các Đức Phật, ngoài ra không ai nhìn thấy được bến bờ thân lượng. Lúc đó, Bồ-tát Vô Biên Thân chắp tay bạch Phật rằng: Cúi mong Đức Thế tôn thương xót nhận thức ăn của chúng con. Như lai biết lúc im lặng mà không nhận. Thế giới Chư Phật ở các phương Nam, Tây, Bắc cũng có vô lượng Bồ-tát Vô Biên Thân cúng dường cũng hơn trước nhiều. Lúc đó, đất phước cát tường ở rừng cây Ta-la vuông rộng ba mươi hai do-tuần, đại chúng đầy khắp hư không. Bấy giờ, ở khắp bốn phương, chỗ ngồi của Bồ-tát Vô Biên Thân và các quyến thuộc giống như chày sắt có đầu nhọn, mười phương có các thế giới nhiều như bụi nhỏ. Các Đại Bồ tát đều nhóm họp. Chỉ trừ hai chúng Tôn giả Ma-ha Ca-diếp và A-nan, vua A-xà-thế và quyến thuộc, cho đến rắn độc nhìn thấy cũng có khả năng giết người, các rắn rít sâu bọ độc hại mười sáu thứ làm nghiệp ác thảy đều đến nhóm họp. Các thần Đà-na-bà, A-tu-la, v.v... đều bỏ niệm ác mà sinh tâm lành, trừ nhất xiển-đề. Bấy giờ, cả Tam thiên Đại thiên thế giới nhờ thần lực Phật mà mặt đất đều mềm mại, các báu trang nghiêm cũng như thế giới Cực lạc phương Tây của Phật Vô Lượng Thọ. Lúc đó, đại chúng đều thấy mười phương bụi nhỏ các thế giới của Chư Phật như trong gương sáng thấy bóng mình. Bấy giờ, trước mặt Phật phát ra ánh sáng năm

mầu sắc che khắp đại hội, khiến các ánh sáng từ thân của mỗi người khác đều tối tăm. Ánh sáng lại trở lại rót vào miệng. Lúc đó, các trời, người, A-tu-la, v.v... thấy ánh sáng Phật rót lại vào miệng rồi đều rất sợ sệt bảo nhau rằng: ánh sáng của Như lai phát ra lại rót vào miệng tức là việc làm ở mười phương đã xong, ấy là tướng Niết-bàn sau cùng. Than ôi! Đau đớn thay, thế gian khổ lớn rồi, than khóc chẳng kềm chế được. Bấy giờ, trong hội có Ưu-bà-tắc là con của một thợ giỏi trong thành Câu-thi tên là Thuần-đà cùng các bạn đồng nghiệp mười lăm người, đứng dậy khỏi chỗ ngồi sửa y bày vai phải, quì xuống lễ Phật, hướng về Phật khóc lóc bạch rằng: Cúi mong Đức Thế tôn và các Tỳ-kheo tăng thương xót chúng con mà nhận cúng dường lần sau cuối. Chúng con từ nay không còn có chủ, không còn thân thích, không ai cứu giúp, đói nghèo khốn khổ, muốn từ Như lai tìm thức ăn tương lai, cúi mong thương xót nhận chúng con cúng dường lần sau cùng rồi nhập Niết-bàn. Bấy giờ, Đức Thế tôn Nhất Thiết Chủng Trí bảo Thuần-đà rằng: Tốt lắm tốt lắm, nay ta vì ông dứt bỏ nghèo cùng, mưa pháp Vô thượng rải trên ruộng thân ông khiến sinh mầm pháp, làm cho ông đầy đủ Đàn Ba-la-mật. Khi ấy, đại chúng rất vui mừng khen rằng: “Lành thay! Lành thay! Rất ít có. Thuần-đà! Phật đã nhận ông cúng dường lần sau cuối, Thuần-đà nay thật là đệ tử Phật”. Phật bảo Thuần-đà rằng: “Sự ông cúng dâng lên Phật và đại chúng của ông nay rất đúng lúc, đây là lúc Như lai sẽ nhập Niết-bàn” nhắc lại ba lần như thế. Khi nghe Phật nói xong thì Thuần-đà khóc lóc bạch đại chúng rằng: Nay tất cả chúng con dập đầu xuống đất khuyến thỉnh xin Phật chớ nhập Niết-bàn. Phật bảo Thuần-đà chớ khóc lóc làm loạn tâm mình. Ta vì thương ông và tất cả nên nay muốn nhập Niết-bàn, vì sao? vì Pháp của Chư Phật là như thế, pháp hữu vi cũng thế, mau dọn ra để cúng thí, chớ nên để lâu. Bấy giờ, Đức Thế tôn trước mặt phát ra ánh sáng đủ các mầu xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng, tím chiếu sáng thân Thuần-đà. Thuần-đà liền cùng các quyến thuộc dọn các thức ngon quí đến chỗ Phật. Rồi khóc lóc bạch rằng: Cúi xin Đức Thế tôn nên sống thêm một kiếp Phật bảo Thuần-đà rằng: Ông muốn ta sống lâu trên đời thì phải mau thực hành đầy đủ Đàn Ba-la-mật sau cùng. Bấy giờ, tất cả Bồ-tát, trời, người, các loại đồng thanh khen rằng: Kỳ lạ thay! Thuần-đà thành tựu phước đức lớn, chúng con vô phước, việc cúng dường trở nên vô ích. Khi ấy, Phật muốn cho tất cả mọi người đều đầy đủ, nơi thân mình mỗi lỗ chân lông đều hóa ra vô lượng Phật, tất cả Chư Phật đều có vô lượng các Tỳ-kheo Tăng, thảy đều thị hiện nhận vật cúng dường. Đức Thích-ca Như lai thọ nhận Thu-

ần-đà cúng hiến. Bấy giờ, Thuần-đà kính dâng các thức ăn nấu chín đầy đủ tám hộc nước Ma-già-đà. Nhờ thần lực Phật mà khắp đầy đủ tất cả đại hội.

Kinh Trường A-hàm nói: Đức Thế tôn và các đại chúng đến vườn Xà-đầu trong thành Ba-ba. Lúc đó, có con của người thợ giỏi tên là Châu-na, ăn mặc ngay ngắn đến chỗ Đức Thế tôn lễ bái và thỉnh Đức Thế tôn ngày hôm sau đến nhà mình thọ trai. Phật im lặng nhận lời. Sáng hôm sau, Đức Thế tôn đắp y ôm bát cùng đại chúng đến nhà, Châu-na dọn các thức ăn cúng Phật và Tăng. Riêng nấu nấm cây chiên đàn là một thức ăn rất quí dâng riêng cho Đức Thế tôn. Phật dùng xong bèn nói pháp chỉ dạy, đại chúng vây quanh tiễn Phật trở về. Giữa đường, Ngài dừng lại nghỉ dưới một gốc cây, bảo A-nan rằng: Ta đau lưng, ông nên sắp đặt chỗ ngồi. A-nan bạch Phật rằng: Châu-na cúng dường không có phúc lợi, vì sao? Vì Như lai ở nhà ông ấy dùng bữa ăn sau cùng mà nhập Niết-bàn. Phật bảo A-nan chớ nói thế, Châu-na được lợi ích rất lớn, được sống lâu sức khỏe, vì sao? Vì người dâng thức ăn khi Phật mới thành đạo và người dâng thức ăn khi Phật sắp nhập Niết-bàn hai công đức này đều bằng nhau không khác.

Trong kinh Đại Bát Niết-bàn quyển hai nói: Phật bảo Hiền giả A-nan cùng Ngài đến nước Ba-tuần, các đệ tử cùng đi đến nghỉ ở vườn Thiền hiển ở ngoài thành. Các nhà giàu ở Ba-tuần có họ Chư Hoa, nghe Phật đến đều ra đảnh lễ, rồi ngồi sang một bên. Riêng con của Chư Hoa tên Thuần thì vẫn quì và thưa xin dâng cúng thức ăn ngon lên Đức Phật và Thánh chúng Phật im lặng nhận lời. Thuần vui mừng lễ tạ và trở về, liền sắp đặt giường ghế, dọn thức ăn ngon quí. Phật và chúng đệ tử đến nhà ngồi trên tòa cao. Thuần đích thân múc thức ăn cúng dường. Dùng xong Phật nói pháp, Thuần rất vui mừng. Phật bảo A-nan cùng Ngài về ấp Câu-di. Đi nửa đường thì Phật đau lưng đến nghỉ dưới một gốc cây. Phật bảo A-nan cùng đến sông Ny-liên tự tắm gội. Sáng hôm sau, đến nhà Thuần thọ trai, đêm ấy sẽ diệt độ. Trong thiên hạ có hai điều khó là cúng dường thức ăn lúc mới thành Đạo Vô thượng, là Phật chỉ Thánh, hai là cúng dường thức ăn lúc diệt độ. Nay Thuần dâng cơm cho Phật nên được sống lâu, được vô dục, được giàu sang, chết rồi sẽ sinh lên cõi trời mà được năm thứ phước này, bảo Thuần chớ buồn lo mà nên vui mừng.

Tăng Hữu xétt thấy hai kinh này và Đại Bát Niết bàn nói Thuần-đà cúng dường sau cùng có nhiều chỗ khác nhau, vì kinh Đại Tiểu thừa nên hóa hiện khác nhau.

Khi ấy, đất ở rừng Song thọ nhỏ hẹp, nhờ thần lực Phật nên chỗ nhỏ như đầu mũi kim cũng đều có vô lượng Chư Phật, thức ăn của Thế tôn cũng không khác. Lúc đó, trời, người, A-tu-la, v.v... buồn thương khóc lóc rằng: Nay Như lai đã nhận chúng con cúng dường lần cuối rồi nhập Niết-bàn, chúng con còn biết cúng dường ai. Bấy giờ, Đức Thế tôn muốn an ủi tất cả đại chúng mà nói kệ rằng:

Nếu người chẳng thể
Quán tam bảo là
Thường hằng như thế,
Là Chiên-đà-la.
Nếu có người biết
Ba pháp thường trụ
Thật pháp nhân duyên
Lìa khổ, an vui.

Bấy giờ, trời, người, đại chúng A-tu-la, v.v... nghe pháp rồi thì rất vui mừng vì biết Phật thường trụ bèn tung rải các thứ hoa, đánh trống trỗi nhạc. Lúc đó, Đức Thế tôn cùng Văn-thù-sư-lợi, Ca-diếp và Thuần-đà được thọ ký xong nói rằng: Các người thiện nam, phải tự tu tâm mình, cẩn thận chớ nên chơi bời buông lung. Nay ta lưng và khắp mình đều đau, bây giờ ta muốn nằm, như đứa trẻ kia và người hay bị bịnh, vật văn-thù, v.v... hãy vì bốn Bộ chúng mà nói rộng Đại pháp. Nay ta giao phó pháp này cho ông, cho đến giao phó lại cho Ca-diếp, A-nan, v.v... Như lai nói xong, để điều phục chúng sinh, Như lai hiện thân bị bệnh nằm nghiêng bên hông phải như những người bệnh khác.

Kinh Trường A-hàm nói: Bây giờ, Đức Thế tôn vào thành Câu-thi đến chỗ bản sinh ở rừng Mạt-la Song thọ, bảo A-nan rằng: Ông nên bày giường nằm cho Như lai ở rừng Song thọ, đầu hướng về phía Bắc, mặt xoay về hướng Tây. Vì sao ? Vì pháp ta sẽ truyền ra ở lâu về phương Bắc. Khi ấy, Thế tôn xếp y Tăng-già-lê nằm nghiêng hông phải như sư tử đầu đàn co chân nằm. Bấy giờ quỉ thần trong rừng Song thọ rải hoa phi thời hkắp đầy mặt đất. A-nan quì xuống chắp tay bạch Phật rằng: Xin Phật chớ diệt độ nơi vùng đất hoang vu quê mùa này, mà nên đến nước lớn Ca-duy-la-vệ hay nước Ba-la-nại sẽ có đông đảo người dân cung kính cúng dường xá-lợi Phật. Phật bảo: "Hãy thôi! chớ bảo đây là nơi quê mùa. Khi xưa, ở đất này có vị vua tên là Đại Thiện Kiến, bảy thứ báu đầy đủ, vua có bốn đức, đứng đầu bốn thiên hạ. Thiện Kiến chết rồi sinh lên cõi trời Phạm thiên thứ bảy. Vua ấy ngày qua đời được bảy ngày thì các xe báu, châu báu đều biến mất. Voi, báu, ngựa báu,

ngọc nữ báu, cư sĩ báu, chủ binh báu trong ngày ấy đều chết cả. Thành ao điện pháp đều mầu vàng, biến thành đất nước, các pháp hữu vi vô thường phải tiêu mất, chỉ người được đạo Thánh đế mới biết. Ta tự nhớ xưa từng ở nơi đây, sáu lần làm vua Chuyển Luân, chết rồi xương cốt được chôn ở đây. Nay thành Vô thượng Chánh giác, chết xả thân rồi cũng chôn ở đây. Từ nay trở đi, sinh tử dứt hẳn không có chỗ đất nào để chôn thân, đây là lần sau cùng không còn thọ thân nữa".

Bấy giờ, Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Như lai đã dứt tất cả các bệnh, hoạn nạn đều hết, không còn sợ sệt. Tất cả chúng sinh đều có bốn mũi tên độc là nhân của bệnh, ấy là tham dục, sân nhuế, ngu si, kiêu mạn. Nếu có nhân bệnh thì có bệnh sanh. Đó gọi là bệnh phổi ái chín, khí trên mửa ngược, da dẻ sưng đó, tâm phiền muộn, trên mửa dưới ỉa, ỉa đái dầm dề, mắt tai sưng đau, lưng đầy bụng trướng, điên cuồng khô khốc, thấy ma gặp quỉ, các thứ bệnh thân tâm như thế v.v... Chư Phật Thế tôn đều không còn. Vì sao hôm nay Như lai lại bảo Văn-thù-sư-lợi rằng: Ta đau lưng, ông phải vì đại chúng nói pháp? Có hai nguyên nhân sẽ không bị bệnh khổ:

1/ Thương xót tất cả chúng sinh

2/ Cấp cho người bệnh thuốc men.

Xưa Như lai đã ở trong vô lượng muôn ức kiếp tu đạo Bồ-tát, thường hành Ái ngữ, lợi ích chúng sinh, khiến không khổ não. Cung cấp cho người bệnh các thứ thuốc men, vì sao hôm nay lại nói Như lai bị bệnh? Bạch Đức Thế tôn, ở đời có người bệnh nằm ngồi đều không yên, hoặc đòi ăn uống, sai khiến người nhà làm các công việc, sự nghiệp. Vì sao Như lai nằm im lặng chẳng dạy đệ tử Thinh văn về thi Ba-la-mật (giới hạnh) và thiền giải thoát, Tam-ma-bạt-đề tu các chánh cần? Vì sao chẳng nói các kinh điển Đại thừa sâu xa như thế ? Vì sao chẳng dùng vô lượng phương tiện giáo pháp mà dạy cho Ca-diếp, là voi đầu đàn trong loài người, các bậc đại nhân, v.v... khiến chẳng lui sụt đối với A-nậu-đa-la-Tam-miệu-Tam-bồ-đề? Vì sao không sửa trị các Tỳ-kheo tội ác, chứa để tất cả các vật bất tịnh? Đức Thế tôn thật không bị bệnh vì sao nằm im lặng nghiêng hông bên phải? Tất cả người ngu sinh diệt, tin tưởng tất cả vào chín mươi lăm thứ ngoại đạo khinh mạn. Sa-môn Cù-đàm bị vô thường thay đổi. Như lai Thế tôn là bậc tiền nhân Vô thượng, đã nhổ hết các mũi tên độc mà được không sợ hãi, hôm nay vì sao nằm nghiêng bên hông phải, khiến các trời người buồn khổ? Bấy giờ, Đức Thế tôn khởi tâm đại bi biết các ý niệm của tất cả chúng sinh, sắp muốn thuận theo lợi ích rốt ráo. Bèn ngồi dậy, ngồi kiết già, nhan

sắc vui tươi phát ra ánh sáng rực rỡ khắp hư không. Ánh sáng ấy sáng hơn cả trăm ngàn mặt trời, chiếu suốt khắp các thế giới Chư Phật ở các phương Đông, Tây, Nam, Bắc bốn duy, trên, dưới. Tất cả các lỗ chân lông trên thân đều có một hoa sen đủ ngàn cánh mầu vàng ròng và phát ra ánh sáng đủ các mầu sắc chiếu đến khắp địa ngục A-tỳ, địa ngục tưởng, địa ngục Hắc thằng, địa ngục Chúng Hợp, địa ngục kiêu oán, địa ngục đại kiếu oán, địa ngục tiêu nhiệt, địa ngục đại tiêu nhiệt v.v... chúng sinh trong tám ngục ấy thường bị các khổ ép ngặt. Đó gọi là thiêu nướng nấu đốt, giã cắt lột xé. Cho đến tám địa ngục hàn băng (ngục lạnh) bị giã đập, cắt xé v.v... khi gặp ánh sáng này thì các khổ như thế liền dứt hết. Trong ánh sáng ấy có tiếng nói "tất cả chúng sinh đều có Phật tánh". Nghe xong liền chết mà sinh lên cõi trời, cõi người. Trong thế giới Diêm-phù-đề này và các thế giới khác bao nhiêu địa ngục đều trống rỗng, không có người tội. Trừ loài nhất xiển-đề. Các chúng sinh ngạ quỉ bị đói khát ép ngặt gặp ánh sáng này thì đói khát đều tan biến. Trong ánh sáng đó cũng nói chúng sinh đều có Phật tánh, nghe xong liền chết mà sinh lên cõi trời, cõi người. Ngạ quỉ đều trống không, trừ những kẻ chê bai Đại thừa. Các loài súc sinh thường ăn thịt tàn hại lẫn nhau gặp ánh sáng này thì tâm tức giận tiêu hết, trong ánh sáng ấy cũng nói tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, nghe rồi thì chết mà sinh lên làm trời, làm người. Súc sinh cũng mất hết kẻ chê bai chánh pháp. Trong mỗi hoa đều có một Đức Phật, vầng ánh sáng tròn chiếu xa một tầm, vô cùng đẹp đẽ trang nghiêm. Các Đức Thế tôn ấy hoặc phát ra tiếng sấm sét hoặc mưa đầm đìa, hoặc thổi gió bão, hoặc phun khói lửa, hoặc thị hiện mới sinh, xuất gia, hoặc chuyển bánh xe pháp mầu hoặc nhập Niết-bàn. Chúng sinh trong cõi Diêm-phù-đề gặp ánh sáng đó thì kẻ mù thấy được, người điếc nghe được, người câm nói được, người què đi được, người nghèo có tài vật, người keo kiệt bố thí, người giận dữ có từ tâm, kẻ không tin thì chánh tín, không một chúng sinh nào làm ác, trừ nhất xiển-đề. Khi ấy tất cả trời rồng quỉ thần, Càn-thát-bà, A-tu-la, người và loài chẳng phải người đều đồng thanh khen rằng: Lành thay! Lành thay! Đấng Vô thượng Thiên Tôn làm nhiều lợi ích, rồi vui mừng ca múa, tung rải các thứ hoa cúng Phật và Tăng. Các trời trỗi nhạc cúng dường Phật. Bấy giờ, Phật bảo Bồ-tát Ca-diếp rằng: Các chúng sinh ấy không biết mật ngữ của Đại thừa Phương Đẳng mà bảo Như lai thật bị bệnh. Nay Như lai ở trong rừng cây Ta-la Song thọ thị hiện ngồi dựa tòa sư tử sắp nhập Niết-bàn, khiến những người chưa được quả A-la-hán, các chúng đệ tử và các lực sĩ sinh ra buồn khổ lớn. Khiến các trời,

người, A-tu-la, v.v... lập bày cúng dường lớn là muốn khiến cho mọi người dùng áo Thiên đoan nhiều lớp bao bọc thân ngài, dùng bảy báu làm quan tài chất đầy dầu thơm, chất đầy gỗ thơm để đốt. Chỉ trừ hai mối không được đốt:

1/ Là thấn thân,

2/ Là ở ngoài cùng.

Vì các chúng sinh chia xá-lợi thành tám phần. Tất cả đệ tử Thinh văn đều nói Như lai nhập Niết-bàn, phải biết là Như lai rốt lại nhất định chẳng nhập Niết bàn. Vì sao? vì Như Lai luôn thường trụ, không biến đổi?

Kinh Trường A-hàm nói: Bấy giờ, Đức Thế tôn liền thọ ký cho một ngàn hai trăm vị đệ tử được Đạo quả. Thế tôn đắp y Uất-đa-la-tăng đưa cánh tay mầu vàng ra bảo các Tỳ-kheo rằng: Các thầy phải quán Như lai thường ra đời, như hoa ưu-đàm một lần hiện ra.

Kinh Đại bát Nê-hoàn loại hai quyển nói: Phật bảo A-nan: Người ưa thích sự giáo hoá chân chánh của Như lai, phải bỏ tâm tham dục, kiêu mạn, vâng lời Phật dạy (nối nghiệp Phật pháp), siêng năng suy nghĩ đạo hạnh ấy là lời dạy cuối cùng của Phật, phải rất cẩn trọng. Tỳ-kheo các thầy quán nghi dung của Phật rất khó thấy. Sau một ức bốn ngàn năm nữa mới có Phật Di-lặc ra đời rất là khó gặp. Thiên hạ có hoa Ưu-đàm, chẳng có hoa mà có hạt. Nếu nó sinh hoa thì đời có Phật. Làm mặt trời cho thế gian, thường xua tan các đen tối. Tự ta làm Thánh sư đến bảy mươi chín lần, việc làm cũng đã rốt ráo. Ông nên cố gắng, đã nửa đêm rồi.

Cho nên các Tỳ-kheo không buông lung lười biếng. Ta tự không buông lung nên được thành Chánh giác, vô lượng các điều lành cũng do không buông lung mà được tất cả, muôn vật không thường còn. Đây là lời nói sau cùng của Như lai. Do đó, Đức Thế tôn liền nhập vào Sơ thiền. Xuất Sơ thiền thì nhập Nhị thiền, xuất Nhị thiền thì nhập Tam thiền, xuất Tam thiền thì nhập Tứ thiền, xuất Tứ thiền thì nhập Không xứ định, xuất Không xứ định thì nhập Thức xứ định, xuất Thức xứ định thì nhập Bất dụng định, xuất Bất dụng định thì nhập Hữu tường vô tưởng định, xuất Hữu tường vô tưởng định thì nhập Diệt tưởng định. Lúc đó, A-nan hỏi A-na-luật rằng: Thế tôn đã Bát Niết-bàn hay chưa? A-na-luật đáp: chưa. A-nan nói Thế tôn nay trụ trong định Diệt tưởng. Xưa tôi ở bên Phật nghe pháp thì xuất Tứ thiền mà nhập Niết-bàn, nay Thế Tôn xuất định Diệt tưởng mà nhập định Hữu tưởng vô tưởng, xuất định Hữu tưởng vô tưởng định lại nhập vào định Bất dụng, xuất định Bất

dụng nhập vào định Thức xứ, xuất định Thức xứ nhập vào định Không xứ, xuất định Không xứ nhập vào Tứ thiền, xuất Tứ thiền thì nhập Tam thiền, xuất Tam thiền thì nhập Nhị thiền, xuất Nhị thiền thì nhập Đệ nhất thiền, xuất Đệ nhất thiền thì nhập Đệ nhị thiền, xuất Đệ nhị thiền thì nhập Đệ tam thiền, xuất Đệ tam thiền thì nhập Đệ tứ thiền, xuất Đệ tứ thiền thì nhập Bát Niết-bàn của Phật. Ngay lúc đó, mặt đất rung chuyển dữ dội, trời người sợ hãi. Những nơi tối tăm mặt trời, mặt trăng, không soi đến được thì đều sáng rỡ mà thấy được các tướng, bèn bảo nhau rằng: Người ấy sinh ở đây. Ánh sáng ấy lấn át ánh sáng các vị trời. Lúc đó, trời Đao-lợi ở trên hư không dùng các hoa văn-đà-la, ưu-bát-la, ba-đầu-ma mà tung rải trên Như lai và chúng hội. Lại rải bột chiên-đàn cõi trời trên Phật và đại chúng như mưa, khi Phật diệt độ rồi thì các Phạm Thiên vương, Thích Đề Hoàn Nhân, thần Kim-tỳ-la, Mật Tích lực sĩ, Phật mẫu Ma-da, Thần Song Thọ, Thần rừng vườn Ta-la, bốn vị Thiên Vương vua trời Đao-lợi, vua trời Diêm-ma vua trời, Đầu-suất-đà v.v... đều nói kệ tụng. Các Tỳ-kheo vô cùng đau đớn buồn thương, gieo mình dưới đất lăn lộn khóc lóc than rằng: Như Lai diệt độ sao sớm thế, Đại pháp sao sớm chìm mất, chúng sinh suy hao lâu dài, mắt thế gian đã nhắm lại. Bấy giờ, A-na-luật bảo các Tỳ-kheo rằng: Thôi hãy nín đi chớ buồn khổ nữa, các vị trời ở trên cao sẽ chê trách chúng ta. Lúc đó, các Tỳ-kheo hỏi A-na-luật có mấy vị trời? A-na-luật nói: Đầy khắp hư không làm sao đếm hết được, đều ở trên hư không mà buồn thương rơi lệ than rằng Như lai diệt độ sao quá sớm, chúng sinh suy hao lâu dài, mắt thế gian đã nhắm lại.

Kinh Đại Bát Niết-bàn loại hai quyển và kinh Trường A-hàm nói hơi giống nhau.

Khi giảng pháp cho các Tỳ-kheo xong thì đêm đã tàn, trời sáng. A-na-luật bảo A-nan rằng: Thầy nên vào thành bảo các Mạt-la rằng: Phật đã diệt độ, ai muốn làm gì chính là phải lúc. Lúc đó, A-nan lạy Phật rồi cùng một Tỳ-kheo khác đi vào thành, xa thấy có năm trăm Mạt-la đang nhóm họp một nơi. Các Mạt-la cúi chào A-na hỏi sao nay đến sớm như thế. A-nan đáp: Quí vị nên biết đêm qua Như lai đã diệt độ, quí vị muốn làm gì chính là phải lúc. Các Mạt-la nghe xong đều đau đớn rơi lệ than rằng: Sao sớm như thế, Phật pháp bát Niết-bàn sao quá sớm, mắt thế gian đã nhắm lại. Rồi các Mạt-la trở về nhà lo các hoa hương, kỹ nhạc đến vườn Song thọ cúng dường xá lợi. Hôm sau thì đặt xá-lợi Phật trên giường. Các trẻ em Mạt-la cùng đến đẩy giường nhưng không nhúc nhích. A-na-luật nói: Các ông chớ tốn sức vô ích, vì các vị

trời muốn đến khiêng giường. Quí vị muốn khiêng bốn góc vào thành Đông đi khắp các xóm làng để người dân đều được cúng dường rồi khiêng ra cửa thành Tây đến chỗ cao ráo mà trà tỳ. Còn các vị trời thì muốn để Xá-lợi lại bảy ngày để người dân đều được cúng dường. Sau đó mới khiêng ra cửa thành Bắc, vượt sông Hy-liên thiền rồi đến chùa Thiên Quan mà trà-tỳ, nên các trời khiến cho giường không nhúc nhích. Mạt-la thưa lời ấy rất đúng, xin theo ý các vị trời. Lúc ấy, các Mạt-la cùng vào thành quét dọn sửa sang đường sá sạch sẽ bằng phẳng, rưới nước đốt hương. Khi bày giường Phật ra khoảng vườn Song thọ thì tung hoa đốt hương trổi nhạc mà cúng dường xá-lợi. Hết bảy ngày vào buổi chiều ngày cuối thì đặt xá-lợi Phật trên giường. Các trẻ Mạt-la theo hầu bốn góc cầm phướn lọng, đốt hương rải hoa, trỗi nhạc rồi trước sau nghiêm trang mà đưa đi. Bấy giờ, trời Đao-lợi mưa hoa văn-đà-la, hoa ưu-bát và rải bột chiên-đàn xuống xá-lợi Phật. Trên khắp đường đi các trời trỗi nhạc, quỉ thần ca hát cúng dường. Các Mạt-la khiêng giường từ từ đi vào cửa Đông thành rồi ngừng lại trên các đường lớn để cúng dường. Xong thì ra cửa thành Bắc, vượt sông Hy-liên-thiền, đến chùa Thiên Quan. Mọi người hỏi A-nan: chúng ta lấy gì để cúng dường? A-nan đáp: Tôi có nghe Phật nói muốn an táng xá-lợi Phật phải theo phép an táng vua Chuyển Luân, sống được phước, chết được sinh lên cõi trời. Lúc đó, các Mạt-la cùng vào thành, cúng lễ xong thì đến chùa Thiên Quan, dùng nước thơm sạch tắm gội thân Phật, dùng lụa mới đẹp quấn thân năm trăm lớp như áo lông rồi đặt thân Phật vào kim quan rưới dầu thơm rồi để trong một cái quách sắt thứ hai, quách gỗ chiên-đàn lại bọc bên ngoài một lớp nữa. Rồi dùng các danh hương mà chất lên trên. Quan đại thần của Mạt-la tên là Lộ Kỷ cầm một đuốc lớn muốn châm lửa đốt thân Phật nhưng lửa không cháy. Các vị đại thần khác đến châm lửa đốt cũng không cháy. Lúc đó, A-na-luật bảo rằng: Hãy thôi các vị hiền, đốt hoài lửa không cháy ấy là ý các vị trời, vì Đại Ca-diếp cùng năm trăm vị đệ tử từ nước Ba-ba trở về muốn thấy thân Phật. Bấy giờ, đại Ca-diếp từ nước Ba Ba về gặp Càn Tử tay cầm hoa văn-đà-la thì hỏi rằng: Ông có biết thầy tôi không? Đáp: Biết, Ngài mới diệt độ cách nay bảy ngày. Ca-diếp nghe nói không vui, năm trăm vị Tỳ-kheo đều than khóc. Ca-diếp liền đến thành Câu-thi, vượt sông Hy-liên-thiền mà đến chùa Thiên Quan, đến bảo A-nan rằng: Tôi muốn thấy xá-lợi Phật lần chót trước khi trà-tỳ được không? A-nan đáp tuy chưa trà tỳ nhưng đã quấn năm trăm lớp lụa như áo lông và đặt trong kim quan, lại để trong quách sắt nên không thể thấy được thân Phật. Ca-diếp ba lần xin gặp

nhưng vẫn không được. Bấy giờ, Đại Ca-diếp vừa đến quách gỗ thơm thì hai chân Phật từ trong kim quan thò ra có mầu sắc rất lạ. Ca-diếp hỏi A-nan: Thân Phật mầu vàng sao chân có sắc lạ như thế? A-nan đáp: Vừa rồi có một bà lão đến khóc lóc nước mắt rơi xuống chân Phật nên có sắc lạ. Ca-diếp liền đến quách gỗ thơm lạy xá-lợi Phật. Lúc đó bốn bộ chúng và các vị trời cùng lễ Phật thì hai chân biến mất. Lúc đó, Đại Ca-diếp đi nhiễu quanh ba vòng mà nói kệ tụng. Bấy giờ, quách gỗ thơm liệm Phật không đốt mà tự cháy. Các Mạt-la bảo nhau rằng: Nay lửa đã cháy dữ dội, trà-tỳ xá-lợi sẽ tiêu hết, biết lấy nước ở đâu mà dập tắt. Lúc đó, có thần cây Ta-la dùng thần lực dập tắt quách gỗ thơm. Lúc đó, các Mạt-la trong thành Câu-thi đem các hương hoa cúng dường.

Kinh Nê-hoàn loại hai quyển nói hơi giống với kinh Trường A-hàm. Lại nói: Đại Ca-diếp đến chỗ quách gỗ thì lửa tự nhiên cháy, cháy suốt đêm. Quách gỗ cháy xong thì sinh ra bốn cây là cây tô-ni-thiền, cây ca-duy-đề, cây A-thế-xà và cây Ni-câu-loại.

Kinh Bồ-tát Xử Thai nói: Phật ngự tại vườn Song thọ muốn xả thân nhập Niết-bàn. Nửa đêm ngày tám tháng hai, đích thân mặc y Tăng-già-lê, Uất-đa-la-tăng và An-đà-là-bạt-tát để trong kim quan, đắp y trong nằm trên giường hai chân khép lại. Bát và Trượng thì giao lại cho A-nan. Tám vị Đại Quốc vương đều đem mền trắng năm trăm lớp, gỗ chiên-đàn bao kín, bên trong đặt kim quan, Đại Phạm Thiên vương hướng dẫn các Phạm chúng đứng bên phải, Thích-đề-hoàn-nhân dắt các vị trời Đao-lợi đứng bên trái. Bồ-tát Di-lặc và các Bồ-tát mười phương đứng ở trước. Bấy giờ, Đức Thế tôn muốn nhập Tam-muội Kim Cương để nghiền nát thân xá-lợi. Từ trong kim quan thò ra cánh tay mầu vàng liền hỏi A-nan rằng: Tỳ-kheo Ca-diếp đến chưa? Đáp: chưa đến, thì lại ẩn vào kim quan, im lặng không nói gì. Đức Thế tôn sắp thị hiện chỗ đến của thức là Đạo thức hay tục thức, hữu vi thức hay vô vi thức. Thế tôn liền ở trong thai mà hiện ra bộ xương với các đốt xương liền nhau, đầy khắp Tam thiên đại thiên thế giới. Phật bảo Di-lặc rằng: ông xem bộ xương khiến tất cả chúng biết chỗ hướng về phân biệt hiểu biết rõ ràng. Bồ-tát Di-lặc liền đứng dậy tay cầm gậy kim cương bảy báu khuấy trộn bộ xương nghe có tiếng xương kêu liền bạch Phật rằng: Người này khi chết nặng về sân hận nên thức đọa làm loài rồng. Người này thân trước mười tích hạnh đầy đủ nên được sinh lên cõi trời. Có một toàn thân xá-lợi không khuyết thiếu Di-lặc lấy gậy khuấy lên để tìm thức này thì không biết ở đâu. Ba lần như thế liền bạch Phật rằng: Người nầy thần thức không còn biết gì chẳng phải là Như lai đã nhập

Niết-bàn sao? Phật bảo Di-lặc rằng: Xá lợi Chư Phật có mặt khắp nơi, chẳng phải cảnh giới mà ông biết được. Vì sao? Vì xá-lợi này là xá-lợi của ta, làm sao có thể tìm kiếm được thần thức của Như lai. Đức Thế tôn liền nhiếp lại oai thần thì trong kim quan im lặng, không có tiếng nói nữa. Các trời đốt hương và rải hoa cúng dường. Lúc đó, Đại Ca-diếp dẫn năm trăm vị đệ tử đến. Đức Thế tôn dùng tai trời nghe biết liền từ trong kim quan thò ra hai bàn chân.

Kinh Ma-da nói: Phật nhập Niết-bàn thì phu nhân Ma-da ở trên cõi trời năm tướng suy hiện ra:

- Một là hoa trên đầu héo
- Hai là trong nách có mồ hôi
- Ba là ánh sáng ở quanh đầu tắt
- Bốn là hai mắt luôn nháy
- Năm là không thích chỗ ngồi cũ.

Lại trong đêm ấy có năm ác mộng lớn:

- Một là núi Tu-di lở sụp, nước bốn biển khô cạn
- Hai là quỉ La-sát rượt người móc mắt mà ăn
- Ba là trời đều mất mão báu, thân không còn ánh sáng
- Bốn là cây cờ châu báu ngã xuống, mất châu như ý
- Năm là bị sư tử cắn, mình đau như dao cắt.

Thấy năm điềm mộng ấy thì sợ hãi thức dậy, cho đây là điềm chẳng lành. Khi xưa, ta ở cung vua Bạch Phạn nhân đêm ngủ thấy mộng ít có: Thấy một vị Thiên tử thần mầu vàng ròng ngồi trên voi trắng, theo sau có các vị trời trỗi nhạc, rực rỡ như mặt trời chui vào hông phải của ta thì thân tâm rất an vui, có thai Thái tử Tất-đạt là ngọn đèn chiếu sáng của thế gian. Nay năm điềm mộng này thật đáng sợ, co lẽ con ta sắp vào Niết-bàn. Bấy giờ, A-na-luật đã liệm xong thân Như lai vào quan tài, liền bay lên cung trời Đao-lợi báo tin cho phu nhân Ma-da hay. Bà nghe nói thì đau buồn té xuống đất, hồi lâu mới tỉnh, bứt tóc buồn thương, khóc lóc bảo rằng: Đêm qua ta nằm mộng biết là có chuyện lạ, Phật đã diệt độ rồi thì không bao lâu sẽ phải trà-tỳ, thật là khổ thay, mắt thế gian đã nhắm lại rồi. Bèn cùng các quyến thuộc từ trên hư không bay xuống đến rừng cây Song thọ. Từ xa nhìn thấy quan tài Phật liền ngất xỉu, hồi lâu tỉnh lại bèn đến lạy quan tài Phật mà khóc lóc than rằng: Từ thuở quá khứ vô lượng kiếp đến nay thường làm mẹ con không hề rời nhau, nay thì không còn thấy nhau nữa. Than ôi khổ thay! Chúng sinh phước đã hết rồi. Bèn rải các thứ hoa cõi trời trên quan tài. Phu nhân Ma-da nhìn và sờ vào y bát, tích trượng của Như lai rồi gieo

mình xuống đất như núi cao đổ sụp, đau đớn khóc lóc than rằng: Con ta dùng phước độ các trời người, nay các vật này vô chủ. Than ôi đau đớn thay! Bốn chúng cũng khóc than, nước mắt như mưa, trời đồng thời biến thành sông suối. Khi ấy, Đức Thế tôn dùng thần lực khiến các vật che đậy đều biến mất, Phật từ kim quan chắp tay hiện ra như sư tử đầu đàn mới ra khỏi hang, dáng vẻ vui tươi, khắp thân các lỗ chân lông đều phát ra hàng ngàn tia sáng, trong mỗi ánh sáng có ngàn vị hóa Phật thảy đều chấp tay hướng về Ma-da, dùng Phạm âm mà hỏi thăm mẹ rằng: Từ xa mẹ đến cõi Diêm-phù-đề này, các pháp phải như thế, xin chớ khóc lóc. Lúc đó, A-nan thấy Phật hiện ra, lại nghe nói kệ thì than khóc nghẹn ngào mà hỏi Phật rằng: Chúng sinh đời sau sẽ hỏi con khi Phật diệt độ có nói những gì thì đáp thế nào? Phật nói: Ông nên đáp rằng: Đức Thế tôn đã nhập Niết bàn, phu nhân Ma-da đến nơi, Như lai vì kẻ bất hiếu đời sau mà từ kim quan hiện ra chấp tay thăm hỏi và nói các bài kệ, nên kinh này gọi là Phật nhập Niết-bàn mẹ con gặp nhau, đúng như thế mà thọ trì. Nói xong từ biệt mẹ trở vào quan tài. Cả Tam thiên thế giới đều rung chuyển, tám bộ đại chúng đều khóc thương tiếng vang động trời đất. Phu nhân Ma-da hỏi A-nan rằng: Con ta Tất-đạt khi diệt độ có dạy gì không? A-nan thưa: Giữa đêm Thế tôn răn dạy các Tỳ-kheo, nói mười hai bộ kinh, dặn dò giao phó cho Tôn giả Ma-ha Ca-diếp, cuối cùng dạy tôi giảng nói. Ma-da nghe xong lại càng xúc cảm, hỏi A-nan rằng: Thầy từ xưa hầu Phật có nghe nói chánh pháp Như lai khi nào diệt hay chăng? A-nan rơi lệ đáp rằng: Thuở xưa, tôi nghe Đức Thế tôn nói việc pháp diệt ở đương lai như sau: Như lai diệt độ rồi thì Ca-diếp và A-nan kết tập Pháp tạng. Việc xong rồi thì Ca-diếp vào núi Lang tích mà nhập định Diệt tận. Tôi cũng được chứng quả, rồi lần lượt trước sau mà nhập Niết-bàn, giao phó chánh pháp cho Ưu-ba-khuất-đa. Khéo nói pháp yếu như Phú-lâu-na rộng độ mọi người. Lại khuyến hóa vua A-luân-ca khiến Phật pháp được chánh tín vững chắc. Đem xá-lợi Phật mà xây tám vạn bốn ngàn ngôi tháp. Hai trăm năm sau thì Tỳ-kheo Thi-la-nan-đà khéo nói pháp yếu ở cõi Diêm-phù-đề mà độ mười hai ức người. Ba trăm năm sau thì Tỳ-kheo Thanh Liên Hoa Nhãn khéo nói pháp yếu độ nửa ức người. Bốn trăm năm sau có Tỳ-kheo Ngưu Khẩu khéo nói pháp yếu độ một vạn người. Năm trăm năm sau thì Tỳ-kheo Bảo Thiên khéo nói pháp yếu độ hai vạn người, tám vạn chúng sinh phát tâm A-nậu-đa-la-Tam-miệu-Tam-bồ-đề. Chánh pháp đến đây liền diệt mất, Sáu trăm năm sau thì có chín mươi sáu thứ ngoại đạo tà kiến tranh nhau phá hoại Phật pháp. Có một Tỳ-kheo tên là Mã Minh khéo

nói pháp yếu hàng phục tất cả các nhóm ngoại đạo. Bảy trăm năm sau có một vị Tỳ-kheo tên Long Thọ khéo nói pháp yếu, diệt hết tà kiến, đốt sáng đuốc chánh pháp. Tám trăm năm sau thì các Tỳ-kheo thích áo đẹp ăn ngon, buông lung biếng nhác, trong trăm ngàn người thì chỉ có một, hai người được Đạo quả v.v... Chín trăm năm sau thì kẻ tôi tớ làm Tỳ-kheo, Tỳ-kheo Ni. Một ngàn năm sau thì các Tỳ-kheo nghe quán bất tịnh A-na-ba-na, tức giận không muốn tu, vô lượng Tỳ-kheo hoặc chỉ có một vị hoặc hai vị suy tư chánh thọ (chánh định). Một ngàn một trăm năm sau thì các Tỳ-kheo như người thế tục, mối mai cưới gả, ở trước đại chúng chê bai Tỳ-ni (giới luật). Một ngàn hai trăm năm sau thì các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni làm việc phi phạm hạnh, nếu có con cháu thì trai là Tỳ-kheo, gái là Tỳ-kheo-ni. Một ngàn ba trăm năm sau thì áo ca-sa biến thành mầu trắng chẳng chịu nhuộm hoại sắc. Một ngàn bốn trăm năm sau, lúc đó bốn chúng cũng như thợ săn, rất thích sát sinh, bán vật Tam bảo. Một ngàn năm trăm năm sau ở Câu-thiểm-di có Tam Tạng Tỳ-kheo khéo nói pháp yếu, đồ chúng hơn năm trăm người, có một vị La-hán Tỳ-kheo, giữ nghiêm giới hạnh có năm trăm đồ chúng. Khi Bồ-tát thì la-hán Tỳ-kheo ngồi trên tòa cao nói pháp thanh tịnh rằng: Đây là điều nên làm, đây là điều không nên làm, đệ tử của Tam Tạng Tỳ-kheo đáp lời La-hán rằng: Nay thân miệng ông không thanh tịnh, vì sao lại nói lời thô tục ấy? La-hán đáp: Từ lâu tôi đã thanh tịnh thân miệng ý nghiệp, không có lỗi lầm. Đệ tử của Tam Tạng nghe nói thì càng giận dữ, liền lên tòa giết vị La-hán kia. Lúc đó, đệ tử của La-hán nói rằng: Thầy tôi nói đúng pháp lý, vì sao lại giết hại Hòa thượng chúng tôi. Rồi dùng dao bén mà giết chết Tam Tạng. Tám bộ trời rồng đều buồn khổ, ác ma Ba-tuần và chúng ngoại đạo cùng vui mừng tranh nhau phá chùa tháp, giết hại các Tỳ-kheo và bỏ xuống sông, tất cả kinh tạng trôi về nước Cưu-thi-na-việt. Long vương A-nậu-đạt đều lấy đem về biển. Do đó, Phật pháp diệt hết. Khi phu nhân Ma-da nghe xong thì buồn khổ khóc lóc, bảo A-nan rằng: Như lai dạy giao phó chánh pháp cho Tôn giả và Ma-ha Ca-diếp, vậy phải siêng năng giữ gìn đọc tụng. Nay tôi bất nhẫn mà thấy Như lai trà-tỳ. Rồi lạy quan tài Phật đi nhiễu bảy vòng, xong rơi lệ mà trở về cõi trời.

Tăng Hữu xét thấy: Nghĩa của Niết bàn gồm tám vị. Xưa nay giảng luận tinh lý đã đủ, ngu chấp vọng cho là có dấu vết, thường trụ vắng lặng rốt ráo vô vi, chỉ tuỳ cơ cảm mà dạy bảo, tùy phương mà ứng tục. Đã nói ở hiện đời lành sao không tiêu mất được. Đây thì đám mê mù thấy có đầu cuối mà pháp thân thì không có xuất hiện và biến mất.

Ấy vì giả nói đau lưng để nêu bày cam lộ, mượn nằm nghiêng hông phải rồi lại phát ra ánh sáng rực rỡ. Đây là dấu hiệu không bệnh hoạn, ngàn lớp quấn chặt mà vẫn hiện rõ hai chân với Ca-diếp, kim quan đóng kín mà hiện ra chấp tay với Ma-da. Đây là bằng chứng bất diệt. Không bệnh mà hiện bệnh, không diệt mà hiện diệt. Cho nên biết thân tro hiển quyền, thường trụ chân thật, trăng dụ với diệu chỉ chẳng sáng tỏ hay sao?

28. TÁM NƯỚC CHIA XÁ LỢI PHẬT THÍCH CA

(Xuất xứ từ kinh Nê-hoàn loại hai quyển).

Khi dân chúng Mạt-la ở nước Ba Ba nghe Phật đã diệt độ ở rừng Song thọ đều nghĩ rằng nay phải tới đó mà phân chia xá-lợi xây tháp cúng dường. Lúc đó, nước Ba-ba ra lệnh chuẩn bị bốn binh: binh voi, binh ngựa, binh xe, binh bộ, sai Sứ đến thành Câu-thi bào rằng: nghe Phật là bậc Chúng Hựu diệt độ ở đây, Ngài cũng là bậc thầy kính mến của chúng tôi, nay đến xin tro xương về xây tháp cúng dường. Vua Câu-thi đáp: Đúng thế, Ngài diệt độ ở đây thì để dân trong nước tự cúng dường. Ông nhọc nhằn từ xa đến muốn phân chia xá-lợi ắt là không được. Lúc đó, dân chúng Bạt-ly ở nước Giá-phả, dân chúng Câu-lợi nước La-ma-già, dân chúng Bà-la nước Tỳ-lưu-đề, dân chúng họ Thích nước Ca-duy-vệ, dân chúng Ly-xa nước Tỳ-xá-ly và vua A-xà-thế nước Ma-kiệt nghe Như Lai diệt độ trong rừng Song thọ thành Câu-thi đều nghĩ rằng: Nay ta phải đến chia xá-lợi. Lúc đó, vua A-xà-thế liền chuẩn bị bốn binh chủng vượt sông Hằng ra lệnh cho Bà-la-môn Hương Tánh xưng danh ta vào thành Câu-thi đến hỏi các Mạt-la, có mạnh khỏe vui vẻ hay không, chúng tôi cùng quí hiền rất quí trọng nhau, hai nước ở bên nhau rất hòa nghị không hề tranh đấu. Tôi nghe Như lai diệt độ ở quí quốc. Đấng Vô Thượng Tôn là trời của chúng tôi, nên nay từ xa đến đây xin chia phần tro xương mang về xây tháp cúng dường. Nếu chia xá-lợi cho chúng tôi thì chúng tôi cũng xin hiến lại một số vật báu. Bấy giờ Bà-la-môn Hương Tánh làm đúng lời vua. Lúc đó, dân Mạt-la lập lại theo lời vua Câu-thi như trên mà không bằng lòng phân chia. Bấy giờ, các vua hội họp các quan bàn luận nói tụng răng:

Chúng ta cùng hòa nghị
Tự xa đến kính lễ
Nhúng nhường xin phân chia
Nếu chẳng bằng lòng cho
Bốn binh ở tại đây

Thề chẳng tiếc thân mạng
Dùng nghĩa nhân không được
Thì phải dùng bạo lực

Nước Câu-thi cũng nhóm họp các quan bàn luận và nói kệ rằng:

Nhọc các ông từ xa
Chịu nhục đến lễ lạy
Xá-lợi của Như lai
Chẳng hề hứa cho ai
Nếu các ông dấy binh
Chúng tôi sẽ chống trả
Dẫu tàn khốc thế nào
Chẳng chút lo sợ gì.

Bấy giờ, Bà-la-môn Hương Tánh giải thích cho mọi người nghe rằng: Này các Hiền giả, trong đêm dài sanh tử nghe lời Phật răn dạy miệng đọc lời pháp, tất cả chúng sinh thường muốn an ổn, đâu nên vì tranh giành xá-lợi Phật mà tàn hại lẫn nhau. Di thể của Như lai muốn có lợi ích rộng lớn thì xá lợi phải nên phân chia. Mọi người đều khen đúng, khi bàn nhau ai là người phân chia thì đều đồng ý giao cho Bà-la-môn Hương Tánh là người có đủ nhân trí. Hương Tánh đến lạy xá-lợi Phật rồi chia làm tám phần bằng nhau, đựng trong tám bình đá nhỏ hơn. Sai sứ đem răng Phật về trước cho vua A-xà-thế, còn mình sẽ đem xá-lợi về sau. Lại xin chiếc bình đá lớn đã đựng xá-lợi Phật khi mới thiêu xong đem về xây tháp phụng thờ. Dân chúng các nước Câu-thi, nước Ba Ba, nước Già-la, nước La-ma-già, nước Tỳ-lưu-đề, nước Ca-duy-la-vệ, nước Tỳ-xá-ly, nước Ma-kiệt và vua A-xà-thế đem xá-lợi Phật về nước mình xây tháp cúng dường. Lúc đó người ở thôn Tất-bát lại xin đất cháy ở chỗ làm lễ trà-tỳ Phật về xây tháp cúng dường. Vậy ngoài tám ngôi tháp đựng xá lợi Phật thì còn có ngôi tháp thứ chín thờ bình đá lớn, tháp thứ mười đựng tro than, tháp thứ mười một đựng tóc Phật khi còn sống. Mọi người đều thấy lúc sao mai mới mọc thì Phật sinh ra. Rồi lúc xuất gia, thành đạo và nhập niết-bàn cũng đều là lúc sao mao mới mọc. Lại các ngày trên cũng đều là mồng tám tháng hai, riêng ngày sinh là mồng tám tháng tư (nay là mười lăm tháng tư).

Kinh Đại Bát Nê-hoàn loại hai quyển nói: Lúc đó nước Ba-tuần, nước Hoa Thị Khả Lạc, nước Câu Lân Hữu Hạnh, nước Mãn Ly Thần Châu, nước Phạm Chí Duy Da, nước Ly Xương, nghe Phật dừng ở rừng Song tho mà nhập Niết bàn thì đều chuẩn bị bốn binh đến đóng trại ở ngoài thành Câu-di. Các dòng họ Thích nước Xích Trạch cũng kéo binh

đến bảo rằng: Đức Thích Tôn oai hùng là người thân, chúng tôi kính mến như cha hiền, xin đến cùng chia xương (xá-lợi). Vua A-xà-thế nước Ma-kiệt đem binh vượt sông, sai sứ là Phạm Chí Đốn Khuyết đến nói: Nay Phật cao cả đã diệt độ tại đây, nước tôi kính mến như vị trời, nay xin chia phần xá-lợi. Vua đáp Phật tự đến đây diệt độ thì nước chúng tôi cúng dường. Tạ ân quí vị từ xa đến nhưng phân chia xá-lợi thì không được. Bấy giờ, Đốn Khuyết nhóm họp mọi người nói tụng rằng:

Nay ai cũng từ xa
Bốn binh ở tại đây
Lời nghĩa mà không nghe
Ắt giết hại lẫn nhau.

Người nước Câu-di cùng đáp tụng rằng:

Nếu như muốn dấy binh
Ta đây cũng có binh
Nếu giết hại lẫn nhau
Ta nay nào sợ gì.

Phạm Chí Đốn Khuyết khuyên mọi người rằng: Quí vị suốt đêm nghe lời Phật răn dạy. Phật đại từ bi nên thiêu mình để lại tro xương muốn làm lợi ích cho khắp thiên hạ, sao lại hủy bỏ tuệ ý, xá-lợi hiện tại nên phân chia. Mọi người đều khen là phải, cùng đến kính lễ xá-lợi rồi nhờ Đốn Khuyết phân chia. Ông lấy tám bình đá thoa mật bên trong rồi chia thành tám phần bằng nhau. Lại xin thêm bình lớn đựng xá-lợi Phật khi mới thiêu xong đem về xây tháp cúng dường. Phạm Chí Ơn-đạt thì xin than tro và đất khô nơi trà-tỳ đem về xây tháp cúng dường. Sau cũng có các Đạo sĩ cũng tìm được trò đất này. Tám bình của tám nước thờ xá-lợi, tháp thứ chín thờ bình đá lớn, tháp thứ mười thờ tro, tháp mười một thờ than đất. Phân chia xá lợi xong lại vì bốn chúng đệ tử chưa nghe biết mà lưu lại chín mươi ngày, đem đến khắp thành thị cho đến thôn quê cách thành bốn mươi dặm ở ngã tư đường mà xây tháp miếu. Các nhà giàu trong nước Câu-di xây tháp đá rộng ba tấc cao một trượng năm tấc trong chứa bình vàng đựng xá-lợi để nói lên pháp luân lâu dài. Lại treo phướn lọng đốt hương dâng hoa trỗi nhạc mà kính lễ cúng dường.

Tăng Hữu xét thấy: Cây song thọ có tám nhành nghĩa đã rõ, nên xá-lợi phân chia lẽ ra thành tám bình cũng có phần chung. Cho nên di thể hoặc toàn vẹn, hoặc phân chia là để nêu điềm lành cho các cõi, ban phúc cho trời người. Phàm chẳng sinh mà gá thai, vô hình mà để xương, ấy là bày dấu mà chỉ dạy đều là việc chẳng thể nghĩ bàn.

29. THÁP BÁU XÁ LỢI PHẬT THÍCH CA TRÊN CÕI TRỜI VÀ Ở CUNG RỒNG

(Xuất xứ từ kinh Bồ-tát Xử Thai).

Có một vị đại thần tên là Ưu-ba-cát khuyên các vua chớ tranh cãi, xá-lợi Phật nên phân chia để khắp nơi cúng dường, sao lại đem binh giết hại nhau. Bấy giờ, Thích-đề-hoàn-nhân hiện làm người bảo các vua rằng: Chúng ta là các trời cũng có phần, nếu có đánh nhau sẽ thắng thôi, hãy chia cho nhau chớ làm khó dễ. Khi ấy, vua rồng A-nậu-đạt, vua rồng Văn Lân, vua rồng Y-na-bát bảo tám vua rằng: Chúng ta cũng có phần xá-lợi, nếu chẳng cho thì phải dùng bạo lực. Bấy giờ, Ưu-ba-cát nói: Các vua nên chia xá lợi thành ba phần: Một phần cho các vị trời, một phần cho vua rồng, một phần cho tám vua. Bèn lấy các bình đá thoa mật bên trong rồi phân chia xá-lợi. Các trời được xá-lợi bèn đem về cõi trời xây tháp bảy báu cúng dường. Vua trời cũng đem xá-lợi về cung rồng mà xây tháp bảy báu. Tám vua cũng đem xá-lợi về nước mình mà xây tháp bảy báu. Ưu-ba-cát đem xá-lợi, bình lớn đựng xá-lợi lúc mới thiêu và bốn mươi chín hộc than tro, đem về xây bốn mươi chín ngôi tháp. Ở chỗ trà-tỳ cũng xây một tháp cao bốn mươi chín nhẫn.

30. THÁP THỜ RÂU PHẬT THÍCH CA Ở CUNG RỒNG

(Xuất xứ từ kinh A-dục Vương).

Tám nước tranh nhau giành lấy xá-lợi mà dấy binh. Trời Đế-thích thấy thế bèn sai Sứ là Biên Tự xuống giải thích cho các vua nghe rằng: Khi Phật còn tại thế các vua đều như anh em. Phật vừa Nê-hoàn vì sao lại sát phạt nhau, làm chết chóc nhân dân? Vậy hãy chia nhau đem về xây tháp cúng dường thì đều được phước. Các vua đều nói đúng lắm. Tạ ân ông giúp phân chia không phải đánh nhau. Biên Tự bèn dùng bình vàng mà phân chia. Vua A-xà-thế và các vua đều được tám vạn bốn ngàn xá-lợi, còn dư hàm râu Phật không ai dám tranh giành. Vì vua A-xà-thế khi mới đến xin chia xá-lợi thì từ trên xe gieo mình xuống đất ngất xỉu rất lâu. Vua đem xá lợi và râu về vui mừng trỗi nhạc vang trời mà cúng dường.

- Vua rồng Nan-đầu-hòa nghe Phật Niết-bàn liền hóa thành người đến chỗ xá-lợi, giữ đường gặp vua A-xà-thế bảo rằng: Phật để lại xá-lợi không phải chỉ có loài người được cúng dường, ta xin chia một phần được không? Vua A-xà-thế nói không được. Vua rồng nói: Ta là vua rồng Nan-đầu-hòa sẽ dời nước ông ra xa tám muôn dặm và đập nát

thành tro bụi. Vua A-xà-thế sợ quá bèn đem râu Phật mà dâng, lại muốn lấy xá-lợi. Vua rồng bảo ta được râu này đủ cúng dường rồi. Bèn từ giã mà đi. Vua rồng chui xuống đáy núi Tu-di dâng nước lên cao tám vạn bốn ngàn dặm rồi xây tháp thủy tinh lưu ly. Vua A-xà-thế qua đời vua A-dục được cõi nước ấy. Bấy giờ, có quan đại thần thưa với vua A-dục rằng: Xưa, vua rồng Nan-đầu-hòa khinh vua A-xà-thế cướp lấy râu Phật. Vua A-dục nghe nói nổi giận sai quỉ thần làm lưới sắt đặt trong nước dưới núi Tu-di để bắt vua rồng. Vua rồng sợ quá bèn bàn nhau tính kế bảo rằng: Vua A-dục thờ Phật, nhân lúc ông ngủ mê đến lấy cả cung điện đem về để trong tháp thủy tinh dưới núi Tu-di rồi hiện ra mà nói đạo ý trước sau, có lẽ ông ta hết giận. Bèn sai rồng đem cung điện vua A-dục về. Vua A-dục thức dậy không biết ở đâu, thấy tháp thủy tinh cao tám vạn bốn ngàn dặm thì vừa buồn vừa vui. Vua rồng Nan-đầu-hòa hiện ra nói vua A-xà-thế tự cho ta râu Phật, không phải ta cướp lấy. Phật Thích-ca khi còn tại thế đã nói với ta rằng khi Phật diệt độ rồi thì sẽ là kiếp tận. Bao nhiêu kinh giới và ca-sa ứng khí ta đều lấy đem để trong tháp. Khi Phật Di-lặc hạ sinh sẽ đem ra. Vua A-dục nghe nói xong thì bảo thật ta chẳng hiểu được lòng vua rồng. Rồi sai các rồng đem cung điện và vua A-dục đặt lại chỗ cũ.

Tăng Hữu xét thấy: Cúng dường Tam bảo vốn ở trời, người cho nên ở cung trời Đao-lợi và cõi Diêm-phù-đề thì tháp miếu dẫy đầy. Còn vua rồng Nan-đầu-hòa và Đại sĩ là ứng hóa, do đó mà lúc pháp diệt thì thâu nhặt kinh pháp cất giữ, cũng giống như xây cất chùa tháp.

■

GIA PHẢ PHẬT THÍCH-CA

QUYỂN 5

---

31. VUA A DỤC XÂY TÁM VẠN BỐN NGÀN NGÔI THÁP

(Xuất xứ từ kinh Tạp A-hàm)

Bấy giờ, Đức Thế tôn cùng các Tỳ-kheo đi men theo ấp. Lúc đó có hai cậu bé, một tên Xà-da, hai tên Tỳ-xà-da cùng đùa giỡn trên cát, xa thấy Đức Thế Tôn có ba mươi hai tướng trang nghiêm. Xà-da nghĩ rằng: Ta dâng lên Phật mì sợi, rồi lấy cát bỏ vào bát Phật. Tỳ-xà-da thì chấp tay tùy hỷ. Lúc đó cậu bé ấy phát nguyện rằng do công đức gốc lành bố thí này mà được làm vua Tán Cái trị vì một thiên hạ và sinh chỗ nào thì đều được cúng dường Chư Phật. Bấy giờ, Đức Thế tôn vui vẻ mỉm cười, A-nan hỏi Phật vì sao mỉm cười? Phật bảo A-nan sau khi ta diệt độ một trăm năm thì cậu bé này ở trong ấp Ba-liên-phất làm vua Chuyển Luân thống lãnh một thiên hạ, họ là Khổng Tước, tên A-dục dùng chánh pháp mà cai trị người dân, lại rộng bày xá-lợi của ta mà xây tám vạn bốn ngàn ngôi tháp. A-nan hãy bỏ cát này ở chỗ Như lai đi kinh hành, A-nan liền làm theo lời Phật. Phật bảo: này A-nan! nên biết ở ấp Ba-liên-phất có vua tên là Nhật Nguyệt Hộ. Vua ấy sinh người con tên là Tần-đầu-bà-la sẽ cai trị nước ấy. Và chàng ta lại có người con tên là Tu-sư-ma. Lúc đó nước Chiêm-bà có một vị Bà-la-môn nữ rất đẹp, ai cũng thích nhìn, là vật báu của cả nước. Các thầy tướng đều đoán cô gái này sẽ làm Vương phi sinh hai người con trai, một đứa sẽ làm vua cai trị thiên hạ, một đứa sẽ xuất gia học Đạo thành Phật. Lúc đó, vị Bà-la-môn nghe các thầy tướng đoán xong thì rất vui mừng, đem con gái mình

đến ấp Ba-liên-phất mà trang điểm thật đẹp, có ý muốn gả cho Vương tử Tu-sư-ma. Thầy tướng nói nên gả cho vua Tần-đầu-bà-la. Vua thấy cô gái xinh đẹp có đức liền lập làm Đệ nhất phu nhân, suốt ngày đùa vui. Không bao lâu thì có thai và sinh ra một con trai. Khi sinh thì người mẹ rất an ổn không bệnh hoạn, bảy ngày sau đặt tên là Vô-ưu. Rồi lại sinh con thứ hai đặt tên là Ly-ưu. Vô-ưu thân thể khô rít vua cha không thích gặp. Vua thử các con bèn bảo Bà-la-môn rằng: Ông thử xem các con, ta khi ta chết rồi thì ai sẽ làm vua? Bà-la-môn nói: Xin đem các Vương tử này ra khỏi thành, đến nhà Kim điện Viên mà xem tướng. Lúc đó, mẹ vua A-dục bảo A-dục rằng: Nay vua cha đến nhà Kim Điện Viên xem tướng con mình ai sẽ làm vua khi cha chết, sao con không đi? A-dục nói: Cha không nghĩ, cũng không thích thấy con. Mẹ nói: Bảo đi thì đi đi. A-dục nói: Xin mẹ đem theo đồ ăn cho con. Mẹ nói được rồi. Trước đó, vua dặn các quan rằng: Nếu A-dục có đến thì cho A-dục cỡi voi già yếu, cho lính già theo hầu. A-dục cỡi voi già mà đến rồi ngồi dưới đất. Lúc đó, các Vương tử đang ăn cơm thì A-dục lấy thức ăn trong chén gốm của mẹ đưa mà ăn. Vua hỏi các thầy tướng: ai trong đây có tướng lên vua nối ngôi của ta? Các thầy tướng thấy A-dục có tướng làm vua. Lại nghĩ: A-dục thì vua cha không thương, nếu cho biết thì vua sẽ không vui. Bèn nói chung chung rằng: Trong đây ai ngồi xe tốt người ấy làm vua, lúc đó các Vương tử đều cho xe mình đều tốt, A-dục cũng cho mình cỡi voi già sẽ làm vua. Lúc đó, vua bảo các thầy tướng xem lại. Các thầy tướng nói: Chỗ ai ngồi bậc nhất thì sẽ làm vua, Các Vương tử cũng cho chỗ mình ngồi là bậc nhất. A-dục nói: Ta ngồi dưới đất chắc sẽ làm vua. Vua lại bảo xem lại lần nữa. Thầy tướng bảo ai ăn thức ăn ngon chén quí thì sẽ làm vua. A-dục tự nghĩ thức ăn mình ngon quí chắc chắn sẽ làm vua. Việc xong thì ai nấy trở về cung.

Mẹ hỏi A-dục:

- Bà-la-môn nói ai làm vua?

A-dục nói: Con sẽ làm vua, cỡi voi già, ngồi đất rộng chén sạch ăn thức ăn ngon quí là hơn hết.

Lúc đó, Bà-la-môn biết A-dục sẽ làm vua nên rất kính trọng, bà mẹ hỏi ai sẽ làm vua thì đáp: Bà sinh Thái tử, A-dục là người ấy. Bấy giờ, vua nước Tần-đầu-la láng giềng là Thản-xoa-thi-la-phản. Vua cha bảo A-dục rằng con đem bốn binh mà đánh nước ấy, và chỉ cấp cho một ít quân. Người hầu thưa đánh nước ấy mà không có quân làm sao bình định được? A-dục nói: Nếu ta làm vua thì binh giáp sẽ tự nhiên đến. Nói xong thì binh giáp từ đất hiện lên, A-dục liền đem bốn binh mà đánh

nước ấy. Lúc đó, người dân nước ấy nghe A-dục đến dâng thì ra đường hiến cúng các thứ mà đón rước. Các trời ra lịnh Vương tử A-dục làm vua đất này, các người chớ nên trái ý. Nước ấy liền qui phục. Như thế, cho đến bình trị thiên hạ này cho đến tận bờ biển. Lúc đó, vua cha bị bệnh nặng, các quan phục sức cho A-dục đẹp đẽ rồi dẫn đến vua tâu nên lập đứa con này làm vua, chúng tôi sau này sẽ từ từ lập Tu-sư-ma làm vua. Vua nghe nói thì lo buồn không vui nhưng chỉ làm thinh mà thôi. Rồi thì qua đời. Lúc đó, A-dục nghĩ rằng nếu ta chánh làm vua thì tự nhiên các vị trời sẽ đến lấy nước tưới trên đầu ta buộc vải lụa cho ta. Nói xong thì các trời hiện lên làm việc ấy và vui mừng chúc tụng. Lại truyện nói rằng: A-dục lạy vua. Lúc đó, Thiết luân từ trên trời giáng xuống cung vua Diêm-phù-đề, trên hư không, dưới mặt đất, cách bốn mươi dặm quỉ thần đều vui mừng.

A-dục đúng pháp làm lễ tang nhà vua xong thì liền lập A-nậu-lâu-đà làm quan Đại thần. Khi Vương tử Tu-sư-ma nghe vua cha băng, lại lập A-dục làm vua thì không bằng lòng. Liền nhóm họp binh sĩ đến đánh A-dục. Bấy giờ, A-nậu-lâu-đà làm voi máy, lại làm tượng A-dục ngồi trên voi đặt ở ngoài cửa thành Đông, lại làm hầm khói lửa, bên trên ngụy trang cẩn thận. A-nậu-lâu-đà bảo Vương tử Tu-sư-ma rằng muốn làm vua, hiện A-dục đang ở cửa Đông nên đến đó mà đánh, nếu thắng thì tự nhiên sẽ làm vua. Vương tử nghe xong liền đến cửa thành Đông thì bị sụp hầm lửa mà chết. Vua A-dục cai trị người dân bằng chánh pháp. Lúc đó, các quan Đại thần lập A-dục làm vua, nhưng coi thường không giữ lễ vua quan. Vua cũng biết thế nên bảo các ông hãy chặt bỏ hết cây hoa trái mà trồng gai gốc. Các quan bảo nhau xưa nay không hề thấy ai làm việc đó. Vua bảo các quan ba lần đều không nghe. Vua liền dùng kiếm bén giết cả năm trăm vị quan cũ. Vua dẫn các thể nữ dạo vườn hoa đùa vui thấy có một vườn vô ưu đầy hoa. Vua thấy cây cùng tên với mình thì rất vui mừng. Vì thân thể vua xấu xí nhám nhúa, các thể nữ đều gớm ghét vua nên phá hủy cây Vô ưu. Vua ngủ thức dậy thấy cây Vô ưu hoa lá tan nát rơi khắp đất thì nổi giận, trói các thể nữ lại mà đốt chết. Vua làm việc bạo ác như thế nên gọi là vua A-dục Bạo Ác. Bấy giờ, A-nậu-lâu-đà hỏi sao vua lại tự tay giết chết các quan và thể nữ như thế? Nay Vua nên lập người Đồ sát (Đào thủ phủ). Có một ngọn núi tên là Kỳ-lê, có con một người thợ dệt cũng tên Kỳ-lê, rất bạo ác, đánh đập cột trói con cái, giết hại các loài trên bờ dưới nước cho đến chống lại cha mẹ. Cho nên, người đời gọi là đứa con Kỳ-lê hung ác. Lúc đó, vua gọi Kỳ-lê hỏi ngươi có thể vì vua giết kẻ hung ác chăng? Đáp

rằng: Tất cả người tội trong cõi Diêm-phù-đề tội còn trừ sạch, huống chi chỉ là một nơi này. Vua bèn sai cất nhà cửa rất đẹp nhưng chỉ chừa một cửa, bên trong để các dụng cụ trị tội như ở địa ngục. Bấy giờ, Kỳ-lê tâu vua rằng: Từ nay người nào vào đây thì không được ra. Vua nói đúng vậy. Khi ấy, có con trai của một lái buôn chán khổ thế gian, xuất gia học đạo, đến các nước theo thứ lớp ăn xin, lầm vào nhà của Kỳ-lê (người hung ác). Lúc đó, Tỳ-kheo ấy thấy trong nhà có xe lửa, lò than trị tội các chúng sinh thì sợ quá bèn chạy ra khỏi cửa, nhưng bị Kỳ-lê bắt lại bảo rằng: Ai vào đây thì không được ra, phải chết ở đây. Tỳ-kheo hối hận buồn rầu, khóc lóc thưa rằng: Xin cho tôi thời gian một tháng rồi sẽ chịu chết. Kỳ-lê không cho, lần lượt xin được tạm hoãn trong bảy ngày. Tỳ-kheo biết mình sắp chết đến nơi thì mạnh mẽ siêng năng ngồi thiền dứt tâm, đến ngày thứ bảy vẫn chưa được Đạo. Bấy giờ, trong cung vua có nữ tội nhân bị bắt giao cho Kỳ-lê, bỏ trong cối mà giã nát nhừ. Khi ấy, Tỳ-kheo thấy thì rất chán thân này. Than ôi, khổ lắm thay! Không bao lâu thân mình cũng thế. Rồi dứt hết các kiết mà thành A-la-hán. Bấy giờ, Kỳ-lê bảo Tỳ-kheo rằng kỳ hạn đã hết. Tỳ-kheo đáp kệ rằng: Tâm ta đã giải thoát, dứt trừ hết các hữu, nay không còn luyến tiếc thân này. Bấy giờ, Kỳ-lê ném Tỳ-kheo bỏ vào vạc dầu châm lửa đốt, nhưng lửa không cháy nên không nóng. Kỳ-lê đích thân châm lửa thì lửa cháy dữ dội, lâu sau mở nắp ra xem thì thấy Tỳ-kheo ngồi trên hoa sen trong vạc dầu, quá sợ hãi liền tâu vua, vua dẫn mọi người đến xem, bấy giờ, Tỳ-kheo bay lên hư không như chim nhạn đầu đàn, hiện ra các biến hóa nói kệ với vua rằng: Ta là đệ tử Phật, vừa được các lậu hết, sinh tử rất sợ hãi, nay ta đã được thoát. Vua A-dục nghe xong, rất kính tin Phật pháp. Nghe nói vua hỏi các thần dân có người nào thấy Phật chăng? Không phải chỉ có em gái của vua Ba-tư-nặc làm Tỳ-kheo-ni sống hơn một trăm ba mươi tuổi, thấy Phật ở đời. Vua liền đến hỏi Phật có công đức gì? Ni đáp: Thế tôn oai thần đầy đủ như kinh nói: lúc đó Ta mười tuổi, Phật đến vào cung điện, đất đều thành mầu vàng ròng. Ta đảnh lễ Phật chiếc xuyến vàng rơi xuống đất thì tiệp mầu vàng, khi hết mầu vàng thì mới tìm thấy. Lại nói Phật có tám thứ âm thanh, nay ở ven biển có loài chim tên là Yết-tỳ, tiếng hót nó thật buồn thảm, vua cho người bắt được con chim này, nhưng cả tuần mà nó không chịu hót. Lúc đó, có một thanh y dùng gương sáng mà soi, chim thấy bóng nó trong gương thì vỗ cánh muốn hót, thanh y quay gương đi thì chim ngừng tiếng hót. Vua nói nếu làm cho nó hót thì sẽ lập làm phu nhân. Thanh y liền lấy nhiều gương treo bốn phía. Chim thấy bóng mình thì

hót tiếng thảm thương, nhưng trong trẻo hòa nhã. Vua nghe tiếng hót mà ý ngộ Đạo chân chánh liền lập thanh y làm đệ nhị phu nhân, cả bảy trăm người thể nữ đều mừng vui. Vua lại hỏi Tỳ-kheo: Khi Phật chưa diệt độ có nói gì không? Tỳ-kheo đáp: Phật thọ ký Đại vương rằng: Sau khi ta diệt độ một trăm năm thì ở ấp Ba-liên-phất có ba ức ngôi nhà, nước ấy có vua tên là A-dục, làm vua chuyển luân ở cõi Diêm-phù-đề, dùng chánh pháp mà cai trị dân. Vua này lại phân bố xá-lợi của ta khắp cõi Diêm-phù-đề, xây tám vạn bốn ngàn ngôi tháp. Phật đã thọ ký như thế, nhưng nay Đại vương lại cho xây địa ngục lớn này mà giết hại vô số, nay vua phải nên từ bi thương xót tất cả chúng sinh. Phật đã thọ ký cho Đại vương như thế thì phải đúng pháp mà tu hành. Bấy giờ, vua A-dục càng kính tin Phật pháp, bèn chắp tay lạy Tỳ-kheo mà sám hối: Con đã làm việc rất bất thiện, cúi mong, cho con sám hối lỗi xưa, đừng trách con kẻ ngu si.

Kinh Thí Dụ nói: Lúc đó, vua ở trong cung thường cúng dường bốn thứ cần dùng cho hai vạn Sa-môn. Có phạm chí ngoại đạo cùng rất đông môn đồ ganh ghét muốn hại Sa-môn, muốn chê bai làm nhục. Bèn chọn một người biết ảo thuật hóa thành người dị đạo thờ thần tên là Di-ma-đát-la, một đầu bốn mặt tám mắt tám tay, mặt mày xấu xí và rất mạnh mẽ hung bạo trước đi tuần ấp rồi đến cửa thành. Các trai gái trong thành chạy trốn hết. Vua ngồi kiệu ra cửa thành đón rước hỏi muốn gì, quỉ nói ta muốn ăn thịt người. Nếu thương tiếc dân thì nạp cho ta tất cả Sa-môn đưa vào bếp làm món ăn. Vua kinh hãi sai người báo tin cho các vị Tăng biết. Bấy giờ, có một Sa-di tên là Đoan Chánh mới mười ba tuổi, bạch các Tỳ-kheo rằng con có thể hàng phục nó. Rồi đến chỗ quỉ bảo rằng: Các thầy Tỳ-kheo sắp đến đây, (vua) muốn tỏ bày điều kỳ lạ thì hãy đãi ăn. Lúc đó, các Phạm chí đi theo quỉ hơn hai muôn người. Vua bày biện đại cúng dường. Sa-di bèn há mồm nhe nanh ăn hết thức ăn, vẫn chưa no bèn bắt các người theo quỉ mà nuốt, rồi dùng thần thông mà đưa hết về tinh xá Kỳ Hoàn. Phạm chí biến hóa kia liền cúi đầu tạ lỗi, cầu xin xuất gia và đều thành Sa-môn. Sau có nhiều người chứng quả La-hán. Vua do đó càng tin phục. Khi Tỳ-kheo kia độ vua A-dục rồi, liền bay lên hư không biến mất. Bấy giờ, vua ở trong địa ngục muốn ra thì Kỳ-lê thưa: Vua không được ra. Vua hỏi: Ngươi muốn giết ta chăng? Đáp: Đúng thế. Vua hỏi: Ai vào đây trước? Đáp: Chính tôi. Vua nói: Nếu thế thì ngươi phải chết trước, rồi vua sai người trói lại mà đốt, rồi phá ngục mà phóng thả tất cả.

Truyện nói: Vua có tín tâm, bèn hỏi Đạo nhân rằng: ngày xưa Ta

giết hại không cần lý lẽ, nay phải tu điều lành nào mà thoát được tai ương? Đáp rằng: chỉ nên xây tháp và cúng dường chúng tăng, thả những người tội, cứu giúp người nghèo hèn cô độc côi cút. Vua hỏi xây tháp chỗ nào? Đạo nhân bèn dùng thần lực đưa tay trái che mặt trời thì ánh sáng mặt trời chiếu ra tám vạn bốn ngàn tia sáng chiếu khắp cõi Diêm-phù-đề chỗ nào có tia sáng chiếu đến đều có thể xây tháp, hiện nay các tháp vẫn còn.

Bấy giờ, vua muốn xây tháp Xá-lợi bèn đem quân đến thành Vương xá lấy xá-lợi trong tháp Phật của vua A-xà-thế, rồi sửa sang tháp ấy trở lại như trước không khác. Như thế lấy xá-lợi trong bảy tháp Phật. Khi đến thôn La-ma thì vua rồng dẫn vua xuống cung rồng. Vua đòi vua rồng xá-lợi để cúng dường, vua rồng bèn cho. Bấy giờ, vua làm tám vạn bốn ngàn chiếc hộp bằng vàng, bạc, lưu ly, pha lê đựng đầy xá-lợi Phật. Lại làm tám vạn bốn ngàn bình báu để trong các hộp này. Lại làm vô lượng trăm ngàn cờ phướn lọng báu khiến các quỉ thần đều cầm mà cúng dường xá-lợi. Lại ra lệnh cho các quỉ thần ở cõi Diêm-phù-đề từ thành thị, thôn ấp, đến bờ biển cứ một ức nhà thì xây một tháp Phật. Lúc đó, có một nước tên là Trước-xoa-thi-la có ba mươi sáu ức ngôi nhà. Người nước ấy bảo quỉ thần rằng hãy cùng ta xây tháp Phật. Vua làm phương tiện nước nào ít người thì chia số nhà mà xây tháp. Lúc đó, ấp Ba-liên-phất có Thượng tọa tên Da-xá. Vua đến thưa con muốn ở đây trong một ngày mà xây tám vạn bốn ngàn ngôi tháp Phật ở khắp cõi Diêm-phù-đề này, ý nguyện như thế. Thượng tọa nói lành thay. Đại vương sau này vào lúc nhật thực, nguyệt thực mà xây tháp Phật ở cõi Diêm-phù-đề. Như thế cho đến một ngày ở đây mà xây tám vạn bốn ngàn ngôi tháp. Mọi người trong thế gian đều vui mừng, cùng gọi là pháp A-dục Vương.

Kinh Đại A-dục Vương nói: Tám nước phân chia xá-lợi. Phần vua A-xà-thế được tám mươi bốn ngàn, lại riêng được một hàm râu. Giữa đường gặp vua rồng Nan-đầu-hòa xin chia xá-lợi, vua không chịu, liền nói ta làvua rồi có thể dùng năng lực phá tan nước ông, Vua A-xà-thế sợ quá liền dâng râu Phật. Vua rồng trở về chui xuống dưới núi Tu-di, dâng nước lên cao tám vạn bốn ngàn dặm, sau đó xây tháp thủy tinh. Vua A-xà-thế trở về nước dùng hộp vàng ròng mà đựng xá-lợi, làm đèn ngàn năm, làm năm ngôi tháp mà chôn trong nước dưới sông Hằng. Sau, vua A-dục chiếm được nước ấy mà cưới phu nhân thân cao tám thước tóc cũng dài như thế. Các tướng đầy đủ. Vua cho thầy tướng xem thì nói sẽ sinh cho vua Thái tử da mầu vàng. Vua liền lập làm phu nhân thứ

hai. Sau đó có thai. Lúc đủ mười tháng vua có việc ra ngoài, Hoàng hậu ghen ghét bèn tìm cách giết hại. Tình cờ gặp heo mẹ đẻ con liền bảo Đệ nhị phu nhân rằng: Em trẻ tuổi mới sanh lần đầu chẳng nên nhìn thấy ánh sáng mặt trời, dùng vải bịt mắt sẽ sinh con trai, rồi lén vào cung mà ôm đứa bé mới sinh giết đi, thế bằng heo con mới đẻ. Lại mắng rằng: Ngươi sinh cho vua là con trai vàng vì sao lại sinh ra heo, liền dùng bánh xe mà đánh rồi bắt ở ngoài vườn rau trồng rau. Vua trở về nghe chuyện thì không vui. Lâu sau, vua ra vườn sau dạo chơi thấy nhớ bèn đón về cung, Đệ nhị phu nhân lại được gần gũi rồi kể đầu đuôi. Vua nghe nói giận dữ giết chết tám mươi bốn ngàn phu nhân. Sau, vua A-dục lập ra địa ngục ở ngoài thành để trị tội các người tội, Phật biết vua giết các phu nhân sẽ bị đọa địa ngục, liền sai Tỳ-kheo Tiêu Tán đến hóa độ vua, vua phát được tín ngộ. Bèn hỏi Tỳ-kheo rằng: Giết tám vạn bốn ngàn phu nhân có chuộc được tội chăng? Tỳ-kheo nói hãy vì một người mà xây một ngôi tháp, trong tháp để một hạt xá-lợi Phật thì sẽ được thoát tội. Vua liền tìm xá-lợi Phật của vua A-xà-thế. Có vị quốc tướng phụ một trăm hai mươi tuổi, dẫn năm vạn người đến lấy xá-lợi. Vua được rất mừng bèn chia cho qui thần mỗi người trở về chỗ mình khiến trong một ngày cùng lúc mang chở tám vạn bốn ngàn cõi. Quỉ thần nói nhiều núi sông cách trở không thể biết nhau. Vua nói bọn các vị chỉ cần trở về bàn hộ sát an linh, ta sẽ khiến A-tu-luân lay tay che mặt trời mặt trăng, cả bốn thiên hạ cũng đồng thời đánh trống mà cùng đội lên. Hai kinh nói khác nhau nên còn cả hai. Và kinh Ca-diếp Ngứ A-nan chép: Khi xây tháp xong rồi thì dệt một ngàn hai trăm cờ phướn lọng báu có nhiều hoa. Khi chưa treo lên thì vua bị bệnh, nằm trên gối mà khảng khái nói rằng: Nếu oai linh có cảm xin xem xét lòng chí thành của con các tháp đều bày ra phủ phục trước vua. Vua liền treo phướn vào thì các tháp đều bay về chỗ của mình. Vua suy yếu lấy phướn không đủ, các Tỳ-kheo bèn lấy giúp. Cho nên nay dâng phang lên khiến các Tỳ-kheo treo trước. Nhờ mà hết bịnh và sống thêm mười hai năm nữa. Do đó mà gọi là phướn nối mạng.

Vua đã xây tám mươi bốn ngàn tháp xong thì vui mừng dắt các quan đến tinh xá Khổng Tước, bạch với Thượng tọa Da-xá rằng: Có Tỳ-kheo nào ở chỗ Phật được thọ ký thường làm Phật sự chăng? con sẽ đến đó cung kính cúng dường. Thượng tọa đáp: Khi Phật bát Niết-bàn thì Ngài có đến nước Ma-thâu-la, bảo A-nan rằng: Sau khi ta bát Niết-bàn một trăm năm sẽ có con của Trưởng giả tên là Ưu-ba-khuất-đa xuất gia học Đạo, hiệu là Vô Tướng Phật. Vua hỏi Thượng tọa: Ưu-ba-khuất-đa

nay đã ra đời chưa? Đáp: Đã ra đời xuất gia học Đạo, đó là vị A-la-hán ở trong núi Ưu-lưu-man-trà, vua nghe xong rất vui mừng. Liền sai các quan sửa sang xa giá đem vô lượng quyến thuộc đến chỗ ấy. Tôn giả suy nghĩ nếu vua đến thì có vô lượng người theo sẽ bị khổ dữ dội vì giết hại các sâu bọ. Bèn đáp lời sứ giả rằng: Ta sẽ tự đến chỗ vua. Lúc đó, vua nghe Tôn giả tự đến thì rất vui mừng, từ Ma-thâu-la đến ấp Ba-liên-phất, ở giữa để cái chu hàng, trên hàng treo các phướn lọng. Lúc đó, Tôn giả Ưu-ba-khuất-đa dắt mười tám ngàn vị A-la-hán đến chỗ vua. Vua rất vui mừng bèn cởi chuỗi anh lạc giá trị ngàn vàng mà trao cho. Vua dắt các vị Đại thần, quyến thuộc đến chỗ Tôn giả. Sau khi dùng cơm xong, bèn quỳ thẳng chấp tay bạch Phật rằng: Nay con thống lãnh cõi Diêm-phù-đề này, làm vua mà chẳng vui, nay gặp Tôn giả thì vui mừng vô lượng, đệ tử Như lai được như thế thì như thấy Phật. Lúc đó, vua mời Tôn giả vào thành, bày các tòa mời Tôn-giả ngồi. Chúng tăng sai đến tinh xá Khổng Tước bạch với Tôn giả rằng: Tôn giả dung mạo đẹp đẽ, thân thể mềm mại, mà con thì hình thù xấu xí da dẻ sần sùi nhám nhúa. Tôn giả bèn nói kệ rằng:

Khi ta hành bố thí
Tâm tịnh, vật đẹp đẽ
Không như lúc vua thí
Lại đem cát cho Phật.

Bấy giờ, vua A-dục bảo các quan rằng: Vì ta đem cát bố thí Phật nên bị quả báo như thế, vì sao lại chẳng tu kính Thế Tôn. Vua lại bạch Ưu-ba-khuất-đa rằng: Xin Tôn giả chỉ con biết chỗ nói pháp và chỗ du hành của Phật, con sẽ đến lễ bái, cúng dường. Vua bèn kéo quân mang đủ thứ cúng dường như hương hoa, phướn lọng trỗi nhạc, cùng Tôn giả ra đi. Tôn giả đến rừng Long tần, đây là chỗ sinh ra Như lai. Vua lạy sát đất và cúng dường. Rồi xây tháp Phật. Đây là chỗ Bồ-tát sáu năm tu khổ hạnh, đây là chỗ hai cô gái cúng sữa cho Phật, Tôn giả lại dắt vua đến cây Đạo tràng, bảo vua rằng ở chỗ cây này Bồ-tát dùng năng lực tam-muội từ bi mà phá chúng ma, được A-nậu-đa-la-Tam-miệu-Tam-bồ-đề. Bấy giờ, vua bỏ vô lượng các thứ châu báu để cúng dường và xây tháp miếu lớn. Tôn giả dắt vua đến nước Cưu-thi-na-kiệt nói rằng: Nơi này Như lai đã làm xong Phật sự mà nhập Niết-bàn vô dư. Vua nghe xong rất buồn khổ than khóc nhưng càng cúng dường và xây dựng tháp miếu. Vua bạch Tôn giả rằng: Ý con muốn được thấy Phật và các Đại đệ tử được Phật thọ ký mà cúng dường xá-lợi. Xin Ngài giúp con chỉ ra?. Tôn giả nói: Lành thay lành thay! Đại vương phát được tâm mầu

như thế! Tôn giả dắt vua đến nước Xá-vệ vào tinh xá Kỳ Hoàn và chỉ ngôi tháp, bảo đây là tháp Tôn giả Xá-lợi-phất vua nên cúng dường. Vua hỏi: Vị ấy có công đức gì? Tôn giả đáp: Đó là vua pháp thứ hai (thứ nhất là Phật) xoay bánh xe pháp. Vua rất vui mừng liền bỏ ra mươi vạn châu báu để cúng dường ngôi tháp ấy. Kế đó lại chỉ cho vua thấy tháp ngài Đại Mục-kiền-liên. Vua cũng hỏi vị này có công đức gì? Tôn giả đáp: Đây là vị có thần thông bậc nhất, ấn chân xuống mặt đất đất liền rung chuyển vua cũng bỏ mười muôn châu báu để cúng dường ngôi tháp ấy. Kế lại chỉ cho vua thấy tháp ngài Ma-ha Ca-diếp, bảo rằng: Ngài đang ngồi thiến trong hang. Vua hỏi: Ngài ấy có công đức gì, thì đáp vị ấy ít muốn biết đủ, tu hạnh Đầu-đà bậc nhất, Như lai đã nhường cho Ngài nửa tòa ngồi và y tăng-già-lê, thương xót chúng sinh cùng lập chánh pháp. Lúc đó, vua bỏ ra mười muôn lượng châu báu mà cúng dường ngôi tháp ấy. Kế là chỉ tháp của Tôn giả Bạt-câu-la, vua hỏi vị này có công đức gì thì đáp vị này không bệnh bậc nhất. Cho đến không vì người nói một câu pháp nào mà luôn im lặng không nói, thì vua cúng dường một đống tiền. Các quan hỏi công đức đã bình đẳng vì sao chỉ cúng dường một tiền. Vua bảo hãy nghe ta nói kệ:

Tuy trừ si vô minh
Trí tuệ năng xem xét
Tuy có câu Bạc câu
Ở đời có ích gì.

Bấy giờ, một đồng tiền ấy trở về chỗ vua. Các quan thấy việc ít có như thế đồng thanh khen rằng: Hoan hô Tôn giả ít muốn biết đủ, dù cho một tiền cũng chẳng dùng.

Lại chỉ cho vua thấy tháp ngài A-nan. Vua hỏi vị này có công đức gì? Đáp: Người này là thị giả Phật, học rộng bậc nhất soạn tập các kinh Phật. Vua liền bỏ ra một trăm ức lượng châu báu mà cúng dường ngôi tháp ấy. Các quan hỏi vì sao cúng dường tháp này hơn các tháp trước? - Vua nói kệ rằng:

Thân thể của Như lai
Tánh Pháp thân thanh tịnh
Ngài ấy đều giữ gìn
Nên cúng dường nhiều hơn
Đèn pháp luôn ở đời
Sẽ diệt tối ngu này
Đều do Ngài mà được
Nên cúng dường nhiều hơn.

Bấy giờ, vua thường cúng dường nhiều thứ, đến cây Bồ-đề Đạo tràng là nơi Như lai được A-nậu-đa-la-Tam-miệu-Tam-bồ-đề (Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác) thì nên cúng dường châu báu ít có ở thế gian. Lúc đó, phu nhân của vua tên là Đề-xá-la-hy-đa nghĩ rằng: Vua rất thương yêu ta, ta cũng mến vua, nay vua bỏ các châu báu của ta mà cúng dường cho cây, ta phải tìm cách giết cây này, cây chết rồi thì lá rụng hết, vua sẽ không còn đến đó nữa, sẽ luôn vui đùa với ta. Liền sai người dùng sữa nóng mà tưới thì cây liền héo. Lúc đó, các quan báo vua cây bỗng nhiên khô héo lá rụng trơ trụi. Nghe xong thì vua ngất xỉu. Bấy giờ, phu nhân thấy vua buồn bã không vui bèn tâu vua chớ sầu não, thiếp sẽ làm vui lòng vua. Vua nói không còn cây ấy mạng ta cũng chẳng còn. Như lai ở dưới cây ấy mà được Vô thượng Chánh giác. Ấy ấy không còn thì ta sống làm gì. Phu nhân nghe lời quyết định của vua bèn sai người đem sữa lạnh mà tưới thì cây ấy sống lại. Vua nghe nói rất vui mừng đến dưới gốc Bồ-đề ngắm nhìn mãi. Bấy giờ, vua sắm bốn bình báu vàng, bạc, lưu ly, pha lê đựng đầy sữa thơm và nước thơm, đem các thứ ăn uống, cờ phướn lọng báu đều một ngàn thứ, và các thứ hoa hương kỹ nhạc rồi thọ tám giới quan trai, mặc y phục trắng sạch, bưng lò hương lên điện lạy bốn phương nguyện rằng: Xin các Thánh hiền đệ tử của Như lai ở mười phương thương xót con mà nhận con cúng dường. Khi vua khấn lời ấy thì có ba mươi muôn vị Tỳ-kheo đến tập hội, trong số đó có mười vạn vị A-la-hán, hai mươi vạn là Học nhân và Tỳ-kheo phàm phu. Trên tòa, Thượng tọa không có ai ngồi. Vua hỏi các Tỳ-kheo vì sao trên tòa không có ai ngồi? Lúc đó, trong đại chúng có một vị Tỳ-kheo tên là Da-xá là Đại A-la-hán đầy đủ sáu thần thông tâu vua rằng: Tòa này người khác không dám ngồi. Vua hỏi vậy thì của Tôn giả nào? Đáp rằng: Có Tôn giả mà Phật đã nói, ấy là Tân-đầu-lô đáng ngồi tòa này. Vua rất vui mừng hỏi trong đó có Tỳ-kheo nào thấy Phật chăng, thì đáp có, hiện ngài Tân-đầu-lô cũng còn ở đời. Vua hỏi có thấy được Tỳ-kheo ấy chăng? Thì đáp: Không bao lâu sẽ thấy, Ngài sắp đến. Vua hết sức vui mừng. Lúc đó, Tôn giả Tân-đầu-lô dắt vô lượng vị A-la-hán theo sau, cùng từ trên hư không mà xuống. Các Tỳ-kheo Thượng tọa đều tu kính lễ và thứ lớp mà ngồi. Lúc đó, vua thấy Tôn giả Tân-đầu-lô tóc bạc trắng. Bích-chi-Phật kính lạy quì và bạch Tôn giả rằng: Ngài có thấy Đức Thế tôn chăng? Tôn giả Tân-đầu-lô một tay vén mày, một tay chỉ vua bảo rằng: Xưa Như lai dẫn năm trăm vị A-la-hán cùng nhóm họp trước an cư tại thành Vương xá, lúc ấy ta cũng có ở đó. Khi Đức Thế tôn đến ở nước Xá-vệ thì con gái của Trưởng giả Cấp Cô Độc thỉnh Phật

và Tỳ-kheo tăng. Lúc đó, các Tỳ-kheo đều bay trên hư không mà đến. Ta lúc đó dùng thần lực đem núi to đến dự. Bấy giờ, Đức Thế tôn trách ta trong chánh pháp đâu được hiện thần thông như thế. Nay ta phạt thầy phải thường ở thế gian không được nhập Niết-bàn mà hộ trì chánh pháp của ta, chớ để cho dứt mất. Một lúc khác, Như lai hướng dẫn các Tỳ-kheo vào thành khất thực. Nhà vua lúc bấy giờ cùng hai đứa trẻ đang chơi cát, xa thấy Phật đến bèn dâng cát lên dâng Đức Phật. Lúc đó, Thế Tôn thọ ký cho cậu bé rằng: Sau khi ta diệt độ một trăm năm thì cậu bé này ở ấp Ba-liên-phất sẽ làm vua thống lãnh cõi Diêm-phù-đề tên là A-dục, sẽ rộng phân bố xá-lợi của ta. Trong một ngày sẽ xây dựng tám vạn bốn ngàn ngôi tháp. Nay chính là vua, ta lúc ấy cũng ở trong đó. Vua bèn hỏi Tôn giả rằng: Ngài bấy giờ ở đâu? Tôn giả đáp: ở tại núi phía Bắc, tên là Kiên-đà-ma-la, cùng ở với các vị tăng phạm hạnh. Vua hỏi có bao nhiêu quyến thuộc? Đáp: Có sáu muôn vị A-la-hán. Vua cần gì hỏi nhiều, nay cần cúng dường Chư tăng sẽ khiến vua vui. Vua đáp đúng thế. Nhưng nay tôi trước phải cúng dường Phật, nhớ cây Bồ-đề đã giác ngộ, sau là cúng thí chư Tăng thức ăn thơm ngon. Vua bảo các quan báo cáo cõi nước rồi ra lịnh đem mười muôn lượng vàng mà cúng thí chư tăng và ngàn bình nước thơm tưới cây Bồ-đề. Nhóm họp năm chúng. Lúc đó, Vương tử tên là Câu-na-la ở bên vua đưa hai ngón tay mà không nói, ý muốn cúng dường gấp hai, đại chúng thấy thế đều cười lớn. Vua cũng cười bảo rằng: Ôi chao, Vương tử sẽ được nhiều công đức. Vua bảo: ta lại cúng dường gấp ba cơ, rồi sai đem cúng ba mươi muôn lượng vàng và một ngàn bình nước thơm. Vương tử lại đưa bốn ngón tay. Vua bỗng nổi giận hỏi các quan ai dạy Vương tử làm việc này mà tranh với ta. Các quan tâu đâu có ai dám tranh với vua, chỉ có Vương tử thông minh lợi căn muốn làm nhiều công đức cho nên như thế. Vua ngoái nhìn Vương tử, rồi bạch Thượng tọa Da-xá rằng: Trừ vật trong kho tàng của con, ra, còn tất cả các vật khác, cõi Diêm-phù-đề này và Hoàng hậu, thể nữ các quan quyến thuộc và Vương tử Câu-na-la thì đều bố thí hết cho các Hiền Thánh Tăng. Lúc đó, vua, Thượng tọa và các Tỳ-kheo tăng đem một ngàn bình nước thơm đến tắm gội cây Bồ-đề thì cây càng đẹp đẽ sum suê bội phần. Vua và các quan đều mừng rỡ. Vua tắm gội cây Bồ-đề xong rồi lại cúng dường chúng tăng. Lúc đó, Thượng tọa Da-xá bảo vua rằng: Nay có rất đông Tỳ-kheo tăng nhóm họp thì nên phát tâm thuần tín mà cúng dường. Bấy giờ, từ trên đến dưới vua tự tay cúng dường. Lúc đó, có hai vị Sa-di dùng xong thì lấy mì vo tròn thành viên chia nhau, vua cười bảo các Sa-di này chơi trò

trẻ con. Cúng dường xong vua đứng trước tòa. Thượng tọa bảo vua chớ sinh tâm không kính tín. Vua đáp: Con không hề có tâm không kính tín. Con thấy hai Sa-di vò mì thành viên, giống như trẻ con thế gian vò đất ném nhau thì hai Sa-di này cũng lấy viên mì ném nhau. Thượng tọa tâu vua rằng: hai Sa-di này là bậc A-la-hán câu giải thoát dâng thức ăn cho nhau. Vua nghe xong thì tăng thêm tín tâm mà nghĩ rằng hai Sa-di này lần lượt thí cho nhau, nay ta cũng nên thí lụa vải kiếp bối cho tất cả các vị Tăng. Lúc đó, hai Sa-di biết ý niệm của vua nêu bảo nhau rằng: Để vua càng thêm kính tín, thì một Sa-di trao cho vua một cái chảo lớn, một Sa-di trao cho vua cỏ nhuộm. Vua hỏi hai Sa-di về cách dùng. Sa-di nói vua đã vì chúng tôi mà bố thí cho tăng chúng lụa vải kiếp bối, chúng tôi muốn vua nhuộm mầu rồi thí cho chúng Tăng. Vua nghĩ rằng: Ta mới tính chưa nói ra ngoài mà hai Sa-di này đã biết, hẳn đã được tha tâm trí. Vua liền cúi lạy chúng tăng rồi bảo Sa-di rằng: Ta nhờ quí vị mà cúng thí y áo cho chư tăng, thí xong lại đem ba y và bốn ức muôn lượng châu báu mà thí cho năm bộ chúng. Lại đem bốn mươi ức muôn lượng châu báu mà chuộc các cung nhân thể nữ của các Thái tử, Đại thần. Vua A-dục làm vô lượng công đức như thế.

Kinh Tạp A-hàm nói: Vua A-dục được tâm kính tín bèn hỏi các Tỳ-kheo rằng: Trong Phật pháp ai làm bố thí lớn nhất. Các Tỳ-kheo đáp đó là Trưởng giả Cấp Cô Độc. Vua hỏi ông ấy thí bao nhiêu, thì đáp cả ức ngàn vàng. Vua nghe xong nghĩ rằng Trưởng giả đó còn thí ức ngàn vàng, còn ta làm vua chẳng lẽ cũng thí ức ngàn vàng, bèn đem thí ức trăm ngàn vàng. Lúc đó, vua xây tám mươi bốn ngàn ngôi tháp, ở mỗi tháp lại thí trăm ngàn vàng. Lại tổ chức hội năm năm một lần, hội có ba trăm ngàn Tỳ-kheo, dùng ba trăm ức lượng vàng cúng dường. Trong chúng ấy, phần thứ nhất là A-la-hán, phần thứ hai là bậc Hữu học, phần thứ ba là các Tỳ-kheo phàm phu chân thật. Trừ kho riêng ra thì các phu nhân thể nữ, Thái tử, Đại thần cõi Diêm-phù-đề này bố thí cho thánh Tăng, lại dùng bốn ức lượng vàng mà chuộc lấy. Như thế tính ra có chín mươi sáu ức ngàn vàng. Khi vua bị bệnh nặng biết mình sắp chết bèn bảo rằng: Ta thường nguyện đem đủ ức trăm ngàn vàng mà làm các công đức, nay nguyện chưa thành mà đã đến đời sau. Tính ra thì số tiền bố thí chỉ ít hơn nguyện có bốn ức. Vua bèn đem các châu báu mà đưa lên chùa Kê Tước. Con của Pháp Ích tên là Tam-ba-đề vì Thái tử và các quan mà bảo Thái tử rằng: Đại vương sắp mất, nay lại đem số châu báu này mà đưa lên chùa, trong quốc khố tiền của đã hết. Theo phép các nước thì tài vật là quí, Thái tử nên quyết đoán, chớ để dùng hết. Bấy

giờ, Thái tử ra lệnh thủ kho không xuất kho. Vua biết là đòi lại không được, bèn lấy đồ đựng thức ăn bằng vàng mà đưa lên chùa. Thái tử lại cho vua ăn đồ bằng bạc, ăn xong vua cũng đưa đồ bạc lên chùa, sau cho ăn bằng đồ đồng, ăn xong vua cũng đưa đồ đồng lên chùa, sau lại cho vua ăn bằng đồ sành. Bấy giờ, trong tay vua chỉ còn nửa quả a-ma-lặc, buồn khóc hỏi các quan nay ai là chủ đất. Các quan đáp vua là chủ đất? Vua bèn nói với người hầu rằng: Nay ngươi nhớ ân ta nuôi dưỡng, hãy đem nửa quả a-ma-lặc này lên chùa Kê Tước theo ý ta, lạy các vị Tăng thưa rằng: Vua A-dục hỏi thăm sức khỏe các Thánh chúng, con thống lãnh cõi Diêm-phù-đề này, cõi Diêm-phù-đề này là của con. Nay con sắp chết không còn tự tại, chỉ có nửa quả a-ma-lặc này là còn tự do, đây là vật bố thí sau cùng, xin hãy thương xót con mà nhận lấy, khiến cho con được phước. Lúc đó, Thượng tọa bảo đại chúng rằng ai nghe lời ấy mà không nhàm chán thế gian, như kinh Phật nói vì việc suy vi nên phải nhàm chán xa lìa. Bấy giờ vị Thượng tọa ấy nghĩ rằng: Làm sao cho tất cả chúng Tăng đều có phần của nửa quả a-ma-lặc này, bèn bảo mài ra rồi bỏ vào canh thạch lựu thì ai nấy đều dùng. Lúc đó, vua lại hỏi quan hầu rằng ai là chủ cõi Diêm-phù-đề, quan hầu tâu Đại vương là chủ. Vua bèn ngồi dậy nhìn bốn hướng chắp tay, nghĩ các công Đức của Chư Phật, bảo rằng: Nay ta đem cõi Diêm-phù-đề này mà cúng thí cho Tam bảo, vua viết ý ấy vào giấy xếp lại cắn chặt làm ấn, làm xong thì qua đời. Bấy giờ, Thái tử các quan và người dân đem các thứ cúng dường làm lễ tang cho vua và đúng pháp mà trà-tỳ.

Kinh Pháp Ích nói: Vua có Thái tử tên là Đạt-ma Bạt-đàn-na, Hán dịch là Pháp Ích, ngày sinh ra đúng vào ngày xây tám muôn bốn ngàn tháp, có đôi mắt rất đáng yêu giống như mắt chim Cưu-na-la, bèn lấy đó đặt tên, Thái tử là người phong tư minh nhã, có tài văn võ, khéo đàn một dây. Vua có cung phi, nhìn thấy Thái tử rất yêu mến muốn tư thông, Thái tử cố từ chối thì cung phi này để tâm thù ghét lại sợ việc tiết lộ ra thì bị tội, bèn tâu vua rằng: Nay bốn biển đồng gió, Thái tử đã lớn rồi, đức tài đầy đủ, văn võ song toàn, nên cử ra giữ gìn biên giới mà thâu phục trăm họ. Vua đồng ý bèn khiến bộ binh đưa đi. Thái tử trấn nhậm cai trị. Hơn năm sau thì vua có bệnh khắp mình lở lói hôi thúi, thuốc men không trị được. Phu nhân lén sai người hỏi tìm trong nước người cùng bệnh, mổ bụng ra xem thì thấy có con sâu đen dài một tấc rất hôi thúi, bèn lấy thuốc chế vào thì mùi hôi thúi càng dữ. Lại lấy tỏi xông thì sâu chết mà hết thúi. Bèn tâu vua rằng: Thiếp trị bệnh vua lành thì cho thiếp làm vua trong bảy ngày thôi, Vua đồng ý. Phu nhân bèn lấy

tỏi cho vua uống thì bệnh lành. Cung nữ dâng rượu lên vua ăn mừng, vua quá say chẳng hay biết gì. Phu nhân còn hận Thái tử bèn giả lệnh vua bắt Thái tử phải tự móc hai mắt, cho người khác thay thế trấn giữ. Theo phép nước thì lấy dấu răng làm ấn, bèn giả dấu răng của vua. Thái tử vâng lệnh vua không oán hờn trách móc, bèn móc trước một mắt để trong lòng bàn tay nhìn hồi lâu thì ngộ được khổ, không, vô ngã mà chứng được quả Tu-đà-hoàn. Sau móc tiếp mắt nữa, rồi cùng vợ dắt nhau ra khỏi thành đi ăn xin. Mọi người thấy thế thì khóc lóc, ngó lên trời mà than rằng: Thái tử có tội tình chi mà đến nỗi này! Vợ chồng Thái tử ăn xin lần về đến nước cũ, ôm đàn một dây mà đờn hát. Lúc ấy, có một vị Đại thần biết đó là Thái tử cũng biết việc làm của phu nhân (vợ vua) mà không dám hỏi. Bèn nhờ người khác tâu vua ngoài thành có một người giỏi đờn cầm, có đủ sáu mươi bốn thứ kỷ nhạc, chẳng thể không nghe. Vua cho mời vào, thấy là con mình thì ngất xỉu hồi lâu, tỉnh lại hỏi lý do, mới biết là do phu nhân làm. Vua trước có thọ năm giới nên không sát sinh, chỉ phạt phu nhân bằng cách bỏ vào rừng sâu. Thái tử nghe phu nhân bị hình phạt thì kết khí phát bệnh mà chết. Vua vì tuổi già bệnh nằm trên giường không còn oai lực. Các quan giúp vua trị vì, nửa năm sau thì qua đời sau khi đã lập con của Pháp Ích là Tam-ba-đề lên nối ngôi mình.

Kinh A-dục Vương Tức Pháp Ích Hoại Mục Nhân Duyên nói: Phu nhân Thiện Dung và quan Đại thần Da-xa trộm ấn vua giả làm lệnh vua móc hai mắt Vương tử, về sau vua phát thệ khiến được nhãn căn, thần cảm ứng khiến lại sinh mắt tịnh. Vua thấy điềm lành vô cùng khen ngợi mà cởi mũ báu trao cho Pháp Ích nối nghiệp vua Chuyển luân cai trị sáu năm. Pháp Ích làm vua sáu năm rồi tâu vua cha xin xuất gia, vua cha bằng lòng cho xuất gia học Đạo.

Tăng Hựu xét thấy: Kinh A-hàm không nói Pháp Ích nối ngôi, ấy là lược bỏ. Song Pháp Ích xuất gia rồi con là Ba-đề làm Thái tử, vua A-dục trở lại nắm quyền.

Lại nữa, Thái tử tên là Tỳ-lê-ha-tây-na lên nối ngôi, có con là Thái tử Phất-sa-tu-ma lên nối ngôi, có con là Thái tử Phất-sa-mật-đa-la lại nối ngôi vua. Bấy giờ, Phất-sa-mật-đa-la hỏi các quan rằng: Ta sẽ làm gì để danh đức của ta còn mãi với đời. Lúc đó, các quan hiền thiện đều tin Tam bảo tâu vua rằng: Tổ tiên A-dục khi sống trên đời đã xây dựng tám muôn bốn ngàn ngôi tháp, lại cúng dường đủ các thứ mà danh đức truyền mãi đến nay. Vua muốn lập tiếng tăm này thì cũng nên xây dựng tám mươi bốn ngàn tháp và các thứ cúng dường. Vua nói

Đại vương A-dục có oai đức lớn mới làm được việc ấy ta chẳng thể làm được, nay phải nghĩ việc khác. Khi đó, có một vị quan ác không tin Tam bảo tâu vua rằng: Thế gian có hai cách lưu truyền thế gian bất diệt: Một là làm lành, hai là làm ác. Đại vương A-dục đã làm các việc thiện, nay vua nên làm việc ác là phá hoại tám mươi bốn ngàn ngôi tháp thì danh tiếng này bất diệt. Vua bị các nịnh thần xúi giục nên muốn phá tan các chùa tháp. Trước đến chùa Kê Tước, thì ở trước cửa có con sư tử đá liền rống, vua nghe sợ quá liền trở vào thành. Như thế ba lần muốn phá chùa. Lúc đó, vua hỏi các Tỳ-kheo muốn ta phá chùa tháp hay phá Tăng phòng. Các Tỳ-kheo đáp: cả hai đều chẳng nên làm. Vua muốn phá hoại bèn phá tăng phòng giết hại Tỳ-kheo, như thế dần dần đến nước Bà-già-la. Lại ra lệnh nếu ai có được đầu Sa-môn sẽ thưởng một trăm lượng vàng. Bấy giờ, trong nước ấy có một vị A-la-hán hóa thành đầu của rất nhiều Tỳ-kheo, đưa cho các bá tánh dâng lên vua, khiến kho tàng vua cạn kiệt. Khi vua nghe La-hán ấy làm việc như thế thì càng tức giận muốn giết La-hán. Bấy giờ, La-hán ấy nhập định Diệt tận. Vua làm vô số cách để giết bậc Thánh mà không được, vì sức tam-muội nên không tổn thương thân thể. Như thế dần đến tháp Phật. Có một quỉ thần ở trong đó giữ gìn tháp Phật là Nha-xỉ, nghĩ rằng ta thọ giới cấm của Phật chẳng giết hại chúng sinh nên không thể giết vua được. Lại nghĩ có một vị thần tên là Trùng, rất hung bạo dữ dằn, muốn cưới con gái ta không cho. Nay vì muốn hộ pháp nên gả cho nó để nó giữ gìn Phật pháp. Lúc đó, Thần Trùng xô núi đè lên vua và bốn binh thì vua và binh lính đều chết hết, cuối cùng dòng họ Khổng Tước dứt mất.

Tăng Hữu xét thấy: Việc tám muôn ngôi tháp là huyền ký hậu sự, nói rộng là để kiểm nghiệm việc làm của mình. Nay ghi gia phả trước sau về họ Thích, chỉ có tháp là do vua A-dục xây dựng có ghi đủ trong gia phả họ Khổng Tước. Tuy văn có rườm rà nhưng việc xây tháp thì đầy đủ.

32. TÚC DUYÊN CỦA TÁM VẠN BỐN NGÀN NGÔI THÁP THỜ PHẬT THÍCH CA

(Xuất xứ từ kinh Hiền Ngu)

Bấy giờ, Phật cùng A-nan vào thành Xá-vệ khất thực gặp một đám trẻ con đùa giỡn bên đường, chúng gom cát làm nhà cửa kho tàng tiền của lúa thóc. Có một cậu bé xa thấy Phật đến liền phát tâm vui mừng kính trọng bèn lấy thóc trong kho đem ra dâng Phật, nhưng thân

hình nhỏ bé không đưa lên được bèn bảo cậu bé kia ngươi cõng ta lên để ta dâng lúa lên Phật. Cậu bé kia vui lòng và cõng bạn lên. Phật hạ bát xuống mà nhận cát, rồi trao cho A-nan bảo đem cát này đắp ở phòng ta. A-nan dùng xong lấy cát đắp phòng Phật thì vừa đủ. Phật bảo A-nan đứa bé vừa rồi do thí cát cho ta, nên sau khi ta diệt độ một trăm năm thì sẽ làm vua tên là A-du-ca (A-dục) còn đứa bé kia thì làm quan Đại thần mà thống lãnh tất cả các nước ở cõi Diêm-phù-đề, làm hiển vinh Tam bảo, bày biện cúng dường và phân bố rộng rãi xá-lợi ta ở khắp Diêm-phù-đề bằng cách xây tám mươi bốn ngàn ngôi tháp. A-nan vui mừng hỏi Phật rằng: Như lai thuở xưa làm công đức gì mà nay được quả báo có nhiều ngôi tháp như thế. Phật nói thuở xưa có vị vua tên là Ba-tắc-kỳ, thống lãnh tám mươi bốn ngàn cõi nước ở Diêm-phù-đề. Lúc đó, có Đức Phật tên là Phất-sa, vua Ba-tắc-kỳ và các thần dân cúng dường Phật và các Tỳ-kheo bốn thứ cần dùng. Lúc đó, nhà vua nghĩ vua các nước nhỏ đều nghiêng lệch, hẹp hòi, người dân không do đâu mà tu phước. Nay phải nên vẽ các hình tượng Phật phân bố khắp các nước để đều được cúng dường. Nghĩ xong liền mời các họa sĩ đến chiêm ngưỡng tướng đẹp của Phật, nhưng vẽ một thì quên một mà không thành. Lúc đó, Ba-tắc-kỳ pha mầu tự tay vẽ nên một bức tượng để làm mẫu. Do đó, các họa sĩ vẽ thành tám mươi bốn ngàn bức tượng mà phân bố cùng khắp, các vua và người dân nước nhỏ đều được cúng dường, Ba-tắc-kỳ lúc đó chính là ta. Vì duyên cớ đó cho nên ta thường được thân có ba mươi hai tướng đặc biệt, sau khi Niết-bàn rồi thì được tám mươi bốn ngàn ngôi tháp.

Tăng Hữu xét thấy: Ba-tắc vẽ tượng chắc chắn có quả báo pháp thân rất phù hợp. Kinh Pháp Hoa nói là khắc họa, đúc làm tượng thì đều thành Phật, đây là chứng nghiệm.

33. DUYÊN VỀ PHÁP PHẬT THÍCH CA DIỆT MẤT

(Xuất xứ từ kinh Tạp A-hàm)

Phật nói nước Ma-du-la này ở đời tương lai sẽ có con trai của người lái buôn tên là Quật-đa. Quật-đa tên là Ưu-ba-quật-đa, ta diệt độ một trăm năm sau họ sẽ làm Phật sự đối với Giáo Thọ sư là bậc nhất. Một trăm năm sau ở núi Ưu-lưu-man-trà có A-lan-nhã Na-tra-bạt-trí là chỗ đẹp nhất. Phật nghĩ ta giao phó chánh pháp cho người và trời, giáo pháp của ta chắc chắn ngàn năm bất động. Rồi bảo Đế-thích và bốn vị vua trời rằng khi ta Niết-bàn rồi thì quí vị ở địa phương mình mà hộ

trì chánh pháp, qua một ngàn năm sau thì có phi pháp xuất hiện. Ở cõi Diêm-phù-đề có mưa bão dữ dội và nhiều tai ương. Người dân đói khát, đụng vật mà chết, ăn uống mất mùi, châu báu chìm mất hết. Phương Tây có vị vua tên là Bát-la-bà, phương Bắc có vị vua tên là Da-bà-na, phương Nam có vị vua tên là Thích-ca, phương Đông có vị vua tên là Đâu-sa-la. Bốn vua ở bốn phương này đều có nhiều quyến thuộc, giết hại Tỳ-kheo phá hoại chùa tháp, bốn phương đều loạn. Lúc đó, các Tỳ-kheo nhóm họp ở giữa nước. Vua nước Câu-diêm-di tên là Ma-nhân-đà-la-tây-na sinh một con trai, tay giống như thoa máu, thân giống như mặc áo giáp có năng lực rất mạnh. Lại năm trăm vị Đại thần cùng ngày ấy cũng sinh con, đều có tay dính máu và thân mặc áo giáp. Lúc đó, nước Câu-diêm-di mưa máu suốt cả một ngày. Vua thấy điềm xấu thì sợ quá hỏi các thầy tướng thì các thầy tướng bảo rằng: Nay vua sinh con sẽ làm vua cõi Diêm-phù-đề giết hại rất nhiều người, nhân đó mà đặt tên là Nan Đương. Khi vừa lớn lên thì bốn vị vua ác kia từ bốn phương kéo đến. Vua sợ quá thì có Thiên thần bảo rằng: Đại vương nên lập Nan Đương làm vua thì mới hàng phục được bốn vị vua độc ác kia. Liền trao ngôi cho con, lấy hạt ngọc trong búi tóc để vào đầu con, nhóm họp năm trăm vị Đại thần chế nước thơm lên đảnh để đến chinh phạt bốn vua. Con của các Đại thần thân mặc áo giáp theo vua đi giết chết bốn vua ở Diêm-phù-đề mà trị vì nước Câu-diêm-di-bệ. Phật bảo Bốn vị vua trời rằng: Nước Ba-liên-phất sẽ có Bà-la-môn tên là Hà-kỳ-ni-đạt-đa thông suốt kinh luận Phệ-đà. Bà-la-môn ấy cưới vợ, người vợ có thai muốn cho người khác. Bèn hỏi các thầy tướng thì được đáp rằng: Đứa trẻ trong bào thai ấy sẽ thông suốt tất cả kinh luận, cho nên khiến người mẹ như thế. Đủ tháng thì sinh con trai, thông suốt tất cả kinh luận và thuốc men, dạy bảo năm trăm người đệ tử, vì có rất nhiều đệ tử nên đặt tên là Đệ tử. Ở trong pháp ta mà xuất gia học đạo, thông suốt ba tạng, rất giỏi nói pháp biện tài khéo léo, nhiếp phục rất nhiều quyến thuộc. Đức Thế tôn lại bảo bốn vị Đại Thiên Vương ở ấp Ba-liên-phất này sẽ có một người lái buôn lớn tên là Tu-đà-na. Người vợ có thai thì ngay thật nhu hòa, không có tà tưởng, các căn vắng lặng. Lúc đó, người lái buôn hỏi các thầy tướng thì các thầy tướng đáp rằng: Đứa bé trong thai rất lương cho nên khiến người mẹ như thế. Đủ tháng thì sinh con trai tên là Tu-la-đà. Khi trưởng thành thì ở trong pháp ta xuất gia học Đạo, siêng năng tinh tấn, dứt hết các lậu, chứng quả A-la-hán. Sau là người ít muốn biết đủ. Còn nhỏ mà biết chỗ ở cũ là núi Kiền-đà-ma-la, thường đến nói pháp cho vua Nan Đương nghe. Nan Đương thấy vua cha qua đời thì hai tay

ôm thây cha khóc lóc kêu gào thảm thiết. Lúc đó, Tam Tạng cùng nhiều quyến thuộc đến nói pháp cho vua nghe. Vua nghe pháp xong thì buồn rầu liền hết, càng kính tin Phật pháp mà phát thệ rằng: Từ nay trở đi ta cúng thí cho các Tỳ-kheo không sợ sệt, thích ý là vui. Và hỏi các Tỳ-kheo từ trước bốn vị vua độc ác phá hủy Phật pháp được mấy năm thì đáp có mười hai năm. Vua nói tiếng sư tử rống bảo rằng: Con sẽ cúng dường năm chúng các thứ đầy đủ trong mười hai năm. Ngày cúng thí thì trời mưa nước thơm thấm nhuần khắp cõi Diêm-phù-đề, tất cả cây trái đều lớn nhanh. Người ở các phương đều đem vật cúng dường đến nước Câu-diêm-di để cúng dường chúng tăng. Khi các Đại Tỳ-kheo được cúng dường thì có một số nhóm các Tỳ-kheo không tu ba nghiệp, vui đùa qua ngày, tham đắm danh lợi, thích trang sức ăn mặc đẹp đẽ, lìa pháp xuất gia, mang hình tướng là Tỳ-kheo mà là giặc trong pháp, phá hoại cờ chánh pháp, dựng phườn ác ma, tắt đuốc chánh pháp, đốt lửa phiền não, làm cạn biển chánh pháp, phá hoại núi chánh pháp, đập vỡ thuyền chánh pháp, nhổ cây chánh pháp. Lúc đó, các thiên long quỉ thần đều sinh ác ý với các Tỳ-kheo này mà chán ghét xa lìa, không còn hộ vệ mà đồng thanh bảo rằng: Bảy ngày nữa thì Phật pháp đều diệt hết. Đều buồn thương khóc lóc bảo nhau rằng: Đến ngày nói giới Tỳ-kheo lại đấu tranh, chánh pháp Như lai do đây mà diệt. Các Ưu-bà-tắc nghe các trời nói cùng đến trong chúng mà can ngăn các Tỳ-kheo đấu tranh, đến ngày mười lăm nói giới ở núi Kiền-đa-ma-la, A-la-hán Tu-la-tha xem ngày nay ở Diêm-phù-đề nơi nào có chúng tăng muốn đến nói giới thì đến Câu-diệm-di. Lúc đó, tăng chúng đó có trăm ngàn người chỉ có A-la-hán Tu-la-tha đến. Lại có một vị Tam Tạng tên là Đệ Tử. Đây là lần sau cùng đại chúng của Như lai nhóm họp. Bấy giờ, Duy-na Hành thể xá-la bạch Tam Tạng rằng: Chúng sinh đã nhóm họp nay vì họ mà nói Ba-la-đề-mộc-xoa. Lúc đó, Thượng tọa đáp rằng: Đệ tử của Như lai ở Diêm-phù-đề đều nhóm họp ở đây có đến trăm ngàn người. Như thế trong chúng, ta là bậc Thương thủ, hiểu rõ ba tạng, còn chẳng chịu học giới luật, huống chi là người khác mà chịu học. Nay sẽ vì ai mà nói giới luật. Bấy giờ, A-la-hán Tu-la-tha kia đứng trước Thượng tọa chấp tay bạch rằng: Thượng tọa chỉ nói Ba-la-đề-mộc-xoa như khi Phật còn tại thế. Pháp mà các Ngài Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên, các chúng Đại Tỳ-kheo học thì con nay đã học xong. Như lai tuy đã diệt độ đến nay đã hơn ngàn năm. Nhưng các giới luật oai nghi của Ngài chế ra tội đều đã đầy đủ. Thượng tọa đệ tử nghe Tỳ-kheo Tu-la-tha nói thế thì sanh tâm bất nhẫn. Có một đệ tử tên là An-già-đà nổi giận, bèn đứng

dậy mắng chửi làm nhục vị Thánh ấy: Ông là Thượng tọa Tỳ-kheo ngu si vô trí dám hủy nhục thầy ta, rồi cầm dao đâm chết vị Thánh. Lúc đó, có một quỉ tên là Đề-mộc-khư nghĩ rằng: Thế gian tuy có một vị La-hán này đã bị đệ tử của Tỳ-kheo giết hại, bèn cầm chày kim cương mà đập vào đầu ông ta chết ngay. Bấy giờ, đệ tử của vị A-la-hán thấy giết thầy mình thì nổi giận mà giết vị Tam Tạng. Lúc ấy, trời người buồn thương khóc lóc, than rằng khổ thay! Chánh pháp Như lai nay đều diệt hết. Đất bằng rung chuyển sáu cách, vô lượng chúng sinh gào khóc lệ rơi. Khi ấy, vua Câu-diêm-di nghe các Tỳ-kheo đã giết chết A-la-hán và Tam Tạng Pháp sư thì tâm rất buồn khổ. Các bọn tà kiến tranh nhau phá hoại tháp miếu và giết hại Tỳ-kheo. Do đó, Phật pháp càng diệt nhanh. Trời người nghe Phật nói thế thì đều buồn thương rơi lệ.

34. TƯỚNG CHÁNH PHÁP CỦA PHẬT THÍCH CA DIỆT TẬN

(Xuất xứ từ kinh Pháp Diệt Tận)

Phật bảo A-nan: Khi ta Niết-bàn rồi thì pháp cũng sẽ diệt. Đờ ác trược năm nghịch ma đạo nổi lên mạnh mẽ. Các Sa-môn ma phá hoại đạo ta, thích mặc áo thế tục đẹp hơn áo ca sa, mặc vải năm mầu, ăn thịt uống rượu, sát sinh tham vị thơm ngon, không có từ tâm lại ganh ghét hại nhau. Lúc đó, có Bồ-tát tu đức tinh tấn được tất cả kính trọng nương về, giáo hóa bình đẳng, thương xót kẻ nghèo già, cứu giúp người ách nạn. Thường dùng kinh tượng khiến người phụng thờ làm các phước đức, chí tánh hiền hòa chẳng làm hại người, liều mình cứu vật không tiếc mạng sống, nhẫn nhục nhân hòa. Nếu có những người như thế thì các Tỳ-kheo ma đều ganh ghét, chê bai bài bác, xô đuổi không cho ở, từ đó cùng nhau không tu đạo đức. Chùa miếu hoang vắng không hề sửa sang dần dần sẽ hư hoại. Chỉ tham tiền của, chứa để không bỏ, chẳng làm phước đức, buôn bán tôi tớ, cày cấy trồng trọt, thiêu đốt núi rừng, làm tổn hại chúng sinh, không có từ tâm, tôi là Tỳ-kheo, tớ là Tỳ-kheo ni, không có đạo đức, dâm dật mê loạn, nam nữ không phân biệt. Khiến cho Đạo mau diệt đều là do bọn này, hoặc tránh quan huyện mà nương cậy vào đạo ta, cầu làm Tỳ-kheo mà không tu giới luật, vào nửa thàng và cuối tháng gọi là ngày thuyết giới nhưng lười biếng mệt mỏi, chẳng muốn nghe, lược bỏ trước sau chẳng chịu nói hết, cho đến không thèm đọc tụng. Nếu có người đọc thì chẳng biết chữ câu, chỉ nói càn chẳng chịu học hỏi, cống cao cầu danh, chỉ cầu sang quí, mong người cúng dường. Các Tỳ-kheo ma này chết rồi thì sẽ đọa vào địa ngục vô gián,

tội năng năm nghịch, ngạ quỉ, súc sinh đều phải trải qua, Hằng hà sa kiếp tội hết mới ra. Rồi sinh ở biên địa không có Tam bảo. Khi pháp sắp mất thì người nữ siêng năng làm các công đức, còn người nam thì biếng lười, chẳng dùng pháp ngữ. Mắt thấy Sa-môn như thấy cứt đái. Không có tín tâm, pháp luân dần mất hết. Đến lúc đó thì các vị trời khóc lóc. Nước cạn không điều hòa, lúa thóc không chín, tai ương dịch họa tràn lan, chết chóc đầy đường, người dân khổ sở, huyện quan ức hiếp, chẳng tu Đạo lý chỉ thích khuấy rối, kẻ ác càng nhiều, người lành ít đi. Ngày tháng gấp gáp, mạng sống ngắn ngủi, bốn mươi đầu bạc, sáu mươi thì chết, người nữ sống lâu hơn nam, bảy, tám, chín mươi cho đến trăm tuổi. Nước lớn dâng cao chết đến không hẹn trước. Người thế gian chẳng tin nên cho là có thường. Chúng sinh đủ loại không có sang hèn, ngụp lặn trôi nổi, cá rùa ăn thịt. Bồ-tát Tỳ-kheo bị các ma xua đuổi, chẳng dự chúng hội. Bồ-tát vào núi tự giữ đạm bạc cho là vui sướng, tuổi thọ kéo dài. Các trời che chở, Nguyệt Quang ra đời, cùng làm hưng thạnh Đạo ta năm mươi hai năm - Kinh Thủ-lăng-nghiêm, Bát-chu Tam-muội thì mất trước, mười hai bộ kinh cũng lần lượt mất theo. Mất hết chẳng hiện ra nữa, không còn thấy văn tự. Áo ca-sa của Sa-môn tự nhiên biến thành mầu trắng. Thánh Vương đi rồi, pháp ta diệt mất. Thí như ngọn đèn dầu sắp tắt thì ánh sáng bùng lên một lần cuối rồi tắt ngúm. Pháp ta diệt mất cũng như ngọn đèn tắt. Sau đó thì khó thể kể hết. Như thế lâu sau thì ngài Di-lặc xuống thế thành Phật. Thiên hạ thái bình, khí độc tiêu hết, mưa thuận gió hòa, lúa thóc trúng mùa, cây cối lớn nhanh. Người cao tám trượng, sống lâu đến tám mươi bốn ngàn tuổi. Chúng sinh được độ nhiều không thể kể hết.

Tăng Hữu xét thấy: Định dùng Phương Đẳng nên biết Tam bảo là thường trụ. Pháp thường trụ theo lý thì không có hiện ra và mất đi. Hiện ra và mất đi chỉ là do nghiệp duyên của thế gian mà thôi. Lìa Đông mà ẩn về Tây, chẳng hại gì hằng sáng của ngàn sáng.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 183

GIA PHẢ DÒNG HỌ THÍCH CA

SỐ 2041

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2041

LỜI TỰA GIA PHẢ DÒNG HỌ THÍCH-CA

Thích Đạo Tuyên Đời Đường soạn

Người xưa truyền rằng: Phật tổ là thầy, xét về bản hệ của Phật, nối dòng họ Thích, hổ thẹn khi xét tìm cội nguồn dòng họ Thích, nay y cứ vào lượng ghi chép rất chân thật, đã nói là thay đổi thế tục, nghĩa chẳng nương tựa luống dối. Xưa Luật sư Tăng Hựu đời Nam Tề học thông trong ngoài, thực hành duy trì chung, soạn bộ Thích-ca Phổ bộ mười quyển, trích dẫn sự loại rất đầy đủ, tự có khả năng trước tu quán rộng, chẳng vì đàn hậu tấn mà nên giềng mối. Vào mùa thu, tôi mới đến Bi Cốc, thường được khuyên răn nên cố gắng trình bày, thử nêu năm khoa để mở ra ba lần. Nghĩ đến pháp đồng tộc để gieo mầm ý nầy.

- Một là trình bày về kiếp Hiền nương tựa
- Hai là trình bày nguồn gốc dòng họ.
- Ba cõi nước nương gá.
- Bốn là tướng hóa độ của Pháp Vương.
- Năm là con cháu nối dõi đời sau của Thánh phàm.

Đầu tiên là trình bày về kiếp Hiền nương tựa: Trời đất rộng mở, tập tục thường bàn luận, mặt trăng mặt trời, âm dương che chở, xem xét nghìn xưa không thể tìm được, giao phó cho trăm nhà không hề luống dối. Có chỗ nói: Trời nghiêng về Tây Bắc, đất thiếu đông nam, luyện năm thạch để tô bồi ở trên, chặt chân ba ba để tiếp hóa ở dưới, cho đến trời đất, vua, người, thân rắn, đầu trâu, chín kỷ bốn tánh làm người hầu vua. Đường nầy lăng xăng không đáng để trình bày. Nay nương vào

chánh pháp nên đủ pháp duyên. Kiếp nầy là gì? Hán dịch là Thời, nếu nương vào Tây Phạn gọi là Kiếp-ba, Trung Quốc dịch là Đại thời, Đại thời nầy có vô số năm, dùng dụ để hiển bày mới hiểu được. Kinh nói như một ngôi thành lớn rộng mỗi bề bốn mươi dặm, trong đó đựng đầy hạt cải, có vị trời sống lâu cứ ba năm lấy đi một hạt cải, hạt cải dù hết mà kiếp vẫn chưa hết. Như tảng đá hình vuông mỗi bề bốn mươi dặm, cứ ba năm dùng chiếc áo trời phất qua một lần thì tảng đá tuy mòn hết nhưng thời gian của kiếp vẫn chưa hết. Như thế kiếp kiếp nối nhau, xoay vần vô cùng. Bốn loài sanh có mạng sống thường bị đắm chìm không ra khỏi, nay kiếp nầy gọi là kiếp Hiền. Vì vào kiếp sơ nước lớn đầy khắp, hoa sen xanh mọc lên ngàn đóa, các vị trời ở Đệ Tứ thiền có thấy việc nầy, bèn bảo nhau rằng: Nay thế giới nầy có ngài Đức Phật ra đời, có thể y cứ vào thời gian nầy để làm kiếp Hiền, cho nên kinh nói rằng: ngay trong kiếp Hiền chính là ngàn Phật, đầu tiên là Phật Câu-lưu-tôn, vị thành Phật sau cuối hiệu là Lâu Chí, cho nên thứ nhất là Câu-lưu-tôn Như lai, thứ hai là Câu-na-hàm-mâu-ni, thứ ba là Ca-diếp-ba, thứ tư là Thích-ca Mâu-ni, Đức Phật mà chúng ta thờ làm thầy là Đức Phật thứ tư trong kiếp Hiền, như Kinh Tiểu thừa nói trước kiếp Hiền là kiếp Không, không có Phật, trong chín mươi mốt kiếp chỉ có Phật Tỳ-bà-thi, trong ba mươi bốn kiếp có hai vị Phật ra đời, kế là trong kiếp Hiền có bốn Đức Phật thành bảy vị, như ta thường nghe nói. Kinh Đại thừa có ba đời ba kiếp, mỗi kiếp có ngàn vị Phật, quá khứ là kiếp Trang Nghiêm, hiện tại là kiếp Hiền, vị lai là kiếp Tinh Tú, ba ngàn vị Vương Tử thứ lớp thành Phật, đó là do tâm hiểu sáng tối mà cảm thấy có khác đường, thừa cơ giáo hóa, không thể nhất định. Ngay như hội Linh Sơn còn có năm ngàn vị bỏ đi, Bát-nhã đại không chứng đắc bao gồm Tiểu quả, tịnh độ bất diệt, phàm phu đăng trụ, lửa lớn đốt cháy hết, thật trở về chỗ khởi lập, dùng đây để so sánh, không đáng nghi ngờ. Kiếp nầy tên là Hiền, nói lên ngàn Phật hiện, cần phải biết.

Hai là nói về cội nguồn của dòng họ: Về sự hưng thạnh của dòng họ, vốn muốn vời lấy bản chất, cho nên tùy theo vật loại mà đặt tên. Còn như ở Đông Hạ thì nguồn gốc dòng họ vốn chỉ có chín, cho nên nói: có lẽ gọi theo tên thụy, chính là Đường, Ngu, Văn, Vũ, v.v...; Hoặc do cư xử mà thành vườn ao rộng lớn, hoặc do sự mà có cho nên gò nổng, hầm hố; Hoặc thì nhậm chức cho nên ba chim, năm nai, con cháu cuối cùng tùy việc mà truyền bá rộng khắp, thấm nhuần sáng tỏ, ngay cả tự thân cũng không nhọc trình bày, chủng tánh Đại Hạ có bốn thứ khác nhau là

Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà-la. Dòng vua Sát-lợi rất cao quý, từ kiếp sơ đến nay nối nhau không dứt, ba dòng họ còn lại ở đây không nói, chỉ có dòng họ Phật tự chia làm năm thứ khác nhau: một là Cù-đàm, hai là Cam-giá, ba là Thích-ca, bốn là Xá-di, năm là Nhật-chủng. Nói về Cù-đàm, như Kinh Thập Nhị Du nói: Thuở xưa, Bồ-tát trong A-tăng-tỳ kiếp, đầu tiên làm quốc vương, cha mẹ sớm qua đời, nhường ngôi đi tìm đạo. Thầy là họ Cù-đàm, do gọi theo dòng. Đời Đường dịch Cù-đàm là tên sao, như thế họ Trương do sao mà đặt tên. Kinh Niết-bàn chép: Họ Cù-đàm từ xưa truyền nhau, gọi Cù-đàm, Hán dịch là nê thổ (bàn đất), nhưng người dịch nầy chấp vào tiếng nói nặng nhẹ, nay hỏi Phạn Tăng nói Cù-đàm là bùn đất, Cầu-đàm là tên sao, cho nên biết do sao mà có tên, chắc chắn chẳng phải bùn đất. Ý nói Cam-giá, tức là như kinh kia, Bồ-tát vào vườn mía, dạo chơi tu đạo, do vườn mà đặt tên họ. Lại gọi Cam-giá, kinh Phật Sở Hành Tán chép: "Chính là con cháu của Cam-giá". Bấy giờ, Bồ-tát ở trong vườn nghĩ đến đạo, vì túc nghiệp cho nên bị giặt bắt được, treo ở trên cây, máu chảy đầy đất. Đại tiên Cù-đàm có mắt trời thanh tịnh, Bồ-tát dứt bặt sự nối dõi, Phật sao không do đâu. Từ núi bay đến, buồn bã chôn cất thây chết. Lấy máu trong đất trộn với bùn vo thành viên, bỏ vào hai bồ đựng, trở lại chỗ ở. Nhờ năng lực thần chú nên đủ mười tháng, hũ bên trái biến thành nam, hũ bên phải biến thành nữ. Họ tiên Cù-đàm bèn phục hưng lại.

Nói Xá-di, như Luật Tứ Phần chép: Dòng họ Xa-di của Phật. Cũng gọi là nước Xá-di, chưa biết tên gọi nầy. Nói Thích-ca, kinh Trường A-hàm nói: Đời quá khứ có vị vua tên là Ý ma (tức Luân Vương thứ mười, cách Bồ-tát một trăm đời) đuổi bốn người con của mình ra khỏi nước. Bốn người con bị cha đuổi đến núi Tuyết ở phía Bắc, trụ trong rừng sâu. Luật Di-sa-tắc chép: ở phía Bắc núi Tuyết, bốn phía hoang vắng, rau quả tươi tốt, thoáng chốc đã mấy năm, trở về đức tánh như chợ, phát triển thành nước mạnh, vua cha nghĩ lại cho vời trở về nhưng bốn người con không chịu trở về, nhà vua khen ba lần rằng: Con ta tài giỏi, do đó gọi là Thích chủng. Kinh Bản khởi chép: Đức Phật Định Quang dạy: "Ông ở đời sau sẽ thành Phật hiệu là Phật Thích-ca, Thích-ca là Năng, Văn là Nhân. Y cứ theo nay thì đời Đường dịch đồng với kinh Bản Khởi. Cho nên bốn người con nầy do tài năng mà gọi tên họ. Nhưng họ Thích-ca, Văn kinh có đơn phước, có khi giống như Trung Quốc, mới gọi là Sóc Mã Khanh, v.v... Luật Di-sa-tắc nói: Thụ trong rừng cây Trực, lại gọi là giải thích. Ở đây y cứ theo âm Phạn gọi Trực là giải thích. Các sự vật ở Thiên-trúc, một vật có nhiều tên, ở đây lại do rừng mà đặt tên

họ. Nếu y cứ theo biệt truyện thì cõi ấy có cây tên là Thích-ca, thân gốc sum suê. Người giỏi xem tướng nói rằng: Chắc chắn sẽ xuất hiện quốc chủ, nhân đó đời bốn người con, lập nước đặt tên họ.

Nói Nhật chủng, luật Đàm-vô-đức chép: Họ của vua là Nhật (chẳng rõ lý do), là nói chung năm tông dị đồng mà một họ. Tùy việc mà ứng biến cho nên có phần nầy. Nhưng dòng họ Thích, các sách vở có nói rất nhiều, còn những thứ khác còn tùy duyên mà nêu. Cho nên Hựu luật sư nói: Cúi mong Phật Định Quang thọ ký danh hiệu Thích-ca, khéo léo khế hợp, cho nên nương gá dòng họ Thích, tên họ có trước khi có thân hình, dấu vết rõ ràng sau khi đã sanh, soi sáng trời người, nối nhau nhiều kiếp. Cội nguồn nầy rất sâu rộng. Tôi tìm cha của họ Cù-đàm, mẹ của họ Thích-ca. Cho nên có năm người theo Bồ-tát, gọi Phật là Cù-đàm. Ở đây tức là con theo họ cha, lý hiển bày rõ ràng, luật Tứ Thần chép: Họ của cha là Nhật, chỗ sanh gọi là Thích-ca, nói biết họ mẹ. Vị tiên xưa Cù-đàm, Cù-đàm bỏ máu vào đồ đựng, sau hóa thành nam nữ, bèn có họ Thích, một giọt máu nầy về sau chia thành hai thân, thân cấu mà thai biến, chi lưu rộng lớn, y cứ theo gốc mà bàn về thành Phật lễ số. Y theo duyên mà nêu việc, đại nghĩa trái với trời, vì sao ? Vì xét họ Thích hôn cấu, đồng thời dứt bặt thân tộc, thầm phù hợp với cõi nầy, Chu Khổng lập giáo, dùng thế gian nối tiếp Luân Vương, nhìn cao thiên hạ. Chia tông nhận lễ, không kết giao với các chủng tộc thấp hèn, chấp có hai dòng họ mà đồng Tổ cổ tiên. Thai huyết không khác mà lý nêu khó dứt. Còn tên họ ở Đông Hạ phần nhiều y cứ vào năm đế ba vua. Nay thì nhân duyên giao cấu không biết dựa vào đâu mà phân biệt.

Ở trên nói về lý do dòng họ, ở đây nói về chỗ sanh khởi nguồn gốc dòng họ. Kinh Trường A-hàm nói: lúc đại kiếp mới thành chưa có mặt trời, mặt trăng, các vị trời Quang Âm phước hết sanh xuống, đều hóa thành người vui mừng làm thức ăn. Ánh sáng trên thân chiếu xa, bay đi tự tại. Không có nam nữ, đối với thân quyến giữ tôn ti. Tự nhiên vị đất giống như bơ mật, có người nếm thử bèn sanh tham đắm, ánh sáng toàn thân tắt mất, ăn nhiều hình sắc tiều tụy, ăn ít hình sắc tươi nhuần, bèn sanh hơn thua, vị đất bèn mất. Lại sanh da đất, lại sanh màng đất, vì ăn ít nhiều mà các điều ác nhóm họp. Lại sanh lúa gạo, các vị đầy đủ, có người nào tham ăn nên có nam căn, nữ căn, như thế xoay vần trở thành chồng vợ, mới có thai sanh. Kinh Lâu Thán chép: Tự nhiên lúa gạo sáng cắt chiều chín. Kinh Trung A-hàm chép: Hạt gạo dài bốn tấc, mọi người tranh nhau lấy, cứ thế bảo nhau nên chỗ dự định lấy về sau không mọc nữa. Luật sư Hựu nói: Gió đã thổi thì nguồn gốc sâu bị tàn tạ. Tinh linh

thông cảm thì sấm chớp làm trì trệ. Thầm noi theo những ngày Lưỡng Hán. Rau ở phía Đông thêm thuế thì cá ở dưới biển chết dần, hợp lại tăng phú thì cơ trục xa vời. Vì gần với xưa mới càng khề hợp, chẳng sanh lúa tẻ thì chưa đủ để nghi khác. Kinh Trường A-hàm chép: Lúc bấy giờ, chúng sanh thấy lúa gạo không còn mọc nữa nên đều buồn bã, bèn phân chia ruộng thành bờ mé, từ đó có việc cất giữ gạo của mình, trộ, lúa ruộng của người. Do đó mà xảy ra việc gì không thể giải quyết được, bèn lập một người gọi là Bình đẳng chủ, thưởng thiện phạt ác vẫn cung cấp cho. Bấy giờ, có một người hình dung đẹp đẽ, oai nghi khoan thai mọi người đều tin phục, họ liền xin người đó giải quyết, người đó bèn nhận lời, từ đó mà có danh từ dân chủ. Kinh Lâu Thán nói: " Mọi người tự nói rằng mình là lớn, gọi đó là Vua. Vì thu thuế nên gọi là Lợi lợi. Bấy giờ, khắp cõi Diêm-phù, mọi người giàu có an ổn, đất mọc cỏ tươi như lông chim công. Xóm làng trong hơn tám muôn nước đều nghe lẫn nhau, không có các thứ lạnh nóng, bịnh hoạn. Vua dùng chánh trị vâng giữ mười điều lành, tôn kính lẫn nhaư như cha con, người sống rất lâu không thể suy lường. Về sau có vị vua khác không thực hành chánh pháp, tuổi thọ bèn giảm chỉ còn mười vạn năm, cứ như thế dần dần giảm đến hiện nay còn một trăm tuổi.

Ở trên nói họ Thích trước kia vào kiếp sơ mới sáng lập làm vua, xoay vần sắp xếp tước Chuyển luân, Túc Tan nối nhau. Đầu tiên vua nhân chủ gọi là Đại nhân, thứ hai vua gọi là Trân Bảo, thứ ba vua gọi là Hảo Vĩ, thứ tư vua goi là Tĩnh Trai, thứ năm vua gọi là Đảnh Sanh, thứ sáu vua gọi là Thiện Hạnh, thứ bảy vua gọi là Trạch Hành, thứ tám vua gọi là Diệu Vị, thứ chín vua gọi là Vị Đế, thứ mười vua gọi là Ngoại tiên, thứ mười một vua gọi là Bách Trí, thứ mười hai vua gọi là Hiếu Dục, thứ mười ba vua gọi là Thiện Dục, thứ mười bốn vua gọi là Đoạn kiết, thứ mười lăm vua gọi là Đại Đoạn kiết, thứ mười sáu vua gọi là Bảo tạng, thứ mười bảy vua gọi là Đại bảo tạng, thứ mười bảy vua gọi là Thiện Kiến, thứ mười chín vua gọi là Đại Thiện Kiến, thứ hai mươi vua gọi là Vô Ưu, thứ hai mươi mốt vua gọi là Cồn Bãi, thứ hai mươi hai vua gọi là Thực Sanh, thứ hai mươi ba vua gọi là Sơn Khâu, thứ hai mươi bốn vua gọi là Thần Thiên, thứ hai mươi lăm vua gọi là Di Lực, thứ hai mươi sáu vua gọi là Lao Xa, thứ hai mươi bảy vua gọi là Thập Xa, thứ hai mươi tám vua gọi là Bách Xa, thứ hai mươi chín vua gọi là Lao Cung, thứ ba mươi vua gọi là Thập Cung, thứ ba mươi mốt vua gọi là Bách Cung, thứ ba mươi hai vua gọi là Dưỡng Châu, thứ ba mươi ba vua gọi là Thiện Tư. Từ vua Thiện Tư về sau có mười bảy chủng

tộc. Chuyển Luân Thánh Vương nối nhau. Về vị Luân Vương thứ nhất, kinh Lâu Thán chép: " Con của vua Thân-xà tên Ba-diên-ca, có năm vị Chuyển Luân Thánh Vương. Về vị Luân Vương thứ hai, kinh Lâu Thán nói: Vua Đa-la-diệp có năm vị chuyển luân Thánh Vương. Về vị Luân Vương thứ ba, kinh Lâu Thán nói: Vua A-ba-diệp có bảy Chuyển luân Thánh Vương. Về vị Luân Vương thứ tư, kinh Lâu Thán nói: Vua Kiền-đà-lợi có tám vị Chuyển Luân Thánh Vương. Về vị Luân Vương thứ năm, kinh Lâu Thán nói: Vua Ca-lăng-già có chín vị Chuyển Luân Thánh Vương. Về vị Luân Vương thứ sáu, kinh Lâu Thán nói: Vua Già-ba-chiêm-bà có mười bốn vị Chuyển Luân Thánh Vương. Vị Luân Vương thứ bảy, kinh Lâu Thán nói: Vua Câu-nạp-la-bà có ba mươi mốt vị Chuyển Luân Thánh Vương. Vị Luân Vương thứ tám, kinh Lâu Thán nói: "Vua Ban-xà-la có ba mươi hai vị Chuyển Luân Thánh Vương". Vị Luân Vương thứ chín, kinh Lâu Thán nói: " Vua Di-thi-lợi có tám muôn bốn ngàn vị Chuyển Luân Thánh Vương. Vị Luân Vương thứ mười, kinh Lâu Thán nói: "Vua Nhất-ma-di có một trăm vị Chuyển Luân Thánh Vương".

Mười vị Luân Vương nầy, kinh luật nêu ra danh số đều khác nhau, chỉ sợ phàm thánh có lẫn lộn. Nay vì việc nêu lân không đến tám muôn, chỉ thuần là Thánh đế, thì mười vị Luân Vương là đúng, còn lại là phàm, như luật có nói. Nhưng cho rằng thứ lớp truyền thừa có vua. Y cứ vào kinh, đồng thời nói Thánh đế, nhất định là từ gốc mà làm Thánh, từ dòng đều thuộc về phàm. Lại như Đệ Thập Luân chép: Trăm vị vua chuyển luân là ông nội của Phật, đều là bậc Thánh. Nay chỉ có Bồ-tát hiện cảm, có văn là Thánh, còn lại dòng họ cha đều là vua phàm phu, có thể lệ theo mà biết.

Nói về duyên bảy đời của Phật: Vua Thế Tổ thứ bảy tên là Đại Thiện Sanh, Luật Tứ Thần chép: Ý-sư-ma thứ lớp một trăm vua, về sau có vị vua tên là Đại Thiện Sanh, có người cho rằng đây là con của Ý-sư-ma, ở đây cho là đời vua thứ chín mươi tư sau Ý-sư-ma. Cho nên kinh nói: Sau cùng, vua tên là Đại Thiện Sanh, đây là bằng chứng tốt nhất.

Vua Thế Tổ thứ sáu tên là Ý-sư-ma (kinh nói là Bà-la), vua Thế Tổ thứ năm tên là Ưu-la-đà (lệ-bà-la), vua Cao Tổ đời thứ tư tên là Cù-ba (Ni-cầu-la), Tằng Tổ đời thứ ba tên là Ni-phù-la, Thế Tổ đời thứ hai tên là Sư Tử Giáp.

Cha của Bồ-tát đời thứ nhất tên là Tịnh Phạn, vua Kim Luân tên là Bồ-tát Tất-đạt, vua Thiết Luân tên là La-hầu-la. Về trước là y theo sự xem xét mà dẫn ra vũ trụ, tạo hóa giúp thành xây dựng Hoàng Cực.

Tổng hợp các phẩm phát nguyên dân chủ, cho đến khéo suy nghĩ, là chính thức truyền thừa ba mươi ba đời. Sau Duyên-tư-ba thì mười đời hưng khởi, đồng thời là Thánh vương, đều xứng với dòng giống Đế vương, đồng là con cháu thì có thể từ chánh thức. Đầu mối hoặc là chi ly, đều vâng lãnh mạng trời. Vua đến Hoàn Ngụ, nuôi lớn nguồn dòng, xa lìa nối tiếp, khó lường biết được. Còn nếu các vua Lưỡng Hán người chẳng phải đích tôn là nhiều. Các đời Ngụy, Tấn, Tống, Tề sấn bìm nương gá, so sánh với đây thì lý kia là cố nhiên.

Nay từ đầu mà nêu số gồm có tám mươi bốn ngàn hai trăm năm mươi ba vị vua, sau đến Bồ-tát. Ông nội của Bầ-tát là vua Sư Tử Giáp có bốn người con: Tịnh Phạn, Bạch Phạn, Hộc Phạn, Cam Lộ Phạn. Vua Tịnh Phạn có hai người con: người con trưởng tên là Tất-đạt, người con kế tên là Nan-đà. Vua Bạch Phạn có hai người con: người con trưởng tên là Điều-đạt, người con kế tên là A-nan. Vua Hộc Phạn có hai người con, người con lớn tên là Ma-ha-nam, người con kế tên là A-na-luật. Vua Cam Lộ Phạn có hai người con, người con lớn tên là Sa-bà, người con kế tên là Bạt-đề.

Kinh Thập Nhị Du chép: Điều-đạt sanh vào giờ thọ thực ngày mùng bảy tháng tư, thân cao một trượng năm thước bốn tấc. Bồ-tát sanh vào giờ sao mai mọc ngày mùng tám tháng tư, thân cao một trượng sáu thước. Em của Phật là Nan-đàsanh vào ngày mùng chín tháng tư, thân cao một trượng năm thước bốn tấc. A-nan sanh vào ngày mùng mười tháng tư, thân cao một trượng năm thước bốn tấc.

Ba là nói về nơi chốn, cõi nước nương gá: Nêu danh, ước lượng, giải thích thời gian, theo thế, mượn thắng, khảo văn, dư văn. Phật được gọi là bậc Đại Thánh, cơ giáo phi phàm, đâu phải thấp hèn mới giáo hóa.Cho nên cõi Diêm-phù-đề bốn mặt giáp bốn biển, cồn bãi quanh biển lẽ ra phải ở chính giữa, cho nên kinh Nhân quả nói: Thuở xưa, Bồ-tát ở trên tầng trời Đâu-suất giảng nói hạnh Bổ xứ, mong vận tướng đến ngay cõi nầy thành Phật, quán các cõi nước cõi nào ở trong đó, liền biết nước Ca-tỳ-la ở trong đó. Lại kinh Bản khởi nói: Oai thần Phật rất tôn rất trọng, không thể sanh biên địa, địa là nghiêng tà. Thành Ca-tỳ-la là trung ương của ba ngàn mặt trời, mặt trăng, trời đất. Thuở xưa, Chư Phật đều ra đời tại nơi đây. Lại luận Câu-xá nói: Trong cõi Diêm-phù-đề có tòa kim cương, trên ngang với mặt đất, dưới đến mé kim cương chỉ có toà nầy là Bồ-tát ngồi, nhập định kim cương, được thành giác đạo. Đất ở ngoài tòa nầy thì không bằng. Nhưng chân nầy có ba mặt, cho nên

chẳng phải Phật thì không ai đến đó để thành đạo. Sở dĩ như thế là vì người được gọi là bậc chí Thánh, đạo đức tôn cao, trời người ba cõi đều hồi hướng, cho nên nương vào chỗ ngồi tôn quý nầy mà nói lên duyên lành hóa độ chúng sanh. Còn ờ Trung Quốc có một châu duyên vào đá trên biển, năm núi quanh co sừng sững là trung tâm. Cho nên suốt ngày khuê trình cảnh phần chưa hết, Hán suốt các hạ tự cao, mở mang nhiều năm, hạn cuộc vào Trung nguyên, riêng gọi là Trung Quốc, dùng sự việc để khảo định thì nghĩa chính giữa tự mất, danh từ ở giữa đối đãi với ngoài bìa xưng là thần châu. Phía Đông thì cách biển, ba phía còn lại thì thấp kém. Ở đây thì nghĩa ngoài bìa tự rõ, không cần phân tích. Tuy nói rằng bốn biển muôn cõi nước quán tâm là khoe khoang vào một sáng. Rốt cuộc trái với sự thật ngàn đời, nay cõi Diêm-phù-đề, ở giữa thì phân ra Thông lãnh, Tây hiệu là Đại Hạ, thuộc năm xứ Thiên-trúc. Phía Đông gọi là Xích Huyện, thuộc về Ngũ nhạc. Tuy cả hai phương đều có năm việc phải nghiêng về chính giữa. Cõi nầy ở phía Đông, cõi kia ở giữa, thì làm sao nói? Xét Diêm-phù-đề chép: Thông lãnh phía Tây dựa vào Hương Sơn, phía Đông Nam giáp nước Thục, cho nên phía Đông núi nầy gọi là Xích Huyện. Tuy nói Trung Quốc hạn cuộc vào bốn núi mà đặt tên, cho đến mặt phía Tây nam núi gọi là Thiên-trúc. Kinh Sơn hải chép: Họ Hiên Viên ở nước Thân-độc, nước ấy tự chia làm năm nước nhỏ, nước Trung Thiên-trúc ở trong trời đất, gọi là chẳng phải ngoài bìa, bốn thùy đến đây là dứt bặt. Định theo Danh thì trung nghĩa còn. Cả hai dùng lý số để ước lượng. Ở cõi Diêm-phù, vùng phía nam núi Tu-di đều gọi là Danh. Xét theo lời Thánh nói, khi nước lớn về phía Đông tây trải qua hai mươi bốn muôn dặm, phía Nam bắc hai mươi tám muôn dặm, hoặc nương vào người vật mà ở. Phía Đông tây mười một muôn sáu ngàn dặm, phía Nam bắc hơi giống, nay lấp trung thiên làm chính, bốn phương cách nhau đều năm muôn tám ngàn dặm. Phương Đông nầy cáhc góc biển, ba mặt càng xa, ngay nơi sự để cầu, đâu được so sánh. Lại cõi Diêm-phù là tên cây, núi chúa Tu-di ở giữa biển lớn, bốn phía có bốn chân tức là một thiên hạ. Cây nầy mọc ở phía Bắc châu Nam, cành de ra đến biển lớn. Đáy biển có vàng, vàng tên là Diêm-phù, ánh sáng chiếu trên mặt nước, nên châu nầy từ vàng mà đặt tên. Nếu theo sự phiên dịch đời Đường thì vàng ròng nằm trên cõi Diêm-phù. Đề nghĩa là châu, trong đó thắng châu đại hạ Thiên-trúc ở chính giữa.

Dùng thời để trình bày thì âm dương lạnh nóng tùy phương mà khởi dụng. Thần châu ở cõi nầy nóng lạnh không đồng đều, phía Nam

thì nóng, phía Bắc thì lạnh, dù có chút vui nhưng cuối cùng chẳng phải việc lớn. Các nước Trung Thiên-trúc, mùa Đông mùa Hạ thường điều hòa, không có khổ lạnh nóng, cây cỏ sum suê, không có sương móc, vì xứ nầy chẳng phải biên địa, gió mưa không xái mùa. Âm dương giao nhau, các vật dừng độc. Cho nên Kinh Tây Vực Đồ chép: Năm nước Thiên-trúc, phía bắc giáp núi Tuyết, phía Nam giáp biển lớn, hơn sáu muôn dặm, sông đầm bình lặng, lại không có núi gò, chỉ có sông nước chia dòng mà chảy. Rừng cây rậm rạp, ba mặt còn lại mặt hướng về thung lũng, nối liền với nhau, giống như Đông Xuyên. Vì lúc thế giới mới cấu thành thì nghiệp lực chúng sanh kết thành đất tốt để được Phật ra đời, ngay nơi sự mà cầu cái chẳng phải trung thì làm sao được. Theo Cao Tăng Truyện chép: Thuở xưa, Tấn Hà Thừa Thiên khéo nói về Vĩ hầu, không có hai lỗi cảnh, Pháp sư Trí Nghiêm đều giải thích nghiêng về chánh, Trí Nghiêm nói: Có lần tôi đến Thiên-trúc để ra mắt dung nhan bậc Thánh, còn các thắc mắc về lầm lỗi thì xem khắp các nước Trung Thiên-trúc, vào ngày Hạ chí mới đứng không có bóng, vì ở trong đất. Ở phía Nam Trung Quốc có trắc ảnh đài, đến ngày hạ chí, cuối cùng có phần khác. Cho nên chẳng phải Đại Hạ, chỉ gọi là Đông Hạ. Thừa Thiên nghe lời nầy không nói gì.

Dùng nguồn nước để nêu bày: Lén dùng bốn biển làm hố nước thú nhập cùng cực. Trong cõi Diêm-phù có núi Hương Sơn cao lớn, tức là tên khác của Côn Luân. Núi nầy cao nhất trong các châu. Phía Nam núi có ao tên là A-nậu-đạt, Hán dịch là Vô nhiệt não, có tám công đức, là nơi rồng lớn ở, gọi là Thủy phủ, phát ra một dòng sông, chảy ra bốn biển, cho nên nước theo thế cao chảy xuống, kia cao đây thấp, giữa là hai bên nhất định. Sông Hoàng Hà ở cõi nầy, nguồn xuất phát từ đó, cho nên Nhĩ Nhã nói: Sông bắt nguồn từ Côn Luân, đất mầu trắng. Quách Phác Đồ Tán chép: Côn Luân có ba tầng gọi là Thiên Trụ, thật là linh phủ của nguồn sông. Vũ Cống đạo hà từ tích thạch, y cứ vào phục lưu vọt lên thành lời. Cho nên biết nước từ chỗ cao đến chỗ cao là chính giữa. Lại Hà Đồ chép: phía Đông Nam cách núi Côn Luân năm ngàn dặm, hiệu là Thần Châu, cũng gọi là Xích Huyện, Côn Luân gọi là Thiên Trụ, lý chẳng phải góc nghiêng. Lại phía Tây Lý Quỳnh là Côn Luân, có lẽ cũng có y cứ. Hoàng Đế mộng du Hoa Tế, đối với Lý Tùng lại hiển bày.

Dùng vinh thắng để hiển bày: của báu trong thiên hạ là Tôn Giả của con người, là Luân Vương, là Đại Thánh của hàm linh, là người dẫn đường bốn loài sanh, chính là bậc Pháp vương. Tòa chính giữa tring

châu, hai vị vua nầy lên ngồi. Ở giữa càng xa, lý nghĩa là như thế. Còn lại bao nhiêu bậc Tiểu thánh Tiểu vương tùy cơ mà giữ gìn, tùy theo cõi mà thực hành hóa độ, bất luận là nghiêng chánh. Vì sao ? Vì đất đai, núi sông đều là y báo của con người, do quả báo hơn kém của on người mà có tinh, thô. Nay, các nước Trung Thiên-trúc đã ở chỗ cao đẹp, biết rõ là do phước báo của hai vua chiêu cảm. Thánh đế cõi nầy cũng có chỗ tôn quý, năm Đế ba Vua không bằng đất kê điền. Từ đời Tần Hán về sau mới nghe nói Tây Vực, bèn khiến cho trông nhìn xa hơn, tướng từ Tuyết Lãnh. Hoấc Công, định viễn, trước sau sẽ bước lên, phần nhiều trải qua phía Bắc Thông hà, phần ít có ra từ phía Nam Hương Tuyết, cho nên cửa sát ở phía Tây đóng kín, thật chỉ là Đại uyển nguyệt chi, vốn là ngôi làng quê mùa, đất nước không có văn hóa, đâu được gọi bừa Trung thổ là nơi có giáo pháp.

Nêu lên văn tự: Phương ngôn cõi nầy tìm kiếm không có gốc. Văn tự mở tục, bắt nguồn từ các vua xưa, hoặc để lại dấu chân chim, hoặc thứ lớp khoa đẩu, hoặc chế ra chữ Triện, hoặc trình kiểu chữ Lệ. Sáu văn chia ra rõ ràng, tám thể soi bóng lẫn nhau. Đọc các sách sử khó được định chỉ, có nói tỉ mỉ trong luận của họ Cố, cũng phụ thêm bài của Bảo công. Cho nên ba thương ba Nhã hội chung thuyết văn, vốn có chín ngàn chữ, nguồn gốc chữ cùng cực. Tự lâm, tự thống, tự uyển, quế uyển. Thế gian tăng thêm hai muôn dòng tước dần dần hưng thạnh. Mong mỏi tình người không thể nương tựa, y cứ. Âm tự của Thiên-trúc mỗi chữ đều y cứ thượng thiên. Trời chia làm hai mươi tám bộ, đồng thời tôn Phạm Vương làm chủ. Cho nên khi thế giới mới lập, người vật đều không, Phạm Vương giảng hạ liền có các hữu tình. Cho nên Phạm Thiên có nguồn gốc sanh. Âm chữ cũng tùy theo kia mà y cứ. Nay thì Phạm âm, Phạm văn, năm xứ Thiên-trúc đồng một khuôn phép. Hoặc Phàm hoặc Thánh xưa nay đồng nhất, cho nên một âm giảng nói chỉ có lời Phạn, chúng sanh tuỳ loài mà hiểu, đây mới có phương thuật, sách nước Hồ, tiếng nước Hồ. Ý chỉ của khúc lãnh nầy phía Bắc có ba mươi sáu hàng rào, thật mong Nhunh Hồ không tham dự vào Đại Hạ. Cho nên Đại uyển, Nguyệt chi, lời sách đều khác nhau. Không ở Thiên-trúc là nơi Phật sanh ra. Cách nhau mấy muôn, không được xen lẫn lộn, các nước ở Năm Thiên-trúc thuộc phía Nam núi Đại Tuyết, lời sách vâng theo trời, muôn đời thường nhất định. Chỗ vâng theo đã cao quý, biết rõ chẳng phải ngoài bìa. Văn ngôn Trung Quốc, tràng chim ở phương dưới, hoặc có ra từ phàm tình, không hề có điển cứ, chẳng phải nghĩa Trung đạo.

Bốn là nói về dấu vết Pháp vương giáng hạ: Gia phủ họ Thích hưng khởi chỉ có khi đấng Pháp vương giáng hạ. Sở dĩ Đại tiên chia máu, chữ hợp thành hình, nhờ đây mà nối tiếp, mới kéo dài dòng họ Thích. Kể từ khi đấng Pháp Vương giáng tích thì chiếu soi chỗ Nhẫn, chúng sanh có may mắn nào mà được chiêm ngưỡng, dạy bảo, khiến cho hai mươi lăm hữu dứt bặt nhân sanh tử. Chín mươi tám sử dứt nghiệp kéo lôi, đồng thời ra khỏi ba cõi, đền ngôi Nhất thừa, có chứa đựng ơn đại tạo bao la. Còn lo người dẫn dắt mệt nhọc, cho nên có để lại dấu vết của bậc Thánh, truyền bá linh nghi nầy. Nay nhiều lớp làm mê mờ huyền cơ, sóng thức làm yên tĩnh sự cuồng nộ, mới là nhập đạo, mở mang dấu vết, cũng là có ra môn đầu mà sự gồm cả duyên thầm, ý nghĩa hợp với Thần vận, đều chẳng phải trời trao, mà là do mưu toan của con người. Nhưng khí trời khí đất tốt lành quyện lẫn, soi sáng đất trời, dẫn vào chốn u minh. Cho nên văn vật chiếu soi xưa nay, Thanh minh cao hơn thấy nghe, cho nên xếp vào con đường rộng lớn, dùng để quán sát khuôn phép rộng lớn. Còn về kinh truyền tám tướng, trình bày năm loài sanh, từ khi kết giáo môn, nay vẫn còn thiếu sót. Đây chỉ y cứ vào duyên mà nêu chung, để chỉ bày nguồn gốc gia phả.

1/ Dấu vết ban đầu ở cõi trời Đâu-suất
2/ Dấu vết giáng xuống châu Diêm-phù
3/ Dấu vết thị hiện Đản sinh
4/ Dấu vết học tập - Thi tài
5/ Dấu vết xuất gia tìm Đạo
6/ Dấu vết đúng lúc thành Phật
7/ Dấu vết xoay bánh xe pháp ngộ chúng sanh.
8/ Dấu vết nhập Niết-bàn.

1/ DẤU VẾT Ở CUNG TRỜI ĐÂU SUẤT

Kinh Nhân Quả nói: Khi Đức Thích-ca Như lai chưa thành Phật là vị Đại Bồ-tát tên là Thiện Tuệ. Công hạnh đầy đủ, bước lên địa vị Bổ xứ, sinh lên cung trời Đâu-suất tên là Thánh Thiện, vì các Thiên chủ (các vị trời) mà nói hạnh Bổ xứ, cũng hiện thân nói pháp ở khắp mười phương. Đợi đến lúc thì giáng xuống thành Phật.

2/ DẤU VẾT GIÁNG XUỐNG CHÂU DIÊM PHÙ:

a/ Khởi niệm:

Kinh Phổ Diệu nói: Bồ-tát trụ ở cung trời Đâu-suất có sáu mươi sáu ức các vị trời cùng bàn luận rằng: Nay Bồ-tát sắp giáng sinh nước

nào, có cha mẹ chân chánh, họ hàng hòa thuận, oai đức mạnh mẽ, chí tánh rộng rãi. Lại hỏi Bồ-tát giáng sanh ở nước nào? Bồ-tát đáp: Dòng họ nước ấy có sáu mươi đức, đáng là chỗ Bậc Nhất sinh bổ xứ giáng sanh. Nay dòng họ Thích này hùng mạnh, lúa thóc phì nhiêu, người dân đông đúc, làm nhiều điều lành. Cha thì nhân hiền, mẹ thì trinh lương. Trước năm trăm đời đã làm mẹ Bồ-tát, nên giáng sanh vào bào thai nơi ấy.

Kinh Nhân Quả nói: Lại xét năm việc:

1/ Xét chúng sinh căn cơ thọ Đạo đã chín muồi hay chưa, thì biết từ lúc mới phát tâm đến nay đã thành thục.

2/ Xét thời cơ thì biết là đúng lúc nhận được pháp mầu thanh tịnh.

3/ Xét nước nào ở trung tâm, thì biết trong Tam thiên thế giới Diêm-phù-đề là ở giữa, nước Ca-tỳ-la-vệ nằm giữa cõi Diêm-phù.

4/ Xét bộ tộc (dòng họ) nào là cao quí, hùng mạnh nhất thì biết dòng họ Thích-ca là bậc nhất, là con cháu của Thánh Vương Cam Giá.

5/ Xét duyên xưa thì biết vua Bạch Tịnh ở quá khứ có duyên, chánh chân có khả năng làm cha mẹ.

Lại biết mẹ tuổi thọ đã đủ, mười tháng sinh rồi bảy ngày thì mất. Bấy giờ Bồ-tát muốn làm nhiều lợi ích cho các trời nên hiện ra năm tướng suy, lại hiện ra năm điềm lành:

1/ Ánh sáng chiếu khắp Đại thiên.

2/ Đất có mười tám tướng rung chuyển.

3/ Cung ma biến mất.

4/ Ba nguồn sáng không sáng (mặt trời, mặt trăng, sao).

5/ Tám bộ sợ hãi.

Khi ấy các vị trời thấy có hai tướng, liền hỏi Bồ-tát, thì Bồ-tát đáp sẽ bỏ cõi trời này mà sinh xuống Diêm-phù-đề. Các vị trời đều mong Bồ-tát nên ở lâu trên cung trời. Bồ-tát nói có sinh thì có chết, có yêu thương hội họp ắt có chia lìa, các hạnh là vô thường, vắng lặng là vui. Ta sinh vào dòng họ Thích mà xuất gia thành Phật, sẽ vì chúng sinh mà dựng cờ pháp lớn, làm khô cạn biển phiền não, lạm sạch tám con đường chánh, lập Đại pháp hội, thỉnh mời các trời người, các ông cũng phải đồng thọ pháp thực. Các vị trời nghe xong đều vui mừng nguyện sinh.

b/ Hiện tướng nhập thai:

Kinh Phổ Diệu nói; Bồ-tát hỏi các vị trời nên dùng hình dạng nào mà giáng thần vào thai mẹ? Phạm Thiên Cường Oai thưa rằng: Sách Phạm thì tôn quí hình tượng voi là bậc nhất. Vì sao? Vì ba thú lội qua

sông thì thỏ và ngựa không biết cạn sâu, để dụ cho hàng Nhị thừa chưa đạt pháp bổn (biết gốc pháp), còn voi thì lội đến đáy để ví với Đại thừa hiểu rõ ba cõi. Liền vào cuối Xuân đầu Hạ, cây nở đầy hoa, sao Phí nên giáng xuống mà hóa thành voi trắng, các căn vắng lặng, hiện ra từ ánh sáng mặt trời, việc làm không trái mà chui vào hông phải của mẹ. hai kinh Thụy Ứng và Tu Hành đều nói: Hóa hiện cỡi voi trắng sáu ngà, vào lúc sáng sớm xuất phát từ cung trời Đâu-suất. Các trời theo hầu đầy khắp hư không, trổi nhạc rải hoa, phát ra ánh sáng rực rỡ chiếu khắp. Sáng sớm ngày mồng tám tháng tư (nay là mười lăm tháng tư) thì giáng thần vào thai mẹ. Hoàng hậu nằm mộng thấy có người cỡi voi chui vào hông phải, hình ảnh bên ngoài trong suốt như lưu ly, thân tâm rất an vui, Khi thức dậy bà bèn kể hết cho vua nghe, liền mời thầy đến đoán mộng, thầy tướng bảo đây là Thánh thai, thai nhi sau nầy sẽ làm Luân vương, nếu xuất gia sẽ thành Chánh giác. Bấy giờ, các trời đều thấy Bồ-tát đã sinh vào cung vua sẽ thành Phật Đạo, chúng ta sẽ làm quyến thuộc và được pháp hóa của Ngài. Lúc đó có chín mươi chín ức vị trời sinh xuống làm người. Lại có các vị trời từ cõi tha hóa trở xuống sinh vào loài người số đông vô lượng. Lại có các vị trời cõi sắc cũng đến học Đạo, sinh xuống nhân gian làm tiên.

Kinh Bổn Khởi nói: Bồ-tát ở trong thai của Hoàng hậu tu hành sáu độ, ăn thức ăn trời, Tam thiên thế giới thường chiếu ánh sáng. Bệnh hoạn đều dứt, ba độc đều dừng. Bồ-tát thân mình đẹp đẽ đều đầy đủ, đi đứng nằm ngồi không trở ngại. Buổi sáng nói pháp cho các vị trời cõi Sắc nghe, buổi trưa vì các vị trời cõi Dục. Buổi xế vì quỉ thần và đêm cũng ba thời nói pháp chánh yếu mà lợi ích chúng sinh. - Kinh Phổ Diệu nói: Ở trong thai mười tháng, khai hóa các trời người trong ba mươi sáu năm, khiến lập ra Thánh đạo Ba thừa.

3/ THỊ HIỆN ĐẢN SANH LINH TÍNH

a/ Đến vườn hoa xinh đẹp

Kinh Phổ Diệu nói: Lúc đó, vua nghĩ ngày sinh sắp đến, khi vua đang nghĩ như vậy thì Hoàng hậu tâu vua muốn dạo xem vườn hoa. Vua bèn cho sửa sang vườn Lâm-tỳ-ni đẹp đẽ, hoa quả suối ao, lan can thềm bậc, bảy báu trang nghiêm, các loài chim quí đẹp đều đầy đủ, cờ phướn lọng báu, ca nhạc hương hoa đều nhóm họp. Mười vạn xe báu bốn binh nghiêm nhặt, tám muôn bốn ngàn thể nữ yêu kiều theo hầu Hoàng hậu. Lại chọn tám muôn bốn ngàn người nữ mang hương hoa đến, lại sai vợ quan theo hầu. Khi ấy, Hoàng hậu lên kiệu báu đến vườn, tám bộ đầy

khắp hư không cùng theo. Kinh Đại Hoa Nghiêm nói: Trong vườn hiện ra mười điềm lành. Cho đến Chư Phật mười phương từ rún đều phát ra ánh sáng, chiếu khắp khu vườn này hiện Phật mới đến.

b/ Tướng linh nghi chánh thức đản sanh:

Kinh Phổ Diệu nói: Khi Hoàng hậu sinh, ngồi xe vân mẫu, dạo vườn cây lân-tỳ, ngồi tòa sư tử, sáu thứ rung chuyển cõi nước Tam Thiên. Tứ Thiên Vương kéo xe, Phạm Vương dẫn đi trước, cây lá rủ cành. Kinh nói mười tháng đã đủ, đúng vào ngày mồng tám tháng bốn (nay là mười lăm tháng bốn) khi mặt trời vừa mọc, ở dưới cây vô ưu hoa lá xinh tươi Hoàng hậu đưa tay phải vịn cành thì Bồ-tát từ hông phải sinh ra. Phật Sở Hành Tán chép: Xưa vua sinh hoặc sinh từ đùi, hoặc từ tay, từ đảnh, từ nách, còn ta từ hông phải sinh ra - Kinh Đại Thiện Quyền nói: Bồ-tát muốn không từ bào thai thành Phật ngay, là vì e người nghi ngại cho là biến hóa, mà chẳng thọ pháp, nên phải hiện vào bào thai. Các điều kinh nói đều với mục đích diệt nghi sinh tín (làm hết nghi ngờ mà sinh kính tin). Vì văn nhiều nên không chép hết.

c/ Tướng phát hiệu bày đức

Kinh nói: Lúc đó dưới cây sinh ra bảy cành hoa sen bảy báu lớn như bánh xe. Bồ-tát rơi vào hoa sen, không người dắt dìu mà tự đi bảy bước - Kinh Đại Thiện Quyền nói: Vì ứng với bảy giác chi nên đi bảy bước. Kinh Niết-bàn nói: Khắp mười phương đều đi bảy bước. Kinh nói chỉ tay phải lên mà nói “trong tất cả trời, người ta là bậc tôn quí nhất, vô lượng sinh tử đã hết, lợi ích tất cả trời người - Kinh Đại Quyền nói: Đưa tay hiện tướng là muốn dẹp trừ ngoại đạo tự tôn mà phải đọa vào đường ác. Cho nên kinh Bản Khởi nói: Trên trời dưới thế gian chỉ có ta là tôn quí. Ba cõi đều khổ đâu có vui gì.

d/ Các vị trời hầu hạ

Kinh nói: Lúc đó, Tứ Thiên Vương dùng lụa trời hứng đỡ rồi đặt lên ghế báu. Đế-thích cầm lọng, Phạm vương cầm phất trần trắng đứng hầu hai bên. Anh em Long vương Nan-đà ở trên hư không phun nước xuống một ấm, một lạnh để tắm gội thân Phật. Kinh Phổ Diệu nói: Trời Thích Phạm mưa hương, chín rồng phun nước thơm tắm thân - Kinh Tu Hành nói: Nước bên trái thì ấm, bên phải thì lạnh, trời Đế-thích dùng áo trời gói bọc thân Phật.

e/ Hiện điềm lành rộng lớn:

Kinh nói: Thái tử thân mầu vàng, có ba mươi hai tướng chiếu sáng Đại thiên, tám bộ trời rồng ở trên hư không trổi nhạc ca tụng đức của Phật, đốt hương rải hoa, mưa áo và chuỗi anh lạc lăng xăng rơi xuống.

Lúc đó, Hoàng hậu đứng yên dưới cây. Bỗng có bốn cái giếng đủ nước tám đức để rửa mặt súc miệng. Các Dạ-xoa vây quanh gìn giữ, tất cả trời người đều khen là Bậc Chủng Trí, mau thành Phật Đạo, sớm xoay bánh xe pháp, độ thoát chúng sinh. Chỉ có Ma vương thì không ở yên tại chỗ ngồi cũ. Bấy giờ có ba mươi bốn điềm lành. Văn dài nên không chép. Khi ấy, thể nữ lấy mền lụa trời mà che bọc Thái tử ẵm đến chỗ Hoàng hậu. Lại có hai mươi tám vị Đại thần, bốn góc có thanh y dìu Hoàng hậu trở về cung tâu, vua lên các điềm lạ. Vua cử bốn thứ binh cùng ức muôn người họ Thích cùng vào vườn hoa thấy các tướng lạ thì vừa mừng vừa sợ. Các người họ Thích cùng ngày ấy cũng sinh ra năm trăm người con trai - Kinh Tu Hành nói: Trong nước có tám muôn bốn ngàn vị Trưởng giả cùng sinh con trai, tám muôn bốn ngàn con ngựa cái sinh ra ngựa con đều có lông trắng bờm đỏ - Kinh Bổn Khởi nói có gã hầu tên là Xa-nặc, ngựa tên Kiền-trắc. Voi ngựa đều sinh con lông trắng, trâu dê sinh con đều năm mầu, dê con, trâu con đều có năm trăm, các thanh y (hầu gái) cũng sinh năm trăm con - Kinh Phổ Diệu nói: Sinh năm ngàn lực sĩ, có năm trăm kho báu ngầm tự nhiên hiện ra. Lại tám vị vua đồng ngày ấy cũng sinh con trai. Lúc đó ai cũng vui mừng.

Kinh nói: Lúc đó, vua Bạch Tịnh đi lễ Thiên Thần. Đặt Thái tử trên xe voi, quần thần thể nữ, các trời trỗi nhạc cùng vào thành đến chỗ đền trời, thì các tượng Phạm Thích thờ trong miếu đều đứng dậy kính lạy Thái tử mà thưa rằng: Thái tử là bậc tôn quí nhất của trời người, vì sao lại bảo lạy chúng tôi. Các quan thấy việc này thì khen là việc chưa từng có. Bèn đem Thái tử trở về cung.

f/ Lập tên đặt hiệu

Kinh nói: Vua muốn đặt tên bèn mời các Bà-la-môn nhóm họp lại, bồng Thái tử ra xin đặt tên, bèn nói rằng: khi Thái tử mới sinh, kho báu đều xuất hiện, có nhiều điềm lành nên đặt tên là Tất-đạt-đa. Trên hư không các vị thiên thần đều đánh trống trời, đốt hương rải hoa khen ngợi lành thay!

g/ Mời Tiên xem tướng

Kinh nói: Vua mời năm trăm thầy tướng giỏi đến điện báu mà đoán tướng Thái tử, họ đều nói: Nếu xuất gia thì sẽ thành Phật, còn ở tại gia thì sẽ làm vua Chuyển luân: Lại nói Đại tiên ở Hương Sơn và A-tư-đà, đủ năm thần thông có khả năng dứt nghi cho vua. Vị tiên ấy chợt biết mà từ trên hư không bay đến cung vua. Vua bồng Thái tử ra kính lễ thì vị tiên ngăn lại bảo đây là bậc tôn quí nhất của ba cõi, rồi đứng dậy chấp tay lạy Thái tử. Bỗng buồn bã khóc lóc bảo rằng: Mười

chín tuổi thì làm Chuyển luân vương, nếu xuất gia thì sẽ thành bậc Nhất thiết chủng trí, sẽ thành Phật nói pháp độ người. Vì tướng hiện rõ điều ấy, nay tôi đã một trăm hai mươi tuổi rồi, chẳng bao lâu sẽ sinh lên cõi trời Vô tưởng, chẳng được gặp Phật ra đời cho nên buồn khổ.

h/ Tìm người hầu hạ chăm sóc

Vua nghe lời tiên đoán chắc chắn của vị tiên thì lo sợ Thái tử đi xuất gia. Bèn chọn năm trăm thanh y, được nhũ mẫu cung cấp mọi việc. Xây điện bảy báu hợp với ba mùa. Cửa thành đóng mở thì tiếng vang xa đến bốn mươi dặm. Có năm trăm thể nữ túc trực hầu hạ trong cung điện, hoa quả ao chim đều đầy đủ. Bấy giờ, Di mẫu nuôi nấng Thái tử. Khi tuổi lớn lên thì vua làm mũ báu, chuỗi anh lạc và đủ thứ đồ chơi cung cấp cho. Cả nước đều được bố thí, mừng vui khó tả xiết.

i/ Mẹ sinh lên cõi trời.

Kinh Thái tử Bổn Khởi nói: Bồ-tát vốn biết đức của mẹ không thể nhận Bồ-tát kính lễ nên nhân sắp qua đời mà chọn giáng sinh - Kinh Phổ Diệu nói: Sau khi sinh Thái tử bảy ngày thì mẹ qua đời, sinh lên cõi trời Đao-lợi. Năm muôn vị Phạm thiên đều cầm bình báu, hai muôn vị vợ của ma cầm dãi lụa báu đi theo hầu. Mẹ của Chư Phật ba đời đều đồng tướng này- Kinh Đại Quyền nói: Phước hết thì sinh lên cõi trời, chẳng phải là lỗi của Bồ-tát. Trước ở cõi trời Đâu suất Bồ-tát thấy tuổi thọ của mẹ chỉ còn mười tháng bảy ngày nên đến thọ sinh.

4/ HỌC TẬP THI TÀI

Kinh nói: Năm Thái tử bảy tuổi vua cho chọn người làm thầy Thái tử, xây trường lập lớp, chọn sách học tập - Kinh Phổ Diệu nói: Tay cầm bút vàng, ngồi giường lệ châu hỏi thầy rằng: Sách có sáu mươi bốn thứ, vì sao đem dạy chỉ có hai thứ, liền phân biệt gốc ngọn thì thầy chưa hiểu bèn thưa rõ chí mình về các thứ kỹ nghệ, sách vở, cỡi ngựa bắn tên, thiên văn, toán thuật. Đến năm mười tuổi thì cùng người em là Điều-đạt và năm trăm đứa trẻ họ Thích đều bảo nhau là Thái tử rất thông minh hiểu rõ các sách luận chắc chắn hơn chúng ta. Chúng ta nên thi tài với nhau. Rồi khua chuông trống tổ chức thi võ. Có con voi ở trước cửa thành, Điều-đạt liền đánh vào đầu voi, voi té xuống đất, Nan-đà dùng chân hất voi ra nằm ở bên đường, Thái tử thì vác voi ném ra khỏi thành rồi chạy thật nhanh ra đỡ lấy khiến voi không đau đớn. Rồi lại ở trong vườn hoa sắp bày các trống vàng bạc đồng sắt mỗi thứ bảy chiếc, Điều-đạt bắn trước xuyên được ba trống, Nan-đà cũng thế. Thái tử dùng cung báu của Tổ tiên bắn xuyên qua hết các trống, mũi tên ghim vào

đất khiến suối phun nước rồi chui luôn vào lớp Thiết-vi. Điều-đạt và Nan-đà đánh nhau, Thái tử bèn can hai em ra.

a/ Lập Thái tử

Kinh nói: Vua họp bàn nên lập Thái tử. Vào ngày tám tháng hai sắm đủ vật đựng đầy nước bốn biển. Các vị tiên trao nhau, lần lượt đội trên đầu, sau đó trao cho nhà vua rót trên đầu Thái tử, giao cho Bảo ấn, rồi gióng trống bảo rằng: Nay lập Tát-bà-tất-đạt làm Thái tử. Trên hư không các vị trời và tám bộ đồng khen lành thay! Ngày ấy vua tám nước có sinh con trai cũng đều lập Thái tử.

b/ Xem cày cấy mà sinh nhàm chán

Kinh nói: Thái tử dạo chơi đến ruộng mà nghỉ dưới gốc cây Diêm-phù, mặt trời chói chang thì cây rủ nhánh che mát Thái tử. Thái tử thấy những người cày ruộng thì các vị trời Tịnh cư hóa làm trùng dế bị chim ăn. Thấy đoạn liền khởi tâm từ bi mà được Tứ thiền. Vua tìm đến vỗ về rồi dẫn về. Vua lo Thái tử xuất gia nên càng tăng thêm kỹ nữ và các trò đùa vui làm cho Ngài thay đổi ý chí.

c/ Cưới vợ có thai

Kinh nói: Năm Thái tử mười bảy tuổi vua lo việc cưới vợ. Bà-la-môn họ Thích có con gái dung mạo lễ nghi đều tốt đẹp, bèn mời về cung, cùng ăn nằm, nhưng không có ý thế tục. Đêm vắng thì ngồi thiền, các kỹ nữ nghi ngờ - Kinh Tu Hành Thụy Ứng nói: Mọi người đều nghi Thái tử chẳng phải đàn ông. Thái tử bàn chỉ bụng vợ bảo rằng: Sáu năm nữa nàng sẽ sinh con trai, bèn có thai - Kinh Đại Quyền nói: Bồ-tát không có dục, vì để dứt nghi chẳng phải người nam nên cưới Cù-di. La-vân ở trên cõi trời chết rồi hóa sinh xuống không do cha mẹ tạo nên. Do bản nguyện cho nên như thế.

d/ Dạo bốn cửa thành

Kinh nói: Thái tử nghe ca nhạc múa hạt trong vườn nên muốn dạo chơi. Ra cửa thành Đông, trời cõi trời Tịnh cư bèn hóa thành người già. Liền nghĩ thân ta già đến mau như ánh chớp, thân sao đủ cậy nhờ. Bèn trở về cung mà lòng chán chường càng tăng. Bốn mặt thành Ca-tỳ-la đều có vườn rừng lầu gác trang nghiêm chẳng khác. Thái tử ra dạo chơi cửa Nam thành thì trời Tịnh cư hóa thành người bệnh thấy rồi thì buồn khổ mà trở về cùng. - Lại có con trai của Bà-la-môn tên là Ưu-đà-di thông minh chẳng ai sánh bằng. Vua mời làm bạn Thái tử phải tìm cách giải sầu cho Thái tử. Ít lâu sau dạo ra cửa thành Tây, giữa đường gặp một người chết, bốn người khiêng thây, gia đình đi sau đưa tang, là do trời Tịnh cư hóa ra, chỉ mình Thái tử và Ưu-đà-di nhìn thấy mà thôi.

Hỏi đáp xong rồi càng run sợ, tất cả đều chết, há là ta còn ư? bèn trở về cung. Rồi vào vườn hoa nhớ xưa thiền quán mà ôm lòng nhàm chán xa lìa. Lại dạo cửa thành Bắc, xuống ngựa ngồi nghỉ dưới gốc cây mà Thiền tư. Trời Tịnh cư hóa thành vị Tỳ-kheo mặc pháp phục, ôm bát cầm tích trượng, nhìn xuống đất mà đi ngang qua Thái tử. Hỏi: Thì đáp ta là Tỳ-kheo, phá được kiết tặc (phiền não) chẳng nhiễm sáu trần, liền hiện thần thông bay lên hư không mà đi, quan lính người hầu đều thấy. Thái tử nói lành thay! Chỉ có người này là vui, rồi quyết tâm tu đạo, bèn trở về cung mà rất vui vẻ.

5/ XUẤT GIA HỌC ĐẠO

a/ Xin xuất gia

Kinh nói: Đến mười chín tuổi, nghĩ thời xuất gia đã đến. Bèn đến lạy nhà vua, cha ôm bảo ngồi thì thưa: Con muốn xuất gia, xin cho con đi học đạo Thánh. Vua cầm tay con khóc lóc bảo rằng: Con hãy bỏ ý nghĩ này đi, nước chưa có người nối dõi - Kinh Phổ Diệu nói: “Muốn chẳng sinh, già, bệnh, chết nên xin xuất gia,” vua nói” xưa nay không ai tránh được, con lo làm gì.

b/ Thiên Thần giúp đi xuất gia

Kinh Phổ Diệu nói: Thầy tướng tâu vua nếu nay không xuất gia, qua bảy ngày sẽ làm vua Chuyển luân. Vua nghe rất mừng liền ra lịnh cho quân lính canh gác nghiêm ngặt trong vòng một do-tuần, trong ngoài giữ gìn cẩn mật - Kinh Nhân Quả nói: Ta năm mười chín tuổi, ngày bảy tháng hai giờ xuất gia đã đến. Lại đã có con trai là vừa ý nhà vua. Liền phát ra ánh sáng trên thân chiếu lên trời Tứ Thiên Vương, cho đến trời Tịnh cư không để người thấy, các vị trời hiện xuống kính lạy dưới chân bạch rằng Vô lượng kiếp đến nay tu hành nay đã chín, đáp rằng: Đúng vậy, nhưng trong ngoài canh giữ nghiêm nhặt không thể thoát ra được. Trời bèn dùng thần lực khiến tất cả ngủ mê - Kinh Phổ Diệu nói: Các vị trời ở xa thưa rằng: Sao Phí đã mọc liền sai Xa-nặc dắt Kiền-trắc đến. Bốn vị Thiên Vương cùng Dạ-xoa rồng, v.v... đều mang áo giáp từ bốn phương đến. Lúc đó ngựa kêu tiếng buồn khóc, thấy có ánh sáng chiếu khắp mười phương, Thái tử bèn dùng tiếng sư tử rống bảo rằng: Chư Phật quá khứ xuất gia cũng như thế. Do đó các trời nâng bốn chân ngựa và Xa-nặc, trời Đế-thích cầm lọng mà ra cửa thành Bắc. Thái tử nói: Nếu chẳng dứt tám khổ, chẳng xoay bánh xe pháp, chẳng thành Bồ-đề thì nhất quyết không trở về. Trời khen: Lành thay! Đến sáng thì dừng lại, đi được ba do-tuần. Các trời liền biến mất.

c/ Cạo tóc bỏ tục

Kinh nói: Thái tử đến rừng Nhàn tịnh: Cởi mũ, lấy minh châu anh lạc và các đồ trang sức giao cho Xa-nặc, sau đó dùng kiếm báu cạo bỏ râu tóc thề rằng: Nguyện cùng tất cả dứt bỏ phiền não. Khi ấy, trời lấy tóc đem đi, khen rằng lành thay! - Kinh Đại Quyền nói: Đảnh của Bồ-tát không ai thấy được, huống chi là cạo tóc nên phải tự cạo, lại tránh việc vua giận. Lại nghĩ đó là pháp của Chư Phật quá khứ là áo không dùng bảy báu. Nên trời Tịnh cư bèn hóa thành người thợ săn mặc áo ca-sa, Bồ-tát dùng bảy báu để đổi. Luận Trí Độ nói: Đổi được áo Tăng-già-lê vải thô. Kinh nói: Xa-nặc thấy vậy, biết chí Ngài không thay đổi, ngựa hí vang cùng trở về.

d/ Tìm Tiên nhưng không học theo

Kinh nói: Thái tử đến rừng Tiên Bạt-già, chim thú đều nhìn sửng. Vị Tiên cho là Thiên thần, nên cùng học trò ra đón mời ngồi. Thái tử thấy các Tiên lấy cỏ, vỏ cây, lá cây làm áo, hoặc ăn hoa quả cỏ cây, hoặc ngày chỉ ăn một bữa, hoặc ba ngày một bữa, hoặc thờ nước, thờ lửa, thờ mặt trời mặt trăng, hoặc đứng một chân, hoặc nằm trên tro, trên gai, trên nước, trên lửa. Hỏi: Để làm gì thì đáp là muốn sinh lên cõi trời. Liền bảo các vị Tiên rằng: Sự mong cầu của các vị cuối cùng vẫn chưa lìa được khổ. Bàn luận qua lại đến tối. Sáng ra thì từ giả ra đi. Các vị Tiên nói sự tu Đạo có khác nhau nên chẳng dám giữ lại, hãy đi về hướng Bắc, ở đó có vị Đại tiên có khả năng luận bàn.

e/ Vua và thầy tìm dấu

Kinh nói: Khi vua thấy Xa-nặc trở về, vì lòng thương yêu quá sâu nặng vua muốn đuổi theo Thái tử. Thầy vua và các quan can ngăn rằng: Vua chớ đi, Ngày sinh Thái tử, trăm vị thần đều nêu lên điều lạ, các trời đều kính hầu. Vị Tiên đã đoán là không thể làm vua. Chúng thần có tìm đến chỗ Tiên thì Tiên nói đã đi rồi. Chúng thần đi tìm, thì giữa đường thấy Thái tử ngồi dưới gốc cây suy tư. Chúng thần đến nói đủ điều thì Thái tử nói đâu phải chẳng biết ân, chỉ vì sợ bốn khổ sinh, già, bệnh, chết mà chẳng bao giờ trở về, lại đi tìm vị tiên khác. Chúng thần bèn để năm người theo hầu. Liền vượt sông Hằng đến thành Vương xá. Người dân cả nước đều đón chào. Vua nhường ngôi cho nhưng vẫn không đổi ý, nói cho nghe đời là khổ. Rồi tìm đến chỗ Tiên Ca-lan, bàn luận nhưng chẳng vừa ý, cũng như trên đã nói.

f/ Cùng tu khổ hạnh.

Thái tử điều phục hai vị tiên rồi đến rừng khổ hạnh ở núi Già-xà cùng năm anh em Kiều-Trần-Như ở đó, bên sông Ni-liên-tịnh lự sáu

năm tu khổ hạnh. Trời hiến mè gạo, tịnh tâm giữ giới, ngày ăn một hạt mè hạt gạo hoặc bảy ngày ăn một hạt mè hạt gạo. Năm anh em Kiều-Trần-Như cũng học khổ hạnh, khiến người tâu vua biết hết các khổ. Vua nghe càng buồn, khiến cung cấp năm trăm xe thức ăn, Di mẫu và Gia-du cũng sắm đủ năm trăm xe sai Xa-nặc đưa đến, biết không nhận bèn đem trả về cung.

g/ Tắm gội thọ thực

Kinh nói: Bồ-tát tự nghĩ nay ta khổ hạnh thân hình như cây khô, đã hết sáu năm mà không được giải thoát. Nhớ thiền định xưa là chân chính nhất, vì diệt ngoại tà mà tự nhịn đói là chẳng phải đạo, ta phải ăn uống rồi mới thành Phật. Nghĩ đoạn, liền đứng dậy xuống sông tắm gội. Thân thể ốm gầy, yếu đuối trời bèn ấn cây xuống vịn mà lên bờ. Có cô gái chăn trâu, trời Tịnh cư khuyên đem cháo sữa đến dâng cúng. Nàng dâng lên Bồ-tát liền nhận và chú nguyện. Khí lực đầy đủ mà chứng đạo Bồ-đề. Năm anh em Kiều-Trần-Như v.v...thấy thế cho là lui sụt Đạo tâm, bèn bỏ đi. Bồ-tát một mình đến dưới cây tất-bát-la. Vì đức trọng nên ma đất rung chuyển, rồng mù thấy được, thấy điềm lành mà khen ngợi, có năm trăm con chim sẻ xanh bay liệng trên hư không, mây lành gió thơm phảng phất. Giống như Chư Phật quá khứ lấy cỏ làm tòa ngồi. Đế-thích hóa thành người dâng cỏ lên, nhận xong bèn trải ra ngồi, trời rồng mừng vui - Kinh Quán Phật Tam-muội nói: Trời hóa thành cây cao đến tám ngàn dặm. Kẻ phước mỏng thấp kém thì thấy là ngồi tòa cỏ.

6/ DẤU VẾT NGỘ ĐẠO

a/ Hàng phục Ma, hiển bày đức.

Kinh Xử Thai nói: Bồ-tát ngồi dưới cây Diêm-phù, bốn mươi tám ngày quán cây suy tư, cảm động trời đất, ánh sáng chiếu khắp cung ma. Ma Ba-tuần mộng thấy ba mươi hai điều biến. Thức dậy thì sợ sệt, hội họp quan ma, kêu gọi một ngàn người con trở về. Lại bảo bốn con gái đến phá hoại trước, hiện ra ba mươi hai vẻ đẹp yêu mị, bị biến thành mù già - Kinh Quán Phật Tam-muội nói: Ba con gái trang điểm mặt mày đẹp đẽ, kính lễ Bồ-tát nguyện đem thân hầu hạ, dâng chén bát quí thức ăn trời lên cho Bồ-tát lúc ấy, thân tâm yên tịnh bất động, sợi lông trắng ngưng đọng. Thì thân gái chín lỗ và hai tạng hiện rõ, tự thấy thì chán ghét, có tám mươi loài sâu bọ mở miệng cắn hút các tạng, thấy mà nôn mửa. Thân có đầu rắn bên trái, đầu chó ở giữa, đầu chồn bên phải, lưng cõng mụ già, trước bụng ôm xác chết trẻ con. Các con gái ma sợ quá gào khóc mà trốn chạy. Ma vương giận dữ sai khắp các vị trời

cõi Dục và tám bộ đồng dấy binh hiện hình, lại sai Diêm-la đem tất cả các vật tra khảo ở địa ngục A-tỳ đến chỗ Bồ-tát. Ma Ba-tuần hò hét, chúng ma chẳng không thể đến gần. Bồ-tát từ từ phát ra ánh sáng giữa hai đầu chân mày soi đến địa ngục thì có vòi nước phun ra làm cho lửa tắt, liền nhớ các tội xưa, tâm được mát mẻ, niệm Nam-mô Phật, nhờ đó được sinh làm người. Ma vương tiến đến gần vấn nạn với Phật. Bồ-tát dùng sức trí tuệ đưa tay sờ đất thì lập tức đất rung chuyển, ma và binh ma nghiêng ngả rớt xuống.

b/ Dứt hết hoặc, thành Chánh giác.

Kinh nói: Bấy giờ Bồ-tát dùng năng lực từ thiện đêm bảy tháng hai hàng ma phát ra ánh sáng, nhập định quán pháp, liền được ba minh sáu thông đầy đủ, nhìn thấy các việc ở khắp ba đời ba cõi, đều biết danh sắc là các nhân ác, vâng làm tám chánh các khổ liền diệt. Bồ-tát tự biết mình đã dứt hết ba độc là cội gốc sinh tử, việc làm đã thành trí tuệ sáng suốt. Khi sao mai mới mọc thì bỗng nhiên Đại ngộ, thành tựu Chánh giác, được mười tám pháp, mười thứ thần lực, bốn vô sở úy. Lúc đó, mặt đất có mười tám cách rung chuyển, trời giáng điềm lành mưa xuống cam lộ, lại mưa hoa trời. Trống trời tự đánh, nhiễu quanh cây Bồ-đề, đầy cả ba mươi sáu do-tuần, tám bộ đầy khắp. Tất cả chúng sinh đều thương mến nhau, năm tầng trời Tịnh cư cùng các vị tiên năm thông và các đường khổ thú (cõi khổ) đều rất vui mừng.

7/ NÓI PHÁP KHAI HÓA

a/ Khởi niệm thương vật:

- Kinh nói: Như lai trong suốt bảy ngày quán cây suy nghĩ ta đã hết lậu, bản nguyện thành tựu, được pháp sâu xa, chỉ có Phật mới biết. Nhưng các chúng sinh ở trong đời năm trược, bị ba độc che lấp, phước mỏng vô trí, chẳng hiểu pháp sâu. Nếu xoay bánh xe pháp thì sẽ chê bai thì phải đọa vào đường ác mà chịu khổ vô lượng. Nay ta thà nhập Niết-bàn. Kinh Phổ Diệu nói: Khi đã thành Đạo Chánh giác thì Phật dời đến ngồi trong hang đá, nghĩ đến chỗ tin thờ của chín mươi sáu phái, nay ta làm sao cứu được.

b/ Phạm vương khuyến thỉnh

Kinh nói: Khi Đại Phạm vương thấy Phật đã thành quả Thánh mà lại im lặng, giữ tâm lo buồn. Chúng sinh đêm dài mù mịt phải chết chìm trong sinh tử, nay ta phải đến thỉnh Phật xoay bánh xe Đại pháp. Liền đến chỗ Phật bạch rằng: Bạch Đức Thế tôn, xưa kia Ngài vì chúng sinh mà ở lâu trong sinh tử rộng tu cội đức, nay đã thành Đạo, vì sao lại im

lặng. Sáu cõi trời Dục cũng cùng nhau khuyến thỉnh, như thế ba lần. Đến hết ngày thứ bảy thì Phật im lặng nhận lời khuyến thỉnh.

c/ Nhớ nghĩ đến cõi nước, căn cơ.

Kinh nói: Phật bảo thần cây: đây là chỗ ở của Tiên nhân Ba-la-nại, người dân trong vườn Lộc dã tuy ít túc duyên mà có người được pháp nhãn thanh tịnh, liền dùng Đạo nhãn thấy hai vị tiên đều đã chết. Lại nhớ nghĩ đến năm vị đã tu khổ hạnh với mình đáng nói pháp cho nghe.

d/ Nhận người lái buôn cúng dường, nhận bát

Kinh Bổn Khởi nói: Thần cây nghĩ Phật đã được Đạo bảy ngày mà chưa có ai hiến cúng. Có năm trăm vị lái buôn đi qua, xe trâu đều lún không đi được. Có hai người chủ là Đề-vị và Ba-lợi cùng mọi người đến cúng thần cầu phước. Thần hiện thân khuyên cúng dường Phật. Bèn trộn mật mì mà dâng lên Phật. Khi ấy, Phật nghĩ các Đức Phật xưa đều dùng bát thọ thực. Lúc đó, trời Tứ Thiên Vương lên núi Phả-na thì từ đá hiện ra bốn bát lớn, mỗi người lấy một bát đem dâng lên Phật. Phật bèn nhận hết để trong tay trái, tay phải ấn lên, thành một bát duy nhất, chú nguyện rồi nhận mì mật vào bát. Ăn xong súc miệng rửa bát, bèn trao Tam qui cho hai người, rồi từ biệt (luật thêm móng tóc mà xây tháp)

e/ Giữa đường gặp ngoại đạo

Kinh nói: Như Lai đi về phía trước oai nghi khoan thai, gặp một ngoại đạo tên là Ưu-ba-già, thấy Phật tướng đẹp mà khen dùng kệ hỏi đáp, lòng cho là ít có bèn chắp tay đi nhiễu quanh, Ngài nhìn mất dạng mới thôi.

f/ Gặp mưa rồng cúng dường

Kinh Bản Khởi nói: Phật đến bờ nước có rồng mù Văn Lân mà ngồi nhập định bảy ngày, có mưa to gió lớn. Phật phát ra ánh sáng vào nước, rồng mù thấy được liền biết Như lai. Như ba Đức Phật trước có nước thơm phun ra, quấn quanh Phật bảy vòng, cổ cao bốn mươi dặm, có bảy đầu che trên Phật suốt bảy ngày vẫn nhất tâm không biết đói khát. Mưa tạnh thì rồng hóa thành một Đạo nhân trẻ tuổi y phục ngay ngắn cúi cầu lễ Phật thọ ba qui y.

g/ Tùy theo căn, cỏ trao pháp

Kinh nói: Liền đến chỗ năm vị ở Ba-la-nại. Xa thấy Phật đến thì nói là chưa thành Đạo rồi giao kết với nhau là không đứng dậy chào. Bỗng khi Phật đến thì cả năm người bất giác đều đứng dậy kính lễ thay nhau hầu hạ. Phật bèn giải thích năm ấm luân hồi các khổ trong ba cõi. Kiều-trần-như trước nhất hiểu rõ Tứ đế mà được pháp nhãn, tám muôn

na-do-tha Không Thiên cũng được pháp nhãn thanh tịnh.

h/ Cảnh tướng giáo hóa

Kinh nói: Thần đất thấy Kiều-trần-như được đạo rồi thì lớn tiếng bảo rằng: Như lai ra đời xoay bánh xe Diệu pháp. Không thiên lại khen cho đến trời A-ca-nị-tra. Đất có mười tám thứ rung chuyển, tám bộ trời rồng trỗi nhạc khen ngợi: Thế giới có ánh sáng rực rỡ. Kế vì bốn người kia giảng lại Tứ đế thì cũng lìa trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh.

i/ Xuất gia biểu hiện tướng Tăng

Kinh nói: Khi năm người đã thấy dấu Đạo thì xin xuất gia. Thế tôn gọi Thiện lai Tỳ-kheo thì râu tóc tự rụng, liền thành Sa-môn. Nói lại năm ấm, hiểu thì thành La-hán. Thế gian có sáu, Phật là Phật bảo, bốn Đế là Pháp bảo, năm vị là Tăng bảo, là Tam bảo của thế gian đầy đủ ruộng phước bậc nhất cho trời, người.

j/ Thứ lớp độ người

Kinh nói: Kế độ con của Trưởng giả là Da-xá được Sơ quả. Cha đến tìm con, Phật nói pháp cho nghe liền được pháp nhãn thanh tịnh, nói cho nghe Tam qui là vị Ưu-bà-tắc đầu tiên. Lại độ cho năm mươi người bạn của Da-xá đều được Sơ quả.

h/ Phân chia độ người

Kinh nói: Phật bảo các Tỳ-kheo: Việc làm của các thầy đã xong có thể làm ruộng phước, vậy phải đến các phương mà từ bi độ vật. Nay ta một mình đến nước Ma-kiệt-đề mà độ người dân. Rồi lại từ gĩa ôm bát ra đi - Kinh nói: Phật đến nước Ma-kiệt-đề, có ba anh em Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp học đạo Tiên xưa, vua quan đều kính phục, lợi căn ngã mạn, rất khó chế phục. Phật liền đến xin nghỉ đêm trong hang rồng dữ. Đêm ấy hàng phục được rồng dữ, sáng ra chỉ cho thấy. Ca-diếp tuy có thần lực hàng phục nhưng vẫn cho mình là chân. Sau Thiên vương, Đế-thích, Phạm vương giáng hạ đều phát ra ánh sáng, trong tâm riêng kính mến. Sau tín đồ thờ lửa, Phật dùng thần lực chế phục, tuy chống lại mà không được, thầy trò cùng đến chỗ Phật, bị hàng phục rồi mới toại chí. Lại thỉnh Phật cúng dường bốn sự, mỗi ngày bày thức ăn ngon đãi Phật. Phật bèn đến phía Bắc châu này lấy quả Diêm-phù, v.v...

Kinh Phổ Diệu nói: Lên trời Đạo-lợi lấy trái trú-dạ. Ba thiên hạ còn lại thì lấy quả nên đến sớm, Ca-diếp khen là thần kỳ. Trời Đế-thích chỉ đất thành ao có nước tám đức đủ cúng Phật tắm gội súc miệng. Ca-diếp thưa hỏi cảm được điềm lành của trời, nhưng vẫn chưa theo. Phật thấy vải dơ lượm mà giặt bèn nghĩ cần đá để giặt. Đế Thích bèn lên Hương sơn lấy đá và máng đá đựng đầy nước đem về. Ca-diếp hỏi

và khen ngợi riêng. Hôm khác Phật xuống ao tắm, thần cây rủ nhánh xuống, Phật vẫn ngồi dưới cây. Ca-diếp lập hội bảy vua và thần dân nhóm họp, sợ Phật đến thấy tướng đẹp mà cảm động, bèn nguyện Phật đừng đến thì Phật đến Bắc châu bảy ngày đêm không về. Sau tiệc tan, nghĩ Phật đến thì Phật liền đến, hỏi lý do thì lòng kinh sợ. Tuy cho là lạ lùng nhưng vẫn cho mình là chân. Ngày khác, Phật biết căn cơ đã chín muồi bèn đến bờ sông. Ma vương bạch Phật nên nhập Niết-bàn. Phật bảo: Ta chưa có đủ bốn bộ đệ tử, ngoại đạo chưa hàng phục, liền trở về cung trời. Bấy giờ, Phật vào nước khiến nước chảy quanh mình. Ca-diếp xa thấy cho là Phật bị chết chìm liền cùng đệ tử đem thuyền đến cứu. Khi thấy thì mời Phật lên thuyền. Như lai từ đáy thuyền đi lên ngồi kiết già. Thầy trò đều sống vẫn chưa phục. - Kinh Bản Khởi nói: Ông chẳng biết La-hán nên chẳng biết chứng Đạo. Mặt lì lợm chẳng biết hổ thẹn tự xưng là đạo đức. Ca-diếp tâm hổ thẹn, cúi đầu bạch rằng: Đại Tiên khéo biết lòng con, xin Phật nhiếp thọ. Phật nói: Ông đã hơn một trăm hai mươi tuổi có nhiều đệ tử, chúng đều cung kính, sẽ được vào pháp ta nên bảo cho biết. Bèn bàn cùng nhau theo Chánh hóa. Trước độ Ca-diếp chứng quả thứ tư (quả A-la-hán) kế độ năm trăm vị đệ tử. Sau độ hai người em đều có hai trăm năm mươi vị đệ tử thấy tín đồ thờ lửa theo dòng nước trôi xuống thì đều đến chỗ người anh cũng được Phật hóa độ, đều được Phật nói pháp, đều thành quả thứ tư.

k/ Nói về bổn nguyện của vua Bình-sa

Phật độ ba vị tiên xong, liền nghĩ bản nguyện ở Vương-xá, nên đến chỗ vua Tần-bà-ta-la, mà ở vườn trong Trúc. Kinh Phổ Diệu nói: Vua nghe Phật đến thì rất vui mừng dắt theo tám muôn bốn ngàn người đến chỗ Phật, nghi ngờ về Thầy trò. Phật liền bảo Ca-diếp hiện thần thông để dứt nghi, nói kệ bảo chúng nói pháp cho vua nghe thì được pháp Nhãn thanh tịnh. Có tám muôn na-do-tha người, chín mươi sáu na-do-tha vị trời đều được pháp nhãn. Vua đem vườn trúc cúng dường Phật. Trong các vua thấy Phật thì vua Bình Sa là người đầu tiên, Tăng già-lam thì vườn trúc là đầu tiên.

l/ Độ Xá-lợi-phất và Mục liên

Kinh nói: Phật ngự trong vườn Trúc, thành Vương xá có hai vị Bà-la-môn, một vị có trí tuệ rộng lớn, thế gian đều khen, mỗi vị có một trăm người đệ tử, cùng là bạn thân. Có Tỳ-kheo A-kỳ vào thành khất thực, Xá-lợi-phất nhìn thấy tâm khác toàn thân hỏi về chỗ học thì lược nói một bài kệ, liền được Sơ quả. Trở về nói kệ ấy cho Mục liên thì cũng được đạo, liền dẫn các đệ tử đến vườn Trúc. Phật ở xa thọ ký

cho hai người này là đệ tử tài giỏi của ta, liền gọi Thiện lai mà xuất gia chứng ngộ quả Thánh. Bấy giờ, nước Ma-kiệt-đề có một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo đều là Đại A-la-hán.

m/ Độ Đại Ca-diếp thân sắc vàng

Nước Du-la có vị Bà-la-môn tên là Ca-diếp, có ba mươi hai tướng, thông suốt các luận, rất giàu có, hay bố thí, vợ ông cũng có đủ các tướng, đều không ham năm dục, bỏ nhà vào núi, nghĩ rằng: "Chư Phật xuất gia tu Đạo, thì ta cũng thế" liền đem ngàn lượng vàng làm áo hoại sắc, tự cạo bỏ râu tóc, ở trong núi mà tịnh niệm. Không thiên bảo rằng "nay có Phật ra đời" liền đến vườn Trúc, Phật nói pháp cho nghe, liền ngộ A-la-hán, có oai đức lớn. Trời, người đều kính trọng nên gọi là Đại. Cho đến khi Phật diệt độ rồi thì trụ trì pháp hóa độ đời sau sáu muôn năm chính là người này.

n/ Phật trở về nước

Kinh Phổ Diệu nói: Vua nghe Thái tử được Đạo đã được sáu năm lòng thương nhớ muốn gặp. Có vị Phạm Chí tên là Ưu-đà-di là người hầu xưa của Bồ-tát. Vua sai đến thỉnh, từ ngày xa cách đến nay đã mười hai năm luôn nghĩ gặp nhau. Vâng lệnh vua đến mời. Phật gọi thiên lai thì được ngộ bốn quả. Phật liền sai trở về báo bảy ngày nữa Phật sẽ trở về. Vua ra khỏi thành bốn mươi dặm mà đón Phật, rộng bày hộ vệ chấn động cả cõi Đại thiên. Vua gặp Phật rất mừng, bèn chọn năm trăm vị hào tộc cho làm Sa-môn. Lúc đó, Nan-đà cũng làm Sa-môn, trước lễ khiến trời đất rung chuyển. Phật vào cung thì La-vân đến lễ. Phật biến các Tỳ-kheo đều giống mình, thì La-vân đến đúng Phật để nói lên không dấu vết. Cả nước đều vui mừng. Mỗi năm ba tháng, mỗi tháng sáu ngày đều trai giới không bỏ phế.

8/ GIÁO HÓA XONG NHẬP NIẾT BÀN

a/ Ma vương thỉnh nhập diệt

Kinh Trường A-hàm nói: Phật và A-nan ngự tại Tỳ-xá-ly. Sau hạ thì toàn thân đau nhức, Phật bảo A-nan rằng: "Người tu được bốn thần túc thì do ý muốn mà được một kiếp bất tử, thường được an ổn trong trời, người". Nói thế ba lần. Nhưng A-nan bị ma che mờ nên không biết ý Phật. Ma liền ba lần thỉnh Phật nhập Niết-bàn. Ba tháng sau sẽ nhập diệt tại chỗ sinh là nước Câu-thi-na-kiệt, ở rừng Song thọ. Trời đất đều rung chuyển mạnh, người và vật đều kinh sợ. Phật nói tám thứ rung chuyển, liền nhóm họp đại chúng khiến cho biết Phật sẽ Niết-bàn vào sáng sớm ngày mười lăm tháng hai, sau đó Phật phát ra ánh sáng lớn

chiếu khắp cõi Đại thiên cho đến mười phương chúng sinh sáu đường gặp ánh sáng này tội được diệt hết, đồng thanh than khóc. Năm mươi bốn chúng cùng nhóm họp, bày đồ cúng dường Phật, cho đến vô lượng cõi nước Phật ở mười phương đồng đến, chỉ trừ hai chúng A-nan và Ca-diếp. Ánh sáng phát ra rồi lại trở vào miệng Phật. Trong hội có Ưu-bà-tắc Thuần-đà và mười vị cùng sắp bày cúng dường, cơm canh đầy đủ tám hộc. Nhờ thần lực Phật mà khiến đầy đủ cả Đại hội.

b/ Chúc lụy sau cùng

Kinh nói: Lúc đó Phật an ủi đại chúng, giảng nói Phật pháp, Tam bảo thường trụ. Nghe pháp rồi thì không còn ý nghĩ sanh diệt. Lại nói người thiện nam, tự tu tâm mình cẩn thận chớ buông lung. Ta nay đau lưng muốn nằm như người bệnh bình thường. Các ông Văn-thù v.v... nên nói pháp cho đại chúng nghe. Nay giao cho ông Đại pháp, cho đến Ca-diếp, A-nan cũng đều giao phó.

c/ Nêu chỗ diệt độ

Kinh Trường A-hàm nói: Phật vào thành đến rừng Song thọ, bảo A-nan sắp bày giường tòa rồi nằm đầu quay về hướng Bắc, chân quay về hướng Nam, mặt ngó về phía Tây, là để pháp ở lâu về phương Bắc. Phật tự mặc Tăng-già-lê bốn lớp nằm nghiêng bên hông phải, như sư tử đầu đàn co chân mà nằm. Quỉ thần rải hoa trên đất. Phật nói rộng xưa đã sáu lần làm Luân vương, xương chôn ở đất này. Nay ta thành Chánh giác rồi, ở đây mà bỏ thân nhập Niết-bàn. Có Bồ-tát tên là Ca-diếp hỏi rộng về nhân bệnh và cởi mở các nghi. Phật bèn ngồi dậy phát ra ánh sáng rực rỡ chiếu khắp vô lượng cõi, các khổ ở tám địa ngục lạnh, tám địa ngục nóng đếu dứt hết. Trong ánh sáng có tiếng nói tất cả chúng sinh đều có Phật tánh và nói rộng pháp yếu độ vô số người, cho nên hiện ra có nằm, khiến người chưa được Đạo làm nhân được Đạo. Lại vì tám bộ rộng sắp bày vật cúng dường, dùng ngàn lớp vải lụa mà quấn chặt thân Phật, quan tài bảy báu đựng đầy dầu thơm và gỗ thơm. Đốt áo hai lần mà không cháy, một ở ngoài, một ở trong, vì các chúng sinh mà phân tán xá-lợi - Kinh Trường A-hàm chép: Phật thọ ký một ngàn hai trăm đệ tử được Đạo quả. Rồi đắp y Uất-đa-la-tăng mà đưa ra cánh tay sắc vàng. Phật nói ra đời như hoa ưu-đàm.

d/ Chính lúc diệt độ

Kinh Nê-hoàn hai quyển nói: Phật bảo các Tỳ-kheo di chúc của Phật phải rất cẩn thận, cách một ức bốn ngàn năm sau thì lại có Phật, ta là bậc Thánh sư đến bảy mươi chín tuổi, việc làm đã xong, các thầy nên cố gắng, nay đã nửa đêm, chớ nên buông lung, pháp lành do đây

mà sinh, muôn vật vô thường. Do đó, Thế tôn liền vào Sơ thiền, rồi Nhị, Tam, Tứ thiền; Không, Thức, Bất dụng cho đến từ định Phi tưởng mà vào định Diệt tận. Lại từ Định ra rồi lại vào định Phi tưởng, cho đến Tứ, Tam, Nhị, Sơ thiền. Lại từ Sơ thiền mà vào Nhị, Tam, Tứ thiền. Từ định ra rồi thì vào Bát Niết-bàn. Lúc đó, mặt đất rung chuyển, các nơi tối tăm thì sáng rỡ. Trời rãi hương hoa như mưa trên Đại hội, các trời Phạm Thích, thiên thần đều nói kệ tụng. Các Tỳ-kheo đều buồn thương. A-na-luật bảo hãy nên ngăn lại. Các trời đầy hư không. Các Tỳ-kheo than khóc bứt rứt, sợ bị chê trách. Nghe lời khuyên ấy thì mới ngừng khóc.

e/ Tẩm liệm sau cùng

Kinh nói: Các Tỳ-kheo vào lúc cuối đêm giảng pháp đến trời sáng, A-na-luật bảo A-nan vào thành báo cho biết Như lai đã diệt độ để mọi người biết việc phải làm. Ai nghe xong thì rất buồn khổ, đều mang hương hoa, âm nhạc đến rừng Song thọ mà cúng dường. Hôm sau an trí Phật trên giường. Các vị trời nâng bốn góc vào thành cửa Đông, rồi đi khắp thôn làng. Người trong nước đều ra cửa thành Tây ở chỗ cao rộng. Các vị trời có ý muốn để lại bảy ngày để mọi người cúng dường. Lại khiêng ra cửa thành Bắc, vượt sông Ni-liên đến chùa Thiên Quan mà trang nghiêm mọi vật. Làm lễ tang theo pháp vua Chuyển luân nước thơm tắm gội xong thì vải kiếp bối cột quanh, trong là kim quan, ngoài là quách sắt, gỗ thơm trầm hương chất bên trên, rồi châm lửa đốt, nhưng trời làm tắt lửa để đợi Ca-diếp về.

f/ Mẹ đến Phật lại hiện ra

Kinh Ma-da nói: Khi Phật Niết-bàn thì phu nhân ở trên cõi trời có năm tướng suy hiện ra, mộng thấy năm điều xấu. Lúc đó A-na-luật tẩn liệm Như lai xong thì bay lên cõi trời báo tin, Ma-da nghe nói liền ngất xỉu, hồi lâu tỉnh dậy, rồi cùng quyến thuộc xuống đến, từ xa thấy quan tài Phật thì không kiềm chế nổi, liền đến đảnh lễ, hoa trời rải khắp. Nhìn lại thì thấy y bát và tích trượng của Phật, liền cầm lên mà buồn thương khoc lóc như mưa, chảy xuống thành sông. Phật dùng thần lực mở nắp quan tài bước ra phát ra ánh sáng và an ủi mẹ rằng: Các pháp đều như thế, chớ nên buồn khổ. Rồi nói rộng các bài kệ. Phật nói Như lai vì kẻ bất hiếu đời sau nên Ngài làm việc này. Đây gọi là kinh Mẫu Tử tương kiến. Liền từ biệt thì quan tài đóng lại. Tam thiên thế giới rung chuyển, tám bộ đều thương cảm.

g/ Hiện ra hai bàn chân

Kinh nói: Đại Ca-diếp ở nước ba ba thấy Ni-càn cầm hoa trời thì biết Phật đã diệt độ. Bèn đến chùa Thiên Quan muốn thấy thân Phật,

ba lần xin mà không được, đi nhiễu quanh quan mà chắp tay. Phật từ trong quan hiện ra hai bàn chân có màu sắc lạ. Hỏi ra thì biết có cô gái đến trước lạy mà khóc lóc, nước mắt làm dơ. Bốn bộ, các vị trời đều lễ thì chân Phật liền biến mất. Ca-diếp đi nhiễu quanh ba vòng và nói kệ, không đốt mà kim quan tự cháy. Thần cây tắt lửa hương hoa cúng dường - Kinh A-hàm nói: suốt đêm đốt hết, bỗng sinh ra bốn cây.

h/ Trời người phân chia xương (xá-lợi)

Kinh Nê-hoàn hai quyển nói: Các vua đem bốn binh xin nghị hòa, nếu không, sẽ dùng bạo lực. Có Bà-la-môn nói: Di thân của Như lai rộng làm lợi ích tất cả, phải chia ra mà cúng dường. Trước đưa răng Phật cho vua A-xà-thế. Rồi lấy tám bình đá thoa mật mà chia xá-lợi cho tám nước. Lại xin chiếc bình đựng và tro đất được bốn mươi chín hộc, rồi xây bốn mươi chín ngôi tháp mà thờ. Các vua liền xây tám ngôi tháp, bình đựng tro than và tóc là mười một bình. Khi chưa chia thì các trời và Long vương đến đòi chia xá-lợi. Nếu không chia thì sẽ dùng bạo lực. Rồi cùng chia ba: một cho cõi trời, một cho Long vương, một cho tám nước loài người. Chỗ trà-tỳ xây tháp cao bốn mươi chín nhận. Kinh A-dục Vương nói: Tám vua chia xong thì đều được tám vạn bốn ngàn hạt xá-lợi, râu Phật thì không ai dám tranh mà danh cho vua A-xà-thế, vì vua nghe Phật diệt độ thì từ xa gieo mình xuống đất gần chết, vì tâm kính trọng nên thưởng cho bộ râu. Nhưng đi nửa đường thì gặp Long vương Nan-đà đe dọa xin mà cho, rồi đem về ở dưới núi Tu-di dâng nước lên cao tám muôn bốn ngàn dặm và xây tháp thủy tinh để thờ. Vua A-dục thâu xá-lợi khiến quỉ làm lưới sắt mà trói Long vương. Long vương sợ rình lúc A-dục ngủ bèn đem cả cung điện xuống biển, thấy tháp cao lớn mà nói rằng: Phật cho ta pháp yếu, cho đến khi kiếp hết thì bao nhiêu kinh giới, ứng khí đều cất vào tháp này. Đến khi Phật Di-lặc hạ sinh thì sẽ thỉnh ra, cho nên không hư mất. A-dục nghe xong thì từ tạ trở về nhân gian.

Năm là nói về Thánh phàm nối nhau

a/ Đấng Pháp Vương ra đời khai thi thế tục làm đầu, thế tục thì Tổ tập tầng cao, duyên tộc họ nối nhau. Tùy họ thế tục như trước đã nêu, để pháp môn không bít lấp làm đầu. Bốn họ mà vào thì đều diệt hết. Y theo hạt giống pháp mà nối sau. Nên Tăng Nhất A-hàm nói: Bốn sông chảy ra biển, không còn gốc riêng, mà gọi chung là biển lớn, bốn họ xuất gia không còn giai cấp riêng, mà chỉ gọi là Sa-môn đệ tử Phật Thích-ca. Vì sao? vì sinh do ta sinh mà thành là do pháp thành, phải xin

được làm Thích tử (đệ tử Phật) phải học như thế - Luật Di-sa-tắc và kinh Trường A-hàm nói đến thời Phật Di-lặc thì các Tỳ-kheo đều lấy họ Từ, đều gọi là Từ Tử (đệ tử họ Từ, đệ tử Phật Di-lặc)

b/ Sinh và mất của em họ Phật là Điều Đạt

Kinh Trung Bản khởi nói: Nhà vua thấy một ngàn người nhóm Ca-diếp, tâm tinh mà thân hình xấu, bên ngoài không có dáng mạo đẹp đẽ, bèn chọn trong dòng họ Thích những người có nghi vệ để bổ sung làm Tăng, làm rạng rỡ oai nghiêm cho Phật Đạo. Những người này đang rầm rộ đến chỗ Phật thì mão của Điều-đạt bị rớt khỏi và voi đang cưỡi, xem quẻ thì là điềm xấu bèn xin xuất gia. Phật nói: Làm Sa-môn thật chẳng phải dễ, các ông hãy ở tại gia mà lập đàn bố thí, nói thế ba lần thì Điều-đạt có ý xấu nghĩ Phật ganh ghét với mình. Bèn tự cạo tóc tu hành phạm hạnh. Sau phạm năm tội nghịch, đang còn sống mà bị đọa vào địa ngục. Miệng Nam-mô liền được thọ ký sau sẽ thành vị Bích-chi-Phật hiệu là Nam-mô. Mục liên hiểu sáu mươi bốn thứ tiếng, đến địa ngục an ủi Điều-đạt thì đáp rằng: Ta chịu khổ A-tỳ mà không nhàm chán - Đại luận nói: Ca-ly chê bai Xá-lợi-phất, cho nên chết rồi bị đoạ vào địa ngục Liên Hoa.

c/ Em họ Phật là Na-luật-bạt-đề xuất gia

Luật Tứ Phần nói: Mẹ của A-na-luật làm điện ba mùa có nhiều thể nữ để đùa vui. Ma-ha-nam cho việc nhà bận bịu nên muốn xuất gia. Có tám người họ Thích cùng xuất gia một lượt, trước độ cho Ưu-ba-ly để dứt tâm kiêu mạn. Lúc đó Bạt-đề một mình ngồi dưới cây, nửa đêm lớn tiếng nói vui quá, đem việc bạch Phật: “Con nghĩ ở tại gia trong ngoài hầu hạ mà vẫn có sợ hãi, nay ngồi một mình trong nghĩa địa mà không sợ sệt, con nghĩ đó là vui xuất ly. Phật khen lành thay Thích tử, đạo này rất vui.

Kinh Phổ Diệu nói: Phật ngự ở nước Ca-duy, dắt A-nan vào thành khất thực. Nan-đà ở trên lầu xa thấy Phật đến liền xuống múc đầy bát thức ăn ngon. Phật bảo về tịnh xá rồi ép xuất gia, ở trong bảy tịnh thất. Sau trốn về, giữa đường gặp Phật mà không núp dưới gốc cây được, ấy là vì muốn gặp vợ. Phật dẫn lên cõi trời bèn ước ao Thiên nữ, giữa đường bị ép đến địa ngục, Phật dùng khỉ mù ra để chê bai. Việc thấy ở Tạp Tạng. A-nan dùng kệ chê bai rằng:

Như dê thiến húc nhau
Việc trước đều bỏ hết
Nay ông muốn giữ giới -
Việc cũng phải như thế, v.v...

d/ La-vân xuất gia

Kinh Vị Tằng Hữu chép: Phật khiến Mục-liên về nước hỏi thăm cha mẹ, ba chú, và Gia-du-đà-la, khiến cho con xuất gia, được Thánh đạo rồi thì trở về hóa độ mẹ, dứt hết gốc sinh tử. Cha mẹ lại sai năm mươi hào tộc cho mỗi người một con trai theo La-hầu, lúc đó mới chín tuổi. Phật sai A-nan cạo tóc xuất gia một lượt với năm mươi đứa trẻ kia. Xá-lợi-phất làm Hòa-thượng, Mục-liên làm A-xà-lê trao cho mười giới. Nhân nói Phiến-đề-la, vô hạnh mà ăn của bố thí, sau phải chịu tội báo liền muốn bỏ Đạo. Bèn nói pháp cho nghe mà tâm khai ý giải - Kinh Phổ Diệu nói: Phật trở vào cung, Cù-di dắt La-vân đến lạy Phật. Lúc đó, vua quan đều hoài nghi là Phật xuất gia mười hai năm sau làm sao sinh con. Phật nói đây là con ta, do ta hóa sinh, chớ trách tội Cù-di Luật Di-sa-tắc nói: Phật tự dắt La-hầu-la về cho Xá-lợi-phất độ. Vua nghe thì buồn rầu sự kế thừa bị dứt mất, dạy các Tỳ-kheo chớ vội độ người.

Hữu xét: Luật và kinh việc có trái nhau, ấy là vì đối tình khác nhau, cho nên còn cả hai thuyết. Lại thấy dòng họ thích là thạnh vân bố xích trạch, tuy pháp thế tục thật khác nhau nhưng được Đạo là đồng. Nan-đà bỏ Vinh Dục mà theo Đạo, La-vân bỏ luân vị (ngôi vua) mà tu pháp, vườn chiên-đàn vây quanh, rồng voi thành bầy, chẳng thân chẳng sơ, tùy ứng mà độ cái đẹp của Điều Ngự có thể thấy ở đây.

e/ Di Mẫu Phật Thích-ca xuất gia

Phật trở về nước, Đại Ái Đạo bạch rằng: Con nghe người nữ xuất gia được bốn Đạo quả, nên nay xin được xuất gia. Phật nói:Hãy thôi! Người nữ vào pháp không tốt cho phạm hạnh, xin ba lần đều như thế bèn lui. Sau lại xin như trước mà không được. Bèn cùng các người nữ đi tìm Phật ở bờ sông, lại xin như trước cũng không được, bèn lui về đứng ở ngoài cửa mà khóc. A-nan thấy hỏi duyên cớ bèn lên xin Phật, Phật nói hãy thôi. Như nam ít nữ nhiều thì nhà sẽ suy sụp. Người nữ mà xuất gia thì pháp ta chẳng trụ lâu. Rộng nói thí dụ, lại nêu ân dưỡng dục rất nặng. Phật nói: Thật có ân ấy, nhưng ta thành Phật rồi thì ân cũng rất nhiều, như được quy y Tam bảo, không nghi Tứ Đế, được năm căn, thọ trì năm giới đều do ta mà được. Nếu người nữ làm Sa-môn thì phải vâng theo tám kính pháp không được vượt qua, phải cố giữ gìn mới vào pháp ta được. A-nan ra nói lại tha thiết hứa vâng lời Phật dạy. Phật lại nói độ cho người nữ thì giảm làm chánh pháp ta năm trăm năm, kẻ dị học thờ kính thì cũng dẫn đến suy yếu: Kinh Đại Phương Tiện nói: Thiên ma tà ác chê bai Phật Pháp Tăng, cho nên không độ. A-nan thưa rằng: Như lai há chẳng đồng với Chư Phật quá khứ mà có đủ bốn bộ chúng ư?

Phật nói phải rất siêng năng tu pháp Bát kính. Nên các người nữ ở đời vị lai nghĩ ân A-nan mà xưng danh cúng dường, A-nan liền dùng oai thần rộng lớn mà lên tiếng hộ trợ.

Luật sư Tăng Hữu nói: Cúi mong Chư Phật ba đời bốn bộ đều đủ mà Kiều-đàm-di cầu pháp rất khó khăn há chẳng phải người vì chướng dày nên mới bị chướng ngại nên mới tha thiết khích lệ kẻ tương lai.

f/ Cha của Phật Thích-ca Nê-hoàn (mất).

Kinh nói: Nhà vua bị bệnh nặng bảo các quan rằng: Chết thì không lo, hận là các con cháu không có mặt mà ở xa đến năm mươi do-tuần. Phật là đấng Đại từ thần thông ắt thấy rõ mà tiếp cứu. Phật biết nhà vua sắp mất, bèn bảo Nan-đà, A-nan, La-vân mau trở về. Ngài liền dùng thần lực bỗng nhiên đến ngay, phát ra ánh sáng rực rỡ chiếu vào thân bệnh hoạn, dùng tay sắc vàng mà sờ trán vua và nói kinh pháp cho nghe. Vua rất vui mừng, nắm tay Phật để ở tim mình, tâm thì lễ Phật, rồi mất. Các người họ Thích dùng nước thơm tắm thân, tẩn liệm quan quách kỹ càng đầy đủ. Phật và Nan-đà đứng trước, A-nan, La-vân đứng sau. Phật vì người đời bất hiếu hung bạo, muốn dạy họ nên đích thân khiêng quan tài. Cả thế giới Đại thiên chợt biến mất, các vị trời cõi Dục và long thần xin thay thế khiêng quan tài, Phật sai bốn vị Thiên Vương kê vai khiêng, mình thì bưng lò hương đi trước. Có trăm ngàn vị La-hán bay đến liền sai ra biển lấy gỗ thơm chất làm củi mà đốt. Phật nói pháp lìa sinh tử. Lửa đốt xương xong thì dùng hộp vàng đựng tro mà xây tháp. Phật nói nhà vua có tịnh hạnh nên được sinh lên cõi trời Tịnh cư.

- Hữu Luật sư nói: Tôi thấy sự thay đổi của vô thường rất nhiều, chắc chắn có thân là không tránh khỏi. Nên đấng Thiên Tôn đi mau mà không thể sống lâu, tay vàng ở tim mà không cứu được. Do đó bậc Thánh tu quả sống lâu mà chẳng nuôi thân bọt bèo.

g/ Phật thăm mẹ trên cõi trời

Phật ở cung trời Đao-lợi dưới cây chất-đa trong vườn Hoan hỷ, ba tháng an cư, ánh sáng chiếu khắp Đại thiên. Trong ánh sáng có ngàn đóa hoa sen, trong mỗi hoa đều có Hóa Phật. Phật bảo Văn-thù nay đến kính lễ mẹ. Nghe xong thì sữa mẹ chảy vào miệng Như lai, liền cùng Văn-thù đến chỗ Phật. Như lai phát ra tiếng Phạm âm nói rằng: Chỗ thân ở đều có khổ vui, phải tu Niết-bàn thì lìa hẳn khổ vui. Ma-da nghe pháp liền được quả Tu-đà-hoàn. Ba tháng sắp hết liền sai Cưu-ma-la thông báo cõi Diêm-phù-đề Như lai sắp nhập Niết-bàn. Đế -thích bèn làm ba đường thềm bậc. Phật và mẹ đi ở thềm báu. Phạm thiên cầm lọng, Tứ vương theo hầu, bốn bộ đại chúng đầy khắp hư không. Các vua

nhóm họp đón rước Phật về Kỳ-hoàn.

- Hữu xét: Phật sinh được bảy ngày thì mẹ bay lên cõi trời Đao-lợi, Phật pháp ba đời đều tự nhiên như thế. Ma-da do xưa đã sinh ra bậc Thánh. Do đó, đã là thầy trời người mà vẫn còn nếm vị sữa ấy, đã nhập Niết-bàn mà còn sống lại lạy mẹ, vì muốn báo ân đức, cho nên như thế.

h/ Di Mẫu Đại Ái Đạo nhập Niết-bàn

Ma-ha-ba-xà-ba-đề, đời Đường dịch là Đại Ái Đạo, cũng gọi là Cù-đàm-di. Di Mẫu bảo chúng rằng: Ta không thể thấy Phật diệt độ, bèn cùng năm trăm Tỳ-kheo ni cùng đến chỗ Phật, lạy rồi bạch rằng muốn diệt độ trước, Phật im lặng, bèn dùng tay xoa chân Phật thưa rằng: Đây là lần sau cuối con thấy Như lai. Phật nói cho nghe thân là hoạn nạn, diệt độ là an ổn. Các Ni lễ Phật rồi trở về tinh xá. Lập năm trăm tòa ngồi, đều hiện thần túc, trên động các cõi trời, rồi cùng lúc` đều nhập Nê-hoàn. Phật bảo A-nan vào thành báo tin khắp nơi để mọi người cúng dường. Bèn trà-tỳ rồi đem xá-lợi đến chỗ Phật, một ngàn Tỳ-kheo ở bốn phương bay đến. Phật bảo A-nan lấy bát đựng đầy xá-lợi, Phật dùng hai tay bưng bát bảo các Tỳ-kheo rằng: Nhóm xá-lợi này vốn là thân dơ, phá hư đạo đức, âm mưu ganh ghét. Nay mẹ nhổ bỏ ngu dơ thực hành hạnh trượng phu, dời thần về vốn không. Bốn chúng tám bộ xây tháp cúng dường - Kinh Tạp A-hàm nói: Là mẹ sinh ra Nan-đà - Tăng Nhất A-hàm nói: Phật sai A-nan, Nan-đà, La-vân khiêng kiệu Đại Ái Đạo. Phật đích thân cúng dường. Đế-thích Tứ Thiên Vương muốn cúng dường, Phật nói hãy thôi! Cha mẹ sinh con có nhiều ân đức cần phải báo ân, chẳng thể không báo ân. Chư Phật Ba đời mẹ đều diệt độ trước, đều tự cúng dường trà-tỳ xá-lợi. Phật tự bưng một chân giường, A-nan lại nhấc lên bay đến mộ phần Phật, lấy gỗ chiên-đàn chất lên thân. Lại nói bốn vị nên xây tháp cúng dường và đều đem dùng mười pháp lành mà độ người.

Hữu xét: Di mẫu có ân đức như sinh thành nên khiêng kiệu để đền đáp ân nuôi nấng. Do đó, mà khuyên đền đáp để răn dạy kẻ vô ân.

i/ Vua Lưu-ly giết hại dòng họ Thích.

Kinh Trường A-hàm nói: Vua Ba-tư-nặc cưới vợ, người dòng họ Thích bèn đem tỳ nữ mà gả cho, lập làm Thái hậu mà sinh ra Lưu-ly. Tám tuổi thì về nhà ông ngoại học nghề bắn tên. Lúc đó, người ta xây ngôi nhà mới định thỉnh Phật và Tăng đến cúng dường. Lưu-ly không biết, bèn leo lên tòa sư tử dành riêng cho Phật. Người dòng họ Thích bắt đánh đuổi về. Lưu-ly ôm hận dặn kẻ hầu cận đợi khi ta làm vua thì

hãy nhắc lại việc này. Sau lên làm vua bèn kéo binh đến. Phật nghe bèn đến ngồi dưới gốc cây khô. Vua Lưu-ly đến lạy hỏi thì Phật đáp thân tộc đông thì thắng người ngoài. Vua nghe thế bèn kéo quân trở về. Nịnh thần đốc xúi bèn kéo quân đến. Mục-liên thưa với Phật muốn ném đám quân ấy đến thế giới khác. Phật hỏi thầy có ném được nghiệp xưa của dòng họ Thích hay chăng. Mục-liên lại nói có khả năng đem lưới sắt mà trùm lên thành. Lại muốn đem thành của họ Thích lên hư không. Phật đều căn ngăn như trên mà bảo rằng: Khi nghiệp chín rồi thì quả báo khó thể tránh được. Lúc đó, các người dòng họ Thích trong một do-tuần xa bắn quân vua Lưu-ly, nhưng đều trúng binh khí mà không làm chết người. Lưu-ly sợ quá, nịnh thần can ngăn rằng: Người họ Thích thọ giới nên không giết người. Binh đến vây thành mà không dám ra, có một cậu bé dòng họ Thích một mình chiếm cứ trên thành bắn chết vô số quân lính của Lưu-ly, nhân đó mà sắp tan thì người họ Thích bảo cậu bé ấy xuống bảo: Ngươi còn con nít sao dám làm nhục bọn ta, giết người là tội nặng, hãy mau ra khỏi nước. Do đó, cậu bé ấy và bốn người phải ra khỏi thành. Các nước nghe biết liền suy tôn làm vua. Nay tức là vua nước Ô Trành vậy - Vua Lưu-ly lại tập họp và bắt mở cửa thành. Quân vào thành bắt người họ Thích chôn rồi cho voi chà đạp cho chết. Lại bắt năm trăm cô gái đem về. Các cô gái này mắng chửi liền bị chặt tay chân. Ma-ha-nam xuống nước xin thả cho dòng họ Thích. Từ lời nói phát ra, nghiệp mê lại vào. Vua lấy làm lạ xuống nước quá lâu, bèn xuống tìm thì đã chết. Vua hối hận liền thôi. Đã giết chín ngàn chín trăm chín mươi chín (chín ngàn chín trăm) muôn người máu chảy thành sông. Bèn kéo quân về Xá-vệ. Lại giết Thái tử Kỳ-đà. Phật thọ ký được sinh lên cõi trời. Các cô gái bị hại ở dưới hầm sâu nghĩ đến Phật. Phật liền đến đó. Trời cung cấp cho ăn mặc, liền nói pháp cho nghe mà đều được sinh lên cõi trời.

Phật đến cửa Đông thành Ca-tỳ thì bị đốt cháy, bèn đến ngồi dưới cây Ni-câu-luật bảo các Tỳ-kheo rằng: Thành này hoang vắng vô chủ hãy đến nước Xá-vệ, bảo rằng vua Lưu-ly và quân binh bảy ngày nữa sẽ chết hết. Vua nghe rất sợ, nhưng bên ngoài không có giặc cướp, bảy ngày sắp trôi qua mà vẫn bình yên, liền rất vui mừng. Vua và quân lính kéo nhau ra bờ sông dạo chơi. Bỗng nhiên sấm chớp dữ dội, gió bão kéo đến, nước tràn lên nhấn chìm chết hết và đều đọa vào ngục A-tỳ. Lửa trời đốt cháy cung điện. Phật nói cho nghe chuyện xưa do các người họ thích bắt giết cá.

Kinh Thích Thị Tội Tất nói: Vua Lưu-ly kéo quân về, sai Sứ đến

kính Phật. Phật nói vua vì tự ái, họ Thích tội đã hết. Bảy ngày sau thì quỉ Thái Sơn dùng lửa ép bức vua (văn nhiều không chép).

Kinh Pháp Cú Thí Dụ nói: Mục-liên nghe Phật nói pháp ý vẫn chẳng chịu thôi. Bèn đến nước Xá-di bắt bốn, năm ngàn người quen biết bỏ vào bát để giữa hư không. Vua Lưu-ly giết ba ức người rồi. Mục-liên bạch Phật rằng: Đệ tử nhờ Phật đã cứu được một số người để giữa hư không. Phật bảo hãy đem đến xem thì đều đã chết hết. Phật nhân đó nói pháp cho nghe và được pháp Nhãn.

Hữu Luật sư nói: Bậc Đại Thánh nói kinh ức, Dương, trừng, giới. bậc Chánh giác muôn lụy đã dứt từ lâu, dứt lụy nhiều kiếp mới bày ra dư báo. Mới biết việc giết dòng họ Thích chẳng phải sức mình mà tránh được. Đây là muốn răn đừng giết hại là phép tắc sáng suốt phải cẩn thận về ba nghiệp.

DI TÍCH XA GẦN

1. Tinh xá Trúc Viên của Phật Thích-ca

Luật nói: Vua nước Ma-kiệt nghĩ rằng Phật đến thì dâng khu vườn cúng dường Phật ở. Phật biết ý nghĩ ấy liền đến Trúc viên. Vua dùng bình vàng đựng nước thơm dâng Phật có ý là cúng vườn Trúc lên Phật. Phật nói vật thí cho Phật, Tăng rồi thì không ai được dùng, phải kính như tháp. Vua vâng lời bèn cúng dường Phật, Tăng các vật quí đẹp để dùng.

Kinh Trung Bản Khởi nói: Vốn muốn thí cho ngoại đạo nhưng vua hối tiếc bèn đem dâng cúng Phật. Đại quỉ đem quân sai Dạ-xoa đến đánh, ngoại đạo sợ hãi bỏ đi, sau mời Phật đến nhận.

Bồ-tát Tạng nói: Chư Phật quá khứ đều đến khu vườn này. Nếu có người đến ở thì tự nhiên không còn dục và không có tâm ác độc.

2. Tinh xá Kỳ Hoàn của Phật Thích-ca.

Kinh Hiền Ngu nói: Có vị Đại thần nước Xá-vệ tên là Tu-đạt-đa, tiền của rất nhiều chuyên cứu giúp người nghèo thiếu, nên gọi là Cấp Cô Độc. Có bảy người con trai có nhiều tài lạ. Muốn cưới vợ cho con trai út, mà tự đến thành Vương xá. Trước nghe danh hiệu Phật thì rất vui mừng. Sau gặp Phật thì chứng được Sơ quả. Liền thỉnh Phật trở về vườn Trúc cất tinh xá. Cùng Xá-lợi-phất mua khu vườn của Thái tử Kỳ-đà, đem vàng lót đất hết tám mươi khoảng đất, vườn cây và cửa thì do Thái tử làm. Lúc đó, có ba ức muôn người ngoại đạo, cùng Xá-lợi-phất đấu tài biến hóa để lấy vàng và vườn. Đại chúng nhóm họp mười tám

ức người. Xá-lợi-phất hiện thần thông nói pháp đều được Đạo Tích. Đệ tử của sáu vị giáo chủ ngoại đạo có ba ức người xuất gia theo Đạo cùng Tu-đạt đo đạc đắp nền để cất tinh xá. Sáu Thiên không hiện ra vì Phật làm hang chiên-đàn, cất phòng riêng một ngàn hai trăm chỗ, một trăm hai mươi chỗ riêng để đánh kiền chùy, cất chùa xong thì tâu vua thỉnh Phật cùng đến nhận cúng thí. Có hai người cùng làm chùa nên lấy hai tên mà đặt tên vườn là Kỳ Thọ Cấp Cô Độc - Kinh Tạp A-hàm nói: Tu-đạt bị bệnh, Phật thấy nhân bệnh thì biết chết rồi được chứng quả thứ ba và sinh lên cõi trời Đâu-suất, vì bổn nguyện mà sinh lên cõi trời, sau đến chỗ Phật nói kệ.

Tôi y cứ vào quả A-na-hàm thì không còn sanh lại cõi Dục vì Bổn nguyện mở ra cho nên như thế.

Hữu xét: Nơi dứt tâm mà ở thì gọi là tinh xá. Trúc Lâm, Kỳ Thọ là nền tảng đầu tiên mà lần lượt truyền đến nay. Còn Tu-đạt chứng Diệu quả thì đó gọi là Hiển trưng.

3. Tháp tóc móng của Phật Thích-ca.

Luật Thập Tụng nói: Phật đi đã lâu, Tu-đạt nghĩ muốn thấy Phật. Phật bèn cho tóc móng để xây tháp, làm các thứ vòng vàng đẹp đẽ để mà cúng dường.

4. Bốn tháp trên cõi trời của Phật Thích-ca:

- Ở cõi trời Đao-lợi,
- Ở thành Đông, vườn Chiếu minh là tháp thờ tóc Phật
- Ở thành Nam, vườn Thô sáp là tháp thờ y Phật
- Ở thành Tây, vườn Hoan hỷ, là tháp thờ bát Phật
- Ở thành Bắc, vườn Giá ngự, là tháp thờ răng Phật.

Đại luận nói: Thiên đế dùng tóc của Bồ-tát đem lên đền thành Đông ở cõi trời xây tháp, lấy y báu mà lập tháp y. Đây là trước khi chưa thành Phật.

Xét kinh luật thì ở cõi người có bốn ngôi tháp lớn:

- Tháp nơi Phật sinh, là ở nước Ca-duy-la-vệ, vườn Lâm-vi (Lâm-tỳ-ni)
- Tháp Thành Đạo, ở nước Ma-kiệt-đề, dưới cây Nguyên Cát tại Đạo tràng Thiện thắng
- Tháp Chuyển pháp luân ở nước Ba-la-nại trong vườn Nai, chỗ các vị tiên ở.
- Tháp Niết-bàn ở nước Câu-di-na-kiệt, tại rừng Ta-la Song thọ

nơi đất lực sĩ sinh - Lại xét Thánh tích có bốn ngôi tháp lớn.

Xét: Bậc chí nhân ở đời làm lợi ích rộng lớn cho mọi người, nên tóc, móng, y bát đều là pháp sự cho nên xây tháp báu mà làm lợi ích cho trời người. Nguồn gốc xây tháp chẳng phải chỉ phân bố thân mà thôi.

5. Vua Ưu-điền cho khắc tượng Phật bằng gỗ chiên-đàn

Kinh Tăng Nhất nói: Trời Đế-thích thỉnh Phật ở trên cõi trời nói pháp để hóa độ mẹ. Phật nghĩ bốn chúng lười biếng không đem theo người hầu, một mình ở tại cung trời. Lúc đó, vua Ưu-điền nghĩ nhớ Như lai, liền sai thợ giỏi dùng gỗ chiên-đàn khắc tượng Phật cao năm thước.

Kinh Quán Phật Tam-muội nói: Vua Ưu-điền đúc vàng làm tượng Phật, từ Thiên hạ đội tượng đến đón Phật làm lễ. Phật nói: Các ông ở đời sau làm Phật sự lớn. Ta và các đệ tử giao phó cho ông. Trên hư không Hóa Phật nói rằng: Nếu có người tạo hình tượng Phật mà cúng dường thì sẽ được niệm Phật thanh tịnh tam muội.

6. Vua Ba-tư-nặc tạo tượng vàng.

Kinh Tăng Nhất nói: Vua nhớ Phật đã lâu nên bị bệnh nặng, nghe vua Ưu-điền tạo tượng Phật, bèn sai thợ giỏi dùng vàng đúc tượng, rực sáng như vàng trời cao năm thước. Bấy giờ, Diêm-phù-đề có hai pho tượng đầu tiên.

7. Em gái vua A-dục xuất gia xây thạch thất.

Kinh Cầu Ly Ngục nói: Em của vua là Thiện Dung vào núi thấy Phạm Chí tu khổ hạnh cầu thành Tiên mà tâm dục vẫn còn động. Bèn nghĩ Sa-môn vui vẻ há không dục hay sao? Vua nghe người em nói bèn cho em hưởng vui sau bảy ngày sẽ giết chết. Vì nghĩ chết mà không có dục tình, tự nói vô thường lại càng tin ưa mà xin xuất gia bèn chứng quả thứ tư.

Dục Vương Truyện nói: Vì người em không thích thế gian bèn sai quỉ tạo cảnh núi nước ở trong thành cao hơn mười trượng, dứt bặt chân người. Bèn tự xả y mà tạo tượng đá, cao một trượng sáu ở trong hang đá để cúng dường.

Luật sư Hữu xét: Tượng vẽ nguyên thỉ là do tự giác chế ra. Do đó mà các tượng vàng đá, gỗ thơm được đúc khắc mà có, đều do mô phỏng theo râu tóc của tôn nghi tướng tốt. Đến khi vua Ưu-điền tạo tượng đầu tiên là do thần lực hóa ra.

8. Hình bóng còn giữ lại trong hang đá của Phật Thích-ca

Kinh Quán Phật Tam-muội nói: Long vương thỉnh Phật thường ở bên ao, sợ phát tâm ác không nhờ đâu thành Đạo. Thiên thần lại thỉnh Phật vì tất cả. Phật bèn giữ hang La-sát và ở trong đó, rồi phân thân đến các nước nói pháp. Phật nhận lời Long vương ở trong hang một ngàn năm trăm năm trong đá hiện ra ngoài. Các chúng trời, người cúng dường bóng Phật. Bóng cũng nói pháp. Hang cao một trượng tám thước, sâu hai mươi bốn bước. Đá mầu xanh nhạt ở nước Na-càn-ha-na. Tiên xưa ở rừng hoa Đảm Bặc, bên ao của rồng dữ, hoa sen xanh ở suối Bắc trong hang La-sát ở phía Nam núi A-na-tư.

Hựu xét: Pháp thân vô hình tùy ứng mà hiện, tuy là hư ảnh sương mù nhưng là Như lai nên bỏ thân rồng quỉ mà nói pháp cho các trời. Đó lấy kinh mà nói. Nên các hóa Phật đều là chân thật, đây là đó.

9. Vua A-dục tạo ra tám vạn bốn ngàn ngôi tháp.

Phật và bốn chúng đi vào ấp. Có hai đứa trẻ nghịch cát thấy Phật có tướng oai nghi đẹp đẽ. Đứa lớn bèn lấy cát giả làm mì gạo mà để vào bát Phật. Đứa nhỏ ưa thích, nhân đó mà phát nguyện xin được làm vua Tán Cái cai trị một thiên hạ mà vẫn cúng dường Chư Phật. Phật sai A-nan lấy cát bỏ ở chỗ Phật đi kinh hành. Do đó Phật thọ ký, về sau quả thật sinh làm vua tên là Vô Ưu, thân lớn nhám nhúa vua không thích gặp. Nhưng vẫn có chí lớn chuyên đi chinh phạt. Đất nứt ra xuất hiện binh giáp do đó đánh thắng mà tất cả đều qui phục. Đến đến bờ biển, vua băng mà nối ngôi. Các vị trời làm lễ quán đảnh, thần nhân vui mừng. Truyện nói: Lúc mới tôn lên làm vua thì vòng sắt bay xuống cõi Diêm-phù-đề, trên hư không đất cách bốn mươi dặm đều có thần thuộc quỉ thần. Sau hiện oai dữ giết chết năm trăm vị quan, đốt chết các người nữ mà gọi là vua Ác Dục. Lập Nâu-đà làm Đại thần (là đứa trẻ ưa thích trước đây) thưa vua lập các ngục, giết người đã vào thì không ra khỏi. Thương chủ Tỳ-kheo nói pháp cho vua nghe, vua nghe pháp sinh tín kính mà bỏ nghiệp làm địa ngục ở trước, được Phật xa thọ ký.

Kinh Thí Dụ nói: Trong cung, thường cúng dường bốn việc cho hai muôn vị Sa-môn. Có Sa-di tên Đoan Chánh mới mười ba tuổi hiện thần thông ăn hết thức ăn của hai muôn vị Phạm Chí khiến theo Phật hóa. - Truyện nói: Vua hỏi Đạo nhân giết hại phi lý làm sao diệt tội được? Đáp rằng: Chỉ có xây tháp, cúng dường tăng, thả người tội, cứu giúp người nghèo thiếu v.v... Lại dùng thần lực lấy tay che ánh sáng mặt trời, phát ra tám vạn bốn ngàn tia sáng chỉ chỗ xây ngôi tháp. Liền

phá bảy tháp lớn lấy xá-lợi rồi theo rồng lấy hợp báu và các thứ trang nghiêm. Khiến quỉ thần ở châu này cứ một ức nhà thì lập một tháp. Liền lấy ngày mười lăm có nhật thực, nguyệt thực trong tháng ấy mà cùng lúc xây dựng tám vạn bốn ngàn ngôi tháp. Trời người đều vui mừng. Vua A-dục đã xây tháp rồi bèn đến chùa Kê Tước. Ưu-ba-quật-đa dắt quyến thuộc từ nước Ma-thâu-la mà bay đến chỗ vua. Kế khắp chỉ chỗ Phật đi qua mà đều xây tháp thờ đại đệ tử Phật cũng cùng nhau cúng dường. Trở về chánh điện đốt hương kính thỉnh, liền có ba mươi vạn vị Tỳ-kheo đến nhóm họp. Lại cảm được Tôn giả Tân-đầu-lô vén mày nói pháp cho vua nghe: Ta ở núi Kiền-đà-ma-la cùng đi có vạn vị La-hán, vua khắp cúng dường đủ ức trăm ngàn vàng. Cho đến khi vua già yếu bị Thái tử đối xử tệ đưa cho nửa trái am-la thực hàng trong Tăng. Đến đời vua thứ tư. Nịnh thần bảo vua muốn cho danh đức còn lâu với đời thì phải phá hoại các tháp. Trước đến chùa Kê Tước, sư tử đá gầm thét thì sợ mà vào thành. Bèn phá hoại tăng phòng, giết hại Tỳ-kheo, ra lệnh được đầu Sa-môn thì thưởng trăm lượng vàng. Lúc đó, có Đạo nhân hóa thành nhiều đầu, khiến chặt lãnh thưởng mà kho cạn. Thần tháp Nha xỉ oán hận. Bèn có thần Thiên nữ xô núi đè vua và quân lính chết vô số. Con cháu Khổng Tước do đó mà dứt mất.

Hữu xét: Tám muôn ngôi tháp là huyền ký việc sau rộng nói ra thì ứng nghiệm đã rõ, chọn lựa ghi chép gia phả đầu cuối mà nói về họ Thích, chỉ ghi rõ chuyện vua A-dục xây dựng tháp Phật, tuy văn rườm mà việc tháp thì ghi đầy đủ.

10. Di pháp của Phật Thích-ca dứt mất.

Kinh Tạp A-hàm nói: Ta diệt độ rồi một trăm năm sau thì có Ưu-ba-quật-đa làm Phật sự, giao phó chánh pháp của ta cho trời người, giáo pháp ở đời một ngàn năm bất động. Lại bảo Thiên Đế Tứ vương hộ trì chánh pháp hơn một ngàn năm sau thì có phi pháp xuất hiện và mưa to gió dữ có nhiều tai ương. Các vua bốn phương giết hại Tỳ-kheo phá hủy chùa tháp (đây là Hồi giáo, Ấn-độ giáo) suốt mười hai năm. Sau đó các Tỳ-kheo lại nhóm họp ở giữa nước. Vua Câu-diêm-di sinh con là Nan Đương, tay giống như có thoa máu, thân mặc áo giáp, có sức khỏe của trời, có năm trăm người con Đại thần hình tướng đều giống như thế. Suốt một ngày mưa máu mà được nối ngôi vua. Bèn đánh chiếm bốn vị vua độc ác kia và giết hết vua Diêm-phù-đề. Tam Tạng Tỳ-kheo nói pháp cho vua nghe. Vua nghe pháp mà sinh tín kính, cúng dường Tăng không tiếc, các thứ cúng dường suốt mười hai năm. (Có một nhóm

Tăng) vị được lợi dưỡng mà không tu ba nghiệp tự làm đẹp thân mình, xa lìa pháp xuất gia, trời rồng ghét bỏ không che chở, lớn tiếng nói rằng: Bảy ngày nữa Phật pháp sẽ diệt. Đến ngày nói giới thì các vị Tăng đấu tranh, dầu ba trăm người mà chỉ có một vị La-hán. Tam Tạng Tỳ-kheo không chịu nghe giới, còn La-hán muốn nghe. Đệ tử đánh nhau và giết hại nhau, do đó mà diệt hết. Các trời người buồn khổ, khóc lóc. Mặt đất đai rung chuyển sáu cách đều phải lìa tan vua Câu-diêm-di nghe chuyện thì rất buồn khổ. Các kẻ tà kiến tranh phá tháp miếu và giết hại Tỳ-kheo. Phật pháp bỗng nhiên diệt mất cùng lúc.

Pháp diệt hết, kinh nói các tường diệt, nghĩa là thích áo thế tục ưa ăn mặc đẹp, ăn thịt uống rượu, nuôi chứa tám thứ bất tịnh.

Tăng Hựu nói: Dùng Phương Đẳng thâm mật mà định nhân, đó là biết Tam bảo thường trụ. Pháp thường trụ thì lý không có khởi và diệt, khởi lên và diệt mất là tùy duyên nghiệp ở đời, sớm lìa ẩn mất về Tây, không hai ngàn sáng mà sáng mãi.

Ta cảm thông với Đạo sợ là chẳng phải mưu tánh của con người, thần giao lý hội như có y cứ nhất định. Trước y cứ vào tướng cuối, đó là một thời kỳ. Còn như Đại qui thì đều xuất một. Như Ma-da các kinh hơn một ngàn năm trăm năm pháp quán Bất tịnh không nghe vào lúc ấy, nay tuy ra đời nhưng người học chưa biết rõ, hoặc cho là diệt mất, người có hạnh dụng sao lại ngại thường còn. Lại nói Phật độ người nữ thì chánh pháp giảm còn phân nửa, nếu tu hành tám pháp tôn kính thì trở lại một ngàn năm. Đây cũng là cứ hạnh mà có sáng tối. Như lai khi còn ở đời còn có người không nghe không thấy, huống chi là diệt độ rồi lại căn độn chướng dày thật là tướng diệt. Cho nên kinh nói: Tịnh độ ta chẳng luống dối mà chúng sanh thấy bị đốt cháy hết, đây há chẳng y cứ vào tín giải mà có sáng tối. Cho nên có hưng vong khác đường. Lại y theo luận Thiện Kiến nói: Phật pháp trụ ở đời một muôn năm, năm ngàn vị tu Đạo được ba Đạt trí, sau năm ngàn năm thì tu Đạo chẳng được, nhưng có cạo tóc mặc áo cà-sa nối nhau mãi. Lấy đây mà nhìn biết kinh luận nói có thêm bớt khác nhau, há chẳng theo tình người mà thấy sao?

Lại nói theo Đại thừa thì Phật giao chánh pháp cho Tân-đầu-lô, La-hầu-la, v.v... mười sáu Đại A-la-hán bảo giữ gìn Phật pháp - Lại có chín mươi chín ức các A-la-hán ở trước Phật nhận lời sống lâu mà hộ pháp không dứt. Các Đại A-la-hán đều có quyến thuộc lại ở Diêm-phù-đề và ba phương kia ở trên cõi trời để làm ruộng phước hộ pháp còn mãi.

Lại theo Biệt truyện, Phật diệt độ rồi trong tám trăm năm, ở nước Sư Tử có vị Đại A-la-hán tên là Độ Hữu, khi sắp diệt độ thì mời khắp bốn chung bảo rằng: Phật giao phó chánh pháp cho Ca-diếp, nhẫn đến mười sáu vị Đại A-la-hán ở bốn châu thiên hạ sống lâu mà hộ pháp, cho đến người sống giảm còn mười tuổi, kiếp đao binh xảy ra, các bậc Thánh lúc đó tạm ẩn mất. Khi người tuổi thọ tăng lên một trăm năm thì bậc Thánh đều xuất hiện như trước, sự hóa đạo lại phục hưng. Khi tuổi thọ của người tăng lên đến sáu muôn năm thì các bậc Thánh đều nhóm họp ở cõi Diêm-phù-đề, thâu nhặt tất cả xá-lợi Như lai dựng một ngôi tháp lớn bằng bảy báu trang nghiêm vọt lên hư không. Các A-la-hán đều lễ tháp Phật nghĩ rằng: Kính lễ Phật Thích-ca Mâu-ni có bao nhiêu xá-lợi, chúng con vâng lời di chúc của Phật mà giữ gìn chánh pháp. Nay thì duyên đã hết, việc làm đã xong, chúng con hôm nay xin từ gĩa mà nhập Niết-bàn. Nhờ nguyện lực mà trên hư không có lửa đốt hết, không còn di hài, xá-lợi Như lai chìm vào lớp kim cương. Bấy giờ, trên thế giới, danh từ Tam bảo diệt mất. Đến khi tuổi thọ con người tăng lên đến bảy muôn tuổi, thì có bảy muôn ức vị Bích-chi-Phật xuất hiện, chỉ hiện thần thông biến hóa làm ruộng phước cho thế gian. Như thế cho đến người sống tám muôn tuổi thì Phật Di-lặc hạ sinh. Y cứ vào đây thì Phật hóa thường nối nhau.

Tôi cho rằng gia phả Phật chỗ tu thì khác với thường. Theo tục mà nêu gia phả thì khởi đầu có ba mươi lăm, giữa dòng theo mạch thì chẳng phải một. Phật thì bắt đầu mà không bắt đầu là nói lên lúc bắt đầu tìm Đạo. Cuối thì cuối mà không cuối, chỉ là nói duyên hóa đạo, chẳng cạn. Nói theo đây thì sự lưu hóa của Đức Thích tôn hết từ khi người sống đến sáu muôn tuổi. Độc giác tiếp thống gia vận tốt hơn ngàn thước. Nhưng kinh luật nói về tướng ngàn năm muôn năm, lấy tình riêng mà chỉ ra cũng có phù hợp chỗ trệ ngại thì tinh xá Kỳ-hoàn cách nước Xá-vệ chỉ gang tấc, Phật ở đó hai mươi lăm năm mà chín ức nhà trong thành kẻ thấy nghe biết Phật chỉ có một phần ba. Lấy đây mà xét há chẳng thông suốt hay sao?

Lại họ Thích, pháp tục có hai duyên, tục thì vẫn ở ngôi vua, vua Ô-trường ở Bắc thiên v.v... là đó. Còn Đạo thì đầy khắp Đại Thiên, xa thông sáu muôn, nối tiếp nhau mãi cùng pháp đều còn. Cho nên Đạo truyền đến Đông xuyên ba lần bị giết hại. Tuy nói Phật pháp ở đây diệt mà ở các nước vẫn còn, nhưng mười sáu vị Đại thánh, ức ngàn kẻ vô học vẫn ngầm che chở phục hưng, đây thì diệt mà không thể diệt được, vì chẳng phải là sự mưu tính của người. Hoằng thật có thể mở rộng chân

trở về Thánh lực, chỉ nên y cứ vào chuẩn, thành giáo quán dụng mà noi theo. Đè nén vọng tưởng điên đảo, dẹp trừ nghiệp nhiễm, ra công chẳng thôi thì sẽ có lúc thay đổi, cho nên trình bày ở cuối gia phả.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 183

TRUYỆN A DỤC VƯƠNG

SỐ 2042

(QUYỂN 1 → 7)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2042

TRUYỆN A-DỤC VƯƠNG

Hán dịch: Đời Tây Tấn, Tam tạng
Pháp sư An Pháp, nước An Tức.

BỔN DUYÊN VỀ VIỆC BỐ THÍ ĐẤT

QUYỂN 1

Tất cả trí đều quy mạng về Đức Bạc-già-bà.

Tại Trúc lâm, Già-lan-đà nơi thành Vương xá

Bấy giờ Đức Thế Tôn, đến giờ đi khất thực, liền đắp y trì bát, cùng với chư Tỳ-kheo, thứ tự đi về thành Vương xá khất thực.

Có lời nói rằng:

“Bất động như Kim sơn
Khoan dung như voi chúa
Đầy đủ như trăng tròn
Chúng Tỳ-kheo tiếp nhau
Đến đại thành Vương xá
Oai nghi theo thứ lớp”.

Bởi thế, khi chân bước vào cổng thành thì mặt đất trong sáu cõi đều chấn động và nói:

Nước biển trang nghiêm đất
Núi thành cũng như vậy
Mâu ni bước chân đi
Tất cả đều yên lặng
Cứ thế đi vào thành
Nam nữ sinh tín tâm

Khắp nơi đều chấn động
Như gió thổi sóng biển
Vang lừng tiếng hòa reo
Thế gian chưa từng có
Khi Phật tịch diệt rồi
Đất gò đều bằng phẳng.
Không còn đất cát đá
Gai góc phẩm uế dơ
Người mù nếu được thấy
Kẻ tai điếc được nghe
Người câm ngọng lại nói
Nghèo hèn được chia của
Bệnh tật mau chóng khỏi
Không đánh tự kêu vang
Bảo khí kêu vang rền
Phật Quang chiếu sáng tỏ
Như muôn ngàn mặt trời
Chiếu sáng vàng rực rỡ
Phóng muôn đại Quang minh
Ánh sáng soi muôn vật
Đem nấu cất lương dược
Trị bệnh khắp thế gian
Thảy đều tiêu diệt cả.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn cùng A-nan đang đi trên con đường tắt, bỗng gặp hai đứa bé. Một đứa tên Đức Thắng, thuộc dòng họ lớn nhất. Đứa thứ hai tên Vô Thắng, thuộc dòng họ kế tiếp. Chúng đang lấy đất làm thành ấp để vui chơi. Trong thành đó cũng có nhà cửa kho trữ. Trong kho lại chứa lương thực bằng đất.

Hai đứa bé thấy, Đức Phật có ba mươi hai tướng tốt trang nghiêm rực rỡ, phóng ánh sáng vàng chiếu khắp cả trong và ngoài thành. Đức Phật đi đến đâu ánh sáng vàng này cũng chiếu sáng đến đó. Chúng thấy vậy ý quá đổi vui mừng. Đức Thắng lấy trong kho ra một thứ gọi là gạo để cúng dường Đức Phật. Vô Thắng thì đứng một bên chắp tay tùy hỷ. Đức Thắng nói bài kệ tán thán:

Bậc Vô giác đại bi
Ánh sáng chiếu toàn thân
Gặp rồi sinh kính tin
Lấy gạo cúng dường Phật

Cúi đầu lạy Thế Tôn
Đã đoạn hết sinh tử.

Lúc Đức Thắng cúng dường Đức Phật xong liền phát nguyện: Khiến con đời vị lai làm chủ khắp đất trời, liền nói kệ cúng dường Đức Phật:

Phật biết tâm tiểu nhi
Hằng phát lời chánh nguyện
Do phước này thù thắng
Sẽ gặp được quả lành
Đấng đại bi cứu thế
Lãnh nhận đất cúng dường
Khiến cho tâm hoan hỷ
Gieo duyên làm vương nghiệp.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nghe xong mỉm cười. Ngài A-nan quỳ xuống chắp tay bạch Đức Phật:

Bạch Đức Thế Tôn! Đức Phật không bao giờ cười mà không có duyên cớ. Vậy hôm nay vì nhân duyên gì mà Đức Thế Tôn lại mỉm cười. Rồi A-nan nói kệ:

Đoạn trừ tâm kiêu mạn
Bậc Vô thượng thế gian
Chắc có nhân duyên gì
Phật mới mỉm miệng cười
Như mây kéo sấm chớp
Ngưu vương mắt tỏ thông
Nguyện nói báo cúng đất
Đức Phật duyên mỉm cười

Phật bảo A-nan:

- Đúng thế, đúng thế này A-nan! Phật mỉm cười chắc hẳn là có duyên cớ. Ông có thấy hai đứa bé này không? Chúng đã gặp và cúng dường Đức Thế Tôn như thế.

Đức Phật lại nói:

Sau khi ta vào Niết-bàn khoảng một trăm năm. Đứa bé này lúc ấy làm một trong bốn vị Chuyển luân Thánh vương. Ở thành Hoa thị làm vua hiệu A-thứ-già. Lúc ấy phân chia xá lợi của ta làm tám vạn bốn ngàn bảo tháp, để làm lợi ích cho chúng sinh. Khi đó Đức Thế Tôn nói bài kệ:

Sau khi ta diệt độ
A-dục vương Thứ-già

Danh tiếng khắp mọi nơi
Trang nghiêm Xá-lợi-phất
Khắp cõi Diêm-phù-đề
Người trời đều cúng dường
Do duyên cúng thí đất
Thọ quả báo vô cùng.

Phật nói kệ xong, liền cầm lấy nắm đất và bảo A-nan đem nắm đất đó rải lên chỗ Đức Như Lai đi kinh hành. Nhân đó Đức Phật lại nói:

- Này A-nan, con của vua Tần-bà-ta-la tên A-xà-thế. Con của A-xà-thế là Ưu-đà-na Bạt-đà-la. Con của Ưu-đà-na Bạt-đà-la tên là Văn-trà. Con Văn-trà tên Ô-nhữ. Con của Ô-nhữ là Ta-phá-la. Con của Ta-phá-la là Đâu-la-quý-chi. Con của Đâu-la-quý-chi tên là Ta-ha Mạn-trà-la. Con của Ta-ha Mạn-trà tên Ba-tư-nặc. Con của Ba-tư-nặc tên là Nan-đà. Con Nan-đà tên Tần-đầu-la-vương. Vua Tần-đầu-ta-la ở trong thành Hoa thị tên Túc-thi-ma-thời.

Lúc ấy ở nước Chiêm-bà-la có một người Bà-la-môn sinh ra một cô con gái có quý tướng. Tướng sư coi tướng bảo: Ngày sau ắt được làm vương hậu, được vua sủng ái, sinh ra hai quý tử. Một vị ở thế gian làm bậc Chuyển Luân Thánh Vương. Một vị đi xuất gia chứng quả A-la-hán.

Bà-la-môn nghe nói vậy thì rất vui mừng. Sau đó đưa con gái vào thành Hoa thị, trang điểm các thứ trân bảo anh lạc, rồi đem gả cho vua Tầ-đầu-ta-la. Vua lấy về để ở sau hậu cung. Các phi tần trong cung thấy cô xinh đẹp khả ái thì sinh lòng ganh ghét và nghĩ rằng: Vua ắt sẽ yêu quý người này mà lạnh nhạt với chúng ta. Vì vậy ta phải dạy cho ả kia làm các việc hạ tiện để cho vua ghét bỏ.

Thế là khéo léo tìm cách để cho cô gái làm nghề cạo râu tóc. Rồi đợi khi vua ngủ thì cho vào cạo râu tóc cho vua.

Khi thức dậy vua hỏi cô gái:

- Ngươi cạo tóc cho ta xong chưa?

Cô gái thưa:

- Thưa đã xong.

Vua đứng dậy soi gương, thấy râu tóc sạch sẽ thì hỏi:

- Ngươi có ước nguyện gì không?

Cô gái thưa:

- Chỉ muốn cùng vua giao hợp.

Vua nói:

- Ta thuộc dòng Sát-đế-lợi, còn người là hạng tôi tớ làm sao có thể giao hợp.

Cô gái nói:

- Tôi không phải thuộc dòng hạ tiện. Tôi chính là con gái của vị Bà-la-môn. Bà-la-môn đã gả tôi cho vua làm vợ. Khi vào đây vì các cung phi khác ganh ghét nên mới bảo tôi làm nghề hạ tiện này.

Vua nói:

- Từ nay về sau ngươi chớ làm việc này nữa.

Sau đó vua lập cô gái ấy làm Đệ nhất phu nhân, cùng yêu mến quyến luyến không rời. Phu nhân không bao lâu thì sinh một hoàng tử. Người mẹ nghĩ: Ta nay mọi ưu phiền đã dứt, nên đặt con tên là A-thứ-già (dịch là Vô Ưu).

Sau lại sinh một hoàng nam nữa đặt tên là Tập Ưu.

A-thứ-già vì thân hình thô xấu nên không được cha yêu mến. Vua Tần-đầu-ta-la cũng có nhiều con với các bà phi khác. Một hôm, vua cho gọi các thầy tướng lại, cùng các vị vương tử. Có vị tướng sư tên Tân-lăng Già-bà-sa. Vua hỏi vị này:

- Xem trong số vương tử, ai có tướng làm vua.

Tướng sư nghĩ: Nếu nói A-thứ-già mới có tướng làm vua, ắt vua sẽ nổi giận, mạng ta khó toàn vẹn. Nay ta phải tìm phương tiện mà nói. Nghĩ rồi liền thưa:

- Nên đem các vương tử đến vườn Kim địa.

Người mẹ mới bảo A-thứ-già:

- Con cũng nên đến đó.

A-thứ-già nói:

- Vua không yêu con, làm sao con lại đến đó.

Mẹ lại bảo:

- Con nhất định phải đến đó.

A-thứ-già thưa:

- Vâng! Con sẽ đi. Sau khi dâng thức ăn cho phụ vương con sẽ ra về.

Khi ra khỏi thành Hoa thị, A-thứ-già thấy quan phụ tướng Sa-đề-khuất-đa. Quan phụ tướng hỏi:

- Vương tử muốn đi đâu?

Đáp:

- Vua cùng các vương tử đến vườn Kim địa, tôi cũng muốn đến đó.

Quan phụ tướng liền đưa cho A-thứ-già một con voi già và bảo cỡi

voi đi đến đó.

Lúc đến vườn thì A-thứ-già xuống voi bước vào, đến chỗ các vương tử cùng ngồi. Các vị hoàng tử đều dâng các thức ăn trâm bảo, quý giá thơm ngon. Còn A-thứ-già chỉ có thức ăn bằng bột gạo, đựng trên đồ bằng sành, dùng sữa làm thức khai vị và dùng nước để uống. Vua bảo tướng sư và các vương tử:

- Sau khi ta mất thì ai xứng đáng làm vua.

Tướng sư nghĩ thầm nếu ta tâu A-thứ-già có tướng làm vua, thì vua chắc hẳn không thích mà có thể giết ta. Ông liền thưa với vua:

- Không thể nêu tên ra mà chỉ nhận xét qua hình tướng thôi. Nếu ai trình bày các thứ vật dụng và trang phục quý nhất thì có tướng làm vua.

Các vương tử mỗi người đều trình bày trang phục và vật thực của mình ra. Nào là xe quý nhất, chỗ ngồi cũng tốt thắng nhất. Thức ăn đồ dùng, thức cũng là đệ nhất. A-thứ-già cũng nói:

- Ta cũng có thể làm vua. Vì sao? Vì ta cỡi voi làm phương tiện đệ nhất. Đất làm chỗ ngồi đệ nhất. Lúa gạo làm thức ăn đệ nhất. Đồ dùng bằng ngói nung đệ nhất. Sữa làm khai vị đệ nhất. Nước làm thức uống đệ nhất. Như thế thì tôi cũng có thể làm vua.

Tướng sư xem tướng đã xong. Vua cùng các vị vương tử sửa soạn trở vào thành.

Vị tướng sư nói lại với mẹ của A-thứ-già rằng:

- A-thứ-già sẽ được làm vua.

Người mẹ nói:

- Ông chớ có ở đây, nên đi xa để bảo toàn sinh mạng. Đợi khi nào A-thứ-già lên ngôi rồi hãy trở về.

Lúc này ở nước Xoa-thi-la có kẻ tạo phản không chịu thần phục. Vua Tần-đầu-ta-la liền sai A-thứ-già đem binh đi chinh phạt. Vua chỉ giao cho bốn bộ binh mà không đưa vũ khí.

A-thứ-già vâng lệnh, đem quân ra khỏi thành Hoa thị. Kẻ hầu cận mới thưa:

- Không có vũ khí thì làm sao cùng kẻ địch giao chiến.

A-thứ-già nói:

- Ta có phước lực ứng làm vua. Nếu khi cần thì đao kiếm sẽ tự nhiên có.

Vừa nói xong thì Địa thần xuất hiện, đưa đao kiếm cho quân sĩ.

Thế là đạo quân tứ binh cùng tiến vào vây kín nước Xoa-thi-la. Nhân dân trong nước đó, nghe tin A-thứ-già đến thì tất cả dân chúng

đều quy phục. A-thứ-già thu phục được thành ấp trang nghiêm bình trị khắp đường phố. Dân chúng các nơi đều lấy bình đựng đầy các vật thực, rồi lấy hoa phủ trên, gọi đó là Kiết bình. Đây là biểu tượng của sự hàng phục. Cả nửa do-tuần đều nghênh tiếp như thế mà nói rằng:

- Chúng tôi không phản vua. Cũng không phải vương tử. Chỉ có bọn ác thần xúi vua làm nghịch thôi. Nay xin cung kính cúng dường, xin tùy ý vào thành.

Khi đã điều phục được nhân dân nước đó, liền mang quân trở về. Vua lại sai A-thứ-già đi chinh phục nước Pháp sa. Nhân dân ở đó cũng đều đồng lòng quy thuận. Chinh phục xong, A-thứ-già lại trở về nước.

A-thứ-già có hai người lực sĩ hầu cận. Vương tử cũng phong ấp cho hai người này. Thiên Thần lúc đó cũng làm bậc hộ quốc và thường nói với hai vị đó:

- Phải cẩn thận chớ có phản nghịch. Làm sao để A-thứ-già làm một trong bốn vị Chuyển luân Thánh vương, dần dần chinh phục, bốn biển đều được quy phục.

A-thứ-già có người anh là Tô-tham-ma. Hôm ấy đang đi vào thành Hoa thị, có quan Đệ nhất phụ tướng từ trong thành đi ra. Hai người gặp nhau. Quan phụ tướng vì đầu bị hói nên Tô-tham-ma thấy vậy cười cợt rồi lấy tay đánh vào đầu. Quan phụ tướng nghĩ: Vị vương tử này chưa làm vua mà đã dùng quyền thế đánh vào đầu ta như thế. Nếu được làm vua tất sẽ lấy đao mà chém ta mất.

Thế rồi Quan liền nói với năm trăm vị phụ tướng khác về hành động thái quá của Tô-tham-ma. Cho là không thể làm vua được, duy chỉ có A-thứ-già thì tướng sư đã bảo là một trong bốn vị Chuyển Luân Vương. Chúng ta nên cùng nhau lập vị này.

Sau đó nước Xoa-thi-la lại có ác thần tạo phản. Vua sai Tô-tham-ma đi chinh phạt. Khi Tô-tham-ma đến nơi thì không thể làm cho dân nước kia quy thuận được. Vua Tần-đầu-ta-la nghe nói Tô-tham-ma không thể điều phục được nước kia, liền sinh bệnh.

Khi ấy vua ra lệnh cho với Tham-ma trở về làm thái tử. Rồi sai A-thứ-già cầm binh chinh phạt.

Các vị đại thần liền bày kế đem lưu huỳnh bôi vào người A-thứ-già rồi dấu đi, giả nói là bị thổ huyết không thể đi chinh phạt được. Lúc này, vua bệnh rất nặng, biết mình khó qua khỏi, muốn truyền gọi Tô-tham-ma về để truyền ngôi.

Quan phụ tướng sửa soạn cho A-thứ-già xong, liền đưa đến thưa với vua:

- Xin nhà vua truyền ngôi cho A-thứ-già trị vì đất nước. Còn Tô-tham-ma trở về thì nên phế truất.

A-thứ-già cũng nói:

- Nếu như ta có phước đức làm vua, thì trời ứng hiện đem mũ lụa kết trên đầu ta.

Nghĩ xong, thì có một dãy lụa kết trên đầu. Vua thấy A-thứ-già có thiên thần kết lụa trên đỉnh đầu thì rất tức giận, hộc máu ra mà băng hà.

Quần thần lập A-thứ-già lên làm vua và La-đề-quật-đa làm đệ nhất phụ tướng. Tô-tham-ma nghe tin cha đã băng hà và A-thứ-già lên làm vua, thì rất phẩn nộ và đem binh kéo về thành Hoa thị.

A-thứ-già nghe nói Tô-tham-ma đã về, liền sai một vị đại lực sĩ trấn giữ cửa thứ nhất. Vị lực sĩ thứ hai trấn giữ cửa thứ hai. Đệ tam lực sĩ trấn giữ cửa thứ ba. Điều quan phụ tướng La-đề-quật-đa trấn giữ cửa phía Đông, còn A-thứ-già tự lãnh đạo cơ quan, làm bạch tượng. Trên có làm tượng của A-thứ-già, xung quanh thì đào hầm lửa, phủ cỏ rác lên trên. Tô-tham-ma khi đến cửa phía Đông thì gặp La-đề-quật-đa. Quan phụ tướng nói:

- Nay A-thứ-già đang thống lĩnh cửa phía Đông. Ngài có thể đến đó. Nếu vào được thì tôi sẽ làm tôi thần của ông. Còn không thể giết được A-thứ-già thì có vào cửa này cũng không làm được gì?

Tô-tham-ma bèn xông vào cửa phía Đông, đến chỗ voi đang đứng muốn nhào tới bắt A-thứ-già, liền bị rớt xuống hầm lửa mà tử vong. Tô-tham-ma có vị đại lực sĩ tên Thiền Dũng thấy vậy, liền đem vài vạn quân binh vào trong cửa Phật xin xuất gia, đều đắc quả A-la-hán.

Các quan phụ tướng đại thần dường như muốn xem thường vua A-thứ-già. Vua muốn trị tội họ nên nói với các quan rằng:

- Hãy bẻ bỏ những cây hoa đẹp đang vây lấy những bụi gai góc.

Các quan thưa:

- Xưa nay chỉ nghe nói gai góc vây lấy hoa quả, chứ không nghe hoa quả vây lấy gai góc bao giờ.

Vua nói lại ba lần như thế mà chư thần vẫn không chịu nghe.

Vua nổi giận, tự tay mình giết hết năm trăm vị đại thần.

Một lần vào cuối mùa xuân, vua cùng với cung nhân dạo chơi trong vườn. Trong khu vườn đó có một cây hoa tên là A-thứ-già rất đẹp. Vì thấy cây cùng tên với mình nên vua rất yêu quý. Nhà vua do thân hình thô xấu nên các thể nữ thường không yêu kính, không thích gần gũi. Họ đợi khi vua ngủ thì vào trong đó vui chơi, đến chỗ cây A-thứ-già

bẻ hết hoa lá. Khi vua thức dậy, hỏi hầu cận:

- Ai phá cây hoa vậy?

Đáp:

- Chính bọn cung nhân.

Vua tức giận, liền đem năm trăm cung nữ đứng sắp xung quanh cây và nổi lửa đốt họ. Nhân dân trong thành cho là vua quá tàn ác, nên gọi là ác A-thứ-già.

Lúc này quan phụ tướng La-đề-quật-đa mới tâu với vua:

- Việc giết hại trị tội chẳng phải là điều mà vua nên làm. Nay nên tìm những kẻ thích giết hại để về làm việc này.

Vua nghe theo cho đi tìm những kẻ thích làm điều ác về để trị những kẻ có tội.

Khi đó ở ngoài biên thùy, phía dưới chân núi có một gia đình làm nghề thợ dệt, sinh một đứa con tên Kỳ-lê tánh tình rất là hung tợn, thường mắng cha mắng mẹ, tay thì quăng lưới, chân thì đạp khung. Bất cứ loài vật cây cỏ trên đường hễ gặp là hắn giết hại phá sạch. Mọi người đều gọi là Ác-kỳ-lê. Cả nước đều biết hắn là kẻ đại ác. Sứ của vua liền tìm đến nói với Kỳ-lê:

- Anh làm người trị tội nhân cho nhà vua được không?

Kẻ ấy đáp:

- Người ác trong thiên hạ tôi đều có thể trị, thì sao lại không làm cho vua được.

Sứ thần liền về tâu lại với vua. Vua cho gọi y đến. Kỳ-lê nghe có lệnh vua gọi thì vào từ biệt cha mẹ. Cha mẹ không cho đi thì anh ta lại giết chết cha mẹ, vì thế nên đến chậm. Khi sứ giả hỏi thì anh ta kể lại như vậy.

Khi vào ra mắt vua thì thưa rằng:

- Tôi sẽ làm một ngục to lớn, nghiêm trang cho vua vui lòng.

Ngục khi đã làm xong thì được đặt tên là Ái-lạc-ngục.

Hắn lại thưa với vua:

- Nếu có ai vào đây, thì quyết không cho ra.

Vua bằng lòng.

Sau đó Ác-kỳ-lê đi đến chùa Kê-đầu. Trong chùa có vị Tỳ-kheo đang tụng kinh có câu: "Như đứa bé ngu ác, thích nấu vạc lửa, thích đâm giã, thích làm cối xay thịt. Nếu bị đọa vào địa ngục, phải nuốt hòn sắt nóng, chảy ra cho vào miệng." Hắn nghe xong thì nghĩ rằng: "Trong địa ngục của ta cũng phải làm như vậy."

Trước đó, có hai vợ chồng một vị trưởng giả cùng đi ra biển để

kiếm trân bảo. Ra đến giữa biển thì hạ sinh một bé trai, liền đặt tên là Hải. Trải qua mười hai năm mới ra khỏi biển, thì gặp bọn cướp năm trăm tên, cướp hết tài sản và giết cả hai vợ chồng. Đứa con tên là Hải thoát được liền đi xuất gia học đạo. Lần hồi đi khất thực đến thành Hoa thị. Vì không biết đường xá xóm làng nên lạc vào ngục Ái lạc. Nghĩ rằng: "Ngoài thì xem có vẻ vui, mà trong như địa ngục". Khi ấy, muốn đi ra nhưng Kỳ-lê không cho, bảo rằng:

- Tỳ-kheo! Ông đã vào trong này thì phải chịu tội chết. Sao lại còn muốn ra.

Tỳ-kheo nghe nói thì òa lên khóc. Kỳ-lê hỏi:

- Vì sao ông lại khóc như con nít vậy?

Tỳ-kheo nói:

- Tôi không phải sợ chết mà khóc, mà là sợ mất đi sự thiện lợi. Bởi do tôi chỉ mới xuất gia chưa chứng đạo pháp. Mà thân này thì khó được, Phật pháp lại khó gặp, cho nên mới khóc.

Kỳ-lê nói:

- Vua đã ra lệnh, nếu ai vào đây thì phải chịu chết chứ không cho ra.

Tỳ-kheo nói:

- Cho tôi được sống thêm bảy ngày nữa. Rồi tùy ông muốn xử thế nào cũng được.

Khi ấy vua A-thứ-già có người cung nhân cùng một vương tử tư tình. Vua biết được và bắt đem cho vào ngục Ái lạc xử trị. Kỳ-lê cho đem vào cối giả nát. Khi chày đánh trúng vào đầu thì óc tủy, con ngươi vọt ra. Tỳ-kheo nhìn thấy rõ thì sinh tâm nhàm chán mà nghĩ rằng: "Than ôi! Thật là đáng thương xót. Nhan sắc thế gian quả là nguy hại. Như bọt nước tụ không lấy gì làm chắc chắn. Sự hủy hoại thật là mau chóng. Dù cho dung mạo đoan chánh, mà đem vào đây, thì da thịt nhan sắc cũng tan hoại. Kỳ lạ thay! Việc sinh tử này, trẻ con lại ưa thích. Nếu không thấy được chánh pháp, thì cảnh giới này càng bị chìm trong biển khổ". Do đây mà vị Tỳ-kheo quán xét thâu đêm, đoạn trừ hết kiết phước mà chứng quả Tu-đà-hoàn. Lại tinh cần tu tập cho đến chứng được A-la-hán, đủ bảy ngày thì Kỳ-lê đến nói:

- Bảy ngày đã qua, đến ngày thứ tám thì phải chịu hành hình.

Tỳ-kheo đáp:

- Tôi ban đêm đã trải qua và ban ngày cũng đã thấu rõ, lợi ích đã đạt được, vậy tùy người xử trí.

Kỳ-lê hỏi:

- Tại sao lại nói “Đêm đã qua, ngày sáng tỏ lại đạt được lợi ích”. Hãy nói cho ta biết.

Tỳ-kheo đáp:

- Tôi ngày trước ở trong đêm tối vô minh, ám độn. Nay thì mọi oán tặc triền phược đã tan, cho nên mới nói đêm đã qua. Tâm trí huệ rỗng không, tỏ thông cả tam giới cho nên nói ngày sáng tỏ. Phật pháp đạo quả nay cũng đã chứng ngộ, cho nên nói lợi ích đã đến. Nay ông đã hiểu rõ thì mặc ý xử trị.

Kỳ-lê vì tâm tàn ác giết hại không cùng nên không biết thương xót, không tin có đời sau nên càng tức giận. Bèn bắt cái vạc lớn cho đầy nước và cả huyết mủ tủy não cùng các đồ dơ uế vào, rồi bắt vị Tỳ-kheo ném vào. Bỗng nhiên lửa củi bên dưới đều tắt ngấm. Kỳ-lê nổi giận lấy cây thọt vào, nhưng lửa vẫn không cháy, mà cây củi dường như có vẻ xanh tươi trở lại. Nước trong nồi cũng không nóng. Lấy làm lạ, anh ta mới nhìn vào trong chảo, thì thấy vị Tỳ-kheo đang ngồi kiết già. Dưới tòa có cả ngàn cánh sen đỡ. Lúc này Kỳ-lê rất đổi kinh ngạc, sợ hãi, liền vào tâu với vua.

Vua liền tức tốc đến xem, nhân dân trong thành cũng theo vào với vua, có tới vài ngàn người.

Lúc này Tỳ-kheo thấy có vô số chúng sinh đến xem nên nhân đó khuyến hóa để cho mọi người thấy. Tỳ-kheo liền từ trong chảy bay ra, y phục đều sạch sẽ. Mọi người thấy Tỳ-kheo bay lên hư không biến hóa không lường. Trên thân ra dưới, dưới thân ra lửa. Chẳng khác nào một ngọn núi lớn hiện tỏ giữa hư không. Vua thấy vậy thì tâm rất hoan hỷ ít có, liền chấp tay cung kính chiêm ngưỡng mà nói rằng:

- Vị Tỳ-kheo này cùng thọ thân người như ta, nhưng uy biểu xuất thế, công đức thật là tối thắng, bay lên hư không hiện đủ loại thần thông. Tôi nay cúi xin Tôn giả nói ra, để cho chúng tôi biết được việc làm của bậc Thánh, rồi tùy theo lực mà tôi có thể quy hướng tu tập.

Bấy giờ Tỳ-kheo biết A-dục vương là Đại Đàn-việt, sau này sẽ phân bố xá-lợi của Phật làm lợi ích cho trời người.

Tỳ-kheo liền nhân đây mà thuyết về sự đại từ bi của Đức Như Lai, đã đoạn hết kiết phược; là pháp Vương tử đã được giải thoát trong ba cõi; là đấng Điều ngự trong chỗ đáng điều ngự; là bậc Tịch diệt trong chỗ đã tịch diệt; là bậc Giải thoát trong tất cả sự giải thoát. Đại vương nên biết, Phật đã thọ ký cho ông về tương lai sau khi Đức Phật nhập diệt một trăm năm. Vua ở thành Hoa thị hiệu là A-thứ-già, xây dựng tháp Phật xá-lợi đến tám vạn bốn ngàn.

Vua nay lại tạo ra địa ngục này giống như cảnh địa ngục để tàn hại chúng sinh. Đại vương! Ông nên gia ân để cho chúng sinh không còn lo sợ, cũng là theo ý nguyện của Phật. Là bậc Đế Thích ở trong loài người, tất phải thi ân vô úy, khởi lòng đại Từ bi. Đem phân bố xá-lợi để làm lợi ích cho muôn người.

Vua nghe lời này, thì càng kính tin Tam bảo, liền chấp tay cung kính hướng về mười phương chư Phật, phát nguyện rằng:

- Tôi từ trước đã tạo ra cực tội, nay xin sám hối, xin quy y Phật. Quy y thắng pháp mà Đức Như Lai đã dạy và đang khai phước nghiệp làm trang nghiêm khắp cả cõi Đại địa.

Bấy giờ, Tỳ-kheo nương theo hư không mà đi ra ngoài. Vua cũng trở ra.

Ác-kỳ-lê tâu rằng:

- Vua trước kia đã nói với tôi : “Nếu ai vào đây thì không cho ra”.

Vua nói:

- Vậy ngươi muốn giết ta phải không?

Đáp rằng:

- Muốn giết.

Vua nói:

- Vậy ngươi vào đây trước hay ta vào trước.

Đáp:

- Tôi ở đây trước.

Vua nói:

- Ngươi đã vào trước thì phải chịu tội trước.

Vua ra lệnh bắt Kỳ-lê trói lại. Còn nhà Ái-lạc cũng cho thiêu hủy đốt sạch, để cho dân được an ổn không còn lo sợ.

Sau đó vua đi về thành Vương xá, đến chỗ của vua A-xà-thế, thì thấy có bốn ngàn viên xá-lợi. Tại chỗ này vua cho xây đại tháp. Thế rồi chỗ thứ hai, thứ ba, cho đến bảy chỗ. Nơi nào có xá-lợi vua cũng đều cho xây tháp tại đó.

Sau đó vua lại tìm đến tụ Lạc-la-ma Long vương để lấy xá-lợi. Long vương muốn xin để lại xá-lợi, liền hiện lên mời vua đi vào long cung.

Long Vương thưa:

- Xin nhà vua lưu lại, xá-lợi nơi đây. Chúng tôi sẽ cung kính cúng dường cẩn thận, xin chớ lấy đi.

Vua thấy Long vương cung kính cúng dường còn hơn cả người thế

gian, thì liền để lại mà không mang đi nữa.

Vua trở về bổn quốc, tạo lập ra tám vạn bốn ngàn hòm bằng bảy báu dùng các thứ vàng bạc lưu ly để trang sức. Một hòm báu đựng một viên xá-lợi. Lại tạo lập tám mươi bốn ngàn cái hũ và tám mươi bốn ngàn tấm lụa để che phủ bên ngoài, cùng với tám vạn bốn ngàn bảo cái. Mỗi hũ xá-lợi đem giao cho một Dạ-xoa mang đi khắp cõi Diêm-phù-đề. Cứ một vạn người thì tạo một tháp. Thế là quỷ thần đều mang xá-lợi đi khắp bốn phương để xây tháp. Có một Dạ-xoa, đem hộp xá-lợi đến nước Xoa-thi-la để tạo lập phù đồ, nhân dân trong nước nói:

- Dân chúng tôi có ba mươi sáu ức, nay phải cho ba mươi sáu hòm xá-lợi.

Dạ-xoa trở về bạch với vua. Vua nghĩ: "Dân chúng quá đông. Nếu chia như vậy, thì xá-lợi sẽ không đủ khắp cả cõi Diêm Phù này, vậy phải tùy phương tiện mà rút bớt." Bèn sai Dạ-xoa đến đó nói:

- Nước ngươi nay trừ bớt đi ba mươi lăm vạn, chỉ lưu lại một vạn cùng một viên xá-lợi.

Dân nước kia nói:

- Tôi không cần đủ ba mươi sáu hòm nữa, có một cũng đã đủ lắm rồi, xin chớ giết chúng tôi.

Thế là nước đó chỉ lưu lại một hòm xá-lợi. Vua lại nói:

- Nếu có chỗ nào nhiều hơn một ức hay ít hơn cũng chớ để xá-lợi lại.

Khi làm việc này vua cũng đã đến chùa Kê-đầu-ma và đến trước thượng tọa Da-xá chấp tay thưa:

- Tôi nay muốn ở trong cõi Diêm-phù-đề tạo lập tám vạn bốn ngàn bảo tháp.

Thượng tọa đáp:

- Lành thay! Lành thay! Vua nếu như muốn xây tháp lúc này, ta cùng làm với vua.

Tôn giả liền lấy tay che mặt trời, biến ra các cõi nước trong Diêm-phù-đề, rồi cùng vua xây dựng tháp xá-lợi ở tại các nước đó.

Khi tháp đã tạo lập xong, nhân dân đều gọi vua là Chánh pháp A-thứ-già vương, khéo đem lại an ổn lợi ích cho khắp thế gian. Vì đã xây tháp ở khắp nơi, nên mọi điều ác của vua cũng bị tiêu trừ. Từ đây thiên hạ đều gọi vua là Chánh pháp vương.

BỔN DUYÊN VỀ TRUYỆN CỦA A-DỤC VƯƠNG

Vua A-thứ-già khi xây tháp xong rồi thì rất vui mừng hớn hở, cùng chư quần thần đi đến chùa Kê-đầu-ma, đến trước Thượng tọa thưa rằng:

- Ở cõi Diêm-phù-đề này, có ai được Phật thọ ký như tôi không?

Thượng tọa Da-xá đáp:

- Có nhiều vị cũng được thọ ký như vua. Xưa Đức Phật ở tại nước Ô trường, từng hàng phục rồng A-ba-ba. Ở nước Kế tân giáo hóa hàng phục sư Phạm chí, ở nước Kiến-đà-vệ giáo hóa chim Đà-la, ở nước Kiến-đà-la hàng phục Ngưu long. Sau lại đến nước Mạt-đột-la bảo với A-nan rằng:

- Sau khi ta diệt độ một trăm năm, ở xứ Mạt-đột-la này có trưởng giả Cúc-đa, con của ông là Ưu-ba-cúc-đa. Tuy không có tướng hảo như Đức Phật, mà ở trong một do-tuần thấy được tâm tướng của chúng sinh, là bậc thầy dạy Thiền pháp đệ nhất lúc bấy giờ và làm nhiều điều Phật sự giáo hóa chúng sinh.

Khi ấy Phật bảo với A-nan rằng:

- Ông có thấy khu vườn xanh từ xa kia không?

- Có thấy, thưa Đức Thế Tôn.

Đức Phật bảo:

- Ở đó có núi tên là Ưu-lưu-mạn-trà, ở đó có A-lan-nhã La-bạt-lợi, phòng xá đầy đủ rất thuận lợi có thể phát sinh định tâm làm các việc như Đức Phật đã thọ ký.

Vua nghe thế liền bạch Tôn giả:

- Tôn giả thanh tịnh kia đã ra đời chưa?

Đáp:

- Đã ra đời, tu hành thanh tịnh diệt hết mọi kiết phược, đắc quả A-la-hán, cùng với tám vạn đang đi nhiễu quanh núi Ưu-lâu-mạn-trà ở A-lan-nhã La-bạt-lợi. Vị Tôn giả này có đầy đủ trí tối thắng thanh tịnh. Vì chủ Hiền thánh và tất cả chúng sinh diễn nói pháp môn nhiệm mầu. Khiến cho hàng Thiên, Long, Dạ-xoa, cùng các loài phi nhân đều được giải thoát.

Vua liền ra lệnh cho quần thần mau sửa soạn binh xa tướng mã:

- Ta nay muốn đến núi Ưu-lâu-mạn-trà để được xem các bậc Tôn giả giải thoát. Đó là Đại đức Ưu-ba-cúc-đa, đã dứt trừ hết mọi lậu hoặc phiền não.

Các quan phụ tướng liền tâu với vua:

- Nước kia hiểm trở kẻ tiểu sĩ rất nhiều. Chỉ nên sai sứ bảo vị La-hán đến đây là được.

Vua nói:

- Ta muốn thỉnh Tôn giả đến tham kiến, nhưng vì ta chưa đắc Kim cang tâm thì làm sao khiến cho mọi người chịu nghe như Đức Phật được.

Rồi vua sai sứ đến thưa với Tôn giả Ưu-ba-cúc-đa rằng:

- Tôi nay muốn đến tham vấn Tôn giả.

Tôn giả nghe xong liền suy nghĩ: "Nếu để vua đến đây thì đất đai hiểm trở rất là cực khổ. Vậy thì ta nên đi đến đó."

Tôn giả liền cho hợp các thuyền lại, làm thành một thuyền rộng lớn mười hai do-tuần để cùng tám vạn chư vị La-hán lên thuyền đi đến thành Hoa thị. Có người bảo vua rằng:

- Tôn giả Ưu-ba-cúc-đa vì muốn làm lợi ích cho vua nên đích thân đi đến, vì lợi ích mà làm thuyền lớn.

Vua nghe nói thì rất hoan hỷ liền cởi chuỗi anh lạc giá trị đến trăm ngàn lượng vàng để cúng dường, rồi bảo kẻ tả hữu đánh trống làm hiệu lệnh. Vì muốn tạo phước sinh lên cõi trời, muốn cầu giải thoát, ra mắt Đức Như Lai, nên thành kính cúng dường Tôn giả. Vua nói kệ:

Chư vị muốn thấy Lưỡng Túc Tôn
Cúng dường thế hùng Vô sư giác
Giáo hóa Đức Phật khắp ba cõi
Các nơi tụ tập cùng cung nghênh.

Vua nói kệ xong rồi, liền sai sửa soạn quét dọn trang nghiêm thành ấp, đường xá. Vua cùng chư quần thần và dân chúng, trổi kỹ nhạc đốt hương hoa đi ra ngoài thành Hoa thị đến nửa do-tuần.

Từ xa đã nhìn thấy Tôn giả cùng một vạn tám ngàn La-hán đang đi đến, ví như cùng vây quanh nửa mặt trăng. Vua liền xuống voi, một chân bước lên thuyền, một chân để dưới đất. Rồi đưa tay đỡ Tôn giả Ưu-ba-cúc-đa. Sau đó vua năm vóc phủ phục xuống chân. Khi Tôn giả gọi vua đứng dậy thì vua cung kính chấp tay chiêm ngưỡng và thưa rằng:

- Tôi nay đã diệt trừ hết mọi oán cừu, được sự giàu có khắp cả đại địa sông núi nơi cõi Diêm-phù-đề này, mà vẫn không vui bằng hôm nay được gặp Tôn giả. Vì sao? Vì được gặp Tôn giả cũng như gặp được Đức Phật, đối với ngôi Tam bảo càng thêm kính tín.

Vua nói kệ:

Phật tuy đã nhập diệt

Tôn giả bổ xứ sinh
Huệ nhật đã tiêu mất
Tôn giả tiếp chiếu soi
Nay thùy từ dạy bảo
Tôi tùy thuận nghe theo.

Tôn giả nghe vậy liền đưa tay xoa đảnh đỉnh của vua và nói kệ đáp:

Cẩn thận mọi điều chớ buông lung
Ngôi vị phú quý khó bảo toàn
Tất cả rồi đây cũng hủy diệt
Thế gian đâu có gì thường trụ
Tam bảo khó gặp ông đã gặp
Nên cúng dường luôn chớ bỏ qua.

Đại vương nên biết! Đức Phật đem giáo pháp giao phó cho ông và cũng phó chúc cho ta. Chúng ta nên kiên quyết giữ gìn.

Vua lại nói kệ:

Lời Phật phó chúc tôi đã làm
Các tháp báo xây khắp nơi nơi
Tràng phan bảo cái cũng đủ cả
Muôn loại chúng sinh đều trang
Bố thí xá-lợi cõi Diêm-phù
Thân mình vợ con và kho báu
Cung điện phòng xá cùng nhân dân
Nơi nơi chốn chốn đều cúng thí
Cúng dường pháp bảo cùng chúng Tăng.

Tôn giả khen ngợi:

- Lành thay! Lành thay Đại vương! Ông làm các việc này, đem thân mạng tài vật giữ gìn giáo pháp Phật mãi cho đến ngày sau, đừng bao giờ hối hận thì sẽ được giải thoát, sinh lên cõi trời.

Nói xong vua thỉnh Tôn giả đi vào trong cung, trải giường tòa để Tôn giả lên an nghĩ trên đó. Thấy thân của Tôn giả mềm mại như bông Đâu-la-miên. Vua chắp tay thưa:

- Thân của Tôn giả mềm mại như bông Đâu-la-miên. Còn thân của tôi thì thô xấu ít phước.

Tôn giả nói:

- Ta khi trước tu hạnh bố thí, thường đem vật thanh tịnh thắng diệu, chưa từng lấy đất mà cúng dường bố thí.

Vua nói:

- Tôi ngày trước vì ngu muội không biết, nên gặp được bậc Thế Tôn tối thượng phước điền, lại lấy đất cúng dường. Nay được quả báo này.

Tôn giả sắc mặt hiền hòa nói:

- Phước điền thắng diệu có thể khiến cho việc bố thí đất đạt được quả báo ngôi vị tôn quý.

Vua nghe như vậy thì lòng rất vui mừng hoan hỷ chưa từng có, liền nói với chư quần thần:

- Ta ngày trước cúng dường đất cho Phật mà nay được ngôi Chuyển luân Thánh vương. Vì vậy, khuyên mọi người cũng sinh tâm kính cẩn cúng dường Tam bảo.

Vua thưa với Tôn giả:

- Con muốn biết các nơi mà Phật từng du phương hành đạo để xây tháp cúng dường, để ngày sau chúng sinh cung kính cúng dường.

Tôn giả khen:

- Lành thay! Lành thay! Đại vương, tôi sẽ chỉ cho ông biết các nơi ấy.

Vua liền đem các loài hương hoa cúng dường Tôn giả. Sau đó vua cử binh xa tượng mã, theo Tôn giả đi đến vườn Lâm-tỳ-ni. Tôn giả chỉ nơi này cho vua:

- Đây là chỗ Đức Phật đản sinh, ông nên cúng dường đầu tiên. Đây là chỗ Đức Phật đi bảy bước. Khi mới sinh ra, lấy tay chỉ bốn phương mà nói rằng: "Đây là thân cuối cùng của ta, thân cuối cùng ở trong bào thai".

Vua nghe lời nói này, cúi đầu lạy xuống đất cung kính làm lễ chắp tay rơi lệ mà thưa rằng:

Tuy thắng lợi kiết lợi
Được thấy Mâu-ni Tôn
Thấy nơi Phật đản sinh
Nghe được lời Pháp ngữ
Ta không có thắng phước
Không được thấy Thế Tôn
Không thấy Phật đản sinh
Cũng không nghe Pháp ngữ.

Tôn giả lại dẫn vua đến chỗ phu nhân Ma-da, vịn vào nhánh cây rồi đản sinh ra vị Bồ-tát. Tôn giả lấy tay chỉ vào cây Am-la mà nói với vị thần của cây đó:

- Ngươi vốn đã thấy Phật. Nay có thể hiện lên cho vua thấy, để

cho vua thêm lòng kính tin.

Lúc này thần cây Am-la hiện ra. Tôn giả nói với vua:

- Đây là thần cây, đã nhìn thấy Phật sinh ra.

Vua liền chấp tay, hướng về thiên thần nói:

Người thấy được hảo tướng
Phật đản sinh hay không?
Mắt Phật có sắc sáng
Như lá hoa sen không?
Ngươi nghe từ Ngưu vương
Nói lời nhu nhuyến không?
Thần cây nói kệ đáp:
Tôi thấy thân kim sắc
Lưỡng Túc Tôn tối thắng
Cùng lúc đi bảy bước
Nghe lời Thế Tôn nói.

■

TRUYỆN A-DỤC VƯƠNG

QUYỂN 2

Vua lại hỏi rằng:

- Khi Đức Phật đản sinh, thì sự việc như thế nào?

Thần cây đáp:

- Nếu dùng ngôn ngữ thì không thể nào nói cho hết được. Nay xin lược nói kệ:

Thân sắc vàng chói sáng
Trời người đều mừng vui
Núi sông đều chấn động
Như thuyền gặp sóng to.

Vua liền xuất trăm ngàn lượng vàng để tại đó xây tháp rồi đi. Tôn giả dẫn vua vào trong thành Ca-tỳ-la, lấy tay chỉ và nói:

- Đây là nơi ở của vua Tịnh Phạn, là nơi mà Bồ-tát hiện thân, Tôn giả lại chỉ đền thờ của Đế Thích và nói Bồ-tát khi vào đây thì tượng Nê-mộc đều đến cung nghinh cúi mình làm lễ; ngài lại chỉ chỗ các vị tướng sư xem tướng cho Bồ-tát, vị tiên A-tư-đà xem tướng Bồ-tát ngày sau ắt sẽ thành Phật.

Ngài lại chỉ chỗ của bà Xa-bà-đề nuôi dưỡng Bồ-tát và chỉ chỗ của Bồ-tát học tập, chỗ cưỡi voi, chỗ tập cưỡi ngựa, chỗ cưỡi xe, chỗ học bắn cung, phóng lao... chỗ của Bồ-tát thấy cảnh sinh già bệnh chết mà sinh tâm nhàm chán sinh tử.

Tôn giả lại dẫn vua đến gốc cây Bồ-đề, lấy tay chỉ và nói:

- Đây là chỗ của Bồ-tát ngồi tọa thiền.

Ngài lại dẫn vào rừng chỉ chỗ Bồ-tát tư duy dứt trừ mọi tham dục bất thiện, giác ngộ quán xét ly sinh hỷ lạc và chứng quả Sơ thiền. Những cành cây khi đó cong xuống che chở Bồ-tát ngồi thiền nay vẫn không dời đổi.

Nơi nào vua cũng cúi mình đảnh lễ. Tôn giả lại chỉ cửa thành mà nói với vua:

- Đây là chỗ của Bồ-tát đem năm ngàn chư Thiên lần lượt cùng đi

nhiễu quanh ra khỏi thành Ca-tỳ-la.

Lại chỉ chỗ mà Bồ-tát cởi châu anh lạc và đưa ngựa cho Sa-nặc đem về. Ngài chỉ chỗ Bồ-tát một mình vào rừng sâu, lại chỉ chỗ của Bồ-tát cầm dao cắt tóc, ném lên hư không, được trời Đế Thích đỡ lấy, rồi lại chỉ chỗ Bồ-tát đem áo mão trang nghiêm đưa cho thợ săn để lấy ca-sa. Ngài lại chỉ chỗ vua Tần-ba-ta-la lấy nửa giang sơn để dâng cho Bồ-tát, Tôn giả lại chỉ chỗ của Bồ-tát đến A-lan-già-la Uất-đầu-lam và lại chỉ chỗ Bồ-tát tu khổ hạnh sáu năm.

Rồi nói kệ rằng:

- Bồ-tát sáu năm tu khổ hạnh
Thân ngồi trên tro lửa gai chông
Biết đây là hạnh không phải đạo
Liền bỏ quay về tu chánh pháp.

Tôn giả chỉ chỗ của Bồ-tát thọ bát sữa của Nan-đà Bạt-nan-đà, lại chỉ chỗ của Bồ-tát hướng về cây Bồ-đề thiền định.

Những chỗ mà Tôn giả chỉ ra đó, vua đều ghi nhớ mà xây tháp tại đó. Tôn giả lại chỉ chỗ mà Ca-la Long vương khen ngợi vị Bồ-tát. Vua liền đảnh lễ dưới chân và chắp tay thưa rằng:

- Tôi nay muốn hỏi những việc mà Ca-la Long vương đã diện kiến Đức Phật.

Tôn giả liền nói với Long vương:

- Mau lại đây! Long vương! Vua muốn hỏi các việc mà trước kia ngươi đã gặp Đức Phật.

Long vương liền hiện đến bên Tôn giả, chắp tay thưa:

- Đại đức có điều gì chỉ dạy?

Tôn giả liền nói với vua:

- Đây là Ca-la Long vương, là vị mà đã dùng kệ tán thán Đức Phật.

Vua liền chắp tay nói kệ:

Người thấy chơn kim
Sắc vàng rực rỡ
Vô thượng Thế Tôn
Mặt như trăng đầy
Nay vì ta nói
Mười phần diệu lực
Vì sao đoan nghiêm
Hướng Bồ-đề thọ.

Long Vương đáp:

- Việc này trang nghiêm không thể bàn. Nay xin lược, liền nói kệ:

Phật bước chân đi
Sơn hà đại địa
Thảy đều vang lên
Lục chủng chấn động
Thân sáng Như Lai
Trùm cả nhật nguyệt
Chiếu khắp mười phương
Lợi ích khôn cùng.

Vua cho xây bảo tháp ở chỗ đó, rồi vua lại đi cùng với Tôn giả đến chỗ cây Bồ-đề. Tôn giả lấy tay chỉ và nói:

- Nơi cây Bồ-đề này, Phật đã dùng lực từ bi phá hoại chúng ma vương, thành tựu quả Vô thượng Bồ-đề.

Vua cũng cho xây tháp ở chỗ này và lấy trăm ngàn lượng vàng đem cúng dường bố thí.

Lại chỉ chỗ tứ Thiên vương cúng dường Đức Phật bốn cái bát, Như Lai thọ nhận một cái. Đây cũng là chỗ mà năm trăm khách buôn cúng thí thức ăn. Lại chỉ chỗ mà Bà-la-môn khen ngợi Đức Phật. Đối với những chỗ này vua đều cho xây tháp.

Tôn giả lại đưa vua đến rừng Cổ tiên và nói:

- Đây là chỗ mà Đức Như Lai đã chuyển pháp luân.

Vua lại đem trăm ngàn lượng vàng cho xây tháp ở tại nơi đây.

Tôn giả lại chỉ chỗ Như Lai độ một ngàn người Bà-la-môn.

Tôn giả lại chỉ chỗ vua Tần-bà-ta-la nghe pháp ngộ được Chân đế, lại chỉ chỗ của tám vạn bốn ngàn Thiên vương xa lìa trần cấu, đắc được pháp nhãn thanh tịnh, cũng là chỗ có vô lượng Bà-la-môn và hàng cư sĩ đắc quả Tu-đà-hoàn. Tôn giả cũng chỉ chỗ Đế Thích được lãnh thọ giáo pháp.

Tôn giả lại chỉ chỗ Đức Như Lai biến hóa thần thông. Lại chỉ chỗ mà Đức Như Lai lên cõi trời Đao lợi, thuyết pháp cho mẹ rồi trở xuống. Mỗi chỗ ở trên, vua đều cho xây tháp bảo. Tôn giả lại đưa vua đến thành Câu-thi-la và chỉ nói:

- Đây là chỗ khi xưa Đức Như Lai hóa duyên xong rồi nhập Niết-bàn.

Vua nghe nói thì buồn rầu áo não, ngất xỉu. Kẻ tả hữu lấy nước rửa mặt hồi lâu vua mới tỉnh dậy. Vua cho đem trăm ngàn lượng vàng để xây tháp tại đây. Sau đó vua chắp tay lễ bái dưới chân Tôn giả thưa:

- Tôi nay muốn lễ tháp của chư vị Thanh văn đệ tử của Đức Phật.

Tôn giả tán thán:

- Lành thay! Lành thay! Do đây mà vua lại càng có tâm cung kính tín hướng về Phật pháp.

Rồi Tôn giả đưa vua đến rừng Kỳ-đà và nói:

- Đại vương! Đây là tháp của Tôn giả Xá-lợi-phất. Ông nên cung kính cúng dường.

Vua hỏi:

- Vị này có hạnh đức gì?

Đáp:

- Đây là vị đại đệ tử lớn của Đức Như Lai, ngài có thể chuyển pháp luân. Đức Như Lai đã thọ ký cho vị đại đệ tử ấy là bậc Đại trí huệ bậc nhất. Ngoài Đức Phật ra thì tất cả chúng sinh không ai có được trí tuệ như ngài. Đây chỉ có thể sơ lược qua, chứ không thể nào nói hết.

Vua nghe nói thì rất hoan hỷ, liền đem trăm ngàn lượng vàng để cúng dường xây tháp. Vua hướng về tháp ngài Xá-lợi nói kệ:

Giải thoát mọi triền phược
Xưng danh khắp thế gian
Là bậc tối thượng nhất
Trong tất cả trí tuệ.

Rồi ngài lại dẫn vua đến tháp ngài Mục-kiền-liên và nói:

- Đây là tháp Tôn giả Mục-kiền-liên, ông nên cung kính cúng dường.

Vua lại hỏi:

- Vị này có đức hạnh gì?

Tôn giả đáp:

- Như Lai đã thọ ký, đây là vị đại Thần thông đệ nhất. Tôn giả có thể duỗi chân phải động đến cung Đế Thích; lại có thể hàng phục được Long vương Nan-đà Bạt-nan-đà. Vì vậy, không thể nào nói hết được công đức của ngài.

Vua lấy ra trăm nghìn lượng vàng để xây tháp cúng dường.

Lại chắp tay nói kệ:

Quy mạng Đại danh xưng
Bậc thần túc đệ nhất
Chỗ sinh lão bệnh tử
Mà đắc hạnh giải thoát.

Tôn giả chỉ vua:

- Đây là tháp ngài Ca-diếp, ông nên cung kính cúng dường.

Vua hỏi:

- Vị này có công đức gì?

Tôn giả đáp:

- Vị này tu hạnh Đầu-đà thiểu dục trí túc. Ngày trước Như Lai chia nửa tòa để cho ngài cùng ngồi. Phật cởi y trao cho Tôn giả Ca-diếp, vì thương cảm Tôn giả tu hành khổ hạnh hộ trì giáo pháp của Phật. Ở đây chỉ nói lược chứ không thể nói hết.

Vua cũng lấy trăm ngàn lượng vàng cho xây tháp và nói kệ:

Ở trong hang núi
Trừ bỏ đấu tranh
Không còn sân giận
Thường tu thiền định
Thiểu dục trí túc
Công đức tối thượng
Ta nay đảnh lễ
Đem tâm quy mạng.

Tôn giả lại chỉ chỗ tháp của vua Ba-câu-la.

Vua hỏi:

- Vị này có công hạnh gì?

Đáp:

- Như Lai thọ ký không bị bệnh suy, là người thiểu dục đệ nhất, chưa từng dạy người dù một bài kệ bốn câu.

Vua sai người lấy một đồng tiền vàng để cúng dường xây tháp. Quan phụ tướng tâu vua:

- Cũng đồng là tháp của bậc Đại đức La-hán. Vì sao vị này chỉ có một đồng cúng dường xây tháp.

Vua đáp:

- Vị này chỉ tu để độ mình mà không độ người, cho nên chỉ đem một đồng để cúng dường.

Khi ấy thần giữ tháp hiện lên hoàn trả lại tiền cho vua. Quan phụ tướng lại nói:

- Thật là thiểu dục, nhẫn đến một đồng còn không nhận.

Tôn giả lại dẫn vua đến tháp A-nan, vua nên cúng dường. Vua hỏi:

- Vị này có công đức gì?

Đáp:

- Như Lai đã thọ ký vị này là bậc Tổng trì đệ nhất, bậc Đa văn

trí tuệ như biển, ghi nhớ chấp trì giáo pháp của Phật, đem nghĩa lý vi diệu tuyên nói lại cho khắp cõi trời người cúng dường. A-nan cũng có thể thấu rõ tâm ý của Đức Phật cùng tất cả công đức thiện xảo của các pháp.

Vua nghe lời này thì rất vui mừng, lấy một ức lượng vàng để bố thí cúng dường xây tháp. Đại thần hỏi:

- Tại sao các tháp được cúng dường, mà tháp này lại tối thắng hơn cả?

Vua đáp:

- Vì đây là bậc tổng trì pháp thân của Đức Phật khiến cho ngọn đèn pháp đến nay vẫn chưa bị hủy diệt. Công lực của Tôn giả cũng như trân châu không nhận nước biển. Còn trí tuệ của Đức Phật thì A-nan đều lãnh thọ. Vì nhân duyên đó mà trong các tháp cúng dường tháp này là hơn cả.

Vua đã cúng dường tháp của chư đại đệ tử xong thì rất vui mừng đảnh lễ Tôn giả, rồi chấp tay cung kính nói kệ:

Trải qua ngàn năm
Mới được làm người
Tôi nay đã được
Lãnh thọ thân này
Thật là phước điền
Đầy đủ nhân duyên
Xả mọi ác tái
Mà tu pháp đạo
Tạo tháp khắp nơi
Trang nghiêm Phù-đề
Dụ như mây trắng
Che cả hư không
Nay gặp Phật pháp
Thanh tịnh vô biên.

Nói kệ xong, rồi kính lễ trở về. Vua A-thứ-già cho xây tháp nơi Phật đản sinh tại gốc cây Bồ-đề. Cho xây tháp nơi Phật chuyển pháp luân, nơi Phật nhập Niết-bàn. Mỗi nơi đều cúng dường trăm ngàn lượng vàng. Riêng tháp nơi cây Bồ-đề thì lòng tôn trọng hơn hết. Vì sao? Vì Phật ở chỗ này tu hành Chánh giác. Từ đó về sau, đạo pháp được lưu chuyển khắp nơi. Vua thường đem trân báu đến cúng dường nơi tháp Bồ-đề này. Vị Đệ nhất phu nhân của vua là Đế-thất-la-xoa suy nghĩ: “Vua đem bảo vật cúng dường cho tháp Bồ-đề quả là ít thấy.” Bà liền

cho gọi Chiên-đà-la Ma-đăng-già đến nói:

- Ngươi có thể hủy hoại cây này được không?

Đáp:

- Nếu cho tôi tiền thì tôi làm được.

Bà liền cho tiền người kia. Ma-đăng-già vì tâm ý không thấu triệt, bèn đến cây Bồ-đề đọc chú thuật làm cho cây khô héo dần. Người giữ cây vào thưa với vua là cây Bồ-đề nay đã khô héo, lại nói kệ:

Như Lai tại chốn này
Giác ngộ khắp thế gian
Đều đắc đạo Bồ-đề
Chứng thành nhất thiết trí
Nay cây sắp bị hoại
Lần hồi muốn héo khô.

Vua nghe lời này thì tâm sầu não, ngã quỵ xuống đất, kẻ tử sĩ lấy nước rửa mặt hồi lâu vua mới tỉnh dậy. Vua lại khóc lóc than rằng:

- Ta nay thấy cây thọ vương này cũng như được thấy Đức Phật. Nay cây mà bị hủy hoại thì ta tất sẽ chết.

Đề-xá-la-xoa liền bạch với vua:

- Cây Bồ-đề tuy đã chết, thì vẫn còn có thiếp đây vui vẻ cùng đại vương.

Vua nói:

- Bồ-đề là cây chứ chẳng phải nữ nhân. Đó là chỗ Đức Phật đắc đạo quả Vô thượng.

Đề-xá-la-xoa nghe lời này thì tâm kinh sợ hối hận, bèn nói lại với Ma-đăng-già rằng:

- Ngươi có thể làm cho cây xanh trở lại như cũ không?

Đáp rằng:

- Nếu cây chưa khô hết, còn một ít sinh khí thì có thể xanh lại.

Sau đó thì giải chú cho cây, rồi lấy nước tưới vào. Chẳng bao lâu cây xanh tốt như cũ. Người giữ cửa lại đến thưa với vua là cây đã xanh lại. Vua nghe nói thì hết sức vui mừng, liền đi đến chỗ cây xem xét và nói:

- Vua Tần-bà-ta-la không có chỗ nào mà không làm. Còn ta, ngày nay làm được hai việc. Một là tạo ngàn cái bình bằng báu vật đựng đầy hương hoa để cúng dường tưới cây Bồ-đề; hai là thiết đại hội trai đàn thật trang nghiêm vĩ đại.

Vua cho đem các loại kim ngân, lưu ly làm thành ngàn cái bình báu đựng đầy nước hương để tưới cây. Vua tự tắm rửa sạch sẽ, mặc y

phục mới, thọ trì tám ngày trai giới. Sau đó vua đứng trên lầu quán xét khắp bốn phương, khấn nguyện:

- Xin chư vị chúng Thanh văn đệ tử của Phật, tu hành chánh kiến, các căn an định, diệt hết mọi tham dục kiết phược. Trời, người, A-tu-la đều cúng dường, nguyện xin rũ lòng lân mẫn, thọ trì lời thỉnh cầu của con, cùng vui trong pháp thiền định, trí huệ giải thoát cùng chư vị chúng tăng tối thắng. Ở trong pháp thiện thệ mà thường nhận lời thỉnh cầu của con, nơi nước Kế tân ngày đêm đều vô úy. Chư vị Thánh giả cũng thùy từ nhận lời lãnh thọ của con. Đấng A-nậu ở những nơi sông núi hang đá, từ các chốn hương sơn, xin từ mẫn nhận lời thọ thỉnh của con.

Vua thỉnh cầu như thế xong. Ở khắp bốn phương, có ba mươi vạn vị Tăng cùng đến. Mười vạn Tăng là A-la-hán. Hai mươi vạn là các bậc Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm và các bậc phàm phu thanh tịnh đều cùng đến an tọa. Duy có chỗ ngồi trên thượng tọa thì không ai dám ngồi. Vua hỏi chư vị Thượng tọa:

- Vì sao chỗ này để trống?

Đáp rằng:

- Vị Thượng tọa sẽ ngồi vào đây?

Vua hỏi:

- Vị Thượng tọa đó lớn hơn quý vị nữa sao?

Da-xá đáp:

- Xưa Phật có thọ ký cho một vị Sư tử hống tối ưu đệ nhất tên là Đầu-lô-bạt-la Đậu-bà-la. Vị này rất tôn trọng trong Phật pháp.

Vua nghe nói thì các lỗ chân lông đều dựng đứng lên như hoa Già-đàm. Vua lại hỏi:

- Có vị nào thấy Phật không?

Da-xá đáp:

- Có Tân-đầu-lô A-la-hán thấy Phật lúc đương thời.

Vua hỏi:

- Nay có thể gặp vị ấy được không?

Đáp:

- Được. Rồi vua sẽ thấy.

Vua rất vui mừng nói:

- Tôi quả thật được nhiều lợi ích. Nay xin lân mẫn cho tôi thấy được vị Tân-đầu-lô.

Nói xong thì vua chắp tay chiêm ngưỡng đứng đợi. Vừa lúc đó thấy vị Tân-đầu-lô hình như nửa mặt trăng, lại giống như nga vương, cùng vô số bậc A-la-hán, từ trên không trung đi xuống ngồi trên tòa cao.

Ba mươi vạn chúng đều sinh lòng cung kính. Vua thấy vị Tân-đầu-lô tóc trắng, lông mày thanh tú, thân tướng hảo như Bích-chi-phật, bèn năm vóc lễ lạy xuống đất, nói kệ rằng:

Như Lai tuy diệt độ
Tôn giả bổ xứ sinh
Ai mẫn thùy giáo thọ
Con nay tùy thuận theo.

Nói xong, bèn hỏi Tôn giả rằng:

- Ngài có thấy Đức Như Lai không?

Đáp:

- Ta có thấy, sắc Phật như vàng rồng, mặt như trăng đầy, có ba mươi hai tướng trang nghiêm nơi thân. Tiếng phạm âm thâm diệu, lòng đại bi soi khắp đất trời.

Vua lại hỏi:

- Ngài thấy Đức Phật ở chỗ nào?

Tôn giả đáp:

- Đức Phật cùng năm trăm vị A-la-hán, tại thành Vương xá kiết hạ an cư. Ta ở trong đó thấy đầy đủ phước điền. Phật ở tại thành Xá-vệ hiện thần thông hàng phục các ngoại đạo, những người ấy rồi được Đức Phật hóa độ mà lần lượt tu đạo giải thoát, ta cũng ở trong đó. Khi Đức Phật lên cung trời Đao lợi thuyết pháp độ mẹ, chư Thiên đều vây quanh. Khi Phật trở xuống ta cũng ở trong đó. Khi Phật đến ao Tăng-già-thi-sa, ta cũng ở tại đó. Khi Tỳ-kheo-ni Liên Hoa Sắc Chuyển luân Thánh vương ta cũng có mặt. Khi Tô-ma-già-đề ở thành Mãn phú thỉnh Đức Phật, có năm trăm vị La-hán hiện thần thông bay đến thành Mãn phú. Khi ấy ta đang hóa đạo ở núi Báo. Từ trong hang báu đi đến thành Mãn phú. Khi Đức Phật đi khất thực ở thành Vương xá, ngươi đem đất đến cúng dường, còn La-đề-cúc-đa chấp tay tùy hỷ. Khi Đức Phật thọ ký cho ngươi ta cũng có thấy.

Vua lại hỏi Tôn giả:

- Gần đây Đức Phật ở đâu?

Tôn giả đáp:

- Ngài ở tại núi Hương sơn.

Lại hỏi rằng:

- Thế thì đại chúng có bao nhiêu?

Đáp:

- Sáu vạn người. Này Đại vương! Còn bao nhiêu câu hỏi hãy đợi chúng Tăng thọ thực xong ta sẽ trả lời đầy đủ, đến giờ chúng Tăng thọ

thực rồi.

Vua nói:

- Xin vâng lời Tôn giả dạy. Tôi trước đây phát tâm luôn nghĩ đến Đức Phật. Vậy nên tưới cây Bồ-đề trước rồi sau hãy thọ thực.

Vua liền gọi Duy-na Tát-bà-mật-đa lại nói rằng:

- Ta đem mười vạn lượng vàng để cúng dường chúng Tăng và lấy ngàn bình báu đựng đầy hương để tưới cây Bồ-đề. Có thể đánh kiền chùy xưng ta là Đàn-việt làm trai đàn cúng dường chư Thánh chúng.

Lúc này vương tử Câu-na-la đứng đối diện mà không nói gì, chỉ đưa tay lên ngụ ý nói: "Tôi sẽ cúng gấp bội." Mọi người trông thấy đều cười. Vua cũng cười, nói với La-đề-cúc-đa:

- Ông thấy thế nào?

Đáp:

- Chúng sinh quá tham lam làm phước.

Vua bảo:

- Tôi sẽ đem ba mươi lượng vàng cúng dường chúng Tăng. Dùng ba mươi sáu ngàn bình báu đựng đầy nước hương hoa để tưới cây Bồ-đề.

Bấy giờ Câu-na-la lại đưa lên bốn ngón tay. Vua nói với La-đề-cúc-đa:

- Có ai cùng ta cạnh tranh?

La-đề-cúc-đa quỳ xuống thưa:

- Ai có thể dám cạnh tranh cùng nhà vua. Vương tử chỉ nói đùa thôi.

Lúc này, vua quay qua thấy Câu-na-la thì thưa với Thượng tọa:

- Tôi đem cả kho tàng, cùng tất cả cung nhân trong cung, các quan phụ tướng, cùng vương tử Câu-na-la và cả thân tôi đều cúng dường chúng tăng. Xin ghi tên tôi lên bảng công đức.

Bố thí xong rồi, chư Tăng cùng chú nguyện. Thọ chú nguyện xong ở nơi gốc cây Bồ-đề, bốn bên đều có phân cách ra, vua đứng ở trên cao lấy bốn ngàn bình báu đựng đầy hương hoa để tưới cây. Tưới cây xong, lại thiết trai cúng dường cho đại chúng.

Thượng tọa Da-xá nói:

- Vua gặp được thắng phước điền, chớ sinh lòng ưu não.

Vua tự mình đi chia thức ăn cho các vị Sa-di. Lúc bấy giờ có hai vị Sa-di nhỏ tuổi đang hành trì rất kính cẩn. Vị này đem cơm cúng dường vị kia. Vị kia lại lấy phần cơm cúng lại cho vị này, lại lấy bánh cúng dường cho nhau. Cả hai cùng hoan hỷ cúng và cúng dường qua lại. Vua

thấy thế thì cười mà nói rằng:

- Các vị tuổi trẻ thích vui chơi nhỉ?

Khi vua đưa thức ăn đến chỗ Thượng tọa. Thượng tọa hỏi:

- Vua thấy việc mất oai nghi, có sinh tâm hiềm tỵ không?

Vua nói:

- Không có, chỉ có hai vị Sa-di trẻ tuổi, vui đùa như trẻ con.

Thượng tọa nói:

- Đại vương! Xin chớ có hiềm tỵ. Hai vị Sa-di này đã giải thoát chứng quả A-la-hán rồi.

Vua nghe nói thì càng hoan hỷ, nghĩ rằng: "Ta nay nên cúng dường cho hai vị Sa-di này mỗi vị một tấm lụa dài."

Hai vị Sa-di biết được tâm niệm của vua liền nghĩ: "Nay phải làm cho vua càng phát lòng kính tin."

Thế là một vị đem một cái chảo ra, vị kia đem thuốc nhuộm. Vua trông thấy liền hỏi:

- Hai vị định làm việc gì?

Đáp:

- Muốn nhuộm vải. Vì biết Vua cúng cho chúng tôi một tấm lụa dài.

Vua nghe nói vậy liền nghĩ: "Hai vị Sa-di này đã biết được tâm niệm của ta." Lúc này vua càng hoan hỷ, năm vóc lễ lạy xuống chân Sa-di, sau đó rồi đứng dậy, chắp tay thưa:

- Quyến thuộc chúng con hôm nay thật đại lợi nên gặp được đại phước điền. Chúng con xin đem hết sức để cúng dường.

Rồi vua nói với hai vị Sa-di:

- Nay vì chúng Tăng xin cúng mỗi vị ba y.

Sau đó vua lại thiết đại hội, đem bốn vạn lượng vàng, cùng thân mình Quốc độ, chư quần thần, cung nhân và vương tử Câu-na-la để cúng dường chúng Tăng, cúng dường xong rồi thì trở về cung.

Vua A-thứ-già lòng kính tin đã đầy đủ, khởi tâm xây tám vạn bốn ngàn tháp báu cùng thiết lễ cúng dường xong. Nhân dân khắp cả cõi Diêm-phù-đề đều kính tin và hướng về Phật pháp.

BỔN DUYÊN VỀ NGƯỜI EM CỦA VUA A-THỨ-GIÀ

Em của vua A-thứ-già là Túc Đại Sĩ, tin theo ngoại đạo chê bai Phật pháp, ông thường nói rằng:

- Những người xuất gia làm Sa-môn đều không được giải thoát.

Lúc đó A-thứ-già nói với Túc Đại Sĩ:

- Làm sao ngươi biết?

Đáp:

- Các Sa-môn không tu khổ hạnh mà chỉ thích đắm trước lạc thú, vui chơi.

A-thứ-già liền bảo:

- Những điều đáng tin thì ngươi lại không chịu tin. Còn điều không đáng tin thì lại tin. Đối với Phật, Pháp, Tăng phải sinh lòng chánh tin mới phải.

Một lần vua cùng đi săn bắn với Túc Đại Sĩ. Thấy một vị Bà-la-môn nướng thân mình trên ngọn lửa. Túc Đại Sĩ sinh tâm kính tin, mới đến bên lễ lạy thưa rằng:

- Đại sĩ tu khổ hạnh này đã được bao lâu?

Vị kia đáp:

- Đã mười hai năm.

Hỏi:

- Việc ăn uống như thế nào?

Đáp:

- Tôi chỉ ăn rễ và trái cây.

Hỏi:

- Mặc những gì?

Đáp:

- Mặc áo cỏ.

Hỏi:

- Thế thì Lấy gì để nằm ngồi?

Đáp:

- Trải chiếu cỏ để ngồi.

Lại hỏi:

- Ngài vì cớ gì lại tu pháp khổ hạnh này?

Đáp:

- Tôi vì thấy các loại côn trùng cùng muôn thú thì sinh tâm sát hại rất mạnh, cho nên mới tu pháp khổ hạnh này.

Túc Đại Sĩ nói:

- Ông mặt áo xấu, ăn ở cực khổ mà vẫn sinh tham dục. Huống chi các vị Sa-môn thích mặc y phục tốt đẹp, ăn ngon thì sao lại có thể đoạn dục? Anh của tôi là vua A-thứ-già, quả thật không biết phân biệt, bị bọn Sa-môn lừa dối.

A-thứ-già nghe người em nói vậy liền bảo với quan phụ tướng:

- Phải tìm cách để cho Túc Đại Sĩ sinh lòng tín giải.

Quan phụ tướng thưa:

- Xin vua cứ ra lệnh.

Vua liền cởi mũ và châu báu anh lạc, y phục ra để đi tắm.

Quan phụ tướng bảo với Túc Đại Sĩ:

- Vua nếu mất thì Ngài sẽ thay thế. Nay thử đội mũ, mặc y phục vua vào và các châu báu anh lạc xem có đẹp không?

Túc Đại Sĩ nghe lời mặc y phục của vua vào rồi lên ngai vàng của vua mà ngồi. Vua tắm xong ra thấy vậy thì nói:

- Ta còn chưa chết mà ngươi đã muốn làm vua.

Liền kêu to lên:

- Có ai ở đây không?

Bấy giờ có Chân-đà-la chạy ra, một tay cầm kiếm, một tay cầm linh đến bên vua thưa:

- Ngài ra lệnh gì?

Vua truyền lệnh:

- Ta và Túc Đại Sĩ không còn tình nghĩa gì nữa. Các ngươi hãy mau trị tội cho ta.

Quan phụ tướng tâu:

- Túc Đại Sĩ là em của ngài, xin cho được sám hối sửa đổi.

Vua nói:

- Theo lời xin của ngươi, ta cho làm vua trong bảy ngày, rồi sau hãy giết. Trong bảy ngày đó cho trăm ngàn loại kỷ nhạc, trăm ngàn vị Bà-la-môn chắp tay xưng tụng, trăm ngàn kỹ nữ vây quanh hầu hạ. Sẽ có bốn Chân-đà-la, tay cầm hung khí, mặt hầm hầm sát khí, đứng trong bốn cửa cất tiếng lớn rằng: "Một ngày đã qua, chỉ còn sáu ngày nữa, sẽ mổ xẻ thân ngươi ra từng phần. Ngày đoạn tuyệt mạng ngươi sẽ không còn bao lâu nữa."

Một ngày cho đến bảy ngày đều xướng lên như thế. Qua bảy ngày thì đem Túc Đại Sĩ ra, vua hỏi:

- Trong bảy ngày qua ngươi có được vui vẻ không?

Đáp:

- Tôi trong bảy ngày mắt không thấy sắc, tai khônh nghe tiếng,

mũi không ngửi mùi vị. Vì sao? Vì thấy bọn Chân-đà-la tay cầm kiếm xướng lên: “Ngươi đã một ngày làm vua, chỉ còn sáu ngày nữa.” Ngày ngày đều nghe như thế. Trong suốt bảy ngày đó lửa sinh tử luôn bức bách bên mình, cứ lo sợ đêm ngày không ngủ được thì lấy gì làm vui.

Vua nói:

- Ngươi vì sợ thân mình chết mà không thấy ngôi vị là vui thích. Huống chi các vị Sa-môn Thích tử, luôn quán xét sự khổ ưu bi của sinh lão bệnh tử. Cái khổ của cảnh địa ngục thiêu đốt, cái khổ về sự bị tàn hại khủng bố của loài súc sinh. Cái khổ đói khát của ngạ quỷ. Người có nhiều phước lạc mà còn phải chịu tám khổ bức bách nơi thân, huống chi là người không có phước. Chư Thiên tuy được hưởng thọ lạc thú mà khi năm tướng suy hiện ra cũng phải chịu khổ. Tất cả loài người trong tam giới luôn bị khổ về thân, về tâm bức bách. Năm ấm như bọn Chân-đà-la, sáu tình như tụ giữa hư không. Năm trần như oán tặc. Tam giới đều là lửa vô thường thiêu đốt. Tất cả sự vô thường khổ không ấy chính là ta. Như thế, thì tại sao cho là các bậc Sa-môn Thích tử không tu khổ hạnh thì không giải thoát. Chí nguyện của Sa-môn, dù ở trong cảnh vui thú mà vẫn không bị ô nhiễm. Thí như hoa sen tuy ở trong bùn mà vẫn không bị bùn làm cho ô nhiễm. Sự chán ghét của cái hoạn sinh tử ở thế gian cũng như thế. Làm sao lại không đạt được quả giải thoát.

Vua dùng đủ phương tiện để giải bày cho Túc Đại Sĩ. Túc Đại Sĩ nghe xong liền chắp tay thưa:

- Đại Vương! Tôi nay muốn quy y Tam bảo.

Vua A-thứ-già liền ôm lấy cổ em nói:

- Ta vì muốn em tin Phật pháp cho nên mới bày ra cách này, chứ nào muốn giết em.

Túc Đại Sĩ đem hương hoa đến cúng dường tháp Phật, cầu xin nghe pháp, cúng dường cho chúng tăng. Sau đó đến chùa Kê-đầu-ma của Thượng tọa Da-xá ngồi trước pháp tòa để nghe thuyết pháp. Khi ấy thượng tọa Da-xá quán thấy Túc Đại Sĩ đã trồng thiện căn nhiều đời, nay đã đến lúc thuần thục, hiện thân để nhập Niết-bàn. Thế là Thượng tọa tán thán về pháp xuất gia. Túc Đại Sĩ nghe xong thì rất vui mừng, muốn cầu xin xuất gia liền đứng dậy thưa:

- Xin Tôn giả cho tôi ở trong Phật pháp, hôm nay muốn được xuất gia học đạo.

Tôn giả hỏi:

- Vương tử nên về thưa lại với Vua trước.

Túc Đại Sĩ về tâu với vua:

- Đại Vương! Xin cho tôi được xuất gia. Tôi lâu nay là kẻ cuồng si như voi ác không có câu móc kìm giữ. Vua dùng phương tiện dẫn dắt cho tôi được trở lại thuần lương chơn thiện. Vậy xin thương xót cho tôi được xuất gia tu đạo giải thoát.

Vua nghe nói thì ôm lấy em mà rơi lệ nói rằng:

- Chớ nên phát ý tưởng như vậy. Vì sao? Vì xuất gia là lãnh nhận các pháp xú lậu. Mặc y vải thô xấu, ăn thức ăn của người ta bỏ ra, ngủ thì dưới gốc cây, nằm ngồi thì cũng trên cây cỏ, bệnh thì uống thuốc bằng lá cây. Em nay từ nhỏ đã quen sống sung sướng, không kham nổi việc đói khát nóng lạnh đâu. Em nên từ bỏ ý định này đi.

Túc Đại Sĩ nói:

- Tôi nay không ham thích ngôi vị, cũng không thích sự hưởng lạc của cõi trời, cũng không vì các khổ não bức bách, cũng không tham tiền tài trân bảo, cũng không lo sợ kẻ oán địch mà xuất gia. Duy chỉ vì sợ các khổ sinh tử lão bệnh mà cầu xuất gia.

Vua nghe lời này liền khóc lớn lên. Túc Đại Sĩ nói:

- Đại Vương đừng khóc. Việc sinh tử mãi mãi lưu chuyển không ngừng, có hợp tất có chia lìa, thì có gì phải khóc lóc.

Vua nói:

- Em nay phải thử việc đi khất thực đã, cũng như việc tọa thiền dưới gốc cây, ngủ trên cỏ.

Thế rồi vua đưa bình bát tích trượng cho em và bảo vào cung khất thực.

Bọn cung nhân thấy vậy đều đem các món ăn ngon ra cúng dường. Vua trách:

- Tại sao các ngươi chỉ cúng các thức ăn ngon thế này. Phải đem các thức dư thừa, bình thường mà đem cúng thí cho vương tử.

Túc Đại Sĩ thọ nhận các món ăn dở xấu mà cũng không hề chê trách. Vua thấy vậy thì nói:

- Nay cho em xuất gia. Sau khi xuất gia phải về đây thăm ta.

Túc Đại Sĩ được vua cho phép liền nghĩ: "Nếu ta đến chùa Kê-đầu-ma xuất gia, thì nơi đây huyên náo sẽ gây chướng ngại."

Thế là Túc Đại Sĩ đi đến một nơi cách xa Vương thành xin xuất gia học đạo. Ngài chuyên tâm tu tập nên chẳng bao lâu đắc quả A-la-hán.

Ngài lại suy nghĩ: "Ngày trước vua A-dục cùng ta có lời giao kết: Nếu ta xuất gia phải về thăm vua."

Túc Đại Sĩ liền đắp y trì bát đi về thành Hoa thị khất thực. Lần

đến trước cung vua, nói với người giữ cửa:

- Túc Đại Sĩ muốn ra mắt vua.

Người giữ cửa liền vào tâu với vua:

- Túc Đại Sĩ đang ở ngoài cửa muốn vào ra mắt vua.

Vua nghe vậy liền cho vào. Vừa thấy mặt em liền bước xuống tòa, năm vóc làm lễ sát đất, rồi đứng dậy chắp tay nhìn Đại Sĩ, rơi lệ nói rằng:

Tất cả loài sinh chủng
Gặp nhau đều hoan hỷ
Ta nay trông thấy em
Không cảm tình thân ái
Người chắc chứng thắng quả
Cam lồ trải đầy thân.

La-đề-cúc-đề trông thấy Túc Đại Sĩ mặc y phấn tảo, chấp trì bình bát đi khất thực, ngon dở đều thọ nhận, thì cũng hướng về mà nói kệ:

Quán Túc Đại Sĩ
Thiểu dục tri túc
Việc làm đã xong
Cho nên hoan hỷ
Bỏ ngôi vị vua
Cùng thành Hoa thị
Trân bảo kho tàng
Vinh quang lộc phước
Như bỏ nước bọt
Vào hàng Thánh chủng
Đoạn trừ kết sử
Đầy đủ nhân duyên
Được đại danh xưng
Ai cũng khen ngợi.

Khi đó vua A-thứ-già đỡ Túc Đại Sĩ lên ngồi trên tòa rồi bày những thức ăn ngon tự tay cúng dường Tôn giả. Ăn xong thì dâng nước uống thanh tịnh. Xong vua lấy tòa nhỏ đặt trước mặt Tôn giả mà cầu nghe thuyết pháp. Túc Đại Sĩ liền nói kệ:

Vương vị cao quý chớ buông lung
Tam bảo khó gặp nên cúng dường.

Thuyết kệ xong liền đứng dậy khỏi tòa đi ra. vua cùng năm trăm quần thần và nhân dân trong thành vây quanh cung kính tiễn đưa ra tới cổng. Ai cũng muốn được trông thấy Tôn giả thị hiện chứng quả

Sa-môn. Túc Đại Sĩ suy tư: “Anh ta ngày trước đã dùng nhiều phương tiện để khuyến hóa ta quay về Phật pháp. Nay phải khiến cho người tăng thêm lòng kính tin”. Tôn giả liền bay lên hư không biến hóa khôn lường. A-dục vương cùng các quần thần chắp tay nói kệ:

Đoạn trừ mọi tình thâm
Như chim bay không về
Ta ở ngôi vị vua
Lãnh thọ muôn việc đời
Vì hiềm trách lòng này
Mà tự tìm giải thoát
Phước báo như thế này
Do tâm được tự tại
Quả báo tu thiền định
Kẻ ngu lầm không thấy
Người nay phi thân đi
Phá lòng kiêu mạn ta
Ta trí lực tuy nhỏ
Cũng khởi niệm xa lìa.

Thế là Túc Đại Sĩ đi về cõi biên địa tịnh tu. Đi đến nước khác thì bị bệnh nặng, đầu tóc đều rụng hết.

Vua nghe Tôn giả bị bệnh thì sai thầy thuốc mang lương dược đến chữa trị. Bệnh có hết chút ít rồi sau lại phát sinh như cũ. Vua lại phái thầy thuốc đến nữa. Về sau Túc Đại Sĩ nhân uống sữa mà thân thể dần mạnh khỏe trở lại. Rồi vào trong núi hoang vắng tu tập.

Lúc này có Phất-na-bàn-đặc là đệ tử của Ni-kiền Đà. Vẽ hình tượng Phật làm hình Ni-kiền Đà để lễ bái. Hàng phật tử Ưu-bà-tắc đem việc này tâu lên vua A-thứ-già rằng:

- Đệ tử ngoại đạo của Ni-kiền Tử tự họa hình phật làm hình Ni-kiền-tử để cho ngoại đạo lễ bái.

Vua nghe nói thì giận dữ ra lệnh bắt hết bọn Ni-kiền Tử trong khoảng chu vi bốn mươi dặm.

Trong một ngày mà giết hết tám vạn bốn ngàn bọn Ni-kiền Tử.

Tại thành Hoa thị cũng có bọn Ni-kiền Tử họa hình Phật làm hình Ni-kiền Tử để lễ lạy. Cũng có Ưu-bà-tắc tâu với vua. Vua nổi giận cho bắt hết bọn Ni-kiền Tử và quyến thuộc cho vào lửa thiêu.

Lại đánh trống ra lệnh nếu ai bắt được Ni-kiền Tử thì thưởng tiền.

Khi đó, Túc Đại Sĩ đến chỗ Ni-kiền Tử tá túc qua đêm. Vì vừa

bệnh xong nên áo quần dơ xấu tóc tai dài lượt thượt, hình hài rất giống Ni-kiền Tử. Có một ác quỷ cầm dao bước đến đứng trước mặt.

Túc Đại Sĩ liền nghĩ: "Ta nay do túc duyên nhiều đời, nên trả báo bị quỷ sát hại."

Quỷ vì cho đây là Ni-kiền Tử liền chém đầu, đem đến vua để cầu lãnh thưởng.

Vua nhìn thấy biết là Túc Đại Sĩ, lại nghe nói Sa-môn bị hại lầm rất nhiều. Nên đau đớn muộn phiền té xỉu xuống đất. Khi vua tỉnh dậy, quan phụ tướng liền thưa:

- Nay chư Sa-môn bị lạm sát rất nhiều. Vua nên ban chiếu thi ân để dân chúng yên ổn không lo sợ.

Vua liền ra lệnh:

- Từ nay về sau cấm không được giết hại Sa-môn.

Chư Tỳ-kheo lòng đầy nghi hoặc mới bạch Tôn giả Ưu-ba-cúc-đa:

- Vì nhân duyên gì mà Túc Đại Sĩ bị quỷ sát hại?

Đáp:

- Các ông nên lắng nghe đây: Về đời quá khứ có một người thợ săn đặt bẫy ở bên dòng sông. Có một Bích-chi-phật khất thực đi ngang qua đây. Đến bên chỗ đặt bẫy dưới gốc mà ngồi. Người thợ săn không thể bẫy được con này mới nghĩ không hiểu vì sao hôm nay sao không có con thú nào đến. Liền đi đến xem thì thấy vị Bích-chi-phật ngồi đó, thì tức giận lấy dao chém chết. Người thợ săn nay chính là Túc Đại Sĩ. Vì do túc nghiệp giết vị Bích-chi-phật nên bị đọa vào địa ngục. Trải qua vô lượng kiếp chịu nhiều khổ não. Cho đến ngày đắc đạo còn phải trả báo bị quỷ chém chết.

Vị Tỳ-kheo lại hỏi:

- Còn nhân duyên gì mà được sinh ra vào nhà quý tộc, tu hành đắc đạo A-la-hán.

Đáp:

- Vào đời quá khứ vào thời Đức Phật Ca-diếp, vị ấy thường cúng dường chúng Tăng. Do phước báo này mà sinh vào nhà quý tộc. Khi ấy lại phát tâm xuất gia, trải qua một vạn năm tu hành khổ hạnh. Do thiện nhân đó mà đắc quả A-la-hán.

■

TRUYỆN A-DỤC VƯƠNG

BỔN DUYÊN VỀ CÂU-NA-LA

QUYỂN 3

Phu nhân của vua A-thứ-già tên là Liên Hoa, hạ sinh một hoàng tử tên là Pháp Tăng. Quan phụ tướng bạch vua rằng:

- Vua nên vui mừng, vì sao? Vua đã có một hoàng tử diện mạo khôi ngô, đoan chánh, lại có đôi mắt rất xinh đẹp tối diệu.

Vua nghe nói thì rất đỗi vui mừng mà nói rằng:

- Hậu tự của tiên nhân đều có đại danh xưng. Ta nay được tăng trưởng đạo pháp mới sinh được đứa con này.

Rồi vua đặt tên cho con là Tăng Pháp. Người nhũ mẫu bế đứa bé đến chỗ vua. Vua trông thấy con lòng càng yêu mến, liền nói kệ:

Đôi mắt này tối thắng
Vì có nhiều phước đức
Như sinh vào Liên Hoa
Trang nghiêm trên vẻ mặt
Cũng như mặt trăng đầy
Người thấy đều hoan hỷ.

Nói kệ xong, vua quay qua hỏi quan phụ tướng:

- Có thấy ai có đôi mắt như hoàng tử của ta không?

Quan phụ tướng đáp:

- Ở loài người thì chưa từng thấy, duy chỉ nghe trên núi Tuyết sơn có chim tên Câu-na-la, có đôi mắt rất đẹp.

Vua liền gọi Dạ-xoa đến:

- Người đến ngay núi Tuyết bắt chim Câu-na-la về cho ta. Ta muốn được nhìn thấy tận mắt.

Dạ-xoa theo lệnh vua đi đến núi tuyết, chỉ trong khoảnh khắc là bắt được chim Câu-na-la và bắt về cho vua.

Vua thấy chim mắt nhỏ mà lại đẹp, giống như mắt hoàng tử. Do đó mà đặt tên cho con là Câu-na-la. Tên này được lưu bố rộng rãi, mọi

người đều biết đến. Từ đó lấy hiệu là Câu-na-la. Sau này vương tử Câu-na-la lớn lên có vợ tên là Chơn-kim-man. Khi ấy, vua cùng với hoàng tử đi đến chùa Kê-đầu-ma, vị Thượng tọa ở đó quán thấy Câu-na-la không bao lâu nữa sẽ bị mất đôi mắt. Thượng tọa nói với vua:

- Sao không bảo hoàng tử Câu-na-la phải thường đến đây để nghe pháp.

Vua bảo hoàng tử:

- Con phải tùy thuận theo lời Hòa thượng dạy.

Câu-na-la chắp tay thưa:

- Ngài có điều gì chỉ dạy con nguyện nghe theo.

Thượng tọa nói:

- Mắt là vật vô thường, ta không thể nương cậy suốt đời. Ngươi nên phát nguyện tu theo Giới Định Tuệ.

Câu-na-la nghe theo lời dạy của Hòa thượng, trở về cung tìm chỗ tự tư duy. Quán mắt là khổ không vô thường, khổ không vô ngã.

Lúc này bà Đệ nhất phu nhân của vua A-dục là Đế-thất-la-xoa nhìn thấy Câu-na-la ngồi một mình. Bà cảm thấy yêu mến cặp mắt của vương tử, bèn tới ôm lấy Câu-na-la và nói:

- Lửa dữ đang thiêu đốt cả núi rừng hoang dã, lòng dâm dục cũng bức bách ta như thế. Ngươi nay hãy cùng với ta chung vui lạc thú nơi đây.

Câu-na-la nghe lời này thì lấy hai tay bịt tai lại nói rằng:

Đây là lời bất thiện
Bịt tai không muốn nghe
Người là bậc làm mẹ
Sao cùng con vô luân
Tâm phi pháp không đoạn
Cửa ác càng vào sâu.
Đế-thất-la-xoa nổi giận:

- Người không đồng ý thì chẳng bao lâu nữa ta sẽ giết ngươi.

Câu-na-la lại nói kệ tiếp:

Chết mà giữ pháp tịnh
Không thuận ý tà tâm
Phá hoại đạo thiên nhân
Thánh hiền đều quở trách.

Đế-thất-la-xoa từ đó về sau thường tìm lỗi của Câu-na-la.

Lúc này ở phía Bắc có nước tên là Kiền-đà-la. Thành nước này là Xoa-thi-la. Nhân dân trong thành đó tạo phản nghịch không phục vương

triều của vua A-dục. Vua A-dục muốn tự mình đi thảo phạt. Quan phụ tướng liền can:

- Vua không cần phải đi, chỉ cần sai một vương tử đi chiêu dụ là được.

Vua bảo Câu-na-la:

- Con có thể thay ta đi chinh phục được không?

Đáp:

- Tâu phụ vương! Con xin đi.

Vua biết ý con muốn đi bèn cho sửa sang đường sá, ra lệnh cho những kẻ bệnh hoạn già yếu và bọn ăn mày phải tránh xa con đường mà vương tử đi qua. Vua A-thứ-già cùng lên xe đưa thái tử ra khỏi thành. Lúc sắp chia tay liền ôm lấy cổ con khóc rồi nói rằng:

- Người kia phước đức rồi sẽ nhìn thấy mắt con. Có vị tướng sư bảo ta yêu đôi mắt này mà nó không bao lâu nữa sẽ bị hủy hoại. Thấy đôi mắt con lòng thật vui vẻ. Mai này mắt kia mất đi thì đau xót vô cùng.

Câu-na-la đi lần đến nước Xoa-thi-la. Dân chúng trong thành nghe Câu-na-la đến đều lo sửa sang đường phố, đem đầy hương hoa phủ đầy ngoài đường để cung nghinh. Khi nhìn thấy Câu-na-la đến liền thưa:

- Nhân dân nước tôi không có lòng phản vua, cũng không phản vương tử, chỉ có bọn ác thần ở bên vua xúi dục tạo phản mà thôi.

Sau đó mọi người thiết bày đủ nghi thức cung kính vây quanh thái tử rồi đưa Câu-na-la vào thành. Khi ấy vua A-thứ-già sinh trọng bệnh. Trong miệng đầy mùi hôi thối, các lỗ chân lông đều tỏa mùi hôi như vậy mà không ai trị được. Vua bảo với đại thần:

- Đi gọi Câu-na-la về để lên ngôi. Ta chắc chẳng sống bao lâu nữa.

Đại phu nhân Đế-thất-la-xoa nghe vậy liền suy nghĩ: "Nếu Câu-na-la lên làm vua, thì ta khó mà sống được." Bà liền tìm cách thưa với vua:

- Chớ cho thầy thuốc vào nữa, thiếp sẽ trị lành bệnh cho vua.

Vua không cho các thầy thuốc vào cung nữa. Đệ nhất phu nhân ra lệnh cho bọn họ rằng:

- Nếu ai có bệnh như vua, cẩn thận chớ có chữa trị mà phải đem vào đây.

Khi đó có một người cũng có bệnh như vua. Người vợ liền tìm đến thầy thuốc nói:

- Chồng tôi cũng bị bệnh như thế.

Thầy thuốc bảo đem lại đây. Khi người bệnh được đưa vào thì

thầy thuốc bèn đưa vào cung cho phu nhân. Đế-thất bèn giết người ấy, mổ bụng ra xem thì thấy một con trùng lớn trong đó. Khi trùng bò lên thì phân cũng theo lên. Trùng bò xuống thì phân cũng theo xuống. Đem bỏ các loại mạt tiêu, các loại thức cay khác mà nó vẫn không chết. Sau cùng bà bèn đem hành bỏ vào thì trùng mới chịu chết và phân được tống ra ngoài. Do đây mà khuyên vua nên ăn hành.

Vua nói:

- Ta là dòng Sát-đế-lợi, vì sao lại có thể ăn hành?

Phu nhân nói:

- Vì trị bệnh thì cũng cần phải ăn nó.

Vua khi ăn hành vào thì liền hết bệnh. Vua cho gọi Đế-thất vào nói:

- Khanh có ước nguyện gì không?

Đáp:

- Thiếp muốn được làm vua bảy ngày.

Vua bằng lòng. Khi được toại ý, Đế-tthất bèn nghĩ: "Ta nay đến lúc phải báo oán Câu-na-la." Nghĩ rồi bà liền viết chiếu thư cho người đem đến thành Xoa-thi-la nói rằng:

- Vì Câu-na-la phạm đại tội, phải móc mắt và đuổi đi.

Vua A-thứ-già vốn rất nghiêm khắc, vì sợ chậm trễ phạm vào vương chết. Nhưng thư viết xong cần phải đợi ấn đóng vào.

Đế-thất-la-xoa chờ khi vua ngủ để bà trộm lấy ấn đóng vào chiếu thư. Vua khi ấy giật mình tỉnh giấc. Đế-thất hỏi:

- Vì sao vua lại thức?

Vua nói:

- Vì nằm ác mộng thấy hai con chim Thứu muốn mổ mắt Câu-na-la.

Nói xong lại nằm ngủ tiếp. Lần hai vua lại thức giấc nói với phu nhân:

- Ta lại nằm ác mộng.

Phu nhân hỏi:

- Nhà vua trông thấy gì?

Đáp:

- Mộng thấy Câu-na-la, đầu tóc thật dài trải dưới đất mà ngồi.

Phu nhân nói:

- Vua cứ ngủ yên đi, chẳng ai dám làm hại vương tử đâu.

Vua lại nằm ngủ. Phu nhân lén lấy được ấn vua đóng vào thư, rồi sai người mang đi.

Vua lại nằm mộng thấy răng bị rụng. Sáng hôm sau bèn gọi tướng sư đến đoán mộng. Tướng sư nói rằng:

- Điềm mộng này ứng vào việc Vương tử đã bị mất đôi mắt.

Vua nghe lời này chấp tay hướng về bốn phương, phát tâm tin Pháp, tin Tăng, xin hộ trì phật đạo, xin nguyện cầu gia hộ cho vương tử Câu-na-la.

Khi thư đưa đến thành Xoa-thi-la, vì dân trong thành rất yêu quí Pháp Tăng có lòng nhân đức nhân hậu, do đó không đưa thư ra mà cùng thương nghị:

- Vua còn không thương con của mình, thì với dân chúng làm sao có thể yêu tiếc. Câu-na-la thường đem lòng từ xót thương cứu giúp các loài quần sinh. Các căn điều thuận không có kiêu mạn. Con như thế mà lại muốn hủy hoại, huống gì bọn ta.

Sau đó họ mới đưa chiếu thư ra cho Câu-na-la. Câu-na-la đọc thư thì tin và nói rằng:

- Tùy các ngươi, cứ việc móc mắt.

Lúc này, không có người nào chịu lấy mắt của vương tử. Bèn cho gọi Chân-đà-la đến, nhưng Chân-đà-la cũng không chịu và nói:

- Thà hủy hoại mắt của tôi chứ làm sao tôi có thể lấy mắt của người.

Câu-na-la đem ra một hộp báu trị giá mười vạn lượng vàng, thưởng cho Chân-đà-la để móc mắt, Chân-đà-la quyết vẫn không chịu.

Vì nghiệp duyên đã đến, nên tự nhiên có người mặt xấu xí như quỷ đến xin móc mắt. Câu-na-la thấy vậy liền nhớ lại lời của Thượng tọa Da-xá nói mắt là vô thường, liền nghĩ: “Bởi người biết ta phải trả nghiệp báo bị móc mắt, cho nên mới nói lời này. Quả thật là bậc thiện tri thức. Vì thương cảm nên đem lời từ mẫn dạy ta. Chính là khiến cho ta nhận sự báo oán này mà không sợ hãi. Lại dạy ta: Nên biết ba cõi là vô thường, sự nguy ách như huyễn. Ta từ lâu biết mắt này là hoại tướng, nên đã quyết kiên trì giữ đạo pháp mà thôi.” Nghĩ vậy nên nói với xú nhân rằng:

- Ngươi có thể móc lấy một mắt trước, rồi đem bỏ vào lòng bàn tay của ta.

Xú nhân tiến đến bên Câu-na-la móc lấy một mắt bỏ vào tay Thái tử. Mọi người trông thấy thì khóc to lên nói:

- Lạ thay! Khổ thay! Mắt sáng tinh anh mà nay lại bị mù. Hoa sen vi diệu mà sớm bị hủy diệt.

Hàng ngàn người kêu khóc buồn than không ngớt. Câu-na-la quán

con mắt trong lòng bàn tay mình và nói:

- Thương thay! Đôi mắt! Từ nay ngươi làm sao còn có thể trông thấy sắc nữa. Ai cũng cho là ngươi đẹp, nay chỉ còn là miếng thịt bỉ lậu hư hoặc kẻ ngu tình. Giờ đây còn gì để ta yêu mến trọng vọng. Thật chỉ là các duyên giả hợp lại mà thành thôi. Đâu có gì là thật của mắt, có khác nào như bọt nước. Nếu không buông lung phóng dật thì pháp quán này sẽ giúp người thoát ra sinh tử.

Khi Câu-na-la tư duy đến đó thì liền chứng quả Tu-đà-hoàn, đắc được kiến đế, liền bảo với xú nhân:

- Ngươi móc luôn mắt kia của ta đi.

Mắt kia móc ra cũng được đặt vào lòng bàn tay của Câu-na-la. Lúc này người lại quán tưởng về mắt và chứng quả Tư-đà-hàm. Xả bỏ hết mắt thịt ô uế mà chứng pháp nhãn tịnh, liền nói rằng:

- Bỏ nhục nhãn mà được tuệ nhãn, xả xác thân do cha mẹ tạo thành mà được pháp vương tử. Tuy mất sự giàu sang nhân thế, mà được pháp tài vĩnh viễn xa lìa ưu não.

Sau này, Câu-na-la mới biết đây là do thư của Đế-thất viết chứ không phải nhà vua, liền phát nguyện rằng:

- Nguyện cho đại phu nhân được trường thọ an lạc, không bị hoạn nạn bức bách. Vì sao? Bởi do người tìm cách hại đôi mắt mà giúp ta có nhân duyên đắc được pháp lợi.

Vợ của Câu-na-la là Chơn-kim-man, nghe tin chồng bị móc mắt, liền tìm đến thì thấy đôi mắt đã bị khoét, máu chảy đầy thân thể. Nàng kêu khóc bi ai, té xỉu xuống đất. Mọi người lấy nước rửa mặt hồi lâu mới tỉnh. Nàng lại đứng lên kêu khóc nói:

- Đôi mắt thanh tịnh xinh đẹp mà nay bị hủy hoại như thế.

Câu-na-la nói kệ đáp:

Tự tạo ra ác nghiệp
Nay phải chịu nhận lấy
Tất cả khổ thế gian
Ân ái rồi xa lìa
Nàng hãy thôi khổ não
Còn khóc để làm gì?

Nhân dân trong thành lại đuổi hai vợ chồng đi. Câu-na-la và vợ lâu nay đều sống trong cảnh sung sướng, chưa từng làm lụng cực khổ. Nay phải lấy nghề đàn hát xin ăn mà nuôi sống. Lần hồi đi về đến thành Hoa thị. Khi đến trước cung vua thì muốn vào. Người giữ cửa vì không nhận ra nên không cho vào. Câu-na-la đành tá túc bên ngoài chuồng

voi. Sáng sớm lại khảy đàn. Mượn tiếng hát để nói lên sự đau đớn bị móc mắt và nhân duyên đắc đạo. Người giữ cửa nghe tiếng đàn đó thì tự quán ấm nhập mà lìa khổ sinh tử.

Vua khi nghe tiếng đàn thì vội nói:

- Âm thanh của tiếng đàn này sao giống của Câu-na-la. Trong ấy vang lên những lời đau đớn, dường như có điều gì lớn lao. Ta nghe tiếng này có cảm giác như mất mát cái gì, như voi mẹ bị đánh mất con.

Vua bảo người ra xem. Người này trông thấy Câu-na-la gầy đen tiều tụy, lại mù lòa thì không nhận ra, bèn trở lại tâu với vua:

- Có một người ăn xin, đôi mắt bị mù, lại gầy đen rách rưới đi cùng với vợ.

Vua nghe nói thì suy nghĩ: "Ta nằm mộng thấy Câu-na-la mất cả hai mắt, không biết đây có phải không? Ta luôn nhớ con không nguôi, nay nên gọi vào thử xem.

Vua bảo người hầu trở ra hỏi:

- Người là người nào? Con của ai?

Người mù đáp:

- Cha tôi là vua A-dục, làm chủ cõi Diêm-phù-đề, là bậc cao quý tự tại trong tất cả loài người. Tôi là con của người, tên Câu-na-la, cũng là con của đấng Đại Pháp vương, hiệu Phật-đà.

Hai vợ chồng người mù được dẫn vào chỗ vua. Vua trông thấy Câu-na-la mắt mù, thân thể gầy đen, áo quần lam lũ, thì vẫn còn nghi hoặc mới hỏi:

- Ngươi là Câu-na-la à?

- Thưa vâng! Chính là con.

Vua nhận ra lời nói của con thì đau đớn té xỉu. Người hầu lấy nước rửa mặt giây lâu mới tỉnh dậy. Vua ôm lấy Câu-na-la đặt trên đầu gối, lấy tay rờ vào mắt con than khóc:

- Mắt con vì giống chim Câu-na-la, cho nên ta mới lấy tên đó mà đặt. Nay mắt không còn thì gọi tên mà làm gì? Con hãy nói cho ta biết ai đã móc đôi mắt của con. Mắt không còn thì chẳng khác nào như hư không, không có mặt trăng cũng không có tinh tú. Chỉ kẻ vô tâm không có lòng từ mới hủy hoại đôi mắt này. Ai gây thì trọn đời phải chịu đau khổ. Câu-na-la, ai đã làm đôi mắt con thế này? Mau nói cho ta biết. Nay thấy thân con hình hài tiều tụy, thiêu đốt cả lòng ta. Thân ta đau đớn chẳng khác nào như đụng vào tảng đá Kim cang.

Câu-na-la thưa:

- Xin cha bớt ưu não. Cha không nghe là Phật cũng có quả báo. Dù

là phàm phu hay Thanh văn, Độc giác không ai mà thoát được. Nghiệp thiện ác đã gây thì phải trả báo không thể trốn chạy. Con đã tạo nghiệp, nay phải trả oán cho người. Chẳng phải do đao kiếm hại, cũng chẳng phải do Kim cang hại, chẳng phải lửa, cũng không phải độc xà ác thú, chẳng phải là do người đem khổ đến cho con. Đây chính là do nghiệp đời trước gây tạo, nay phải thọ báo. Nếu làm cho người khổ não thì thật là không phải.

Vua nghe nói vậy nhưng lòng giận dữ đau đớn vẫn không nguôi. Lại hỏi con:

- Ai đã móc mắt con?

Câu-na-la đáp:

- Chính cha đã ra lệnh móc mắt con.

Vua bảo:

- Nếu như ta sai người móc mắt con thì nay ta phải tự cắt lưỡi mình.

Câu-na-la nói:

- Đó là ấn cha đóng vào chiếu thư.

Vua nói:

- Nếu do ấn của ta thì nay phải nhổ răng ta. Đã làm cho mắt con như thế thì ta cũng phải tự móc mắt của mình.

Đế-thất-la-xoa gọi phu nhân Liên Hoa đến nói:

- Nếu như ta có bị móc mắt thì nên cầu xin cho toàn mạng sống.

Vua nghe lời này liền suy nghĩ: "Đây hẳn là Đế-thất-la-xoa ra lệnh khoét mắt con ta". Vua cho gọi Đế-thất lại:

- Người làm điều tàn ác, trời đất không dung. Ngươi quả thật là người oan gia của ta, lừa dối hại cả thâm tình cốt nhục của ta.

Vừa từ đau khổ mà trở thành giận dữ, quát mắng:

- Ngươi đã hại mù đôi mắt của con ta. Nay phải lóc thịt xương ngươi treo trên lầu cao, lấy cưa mà cưa ra từng khúc, lấy đao mà cắt lưỡi, lấy búa lớn sắt bén mà băm dầm cả xương tủy đem bỏ vào trong hầm lửa, để cho loài độc xà gặm nhấm.

Vua mắng chửi một hồi. Câu-na-la nghe thì khởi lòng từ bi thương xót liền thưa với cha:

- Đế-thất-la-xoa làm các điều ác như thế, cha nay cũng nên đem chánh pháp tu tập mà tha thứ, chớ nên sát hại một người phụ nữ, cũng như trẻ con ngu muội chớ có giận dữ.

Vua không nghe theo, truyền đem vào nhà Hồ. Giao lấy lửa thiêu đốt. Vua cũng ra lệnh thiêu hết dân chúng trong thành Xoa-thi-la.

Lúc này chư Tỳ-kheo thấy việc như vậy thì lòng rất nghi hoặc, liền hỏi Tôn giả Ưu-ba-cúc-đa rằng:

- Câu-na-la vì nhân duyên gì mà bị móc mắt như thế?

Tôn giả đáp:

- Các ngươi phải khéo nghe lời ta nói đây! Ngày trước ở nước Ba-la-nại có một người thợ săn. Mùa Hạ thì ở trong nhân gian. Mùa Đông thì vào rừng săn bắn. Một lần lên núi tuyết thì gặp trận mưa đá. Có năm trăm con nai cùng núp vào hang đá. Người thợ săn nghĩ: “Nếu ta giết hết chúng thì thịt sẽ hư thúi. Vậy chỉ nên khoét mắt để chúng khỏi đi mà giết lần”. Do tạo nghiệp duyên đó mà nay bị người móc mắt.

Chư Tỳ-kheo lại hỏi:

–Vậy nhờ nhân duyên gì mà được sinh vào nhà vương giả?

Đáp:

–Ngày xưa khi con người thọ đến bốn vạn tuổi. Bấy giờ có Phật ra đời hiệu là Già-la-già Tôn-đại. Khi hóa duyên xong thì nhập Niết-bàn Vô dư. Lúc này có vua tên Đoan Nghiêm, vì kính tin Phật mà xây tháp bằng bảy báu, trang nghiêm tường vách đến bốn mươi lý. Khi vua Đoan Nghiêm mất, thì có vị vua tên Bất Tín. Vua này lấy hết trân bảo nơi tháp, chỉ lưu lại cây đá. Nhân dân thấy vậy thì than khóc buồn đau. Có vị trưởng giả hỏi mọi người:

- Vì sao lại khóc?

Đáp rằng:

- Tháp Phật Già-la-tôn-đại làm bằng bảy báu nay đã bị phá hoại, họ đã lấy hết vàng báu chỉ còn là cây đá. Do đó, chúng tôi thấy vậy mà than khóc buồn thương.

Lúc ấy trưởng giả liền tu sửa tháp báu trở lại như cũ. Nhân đó lại phát nguyện vào đời vị lai được diệu quả tối thắng giải thoát thanh tịnh như Phật. Vì nhân duyên tạo pháp mà được sinh vào nhà hào tộc tôn quý. Do đời trước tạo tượng Phật mà được thân đoan chánh. Vì phát chánh nguyện mà gặp được đạo quả.

NHÂN DUYÊN VỀ TRÁI AM-LA

Vua A-thứ-già đối với Phật pháp rất có tín tâm, vua hỏi Ưu-ba-cúc-đa rằng:

- Khi Đức Phật còn tại thế thì ai là Đại thí chủ.

Đáp rằng:

- Có vị trưởng giả tên Tu-đạt-đa là một bậc thí chủ.

Lại hỏi:

- Vị ấy cúng khoảng bao nhiêu?

Đáp:

- Vàng ròng cả trăm ức.

Vua nói:

- Vị trưởng giả kia còn có thể bố thí trân bảo nhiêu đó. Huống gì ta nay là vua cõi Diêm-phù-đề sao lại làm không được.

Thế là vua đem cả thân mình, Câu-na-la cùng đại thần, đất đai đều cúng dường hết. Rồi lại khởi công xây dựng tám vạn bốn ngàn bảo tháp Phật và tháp Thanh văn, làm bình tưới cây Bồ-đề, tổng cộng tất cả được chín mươi sáu ức lượng vàng.

Lúc bấy giờ vua lại bị bệnh, biết mình không qua khỏi nên u buồn than khóc. Quan phụ tướng La-đề-cúc-đề ngày xưa khi vua A-thứ-già cúng đất cho Đức Phật, thì cũng tùy hỷ theo, cho nên được phước báo làm quan Nhất đại phụ tướng. Khi thấy vua cảm thấy không vui chắp tay thưa:

- Muôn tâu Đại vương! Oai đức của vua như mặt trời soi sáng, tất cả nhân dân đều không dám nhìn mặt. Duy chỉ có bốn ngàn thể nữ được trông thấy vua mà thôi. Nay thấy vua bị bệnh thì chẳng khác nào như mặt trời sắp lặn. Ba cõi dời đổi thì cũng đến lúc phải hoại diệt. Nếu suy nghĩ được sự vô thường như thế thì vì sao mà lại không vui.

Vua đáp:

- Ta nay không phải sợ mất ngôi vị mà ôm lòng áo não. Cũng chẳng phải vì sắp phải bỏ thân mạng mà ưu phiền buồn sầu; lại cũng chẳng phải vì xa lìa cung nhân kho tàng báu vật mà thêm lo sợ. Chính là vì ta sắp rời xa chư Hiền Thánh Tăng mà ưu tư phiền muộn. Ta vốn có phát nguyện cúng dường chúng Tăng đủ trăm ức lượng vàng. Nay chỉ mới cúng chín mươi sáu ức còn bốn ức nữa thì chưa làm được nên mới ưu sầu khổ não như thế.

La-đề-cúc-đề nói:

- Kho tàng vua rất nhiều có thể đem ra bố thí cúng dường cho

đủ.

Vua sai người đem kim ngân trân bảo đến chùa Kê-đầu-ma để cúng dường. Vua cũng lập con của Câu-na-la là Ni-ma-đề làm thái tử. Bọn ác thần tà kiến nói với thái tử:

* Vua đã sắp băng hà và lại đem kho tàng phân tán gần hết. Tương lai ngài sẽ làm vua. Phàm làm vua thì phải có kho tàng trân bảo để chi dụng. Nay thái tử nên ngăn chận vua cha chớ để tiêu hoang hết.

Thế là Ni-ma-đề cùng chư đại thần, vì vua bệnh nặng nên cắt hết mọi thứ chi dụng. Duy chỉ để lại một cái mâm vàng, một mâm bạc để đưa thức ăn cho nhà vua. Vua lấy mâm đem cúng dường chùa Kê-đầu-ma. Thái tử lại sai người đưa đến cho vua mâm dựng bằng gạch nung. Sau cùng chỉ cho vua nửa trái Am-la. Vua cầm lấy quả, cho tụ tập chư đại thần đến hỏi:

* Cõi Diêm-phù-đề này ai làm chủ?

Quần thần thưa:

* Chỉ có vua làm chủ.

Vua bảo:

* Các người chỉ toàn nói chỉ nói lời hư vọng. Ta chẳng phải là vua. Vì sao? Ta nay chỉ được nửa quả Am-ma-lặc này là của mình thôi.

Than ôi! Phú quý thường hay đem lại điều xấu xa đê tiện. Ta làm vua mà lúc gần lâm chung lại trở thành kẻ bần cùng nghèo khổ? Chỉ còn nửa trái Am-la này thôi. Chẳng khác nào như nước xoáy mạnh, gặp núi thì dừng. Lại nói kệ:

Lời Phật quả chân thật
Thuyết pháp cũng chân thật
Tất cả đều ân ái
Rồi cũng phải xa lìa
Ta xưa làm chiếu lệnh
Không thể nào dứt tuyệt
Ngày nay như nước dốc
Húc vào núi liền ngưng
Ta nay có giáo lịnh
Không làm cũng như thế
Ta xưa trong đại dịa
Làm chủ vương khắp cả
Các nơi có kiêu mạn
Ta đều hay chế phục
Nghèo khổ không chỗ nương

Ta đều ra tay cứu
Trước vì người che chở
Nay lực đã không còn
Ví như xe bị hoại
Chẳng có chỗ quay về
Cũng như cây già thứ
Rễ khô cành lá héo
Hoa lá cũng chẳng còn
Thảy đều là hư giả
Sức nay đã chẳng còn
Cũng lại là như thế.

Nói xong thì gọi vị cận đến và nói:

- Ngươi đem quả Am-ma-lặc này đến chùa Kê-đầu-ma cúng dường cho chúng Tăng ở đó và bạch Thượng tọa rằng:

- Đây là vật cúng dường cuối cùng của vua A-thứ-già. Duy chỉ có quả Am-ma-lặc này được tự tại. Còn vật sở hữu thì đã mất hết. Xin chư Tăng lân mẫn thọ của nghèo khổ cuối cùng để cho ta được lợi phước.

Thượng tọa Đa-xá nói cùng chúng Tăng:

- Các ông đã thấy vua A-thứ-già được hưởng phước an vui tự tại uy quyền nhất trong trời đất. Vậy mà ngày nay một chút tự do vương quyền cũng chẳng còn. Duy chỉ có nửa trái Am-la là được tùy ý đắc dụng, rồi đem tâm ân cần trân trọng cúng dường chư Tăng.

Thượng tọa sai đem trái này bâm nhỏ ra cho vào nồi canh để chúng Tăng cùng được thọ dụng.

Rồi bảo chúng Tăng nên lấy đó mà nhàm chán việc sinh tử. Dù có giàu sang phú quý rồi thì không bao lâu cũng tàn lụi. Dù có uy quyền tự tại thì rồi cũng mất. Than ôi! Việc sinh tử rất đáng nhàm chán. Nên lấy đây để truyền lại cho các vị vua sau này. Lúc còn phú quý tự tại chớ để như vua A-thứ-già bị quần thần ngăn cấm. Vậy lúc thế lực chưa suy yếu, nên đem hết tâm lực ra mà làm điều công đức.

Lúc ấy, vua A-thứ-già đã gần mạng chung và kêu La-đề-cúc-đề lại nói:

- Trong cõi Diêm-phù-đề này ai là người được uy quyền tự tại.

La-đề-cúc-đề đáp:

- Chỉ có Đức Thế Tôn được tự tại hơn cả.

Vua nghe vậy liền ngồi dậy chắp tay nhìn khắp bốn phía mà nói rằng:

- Chỉ trừ kho tàng cung điện, còn trong bốn biển, khắp đại điện

đều cúng dường chúng Tăng, những công đức mà đã làm trước đây, không cầu phước lạc nhân thiên cùng hàng Thích phạm Chuyển luân Thánh vương. Duy nguyện đời sau được sinh nơi chỗ luôn được tự tại, mau chứng thánh quả.

Sau đó vua viết chiếu thư rồi đóng dấu vào rồi giao cho quan phụ tướng La-đề-cúc-đề. Chẳng bao lâu vua băng hà. Chư quần thần làm lễ chuyển luân thánh vương mà an táng cúng dường thật trang nghiêm và lập Ni-ma-lưu lên làm vua. La-đề-cúc-đề triệu tập chư quần thần lại nói rằng:

Vua A-thứ-già đem cả đại địa ra cúng dường cho chúng Tăng, là muốn noi theo trưởng giả Tu-đạt cúng dường đủ trăm ức. Khi sinh tiền vua chỉ cúng dường chín mươi sáu ức. Nếu đem bốn ức chuộc lại cõi Diêm-phù-đề này thì mãn được sở nguyện của Tiên vương.

Quần thần nghị bàn rồi đem bốn ức lượng vàng chuộc lại cõi Diêm-phù-đề này. Trải qua mấy đời hậu tự của vua Nị-ma-lưu, con của vua này là Kỳ-ha-đề. Con của Kỳ-ha-đề tên là Phất-xa-ma, con của Phất-xa-ma là Phất-xá-mật-xĩ.

- Lúc đó Phất-xá-mật-xĩ cùng quần thần thương nghị, mới hỏi rằng:

- Làm sao khiến cho danh tiếng được lưu bố khắp thế gian?

Quan phụ tướng thưa:

- Ngày trước có vua A-thứ-già. Tiên vương của vua ở nơi cõi Diêm-phù-đề này khởi xây tám vạn bốn ngàn tháp, đem trăm ức lượng vàng để bố thí cúng dường cho chúng Tăng và làm nhiều công đức khác nữa. Nay vua cũng có thể xây tám vạn bốn ngàn tháp, thì danh tiếng cũng sẽ lưu lại đời sau. Vua nói: "Tiên vương của ta ngày có đủ uy đức, nên mới có thể làm được việc này. Nay ta làm sao có thể làm được."

Có một tà kiến phụ tướng thưa;

- Tu phước làm ác cả hai đều nổi tiếng. Tiên vương đã lập tám vạn bốn ngàn bảo tháp mà danh đức còn lưu lại mãi mãi. Nay nếu vua đem phá hoại hết thì danh tiếng cũng lưu mãi đời sau.

Phất-xá-mật-xĩ nghe lời này liền quy tập tứ binh đi đến chùa Kê-đầu-ma muốn phá hoại chùa này. Trụ trì ở đây là một vị Sư tử hống. Vua cảm thấy sợ không dám vào chùa liền đem quân trở về. Cứ như thế có đến ba lần mà không thể vào chùa được. Sau vua cho người đến bảo với chư Tỳ-kheo rằng:

- Ta muốn hoại Phật pháp. Các Tỳ-kheo muốn lưu lại Phù-đồ hay Tăng phòng.

Tỳ-kheo đáp:

- Muốn lưu Phật-đồ.

Thế là Mật-xĩ bèn giết hại chúng Tăng và phá hoại phòng xá. Lần hồi thì giết hại đến nước Xá-già-la và chiếu mộ rằng:

- Nếu ai đem đầu Sa-môn đến thì được thưởng tiền. Bấy giờ ở trong nước có một vị A-la-hán hóa ra vô số đầu Sa-môn bảo dân chúng mang đến cho vua. Vua nghe nói thì muốn giết A-la-hán. Nhưng A-la-hán đã nhập diệt tận định nên vua không giết được. Vua đi đến nước Thâu-la quyết sát để phá hoại Phật pháp. Trong nước này có thần hộ Phật pháp. Vị thần suy nghĩ: Ta thọ trì giới pháp nên không thể làm ác. Vậy thì làm sao để hộ trì Phật pháp. Ngày trước quỷ Mật-xá có cầu hôn con gái ta. Vì làm điều ác cho nên ta không chịu. Nay vì Phật pháp mà phải đưa con gái cho hắn. Vì nhân duyên đó mà nước Thâu-la quyết sát có đại quỷ thần ủng hộ. Vì vậy, Phật-xá-mật-xĩ không thể làm hại. Quỷ thần đưa vua đến Nam Hải để cho quỷ Mật-xá lấy đá đè vua và quan binh chết hết. Cho nên gọi chỗ này là Thân tạng và Già-đề. Dòng họ vua A-dục đã chấm dứt từ đây.

NHÂN DUYÊN NÓI VỀ ƯU-BA-ĐỀ-CÚC

Khi Đức Thế Tôn ở nước Ma-đột-la có bảo với A-nan rằng: Sau khi ta diệt độ một trăm năm tại nước Ma-đột-la có con của trưởng giả Cúc-đa tên là Ưu-ba-cúc-đa làm bậc giáo thọ thiền đệ nhất. Tuy không có tướng hảo hóa độ như ta. Nhưng sau khi ta nhập Niết-bàn rồi thì vị nầy sẽ làm các việc Phật lớn lao, giáo hóa chúng sinh được giải thoát đến vô lượng vô số.

Mỗi vị đắc quả A-la-hán đều lấy một thẻ tre bốn tấc đem đặt vào hang. Hang nầy dài ba mươi sáu thước, rộng hai mươi bốn thước Đức Phật lại hỏi A-nan:

- Ông có thấy khu rừng xanh kia không?

- Thưa Thế Tôn có thấy!

- A-nan! Ở đó có núi Ưu-lưu-man-trà. Sau khi ta diệt độ một trăm năm, có Tỳ-kheo tên Thương-na-hòa-tu, ở trong núi này, tạo lập tăng phường, sau đó độ Ưu-ba-cúc-đa, ở nước Ưu-lưu có hai vị trưởng giả. Một tên là Na-la và một tên là Bạt-lợi. Hai vị lên núi Mạn-trà xây dựng tăng phòng, là chỗ thanh tịnh u nhàn, có thể phát sinh thiền định. Nơi đây phòng xá, tọa cụ đều có đầy đủ. Bèn đặt tên là Na-la-bạt-sất A-

lan-nhã.

A-nan bạch Đức Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn! Ưu-ba-cúc-đa hóa độ chúng sinh thật nhiều lợi ích.

Đức Phật bảo:

- Ưu-ba-cúc-đa chẳng phải chỉ có ngày nay mới hóa độ chúng sinh có nhiều lợi ích, mà từ vô lượng kiếp, cũng từng làm nhiều lợi ích như thế. Nếu ông muốn nghe, ta sẽ vì ông mà nói. Thuở xưa, ở núi Ưu-lưu-mạn-trà có năm trăm vị Bích-chi-phật đến trụ vào một bên núi. Có năm trăm vị tiên cũng đến ở một bên núi. Lại có năm trăm con khỉ đi đến chỗ của năm trăm vị Bích-chi-phật, sinh lòng hoan hỷ rồi cùng hái hoa quả cúng cho Bích-chi-phật. Chư vị Bích-chi-phật ngồi kiết già nhập thiền, bầy khỉ cũng bắt chước làm theo. Về sau chư vị Bích-chi-phật nhập Niết-bàn. Bầy khỉ kéo đến kéo áo kéo chân thì thấy bất động, nên biết chư vị đã nhập Niết-bàn. Bọn chúng u buồn ảo não, bỏ đi đến bên kia núi thì thấy năm trăm vị Bà-la-môn, có vị ngồi trên cỏ gai, hoặc nằm trên tro đất, có người dơ một chân lên, hoặc dơ một tay, hoặc có người treo lộn ngược, hoặc nướng thân trên năm ngọn lửa. Bầy khỉ liền tới phá rối. Người ngồi trên cỏ gai, thì khỉ đem cỏ gai quăng ra xa. Người nằm trên tro đất, khỉ cũng lấy tro đất đem bỏ đi. Người dơ một tay thì khỉ kéo tay xuống. Dơ một chân thì khỉ dơ chân ra. Người treo mình ngược thì khỉ cắt dây cho đứt. Người nằm trên lửa thì lại dập tắt lửa. Năm trăm vị tiên thấy như vậy thì bảo nhau: Lũ khỉ này làm các điều quái lạ ở chỗ ta. Chúng ta thử bắt chước làm theo chúng.

Thế là năm trăm vị ngồi kiết già tư duy buộc niệm, không có thầy mà vẫn tỏ ngộ, tâm giác ngộ tự nhiên tỏ rõ, rồi đắc quả Bích-chi-phật. Các vị liền suy nghĩ: Chúng ta nay đã chứng Bích-chi-phật, là do Di hầu khai hóa, nay nên đem hoa quả đến cúng dường cho Di hầu.

Sau đó, bầy Di hầu mạng chung cũng lấy củi thơm mà thiêu đốt cúng dường. A-nan! Di hầu lúc ấy nay là Ưu-ba-cúc-đa, ngày trước Di hầu làm lợi ích cho năm trăm vị tiên nhân được đắc quả Bích-chi-phật.

Đức Phật lại bảo A-nan:

- Ông nắm lấy y của ta.

Bấy giờ Đức Phật đưa A-nan đi đến nước Kế tân, đến nơi Đức Phật lại bảo A-nan:

- Đất này bằng phẳng lại rất rộng lớn.

A-nan bạch Đức Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn! Quả là như vậy.

Phật lại bảo A-nan:

- Sau khi ta diệt độ một trăm năm, có Tỳ-kheo tên là Ma-điền-địa, lo làm phòng xá ngọa cụ tạo ra chỗ tu thiền bậc nhất tại đây.

Từ nước Kế tân, Đức Phật cùng A-nan đi lần vào thành Câu-thi-na. Khi ấy Đức Phật muốn nhập Niết-bàn liền bảo Tôn giả Ca-diếp:

- Sau khi ta diệt độ thì nên tuyển chọn lại pháp nhãn, để cho Phật pháp được trụ lại đời một nhàn năm, làm lợi ích chúng sinh.

Ca-diếp thưa:

- Xin lãnh thọ lời Đức Thế Tôn dạy.

Đức Phật nhập vào thế tục tâm nghĩ rằng: Thích Đề-hoàn Nhân nên đến chỗ ta.

Thích Đề-hoàn Nhân biết tâm của Đức Phật liền tìm đến. Đức Như Lai liền nói với Thích Đề-hoàn Nhân:

- Sau khi ta diệt độ nên hộ trì thiện pháp.

- Bạch Đức Thế Tôn! Con xin nguyện lãnh thọ. Đức Phật cũng nhập thế tục tâm nghĩ.

Tứ Thiên vương nên đến chỗ ta. Tứ Thiên vương biết tâm niệm Phật liền tìm đến. Phật bảo Tứ Thiên vương!

- Sau khi ta vào Niết-bàn, phải ủng hộ Phật pháp.

Phật nói với ngài Ca-diếp về Thích Đề-hoàn Nhân và Tứ Thiên vương rồi, Ngài liền đi đến rừng Ta-la trong rừng Thi-la. Ngài đến nằm chỗ giữa hai cây Ta-la vào buổi tối. Khi sắp vào Niết-bàn, Đức Phật liền bảo A-nan:

- Trong rừng Ta-la này vào lúc nữa đêm này ta sẽ này ta sẽ nhập Niết-bàn. Ông nên đặt đầu ta xoay về hướng Bắc.

Rồi Đức Phật nói kệ:

Chư hữu thật vô cùng
Sinh lão như sóng dâng
Vượt qua biển tử này
Xả thân như rác rưởi
Đến vô úy Niết-bàn
Quỷ chết liền sợ hải
Biển Tam giới mênh mông
Bờ giải thóat vượt qua.

TRUYỆN A-DỤC VƯƠNG

NHỮNG NHÂN DUYÊN KHÁC VỀ ƯU-BA-CẤP-ĐA

QUYỂN 4

Khi Đức Phật nói kệ xong thì nhập Niết-bàn. Chúng Tăng khởi xây tám tháp xá-lợi. Tháp thứ chín, mười thì đựng tro than. Thích Đề-hoàn Nhân và Tứ Thiên vương, đem kỹ nhạc, hương hoa, mạt hương, đồ hương đến cúng dường xá-lợi và nói:

- Đức Phật trước khi Niết-bàn đã phó chúc cho ta, vậy từ nay về sau phải hộ trì Phật pháp.

Đế Thích bảo Thích Đề-hoàn Nhân:

- Ngươi nên hộ trì Phật pháp tại hướng Đông. Lại bảo Tỳ-lâu-lạc: Ngươi hộ trì ở hướng Nam.

Lại bảo Tỳ-lâu-bác-xoa:

- Ông nên ủng hộ Phật pháp tại phương Tây. Bởi đời vị lai có ba vua tà kiến hủy diệt đạo pháp. Đức Phật đã thọ ký, các ông nên giữ gìn.

Sau khi Đức Phật diệt độ, có vô số chư vị La-hán cũng nhập Niết-bàn. Chư Thiên ở trên không trung, đồng thanh lớn tiếng:

- Chư đệ tử đều đi theo Đức Phật. Ngọn đàn pháp đã gần hủy diệt. Nếu không hội tập tụng lại Tam tạng kinh điển, thì khi chư vị La-hán nhập Niết-bàn thì Phật pháp cũng diệt.

Thích Đề-hoàn Nhân đem Tứ Thiên vương và Thiên chúng, đến chỗ ngài Ca-diếp cúi đầu làm lễ thưa:

- Giáo pháp Đức Như Lai, phó chúc lại cho Tôn giả, Tôn giả nên tu tập pháp nhãn. Để cho ngàn năm sau, các chúng Thiên nhân đều được lợi ích.

Ngài Ca-diếp bay lên hư không đánh kiền chùy, cả ba ngàn thế giới đều nghe. Năm trăm vị La-hán liền tụ tập lại trong thành Câu-thi-na.

Ngài Ca-diếp hỏi A-na-luật:

- Chư Bồ-tát có ai chưa đến không?

A-na-luật đáp:

- Duy chỉ có Tôn giả Kiều-phạm-ba-đề, ở tại cung Thi-lợi-sa là chưa đến.

Ngài Ca-diếp hỏi:

- Hôm nay tụ chúng có ai là Hạ tọa không?

Ngài Phất-na đáp:

- Có tôi là Hạ tọa.

Tôn giả hỏi:

- Ông có theo Tăng như pháp học không?

Phất-na thưa:

- Dạ có tùy thuận.

Tôn giả nói:

- Lành thay! Ông có thể làm bậc Hạ tọa trang nghiêm chúng Tăng. Nay ông có thể đến cung trời Thi-lợi nói với Kiều-phạm-ba-đề rằng:

- Ngài Ca-diếp và chúng Tăng có việc tăng sự cho gọi ngài gấp.

Phất-sSa liền đến cung Thi-lợi-sa mà thưa với Tôn giả Kiều-pham-ba-đề:

- Ngài Ca-diếp và chúng Tăng đợi ngài.

Tôn giả nói:

–Trưởng lão! Ông nên nói là Đức Như Lai và chư Tỳ-kheo đang đợi. Sao lại nói Ca-diếp và chư Tỳ-kheo. Vì Phật không nhập Niết-bàn. Dừng để ngoại đạo nhân đây phá hoại Phật pháp và các ác Tỳ-kheo cũng sẽ phá Phật pháp.

Phất-na thưa:

–Đức Như Lai đã nhập Niết-bàn. Cầu pháp đã bị hoại, núi Tu di cũng đã băng. Chư Thanh văn ở Kiền-đà-sơn cũng nhập diệt.

Tôn giả nói:

–Đức Như Lai vẫn còn ở cõi Diêm-phù-đề thì ta có thể đến đó. Nay Phật đã nhập diệt, cõi Diêm-phù-đề trở thành hoang vắng không an vui. Ta làm sao đến đó được. Nay ta cũng muốn nhập Niết-bàn. Ta nay hướng về đó đảnh lễ ngài Ca-diếp và chúng Tăng. Nói xong liền nhập Niết-bàn.

Phất-na trở lại cõi Diêm-phù-đề, đến trong chúng Tăng thưa với Thượng tọa:

- Kiều-phạm-ba-đề đã lạy Thượng tọa và Tăng chúng mà nhập Niết-bàn rồi.

Đến đây thì chư Thượng tọa liền nói:

- Đại tướng đã mất thì hàng tiểu tướng cũng không còn. Chư La-hán thì phần nhiều cũng theo Đức Phật nhập diệt.

Ngài Ca-diếp liền ra lệnh cấm:

- Chưa kết tập pháp tạng thì không cho chư Tỳ-kheo nhập Niết-bàn.

Ngài bèn tập hợp năm trăm vị La-hán cùng hòa hợp để kết tập kinh tạng.

Lại bảo A-nan:

- Ông là đệ tử Đa văn đại trí tuệ của Đức Phật. Thường theo Phật tu hạnh thanh tịnh, có đầy đủ tri kiến tối hậu, làm lợi ích cho Phật pháp, mà Đức Phật đã từng khen ngợi.

Tôn giả lại bảo Tỳ-kheo:

- Phật nhập Niết-bàn rồi, mọi người tu tập tại đây làm huyên náo sẽ ngăn ngại chúng ta. Vậy thì nên tìm chỗ yên tịnh để tuyển tập lại kinh pháp. Thế là cùng năm trăm La-hán đi về thành Vương xá.

Tôn giả A-nan đem đệ tử là Phất-xỉ du hành lên tọa lạc Ba-lợi-xà. Mọi người ở trong tụ lạc đều buồn rầu ảo não. Ngài A-nan thấy vậy khởi lòng thương xót mới đăng tòa thuyết pháp để dẫn giải những yếu chỉ cần thiết.

Khi đó đệ tử là Ba-xà-phất-đa thấy Tôn giả vẫn chưa đắc quả, liền hướng về ngài nói kệ:

An định dưới gốc cây
Tịch diệt chứng Niết-bàn
Cù-đàm nên nhập định
Chớ tu hành phóng dật
Không lâu đắc tịnh diệt
Niết-bàn pháp thanh tịnh.

A-nan nghe bài kệ thì tỉnh ngộ. Ngay đêm đó đi kinh hành tọa thiền nhập định. Hôm sau vừa hừng sáng, định đặt lưng xuống đất nằm nghĩ, đầu chưa đụng gối thì thoát nhiên đại ngộ chứng A-la-hán. A-nan liền đi về thành Vương xá. Tôn giả Ma-ha Ca-diếp cũng đem năm trăm vị La-hán đến thành Vương xá.

Vua A-xà-thế, con của bà Vi-đề-hy nghe Tôn giả đến, liền cho sửa soạn thành trì, tu bổ lại đường xá. Vua cũng ra khỏi thành cung nghinh. Ngày trước vua vì lòng bất tín, nên khi gặp Đức Phật tự ném mình xuống chân voi. Nay gặp Tôn giả, cũng ném mình như thế. Ngài Ca-diếp dùng thần lực đỡ nên vô hại. Tôn giả nói với vua:

- Thần túc Như Lai thật vô cùng, hàng Thanh văn không thể sánh

bằng, Thanh văn công phu thật lực mới có thần túc. Từ nay về sau nếu thấy Tỳ-kheo thì chớ có ném mình xuống chân voi như thế mà nguy hại.

Vua thưa:

- Xin vâng lời Tôn giả.

Vua A-xà-thế cúi lạy xuống chân Tôn giả, xong đứng dậy chấp tay thưa:

- Đức Như Lai nhập Niết-bàn tôi không được trông thấy. Nếu Tôn giả nhập Niết-bàn thì xin cho tôi được thấy.

Tôn giả nói:

- Được.

Hứa khả với vua rồi, vua lại nói:

- Ta nay muốn kết tập pháp nhãn của Như Lai. Xin Đại vương vì ta mà làm Đàn-việt.

Vua nói:

- Xin nguyện dâng cúng cho chư Tỳ-kheo trọn đời các vật thức y cụ phòng xá thuốc men.

Tôn giả Ca-diếp ấn khả nhận lời, sau đó đi đến rừng Trúc suy nghĩ:

- Nơi đây nhiều phòng xá lại đông chúng Tăng. Có thể làm phương hại. Nơi hang Tát-bát-la phòng xá cũng đủ dùng. Ta nay nên đến đó mà tụng tập pháp nhãn.

Thế là Ca-diếp cùng năm trăm vị La-hán đi đến hang Tát-bát-la. Trãi tọa cụ xuống ngồi và bảo:

- Các Tỳ-kheo sau cùng thường ít có ghi nhớ. Chúng ta nên kiết tập bằng kệ cho dễ nhớ. Mỗi sau bữa ăn thì bắt đầu kiết tập.

Lúc này năm trăm vị La-hán đã vân tập đủ. Chư vị hỏi:

- Chúng ta nên tụng tập pháp nào trước?

Tôn giả đáp:

- Tụng Tu-đa-la trước.

Chư Tỳ-kheo nói:

- Nay trong chúng này ai có thể tụng lại Tu-đa-la?

Tôn giả A-nan là bậc Đa văn đệ nhất, các pháp tạng Tu-đa-la, A-nan đều lãnh thọ ghi nhớ hết. Chúng ta nên thỉnh A-nan trùng tuyên lại.

Liền bảo A-nan:

- Ông thông suốt hết pháp tạng Tu-đa-la mà Đức Phật đã nói ra. Lấy sự đa văn để ruồng bỏ hết duyên đời, giữ gìn pháp tạng duy chỉ có

mình Ngài. Nay kiết tập pháp bảo, ông nên tuyên tụng lại.

A-nan nghe nói vậy trước pháp tọa, quan sát tâm của đại chúng mà nói kệ rằng:

Tỳ-kheo chỗ hành đạo
Lìa Phật không trang nghiêm
Giống như trong hư không
Tinh tú không bóng trăng
Tăng chúng không có Phật
Bỉ lậu cũng như thế.

Nói xong kệ thì năm vóc sát đất lễ Thượng tọa, rồi bay lên tòa cao thưa:

- Có Tu-đa-la nghe chính Đức Phật nói, có Tu-đa-la nghe từ Thanh văn nói ra.

Tôn giả hỏi:

- Lúc đầu Đức Phật nói Tu-đa-la tại chỗ nào?

A-nan đáp:

- Tôi nghe nghe vầy, một thời Đức Phật ở tại trú xứ Cổ tiên trong vườn Lộc giả, thành Ba-la-nại. Vì năm trăm vị Tỳ-kheo mà ba lần chuyển pháp luân, rộng nói pháp Tứ diệu đế... Tôn giả Kiều-trần-như suy nghĩ:

- Xưa Đức Phật vì bọn ta mà nói pháp này, nay A-nan nói lại đều không khác.

Tôn giả liền từ tòa đứng dậy, bước xuống đất nói kệ:

Than ôi! Các chúng khổ
Khuấy động như trăng nước
Không bền như ba tiêu
Như bóng nhiều hình huyễn ảo
Như Lai đại dõng mãnh
Công đức khắp Tam giới
Do vì gió vô thường
Bay đi mà không trụ.

Năm trăm vị La-hán nghe nói kệ này liền từ tòa khởi dậy bước xuống đất ngồi. Tôn giả Ca-diếp bảo chư Tỳ-kheo:

- A-nan tuyên tụng lại có đúng không?

Đáp:

- Thưa đúng.

A-nan sau đó nói lại hết tạng kinh Tu-đa-la.

Tôn giả Ca-diếp nghĩ:

- Nay ai sẽ tụng lại tạng Tỳ-ni.

Lại nghĩ đến Tôn giả Ưu-ba-ly. Đức Phật thường nói vị nầy là bậc trì Luật đệ nhất. Tất cả tạng Tỳ-ni vị nầy đều lãnh thọ đầy đủ từ Đức Phật. Nay nên bảo Ưu-ba-ly tụng lại.

Ma-ha Ca-diếp liền hỏi Ưu-ba-ly:

- Ông thọ trì tạng Tỳ-ni, nay có thể tụng lại?

Ưu-ba-ly đáp:

- Được.

Ca-diếp hỏi:

- Đức Phật nói Tỳ-ni lúc đầu ở chỗ nào?

Đáp:

- Tại nước Tỳ-xá-ly, nhân do Tu-đạt Già-lan-đà-tử mà chế giới thứ nhất. Như thế lần lượt đến các giới sau đều rộng tuyên nói thành một tạng Tỳ-ni.

Tôn giả Ca-diếp nghĩ: Ta nay nên tự mình tụng Ma-đắc Lặc-già-tạng. Đó là bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, bốn Như ý túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác chi, tám Thánh đạo... phân ra làm bốn Nan hành đạo, bốn Dị hành đạo, Vô tránh Tam-muội, Nguyện trí Tam-muội... Thế luận ký, Kiết sử ký, Nghiệp ký, Định tuệ ký v.v... Chư trưởng lão gọi đây là Ma-đắc-la-tạng.

Kiết tập các pháp tạng xong. Tôn giả Ca-diếp liền nói kệ:

Pháp luân tối thượng nầy
Tế độ khắp quần sinh
Thập lực Tôn giả nói
Nên cần chuyên phụng trì
Pháp nầy là Minh đăng
Phá tan mọi tăm tối
Tàn lọng của vô minh
Nhiếp tâm chớ phóng dật.

Tôn giả A-nan nghĩ rằng: Đức Phật trước khi nhập Niết-bàn có nói: "Nếu bỏ bớt những giới vi tế thì tăng thêm an lạc. Ta nay nên hướng về chúng Tăng mà nói điều này."

Tôn giả A-nan hướng về phía Thượng tọa nói:

- Tôi từng nghe Phật nói là xả bớt những giới vi tế thì tăng được an lạc.

Tôn giả Ca-diếp hỏi:

- Ông có hỏi Đức Như Lai những giới vi tế nào không?

Đáp:

- Không hỏi.

Ca-diếp nói:

- Ông không hỏi việc này, nên phạm tội Đột-kiết-la.

A-nan thưa:

- Tôi vốn ưu não cho nên không hỏi, tôi thật xấu hổ vì đã không hỏi.

Ca-diếp bảo:

- Ông cũng có lỗi, khi Đức Phật sắp nhập Niết-bàn có bảo ông đi lấy nước uống, mà ông không chịu lấy.

A-nan đáp:

- Tôi thật xấu hỗ vì không chịu lấy nước. Vì lúc bấy giờ, có năm trăm cỗ xe vừa lội qua làm nước đục cho nên tôi không lấy.

Lại nói:

- Ông cũng có tội là khi theo sau Đức Phật lại giẫm chân lên y Kim sắc của Đức Phật.

Đáp:

- Tôi thật là xấu hỗ, vì lúc đó không có vị Tỳ-kheo nào đứng gần cầm lấy y này cùng tôi.

Ca-diếp đáp:

- Nếu không có người cùng nắm y, thì sao ông không ném lên hư không cho chư Thiên cầm lấy. Lại nữa, ông cũng có tội khi Đức Phật nói: Nếu có Tỳ-kheo khéo tu đức như ý túc thì sẽ thọ mạng một kiếp rưỡi.

Trong pháp bốn Như ý túc Đức Phật đã nói ba lần, mà ông vẫn im lặng, không chịu cầu thỉnh Đức Phật trụ thế lâu đời. Do đấy mà ông cũng phạm Đột-kiết-la.

A-nan đáp:

- Tôi thật đáng xấu hổ.

Bấy giờ vì ác quỷ che mờ tâm khiến cho tôi không nghe lời Đức Phật nói.

Lại bảo:

- Ông cũng có tội, vì đã cho người nữ thấy được ẩn tướng của Đức Phật khi Niết-bàn.

Đáp:

- Tôi thật xấu hổ vì đã để cho người nữ thấy ẩn tướng của Đức Như Lai. Bởi vì tôi muốn cho họ nhàm chán thân nữ mà cầu thân nam tử.

Lại nói:

- Ông cũng có tội. Ngày trước ông khẩn cầu xin Đức Như Lai điều này, là vì tôi nghe trong quá khứ chư Phật đều có bốn bộ chúng, nên mới ân cần cầu thỉnh. Tôn giả Ca-diếp dạy cho A-nan tác pháp lục Đột-kiết-la sám hối xong liền bảo chư Tỳ-kheo:

- Chúng ta không nên bỏ những giới vi tế. Vì sao? Vì có Tỳ-kheo nói thất Diệt tránh là giới vi tế. Lại có vị cho pháp học chúng là giới vi tế. Lại có Tỳ-kheo nói pháp tứ Ba-la-đề-xá-ni là giới vi tế. Lại có Tỳ-kheo cho Ba-dật-đề là giới vi tế, nên bỏ hết các giới vi tế nầy. Có vị lại bảo nên bỏ hai pháp bất định, mười ba việc, nhẫn đến tứ sự đều xả bỏ. Ngoại đạo mà nghe được sẽ cho là Sa-môn Cù-đàm, pháp tu như mây khói. Khi Đức Phật còn tại thế thì tu trì giữ giới, còn khi Đức Phật nhập Niết-bàn rồi, thì muốn trì thì trì, muốn bỏ thì bỏ.

Tôn giả Ca-diếp bảo chư Tỳ-kheo:

- Như Lai từng nói rằng: Những gì cần chế giới thì ta đã nói hết. Những gì không chế giới thì cẩn thận chớ có chế. Nay những gì ta nói đều không thêm không bớt. Chư Tỳ-kheo nên giữ gìn giới này, để cho thiện pháp ngày càng tăng trưởng, các pháp bất thiện vĩnh viễn tiêu diệt. Vì nghĩa này mà Đức Phật chế giới. Vì vậy phải nên hộ trì, để cho chánh pháp được cửu trụ.

NHÂN DUYÊN NGÀI MA-HA CA-DIẾP NHẬP NIẾT-BÀN

Tôn giả Ma-ha Ca-diếp kết tập Tu-đa-la và A-tỳ-đàm xong, nhập vào nguyện trí Tam-muội quán sát pháp tạng có gì khiếm khuyết không. biết là không còn khiếm khuyết gì. Năm trăm vị La-hán cũng nhập nguyện trí mà quán xét.

Ca-diếp tự nghĩ: Đức Như Lai là bậc Đại Thiện Tri Thức của ta, vậy cần phải báo ân Đức Phật. Báo ân xong thì những gì muốn làm ta đã làm xong. Vì sự lợi ích của các pháp mà cùng tu phạm hạnh, vì chúng sinh mà làm nhiều lợi ích, muốn khai thị chúng sinh đời vị lai mà tưởng đại Bi. Muốn cho các pháp được lưu truyền không dứt. Vì người không biết tàm quý mà làm pháp Yết-ma. Vì người biết tàm quý làm pháp an lạc. Như thế chính là báo ân của Đức Phật.

Lại suy nghĩ: Ta nhiều năm đối với thân già yếu này rất nhàm chán. Giờ Niết-bàn đã đến. Tôn giả Ca-diếp đem phó chúc lại cho A-nan mà nói rằng:

- Này Trưởng lão A-nan, Phật đem giáo pháp phó chúc cho ta. Ta

nay muốn nhập Niết-bàn nên phó chúc lại cho ông, ông phải giữ gìn.

Ngài A-nan thưa:

- Xin thọ giáo Đức Thế Tôn, trong thành Vương Xá có một trưởng giả có đứa con trai, khi sinh ta đã có vải Thương-na khoác sẵn trên người, cho nên đặt tên là Thương-na, tức Thương-na-hòa-tu. Người này lớn lên đi vào biển tìm báu vật.

Ca-diếp nói với A-nan:

- Thương-na-hòa-tu phát ý nguyện đi ra biển khi trở về muốn thiết lập hội cúng dường chúng Tăng, khi lập hội xong ông nhớ độ cho vi ấy xuất gia và giáo lạii giáo pháp. Ngài Ca-diếp phó chúc cho A-nan xong liền suy nghĩ: Nay ta đối với lòng đại Bi khổ hạnh khó làm Bà-già-bà Thiện tri thức tu vô lượng tịnh thiện công đức để đạt được chỗ chân diệu xá-lợi. Tiếp đến Tôn giả đảnh lễ tháp Đức Phật. Lần lượt lễ tháp Đức Phật xong, Tôn giả lại lên cung trời Đế Thích đảnh lễ răng Đức Phật. Lúc này Thích Đề-hoàn Nhân cùng chư Thiên đến cúng dường lễ lại Tôn giả Ca-diếp.

Sau đó trời Đế Thích thưa:

- Tôn giả hiện nay muốn đến cúng dường xá lợi để nhập Niết-bàn, cho nên mới đến đây.

Tôn giả đáp:

- Ta muốn lễ bái răng Đức Phật, cùng tóc, mão thiên và bình bát của Đức Như Lai. Nay ta đến cúng dường lần cuối.

Trời Đế Thích và chư Thiên nghe xong thì rất áo não. Thích Đề-hoàn Nhân cung kính dâng răng Đức Phật cho Tôn giả. Tôn giả đem hoa Chiên-đàn Mạn-đà cúng dường răng Đức Phật, cúng dường xong Tôn giả bảo chư Thiên tinh tấn chớ có phóng dật. Sau đó, trưởng lão trở về thành Vương xá. Bấy giờ, A-nan nhận lời phó chúc xong, sợ Tôn giả Niết-bàn mà không thấy, cho nên luôn đi theo bên cạnh không xa rời.

Tôn giả bảo A-nan:

- Ông nên đi riêng một mình vào thành khất thực để làm ba điều thiện.

1. Có sắc mạo chân thật.

2. Đa văn chân thật, khiến cho người nghe không nhàm chán.

3. Tên của A-nan cũng được lợi ích chân thật.

Bấy giờ Tôn giả A-nan vào thành khất thực. Chợt nhớ đã hứa về thăm vua A-xà-thế trước khi nhập Niết-bàn. Tôn giả liền đi vào cung vua.

Người giữ cửa nói:

- Vua đang ngủ nên tôi không dám đánh thức.

Tôn giả nói:

- Khi vua thức, ông nên nói lại là Tôn giả Ca-diếp muốn nhập Niết-bàn, nên đến để từ biệt vua.

Thế là tôn giả Ca-diếp đi đến núi Kê khước Tam nhạc, trải tòa cỏ mà ngồi kiết già, suy nghĩ: Ta nay đắp, mặc y phấn tảo của Đức Phật, tự trì bát của Đức Phật, cho đến khi Đức Phật Di-lặc ra đời chớ cho hủy hoại. Khi ấy, để cho đệ tử Di-lặc thấy thân ta mà nhàm chán ác đạo.

Tôn giả lại nghĩ:

- Nếu vua A-xà-thế không thấy thân ta, thì sẽ hộc máu từ trên mặt xuống, mạng khó bảo toàn. Tôn giả Ca-diếp đã xả bỏ thân xác, chỉ lưu lại tiểu thọ, liền khi đó cả đại địa lục chủng đều chấn động.

Tôn giả Ca-diếp muốn nhập định liền nghĩ: Nếu A-nan và A-xà-thế đến núi thì núi mở khiến cho được vào, khi trở về thì núi lại mở ra.

Thích Đề-hoàn Nhân đem vô số chư Thiên và hoa trời Mạn-trà-la, mạt hương đến cúng dường, xong núi liền đóng lại che thân Tôn giả.

Thích Đề-hoàn Nhân thấy Tôn giả xã bỏ báo thân thì lòng rất áo não.

- Như Lai Niết-bàn, sự khổ não chưa dứt. Nay Tôn giả cũng lại nhập Niết-bàn, sự khổ não cũng gấp bội.

Thần của hang Tất-bát-la nghe Tôn giả Niết-bàn liền nói:

- Ngày nay hang này trở thành hoang vắng, nước Ma-kiệt-đà cũng thành trống không, người bần cùng già khổ từ nay mất nơi nương tựa, không còn lòng từ mẫn xót thương của người làm cho lợi ích. Từ đây trở thành kẻ nghèo thiện pháp. Núi đã băng hoại núi pháp cũng chìm mất, cây pháp bị chặt phá, biển pháp thành khô cạn. Ngày nay cõi Ma đang vui sướng, còn chốn nhân thiên ai bi sầu não. Nói xong Thích Đề-hoàn Nhân cùng chư Thiên bay về cõi trời.

Tôn giả A-nan đi khất thực xong, liền tư duy sâu lắng về các pháp chư hành vô thường. Bấy giờ vua A-xà-thế nằm mộng thấy cây xà nhà bị gãy đổ, tỉnh dậy thì hoang mang lo sợ. Khi đó người giữ cửa vào tâu:

- Ngài Ca-diếp có đến từ giả vua để nhập Niết-bàn.

Vua nghe nói liến đau đớn té xỉu xuống đất. Người hầu lấy nước rửa mặt hồi lâu mới tỉnh. Vua liền đến vườn trúc lễ lạy Tôn giả A-nan mà thưa:

- Tôn giả ngày nay muốn vào Niết-bàn.

A-nan bảo:

- Tôn giả đã nhập Niết-bàn rồi.

Vua lại hỏi tiếp:

- Xin chỉ cho tôi biết thân xác của Tôn giả chỗ nào, tôi muốn cúng dường.

A-nan dẫn vua đến núi Kê túc. Khi vua đến thì núi tự mở ra. Vua và Tôn giả A-nan vào trong trông thấy ngài Ca-diếp ngồi bất động. Khắp thân mình và nửa đầu đầy ngập các loại hoa trời. Vua năm vóc lạy xuống đất. Sau đó đứng dậy cầm khúc khải Chiên-đàn, A-nan hỏi vua muốn gì?

Vua đáp:

- Muốn hỏa thiêu Tôn giả.

A-nan bảo:

- Tôn giả dùng định để trụ thân lại mà đợi Đức Phật Di-lặc ra đời nên không thể hỏa thiêu. Khi Đức Phật Di-lặc ra đời, chúng sinh đến núi này sẽ trông thấy Tôn giả. Lúc này mọi người sẽ nghĩ: Hàng Thanh văn thân nhỏ, Đức Phật kia chắc cũng nhỏ, như vậy nên tỏ ý xem thường. Ma-ha Ca-diếp liền bay lên hư không, biến hóa thân lớn thành mười tám lần, ngài Di-lặc cũng nói là Đức Phật Thích-ca cùng Tăng-già-lợi đều biến hiện vô cùng như Ca-diếp.

Chín mươi sáu ức Sa-môn thấy được thân tuy nhỏ mà đạo đức thần thông sáng chói viên mãn như thế. Tự lấy làm hổ thẹn, liền dứt trừ tâm kiêu mạn mà chứng quả A-la-hán. Vua thiết lễ cúng dường rồi thì trở về, A-nan cũng theo ra. Sau khi hai vị đi ra khỏi, thì núi tự nhiên khép lại. Vua chắp tay bạch với Tôn giả:

- Khi Như Lai Niết-bàn, tôi đã không được thấy. Tôn giả Ca-diếp nhập Niết-bàn tôi cũng không được thấy. Vậy Tôn giả có Niết-bàn xin cho tôi được thấy.

A-nan nói:

- Được.

Khi đó Thương-na-hòa-tu từ biển trở về được bình an, liền đem trân báu đến Trúc lâm cúng dường. Lúc này Tôn giả A-nan đang đi kinh hành trước cửa tịnh xá. Thương-na-hòa-tu liền bước tới lễ lạy Tôn giả rồi đứng một bên thưa:

- Tôi có phát ý đi biển, nay bình yên trở về, vì chư Phật và chúng Tăng sẽ thiết lễ cúng dường. Nay Thế Tôn đang ở chỗ nào.

Tôn giả đáp:

- Đức Phật đã nhập Niết-bàn.

Nghe xong Thương-na-hòa-tu ngã quỵ xuống đất. Đem nước rửa

mặt hồi lâu mới tỉnh dậy, lại hỏi các Tôn giả Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên, Ca-diếp ở chỗ nào?

Đáp:

- Các vị ấy cũng đã nhập Niết-bàn.

Thương-na-hòa-tu thưa:

- Thưa Đại đức! Tôi muốn vì chúng Tăng thiết lễ cúng dường.

Tôn giả bảo:

- Có thể tùy ý.

Khi làm xong, A-nan lại nói:

- Ông đã làm tài thí thì nay cũng có thể làm pháp thí.

Hỏi:

- Tôn giả muốn tôi làm pháp thí gì?

Tôn giả nói:

- Ở trong Phật pháp xuất gia chính là pháp thí.

Hòa-tu đáp:

- Được, con xin y giáo.

A-nan liền độ cho xuất gia và thọ giới Cụ túc, cho đến bạch tứ Yết-ma. Thương-na-hòa-tu nói, con vốn sinh ra đã mặc y Thương-na. Con sẽ mang y này suốt đời. Thế là tổng trì tám vạn bốn ngàn pháp tạng của ngài A-nan, chứng đầy đủ ba Minh sáu Thông rõ suốt cả Tam tạng.

Tôn giả A-nan ở trong vườn Trúc lâm nghe một vị Tỳ-kheo tụng pháp cú rằng:

- Nếu người sinh ra đời được một trăm tuổi, mà không thấy nước Cô quán, không bằng sống một ngày mà thấy nước Cô quán. Tôn giả A-nan đứng một bên thấy lỗi này liền nói:

- Đệ tử Đức Phật không nên tụng như vậy. Lời Đức Phật dạy là: Người sinh ra đời một trăm tuổi mà không giải thoát sinh tử, không bằng sinh một ngày mà được giải thoát sinh tử.

A-nan lại nói:

–Người Phật tử có hai hạng người hủy báng Phật: Một là người đa văn mà giải nghĩa lý rơi vào chỗ không có nhân quả. Hai là điên đảo mà giải nghĩa, đó cũng là tà độc. Nếu giải đúng chánh nghĩa thì chính là quả Niết-bàn.

Vị Tỳ-kheo này liền đến bạch với thầy:

- Tôn giả A-nan nói bài ấy không phải do Phật nói ra.

Vị thầy nói:

- Tôn giả A-nan vì già cả nên quên đấy thôi. Người cứ tụng y như

vậy.

A-nan khi trở lại vẫn nghe vị Tỳ-kheo tụng như cũ, Tôn giả bảo:

- Ta đã bảo là đây không phải lời Đức Phật dạy. Ông không nghe à!

Đáp:

- Thầy Hòa thượng của con bảo là A-nan già cả rồi nên không nhớ và bảo con tụng y như vậy.

A-nan nghĩ:

- Nếu ta tự thân làm hay nói thì sẽ không được tin thọ. A-nan nhập định quán xem có vị Tỳ-kheo nào khiến cho Tỳ-kheo này thay đổi không? Nhưng thấy là không có ai có thể làm sửa đổi được. Những vị Tôn túc Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên, Ma-ha Ca-diếp đều đã nhập Niết-bàn. Ta nay biết hướng về ai để nói điều này. Thôi ta cũng nên nhập Niết-bàn. Chư thiện hữu cùng học với ta nay đã nhập Niết-bàn từ lâu. Vậy thì ta cũng chớ lưu lại thân với trụ xứ này nữa.

Tôn giả A-nan nói với Thương-na-hòa-tu:

- Đức Phật đem pháp phó chúc lại cho ngài Ca-diếp. Ngài Ca-diếp giao lại cho ta. Nay ta muốn nhập Niết-bàn, vậy ông nên truyền thừa gìn giữ, ở nước Ma-đột-la có núi Ưu-lưu-mạn-trà, ông nên lập tháp tự ở nơi đó.

Bấy giờ, có hai anh em nhà trưởng lão kia, một người tên Na-la, một người tên Bạt-lợi, Đức Phật nói đây là hai vị Đàn-việt, sẽ tại núi này tạo lập tăng phường A-lan-nhã. Ở nước Ma-đột-la, có con trưởng giả tên Cúc-đa, ông nên theo độ cho xuất gia. Phật đã thọ ký vị này, sau một trăm Đức Phật nhập diệt vị ấy sẽ làm Phật sự tại núi này, độ chúng vô lượng.

Thương-na-hòa-tu lãnh thọ lời dạy của ngài A-nan

Sáng sớm Tôn giả A-nan cầm y bát vào thành khất thực, mà khởi ý nghĩ: Vua A-xà-thế có cùng ta giao ước, nay ta phải đến từ tạ, liền đi đến cung vua nói với người giữ cửa:

–Vào thưa với vua là có Tôn giả A-nan đến.

Người giữ cửa vào thấy vua còn ngủ liền trở ra thưa là vua đang ngủ.

A-nan bảo:

- Ông vào đánh thức đi

Đáp:

- Vua tánh rất hung dữ, nên không dám đánh thức

A-nan nói:

- Nếu khi vua thức thì bạch lại rằng: A-nan muốn nhập Niết-bàn nên đến đây từ biệt vua.

Tôn giả A-nan khất thực xong trở về suy nghĩ: Nếu ta ở thành Vương xá nhập Niết-bàn. Vua A-xà-thế cùng nước Tỳ-xá-ly không thuận nhau. Vua A-xà-thế sẽ không chia xá-lợi cho nước kia. Còn như ta đến nước Tỳ-xá-ly nhập Niết-bàn thì nước kia cũng không chia xá-lợi của ta cho A-xà-thế. Hai nước sẽ tranh giành nhau. Ta nên đến giữa sông Hằng mà nhập diệt. Vua A-xà-thế nằm mộng thấy cái bảo cái đang cầm bị người ta bẻ mất cái chuôi đi.

Vua thấy vậy thì rất sợ hãi, bèn tỉnh dậy. Người giữ cửa vào thưa là có Tôn giả A-nan đến từ biệt để nhập Niết-bàn. Vua nghe vậy thì buồn đau té xỉu xuống đất. Người hầu phải lấy nước rửa mặt hồi lâu mới tỉnh.

Vua vội hỏi:

- Tôn giả đã đi bao lâu. Đến chỗ nào để nhập Niết-bàn.

Lúc này có thần Trúc viên đến bảo vua:

- Tôn giả A-nan đến nước Tỳ-xá-ly để nhập Niết-bàn.

Vua nghe nói liền tụ tập bốn bộ binh, kéo đến bờ sông Hằng. Thần Trúc viên cũng đến nói với dân Tỳ-xá-ly. Tôn giả A-nan nhập Niết-bàn ở thành Viên xá dân Tỳ-xá-ly nghe nói cũng cử đại binh đến bờ sông Hằng. Thần Trúc viên cũng đến nói với dân Tỳ-xá-ly. Ngài A-nan nhập Niết-bàn ở thành Viên xá. Dân Tỳ-xá-ly nghe nói cũng cử đại binh đến bờ sông Hằng.

Tôn giả A-nan đang ở trên thuyền nơi giữa dòng sông. Vua A-xà-thế trông thấy Tôn giả thì đảnh lễ thưa:

- Ngọn đèn trong Tam giới là Đức Như Lai đã bỏ chúng tôi. Ngài là ngọn minh đăng để chúng tôi nương về. Nguyện xin lòng Từ mẫn chớ nhập Niết-bàn.

Dân Tỳ-xá-ly cũng lễ Tôn giả mà nói:

- Tôn giả A-nan, nếu muốn nhập Niết-bàn xin đến nước Tỳ-xá-ly.

Lúc nầy cả đại địa đều chấn động, có năm trăm vị tiên nhân có đầy đủ ngũ thông đều tư duy: Đất nầy do nhân duyên gì nay lại chấn động. Quán xét thì thấy A-nan nhập Niết-bàn nên mặt đất chấn động. Vị thủ lảnh tiên nhân liền dẫn năm trăm vị tiên kia đến chỗ A-nan, đảnh lễ dưới chân Tôn giả rồi thưa:

- Xin cho con được xuất gia.

A-nan nghĩ:

- Hàng đệ tử Thánh hiền của ta nên đến đây. Năm trăm vị A-la-hán tự nhiên cũng đến.

Tôn giả A-nan biến dòng sông Hằng thành đất vàng, rồi xuất gia cho năm trăm vị tiên nhân và họ đều chứng quả A-la-hán. Thế là tiên nhân ở nơi giòng sông Hằng được thọ giới, lấy tên là Ma-điền-đề. Khi đã đắc quả A-la-hán liền làm lễ dưới chân Bồ-tát mà thưa rằng:

- Đệ tử cuối cùng của Như Lai là Tu-bát-đà đã nhập Niết-bàn trước Đức Phật. Con nay cũng là đệ tử cuối cùng của ngài, nên cũng muốn nhập Niết-bàn, không nở nhìn Hòa thượng nhập Niết-bàn trước.

Tôn giả A-nan nói:

- Đức Thế Tôn đem giáo pháp phó chúc cho ta rồi nhập Niết-bàn, vậy thì ông nên nước Kế tân mà khởi hưng Phật pháp. Phật đã thọ ký, sau khi ta Niết-bàn có Tỳ-kheo Ma-điền-đề hành trì Phật pháp tại nước Kế tân. Tôn giả A-nan đem giáo pháp phó chúc cho Ma-điền-đề xong, thì bay lên hư không, biến hóa khôn lường khiến cho Đàn-việt trông thấy thì rất hoan hỷ, gió lớn Tam-muội phân thân làm bốn phần. Một phần bay lên cung trời Đao lợi của Thích Đề-hoàn Nhân. Một phần bay lên Đại hải của long vương Ta-kiệt-la. Một phần đến nước của vua A-xà-thế. Một phần đến nước Tỳ-xá-ly. Thế là bốn nơi đều xây tháp cúng dường.

NHÂN DUYÊN VỀ MA-ĐIỀN-ĐỀ

Ma-điền-đề nghĩ rằng: Hòa thượng A-nan phó chúc pháp cho ta, dạy ta đem pháp mà an định nước Kế tân. Lúc này, nước Kế tân có Đại long, trước nay đã từng ở đó. Ma-điền-đề liền đến nước Kế tân ngồi kiết già nghĩ rằng:

- Nếu ta không làm xúc não, thì rồng sẽ không chịu hàng phục.

Liền nhập định làm cho nước Kế tân bị chấn động. Rồng tức giận cũng làm sấm chớp mưa đá vân vũ tràn ngập. Tôn giả liền nhập từ bi tâm Tam-muội, làm cho điên đảo một giọt nước cũng không động đến y, huống gì là thân, hóa giải hết sấm chớp mưa đá thành ra hoa Bát-đầu-ma, hoa Câu-vật-đầu, hoa Phân-đà-lợi, hoa Ưu-bát-la, rồng liền tạo ra mưa kiếm dao búa và các khí trượng. Ma-điền-đề liền hóa thành bảy báu, lại hóa thành mưa cây đá núi, Ma-điền-đề hóa cây đá thành thức ăn y phục, rồng lại làm cho mưa lớn trong bảy ngày. Tôn giả hóa giải đưa nước vào trong biển lớn, rồng phun lửa muốn đốt Tôn giả, Tôn giả

biến lửa thành chân châu, rồng lại hóa vô số rồng con, Tôn giả hóa vô số kim xí điểu. Rồng thấy kim xí điểu thì lo sợ đến chỗ Tôn giả nói:

- Tôn giả muốn gì?

- Ngươi có thể thọ Tam quy.

Rồng lại hỏi:

- Tôn giả muốn gì nữa?

- Cùng ta ở đây.

Rồng nói:

- Không thể ở cùng.

Tôn giả bảo:

- Đức Phật trước khi nhập Niết-bàn đã thọ ký đất này làm nơi an ổn để tọa thiền.

Rồng nói:

- Phật thọ ký chỗ nào?

Đáp:

- Chính là chỗ nầy.

Rồng:

- Muốn khoảng bao nhiêu?

Đáp:

- Muốn được một chỗ ngồi.

Ma-điền-đề liền hóa thân khắp cả nước Kế tân cùng ngồi.

Rồng hỏi:

- Dùng bao nhiêu đất?

Đáp:

- Tôi nay có nhiều chúng bạn.

Hỏi:

- Có bao nhiêu người?

Đáp:

- Có năm trăm La-hán.

Rồng nói:

- Nếu thiếu một người thì không được, Tôn giả nhập định quán coi có đủ năm trăm vị không? thì thấy đủ.

Sau đó đem vô số người đến xứ này tự lập ra thành ấp thôn xóm, Ma-điền-đề đưa người đến núi Hương sơn, muốn lấy các thứ trân báu đem đến nước Kế tân. Bấy giờ, Long thần ở Hương sơn đều ủng hộ. Rồng hỏi:

- Cần bao nhiêu?

Tôn giả đáp:

- Tùy pháp trụ ở đời.

Lại hỏi tiếp:

- Phật pháp trụ bao lâu?

Đáp:

- Một ngàn năm.

Rồng nói:

- Ông tùy đó mà lấy.

Sau đó Ma-điền-đề lại nghĩ: Hòa thượng dạy ta đến nước Kế tân này để hoằng truyền Phật pháp. Nay đã xong ta nên nhập Niết-bàn. Tôn giả liền bay lên hư không biến hóa mười tám lần khiến cho Đàn-việt đều sinh lòng hoan hỷ, cùng làm lợi ích mà tu phạm hạnh. Thí như nước hết lửa tắt, rồi nhập Niết-bàn. Đại chúng lấy củi chiên-đàn thiêu xong thu lấy Xá lợi xây tháp.

■

A-DỤC VƯƠNG TRUYỆN

NHÂN DUYÊN VỀ THƯƠNG-NA-HÒA-TU

QUYỂN 5

Khi Tôn giả A-nan nhập Niết-bàn. Thương-na-hòa-tu đi đến nước Ma-đột-la, giữa đường gặp ngôi chùa tên Tỳ-đa, lúc này trời đã tối, liền vào chùa tá túc. Trong chùa có hai vị Tỳ-kheo Ma-ha-la đang cùng luận đàm.

Tôi ngày trước có nghe Thương-na-hòa-tu nói rằng:

- Nếu có vị Tỳ-kheo giữ giới nhỏ mà không phạm thì gọi là Thắng giới. Nghe các việc tường tận mà không nghe các việc khác thì gọi là đa văn.

Thương-na-hòa-tu nghe lời này liền nói với Ma-ha-la:

- Thương-na-hòa-tu không nói lời này, mà nói rằng, thấy người thanh tịnh thì gọi là tịnh trì giới, người tịnh trì giới thì gọi là Đệ nhất giới. Nếu nghe mà hành trì theo thì gọi là đa văn, chứ không như ông nói.

Ma-ha-la hỏi:

- Ngài là Thương-na-hòa-tu.

Đáp:

- Chính là tôi.

Ma-ha-la hỏi:

- Vì nhân duyên gì mà ngài lấy tên Thương-na-hòa-tu. Vì thọ y Thương-na nên lấy tên Thương-na-hòa-tu. Hay là quá khứ tạo thiện duyên nên có tên này?

Đáp:

- Vì cả hai nhân duyên nên có tên Thương-na-hòa-tu. Một là thọ trì y Thương-na, hai là quá khứ tạo thiện duyên, cho nên tên là Thương-na-hòa-tu.

Lại hỏi:

–Nhân duyên quá khứ như thế nào?

Đáp:

- Đời quá khứ ở nước Ba-la-nại có một thương chủ, cùng năm trăm thương nhân đi vào trong biển thấy một vị Bích-chi-phật bị bệnh. Bấy giờ thương chủ cùng đoàn thương nhân dừng lại. Đem thuốc thang ẩm thực để điều trị cho vị Phật này, vị Bích-chi-phật dần được khỏi bệnh, khi ấy vị Bích-chi-phật mặc y vải Thương-na. Thương chủ hỏi ngài có muốn y len thì nên bỏ y Thương na chúng con sẽ cúng y len.

Bích-chi-phật đáp:

- Y nầy ta dùng khi xuất gia và cho đến nay lúc thành đạo và nhập Niết-bàn vẫn giữ y này.

Thương chủ nói:

- Xin Tôn giả chớ vào Niết-bàn để cùng chúng tôi ra biển. Ra biển trở về chúng tôi sẽ trọn đời cung cấp cho Tôn giả y thực, ngọa cụ, thuốc men đầy đủ.

Bích-chi-phật nói:

- Ta nay không thể đi biển. Nay chỉ phát lòng hoan hỷ cho ông làm đại công đức.

Liền ngay trước mặt Thương chủ, Bích-chi-phật bay lên hư không biến hóa vô cùng mà nhập Niết-bàn.

Thương chủ đó nay chính thân ta. Ta khi ấy cúng dường Xá lợi cho Phật xong thì phát nguyện.

- Nguyện đời vị lai gặp được Thánh sư. Rồi trải qua trăm ngàn vạn ức cũng được công đức như Thánh sư, trong tương lai chỗ sinh ra đều có uy đức pháp tắc và y phục như Bích-chi-phật. Vì vậy khi ta sinh ra liền có y Thương-na mặc trên người. Ngày xuất gia vẫn đắp y này. Cho nên trọn đời vẫn trì y.

Lại hỏi:

- Làm sao để thọ trì y?

Đáp:

- Khi ta thọ Cụ túc giới, đã cầu trọn đời thọ trì y này. Vì vậy, nên được thọ trì.

Ma-ha-la nói:

Ngài quả thật là chơn hảo.

Tôn giả Thương-na-hòa-tu lần lần đi đến nước Ma-đột-la, đến núi Ưu-lưu-mạn-trà ngồi kiết già, núi này có hai Long tử và quyến thuộc cùng ở.

Tôn giả nghĩ:

- Nếu ta không xúc não, thì rồng sẽ không đi.

Bèn làm cho cả núi chấn động. Rồng nổi giận làm mưa gió lớn tràn đến chỗ Tôn giả. Tôn giả liền nhập định từ bi Tam-muội, đem tâm từ hóa giải nên trùng độc nước lửa đều không làm thương hại. Cũng như tôn giả Ma-điền-đề hàng phục được rồng.

Long tử thấy việc chưa từng có liền phát lòng tin, đến chỗ tôn giả thưa:

- Ngài muốn dạy gì?

Tôn giả đáp:

- Cho ta cùng chúng Tăng trụ xứ tại đây.

Rồng nói:

- Không được.

Tôn giả bảo:

- Đức Phật trước khi Niết-bàn có thọ ký tại núi Ưu-lưu-mạn-trà này có trú xứ A-lan-nhã. Tên gọi là Na-la-bạt-lợi tọa thiền đệ nhất.

Long tử nói:

- Đức Phật đã thọ ký thật sao?

Đáp:

- Có thật.

Rồng nói:

- Nếu Đức Phật đã thọ ký thì tùy ý sử dụng.

Tôn giả nhập định quán xét xem thử Đàn-việt ra đời chưa. Biết đã ra đời nên sáng sớm đắp y trì bát đi vào thành Ma-đột-la đi khất thực từng nhà, vừa đến trước cửa nhà trưởng giả Na-la-bạt-lợi, nói với trưởng giả:

- Ông cho tôi tiền, tôi nay muốn ở trong núi Mạn-trà tạo trú xứ A-lan-nhã.

Trưởng giả nói:

- Tại sao tôi phải cho tiền?

Đáp:

- Đức Phật trước đã thọ ký, sau khi ta Niết-bàn, ở nước Ma-đột-la có một trưởng giả, huynh đệ hai người, một người tên Na-la, một người tên Bát-la, tại núi Mạn-trà phát tâm tạo dựng trú xứ A-lan-nhã. Trú xứ lấy tên Na-la-bạt-lợi.

Trưởng giả nói:

- Đức Phật đã thọ ký.

Thế là trưởng lão liền xuất tiền vàng lên núi tạo dựng tăng phương trú xứ. Đặt tên là tinh xá Na-la-bạt-lợi.

Thương-na-hòa-tu nhập định quát xét xem Cúc-đề trưởng giả đã

ra đời chưa thì thấy đã ra đời. Lại quán con của Cúc-đề sinh ra chưa? Vẫn chưa sinh, thế là lần hồi đi đến nhà Cúc-đề giáo hóa khiến cho người hướng về Phật pháp. Lúc đầu Tôn giả đem theo nhiều vị Tỳ-kheo đến, sau dần ít lại. Rồi chỉ còn một mình đi đến đó. Trưởng lão hỏi:

- Tôn giả không có đem vị đệ tử nào đến nhà tôi sao?

Đáp:

- Tôi không có đệ tử theo phụng trì, nếu có lòng kính tin thì nên theo tôi.

Cúc-đề thưa:

- Thân tôi hãy còn tham lạc thú thế gian, nên chưa thể xuất gia đi theo Tôn giả được. Nếu có con thì sẽ cho theo.

Tôn giả nói:

- Ông có ý tốt, xin cẩn thận giữ lời đừng có quên.

Cúc-đề sau đó sinh một con đặt tên là A-thất-bà Cúc-đa. Đứa bé ấy lớn lên. Tôn giả mới nói:

- Ông trước có hứa, nếu có con thì cho theo tôi xuất gia. Nay đứa con ấy đã lớn thì nên cho.

Đáp:

- Tôi chỉ có một con, không thể cho theo được. Nếu có đứa nữa thì cho đi.

Tôn giả nói:

- Được.

Sau sinh một đứa khác đặt tên là Đàn-ni Cúc-đa, đứa bé rồi cũng lớn lên, Tôn giả tìm đến nói, ông có nói nếu có đứa nữa thì hứa cho theo tôi. Nay nên cho đi xuất gia.

Cúc-đề đáp:

- Tôi có một đứa để giữ tài của. Một đứa cho ra ngoài để kiếm tiền, nếu có đứa thứ ba thì sẽ cho đi.

Tôn giả nói:

- Được.

Không bao lâu lại có đứa thứ ba, được đặt tên là Ưu-ba-cúc-đa, vì dung mạo rất đoan chánh khác thường.

Đứa bé dần dần lớn lên, ở trong cửa hàng coi việc bán hương, người đến mua rất nhiều, nên thu lợi vô cùng.

Tôn giả quán sát thấy trưởng lão Cúc-đề đã sinh con, liền đến bảo:

- Ông trước hứa sinh đứa thứ ba sẽ cho theo tôi để xuất gia. Nay đã có thì nên giữ lời mà cho theo tôi.

Cúc-đề nói:

- Nếu không làm mất nguồn lợi của tôi thì tôi sẽ cho theo Tôn giả.

Lúc này Ma vương thông báo cả nước Ma-đột-la, có thể đến nhà Cúc-đề để mua hương. Do có nhiều người mua nên lợi lộc rất nhiều.

Tôn giả đi đến chỗ Ưu-ba-cúc-đa đang bán hương trong chợ, Tôn giả đến bảo:

- Ông ở đây bán hương là vì tịnh tâm hay bất định tâm.

Ưu-ba-cúc-đa đáp:

- Con không biết, vì sao gọi là tịnh tâm. Vì sao gọi là bất định tâm.

Tôn giả nói:

–Nếu tâm người tương ứng với tham dục sân nhuế thí là bất định tâm. Nếu không cùng tương ứng là tịnh tâm. Ngươi nên biết chỗ sở duyên của tâm đó. Nếu tâm duyên theo bất thiện thì lấy hòn đá đen đặt bên trái. Nếu tâm duyên theo thiện thì lấy hòn đá trắng đặt bên phải. Lại dạy Cúc-đa niệm Phật và quán Bất tịnh. Ngày đầu được hai phần đen, một phần trắng, ngày thứ hai được phân nữa đen, phân nữa trắng, dần dần chỉ thuần là trắng mà không còn đen nữa. Tâm lúc nầy chỉ thuần là thiện. Như pháp mà đoạn hết mọi điều phi pháp.

Ở thành Ma-đột-la có một dâm nữ tên là Bà-tu-đạt-đa, sai người tỳ nữ đến chỗ Ưu-ba-cúc-đa mua hương, khi tỳ nữ mua hương về thì dâm nữ giận nói:

- Nhà ông ta có trộm đạo hay sao mà có nhiều hương tốt vậy?

Tỳ nữ thưa:

- Đây là do có con của Cúc-đề tên Ưu-ba-cúc-đa, tánh tình bình đẳng như pháp, đang mua bán ở chợ.

Dâm nữ liền đến nhà Ưu-ba-cúc-đa mà lòng khởi tà dục, liền sai tỳ nữ đến chỗ Ưu-ba-cúc-đa nói:

- Đại gia tôi muốn gặp mặt ông!

Cúc-đa đáp: ư

- Chẳng phải là lúc gặp mặt Bà-tu-đạt-đa dâm nữ trước nay vẫn đặt ra phép năm trăm tiền vàng cho người một đêm. Dâm nữ lại sai tỳ nữ đến nói với Cúc-đa:

- Tôi không lấy tiền, có thể cùng tôi một lần gặp mặt. Bấy giờ có đại trưởng giả, trước đã cùng với dâm nữ qua đêm. Ở phương Bắc có một thương khách đem nhiều trân bảo đến nước Ma-đột-la.

Thương khách hỏi người:

- Trong thành có ai là Đệ nhất kỹ nữ?

Có người đáp có Bà-tu-đạt-đà là đệ nhất dâm nữ ở đây. Muốn đến đây phải đem đến năm trăm tiền vàng cùng người qua một đêm.

Thương chủ nghe nói liền đem vàng và nhiều y phục tốt đẹp, cùng anh lạc đến cho dâm nữ. Lúc này dâm nữ tham của thương chủ nên giết đại trưởng giả đem chôn ở trong nhà. Con của trưởng giả cùng quyến thuộc tìm đến nhà dâm nữ khai quật nền nhà lên rồi đem đến trình vua là Bà-tu-đạt-đà đã sát hại trưởng giả. Vua liền cho bắt dâm nữ, đem ra cắt hết tai mũi và chân tay rồi ném vào hầm. Ưu-ba-cúc-đa nghe việc này liền nói:

- Cô gái này vốn đã đem thanh sắc dục lạc làm nhân duyên mời gọi ta. Nay bị cắt tai mũi chân tay, nay chính là lúc phải đến đó. Người kia lúc còn trang nghiêm y phục, hiện tướng tham dục nên không đến. Nay tham dục không còn thì nên đến. Bèn đem người hầu đến chỗ hầm. Người tỳ nữ vì ân nghĩa với chủ cũ, cho nên theo đến đó để đuổi chim. Tỳ nữ nói với chủ có Ưu-ba-cúc-đa. Dâm nữ bảo nữ tỳ đem tai mũi chân tay ở gần đó lấy mền để che lại. Ưu-ba-cúc-đa đến đứng ở trước mặt. Bà-tu-đạt-đa nói với Ưu-ba-cúc-đa rằng:

- Tôi bình thường có sai người gọi ông đến mà ông không đến. Ngày nay tôi bị khổ nạn, thân thể bị cắt ra thì sao lại đến thăm tôi.

Ưu-ba-cúc-đa đáp:

- Tôi vốn không vì lòng tham dục mà đến thăm cô. Ta vì muốn thật tướng của dục nên mới đến đây. Còn cô vì lòng tham dục che mờ cho nên không nhận thấy thật tướng. Cô đem thanh sắc ra để lừa dối thế gian. Nay trở về với căn bổn thật tướng được da thịt che kín bên trên. Một khi máu chảy thịt tan gân cốt mạch máu đều không còn. Sự béo tốt bên ngoài xem thì rất đẹp, còn bên trong thì nhơ uế xấu xa đầy dẫy. Bên ngoài thì hương hoa che phủ lên. Bên trong thì ô uế hôi thối thật là đáng chán.

Nếu nghe được Phật pháp thì sự tham dục ấy gây ra nhiều khổ não lo sợ, trăm ngàn tai họa đều từ tham dục mà sinh ra. Nếu có bậc Trí giả dẫn dắt quở trách thì có thể xa lìa tham dục ô uế mà được giải thoát đi vào con đường chánh đạo để đến Niết-bàn. Dâm nữ nghe lời dạy đó rồi thì sinh lòng nhàm chán Tam giới, phát lòng tin Phật pháp thâm sâu. Liền nói với Ưu-ba-cúc-đa. Như ngài nói có bậc Trí giả quở trách dạy bảo pháp thật tướng như vậy. Xin nhủ lòng bi mẫn nói cho tôi nghe. Ưu-ba-cúc-đa liền nói pháp Tứ đế. Khổ đế như sắt nung chảy; Tập đế như loài cây độc; Diệt đế là đoạn si ái, nương theo bát Thánh đạo mà ra lại

nói khổ thể như loài ung nhọc độc khởi, gồm có sinh, già, bệnh, chết, ái biệt ly khổ, oán trắng hội khổ, cầu bất đắc khổ, ngũ ấm thanh khỗ thì ở trong Tam giới hễ có sinh là có khổ?

Ưu-ba-cúc-đa quán thấy dâm nữ, thân thể thật tướng đều đã tỏ ngộ. Vì thấy được chơn đế mà xa lìa dục, chứng quả A-na-hàm. Bà-tu-đạt-đa nghe pháp Kiến đế, đắc kiến đế rồi thì khen ngợi Ưu-ba-cúc-đa: Lành thay! Lành thay. Ngài nay đã vì tôi mà nói về ba đường ác. Khai mở thiện pháp, đi đường tất đến cõi Niết-bàn. Tôi nay xin quy y Phật Pháp Tăng.

Ưu-ba-cúc-đa nghe lời ấy thì trở về. Không bao lâu thì Bà-tu-đạt-đa qua đời được sinh lên trời Đao lợi khi ấy có Thiên thần nói với dân trong thành Ma-đột-la: Ưu-ba-cúc-đa vì Bà-tu-đạt-đa mà nói pháp khiến cho cô chứng được quả Tu-đà-hoàn, khi qua đời được sinh lên cõi trời Đao lợi. Người trong nước nghe thế liền đem thân Bà-tu-đạt-đa để cúng dường. Lúc này Thương-na-hòa-tu đến chỗ Cúc-đề nói:

- Nên cho Ưu-ba-cúc-đa theo tôi xuất gia.

Đáp:

- Nếu khiến cho việc lợi lạc của tôi không dứt, thì tôi cho đi. Tôn giả Thương-na-hòa-tu, dùng thần thông khiến cho lúc Cúc-đề được lợi không dứt. Cúc-đề ngày ngày được lợi nhiều nên không muốn cho đi.

Thương-na-hòa-tu nói rằng Đức Phật đã thọ ký cho Ưu-ba-cúc-đa. Sau khi Đức Phật Niết-bàn một trăm năm, đây là người hoằng truyền Phật sự, vậy ông nên cho đi.

Cúc-đề nghe vậy liền cho đi xuất gia. Tôn giả Thương-na-hòa-tu đem Ưu-ba-cúc-đa đến chỗ A-lan-nhã A-na-bạt-lợi. Cùng bạch tứ yết ma thọ giới Cụ túc, vừa thọ xong liền đắc quả A-la-hán. Thương-na-hòa-tu nói với Ưu-ba-cúc-đa rằng:

- Đức Phật đã thọ ký cho người, một trăm năm sau Đức Phật Niết-bàn có Tỳ-kheo Ưu-ba-cúc-đa, tuy không tướng hảo như Đức Phật mà hoằng truyền Phật sự, ở trong hàng Thanh văn làm bậc giáo thọ tọa thiền đệ nhất. Nay chính là lúc tốt, ngươi nên làm Phật sự.

Ưu-ba-cúc-đa xin tùy nguyện thọ giáo Ưu-ba-cúc-đa muốn thuyết đại pháp nơi nước Ma-đột-la. Người dân trong nước nghe Ưu-ba-cúc-đa thuyết pháp liền kéo tới nghe rất đông. Ưu-ba-cúc-đa quán lúc Đức Như Lai thuyết pháp, đại chúng ngồi nghe pháp vây thành nửa vòng tròn như thế nào. Ngày nay cũng khiến cho tứ chúng ngồi y như trước. Quán Đức Phật thuyết pháp như thế nào? Đức Phật trước nói về các pháp thì giới cầu sinh nhân thiên, vì muốn lấy pháp bất tịnh xuất thế làm trọng

yếu. Như chư Phật vẫn thường thuyết tứ thánh đế Ưu-ba-cúc-đa cũng lần lượt thuyết tứ đế pháp như thế. Ma vương làm mưa đầy những chơn châu trân báo để làm hoại tâm chúng khiến cho không ai đắc đạo. Tôn giả Ưu-ba-cúc-đa quán xét thì biết được việc của ma làm.

Cuối ngày đó có vô số người đến nghe Ưu-ba-cúc-đa nói pháp. Mưa trân báo đều muốn đi đến lấy, vì nhân duyên đó mà nhiều người đến. Đến ngày thứ hai thuyết pháp lại có mưa báu, đến nỗi không có người nào được đắc đạo.

Tôn giả nhập định quán xét để xem ai làm, thì biết là Ma vương làm. Đến ngày thứ ba nhân dân trong nước lại đến nghe Tôn giả nói pháp. Ngày đầu thì mưa báo trân châu. Ngày thứ hai thì mưa vàng báu. Ngày thứ ba thì ma biến làm tiên nữ, làm thiên nhạc khiên cho tâm người não loạn. Người chưa đắc đạo đều mê hoặc đắm theo tiếng nhạc nhẫn đến không có một người đắc đạo. Ma thấy vậy rất vui mà nói rằng ta có thể phá hoại Ưu-ba-cúc-đa nói pháp.

Tôn giả Ưu-ba-cúc-đa, ngồi ở dưới gốc cây, nhập định quán xét sự việc ma liền lấy hoa Mạn-la-đà-la làm hoa man choàng trên cổ Ưu-ba-cúc-đa. Tôn giả liền quán xem ai làm, mới biết là do quỷ làm. Tôn giả Ưu-ba-cúc-đa liền nghĩ: Ma phá hoại việc thuyết pháp của ta. Đức Phật vì sao lại không hàng phục. Lại quán xét biết ý Đức Phật vốn muốn để cho Ưu-ba-cúc-đa điều phục Ma vương. Vì vậy mà Đức Phật không hàng phục. Tôn giả quán sát để coi ma đã đến lúc điều phục được. Tôn giả Ưu-ba-cúc-đa liền đem ra ba thây chết. Một là thây của rắn, hay là thây chó, ba là thây người. Ba thây này hóa thành hoa man đem đến chỗ ma. Ma trông thấy thì rất vui mà nói rằng: Ưu-ba-cúc-đa đối với ta cũng không được tư tại. Ma liền cúi đầu thọ nhận tràng hoa man này. Ưu-ba-cúc-đa, để ba thây chết vào cổ của Ma vương. Ma thấy ba thây chết ở cở mình thì nói: Dám đem thây chết tròng vào cổ ta sao?

Tôn giả nói:

- Như Tỳ-kheo không nên đắm trước hương hoa mà ngươi lại đắm trước. Cũng như ngươi không nên đeo thây chết vào cổ mà ta kết thành. Nay thì tùy lực ngươi mà làm. Tại sao ngươi lại cùng với Phật tử đấu tranh. Như giữa biển lớn sóng luôn khuấy động phá vào sườn núi mà vẫn không hề hấn gì cũng như ma muốn tháo những thây chết này ra vậy. Như muốn dời núi Tu-di mà không sao lây động được. Ma muốn tháo những thây chết nơi cổ ra cũng như thế. Ma rất giận dữ bay lên hư không mà nói rằng:

–Ta tuy không tự mình giải thoát được, thì chư Thiên của ta sẽ đủ

sức để phá.

Ưu-ba-cúc-đa nói:

- Người đến Phạm thiên, Thích Đề-hoàn Nhân tỳ Sa-môn thiên đi đến Ma-hải-đầu-la thiên, Ba-lầu-na thiên cho đến vào trong đại hỏa mà vẫn không bị thiêu đốt vào trong đại thủy mà vẫn không ướt. Chư Thiên dù muốn giải thoát cho ngươi vẫn không thể được.

Khi đó Ma vương không tin lời Tôn giả mà tìm đến chư Thiên muốn cầu cởi ra, nhưng chư Thiên các nơi đều nói:

- Ta không thể cởi được. Rồi đến chỗ Phạm thiên chắp tay nói vì ta mà cởi ra giúp.

Phạm thiên đáp:

- Đây là do thập lực đệ tử Đức Phật làm, lực của ta yếu kém không thể cởi được. Giả như gió thổi mạnh cũng không thể thổi được. Dù có lấy rễ cây treo được núi Tu-di lên, cũng không thể tháo được.

Ma nói Phạm vương:

- Ngươi không thể giải thoát cho ta thì ai tháo được.

Phạm vương nói:

- Ngươi nên mau quy y với Ưu-ba-cúc-đa mới có thể giải thoát được. Như đại địa bị nghiêng đổ được trở lại. Nếu không quy y thì hoại thân ngươi, mà hại cả lạc thú trên cõi trời của người và hủy nhục tất cả niềm vui tôn quý.

Ma thấy thế lực của đệ tử Đức Phật thật lợi hại và nghe Phạm Thiên vương nói những lời cung kính, thì nghĩ đến thế lực của Đức Phật. Quả thật độ lượng làm sao? Nếu muốn làm khổ não ta hơn nữa, thì làm sao mà không thể được. Vì lòng từ bi lân mẫn cho nên không làm khổ não thân nữa. Ngày nay ta mới biết Đức Như Lai có đầy đủ lòng đại bi, do thành tựu lòng đại bi này mà đắc chân giải thoát. Ta vì vô minh che mờ tâm trí làm xúc não cho người khắp nơi, nhưng Đức Phật vì lòng từ bi bình đẳng chưa từng có lời nói ác ngữ đối với ta. Khi nghe lời nói của Phạm vương thì tâm kiêu mạn của ma liền dứt trừ. Ma đi đến chỗ Ưu-ba-cúc-đa năm vóc lạy sát đất, rồi quỳ dài chắp tay bạch với Tôn giả rằng:

- Tôn giả! Ngài có thể biết, tôi thường làm xúc não Đức Thế tôn từ khi Ngài chứng đạo dưới cội Bồ-đề cho đến khi Niết-bàn, Tôn giả hỏi:

- Người làm điều gì?

Đáp:

- Ngày trước khi Đức Phật đến tụ lạc Bà-la-môn khất thực, tôi che

hết tâm mọi người khiến chẳng ai cúng dường làm cho Đức Phật không có ăn. Vì vậy Đức Phật có làm kệ:

Khoái lạc không tích chứa
Thân thể an khinh liền
Nếu trong sự ẩm thức
Tâm không sinh tham trước
Tâm người thường hoan hỷ
Dụ như trời quan âm.

Lại nữa, khi trước tôi ở trong hang Kỳ-xà-quật, hóa thành đại ngưu phá bát của năm trăm vị Tỳ-kheo, duy có bát của Đức Phật bay lên hư không. Tôi bèn ở chỗ khác hóa thành hình rồng, trói hình Đức Phật bảy ngày bảy đêm. Khi Đức Phật gần Niết-bàn tôi hóa thành năm trăm cỗ xe, làm cho nước sông dục ngầu khiến Đức Phật không có nước uống. Tóm lại, tôi đã làm cả trăm việc xúc não Đức Phật như thế. Mà Đức Như Lai từ mẫn, chưa từng nói một lời nào nặng với tôi. Còn ngài là bậc A-la-hán lại không có lòng từ mẫn đối với nhân thiên, A-tu-la nên nay đã làm hủy nhục đến tôi. Ưu-ba-cúc-đa đáp:

- Ba-tuần! Người không thể so sánh hàng Thanh văn ta cứu độ người khác với Đức Như Lai, không thể đem hạt cải mà so với núi Tu-di. Ánh sáng đom đóm mà sánh với vầng nhật nguyệt. Một giọt nước lại ví với đại hải. Như Lai vì lòng đại Bi, lòng Từ bi nên không thể trị ngươi. Thanh văn không đồng với Đức Phật nên mới trị được ngươi.

Ma nói:

- Vì nhân duyên gì mà Đức Phật nhẫn nhục tôi từ lúc làm tiên nhân cho đến khi Ngài thành Phật, tôi luôn làm xúc não mà vẫn từ mẫn không làm hại tôi.

Đáp:

- Có nhân duyên bất thiện. Người dù tạo ác mà Phật không hề quở trách, sở dĩ như thế là ý Đức Phật muốn ta điều phục người. Khiến cho người đối với Đức Phật vẫn giữ lòng kính tin. Do tâm này mà sẽ bị đọa vào trong địa ngục, ngạ quỷ súc sinh. Vì vậy mà từ đầu Đức Phật đã không có một lời hủy trách người. Đức Phật đối với người vẫn giữ tâm Từ bi. Đức Phật đã dùng các phương tiện khéo léo khiến cho người sinh tín tâm. Do chút ít lòng tin này mà làm nhân duyên về Niết-bàn. Nay ta chỉ lược nói thôi. Ngươi đối với Đức Phật mà sinh được chút tín tâm thì do dây mà tiêu trừ hết tội xúc não Đức Phật xưa kia. Ma nghe nói lời này thì nhẩy xổng lên, chẳng khác nào như hoa Già-ưu-từ rễ đến thân và cành lá.

Ma vương vui vẻ toàn thân đứng thẳng lên. Đức Phật vì lòng từ bi từ khi ngồi dưới cây thọ vương cho đến lúc Niết-bàn. Lòng từ nhẫn ấy chẳng khác nào như cha mẹ luôn nghĩ đến con, để tiêu trừ lỗi cho ta.

Ma vương đối với Phật pháp đã sinh lòng hoan hỷ, liền đứng dậy chắp tay bạch với Tôn giả:

- Ông đã khiến cho tôi sinh lòng hoan hỷ thì ông cũng là bậc đại ân vậy xin giải dùm tôi ba thây chết này.

Tôn giả nói:

- Trước đã nói những yếu chỉ cho người rồi sau mới cởi ra. Từ nay về sau đối với Phật pháp, ngươi tuyệt đối không được xúc não Tỳ-kheo

Ma nói:

- Xin thọ giáo Tôn giả.

Lại nói với ma:

- Ngươi hãy vì ta mà làm điều này. Ta tuy đã thấy được Như Lai pháp thân, mà vẫn chưa thấy được thân kim sắc của người. Vậy hãy vì ta mà hiện ra sắc thân Phật, để cho sinh tâm yêu kính. Nếu làm việc này thì là tối thượng.

Ma đáp:

- Tôi cũng nói trước với Tôn giả điều trọng yếu này. Là lúc tôi hiện thân Phật, Ngài cẩn thận chớ có đảnh lễ tôi. Vì sao? Vì như thế tôi sẽ tổn phước và sẽ không hiện ra nữa.

Tôn giả nói:

- Được, ta sẽ không đảnh lễ ngươi.

Ma nói:

- Đợi một chút để tôi vào trong rừng. Tôi vốn hiện ra hình Phật để dối trưởng giả Thư-la. Ngày trước đã làm, nay cũng vì ngài mà làm.

Tôn giả liền giải thoát ba thây chết trên cổ ma. Tôn giả Ưu-ba-cúc-đa ngồi quán tưởng được thấy Phật. Ma liền vào trong rừng hóa ra thân Phật. Hóa ra thân Phật rồi, bèn hóa ra tượng Xá-lợi-phất ở bên trái, hóa hình Mục-kiền-liên ở bên mặt, A-nan ở phía sau. Ma-ha Ca-diếp, A-nậu-lâu-đầu, Tu-bồ-đề v.v... hai ngàn năm trăm mười vị đại A-la-hán cùng đi theo sau, lần lượt từ trong rừng đến chỗ Ưu-ba-cúc-đa. Lúc này Tôn giả thấy liền đứng dậy chắp tay ngắm nhìn, rồi nói kệ rằng:

Than ôi! Vô thường
Không lòng từ mẫn
Hủy hoại như thế
Sắc thân thương diệu.

Thân Phật như thế này mà bị vô thường hoại. Thân tâm của Tôn giả quán tưởng nhìn Phật không thôi. Tôn giả chấp tay nói kệ rằng:

Vui thay thanh tịnh nghiệp
Hay thành tựu diệu quả
Không phải từ trời sinh
Cũng không phải nhân tạo
Sắc mặt như hoa sen
Mắt sáng như minh châu
Đoan chánh hơn nhật nguyệt
Thắng diệu hơn muôn hoa
Lặng yên như đại hải
An trụ như Tu-di
Oai quang hơn mặt trời
Bước đi như sư tử
Hướng nhìn như Ngưu vương
Sắc thắm màu vàng tía
Trăm nghìn vô lượng kiếp
Tịnh tu thân khẩu ý
Mới được như thế này
Như thế thân thắng diệu
Kẻ oán thấy cũng vui
Làm sao ta không kính.

Tôn giả nói kệ rồi, trong tâm quán tưởng Phật đến quên lời hứa. Hốt nhiên năm vóc làm lễ bát kính.

Ma liền nói:

- Tôn giả! Vì sao lại trái lời hứa.

Tôn giả nói:

- Lời hứa gì?

Ma vương nói:

- Ông đã hứa không làm lễ. Nay vì sao lại lễ lạy xuống đất.

Tôn giả nói:

- Ta biết đấng vô thượng nhập Thế Tôn nhập Niết-bàn đã lâu. Nay thấy hình dạng giống như Đức Phật, vì Phật mà làm lễ chứ không phải lễ ngươi.

Ma nói:

- Ngài trông thấy tôi làm lễ, vì sao lại nói không lễ?

Tôn giả lại nói:

- Ngươi nên biết là ta không trái lời hứa, cũng không phải làm lễ

ngươi. Như lấy bùn cây tạo nên Thiên tượng và Phật tượng. Vì kính trời Phật cho nên mới làm lễ, chớ đâu phải lễ bùn đất. Ta cũng như vậy. Bất ngờ thấy Phật nên sinh lòng hoan hỷ mà làm lễ, chớ không phải nghĩ tưởng đến mà làm lễ.

Ma liền hoàn trở lại hình cũ. Lễ bái Tôn giả mà trở về cõi trời. Đến ngày thứ tư Ma liền nghĩ nhớ. Tôn giả thân làm mọi ân đức từ cõi trời trở xuống, là khiến cho mọi loài phá trừ hết những tham dục bần cùng mà được quả Niết-bàn. Vậy ta nên đến chỗ ngài Ưu-ba-cúc-đa. Không thấy được đức Như Lai từ bi thuyết pháp, nên đến Tôn giả để nghe thuyết pháp.

Trong thành Ma-đột-la mọi người nghe Tôn giả Ưu-ba-cúc-đa đã điều phục được Ma vương, hàng vạn người đều kéo đến chỗ Tôn giả. Tôn giả thấy mọi người vân tập, liền bước lên tháp tọa diễn nói giáo pháp vi diệu. Khiến cho trăm ngàn người đều được đắc quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm. Một vạn tám ngàn người xuất gia đếu chứng quả A-la-hán. Tôn giả ở trong núi Ưu-lưu-mạn-trà làm phòng xá, rộng 2 trượng 4, dài 3 trượng 6. Người đắc quả A-la-hán lấy một thẻ tre 4 tấc ném vào hang đó. Trong một ngày có đến một vạn tám ngàn thẻ được đặt vào đó.

Tôn giả như thế mà danh tiếng vang khắp cõi Diêm-phù-đề, đều ca tụng ở nước Ma-đột-la có Ưu-ba-cúc-đa, Đức Phật đã thọ ký làm giáo tọa thiền đệ nhất. Tôn giả Thương-na-hoà-tu độ cho Ưu-ba-cúc-đa, đem giáo pháp phó chúc mà nhận thọ Đức Phật thọ ký. Việc tu thiền ở nước Kế tân đều không có chướng ngại, gường nằm ngọa cụ đều tốt nhất, đều mát lạnh ít bệnh. Tôn giả Thương-na-hòa-tu phó chúc pháp xong rồi thì đi đến nước Kế tân, nhập vào thiền định hoan hỷ thoát lạc mà nói kệ rằng:

Mặc y phục Thương-na
Thành tựu cả ngủ thiền
Núi sâu hang trống không
Tọa thiền mà tưởng định
An nhẫn gió chẳng lay
Thương-na A-la-hán
Tâm thiện được giải thoát
Tâm được tự tại tuệ.

Tôn giả Ưu-ba-cúc-đa tại nước Ma-đột-la ở núi Ưu-lưu-mạn-trà, tại tinh xa Na-la-bạt-lợi A-lan-nhã. Ở trong núi này có một con hổ già, sinh ra hai con hổ con. Hổ mẹ không có gì ăn nên chết. Hai hổ con mất mẹ rất là khốn cùng. Tôn giả Ưu-ba-cúc-đa đến chỗ đó đưa thức ăn cho

hổ con mà nói kệ rằng:

Các hành vô thường
Là pháp sinh diệt
Sinh diệt diệt rồi
Tịch diệt làm vui.

Ngày ngày hổ được cho ăn và được nghe bài kệ này. Không bao lâu thì hổ mạng chung, sinh vào nhà Bà-la-môn ở nước Ma-đột-la. Tôn giả thường dẫn các Tỳ-kheo đi đến nhà Bà-la-môn, rồi dần dần ít đi, sau cùng chỉ còn một mình ngày đến đến nhà Bà-la-môn.

Bà-la-môn hỏi:

- Tôn giả! Vì sao lại đi một mình vậy?

Đáp:

- Người xuất gia không có người theo hầu.

Bà-la-môn nói:

- Vợ tôi mới mang thai. Nếu sinh con trai tôi sẽ cho theo Tôn giả. Sau sinh ra được hai đứa con.

Tôn giả đi đến xin, Bà-la-môn nói:

- Đợi chúng lớn lên sẽ cho ngài.

Đến năm tám tuổi lại tìm đến xin hai đứa bé. Bà-la-môn đem một đứa cho Tôn giả.

Đứa kia nói:

- Con cũng có thể đi.

Hai đứa bé đều tranh nhau đòi đi. Tôn giả nói:

- Hai cậu bé này đều có thể đắc đạo Bà-la-môn liền giao cả hai con cho Tôn giả. Tôn giả liền độ cho xuất gia và cũng chứng quả A-la-hán. Tôn giả dạy đi hái hoa.

Đáp rằng:

- Thấy hoa cúc trên cao nên không thể hái được.

Tôn giả nói:

- Các ngươi há không dùng thần thông.

Hai Sa-di liền bay lên hư không mà hái hoa. Tôn giả Ưu-ba-cúc-đa cùng với đệ tử ở một chỗ. Các đệ tử nói hai vị Sa-di nhỏ tuổi này có thần đức sao?

Tôn giả đáp:

- Đây chính là hai con hổ ngày trước. Khi đó các người có nói. Vì sao lại cho hổ ăn. Nay các ngươi có thể thấy được thần lực của hổ chư đệ tử nghe lời này thì liền hiểu.

Ở nam Thiên trúc có một người cùng với vợ người khác thông

dâm. Người mẹ mới nói với con: Giao hợp với vợ người là đại xé pháp. Đã gian dâm thì không có việc ác nào mà không làm. Người kia nghe nói vậy thì liền giết mẹ. Rồi đi đến nhà người cầu xin người phụ nữ đó mà không được. Lúc đó sinh tâm nhàm chán, liền đi xuất gia. Chẳng bao lâu thì thông làu Tam tạng, dạy chúng rất đông. Một hôm Tỳ-kheo đem đồ chúng của mình đến chỗ của Ba Cúc Đa. Tôn giả biết người này phạm tội nghịch ác, nên không nói lời nào. Mà nghĩ: Người phạm tội nghịch ác, không có đạo quả. Vì Tôn giả Ưu-ba không nói gì nên vị ấy đem đồ chúng trở về, năm trăm vị đệ tử phàm phu có lời hiềm trách Tôn giả nói: Hòa thượng độ cho Tam tạng Pháp sư Ma-ha-la, mà sao vị này đem đồ chúng đến lại không nói gì?

Tôn giả quán biết năm trăm vị đệ tử này cùng ta không có duyên. Nhưng đối với Hòa thượng của ta thì có nhân duyên. Hòa thượng Thương-na-hòa-tu dùng thần lực đến tinh xá Na-la-bạt tại A-lan-nhã này, đến chỗ Ưu-ba-cúc-đa. Ưu-ba-cúc-đa không có ở đó, duy chỉ có đệ tử, vị này thấy Thương-na-hòa-tu mặc áo thô xấu tóc râu lại quá dài, liền nói rằng:

- Hòa Thượng của tôi cùng Ma-ha-la này thân thiện như thế, mà cùng Tam tạng Pháp sư lại không nói gì?

Tôn giả Thương-na-hòa-tu đi đến chỗ Ưu-ba-cúc-đa lên tòa mà ngồi. Đệ tử của Ưu-ba-cúc-đa thấy vậy sinh tâm giận muốn đuổi Tôn giả đi. Nhưng Tôn giả vững như núi Tu-di không làm sao di động được. Lại muốn buông lời nói ác mà vẫn không thể nói được, liền cùng kéo đến chỗ Ưu-ba-cúc-đa, bạch rằng:

- Có Tỳ-kheo Ma-ha đến ngồi vào chỗ Hòa thượng Cúc-đa nói: Trừ Hòa thượng của ta thì không có ai có thể ngồi vào đó được. Ưu-ba-cúc-đa trở về phòng thấy Tôn giả Thương-na-hòa-tu, liền sụp xuống lễ lạy.

Tôn giả Ưu-ba-cúc-đa nói với đệ tử: Nay Hòa thượng của ta nên lễ lạy cung kính. Tri kiến và thần lực của người thù thắng hơn ta.

Tôn giả Thương-na-hòa-tu, quán xét xem đệ tử Ưu-ba-cúc-đa đã dứt trừ tâm kiêu mạn chưa? Thì biết tâm họ vẫn cho thầy của mình là thù thắng hơn. Tôn giả Thương-na-hòa-tu đưa tay chỉ lên hư không hứng đầy sửa trong tay. Rồi hỏi Ưu-ba-cúc-đa:

- Thế nào là Tam-muội tướng?

Tôn giả Ưu-ba-cúc-đa nhập định quán liền hỏi thầy:

- Thế nào là tướng Tam-muội?

Tôn giả:

- Đây là Tam-muội long phấn thế (rồng bay nhanh).

Ưu-ba-cúc-đa nói:

- Chỗ sở đắc của con đều thọ nhận từ Hòa thượng. Duy có Tam-muội này, con chưa được thọ nhận.

Tôn giả Thương-na-hòa-tu nói:

- Tam-muội của chư Phật, tất cả hàng Duyên giác không thể biết tên. Tam-muội của Duyên thì Thanh văn cũng không thể biết. Tam-muội của Xá lợi phất hàng Thanh văn khác không thể biết. Chỗ nhập Tam-muội của Mục-kiền-liên hàng Thanh văn khác cũng không thể biết. Thầy ta là A-nan, chỗ sở nhập Tam-muội của ngài, ta cũng không thể biết. Nay Tam-muội của ta thì người cũng không thể biết được. Ta nhập Niết-bàn, thì Tam-muội này cũng diệt theo ta. Bảy ngàn bảy vạn kinh bổn sinh cũng diệt theo ta; một vạn A-tỳ-đàm cũng diệt theo khi ấy tâm kiêu mạn của đệ tử Ưu-ba-cúc-đa không còn, liền nghĩ: Hòa thượng của ta, tất không bằng Tôn giả Thương-na-hòa-tu liền đối với Tôn giả sinh lòng cung kính thâm sâu. Tôn giả Thương-na-hòa-tu tùy nhân duyên mà nói: Người nghe pháp đều đắc quả A-la-hán.

Thương-na-hòa-tu nói với Ưu-ba-cúc-đa. Như Lai đem giáo pháp phó chúc lại cho Tôn giả Ma-ha Ca-diếp. Ca-diếp phó chúc cho Hòa thượng của ta là ngài A-nan. Hòa thượng lại phó chúc cho ta. Ta nay phó chúc lại cho ông. Ở nước Ma-đột-la này có thiện nam tử tên Đề Địa Già, ngươi nên độ cho xuất gia mà phó chúc Phật pháp lại cho người này. Lúc này Tôn giả Thương-na-hòa-tu bay lên hư không biến hóa vô cùng, sau đó liền nhập vào Niết-bàn. Tôn giả Ưu-ba-cúc-đa đem một vạn tám ngàn La-hán cúng dường xá-lợi và xây tháp thờ phụng.

NHÂN DUYÊN VỀ ƯU-BA-CÚC-ĐA

Tôn giả Ưu-ba-cúc-đa, ở tại A-lan-nhã tinh xá Na-la-bạt-lợi thuộc nước Ma-đột-la. Lúc này ở phương Bắc có một nam tử, xuất gia học Phật, thông suốt cả Tam tạng khéo diễn pháp Phật. Ở nơi trụ xứ, tụng làu tam tạng, khế hợp các kinh kệ rồi sau mới thuyết pháp. Sau đó tự suy nghĩ rằng: Việc tụng kinh này quả là mệt mỏi, ta nay muốn cầu tọa thiền. Nghe ở nước Ma-đột-la có Ưu-ba-cúc-đa. Tuy không có tướng hảo, nhưng là bậc giáo thọ thiền pháp đệ nhất.

Nghĩ rồi đi đến chỗ Tôn giả thưa: Tôn giả! Xin dạy con thiền pháp. Tôn giả Ưu-ba-cúc-đa quán xét thấy vị này đã dứt hết lâu hoặc,

đắc được pháp thân. Lại tư duy suy nghĩ nên dạy pháp gì để lên Thánh vị. Mới biết vị này vì thuyết pháp cho người mà nhập vào Thánh vị. Liền nói với vị Tỳ-kheo đó rằng:

- Người theo lời ta dạy, nên làm giáo thọ cho người.

Tỳ-kheo đáp:

- Xin nguyện nghe theo.

Tôn giả nói:

- Đêm nay ông nên vì người mà thuyết giảng pháp tạng. Tỳ-kheo liền làm lễ tam bái để thuyết pháp, liền hỏi Tôn giả rằng:

- Nên nói pháp nào?

Tôn giả đáp:

- Nói năm việc lợi ích của sự đa văn là khéo giải thích chư Đại Tỳ-kheo biết hết các ấm, nhập, biết mười hai nhân duyên, tự hiểu biết mà không từ nơi người khác.

Vị Tỳ-kheo giác ngộ rồi thì lễ bái thuyết pháp xong, liền đắc quả A-la-hán. Ưu-ba-cúc-đa nói:

- Ông lấy thẻ ném vào trong hang cho đủ số. Lúc này ở trong thành Túc-la có một vị thương chủ, tên là Thiên Hộ, đối với Phật pháp thường kính tin và hoan hỷ cúng dường, muốn đi ra biển để tìm trân báo nên nói rằng:

- Nếu tôi ra biển được an ổn trở về, thì sẽ vì Phật pháp mà thiết lễ cúng dường Tăng chúng xin chư Thiên thần ủng hộ tôi.

Sau đó đi đến chỗ có trân báu, lấy được rất nhiều và an ổn trở về. Bấy giờ có La-hán Tỳ-kheo-ni nhập định quán xét để xem vị trưởng giả kia có làm không. Quán thấy sẽ làm. Rồi lại tư duy: Ai có phước điền. Biết là có một vạn tám ngàn La-hán, gấp đôi các bậc học nhân và người trừ tịnh giới ra khỏi sinh tử, nên làm phước điền và quán trong đại chúng ai là Thượng tọa, mà Thượng tọa là La-hán hay là phàm phu. Biết đây chẳng phải là La-hán, nhẫn đến cũng chưa phải là Tu-đà-hoàn. Đó là người trì giới thanh tịnh tên là A-sa-la. Ta nếu khuyến ngộ tất sẽ nghe lời. Liền đến chỗ Tăng nói với vị Thượng tọa đó rằng:

- Vì sao không thích tự trang nghiêm thượng tọa lầm tưởng, là chê trách tóc tai dài y phục cấu bẩn, nên cạo bỏ râu tóc, tự tắm giặt sạch sẽ.

Tỳ-kheo-ni nói:

- Thượng tọa không hiểu được lời nói của tôi.

Hôm sau lại đến trước Thượng tọa, cũng nói như vậy:

- Vì sao không tự trang nghiêm? Thượng tọa cho là vì y sắc bất

chánh liền nhuộm y mà đến trong tăng.

Tỳ-kheo-ni lại đến chỗ thượng tọa A-sa-la mà hỏi rằng:

- Vì sao không thích tự trang nghiêm?

Thượng tọa giận nói:

- Ta tắm rửa sạch sẽ mặc y mới nhuộm. Vì sao lại không tự trang nghiêm.

Tỳ-kheo-ni nói:

- Đây chẳng phải là sự trang nghiêm trong Phật pháp. Phật pháp lấy quả Tu-đà-hoàn, A-na-hàm, A-la-hán mà làm trang nghiêm. Lại hỏi rằng:

- Thượng tọa! Ông có nghe trưởng giả Thiên Hộ đi biển trở về thiết trai đàn cúng dường không?

Thượng tọa đáp:

- Có biết

Lại hỏi:

- Người có phước điền được bao nhiêu? Ông có biết không?

Đáp:

- Không biết.

Tỳ-kheo-ni nói: Người có phước điền thuần là bậc A-la-hán, thì có một vạn tám ngàn bậc học giả tịnh giới thì gấp đôi. Ông là Thượng tọa, vì sao trong tâm vẫn còn hữu lậu, lại thọ nhận người khác cung kính cúng dường.

Thượng tọa nghe xong liền muốn rơi lệ, Tỳ-kheo-ni nói:

- Vì sao sầu bi rơi lệ.

Thượng tọa đáp:

- Ta nay đã lão niên, làm sao có thể diệt hết các lậu.

Tỳ-kheo-ni nói:

- Phật pháp ngay hiện tại cũng khiến cho người được đắc quả không phải lựa chọn thời tiết. Sự tán thán của bậc thiện trượng phu, nếu có thể tu hành thì có thể đoạn diệt lậu, nên trong tất cả thời có thể chứng quả. Nay thượng tọa có thể đến tinh xá Na-la-bạt-lợi tại A-lan-nhã, có Tôn giả Ưu-ba-cúc-đa đang ở đó, có thể làm giáo thọ cho ông.

Thế là thượng tọa liền đến chỗ của Tôn giả Ưu-ba-cúc-đa. Tôn giả liền ra ngoài nghênh tiếp, đem nước đến cho rửa chân.

Thượng tọa nói:

- Nếu không thấy trưởng lão Ưu-ba-cúc-đa thì quyết không rửa chân.

Các vị đệ tử bèn nói:

- Đây là Cúc Đa.

Thế rồi Thượng tọa liền rửa chân mà vào. Ưu-ba-cúc-đa giáo hóa cho các Đàn-việt đem thức ăn cho chúng Tăng. Chúng Tăng tẩy dục xong Tôn giả liền sai Duy-na đánh kiền chùy, xướng lên rằng: Cung kính giải thoát.

La-hán liền nhập vào thiền phường.

Khi ấy, A-sa-la ngủ nên không nghe lời xướng, liền nhập vào thiền phường vào rồi thì lại ngủ. Chúng Tăng làm pháp chế, nếu có ai ngủ thì đem đèn đến cúng dường. Duy-na liền đem đèn đến ba lần đờn chỉ. A-sa-la liền tỉnh dậy lấy đèn tuần tự mà cúng dường.

Ưu-ba-cúc-đa nhập vào hỏa quang Tam-muội, một vạn tám ngàn La-hán cũng hướng về mà nhập hỏa quang Tam-muội: A-sa-la thấy vậy thì rất hoan hỷ, tự mình lấy làm xấu hổ mà nói rằng:

Hòa hợp cùng một chỗ
Kiết già như rồng cuộn
Trải đầy trên mặt đất
Tâm định mà đoan nghiêm
Nhập vào thắng Tam-muội
Tỏ rực như cây đèn
Bẩm thọ hình như người
Chiêm ngưỡng đến không cùng.

■

TRUYỆN A-DỤC VƯƠNG

QUYỂN 6

Tôn giả thấy A-sa-la tâm đã được điều phục, liền cho thọ giáo pháp mà đắc quả A-la-hán.

Thế là A-sa-la trở về bổn quốc Tỳ-kheo-ni thấy thượng tọa đến thì hỏi:

- Hôm nay mới đoan nghiêm.

Đáp:

- Nhờ ơn người nên nay mới được đoan nghiêm. Lúc này trưởng giả Thiên Hộ liền làm trai đàn cúng dường tu tập mười sáu vạn tám ngàn La-hán, lại có gấp đôi hai bậc tịnh nhân trì giới. Lúc này A-sa-la là bậc thượng tọa tối thượng làm chú nguyện. Sự cúng dường thì chỉ ít mà thọ quả báo thù thắng.

Trưởng giả hỏi:

- Đức Phật thuyết pháp vô lượng, vì sao chỉ có chín mươi ngày. Xin hỏi ý nghĩa hai lời nói này.

Thượng tọa đáp:

- Đây là do ông có thiện căn nhiều đời nên mới pháp lời nói này ông nay nên biết, thời quá khứ trải qua chín mươi mốt kiếp trong thời Đức Phật Tỳ-bà-thi lúc đó ông cùng ta đều là thương chủ. Sửa soạn thuyền bè để đi ra biển, được châu báu rất nhiều, nhưng tàu bị đắm nơi biển cát, vì Đức Phật Tỳ-bà-thi xây tháp bằng cát, trang sức châu báu có thần nói rằng: Qua bảy ngày, sẽ có sóng to gió lớn cho ngươi an ổn trở về cõi Diêm-phù-đề mà cúng dường.

Ta cùng ông có duyên tạo tháp, trong chín mươi mốt kiếp không bị đọa vào tam đồ bát nạn thường sinh vào cõi nhân thiên. Ta hôm nay đã đắc quả A-la-hán, còn ông gặp được phước điền tối thắng mà làm pháp cúng dường một vạn tám ngàn A-la-hán. Chẳng phải là cúng thì ít mà quả báo thật nhiều. Trưởng giả tử việc sinh tử đã trải qua nhiều vì sao không xuất gia theo Phật.

Lúc này vị trưởng giả đó liền đi xuất gia và đắc quả A-la-hán.

Tôn giả Ưu-ba-cúc-đa nơi tinh xá Na-la-bạt-lợi tại A-lan-nhã. Lúc đó ở nước Ma-đột-la có một người Bà-la-môn rất chấp trước ngã kiến. Có một vị Ưu-bà-tắc nói với Bà-la-môn rằng:

- Chỗ nào là của ta?

Bà-la-môn nói:

- Có ai nói pháp vô ngã.

Ưu-ba-cúc-đa nói về pháp Vô ngã. Thế là Bà-la-môn liền đi đến chỗ A-lan-nhã. Thấy Tôn giả Ưu-ba-cúc-đa cùng hàng ngàn đại chúng đang vây quanh để nghe thuyết pháp. Tôn giả thấy Bà-la-môn thì biết được tâm niệm, liền nói về pháp vô ngã và vô ngã sở. Cũng không có người, không có trượng phu, không có chúng sinh, các ấm đều là pháp sinh diệt, cũng đều là pháp khổ không.

Bà-la-môn nghe nói lời này đều đoạn thân kiến mà chứng ngộ quả Tu-đà-hoàn. Sau đó xuất gia học đạo và chứng quả A-la-hán.

Tôn giả Ưu-ba-cúc-đa nói:

- Ông nên lấy thẻ ném vào hang.

Tôn giả Ưu-ba-cúc-đa ở tại nước Ma-đột-la. Bấy giờ, có một người dòng họ quý tộc đi xuất gia. Vị ấy thường hay ngủ mỗi khi nghe pháp và lời dạy của giáo thọ.

Tôn giả liền dạy rằng:

- Đến dưới gốc cây trong A-lan-nhã chỗ che khuất mà thiền. Tôn giả liền hóa ra một trăm cái hố sâu xung quanh chỗ ngồi của vị đó. Thế là kinh hãi giật mình dậy rất đổi lo sợ, tâm liền nghĩ đến Hòa thượng Ưu-ba-cúc-đa. Tôn giả liền hóa ra một con đường tắt nhỏ để vị đó đi ra. Vị kia đi đến chỗ của Tôn giả ngài dạy nên trở về chỗ cũ, khi đi đến dưới gốc cây thì rất đổi hoan hỷ: Hòa thượng giải thoát cho ta khỏi nạn hố sâu này. Tôn giả liền đứng trước mặt nói rằng:

- Hố này không sâu. Nếu rớt vào hố ba đường ác, đọa vào trong hầm sinh lão bệnh tử, thì sâu nặng hơn đây nhiều. Ông nên không thấy được Thánh đế, thì sẽ bị đọa vào hố sinh tử còn hơn thế nữa. Vị ấy nghe lời này thì ra khỏi hầm sinh lão bệnh tử, mà không còn ngủ nữa. Từ đó vị ấy tinh tấn tư duy mà đắc quả A-la-hán. Tôn giả Ưu-ba-cúc-đa liền sai lấy thẻ bỏ vào hang.

Tôn giả Ưu-ba-cúc-đa ở tinh xá Na-la-bạt-lợi tại A-lan-nhã, khi đó ở phía Đông có một người trong tộc tánh, đi xuất gia học đạo pháp, rất khéo các việc doanh sự, nên đến chỗ của chư Tỳ-kheo, đều khuyên ông nên làm các việc Tăng sự, nói rằng:

- Trưởng lão nên xây dựng Tăng sự, để cho Đàn-việt nhân đây

mà được cúng dường. Sau đó vị Tỳ-kheo rất nhàm chán việc đa sự, nên không chịu việc sửa sang doanh sự. Nghe nói Tôn giả Ưu-ba-cúc-đa là bậc giáo thọ đệ nhất, liền tìm đến chỗ Tôn giả mà bạch rằng:

- Xin nguyện Tôn giả, cho con được lãnh thọ giáo pháp.

Tôn giả quán sát vị này, đây là thân tối hậu được đắc đạo quả, có điều phước chưa đầy đủ, vì thế chưa được. Tôn giả nói:

- Nếu nghe theo lời dạy của ta, thì ta sẽ làm giáo thọ cho ông.

Đáp:

- Xin y giáo thọ trì.

Tôn giả nói:

- Ông nên vì chúng Tăng mà khuyến hóa việc cúng dường.

Bạch:

- Tôn giả! Con chưa biết ở trước này, ai là người có tín tâm.

Đáp:

- Ông đến khuyến hóa, tất có người tín tâm.

Vị Tỳ-kheo nghe nói liền đắp y cầm bình bát đi vào thành Ma-đột-la. Có một vị trưởng lão tối thắng, thấy vị Tỳ-kheo này thì sinh tâm chưa từng có, liền bước tới lễ kính mà thưa rằng:

- A-xà-lợi, ngài muốn dùng vật gì?

Đáp:

- Tôn giả Ưu-ba-cúc-đa dạy tôi đi giáo hóa. Tôi nay không biết dân ở đây ai có tín tâm, ai không có tín tâm.

Trưởng giả nói:

- A-xà-lợi! Xin chớ ưu lo. Những gì ngài cần tới đều có thể liệu.

Đáp:

- Ngày mai muốn cúng dường chúng Tăng. Trưởng giả liền lo liệu đầy đủ. Tỳ-kheo khuyến hóa xong rồi thì trở về chỗ Tôn giả quỳ xuống rồi thọ thực. Thượng tọa và chúng Tăng cũng đều chú nguyện. Chú nguyện xong thì liền đắc quả A-la-hán. Tôn giả Ưu-ba-cúc-đa liền bảo vị ấy lấy thẻ tre ném vào hang đá.

Tôn giả Ưu-ba-cúc-đa ở tại nước Ma-đột-la, ở nơi tinh xá Na-la-bạt-lợi tại A-lan-nhã. Bấy giờ ở nước Nam thiên trúc có một người tộc tánh đi xuất gia học đạo, khéo kiến tạo chùa tháp. Thường qua lại nơi chỗ của chư Tỳ-kheo thỉnh chư Tăng xây dựng phòng xá tháp chùa. Không bao lâu thì tâm sinh nhàm chán việc doanh vụ. Liền đi đến chỗ ngài Ưu-ba-cúc-đa, bạch Tôn giả:

- Xin Tôn giả dạy cho con pháp tu thiền định.

Tôn giả quán xét vị Tỳ-kheo này, hiện thân này diệt hết lậu hoặc

mà được đắc đạo. Nhưng phước tu còn chưa đủ. Lại quán xét, vì duyên sự gì mà thể thành đạo. Liền nói rằng:

- Nếu nghe lời ta, thì ta sẽ làm giáo thọ cho ông.

Đáp:

- Xin nghe lời. Tôn giả dạy rằng: chỗ nào chưa có tháp tự thì nên xây dựng, chỗ chưa có tăng phòng thì cũng nên xây. Vì chưa có Hiền thánh mà tạo lập Tăng phòng.

Bạch Tôn giả:

- A-xà-lê! Con chưa biết trong nước ai có tín tâm, ai không có tín tâm.

Tôn giả nói:

- Ông chỉ cần đi khuyến hóa thì tất cả sẽ có.

Sáng sớm vị Tỳ-kheo đắp y, cầm bình bát đi vào thành khất thực. Thấy một vị trưởng giả. Trưởng giả tỏ vẽ cung kính lạy thưa rằng:

- A-xà-lê! Từ đâu đến đây?

Đáp:

- Tôi từ nam Thiên trúc đến.

Tôn giả hỏi:

- Ngài muốn làm điều gì?

Đáp:

- Tôi đến chỗ Tôn giả Ưu-ba-cúc-đa thọ giáo thiền pháp. Tôn giả dạy tôi phải kiến tạo tháp tự và Tăng phòng.

Trưởng giả nói:

- Ngài chớ lo lắng. Tất cả những gì cần tôi đều có thể cung cấp.

Thế là Tỳ-kheo đem vị trưởng giả này cùng đến đất Phật. Đi chưa đến nơi thì Tỳ-kheo chứng quả A-la-hán. Đức Phật sai đem thẻ tre bỏ vào hang đá.

Tôn giả Ưu-ba-cúc-đa ở tại nước Ma-đột-la, có một người tộc tánh đến chỗ Tôn giả cầu xin xuất gia. Rất ham thọ hưởng ẩm thực do đây mà không thể nào chứng đắc đạo. Tôn giả liền mời vị Tỳ-kheo ngày mai thọ thực cùng ta.

Ngày mai Tôn giả nấu cháo sữa đổ đầy bát đưa cho và nói:

- Đợi nguội thì ăn.

Vị kia liền dùng miệng thổi cho mau nguội, rồi thưa Hòa thượng:

- Đã nguội.

Tôn giả nói:

- Thức ăn này tuy đã nguội mà lòng tham muốn của người như lửa đốt. Vậy nên đem bất tịnh quán mà rửa sạch tâm tham muốn, khiến cho

ngọn lửa kia tiêu diệt.

Tôn giả đem một bình bát không, đặt trước Tôn giả nói:

- Nhổ hết cháo vào đây.

Tôn giả lại bảo:

- Ăn lại cháo trong bát này vị kia không muốn ăn cháo đã nhổ ra.

Liền cúi xuống nói:

- Đây là cháo đã nhổ ra. Nước dãi đính đầy làm sao mà ăn cho được.

Tôn giả nói:

- Tất cả đồ ăn cùng với bọt nhổ cũng không khác, do ông không quán xét. Ông nay nên quán tưởng bất tịnh.

Vị Tỳ-kheo nghe pháp mà dứt hết mọi kiết sử đắc được quả A-la-hán.

Tôn giả lại khiến vị ấy lấy thẻ tre ném vào hang đá. Ở nam Thiên trúc có một người thích ăn vận vải thô xấu, sống đời thiểu dục tri túc, không trao chuốt thân mà cũng không tắm rửa bằng nước nóng ấm áp cũng không ăn sữa lạc tô do vì chán việc sinh tử, làm cho thân thể suy yếu nên không đắc đạo. Vì thế suy yếu nên nghĩ rằng: Ai sẽ làm giáo thọ cho ta. Nghe nói Tôn giả Ưu-ba-cúc-đa ở nước Ma-đột-la, liền tìm đến. Tôn giả quán xét vị này, hiện thân diệt hết lậu hoặc vì cơ thể suy yếu nên không thể chứng ngộ. Tôn giả liền làm sạch và hơ nóng tất cả phòng thất và ngọa cụ. Dạy vị đạo nhân trẻ tắm rửa sạch sẽ cho vị này và cho ăn tô sữa và các món ngon ngọt, làm cho thân tâm trở nên thư thái. Sau khi nghe Tôn giả nói phái yếu, thì dứt hết lậu tận mà đắc quả A-la-hán, liền lấy thẻ tre bỏ hang đá.

Ở nước Ma-đột-la có một người, từ biệt cha mẹ muốn đến chỗ Tôn giả Ưu-ba-cúc-đa để cầu xuất gia. Đã xuất gia rồi, lại yêu mến đắm trước thân mình cho nên lại muốn trở về nhà. Thế là đến từ biệt Tôn giả để mà trở về.

Tôn giả nói:

- Hãy để ngày mai.

Ngày mai đến lễ dưới chân Tôn giả để trở về giữa đường trông thấy một ngôi chùa thiên bèn nghĩ rằng: Nếu trở về, cha mẹ hoặc có thể vì ta mà làm to chuyện, không bằng vào chùa này tá túc. Ngày mai trở lại chỗ Tôn giả.

Tôn giả đêm đó hóa làm một kẻ Dạ-xoa, vác thây chết đến. Khi đó có một con quỷ Dạ-xoa đi tay không đến hai quỷ mới tranh luận

nhau.

Một con nói:

- Ta mang thây chết này đến.

Con thứ hai cũng nói:

- Chính ta mang đến.

Con quỷ trước nói:

- Ta có người làm chứng. Chính người này thấy ta mang thây chết đến trước.

Lúc đó người này nghĩ ta tất là phải chết, nên cứ nói thật, liền nói với con quỷ đến sau:

- Thây chết này chính quỷ kia đã mang vào trước, chẳng phải là của ngươi.

Con quỷ sau giận dữ bẻ lấy một chân của người đó. Con quỷ trước lại lấy xác chết buộc lại như cũ. Con quỷ sau lại bẻ một cánh tay. Quỷ trước lại lấy tay người chết gắn lại. Quỷ sau lại bẻ cả hai chân. Quỷ trước lại bẻ hai chân của thây chết gắn lại cho. Như thế, hai con quỷ ăn hết chỗ thịt mới bẻ ra, xong rồi bỏ đi. Thế là tâm yêu tiếc thân sức của người kia liền diệt xuất. Sau đó trở lại chỗ Tôn giả xin xuất gia, được nghe pháp yếu mà đắc quả A-la-hán, bèn đem thẻ tre bỏ vào hang.

Ở nam Thiên trúc có một người vào trong Phật pháp xin xuất gia, vì yêu mến thân xác nên tắm rửa dùng tô sửa xoa chà thân và thích ăn ngon. Nên thân thể mập phì không thể đắc đạo, liền đến chỗ Tôn giả thưa rằng:

- Xin Tôn giả làm bực giáo thọ.

Tôn giả quán xét vị Tỳ-kheo này hiện thân đã dứt lậu hoặc vì đắm trước thân cho nên không thể đắc đạo.

Tôn giả nói:

- Có thể nghe ta, thì ta sẽ làm giáo thọ cho ngươi. Liền hóa làm một cây cao bảo vị kia lên ngồi ở trên. Bốn bên hóa thành bốn cái hố sâu, nói với vị kia rằng:

- Thả chân mặt xuống.

Lại nói:

- Thả chân trái xuống, sau thả chân mặt.

Lại nói:

- Tất cả đều thả. Vị này khi tay chân và thân thể đều thả, thì liền rớt xuống đất, không thấy hố sâu mà cũng không thấy cây, được nghe pháp thâm sâu mà đắc quả A-la-hán, liền đem một thẻ tre bỏ vào hang đá.

Ở nước Ma-đột-la có một người, đến chỗ Tôn giả Ưu-ba-cúc-đa muốn cầu xin xuất gia. Tôn giả liền độ cho xuất gia vì tâm còn bỏn xẻn cho nên không thể đắc đạo.

Tôn giả dạy rằng:

- Ông nay có thể tu hạnh bố thí.

- Bạch Tôn giả! Con không có sở hữu, lấy gì để bố thí.

Tôn giả nói:

- Như pháp mà làm thì ẩm thực y bát đều có dư. Liền pháp nguyện bố thí khắp cho cả Thượng hạ tọa. Ngày đầu thì lòng vẫn chưa muốn cho. Ngày hôm sau Tôn giả sai hai người đệ tử ngồi hai bên vị Tỳ-kheo này. Đều ở bên tai nói khiến cho vị này sinh kính tâm, lấy bớt thức ăn đem bố thí cho thượng hạ tọa. Ngày hôm sau nữa có người Đàn-việt đem lại các thức ăn ngon, thì vị Tỳ-kheo này trong lòng vui vẻ mà nghĩ rằng: Do mấy ngày trước đem cho bớt, hôm nay mới được nhiều, lại lấy phần nhiều đem cúng dường cho Thượng hạ tọa.

Như thế mà dần phá được tâm tham tiếc. Được Tôn giả diễn nói pháp yếu mà đắc quả A-la-hán.

Ở nước Ma-đột-la cũng có một người đến chỗ Tôn giả cầu xin xuất gia, liền cho xuất gia. Vì thích ngủ nghĩ cho nên chưa thể đắc đạo, Tôn giả Ưu-ba-cúc-đa bảo vào trong A-lan-nhã mà ngồi thiền. Ngồi thiền rồi lại ngủ. Tôn giả liền hóa ra bảy cái đầu Tỳ-xá-xà treo ngược ở trên không. Vị kia hốt nhiên tỉnh ngủ, rất đổi kinh hãi chạy đến chỗ Hòa thượng.

Hòa thượng hỏi:

- Ngươi vì sao lại đến đây?

Bạch Hòa thượng:

- Ở trong A-lan-nhã có bảy cái đầu của Tỳ-xá-xà, treo ngược trên không, rất là kinh sợ.

Tôn giả nói:

- Ông phải trở lại chỗ đó để tọa thiền.

Thưa rằng:

- Rất sợ nên không dám trở lại.

Tôn giả nói:

- Quỷ Tỳ-xá-xà không đủ để làm kinh sợ như thế. Có thứ còn đáng sợ hơn, mà ngươi lại không sợ. Việc ngủ nghỉ rất đáng sợ, còn hơn cả Tỳ-xá-xà. Tỳ-xá-xà ngăn không cho ngươi ngủ. Việc ngủ nghỉ lại ngăn không cho người đắc Thánh đạo. Tỳ-xá-xà chỉ hại có một thân. Còn ngủ nghĩ hại đến vô lượng thân. Tỳ-xá-xà không làm cho người ở

mãi trong sinh tử, còn tai họa của ngủ nghĩ nhận chìm ngươi mãi trong sinh tử. Người nay phải trở về chỗ đó để tọa thiền.

Từ đó về sau, vì sợ Tỳ-xá-xà cho nên không dám ngủ. Tư duy các pháp mà hoát nhiên được giác ngộ đắc quả A-la-hán.

Có một người đến chỗ Ưu-ba-cúc-đa để cầu xin xuất gia, Tôn giả liền độ cho xuất gia. Vì nghe thuyết pháp mà đắc quả Tu-đà-hoàn. Tôn giả nói rằng: các pháp sinh tử không hỏi nhiều ít, đều có thể là ác tặc. Ngươi cần nên cầu thượng quả. Vị Tỳ-kheo nghĩ rằng: Ta đã đoạn ba đường ác, vì sao lại còn cầu quả vị thượng thắng nữa. Qua lại trong cõi nhân thiên trong bảy lần ở những nơi vì sao lại không đủ để tiến tu.

Tôn giả Ưu-ba-cúc-đa đưa vị Tỳ-kheo vào thành Ma-đột-la để khất thực. Vào trong thôn Chơn-đà-la, trông thấy một đứa bé, toàn thân đầy ghẻ, các mụn ghẻ đầy cả vi trùng.

Tôn giả nói với vị Tỳ-kheo:

- Ông thấy đứa bé này không? Đứa bé này ngày trước đã chứng quả Tu-đà-hoàn.

Tỳ-kheo Tộc Tánh thưa:

- Vì nhân duyên gì mà sinh vào nhà Chân-đà-la, toàn thân lại sinh đầy ghẻ, trùng cắn dơ bẩn.

Tôn giả đáp:

- Khi Đức Phật còn tại thế, có một thiền phường, trong đó có một vị Duy-na. Có một vị La-hán Tỳ-kheo, thân thể có ít ghẻ ngứa gãi ra tiếng kêu. Vị Duy-na giận nói:

- Thân thể có ghẻ phải không? Nếu có gãi thì vào trong thôn Chân-đà-la mà gãi.

Vị Tỳ-kheo La-hán nói:

- Chớ nói lời này khiến cho ông phải mắc tội.

Lúc này vị Duy-na khởi lòng sám hối tinh tấn tu hành đắc quả Tu-đà-hoàn, mà không cầu tiến lên nữa. Do đây mà sinh vào nhà Chân-đà-la, toàn thân bị mụt ghẻ, chịu nhiều khổ não.

Vị Tỳ-kheo nghe lời nói ấy liền tinh cần tu niệm mà đắc quả A-la-hán. Còn đứa bé Chân-đà-la, Tôn giả Cúc-đa liền thuyết pháp nghe mà đắc quả A-na-hàm, được sinh lên cõi Tịnh cư.

Ở nước Ma-đột-la có một người tộc tánh đến chỗ Tôn giả để cầu xin xuất gia. Xuất gia rồi, Tôn giả dạy quán bất tịnh, dần dần các kiết sử không còn hiện ra, liền tự cho là đã đắc Thánh quả. Mà không cầu tiến thêm.

Tôn giả nói:

- Ngươi chớ buông lung mà phải cầu tiến tu Thánh đạo.

Thưa rằng:

- Bạch Hòa thượng! Vì sao vậy? Tôi nay đã đắc quả A-la-hán.

Tôn giả nói:

- Ông còn chưa thấy được nước Kiền-đà-việt, Già-la-hòa-nữ mà tự cho là đắc quả A-la-hán, vì chưa đoạn kiết lại sinh tâm kiêu mạn.

- Bạch Hòa thượng! Con muốn du hành vào trong thôn xóm.

Tôn giả nói:

- Ông cứ đi.

Thế là vị Tỳ-kheo ấy đi vào trong thôn xóm, dần dần đi đến nước Càn-đà-việt, đến thành Xoa-thi-la. Sáng sớm đắp y, cầm bình bát đi vào thành khất thực. Lần lượt đến nhà của một người Bà-la-môn. Một người con gái đem thức ăn ra đưa, mà ít hở môi. Thế là vị Tỳ-kheo khởi dục tâm điên đảo đắm trước. Lấy bình bát để đựng sữa cơm. Người con gái kia cũng sinh dục tâm mà nói rằng:

- A-xà-lê! Không đụng vào tôi. Không nghe tiếng tôi. Từ xa trông thấy tôi mà đã sinh dục tâm. Vị Tỳ-kheo này từ lâu đã quán bất tịnh. Khi thấy răng của cô con gái liền quán xương trắng của người đó mà đắc quả A-la-hán. Liền nói kệ:

Sắc ngoài hiện tốt đẹp
Kẻ ngu thì mê trước
Người trí lại nhàm chám
Cũng không hề giảm tổn
Thấy tướng thật kia rồi
Tâm liền được giải thoát.

Rồi lại trở về đến nước Ma-đột-la. Thấy Tôn giả Cúc-đa. Tôn giả nói:

- Ông có thấy Ma-đăng-già nữ không?

Đáp:

- Đã thấy.

Tôn giả nói:

- Lành thay! Chỗ sở tác của ngươi nay mới được thành tựu.

Ở nước Ma-đột-la có một vị trưởng giả tiền tài sở hữu lần lần bị hao hụt, gia kế chẳng còn bao lâu. Duy chỉ còn năm trăm tiền vàng. Liền suy nghĩ: Ta nay đến chỗ Tôn giả Ưu-ba-cúc-đa mà cầu xin xuất gia. Còn số tiền này để lo thang thuốc khi có bệnh. Liền đến chỗ Tôn giả xin xuất gia, khi xuất gia rồi liền nhờ vị Sa-di khác giữ giùm tiền.

Tôn giả nói:

- Nếu biết ngã và vô ngã thì mới gọi là xuất gia. Năm trăm tiền này có thể đem cúng cho chúng Tăng.

Đáp:

- Hòa thượng! Số tiền này tôi để dành may y phục và thuốc thang. Tôn giả liền hướng về phòng hóa ra một ngàn đồng tiền vàng, rồi nói:

- Một ngàn tiền vàng này để ông may y phục thuốc thang. Còn năm trăm của ông thì nên cúng dường cho chúng Tăng.

Theo lời Hòa thượng dạy, ông liền đem cúng cho chúng Tăng. Tôn giả làm giáo thọ thuyết pháp liền chứng quả A-la-hán không còn tham trước tiền tài.

Ở nước Ma-đột-la có một người tộc tánh đến chỗ Tôn giả xin xuất gia học đạo. Nghe Tôn giả thuyết pháp mà đắc quả Tu-đà-hoàn, đắc quả rồi lại không lại chịu tiến tu.

Tôn giả dạy:

- Ông cần phải tiến tu đạo nghiệp.

Đáp:

- Hòa thượng! Tôi đã đoạn ba đường ác. Vì sao lại phải tu nữa?

Hôm sau Tôn giả đắp y trì bát cùng vị Tỳ-kheo này vào thành Ma-đột-la khất thực từng nhà. Thấy một đứa bé Chân-đà-la, mình đầy ghẻ chóc. Cho mẹ chà rửa bôi thuốc làm cho máu chảy ra, đau đớn thật không thể chịu nỗi. Tôn giả liền nói với đệ tử:

- Ông có thấy đứa bé này không? Đứa bé này trước kia đã chứng quả Tu-đà-hoàn.

Hỏi:

- Bạch Hòa thượng! Vì duyên nghiệp gì mà chịu khổ não như thế.

Tôn giả đáp:

- Lúc Đức Phật tại thế, ở trong tăng phường có một vị Duy-na, bấy giờ có La-hán Tỳ-kheo, thân đầy ghẻ chốc gãi lên tiếng làm cho vị Duy-na giận dữ nói:

- Ông bị ghẻ sao không sát thuốc sát vào.

Rồi lấy tay kéo ông ra mà nói:

- Ông nên đi vào trong thôn Chiên-đà-la.

Vị A-la-hán nói:

- Ông mang đại tội, phải nên sám hối.

Bấy giờ vị Duy-na rất hối hận tinh cần tu tiến đắc quả Tu-đà-hoàn. Đắc đạo rồi lại không cầu tiến tu, cho nên chịu khổ não trong nhà Chiên Đà La. Lúc này vị Tỳ-kheo nghe lời này, tâm được khai ngộ,

tinh tấn tu trì không bao lâu đắc quả A-la-hán, Tôn giả liền thuyết pháp cho đứa bé Chiên-đà-la, khiến đắc quả A-na-hàm. Sau khi mạng chung được lên cõi trời Tịnh cư.

Ở nước Ma-đột-la có vị trưởng giả bậc nhất, sinh một đứa con, vừa đúng một tuổi thì chết. Đứa bé ấy lại sinh vào nhà trưởng giả khác cũng đúng một tuổi thì mạng chung. Như thế lần lượt sinh vào nhà thứ sáu của vị trưởng giả. Đều vừa một tuổi thì chết. Lần thứ bảy lại sinh vào nhà trưởng giả, khi lên bảy tuổi thì bị giặc cướp bắt đi. Tôn giả Cúc-đa thấy đứa bé kia, hiện thân này mà được đắc đạo. Ma lại bị bọn cướp làm cho khổ não. Tôn giả muốn độ cho đứa bé, liền vào nhà hóa thành binh lính muốn đuổi hết bọn cướp. Bọn cướp sợ hãi hướng đến Tôn giả khấu đầu lễ bái. Tôn giả thấy vậy thuyết pháp khiến được đắc quả Tu-đà-hoàn, liền đưa đứa bé cho Tôn giả. Tôn giả độ cho đứa bé và cả tên cướp để cùng xuất gia, đều đắc quả A-la-hán.

Tôn giả nói với đứa bé này:

- Có thể quán tưởng đến thân tộc mà hóa độ.

Thế là đứa bé liền đọa thiền quán sát. Thấy bảy đời cha mẹ đều ưu sầu khổ não liền đi đến từng nhà mà nói rằng:

- Tôi là con của người, chớ có buồn đau liền thuyết pháp cho đắc quả Tu-đà-hoàn, lần lượt bảy vị trưởng giả cũng đều đắc quả Tu-đà-hoàn.

Ở nước Ma-đột-la có một người tộc tánh đến xin Tôn giả xuất gia. Tôn giả dạy bảo ngồi thiền, liền đắc Thế tục định, từ Sơ thiền, Nhị thiền cho đến Tứ thiền. Khi đắc Sơ thiền tự cho là đã chứng Tu-đà-hoàn, đắc nhị thiền thì cho đắc Tư-đà-hàm, Tam thiền thì cho là đắc A-na-hàm, đắc Tứ thiền thì cho đã chứng A-la-hán, thế nên không cầu tiến tu thắng pháp.

Tôn giả dạy rằng:

- Ông chớ có buông lung, phải cầu tiến tu thêm nữa.

Đáp:

- Con đã đắc quả A-la-hán, còn cầu thắng pháp làm gì?

Tôn giả muốn hóa độ vị này, liền khéo dùng phương tiện mà nói rằng:

- Ông có thể đi du hóa vào trong tụ lạc.

Nghe lời dạy, vị Tỳ-kheo liền đi. Tôn giả ở giữa đường bèn hóa làm một phú thượng. Lại hóa ra năm trăm tên giặc đến sát hại vị phú thương.

Vị Tỳ-kheo thấy thể thì sinh lòng sợ hãi, tự biết mình chưa chứng

A-la-hán, tự nói:

- Ta tuy chưa chứng A-la-hán thì cũng là A-na-hàm.

Sau khi người khách thương bị giết chết, thì có con gái của trưởng giả nói với vị Tỳ-kheo rằng:

- A-xà-lê! Hãy nên cùng tôi đi mau.

Tỳ-kheo đáp:

- Đức Phật không cho tôi cùng đi riêng với người nữ?

Trưởng giả nữ nói:

- Tôi sẽ theo sau A-xà-lê từ xa. Tỳ-kheo nên thương xót cho tôi cùng đi.

Tôn giả liền hóa thành con sông lớn.

Trưởng giả nữ nói:

- A-xà-lê! Hãy đưa tôi qua sông.

Vị tu sĩ ở dưới dòng. Người phụ nữ ở trên dòng, bị rớt xuống sông. Phật dạy Tỳ-kheo, ở trong nạn lửa nước nên cứu người nữ ra.

Người phụ nữ rớt xuống sông la lên:

- Cứu tôi với.

Lúc này vị Tỳ-kheo liền đến cứu. Vì có sự xúc chạm cho nên sinh dục tâm. Thế là biết mình chưa chứng quả A-na-hàm, khi ra khỏi sông rồi, người con gái lại nói:

- A-xà-lê đã cứu mạng tôi, tức là đại gia của tôi. Tỳ-kheo liền vọng khởi tà tâm, bèn nắm tay cô gái kéo vào chỗ vắng để cùng hành dục, liền thấy Tôn giả Ưu-ba-cúc-đa.

Tôn giả nói:

- Ông là A-la-hán vì sao lại thế.

Tôn giả liền dẫn về Tăng phòng dạy cho pháp sám hối và nói pháp yếu khiến đắc quả A-la-hán.

Ở nước Ma-đột-la có con của một vị trưởng giả mới lấy vợ, rồi từ biệt cha mẹ tìm đến Tôn giả xin xuất gia. Tôn giả liền độ cho xuất gia và dạy cho thiền pháp. Trong khi ngồi thiền lại nghĩ đến vợ mình nhan sắc đoan chánh. Tôn giả liền hóa làm vợ của vị ấy đứng ngay trước mặt.

Tỳ-kheo thấy liền hỏi:

- Nàng vì sao lại đến đây.

Đáp:

- Chàng kêu tôi đến.

Tỳ-kheo lại nói:

- Ta đang ngồi thiền mặc niệm không nói, làm sao mà gọi.

Đáp:

- Miệng chàng tuy không gọi mà lòng luôn nghĩ đến tôi. Nếu dùng miệng gọi thì xấu hổ, còn dùng tâm gọi thì không xấu hổ. Thà để tâm xấu hổ mà miệng không xấu hổ. Miệng do tâm sinh, tâm không do miệng sinh. Chàng nếu không muốn gần không muốn thấy. Vì sao lại quán tưởng này. Chàng đã lìa bỏ tham dục, mà vẫn luôn nghĩ đến, chẳng khác nào ói ra luôn nghĩ đến, chẳng khác nào ói ra rồi trở lại ăn. Lúc này Tôn giả lại hiện lại như cũ. Vì Tỳ-kheo mà thuyết pháp yếu liền đắc quả A-la-hán.

Tôn giả Ưu-ba-cúc-đa du hành khắp tu lạc, đến chỗ vắng vẻ thấy một người đang thả năm trăm con trâu, liền đến lễ bái dưới chân Tôn giả và ngồi sang một bên và được Tôn giả nói pháp yếu cho mà đắc quả Tu-đà-hoàn. Sau đó đem trâu trả về cho chủ. Người giữ trâu liền đi xuất gia và đắc quả A-la-hán.

Ở nước Ma-đột-la có một người tộc tánh, đến Tôn giả cầu xin xuất gia học đạo. Tôn giả dạy cho pháp tu thiền liền đắc trí thiền của thế tục. Khi đắc Sơ thiền thì tự cho mình đắc quả Tu-đà-hoàn. Cho đến đắc được Tứ thiền tự cho đã đắc quả A-la-hán.

Tôn giả liền nói:

- Ông cần nên tinh tấn tu thêm.

Đáp:

- Hòa thượng! Tôi đã đắc quả A-la-hán.

Tôn giả muốn cho vị này thọ trì thiền pháp, khiến cho ở trong A-lan-nhã. Tôn giả liền hóa một vị đạo nhân hỏi thăm. Hỏi thăm xong rồi liền đứng qua một bên.

Hóa đạo nhân hỏi:

- Ông xuất gia với ai vậy?

Đáp:

- Tôn giả Ưu-ba-cúc-đa xuất gia cho tôi.

Hóa nhân lại hỏi:

- Ông thật là đại phước đức. Hòa thượng của ông là vô tướng hảo Phật.

Hóa đạo nhân lại nói:

- Ông tụng kinh gì?

Đáp:

- Tôi tụng kinh Đa-la, Tỳ-ni, A-tỳ-đàm.

Lại hỏi:

- Ông chứng ngộ chưa?

Đáp:

- Tôi có chỗ sở chứng, đã đắc quả Tu-đà-hoàn, nhẫn đến quả A-la-hán.

Lại hỏi:

- Ông tu đạo gì mà đắc bốn quả này.

Đáp:

- Tôi tu thế tục đạo.

Hóa Tỳ-kheo nói:

- Nếu ông tu thế tục đạo, thì chẳng phải là đạo quả, mà chỉ là phàm phu.

Vị Tỳ-kheo nghe vậy, liền khởi tâm nhàm chán việc sinh tử trong tam giới liền đến chỗ Tôn giả:

- Bạch Hòa thượng! Tôi chẳng phải đắc đạo, xin Hòa thượng dạy cho pháp tu.

Tôn giả liền dạy cho pháp tu thiền đạo. Tu tấn tu hành mà đắc quả A-la-hán.

Ở nước Đột-kiết-la có con một vị trưởng giả, mới vừa cưới vợ liền suy nghĩ: Ta đối với Phật pháp luôn mong cầu xuất gia. Liền vào từ biệt cha mẹ.

Cha mẹ nói:

- Ta chỉ có mình con. Có chết cũng không cho đi, huống chi là còn sống.

Người con nói với cha mẹ:

- Nếu không cho con đi, thì sẽ không ăn cơm.

Thế là tuyệt thực từ ngày thứ nhất cho đến ngày thứ sáu. Cha mẹ sợ con chết nên nói:

- Cho tùy nguyện con.

Nhưng sau khi xuất gia phải về gặp cha mẹ con nói:

- Nếu cho con đi, thì con sẽ về thăm viếng.

Thế là cha mẹ cho đi xuất gia, liền đi đến chỗ Tôn giả xin xuất gia. Khi đã xuất gia liền nghĩ: Ta đã hứa với cha mẹ. Nếu xuất gia thì trở về thăm. Liền vào thưa Tôn giả cho trở về thăm cha mẹ và thăm vợ. Khi trở về người vợ mới nói: nếu không cùng tôi giữ đạo vợ chồng, tôi sẽ giết anh chết.

Lúc này, vị Tỳ-kheo sinh tâm hối hận muốn xã giới. Liền nghĩ: Ta nên gặp Hòa thượng trước, rồi sau mới xã giới. Khi đến chỗ Hòa thượng cúi đầu lễ lại thưa rằng:

- Con muốn hoàn tục.

Tôn giả bảo:

- Hãy đợi đến ngày mai.

Thế là Tôn giả trong đêm ấy hóa làm giấc mộng, khiến cho Tỳ-kheo trở về nhà thấy vợ chết, cha mẹ thân tộc đều đến đầy đủ, đưa đám người vợ ra nhà mồ. Trong kho ảnh giây lát thấy máu mủ nhơ uế và đầy những vi trùng trong đó, đột nhiên tỉnh dậy liền bạch Hòa thượng. Hòa thượng nghe rồi liền bảo:

- Ông có thể về xem, có như trong mộng không?

Lúc này Tỳ-kheo nương theo thần lực của Tôn giả. Đột nhiên đến trước cửa nhà, thấy cha mẹ đang đưa đám ma người vợ ra nhà mồ, cũng đầy máu mủ trùng bọ như trong mộng. Tỳ-kheo lại càng tư duy sinh tâm nhàm chán mà đắc quả A-la-hán, liền trở về.

Hòa thượng nói:

- Ông thấy vợ chưa?

Đáp:

- Đã thấy được thật tướng.

Có một người đến chỗ Tôn giả xin xuất gia học đạo. Lãnh thọ lời dạy Tôn giả liền đắc Tứ thiền, tự cho mình đã đắc tứ quả Sa-môn. Tôn giả biết là chưa chứng đắc, bèn làm phương tiện, khiến làm pháp cúng dường chúng Tăng trong sáu ngày. Vị Tỳ-kheo đến trong thành Ma-đột-la, thấy năm trăm vị Ưu-bà-tắc, đều đến lễ bái và bạch với vị Tỳ-kheo rằng:

- A-xà-lê! Ngài muốn làm điều gì?

Đáp:

- Ở trong A-lan-nhã, tôi muốn cúng dường chúng Tăng sáu ngày.

Ưu-bà-tắc nói:

- A-xà-lê! Chớ ưu lo, chúng tôi sẽ có đủ.

Khi đó Tỳ-kheo liền sinh tâm kiêu mạn nên nghĩ: Ta chưa phải là A-la-hán. Vì A-la-hán đã đoạn tâm kiêu mạn, liền đến chỗ Hòa thượng mà thưa điều này:

- Duy nguyện Hòa thượng, xin dạy cho con giáo pháp tu hành, con còn chưa đắc quả A-la-hán.

Thế là Tôn giả diễn thuyết pháp mầu khiến cho đắc quả A-la-hán.

Bấy giờ, ở nước Kế tân có vị Tỳ-kheo tên là Thiện Kiến, đắc được Tứ thiền, đắc ngũ thần thông. Nếu trời không mưa thì có thể cầu mưa, vì thế mà khởi tăng thượng mạn. Tự cho đã đắc quả A-la-hán. Tôn giả muốn độ người này. Hóa một nơi trong mười hai năm hạn nắng khiến

cho mọi người lo sợ rồi đến chỗ Tôn giả thưa xin chú nguyện cho mưa.

Tôn giả đáp:

- Ta không thể cầu mưa được, nên đến chỗ Tỳ-kheo Thiện Kiến ở nước Kế tân để xin cầu mưa.

Thế là mọi người trong nước đó kéo đến chỗ Tỳ-kheo Thiện Kiến mà cầu thỉnh. Tỳ-kheo bằng lòng liền dùng ngũ thông thế tục bay đến nước Ma-đột-la. Người trong nước đều ân cần mời thỉnh:

- A-xà-lê! Xin vì chúng tôi mà làm mưa.

Thế là làm phép cho mưa tràn ngập khắp cõi Diêm-phù-đề. Mọi người đều rất hoan hỷ, đều thiết lễ đầy đủ mà đến cúng dường. Thế là Thiện Kiến được nhiều lợi dưỡng. Tâm khởi kiêu mạn nói:

- Tôn giả của Ưu-ba-cúc-đa không được cúng dường bằng ta.

Rồi lại suy nghĩ: A-la-hán không có ngã mạn. Vậy thì ta chưa chứng quả. Liền tìm đến Tôn giả cầu pháp.

Tôn giả nói: Ông không kiên trì tu tập Phật pháp, làm sao mà dạy? Đức Phật không cho Tỳ-kheo làm mưa. Ông lại sinh kiêu mạn cho là mình đắc quả A-la-hán, vị Tỳ-kheo liền chí tâm sám hối, nghe Tôn giả dạy bảo liền đắc qủa La-hán.

Tôn giả Cúc-đa, khởi tâm nghĩ rằng: Đề-đa-già không biết đã ra đời chưa? Quán tưởng biết là vẫn còn chưa ra đời! Tôn giả liền đem chúng Tỳ-kheo đến nhà cha mẹ Đề-đa-già, rồi mỗi ngày một bớt lại, duy chỉ còn hai vị Tỳ-kheo đến nhà của người kia, rồi sau lại đến một mình.

Trưởng giả liền hỏi:

- A-xà-lê! Vì sao lại đi có một mình. Không có đệ tử à! Sao lại có một mình, có muốn gì thì tôi sẽ cung cấp.

Khi đó Tôn giả sinh con đều chết cả. Sau sinh ra một đứa, đặt tên là Đề-đa-già. Đứa bé dần dần lớn lên đến chỗ Tôn giả, xin xuất gia học đạo. Đủ hai mươi tuổi cho thọ giới Cụ túc. Lúc sơ bạch đắc Tu-đà-hoàn. Đệ nhất yết ma thì đắc Tư-đà-hàm. Đệ nhị yết ma thì đắc A-na-hàm. Đệ tam yết ma liền đắc A-la-hán. Tôn giả Ưu-ba-cúc-đa khi ấy liền tư duy: Ta hóa duyên đã xong, các pháp cúng dường Đức Phật cũng xong. Làm lợi ích cho chư vị đồng phạm hạnh, chánh pháp nối tiếp không bị diệt mất.

Rồi lại nghĩ: Ta làm nhiều lợi ích cho chúng sinh. Xây hang có bề rộng 2 trượng 4, dài 3 trượng 6, những vị đắc A-la-hán, đều ghi vào thẻ 4 tấc để đầy ở trong hang. Nay thì Niết-bàn đã đến, liền nói với Đề-đa-già:

- Đức Phật đem giáo pháp phó chúc cho Tôn giả Ca-diếp, Ca-diếp phó chúc cho ngài A-nan. A-nan phó chúc lại cho Hòa thượng Thương-na-hòa-tu. Thương-na-hòa-tu giao lại cho ta. Ta nay giáo phó lại cho ông.

Tôn giả bảo đại chúng chư Thiên: Sau bảy ngày nữa thì ta Niết-bàn. Lúc này triệu tập mười vạn La-hán. Bậc học nhân cùng người tịnh trì giới thì không thể đếm hết. Chúng bạch ý cũng vô lượng. Tôn giả liền bay lên hư không biến hóa khôn lường, làm cho tứ chúng đều sinh lòng hoan hỷ đối với quả vị Vô dư Niết-bàn. Đem hết thẻ trong hang ra để thiên pháp thân của Tôn giả. Một vạn La-hán thấy Tôn giả nhập Niết-bàn cũng nhập diệt theo. Chư Thiên đều cúng dường đầy đủ, rồi sau mới xây tháp.

Như Lai đem giáo pháp phó chúc cho người, thì Phật pháp cũng không được cửu trụ. Vì sao? Vì chư Thiên sẽ thấy cũng hộ. Còn nếu đem giáo pháp phó chúc cho chư Thiên, thì cũng không lâu dài. Vì chư Thiên thường phóng dật. Vì vậy mà Như Lai đem phó chúc cho cả nhân thiên, khiến cho Phật pháp được cửu trụ. Lúc Như Lai muốn nhập Niết-bàn, nhập thế tục tâm mà tư duy rằng: Tứ Thiên vương nên đến chỗ ta lúc này Tứ Thiên vương biết được tâm Phật liền đi đến. Đi nhiều bên phải ba lần, đầu lễ chân Phật rồi ngồi qua một bên. Phật bảo Tứ Thiên vương: Ta không bao lâu nữa sẽ nhập Niết-bàn. Sau khi ta Niết-bàn, các ông nên ủng hộ Phật pháp. Đức Phật lại nói riêng với Đề-đầu-la-sát:

- Ông có thể ủng hộ Phật pháp ở phương Đông.

Nói với Tỳ-lâu-lặc:

- Ông ủng hộ Phật pháp ở phương Nam.

Nói với Tỳ-lâu-bạt-xoa:

- Ông nên ủng hộ Phật pháp ở phương Tây.

Lại bảo Tỳ-sa-môn:

- Ông nên ủng hộ đạo pháp ở phương Bắc.

Đủ một ngàn năm khi Phật pháp nhập diệt. Chúng sinh tin theo ngoại đạo rất nhiều, ở trong cõi Diêm-phù-đề phá hoại thập thiện, thổi cơn gió đại ác. Rời không mưa, lúa thóc khan hiếm, sông suối khô cạn mưa đá làm hại, cây không ra hoa quả. Người có uy đức dần dần ít đi. Đời vị lai lại có ba vị vua ác đạo ra đời. Một tên là Thích-câu, hai tên là Diêm-vô-na, ba tên là Bát-la-ưu. Tàn hại bá tánh, phá huỷ Phật pháp. Nhục thân và răng của Phật đều đến phía Đông Thiên trúc. Nam phương có vua tên Thích-câu, đem mười vạn quyến thuộc phá hoại tháp chùa, sát hại chúng Tăng phương Tây; lại có vua tên là Bát-lao, cũng

đem mười vạn quyến thuộc phá hoại chùa tháp và sát hại đạo nhân. Phương Bắc có vua tên Diêm-vô-na cũng đem mười vạn quyến thuộc phá hoại Tăng phường chùa tháp, sát hại Sa-môn. Vào thời này loại phi nhân quỷ thần cũng làm khổ não người, đạo tặc cũng nhiều. Ác vương gây cảnh nhiễu nhương khủng bố. Khi đó ở phương Đông có nước Câu-xá-di tên là Đại Quân, cũng có mười vạn quân vây quanh. Vua có một người con từ trong thai mẹ ra đã mặc áo giáp sắt tay cầm đao huyết. Ngày hôm đó, trời đổ mưa huyết lớn. Vua Đại Quân cho gọi tướng sư lại xem cho con. Tướng sư nói:

- Đứa bé này sẽ làm vua khắp thiên hạ duy có lỗi là giết hại quá nhiều.

Ngay hôm đầu sinh ra, vua đã cho thiết đại lễ cúng dường rất có oai đức, uy nạn như ngày đó đều có thể thấy biết, cho nên gọi là nạn có thể xem thấy, cho đến năm hai mươi tuổi. Lúc này ba ác vương đang huỷ diệt Phật pháp sát hại tất cả, lại muốn hướng về phương Đông. Vua Đại Quân nghe điều này thì rất sợ hãi.

■

TRUYỆN A-DỤC VƯƠNG

QUYỂN 7

Vua rất sợ hãi nói rằng:

- Ngày nay ba vị vua này đồng tâm đánh ta. Ta nên làm gì?

Có vị Thiên thần nói:

- Vua nên đem vương miện đội cho vương tử. Bỏ ngôi vị vua cùng vương tử và đem năm trăm lực sĩ đủ để khôi phục. Vua Đại Quân bỏ ngôi vua và đem vương miện đội lên cho con. Vị vương tử này gọi là vua Nan Khan. Có năm trăm vị lực sĩ làm phụ tướng, năm trăm phụ tướng lo sửa soạn binh mã khí trượng để cung giao chiến, giết ba vu ác đạo và quyến thuộc, trừ diệt hết binh chúng rồi trở về Xá-di, làm vua cõi Diêm-phù-đề.

Lúc này ở trong thành Hoa thị có Bà-la-môn tên là Đại Đữ, là bậc bác học đa văn, thông suốt hết các kinh sách. Ông lấy vợ cũng thuộc giòng họ lớn như mình. Người đại phước đức cũng từ đây sinh ra, nên khi hoài thai, cũng muốn tất cả vị luận sĩ cùng luận nghị sĩ. Tướng sư bói rằng:

- Đứa bé sinh ra tất có thể hàng phục tất cả luận sư.

Khi đủ mười tháng thì đứa bé sinh ra, diện mạo rất đoan chánh. Khi lớn lên, thông đạt kinh sử. Có năm trăm vị Bà-la-môn theo thọ học làm đệ tử. Từ đó người này học tập các kinh luận chú thuật mà có nhiều đệ tử, cho nên gọi là đa đệ tử. Thế rồi vị ấy từ biệt cha mẹ mà xin xuất gia học đạo. Làu thông cả tam tạng kinh điển. Lúc bấy giờ trong thành hoa thị có một vị trưởng giả tên là Tu-đạt-na, lấy con gái nhà môn hộ làm vợ, có thắng phước nên sinh con cũng như thế. Đến khi hoài thai, người mẹ thích chỗ yên tịnh, tu hành nhẫn nhục ưa làm điều thiện.

Tướng sư bói rằng:

–Đứa bé này có chí từ lúc sơ sinh. Nên đặt tên là Tu-đạt.

Sau lớn lên thì từ biệt cha mẹ đi xuất gia. Tu hành tinh tấn đắc quả A-la-hán, sống đời thiểu dục tri túc, trí thức rộng sâu, tâm ưa thích những nơi nhân tịnh thanh vắng, đến ở trong núi Hương sơn. Khi ấy, vua

Đại Quân vừa băng hà. Vua Nan Khán xót thương áo não bèn thiết lễ cúng dường các nơi, sau mới xây tháp.

Tam tạng đa đệ tử đem theo trăm ngàn chúng đệ tử đi đến thành Câu-xá-di để nói pháp. Vua Nan Khán nghe Tam tạng thuyết pháp mà dần trừ được lòng ưu buồn, đối với Phật pháp đều sinh lòng kính tin. Nghĩ đến công đức của Như Lai cùng chư Sa-môn làm pháp thí vô uý.

Sau đó vua hỏi chư Tỳ-kheo:

- Ba vị ác vương, hủy diệt Phật pháp trong bao lâu.

Đáp:

- Trong hai mươi năm.

Vua nói:

- Ta nay cũng trong hai mươi năm làm các thứ công đức.

Thế là vua ở tại nước Câu-xá-di làm trai đàn cúng dường. Trong ngày ấy, trong cõi Diêm-phù-đề mưa cam lồ rưới khắp khắp nơi cây trái lúa thóc đều tươi tốt ra hoa. Người trong cõi Diêm-phù-đề vì muốn cúng dường chúng Tăng nên đi đến thành Câu-xá-di. Lúc này chúng Tăng được nhiều lợi dưỡng thọ sự cúng dường y phục ẩm thực, nên lơ đểnh việc tu tập tụng kinh hành đạo. Ban ngày thì đàm thoại việc thế tục, ban đêm thì lo ngủ nghỉ. Chỉ biết tham trước lợi dưỡng, trao chuốc thân thể mặc y phục tốt đẹp. Lúc này tu hành không còn niềm vui xa lìa, cũng chẳng có niềm vui tịch tịnh, không vui trí tuệ. Duy chỉ cho thân này là chắc thật, là của mình, Phi pháp thì tăng trưởng, đạo tràng gần như muốn nghiêng đổ, chánh pháp muốn diệt. Lửa mạnh đang thiêu đốt pháp luân, biển pháp cũng muốn khô cạn.

Chư Thiên Long, Dạ-xoa, Càn-thát-bà đều sinh lòng hiếm trách bảo:

- Đây là do chúng Tăng không tu hành thập thiện. Thường huân tập các việc ác làm nhiều điều không tốt, khiến cho kẻ ác hoại diệt Phật pháp. Vì tà kiến phá hoại nên ít có người tín tâm, làm cho thiện căn xưa nay đều bị đoạn diệt. Vì không có tâm Từ bi nên không sợ tai ương lầm lỗi, xa lìa chơn đế, làm nghiêng ngã đạo tràng. Vì bất tín, bất điều phục cho nên gây nên ác nghiệp, phá luật phá kinh tàn hại người xuất gia. Vì thích làm điều ác nên cùng nuôi dưỡng lòng kiêu mạn, lại hư dối cho là thời mạt pháp, Phật pháp suy diệt nay đã hiện rõ. Pháp hãi đạo quang chẳng còn bao lâu nữa. Người học theo cú pháp không có trí tuệ tất sẽ làm cho Phật pháp tiêu diệt. Chư Thiên không vui cho nên không ủng hộ. Do đây mà chư thiên ở trên không trung thấy vậy rất là áo não. Phát ra âm thanh lớn nói rằng:

- Chánh pháp của Như Lai sau bảy ngày đêm, vì chúng Tăng đấu tranh nhau cho nên bị huỷ diệt.

Lúc này ở thành Câu-xá-di có năm trăm vị Ưu-bà-tắc, vì Phật pháp cho nên hết lời can gián chư Tỳ-kheo diệt bỏ sự đấu tranh nhau.

Họ đồng nói rằng:

- Than ôi! Chánh pháp của Như Lai tất sẽ bị tiêu diệt, dòng pháp lưu đoạn diệt, hàng Thích tử cũng không còn, bèn làm kệ rằng:

Thân tâm dù Kim cang
Còn có lúc hoại diệt
Huống chi thân tứ đại
Làm sao được trường tồn
Nếu thấy nghe được pháp
Tánh liền tự tiêu diệt
An ổn mà vượt qua
Độc ác cùng thế lực
Người trí đều tận diệt
Ác pháp hiện nơi đời
Tướng Phật cũng chẳng còn
Thế gian đầy tăm tối
Pháp vô cấu đã chìm
Khổ đau càng mau đến
Cứu pháp Thế Tôn này
Thiện ác ai biết được
Nếu không biết điều thiện
Làm sao mà cứu vãng
Việc giải thoát chánh yếu
Và con đường nhân thiện
Nếu không biết điều ác
Làm sao mà xa lìa
Phật pháp như đèn soi
Để tu tiến muôn thiện
Phật pháp nếu tại thế
Ruộng phước thật vô cùng
Phật pháp nếu diệt mất
Ruộng phước nay còn đâu
Đạo pháp kể từ này
Diệt tận sao quá sớm.

Năm trăm tăng phòng ở thành Câu-xá-di. Vào ngày bố tát, hàng

Ưu-bà-tắc vì có duyên sợ cho nên không đến. Ở trong núi Hương sơn có một vị A-la-hán tên là Tu-đà-la, quán xét chúng Tăng ở cõi Diêm-phù-đề này nơi nào có Bồ-tát, liền biết phàm là đệ tử Phật đều vân tập đến Câu-xá-di để bố tát. Chúng Tăng đã vân tập đầy đủ. Khi ấy tăng sai vị Duy-na xướng lên:

- Nay mười phương Tăng cùng hòa hợp bố tát.

Tam tạng Tỳ-kheo đa hữu đệ tử làm bậc Thượng tọa tối thượng, bạch với chư chúng Tăng rằng:

- Đệ tử mười phương của Như Lai đều đã vân tập tại đây. Trong đại chúng này tôi làm bậc Thượng tọa. Tôi đã là bậc đa văn bỉ ngạn mà đối giới luật vẫn chưa trì giữ đủ. Nay trong chúng đây ai có thể trì giới Tỳ-kheo thì nên thuyết giới. Nay là ngày 15 rất là ưu vui, nhật nguyệt phân minh, chúng Tăng vì thuyết giới cho nên cùng hòa hợp thiện các Sa-môn trong cõi Diêm-phù-đề, hàng Thích tử cùng tu tập về, là ngày tối hậu. Trong đây ai có thể trì giới. Tu-đà-la đứng dậy đến trước Hòa thượng chắp tay thưa rằng:

- Tôi nay có thể thuyết giới Bồ-tát như khi Phật còn tại thế, ngài Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên đều trì giới. Tôi nay đã trì giới đầy, xin nguyện thuyết giới.

Đệ tử của Tam tạng tên là Y-già-độ, có tánh ác lại không có lòng từ bi sinh tâm tật đố, đứng dậy cầm dao giết Tu-đà-la. Lúc này có Dạ-xoa tên là Lạc Diện, thấy vậy nói rằng:

- Cõi Diêm-phù-đề này duy chỉ có một vị A-la-hán, tại sao lại giết. Thế là liền cầm lấy chày Kim cang đánh Y-già-độ ra làm bảy mảnh.

Đệ tử Tu-đà-la lại giết Tam tạng. Từ đó về sau Phật pháp lần suy diệt. Lúc này đại địa đều chấn động, đại tinh tú sa xuống. Các phương hỏa loạn nổi lên. Chư Thiên ở trên không trung đều thất thanh rơi lệ. Có một Dạ-xoa đã từng thấy Phật lúc còn tại thế, lúc này năm vóc lạy xuống đất, che mặt nhìn xuống mà nói rằng:

- Từ nay về sau không còn nghe Phật pháp, không còn nghe Tỳ-ni, không nghe giới luật. Cầu pháp đã gãy làm đoạn dứt cả dòng pháp. Biển pháp đã khô cạn, núi pháp đã băng hoại, chùa pháp cũng không còn. Pháp hành đã tuyệt, pháp tạng cũng dứt, pháp cam lồ đã cạn. Có thể Phật pháp từ đây đã diệt, chư thiền giả cũng tiêu tan.

Phật mẫu Ma-ha Ma-da từ trên cõi trời nhìn xuống rơi lệ bi ai.

- Than ôi! Thương thay! Giáo pháp con ta tạo lập trong ba a-tăng-kỳ kiếp, ngày nay đã bị tận diệt. Đồ chúng của con ta đều là bậc Sư tử hống nay vì sao lại như vậy. Những bậc dũng kiện oai đức có thể

chấn động, ma động nay vì sao lại không có. Những vị từ pháp thần sinh ra nay cũng ở chỗ nào? Bậc nạp y tịch tịnh nay cũng ở đâu? Các bậc tu pháp thí, tài thí, vô úy thí, nhẫn nhục đều đang ở phương nào? Phật mẫu bi ai than khóc một lúc thì liền trở về cõi trời. Năm trăm vị Ưu-bà-tắc nghe Phật pháp sắp diệt tận, liền đi khỏi Câu-xá-di đến chỗ tăng phòng. Hai tay giơ lên tự đánh vào ngực vào lưng khóc la áo não mà than rằng:

- Thật là xót xa! Thật là đau đớn lại nói kệ rằng:

Lời thiện nay xa lìa
Ác nạn tai sẽ tới
Ai trao thọ giới pháp
Ai thuyết lời pháp âm
Ngu si đang lần tới
Ánh sáng diệt càng mau
Thế gian đều tăm tối
Đắm chìm trong ác nghiệp
Tất cả vì vô minh
Không có tướng xa lìa
Lời Phật không còn nữa
Nghiệp thanh tịnh đều buông
Đại tử nay đã đến
Điều theo đường ác đạo
Thế gian như hư không
Xa lìa hết sao trăng
Như hoa không có ong
Rừng không còn cây cối
Trí tuệ và niệm định
Pháp thập lực Thế Tôn
Nay thảy đều tiêu diệt
Chúng sinh chẳng còn nương

Bấy giờ vua nước Câu-xá-ly nghe Tam tạng Tỳ-kheo và Tu-đà-la A-la-hán hai người đều chết, thì buồn bả giận dữ, bèn giết hết các đạo nhân và phá hủy cả Phật pháp.

Ngày trước Đức Phật đã bảo Tứ Thiên vương:

- Ông nên ủng hộ Phật pháp, cho đến khi pháp diệt.

Tứ Thiên đại vương bạch với Đức Phật rằng:

- Thế Tôn! Xin thọ giáo!

Nói xong chư Thiên đều bay về trời.

A-DỤC VƯƠNG HIỆN BÁO NHÂN DUYÊN ĐỆ TỬ.

Ngày xưa vào thời vua A-thứ-già, có vua nước Sư tử đem cống hiến cho vua năm cây Như ý bảo châu. Vua liền đem một cây cúng nơi tháp chỗ Đức Phật đản sinh. Cây thứ hai cúng nơi tháp cây Bồ-đề. Cây thứ ba cúng nơi tháp mà Đức Phật Chuyển pháp luân. Cây thứ tư cúng nơi tháp Đức Phật Niết-bàn. Còn lại một cây muốn đem cho các vị phu nhân. Nếu cho một người thì sợ các người kia sẽ giận. Vua liền cho gọi mọi người vào cung mà nói rằng:

- Nếu ai có y phục trang sức anh lạc đẹp nhất thì ta sẽ cho cây này.

Tất cả các vị phu nhân đều tự mình tìm phương tiện để có được trang phục anh lạc đẹp nhất. Duy chỉ có một vị phu nhân nhỏ tên là Tu-xà-di, nhớ lời Đức Phật dạy lấy giới làm y phục, anh lạc là tốt nhất, nghĩ thế liền thọ trì tám giới, mặc thuần bạch y.

Vua A-thứ-già lần lượt xem các vị phi hậu, phu nhân trang sức anh lạc. Thấy các vị phu nhân đều dùng kỹ nhạc để tự làm vui. Khi đến chỗ phu nhân Tu-xà-di thấy mọi người đều có vẻ tịch mặc, dung nghi tề chỉnh, mặc y phục mới trắng tinh. Tâm vua tự nhiên sinh cung kính. Lại khi đó ở trong chúng có thuyết pháp tọa. Vua liền bước đến kính lễ mà nói rằng:

- Các vị phu nhân kia đều trang sức thương phục kỹ nhạc đầy đủ. Các người vì sao mà yên lặng ở đây?

Phu nhân đáp:

- Thiếp có nghe Đức Phật dạy, lấy sự tàm quý để làm thương phục. Lấy giới để làm anh lạc tối thắng. Lấy pháp âm để làm kỹ nhạc, chúng tôi đều thọ trì bát giới để làm anh lạc. Thường tự mình hổ thẹn cho nên mặc đồ trắng. Để cùng thuyết pháp để làm âm nhạc.

Vua nghe lời này trong lòng rất hoan hỷ vui mừng liền nói rằng:

- Ta trước đã có nói, nếu ai có trang sức y phục anh lạc đệ nhất thì cho cây bảo châu. Nay ngươi chính là đệ nhất cho nên được cây này. Về sau, các vị phu nhân thấy bảo châu, đều cùng học tập theo mà trì bát giới.

Vua A-thứ-già thường thỉnh chúng Tăng vào cung thọ thực. Có một vị Tỳ-kheo tên Ưu-bát-la. Thuở nhỏ đã đoan chánh mãnh mẽ khác người. Trong miệng của Ưu-bát-la có mùi hương. Vua tự dâng nước sau bữa ăn. Nghe hơi thở của vị Đạo nhân này có mùi hoa sen Ưu-bát-la. Vua liền tác niệm, vị Tỳ-kheo này tuổi trẻ đoan chánh. Trong miệng lại

có mùi hương.

Vua liền bảo vị ấy lấy nước xúc miệng. Miệng lại tỏa mùi hương gấp bội.

Vua hỏi:

- Mùi hương này đã có bao lâu?

Đáp:

- Từ thời quá khứ có Đức Phật hiệu là Ca-diếp, Đức Phật lúc này thọ đến hai vạn tuổi. Tôi lúc này làm Pháp sư ngồi trên tòa cao, thường tán thán Phật pháp. Trải qua bốn mươi chín ức kiếp sinh vào trong cõi nhân thiên, không đọa trong ba đường ác. Trong miệng lại tỏa hương thơm như thế.

Vua nghe lời này thì sinh lòng hoan hỷ cung kính tác lễ.

Ngày trước vua A-thứ-già, có thỉnh một vị đạo nhân thuyết pháp. Dùng bức trướng ngăn lại cho phụ nữ ngồi trong mà nghe pháp. Lúc này Pháp sư vì các phụ nữ mà nói pháp. Thường thuyết các pháp thí giới, cầu phước báo để sinh thiên. Có một người phụ nữ vi phạm vương pháp, cởi bức màn ra, hướng đến trước vị Pháp sư hỏi:

- Đấng Đại Giác Như Lai giác ngộ các pháp ở dưới gốc cây Bồ-đề, giác ngộ các pháp thí giới và còn các pháp nào khác?

Pháp sư đáp:

- Phật biết tất cả pháp Hữu lậu đều là khổ, dụ như thiết nóng chảy ra. Khổ này nhân nơi tập khí mà sinh ra chẳng khác nào như cây độc. Người tu tám Thánh đạo sẽ diệt được khổ tập này.

Người phụ nữ nghe được lời này liền đắc quả Tu-đà-hoàn. Sau đó đem dao buộc vào cổ đến chỗ vua mà thưa rằng:

- Tôi nay đã phạm vương pháp, xin vua trị tội.

Vua hỏi:

- Ngươi đã phạm tội gì?

Đáp:

- Tôi phá cấm chế của vua để đến chỗ đạo nhân. Chẳng hạn như trâu khát không tránh được cái chết. Tôi thật là khát Phật pháp. Thế nên đã mạo phạm đến nghe pháp.

Vua nói:

- Ngươi nghe pháp có chổ sở đắc gì không?

Đáp:

- Đã đắc pháp, thấy được bốn chân đế, giải trừ ấm nhập giới và rõ tứ đại đều là Vô ngã. Từ đó mà đắc pháp nhãn.

Vua nghe lời này thì vui mừng hớn hở liền thi lễ nói rằng:

- Từ nay về sau không cần che màn trướng nữa. Ai thích nghe pháp thì cho đến thẳng đối diện với Pháp sư mà nghe, rồi khen rằng:

- Kỳ diệu thay! Ở trong nội cung có nhân bảo. Vì có nhân duyên nên biết nghe pháp có lợi ích lớn.

Ngày trước vua A-thứ-già thấy một vị Sa-di bảy tuổi, đang đi đến chỗ khuất, liền làm lễ thì vị Sa-di nói chớ có làm lễ tôi.

Bấy giờ trước mặt Sa-di có một cái bồn tắm. Sa-di liền ẩn vào trong bồn tắm này mà trốn. Một lát sau trở ra liền nói với vua:

- Vua cẩn thận chớ có lễ lạy Sa-di.

Ở trong các kinh đều có nói:

- Sa-di tuy nhỏ cũng không được khinh. Vương tử tuy nhỏ cũng không thể xem thường. Rồng tuy nhỏ cũng chớ coi nhẹ.

Sa-di tuy nhỏ mà có khả năng độ người. Vương tử tuy nhỏ nhưng có thể giết người. Rồng tuy nhỏ mà có thể kéo mây làm mưa, sấm chớp bão táp. Cho nên dù nhỏ mà vẫn không thể xem thường được.

Vua A-thứ-già rất thâm tín Phật pháp Tam bảo. Thường thiết lễ cúng dường chúng Tăng. Hàng Bà-la-môn thấy thế sinh lòng đố kỵ. Họ cùng tụ tập lại, lựa chọn các bậc cựu túc lấy ra năm trăm người, đều tụng làu bốn bộ Phệ-đà và thông đạt thiên văn địa lý. Cùng luận bàn rằng:

- Vua A-thứ-già đã tận lực cúng dường bọn đầu trọc. Các bậc Cựu túc chúng ta chưa từng được mời đến. Nay phải tìm phương cách gì khiến cho vua hối tâm.

Có một Thiện chú Bà-la-môn bảo các vị Sa-môn rằng:

- Các vị nên đi theo sau tôi. Đến ngày thứ bảy tôi sẽ dùng chú lực làm M-ế-thủ-la bay thân đến thành Vương xá. Các vị lần lượt đi theo tôi. Tôi có thể khiến cho vua thiết lễ đại cúng dường.

Các vị Bà-la-môn đều cho là phải. Đến ngày thứ bảy, Thiện chú Bà-la-môn dùng chú thuật hóa làm Ma-đế-đầu-la, ở trên hư không bay đến cửa cung vua. Các vị Bà-la-môn cũng đi theo sau đến trước cung vua. Sai người vào thưa với vua:

- Ở trong hư không có Ma-đế-thủ-la, đem bốn trăm chín mươi chín Bà-la-môn từ hư không đi xuống. Nay đang ở ngoài cửa. Các vị Bà-la-môn khác đang dưới đất cũng muốn vào cung vua liền cho người ra mời vào, cùng thưa hỏi mời ngồi và hỏi:

- Ma-ế-thủ-la, có điều gì lại đến đây. Có cần gì không?

Đáp:

- Cần ẩm thực.

Vua liền ra lệnh cho dọn năm trăm mâm thức ăn ra trước. Ma-đế-thủ-la đều lấy tay đẩy ra nói!

- Tôi từ sinh đến giờ chưa từng ăn thế này.

Vua đáp:

- Vì không nói trước, nên không biết chư vị thích món gì?

Ma-đế-thủ-la đồng thanh nói:

- Thức ăn của tôi là bọn đầu trọc đấy.

Vua liền gọi một vị quan:

- Người đến chùa Kê đầu thưa với Tôn giả Da-xá, ở trong cung có năm trăm vị Bà-la-môn, một người tự xưng là Ma-đế-thủ-la, không biết đây là người hay là La-sát. Xin thỉnh A-xà-lê đến vì tôi mà đuổi bọn họ đi.

Nhưng vị quan này là đệ tử của bọn tà kiến Bà-la-môn. Đi đến lại không nói thật như lời vua, mà nói rằng:

- Vua A-thứ-già đang mời năm trăm vị Bà-la-môn, nói là hình tướng thì giống người còn ngôn ngữ thì giống La sát. Họ nói rằng: Muốn thấy các vị Sa-môn đến cùng ăn.

Thượng tọa Da-xá liền bảo Duy-na đánh kiền chùy tập hợp chúng. Nói lời từ tạ với đại chúng!

- Ta nay tuổi đã già yếu. Ta vì chúng tăng nên biết việc này. Chúng tăng an ổn hộ trì Phật pháp, để cho ta đi.

Đệ nhị Thượng tọa nói:

- Thượng tọa không nên đi. Thân tôi không thể kham việc hộ trì Phật pháp, xin để cho tôi đi.

Đệ tam Thượng tọa cũng nói:

- Đệ nhị Thượng tọa không nên đi, nên để cho tôi đi.

Như thế lần lượt cho đến vị Sa-di cuối cùng. Trong mười sáu vạn tám ngàn Tăng chúng, Sa-di nhỏ nhất mới bảy tuổi. Đi ra khỏi chúng chắp tay quỳ dài xuống thưa rằng:

- Chư tăng không nên đi, con còn nhỏ không thể kham nhiệm việc hộ trì Phật pháp. Xin đại chúng cho con được đi.

Thượng tọa Da Xà rất vui mừng; đưa tay xoa đảnh đầu Sa-di và nói:

- Ngươi có thể đi, để người không đợi thế là Sa-di liền đi.

Lúc này vua A-thứ-già nói:

- Có đến không?

Người hầu cận đáp:

- Các vị nhường nhau. Nay thì vị Sa-di nhỏ nhất đến.

Vua nói:

- Thật là xấu hổ, cho nên mới để người nhỏ đến.

Người hầu đáp phải.

Vua nghe Sa-di đến liền ra nghinh tiếp. Mời Sa-di ngồi trên tòa cao. Các vị Sa-môn rất giận dữ :

- Vua A-thứ-già không biết phân biệt. Chúng ta là bậc túc đức mà vua không nghinh tiếp. Còn vị Sa-di này nhỏ tuổi mà vua tự ra nghênh tiếp.

Sa-di hỏi vua:

- Vì sao lại cho gọi?

Vua đáp:

- Vị Ma-đế-thủ-la muốn ăn thịt A-xà-lê. Vậy tùy A-xà-lê có cho ăn không?

Sa-di nói:

- Tôi tuổi còn nhỏ, hồi sáng giờ chưa ăn gì. Vua nên cúng cho tôi ăn trước. Rồi sau tôi sẽ cho quý vị Bà-la-môn ăn.

Vua liền sai nhà bếp làm thức ăn mang đến. Sa-di ăn sạch một mâm. Lần lượt dọn ra năm trăm mâm cũng đều ăn hết sạch.

Vua hỏi:

- Đủ chưa?

Đáp:

- Đều chưa đủ.

Vua lại gọi nhà bếp nói:

- Còn bao nhiêu thức ăn nên đem lên hết, Sa-di lại ăn hết.

Vua hỏi:

- Đủ chưa?

Đáp:

- Chưa đủ vẫn còn đói khát.

Nhà bếp bạch vua:

- Thức ăn đã hết.

Vua nói:

- Trong kho còn gì đều đem ra dọn.

Vua hỏi:

- Đủ chưa.

Đáp:

- Chưa đủ.

Vua nói:

- Tất cả đồ ẩm thực đều đã hết không còn gì để ăn.

Sa-di nói:

- Xin lấy thức ăn của vị nhỏ nhất Bà-la-môn đem đến cho tôi ăn. Rồi cũng ăn hết, cho đến bốn trăm chín mươi chín mâm của các vị Bà-la-môn cũng ăn hết sạch. Ma-ế-thủ-la rất đỗi kinh sợ bay lên hư không. Sa-di ngồi trên tòa đưa tay lên. Từ trên hư không lại nắm đầu Ma-ế-thủ-la ăn hết.

Vua thấy vậy kinh sợ nghĩ nếu ăn hết Bà-la-môn, lại ăn ta không?

Sa-di biết tâm niệm của vua, liền nói với vua:

- Vua là Đàn-việt của Phật pháp, sẽ không làm tổn hại, xin chớ sợ.

Rồi lại nói với vua:

- Vua có thể cùng đến chùa Kê đầu không?

Vua nói:

- A-xà-lê muốn đem tôi đi đâu thì tôi cũng xin đi.

Sa-di liền cùng vua đi về chùa. Vua thấy Sa-di đem tất cả thức ăn từ sáng đem chia cho chúng Tăng trong chùa cùng ăn. Lại chia cho năm trăm vị Bà-la-môn, lúc này đều cạo bỏ râu tóc, đắp mặc pháp y, đang ở trong chúng ngồi ở hàng phía sau, có cả vị bị Sa-di ăn đầu tiên.

Ma-ế-thủ-la ngồi ở hàng cuối cùng, năm trăm người thấy vua thì rất lấy làm xấu hổ nghĩ:

- Chúng ta còn không thể cùng vị Sa-di này đấu tranh huống chi cùng với đại chúng tranh lực. Dụ như lông chim rớt vào tro bếp, như muỗi cùng bay với kim xí điểu. Dụ như thỏ con cùng Sư tử vương tranh thế lực, do đây thì không tự biết độ lượng. Năm trăm Bà-la-môn sinh tâm hổ thẹn mà đắc quả Tu-đà-hoàn.

Vua A-thứ-già khi thấy người xuất gia, bất luận lớn nhỏ cũng đều cung kính lễ bái. Còn các đại thần tà kiến cho là kỳ quái. Nếu thấy bậc tôn túc đại đức thì mới lễ bái, còn người tuổi nhỏ không đức thì vì sao lại phải lễ kính. Nhà vua là vua khắp cõi Diêm-phù, vang danh là bậc Thánh đức, rất đáng trọng vọng, cớ sao lại tự khinh mình mà lễ bái. Lời nói này truyền ra và vua nghe được. Vua liền tập họp các quần thần lại. Đem đến bốn đầu người và hàng trăm đầu thú ngựa trâu, ra lệnh cho đại thần Da-xa đem các đầu này đi bán. Tất cả đầu thú đều có người mua. Duy có đầu người không có ai mua.

Mọi người đều nói:

- Tất cả đầu đều có người mua, duy có đầu người thì không ai mua.

Vua hỏi:

- Vì sao lại không bán. Tất cả muôn vật cái gì quý nhất.

Các quan đều nói:

- Duy có con người là quý nhất.

Nếu người quý nhất thì phải có giá? Vậy sao lại bán không được?

Đáp:

- Người lúc sống thì quý, mà khi chết thì là hèn. Đầu người còn không muốn thấy, chớ nói gì mua.

Vua lại hỏi:

- Tất cả đều là hèn, hay chỉ là đầu.

Đáp:

- Tất cả đều hèn.

Vua nói:

- Nếu tất cả đều hèn, thì đầu ta cũng là hèn sao?

Lúc này Da-xa sợ không dám trả lời.

Vua nói:

- Da-xa hãy thành thực trả lời ta đi.

Da-xa đáp:

- Thật như vua nói. Thật không khác gì?

Vua nói:

- Đầu ta cùng đây không khác vậy các ngươi vì sao lại ngăn ta không cho lễ bái. Các ngươi nếu thật là tri thức của ta thì phải khuyên ta lễ bái. Cớ sao ta đã tự lễ bái mà các ngươi chê cười. Đầu ta nay nếu có giá trị thì nên lễ kính. Làm sao có thể đem nó mà mua bán được. Nếu là thiện trí thức thì nên khuyên ta lễ kính Tam bảo, cho đời sau ta được sinh thiên, được thọ nhận đầu của bậc Thánh hiền mời phải.

Vua A-thứ-già thường thiết lễ cúng dường chúng Tăng. Lúc này ở trong cung có một nô bộc thấy vua làm phước điền mong cầu tiêu nghiệp. Trong lòng không vui mới nghĩ rằng:

- Vua phước ngày một tăng, còn ta tội ngày một nhiều. Vì đời trước vua tu phước, đời này được phú quý. Ngày nay làm phước ngày sau càng phú quý hơn nữa. Ta đời trước tạo tội nay mới làm kẻ hạ tiện. Ngày nay không có gì để tu phước, thì đời sau đâu thể thoát khỏi kiếp hèn hạ này. Khi chúng Tăng ăn rồi, người nữ tì này quét dọn được một đồng tiền vàng, liền đem tiền này cúng dường chúng Tăng nên tâm rất hoan hỷ. Sau đó không lâu thì bị bệnh chết thác sinh làm con gái của vua, rất là đoan chánh khác thường. Nhưng bàn tay mặt lúc nào cũng

nắm lại cho đến khi năm tuổi. Phu nhân tâu với vua:

- Đã sinh một đứa con gái, một tay luôn nắm chặt. Vua bảo đem đứa bé ra. Vua kéo tay thì tay liền mở ra. Giữa lòng bàn tay có một đồng tiền vàng lớn. Lấy đồng tiền vàng đi, thì lại có đồng khác không bao giờ hết. Vua kinh ngạc mới đến hỏi Thượng tọa Da-xa:

- Đứa bé này đời trước đã tạo phước đức gì, khiến cho trong tay lúc nào cũng có đồng tiền vàng như thế?

Da-xa đáp:

- Đời trước, là người ở trong cung vua quét dọn mà được đồng tiền vàng, đem cúng dường chúng Tăng. Vì nhân duyên đó mà được sinh vào cung vua. Vì công đức cúng dường này mà tay lúc nào cũng có đồng tiền vàng.

Trong kho tàng của vua có một viên khuyết như ý châu. Đây là bảo vật của vua A-xà-thế. Ở mặt trên có dòng chữ ghi rằng:

- Vua A-xà-thế thấy viên châu này trên có dòng chữ ghi là: để lại cho vua nghèo cùng đời sau là A-thứ-già. Vua đọc lời này thì rất giận dữ nói:

- Vua A-xà-thế chỉ làm vua có một nước, còn ta làm vua cả cõi Diêm-phù-đề. Tại sao lại bảo ta là vua nghèo cùng được.

Có một vị đại thần có trí đáp rằng:

- Nên thử viên châu này có công năng gì, vua liền sai người thử châu. Đem châu này chẻ ra thì vẫn không dùng được. Khi đó thân bị mụn ghẻ, đem châu đặt vào thì liền lành. Trời lạnh thì ấm, nóng thì mát, đều do lực của viên châu. Lại có thể làm cho loài độc hại bị tiêu hóa. Nếu đem để vào dòng nước đục hơn ba mươi dặm thì nước sẽ trở nên lắng trong. Các loại châu trong kho tàng của vua đều không sánh được.

Vua liền nghĩ:

- Ta thật là bần cùng, vua A-xà-thế còn có viên bảo châu này. Dù bị khuyết một mặt mà đức lượng còn như thế. Đủ biết khi Đức Phật còn tại thế thì phước đức của người rất sâu dày. Ta vì đức bạc cho nên ra đời sau khi Đức Phật Niết-bàn.

Vua A-thứ-già nhờ Thượng tọa Da-xa thỉnh Tôn giả Tân-đầu-lô.

Da-xá bảo vua:

- Nên nấu sữa tô cho thật ngon. Tôn giả Tân-đầu-lô sẽ mang theo tám vạn bốn ngàn La-hán đến. Khi Tăng chúng tụ tập an tọa, vua tự mình đem nước sau bữa ăn. Tôn giả Tân-đầu-lô chỉ dùng toàn sữa tô.

Vua bạch Tôn giả:

- Tô là khó tiêu, có thể gây bệnh không?

Tôn giả đáp:

- Không có gây hoạn đâu. Vì sao? Đức Phật lúc còn tại thế cùng với sữa tô ngày nay khí lực đều bằng nhau. Thân ta là thân của thời Đức Phật, cho nên không có tai hoạn gì?

Vua nói:

- Vì sao lại như vậy?

Tôn giả Tân-đầu-lô lấy tay vạch đất sâu đến bốn vạn hai ngàn dặm. Lấy chỗ đất tốt đưa cho vua xem và nói:

- Người đời nay bạc phước, khiến cho đất tốt ở sâu dưới lòng đất. Do đây biết khi Đức Phật còn tại thế, con người thật nhiều phước đức.

Thời vua A-thứ-già, có quan thái sử xem tướng vua rồi nói rằng:

- Vua có tướng suy.

Vua hỏi:

- Làm sao trừ được.

Thái sử đáp:

- Duy chỉ có tu phước.

Vua liền tạo công đức xây tám vạn bốn ngàn bảo tháp. Vua hỏi thái sử ?

- Tướng xấu đã diệt chưa?

Thái sử đáp:

- Vẫn chưa diệt.

Lại hỏi Tôn giả Da-xá:

- Làm các nào để diệt.

Tôn giả đáp:

- Vua phải nên tu phước. Nếu chuyên tự kỷ thì phước rất ít, phải khuyên mọi người cùng tu phước một cách chân thành thì phước càng sâu rộng, có thể tiêu tai trừ mọi hoạn nạn.

Vua nghe lời này liền mặc y phục thô sơ, đi khuyên hết mọi người trong nước cùng tạo phước. Khi đến nhà một người nữ nghèo khó. Lúc này người nữ duy chỉ có một cái khố để che thân thể. Nghe nói làm phước thì lòng rất hoan hỷ. Liền vào trong nhà, đưa cái khố ra xin thọ nhận.

Vua hỏi:

- Vì sao không ra ngoài này đưa.

Đáp:

- Duy chỉ có cái khố che thân. Nay cởi ra đem bố thí làm cho thân hình lão thể nên không thể ra được.

Vua nghe thế thì khen việc chưa từng có. Trở về cung, sai đem trang phục của các vị phu nhân đến cho người con gái này và xin làm chị em, lại phong cho thôn ấp. Công đức bố thí được hoa báu như thế, thọ báo về sau.

Vua A-thứ-già đi khắp khuyên hóa mọi người nghèo kia. Vua A-thứ-già đi khắp khuyên hóa mọi người làm phước. Đến nhà hai vợ chồng người nghèo kia chỉ có áo vải thô sơ che lấy thân thể.

Vua nói:

- Vua A-thứ-già vì thương xót bá tánh, muốn cho mọi người cùng làm phước.

Vợ chồng người nghèo trong lòng tự trách:

- Đời trước do ta xan tham cho nên nay mới bị nghèo cùng, ngày nay lại không có tài vật tu phước.

Vợ chồng lại bàn với nhau:

- Chúng ta nên đem thân này thế tài vật. Phước nghiệp khó gặp, đem tài vật cho người mà không vui sao?

Hai vợ chồng đi đến nhà người giàu kia mà nói:

- Cho tôi bảy đồng tiền vàng. Vợ chồng tôi đem cầm thân mình bảy ngày. Nếu không có trả thì chúng tôi sẽ làm nô bộc.

Trưởng giả nghe nói thì vui mừng đem đưa cho bảy đồng. Hai vợ chồng đem tiền đến cho người khuyến hóa. Người này hỏi:

- Các vị do đâu mà có tiền để đem cúng thí.

Vợ chồng đều đáp:

- Chúng tôi nghèo tuyệt không có tiền tài. Mừng có gặp phước điền mà không có tài vật cúng dường. Nhờ nhà phú trưởng giả mượn tiền này đem thân thế chấp. Nếu quá hạn không trả thì chúng tôi sẽ làm nô bộc.

Người khuyến hóa nói:

- Đem thân thế chấp để có tiền cúng dường thật là khó gặp. Vì sao lại bố thí?

Người nghèo kia đáp:

- Vì đời trước không tạo phước. Ngày nay gặp tai ách chịu nghèo khổ cho nên nay nổ lực làm thuê mượn tiền để cúng dường. Vì nhân duyên này nguyên đời sau được hưởng phước lạc. Vua về đến cung liền lấy y phục anh lạc của mình và y phục của các phu nhân bỏ lên xe ngựa chở đi cho người kia lại phong cho thôn ấp.

Vua A-thứ-già khuyên hóa mọi người cùng làm phước, cho nên tướng xấu liền biến mất.

Xưa có vua A-thứ-già muốn lấy xá-lợi mà vua A-xà-thế cho xây tháp trước kia. Vua A-xà-thế xây tháp xá-lợi ở giữa dòng sông Hà, tại đó có đặt một cơ quan kiếm thép bằng bánh xe quay khiến cho nước chỗ đó chảy xiết. Muốn tìm cách để lấy xá-lợi chỗ đó thật không dễ dàng.

Vua mới hỏi Tỳ-kheo Liên Hoa rằng:

- Làm cách nào để lấy được Xá lợi?

Tỳ-kheo đáp:

- Vua nên lấy một ngàn gốc cây đem thả nơi dòng nước ấy, thì nước sẽ dừng chảy.

Vua y theo lời của Tỳ-kheo cho tìm đủ số gốc cây. Rồi đem thả nơi dòng nước. Cây trôi đến chỗ cơ quan của kiếm thép thì chặn lỗ kiếm lại làm cho nước ngừng chảy. Nhưng có đại Long vương trấn giữ nơi dòng nước này, nên không thể lấy được.

Vua lại hỏi Tỳ-kheo:

- Làm cách nào để lấy.

Tỳ-kheo đáp:

- Vì Long vương phước đức thù thắng nên không thể lấy.

Vua hỏi:

- Vì sao lại biết Long vương có phước.

Đáp:

- Nên lấy vàng đúc một pho tượng của vua và một tượng của Long vương. Sau đó đem cân thử, tượng nào nặng thì có phước hơn.

Vua y theo lời nói cho đúc tượng rồi đem cân, thì thấy tượng Long vương nặng gấp đôi. Thấy vậy vua do đó liền chuyên tu phước. Khi tu phước rồi, thì đúc tượng và cân thử, thấy cả hai tượng đều nặng bằng nhau.

Vua càng tu phước thêm nữa. Sau đó đúc tượng và cân lại thì tượng vua nặng hơn. Khi biết tượng mình nặng hơn. Vua bèn đem quân đi đến dòng nước đó. Long vương tự thân lên đón vua và dâng hiến nhiều châu báu.

Vua hỏi Long vương:

- Ngày trước vua A-xà-thế có để lại xá-lợi cho ta. Nay ta muốn lấy về.

Long vương tự biết uy lực của mình không bằng nên đưa vua đến tháp xá-lợi, rồi mở cửa lấy xá-lợi đưa vua.

Khi trước vua A-xà-thế có làm một cây đèn dầu thắp trong tháp. Lúc này thì dầu cháy gần hết. Đến khi Xá lợi được lấy ra thì đèn cũng vừa tắt.

Vua lấy làm lạ hỏi Tỳ-kheo Liên Hoa:

- Vì sao vua A-xà-thế lại để đủ số lượng dầu cho đến nay khi lấy Xá lợi ra thì đèn mới tắt.

Tôn giả đáp:

- Vua này rất có tài tính toán. Đã tính đủ số lượng dầu thắp trong một trăm năm cho đến nay mới tắt.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 183

KINH A DỤC VƯƠNG

SỐ 2043
(QUYỂN 1 → 10)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

KINH A-DỤC VƯƠNG

Hán dịch: Đời Lương,
Tam tạng Tăng-già-sa-la, ở đất Phù nam

QUYỂN 1

Phẩm 1: SINH NHÂN DUYÊN

Bấy giờ, Đức Phật ở tại thành Vương xá, nơi tinh xá Già-lan-đà, trong vườn trúc. Vào buổi sáng đắp y trì bát, cùng với chúng Tỳ-kheo cùng đi vào thành Vương xá khất thực. Lúc bấy giờ, ở trong hư không có lời kệ rằng:

Thân Phật như Kim sơn
Bước đi như voi chúa
Sắc mặt rất đoan nghiêm
Như ánh trăng đầy đặn
Chư Tỳ-kheo vây quanh
Cùng đi vào trong thành.

Lúc này, Đức Thế Tôn chân vừa bước vào cổng thành, thì xảy ra các sự việc không thể ngờ được. Kẻ mù được thấy, người điếc được nghe, người câm đã nói, người què đi được. Lao ngục ràng buộc đều được giải thoát. Kẻ có oán tắng đều sinh từ tâm. Người bị trói buộc tự nhiên được cởi ra. Tất cả loài chim thú thảy đều hoan hỷ mà kêu lên, âm thanh chan hòa. Các loại trang sức bảo châu vàng xuyến ở trong hòm tự nhiên phát ra tiếng kêu, nghe rất vui thích. Muốn thứ kỹ nhạc đều vang lên. Lúc này mặt đất trở nên yên tịnh, không có các loài uế xấu đất cát ngói ngạch, gai gốc cỏ độc. Sáu cõi đều chấn động, phương Đông nổi thì Tây chìm, phương Tây nổi thì phương Đông chìm. Phương Nam nổi thì phương Bắc chìm, phương Bắc nổi thì phương Nam chìm.

Trung ương nổi thì bốn bên chìm. Bốn bên nổi thì trung ương chìm. Rồi các nơi cùng chuyển động, hiện lên các thứ kỳ đặc. Các việc xảy ra trên không trung lại cùng thuyết kệ:

Tất cả đại địa
Lấy biển làm y
Sông, núi, thành, nước
Dùng làm trang nghiêm
Thế Tôn bước đi
Sáu cõi vang động
Như thuyền trên biển
Bị gió thổi đi.

Lúc Đức Phật đi vào thành, dùng thần lực làm cho mọi người đều sinh lòng hoan hỷ, như nước trong biển lớn lại bị gió thổi. Tất cả nhân dân đều nói kệ:

Thế gian đều vui thích
Không bằng thấy Thế Tôn
Sáu cõi đều vang động
Cát đá cũng tung lên
Người căn không đầy đủ
Từ nay sẽ vẹn toàn
Tất cả đồ bảo khí
Tự nhiên phát diệu thanh
Phật quang chiếu khắp nước
Ngàn mặt trời đỏ soi
Đem nước hương rưới đất
Và Mạt hương chiên-đàn
Thành ấp tại nước này
Trang nghiêm đều đệ nhất.

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn đang đi trên đường lớn. Ở trên con đường đó có hai đứa bé, đứa thứ nhất tên là Xà-da, đứa thứ hai tên Tỳ-xà-da, đều thuộc dòng họ tối thắng. Hai đứa bé đang chơi đùa với cát. Nhìn thấy Đức Thế Tôn có ba mươi hai tướng tốt. Đứa thứ nhất lấy cát làm thức ăn đem cúng dường vào bát của Đức Phật. Đứa thứ hai chắp tay đứng bên tùy hỷ, liền nói kệ:

Đại từ bi soi sáng
Trang nghiêm thân đủ đầy
Đã xa lìa sinh tử
Ta nay một lòng nghĩ

Vì tâm niệm duyên Phật
Dâng cát để cúng dường

Đứa bé Xà-da cúng dường rồi thì phát nguyện:

- Nguyện cho con được làm vua cõi Diêm-phù-đề, vì Phật pháp mà cúng dường khắp cả.

Đức Phật biết tâm niệm phát nguyện đó, ở vào đời vị lai sẽ được hưởng quả thắng diệu. Do Đức Như Lai là ruộng phước nên Đức Phật Từ bi nhận lấy cát đó và mỉm cười, thân phát ra hào quang sáng rực, đủ màu xanh vàng đỏ trắng. Hoặc từ trên đảnh phát ra hoặc từ đầu gối phát ra làm chấn động tám tầng địa ngục. Chỗ lạnh thì ấm, chỗ nóng thì mát. Khi ánh sáng này soi đến thân ai thì khổ não đều được trừ. Có chúng sinh tâm khởi nên nghi hoặc nói ta đã thoát khổ, có thể ở lại đây, chẳng cần đi chỗ khác. Thế là Đức Thế Tôn khởi niệm thiện lại hóa ra người đi đến chỗ đó. Chúng sinh kia nhìn thấy lại nói:

- Chúng ta nay chẳng cần đi chỗ khác, ở đây đã có thần lực của người này khiến cho chúng ta thoát khổ.

Hóa nhân liền sinh tâm nghĩ:

- Nghiệp báo ở địa ngục thảy đều tiêu dứt. Người này khi mang chúng sinh vào cõi trời người, thấy được chân đế.

Rồi từ đảnh xuất ra ánh hào quang lên đến cõi trời Tứ Thiên vương cho đến cõi A-già-ni-sất. Trong ánh quang minh ấy diễn thuyết pháp vô thường khổ không vô ngã. Lại nói kệ rằng:

Nên tinh tấn xuất gia
Tương ưng nơi Phật pháp
Diệt trừ quân sinh tử
Như voi phá nhà cửa
Người tu theo Phật pháp
Siêng năng chớ phóng dật
Lìa tất cả sinh tử
Khổ não liền tiêu diệt.

Ánh hào quang của Đức Phật có thể chiếu khắp cả tam thiên đại thiên thế giới. Chiếu xong rồi liền nhập vào thân Phật. Nếu Đức Phật muốn nhớ lại nghiệp báo trong quá khứ thì ánh sáng phát ra từ phía lưng. Nếu Đức Phật muốn phát ra nghiệp báo ở vị lai thì ánh sáng ra từ phía trước. Nếu Đức Phật nghĩ đến chúng sinh ở địa ngục thì ánh sáng nhập vào chân. Nếu Đức Phật muốn nghĩ đến chúng sinh ở cõi súc sinh thì ánh sáng nhập vào lòng bàn chân. Nếu Đức Phật nghĩ đến loài ngạ quỷ thì ánh sáng nhập vào các ngón chân. Nếu Đức Phật muốn nghĩ đến

chúng sinh ở cõi người thì ánh sáng phát ra từ đầu gối. Nếu Đức Phật nghĩ đến chúng sinh ở Thiết luân vương thì ánh sáng nhập vào lòng bàn tay trái. Nếu Đức Phật nghĩ đến chúng sinh ở Kim luân vương thì ánh sáng nhập vào lòng bàn tay phải. Nếu Đức Phật muốn nhớ sinh ở cõi trời thì ánh sáng nhập vào ngực. Nếu Đức Phật muốn nhớ đến Bồ-đề Thanh văn thì ánh sáng nhập vào miệng. Nếu Đức Phật muốn nhớ Bồ-đề Duyên giác thì ánh sáng nhập vào tướng bạch hào. Nếu Đức Phật muốn nhớ lại Bồ-tát thì ánh sáng nhập vào nhục kế. Ánh quang minh từ tam thiên thế giới trở vào. Trước nhiễu Đức Phật ba vòng, rồi sau mới tùy chỗ mà vào. Nay Đức Phật mỉm cười thân phát ra ánh sáng, nhiễu quanh Đức Phật ba vòng rồi nhập vào lòng bàn tay trái đều có nhân duyên. A-nan trông thấy thì chấp tay nói kệ:

Phật trừ hết kiêu mạn
Diệt oán thành thắng nhân
Có duyên cớ nên cười
Răng trắng như ngọc tuyết
Có trí tuệ liền biết
Khiến cho người vui nghe
Đem tối thắng quang minh
Người thấy đều diệt nghi
Tiếng Phật như điện chớp
Mắt tợ như Ngưu vương
Phước điền như trời người
Thọ ký duyên thí cát.

Phật bảo:

- A-nan! Ta từ trước nay không phải không có duyên cớ mà cười. Vì có nhân duyên nên Như Lai ứng chánh biến tri mới mỉm cười.

A-nan! Ông có thấy đứa bé dùng tay đặt cát vào trong bình bát của Như Lai không?

A-nan bạch Phật:

- Thưa con có thấy.

Thế Tôn lại hỏi:

- Đứa bé này sau khi ta nhập Niết-Bàn một trăm năm, sinh vào thành Ba-sất-lợi-phất, tên là A-dục vương. Làm vua chuyển luân. Rất kính tin chánh pháp, nên rộng cúng dường xá-lợi, khởi xây tám vạn bốn ngàn tháp làm lợi ích cho muôn người. Như Lai lại nói kệ:

Sau khi ta Niết-Bàn
Ngươi sinh nhà Khổng Tước

Tên là A-dục vương
Vui thích rộng nghe pháp
Vì ta xây tháp báu
Trang nghiêm cõi Bồ-đề
Thọ báo công đức này
Thí cát cúng dường Phật.

Phật nhận lấy nắm cát kia và nói với A-nan rằng:

- Ông lấy phân bò hòa với cát này rãi trên đất chỗ Đức Phật đi kinh hành.

A-nan làm theo lời Đức Phật dạy lấy cát trải nền đất. Bèn đi đến thành Ba-sất-lợi-phất-đa có vua tên Chiên-na-la Cấp-đa. Vua có con tên Tần-đầu-sa-la. Trưởng tử của Tần-đầu-sa-la tên Tu-tư-ma. Lúc bấy giờ, ở thành Chiêm-bà có Bà-la-môn sinh một người con gái, dung mạo xinh đẹp đoan chánh bậc nhất trong nước.

Tướng sư đoán rằng: Cô gái này sẽ làm vợ vua và sinh ra hai người con. Một đứa làm vua chuyển luân, một người đi xuất gia đắc đạo. Bà-la-môn nghe vậy thì rất vui mừng hân hoan, muốn hưởng phú quý nên đem con đến nước Ba-sất-lợi-phất-đa. Phục sức trang điểm cho cô gái rồi đem dâng cho vua Tần-bà-ta-la:

- Con gái của tôi là trang quốc sắc, xin dâng làm vợ vua.

Vua liền nhận đem vào trong nội cung. Mọi người trong hậu cung đều nghĩ:

- Người con gái này xinh đẹp bậc nhất. Nếu vua thấy sẽ ưa thích mà bớt sủng ái bọn ta. Thế liền bày cách cho cô gái làm nghề hạ tiện, làm thợ cạo râu tóc cho vua.

Khi vào cạo râu tóc cho vua trong lúc vua đang ngủ. Một lát sau vua tỉnh dậy thì cạo đã xong. Vua rất hoan hỷ hỏi rằng:

- Người có ý nguyện gì không?

Liền bạch với vua:

- Tôi muốn cùng vua hưởng lạc.

Vua nói:

- Nàng là thợ cạo râu, còn ta là vua một nước. Làm sao có thể kết hợp.

Lại bạch với vua:

- Tôi vốn là con gái của Bà-la-môn chứ không phải là thợ cạo râu. Bà-la-môn đã gã tôi làm vợ vua.

Vua hỏi:

- Ai bảo nàng làm thợ cạo thế?

Đáp:

- Người trong nội cung.

Vua nói:

- Nàng từ đây chớ làm việc này nữa. Thế là vua liền phong làm phu nhân. Một thời gian sau thì có mang và sinh ra một hoàng nam. Bấy giờ phu nhân nghĩ:

- Ta nay đã hết ưu lo, nên đặt tên con là A-thâu-kha. Sau đó lại sinh đứa thứ hai đặt tên là Tỳ-đa-thâu-kha. A-thâu-kha tướng mạo thô xấu nên không được cha yêu. Bấy giờ, vua Tần-ba-ta-la muốn xem các con ai có thể kế vương nghiệp, bèn cho mời tướng sư là Tần-già-la-bạt-sa mà nói rằng:

- Nay ta muốn xem trong các hoàng tử, sau khi ta băng hà ai có thể nối ngôi vua.

Tướng sư bảo:

- Đại vương nên gọi các hoàng tử vào trong kim điện. Rồi theo vua đến Kim điện.

Bấy giờ mẹ của A-dục bảo con:

- Đại vương đang cùng các vương tử ở trong kim điện. Con cũng nên đến đó.

A-dục đáp:

- Vua không yêu con. Làm sao đến.

Mẹ bảo:

- Con nên đi đi.

A-dục đáp:

- Con xin đi. Mẹ nên sai người đem thức ăn đến đó.

A-dục liền từ trong thành đi ra, gặp quan đại thần tên là Thành Hộ. Thấy A-dục bèn hỏi:

–Vương tử đi đâu.

Đáp:

- Hôm nay Đại vương ở trong kim điện muốn xem tướng các vương tử, nên ta cũng đến đó.

Thành Hộ liền đưa con vua già cho A-dục đi. A-dục cỡi voi đến kim điện, đến chỗ các vương tử mà ngồi. Các vị vương tử này đều làm các thức ăn quý hiếm đựng bằng mâm vàng. Mẹ A-dục sai người làm thức ăn bằng cơm sữa; đựng vào bình bằng đất sét đưa đến cho A-dục.

Lúc này vua nói với tướng sư rằng:

- Ông nên lần lượt xem tướng các vương tử. Sau khi ta mất thì ai nối ngôi ta.

Tướng sư suy nghĩ:

- Nếu nói A-dục có tướng làm vua. Thì vua không thích tất sẽ giết ta.

Nghĩ thế cho nên nói:

- Tôi nay có nhân duyên nên xem tướng không thể nêu tên ra được. Mà chỉ xem hình trạng.

Vua nói:

- Được!

Tướng sư nói:

- Nếu các vương ai có xe đẹp thì có tướng làm vua.

Đại vương nói:

- Ông có thể nói thêm.

Tướng sư nói:

- Nếu có chỗ ngồi tối thắng thì được làm vua.

Vua nói:

- Ông có thể nói thêm.

Tướng sư lại nói:

- Có thức ăn ngon đồ đựng tốt.

Bấy giờ các vương tử nghe lời này thì đều suy nghĩ:

- Nếu có xe, chỗ ngồi tốt thức ăn ngon đồ đựng quý thì ta có thể làm vua.

A-dục cũng suy nghĩ:

- Nay tướng sư không nêu tên, mà chỉ nói như vậy. Thì ta cũng cỡi con voi là vật tối thắng. Ngồi trên đất, ăn cơm sữa thì cũng là đệ nhất. Ta có đồ đựng bằng đất, dùng nước làm thức uống, như vậy thì ta có thể làm vua.

Sau đó tướng sư lại thăm hỏi mẹ A-dục. Người mẹ hỏi:

- Sau khi vua băng hà thì ai sẽ nối ngôi.

Đáp:

- A-dục.

Lại hỏi:

- Vua có thể nghi hoặc hỏi ai sẽ làm vua. Ông nên đi xa lánh chỗ này, chừng nào A-dục làm vua hãy trở về.

Thế là tướng sư liền đi ra khỏi nước. Lúc này nước Đức-xoa-thi-la muốn làm phản. Vua Tần-đầu-sa-la nói với A-dục:

- Ngươi tập hợp bốn bộ binh đi đến nước kia.

Nhưng vua lại không cấp cho khí cụ, A-dục kéo quân đi đến nước kia.

Kẻ hầu cận hỏi:

- Không có khí giới làm sao chúng ta chinh phạt được nước kia.

A-dục đáp:

- Nếu ta có phước đức làm vua, khiến khí giới tự nhiên sẽ có, vua vừa nói xong thì mặt đất liền mở ra, khí giới và các vật dụng đều xuất hiện. Thế là A-dục thống lĩnh đại binh đi sang nước Đức-xoa-thi-la. Lúc này dân chúng ở đây nghe A-dục đến, đều lo sửa soạn đường xá đến nửa do tuần, rải đầy hương hoa để cung nghinh và nói với A-dục rằng:

- Chúng tôi không có ý phản vua, cũng không phản vương tử. Chỉ vì đại thần xúi dục vua nước tôi làm việc vô đạo. Nay xin phế đi, sau đó dân chúng cung phụng vật thực đầy đủ cho A-dục, mời vào trong thành thu phục được nước này.

Khi đó con trưởng của vua Tần-đầu-ta-la từ trong vườn trở về thành Ba-sất-lợi-phất-đa, trông thấy một vị đại thần trên đỉnh không có tóc. Khi hai người gặp nhau thì vương tử mới gõ lên đầu vị đại thần kia. Đại thần mới nghĩ:

- Nay lấy tay đánh vào đầu ta, nếu lên làm vua chắc sẽ lấy dao chém ta phải tìm cách để vương tử này không lên làm vua mới được.

Thế là vị đại thần cùng họp bàn với năm trăm vị đại thần muốn phế bỏ Tu-tư-ma và nói:

- A-dục vương có tướng làm Chuyển luân Thánh vương, vậy chúng ta nên cùng mưu sự lập nên.

Khi ấy dân Đức-xoa-thi-la lại làm phản. Nhà vua nước đó không chịu thuần phục. Vua Tần-bà-ta-la bèn sai Tu-tư-ma đem binh đi chinh phạt, nhưng Tu-tư-ma không thể làm cho nước kia khuất phục. Lúc này A-dục cũng đã trở về nước.

Vua Tần-bà-ta-la bị bệnh nặng, bảo A-dục đến nước Đức-xoa-thi-la để Tu-tư-ma trở về và nói:

- Ta nay muốn giao phó nước cho Tu-tư-ma.

Lúc này quần thần đem nước Huỳnh khương xoa vào người A-dục rồi nói thác bị bệnh. Lại nấu nước Lạc-xoa đổ đầy bát đem đến chỗ A-dục bệnh, lúc đó vua Tần-đầu-ta-la bệnh rất nặng. Quần thần đem A-dục đến chỗvua và tâu:

- Đây là vương tử, vua nên truyền ngôi lại. Còn Tu-tư-ma trở về thì nên phế đi.

Vua nghe nói vậy thì rất tức giận.

A-dục nói:

- Nếu có tướng làm vua thì trời sẽ cho vương miện.

Nói xong thì chư Thiên liền đem vương miện của trời chụp lên đầu A-dục.

Nhà vua thấy vậy thì càng sân giận hộc máu mà băng hà.

A-dục liền nối ngôi, phong Thành Hộ làm đại thần thứ nhất.

Tu-tư-ma nghe vua đã băng hà và A-dục lên ngôi thì rất phẩn nộ, liền đem binh về định đánh A-dục.

A-dục vương ở trong thành đốc thốc binh sĩ giữ bốn cửa thành. Sai hai vị dõng tướng đem quân giữ hai cửa Tây và Nam, khiến đại thần Thành Hộ đem quân giữ thành phía Bắc. A-dục giữ cửa phía Đông. Đại thần Thành Hộ đặt cơ quan ở thành phía Đông, đào hố chôn cây nhọn và lửa rồi lấy cỏ che trên. Tu-tư-ma kéo quân muốn tiến đánh cửa Bắc. Thành Hộ nói:

- Ông nên tiến đánh cửa Đông. Nếu giết được A-dục thì tôi sẽ quy thuận.

Tu-tư-ma đem quân kéo về hướng Đông, tiến đánh A-dục làm bằng người máy liền rớt xuống hầm bị lửa thiêu đốt chết. Có bộ hạ tên là Bạt-đà-la là một người đại lực sĩ liền đem mấy ngàn quân binh đến cửa Phật pháp xin xuất gia tu đạo đều chứng quả A-la-hán.

Lúc này A-dục vương trị nước, có năm trăm đại thần tỏ ý khinh mạn. A-dục mới nói với các đại thần đó:

- Các ông có thể bẻ lấy hoa quả để bảo hộ gai gốc cỏ lá cho cây không?

Chư thần đáp:

- Không thể được, phải chặt cỏ gai để bảo hộ hoa quả.

A-dục không bằng lòng, nói đến ba lần mà chư đại thần vẫn không chịu nghe. Vua giận dữ liền tự tay chém đầu năm trăm vị đại thần đó.

Một lần vua cùng năm trăm thể nữ ở trong vườn. Vườn đó có cây hoa A-thâu-kha đang ra hoa, vua vừa thấy cây thì nói:

- Cây này cùng tên với ta, nên vua rất yêu thích. Vua A-dục vì thân hình thô xấu, nên nữ nhân không muốn gần. Khi đó vua đang nằm ngủ trong vườn. Bọn thể nữ muốn làm cho vua không vui bèn hái sạch hoa của cây đó. Vua khi thức dậy không thấy hoa thì hỏi:

- Ai hái.

Thể nữ nói:

- Chúng tôi hái.

Vua nổi giận đem hết bọn thể nữ thiêu đốt dưới gốc cây. Vì vậy mà dân trong nước đều gọi vua là ác vương. Quan đại thần Thành Hộ nói với vua:

- Việc chém giết vua không nên tự làm, mà giao cho người khác.

Vua liền cho đi tìm một người để làm việc xử tử người. Ở một làng trên núi có gia đình của người dệt vải có một đứa con. Người cha tên là Kỳ-lợi-kha. Người con thì tánh tình hung dữ thường mắng cha mẹ. Đối với mọi người hay loài vật thì thích đấm đá chém giết. Lại thích đi săn bắn nên chém giết hại vật cũng nhiều. Mọi người đều gọi là Khả-úy-sơn. Vua sai sứ đến tìm người này. Hắn liền về nói với cha mẹ, cha mẹ không cho thì hắn giết luôn. Khi đến gặp sứ thì người này hỏi:

–Sao ngươi đến chậm thế, hắn liền kể lại vì cha mẹ không cho nên hắn giết rồi mới đến.

Vua sai hắn làm lao ngục để trị người có tội. Hắn làm cửa ngục trông rất đẹp, rất hoa lệ, khiến người ngoài nhìn vào rất ưa thích. Lại tâu với vua ra nghiêm lệnh nếu ai vào ngục này thì tuyệt không cho ra. Vua bằng lòng. Thế là Chiên-đà Kỳ-lợi-kha đến chùa Kê-đầu. Trong chùa có Tỳ-kheo đang tụng kinh. Trong kinh có nói về địa ngục về các hình phạt khổ sở như cưa sắt đốt nấu. Nếu có người sinh vào địa ngục thì liền bị trị tội. Chiên-đà Kỳ-lợi nghe vậy liền về tạo ra các dụng cụ trị tội như thế.

Khi đó ở thành Xá-vệ có một thương chủ cùng vợ đi ra biển. Ra đó thì hạ sinh một đứa con nên đặt tên là Hải. Đến mười hai năm mới trở về, gặp bọn cướp sát hại thương chủ mà cướp đoạt tài vật. Duy chỉ có đứa bé tránh được. Về sau đứa bé vào trong Phật pháp xuất gia. Lần hồi đi đến nước Sất-lợi-phất-đa. Đến đó thì mỗi sáng đắp y trì bát vào trong thành khất thực. Khi ấy nhìn thấy cửa địa ngục thật là tráng lệ trang nghiêm. Liền đi vào trong để khất thực. Vào rồi thì thấy các hình cụ hành hình khổ cực lại muốn ra. Chiên-đà Kỳ-lợi-kha thấy bèn bắt lại nói rằng:

- Ông đã vào đây thì phải chịu tội chết không được ra.

Tỳ-kheo lúc này tâm sợ hãi la khóc ràn rụa. Chiên-đà Kỳ-lợi nói:

- Ông vì sao lại khóc lớn như con nít thế?

Tỳ-kheo đáp:

- Tôi khóc không phải vì tiếc thân này. Mà vì gặp được đạo giải thoát thật là khó. Xuất gia khó thì nay tôi đã xuất gia. Thích-ca khó gặp tôi cũng đã được gặp. Nhưng ở trong giáo pháp tôi vẫn chưa được chứng ngộ cho nên mới ưu não khóc thương.

Chiên-đà Kỳ-lợi nói:

- Tôi đã thọ lệnh của vua, nếu đi vào đây thì không cho ra. Tỳ-

kheo lại khóc và xin cho gia hạn một tháng. Chiên-đà Kỳ-lợi không chịu và cho bảy ngày. Lúc này Tỳ-kheo tư duy đến việc sinh tử gần kề nên càng tinh tấn tu trì suốt cả bảy ngày.

Vào lúc đó có một vị vương tử cùng cùng với cung nhân có tư tình. Vua A-dục biết rất giận dữ bèn đem hai người cho vào ngục trị tội. Chiên-đà Kỳ-lợi đem bỏ vào cối sắt rồi dùng búa đập nát. Tỳ-kheo thấy thế rất sợ hãi, liền nói kệ:

Đấng Thế Tôn Từ bi
Bậc Tiên chánh đệ nhất
Sắc này như bọt tụ
Không thật cũng không trụ
Sắc này dù đoan nghiêm
Diệt rồi đến chốn nào
Vì thế nên xa lìa
Kẻ ngu mê lầm theo
Duyên này ta nên biết
Giải thoát tại ngục này
Nương đây để vượt qua
Bờ biển trong tam giới.

- Lúc này thì Tỳ-kheo đã trải qua một đêm, càng tư duy tinh tấn, dứt trừ hết phiền não, liền chứng quả A-la-hán.

Chiên-đà Kỳ-lợi nói với Tỳ-kheo:

- Đêm đã qua, mặt trời đã hiện, sự thọ khổ sẽ đến ông cần nên biết.

Tỳ-kheo đáp:

- Tôi nay không hiểu lời ông nói, thế nào là đêm đã qua, mặt trời đã hiện. Duy chỉ biết đêm vô minh đã qua, mặt trời trí tuệ đã tỏ. Tôi đem mặt trời trí tuệ soi sáng thấy khắp thế gian đều không có thật, cho nên tôi nay muốn đem Phật pháp nhiếp hộ thế gian.

Rồi nói với Chiên-đà-lợi:

- Thân này của tôi, tùy ông xử sự.

Người chủ ngục tuyệt không có lòng từ bi nên không cảm nhận được lời nói ấy, nên càng tức giận đem Tỳ-kheo đặt vào chảo thiết, trong đó có đầy máu mủ phẩn uế. Rồi lấy nhiều củi để đốt nấu Tỳ-kheo. Nấu đến hết củi mà thân vẫn không chín nát. Ngục chủ thấy vậy thì giận dữ mắng ngục tốt.

- Người sao không chịu đốt nhiều lửa?

Rồi tự tay ngục chủ cho củi vào đốt mà củi vẫn không cháy, liền

nhìn vào trong vạc đồng, thấy Tỳ-kheo đang ngồi kiết già trên tòa hoa sen. Thấy vậy liền tâu lại với vua. Vua nghe nói thì cùng dân chúng kéo đến coi. Tỳ-kheo bèn dùng thần lực chỉ trong khoảng khắc từ trong vạc đồng bay lên hư không, biến hóa đủ mười tám thân. Vua A-dục thấy Tỳ-kheo như phá núi đi thẳng vào hư không như thế, thì tâm sinh hoan hỷ mà nói kệ rằng:

Thân cũng đồng là người
Thần lực lại hơn người
Tôi không biết việc này
Người là ai ở đâu
Xin đem lời chánh thuyết
Khiến tôi được tỏ thông
Nếu tôi biết việc này
Xin nguyện làm đệ tử.

Bấy giờ Tỳ-kheo trong lòng suy nghĩ. Vua hôm nay sẽ lảnh thọ lời Phật dạy, mà rộng truyền việc xây tháp cúng dường Xá-lợi, khiến cho mọi người cùng đạt lợi ích. Suy nghĩ rồi thì muốn hiển rõ công đức của Đức Phật, liền nói kệ rằng:

Phật diệt trừ các lậu
Không hơn lòng Từ bi
Bậc luận sự tối thắng
Tôi là đệ tử người
Đem chánh pháp vô tận
Không đắm trước hữu lậu
Là ngưu vương trong người
Tự lợi mình lợi tha
Khiến ta nay giải thoát
Lao ngục trong ba cõi.

Này Đại vương! Đức Phật đã có lời thọ ký: Sau khi ta diệt độ khoảng một trăm năm, ở trong nước Sất-lợi-phất-đa có vua tên A-thâu-kha làm vua chuyển luân trong bốn cõi. Đem xá-lợi của ta cúng dường khắp nơi và khởi xây tám vạn bốn ngàn bảo tháp.

Lại này Đại vương! Vua đã tạo ra ngục tù giống như chốn địa ngục giết hại chúng sinh vô số. Vua nên trừ bỏ đi khiến cho dân chúng được an ổn.

Đại vương nay được như thế mới mãn ý nguyện của Thế Tôn! Lại nói kệ:

Làm vua khắp cõi người

Với tất cả chúng sinh
Nên khởi lòng từ bi
Bố thí vô khả úy
Vừa ý nguyện Thế Tôn
Rộng xây xá-lợi tháp.

Lúc này vua A-dục tâm niệm đang nghĩ đến Đức Phật. Liền chắp tay sám hối mà nói kệ:

Ta quy y Phật Pháp
Là đệ tử Thế Tôn
Ông là con của Phật
Nên khởi tâm nhẫn nhục
Ta tạo ra ác nghiệp
Nay xin sám hối ngài
Cần cầu tinh tấn tu
Thêm sâu lòng cung kính
Ta trang nghiêm đất này
Làm vô lượng tháp Phật
Cũng trắng như ngọc tuyết
Như lời Phật thọ ký.

Tỳ-kheo đáp:

- Tốt! Rồi dùng thần lực bay về chỗ cũ. Vua A-dục muốn đi ra khỏi ngục để trở về. Chiên-đà Kỳ-lợi chắp tay nói:

- Đại vương! Nên biết là tôi đã nhận lệnh, nếu ai vào đây thì quyết không cho ra.

Vua nói: Ngươi nay lại muốn giết ta sao?

Đáp: Chính phải.

Vua hỏi: Vậy chúng ta ai vào trước.

Đáp: Tôi vào trước.

Vua bèn gọi ngục tốt bắt Chiên-đà Kỳ-lợi vào trong nhà Lạc Khả dùng lửa thiêu đốt và thiêu hủy cả nhà ngục này. Từ đó dân chúng không còn lo sợ nữa. Vua A-dục phát tâm xây bảo tháp khắp nơi. Vua bèn cử bốn bộ binh đi đến chỗ vua A-xà-thế, có tháp tên là Đầu-lâu-na. Sai người phá tháp đó đi để lấy xá-lợi của Đức Phật. bảy tháp khác ở các nơi cũng đều phá để lấy Xá-lợi. Lại đến một thôn có tên là La-na, trong thôn này có một bảo tháp xây đã từ lâu, vua muốn phá tháp đó để lấy xá-lợi. Lúc này có Long vương hiện lên mời A-dục nhập vào Long cung, rồi bạch với vua xin lưu lại tháp này để cúng dường. Vua bằng lòng và Long vương đưa vua trở lại thôn La-na. Vua A-dục suy nghĩ

tháp này là tối thắng đệ nhất cho nên Long vương mới hết lòng giữ gìn, ta nay không được xá-lợi ở đây. Sau đó vua liền trở về nước.

Vua cho khởi xây tám vạn bốn ngàn bảo tháp, phân bố xá-lợi khắp các nơi này. Lại làm tám vạn bốn ngàn bình đựng xá-lợi và tràng phan bảo cái giao cho Dạ-xoa đi khắp các vùng đại địa và biển cả để xây tháp cúng dường xá-lợi. Lại các nước lúc ấy có ba loại đại trung tiểu. Mỗi nước đều xuất ra cả ngàn lượng vàng để cho vua nước đó xây tháp. Ở nước Đức-xoa-thi-la xuất ra ba mươi sáu ngàn lượng vàng. Nhân dân trong nước đó thưa với vua A-dục:

- Vua nên cho chúng tôi ba mươi sáu viên xá-lợi. Vua suy nghĩ muốn đem xá-lợi đến cho khắp nơi. Làm sao lại cho nước này nhiều được. Vua bèn dùng phương chước nói với nhân dân nước đó. Nay nên trừ ba mươi lăm lượng vàng, lại ra lệnh nước có nhiều tháp hay ít từ nay trở đi cũng không có đưa vàng.

Sau đó A-dục vương đến chỗ Đại đức Da-xá nói:

- Tôi muốn trong một lúc khởi xây tám vạn bốn ngàn bảo tháp đầy đủ hoàn thành, rồi nói kệ rằng:

Trong bảy tháp trước kia
Lấy xá-lợi Thế Tôn
Ta dòng họ Khổng tước
Trong bốn ngày tạo ra
Tám vạn bốn ngàn tháp
Quang minh như tuyết trắng.

Khi vua khởi tu xây tháp và hết lòng ủng hộ Phật pháp. Nhân dân trong nước gọi vua là A-dục pháp vương và nói kệ rằng:

Đại Thánh vua Khổng tước
Biết pháp đại lợi ích
Đem tháp ấn thế gian
Diệt trừ danh xưng ác
Được tên Thiện Pháp Vương
Y pháp được an lạc.

Kinh A-Dục Vương, Quyển 1 (Hết)

Hữu Lương Thiên Lâm năm thứ 11 vào ngày 12 tháng 06 ở đất Phù Nam, Sa-môn Tăng-già-bà-la tại Dương đô thọ quang điện dịch kiến bảo xướng lục.

■

KINH A-DỤC VƯƠNG

QUYỂN 2

Phẩm 2: NHÂN DUYÊN GẶP ƯU-BA-CẤP-ĐA

Bấy giờ, vua A-dục khởi tu tám vạn bốn ngàn tháp xá-lợi xong rồi thì rất hoan hỷ. Cùng với chư đại thần đến chùa Kê-đầu, đến trước Thượng tọa chấp tay lễ bái và nói rằng:

- Ngày trước tôi cúng dường cát cho Đức Phật được Đức Phật thọ ký. Nay có phước báo này. Vậy ngày trước có vị nào được Phật thọ ký nữa không.

Tỳ-kheo Da-xá đáp:

- Lúc Đức Phật còn tại thế có Long vương tên A-bà Long vương, lại có người thợ gốm và Chiên-đà-la Long vương.

Phật đi hóa độ xong liền đi đến nước Ma-thâu-la. Rồi bảo A-nan rằng:

- Ở nước Ma-thâu-la này sau khi Đức Như Lai Niết-bàn một trăm năm có một thương chủ bán hương tên gọi Cấp-đa. Được Đức Phật giáo hóa có thân tối thắng vô tướng. Sau khi ta Niết-bàn, vị này khởi tâm làm Phật sự.

Lại bảo A-nan:

- Ông nay có thấy khu rừng xanh từ xa kia không?

- Thưa Thế Tôn! Có thấy.

Phật bảo:

- Ở trong đó có núi tên Ưu-lâu-mạn-trà. Sau khi ta Niết-bàn một trăm năm. Ở núi này có chùa tên Na-sĩ-bà-sĩ là nơi tọa thiền tối thắng đệ nhất. Phật lại nói kệ:

Giáo hóa hàng đệ tử
Trí tuệ đạt tối thắng
Thế Tôn đã thọ ký
Tên Ưu-ba-cúc-đa
Đại đức ở thế gian

Nên rộng làm Phật sự.

Lúc này vua A-dục hỏi Thượng tọa Da-xá:

- Ưu-ba-cấp-đa đã ra đời chưa?

Đại đức Da-xá đáp:

- Đã ra đời đang ở trên núi Ưu-lâu-mạn-trà vị này tu hành tinh tấn, diệt hết phiền não. Thường nhiếp hóa chư La-hán ở khắp Diêm Phù và thuyết pháp cho khắp cõi trời, người, A-tu-la cùng chư Long thần. Lúc này Ưu-ba-cấp-đa đang có một vạn tám ngàn La-hán vây quanh cùng ở tại chùa Na-sĩ-bà-sĩ.

Vua A-dục gọi chư đại thần lại nói kệ:

Các ngươi mau trang nghiêm
Binh xa và tượng mã
Ta muốn đến nước kia
Nơi núi Ưu-mạn-đà
Muốn thấy được Đại đức
Tên Ưu-ba-cấp-đa
Tinh cần diệt tận lậu
Đã chứng quả La-hán.

Chư đại thần tâu:

- Vua nên sai người đến thỉnh vị này cùng chư La-hán đến.

Vua bảo:

- Bậc A-la-hán không nên xem thường. Chúng ta phải đến đó lễ bái người.

Lại nói kệ:

Đệ tử Đức Như Lai
Tên Ưu-ba-cấp-đa
Nếu không thọ lời dạy
Tâm người tạo Kim cang.

Sau đó nhà vua sai sứ đến chỗ Ưu-ba-cấp-đa nói:

- Vua của tôi muốn đến chỗ ngài.

Ưu-ba-cấp-đa nghe sứ nói vậy thì suy nghĩ:

- Nếu vua A-dục đến ắt sẽ mang theo nhiều người rất bất tiện mà có hại cho nước này. Bèn nói:

- Để tôi đi đến chỗ vua.

Vua liền đưa thuyền đi nghinh tiếp Ưu-ba-cấp-đa. Sửa sang đường xá khắp nơi. Thuyền đi đến nước Ma-thâu-la để đón Ưu-ba-cấp-đa và chư La-hán. Vì muốn nhiếp thọ vua A-dục nên chư vị đều lên thuyền để đi đến nước Bà-sất-lợi-phất-đa.

Dân chúng của vua A-dục bạch với vua:

- Ưu-ba-cấp-đa vì muốn nhiếp thọ Đại vương, cho nên mới đến nước này.

Vua nên biết Phật pháp sâu rộng như đất. Vua nay do tu thiện tạo phước này có thể vượt ra khỏi biển giới mà đến bờ bên kia.

Hôm sau Tôn giả Ưu-ba-cúc-đa đi đến chỗ vua. Vua rất hoan hỷ, cởi châu anh lạc giá trị cả ngàn vàng đưa thưởng cho người vào tâu. Sai người nay đánh hiệu lệnh, cho cả nước Ba-sất-lợi-phất-đa nghe biết Tôn giả đã đến nước này.

Lại nói kệ rằng:

Nếu người vui phước lạc
Và nhân giải thoát thiên
Tất cả nên đến gặp
Tôn giả Cấp-đa này
Nếu người không thấy Phật
Bậc Lưỡng túc tối thượng
Lòng đại bi vô lượng
Lậu tận khắp trời người
Vậy nay nên cúng dường
Ngài Ưu-ba-cúc-đa.

Vua sai đem bài kệ này truyền cho nhân dân cả nước cùng nghe. Rồi lo sửa sang đường xá. Vua ra khỏi thành đến nửa do tuần, cùng chư đại thần và nhân dân, đem các loại hương hoa kỹ nhạc ra nghênh tiếp Tôn giả. Từ xa vua trông thấy Tôn giả ở trên bờ cùng với một vạn tám ngàn chư đại La-hán, vây quanh như nửa mặt trăng, vua liền xuống voi đi bộ đến chỗ Tôn giả đưa tay đỡ Ưu-ba-cúc-đa ra khỏi thuyền. Rồi năm vóc lạy xuống đất kính lễ Tôn giả. Rồi quỳ dài chấp tay chiêm ngưỡng Tôn giả không biết chán mà nói kệ:

Lấy địa hải làm y
Rừng núi trang nghiêm thân
Trừ oán nơi đất này
Khiến lòng tôi hoan hỷ
Chẳng bằng như ngày nay
Tôi được thấy Đại đức
Lòng càng thêm kính tin
Cũng như thấy Như Lai
Phật đã nhập Niết-bàn
Đại đức làm Phật sự

Thế gian vì vô minh
Người như nhật nguyệt soi
Lấy trí tuệ trang nghiêm
Chẳng khác gì Đại sư
Giáo hóa người muôn cõi
Chúng sinh đều quay về
Nên nay được giáo hóa
Tôi sẽ làm như vậy.

Lúc này Đại đức Ưu-ba-cúc-đa, dùng tay mặt xoa lên đảnh đầu vua A-dục mà nói kệ:

Vua nay được tự tại
Nên nhớ có buông lung
Tam bảo khó gặp đặng
Thường phải nên cúng dường
Thế Tôn giáo pháp tạng
Cho vua và chúng tôi
Nên hộ trì Phật pháp
Vì nhiếp thọ chúng sinh.

Vua A-dục đáp:

- Việc Đức Thế Tôn thọ ký cho tôi nay đã làm xong, liền nói kệ:

Tôi nay đã cúng dường
Thế Tôn xá-lợi tượng
Nơi nơi đều xây tháp
Dùng trân bảo trang nghiêm
Duy không thể xuất gia
Tu hành trong phạm hạnh.

Ưu-ba-cấp-đa nói:

- Đại vương! Lành thay! Lành thay! Việc như đây Đại vương nên làm, vì sao?

Vua đem thân mạng tài
Mà khởi tu chân bảo
Khi thọ thân nơi khác
Sẽ không còn khổ não.

Vua A-dục liền thiết đại cúng dường, đưa Tôn giả vào thành, tay đỡ Đại đức lên ngồi trên tòa cao. Thân hình của Tôn giả Ưu-ba-cúc-đa rất mềm dịu nhẹ nhàng như bông Đâu-la-miên. Vua đụng vào thân liền chấp tay thưa:

Đại đức thân mềm dịu

Như bông Đâu-la-miên
Còn tôi thân thô xấu
Mà chạm thân của người.
Ưu-ba-cúc-đa liền nói kệ:
Tôi cúng dường thắng diệu
Đem dâng Đức Như Lai
Còn vua đem cát đất
Dâng thí trong bát Phật.
Vua A-dục nói kệ:
Tâm tôi trước tiểu nhi
Dùng cát cúng Thế Tôn
Gặp được ruộng công đức
Cho nên nay làm vua.

Lúc này Ưu-ba-cúc-đa, muốn cho vua hoan hỷ liền nói kệ:

Vua gặp ruộng công đức
Mà gieo hạt bố thí
Do đây được phước báo
Được quả vui bất tận.

Vua nghe lời đó lòng rất hoan hỷ, lại nói kệ:

Xưa dùng cát bố thí
Thế Tôn đại phước điền
Nay được vui vô tận
Làm vua khắp bốn châu
Ai nghe việc như vầy
Mà không cúng dường Phật.

Lúc này vua A-dục lễ dưới chân Tôn giả mà bạch rằng:

- Đại đức! Tôi muốn đến chỗ Đức Phật thường đi ở ngồi thiền để cúng dường. Lại muốn xây tháp ở đây để chúng sinh đời sau biết được chỗ Đức Như Lai thường đi kinh hành ngồi thiền. Vua lại nói kệ:

Tôi muốn chỗ Như Lai
Thường đi đứng nằm ngồi
Đều cúng dường đảnh lễ
Để lìa khổ sinh tử
Lại muốn xây tháp báu
Chỗ Phật thường đứng đi
Khiến chúng sinh vị lai
Được nhân duyên thấy Phật.

Ưu-ba-cấp-đa đáp:

- Đại vương! Lành thay! Lành thay! Vua phát tâm này thật là khó gặp, muốn cúng dường Đức Như Lai lúc còn tại thế thường đi đứng nằm ngồi. Lại muốn nhiếp thọ cho chúng sinh đời sau.

Vua A-dục lại cử bốn bộ binh, đem hương hoa kỹ nhạc cùng với Tôn giả Ưu-ba-cấp-đa đi đến đất Đức Phật.

Tôn giả đưa vua đến chỗ Đức Phật đản sinh trong vườn Lâm-tỳ-ni. Lấy tay chỉ nói:

- A-dục vương! Đây là chỗ Đức Phật đản sinh, rồi nói kệ:

Thế Tôn nơi chỗ này
Sinh ra đi bảy bước
Mắt tịnh xem bốn phương
Làm bậc Sư tử hống
Đây là thân cuối cùng
Nơi trụ thai cũng thế.

Vua A-dục năm vóc quỳ lạy sát đất, đảnh lễ chỗ Đức Như Lai đản sinh, chắp tay nói kệ:

Có người được thấy Phật
Công đức thật vô cùng
Như tiếng vang sư tử
Công đức cũng như kia.

Ưu-ba-cúc-đa muốn vua sinh thêm lòng tin nên nói rằng:

- Có một vị chư thiên thấy Đức Phật lúc mới sinh đi bảy bước. Vua có muốn nghe Sư tử hống nói không?

Vua đáp:

- Đại đức! Tôi nay muốn được nghe Đại đức nói lại việc phu nhân Ma-da lúc mới sinh thái tử, đã vịn vào cành cây ở đây.

Nếu có chư Thiên nhân
Ở tại trong rừng này
Thấy được Phật đản sinh
Lại nghe tiếng sư tử
Nên hiện thân nơi đây
Cho A-dục lòng tin.

Lúc ấy, có chư Thiên hiện thân ra, đứng chắp tay trước mặt Tôn giả Ưu-ba-cúc-đa nói:

- Đại đức muốn tôi làm gì?

Ưu-ba-cúc-đa liền nói với vua:

- Đây là chư Thiên đã thấy Phật lúc đản sinh.

A-dục chắp tay hướng đến vị trời, nên nói kệ:

Ông thấy Phật đản sinh
Trăm phước trang nghiêm thân
Mặt Phật như hoa sen
Thế gian đều vui thích
Lại nghe Sư tử hống
Ở trong vườn Đại lâm.
Chư Thiên lại nói kệ:
Ta đã thấy thân Phật
Ánh sáng như sắc vàng
Bảy bước trong hư không
Bậc nhị túc tối thượng
Cũng nghe Sư tử hống
Đấng trung tôn trời người.

Lúc này vua hỏi:

- Lúc Đức Phật đản sinh có hiện tướng lành gì?

Chư thiên đáp:

- Tôi nay không thể nói hết những diệu tướng ấy. Nay chỉ nói sơ lược, liền nói kệ:

Phóng kim sắc quang minh
Chiếu sáng khắp thế gian
Trời người đều ưa thích
Núi sông đều chấn động.

Vua A-dục đem mười vạn lượng vàng cúng dường chỗ Đức Phật đản sinh, để khởi xây tại đây, xong rồi đi chỗ khác.

Ưu-ba-cúc-đa liền đem vua đến chỗ tiên nhân Ca-tỳ-la Bà-tu-đẩu, liền đưa tay chỉ chỗ đó:

- Vị tiên đoán tướng của Bồ-tát cho vua Bạch Phạn. Có ba mươi hai tướng tốt trang nghiêm thân sắc.

Vua liền lễ lạy nơi ấy. Có Thích-ca Bạt-đà-na là Thiên thần ở đây hiện lên. Bồ-tát liền đến đảnh lễ thiên thần. Thiên thần không dám nhận lễ, mà lễ lại vị Bồ-tát. Vua Tịnh Phạn thấy vậy liền nói:

- Đứa bé này là trời của cõi trời.

Vua liền đặt tên cho thái tử là Thiên Thiên. Lại chỉ chỗ vị tướng sư Bà-la-môn xem tướng cho Bồ-tát nói:

- Đây là chỗ tiên nhân coi cho thái tử.

Rồi nói tiếp:

- Đứa bé này sẽ là Phật.

Lại chỉ chỗ Ma-ha Ba-xà-ba-đề nuôi dưỡng Bồ-tát, ông lại chỉ

chỗ Bồ-tát đọc sách, ại chỉ chỗ Bồ-tát cưỡi ngựa xe tập bắn cung tên.

Lại nói:

- Đây là chỗ Bồ-tát có đầy đủ đạo quả cứu cánh.

Lại nói:

- Đây là chỗ Bồ-tát chuyển pháp luân.

Lại nói:

- Đây là chỗ thái tử cùng sáu vạn thể nữ vui chơi.

Lại nói:

- Đây là chỗ Bồ-tát thấy cảnh sinh, già, bệnh, chết mà khởi lòng Từ bi.

Lại nói:

- Đây là chỗ Bồ-tát, ngồi dưới cây Diêm-phù, tu các thiền định xa lìa tham dục ác pháp. Có giác ngộ có quán xét ly sinh hỷ lạc nhập vào cõi Sơ thiền. Bồ-tát tọa thiền, khi mặt trời lên cao, thì cây che bóng mát, các cây khác cũng tùy theo bóng mặt trời mà di chuyển.

Lúc này vua Tịnh Phạn thấy vậy liền năm vóc quỳ lạy sát đất. Khi đó có một vạn trời người, đứng hầu Bồ-tát từ thành Ca-tỳ-la giữa đêm từ giã cung thành ra đi. Lúc này Bồ-tát cởi hết mũ áo trân bảo cùng với ngựa đưa cho Sa-nặc đem trở về. Lại nói kệ rằng:

Bỏ mũ bảo anh lạc
Đưa ngựa cho Sa-nặc
Đem trở về bản quốc
Một thân không thị vệ
Vì tu hành tinh tấn
Vào trong núi học đạo.

Bồ-tát ở chỗ này đem Y-ca-thi đổi lấy ca-sa của thợ săn để xuất gia.

Đây là chỗ Sa-la-già-ba thỉnh Bồ-tát, đây là chỗ vua Tần-bà-ta-la chia cho Bồ-tát nửa nước, là nơi Bồ-tát tham vấn Uất-đầu-lam-phất, lại nói kệ:

Chỗ này có tiên nhân
Tên Uất-đầu-lam-phất
Nghe pháp xong bỏ đi
Vua trời không thấy khác.

Đây là chỗ Bồ-tát tu sáu năm khổ hạn. Lại nói kệ:

Sáu năm tu khổ hạnh
Khó làm nay đã làm
Biết khổ hạnh phi đạo

Bỏ sở hành tu nhân.

Bồ-tát đã ở chỗ này thọ bát sửa của hai người con gái Nan-đà và Nan-đà-ba-la, rồi lại nói kệ:

Bồ-tát ở chỗ này
Thọ bát sữa Nan-đà
Phát lời nói dõng mãnh
Đến ngồi cội Bồ-đề.

Đây là chỗ Già-lê Long vương tán thán Bồ-tát. Như lời kệ nói:

Long vương tên Già-lê
Tán thán mà nói rằng
Đạo pháp ở tại đây
Nơi gốc cây Bồ-đề.

Thế là vua A-dục lễ lạy dưới chân của Ưu-ba-cấp-đa, chắp tay thưa:

- Tôi muốn thấy Long vương trước đã thấy Đức Như Lai đi kinh hành như voi chúa. Từ đường này đến cây Bồ-đề. Lúc này Ưu-ba-cấp-đa đến chỗ Già-lê lấy tay chỉ nói kệ:

Tối thắng trong Long vương
Ông nên khởi hiện thân
Ông thấy Bồ-tát đi
Đến dưới cây Bồ-đề.

Già-lê Long vương tức thì hiện thân ra, đến trước mặt Ưu-ba-cấp-đa nói:

- Đại đức! Muốn tôi làm điều gì?

Tôn giả nói:

- Đây là Long vương Già-lê. Bồ-tát từ đường này đến cây Bồ-đề và ông đã tán thán như thế nào?

Vua A-dục liền chắp tay hướng về Già-lê Long vương mà nói kệ:

Ông thấy Phật Thế Tôn
Ánh sáng như kim sắc
Chiếu khắp cả thế gian
Mạt như ánh trăng đầy
Mười lực công đức sâu
Ông nên nói một phần
Vì sao từ nơi này
Thần lực Phật đủ đầy.

Già-lê Long vương đáp:

- Tôi nay không thể nói rộng ra hết được, nay chỉ lược nói ra, lại nói kệ:

Bồ-tát đi trên đất
Lục chủng đều chấn động
Núi sông và đại hải
Ánh sáng hơn nhật nguyệt.

Vua A-dục ở nơi chỗ Long vương nói khởi tu xây tháp xong rồi đi.

Tôn giả lại đưa vua đến gốc cây Bồ-đề và nói:

- Đại vương! Đây là chỗ Bồ-tát đem lòng từ bi thắng chúng ma vương. Từ đó mà giác ngộ đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Rồi nói kệ:

Đầy đủ lòng bi mẫn
Thắng cả chúng ma quân
Đề hồ đều không sánh
Vô thượng Chánh biến tri.

Bấy giờ vua A-dục đem mười vạn lượng vàng cúng dường cây Bồ-đề, cho xây tháp xong thì đi.

Tôn giả Ưu-ba-cấp-đa nói với vua:

- Đây là chỗ Đức Phật thọ nhận bốn bát của Tứ Thiên vương hợp lại một bát.

Lại nói chỗ này Đức Phật thọ thức ăn cúng dường của hai vị thương chủ Bà-lợi. Đức Phật từ chỗ này đi đến nước Ba-la-nại. Lại nói chỗ này có ngoại đạo tên là Ưu-bà-kỳ, khen ngợi Đức Như Lai.

Tôn giả lại đưa vua A-dục đến một chỗ và nói:

- Đây là chỗ Đức Thế Tôn tam chuyển Thập nhị hành pháp luân.

Lại nói kệ:

Chỗ này Phật tam chuyển
Thập nhị hành pháp luân
Pháp chơn thật đã tạo
Vượt thoát khổ sinh tử.

Đây là chỗ một ngàn ngoại đạo xuất gia. Đây là chỗ Đức Phật thuyết pháp cho Tần-bà-ta-la nghe pháp chân đế và có tám ngàn chư Thiên và Bà-la-môn trưởng giả ở nước Ma-già-đà cùng vô số người đến nghe thuyết pháp, được thấy chơn đế.

Đây là chỗ Đức Phật vì trời Đế Thích thuyết pháp và có tám vạn chư Thiên được thấy chân đế.

Đây là chỗ Đức Thế Tôn vì mẹ mà thuyết pháp sau khi hạ an cư

xong cùng chư Thiên đến chỗ này, để rộng thuyết pháp.

Ưu-ba-cấp-đa đem vua A-dục đến thành Câu-thi-la nơi chỗ Đức Phật Niết-bàn lấy tay chỉ nói:

- Đại vương! Đây là chỗ Đức Như Lai, sau khi hóa độ chúng sinh đã xong liền nhập vào Vô dư Niết-bàn.

Và nói kệ rằng:

Thiên nhân A-tu-la
Dạ-xoa chư Long thần
Cùng tất cả thế gian
Việc giáo hóa đã xong
Đại từ bi tinh tấn
Cho nên nhập Niết-bàn.

Vua A-dục nghe xong thì đau buồn té xỉu xuống đất, phải lấy nước rửa mặt hồi lâu mới tỉnh. Vua đem mười vạn lượng vàng khởi tu tháp ở chỗ này, cúng dường chỗ Như Lai Niết-bàn. Vua lễ dưới chân Tôn giả và nói:

- Chỗ nào Đức Thế Tôn thuyết pháp cho các vị đại đệ tử. Tôi muốn cúng dường xá-lợi.

Ưu-ba-cấp-đa đáp:

- Lành thay! Lành thay! Đại vương tâm thật chí thiện.

Tôn giả liền đem vua đi vào rừng Kỳ-hoàn lấy tay chỉ nói:

- Tại đây tháp của Tôn giả Xá-lợi-phất, ông nên cúng dường.

Vua hỏi Tôn giả:

- Ngài Xá-lợi-phất có công đức trí tuệ gì?

Đáp:

- Là đại đệ tử lớn thứ hai của Đức Phật, có thể thay Đức Như Lai chuyển pháp luân. Là đệ tử trí tuệ bậc nhất của Đức Phật. Trí tuệ tối thắng của thế gian đều không bằng một phần mười sáu. Ngoại trừ Đức Như Lai.

Lại nói kệ:

Vô đẳng Chánh pháp luân
Phật vì chuyển thế gian
Xá-lợi-phất tùy thuận
Làm lợi ích chúng sinh
Ai nói được việc này
Công đức sâu như biển.

Tâm vua A-dục rất hoan hỷ, bèn đem mười vạn tiền vàng cúng dường xây tháp thờ Xá-lợi-phất.

Rồi chắp tay nói kệ:

Tôi lễ Xá-lợi-phất
Đem tâm niệm cung kính
Trí tuệ lìa phiền não
Soi sáng khắp thế gian.

Tôn giả lại đưa vua đến tháp Mục-kiền-liên và nói:

- Đây là tháp Mục-kiền-liên vua nên cúng dường.

Vua hỏi:

- Vị này có công đức thần lực gì?

Tôn giả đáp:

- Đây là Bồ-tát có thần thông bậc nhất trong đệ tử của Đức Phật. Có thể dùng chân làm chấn động pháp đường của Đế Thích. Lại có thể hàng phục Long vương Nan-đà, Ưu-bà-nan-đà.

Liền nói kệ rằng:

Thần lực Mục-kiền-liên
Phật nói là đệ nhất
Có thể làm chấn động
Cung điện của Đế Thích
Hàng phục cả nhị Long
Nan-bà, Bà-nan-đà
Thần lực công đức rộng
Không có thể nghĩ bàn được.

Vua A-dục liền đem mười vạn lượng vàng cúng dường tháp Mục-kiền-liên.

Chắp tay nói kệ:

Thần lực là tối thắng
Lìa sinh tử khổ não
Tôi nay nên đảnh lễ
Nghe danh Mục-kiền-liên

Tôn giả lại nói:

- Đây là tháp Ma-ha Ca-diếp, ông nên cúng dường.

Vua lại hỏi:

- Vị này có công đức gì?

Tôn giả đáp:

- Vị này tu hạnh Đầu-đà thiểu dục tri túc. Phật bảo đây là bậc tu hạnh Đầu-đà đệ nhất. Phật đem nửa tòa cho Tôn giả cùng ngồi. Lại lấy ca-sa của mình che cho Tôn giả. Tôn giả thọ trì bát tạng, nhiếp hóa chúng sinh đau khổ.

Lại nói kệ:

Phước điền rất thù thắng
Hành thiểu dục tri túc
Thọ trì Phật pháp tạng
Hay nhiếp khổ chúng sinh
Phật chia nửa tòa ngồi
Và che y nơi thân
Không thể nói cùng tận
Công đức sâu vô lượng.

Vua A-dục đem mười vạn lượng vàng, cúng dường tháp Đại Ca-diếp.

Chắp tay nói kệ:

Thường ở hang núi sâu
Hành thiểu dục tri túc
Trừ hết oán phiền não
Được quả vị giải thoát
Công đức không thể bàn
Cho nên đây đảnh lễ.

Lúc này Ưu-ba-cấp-đa đưa vua đến tháp Bạt-câu-la và nói:

- Đây là tháp Bạt-câu-la ông nên cúng dường.

Vua hỏi:

- Vị này có công đức gì?

Đáp:

- Trong đệ tử Đức Phật vị này tinh tấn không giải đãi đệ nhất, chưa từng vì người khác nói một hai câu pháp.

Vua sai người lấy hai mươi Câu tử cúng dường xây tháp, có vị đại thần hỏi vua:

- Cùng là La-hán sao các tháp kia cúng dường ngàn lượng vàng, còn tháp này chỉ có hai mươi Câu tử cúng dường.

Vua nói: Ông nên nghe kệ.

Lấy trí tuệ soi sáng
Trừ diệt tối vô minh
Trụ ý làm nhà ở
Ít làm lợi thế gian
Cho nên dùng Câu tử
Cúng dường cho tháp kia.

Lúc này hai mươi đồng Câu tử từ chỗ tháp lại đi đến chân vua. Đại thần thấy vậy lấy làm kinh ngạc và nói:

- Vị La-hán này tu công lực thiểu dục cho đến lúc vào Niết-bàn màvẫn không thọ vật cúng dường.

Tôn giả lại đem vua đến tháp của Tôn giả A-nan và nói:

- Đại vương! Đây là tháp A-nan ông nên cúng dường. Đây là vị đệ tử đa văn đệ nhất của Đức Phật, thường theo hầu cận cung phụng đức Như Lai.

Lại nói kệ:

Là trưởng lão A-nan
Khắp trời người đều quý
Thường hộ trì bát Phật
Đầy đủ niệm tuệ tâm
Đa văn rộng như biển
Miệng nói lời vi diệu
Phương tiện ý chánh giác
Rõ thông tất cả pháp
Giữ tạng pháp công đức
Thế Tôn đều tán thán.

Vua A-dục đem mười vạn lạng cúng dường tháp A-nan.

Đại thần hỏi:

- Vì sao tháp này lại cúng dường hơn hết.

Vua nói:

- Ông nên nghe kệ.

Pháp thân Đức Thế Tôn
Thanh tịnh không cùng tận
Tôn giả thường thọ trì
Nên cúng dường hơn hết
Ngọn đèn Phật pháp soi
Trừ hết mọi phiền não
Do Ngài mà pháp trụ
Nên cúng dường hơn hết
Như vết trâu trên nước
Không thể xóa đại hải
Trí tuệ của A-nan
Không xóa biển trí Phật
Ở trong Tu-đa-la
Ngọn đèn Phật soi sáng
Cho nên ta hôm nay
Cúng dường tối thắng nhất.

Vua cúng dường các tháp xong thì rất vui mừng. Làm lễ dưới chân Tôn giả, rồi nói kệ:

Tôi sinh trong cõi người
Không mất quả thiện nghiệp
Vì trước tạo công đức
Nay được ngôi tự tại
Do không chơn thật pháp
Nay được pháp chơn thật
Xây tháp xá-lợi Phật
Trang nghiêm ở thế gian
Làm sao tu khổ hành
Tôi đây chưa thể làm.

Bây giờ vua A-dục lễ dưới chân Tôn giả xong rồi trở về bổn quốc.

Kinh A-Dục Vương, Quyển 2 (Hết)

■

KINH A-DỤC VƯƠNG

QUYỂN 3

Phẩm 3: NHÂN DUYÊN CÚNG DƯỜNG CÂY BỒ-ĐỀ

Bấy giờ vua A-dục, đối với hai chỗ Đức Phật đản sinh chuyển pháp luân và Niết-bàn đều đem mười vạn lượng vàng cúng dường nơi cây Bồ-đề. Từ đó càng sinh lòng tín lạc và suy nghĩ rằng:

- Đây là nơi Đức Thế Tôn đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, ngày ngày vua đều đem trân báu cúng dường cây này.

Lúc bấy giờ đệ nhất phu nhân của vua tên là Vi-diệu-lạc-khởi-đa rất giận dữ.

- Đại vương đã yêu quý ta. Sao lại còn đem trân báu cúng dường cho cây này, bèn cho gọi một người con gái Chiên-đà-lợi lại nói rằng:

- Ta rất ghét cây Bồ-đề này, người có thể phá cheat nó được không?

Đáp rằng:

- Nếu cho tôi vàng tôi sẽ làm theo lời phu nhân nói được.

Chiên-đà-lợi dùng chú thuật để làm cho cây khô héo gần chết.

Có người tâu với vua:

- Cây Bồ-đề đã gần khô chết.

Mà nói kệ rằng:

Phật ngồi cây Bồ-đề
Biết tất cả thế gian
Đắc nhất thiết chủng trí
Cây này nay gần chết.

Vua nghe lời này thì đau buồn té xỉu xuống đất, các quan đem nước rửa mặt cho vua tỉnh lại.

Vua than khóc mà nói kệ rằng:

Ta thấy thọ vương này
Như thấy Đức Như Lai
Cây nếu bị khô chết

Mạng ta cũng chẳng còn.

Phu nhân thấy vua đau buồn như thế thì nói:

- Dù tôi không thể làm cho cây này sống lại, nhưng cũng có thể làm cho vua vui.

Vua nói:

- Nếu ngươi làm cho cây này sống lại thì ngươi chẳng phải là nữ nhân. Bởi vì Đức Phật ở tại nơi này đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Phu nhân gọi Chiên-đà-lợi nữ đến nói:

- Ngươi có thể làm cho cây sống lại không?

Đáp:

- Nếu rễ chưa chết thì có thể sống lại.

Thế là Chiên-đà-lợi đọc chú giải cho cây, đào hầm xung quanh lấy nước tưới hằng ngày. Từ đó cây dần dần xanh tốt lại như cũ.

Người giữ cây lại tâu với vua:

- Vua nay đã phát sinh công đức lớn. Cây Bồ-đề nay đã sống trở lại.

Vua nghe nói vậy thì rất vui mừng, lập tức đến cây Bồ-đề, chiêm ngưỡng cây tận mắt không rời.

Rồi nói kệ:

Từ nơi Bình sa vương
Và các vị quốc vương
Hai nhân duyên vô thượng
Tất đều không thể làm
Nên nơi cây Bồ-đề
Tưới hương hoa nhũ sắc
Lại chuyên tu cúng dường
Thánh chúng ngũ bộ Tăng.

Lúc này vua A-dục, đem một ngàn cái bình bằng vàng bạc lưu ly đựng đầy nước hương cúng dường đem tưới cho cây. Dùng các thứ lụa là làm áo bọc cho cây. Vua lại tự thân thọ trì bát giới. Thọ giới xong, tay cầm lấy lò hương mà để trên điện. Thỉnh bốn phương Tăng lại nói:

- Đệ tử Đức Thế Tôn ở tại bốn phương, vì muốn nhiếp hóa ta cho nên đến đây. Liền nói kệ:

Đệ tử Đức Như Lai
Tu tịch tịnh lìa dục
Ứng cúng đại phước điền
Trời người đều quy về

Tối thắng đệ tử Phật
Tu thiền lìa ái trước
A-tu-la về nương
Đương lai nhiếp thọ ta
Ở nơi nước Kế tân
Đại lâm và ám lâm
Có chư vị La-hán
Đương lai nhiếp thọ ta
Đệ tử Phật tu thiền
Bên bờ ao A-nậu
Và hang núi sông ngòi
Nay vì lòng từ bi
Khéo nói đệ tử Phật
Trụ điện cát xá-lợi
Tâm từ bi vô ưu
Đương lai nhiếp thọ ta
Thần lực đại dũng mãnh
Ở trong núi Hương túy
Ta thỉnh A-la-hán
Cùng đến tại chỗ này.

- Khi vua A-dục nói lời này, có ba mươi vạn Tỳ-kheo hòa hợp lại cùng với mười vạn A-la-hán. Hai mươi vạn học nhân và hàng phàm phu tinh tấn đến vô lượng vô số người. Trong số Tăng chúng có một ghế Thượng tọa không có người ngồi. Vua bạch với Thượng tọa Da-xá rằng:

- Còn một ghế thượng tọa vì sao không có người ngồi.

Đáp:

- Đây là chỗ đệ nhất Thượng tọa.

Vua hỏi:

- Ngoài Đại đức ra còn có vị Thượng tọa nữa sao?

Đáp:

- Đức Phật bảo ở trong hàng đệ tử có vị sẽ làm Sư tử hống đệ nhất. Họ là Phả-la-đọa, tên Tân-đầu-lô. Chỗ Thượng tọa đây chính là dành cho vị này.

Vua A-dục nghe nói vậy thì lông tóc đều dựng đứng như hoa Kha-đàm-bà.

Lại nói:

- Đại đức! Có vị Tỳ-kheo nào thấy Đức Phật lúc nhập Niết-bàn

nay còn tại thế không.

Trưởng lão đáp:

- Có. Vị ấy chính là Phả-la-đọa Tân-đầu-lô, đã từng diện kiến Đức Phật.

Vua lại hỏi:

- Tôi có thể gặp vị ấy không?

Tôn giả nói:

- Nếu vua cần cầu thì vị ấy sẽ đến.

Bấy giờ vua nghe lời ấy thì rất vui mừng, mà nói kệ rằng:

Tôi nay được lợi lớn
Được nhiếp thọ vô cùng
Nay được thấy Đại đức
Tên gọi Tân-đầu-lô

Bấy giờ vua A-dục, chắp tay ngước nhìn lên hư không mắt vẫn không rời. Lúc này Tân-đầu-lô, cùng vô số chư vị La-hán cùng vây quanh như nửa vầng trăng. Dụ như chim nhạn vương từ trên trời bay xuống; đến nơi tòa thứ nhất ngồi xuống. Vua A-dục thấy Tân Đầu Lô đến và mười phương chư Tỳ-kheo đều từ chỗ ngồi đứng dậy. Lại thấy Tân-đầu-lô râu tóc bạc trắng. Lông mày rũ xuống che mặt như thân của Duyên giác.

Vua thấy liền năm vóc lạy xuống chân Tôn giả. Rồi quỳ dài chắp tay chiêm ngưỡng Tôn giả. Mắt rơi lệ mà nói kệ rằng:

Biển đại địa làm y
Núi trang nghiêm bao bọc
Trừ oán được đất này
Khiến tôi sinh hoan hỷ
Cũng không bằng hôm nay
Cùng Đại đức tương kiến
Tôi nay thấy đại đức
Tâm niệm càng bội phần.

Lại hỏi:

- Đại đức có thấy ĐứcThế Tôn không?

Kế đến lại hỏi:

- Đại đức có thấy Thế Tôn không?

Lúc này Tân-đầu-lô dùng hai tay vạch lông mày ra nhìn vua A-dục, nói kệ:

Ta thấy Phật vài lần
Muôn loài không ai bằng

Có ba mươi hai tướng
Mặt như vầng trăng đầy
Phạm âm trừ phiền não
Vào Tam-muội vô tịnh.

Vua A-dục lại hỏi:

- Đại đức thấy ở những chỗ nào?

Trưởng giả đáp:

- Đại vương! Đức Thế Tôn cùng năm trăm vị La-hán đã diệt hết lậu tận cùng đi theo Đức Phật. Lúc đầu ở trong thành Vương xá. Ta lúc đó ở trong chúng được thấy Đức Phật đầy đủ, liền nói kệ:

Vô dục từ vô dục
Thích-ca Mâu-ni Tôn
Thường an cư nơi này
Ta thấy Phật đầy đủ
Như ngươi nay thấy ta
Như ta đã thấy Phật.

Lại nữa Đại vương! Đức Như Lai khi ở trong nước Xá-vệ đã thắng ngoại đạo, hiện ra các loại thần lực, hóa ra vô số hóa Phật, có đầy đủ tướng hảo trang nghiêm. Thứ tự lên đến cõi trời A-già-nị-sất. Ta cũng ở trong đó thấy Phật biến hóa thần lực, rồi nói kệ:

Lúc có bọn ngoại đạo
Làm các thứ tà giáo
Thế Tôn dùng thần lực
Thị hiển để hàng phục
Lúc mà ta thấy Phật
Thế gian đều hoan hỷ.

Lại nữa Đại vương! Đức Thế Tôn khi an trú trên cõi trời tam thập tam vì mẹ mà thuyết pháp, rồi cùng chư Thiên chúng đi xuống nước Tăng-kha-xà. Lúc ấy ta ở trong chúng nên thấy cả chư Thiên. Lại thấy Tỳ-kheo-ni tên là Uất-ba-na-ni-kha. Thấy vị này lấy hoa làm chuyển luân thánh vương đủ cả bảy báu, rồi nói kệ rằng:

Lên trời an cư rồi
Phật liền đi trở xuống
Ta đang ở trong chúng
Cho nên được thấy Phật.

Lại nữa Đại vương! Có nữ nhi Tu-ma-đa-già cô độc thỉnh Đức Phật và năm trăm La-hán. Đức Phật dùng thần lực đến nước Ma-kiệt-đà. Ta dùng thần lực cũng đến nước đó. Khi đó Đức Như Lai bảo ta:

- Ông không nên nhập Niết-bàn, phải trụ vào pháp của ta, rồi lại nói kệ:

Tu-ma-già-đà thỉnh
Phật thần lực đến kia
Ta dùng lực dở núi
Theo đến nước Phân đà
Bấy giờ Phật dạy ta
Khiến ta đến trụ pháp
Vì nhân duyên như thế
Ta thấy Phật đủ đầy.

Lại nữa Đại vương! Ông khi đó là một đứa bé, tâm còn trẻ thơ. Khi Phật đi vào thành Vương xá khất thực. Ta đem thức ăn cúng dường, còn ông đem cát cúng dường Đức Phật. Thành hộ lúc đó khởi tâm hoan hỷ. Đức Phật đã thọ ký. Đứa bé này sau khi ta Niết-bàn một trăm năm, sinh vào nước Bà-sất-lợi có tên là A-thâu-kha, làm vua chuyển luân Thánh vương thống lãnh thiên hạ, vua khởi xây tám vạn bốn ngàn tháp, rộng cúng dường xá-lợi của Đức Phật, lúc ấy nói kệ:

Vua trước làm tiểu nhi
Chắp tay cúng dường cát
Ta cũng ở trong đó
Thấy đủ các sự việc.

Vua A-dục hỏi Tân-đầu-lô:

- Đại đức ở xứ nào?

Tôn giả dùng kệ đáp:

Phương bắc ao A-nậu
Ở trong núi Hương túy
Ta ở tại xứ kia
Cùng với chư học chúng.

Vua A-dục lại hỏi Tân-đầu-ta-la:

- Đại đức! Có bao nhiêu người tùy theo.

Lại dùng kệ đáp:

Sáu vạn A-la-hán
Vây quanh tùy theo ta
Ta và chư đại chúng
Dứt hết phiền não độc.

Lại nữa Đại vương! Vua còn nghi vấn gì nên đợi chúng Tăng ăn xong. Chúng Tăng dùng rồi sẽ cùng nghị luận.

Vua đáp:

- Thưa vâng, xin theo lời Đại đức dạy. Trước khi dùng nên niệm Phật quán cây Bồ-đề.

Sau khi quán cây Bồ-đề xong, vua mời chúng Tăng thọ thực. Vua đem các vật thực ra cúng dường. Vua nói với Tỳ-kheo tên Nhất Thiết Hữu:

- Tôi sẽ cúng cho chúng Tăng mười vạn tiền và một ngàn bình bằng kim ngân lưu ly. Đại chúng đều gọi tôi là cúng dường ngũ bộ tăng.

Lúc này có người con của vua tên là Câu-na-la đang đứng bên phải của vua. Vương tử vì sợ cha nên không dám nói, liền đưa hai ngón tay ra hiệu cho Tỳ-kheo, biểu thị sự cúng dường còn gấp đôi hơn cha. Mọi người thấy Câu-na-la ra dấu tu phước thì đều cười lớn.

Vua thấy đại chúng cười liền hỏi quan đại thần Thành Hộ:

- Ông làm điều gì không phải cho nên mọi người cười?

Thành Hộ đáp:

- Nhiều người muốn làm công đức. Nếu làm sẽ hơn gấp bội.

Vua nói:

- Ta nay đem ba mươi vạn lượng vàng cúng dường chúng Tăng. Dùng ba ngàn bình báu đựng đầy hương nước để tưới cây Bồ-đề. Đại chúng sẽ gọi ta là vị cúng dường ngũ chúng.

Câu-na-la lại đưa bốn ngón tay ra dấu cho Tỳ-kheo. Lúc này vua giận nói với Thành Hội:

- Ta tu công đức, nay ai muốn cùng ta tranh giành.

Thành Hội thấy vua nổi giận, liền lễ dưới chân vua nói:

- Nào ai dám cùng vua tranh làm công đức này, liền nói kệ:

Ai dám cùng vua
Tranh tu công đức
Là Câu-na-la
Cùng vua tranh tu.

Vua A-dục xoay qua bên mặt trông thấy vương tử Câu-na-la, thì hướng về Tân-đầu-ô mà nói rằng:

–Đại đức! Trừ kho tàng thất bảo ra. Tôi nay đem đại địa, cung nhân, đại thần cùng thân mình và Câu-na-la đều cúng dường cho chúng Tăng. Để tên tôi ở trong đại chúng được gọi là cúng dường ngũ chúng, lại nói kệ rằng:

Tất cả nội cung
Duy trừ trân bảo
Cung nhân đại thần

Đều thí chúng Tăng
Tăng là đại chúng
Làm chỗ phước điền
Ta cùng vương tử
Đầy đủ công đức.

Thế là A-dục vương cúng dường Tần-đầu-lô và đại chúng xong. Ở nơi gốc cây Bồ-đề đều làm tường bao quanh. Vua tự mình leo lên tường, dùng bốn ngàn bình đựng đầy nước hương để tưới cây. Cây lại xanh tốt như cũ, liền nói kệ rằng:

Tưới xong cây Bồ-đề
Bồ-đề cây xanh tốt
Cành lá thật sum suê
Công đức cũng tăng trưởng.

Vua tưới cây xong, thì mầm lá nhú ra xanh tươi như trước. Vua cùng các đại thần và nhân dân rất là vui mừng. Lại thiết trai cúng dường chúng Tăng. Ở trong chúng có vị Đại đức tên là Da-xá. Nói với vua rằng:

- Ngày hôm nay đại chúng đều bình đẳng. Vua cúng dường cũng chớ sinh tâm phân biệt.

Vua tự tay đưa thức ăn cúng dường từ Thượng tọa cho đến chúng nhỏ. Trong chúng có hai vị Sa-di nhỏ tuổi đang đưa thức ăn qua lại cho nhau và cười giỡn. Vua thấy vậy thì cười mà nghĩ:

- Hai vị Sa-di này giỡn vui như con nít.

Khi vua đưa thức ăn đến chỗ Thượng tọa Da-xá, thì Đại đức nói:

- Đại vương ở trong chúng Tăng chớ khởi lòng bất tín.

Vua đáp:

- Thưa vâng.

Lại bạch với Thượng tọa:

- Có hai vị Sa-di cùng đưa thức ăn cho nhau và cười giỡn.

Da-xá nói:

- Hai vị này đã chứng quả A-la-hán. Trí tuệ đã thông đạt giải thoát.

Vua nghe thì lòng rất vui liền khởi tâm nghĩ:

- Ta sẽ đem y đẹp cúng cho hai vị Sa-di này.

Sa di biết ý tưởng của vua, liền hiện ra các thần lực công đức. Một vị hóa ra cái chảo thiết đem đặt trước mặt vua. Một vị hóa ra nước Kiền-đà.

Vua thấy liền hỏi:

- Để làm gì?

Đáp:

- Đại vương! Chúng tôi thấy đại vương khởi tâm muốn cúng riêng cho chúng tôi y nên tôi muốn đem nhuộm.

Vua nghe thì nghĩ:

- Ta chỉ mới nghĩ chưa hề nói ra. Vì sao hai vị này biết được tâm ta, liền năm vóc cúi lạy xuống chân hai vị Sa-di, rồi nói kệ:

Ta Khổng tước đại vương
Và đại thần nhân dân
Công đức ta phải làm
Tất cả được lợi lớn
Tinh tấn chỗ sinh tín
Vật thí nay đã thí.

Rồi vua nói với hai vị Sa-di:

–Tôi sẽ cúng cho chúng Tăng mỗi vị ba y.

Thế là vua đối với năm chúng làm các việc công đức, lại cúng cho mỗi vị ba y. Đem bốn mươi vạn kim cúng cho chúng Tăng, lại đem vô số kim ngân chuộc lại đại địa cung nhân, đại thần cùng bản thân và Câu-na-la.

NHÂN DUYÊN VỀ TỲ-ĐA-THÂU-KHA

Vua đối với Phật pháp rất sinh lòng kính tin. Xây tám vạn bốn ngàn bảo tháp. Mở đại thí cúng dường cho cả năm chúng. Có ba mươi vạn A-la-hán, học nhân cùng phàm phu thiện tín thì vô số. Bấy giờ có em vua tên Tỳ-đa-thâu-kha tin theo ngoại đạo liền nói:

- Đệ tử của Thích-ca Mâu-ni không có giải thoát. Vì sao? Vì thích theo pháp thường lạc và sợ tu khổ hạnh.

Vua A-dục nghe vậy liền nói với người em:

- Người em lại tin nơi không đáng tin. Còn Phật pháp đã không tin lại còn phỉ báng.

Một hôm, vua cùng Tỳ-đa-thâu-kha đi săn, trông thấy trong núi có vị tiên nhân đang nướng mình trong năm ngọn lửa. Em của vua thấy tu khổ đạo như vậy thì tỏ vẻ cung kính đến gần vị kia lễ lạy dưới chân nói rằng:

- Đại đức ở đây đã bao lâu?

Tiên nhân đáp:

- Đã mười hai năm.

Lại hỏi:

- Ông dùng thức ăn gì?

Đáp:

- Ăn hoa quả và rễ cây.

Hỏi:

- Mặc như thế nào?

Đáp:

- Kết cỏ làm y phục để mặc.

Lại hỏi:

- Nằm nghỉ ra sao?

Đáp:

- Lấy cỏ trải dưới đất.

Lại hỏi:

- Vì nhân duyên gì mà khởi tu khổ hạnh?

Đáp:

- Thấy loài nai hành dâm, tâm tôi cũng khởi dục vọng, vì dục tâm nên phải dùng lửa thiêu đốt.

Em vua lòng lại càng nghi hoặc nghĩ:

- Tu khổ hành như đây mà còn khởi dục tâm. Còn đệ tử Đức Phật lại tu theo pháp an lạc, thì làm sao dục tâm không khởi. Đã khởi tâm

dục thì làm sao giải thoát, liền nói kệ:

Tiên nhân tu khổ hạnh
Ăn hoa trái rễ cây
Y phục bằng cỏ tranh
Không thể diệt ái dục
Đệ tử của Thích-ca
Ăn tô lạc nhủ vị
Với y thực các loại
Đều không thể buông lìa
Nếu hàng phục các căn
Núi Tần-đà mới trừ.

Em vua lại nói:

- Đệ tử Thích-ca đã lừa dối vua A-dục, để cho vua làm các công đức.

Vua A-dục nghe lời này liền nói với quan đại thần:

- Em ta tin theo ngoại đạo, cần phải tìm cách nào để nó trở về với Phật pháp.

Quan đại thần thưa:

- Đại vương dạy thế nào tôi xin làm.

Vua nói:

- Nay ta muốn đi tắm, sẽ cởi vương miện và y phục để đây. Ông nên bảo em mặc vào rồi ngồi trên ngai vua.

Quan đáp:

- Dạ được.

Khi vua vào nhà tắm, thì quan đại thần nói với ngự đệ:

- Nếu vua băng hà thì ngài sẽ lên làm vua. Vậy nay mặc thử y phục vào và lên ngai ngồi coi có đẹp không?

Tỳ-đa-thâu-kha nghe lời làm theo. Quan vào thưa với vua. Vua liền trở ra thấy em trên ngai thì giận liền kêu quân đem chém. Quan đại thần vội tâu.

- Đây cũng là em vua xin tha tội chớ đem giết.

Xin một hồi vua mới nói với quan:

- Nay ta gia hạn cho bảy ngày. Trong bảy ngày ấy cho tạm quyền làm vua. Cung cấp đầy đủ kỹ nhạc thể nữ để vui thú lạc. Mỗi ngày đều có quần thần đến vấn an. Kẻ đao phủ cầm đao đứng nơi cửa. Ngày ngày đều vào thưa:

- Nay một ngày đã qua chỉ còn sáu ngày nữa. Như thế cho đến ngày thứ bảy, sửa soạn đầy đủ y phục đem đến cho vua A-dục.

Lúc này vua hỏi:

- Người làm vua bảy ngày có an vui gì không?

Người em liền nói kệ:

Nếu người thấy sắc
Và nghe âm thanh
Ăn đủ hương vị
Có thể đáp vua.

Vua lại nói:

- Ta cho người trong bảy ngày làm vua, trăm thứ kỹ nhạc đều được như ý. Có vô số đại thần đến hỏi thăm vấn an. Vì sao lại nói. Không thấy không nghe không có hương vị.

Em vua lại nói kệ:

Tôi ở trong bảy ngày
Không thấy cũng không nghe
Không ngửi không nếm vị
Cũng không hề xúc giác
Thân tôi trang nghiêm đủ
Cùng chư thể nữ đẹp
Mà suy tư sợ chết
Không thiết những thứ này
Kỹ nữ cùng ca vũ
Cung điện và long sàng
Mặt đất đầy châu báu
Mà lòng chẳng thấy vui
Vì thấy người hành quyết
Cầm dao ở cửa ngoài
Lại nghe tiếng linh kêu
Khiến tôi càng sợ hãi
Chết đánh vào tâm mình
Không còn biết ngũ dục
Vì sợ chết mau đến
Làm sao an ổn ngủ
Suy nghĩ về việc này
Bất giác đêm đã qua.

Lúc này vua nói với em:

- Ngươi ở trong một ngày thường lo nghĩ về cái chết, tuy hưởng đủ ngũ dục thượng diệu, mà không ưa thích. Hàng Tỳ-kheo xuất gia đối với mười hai nhập thường tư duy việc sinh tử vô thường. Thì làm sao

mà khởi phiền não được. Lại thường tư duy các sự khổ của địa ngục và súc sinh tàn hại nhau, bọn ngạ quỷ đói khát bức bách. Lại nghĩ chúng sinh cõi người sinh lão bệnh tử không có chút an lạc. Sự khổ suy của cõi trời không dứt. Trong năm đạo chúng sinh chịu muôn sự khổ. Nên hàng Tỳ-kheo thường quán năm ấm là vô thường, khổ không, vô ngã không có thật. Thí như xóm làng trống vắng không có người ở, như ngũ ấm chẳng thuộc về ta. Lửa vô thường đốt thiêu khắp thế gian. Hàng đệ tử Đức Phật vẫn thường quán như thế. Thì làm sao mà khởi phiền não được, lại nói kệ:

Ngươi ở trong một ngày
Tư duy sợ sinh tử
Mà không có hoan lạc
Không khởi tâm tham ái
Hàng đệ tử của Phật
Ngày ngày quán sinh tử
Làm sao tham đắm được
Mà khởi tâm phiền não
Với y phục ẩm thực
Và ngọa cụ nghỉ nằm
Tư duy pháp giải thoát
Mà không khởi tham cầu
Quán thân như oán tặc
Tam giới như nhà lửa
Tư duy tìm phương cách
Làm sao được giải thoát
Vui sâu pháp giải thoát
Không tham nơi năm dục
Tâm sạch như hoa sen
Trong bùn mà không nhiễm.

Vua A-dục khéo dùng phương tiện để giáo hóa cho em. Tỳ-đa-thâu-kha hướng đến vua mà nói:

- Đại vương! Tôi hôm nay muốn quy y Phật và chúng Tăng, liền nói kệ:

Tôi muốn quy y Phật
Mặt Phật như hoa sen
Trời người đều trở về
Pháp vô lậu và Tăng.

Vua A-dục lúc này ôm lấy em mà nói:

- Ta không giết em, chỉ làm phương tiện để cho em tin Phật pháp.

Thế là Tỳ-đa-thâu-kha đem các loại hương hoa và kỹ nhạc đến cúng dường tháp Phật. Và các loại vật thực đến cúng dường chúng Tăng.

Hôm sau lại đến chùa Kê đầu của Thượng tọa Da-xá, để nghe pháp. Tôn giả Da-xá liền dùng thần lực, thấy vị này đời trước có gieo thiện nghiệp. Nay là thân cuối cùng đắc quả La-hán. Tôn giả liền thuyết pháp khen ngợi việc xuất gia.

Khiến cho em vua nghe xong liền xin xuất gia, chắp tay bạch Tôn giả rằng:

- Tôi có thể xuất gia thọ giới cụ túc được không? Tôi muốn ở trong Phật pháp tu phạm hạnh.

Tôn giả đáp:

- Thiện nam tử! Ông nên trở về thưa với vua xin xuất gia.

Tỳ-đa-thâu-kha trở về cung tâu với vua:

- Đại vương! Xin cho tôi xuất gia. Tôi muốn ở trong Phật pháp tu phạm hạnh, liền nói kệ:

Tâm tôi thường loạn động
Như voi không móc câu
Vua đem câu giữ lại
Xin cho tôi xuất gia
Vua làm chủ đại địa
Nên cho tôi xuất gia
Phật pháp chiếu thế gian
Nay muốn tu phạm hạnh.

Vua nghe xong liền ôm lấy cổ em, lòng bi thương rơi lệ mà nói:

- Tỳ-đa-thâu-kha chớ có ý như vậy. Vì sao? Vì người xuất gia y phục ẩm thực đều thô sơ giản dị, ngủ nghỉ thì dưới gốc cây. Em nên nghĩ lại chớ có xuất gia.

Tỳ-đa-thâu-kha đáp:

- Đại vương! Tôi hôm nay không vì giận dữ mà xin xuất gia. Cũng không vì tham dục, vì cầu khổ cũng không trốn thoát oan gia. Chỉ vì thấy thế gian là vô thường sinh, lão, bệnh, tử không bao giờ dứt. Duy chỉ thấy Phật pháp mới là con đường thoát được sinh tử khổ đau. Cho nên tôi mới muốn xuất gia.

Vua nghe nói càng thương khóc.

Tỳ-đa-thâu-kha liền nói kệ:

Sinh tử là dây trói
Có người nên buộc ràng
Có lên rồi cũng đọa
Hòa hợp tất phân ly.

Lúc này vua A-dục lại nói:

- Ngươi phải tập thử việc khất thực. Rồi sau nên xuất gia.

Vua đi ra sau vườn thấy có một cây đại thọ lấy cỏ che dưới đất bảo em ngồi ở đó. Rồi đưa một bình bát bảo vào thành khất thực. Tỳ-đa-thâu-kha cầm bình bát vào cung, được nhận các thức ăn thượng vị.

Vua A-dục giận nói với bọn cung nhân.

- Các người vì sao cứ đưa các món ăn thượng vị. Từ nay về sau chỉ đem cho các món ăn bình thường. Nhẫn đến chỉ lấy cơm bún cho ăn.

Tỳ-đa-thâu-kha thọ nhận các món ăn mà không chê trách.

Vua thấy vậy thì nói:

- Người có thể xuất gia. Sau khi xuất gia nên đến gặp ta.

Tỳ-đa-thâu-kha suy nghĩ:

- Ta nếu đến chùa Kê-đầu xuất gia, thì người vật ở đây làm náo loạn không thể tu đạo. Vậy ta nên đi xa để xuất gia.

Tỳ-đa-thâu-kha đến nước khác xuất gia tư duy tinh tấn đắc quả A-la-hán, lại suy nghĩ:

- Trước đã giao ước của vua, vậy nay nên đến đó. Thế là lần lượt đi khất thực về đến nước Sất-lợi-phất-đa. Sáng sớm cầm bát đắp y đi khất thực, đến trước cung vua A-dục nói với người giữ cửa:

- Ông vào tâu vua có Tỳ-đa-thâu-kha đang ở ngoài cửa, muốn vào gặp vua.

Người giữ cửa vào tâu vua.Vua nói:

- Nên đưa vào đây.

Tỳ-đa-thâu-kha bước vào, vua nhìn thấy liền bước xuống đảnh lễ, rồi đứng dậy chấp tay chiêm ngưỡng không chán, rơi lệ rồi nói kệ:

Tất cả hàng chúng sinh
Đều vui khi hòa hợp
Ông nay trừ hòa hợp
Mà tâm vui tịch tịnh
Tôi đã biết tâm ông
Trí tuệ không chán đủ.

Quan đại thần Thành Hộ. Thấy Tỳ-đa-thâu-kha đắp y phấn tảo, cầm bình bát đi khất thực, thọ nhận các món ăn ngon dở đều không phân biệt. Liền tâu với vua:

- Tỳ-đa-thâu-kha sống đời thiểu dục tri túc, tu hành phạm hạnh, vậy vua nên vui mừng, liền nói kệ:

Thường hành khất thực
Đắp y phấn tảo
Trụ dưới gốc cây
Tâm thường trong định
Không còn lậu hoặc
Thân thể không bệnh
Chánh mạng tự sống
Thường sinh hoan hỷ.

Vua A-dục nghe xong thì rất vui mừng, lại nói kệ:

Bỏ dòng họ Khổng tước
Và nước Ma-già-đà
Cùng các loại trân bảo
Ngũ dục và thượng diệu
Vui nơi tứ Thánh chủng
Trừ phiền não kiêu mạn
Thường hành đại tinh tấn
Danh vang khắp cả nước
Mười pháp lực tối thắng
Mà người hay thọ trì.

Vua A-dục đỡ Tôn giả lên ngồi trên tòa cao, tự tay cung phụng các vật dụng thức ăn. Ăn xong thì rửa bát đặt qua một bên. Vua ngồi trước tòa để nghe Tôn giả thuyết pháp, lại nói kệ:

Vua nay được tự tại
Thường tu không phóng dật
Tam bảo rất khó gặp
Vua nên thường cúng dường.

Vua A-dục cùng năm trăm vị đại thần và nhân dân cả nước, đều cung kính chắp tay vây quanh Tôn giả. Quần thần và dân chúng liền nói kệ:

Đại huynh A-dục vương
Nay cung kính đưa đệ
Xuất gia có thắng quả
Nay nên làm hiện chứng.

Thế là Tôn giả Tỳ-đa-thâu-kha, muốn mọi người rõ được công đức liền bay lên hư không cho nhân dân được thấy. Vua A-dục cùng đại chúng chắp tay đứng chiêm ngưỡng, mắt không rời và nói kệ rằng:

Không còn tình thân hữu
Như chim bay hư không
Ta vì tham ái buộc
Không thể tự tại đi
Thiền định có thắng quả
Nên thân được tự do
Chỗ làm đều tùy ý
Tất cả không chướng ngại
Vì dục ái mê lầm
Không thể thấy được pháp
Ông nay dùng thần lực
Chê ta khởi dục tâm
Ta vốn có tuệ mạng
Nay ông làm tối thắng
Ta còn đắm thế pháp
Thấy thánh mới biết sợ
Ta nay buồn rơi lệ
Vì người đã bỏ đi.

Bấy giờ, Tôn giả Tỳ-đa-thâu-kha, đi đến biên địa thì bị bệnh, trên đầu phát ra các mụn ghẻ. Vua nghe tin đó liền sai đem thuốc đến cho Tôn giả trị liệu. Sau đó một vị thầy thuốc sai đến bảo phải uống sữa bò. Từ đó mà bệnh thuyên giảm.

Lại có một nước có tên là Phân-na Bà-đà-na. Dân nước đó tin theo ngoại đạo. Có một người theo pháp tu khỏa hình, họa lấy hình Đức Phật để lễ cúng. Có người Phật tử thưa với vua A-dục. Vua nghe việc đó liền ra lệnh cho Dạ-xoa đi bắt kẻ ngoại đạo đó về. Khi thấy người đó vua nổi giận ra lệnh giết hết bọn ngoại đạo ở nước Phân-na Bà-đà-na. Chỉ trong một ngày giết một vạn tám ngàn ngoại đạo và quyến thuộc. Vua lại ra lệnh, hễ ai giết được đem về một đầu của Ni-kiền-tử sẽ thưởng vàng bạc. Lúc này Tôn giả Tỳ-đa-thâu-kha vào trong chỗ nuôi bò dừng lại một ngày. Tôn giả bị bệnh từ lâu nên móng tay tóc râu đều dài ra y phục lại xấu dơ, không có tướng sắc.

Bấy giờ cô gái của nhà nuôi bò trộm nghĩ:

- Nay có Ni-kiền-tử vào nhà ta.

Liền nói với chồng:

- Ông nên giết Ni-kiền-tử này đem đến vua A-dục để lãnh vàng.

Người chồng nghe vậy liền cầm dao đến cổ Tôn giả muốn chém đầu. Tôn giả thấy vậy thì nghĩ:

- Nay nghiệp lực đến không thể thoát được, liền để cho giết.

Người kia đem đầu đến cho vua A-dục để lãnh tiền. Vua thấy đầu tóc thì sinh nghi. Liền hỏi thầy thuốc và người cấp sự. Thì đều bạch với vua đó là Tỳ-đa-thâu-kha. Vua nghe nói thì đau đớn té xỉu xuống đất kẻ tả hữu lấy nước rửa mặt giây lâu mới tỉnh dậy.

Lại có một đại thần tâu với vua:

- Có không ít Sa-môn bị giết lầm xin vua thi ân cho chúng sinh hết sợ.

Vua liền y theo, ra lệnh không sát hại Ni-kiền-tử nữa.

Chư Tỳ-kheo trong lòng sinh nghi mới hỏi Tôn giả Ưu-ba-cấp-đa:

- Tỳ-đa-thâu-kha đời trước tạo nghiệp nhân gì mà phải thọ báo bị người giết hại.

Ưu-ba-cấp-đa đáp:

- Các ông lắng nghe! Vào đời quá khứ có một người thợ săn, giết nhiều loài nai. Ở trong khu rừng có một dòng suối, người thợ săn mới giăng bẫy ở bên dòng suối đó. Khi đó Đức Phật chưa ra đời. Có một vị Duyên giác đến bên dòng suối ngồi thọ thực, ăn xong tắm rửa rồi đi đến gốc cây ngồi. Các loài thú và bầy nai thấy vị Duyên giác nên không đến bờ suối nữa. Người thợ săn không thấy nai đến, liền tìm đến thì thấy vị Bích-chi-phật ngồi đó bèn nổi giận lấy dao chém chết.

Các ông nên biết người thợ săn đó chính là Tỳ-đa-thâu-kha ngày nay. Vì giết nhiều thú nên phải chịu nhiều bệnh khổ. Lại giết chết vị Bích-chi-phật, nên nhiều đời thọ khổ trong địa ngục. Nay thân cuối cùng này phải chịu trả báo tuy đắc quả A-la-hán vẫn bị người hại.

Chư Tỳ-kheo lại hỏi Tôn giả:

- Vị này vì sao lại sinh vào nhà tôn quý, lại đắc quả A-la-hán.

Tôn giả đáp:

- Vào thời Đức Phật Ca-diếp vị này xuất gia tu hành bố thí, thường giáo hóa đàn việt cúng dường thức ăn cho chúng Tăng. Có một bảo tháp thờ tóc và móng tay của Đức Phật, vị này thường đem hương hoa kỹ nhạc đến cúng dường. Do nghiệp duyên đó mà luôn được sinh vào nhà tôn quý. Mười vạn năm thường tu hành phạm hạnh, lại phát chánh nguyện. Vì thế mà thọ báo đắc quả A-la-hán.

Kinh A-Dục Vương - Quyển 3 (Hết)

■

KINH A-DỤC VƯƠNG

QUYỂN 4

Phẩm 4: NHÂN DUYÊN VỀ CÂU-NA-LA

Có một vị phu nhân của vua tên là Bát-ma-bà-để (Hán dịch là hoa Phù dung).

Sinh ra một vị hoàng nam, hình sắc đoan chánh có đôi mắt rất đẹp, ai thấy cũng đều yêu mến. Có cung nhân tới thưa vua phu nhân đã sinh con trai.

Vua nghe thì vui mừng nói kệ:

Ta trông hôm nay
Rất là hoan hỷ
Ta dòng Khổng tước
Danh vang khắp nơi
Cung nhân theo pháp
Do đây tăng trưởng.

Đứa bé này được vua đặt tên Đạt-ma Bà-dà-na. Người hầu ẵm đến chỗ vua, vừa trông thấy thì vui vẻ nói kệ:

Con ta mắt đoan nghiêm
Vì công đức sở tạo
Quang minh nhiều thâm diệu
Như hoa Ưu-bà-la
Công đức của mắt này
Trang nghiêm cả khuôn mặt
Dung mạo đều đoan chính
Ví như mặt trăng đầy.

Vua hỏi một vị đại thần:

- Ông có thấy ai có đôi mắt này không?

Chư đại thần thưa:

- Ở trong cõi người thật chưa từng thấy. Nhưng ở núi tuyết có chim tên Câu-na-la. Mắt của chim này rất giống vương tử, liền nói kệ:

Trên đỉnh Tuyết sơn
Có chỗ hoa báu
Chim Câu-na-la
Thường trụ trên đó
Mắt của vương tử
Cùng loại chim kia.

Vua liền ra lệnh đi bắt chim này về. Vua thấy mắt chim giống mắt con nên đặt tên là Câu-na-la cho vương tử, bèn nói kệ:

Vua cõi nhân địa
Yêu đôi mắt con
Tên là Câu-na
Lúc đặt tên con
Khắp cả đại địa
Xa gần nghe danh.

Rồi Câu-na-la lớn lên có vợ tên là Kim-man-hoa (Thiên giá Na-ma-la).

Một hôm, vua cùng Câu-na-la đến chùa Kê-đầu. Thượng tọa Da-xá thấy Câu-na-la, chẳng còn bao lâu nữa thì bị mất đôi mắt, liền nói với vua.

- Vì sao không bảo Câu-na-la tạo thiện nghiệp cho mình?

Vua liền nói với Câu-na-la:

- Đại đức dạy gì con nên làm theo.

Câu-na-la liền sụp lạy xuống chân Tôn giả thưa:

- Đại đức muốn dạy gì?

Da-xá nói:

- Ông nên tư duy về đôi mắt này là vô thường chẳng thật của mình.

Này Câu-na-la
Thường tư duy mắt
Vô thường bệnh khổ
Muôn hoạn tụ tập
Phàm phu điên đảo
Do đây vượt qua.

Sau đó Câu-na-la trở về cung riêng ngồi tịch tịnh tư duy về đôi mắt và các sự khổ vô thường. Đệ nhất phu nhân của vua tên là Vi-sa Lạc-khởi-đa tới chỗ Câu-na-la thấy ngồi một mình, quán đôi mắt đẹp kia thì sinh dục tâm ôm lấy mà nói kệ:

Như lửa mạnh thiêu đốt

Tâm ta nay cũng thế
Lửa yêu đương hừng hực
Người nên tùy ý ta.

Câu-na-la nghe nói thì lấy tay bịt tai, rồi nói kệ:

Người ở chỗ của ta
Chớ nên nói lời này
Người đã là mẹ ta
Ta cũng như con cái
Sự yêu đương phi pháp
Cần phải nên xa lìa
Cớ gì làm như vậy
Cửa ác đạo mở toang.

Đại phu nhân vì không vừa ý thì nổi giận nói kệ:

Tâm ái trụ chỗ ta
Mà người không tùy ý
Người đã gieo tâm ác
Không lâu sẽ bị hại.
Câu-na-la đáp:
Tôi thà bị giết chết
Giữ pháp lòng thanh tịnh
Chớ không cầu được sống
Mà khởi sinh tà tâm
Nếu người có ác tâm
Mất thiện pháp nhân thiên
Thiện pháp đã không còn
Lấy gì để được sống.

Từ đó phu nhân thường tìm cách để mưu hại Câu-na-la. Ở phía Bắc của nước tên Đức-xoa-thi-la không chịu thần phục vua A-dục. Vua nghe tin ý muốn đi chinh phạt.

Đại thần thưa:

- Nên sai vương tử Câu-na-la đi.

Vua liền gọi Câu-na-la đến bảo:

- Con đến nước kia được không?

Vua lại nói kệ:

Ta hôm nay đây
Nghe nói việc này
Nên cho con đi
Mà tâm ta đây

Lòng luôn nghĩ nhớ
Lại càng trang nghiêm.

Vua sai người sửa sang đường xá. Người già bệnh không cho ra ngoài. Vua cùng Câu-na-la cùng ngồi trên xe đưa tiễn đi một đoạn, rồi mới chia tay. Vua ôm con nhìn vào đôi mắt Câu-na-la khóc mà nói:

Nếu có người thấy
Mắt Câu-na-la
Tâm liền hoan hỷ
Tật bệnh tiêu trừ.

Lúc đó có một tướng sư Bà-la-môn, biết Câu-na-la không bao lâu sẽ bị mù. Thấy vua chỉ nhìn vào mắt kia mà không màng chuyện khác thì nói kệ:

Vương tử mắt thanh tịnh
Vua thấy lòng hân hoan
Mắt sáng tỏ trang nghiêm
Vì sao lại bị mất
Nhân dân trong nước này
Thấy mắt Câu-na-la
Ai nấy đều vui vẻ
Dụ như cõi lạc thiên
Nếu đôi mắt kia mất
Lòng người sẽ đau buồn.

Câu-na-la đi đến nước Đức-xoa-thi-la. Dân nước đó nghe Thái tử đến thì ra khỏi thành nửa do tuần để sửa sang đường phố mà đón tiếp. Nhân dân cùng nói kệ:

Người Đức-xoa-na-la
Lấy bình báu đựng nước
Và cúng dường đầy đủ
Nghinh tiếp Câu-na-la.

Khi thái tử đến thì nhân dân chắp tay thưa:

- Chúng tôi không có ý đấu tranh, cũng không có phản bội vua cùng Thái tử chỉ vì vua nước tôi nghe lời nghịch thần mới làm điều vô đạo.

Nhân dân đón tiếp Câu-na-la vào trong thành, dùng hương hoa thực phẩm cung phụng đầy đủ cho thái tử.

Lúc này vua A-dục bị bệnh nặng. Mùi hôi thúi từ miệng bốc ra. Nước dơ từ các lỗ chân lông tuôn ra. Tất cả long y đều không thể trị được. Vua liền bảo chư đại thần:

- Triệu Câu-na-la trở về để ta truyền ngôi báu. Ta không còn sống bao lâu nữa.

Phu nhân Vi-sa Lạc-khởi-đa nghe thế liền suy nghĩ:

- Nếu Câu-na-la lên làm vua thì ta tất phải chết.

Liền bạch với vua:

- Thiếp có thể trị bệnh cho vua được khỏi. Xin chớ cho thầy thuốc vào đây.

Vua nghe lời không mời long y nửa.

Lúc này phu nhân nói với một vị lương sư:

- Coi có ai mắc bệnh như vua thì bắt đem về đây.

Ở nước A-tỳ-la có người mắc bệnh giống như vua. Vợ người đó tìm thầy thuốc nói lại các bệnh trạng. Thầy thuốc bảo.

- Nên đem lại đây, ta muốn thấy. Mới có thể trị được.

Khi người bệnh đến thầy thuốc đem vào cho phu nhân. Phu nhân sai người mổ bụng người đó ra thì thấy một con trùn lớn. Trùn bò lên thì phân theo lên, bò xuống thì phân theo xuống. Nếu bò hai bên thì phân tiết ra các lỗ chân lông. Phu nhân bỏ các thứ vào đó mà trùn vẫn không chết. Sau cùng thì bỏ tỏi vào trùn mới chết. Đem việc này thưa lại với vua và khuyên vua nên dùng tỏi.

Vua đáp:

- Ta là dòng Sát-đế-lợi không được ăn tỏi.

Phu nhân đáp:

- Để cứu mạng thì cần phải ăn thôi.

Vua nghe lời ăn tỏi thì trùng kia bị chết và bệnh liền khỏi. Vua tắm rửa sạch sẽ rồi nói với phu nhân.

- Nay phu nhân có sở cầu gì, ta cũng tùy ý cho được như nguyện.

Phu nhân thưa:

- Xin cho tôi làm vua bảy ngày.

Vua nói:

- Nếu làm vua nàng tất sẽ giết ta.

Phu nhân nói:

- Qua bảy ngày tôi sẽ trả lại ngôi vua.

Vua liền bằng lòng. Phu nhân suy nghĩ ta muốn trừng trị Câu-na-la nay đã đến lúc. Phu nhân bèn viết chiếu thư giả của A-dục vương, đưa đến cho dân Đức-xoa-thi-la bảo phải lấy mắt của Câu-na-la.

Trong thư nói kệ:

Ta nay có đại lực
Uy danh thật vô cùng

Vương tử Câu-na-la
Vi phạm điều trọng tội
Nay khiến cho nhân dân
Hủy cả hai con mắt
Nay ra lệnh các ngươi
Phải nên thi hành nhanh.

Phu nhân viết thư rồi, muốn lấy ấn của vua đóng vào. Đợi vua ngủ phu nhân đến bên vua định lấy, nhà vua tỉnh giấc.

Phu nhân hỏi:

- Vua vì sao kinh sợ.

Vua đáp:

- Ta có điềm mộng bất tường. Thấy chim thứu muốn cướp đôi mắt Câu-na-la. Cho nên lo sợ.

Phu nhân đáp:

- Vua chớ lo, thái tử hiện đang rất an ổn.

Lần thứ hai cũng nằm mộng, vua trở dậy bảo với phu nhân:

- Ta lại mộng thấy điềm không lành.

Phu nhân hỏi:

- Mộng thấy gì?

Vua đáp:

- Ta thấy Câu-na-la đầu tóc, râu, móng tay đều dài ra mà không thể nói.

Phu nhân đáp:

- Thái tử vẫn an ổn xin vua chớ lo.

Một lát sau, khi vua ngủ lại. Phu nhân lấy được ấn vua đóng vào chiếu thư, rồi sai người đem đi đến nước Đức-xoa-thi-la. Vua lại nằm mộng thấy răng rớt ra. Hôm sau vua tắm rửa sạch sẽ cho mời tướng sư đến, vua nói lại các giấc mộng và nói:

- Tướng sư vì ta mà giải thích giấc mộng này.

Tướng sư đáp:

- Theo giấc mộng này thì con vua sẽ bị mất mắt, chẳng khác gì mất con, lại nói kệ:

Người mộng thấy răng rụng
Thì con bị mất mắt
Mắt kia đã mất rồi
Chẳng khác gì mất con.

Vua nghe vậy thì liền đứng dậy chấp tay hướng về bốn phương, chú nguyện rằng:

Nay nhất tin quy Phật
Thanh tịnh Pháp cùng Tăng
Chư tiên nhân thế gian
Các vị thần tối thắng
Tất cả chư Thánh chúng
Đều hô Câu-na-la.

Lại nói người sứ đem thư đến cho dân nước Đức-xoa-thi-la. Mọi người đọc thư xong liền nghĩ:

–Vua A-dục thật là đáng sợ. Ngay con của mình mà còn không huống gì là chúng ta, liền nói kệ:

Ngày nay Câu-na-la
Như đại tiên không khác
Trong tất cả chúng sinh
Đều làm cho lợi ích
Vua cha Đại A-dục
Không có lòng thương xót
Huống gì với dân chúng
Lại không thể làm hại.

Rồi đem thư lại cho thái tử. Câu-na-la nhận thư nói với mọi người:

- Nay tùy ý các người cứ lấy mắt của tôi.

Có một người kêu một kẻ Chiên-đà-la đến.

- Người có thể lấy cặp mắt của thái tử.

Người ấy chấp tay thưa:

- Tôi không thể làm? Vì sao?

Người như mặt trăng đầy
Có thể trừ ánh sáng
Nay sao nỡ bỏ đi
Mắt sáng kia của người.

Câu-na-la cởi mũ báu đưa Chiên-đà-la nói:

- Ông nên lấy mắt của ta. Ta cho ông vật này.

Lại có một người có hình mạo như quỷ đứng dậy nói:

- Tôi có thể làm được.

Câu-na-la nhớ lại lời dạy của Tôn giả Da-xá và nói kệ:

Hội hợp có ly
Là lời chân thật
Tư duy nghĩ này
Biết mắt vô thường

Là thiện tri thức
Làm lợi cho ta
Người đã thuyết giảng
Nhân duyên khổ không
Ta nên suy tư
Tất cả vô thường
Lời người dạy rõ
Suy nghĩ sâu xa
Ta không sợ khổ
Thấy pháp bất trụ
Y lời vua dạy
Người lấy mắt ta
Ta đã nhiếp thọ
Vô thường chân thật.

Câu-na-la nói với người ấy:

- Người lấy một mắt trước, đặt vào tay ta. Ta muốn xem nó. Khi người quỷ muốn lấy vật, mọi người trông thấy liền kêu khóc:

Mắt thanh tịnh không nhơ
Như trăng ở hư không
Ngươi nay lấy mắt vua
Như nhổ ao hoa sen.

Mọi người kêu gào than khóc. Quỷ móc ra một mắt, đặt vào tay Câu-na-la, Câu-na-la hướng về mắt nói kệ:

Ngươi vốn xưa nay
Thấy hình thấy sắc
Mà đến hôm nay
Cớ sao không thấy
Bởi khiến cho người
Sinh lòng yêu mến
Nay thấy không thật
Chỉ là hư dối
Ví như bọt nước
Vật này không thật
Không có tự tại
Hiểu được nghĩa này
Thì xa lìa khổ.

Câu-na-la suy tư về các pháp vô thường liền đắc quả Tu-đà-hoàn, rồi nói với người quỷ:

- Nên móc tiếp con kia.

Mắt lấy ra lại đặt vào tay Câu-na-la. Mất đi nhục nhãn lại được tuệ nhãn lại nói kệ rằng:

Ta hôm nay đây
Xả bỏ nhục nhãn
Tuệ nhãn khó đắc
Ta nay đã được
Vua đã từ ta
Chẳng còn vương tử
Ta đắc pháp đạo
Là đệ tử Phật
Sống đời tự tại
Cung điện khổ đọa
Lại chứng tự tại
Cung điện pháp vương.

Sau đó Câu-na-la biết đại phu nhân viết thư này, liền nói kệ:

Nguyện cho phu nhân
Hưởng phước dục lạc
Thọ mạng lâu dài
Không có tận diệt
Do phương tiện này
Ta được tự tại.

Vợ của Câu-na-la là Thiên-giá-na-ma-la, nghe Câu-na-la mất mắt máu chảy dầm dề bà đau đớn té xỉu xuống đất, mọi người lấy nước rửa mặt hồi lâu mới tỉnh khóc lóc nói kệ:

Mắt sáng tỏ đáng yêu
Xưa thấy đều hoan hỷ
Nay đã bị lìa thân
Lòng nào không đau đớn.

Câu-na-la nói:

–Nàng chớ khóc than. Ta tự gây nghiệp, thì tự thọ báo.

Lại nói kệ:

Tất cả thế gian
Vì nghiệp buộc thân
Chúng khổ vì thân
Người nên biết rõ
Muôn sự hòa hợp
Tất cả chia lìa

Nếu đã biết rõ
Chớ nên khóc lóc.

Câu-na-la cùng với vợ từ nước Đức-xoa-thi-la trở về vua A-dục. Hai người chưa từng chịu cực khổ, cho nên thân thể yếu duối khó lòng kham nổi vất vả. Câu-na-la giỏi việc đàn hát, nên lấy nghiệp này khất thực độ thân để trở về bổn quốc, lần hồi đi đến chỗ cung vua. Lúc này người giữ cửa không nhận ra nên không cho vào. Hai người bèn vào nghỉ trong chuồng ngựa. Nửa đêm gảy đàn lên mà hát.

Hát rằng:

Mắt ta đã mất
Tứ đế đã thông

Lại nói kệ:

Người đạt được trí tuệ
Thấy mười hai nhập xứ
Lấy trí tuệ làm đèn
Được giải thoát sinh tử
Khổ ở trong ba cõi
Đều do nơi tự tâm
Vượt qua được Tam giới
Nay đã được tỏ thông
Nếu muốn cầu thắng lạc
Tư duy mười hai nhập.

Lúc này vua A-dục nghe lời hát này thì tâm rất vui, nói kệ rằng:

Lời kệ nói này
Cùng tiếng đàn ca
Giống như con ta
Tiếng Câu-na-la
Nếu đã đến đây
Sao không gặp ta.

Vua bảo người hầu:

- Ta nghe âm thanh này giống như của Câu-na-la, nhưng âm thanh hòa dịu kia lại có vẻ ai oán. Nghe lời này làm tâm ta loạn động. Như voi mất con lại được nghe tiếng, tâm rất bồi hồi bất an. Người đến đó xem có phải là Câu-na-la không? Nếu phải thì đưa đến đây.

Người kia liền đi đến chuồng ngựa. Thấy một người bị mù mắt, thân hình tiều tụy thì không nhận ra, trở về thưa vua.

- Đó là một người mù, đi cùng với vợ chứ không phải Câu-na-la.

Vua nghe lời này thì buồn bã, nói kệ:

Như điềm mộng ngày trước
Câu-na-la mất mắt
Nay kẻ bị mù này
Có thể là vương tử
Ngươi nên trở lại xem
Đem người ấy về đây
Ta luôn nghĩ đến con
Lòng thật không an ổn.

Người kia đến chỗ Câu-na-la hỏi:

- Ông là ai? Tên họ là gì?

Câu-na-la nói kệ:

Cha tên A-thâu-kha
Dòng họ lớn Khổng tước
Tất cả khắp đại địa
Người đều cùng thống lãnh
Ta chính là vương tử
Tên gọi Câu-na-la
Là dòng họ pháp vương
Nay là pháp vương tử.

Người kia đem vợ chồng Câu-na-la vào cung. Vua lúc này thấy Câu-na-la phong sương dãi dầu, ăn mặc lam lũ thô sơ hình dung tiều tụy nên không nhận ra. Trong lòng vua nghi hoặc liền nói:

- Người là Câu-na-la phải không?

Khi nghe lời đáp vua liền té xỉu xuống đất. Những người đứng bên liền nói kệ:

Vua thấy Câu-na-la
Đôi mắt đã không còn
Lòng khổ não vô cùng
Từ trên rơi xuống đất.

Người hầu cận lấy nước rửa mặt vua tỉnh lại. Vua ôm lấy Câu-na-la đặt trên đầu gối mình. Lại ôm đầu con khóc than, nhớ lại dung mạo ngày nào nên nói kệ:

Mắt con xinh đẹp
Nay lại thế này
Cớ sao lại mất
Hãy nói ta nghe
Mắt con không còn
Như trời không trăng

Hình dung tiều tụy
Việc này do ai
Ta nhớ hình dung
Tợ như tiên nhân
Ai nỡ lòng nào
Hoại đôi mắt kia
Con ở thế gian
Ai là oán thù
Lòng ta não hận
Cũng do đây ra
Thân con diệu sắc
Ai nỡ hãm hại
Tâm người ác độc
Thiêu đốt lòng ta
Ví như mây đá
Làm gãy cỏ cây
Điện chớp não loạn
Phá nát lòng ta
Nhân duyên thế nào
Con mau nói ra.

Câu-na-la dùng kệ đáp:

Vua không nghe Phật dạy
Nghiệp báo không thể thoát
Dù là Bích-chi-phật
Cũng không thể miễn tránh
Tất cả hàng phàm phu
Đều do nghiệp tạo ra
Nghiệp duyên của thiện ác
Thời đến thì nên thọ
Tất cả loài chúng sinh
Tự làm tự thọ báo
Con tự biết nhân duyên
Không thể thoát mất mát
Khổ này con tự làm
Chớ không do ai làm
Như đôi mắt này đây
Cũng đâu do ai làm
Tất cả khổ chúng sinh

Cũng lại đều như thế
Tất cả nghiệp tạo ra
Vua nên hiểu điều này.

Vua A-dục lòng vẫn ảo não không dứt nói:

Con nói ra người này
Lòng ta mới hết buồn
Con không chịu nói ra
Tâm ta càng bất an.

Thái tử liền nói đại phu nhân làm. Vua cho gọi Vi-diệu Lạc-khởi-đa đến nói:

Người nay làm việc ác
Làm sao tránh tai họa
Ngươi đã không giữ pháp
Phạm trọng tội với ta
Nay đã làm điều ác
Bỏ ngôi vị phu nhân
Còn như người làm thiện
Làm các điều pháp lợi.

Tâm vua giận dữ như lửa thiêu đốt khi nhìn thấy Vi-sa Lạc-khởi-đa, liền nói kệ:

Ta từ hôm nay
Muốn móc mắt ngươi
Muốn đem dao búa
Để chém thân ngươi
Dùng cưa xẻ thân
Dùng dao cắt lưỡi
Dùng kiếm cắt cổ
Dùng lửa thiêu thân
Cho uống độc dược
Để trừ mạng sống.

Vua nói xong, muốn trị tội Vi-sa Lạc-khởi-đa. Câu-na-la nghe thì sinh lòng thương xót, lại nói kệ:

Vi-sa Lạc-khởi-đa
Dù làm muôn điều ác
Đại vương ngày hôm nay
Cũng chớ nên giết người
Tất cả nguyện đại lực
Đều không qua nhẫn nhục

Lời Thế Tôn đã nói
Đều là lời tối thượng.

Vua không nghe lời con, bắt Vi-sa Khởi-đa giam vào nhà lửa rồi thiêu đốt. Lại ra lệnh tàn sát dân Đức-xoa-thi-la.

Hàng Tỳ-kheo thấy việc này thì có lòng nghi mới hỏi Đại đức Ưu-ba-cấp-đa:

- Câu-na-la đã gây ra túc nghiệp gì, mà nay phải thọ báo này.

Đại đức đáp:

- Các ông lắng nghe. Vào đời quá khứ xa xưa ở nước Ba-la-nại có một thợ săn, ở trên núi Tuyết giết hại nhiều loài thú. Có một lần đến núi Tuyết gặp lúc mưa bão sấm chớp, có năm trăm con nai vì sợ nên vào trong hang núp. Người thợ săn thấy bầy nai, bèn vây bắt tất cả, rồi nghĩ:

- Nếu giết hết thì thịt sẽ ương thúi. Vậy ta nên móc mắt để chúng không chết mà cũng không bỏ đi. Sau mới dần dần giết.

Người thợ săn đó chính là Câu-na-la bây giờ. Vì móc mắt nay nên đọa trong địa ngục trải qua vô số kiếp. Ra khỏi nạn địa ngục, thì sinh vào cõi người, năm trăm đời móc mắt, nay là thân cuối cùng thọ khổ báo này.

Chư Tỳ-kheo lại hỏi:

- Vì nhân duyên gì được sinh vào nhà tôn quý, có đôi mắt đoan nghiêm, lại chứng quả A-la-hán.

Đáp:

- Các ông nghe đây. Đời quá khứ xa xưa khi con người thọ đến bốn vạn tuổi. Có Đức Phật ra đời tên là Già-la-cưu-thôn-đại. Thuyết pháp độ chúng sinh xong liền nhập vô dư Niết-bàn. Lúc ấy có vua tên Thâu Pha, vì Đức Phật mà xây tháp cúng dường. Khi vua mất, người em không tin Phật, đem gỡ hết trân châu ngọc báu nơi tháp, duy chỉ chừa lại đất đá cây cối. Nhân dân trong nước thấy tháp bị phá hủy thì đau buồn ảo não. Có vị trưởng giả hỏi mọi người vì sao lại như thế. Có người đáp:

- Tháp của Đức Phật vốn làm bằng tứ báu, nay bị lấy hết khiến cho hư hoại, cho nên chúng tôi buồn thương rơi lệ.

Trưởng giả liền đem bốn báu trang nghiêm tháp lại còn nguy nga hơn cả lúc đầu. Lại xây tường vàng đặt ở trong tháp. Xây xong lại phát nguyện:

- Phật Già-la-thôn-đại là thầy của thế gian. Nguyện tôi đời sau cũng như hôm nay.

Chư Tỳ-kheo nên biết, Trưởng giả đó chính là Câu-na-la bây giờ. Vì sửa sang chùa tháp của Đức Phật, nay được sinh vào dòng họ cao quý, lại được thân đoan nghiêm đệ nhất. Lại phát nguyện gặp được thiện sư, nay gặp Đức Phật Thích-ca và thấy được Tứ đế.

Kinh A-dục vương, Quyển 4 (Hết)

■

KINH A-DỤC VƯƠNG

QUYỂN 5

Phẩm 5: NHÂN DUYÊN NÓI VỀ NỬA TRÁI AM-MA-LẶC, CÚNG DƯỜNG TĂNG

Lúc bấy này vua A-dục đã có lòng tin thâm sâu bèn hỏi chư Tỳ-kheo:

- Ở trong Phật pháp ai là bậc đại thí chủ?

Chư Tỳ-kheo đáp:

- Trưởng giả Cấp cô độc là bậc đại thí chủ.

Vua lại hỏi:

- Đã cúng dường khoảng bao nhiêu?

Tỳ-kheo đáp:

- Cả trăm ngàn lượng vàng.

Vua nghe thì suy nghĩ:

- Trưởng giả Cấp cô độc dùng trăm ngàn lượng vàng. Nay ta cũng dùng như thế để cúng dường bố thí.

Vua đến các nơi Phật đản sinh, chuyển pháp luân nhập Niết-bàn và chư La-hán nhập Niết-bàn, mỗi nơi đều cúng dường mười vạn lượng vàng. Bốn bộ đại hội cũng đã làm xong. Lại đem ba mươi vạn cúng dường chúng Tăng, một phần cho A-la-hán, hai phần cho các học nhân và hàng phàm phu tinh tấn. Mỗi ngày đều có cúng dường thực phẩm. Vua chỉ trừ lại các loại trân bảo, còn tất cả cung nhân đại địa, đại thần và Cưu-na-la, cùng bản thân đều cúng dường cho chúng Tăng.

Lại đem bốn mươi vạn lượng để cúng dường chúng Tăng, dùng số vàng này để chuộc lại thân mình, Thái tử, Đại thần, cung nhân.... Sau lại đem chín mươi sáu ngàn vạn lượng vàng để cúng dường cho chúng Tăng. Lúc này vua A-dục bị bệnh nặng, trong lòng rất là ưu não. Quan đại thần Thành Hộ, ngày trước tùy hỷ cúng cát cho Đức Phật. Nghe vua bệnh, liền đến thăm lễ lạy rồi nói kệ:

Xưa mặt như hoa sen

Trần cấu không làm dơ
Đại lực các oan gia
Đều không thể thấy vua
Như mặt trời cháy sáng
Người đâu thể nhìn thấy
Vì sao mà hôm nay
Ưu bi mà rơi lệ.

Vua nói kệ đáp:

Ta nay sinh lo buồn
Không tài vật không mạng
Vì xa lìa Thánh chúng
Cho nên mới lo buồn
Đệ tử của Thế Tôn
Thành tựu các công đức
Đem các thứ ẩm thực
Ngày ngày đến cúng dường
Thường tư duy việc này
Cho nên ta rơi lệ.

Lại nữa Thành Hộ, ngày trước ta muốn đem trăm ngàn lượng vàng để cúng dường Tam bảo, mà ý chưa tròn. Ta nay muốn đem, muốn đem bốn mươi ngàn vạn lượng vàng cúng dường cho đủ bổn nguyện. Nói rồi vua muốn đem đủ số vàng đến cúng dường chùa Kê đầu. Thì lúc này con của Câu-na-la là Ba Địa làm thái tử.

Có một đại thần nói với thái tử rằng:

- Vua A-dục chẳng còn bao lâu nữa sẽ qua đời, mà nay muốn đem hết vàng bạc đến chùa Kê đầu. Làm vua ắt cần phải có tài vật của cải, thái tử nên giữ lại chớ cho đem đi, duy chỉ đem đồ kim khí cho vua đựng thức ăn thôi.

Khi vua ăn xong, thì sai người đem những đồ kim khí ấy đưa đến chùa Kê đầu. Thái tử lại không đưa kim khí vào mà đưa đồ ăn bằng bạc. Vua ăn rồi cũng bảo đưa đến chùa. Rồi đưa đồ ăn bằng thiếc vua cũng đưa đến chùa. Sau cùng đưa đồ đựng thức ăn bằng ngói sành. Lúc này vua không còn gì để cúng dường, duy chỉ có nửa trái Am-la trong tay, trong lòng vua rất là ảo não, cho triệu các Đại thần đến nói rằng:

- Ai làm chủ cả đại địa này.

Các Đại thần đều đứng dậy chấp tay lễ lạy:

- Duy chỉ có vua làm chủ, chứ không có ai khác.

Vua liền rơi lệ như mưa, mà nói kệ:

Nay ta A-dục vương
Không còn lực tự tại
Chỉ còn nửa trái này
Ta có quyền tự tại
Sao dùng làm phú quý
Như nước sông Hằng hà
Trước thống lãnh cả nước
Hào phú vào bậc nhất
Nay bỗng nhiên nghèo cùng
Không có chút tự tại
Tất cả sự hội họp
Đều phải có phân ly
Chánh pháp Như Lai nói
Không có thể biết được
Ta trước ra sắc lệnh
Mọi việc không chướng ngại
Dụ như tâm ý thức
Do duyên được tự tại
Ta nay có ra lệnh
Như nước bị đá ngăn
Tất cả loài oán tặc
Ta trước đều hàng phục
Thống lãnh cả đại địa
Nhiếp tất cả khổ nghèo
Nay không còn chói sáng
Như mây che mặt trăng
Như cây A-thâu-kha
Lá hoa đều khô rụng
Ta là A-thâu-kha
Sự khổ nghèo cũng thế.

A-dục vương gọi người hầu cận tên là Bạt-đa-la Mục-kha tới nói rằng:

- Ta không còn quyền lực tự tại. Ngươi là kẻ hầu cận cuối cùng của ta. Duy có việc này ta muốn nhờ ngươi. Còn nửa trái Am-la này ngươi đem đến cúng chùa Kê đầu và nói lại rằng:

- Vua A-dục lễ lạy dưới chân chúng Tăng. Ngày trước thống lãnh cả cõi Diêm-phù-đề, nay chỉ còn nửa trái Am-la này. Đây là vật cúng dường cuối cùng của ta. Xin chư Tăng thọ nhận, vật này tuy nhỏ, nhưng

sự cúng dường chúng Tăng phước đức thật vô cùng, liền nói kệ rằng:

Ta xưa vốn làm vua
Nơi cung điện tự tại
Vô thường làm tự tướng
Không lâu sẽ diệt tận
Có thể trị bệnh này
Duy chỉ thánh phước điền
Nay ta không y dược
Nguyện nay được tế độ
Nửa trái Am-la này
Là vật cúng sau cùng
Cúng ít mà phước lớn
Vì thế nên nhiếp thọ.

Người hầu theo lời vua đem trái Am-la đến chùa Kê đầu, trước mặt Thượng tọa dâng cúng trái Am-la cho chúng Tăng. Lại chắp tay nói kệ:

Tất cả cõi thế gian
Vua lãnh không chướng ngại
Dụ như mặt trời soi
Chiếu khắp cả mọi nơi
Vì nghiệp tự khi huống
Công đức nay đã tận
Như mặt trời đã tắt
Không thể cùng chiếu soi
Nên cung kính đãnh lễ
Cúng nửa trái Am-la
Phước đức tỏ vô tận
Nay cúng thí sau cùng.

Thượng tọa tập họp chư đại chúng lại và nói:

- Các ông nay nên khởi tâm bố úy. Như lời Đức Phật dạy, thấy sự vô thường của người mà đáng sợ ai thấy việc này mà không sinh tâm xa lìa vì sao?

Dõng mãnh hay bố thí
Khổng tước A-dục vương
Thống lãnh cả đại địa
Cõi Diêm-phù tự tại
Ngày nay quả báo tận
Duy chỉ có A-ma-lặc

Đại địa cùng trân bảo
Tất vì người hộ trì
Nay đây A-dục vương
Đem nửa trái Am-ma
Các người là phàm phu
Lực phước đức sinh mạng
Nên vì nói vô thường
Khiến kia sinh nhàm chán.

Chúng Tăng nhận nửa trái Am-ma-lặc của vua A-dục, đem cắt nhỏ cho vào nồi canh để chúng Tăng dùng.

Vua A-dục khi đó nói với Thành Hộ:

- Nay thì ai làm vua?

Thành Hộ lễ dưới chân vua thưa:

- Duy chỉ có Đại vương chứ không ai khác.

Vua nhờ người đỡ dậy, nhìn khắp bốn phương, chấp tay hướng về chúng Tăng thưa:

- Ngoại trừ trân bảo ra thì khắp cả đại địa sông núi, tôi đem đem cúng dường chư Tăng, liền nói kệ:

Nước làm áo đại địa
Bảy báu trang nghiêm mặt
Đem tất cả chúng sinh
Và núi sông các chỗ
Ta nay đều xả bỏ
Đem cúng dường chúng Tăng
Khi chúng Tăng được quả
Là do tôi cúng thí
Phước đức cúng thí này
Không cầu làm Thiên đế
Cũng không thích Phạm thiên
Và chủ các đại địa
Duy chỉ đem phước này
Cầu được tâm tự tại
Được cùng pháp Thánh nhân
Chỗ người không thể được.

Vua A-dục dùng lá Đa-La viết bài kệ này rồi đóng dấu vào. Cầm thư chấp tay hướng về Tăng nói:

- Tôi đem cả đại địa này cúng thí cho chúng Tăng.

Nói xong thì mạng chung.

Lúc này thì chư đại thần dùng lụa năm sắc trang nghiêm cúng dường thân vua. Cúng dường xong thì lấy nước tưới lên đỉnh đầu Thái tử để lên ngôi.

Thành Hộ nói với các đại thần:

- Tất cả đại địa vua A-dục đã đem cúng cho chúng Tăng.

Chư Đại thần nói:

- Chúng ta nay phải làm sao?

Thành Hộ đáp:

- Tiên vương trước đã có tâm nguyện, muốn đem trăm ngàn vạn lượng vàng cúng thí chúng Tăng. Đã cúng được chín mươi sáu ngàn vạn lượng vàng; muốn cúng cho đủ mà chư đại thần không cho, nên ý vua chưa được trọn vẹn, cho nên vua đem cả đại địa cúng cho chúng Tăng. Nay các quan nên đem bốn mươi ngàn vạn lượng vàng để chuộc lại.

Sau đó, lấy nước biển rưới lên đỉnh đầu thái tử Tam-bà-địa, rồi lên ngôi vị. Con của Tam-bà-địa là Tỳ-lê-kha Bát-để. Có con tên Tỳ-lê-sa Tư-na (Ngưu Tất); Ngưu Tất có con tên Phất-sa-bạt-ma (Hán dịch là Vĩ Khải) lại có con tên là Phất-sa-mật-đa-la (Hán dịch là Soa Hữu). Người này khi lên ngôi vị, tập họp các đại thần lại nói:

- Có cách gì khiến cho tên ta lưu mãi ở đời?

Các quan đáp:

- Từ thời vua A-dục, vua đã khởi xây tám vạn bốn ngàn bảo tháp, làm cho Phật pháp không tiêu diệt. Danh của vua cũng lừng vang không dứt, vua nay cũng nên khởi tu tám vạn bốn ngàn tháp.

Vua đáp:

- Vua A-dục có đại thần lực không thể nghĩ bàn khó ai làm được. Nay có phương cách nào khác để được lưu danh không?

Lúc đó có một người Bà-la-môn có chú nguyện đệ nhất, nhưng không tin Phật mới tâu với vua:

- Có hai loại được lưu danh ở đời. Một là làm ác, hai là làm thiện. A-dục vương đã xây tám vạn bốn ngàn bảo tháp. Nay vua nếu hủy hoại hết thì cũng được nổi tiếng.

Vua nghe theo, liền đem bốn đại binh muốn hoại diệt Phật pháp, đi đến chùa Kê đầu. Đi đến chùa nghe tiếng sư tử rống, vua rất sợ hãi liền đem quân trở về. Vua ba lần đi đến chùa cũng đều như thế. Khi về nước tập họp chúng Tăng lại mà nói rằng:

- Ta nay muốn hoại Phật pháp, là chúng Tăng, hai là chùa tháp, tôn tượng, các ông nên chọn.

Chúng Tăng đều nói:

- Chúng tôi hộ trì tháp chùa, tôn tượng.

Nghe thế vua liền ra lệnh giết từ Thượng tọa cho đến chúng Tăng và ra lệnh cho khắp nước Sa-kha-la:

- Người trong nước nếu ai đem một đầu Tỳ-kheo, thì sẽ được thưởng tiền.

Ở nước kia có chùa tên là Pháp vương. Trong chùa đó có một vị La-hán. Có người muốn lấy đầu nên bạch với vua rằng:

- Ở đó có Tỳ-kheo, nay muốn lấy đầu để dâng cho vua.

Vua nghe nói tự mình muốn tới lấy đầu. Bấy giờ Tỳ-kheo nhập định tận diệt. Vì có định lực nên đao kiếm lửa đốt đều không làm tổn hại.

Đã không bị giết lại đi đến nước khác. Đến nước Câu-sắt-tha-ca. Nước này có một vị thần Dạ-xoa giữ gìn răng Phật. Dạ-xoa nghĩ Phật pháp nay đến hồi bị tiêu diệt, ta đã thọ giới không nên sát sinh. Ta có con gái, Dạ-xoa Lợi Lý muốn cầu thân. Vì kia thường tạo ác nghiệp cho nên ta không chịu. Nay vì hộ trì Phật pháp cho nên phải ưng thuận.

Lại có đại lực Dạ-xoa thường theo hộ vệ vua Phất-sa-mật-đa-la. Người này dõng mạnh nên không ai hại được. Vị thần giữ răng Phật đem vị Dạ-xoa hộ vua đến trong Nam Hải. Thế là Dạ-xoa Lợi Lý đem núi Thái sơn đè vua và bốn bộ binh đều chết cả. Cho nên núi này có tên là Tu-ni-hỷ-đa. Vua Phất-sa-mật-đa-la bị giết. Từ đó dòng họ Khổng tước bị diệt.

■

KINH A-DỤC VƯƠNG

QUYỂN 6

Phẩm 6: NHÂN DUYÊN PHẬT THỌ KÝ ƯU-BA-CÚC-ĐA

Lúc bấy giờ, Đức Phật gần nhập Niết-bàn, giáo hóa cho Long vương Ba-la-la và Long vương Cù-bà-la Chiên-đà-lợi xong. Đi đến nước Ma-thâu-la, bảo A-nan rằng:

–Sau khi ta nhập Niết-bàn. Ở nước này một trăm năm, có một thương chủ bán hương ở nước này tên là Cấp-đa, có con là Ưu-ba-cấp-đà không có tướng hảo như Đức Phật, làm Phật sự giáo hóa chúng sinh, nhiều người chứng quả La-hán. Ngay nơi hang đá này, bề dài mười tám tốn, rộng mười hai thốn. Vị này bảo đệ tử cầm cái thẻ bốn tấc ném vào hang đá này cho đầy cả tên các vị La-hán.

A-nan nên biết Ưu-ba-cấp-đa là đệ tử giáo hóa bậc nhất của ta.

- A-nan ông nay thấy khu rừng xanh từ xa không?

A-nan đáp:

- Có thấy, thưa Thế Tôn.

Phật bảo:

- Ở đó có núi Ưu-lâu-mạn-đà. Sau khi Đức Như Lai nhập diệt một trăm năm có Tỳ-kheo Da-xá-bà-tư. Ở trong núi đó lập chùa và thuyết pháp giáo hóa chúng sinh, Ưu-ba-cấp-đa độ cho xuất gia. Ở nước Ma-thâu-la có hai anh em của nhà trưởng lão tên Na-sĩ-bà-sĩ. Hai vị ở núi này làm đàn việt xây tháp chùa, cho nên gọi chùa này là Na-sĩ-bà-sĩ. A-nan nên biết! Chùa này là nơi tu thiền đệ nhất.

A-nan nghe vậy tỏ vẻ kinh sợ việc làm lợi ích cho chúng sinh của Ưu-ba-cấp-đa.

Phật bảo A-nan:

- Ông nay không nên kinh sợ việc làm này. Vào thời quá khứ Ưu-ba-cấp-đa đã sinh vào nhà ngoại đạo đã làm lợi ích cho người.

Lại vào đời quá khứ ở núi Ưu-lâu-mạn-trà, một bên núi có năm trăm vị Duyên giác một bên có năm trăm tiên nhân và một bên có năm

trăm con di hầu. Trong đám di hầu có một con đầu đàn. Con di hầu chủ này mới đến chỗ Duyên giác, thấy các vị ấy mới sinh lòng hoan hỷ, hái hoa trái đem cúng dường. Lúc các vị Duyên giác ngồi kiết già, di hầu lần lượt đến đảnh lễ, làm lễ xong rồi. Đến ngồi phía sau chúng Tăng một cách nghiêm chỉnh, mỗi ngày đều như thế cả. Sau đó các vị Duyên giác đều nhập Niết-bàn, di hầu không biết hằng ngày vẫn đến cúng dường, lại không thấy các vị thọ thực, bèn đến lật y dở tay chân tuyệt không thấy cử động.

Di hầu nghĩ:

- Các vị Duyên giác này chắc là đã chết. Thế là khóc thương áo não.

Sau đó di hầu đi đến chỗ tiên nhân. Thấy năm trăm vị tiên nhân đều ngồi trên cỏ gai, thế là di hầu bắt chước tiên nhân ngồi trên cỏ gai. Lại bắt chước nằm trên tro đất. Lại bắt chước nướng thân trên lửa. Sau đó di hầu dùng nước làm cho tắt lửa, lấy tro đất đem dấu đi và nhổ cả cỏ gai ném hết. Các tiên nhân vịn vào cây để treo mình, di hầu lại kéo tay khiến cho đều bị té xuống đất.

Rồi di hầu dạy các vị tiên nhân về tứ oai nghi. Ở trước mặt các vị tiên, di hầu ngồi ngay ngắn tỉnh tọa thiền định. Và nói với tiên nhân:

- Các ông phải ngồi thiên như đây.

Bấy giờ năm trăm vị tiên nhân ngheo theo mà cùng ngồi thiền. Các vị tiên không có thầy thuyết pháp, thường tư duy về ba mươi bảy phẩm Trợ đạo mà đắc quả Duyên giác. Khi đã đắc quả thì liền nghĩ:

- Ta được Thánh đạo, đều là do di hầu.

Thế là các vị đem trái cây hoa hương đến cúng dường cho Di hầu, nhẫn đến khi di hầu qua đời, thì các vị Duyên giác đem cây hương mà thiêu đốt. Phật lại bảo A-nan:

- Di hầu lúc đó chính là Ưu-ba-cấp-đa, Ưu-ba-cúc-đa ở trong ác đạo, làm nhiều lợi ích cho chúng sinh. Sau khi ta nhập Niết-bàn một trăm năm, Ưu-ba-cấp-đa ở núi này làm lợi ích chúng sinh. Lúc này Thế Tôn lại nói với A-nan:

- Ông nên nắm lấy chéo y ta.

Đức Thế Tôn đem A-nan bay lên hư không, rồi đi đến nước Kế tân. Đức Phật nói với A-nan:

- Ông thấy xứ này có nhiều rừng núi không?

A-nan đáp:

- Đã thấy thưa Thế Tôn.

Phật bảo A-nan:

- Ở nước này sau khi ta diệt độ một trăm năm, có một vị Tỳ-kheo tên Mạt-điền-địa, ở đất này lập ra nước Kế tân.

Rồi Đức Phật lần lượt đi đến thành Câu-thi-na. Giờ Niết-bàn đã đến. Bảo với Trưởng lão Ma-ha Ca-diếp rằng:

- Ta nay muốn nhập Niết-bàn. Ông nên kiết tập lại kinh điển, khiến cho chánh pháp lưu lại được một ngàn năm để nhiếp hóa chúng sinh.

Ma-ha Ca-diếp bạch với Đức Phật rằng:

- Bạch Đức Thế Tôn! Như lời Thế Tôn dạy, con sẽ phụng hành.

Khi đó Đức Phật nghĩ đến trời Đế Thích. Thiên đế biết được tâm niệm của Đức Phật, liền đi đến chỗ Đức Phật. Lúc này Đức Thế Tôn bảo Đế Thích rằng:

- Kiều-thi-ca, ông nên hộ trì pháp tạng.

Đế Thích bạch Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn! Con sẽ vâng giữ.

Đức Thế Tôn lại nghĩ đến Tứ Thiên vương. Lúc bấy giờ Tứ Thiên vương biết ý nghĩ Đức Phật, liền bay đến. Đức Phật lại bảo Tứ Thiên vương:

- Sau khi ta Niết-bàn, ông nên hộ trì Phật pháp. Đến sau có ba vị quốc vương hủy hoại Phật giáo, ông nên hộ trì chớ để dứt mất.

Tứ Thiên vương bạch Đức Phật:

- Xin như lời Đức Thế Tôn dạy.

Đức Phật đem pháp tạng phó chúc cho ngài Ca-diếp và Tứ Thiên vương cùng Đế Thích xong. Lại đi đến nước Ma-thâu-la, như thế lần lượt đi đến thành Câu-thi-la nơi Ta-la xong thọ. Rồi bảo A-nan rằng:

- Giờ Niết-bàn đã đến. Nơi cây Ta-la này nên đặt mặt ta xoay về hướng Bắc. Ta trong đêm nay sẽ nhập Niết-bàn. Lại nói kệ:

Biển sinh tử không đáy
Sóng dậy chỗ thâm sâu
Lão bệnh để làm bờ
Ta nay đã diệt độ
Muốn về nước vô ưu
Xả bỏ xác thân này
Khi sinh làm biển cả
Già bệnh lại xa lìa
Mâu ni làm ngưu vương
Đưa người vượt sinh tử
Như người nương vào bè

An ổn đến bờ kia.

Rồi Đức Phật lại nói:

- Sau khi Đức Phật Niết-bàn, xây tám tháp xá-lợi. Tháp thứ chín thứ mười đựng tro, rồi lại nói kệ:

Tám tháp cao như núi
Xá-lợi đều ở dưới
Tháp thứ chín đựng bình
Tháp mười đựng tro than.

Trời Đế Thích và Tứ Thiên vương, đều đem các loại hương hoa kỹ nhạc cúng dường xá-lợi. Nói rằng:

- Đức Thế Tôn giao phó pháp tạng cho chúng ta rồi nhập Niết-bàn. Nay chúng ta phải hết lòng gìn giữ. Đế Thích nói với Trì-lợi-sĩ A-la-sĩ rằng:

- Ông nên hộ trì Phật pháp ở hướng Đông.

Lại bảo Tỳ-lưu-đa:

- Ông hộ trì Phật pháp ở hướng Nam.

Lại bảo Tỳ-lưu-bác-xoa:

- Ông hộ trì Phật pháp ở hướng Tây.

Lại bảo Cưu-la rằng:

- Ông hộ trì Phật pháp ở hướng Bắc.

Đức Thế Tôn nói:

- Sau khi ta diệt độ có ba vua ác tặc. Đời sau cùng ở chỗ của các ông. Nếu có hoại Phật pháp thì ông nên hộ trì.

Lúc Đức Phật nhập Niết-bàn có vô số La-hán cũng nhập Niết-bàn. Bây giờ trong không trung có lời kệ:

Khổ thay đệ tử Phật
Tất cả đều Niết-bàn
Thế gian trong ngày nay
Đều trở nên trống vắng.

Vì vô minh che hết ngọn đèn Chánh pháp, các Đại đức La-hán đều cùng vào Niết-bàn. Không còn ai giữ gìn tam tạng pháp bảo. Chánh pháp khó mà cửu trụ lâu dài. Lúc này trời Đế Thích cùng Tứ Thiên vương cùng chư Thiên cùng đi đến chỗ Đại đức Ca-diếp. Đến rồi thì lễ dưới chân Đại đức Ca-diếp và nói:

- Đức Thế Tôn phó chúc pháp tạng cho ông và cho ta. Đại đức, nay hãy nên cùng ta hộ trì Phật pháp, giáo pháp Phật cần phải kết tập lại chớ để phân tán. Ngày nay pháp Phật được hàng chư Thiên hộ trì được trụ thế một ngàn năm, để cho chúng sinh được nhiếp thọ.

Đến khi Ca-diếp la lên một tiếng lớn, dùng lực thần thông xuất ra âm thanh vang động, bảo cho tất cả chúng sinh cõi Diêm-phù-đề biết. Có năm trăm vị A-la-hán đến Câu-thi-na-già. Tôn giả Ca-diếp nói với A-nậu-lâu-đà:

- Trưởng lão có biết vị La-hán nào chưa đến không?

A-nậu-lâu-đà đáp:

- Có Già-phạm-bà-đề nay ở tại cung điện Thi-lợi-sa trên thiên cung, vị này chưa đến.

Ca-diếp hỏi chư Tỳ-kheo:

- Trong chúng này ai là nhỏ nhất?

Phú Na La-hán đáp:

- Tôi nhỏ nhất.

Ma-ha Ca-diếp bảo:

- Trưởng lão chúng Tăng nay có việc giao phó ông có nhận không?

Phú-na đáp:

- Có thể được.

Ca-diếp lại nói:

- Thiện nam tử! Ông nay có thể nhận lời chúng Tăng giao phó, lành thay! Vậy ông nên đến cõi trời Thi-lợi-sa thỉnh Già-phạm-bà-đề mà nói rằng:

- Ngài Ca-diếp và chúng Tăng đang đợi ngài. Nay có Phật sự, xin ngài mau đến, rồi nói kệ:

Thiện nam tử nên đến
Nơi rừng Thi-lợi-sa
Thỉnh Già-phạm-bà-đề
Đến ngay chỗ chúng Tăng.

Phú-na đến chỗ Già-phạm-bà-đề nói:

- Ngài Ca-diếp và chúng Tăng ở trong cõi Diêm-phù-đề đang hội họp, nay có tăng sự, ngài nên đến mau.

Già-phạm-bà-đề nói:

- Thiện nam tử! Ông phải nói là Đức Phật và chúng Tăng, chớ nói Tôn giả Ca-diếp và Tăng chúng. Vì sao? Vì Đức Phật đã Niết-bàn. Hàng ngoại đạo sẽ khinh Phật pháp. Kế lại nếu có hàng Tỳ-kheo ác pháp muốn phá Tăng sự.

Ngoại đạo sẽ nói:

- Đức Phật đã Niết-bàn, giáo pháp cũng sẽ diệt. Các Tỳ-kheo đều không biết, khi xưa Đức Phật tại thế, dùng trí tuệ quang minh khiến cho

thế gian đều được tỏa sáng. Nay Đức Phật đã diệt độ, thế gian đều tối tăm, ta làm sao có thể đến nơi đó. Lại nói kệ:

Tất cả thế gian không
Không còn chỗ vui vẻ
Không còn Phật thuyết pháp
Cõi Diêm-phù trống vắng
Ta nay muốn tại đây
Mà nhập vào Niết-bàn.

Ông nay nên trở về nói lại lời ta. Già-phạm-bà-đề lễ Đại đức Ca-diếp và chư chúng Tăng, nói lại lời kệ:

Tất cả thế gian không
Không còn chỗ vui vẻ
Không còn Phật thuyết pháp
Cõi Diêm Phù trống vắng
Ta nay muốn ở đây
Mà nhập vào Niết-bàn.

Già-phạm-bà-đề nói xong liền nhập Niết-bàn, Phú-na trở về cõi Diêm-phù-đề nói kệ:

Đại đức Thánh chúng
Già-phạm-bà-đề
Lễ kính nói rằng
Phật đã Niết-bàn
Ta trong ngày nay
Cũng nhập Niết-bàn
Như voi mẹ chết
Con cũng chết theo.

Thế là Tôn giả Ca-diếp liền ra giới chế. Từ nay về sau chúng Tăng phải hòa hợp kết tập pháp tạng, việc chưa xong thì không được nhập Niết-bàn. Liền nói kệ:

Từ hôm nay trở đi
Tất cả Tăng hòa hợp
Chưa kết tập pháp tạng
Đều không được Niết-bàn.

Khi năm trăm vị La-hán đã hòa hợp xong. Tôn giả Ca-diếp bạch với chúng Tăng.

- Trưởng lão A-nan thường theo hầu Đức Như Lai nay tuổi đã cao. Tất cả đại chúng phải nên cung kính, liền nói kệ:

Trưởng lão A-nan đây

Thọ trì lời nói Phật
Lợi căn có trí tuệ
Thường theo hầu Như lai
Tâm tịnh giải Phật pháp
Cần phải nên cung kính
Lợi ích cho chúng Tăng
Công lực cần tán thán.

Tôn giả Ca-diếp nói với Tỳ-kheo.

- Chúng ta ở đây kiết tập kinh điển, đại chúng vân tập tất sẽ rơi lệ làm phương hại đến ta. Chúng ta muốn đến chỗ Đức Phật đã đắc đạo là nước Ma-già-đà để kết tập pháp tạng.

Ngài Ca-diếp và năm trăm vị La-hán đến thành Vương xá. Trưởng lão Tỳ-lê-thời-phất theo hầu cận A-nan. Đi đến nước Tỳ-lê-thời, bốn chúng ở nước kia, nghe Đức Phật Niết-bàn tâm rất áo não.

Lúc này ngài A-nan tư duy:

- Tứ chúng buồn bã làm sao thuyết pháp.

Trưởng lão Tỳ-lê-thời-phất suy nghĩ ta nên quán xét tâm Hòa thượng là bậc thánh nhân hay là phàm phu. Biết vẫn là tâm phàm phu, chưa chán xa dục giới, liền chứng quả A-la-hán, xong rồi nói kệ rằng:

Ngài nên đến gốc cây
Tâm nghĩ đến Niết-bàn
Cù-đàm khi tọa thiền
Không lâu chứng Niết-bàn.

Trưởng lão A-nan nghe lời khuyến hóa của Tỳ-lợi-thời-phất, đêm đó đi kinh hành xong tọa thiền, tẩy sạch tâm ngũ cái. Như thế từ canh một cho đến canh năm, đến sáng sớm ra ngoài rửa chân, rửa xong trở vào chùa muốn đặt lưng nằm nghỉ, đầu chưa đụng vào gối, hốt nhiên phiền não tiêu tan liền chứng quả A-la-hán.

Trưởng lão liền đi đến thành Vương xá, năm trăm vị La-hán và ngài Ca-diếp cũng đến đây. Vua A-xà-thế con của bà Vi-đề-hy nghe chư vị La-hán và ngài Ca-diếp đến, liền cho sửa sang đường xá cúng dường đầy đủ để nghinh đón đại Ca-diếp. Vua A-xà-thế vì tâm thành thục, ngày trước Đức Phật đến, liền từ trên cao rớt xuống. Đức Phật dùng thần lực đỡ lấy. Ngày nay từ trên voi thấy Tôn giả Ca-diếp cũng nhảy xuống, ngài Ca-diếp cũng dùng thần lực đỡ vua.

Sau đó Tôn giả nói với vua:

- Đức Như Lai dùng thần lực không mượn tư duy. Hàng Thanh văn dùng thần lực cần phải có ý tưởng, nếu không tác ý thì ông nhảy xuống

mạng khó bảo toàn. Từ nay về sau đừng nên như vậy nữa.

Vua đáp:

- Xin vâng lời Tôn giả.

Vua liền làm lễ dưới chân Tôn giả rồi đứng lên chấp tay thưa:

- Đại đức! Đức Thế Tôn Niết-bàn tôi không được thấy. Nếu Đại đức Niết-bàn nên cho tôi biết.

Tôn giả bằng lòng lại nói với vua:

- Đại vương! Chúng tôi muốn ở thành này kiết tập kinh pháp.

Vua nói:

- Từ nay cho đến khi tôi mạng chung, từ thực phẩm, y phục, y dược, ngọa cụ tôi đều cúng dường đầy đủ cho chúng Tăng. Xin chư Tăng đến trong rừng trúc.

Ca-diếp suy nghĩ:

- Chùa này rộng lớn, chư Tỳ-kheo sẽ làm phương hại não loạn việc kết tập.

Rồi Tôn giả nói:

- Ở chùa này có thể làm mà cũng có thể không làm được. Có một hang đá tên là Tất-ba-la-diên, chúng tôi sẽ ở chỗ đó kết tập pháp tạng.

Rồi Ca-diếp cùng năm trăm vị La-hán đi đến hang đá Tất-ba-la-diên, sửa soạn mọi chỗ rồi nói:

- Chư Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo đời vị lai, thường mất chánh tâm, chúng ta trước nên kết tập Ưu-đà-na-già-đà. Rồi sau mới kết tập tất cả pháp.

Năm trăm vị La-hán lần lượt ngồi vào ni sư đàn, chúng Tăng hỏi rằng:

- Tam tạng giáo điển trước nên kết tập tạng nào?

Đại đức Ca-diếp nói:

- Trước nên kiết tập Tu-đa-la.

Chúng Tăng lại hỏi:

- Ai sẽ tụng Tu-đa-la.

Ca-diếp đáp:

- Trưởng lão A-nan đa văn đệ nhất. Tất cả Tu-đa-la ngài A-nan đều thọ trì chúng ta nên thỉnh A-nan tụng lại Tu-đa-la.

Ca-diếp liền hỏi A-nan:

- Ông nên tụng lại Tu-đa-la, để cho đại chúng cùng kết tập, rồi nói kệ:

Này Trưởng lão A-nan

Nên biết tạng pháp này
Là Như Lai đã thuyết
Sức ông có thể trì
Ông nắm giữ tạng pháp
Như trâu mang vác nặng
Như Lai trì mười lực
Tối thắng đại dũng mãnh
Nếu khiến tam hữu diệt
Phật pháp như đề hồ
Tất cả trì pháp tạng
Đều sẽ chứng Niết-bàn
Duy chỉ một mình ông
Thọ trì tạng Phật pháp.

Trưởng lão A-nan đáp:

- Như thế!

Liền từ tòa đứng dậy, đến trước Thượng tọa, nhìn khắp tất cả chúng, mà nói kệ:

Chúng Tăng đại kết này
Cách Thế Tôn một người
Tâm tịnh không trang nghiêm
Như trời không có trăng.

Trưởng lão A-nan từ trên tòa lần lần làm lễ hết cả. Lễ xong lên ngồi trên tòa cao suy nghĩ:

- Có kinh Tu-đa-la tự thân ta nghe Đức Phật nói. Cũng có kinh ta không được nghe từ Đức Phật. Ta nay cũng đều nói câu "Ta nghe như vầy" (như thị ngã văn).

Ca-diếp nói với A-nan:

- Trưởng lão nói lại Tu-đa-la ở chỗ nào?

Lại nói kệ:

Đại trí đều khuyến thỉnh
Phật tử ông nên nói
Phật lúc đầu nói kinh
Nói ở tại chỗ nào?

A-nan đáp:

- Lúc đầu Đức Phật vì Tỳ-kheo nói kinh. Ở tại nước Ba-la-nại Đức Phật bảo chư Tỳ-kheo đây là khổ Thánh đế. Cho nên rộng nói:

Lúc này Trưởng lão A-nhã Kiều-trần-như suy nghĩ:

- Ta ở trong chúng nghe lại lời của Đức Thế Tôn thuyết pháp từ

thưở ban đầu cho chúng ta như thế. Từ đó đến nay Phật pháp không đoạn, là do pháp Tứ đế ban đầu này.

Rồi Tôn giả trong lòng buồn bã, A-nan thấy Tôn giả buồn cũng sinh lòng buồn não liền bước xuống tòa ngồi xuống đất liền nói kệ:

Hiển hóa cây ba tiêu
Lại dùng lực trí tuệ
Hay biết các thế gian
Cho nên lìa sinh tử
Mà nhập vào Niết-bàn
Như gió lớn cây ngã.

Lúc này năm trăm vị La-hán đều từ trên sàn xuống đất mà ngồi.

Ca-diếp nói với chư Tỳ-kheo:

- A-nan nói kinh.

Năm trăm A-la-hán nhập vào Tam-ma-địa. Từ Tam-ma-địa đứng dậy nói.

- Như thế Tu-đa-la! Như thế Tu-đa-la.

Sau đó Tôn giả A-nan rộng nói hết bốn bộ Tu-đa-la. Kết tập xong rồi chúng Tăng lại nói:

- Chúng ta nay kết tập tạng Tỳ-ni vậy nên thỉnh ai.

Đại đức Ca-diếp đáp:

- Trưởng lão Ưu-ba-ly là người trì luật đệ nhất, ta nên thỉnh ngài kết tỳ ni.

Thế là Ca-diếp nói với Ưu-ba-ly.

- Trưởng lão ông nên thuyết Tỳ-ni, chúng tôi muốn kết tập.

Đáp:

- Xin y giáo.

Lại hỏi:

- Phật thuyết Ba-la-di ở chỗ nào?

Đáp:

- Ở nước Tỳ thời.

Hỏi:

- Vì-ai mà nói?

Đáp:

- Vì Tu-đề-na Lam-đà-tử.

Như vậy Tôn giả rộng nói hết tạng Tỳ-ni. Cho đến đệ nhị pháp tọa cũng xong. Ma-ha Ca-diếp lại suy nghĩ ta phải tự nói trí mẫu.

Rồi Tôn giả hỏi chư Tỳ-kheo:

- Làm sao nói trí mẫu.

Trả lời:

- Là tứ Niệm xứ, tứ chánh cần, tứ như-ý túc, ngũ căn, ngũ lực, thất giác, bát chánh đạo, tứ biện vô tranh trí, nguyện trí thảy đều kiết tập.

Pháp thân thyết các pháp tịch tịnh nhẫn đến Đại đức Ca-diếp đã kết tập xong pháp tạng liền nói kệ:

Đã kết pháp tạng xong
Vì lợi ích thế gian
Mười lực Phật nói ra
Các việc không thể lường
Thế gian vô minh tối
Đèn pháp sẽ diệt trừ.

Lúc này Trưởng lão A-nan suy nghĩ:

- Lúc Đức Thế Tôn Niết-bàn có nói nếu phạm lỗi nhỏ thì có thể trừ diệt không phạm giới. Ta nay nên bạch chúng Tăng, liền đến trước thượng tọa chấp tay thưa:

- Tôi có nghe Đức Phật dạy, từ đây nếu có phạm tiểu giới, thì được xả không có định tội. Nếu chúng Tăng đồng ý, thì nên cùng nhau bỏ. Đã không có tội vi tế, thì chúng Tăng sẽ được an lạc.

Ca-diếp hỏi A-nan:

- Ông có hỏi Đức Thế Tôn, là những giới nào nên bỏ và những giới vi tế nào không nên bỏ. Ở trong ngũ thiên là điều thứ tư hay thứ năm?

A-nan đáp:

- Tôi thật không có hỏi. Vì sao? Vì lúc ở bên Đức Phật chư đại Tỳ-kheo đều không có hỏi. Tôi là người tiểu tâm không có xấu hổ cho nên không hỏi. Lại vì lúc Đức Phật gần Niết-bàn, tôi đang áo não cho nên không hỏi.

Tôn giả nói:

- Ông phạm tội Đột-kiết-la, vì Đức Như Lai gần Niết-bàn có nhờ ông lấy nước, mà ông đem nước đục lên cho Đức Phật.

A-nan đáp:

- Vì tiểu tâm không biết hổ thẹn. Vì lúc đó ở sông Kha-khuất-đa có năm trăm đoàn xe vừa đi qua làm cho nước đục. Xe qua chưa lâu tôi mới lấy nước, cho nên còn đục.

Ca-diếp lại hỏi:

- Như Lai đang khát nước, vì sao ông không lấy bát hướng lên trời, chư Thiên sẽ đưa nước xuống. Lại lấy nước đục dâng Đức Phật, cho nên ông nay phạm tội Đột-kiết-la.

Kế đến Tôn giả lại nói:

- Thế Tôn có y ca-sa mới, sắc vàng như kim, ông cớ sao lấy chân đỡ y.

A-nan đáp:

- Chẳng phải tôi không biết hổ thẹn, vì lúc đó không có ai, cho nên tôi mới dùng chân đỡ.

Ca-diếp nói:

- Ông vì sao không đưa y lên trời, chư Thiên sẽ đến cầm. Vì vậy, ông hôm nay phạm tội Đột-kiết-la.

Lại nữa! Đức Phật có hỏi ông. Nếu có người tu tứ như ý túc, thì có thể thọ mạng một kiếp hoặc giảm một kiếp, khiến cho ông rõ việc đó. Mà Đức Như Lai thường thành tựu tứ như ý túc. Ông vì sao không nhân đó mà thỉnh Đức Như Lai trụ thế một kiếp hay giảm một kiếp.

A-nan đáp:

- Đại đức Ca-diếp, không phải là tôi không biết xấu hổ. Bấy giờ có Ma vương mê hoặc tâm tôi, vì vậy mà tôi không thể thỉnh Đức Như Lai trụ thế.

- Như vậy ông cũng đắc tội Đột-kiết-la. Lại nữa, ông vì sao lại cho người nữ thấy ẩn tướng của Đức Như Lai.

A-nan đáp:

- Đại đức! Tôi chẳng phải không có xấu hổ, cho người nữ thấy ẩn tướng của Đức Như Lai. Vì người nữ phần nhiều đều có tâm ái dục. Nếu thấy ẩn tướng của Đức Như Lai, sẽ nhàm chán thân nữ mà cầu thân nam tử, cho nên tôi cho thấy.

Ca-diếp nói:

- Ông cũng phạm tội Đột-kiết-la, ông nên sám hối.

Tôn giả Ca-diếp lại nói với chư Tỳ-kheo:

- Chúng ta nay phải nói bảy pháp diệt tránh và các tội vi tế.

Các Tỳ-kheo hoặc nói các giới học chúng là nhỏ; hoặc nói bốn pháp là nhỏ; hoặc nói chín mươi việc là nhỏ; hoặc nói ba mươi việc là nhỏ; cho đến cho hai pháp bất định là nhỏ. Cũng có vị nói chỉ lưu lại bốn giới trọng và mười ba pháp Tăng tàng còn tất cả đều xả.

Bọn ngoại đạo nghe thế thì nói:

- Sa môn Cù-đàm thật là lộn xộn. Khi Phật còn thì hòa hợp; Phật đã diệt độ thì giáo pháp về sau cũng bị diệt. Sau khi Phật Niết-bàn, hàng đệ tử cứ tùy ý muốn thọ thì thọ muốn bỏ thì bỏ.

Đức Phật đã nói rằng:

- Nếu có Tỳ-kheo không nhất tâm thì nên nhất tâm thọ giới. Nếu

đã thọ giới thì không được xả bỏ, y theo Đức Phật dạy mà đều phải thọ trì. Nếu Tỳ-kheo như lời Phật dạy mà thọ trì, thì thiện pháp sẽ tăng trưởng mà không có thối chuyển. Vì thế y theo lời Đức Phật dạy nên tất cả giới luật đều thọ trì.

Kinh A-Dục Vương – Quyển 6 (Hết)

■

KINH A-DỤC VƯƠNG

QUYỂN 7

Phẩm 7: NHÂN DUYÊN TRUYỀN THỌ PHÁP TẠNG CỦA NĂM VỊ ĐỆ TỬ PHẬT

Như Lai giao phó pháp tạng cho ngài Ca-diếp rồi nhập Niết-bàn. Ngài Ca-diếp giao phó cho A-nan rồi nhập Niết-bàn. Tôn giả A-nan giao phó Mạt-điền-địa rồi nhập Niết-bàn. Mạt-điền-địa giao phó cho Xá-na-bà-tư rồi nhập Niết-bàn. Xá-na-bà-tư giao lại cho Ưu-ba-cấp-đa rồi nhập Niết-bàn. Ưu-ba-cấp-đa giao phó cho Hy-vi-kha. Ưu-ba-cấp-đa ở tại nước Ma-thâu-la giáo hóa chư đệ tử, có nhiều vị đắc quả A-la-hán. Mỗi vị đắc quả thì Tôn giả cho ném vào hang đá một thẻ tre bốn tấc. Hang đá này dài mười tám khuỷu tay, rộng hai mươi khuỷu tay. Rồi tôn tự lập lời thệ rằng:

- Chừng nào thẻ tre đầy hết thì mới nhập Niết-bàn.

Rồi đem giáo pháp phó chút lại cho đệ tử Hy-vi-kha. Hy-vi-kha là đệ tử sau cùng trong số thẻ tre.

Ưu-ba-cấp-đa nói Hy-vi-kha rằng:

- Xưa Đức Phật đem giao pháp phó chúc cho ngài Ca-diếp. Ngài Ca-diếp giao lại cho ngài A-nan. A-nan giao cho ngài Mạt-điền-địa. Mạt-điền-địa giao lại cho Hòa thượng. Nay ta đem giao lại cho ông.

Phó chúc xong rồi sau bảy ngày thì nhập Niết-bàn. Hàng nhân thiên ở khắp cõi Diêm-phù-đề cùng bảo nhau đến, chư Bồ-tát mười vạn người hòa hợp cùng đến cúng dường. Kẻ học nhân cùng Ưu-bà-tắc và Ưu-bà-di thì vô số. Nhẫn đến khi sắp nhập Niết-bàn thân bay lên hư không thể hiện bốn oai nghi. Trên thân ra nước, dưới thân ra lửa. Hiển hóa mười tám thân hình. Khắp cả trời người đều buồn bã, nhưng sau đem cả thẻ tre đi hỏa táng. Bấy giờ, một ngàn vị La-hán cùng vào Niết-bàn, rồi Tôn giả Hy-vi-kha thọ lãnh pháp tạng.

NHÂN DUYÊN VỀ CA-DIẾP

Nhân duyên Trưởng lão Ma-ha Ca-diếp Niết-bàn. Bấy giờ Thê-tỳ-lê Ca-diếp, đã tụng tập tam pháp tạng Tu-đa-la, Tỳ-ni, A-tỳ-đàm, đem nguyện trí khiến cho chứng biết tam tạng. Thọ thân chứng được diệt tận Tam-muội. Được tứ biện tổng trì cùng năm trăm vị La-hán kết tập pháp tạng. Giáo pháp của Đức Phật lần lượt phó chúc cho chư thắng nhân. Đem lưu bố cho mọi người cùng đọc tụng chớ khiến cho thất lạc. Vì muốn làm lợi ích cho chúng sinh, nên thường tự tư duy:

- Ta nay đã gần tới cảnh vô thường lão tử. Do tư duy này rồi nương theo lời Đức Phật dạy mà nổ lực tu trì, liền nói kệ:

Đã tụng Tu-đa-la
Đã mở ra đạo lộ
Pháp ngữ của Thế Tôn
Nơi nơi đều tuyên nói.

Lại nói kệ:

Vô tàm quý đã trừ
Đã nhiếp hết chướng duyên
Đã làm tự lợi ích
Ta Niết-bàn đã đến.

Bấy giờ ngài Ca-diếp đi đến chỗ Tôn giả A-nan. Nói với Trưởng lão A-nan rằng:

- Thế Tôn phó chúc pháp tạng cho ta rồi nhập Niết-bàn. Ta nay cũng muốn nhập Niết-bàn và giao phó lại cho ông, ông nên thọ trì.

Lúc này ở thành Vương xá, có một thương chủ sinh một người con, khi sinh ra liền có y xá na trên người, do đó mà đặt tên là Xá-na-bà-tư. Xá-na-bà-tư đi ra biển, sau trở về đến nghe pháp ở chỗ Đức Thế Tôn rồi cúng dường. A-nan ông nên giáo hóa người này khiến cho xuất gia. Ông cũng nên giáo phó pháp tạng cho người này.

Ngài Ca-diếp phó chúc xong rồi, lại suy nghĩ:

- Đức Thế Tôn ta vì lòng từ bi, việc khó làm nay đã làm, giáo hóa khắp nơi, đem vô biên công đức để tạo ra thân này. Xá-lợi của Đức Như Lai đã được phân bố khắp nơi, nay ta cũng nhập Niết-bàn. Ông nên biết rằng những gì ta làm đều không có phân biệt, rồi lại nói kệ:

Đức Thế Tôn ta
Đầy lòng từ bi
Xá-lợi của Ngài
Ta đã cúng dường

Bồ-đề Tam-muội
Từ đó sinh ra
Việc khó đã làm
Cúng dường rốt cùng.

Ngài Ca-diếp dùng thần lực đến lễ bái cúng dường khắp tám tháp xá-lợi của Đức Phật. Lại đi vào Long cung để cúng dường. Thí như Sư tử vương nhập vào trong ao hồ, không lo sợ chỗ sâu, tất cả đều bất động thanh tịnh vô cấu. Lại đến cúng dường tháp răng Đức Phật xong, ví như Long vương ra khỏi hư không, trong nháy mắt đã đến cung trời Đao lợi; Đế Thích và chư Thiên đều hoan hỷ cúng dường. Cúng dường xong lại muốn từ chỗ kia mà nhập Niết-bàn. Trời Đế Thích thấy việc này, thưa với Ca-diếp rằng:

- Bậc tu tịnh hạnh thường ở trong hanh núi, vì cớ nào lại có ý này, mà lại đến đây. Chỗ này cô độc không có người quy y.

Ngài Ca-diếp nói với Đế Thích:

- Kiều-thi-la! Ta thích đem răng của Đức Phật và mũ Ma-ni bảo châu Đa-la... Đây là lần cuối cùng vì đó mà cúng dường, lại nói kệ:

Vì thuyết khổ tận
Nên ta đến đây
Vì xem tướng Phật
Nên ta đến nay.

Đế Thích và chư Thiên nghe Ca-diếp nói thì tất cả đều buồn bã, rồi cung kính nâng hai tay đưa răng Đức Phật đến cho ngài Ca-diếp. Ca-diếp nhìn mắt không rời, dùng hoa Mạn-trà-la, hoa Bạc-câu-la, Ngưu đầu Chiên-đàn, Châu-lưu-na để cúng dường. Tôn giả Ca-diếp nói với Đế Thích cùng chư Thiên rằng:

- Các ông chuyên tu đừng có phóng dật.

Sau đó ngài Ca-diếp hốt nhiên từ đỉnh núi Tu-di trở về nơi thành Vương xá. Ngài đem Phật pháp phó chúc cho A-nan. Tôn giả A-nan ngày ngày đi theo sau ngài Ca-diếp. A-nan nói với Tôn giả Ca-diếp:

- Xin chớ nhập Niết-bàn.

Ca-diếp liền bảo A-nan:

- Ta nay và ông nên cùng đi vào thành.

Sáng sớm A-nan trở dậy đắp y cầm bát đi vào thành khất thực. A-nan liền dùng ba khả ái hòa hợp. Một là danh khả ái; hai là văn khả ái; ba là sắc khả ái. Để mọi người thấy sắc mà không chán, nghe pháp mà không nhàm.

Ngài Ca-diếp sáng sớm cũng trở dậy vào thành khất thực. Ngài

suy nghĩ:

- Ta trước có hứa! Khi nhập Niết-bàn thì đến thăm vua A-xà-thế.

Lúc này Ca-diếp đi vào thành Vương xá, nói với người giữ cửa:

- Ta nay muốn vào thăm vua, ông có thể vào thưa.

Người giữ cửa đáp:

- Vua nay đang ngủ. Khi nào vua tỉnh dậy tôi mới dám thưa.

Ca-diếp nói:

- Ông có thể vào đánh thức vua.

Đáp:

- Nếu đánh thức vua sẽ nổi giận mà trị tội tôi.

Trưởng lão liền nói:

- Khi nào vua thức ông nên thưa lại. Ca-diếp nay muốn nhập Niết-bàn. Xin vào ra mắt vua.

Ca-diếp lại đi vào thành khất thực. Khất thực xong liền đi vào núi Kê túc. Núi này có ba phần. Ở giữa núi thì trải cỏ dưới đất. Ngài liền suy nghĩ:

- Ngày trước Đức Thế Tôn dùng y phấn tảo để đắp cho ta, để pháp tạng trụ đến ngài Di-lặc ra đời, rồi lại nói kệ:

Ta dùng lực thần thông
Nên giữ lại thân này
Dùng y phấn tảo che
Đời Di-lặc xuất thế
Để cùng ngài thuyết pháp
Giáo hóa chư chúng sinh.

Bấy giờ ngài Ca-diếp khởi ba lần Tam-muội:

1. Khi nhập Niết-bàn xong đắp-y phấn tảo, đem ba núi che kín thân như con nhập vào trong bụng mẹ mà không bị hủy hoại, cho đến khi ngài Di-lặc xuất thế, pháp vẫn thường trụ.

2. Nếu vua A-xà-thế đến núi nên cho vào.

Ca-diếp lại nghĩ:

- Nếu vua không thấy thân ta tức sẽ thổ huyết mà chết.

3. Khi A-nan đến núi thì cửa sẽ mở.

Rồi từ Tam-muội này ngài Ca-diếp khởi thân nhập vào Niết-bàn. Khi ngài nhập Niết-bàn thì sáu cõi chấn động. Đế Thích cùng vô số chư Thiên cùng đem hương hoa đến cúng dường thân Ca-diếp. Ba núi cùng hợp lại để che thân Ngài. Đế Thích cùng chư Thiên vì sự chia ly khởi lòng áo não mà nói kệ rằng:

Chúng ta hôm nay

Xa ngài Ca-diếp
Tâm rất đau buồn
Không thể chịu được
Hang trời Tất-bát
Các pháp khó sinh
Người Ma-già-đà
Sinh ra cô bần
Tất cả thế gian
Không chỗ nương về
Ca-diếp ngày nay
Nhập diệt sau pháp
Núi chánh pháp băng
Thuyền chánh pháp động
Cây chánh pháp rơi
Biển pháp dậy sóng
Ma vương vui mừng
Nhiễu loạn pháp tạng.

Nói kệ xong rồi liền trở về trời. Lúc này ngài A-nan còn đang ở thành Vương xá. Khi trở về ngài liền tư duy về sự vô thường sẽ đến.

Vua A-xà-thế cũng nằm mộng thấy mẹ mình mất thì hốt hoảng thức dậy. Khi đó người giữ cửa vào thưa với vua:

- Ngài Ca-diếp có vào thăm vua để nhập Niết-bàn.

Vua nghe nói thì đau đớn té xuống đất. Khi vua tỉnh dậy liền đi vào trong rừng trúc, lễ dưới chân A-nan thưa:

- Tôi nghe nói Tôn giả Ca-diếp đã nhập Niết-bàn.

A-nan nói:

- Đại tinh tấn đã nhập Niết-bàn.

Vua nói:

- Tôi muốn cúng dường thân Tôn giả.

A-nan đưa vua đến núi Kê túc. Ở đây A-nan thấy chư La-sát đang hộ thân của ngài Ca-diếp. Vua cũng thấy các loại hoa trời che phủ đầy thân của Ca-diếp. Thấy vậy vua đem cả thân mình lễ lạy. Lễ xong muốn tìm củi để trà tỳ.

Ngài A-nan nói:

- Đại vương! Chớ làm vậy.

Vua nói:

- Tôi muốn thiêu ngài Ca-diếp.

A-nan đáp:

- Chớ thiêu, chớ thiêu. Thân này ngài dùng thần lực để bảo trì, cho đến khi Đức Phật Di-lặc ra đời cùng với chín mươi sáu ngàn vạn đệ tử cùng vây quanh đi đến đây. Đem thân Ca-diếp hiện ra cùng chư đệ tử.

Bấy giờ Phật Ca-diếp nói:

- Ca-diếp là đệ tử của Thích-ca Mâu-ni. Là bậc tu thiểu dục tri túc đệ nhất và lại kết tập pháp tạng.

Lại nói kệ rằng:

Vị Tỳ-kheo này họ Ca-diếp
Là đệ tử lớn của Thích-ca
Thiên kiến rốt ráo ích thế gian
Là bậc thọ trì pháp tạng Phật.

Lúc này đệ tử Di-lặc nghĩ:

- Vị kia thân hình nhỏ bé. Thân Phật Thích-ca chắc cũng như thế hay là lớn hơn.

Đức Phật Di-lặc biết được tâm chúng đệ tử liền nói:

- Thân của Ma-ha Ca-diếp đắp y phấn tảo Tăng-già-lê, đó chính là y Tăng-già-lê của Đức Phật Thích-ca.

Chư đệ tử nghe thì rất ưu sầu, cho nên cả chín mươi sáu ngàn vạn ức đệ tử đồng chứng quả A-la-hán, lại cùng thọ trì giới hạnh công đức. Lại ở trên đỉnh núi xây tháp. Vua A-xà-thế trở lại kinh thành. Ba núi liền hợp lại che thân Tôn giả. Vua lại xây tháp ở núi này, dùng các thứ hương hoa cúng dường.

NHÂN DUYÊN VỀ TÔN GIẢ A-NAN

Khi Tôn giả A-nan nhập Niết-bàn. Vua A-xà-thế đến lễ dưới chân A-nan thưa:

- Khi Phật nhập Niết-bàn tôi không được thấy. Trưởng lão Ma-ha Ca-diếp nhập Niết-bàn tôi cũng không thấy. Nếu Tôn giả nhập Niết-bàn, xin cho tôi được thấy.

A-nan đáp:

- Được.

Lúc này Xá-na-bà-tư từ biển trở về, Xá-na đem bảo vật cất trong nhà, rồi đi đến vườn trúc. Lúc này Trưởng lão A-nan đang đứng ở giảng đường, Xá-na đi đến lễ dưới chân rồi thưa:

- Trưởng lão! Tôi từ biển được an ổn trở về, muốn vì Đức Phật và chúng Tăng làm đại hội công đức năm năm. Nay Đức Phật ở chỗ nào?

A-nan đáp:

- Đức Thế Tôn đã nhập Niết-bàn.

Xá-na nghe lời này thì đau đớn ngất xỉu khi tỉnh dậy liền nói:

- Trưởng lão! Đức Phật nhập diệt tại chỗ nào? Trưởng lão Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên và Ma-ha Ca-diếp nhập diệt tại đâu?

Lại hỏi:

- Tôi nay muốn làm đại hội công đức năm năm.

A-nan nói:

- Tùy ý ông.

Rồi Tôn giả rộng nói về các pháp tác đại hội xong.

A-nan lại nói:

- Ông đã ở chỗ Thế Tôn làm công đức pháp hội xong, nay nên làm pháp nhiếp thọ.

Xá-na đáp:

- Trưởng lão! Ngài dạy tôi làm pháp gì?

A-nan bảo:

- Ông nên ở trong pháp tạng xuất gia.

Xá-na-bà-tư liền nghe theo. A-nan liền cho thọ giới xuất gia và cụ túc, cho đến Bạch-tứ-yết-ma. Xá-na-bà-tư lại thọ đại giới, phát nguyện đến chết vẫn đắp y Xá-na.

Trưởng lão A-nan thọ trì tám vạn bốn ngàn pháp môn, những đến những lời Đức Phật dạy, lời La-hán nói ngài đều ghi nhớ Xá-na-bà-tư cũng đều có thể thọ trì hết, đầy đủ cả Tam minh, thông đạt hết Tam tạng.

Khi đó A-nan đi đến trong vườn Trúc lâm có nghe một vị Tỳ-kheo tụng Tư-già-đà:

Nếu người sống trăm tuổi
Không thấy bạch hộc nước
Không bằng người mới sinh
Thấy được chim hộc nước
Nếu người có trí tuệ
Thù thắng hơn trăm tuổi.

A-nan nghe nói vậy liền bảo:

- Bài kệ này chẳng phải là lời Đức Phật nói. Phải tụng là: "Nếu người trăm tuổi không thấy pháp tạng, không bằng một ngày đã nghe pháp tạng, có đủ trí tuệ hơn người trăm tuổi."

Lại nữa, có hai hạng người hủy báng Đức Phật. Một là do bất tín sân giận mà hủy báng. Hai là tuy có lòng tin mà không như pháp thọ trì Tu-đa-la cũng là người hủy báng Đức Phật. Như người không chân, không miệng thì không thể dùng Sa-để A-túc-đa. Đây là hai hạng người không thể khéo thọ trì Tu-đa-la, lại nói kệ:

Người ngu không thông tuệ
Người này không thể dùng
Thông tuệ không thọ pháp
Tuệ kia cũng là hại
Chánh trí nghe đều biết
Thì được quả giải thoát.

Vị Tỳ-kheo tụng bài kệ kia trở về thưa lại với thầy:

- Ngài A-nan nói Đức Phật bảo là: "Nếu người trăm năm không thấy sinh diệt. Nếu người sinh một ngày có thể thấy pháp tạng, thù thắng hơn người trăm tuổi."

Người kia nói lại với đệ tử:

- A-nan đã già rồi nên không nhớ rõ.

Lại nói kệ:

Người đã luống tuổi
Mất cả niệm lực
Trí tuệ thông suốt
Cũng thành già lão.

Lại bảo đệ tử cứ y như thế mà tụng chớ nghe lời nói kia. A-nan khi đi qua đó, vẫn nghe tụng như thế liền nói:

- Ta đã nói với ông, đây chẳng phải lời Đức Phật dạy.

Người kia đáp:

- Thầy tôi nói là ngài A-nan già rồi cho nên không nhớ rõ.

A-nan suy nghĩ: "Muốn tìm đến vị thầy kia để nói. Lại quán xét tâm vị kia có thọ nhận lời của ta không? Biết là không thể thọ nhận. Lại tư duy xem có vị Tỳ-kheo nào có thể nói lại không? Cũng không thấy được vị nào?"

A-nan nói:

- Nếu Đức Phật cùng Tôn giả Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên còn ở tại thế thì ta sẽ bạch lại. Nay Đức Phật đã nhập Niết-bàn. Ta đây cũng muốn nhập Niết-bàn. Dùng Phật lực để cho pháp được trụ thế một ngàn năm.

Lại nói kệ:

Như chư vị tiên nhân
Đã qua trong quá khứ
Ta nay cùng với người
Không có tướng sai biệt
Nay ta tự tư duy
Còn như chim gặp gió
Phật đã nhập Niết-bàn
Có thể trừ kiết phược
Nơi thế gian làm đèn
Mà trừ ám vô minh
Cùng tinh tấn trừ bỏ
Người Luật nghi vô lượng
Nay duy chỉ mình ta
Như rừng còn một cây.

Ngài A-nan phó chúc lại cho Xá-na-ba-tư. Lại nói:

- Đức Phật phó chúc cho Ca-diếp xong thì nhập Niết-bàn. Ngài Ca-diếp phó chúc cho ta rồi cũng nhập Niết-bàn. Nay ta cũng muốn nhập Niết-bàn. Pháp tạng từ đây ông nên giữ gìn thọ trì.

Ở nước Ma-thâu-la có núi tên Ưu-lưu-mạn-trà. Ở nước đó cũng có vị trưởng giả sinh ra hai người con, người thứ nhất tên là Na Sĩ, người thứ hai tên là Bà Sĩ. Phật đã thọ ký hai vị ấy ở núi này tạo lập chùa. Lại ở trong nước đó có người thương chủ bán hương tên là Cấp-đa. Cấp-đa có con tên Ưu-ba-cấp-đa, ông nên giáo hóa để cho xuất gia. Đức Phật đã thọ ký người này truyền thừa pháp tạng, sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn một trăm năm thì làm Phật sự.

Tôn giả A-nan phó chúc pháp tạng xong, sáng sớm đắp y trì bát, đi vào thành Vương xá khất thực. A-nan nghĩ ta đã có lời hứa với vua

A-xà-thế. Khi nhập Niết-bàn nên đến thăm vua. Liền đi đến cung vua nói với người giữ cửa:

- Ta muốn vào thăm, ông vào thưa lại cho vua biết.

Người kia đáp:

- Vua đang ngủ, khi nào vua trở dậy, tôi sẽ thưa lại.

A-nan nói:

- Ông có thể vào đánh thức vua.

Người kia nói:

- Nếu đánh thức vua sẽ nổi giận, mà trị tội tôi.

A-nan nói:

- Nếu vua thức dậy, xin nói lại là A-nan muốn nhập Niết-bàn vào từ biệt vua.

Sau đó A-nan đi vào thành khất thực. Khất thực xong thì suy nghĩ:

- Nếu ta ở đây nhập Niết-bàn, vua A-xà-thế sẽ không cho người nước Tỳ-xá-ly đến lấy phân thân của ta, như thế người Tỳ-xá-ly sẽ nổi giận. Còn ta đến nước Tỳ-xá-ly nhập Niết-bàn, thì ở đó cũng không cho vua A-xà-thế lấy phân thân ta; A-xà-thế cũng thể nổi giận. Vậy ta nên ở giữa sông Hằng mà nhập Niết-bàn.

Thế là Tôn giả A-nan đến ngay sông Hằng. Vua A-xà-thế, nằm mộng thấy cây phượng bị chặt và phượng bị rớt xuống, thì kinh sợ tỉnh dậy.

Người giữ cửa cung vào tâu:

- Ngài A-nan có đến từ biệt vua để nhập Niết-bàn.

Vua nghe thì đau buồn té xỉu xuống. Người hầu cận lấy nước rửa mặt hồi lâu mới tỉnh dậy. Vua suy nghĩ:

- Không biết Trưởng lão A-nan nhập diệt ở chỗ nào?

Có vị chư Thiên đến nói:

- Ngài A-nan là đệ tử Đức Phật hộ trì pháp tạng. Nay đã đến nước Tỳ-xá-ly để nhập diệt.

Vua A-xà-thế liền tập họp bốn bộ binh, tượng mã xe cộ đi đến bờ sông Hằng. Dân chúng nước Tỳ-xá-ly cũng có thiên nhân đến nói kệ rằng:

Hôm nay A-nan-đà
Để trừ-ám vô minh
Với chúng sinh thế gian
Đều khởi lòng từ bi
Đến nước Tỳ-xá-ly

Vì muốn nhập Niết-bàn.

Bấy giờ dân nước Tỳ-xá-ly cũng tập họp binh mã đi đến bờ sông Hằng. Ngài A-nan ngồi trên thuyền đi đến giữa dòng sông Hằng. Vua A-xà-thế đi đến kịp chỗ ngài A-nan nói kệ:

Phật tử nhập Niết-bàn
Ở nơi khắp thế gian
Mặt Phật như hoa sen
Nay đã nhập Niết-bàn
Ngài là chỗ nương về
Xin chớ vội xa lìa

Khi đó người dân Tỳ-xá-ly cũng làm lễ Tôn giả và thưa:

- Ngài ở chốn này, mọi người đều tôn kính, mà nay muốn nhập diệt. Đức Cù-đàm ở thế gian là bậc tối thắng tự tại, mắt như hoa sen làm lợi ích cho người cô độc, nhiếp hóa khắp cõi thế gian.

Tôn giả A-nan suy nghĩ:

- Nếu ta nhập Niết-bàn ở nước Ma-già-đà thì dân Tỳ-xá-ly sẽ có áo não. Còn nếu ta nhập nước Tỳ-xá-ly thì nước Ma-già-đà cũng sẽ rất buồn. Ta hôm nay tự biết là đã đến thời. Liền nói kệ:

Đem nửa pháp công đức
Cho vua Ma-già-đà
Còn nửa pháp công đức
Cho dân nước Tỳ-xá-ly
Như đây cả hai nước
Phải nên tu cúng dường.

Khi Trưởng lão A-nan nhập Niết-bàn, thì cả sáu đại địa đều chấn động. Lúc này ở núi Tuyết sơn có vị tiên nhân ngũ thông đã đầy đủ cùng năm trăm vị đệ tử, ở trên núi suy nghĩ không biết vì sao núi bị chấn động. Liền biết được A-nan muốn nhập Niết-bàn. Tiên nhân cùng năm trăm đệ tử đến chỗ ngài A-nan, làm lễ chấp tay thưa rằng:

- Tôi muốn được Trưởng lão cho nghe pháp Phật và được xuất gia thọ cụ túc giới tu hành phạm hạnh.

Trưởng lão A-nan khởi nghĩ:

- Tất cả đệ tử của ta nên đến đây.

Lúc đó tất cả năm trăm vị đệ tử La-hán đồng tụ tập. Trưởng lão A-nan dùng thần lực làm chuyển động cả đại địa. Nhẫn đến tiên nhân và năm trăm đệ tử đều được xuất gia thọ cụ túc giới. Bạch một lần yết ma thì tiên nhân cùng năm trăm đệ tử đều chứng quả Tu-đà-hoàn. Bạch nhị Yết-ma thì chứng Tư-đà-hàm. Bạch tam Yết-ma thì đắc A-na-hàm.

Bạch tứ Yết-ma, thì trừ tất cả phiền não đắc quả A-la-hán. Tiên nhân và đệ tử xuất gia ở giữa dòng sông Hằng cho nên có tên là Mạt Điền Địa.

Khi đó Mạt Điền Địa làm lễ dưới chân A-nan và nói:

- Đệ tử cuối cùng của Đức Như Lai là Tu-bạt-đà khi xuất gia liền nhập Niết-bàn trước Đức Phật. Nay tôi cũng không vui thấy Tôn giả Niết-bàn. Hòa thượng cũng nên cho tôi nhập Niết-bàn trước.

Trưởng lão A-nan nói với Mạt Điền Địa:

- Đức Thế Tôn phó chúc cho ngài Ca-diếp rồi mới nhập Niết-bàn. Ngài Ca-diếp phó chúc cho ta rồi mới nhập Niết-bàn. Ta hôm nay cũng muốn nhập Niết-bàn. Pháp tạng này ông cũng nên thọ trì Phật đã thọ ký ở nước Kế tân có một ngôi chùa tu thiền đệ nhất sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn một trăm năm có Tỳ-kheo tên Mạt Điền Địa, là người thọ trì pháp tạng vào nơi nước Kế tân. Cho nên ông nay phải đem pháp tạng vào nước kia.

Mạt Điền Địa đáp:

- Vâng.

A-nan phó chúc pháp tạng cho Mạt Điền Địa xong, liền hiện thần lực vô cùng, ở trên không trung hiện đủ bốn oai nghi, nhập vào hỏa Tam-muội. Nhập Tam-muội xong, từ nơi thân hiện ra đủ các sắc màu trắng xanh vàng đỏ, hoặc trên thân ra nước, dưới thân ra lửa. Thân A-nan lúc này rất là đoan chánh, thí như ở trên danh sơn chảy ra các dòng nước trong sạch và các loài hoa.

A-nan lại tư duy: Muốn phân thân này nửa cho vua A-xà-thế, nửa cho dân Tỳ-xá-ly. Bèn dùng thần lực cho toại nguyện của chư Đàn Việt. Dùng trí tuệ Kim cang phá thân trên núi, nửa cho nước Tỳ-xá-ly, nửa cho A-xà-thế. Khi A-nan nhập Niết-bàn, vua A-xà-thế cùng chư thiên cúng dường nửa thân của Tôn giả. Người Tỳ-xá-ly cũng cúng dường nửa thân. Xây thành hai tháp, một tại thành Tỳ-xá-ly và một tại thành Vương xá.

NHÂN DUYÊN VỀ MẠT ĐIỀN ĐỊA

Khi Trưởng lão A-nan đã nhập Niết-bàn.

Mạt Điền Địa suy nghĩ: Hòa thượng dạy ta nên đem pháp tạng vào nước Kế tân.

Sau đó Mạt Điền Địa đi đến nước Kế Tân, ngồi trên giường bằng dây lại suy tư: Nước Kế tân này đã có Long vương thống lãnh, nếu không hàng phục thì không cùng ta ở cùng. Rồi ngài nhập vào Tam-muội, dùng lực Tam-muội, khiến cho nước Kế tân sáu cõi đều chấn động, đến nổi Long vương không an ổn liền đến chỗ Mạt Điền Địa. Mạt Điền Địa nhập vào từ bi Tam-muội, Long vương làm gió nổi lên thổi tung một góc Ca sa. Rồi lại làm sấm chớp mưa bão, Tôn giả dùng thần lực làm cho mưa bão trở thành hoa Ưu-bát-la, hoa Cưu-ni-đầu, Phân-đà-lợi.v.v... tất cả đều rơi rụng xuống đất. Long vương lại biến hóa các loại khí cụ muốn làm hại Mạt Điền Địa. Tôn giả lại dùng thần lực làm cho các khí cụ này trở thành hoa trời. Lại hóa núi lớn đè Mạt Điền Địa. Tôn giả lại biến núi trở thành hoa trời. Rồi bay lên hư không nói lời kệ rằng:

Gió lớn thổi động
Không bay góc y
Mưa bảo khí cụ
Biến thành hoa trời
Thí như Tuyết sơn
Mặt trời tỏa sáng
Thảy đều chảy ra
Không có khiển trừ
Nhập từ bi muội
Lửa không thể đốt
Khí cụ độc hại
Không đến được thân.

Long vương thấy vậy thì kinh sợ, liền đến chỗ Mạt Điền Địa nói:

- Thánh nhân muốn dạy tôi điều gì?

Mạt Điền Địa nói:

Chỗ này Đức Phật đã thọ ký là chỗ tu thiền đệ nhất, tên là nước Kế tân.

Long vương nói:

- Đức Phật có thọ ký sao?

Đáp:

- Đúng thế!

Long vương nói:

- Ngài muốn lớn nhỏ bao nhiêu?

Mạt Điền Địa nói:

- Muốn bằng chỗ ngồi.

Long vương:

- Như vậy thì tôi cho.

Mạt Điền Địa dùng thần lực phân thân ngồi khắp cả mặt đất như Cửu-đồ-lô-na che khắp cả mặt đất.

Long vương nói:

- Có bao nhiêu người theo ngài.

Đáp: Có năm trăm vị La-hán.

Nói:

- Nếu thiếu một người thì không cho đến đất này.

Mạt Điền Địa liền dùng thần lực để xem đủ số năm trăm vị không? Thì biết là đủ số, mới đáp Long vương:

- Được.

Trưởng lão lại nói: Nếu có tăng chúng thì cần phải có đàn việt. Ta muốn đem bạch y vào nước này.

Long vương nói: Được.

Thế là Tôn giả Mạt Điền Địa đem chúng bạch y vào nước Kế Tân lập ra thành ấp tu lạc. Chư bạch y liền nói với Mạt Điền Địa:

- Ta nay làm sao để tự sống.

Mạt Điền Địa liền dùng thần lực đưa hàng bạch y vào trong núi Hương túy, đào lấy tước Kim hương đem về nước Kế tân. Long vương ở núi này nổi giận. Mạt Điền Địa liền dùng giáo hàng phục, chư Long vương hỏi Mạt Điền Địa.

- Pháp tạng Như Lai trụ được bao lâu?

Đáp: Một ngàn năm.

Chư Long vương lại nói:

- Người đến nước kia để truyền pháp tạng.

Đáp: Đúng vậy!

Mạt Điền Địa đem Tước kim hương về nước Kế tân, rồi theo lời dạy của Đức Thế Tôn. Từ đó về sau, Ngài rộng truyền bá pháp tạng, hiện ra các thứ thần lực cùng chư đàn việt, cùng học Phật pháp khiến cho mọi người được giác ngộ. Về sau nhập Niết-bàn. Như nước diệt lửa, chúng dùng các loài ngưu đầu chiên đàn đem trà tỳ. Rồi thu xá-lợi xây tháp cúng dường.

NHÂN DUYÊN VỀ XÁ-NA-BÀ-TƯ.

Khi Trưởng lão A-nan nhập Niết-bàn. Xá-na-bà-tư đến nước Ma-thâu-la, giữa đường gặp một ngôi chùa tên Bần-đà-bà-na liền vào tá túc qua đêm. Trong chùa có hai vị Trưởng lão Tỳ-kheo, đang bàn luận nói kệ:

Không phạm giới vi tế
Nghe các việc rõ ràng
Ngài Xá-na đã nói
Là Tỳ-kheo chơn pháp.

Xá-na-bà-tư nói với hai vị Tỳ-kheo, ông nói lời này chẳng phải lời của ta nói. Chỗ ta nói là chánh pháp hòa hợp. Vào đời quá khứ ở nước Ba-la-nại có vị thương chủ cùng năm trăm vị khách buôn muốn đi vào biển, giữa đường gặp Bích-chi-phật đang bị bệnh. Thương chủ và khách buôn lưu lại đem thuốc men chăm sóc trị liệu, khiến cho Bích-chi-phật dần dần hết bệnh. Bấy giờ thương chủ lấy y Xá-na, vốn là loại y xấu, đem nhuộm lại để che thân mình. Khi vị Bích-chi-phật tắm thì đem y cúng dường. Bạch rằng:

- Bạch Đức Thế Tôn! đây là y thô xấu Đức Thế Tôn đã tắm rửa sạch sẽ nguyện xin nạp thọ y này.

Vị Bích-chi-phật đáp:

- Này thiện nam! Ta thọ nhận, để cho ông xuất gia, đem y này che thân mà đắc Thánh đạo. Nay đắp y này cho đến khi nhập Niết-bàn.

Thương chủ thưa:

- Xin ngài chớ nhập Niết-bàn. Để tôi đi ra biển trở về sẽ đem vật dụng y phục ngọa cụ thuốc men đến cúng dường Đức Thế Tôn, xin chớ nhập Niết-bàn, tôi nay vào biển không thể ở lại.

Bích-chi-phật nói:

- Ta không thể không nhập Niết-bàn. Ông đã làm các công đức lớn không thể không hoan hỷ.

Vị Bích-chi-phật liền biến hóa làm mười tám biến thân hiện thần lực rồi nhập Niết-bàn.

Vị thương chủ cúng dường thân cho Phật xong thì liền phát nguyện, xin đem công đức này, đời sau tôi được thiện căn như thế.

Vị thương chủ ấy chính là ta bây giờ, cho nên nay ta gặp được thắng sư và được đắc đạo. Ta thường mặc y Xá-na-bà-tư, ở nơi pháp tạng của Đức Thế Tôn xuất gia, cũng đắp y này mà được đắc đạo và đắp y cho đến khi nhập Niết-bàn. Vì ta thường đắp y này, lúc ở chỗ

bạch y cũng đắp y này cho nên có tên là Xá-na-bà-tư. Khi ta bạch Tứ yết ma thọ cụ túc xong lại cũng đắp y này, cho đến chưa nhập Niết-bàn cũng thường đắp y này.

Sau đó Tôn giả đến nước Ma-thâu-la đi đến núi Ưu-lâu-mạn-đà ngồi trên giường dây. Ở núi này có hai anh em Long vương, cùng vô số Long vương tùy tùng.

Tôn giả nghĩ:

- Nếu không hàng phục thì sẽ không giáo hóa được.

Liền dùng thần lực làm cho núi chuyển động, Nhị Long vương giận bèn đến chỗ Tôn giả, khởi lên mưa bão và xuất ra lửa cháy. Tôn giả liền nhập từ bi Tam-muội khiến cho gió và lửa không đến được nơi thân, biến các thứ đều trở thành hoa trời, rơi xuống. Long vương lại hóa mưa đá, khí cụ và núi để đè Tôn giả. Tôn giả cũng biến núi thành hoa trời, rồi bay lên hư không nói kệ:

Gió lớn mưa to
Không thể làm hại
Sấm chớp khí trương
Biến thành hoa tươi
Thí như núi tuyết
Mặt trời tỏa ra
Thảy đều tan chảy
Không có khiển trừ
Nhập từ Tam-muội
Lửa cháy không đốt
Khí cụ độc hại
Không thể đến gần.

Nhị Long vương tìm đến chỗ Tôn giả nói:

- Thánh nhân muốn dạy tôi điều gì?

Tôn giả nói:

- Ta muốn tại núi này, xây dựng chùa, ông nên tùy thuận.

Long vương nói:

- Không thể được.

Tôn giả nói:

- Đức Phật đã thọ ký, sau khi ta nhập Niết-bàn một trăm năm, có núi lớn Đề hồ thanh tịnh tối diệu để xây chùa, tên gọi là Na-sĩ Bà-sĩ.

Long vương lại nói:

- Nếu Đức Phật đã thọ ký thì tôi ưng thuận.

Tôn giả liền tư duy quán xét, xem đàn việt tạo chùa đã ra đời

chưa? Biết là đã ra đời. Hôm sau Xá-na-bà-tư dậy đắp y trì bát đi vào nước Thâu-la khất thực, đi lần đến nhà của vị Đàn-việt nói:

- Thiện nam tử! Ông nên cúng cho tôi tiền, tôi muốn tạo chùa trên núi Đề hồ.

Hai anh em Na-sĩ Bà-sĩ đều nói:

- Tôi không thể cho được.

Tôn giả nói:

- Đức Phật đã thọ ký cho hai người làm đàn việt xây chùa trên núi này.

Hai người bảo:

- Nếu Đức Phật đã thọ ký thì chúng tôi xin y lời.

Hai vị cúng thí cho Tôn giả xây chùa và trang sức các vật dụng đầy đủ, cho nên gọi chùa là Na-sĩ Bà-sĩ.

■

KINH A-DỤC VƯƠNG

QUYỂN 8

NHÂN DUYÊN TRUYỀN THỌ PHÁP TẠNG VỀ NGŨ ĐỆ TỬ CỦA PHẬT

NHÂN DUYÊN ƯU-BA-CẤP-ĐA

Khi Tôn giả Xá-na-bà-tư đến núi Đề hồ khởi xây chùa xong rồi, liền suy nghĩ xem thương chủ bán hương tên Cấp-đa đã ra đời chưa. Quán thấy vị này đã ra đời. Về sau có con là Ưu-ba-cấp-đa. Đức Thế Tôn đã thọ ký cho vị này có tướng không bằng Đức Phật nhưng sẽ làm Phật sự sau khi Đức Như Lai diệt độ một trăm năm. Đứa bé này vẫn chưa sinh Xá-na-bà-tư dùng phương tiện giáo hóa vị thương chủ để cho tinh tấn. Một hôm Tôn giả đem nhiều đệ tử đi đến nhà của thương chủ, ngày khác chỉ dẫn tới một đệ tử, ngày khác lại đi có một mình, Cấp-đa đang làm Phật sự thấy Xá-na-bà-tư đi một mình liền hỏi:

- Thánh nhân vì sao lại không đem đệ tử cùng đi?

Trưởng lão đáp:

- Tôi là lão nhân, đâu có đệ tử theo mình. Nếu có người thích tinh tấn xuất gia thi có người theo.

Cấp-đa thưa:

- Tôi vẫn còn thích thọ ngũ dục lạc, không thể xuất gia. Nếu tôi có con sẽ cho theo Trưởng lão.

Trưởng lão nói:

- Đúng vậy! Đúng vậy! Nên nhớ nguyện này chớ có quên mất.

Sau đó Cấp-đa sinh con tên là Bà-cấp-đa, đến khi lớn lên. Xá-na-bà-tư đến nói:

- Ông trước có nguyện, nếu sinh con sẽ cho tôi làm đệ tử, nay con đã sinh, đứa bé này có công đức ông nên cho theo tôi xuất gia.

Cấp-đa nói:

- Tôi nay duy chỉ có một đứa con. Nếu có đứa nữa xin cho ngài.

Xá-na-bà-tư quán xem đứa bé này phải Ưu-ba-cấp-đa không? Thấy đó không phải nên nói:

- Cũng được.

Rồi đến khi đứa bé thứ hai sinh ra đặt tên Đà-na-cấp-đa. Đến khi lớn lên, Trưởng lão tới nói:

- Ông trước có nguyện có đứa thứ hai sẽ cho theo tôi, nay đã có, vậy nên cho theo tôi xuất gia.

Cấp-đa nói: Trưởng lão chớ giận, tôi có hai đứa cùng lo gia nghiệp. Một đứa đi tìm, một đứa giữ gìn. Nếu có đứa thứ ba tôi sẽ cho theo Trưởng lão.

Xá-na-bà-tư lại tư duy xem đứa bé này phải Ưu-ba-cấp-đa không? Thấy là không phải, thì nói với Cấp-đa: Cũng được.

Rồi đứa con thứ ba sinh ra, hình dung đoan chánh rất là đáng yêu. Vì sắc vóc hơn cả trời người, cho nên đặt tên là Ưu-ba-cấp-đa. khi người con này lớn lên, thì người cha lưu lại cho làm các công việc pháp thu hoạch rất nhiều lợi ích. Tôn giả lại tìm đến nhà nói:

- Thiện nam tử! Ông có hứa cho tôi đứa con thứ ba. Nay nó đã lớn nên cho theo tôi xuất gia.

Cấp-đa đáp: Tôi đã có thể khiến cho nó làm việc buôn bán, nếu có lợi nhiều thì không cho xuất gia. Nếu không có được lợi, thì mới cho xuất gia.

Bấy giờ Ma vương làm cho dân chúng đến mua vật đó nên đạt lợi lớn. Đến khi Xá-na-bà-tư đến chỗ Ưu-ba-cấp-đa, lúc này đang bán hương. Trưởng lão nói:

- Ông tâm tâm pháp đã sinh, vậy thế nào là thiện, thế nào là ác.

Ưu-ba-cấp-đa đáp:

- Tôi nay không biết tâm tâm pháp, vậy vì sao là thiện, thế nào là ác?

Trưởng lão nói:

- Nếu tâm tâm pháp đó mà cùng tham sân si tương ứng thì đó là thiện.

Lần khác Trưởng lão đến chỗ của Ưu-ba-cấp-đa nói:

- Thiện nam tử! Ông vì sao tâm tâm pháp đã sinh vậy sao là thiện, sao là ác?

Đáp:

- Tôi nay không biết tâm tâm pháp. Vì sao là thiện, thế nào là ác?

Trưởng lão: Ông nay muốn biết tâm tâm pháp là thiện hay ác, nếu

có thể thọ đạo trừ tâm pháp ác, thì nên làm theo ta.

Trưởng lão liền đem các viên đất đen, trắng ra và nói:

- Nếu tâm ông nghĩ điều xấu thì bỏ hòn đen này vào. Nếu tâm ông nghĩ điều tốt thì bỏ viên trắng vào. Nên quán pháp bất tịnh, như lời Đức Phật dạy mà quán tưởng tư duy.

Khi đó Ưu-ba-cấp-đa còn nhiều tham muốn, khéo tạo tâm pháp nên giữ hòn đen nhiều, cho đến không có viên trắng nào. Lại còn tư duy, còn lại hai phần đen, một phần trắng. Lại còn tư duy, còn lại một phần đen, một phần trắng. Lại tư duy thêm nữa thì còn hai phần trắng, một phần đen. Lại càng nỗ lực tư duy cho đến chỉ còn thuần là trắng. Lúc này ở nước Ma-thâu-la có một dâm nữ tên Bà-sa-bạt-đa, sai người nô tỳ đến chỗ Ưu-ba-cấp-đa mua hương. Mua được nhiều hương đem về người chủ mới hỏi:

- Người ở đâu lại mua được nhiều hương vậy? Không phải trộm từ cửa tiệm về đây chứ?

Nô tỳ đáp:

- Có một chủ tiệm tên Ưu-ba-cấp-đa, hình sắc đoan chánh nói lời vi diệu, đã bán hương này. Người chủ nghe nói thì đối với Ưu-ba-cấp-đa dâm tâm liền khởi lên. Lại sai nô tỳ đến chỗ Ưu-ba-cấp-đa.

- Ngươi đến đó nói là ta muốn cùng người hưởng vui dục lạc.

Người tỳ nữ đến nói lại thì Ưu-ba-cấp-đa nói:

- Bấy giờ chưa phải lúc gặp.

Nô tỳ về thưa thì dâm nữ nói:

- Người kia có thể không có năm trăm tiền cho ta, nên không đến.

Lại khiến nô tỳ đến nói:

- Ta không cần tiền, chỉ cần người đến vui chơi. Người nô tỳ lại chỗ Ưu-ba-cấp-đa nói lại như vậy. Ưu-ba-cấp-đa vẫn nói:

- Chưa đến lúc gặp mặt.

Khi đó có một thương chủ từ nam Thiên trúc đến, đem theo năm trăm con ngựa và các loại vật dụng đến nước Ma-thâu-la. Đến nơi liền hỏi mọi người:

- Ở đây có nữa nhân đoan chánh bậc nhất không?

Có người nói:

- Có dâm nữ tuyệt thế tên là Bà-sa Bà-đạt-đa.

Thương chủ nói:

- Ta đem năm trăm đồng tiền cùng các báu vật đến chỗ đó. Lúc này dâm nữ vì tham các vật này nên giết con của trưởng giả đem chôn ở

chỗ bất tịnh, rồi cùng thương chủ vui chơi. Sau đó, thân thích bè bạn của trưởng giả tìm được hài cốt ở chỗ bất tịnh, mới tâu lên vua. Vua sai bắt Bà-sa Bà-đạt-đa chặt hết tay chân, cắt tai, mũi rồi đem bỏ ngoài đồng trống. Khi đó Ưu-ba biết được việc này liền nghĩ:

- Ta vốn không thích gặp người này để vui năm dục. Nay muốn đến đó để xem tay chân tai mũi của người này, lại nói kệ:

Xưa dùng y tối thắng
Như thế đủ các loại
Trang nghiêm cho thân này
Nếu người muốn giải thoát
Chán xa dục thế gian
Khi thời không thể thấy
Bảo sức trang nghiêm thân
Nay đúng thời nên xem
Không kiêu, không hoan hỷ
Sắc kia hoàn thân tướng
Thấy rồi sinh xa lìa.

Bấy giờ Ưu-ba-cấp-đa cùng một tiểu nhi đi ra đồng trống. Người nữ tỳ vì nhớ ơn chủ cũ nên ra ngồi một bên, đuổi chim quạ không cho đến mổ. Lúc này nô tỳ nói:

- Trước cô đã vài lần sai tôi đi mời Ưu-ba-cấp-đa, nay người đó đã đến muốn gặp, vậy có gặp không?

- Ta trước xinh đẹp, giờ bị hủy hoại thật là đại khổ. Nay toàn thân máu huyết dầm dề, làm sao có thể gặp mà khởi dục tâm. Rồi bảo tỳ nữ:

- Chân tay tai mũi của ta, nên che lại đừng để cho thấy.

Khi nô tỳ lấy y che lại, thì Ưu-ba-cấp-đa đã đến đứng bên Bà-sa Ba-đạt-đa quán xét, cô kia thấy Ưu-ba-cấp-đa liền nói:

–Thánh thiện đến, tôi lúc trước hình dung yêu kiều, sai người mời mà không chịu đến, nay thân thể tôi, như vậy vì sao người lại tìm đến.

Lại nói kệ:

Thân này trước kia
Dụ như hoa sen
Y báo thượng diệu
Để cùng trang nghiêm
Mà không công đức
Không gặp được người.

- Thân tôi như thế này vì sao người lại đến?

Ưu-ba-cấp-đa nói:

- Tôi chẳng phải vì lòng tham dục mà đến đây. Vì muốn quán tưởng tham dục và quán tưởng bất tịnh cho nên đến, liền nói kệ:

Dùng các bảo y
Và các hương hoa
Trang sức thân này
Thấy tâm kia loạn
Tất cả chúng sinh
Tham dục mà đến
Người không có vật
Thì không được thấy
Nay thân người đây
Phân tán các nơi
Tất cả mọi người
Không ai thăm viếng
Sắc hoàn bổn tướng
Lìa hết trang sức
Nhơ uế như vầy
Tử sinh cùng đến
Thân này đau đớn
Máu nhuộm thắm tươi
Da bọc phủ ngoài
Đống thịt nhầy nhụa
Ngàn thứ buộc ràng
Nơi nơi che lấp
Thân đã như thế
Lấy gì để yêu
Lại nói chị em
Sắc vóc bên ngoài
Thế gian đều thấy
Khởi lòng tham luyến
Nào thấy bên trong
Tức liền giải thoát
Quý tiện tôn ty
Đều cùng thây uế
Người ngu nhìn thấy
Cho là đáng yêu
Người trí nhận ra

Đó là bất tịnh
Thân này nhơ uế
Đủ mọi nhớp nhơ
Lấy muốn thứ hương
Để mà trang sức
Thân này nhàm chán
Máu mủ tanh hôi
Các loại y phục
Để mà trang điểm
Thân bất tịnh này
Dùng nước tẩy tịnh
Tôi đồ ngu si
Đắm trước vì yêu
Nếu có người nghe
Phật nói thiện pháp
Tùy ý thọ trì
Xa lìa năm dục
Tâm vui giải thoát
Vào rừng tịch tịnh
Nương đạo nhiệm mầu
Đến bờ bỉ ngạn.

Bà-sa Bà-đạt-đa nghe lời này thì càng sợ việc sinh tử. Nghe được công đức chư Phật, thì ý vui tưởng đến cảnh Niết-bàn. Liền nói kệ đáp Ưu-ba-cấp-đa:

Đúng thế, đúng thế
Như lời người nói
Người thật có trí
Lại rất Từ bi
Nay xin nói nữa
Diệu pháp Như Lai.

Thế là Ưu-ba-cấp-đa, lần lượt thuyết pháp Tứ đế của Ưu-ba-cấp-đa quán thân kia, quán xong thì nhàm chán cảnh dục giới này, vì tự thuyết pháp thông đạt tứ đế nên đắc quả A-na-hàm.

Bà-sa Bà-đạt-đa đắc quả Tu-đà-hoàn, liền nói với Cấp-đa rằng:

- Lành thay! Lành thay! Ma-ha Tát-đỏa. Thần lực của ông đã che hết ba ác đạo đại khổ não ở chốn này, đã mở ra con đường Niết-bàn Thiên đạo. Tôi nay quy y Pháp Tăng và Như Lai Chánh Đẳng Chánh Giác.

Lại nói kệ rằng:

Tôi nay quy y Phật
Lưỡng túc đệ nhất tôn
Mắt Phật như sen xanh
Trời người đều tôn quý
Thanh tịnh lìa pháp dục
Vô thượng ứng chân tăng.

Ưu-ba-cấp-đa khi nói pháp xong thì vui vẻ trở về bổn xứ. Đi chưa bao lâu, thì Bà-sa Ba-đạt-đa liền mạng chung sinh lên cõi trời. Chư Thiên nói với dân chúng nước Ma-thâu-la là cô kia đã sinh thiên. Mọi người liền kéo đến hỏa thiêu cúng dường thân xác.

Lúc này Trưởng lão Xá-na-bà-tư đến nhà Cấp-đa nói:

- Ông nên cho Ưu-ba-cấp-đa theo tôi xuất gia.

Cấp-đa đáp:

- Tôi trước đã nói. Nếu việc của Ưu-ba-cấp-đa bất lợi thì mới cho xuất gia.

Trưởng lão Bà-xá-tư-na dùng thần lực khiến cho việc trị sinh của Ưu-ba-cấp-đa không thuận tiện, Ưu-ba-cấp-đa suy nghĩ:

- Nay việc buôn bán tính toán lại không thuận lợi sắc bén.

Xá-na-bà-tư lại đến chỗ Cấp-đa nói:

- Đức Phật đã thọ ký cho con ông, sau khi Đức Phật nhập diệt trăm năm, sẽ hoằng truyền Phật pháp, ông nên cho theo tôi để xuất gia.

Cấp-đa bèn cho đi. Trưởng lão Xá-na-bà-tư đem Ưu-ba-cấp-đa về chùa Na-sĩ Bà-sĩ cho xuất gia và thọ giới Cụ túc. Đến lúc Bạch tứ Yết-ma trừ hết mọi kiết phược đắc quả A-la-hán. Xá-na-bà-tư nói với Ưu-ba-cấp-đa rằng:

- Thiện nam tử! Đức Phật đã thọ ký, sau khi Đức Phật Niết-bàn một trăm năm, có Tỳ-kheo tên là Ưu-ba-cấp-đa vô tướng Phật mà làm Phật sự. Lại nói ông là Phật tử giáo hóa đệ nhất. Thiện nam tử! Ông nên hoằng truyền Phật sự làm lợi ích chúng sinh.

Ưu-ba-cấp-đa đáp:

- Xin vâng lời Hòa thượng, Bà-xá-tư-na bèn bảo ông thuyết pháp, nhân dân trong nước Ma-thâu-la nghe có vị Tỳ-kheo tên Ưu-ba-cấp-đa đang thuyết pháp. Vô lượng người đều muốn đến nghe, Trưởng lão Ưu-ba-cấp-đa nhập Tam-muội suy tư, thấy chỗ Đức Phật thuyết pháp có bốn chúng vây quanh như hình nửa mặt trăng.

Lại suy nghĩ:

- Thế Tôn thuyết pháp từng chỗ, như thế lần lượt thấy khắp các

nơi cho đến khi Ngài nhập Niết-bàn. Ưu-ba-cấp-đa cũng thuyết pháp như thế. Lúc này Ma vương ở trong chúng làm mưa bảo châu để não loạn tâm người, vì vậy mà không thấu hiểu Tứ đế. Ưu-ba-cấp-đa thấy tâm mọi người não loạn liền suy nghĩ xem ai làm việc này liền biết là do Ma vương làm. Ngày thứ hai lại có gấp bội người đến nghe. Ưu-ba-cấp-đa cũng lần lượt nói pháp Tứ đế. Ma vương lại làm mưa vàng để não loạn tâm chúng, cũng không có một người đắc đạo, Ưu-ba-cấp-đa thấy lại tâm chúng não loạn quán thấy lại do ma làm. Đến ngày thứ ba lại có gấp đôi người đến, Ưu-ba-cấp-đa lại thuyết pháp, lúc này ma làm mưa châu báu và mưa báu và mưa kỹ nhạc. Vì tâm mọi người chưa lìa dục, thấy sắc nghe tiếng tâm liền loạn động, không chịu nghe pháp. Ma vương lại biến các loại buộc vào đảnh của Ưu-ba-cấp-đa. Ưu-ba-cấp-đa tư duy xem ai làm việc này, biết đó là do Ma vương làm. Tôn giả nghĩ Ma vương này vào thời Đức Thế Tôn thường làm não loạn, cớ sao Đức Như Lai lại không giáo hóa. Lúc bấy giờ, Tôn giả quán xét, biết Đức Phật đã thọ ký mình làm vô tướng Phật để giáo hóa nhiếp thọ chúng sinh. Bèn quán sát xem nay có thể giáo hóa được không? Lại thấy đã đến lúc giáo hóa Ma vương được. Tôn giả liến biến ra ba thấy chết. Một là thây rắn, hai là thây chó, ba là thây người. Dùng thần lực biến ba thây chết này làm tràng hoa đưa đến chỗ Ma vương. Ma thấy Ưu-ba-cấp-đa đến thì hoan hỷ cho là đã chịu thần phục mình, liền muốn thọ nhập tràng hoa đó. Ưu-ba-cấp-đa tự tay buộc vào, thây rắn thì buộc trên đảnh, thây người và thây chó thì buộc ở ngay cổ. Ưu-ba-cấp-đa nói với Ma vương. Ngươi trước đã làm điều phi pháp, dùng hoa để làm nhục ta. Hôm nay ta trả lại thây chết buộc vào cổ ngươi. Ngươi nay đã cùng Phật tử hòa hợp, nếu có thần lực có thể hiện thân ta. Thí như gió lớn có thể làm cho nước biển dậy sóng, mà không thể nhấc nổi núi Ma La Da.

Lúc này Ma vương muốn cởi các thây chết, dùng hết sức mình mà vẫn không thể thoát ra. Cũng như con dế làm sao dời được núi. Ma vương giận dữ bay lên hư không, mà nói kệ rằng:

Nếu ta không thể cởi
Các thây chết này ra
Chư Thiên thì có thể
Dùng lực để giúp ta.
Ưu-ba-cấp-đa cũng nói kệ:
Ngươi đến trời Phạm thiên
Và nhật nguyệt Đế Thích
Vào lửa và biển lớn

Cũng không thể nào cỡi
Ta dùng thây chết này
Buộc vào nơi cổ ngươi
Ngươi dù dùng thần lực
Cũng không thể thoát ra.

Lúc này Ma vương đi đến trời Ma-ế-thủ-la và trời Đao lợi, trời Tứ thiên vương, nhờ cỡi thây chết ra mà không được, lại bay đến chỗ Đại Phạm thiên.

Đại Phạm thiên nói:

- Thiện nam tử! Đây là thần lực của đệ tử Đức Phật làm, không ai có thể cởi được, như biển lớn, bờ nước không thể phá, liền nói kệ:

Như tơ hoa sen
Buộc vào núi tuyết
Núi không cử động
Việc này rất khó
Dùng lực thần thông
Thây chết buộc thân
Ta nay không thể
Cho người thoát ra
Tất cả chư Thiên
Dùng lực hợp lại
Cũng không bằng Phật
Lực của đệ tử
Thí như ánh sáng
Không thể bằng lửa
Ánh sáng lửa này
Đâu bằng Nhật quang.

Ma vương nói:

- Ngài dạy tôi phải làm sao đây? Tôi phải nhờ ai?

Đại Phạm nói:

- Ông nên trở về quy y với Ưu-ba-cấp-đa. như người bị té xuống đất phải tự nơi đó đứng lên, ông nay vì do thần lực vị ấy mà bị đọa, thì cũng do người ấy cỡi ra. Lúc này Ma vương biết thần lực của đệ tử Đức Phật là không thể nghĩ bàn, liền tư duy mà nói kệ rằng:

Như Phạm vương quy y
Pháp tạng đệ tử Phật
Ai có thể so lường
Thần lực của Như Lai

Có thể hàng phục ta
Nhưng vì lòng Từ bi
Cho nên không hàng phục.

Tôi nay biết Phật lực không thể nói bàn, lại nói kệ:

Nay ta đã biết
Thế Tôn từ bi
Tâm lìa phiền não
Thí như núi vàng
Vì ta vô minh
Nơi nơi phá Phật
Chỗ chỗ làm ác
Mà không hàng phục.

Bấy giờ Ma vương chủ của cõi dục giới, biết không thể chạy thoát được, nên suy nghĩ, phải xả bỏ tâm kiêu mạn đến chỗ Ưu-ba-cấp-đa, lễ dưới chân Tôn giả nói:

- Trưởng lão tôi từ lúc Đức Phật đắc đạo nơi cây Bồ-đề cho đến hôm nay, ở chỗ Đức Thế Tôn thường làm các việc ác không thể kể hết. Lại ở nước Sa-la, trong nhà của Bà-la-môn, Đức Phật đi đến chỗ đó khiến cho không được ăn, đều là do tôi làm. Những việc tôi làm Đức Phật đều không giận tôi. Hoặc tôi hóa ra các loài rồng, rắn, quỷ ác và các thứ độc hại, Đức Phật cũng không giận tôi. Trưởng lão ngày nay không có từ bi, làm cho khắp cả nhân thiên A-tu-la trông thấy đều chê cười, làm cho tôi xấu hổ.

Ưu-ba-cấp-đa nói:

- Vì ngươi không có trí nên không thể biết được, lòng từ bi công đức của Đức Như Lai so với chư Tỳ-kheo, thí như cây cải so với núi Tu-di. Cũng chẳng khác gì lửa của đom đóm so với ánh sáng mặt trời. Như một bụm nước hòa vào biển lớn. Cũng vậy, lòng từ bi của Sa môn không bằng thập lực tư bi của Đức Phật. Vì nhân duyên đó, khi ông gây tội Đức Phật đều nhận thọ.

Ma vương nói:

- Đức Phật đã đoạn tất cả hoặc, trừ hết nghi, có đại nhẫn nhục. Tôi vì tâm loạn ác cho nên làm não hại Đức Phật. Đức Thế Tôn đều dùng lòng từ bi che chở cho tôi, vì sao Đức Phật không hàng phục tôi, Trưởng lão nên nói cho tôi.

Ưu-ba-cấp-đa đáp:

- Thiện nam tử! Ngươi nên lắng nghe, ông đối với Đức Phật làm các điều bất thiện. Đối với Đức Như Lai ngươi vẫn tỏ lòng kính tâm nên

không thể trừ diệt. Cho nên Đức Phật nhìn thấy được mà không hàng phục ngươi, lại nói kệ:

Tâm ngươi ít kính trọng
Như Lai thì phát khởi
Từ ít tăng trưởng lên
Nên đắc quả Niết-bàn
Người tạo ra các tội
Nay ta chỉ lược nói
Nên lấy nước tuệ niệm
Tẩy trừ phiền não cấu.

Lúc này Ma vương nghĩ đến Đức Phật, toàn thân lông đều dựng đứng như hoa Ca-đàm-bà, lại nói kệ:

Ta làm nhiều điều
Khổ não Thế Tôn
Mà Phật không giận
Ta nguyện tương ứng
Như con tạo tội
Cha không trách mắng.

Lúc này Ma vương nhiều lần suy nghĩ đến ân của Đức Phật. Vì nghĩ đến Đức Phật nên kính lễ trưởng lão và nói kệ:

Trưởng lão hôm nay
Đã nhiếp thọ tôi
Khiến cho tâm tôi
Cung kính Thế Tôn
Nay xin lấy hết
Thây chết buộc ràng
Ở trên cổ tôi
Duy nguyện đại đức
Đem lòng từ lực
Cỡi trói cho tôi.

Trưởng lão Ưu-ba-cấp-đa nói:

- Nếu chịu giao ước thí ta mới cỡi trói.

Ma vương nói:

- Giao ước thế nào?

Ưu-ba-cấp-đa nói:

- Ông từ nay trở đi chớ làm não loạn chư Tỳ-kheo.

Ma vương nói:

- Đúng vậy! Đúng vậy! Tôi xin y lời. Ngài lại muốn dạy cho tôi

làm gì nữa?

Trưởng lão đáp:

- Pháp tạng của Đức Thế Tôn rộng lưu bố thế nào? Ngươi nên hiện ra.

Ma vương kinh hãi nói:

- Ngài dạy tôi hiện ra sắc thân Phật.

Ưu-ba-cấp-đa đáp:

- Ngươi nên biết rằng Đức Như Lai nhập Niết-bàn một trăm năm ta mới xuất gia. Pháp thân của Đức Như Lai ta đã được thấy, còn sắc thân của Phật ta chưa được thấy, ông nay bị ta nhiếp thọ, vậy hãy hiện ra sắc thân của Đức Phật. Ta hôm nay không có gì vui bằng được thấy sắc thân Đức Phật.

Ma vương nói kệ:

Nên dùng giao ước
Nếu thấy tôi hiện
Thân sắc Như Lai
Không nên đảnh lễ
Tất cả điều này
Do trí cung kính
Trưởng lão lễ tôi
Tôi sẽ tự diệt
Vì tôi không lực
Chịu Thánh nhân lễ
Như mầm hoa lan
Không thể giữ được
Cặp ngà của voi
Cho nên giao ước.

Trưởng giả nói:

- Được, ta không thể lễ ngươi.

Ma vương lại nói:

- Đợi trong giây lát, tôi sẽ vào rừng, cũng như ngày xưa có vị trưởng lão tên là Thủ-la. Tôi lúc đó muốn làm não loạn cho nên hóa ra thân Đức Phật, ánh sáng vàng chói rực như mặt trời, sắc thân như thế thật không thể nghĩ bàn, tôi cũng muốn làm như vậy, khiến cho người thấy đều sinh lòng tin vui.

Trưởng lão nói:

- Được, liền cỡi ba thây chết trên cổ Ma vương, vì muốn thấy sắc thân của Đức Phật, lúc này Ma vương biến vào trong rừng để hóa

ra thân Đức Phật. Hóa thân Đức Phật xong liền từ rừng đi ra. Thí như nữ nhân vào trong màn trướng để trang sức, xong rồi mới bước ra, sắc tướng của Đức Như Lai không có gì có thể thí dụ được, khiến cho người thấy đều vui vẻ, giống như bức hoa có đủ màu sắc.

Bấy giờ Ma vương biến hóa ra thân Đức Phật đã xong, lại tạo ra Xá-lợi-phất đặt ở bên phải. Hóa làm Mục-kiền-liên đặt ở bên trái. Lại hóa A-nan cầm bát theo sau và các vị Ma-ha Ca-diếp, A-nậu-lâu-đà, Tu-bồ-đề v.v...cùng một ngàn hai trăm năm mươi chư Thanh văn, vây quanh hóa Phật như nửa mặt trăng. Hóa hiện xong rồi liền đi đến chỗ Ưu-ba-cấp-đa. Ưu-ba-cấp-đa thấy được sắc thân của Đức Phật thì rất vui mừng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, ngắm nhìn sắc thân Đức Phật không hề dứt đoạn, liến nói kệ rằng:

Vô thường không Từ bi
Phá thân sắc Như Lai
Như Lai vô thường đến
Sắc diệt nhập Niết-bàn.

Ưu-ba-cấp-đa duyên niệm nghĩ đến Đức Phật tâm không xa rời. Ta nay thấy hóa thân này cũng chẳng khác gì thấy chân thân của Đức Phật, rồi nhất tâm chắp tay lược nói kệ khen ngợi:

Mặt sáng như hoa sen
Mắt tợ hoa Ưu-đàm
Sắc hơn các loài hoa
Cũng hơn các chân kim
Đáng yêu hơn mặt trăng
Quang minh hơn mặt trời
Trí sâu hơn biển cả
Bất động hơn Tu du
Bước đi như sư tử
Mắt hơn cả ngựa vương.

Lại vì quá vui mừng Tôn giả lớn tiếng nói kệ:

Đem tâm thanh tịnh nghiệp
Nay đắc diệu quả này
Vì tự nghiệp sơ tạo
Chẳng phải do ai làm
Vô lượng vô số kiếp
Tu tịnh thân khẩu nghiệp
Cụ túc hành lục độ
Trang nghiêm không chướng thân

Người thấy đều hoan hỷ
Oan gia cũng yêu mến
Ta nay thấy Như Lai
Làm sao không hoan hỷ.

Lúc này Tôn giả tư duy nghĩ đến Đức Phật cho nên không biết đó là Ma. Đem thân đảnh lễ dưới chân Ma. Khi đó Ma vương kinh hãi liền nói:

- Trưởng lão đã không giữ lời giao kết.

Trưởng lão đáp:

- Giao kết gì?

Ma vương nói:

- Trước đã hứa với tôi, nếu tôi hóa ra sắc thân Đức Phật thì không được lễ lạy. Vì sao vừa thấy đã lạy vậy?

Trưởng lão từ đất đứng dậy nhỏ nhẹ đáp:

- Ta chẳng phải không biết Như Lai nhập Niết-bàn đã lâu. Nhưng vì thấy sắc thân vi diệu khôn lường, cho nên mới làm lễ, chứ nào phải lễ nhà ngươi.

Ma vương nói:

- Ông đem thân lễ dưới chân tôi. Vì sao lại nói không lễ?

Ưu-ba-cấp-đa nói:

- Ta không lễ ngươi, ngươi không trái hẹn, ngươi nên nghe đây, thí như lấy đất để tạo tượng Đức Phật, nếu ngươi lễ kính, thì cũng nghĩ tưởng lễ Đức Phật chứ không phải lễ đất. Ta nay thấy, tâm tưởng nghĩ đến Đức Phật chứ không tưởng ma.

Lúc này Ma vương trở lại thân cũ, cúng dường Ưu-ba-cấp-đa rồi trở về bản xứ. Qua bốn ngày sau Ma vương liền tự mình đánh chuông, khiến cho mọi người cùng nghe biết nếu muốn sinh thiên hay nhập Niết-bàn, thì nên đến chỗ Tôn giả Ưu-ba-cấp-đa mà thọ chánh pháp. Nếu có người chưa được thấy Đức Phật, nên đến xem Ưu-ba-cấp-đa.

Sau đó Ma vương lại nói kệ:

Nếu người muốn phú quý
Không thích chốn bần cùng
Nếu thích vui thiên thượng
Và vui Đại Niết-bàn
Nên đến nghe pháp thọ
Tư duy mọi nghĩa thú
Nếu người chưa từng thấy
Tối thắng Lưỡng túc tôn

Đại sư có từ bi
Tự nhiên được Thánh pháp
Tất đều đi đến
Chỗ Ưu-ba-cấp-đa
Vị này vì thế gian
Làm ngọn đèn soi sáng.

Khi những lời này đến khắp cõi nước Ma-thâu-la nói là Tôn giả Ưu-ba-cấp-đa đã hàng phục Ma vương rồi. Chư Bà-la-môn ở nước Ma-thâu-la, cùng tất cả nhân dân đều đến chỗ Ưu-ba-cấp-đa. khi đó Ưu-ba-cấp-đa ngồi trên tòa sư tử vì chúng mà thuyết pháp, tâm không có lo sợ ví như sư tử, liền nói kệ:

Nếu người không có trí
Không lên tòa Sư tử
Ví như lên tòa cao
Càng sinh lòng sợ hãi
Như sư tử không sợ
Hàng phục hết ngoại đạo
Nếu có thể như thế
Kham ngồi tòa Sư tử.

Lúc này Ưu-ba-cấp-đa lúc đầu nói pháp xong rồi, lần lượt nói đến cac pháp Tứ đế, có vô số người đắc quả A-na-hàm, quả Tư-đà-hàm, quả Tu-đà-hoàn, nhẫn đến có một vạn người xuất gia tọa thiền duy, tinh tấn tu đạo đến đắc quả A-la-hán, Ở núi Đề hồ lớn có một hang đá, dài mười tám khuỷu tay, rộng mười hai khuỷu, khi hàng đệ tử đã chứng đắc.

Trưởng lão nói:

- Trong hàng đệ tử của ta được giáo hóa chứng quả A-la-hán. Nếu đắc quả A-la-hán rồi thì lấy tấm thẻ tre bốn tấc bỏ vào hang. Nhẫn đến trong một ngày có đến một vạn tám ngàn A-la-hán đều lấy thẻ bỏ vào trong hang.

Danh tiếng của Tôn giả vang khắp cả đại địa. Ở đâu cũng biết là ở nước Thâu-ma-la có Ưu-ba-cấp-đa, là đệ tử Đức Phật giáo hóa bậc nhất.

NHÂN DUYÊN ĐẮC ĐẠO CỦA XÁ-NA-BÀ-TƯ

Lúc này Xá-na-bà-tư xuất gia cho Ưu-ba-cấp-đa xong rồi. Ưu-ba-cấp-đa hàng phục Ma vương cũng xong, rồi nhiếp hóa chúng sinh. Xá-na-bà-tư suy nghĩ, ta nay nhiếp thọ chánh pháp đã xong, nay ta muốn đi đến nước Kế tân để thọ Tam-muội lạc như Đức Thế Tôn đã thọ ký. Nước Kế tân là nơi tọa thiền đệ nhất. Thế là Xá-na-bà-tư liền đi đến nước kia. Vào trong hang đá nhập Tam-muội lạc, có gió thanh tịnh thổi đến mát thân, tức liền chứng quả A-la-hán thọ vui giải thoát. Mà nói kệ:

Trước đắp y Xá-na
Xúc ngũ chủng Tam-muội
Ở trong núi tối thắng
Đoạn tọa nhập thiền định
Khiến trong gió xuất tiếng
Biến khắp nước Kế tân
Là Xá-na-bà-tư
Nay đã đắc pháp lạc
Đem thanh tịnh tự thệ
Đắc vô lậu giải thoát
Nay Xá-na-bà-tư
Tự nói lời kệ này.

■

KINH A DỤC VƯƠNG

QUYỂN 9

NHÂN DUYÊN VỀ ĐỆ TỬ ƯU-BA-CẤP-ĐA

NHÂN DUYÊN VỀ HỔ TỬ

Tôn giả Ưu-ba-cấp-đa, đến chùa Na-sĩ Bà-sĩ trong núi Đề hồ thuộc nước Ma-thâu-la, cách chùa không bao xa có một con hỗ, mới sinh con nên không thể đi tìm thức ăn, đói rét khốn cùng liền bị mạng chung, Ưu-ba-cấp-đa vì lòng Từ bi nên cho hỗ ăn. Lúc này Tôn giả có năm trăm đệ tử chưa đắc đạo, thưa với thầy rằng:

- Vì sao lại đem thức ăn cho chúng sinh bị nạn này.

Thầy đáp:

- Thiện nam tử! Vì gieo nhân giải thoát cho nó.

Vị đệ tử kia nghe nói thì tâm sinh nghi hoặc nghĩ:

- Chúng sinh nạn xứ này vì sao mà được nhân duyên giải thoát, khi đó hỗ con mạng sống đã gần muốn dứt.

Ưu-ba-cấp-đa nói với hổ rằng:

- Tất cả hành đều vô thường, Niết-bàn tịch tĩnh, ngươi nghe ta nói nên sinh tinh tấn, cõi súc sinh nên nhàm chán xa lìa.

Hổ con đối với trưởng lão rất là kính tin, khi sinh lòng kính tin rồi thì mạng chung.

Người trong Ma-thâu-la, có một đứa con đến khi bảy tuổi được Ưu-ba-cấp-đa giáo hóa liền xin xuất gia. Ở trong bảy năm đắc quả A-la-hán, dùng lực thần thông, hái các loài hoa đem đến cúng dường Tôn giả. Lúc này Ưu-ba-cấp-đa cùng các hàng đệ tử vây quanh. Đệ tử La-hán từ trên không trung xuống đến trước mặt Tôn giả. Năm trăm đệ tử trước kia vẫn chưa đắc đạo thưa với thầy rằng:

- Người này cùng học với con từ khi còn nhỏ, vì sao lại có công đức thần thông như thế.

Tôn giả đáp:

- Đây trước kia vốn là hổ con. Ngày đó ngươi bảo vì sao lại cho chúng sinh này ăn. Vì được ta nói pháp cho đến được quả này. Ưu-ba-cấp-đa liền vì năm trăm đệ tử này mà thuyết pháp, chư đệ tử càng sinh tâm hỗ thẹn, đoạn trừ hết phần não mà đắc quả A-la-hán.

NHÂN DUYÊN NGƯU VỊ

Ở Nam Thiên trúc có một nam tử đi xuất gia tu học Phật pháp, thường sợ sinh tử mà không đắc Niết-bàn. Sinh tâm nghĩ rằng:

- Ai có thể thuyết pháp giáo hóa cho ta. Nghe nói ở nước Ma-thâu-la, Thế Tôn có thọ ký cho đệ tử giáo hóa tối thắng là Tôn giả Ưu-ba-cấp-đa.

Nghe rồi liền tìm đến nước Ma-thâu-la, chỗ Ưu-ba-cấp-đa. Đến rồi lễ dưới chân Tôn giả chắp tay thưa rằng:

- Trưởng lão, Đức Phật đã Niết-bàn, nay Ngài đang làm Phật sự xin thuyết pháp cho con.

Ưu-ba-cấp-đa thấy vị này là thân sau cùng chán sợ khổ sinh tử, lại thấy thân này từ xa đến rất là gầy yếu, bệnh hoạn, liền nói:

- Thiện nam tử! Ông nên nghĩ ngơi và chỉ nên uống ăn nhủ lạc bồi bổ. Nước Ma-thâu-la có các loại ẩm thực mà không có tô lạc. Tôn giả dạy phải đi kiếm chỗ khác. Người ấy đi giữa đường gặp nhiều nữ nhân, đang đem nhủ lạc tô từ nước khác muốn vào nước này. Các nữ nhân đó mới hỏi:

- Vì sao ngài lại gầy yếu thế?

Đáp:

- Tỷ muội! Tôi sinh ở Nam Thiên trúc thường ăn nhủ lạc, ở xứ này có các loại thực phẩm khác mà không có nhủ lạc, cho nên mới gầy yếu. Bây giờ các vị nữ nhân lưu lại đó mấy ngày, mỗi người đều đem các loại nhủ lạc tô đến cúng dường. Vị ấy dùng xong thì thân thể trở nên cường tráng. Ưu-ba-cấp-đa liền thuyết pháp cho nghe, vị kia tinh tấn tu tập không bao lâu liền đắc quả A-la-hán. Ưu-ba-cấp-đa nói:

- Ông lấy một thẻ tre đem bỏ vào hang, vị ấy liền thọ giáo.

NHÂN DUYÊN NGƯỜI NAM THIÊN TRÚC

Ở Nam Thiên trúc có một người, thường dâm dục với vợ của người, người mẹ không cho mới nói rằng:

- Nếu người làm việc xấu xa này, thì sẽ gặp điều xấu.

Người này giận dữ liền hại chết mẹ mình, rồi bỏ đi đến nước khác. Đến đó thì không có đầy đủ ngũ dục, lòng rất ưu não. Liền đi xuất gia

nương theo Phật pháp, không bao lâu thông đạt cả Tam tạng, thành tựu đa văn, có nhiều đệ tử vây quanh. Rồi đi đến chùa Na-sĩ Ba-sĩ nước Ma-thâu-la đảnh lễ Ưu-ba-cấp-đa.

Tôn giả liền quán xét, thấy vị này hại mẹ tội nặng, cho nên không thể đắc đạo. Tuy ở xa mà cũng không ân cần thăm hỏi. Vị Tỳ-kheo kia thấy vậy tâm rất hổ thẹn, bỏ đi chỗ khác. Năm trăm Tỳ-kheo đệ tử chưa đắc đạo của Ưu-ba-cấp-đa thấy vậy thì tỏ vẻ không bằng lòng với thầy của mình mà suy nghĩ:

- Hòa thượng rất ít trí, thấy các vị lão Tỳ-kheo tâm trí ám độn thì lại thuyết pháp. Nay Tỳ-kheo này thông minh mẫn tuệ cả tam tạng, có đệ tử theo đông mà lại không thuyết pháp. Ưu-ba-cấp-đa thấy tâm niệm đệ tử như vậy thì có vẻ giận. Lại biết tâm này nên để cho Hòa thượng Xá-na-bà-tư giáo hóa hàng phục. Bấy giờ Xá-na-bà-tư đã đến nước Kế tân. Quán xét thấy hôm nay Ưu-ba-cấp-đa có làm Phật sự được không? Liền thấy năm trăm người đệ tử tâm rất áo não không kinh tín thầy mình.

Thấy rồi thì suy nghĩ:

- Ưu-ba-cấp-đa vì duyên cớ nào mà không giáo hóa được. Lại quán xét thêm, thấy các vị này chỉ có ta mới khuyến hóa được. Thế là Xá-na-bà-tư dùng thần lực đi đến nước kia. Ưu-ba-cấp-đa đi xa. Xá-na-bà-tư liền vào chùa, râu tóc để dài, y phục lại thô xấu. Đệ tử Ưu-ba-cấp-đa thấy vậy thì nói:

- Vô tri lão nhân từ đâu mà đến chùa thầy ta, vị Tỳ-kheo trước thông đạt cả tam tạng, mà Hòa thượng không thuyết pháp, vị này già suy chẳng lẽ lại thuyết pháp cho nghe.

Xá-na-bà-tư vào chùa vào chỗ của Ưu-ba-cấp-đa ngủ nghỉ. Đệ tử của Ưu-ba-cấp-đa thấy vậy thì giận lấy tay kéo ra, mà vẫn không thể lay động, ví như núi Tu-di. Liền muốn mắng mà miệng vẫn không thể mở ra. Rồi đến thưa với Ưu-ba-cấp-đa rằng:

- Có một bần lão Tỳ-kheo vào trong chỗ hòa thượng mà nằm.

Ưu-ba-cấp-đa đáp:

- Trừ ta và Hòa thượng thì không ai có thể nằm vào chỗ ta. Thế là Ưu-ba-cấp-đa trở về chùa, đem các vật phẩm đến cung kính cúng dường cho Hòa thượng, rồi lấy tòa nhỏ đến ngồi ở một bên thầy. Các đệ tử của Ưu-ba-cấp-đa thấy vậy thì nghĩ:

- Nếu vị Tỳ-kheo này là thầy của Hòa thượng, nhưng trí tuệ sao lại không bằng Hòa thượng.

Xá-na-bà-tư biết ý đó liền suy nghĩ:

- Ta phải tìm phương tiện gì để trừ tâm kiêu mạn đó. Thế là đưa cách tay mặt phun ra dòng sữa và hỏi Ưu-ba-cấp-đa:

- Thiện nam tử! Đây là Tam-muội gì?

Ưu-ba-cấp-đa đáp:

- Con không biết đây là Tam-muội gì?

Hòa thượng nói:

- Đây gọi là long tấn thân Tam-muội.

Lần thứ hai lại xuất ra dòng sữa và hỏi đây là Tam-muội gì?

Ưu-ba-cấp-đa đáp:

- Con cũng không biết đây là Tam-muội gì?

Hòa thượng nói:

- Tam-muội này có tên là Thanh hòa hợp giác.

Cho đến rộng nói các thứ Tam-muội Ưu-ba-cấp-đa liền hỏi Hòa thượng:

Hòa thượng thường nói:

- Chẳng phải cảnh giới của ta thì không thể nói được Xá-na-bà-tư nói với Ưu-ba-cấp-đa.

Thiện nam tử! Tam-muội do trí Đức Phật thọ trì. Hàng Bích-chi-phật không thể nghe được tên. Tam-muội của Bích-chi-phật, thì Xá-lợi-phất không nghe được tên. Tam-muội trí của Xá-lợi-phất thọ trì thì Mục-kiền-liên không nghe được tên. Trí Tam-muội của Mục-kiền-liên thọ trì thì Ma-ha Ca-diếp không nghe được tên. Trí Tam-muội của Hòa thượng thì ta cũng không nghe được tên.

Xá-na-bà-tư nói:

- Thiện nam tử! Lúc ta Niết-bàn thì Tam-muội này cũng diệt theo. Lại bản sinh của Đức Thế Tôn có bảy vạn bảy ngàn tên cũng đều mất, một vạn A-tỳ-đàm cũng mất.

Hàng đệ tử của Ưu-ba-cấp-đa nghe những lời này thì rất áo não, liền tư duy. Vị Tỳ-kheo này trí tuệ còn thù thắng hơn Hòa thượng ta, bèn diệt trừ ngay tánh kiêu ngạo. Xá-na-bà-tư vì họ mà giáo hóa thuyết pháp, làm cho hàng đệ tử đều đắc quả A-la-hán. Khi đó Trưởng lão Xá-na-bà-tư nói với Ưu-ba-cấp-đa: Thiện nam tử! Thế Tôn phó chúc pháp tụng cho Ma-ha Ca-diếp rồi nhập Niết-bàn. Ma-ha Ca-diếp phó chúc lại cho Hòa thượng ta rồi nhập Niết-bàn. Hòa thượng phó chúc cho ta rồi nhập Niết-bàn. Ta nay cũng phó chúc cho ông để nhập Niết-bàn, pháp tạng đây ông phải khéo giữ gìn. Ở nước Ma-thâu-la này có một người tên là Hy-vi-kha. Hãy giáo hóa cho người này xuất gia và giao phó pháp tạng lại.

Xá-na-bà-tư nói phó chúc pháp lại cho Ưu-ba-cấp-đa xong rồi, liền dùng thần lực bay lên hư không, hiện đủ bốn oai nghi nhập hỏa Tam-muội. Nhập Tam-muội xong thì có các thứ hoa xanh vàng đỏ trắng, từ trong thân bay ra, trên thân ra nước, dưới thân ra lửa; trên thân ra lửa, dưới thân ra nước. Thân tướng đoan nghiêm thì như có một ngọn núi ở bên thân xuất ra lửa, phun ra nước.

Xá-na-bà-tư hóa đủ loại thần lực, khiến cho Tỳ-kheo và chư Đàn-việt tâm đều được khai ngộ. Khuyến hóa xong rồi thì trưởng giả liền nhập Niết-bàn, như nước diệt lửa, Ưu-ba-cấp-đa cùng một vạn tám ngàn đệ tử A-la-hán đến cúng dường thân Hòa thượng và khởi xây tháp miếu.

NHÂN DUYÊN NGƯỜI BẮC THIÊN TRÚC

Lúc này Ưu-ba-cấp-đa đi đến nước Ma-thâu-la, chùa Na-sĩ Bà-sĩ, ở phía Bắc Thiên trúc có một thiện nam tử đi xuất gia học đạo. Vị này đa văn túc trí, thông đạt cả tam tạng, khéo thuyết pháp vi diệu ở khắp mọi nơi, tất cả mọi người khi thỉnh ngài thuyết pháp, thì cũng vì họ mà ba lần thuyết. Ngài thường tư duy:

- Ai có thể thuyết pháp pháp khuyến hóa cho ta đắc đạo. Rồi nghe ở nước Ma-thâu-la có Tỳ-kheo tên Ưu-ba-cấp-đa có vô tướng Phật, Đức Phật đã thọ ký là bậc giáo hóa đệ nhất. Nghe rồi thì tìm đến chỗ của Tôn giả Ưu-ba-cấp-đa thưa:

- Thế Tôn đã Niết-bàn, nay có trưởng lão làm Phật sự xin vì con mà thuyết pháp, liền nói kệ:

Phật có đại Từ bi
Đã lâu vào Niết-bàn
Ngài nay làm Phật sự
Thế gian trừ tăm tối
Trí tuệ ngài soi sáng
Như mặt trời chiếu soi
Không có ai sánh bằng
Duy ngài làm Tôn sư
Hóa đệ tử tối thắng
Trưởng lão nên độ tôi.

Ưu-ba-cấp-đa quán xét tâm vị này, thấy đây là thân cuối cùng thoát được sinh tử, làm sao trước đây chưa đắc được Thánh pháp. Quán thấy được nhân duyên chưa được đầy đủ. Tôn giả liền tạo nhân duyên cho đầy đủ. Lại thấy tâm vị này ham thích tọa thiền mà không ưa thuyết

pháp.

Tôn giả nói:

- Thiện nam tử! Nếu ông có thể thọ nhận lời dạy của ta, thì ta sẽ vì ông mà khai đạo.

Đáp:

- Con xin y giáo.

Tôn giả liền nói:

- Ông nên nói tam chủng pháp.

Vị kia hỏi:

- Tu-đa-la nào mà tôi có thể nói.

Tôn giả đáp:

- Có nghe nhiều về năm loại công đức:

1. Ấm phương tiện.
2. Giới phương tiện.
3. Nhập phương tiện.
4. Nhân duyên phương tiện.
5. Giáo hóa thuyết pháp người và đợi người khác giáo hóa.

Nghe Tôn giả giáo hóa, vị ấy nhẫn đến ba lần thuyết pháp và lần lượt thuyết các pháp khác. Thuyết pháp xong thì đắc quả A-la-hán rồi lấy thẻ đặt vào trong hang.

NHÂN DUYÊN VỀ THIÊN HỘ

(Đề-bà Lạc-khởi-đa)

Có một người thương chủ tên là Thiên Hộ đi đến nước Lăng-cầu-na, có lòng kính tin Phật pháp ưa việc bố thí, muốn đi ra biển có lời phát nguyện rằng:

- Nếu được an ổn trở về, sẽ đến trong Phật pháp lập đại hội năm năm. Lúc ấy có một vị La-hán Tỳ-kheo-ni đi đến nước kia tư duy quán xét, xem Thiên Hộ đi ra biển trở về có được an ổn không? Biết là người được an ổn trở về; lại biết được người này trở về thì ở trong Phật pháp thiết lập đại hội năm năm. Lại thấy trong đại hội có bao nhiêu vị Tăng hòa hợp, lại có một vạn tám ngàn vị đắc quả A-la-hán. Còn kẻ học nhân và phàm phu tinh tấn thì vô số.

Lại quán sát ai là Hòa thượng ở đó. Lại thấy Thượng tọa tên A-sa-đà, lại quán xem hòa thượng đã chứng quả chưa liền biết là vẫn còn là phàm phu. Quán xét biết vị Thượng tọa này rất tinh tấn tu hành, liền múôn đi đến để gieo nhân làm lợi ích cho người La-hán Tỳ-kheo-ni, đến chỗ Tăng già lam kia, đến chỗ Thượng tọa làm lễ và hỏi:

- Đại đức! Ngài chưa được đoan nghiêm.

Thượng tọa suy nghĩ:

- Vì sao lại nói ta chưa được đoan nghiêm?

Liền tự quán xét thân thể, thấy râu tóc đã dài. Thượng tọa liền gọi một vị Tỳ-kheo nhỏ tuổi đến cạo râu tóc giúp mình cho sạch sẽ.

Vị Tỳ-kheo-ni lại tư duy xem Đại đức có hiểu lời mình không? Biết là vị Đại đức chưa hiểu ý.

Tỳ-kheo-ni lại đến trong Già lam, lễ bái và nói:

- Đại đức! Ngài chưa được đoan chánh.

Thượng tọa nghĩ:

- Ta đã cạo râu tóc sạch sẽ, vì sao lại còn chưa đoan nghiêm.

Lại quán xét thân thấy y phục thô xấu, liền kêu tiểu Tỳ-kheo đem đi giặt dũ xong thì mặc vào lên tòa ngồi. Vị Tỳ-kheo-ni La-hán biết Đại đức vẫn chưa hiểu ý. Lần thứ ba lại đến chỗ Tăng già lam, Tỳ-kheo-ni lễ bái và nói:

- Đại đức không được đoan nghiêm, thế là làm cho Đại đức nổi giận.

Ta đã cạo râu giặt y sạch sẽ. Vì sao còn cho là ta chưa được đoan nghiêm.

Tỳ-kheo-ni thưa:

- Vì sao lại đem những thứ này trang nghiêm Phật pháp. Nếu đắc được Tứ quả thì mới là trang nghiêm Phật pháp.

Lại nữa, Đại đức có nghe thương chủ Thiên Hộ có phát nguyện, nếu đi biển trở về an ổn sẽ lập đại hội năm năm ở trong Phật pháp không?

Đại đức đáp:

- Có nghe.

Tỳ-kheo-ni nói:

- Đại đức có biết chúng Tăng trong hội này bao nhiêu không?

Đáp:

- Không biết?

Tỳ-kheo-ni nói:

- Có một vạn tám ngàn A-la-hán, còn học nhân phàm phu thì vô số.

Đại đức là phàm phu Thượng tọa đệ nhất ở trong chúng A-la-hán thọ sự cúng dường trước tiên, có được trang nghiêm không? Đại đức nghe thì than khóc buồn rầu.

Tỳ-kheo-ni nói:

- Vì sao Đại đức lại khóc?

Đáp:

- Tỷ muội! Tôi nay đã già, không có thể còn lãnh thọ được.

Tỳ-kheo-ni liền nói kệ:

Pháp Như Lai đã thấy
Do chưa có nhân duyên
Nếu muốn được giải thoát
Được thời thì quả đắc.

Đại đức nên đến chùa Na-sĩ Bà-sĩ có Tỳ-kheo tên Ưu-ba-cấp-đa, Đức Phật đã thọ ký, vì này là đệ tử giáo hóa đệ nhất.

Thế là Đại đức liền đi đến nước Ma-thâu-la tới chùa Na-sĩ Bà-sĩ. Ưu-ba-cấp-đa thấy trưởng lão đến liền ra ngoài nghinh tiếp. Hỏi rằng:

- Đại đức! Rửa chân rồi nghỉ ngơi.

Tỳ-kheo đáp:

- Tôi chưa rửa chân, muốn gặp Tôn giả Ưu-ba-cấp-đa.

Đệ tử Ưu-ba-cấp-đa nói:

- Đại đức! Đây chính là Tôn giả đang đến cung nghinh Đại đức. Tỳ-kheo kia nghe rồi, trong lòng rất vui vẻ, liền đi rửa chân.

Ưu-ba-cấp-đa bèn thuyết pháp giáo hóa vị Tỳ-kheo. Lại có Đàn việt đem vật thực y phục đến cúng dường.

Lại nói với vị Duy-na rằng:

- Nay có được hai vị Tỳ-kheo giải thoát vào chỗ tọa thiền cho đến một vạn tám ngàn vị La-hán liền vào nhập định.

Vị Tỳ-kheo thứ nhất vào ngồi thiền mà lại ngủ gục. Vị Duy-na lấy đèn đặt ở trước vị đó và đàn chỉ. Tỳ-kheo tỉnh dậy, muốn cầm lấy cái đèn. Lúc này, Tôn giả Ưu-ba-cấp-đa nhập hỏa Tam-muội. Một vạn tám ngàn vị A-la-hán cũng nhập hỏa Tam-muội. Vị Tỳ-kheo thấy vậy thì rất vui mừng, liền nói kệ:

Tất cả chư Tỳ-kheo
Kiết già ngồi trên đất
Uy nghi và rạng rỡ
Chói sáng như đèn trời.

Ưu-ba-cấp-đa liền thuyết pháp khuyến hóa, vị Tỳ-kheo tinh tấn tư duy tu niệm liền đặt quả A-la-hán. Những việc làm đã làm xong liền trở về bổn tự. La-hán Tỳ-kheo-ni đến Tăng Già lam, lễ bái thưa:

- Nay Đại đức đã được trang nghiêm.

Tỳ-kheo đáp:

- Tỷ muội! Đều nhờ lực của người.

Sau đó Thượng tọa Thiên Hộ an ổn trở về, lập đại hội năm năm. Trong hội có một vạn tám ngàn La-hán hòa hợp cùng với chúng học nhân nhiều vô số và phàm phu tinh tấn không kể hết.

Đại đức Thượng tọa liền chú nguyện cho Thiên Hộ: "Đa bạt đa kha đề bạt kha ê bà bạt đa kha khê bạt trẩm bà tỷ sa để".

Cho đến năm năm công đức đã xong. Lại cũng chú nguyện như thế.

Thương chủ Thiên Hộ hỏi Thượng tọa:

- Đức Thế Tôn cũng đọc thần chú như Thượng tọa: "Đa bạt đa kha đề bạt kha ê bà bạt đa kha khê bạt trẩm bà tỷ sa để" mà không có khác.

Thượng tọa đáp:

- Thiện nam tử! Ta thường tư duy để chú nguyện công đức cho ông, trong quá khứ chín mươi mốt kiếp ta cũng làm thương chủ, đóng thuyền lớn để ra biển tìm châu báo, khi đầy rồi thì cho thuyền trở về nước, gặp lúc gió lớn đẩy thuyền đi vào biển cát. Ta vì Đức Phật Tỳ-bà-thi mà lấy cát xây tháp và đem trân bảo cúng dường. Bấy giờ có chư Thiên đến chỉ đường cho bọn ta đi, cả bọn liền sửa soạn lại thuyền. Chư Thiên nói:

- Bảy ngày nữa sẽ có nước lớn dâng lên, đưa cả bọn về. Đó là nhân duyên xây tháp cát. Trải qua chín mươi mốt kiếp không bị đọa vào ác đạo. Cũng do nhân duyên đó mà ta đắc quả A-la-hán, ông nay có thể cúng dường một vạn tám ngàn vị A-la-hán, cùng chúng học nhân gấp đôi và phàm phu tinh tấn thì vô số, ở trong Tam bảo đã cúng dường, cho nên ta đọc chú nguyện.

Lại nữa, thiện nam tử! Sinh, già, bệnh, chết sự khổ thật khôn cùng, ông nên ở trong Phật pháp xuất gia.

Sau đó Thiên Hộ xuất gia đắc được quả A-la-hán.

NHÂN DUYÊN VỀ NGÃ KIẾN BÀ-LA-MÔN

Ở nước Ma-thâu-la có một Bà-la-môn, thường chấp ngã kiến, hỏi đệ tử rằng:

- Có người tạo ra sinh tử không?

Người Phật tử đáp:

- Bà-la-môn nên đến chùa Na-sĩ Bà-sĩ, ở đó có Tỳ-kheo Ưu-ba-cấp-đa, thường thuyết pháp vô ngã.

Bà-la-môn đi đến chùa Ưu-ba-cấp-đa đang thuyết pháp cho tứ chúng thấy Bà-la-môn liền thuyết vô ngã kệ:

Thế gian không có ngã
Cũng không có ngã sở
Vô nhân vô thọ mạng
Duy có tâm sinh tử.

Bà-la-môn nghe thuyết pháp vô ngã, thì ngã kiến liền đoạn. Ưu-ba-cấp-đa độ cho xuất gia và thuyết pháp giáo hóa. Bà-la-môn tinh tấn tư duy liền chứng quả A-la-hán. Bà-la-môn những việc làm đã làm xong, lấy một thẻ tre đem để vào hang.

NHÂN DUYÊN THỤY MIÊN

Có một thiện nam nữ theo Ưu-ba-cấp-đa xuất gia, thường hay ngủ nghỉ khi nghe Ưu-ba-cấp-đa thuyết pháp cũng ngủ. Tôn giả dạy vị này vào chỗ tọa thiền, đến dưới gốc cây ngồi kiết già nhưng vẫn cứ ngủ. Ưu-ba-cấp-đa liền dùng thần lực. Ở bên bên chỗ vị đó ngồi thiền hóa ra các hố sâu, sâu cả ngàn khuỷu tay. Vị Tỳ-kheo thấy các hố sâu thì kinh sợ tỉnh ngủ. Tôn giả lại hóa ra một con đường đi được vị Tỳ-kheo liền nương theo đường đi đó đi đến chỗ Ưu-ba-cấp-đa. Tôn giả lại bảo đi về chỗ cũ ngồi thiền.

Tỳ-kheo thưa:

- Hòa Thượng! Ở đó có hố sâu cả ngàn khuỷu tay.

Tôn giả bảo:

- Hố sâu này chỉ là chuyện nhỏ. Hố sâu sinh tử mới là điều trọng đại, cho đến sự sinh, già, bệnh, chết ưu bi khổ não. Nếu người không chứng tứ đế thì sẽ bị rơi vào đó.

Vị Tỳ-kheo lại đi đến nơi gốc cây kiết già mà ngồi. Tâm tư duy sợ hố sâu cho nên không dám ngủ gật. Vì lo sợ nên rất thích tinh tấn, dứt trừ hết phiền não đắc quả A-la-hán. Rồi lấy một thẻ tre để vào hang.

NHÂN DUYÊN VỀ NGƯỜI CẤP SỰ

Có một thiện nam tử, là người ở nước phía Đông. Trong Phật pháp xuất gia làm người cấp sự. Chư Tỳ-kheo ở chùa đó thường hay sai làm các công việc. Chư Tỳ-kheo lại nói:

- Nếu có Đàn-việt đến đến chỗ ông, ông nên giáo hóa khiến cho làm các việc công đức. Vị này khuyến hóa làm công việc cấp sự đến lúc nhàm chán mệt mỏi, bèn suy nghĩ rằng:

- Ai có thể vì ta thuyết pháp giáo hóa lại nghe ở nước Ma-thâu-la có Tỳ-kheo Ưu-ba-cấp-đa, là bậc giáo hóa người bậc nhất liền tìm đến. Đến rồi làm lễ chắp tay thưa:

- Đại đức! Đức Phật đã nhập Niết-bàn. Nay ngài làm Phật sự xin vì tôi mà thuyết pháp.

Tôn giả tư duy thấy vị này, đây là thân cuối cùng để thoát sinh tử, lại suy nghĩ thêm xem vì sao mà chưa đắc thánh quả. Thấy là nhân duyên chưa đủ. Vậy phải dùng phương tiện để cho được đầy đủ nhân duyên.

Nếu càng tạo nhân duyên cấp sự cho đủ, nhưng vì mỏi mệt nên chưa làm đủ.

Tôn giả liền nói:

- Thiện nam tử! Nếu theo lời ta chỉ dạy, thì ta sẽ thuyết pháp.

Đáp:

- Con xin nghe theo.

Tôn giả nói:

- Ông nên ở trong chúng Tăng khuyên làm các việc cấp sự.

Đáp:

- Đại đức! Ở nước Ma-thâu-la này con không biết ai là người tinh tấn còn ai không?

Đại đức nói:

- Ngày mai có thể vào thành sớm được không?

Đáp:

- Có thể.

Tỳ-kheo lại hỏi:

- Chúng Tăng ở chùa này có bao nhiêu vị?

Tôn giả đáp:

- Có một vạn tám ngàn La-hán. Chúng học nhân thì gấp đôi, còn phàm phu tinh tấn thì vô số. Thế là vị Tỳ-kheo vì Tăng chúng và làm cấp sự, khiến cho Tăng chuyên tu đạo nghiệp.

Sáng sớm vị Tỳ-kheo đắp y trì bát đi vào thành Ma-thâu-la. Lúc này có một vị trưởng giả, từ thành đi ra gặp Tỳ-kheo. Dù chưa từng gặp, nay được gặp liền lễ lạy rồi thưa:

- Đại đức từ xa đến đây?

Tỳ-kheo đáp:

- Tôi từ phía Tây đông.

Trưởng lão hỏi:

- Ngài đến đây có việc gì?

Tỳ-kheo đáp:

- Tôi đến chỗ Tôn giả Ưu-ba-cấp-đa để cầu nghe pháp, mà Tôn giả dạy tôi phải vì Tăng chúng làm việc cấp sự. Tôi nay không ở nước

Ma-thâu-la này ai là người tinh tấn làm việc cấp sự.

Trưởng giả nói:

- Ngài chớ lo âu. Tôi sẽ thay người làm việc cấp sự. Tất cả ẩm thực, y phục, y dược của chúng Tăng tôi sẽ cung cấp đủ. Thế là Tỳ-kheo cùng trưởng giả mang các vật phẩm về cúng dường chúng Tăng. Trong ba tháng an cư, Tỳ-kheo luôn tư duy làm các công đức, rồi chứng quả A-la-hán. Lại đem một thẻ tro bỏ vào hang đá.

NHÂN DUYÊN VỀ CÔNG VIỆC SẮC XẢO

Ở nước phía Đông có một thiện nam tử đến trong Phật pháp xuất gia, có thể làm các công việc sắc xảo khéo léo. Chúng Tăng ở trong chùa đều khiến vị này tạo lập chùa cùng các việc phòng xá nhà cửa. Ngày nay đều như thế nên sinh tâm nhàm chán, tự suy tư rằng:

- Ta muốn tọa thiền quán tưởng. Đức Phật trước đã dạy chư Tỳ-kheo nên ngồi thiền tu đạo không được phóng dật lại nghĩ:

- Ai có thể vì ta thuyết pháp giáo hóa. Nghe ở nước Ma-thâu-la có Tỳ-kheo tên là Ưu-ba-cấp-đa. Đức Phật đã giáo hóa vị này là bậc giáo hóa đệ tử đệ bậc nhất. Nghĩ xong liền đi đến chùa kia lễ bái Tôn giả và chấp tay thưa:

- Đại đức! Đức Phật đã Niết-bàn. Nay xin vì tôi mà thuyết pháp.

Tôn giả biết vị này là thân rốt cùng giải thoát sinh tử, nhưng vì sao lại chưa đắc Thánh đạo. Quán thấy nhân duyên chưa đủ, phải tìm phương tiện khiến cho được đầy đủ. Vị này có hạnh nguyện làm các việc thiện xảo, nhưng vì mỏi mệt nên làm chưa đủ.

Tôn giả nói:

- Thiện nam tử! Nếu theo lời ta dạy thì ta sẽ thuyết pháp.

Đáp rằng:

- Xin vâng.

Ưu-ba-cấp-đa nói:

- Nơi nào chưa có chùa, ông nên khởi xướng làm chùa.

Đức Phật có thọ ký rằng:

- Nếu có chỗ nào chưa có chùa mà có người tạo dựng thì công đức thật vô cùng.

- Đại đức! Ở nước này con không biết ai tinh tấn, ai không?

Đại đức nói:

- Ông có thể sáng sớm đắp y trì bát đi vào thành.

Vị Tỳ-kheo y lời, khi đó có vị Trưởng giả từ thành đi ra, gặp Tỳ-kheo thì chấp tay làm lễ thưa hỏi:

- Ngài từ đâu đến?

Tỳ-kheo đáp:

- Tôi từ phương Đông đến.

Hỏi:

- Có chuyện gì?

Đáp:

- Tôi đến chỗ Tôn giả của Ưu-ba-cấp-đa để nghe pháp. Nhưng Tôn giả bảo tôi nếu có chỗ nào chưa có chùa thì nên khuyên hóa xây. Tôi nay không biết đây ai làm Đàn-việt.

Trưởng lão nói:

- Đại đức. Xin đừng lo lắng tôi sẽ cùng ngài lo việc này.

Trưởng lão cung cấp vật liệu cho Tỳ-kheo khởi công xây chùa. Tỳ-kheo từ đó trừ hết phiền não, liền đắc quả A-la-hán, liền đem thẻ tre vào trong hang đá.

NHÂN DUYÊN ẨM THỰC

Ở nước Ma Thâu La có một thiện Nam tử đến cầu Tôn giả Ưu-ba-cấp-đa xuất gia. Vì còn tham ăn uống nên chưa đắc đạo. Ưu-ba-cúc-đa nói:

- Sáng mai ta cùng ông đi khuất thực. Đến sáng Tôn giả lấy 2 bình bát. Một bát đựng đầy cháo và một bát không đặt trước mặt vị ấy và nói:

- Ông ăn đi.

Rồi đưa bình bát không và nói:

- Ông giữ bát này đợi cháo nguội rồi ăn.Vị Tỳ-kheo cầm bát mà vì muốn ăn liền, cho nên dùng miệng thổi cho nguội. Vài lần như thế rồi bạch Hòa thượng:

- Con đã thổi cháo nguội rồi.

Tôn giả nói:

- Ông có thể làm cho cháo nguội, mà tâm ông lại ưa thích việc nóng nảy. Ông thổi cháo nguội là vì muốn được ăn ngay. Nên dùng bất tính quán để trừ tâm nóng nảy này. Nếu thích ăn uống thì nên xem đó như y dược.

Bấy giờ Tỳ-kheo ăn xong, liền trở ra bát. Tôn giả nói:

- Ông ăn đi.

Tỳ-kheo thưa:

- Đây là đồ bất tịnh làm sao ăn được?

Tôn giả nói:

- Ông nay nên quán tất cả pháp như là đồ bất định.

Tôn giả lại vì Tỳ-kheo mà nói pháp. Nghe pháp xong vị Tỳ-kheo tinh tấn tư duy liền chứng quả A-la-hán. Rồi lấy thẻ tre bỏ vào hang đá.

NHÂN DUYÊN THIỂU DỤC TRI TÚC

Ở Nam Thiên trúc có một thiện nam tử, đi xuất gia học đạo, tu hạnh thiểu dục tri túc không thích vinh hoa, không dùng dầu sữa thoa chà trong thân, không dùng nước nóng để tắm rửa, lại không ăn bơ sữa, thường sợ việc sinh tử. Do thân tứ đại không đủ lực cho nên không đắc Thánh đạo, liền sinh tâm nghĩ:

- Ai có thể thuyết pháp độ ta. Nghe ở nước Ma-thâu-la có Tôn giả Ưu-ba-cấp-đa liền tìm đến, chắp tay lễ bái thưa:

- Thứ Đại đức, Đức Phật đã Niết-bàn. Ngày nay ngài làm phật sự xin vì tôi mà thuyết pháp.

Tôn giả quán thấy vị này sẽ thoát sinh tử trong đời này. Nhưng chưa chứng Thánh đạo vì tứ đại suy yếu, bởi vì chỉ thích ăn mặc thô sơ, không muốn xa hoa. Ưu-ba-cấp-đa nói:

- Thiên nam tử! Nên nghe lời dạy của ta, ta sẽ thuyết đáp.

Đáp:

- Xin vâng.

Ưu-ba-cấp-đa liền vì ông mà giáo hóa, khiến cho Đàn-việt cúng đủ thứ ẩm thực tắm giặt cho chúng Tăng.

Lại nói với vị Tỳ-kheo:

- Ông nên tắm rửa cho vị Tỳ-kheo này.

Bấy giờ Tỳ-kheo trẻ đem các dầu lạc chà xát lên thân của vị Tỳ-kheo kia, lại đem nước nóng tắm rửa. Đến giờ ăn, đem các thức ăn ngon bổ đến cho Tỳ-kheo. Vài hôm như thế thì thân thể trở nên có khí lực mạnh khỏe. Ưu-ba-cấp-đa vì ông mà thuyết đáp. Vị Tỳ-kheo tinh tấn tu tập liền đắc quả A-la-hán, rồi đem thẻ tre bỏ vào trong hang.

NHÂN DUYÊN LA-SÁT

Ở nước Ma-thâu-la có một nam tử, khẩn cầu cha mẹ cho đi xuất gia. Rồi đến chỗ Tôn giả Ưu-ba-cấp-đa, lễ bái thưa rằng:

- Đại đức! Con có thể ở trong phật pháp xuất gia làm Tỳ-kheo cụ túc không? Ưu-ba-cấp-đa quán thấy người này còn đắm trước thân mình liền nói:

- Tốt lắm! Ta sẽ cho ông xuất gia. Người kia nghe xong thì làm lễ

Tôn giả muốn trở về nhà. Khi đi được nửa đường thì suy nghĩ:

- Nếu ta trở về nhà thì sẽ khó mà đi xuất gia được.

Bên đường có một ngôi miếu, người này liền vào tá túc qua đêm. Ưu-ba-cấp-đa liền dùng thần lực biến ra hai con ma La-sát. Con thứ nhất đem xác chết vào trong miếu. La-sát thứ hai thì đi tay không vào. Cả hai cùng tranh nhau xác chết. Con thứ nhất nói:

- Thây chết này là của ta.

Con thứ hai cũng nói:

- Đây là của ta.

Hai con La-sát tranh nhau không được liền hỏi người này:

- Ai đem thây chết vào miếu trước?

Vị này suy nghĩ: Nếu ta nói con ma La-sát thứ hai đem thì La-sát đem vào trước sẽ giết ta. Nếu nói thật La-sát thứ nhất đem vào thì La-sát thứ hai sẽ giết ta. Vậy thì chớ nói vọng ngữ liền nói với chúng rằng:

- Kẻ này đem trước. Quỷ La-sát đi tay không nổi giận liền bẻ hết tay chân người ấy muốn ăn. Con quỷ La-sát thứ nhất liền đem chân tay của thây chết ráp vào cho người ấy mà trở nên lành lặn.

Cứ như thế chẳng bao lâu thì trời sáng hẳn. Trải qua hai ngày sau mới tới chỗ của Ưu-ba-cấp-đa. Tôn giả liền cho xuất gia. Vị tinh tấn tu hành được đắc quả A-la-hán. Bèn lấy thẻ tre bỏ vào trong hang.

■

KINH A-DỤC VƯƠNG

QUYỂN 10

NHÂN DUYÊN ĐỆ TỬ ƯU-BA-CẤP-ĐA

NHÂN DUYÊN VỀ CÂY

Ở nước Nam Thiên trúc có một nam tử, đến trong Phật pháp xuất gia học đạo, mà còn yêu thích trao chuốc thân thể. Thường dùng dầu tô lạc để thoa chà thân và dùng nước nóng để tắm rửa. Lại thích việc ăn uống cúng dường nơi thân. Vì vậy nên không đắc đạo. Nên suy nghĩ:

- Ai có thể vì ta thuyết pháp. Nghe biết ở nước Ma-thâu-la có Ưu-ba-cấp-đa, là bậc giáo hóa đệ tử đệ nhất, liền tìm đến lễ bái thưa:

- Đại đức! Nên vì tôi thuyết pháp.

Tôn giả thấy vị này thân cuối cùng sẽ đắc đạo, chỉ vì còn đắm nơi thân nên nói:

- Thiện nam tử, nên làm theo lời ta dạy.

Ưu-ba-cấp-đa đem vị ấy vào trong núi ở trong núi dùng thần lực hóa ra một cây to và nói:

- Ông leo lên cây này. Vị Tỳ-kheo liền leo lên cây. Tôn giả hóa ra cái hố sâu ở dưới gốc cây rồi bảo Tỳ-kheo:

- Con bỏ hai chân xuống. Tỳ-kheo cũng y lời.

Tôn giả lại bảo:

- Bỏ một tay ra. Tỳ-kheo y theo lời dạy.

Lại bảo:

- Bỏ thêm tay kia.

Tỳ-kheo thưa:

- Bỏ cả hai tay sẽ rớt xuống hầm chết.

Tôn giả:

- Ta trước đã nói. Phải nghe theo lời dạy. Nay vì sao lại không nghe. Vị Tỳ-kheo liền chú tâm không còn đắm trước thân, buông hai tay rớt xuống thì không còn thấy cây và hầm đây nữa. Ưu-ba-cấp-đa

liền thuyết pháp. Vị Tỳ-kheo tinh tấn tu đắc quả A-la-hán, đem thẻ bỏ vào hang.

NHÂN DUYÊN BỎN SẺN

Ở nước Ma-thâu-la có thiện nam tử, theo Ưu-ba-cấp-đa xuất gia mà lòng vẫn rất bỏn xẻn. Vì vậy mà không đắc đạo. Tôn giả dạy:

- Ông nên làm bố thí. Ông nay được xuất gia là có được vật các quý nhất chớ tìm cầu vật khác. Lại phải đem pháp bố thí cho người khác. Nhẫn đến có đồ ăn trong bát cũng đem thì cho người. Nếu chưa rộng bố thí, thì tùy theo chỗ có mà bố thí từng phần.

Có hai người thường ngồi gần bên vị này ngày thứ nhất, thứ hai vì lòng còn bỏn sẻn nên không cho người. Hai vị kia đều là A-la-hán. Đến ngày thứ ba vì đồ ẩm thực nhiều mới đem cho hai vị kia. Lúc này Ưu-ba-cấp-đa thuyết pháp giáo hóa. Vị Tỳ-kheo này tinh tấn tư duy tu tập được đắc quả A-la-hán, rồi cũng đem thẻ bỏ vào hang.

NHÂN DUYÊN QUỶ

Lúc này ở nước Ma-thâu-già-la có một thiện nam tử, đến trong Ưu-ba-cấp-đa thuyết pháp. Ưa thích ngủ nhiều. Ưu-ba-cấp-đa thuyết pháp cho nghe và đem vào trong rừng, bảo ngồi dưới gốc cây tọa thiền, nhưng cũng ngủ gật. Ưu-ba-cấp-đa liền hóa ra một con quỷ bảy đầu, ở trước vị kia, tay nắm cành cây mà thân treo trên hư không. Tỳ-kheo nhìn thấy liền thức dậy và rất lo sợ, liền bỏ chỗ ngồi chạy về Tôn giả lại bảo trở về chỗ tọa thiền như cũ. Tỳ-kheo thưa:

- Hòa thượng ở trong rừng có con quỷ bảy đầu, treo mình trên cành cây thật là đáng sợ.

Tôn giả đáp:

- Tỳ-kheo! Con quỷ này không đáng sợ. Tâm ưa ngủ nghỉ mới là đáng sợ. Nếu ông bị quỷ giết thì không sa vào sinh tử, còn bị ngủ nghỉ giết thì sinh tử thì không cùng. Tỳ-kheo trở về chỗ ngồi cũng lại thấy quỷ. Vì sợ hãi nên không dám ngủ. Do tinh tấn tư duy mà đắc quả A-la-hán. Lại đem một thẻ tre ném vào trong hang.

NHÂN DUYÊN TRÙNG ĂN

Lúc bấy giờ ở nước Ma-thâu-la có một nam tử, đến Tôn giả Ưu-ba-cấp-đa cầu xin xuất gia. Tôn giả thuyết pháp khuyến hóa. Vị Tỳ-kheo tinh tấn tu tập, chứng quả Tu-đà-hoàn. Trong tâm cho mình không buông lung nên thoát khổ ác đạo, được bảy lần sinh lên cõi trời, bảy

lần sinh xuống cõi người thọ phước lạc nhân thiên rồi mới đắc quả vào Niết-bàn. Ưu-ba-cấp-đa biết được ý đó. Nên bảo theo mình vào thành khất thực. Đến trước nhà một người Chiên-đà-la thấy một đứa bé đời trước đã đắc quả Tu-đà-hoàn. Nay thân thể đầy, ghẻ lở, khắp nơi bị trùng ăn rất là đau đớn, hơi thở tanh hôi. Ưu-ba-cấp-đa nói với đệ tử:

- Ông xem đứa bé này, đã đắc quả Tu-đà-hoàn mà còn khổ như thế, liền nói kệ:

Sinh vào Chiên-đà-la
Đắm trước trong ba cõi
Trùng dữ ăn thân thể
Vì thích được tự tại
Vào trong ba nẻo khổ
Ông nên thấy người này
Đã đắc quả Thánh đạo
Che lấp ba ác đạo
Do vì không tinh tấn
Sinh vào Chiên-đà-la
Ông chớ mang y này
Nên quán Tam giới khổ
Vì thế muốn thoát ra
Ta nay vì ông nói
Phải chớ nên buông lung
Để mong cầu giải thoát.

Tỳ-kheo lại hỏi:

- Người này vì nhân duyên gì đã đắc quả Tu-đà-hoàn mà vẫn chịu khổ này.

Tôn giả đáp:

- Vị này trước kia, trong thời Đức Phật Thích-ca xuất gia, làm Duy-na coi chúng Tăng tọa thiền. Trong Tăng có vị A-la-hán, vị này có ghẻ nên gãi ra tiếng. Vị Duy-na nói:

-Thân ông bị trùng ăn sao? Mà lại gãi ra tiếng vậy? Rồi kéo tay đẩy vị ấy ra và nói:

- Ông nên vào trong nhà Chiên-đà-la.

Vị La-hán nói với Duy-na rằng:

- Thiện nam tử! Ông nên tinh tấn chớ để rơi vào khổ sinh tử.

Vị Duy-na sau đó liền sám hối. A-la-hán sám hối rồi thì đắc quả Tu-đà-hoàn. Rồi cũng tự nghĩ rằng:

- Ta đã đắc quả Tu-đà-hoàn, không phải nổ lực nữa. Vị Duy-na đó

nay là đứa bé này. Vì mắng bậc La-hán và đẩy bảo vào nhà Chiên-đà-la. Nay bị quả báo này. Vị Tỳ-kheo nghe Tôn giả nói thì càng lo sợ, nên chuyên cần tu tập đắc được quả A-la-hán. Ưu-ba-cấp-đa cũng thuyết pháp giáo hóa cho đứa bé Chiên-đa-la, khiến cho nhàm chán sinh tử mà đắc quả A-la-hán. Tức liền mạng chung sinh lên cảnh trời Tịnh cư, rồi cũng lấy thẻ bỏ vào hang.

NHÂN DUYÊN CỐT TƯỞNG

(Quán Tưởng Xương)

Ở nước Ma-thâu-la có một thiện nam tử, theo Tôn giả Ưu-ba-cấp-đa xuất gia học đạo, Ưu-ba-cấp-đa thuyết các pháp về bất tịnh quán. Dùng quán bất tịnh này khắc phục phiền não không còn phát khởi nữa. Trong tâm vị này cho là những việc đáng làm thì đã làm xong, không cần phải nổ lực nữa.

Ưu-ba-cấp-đa nói:

- Thiện nam tử! Ông nên tinh tấn, chớ nên buông lung.

Đáp rằng:

- Tôi đã đắc quả A-la-hán rồi.

Tôn giả nói:

- Thiện nam tử! Ông có thấy nước Kiền-đà-la có người con gái làm nghề bán rượu.

Nữ nhân này cho là đã đắc đạo, cũng như ông không khác, phiền não chưa đoạn mà tự cho là đoạn. Đó là tăng thượng mạn. Ông nay quán xem nữ nhân này đã đắc đạo chưa.

Tỳ-kheo đáp:

- Tôi chưa thấy được. Nay muốn đi đến nước kia, xin thầy dạy bảo.

Vị Tỳ-kheo đi đến nước Kiền-đà-la. Có chùa tên là Thổ Thạch, liền vào trong chùa đó nghĩ ngơi. Sáng sớm trở dậy đắp y cầm bình bát đi vào trong tụ lạc khất thực. Người nữ nhân bán rượu lấy thức ăn muốn đem cho. Vị Tỳ-kheo thấy cô này thì dâm ý nổi lên, liền lấy đồ ăn trong bát đưa cho cô. Cô gái thấy vậy cũng khởi dâm ý àm cười hở răng. Vị Tỳ-kheo chưa xúc phạm vào thân cô gái, cũng chưa nói gì, chỉ khởi tà tâm. Bấy giờ vị Tỳ-kheo thấy cô kia hở răng cười, liền quán bất tịnh. Lại quán khắp thân thể ấy đều là xương trắng. Do quán xét mà đắc quả A-la-hán. Mọi việc xong rồi thì nói kệ:

Người ngu vô trí
Thấy sắc bên ngoài

Liền sinh tham trước
Người có trí tuệ
Thấy xấu bên trong
Liền được giải thoát
Còn kẻ vô minh
Bị sắc buộc ràng
Người đủ trí tuệ
Từ sắc giải thoát
Thân này từ đây
Không xả bất tịnh
Lại ở thân này
Cũng chớ trang nghiêm
Đem thân thật quán
Liền được giải thoát.

Bấy giờ, Tỳ-kheo về nước Ma-thâu-la, rồi đến chỗ Ưu-ba-cấp-đa, Tôn giả hỏi:

- Ông đã thấy người nữ ấy chưa?

Đáp: Đã thấy, rồi đem thẻ cho vào hang.

NHÂN DUYÊN THAM

Ở nước Ma-thâu-la có một trưởng lão. Lúc đầu là cự phú giàu có, rồi sau lần bị khánh kiệt. Duy chỉ còn năm trăm tiền vàng. Trong lòng nghĩ rằng:

- Nay muốn đến Phật pháp tu đạo xuất gia. Sau khi ta xuất gia cũng cần phải có y phục thuốc thang phải mua.

Rồi vị này đến chỗ Tôn giả Ưu-ba-cấp-đa xuất gia. Ngày ngày đều nhờ người cấp sự giữ dùm tiền vàng.

Tôn giả nói:

- Thiện nam tử! Pháp xuất gia, phải nên thiểu dục tri túc. Ông sao lại còn giữ tiền này. Nên đem ra cúng dường chúng Tăng.

Tỳ-kheo đáp:

- Tiền này tôi dùng để may ba y và mua thuốc thang.

Ưu-ba-cấp-đa bảo vị ấy vào trong phòng rồi hóa ra một ngàn tiền vàng và bảo:

- Đây là tiền để may y và thuốc than, cho ông đó. Vị Tỳ-kheo nghe liền đem năm trăm tiền vàng của mình cúng dường cho chúng Tăng.

Ưu-ba-cấp-đa vì ông mà thuyết pháp. Vị Tỳ-kheo tinh tấn tu tập chứng quả A-la-hán rồi lấy thẻ tre đem vào hang đá.

NHÂN DUYÊN BỊ BÀN CHẢI CHÀ XÁT

Ở nước Ma-thâu-la có một thiện nam tử đến Tôn giả Ưu-ba-cấp-đa cầu xin xuất gia. Tôn giả vì ông mà thuyết pháp. Tỳ-kheo tinh tấn tu tập đắc được quả Tu-đà-hoàn. Rồi sinh tâm nghĩ rằng: Ta có đạo đã dứt, việc đã làm xong.

Ưu-ba-cấp-đa nói:

- Thiện nam tử! Ông phải nên tinh tấn chớ có buông lung.

Tỳ-kheo đáp:

- Tôi đã đắc quả Tu-đà-hoàn, ác đạo đã dứt, không có nỗ lực. Tôi sẽ ở trong cõi trời bảy đời, cõi người bảy đời hưởng vui lạc cảnh rồi mới vào Niết-bàn. Ưu-ba-cấp-đa, vì muốn vị này sinh lòng sợ hãi, sáng sớm bảo cùng đắp y trì bát vào thành khất thực. Đến trước nhà của một người Chiên-đà-la, có đứa bé đã từng đắc quả Chiên-đà-la, trên thân có ghẻ lở, thầy thuốc bảo lấy bàn chải chà cho vết thương chảy máu ra, rồi xức thuốc.

Tôn giả bảo với Tỳ-kheo:

- Thiện nam tử! Ông thấy rõ việc đắc quả Tu-đà-hoàn mà vẫn còn khổ đó không?

Tỳ-kheo đáp: Hòa thượng! Đây là do tạo nghiệp gì?

Ưu-ba-cấp-đa nói:

- Người này vào thời Đức Phật Thích-ca ở trong pháp xuất gia, làm Duy-na coi chúng tọa thiền, có vị Tỳ-kheo có ghẻ gãi ra tiếng. Vị Duy-na nói:

- Đại đức ông bị ghẻ lở sao không chà rửa sứt thuốc. Lại kéo tay vị ấy ra và nói:

- Ông nên đến chỗ Chiên-đà-la chớ ở đây làm động chúng. Vị Tỳ-kheo đã đắc quả A-la-hán nói rằng:

- Ông nên tinh tấn chớ buông lung mà thọ khổ sinh tử.

Vị Duy-na nghe thì liền sám hối, sau đó đắc quả Tu-đà-hoàn, rồi lại nghĩ:

- Ta nay ác đạo đã dứt, không cần phải nổ lực.

Tôn giả bảo đệ tử:

- Vị Duy-na đó nay chính là đứa bé này, trước kia mắng vị A-la-hán, nên nay bị quả báo.

Vị đệ tử nghe xong thì tâm rất lo sợ. Lo tinh tấn tu hành liền đắc quả A-la-hán. Đem thẻ bỏ vào hang đá. Tôn giả Ưu-ba-cấp-đa lại thuyết pháp độ cho đứa bé Tu-đà-hoàn. Khiến cho tinh tấn chán xa cõi này, rồi đắc quả A-na-hàm, sau đó qua đời được sinh lên cõi trời.

NHÂN DUYÊN THÂN TÌNH

Ở nước Ma-thâu-la có một trưởng giả sinh con vừa đúng một tuổi bị chết. Đứa bé ấy lại sinh vào nhà trưởng lão khác được hai tuổi cũng chết, lại sinh vào nhà trưởng lão khác được ba tuổi lại cũng bị chết. Như thế đến lần thứ bảy mới được bảy tuổi, có bọn cướp đem đứa bé vào rừng.

Ưu-ba-cấp-đa quán xét chúng sinh này đây là thân cuối cùng được nhiếp hóa liền vào trong núi ngồi kiết già tịnh tọa. Hóa ra binh lính, xa mã rượt đuổi, làm cho tên cướp lo sợ chạy đến chỗ Ưu-ba-cấp-đa. Tôn giả liền nhiếp thần lực thuyết pháp. Tên cướp nghe xong liền ngộ được Tứ chơn đế, ở trong Phật pháp xuất gia tu đạo, đem đứa con giao cho Ưu-ba-cấp-đa. Tôn giả cũng xuất gia thuyết pháp khuyến hóa, tiểu nhi tinh tấn tu tập đắc quả A-la-hán. Đã đắc quả rồi liền suy tư thấy cha mẹ đang rất khổ sở. Vị này liền trở về nhà nói với cha mẹ:

- Cha mẹ chớ có đau lòng nữa.

Cha mẹ thấy con trở về thì rất vui mừng. La-hán tiểu nhi liền thuyết pháp cho cha mẹ, khiến đều đắc quả Tu-đà-hoàn. Lại trở về thưa với cha mẹ của sáu đời trước thưa:

- Xin cha mẹ chớ ưu buồn, con là con của cha mẹ đây, cha mẹ ngày trước sinh ra con được vài tuổi thì con đã chết đi.

Cha mẹ nghe thì rất vui mừng, liền vì cha mẹ thuyết pháp khiến đều đắc quả Tu-đà-hoàn.

NHÂN DUYÊN QUA SÔNG

Ở nước Ma-thâu-la có vị trưởng giả đến cầu Ưu-ba-cấp-đa xin xuất gia. Ưu-ba-cấp-đa liền thuyết pháp khuyến hóa, tinh tấn tu hành chứng quả Trí thiền của thế gian, đắc được định Sơ thiền tưởng đã chứng quả Tu-đà-hoàn. Khi đến nhị thiền cứ tưởng đắc quả Tư-đà-hàm, đắc đệ tam thiền cho đã đắc quả A-na-hàm. Đắc đệ tứ thiền cho là chứng A-la-hán. Thế rồi không cần nổ lực tinh tấn thêm.

Ưu-ba-cấp-đa nói:

- Thiện nam tử! Ông nên tinh tấn, chớ có buông lung.

Đệ tử đáp:

- Con đã đắc A-la-hán.

Mọi việc đều đã xong rồi, cần gì nổ lực nữa. Ưu-ba-cấp-đa dùng phương tiện giáo hóa nói:

- Thiện nam tử! Ông có thể đến nước Nam Thiên trúc.

Tỳ-kheo liền đi đến nơi đó, Ưu-ba-cấp-đa giữa đường hóa làm

năm trăm phú thương. Tỳ-kheo thấy cướp muốn đến giết mình thì lo sợ, liền tự biết mình chẳng phải La-hán. Nếu là La-hán thì không hề sợ. Ta chắc được quả A-na-hàm.

Trong đoàn phú thương có một người con gái trưởng giả mọi người bị giết, liền đến lễ Tỳ-kheo nói:

- Thánh nhân! Xin cho tôi cùng đi.

Tỳ-kheo nói:

- Đức Phật có dạy, không được riêng cùng với nữ nhân đi trên đường. Ngươi nay đi với ta thì như sư tử đi theo từ xa.

Tôn giả lại hóa con rồng lớn. Vị Tỳ-kheo muốn qua sông nên lội xuống nước. Cô gái cũng bước xuống nước gần chết liền nghĩ:

- Phật có dạy nếu thấy người nữ bị rớt xuống nước gần chết thì cứu lên thì không phạm giới.

Suy nghĩ xong liền đến cứu lên, sau đó lại khởi dục tâm, lại tư duy ta chẳng phải là A-na-hàm, vì A-na-hàm không còn dục tâm. Ta chỉ là Tư-đà-hàm, Tu-đà-hoàn mà thôi.

Khi đưa cô gái lên bờ liền nghĩ:

- Ta nay nên xả giới, để cùng chung sống với cô gái này.

Ưu-ba-cấp-đa liền nhiếp thần thông đến trước mặt vị kia nói:

- Thiện nam tử! Ông là A-la-hán chăng?

Vị Tỳ-kheo xin sám hối.

Tôn giả liền vì ông mà thuyết pháp, vị Tỳ-kheo tinh tấn tư duy liền đắc quả A-la-hán, rồi đem thẻ đặt vào hang đá.

NHÂN DUYÊN GIÁC NGỘ

Ở nước Ma-thâu-la có con của vị trưởng giả, nối gia nghiệp chưa được bao lâu thì thưa cha mẹ xin cho xuất gia. Rồi đi đến Tôn giả Ưu-ba-cấp-đa. Tôn giả liền cho xuất gia, thuyết pháp khuyến hóa và bảo vào rừng ngồi thiền.

Tỳ-kheo y lời, đến dưới gốc cây ngồi kiết già tọa thiền.

Vị Tỳ-kheo này lúc chưa xuất gia thì đã có vợ rất là xinh đẹp đoan chánh. Nên lúc tọa thiền thường nghĩ đến vợ ở nhà. Tôn giả liền hóa ra người vợ đến trước mặt Tỳ-kheo. Tỳ-kheo thấy thì hỏi, ngươi sao lại đến đây?

Cô đáp:

- Chẳng phải ông gọi tôi đến sao?

Tỳ-kheo đáp:

- Ta ngồi thiền ở đây chưa từng nói gì, làm sao mà gọi?

Nữ nhân nói:

- Ông dùng giác quan để gọi, chẳng phải lời nói. Nữ nhân liền nói kệ:

Tàm quý có hai loại
Là miệng và tâm ý
Ở trong hai loại này
Tâm là quan trọng nhất
Nếu tâm không nghĩ tưởng
Thì miệng không nói ra.

Lúc này Ưu-ba-cấp-đa, nhiếp thần lực trở lại thân cũ, ở trước vị ấy nói kệ:

Nếu ông không thích
Quán tưởng nữ nhân
Nếu không muốn thấy
Thì chớ tư duy
Nếu đã xả dục
Chớ nên đam mê
Thí như đồ thải
Không thể ăn lại.

Ưu-ba-cấp-đa liền thuyết pháp khuyến hóa, vị Tỳ-kheo tinh tấn tu đắc quả A-la-hán, liền nói kệ:

Hòa thượng rõ biết
Đã giáo hóa ta
Ta kính tin người
Liền đắc Thánh đạo.

Rồi đem một thẻ tre vào trong hang đá.

NHÂN DUYÊN THẢ TRÂU

Bầy giờ, Ưu-ba-cấp-đa muốn đến nước Nam Thiên trúc, giữa đường gặp năm trăm người đang thả trâu. Năm trăm người đó thấy Ưu-ba-cấp-đa liền tìm đến để nghe thuyết pháp. Nghe xong liền đắc chánh đế. Mọi người đem trâu cúng cho Tôn giả. Rồi cùng xin theo xuất gia học đạo. Ưu-ba-cấp-đa lại vì họ thuyết pháp khuyến hóa. Tất cả mọi người đều chứng quả A-la-hán, bèn lấy thẻ đặt vào trong hang đá.

NHÂN DUYÊN GIÁO HÓA NGƯỜI

Bấy giờ ở nước Ma-thâu-la có một thiện nam tử, đến cầu Ưu-ba-cấp-đa xuất gia học đạo. Ưu-ba-cấp-đa liền thuyết pháp khuyến hóa,

khiến cho người này đắc quả Tứ thiền thế gian. Đắc Sơ thiền định, tưởng là quả Tu-đà-hoàn, đắc Nhị thiền tưởng là Tư-đà-hàm; đắc Tam thiền tưởng là A-la-hán. Nói rằng ta đã làm xong cho nên không cần tinh tấn nữa.

Ưu-ba-cấp-đa nói:

- Ông chớ buông lung phải cần nổ lực thêm.

Vị kia đáp:

- Con đã chứng A-la-hán, mọi việc cần làm thì đã làm xong.

Ưu-ba-cấp-đa đem người ấy vào rừng ngồi thiền. Lại hóa làm một Tỳ-kheo cùng ngồi thiền để vị kia trông thấy. Vị hóa Tỳ-kheo dạy cho Tu thiền pháp. Lại hỏi:

- Ai là Hòa thượng xuất gia cho ông?

Tỳ-kheo đáp:

- Hòa thượng của tôi là Ưu-ba-cấp-đa, đã xuất gia cho tôi.

Hóa Tỳ-kheo nói:

- Ông thật đại phước, được vị thầy là Tôn giả Ưu-ba-cấp-đa.

Lại hỏi:

- Ông tụng đọc kinh nào?

Tỳ-kheo đáp:

- Là Tu-đa-la, Tỳ-ni, Ma-đắc-lặc-già?

- Ở trong Phật pháp đã có sở đắc chưa?

Tỳ-kheo đáp:

- Tôi đắc quả Tu-đà-hoàn cho đến A-la-hán rồi.

Hóa nhân lại hỏi:

- Ông đắc đạo gì?

Tỳ-kheo đáp:

- Đắc thế đạo.

Hóa nhân nói:

- Chỗ sở đắc của ông chỉ là Thế đế, ông vẫn chưa đắc Thánh pháp.

Vị Tỳ-kheo nghe xong rất là áo não, liền về chỗ Tôn giả thưa:

–Bạch Hòa thượng, con vẫn còn là phàm phu, xin Hòa thượng vì con thuyết pháp.

Ưu-ba-cấp-đa liền thuyết pháp khuyến hóa. Vị Tỳ-kheo tinh tấn tu tập chẳng bao lâu đắc quả A-la-hán, bèn đem một thẻ tre ném vào hang đá.

NHÂN DUYÊN BẤT LẠC TRỤ XỨ

Lúc này ở nước Ma-thâu-la có con của một trưởng giả, nối nghiệp gia sự chưa bao lâu thì tâm đã muốn xuất gia, liền thưa với cha mẹ:

- Xin cho con xuất gia tu đạo.

Cha mẹ đáp:

- Ta duy chỉ có mình con, ta chưa muốn chết, làm sao con lại muốn bỏ để đi xuất gia.

Người con nghe cha mẹ nói thì lòng rất áo não, cho đến sáu ngày vẫn không chịu ăn cơm, lúc đó cha mẹ mới cho đi xuất gia, lại bảo rằng:

- Xuất gia rồi nên về thăm ta?

Đáp: Thưa vâng.

Người ấy liền đến chỗ Ưu-ba-cấp-đa xin xuất gia. Xuất gia xong lại nghĩ:

- Trước ta có hứa với cha mẹ, khi xuất gia rồi phải về thăm.

Liền bạch Hòa thượng cho về thăm cha mẹ. Người này trước đã có vợ thì buồn bã không chịu trang điểm. Tỳ-kheo trông thấy liền nói:

- Ta nên xả giới về nhà.

Lại đến chỗ Ưu-ba-cấp-đa lạy và thưa:

- Hòa thượng! Nay con muốn xả giới về nhà.

Ưu-ba-cấp-đa nói:

- Thiện nam tử! Ông chớ có ý nghĩ này. Vả lại hãy đợi ít lâu, ta muốn biết ý ông, khi đã mãn ý rồi sau hãy xả giới.

Lại bảo người ấy đi đến nước Ma-thâu-la. Tôn giả hóa một người nữ chết có bốn người khiên từ trong nước ấy đi ra. Sau đó Tỳ-kheo trở về thăm cha mẹ, giữa đường lại gặp thây chết, mới hỏi người khiên rằng:

- Đây là người nào?

Người kia đáp:

- Có con trưởng giả mới xuất gia, người vợ ở nhà buồn rầu mà chết. Tôi nay khiên thây vào rừng. Tỳ-kheo nghe liền muốn đến xem mặt. Tôn giả liền hóa ra vô số trùng huyết từ thây chết bò ra, Tỳ-kheo trông thấy thì quán bất tịnh, tư duy tinh tấn mà đắc quả A-la-hán. Xong rồi đến đảnh lễ dưới chân Tôn giả.

Ưu-ba-cấp-đa nói:

- Ông đã thấy vợ chưa?

Đáp: Y pháp mà thấy.

Bèn đem đặt một thẻ tre vào hang đá.

NHÂN DUYÊN TÍCH TRƯỢNG

Ở nước Ma-thâu-la có một thiện nam tử đến Tôn giả Ưu-ba-cấp-đa cầu xin xuất gia. Tôn giả liền vì ông mà thuyết pháp. Nghe xong thì đắc quả Tứ thiền thế gian. Tỳ-kheo nghĩ:

- Ta nay chỗ làm đã xong, không cần tinh tấn nữa.

Ưu-ba-cấp-đa nói:

- Thiện nam tử! Ông nên tinh tấn chớ có phóng dật.

Đáp:

- Hòa thượng! Con nay đã đắc quả A-la-hán.

Hòa thượng sai Tỳ-kheo cầm tích trượng sáng sớm đắp y trì bát, đi theo sau chúng vào thành. Bấy giờ có năm trăm vị Ưu-bà-tắc đem thức ăn cúng dường và cho vị Tỳ-kheo đi sau cùng nhiều hơn cả. Tỳ-kheo biết người ấy rất coi trọng mình, cho rằng mình được công đức thù thắng hơn người nên khởi tâm kiêu mạn. Lại suy nghĩ:

- Ta chẳng phải La-hán. Vì La-hán quả không còn ngã mạn. Liền đến chỗ Hòa thượng bạch rằng:

- Con chưa chứng Thánh đạo nên vì con thuyết pháp.

Tôn giả liền thuyết pháp khuyến hóa, Tỳ-kheo tinh tấn tư duy, không bao lâu đắc quả A-la-hán, bèn đem thẻ tre bỏ vào hang đá.

NHÂN DUYÊN THIỆN KIẾN

Ở nước Kế tân có một Tỳ-kheo tên Thiện Kiến, đắc Tứ thiền thế gian. Long vương rất tôn trọng. Lúc ấy ở nước Kế Tân bị hạn hán lâu mà không có mưa. Dân chúng liền thỉnh Tỳ-kheo cầu mưa. Ưu-ba-cấp-đa nghĩ nên phải hóa độ Thiện Kiến, nay chính phải lúc. Ưu-ba-cấp-đa liền tìm phương tiện. Nơi nước Ma-thâu-la làm mười hai năm trời không mưa. Ngoại đạo thấy thế bảo mọi người rằng:

- Quá mười hai năm trời không mưa, dân chúng nghe rất là áo não. Đến cầu Tôn giả Ưu-ba-cấp-đa cầu cho có mưa.

Ta làm mưa không được. Ở nước Kế tân có Tỳ-kheo tên Thiện Kiến, các ông có thể đến cầu. Mọi người liền cử sứ giả đến nước kia cầu thỉnh. Thiện Kiến đắc Tứ thiền ngũ thông, dùng thần lực bay đến nước Ma-thâu-la. Khi mọi người đến xin làm mưa, Thiện Kiến liền hóa mưa tưới khắp cõi Diêm-phù-đề.

Khi đó dân chúng thoát nạn hạn hán cho rằng:

- Tỳ-kheo Thiện Kiến có thể làm mưa! Công đức thù thắng hơn cả Ưu-ba-cấp-đa.

Thiện Kiến được nhiều người theo, còn Ưu-ba-cấp-đa chỉ được số

ít. Thiện Kiến thấy vậy sinh tâm ngã mạn, liền suy nghĩ rằng:

- Ta chẳng phải La-hán, vì La-hán thì không còn tâm ngã mạn. Liền đến chỗ Tôn giả lễ lạy và thưa:

- Phật đã Niết-bàn, Đại đức nay làm Phật sự, xin vì tôi thuyết pháp.

Ưu-ba-cấp-đa nói:

–Phật nói giới mà không chơn chánh giữ gìn, tự cho thù thắng hơn ta mà sinh kiêu mạn. Phật thuyết giới không cho Tỳ-kheo làm mưa. Rồi Tôn giả vì Tỳ-kheo mà thuyết pháp khuyến hóa. Tỳ-kheo nghe xong tinh tấn tu từ được đắc quả A-la-hán, bèn đem thẻ tre đặt vào hang đá.

NHÂN DUYÊN CHÙA ĐƯỢC GIA PHONG

Ưu-ba-cấp-đa ở tại nước Ma-thâu-la khởi công xây chùa số đến cả trăm, vua nước đó tên là Chơn-đa-kha, không có tín tâm nên thường não loạn Tăng chúng và Đàn-việt cấp sự, chư Tăng và Đàn-việt đến chỗ Ưu-ba-cấp-đa nói lại sự việc. Ưu-ba-cấp-đa suy nghĩ:

- Nếu ta sai người đến thưa với vua thì sợ vua nỗi giận làm hại. Vậy ta phải tự đến. Ưu-ba-cấp-đa dùng thần lực, như một mắt nằm trên đỉnh, đến nơi chùa Thành kê của Bà-đa-lợi-phất-đa. Vua A-dục nghe Tôn giả đến, liền cho sửa sang đường xá, đem hương hoa đến cúng dường trang nghiêm. Rồi vua cùng chư đại thần và nhân dân đều đến cung nghinh Tôn giả. Đến nơi lễ lạy dưới chân cung kính thưa:

- Đại đức! Có duyên cớ gì đến đây?

Đáp:

- Muốn đến chỗ vua.

Vua lại hỏi:

- Có việc gì?

Đại đức đáp:

- Đại vương ủng hộ Phật pháp, ở nước Ma-thâu-la xây chùa cho cả hàng trăm. Vua nước kia tên là Chơn-đa-kha, không có tín tâm não hại Phật pháp.

Vua A-dục liền sai đại thần tên Thành Hộ.

- Ông có thể sai người đến giết vua kia.

Ưu-ba-cấp-đa liền thưa:

- Xin chớ giết. Vua nên khuyến hóa ra lịnh. Từ nay về sau chớ có làm hại Phật pháp.

Vua A-dục liền tự tay viết thư, đóng ấn rồi sai La-sát mang đi. La-sát nhận thư chỉ trong khoảnh khắc đến được nước kia. Vua Chơn-đa-

kha nhận thơ dọa. Đọa xong đánh trống hiệu lệnh triệu tập dân chúng lại ra lệnh:

- Từ nay về sau không được não hại Phật pháp.

Vua A-dục hỏi Ưu-ba-cấp-đa:

- Có chùa nào bị bọn cướp quấy nhiễu?

Tôn giả nói:

- Chùa Na-sĩ Bà-sĩ.

Vua A-dục tự tay viết thư đóng ấn, cùng với Tôn giả đem quốc phong cung cấp cho chùa này.

Vua A-dục thiết lễ cúng dường. Ưu-ba-cấp-đa thọ cúng dường xong thì trở về chùa Na-sĩ Bà-sĩ.

NHÂN DUYÊN HY CHƯNG KHA

Bấy giờ Ưu-ba-cấp-đa suy nghĩ: Hy Chưng Kha đã ra đời chưa? Quán biết là chưa ra đời. Từ đó ngày ngày đều đến nhà cha mẹ đó. Lúc đầu đem theo nhiều thầy Tỳ-kheo, sau cùng một vài vị tới. Cuối cùng thì chỉ đi một mình. Bấy giờ trưởng giả thấy Ưu-ba-cấp-đa đi một mình đến thì hỏi:

- Thánh nhân vì sao không có đệ tử đi theo?

Trưởng lão đáp:

- Tôi không có đệ tử.

Trưởng giả nói:

- Tôi còn ham thế sự nên không thể xuất gia. Nếu sinh con sẽ cho Đại đức làm đệ tử.

Trưởng lão khi đó sinh ra đứa con đầu không bao lâu thì bị chết. Đứa thứ hai cũng mạng chung. Đến đứa thứ ba đặt tên là Hy Chưng Kha, liền cho theo Ưu-ba-cấp-đa xuất gia và thọ giới Cụ túc. Khi bạch nhất Yết-ma thì đắc quả Tu-đà-hoàn, cho đến bạch tứ Yết-ma đắc quả A-la-hán. Bấy giờ Ưu-ba-cấp-đa suy nghĩ. Ta nay hóa đạo đã xong, trong nhà đá các thẻ tre của các đệ tử tu chứng cũng đã đầy. Ta nên nhập Niết-bàn, thế rồi Tôn giả đem pháp tạng phó chúc lại cho.

Nói rằng:

- Thiện nam tử! Đức Thế Tôn đem giáo pháp phó chúc lại cho Ma-ha Ca-diếp rồi nhập Niết-bàn. Ma-ha Ca-diếp phó chúc lại cho A-nan rồi nhập Niết-bàn. A-nan phó chúc lại cho Mạt-điền-địa rồi nhập Niết-bàn. Mạt-điền-địa phó chúc lại cho Hòa thượng ta rồi nhập Niết-bàn. Hòa thượng phó chúc cho ta rồi nhập Niết-bàn. Nay ta đem phó chúc lại cho ông, còn bảy ngày nữa ta sẽ nhập Niết-bàn. Bấy giờ chư Thiên báo

cho khắp Diêm-phù đề hay biết, có mười vạn A-la-hán, cùng chúng học nhân, phàm phu tinh tấn, hàng bạch y vô số lượng cùng đến.

Đến ngày nhập Niết-bàn, Tôn giả dùng thần lực bay lên hư không, hiện ra các thứ thần thông biến hóa đi đứng nằm ngồi, nhập vào hỏa Tam-muội. Trong Tam-muội có vô số màu sắc vàng đỏ xanh trắng từ thân bay ra. Trên thân ra nước, dưới thân ra lửa. Dưới thân ra nước trên thân ra lửa. Nhẫn đến biến hóa các thứ thần lựa, khiến cho mọi loài cùng sinh lòng hoan hỷ, tâm được khai mở, rồi nhập Niết-bàn. Đại chúng đem hết thẻ trong hang ra cùng trà tỳ với thân Tôn giả. Rồi xây tháp cúng dường. Ưu-ba-cấp-đa nhập Niết-bàn rồi, thì có một vạn La-hán cũng nhập Niết-bàn theo. Sau đó Hy Chưng Kha thọ trì hoằng pháp xong cũng nhập Niết-bàn.

Nhân duyên về Ưu-ba-cấp-đa đến đây đã xong.

Chánh pháp thường trụ
Nhiều đời không diệt
Trí tháp xá-lợi
Cũng như thường trụ
Người trì hộ pháp
Ái lạc vô cùng
Thường trụ bất diệt
Cũng lại như thế.

Từ nhân duyên của vua A-dục, cho đến Ưu-ba-cấp-đa nhập Niết-bàn, phàm ở ngoài nước có ba ngàn một trăm bài kệ, có ba mươi hai bài tựa về bài kệ. Đệ tử có hai mươi tám vị.

KINH A-DỤC VƯƠNG QUYỂN THỨ 10 (Hết)

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 183

KINH THẾ TÔN THUYẾT A DỤC VƯƠNG THÍ DỤ

SỐ 2044

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2044

KINH THẾ TÔN THUYẾT A-DỤC VƯƠNG VÍ DỤ

Người dịch bị thất truyền.

Đời Đông Tấn có người tên Phụ, trích lục

Xưa có đại quốc vương tên gọi là A-dục, thống lãnh khắp các nước, chư hầu khắp nơi đều phải khuất phục. Đại vương là bậc thông minh trí tuệ vô lượng. Ông hỏi chư thần:

- Thiên hạ còn có ai không quy phục ta?

Chư thần đáp:

–Thiên hạ đều thần phục đại vương, không có ai chống lại cả.

Có một vị quan có trí đáp: Ở trong nước của vua có người không quy phục, đó là Long vương. Lúc đầu có sai sứ đến khiển trách mà vẫn không cống hiến, như thế đủ biết là không quy phục vua, vua có thể trừng phạt.

Vua A-dục liền đem binh mã cả vạn cùng đánh trống khua chiên, trước sau giăng cờ phướn đi đến bờ biển.

Long vương tuyệt nhiên không ra.

Vua gọi lớn:

- Ngươi ở trong nội giới của ta, vì sao lại không ra? Long vương cũng vẫn im lặng không trả lời vua.

Vua liền hỏi vị đại thần có trí:

- Làm cách nào để cho Long vương ra?

Trí thần đáp:

- Long vương này phước đức rất lớn, do đó mà không chịu quy phục. Nay Đại vương lấy hai thẻ vàng đúc thành hai tượng. Một là

tượng Đại vương, còn một là tượng Long vương. Đem đi cân thì tượng của Long vương nặng hơn tượng Đại vương, cho biết là phước của Long vương nhiều hơn của Đại vương.

Vua hiểu ý liền vui vẻ làm theo, bảo cho dân chúng biết là ở các quận huyện đều lập Thiên tôn tự để nuôi kẻ mồ côi cô độc già yếu và người nghèo khổ túng quẫn bần cùng và lập Thiên tôn xá-lợi để cúng dường chúng Tăng. Trong ba năm lại lấy tượng Long vương ra cân thì tượng Long vương nhẹ mà tượng Vua nặng hơn.

Trí thần tâu:

- Nay Long vương có thể hàng phục được rồi.

Vua lại thiết bày binh mã như trước mà đến bờ biển. Long vương bèn hóa ra vị thiếu niên Bà-la-môn, ở trước mặt vua quỳ dài thưa hỏi nguyên do nào đi đến đấy, muốn cống hiến thì trong biển có đủ các loại trân châu kỳ bảo, tự lấy mà thọ dụng. Nếu vua không khởi binh thì dân chúng sẽ vui mừng biết bao.

Đoạn kinh này nói rõ cho người sau hiểu, dù đa lực cũng không qua phước đức. Người hộ kinh pháp như mẹ hộ con. Há chẳng phải là không suy nghĩ sao?

Xưa lúc Thế Tôn còn tại thế, cùng với đệ tử đi giáo hóa chúng sinh, thấy tờ giấy dưới đất. A-nan liền lấy tay cầm lên, Thế Tôn bảo A-nan thả xuống đất, A-nan liền thả xuống, tay lúc đó có mùi hương, một lát có gió thổi cỏ bay đến, A-nan cũng lấy tay cầm nắm cỏ này, Thế Tôn cũng bảo bỏ xuống, tay A-nan có mùi hôi. A-nan không hiểu, lúc đó đã về đến tinh xá, A-nan bạch Thế Tôn:

- Vì sao cầm giấy thì tay có mùi hương, mà cầm cỏ tay lại hôi?

Thế Tôn bảo:

- Giấy vốn từ hương dưới đất lên, hương dính vào giấy làm cho tay người cầm lấy có mùi hương, còn cỏ từ mùi hôi của đất dính vào, cho nên làm cho tay người hôi. Nếu gần người hiền thì như giấy dính mùi hương, gần người ác thì giống như cỏ dính mùi hôi. Thế nên kinh nói: Gần người hiền thì có trí, gần người ác càng mê hoặc. Sự lợi ích và tổn hại này không thể không lợi ích.

Xưa Đức Thế Tôn đem đệ tử đến bên bờ sông. Thế Tôn bảo đệ tử:

- Lấy viên đá này ném xuống nước thì đá sẽ nổi hay chìm?

Đệ tử đáp:

- Đá sẽ chìm trong nước.

Thế Tôn nói:

- Không có duyên cớ đó.

Lại nói:

- Có viên ngọc bích vuông ba tấc, bỏ lên mặt nước, đá đi trên nước mà vẫn không ướt, đó là vì sao? Chư đệ tử chưa hiểu đều cho là việc lạ, liền quỳ xuống bạch Phật:

- Thưa Thế Tôn! Vì sao như thế!

Thế Tôn bảo:

- Đây là có thiện duyên đá được để trên thuyền nên không ướt.

Đức Thế Tôn mượn đây để làm ví dụ, nếu gặp thầy lành thì tránh được khổ, nếu gặp thầy ác, thì huân tập điều ác khó mà tránh họa. Người đời sau hiểu rõ điều này, không thể không cẩn thận.

Xưa có một người già nghèo cùng cô độc, không có tự mình tạo dựng cơ nghiệp, một hôm lượm được cây búa ở chợ, búa đó chính là bảo vật, người này không biết, lấy nó đem về đốn củi để bán để tìm kế sinh nhai. Có một người ngoại quốc làm nghề phú thương tên là Tát-bạt, nhìn thấy búa thì biết, liền hỏi lão ông:

- Búa này có bán không?

Đáp:

- Tôi nhờ nó đốn củi để độ nhật qua ngày nên không thể bán.

Tát-bạt lại nói:

- Đổi ông một trăm tấm lụa, bán không?

Lão ông nói:

- Để nghĩ đã, cũng chưa đủ.

Tát-bạt nói:

- Vì sao chưa đủ, cho ông hai trăm tấm vậy.

Lão ông tỏ vẻ buồn bã không vui.

Tát-bạt lại hỏi:

- Chê ít hay sao mà ông không vui. Thôi cho ông năm trăm tấm.

Lão ông liền khóc lớn, tôi không chê lụa ít, bởi tôi ngu si đem búa chặt phá mòn quá nửa, còn dư có năm thốn mà còn được năm trăm tấm, thật là đáng tiếc.

Tát-bạt nói:

- Thôi chớ tiếc nữa. Nay tôi cho ông một ngàn tấm.

Xong rồi lấy búa mang đi, vì biết đây là búa báu.

Thế Tôn mượn đây làm ví dụ, thân này có đủ thông minh trí tuệ, thì nên tìm cầu thầy sáng suốt để cầu học đạo giải thoát, được thần thông tự tại, kẻ tục nhân không biết đâu là chân ngụy, rong đuổi theo duyên đời, đến lúc lão bệnh lại phải thọ khổ. Dụ như lão ông dùng bảo

vật nơi búa cho hết, thật không lầm tiếc sao? Xưa trên núi cao có con chim Anh vũ, lần lửa bay đến phía Đông núi Thái sơn. Các loài chim khác đều yêu mến, vì cho là từ xa đến, nên tỏ ra thân tình yêu mến rất là sâu đậm. Đến mùa Xuân, lửa cháy đốt cả cánh đồng, chim thấm mình vào nước, xong bay vào lửa mà lông không bị cháy để cứu bằng hữu bị nạn, bay qua lại chẳng phải một lần. Cất tiếng kêu lớn bi ai mà không diệt được lửa. Sự thành khẩn cảm động trời đổ mưa xuống, lửa liền tắt.

Thế Tôn mượn đây làm thí dụ, kẻ hiền giả tôn kính Đạo sĩ từ xa đến chuyên cần hành đạo, nên giảm khẩu phần của mình và vợ con để cúng dường tăng chúng. Tuy không cảm động được thần thông, nhưng đến chỗ chí thành đốt hương cầu diệt độ, mà được phước vô lượng. Dụ như trời mưa, thì tai lửa đều hết.

Xưa có vua của một nước giàu có, an lạc không có sự thiếu thốn khổ sở. Mới nói với vị đại thần rằng:

- Sai một vị quan đến nước khác, xem khắp phố chợ có bán thứ gì mà ta không có?

Liền sai vị quan đi đến nước kia vào chợ cũng thấy bán các thứ vật dụng không có gì khác. Cuối cùng thì gặp một hiền giả ngồi không ở trên đầu chợ, liền đến hỏi:

- Sao không thấy ông bán gì? Mà lại ngồi đây chơi?

Đáp:

- Tôi ở đây chỉ bán trí tuệ thôi.

Hỏi:

- Trí tuệ ông bán bao nhiêu?

Đáp:

- Trí tuệ của tôi đáng giá năm trăm lượng vàng. Ông đưa vàng cho tôi trước, rồi tôi sẽ bán.

Vị quan kia liền nghĩ:

- Ở nước ta không có người trí tuệ, liền đưa vàng cho vị hiền giả. Vị kia liền nói bài kệ hai chục chữ:

Lo lắng nhiều suy tư
Không biết mọi oán thù
Hôm nay tuy không được
Cũng có lúc sẽ dùng.

Ông đọc bài kệ này sẽ được lợi ích.

Vị quan mua được bài kệ liền trở về nước, rồi đi đường tắt về nhà. Nửa đêm trăng sáng đi vào phòng của vợ thấy có hai đôi dép ở giữa giường, nghi ngờ có người lạ liền khởi tâm xấu. Đây là do người vợ đột

nhiên bị bệnh nên mẹ mới qua ở lại, người mẹ bỗng nhiên thức dậy nhìn xem con đã về chưa. Người con liền chạy ra ngoài cửa kêu to:

- Hà tiện, hà tiện.

Người mẹ hỏi:

- Con đi xa được vật gì mà sao lại nói hà tiện?

Con nói:

- Con mua được trí tuệ của người đáng giá một ngàn lượng vàng, mà chỉ đưa năm trăm lạng, chẳng phải là hà tiện sao? Thế Tôn mượn lời ví dụ này để chỉ về sự sai lầm của lời nói, lợi ích hơn cả ngàn lượng vàng. Chính là vậy.

Xưa Thế Tôn ở bên bờ sông Hằng rộng giảng kinh pháp, các hàng trời, rồng, quỷ thần, Đế Thích, trời người, phi điểu, cầm thú cũng đều đến nghe pháp. Có một ông lão chăn trâu chống gậy đứng nghe, không biết ở dưới gậy có một con each cùng nghe kinh pháp. Ếch nghe kinh tỏ ý rất thích, nên không biết trên lưng có gậy. Rồi ếch bị chết, thần hồn sinh lên cõi trời. Dùng thân nhãn quán xét thân trước xem ở trong đường nào. Liền biết là con ểnh ương, liền đem hoa trời rải trên thân đó, rồi nói rõ cho mọi người biết. Đây là ểnh ương vì nghe kinh tỏ ý thích được sinh lên trời. Huống gì bậc Hiền giả đến nghe Đức Phật thuyết pháp thì công đức thật vô lượng.

Xưa có hai anh em, người em đi tìm minh sư học đạo làm Sa-môn, đắc quả A-la-hán. Thường đến nói với anh:

- Nên làm điều phước đức.

Người anh nói:

- Ta nay công việc bề bộn cần gì biết đến đời sau. Sau đó người anh qua đời. Người em dùng thiên nhãn xem anh sinh vào cõi nào? Xem khắp cả cõi trời người đều không thấy, xem trong địa ngục, ngạ quỷ cũng không thấy. Khi xem trong cõi xúc sinh thì thấy anh sinh vào loài trâu. Khi ấy, người thương khách buộc đàn trâu lại để kiếm sống. Trâu đi trên đường xấu, chân lấm bùn không thể cất lên nổi. Người thương khách lại dùng gậy đánh, đau đớn mà cổ vẫn không kêu la được. Em thấy anh như vậy liền tìm cách đi lại gần đứng trước mặt trâu nói:

- Anh nói việc nay không lo, còn lo gì việc khác là như vậy sao? Trâu nghe thì xấu hổ, không bao lâu thì chết. Vị đạo nhân cũng bỏ đi. Bọn thương nhân cùng nói với nhau:

- Vị Đạo sĩ chú nguyện gì khiến cho trâu chết.

Liền theo đuổi, bắt gặp cố gặng hỏi:

- Đạo nhân nói lại các việc và nói trâu là anh của mình, vì không

nghe lời tôi nên bị đọa.

Đạo nhân liền ném bát lên hư không, rồi cùng bay lên. Bọn thương nhân biết đây là Thánh nhân, liền tự trách rồi đến chỗ trâu thiêu hương tạo phước. Trâu được phước này liền sinh về cõi trời.

Xưa có vị Hiền giả ở trong thành Xá-vệ, ở phía Đông nam cách ba mươi dặm có nhà kia thường cúng dường cho đạo nhân. Người đàn ông trong nhà đó thường giết trâu lấy thịt đem bán. Đạo nhân dần dần biết chuyện đó chưa kịp khuyến hóa thì người ấy mạng chung. Sinh làm quỷ thần ở bên sông Hằng, có thiết luân dao bén ẩn hiện như sương tuyết theo dòng nước mà hại người khổ không kể xiết. Sau đạo nhân có đi qua dòng sông đó cùng với quỷ tương ngộ. Quỷ hiện nửa thân người trên nước. Kéo thuyền lại bảo và kéo đạo nhân xuống nước chứ không giết ai trên thuyền. Vị Hiền giả cũng đi trên đó mới hỏi quỷ. Vì sao chỉ có tìm đạo nhân.

Quỷ nói:

- Tôi lúc ở thế gian thường cúng dường vị đạo nhân này. Đạo nhân tâm biết tôi giết heo bán thịt mà không quở trách khuyên răn, vì vậy tôi phải giết đạo nhân.

Hiền giả nói:

- Ông vì tội giết heo nên bị tội này, nay muốn giết đạo nhân, tội chẳng nặng hơn sao?

Quỷ thần suy nghĩ thấy đúng như lời Hiền giả nói, liền bỏ đi.

Đạo nhân trở về nói với cháu con của người đó hãy tạo phước cho thần hồn được siêu thoát khổ và khuyên răn dạy lại cho người sau. Đạo nhân thọ sự cúng dường không thể không khuyến hóa.

Xưa có người đi trên đường, gặp một thây chết, quỷ thần lấy roi đánh vào thây đó.

Người kia hỏi:

- Đây là xác chết vì sao lại đánh?

Quỷ thần nói:

–Đây là thân tôi, ngày trước vì bất hiếu với mẹ cha, với vua thì bất trung, không kính tin Tam bảo của thầy bạn, để nay phải chịu thống khổ không thể nói hết. Tất cả đều do thân này cho nên tôi đánh.

Đi một khoảng nửa, người này lại gặp một thây chết, có Thiên thần đến rải hoa lên xác đó và lấy tay xoa bóp.

Người đi đường hỏi:

- Xem ông giống như Thiên thần, vì sao lại xoa bóp thây chết.

Đáp: Đây là thân trước của tôi. Vì hiếu thuận với cha mẹ, trung

tín với vua, tôn kính Tam bảo, lãnh thọ lời dạy của thầy. Khiến nay tôi được sinh lên cõi trời, cho nên tôi mang ơn thân này và nay đến để báo đáp.

Người đi đường trong một ngày thấy được hai sự việc trái nghịch, liền trở về nhà, trì năm giới, tu mười thiện, hiếu thuận cha mẹ, trung tín với vua và khuyên răn mọi người nên tạo phước. Tôi phước theo người thật chẳng sai, không thể không cẩn thận.

Xưa có một đạo nhân vào trong núi học đạo, sai một vị Sa-di vào thành Vương xá đem về một đấu gạo và tụng một bài kệ. Trong chợ có một Hiền giả, thấy Sa-di vừa đi vừa nói, mới hỏi Sa-di rằng:

- Đi đâu mà vừa đọc gì vậy?

Sa-di đáp:

- Thầy tôi ở trên núi học đạo, sai tôi mỗi ngày đi lấy gạo thì mỗi ngày có thể thuộc bao nhiêu câu kệ. Cho nên tôi vừa đi vừa tụng kệ.

Hiền giả lại hỏi:

- Nếu không mang gạo thì mỗi ngày có thể thuộc bao nhiêu câu kệ?

Đáp:

- Có thể thuộc mười câu.

Hiền giả nói:

- Vậy chớ có đi, để tôi thay Sa-di mang gạo lên cho.

Sa-di vui mừng liền ở một chỗ tĩnh tọa học tập. Hiền giả vì Sa-di ngày ngày đem gạo lên núi. Sau cùng với Sa-di đều được thông lợi. Vị hiền giả này sau sinh vào thế gian làm đệ tử của Thế Tôn tên là A-nan. Thế Tôn nói mười hai bộ kinh. Vì phước báo nên A-nan rất thông minh có thể nghe một mà hiểu mười, lại khai thị cho người sau, biết được việc phước đức như bóng theo hình, tùy theo nhân tạo ra mà được phước, không thể không làm.

- Xưa có một kẻ đồ tể có một ngàn con trâu nuôi dưỡng chăm sóc rất béo tốt. Mỗi ngày giết một con đem bán, đã giết được năm trăm con. Còn năm trăm con kia thì lại đem cho húc nhau để làm trò chơi. Thế Tôn khi vào nước này, thấy bầy trâu như thế thì sinh lòng thương xót bỏ đi. Rồi nói chư đệ tử:

- Lũ trâu nầy thật ngu si, bạn bè cùng đâm húc nhau để cho người vui chơi. Con người cũng như thế. Một ngày qua đi, mạng sống ngày một hết không thể không nghĩ đến mà cần cầu đạo giải thoát.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 183

KINH NÓI VỀ NHÂN DUYÊN THÁI TỬ CỦA VUA A DỤC VÌ LỢI LẠC PHÁP MẦU MÀ BỊ HOẠI MẮT

SỐ 2045

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2045

KINH NÓI VỀ NHÂN DUYÊN THÁI TỬ CỦA VUA A-DỤC VÌ LỢI LẠC PHÁP MẦU MÀ BỊ HOẠI MẮT

Phàm thiện ác xoay chuyển khế hợp theo người dụ như hình với bóng. Nếu người thọ nghiệp nào thì phải nhận lấy sự thọ báo của nghiệp ấy. Sự thọ nghiệp báo này có ba điều sai khác:

1. Hiện báo.
2. Trung báo.
3. Hậu báo.

Người thọ ân sâu ở trong chín cõi, tai mắt đều thích duyên nơi cảnh thú vui của cõi trời. Ở trong loài cầm thú đầu thai vào cung vua mà được thọ mạng, cũng phải chịu nhận lãnh năm thứ hình phạt tàn khốc, đây chính là hiện báo.

Chúng sinh bị trầm mê trong chốn u đồ, hồn phách phiêu diêu mà không thể tái sinh. Thân trải qua nhiều kiếp luân hồi mà vẫn không biết, nay sinh làm vương tử phải chịu hủy hoại mắt. Đó là trung báo.

Ở chốn A-lan-nhã phóng túng gây họa trong vô tưởng, trước sau đều đeo giữ lấy hoặc nghiệp mà không dứt. Rồi đọa vào loài thú dữ có cánh, bị trầm luân khổ ách mà không biết đường thoát ra. Đây chính là hậu báo.

Cho nên Thánh nhân ra đời cứu độ chúng sinh đều là có nhân duyên cả, không có căn cơ thì không khế hợp, Phật soi xét trong ba đời, thấy chúng sinh trôi lăn mãi trong sinh tử. Ngài suy nghĩ sâu xa mà biến ra muôn hình loại để tùy theo đó mà khuyến hóa dẫn dắt vào trong nhà đạo pháp.

Từ khi Đức Như Lai diệt độ, rồi về sau vua A-dục lên ngôi vị vua nắm giữ cả cõi Diêm-phù-đề, sửa sang giềng mối, rồi tạo tương lập chùa tháp Phật có đến tám vạn bốn ngàn ngôi. Bậc A-la-hán được đắc đạo trong đời này có cả ức vạn. Hàng quốc chủ sư Tăng đều hết lòng ủng hộ, muôn dân cùng hết lòng cung kính phụng thờ. Thần thánh lại càng thêm ngưỡng phục. Vương tử của vua đã nhiều đời trồng thiện căn, thích làm điều lợi ích cho đạo pháp. Được sinh vào cung vua, lại thêm dung mạo đoan trang thù thắng hơn người.

Về sau vào đời nhà Tần có quan Thượng thư vì muốn tìm hiểu mà không biết duyên khởi từ đâu. Mới sai tướng quân Tông Chánh Khanh đến thành Tư lệ của quan Hiệu Úy Diêu Mân người quận Nam an. Vị này có người anh kế là Diêu Chiếu, tự Cảnh Nghi, là người có văn chương nho nhã đáng được mọi người yêu đến muôn đời. Còn võ thì thuộc hàng bạt chúng siêu quần xứng danh là bậc anh tài. Phàm có nói điều gì thì tài trí biện giải khôn cùng. Muôn việc dù có túng tình thích giao du nhưng vẫn giữ ý đức thuần hậu. Dù là bậc khuôn phạm cũng khó mô phỏng theo. Sự cung kính thì vượt trên bậc quân tài, uy đức lại chấn động cả hậu lai.

Nhưng tấc lòng lại luôn nghĩ đến những người mê lầm mà không thể tự cứu, thương kẻ ngu si chưa ngộ tỉn. Nên muốn nối ý nguyện thù thắng của bậc tiền nhân, để lập đạo huyền tông trong đời mạt thế này. Vì thế mà ông lặn lội đến xứ Thiên trúc thỉnh Sa-môn Nan-đề về cùng chấn chỉnh, giảng luận đạo pháp. Bổn văn bài kệ này được ngài Đàm-ma-nan-đề dịch từ đời nhà Tần Kiến sơ năm Tân mão thứ sáu. Ở tại thành An định, dịch vào ngày 18 cho đến ngày 25 mới hoàn tất, về bản tiếng Phạn thì có ba trăm bốn mươi ba câu. Khi dịch sang Hán văn thì được một vạn tám trăm tám chục lời.

Thiết nghĩ dịch ra tiếng phổ thông thì tinh nghĩa khó mà đạt được. Hoặc lìa văn mà được nghĩa. Thông ý phụ thì ý chánh khó mà lưu loát; hoặc sự lược mà lý lại đầy đủ; hoặc tùy theo sự kiến giải tụng đọc của mọi người. Dù vậy, bổn văn này là để cho bậc Học sĩ ở đời sau, liễu đạt tội phước nhân quả rõ ràng không mất.

Thiết nghĩ, nếu có được đôi lời nhuận sắc góp ý của mọi người, thì bài minh này sẽ càng tỏ rõ, thêm nhiều ý mới hay lạ. Cho nên mới trình bày ra đây cho ai nấy cùng tường tận.

KINH VƯƠNG TỬ A-DỤC HOẠI MẮT NHÂN DUYÊN

Hán dịch: Đời Phù tần, Tam tạng Đàm-ma-nan-đề, người nước Thiên trúc.

Người trong sinh tử
Buộc ràng bấy lâu
Tập khí càng dày
Mà thành khổ não
Dâm loạn vô chừng
Thành ra bại hoại
Như nước xoáy mạnh
Sẽ làm tổn thương
Người trí chấp tâm
Ý tưởng rõ ràng
Đạm bạc giữ mình
Chế ngự điều ác
Ba mươi mốt kiết
Ô nhiễm tâm người
Cần phải xa lánh
Bỏ sự buông lung
Chuyên tâm giữ ý
Nghe lời nói này
Biết vua A-dục
Hoại mắt của con
Tiếng đồn khắp chốn
Cả nước đều hay
Quốc dân cùng biết
Ai nấy kinh ngạc
Vua A-dục kia
Thống lãnh bốn phương
Khắp cõi Diêm-phù
Không ai chẳng phục

Con vua khi sinh
Nhan sắc đoan chánh
Tướng tốt uy nghi
Xứng danh vương vị
Mắt sáng trong ngần
Như trời Đế Thích
Vua thấy như vậy
Lòng rất hân hoan
Cho gọi quần thần
Sa-môn đạo sĩ
Đem vương tử đến
Để cho vua xem
Lại bảo các quan
Đặt tên thái tử
Cho đời xưng tán
Vang tiếng xa gần
Quần thần đảnh lễ
Bạch với vua rằng
Vua sinh quý tử
Ít có trên đời
Theo pháp vương trị
Trời rồng quỷ thần
Nay nên lập hiệu
Tên là Pháp Ích
Để cho như vậy
Vương pháp điều chỉnh
Theo lý trị dân
Đừng để trái đạo
Như thế chính là
Chân tử chánh pháp
Xưng là Thánh tử
Pháp Ích tên người
Mắt như hoa sen
Ai thấy cũng vui
Nhìn không chớp mắt
Như được thấy vua
Nói năng rõ ràng
Không mau không chậm

Anh tú nhu hòa
Việc làm nhàn nhã
Danh đức vang xa
Không thể cùng tận
Nay càng tôn trọng
Thiên nhãn vương hiệu
A-dục vua cha
Càng thêm yêu quý
Nuôi dưỡng theo mùa
Không hề sai sót
Vua thường sai sứ
Dò xét trong ngoài
Để con an ổn
Rồi mới ăn cơm
Tự mình ẵm bồng
Vui giỡn cả ngày
Tình ái không xa
Thức ngủ không chán
Pháp ngữ càng vang
Vì con tạo phước
Mới được mắt này
Như hoa Ưu-bát
Nhất thời vương tử
Xuất du pháp giới
Khiến người tương hộ
Chẳng còn ưu lo
Như có nam nữ
Thấy thiên nhãn đến
Đều khởi tà tâm
Tình dục hưng khởi
Bẩm tánh Tố vương
Chấp mê nữ sắc
Thị nữ trong cung
Dường như phi tử
Chư vị phu nhân
Thấy dung mạo kia
Yểu điệu thục nữ
Không ai sánh bằng

Vương Đại phu nhân
Tên gọi Tịnh Dung
Ngày đêm tìm đến
Muốn tư thông cùng
Ta muốn một ngày
Được như sở nguyện
Được cùng Thiên nhãn
Bế tịnh du dương
Lòng mới mãn ý
Không muốn Thiên cung
Dù cho tổn mạng
Nơi đời không oán
Bấy giờ Thái tử
Sáng sớm thức dậy
Đến chỗ phu nhân
Quỳ lễ thưa hỏi
An ổn mọi điều
Đi đứng thế nào?
Lại dâng mỹ vị
Hoa quả kiết tường
Phu nhân trông thấy
Ý dục càng khởi
Bảo ngươi đến đây
Cùng ta giao hợp
Mới là mãn nguyện
Lại thân tình xong
Ta người cùng vui
Thật là khoái lạc
Thiên nhãn nghe xong
Lấy tay bịt tai
Trong lòng suy nghĩ
Khổ thay lời này
Tai hại làm sao!
Thống não tâm cang
Ân sâu dưỡng dục
Lẽ nào dung tha
Rồi dần thối lui
Theo lẽ ngay thẳng

Trở về bổn cung
Mặc niệm tư duy
Kia thấy trái nguyện
Lại đoạn vong ý
Trong lòng than thở
Tính mưu hại kế
Phùng đầu loạn tóc
Vật vã trên đất
Sân giận buộc ràng
Như quỷ La-sát
Kẻ ấy vì sao
Lại làm nhục ta
Phải tìm phương cách
Móc mắt cả đôi
Khiến tung cả nước
Chẳng còn thấy nghe
Huống chi nam nữ
Thấy được hình dung
Bấy giờ có quan
Tên gọi Na Xa
Vương phụ cậy nhờ
Muôn dân cảm phục
Vào ngày đầu năm
Đến chúc khánh hạ
Yết kiến quân vương
Như pháp lễ lạy
Vương tử trông thấy
Lấy tay đánh đầu
Quan chẳng vui lòng
Tại mình đứng trước
Mau mau trở về
Chớ đừng lại đây
Ta muốn nhập triều
Chúc mừng Thánh tôn
Thần đến chắp tay
Giả dò cung kính
Nguyện cho vương tử
Hưởng thọ vô cùng

Nắm giữ quyền uy
Mà trị muốn dân
Thân thể nhu mì
Không bị tổn hại
Ngoài miệng cười nói
Ra vẻ vui hòa
Mà lòng giận dữ
Như rắn phun độc
Lòng tự suy tư
Tìm cách báo oán
Nếu không ra tay
Không sống ở đời
Na-xa đứng dậy
Thoái lui trở về
Đem hết câu chuyện
Hướng đến vương hậu
Phu nhân tiếp chuyện
Người nói ta nghe
Cũng có lỗi lầm
Mà không thể nói
Kia đã hủy nhục
Trời đất chẳng dung
Đáng thọ hình trảm
Không thể thứ tha
Trong lòng Da-xá
Nước nung thêm lửa
Thiêu cả núi rừng
Thành quách xóm làng
Mọi người đều thấy
Ai cũng kinh lạ
Quần thần gặp nhau
Đều cùng luận hỏi
Hôm nay vì sao
Đại thần nổi giận
Trong nước thêm lửa
Nước lại diệt lửa
Mới từ trong sinh
Nay chốn vương cung

Ví dụ rõ ràng
Gặp thái tử đây
Như nước sinh lửa
Thiếu đốt tâm ta
Đã tạo công đức
Thì không lo sợ
Nay sinh bố úy
Ta nghĩ đêm dài
Thường hay suy tư
Nay ta đã già
Tất nhờ lực ông
Nên càng rửa nhục
Như kẻ loạn dâm
Việc này ẩn kín
Chớ để người chê
Da-xa bạch rằng
Có tội phải trị
Hủy thần nhục tôn
Phải nên xử lý
Nên lập quyền xảo
Tìm mọi phương cách
Không móc đôi mắt
Thì chẳng báo thù
Có vị La-hán
Tên gọi Thiện Niệm
Thiên nhãn Tôn sư
Nhân dân cung kính
Chân nhân nhập định
Dùng đạo lực quán
Vương tử ngày sau
Phải gặp duyên nghiệp
Liền đến giáo hóa
Nói đạo vi diệu
Khiến biết cơ biến
Vạn vật đều không
Cùng vương tử nói
Sắc cũng có không
Vô hữu cũng không

Thanh từ ngoài ứng
Do tai mà vào
Hương từ do nơi
Tỷ thức mà thọ
Mùi vị từ miệng
Làm tăng thiệt căn
Thân tham sắc phục
Ý chẳng chán chê
Pháp có cũng không
Không có có không
Không không cũng không
Tợ như bọt tụ
Cũng thường tan hủy
Mắt cũng vô thường
Không thể lâu dài
Như nước bọt nổi
Hội rồi cũng diệt
Thường niệm tư duy
Biến hoại vô thường
Mắt cũng biến chuyển
Hưng suy không ngừng
Nên càng nổ lực
Cầu đắc thiên nhãn
Phàm thiên nhãn đó
Không thể biến hoại
Vương tử sau đó
Không còn ưu lo
Bỏ hết tục duyên
Đến nghe pháp lạc
Gần Thiện tri thức
Kết bạn giao du
Nghe pháp tỏ ngộ
Đắc nhãn thanh tịnh
Do thiện tích lũy
Nay gặp La-hán
Chuyên tâm niệm Phật
Tư duy Pháp bảo
Kính phụng Thánh chúng

Cùng bậc Trưởng tôn
Ý không dời đổi
Nên gặp đại hạnh
Trụ không động địa
Đệ tử chân Phật
Người nghe lợi ích
Vui mừng giao tập
Đây tất có nhân
Việc không tự đến
Làm sao nhân thân
Nhãn cũng vô thường
Thầy đã dạy bảo
Ân cần sâu xa
Phải nên phòng hộ
Thi hành nghiêm giáo
Há chẳng dám khinh
Trái bực Thánh sư
Ngay lúc bấy giờ
Ở cõi Diêm-phù
Sở hành Bồ-tát
Tìm chỗ đậu thân
Tên nước Thạch thất
Hằng có vương trị
Gặp lúc quốc hủy
Chủ cũng tán thân
Quần thần trong nước
Thứ dân lớn nhỏ
Đều cùng tìm đến
Cũng cung A-dục
Bái yết xong rồi
Chắp tay mà nói
Thánh vương Diên thọ
Lợi ích muôn đời
Thạch Thất khuyên vua
Lấy ngôi vương vị
Nguyện xin lần lượt
Lãnh thọ muôn dân
Vua liếc mắt nhìn

Bèn bảo Da-xa
Mau nên cử người
Ai đáng thống lĩnh
Đến chốn biên cương
Cần người tài giỏi
Chẳng phải phàm nhân
Thống nhiếp nơi kia
Da-xa tự nghĩ
Nay chính phải lúc
Nên sai vương tử
Đem binh dẹp loạn
Liền trước mặt quỳ
Mà bạch vua rằng
Nguyện xin bệ hạ
Nghe thần khải tấu
Nước Càn-đà-việt
Lạc thú thiên cung
Xin sai Thái tử
Thống lãnh muôn dân
Đi đến nước kia
Sẽ được cảm ngộ
Cũng khiến thiên uy
Chấn động cõi ngoài
Phụ vương nghe xong
Rất là tức giận
Giận kẻ tâu bày
Há đủ để nghe
Ngươi không quốc chủ
Lại chẳng lãnh dân
Vì nhân lực gì?
Khiến ta đứt đoạn
Lưỡi ngươi như thế
Chẳng đoạn dứt đi
Mới muốn cho ta
Dứt tình đoạn tử
Nay truy xét ngươi
Tội càng đáng chết
Biết tự sửa đổi

Chẳng tổn tay ta
Từ nay về sau
Lại càng cẩn thận
Bảo trọng gia tộc
Thấy được thiên mạng
Nếu có xưng ta
Dứt danh hiệu đó
Thân tự mang kiếm
Nếu lại có lúc
Trước mặt xưng tên
Thì sẽ cắt lưỡi
Giả sử con ta
Xưa có oán thù
Quá khứ đã tạo
Vốn là nhân duyên
Và nay hiện tại
Thân khẩu ý làm
Nay cũng lượng thứ
Không tìm tội trước
Ôm lòng oán giận
Không kể mạng căn
Quỳ dài trước mặt
Tâu kể sự tình
Thiện tai Đại vương
Nguyện đem uy lực
Lưu ý nghĩ suy
Để nước không loạn
Dân nước phương Tây
Bẩm tánh ngu hèn
Thích việc đánh đấm
Khởi binh công phạt
Nên cần thiện hóa
Uy nạp nhân tâm
Quần thần hòa mục
Há chẳng tốt sao
Nước Càn-đà-việt
Trân bảo đầy tràn
Cao tài bác học

Vô sự bất nhàn
Đến thành Thạch thất
Danh dự không mất
Xưa vua Hoa Anh
Cai trị xứ này
Vườn rừng ao nước
Sinh hoa sen báo
Thân bạc lá vàng
Giá cả Diêm-phù
Thân này có uy
Thần đức vô lượng
Chẳng phải thường nhân
Có thể trông cậy
Nước tại Tây vực
Phong phú to lớn
Xin vua suy xét
Chớ nên thịnh nộ
Sở dĩ thần tấu
Vì nước làm trọng
Đâu dám xem thường
Mà vương tử đây
Căn tánh thông minh
Biết đủ mọi việc
Kỹ thuật chiến lược
Đầy đủ tinh tế
Nếu đến cõi này
Gặp được vương tử
Không dùng đao kiếm
Tự nhiên hàng phục
Bởi lời nhu hòa
Dứt lòng hung ác
Thọ tánh khoan từ
Tâm không tham cầu
Tửu rượu không ham
Sắc dục tự chế
Nhân ái từ bi
Trị khắp thế nhân
Bởi có đức này

Thần mới dám tâu
Nếu làm vua phiền
Nguyện thùy hứa khả
Vua nên chuyên nhất
Sao đủ ưu phiền
Nay bày tâm niệm
Lo lắng vì nước
Mà cùng mưu tính
Sợ sau có hoạn
Việc không dự toan
Thất bại do đây
Như ăn mắc nghẹn
Đã không nuốt được
Lại chẳng nhả ra
Đại thần nghi hoặc
Mà không thể hiểu
Thiêu thân vào lửa
Đâu biết hậu duyên
Khi vua A-dục
Rơi lệ nói rằng
Lợi ích đã rõ
Thống nhiếp đất này
Cận thần cả vạn
Tự nhiên hưởng ứng
Muôn vật kiết tường
Tìm đến thiên đình
Vua tự thân mình
Tay cầm thiên quan
Đầu đội vương pháp
Mà nói lời rằng
Thiện tai Tân vương
Muôn việc an lành
Khiến dòng họ ta
Lên ngôi vương vị
Dấy chuông đánh trống
Xướng vang kỹ nhạc
Treo phướn che lọng
Cả ngàn muôn loại

Ở cõi nước kia
Châu biến khắp cả
Tám vạn do-tuần
Nhân dân sung mãn
Mặc giáp tượng mã
Mỗi nơi tám vạn
Kim ngân trang sức
Không thể tính kể
Xe bằng lông báu
Tám vạn bốn ngàn
Quân chúng binh mã
Lại cũng tám vạn
Như trời Đế Thích
Du ngoạn sau vườn
Ngọc nữ theo hầu
Lạc thú vô cùng
Như thế vương tử
Đến cõi nước kia
Vào thành Thạch thất
Dọc đường vô số
Tùy tùng theo sau
Vua đến quốc giới
Muôn dân vui mừng
Ý nguyện tự vui
Như trời Đao lợi
Đường xá trong thành
Treo phướn kết lọng
Như hương rải đầy
Châu biến cùng khắp
Bấy giờ Pháp Ích
Bảo với nhân dân
Các ngươi chí thành
Đều tôn trọng ta
Nay trong bảy ngày
Các việc chớ làm
Ta sẽ ban thưởng
Tài vật thọ dụng
Như trong cung điện

Ngũ tạc vui vầy
Mặc tình du hý
Đêm ngày không chán
Ta nay ban phát
Bảo vật tùy ý
Nếu người mắc nợ
Lấy vật thay thế
Nếu có đọa lạc
Làm người nô bộc
Cấp cho tài của
Khiến cho miễn dịch
Khắp cả trong thành
Già cả lớn bé
Đều tu hạnh thiện
Không còn oán giận
Lại sắc ngoại cảnh
Tuyên lời ta dạy
Trong khoảng sáu năm
Chớ thâu tài vật
Nếu kẻ nghèo hèn
Không chỗ nương nhờ
Ta cũng bố thí
Không để thiếu thốn
Có thể tự tu
Không sát đạo tâm
Ta nên kính đãi
Như mình không khác
Khi vua Pháp Ích
Lại nói thêm rằng
Nữa tháng ba ngày
Trai tịnh khó gặp
Nam nữ khuyến nhau
Chớ nên giải đãi
Phụng bát quan trai
Như Lai pháp lạc
Phật thuyết nhân thân
Ức kiếp mới gặp
Và tám vô nhàn

Các pháp điên đảo
Như ván trên biển
Như mù tìm lổ
Đây có thể mong
Cầu nhân thân khó
Các người đã có
Chớ nên khinh mạn
Người trong ngũ lạc
Hư ngụy không thật
Nên tìm thiên phước
Đến cung Đao lợi
Điện đường thất bảo
Ăn uống cam lộ
Nếu muốn được an
Thọ phước của trời
Nên trong nửa tháng
Giữ ba ngày trai
Vua thành Thạch thất
Giáo huấn không mệt
Cả nước thanh bình
Nhân dân an lạc
Như có nam nữ
Gặp được quốc vương
Sau khi mạng chung
Đều sinh lên trời
Đại vương A-dục
Hỏi thăm sứ thần
Pháp Ích trị hóa
Có như pháp không?
Nhân dân trong nước
Có thần phục không?
Người mau nói đủ
Chớ có nghi nan
Sứ thần vui vẻ
Sau trước giải bày
Đại vương thọ mạng
Vạn dân đều nhờ
Pháp Ích Thánh vương

Khí lực khang cường
Hằng đem chánh pháp
Hóa đạo Tây phương
Trong thành Thạch thất
Như cung Đế Thích
Vua cai trị nước
Như vua Đế Thích
Nước Càn-đà-việt
Dân giàu nước mạnh
Việc làm chân thật
Không có hư dối
Không sát không đạo
Thuận theo chánh pháp
Nhân dân cả nước
Khen ngợi không cùng
Nguyện cho Đại vương
Tuổi thọ vô lượng
Mong đức Thánh nhân
Các nơi đều gặp
Vua A-dục nghe
Vui mừng hoan hỷ
Nhan sắc hân hoan
Bảo Da-xa rằng
Ta gặp đại lợi
Công đức rõ ràng
Vương tử Pháp Ích
Đem lý trị dân
Tuân theo lễ cấm
Ân nghĩa chan hòa
Nhân dân trong nước
Đều được mong chờ
Nay đem phân ra
Diêm-phù lợi ích
Ta lấy một phần
Một phần cho con
Khiến cho Pháp Ích
Trường sinh thọ mạng
Pháp hóa nhân dân

Như nay không khác
Tân đầu Hà biểu
Đến nước Bà-già
Thành Càn-đà-việt
Thôn chúng Ô-đặc
Kiếm phù, An tức
Khang cư, Ô tôn
Quy tư, Vu điền
Đến phương Tần quốc
Một nửa Diêm-phù
Cho hết Pháp Ích
Trị khắp dân sinh
Nêu danh hậu thế
Sư tử Đàm-la
Ma-kiệt Kim Căn
Duy-na Xá-vệ
Lõa hình đều nghe
Tuyết sơn phương Bắc
Nơi bờ biển xa
Ta cùng thuận hóa
Khiến không giới hạn
Quan Da-xa nghe
Như bị độc tiễn
Ngoài giả vui cười
Trong càng sân hận
Quỳ xuống mà thưa
Phụng lời đại vương
Nay lúc truyền lệnh
Không dám chần chờ
Nhưng lòng trộm nghĩ
Não phiền túc nghiệp
Tam độc dẫy đầy
Không kể thân mạng
Xưa nắm đầu ta
Não thống khó quên
Nay không báo oán
Còn đợi bao giờ
Thế bèn cáo lui

Trở về suy nghĩ
Mật sai hầu cận
Tâu rõ hoàng hậu
Phu nhân nghe rồi
Bảo Da-xa rằng
Mau viết mật thư
Khép tội thoái vị
Chớ để người ngoài
Có kẻ nghe biết
Nếu việc bại lộ
Không tránh tội chết
Da-xa hỏi rằng
Mật thư để làm
Chỉ có kim ấn
Dùng để đóng thư
Phu nhân liền bảo
Ấn để ta lo
Nay phải cùng bàn
Làm sao lo liệu
Cử người khéo léo
Đem thư đến đó
Chớ có sơ xuất
Sự tình dễ lộ
Bấy giờ Da-xá
Trá xưng vương mệnh
Giả viết thành chỉ
Hư dối muôn phần
Bảo người nước kia
Muốn khơi tro tàn
Nói vua A-dục
Căm hận nước ngươi
Nếu muốn bình an
Ở cõi Diêm-phù
Mau theo lịnh ta
Không được trái ngược
Nếu thấy thư ta
Có đóng ấn tín
Bắt ngay Pháp Ích

Khoét hai con mắt
Đó chẳng con ta
Ta chẳng cha hắn
Nơi hắn trị vì
Chẳng phải ta có
Trộm đem thư này
Dâng cho phu nhân
Mau tìm bảo ấn
Chớ để nghi nan
Nay được ấn đó
Mới đủ làm tin
Nếu để chần chờ
Sợ việc bại lộ
Khi ấy phu nhân
Nội trong ngày này
Đến vua khóc lóc
Giả chưa điều lạ
Nằm mộng thấy điềm
Thật là không tốt
Nên sợ thân vua
Phải gặp tai nạn
Nên trước dự liệu
Để trừ ác mộng
Nguyện dâng nước phép
Làm chỗ an tâm
Có thể yếm tà
Ứng điềm bất tường
Vua và nhân dân
Không còn ưu não
Vua liền bảo rằng
Mộng là phi chân
Sao có thể làm
Thân này bệnh tật
Phu nhân nghe rồi
Lại càng than khóc
Kêu trời gào to
Chuyển cả mặt trời
Vua nên từ mẫn

Thọ dụng rượu này
Để cho thân thiếp
Chẳng mất mạng căn
Vua nghe càng cười
Từ tốn bảo rằng
Ý ngươi muốn thế
Ta phải uống đây
Để cho mạng nàng
Không bị hủy diệt
Đây là việc nhỏ
Ta không trái nghịch
Vua liền nhận rượu
Uống ít quá say
Vua vào nằm nghĩ
Chẳng còn hay biết
Phu nhân lấy ấn
Đóng vào phong thư
Lúc đó hầu cận
Không ai thấy biết
Vua ở trong mộng
Thấy kẻ trộm ấn
Liền thời tỉnh giấc
Hỏi tả hữu rằng
Vừa mới chợp mắt
Tâm thức lờ mờ
Ai đến quấy ta
Ngươi không được cho
Mau lấy kiếm hiệu
Chớ để sơ xuất
Đây tất có mưu
Muốn hại thân ta
Tay cầm kiếm bèn
Và phi thiết luân
Thiên uy giận dữ
Nói với phu nhân
Ai đến khiến nàng
Lấy bảo ấn ta
Nói rõ đuôi đầu

Không thì tru diệt
Phu nhân lo sợ
Quỳ dài khải tâu
Xin vua suy xét
Việc này không có
Vua càng giận dữ
Lớn tiếng bảo rằng
Chẳng có ai khác
Xúc phạm đến ta
Nay không đối chất
Nói rõ tội mình
Thì đem thân ngươi
Phân làm hai đoạn
Phu nhân khóc lóc
Quỳ bạch vua rằng
Đây là một huyễn
Hiện điềm quái này
Chẳng phải phàm nhân
Vô cùng bần tiện
Sao dám hại vua
Hư dối làm thật
Giả khiến ấn tín
Làm kẻ trộm đạo
Lời thành tâu vua
Há không tường tận
Vua nghe lời này
Im lặng không đáp
Trở về chỗ nằm
Suy nghĩ mọi điều
Phu nhân gấp rút
Bảo với Da-xa
Mau khiến thân tín
Chớ để chần chờ
Vào lúc bấy giờ
Vương tử Pháp Ích
Cùng các quần thần
Đang ở trên điện
Hội họp ngao du

Tự ý vui vầy
Bỗng thư đưa đến
Trong thành Thạch thất
Vua nghe có lệnh
Phụ vương giáo sắc
Đứng dậy tiếp nghinh
Lễ dài lãnh thọ
Rồi sai tả hữu
Mở lấy phong thư
Thấy lời dạy bảo
Rất là nghiêm thiết
Xưng là A-dục
Giận cõi nước này
Nếu muốn an ổn
Trong thành Thạch Thất
Mau bắt vương tử
Móc hai mắt ra
Chớ có chần chờ
Sẽ chịu ảnh hưởng
Pháp Ích nghe xong
Tự lăn xuống đất
Ta có lỗi gì?
Mà nay vương phụ
Sai người đem thư
Hại đôi mắt ta
Đây hẳn có người
Dèm pha sự việc
Quần thần nhân dân
Nghe lời thiết giáo
Rất là kinh ngạc
Không biết từ đâu
Tai nạn đưa đến
Do tai biến này
Khiến vua nổi giận
Không nhận kế tự
Trong bọn quần thần
Cùng nhau bàn luận
Chúng ta không dám

Hủy mất Pháp vương
Nếu có người nào
Dám làm điều này
Khoét đôi mắt kia
Bọn ta cùng nhau
Cố giữ bờ cõi
Truyền cáo xa gần
Sửa sang chiến cụ
Thà mất nhân loại
Mất cả vợ con
Không thể để vua
Thọ lấy khổ này
Mau mau đánh trống
Triệu lời ngoại tướng
Thiêu đốt thư này
Giết kẻ đưa tin
Kia chẳng phải chủ
Ta chẳng phải dân
Thật không tuân mạng
Hủy mất Thánh vương
Khi ấy Pháp Ích
Bảo với quần thần
Chớ sinh tâm này
Cự nghịch Thánh giáo
Binh chúng phụ vương
Không thể trù tính
Dũng mãnh kiên cường
Trên đời ít có
Các ngươi tuy muốn
Tỏ chút lòng thành
Việc không như thế
Quốc gia sẽ mất
Mạng ta đâu còn
Thân vì đâu có
Mới khiến đại vương
Oán hận dứt tình
Thà tổn thân này
Nhận thọ sắc chỉ

Khiến cho dân nước
An ổn mọi bề
Các ngươi chớ nên
Suy nghĩ bàn luận
Mau thọ vương giáo
Lấy đôi mắt ta
Phàm thạnh tất suy
Hội hợp có lìa
Vô thân vị kỷ
Chết đâu tránh được
Phật đã thuyết pháp
Thân này là khổ
Lậu uế vô cùng
Có gì mà ham
Mau bảo trong thành
Ai có thể làm
Lấy đôi mắt ta
Thì ban châu báu
Giá trị ngàn muôn
Cùng với vàng bạc
Nhiều không kể hết
Nhân dân quốc sĩ
Nghe lời dạy này
Vân tập cung môn
Đầu kim không lọt
Di hình cùng hưởng
Đều cùng cao giọng
Gào trời kêu đất
Mà nói lời rằng
Vì sao thảm sầu
Mất Thánh vương đây
Như chốn Thiên cung
Cớ gì thay đổi
Thành quách rồi đây
Sẽ thành tan hoang
Đất nước bờ cõi
Rồi sẽ tiêu sơ
Chúng ta hãy cùng

Bảo với lân quốc
Vua A-dục vương
Khởi đầu muôn ác
Giết con nêu danh
Làm sao tôn quý
Con còn không yêu
Lấy gì đến dân
Lúc ấy trong thành
Có một phàm nhân
Xưa cùng vương tử
Mỗi mỗi hiềm thù
Đi thẳng đến trước
Cầu xin được gặp
Tôi sẽ móc mắt
Vị vương tử này
Quần thần tả hữu
Chỉ thị khải tấu
Người này tự xưng
Chịu khoét mắt vua
Suy nghĩ rõ ràng
Phải lời phụ vương
Xin đừng để chủ
Thọ lấy khổ này
Vương thấy vị này
Lòng đầy ưu bi
Tả hữu cố nhìn
Bảo quần thần rằng
Tôi ở thành này
Đã mười hai năm
Nếu có lỗi lầm
Xin hãy tha thứ
Chỉ có hôm nay
Hủy đôi mắt này
Chớ nên sầu não
Mà khởi niệm ác
Trở về trong nước
Như pháp thường ngày
Tránh đao khai hóa

Việc được như thế
Chính là ý muốn
Phước báo nhân thiên
Thường niệm trai giới
Không trái điều này
Vua cởi áo mũ
Châu báu anh lạc
Và đồ trang sức
Trao cho người trước
Người nên biết ta
Muốn giữ bổn pháp
Mỗi mắt khoét ra
Để vào tay ta
Khi ấy kẻ kia
Tay cầm dao bén
Trước móc một mắt
Để vào tay vương
Vương tự cầm lấy
Mà càng tư duy
Nhớ lời Tiên sư
Đã từng dạy bảo
Hoát nhiên tâm ngộ
Buộc ý không quên
Xưa thầy nói pháp
Lý thật sâu xa
Đã bảo ta rằng
Mắt là vô thường
Lời thầy chí thành
Thật không hư dối
Tịch tĩnh vi diệu
Rõ nghĩa vô thường
Mắt này không lâu
Sẽ bị hoại diệt
Vốn biết mắt ta
Hư hoặc thế gian
Kẻ ngu ngoan cố
Chẳng biết là không
Sinh tử uế trược

Như cây ba tiêu
Cành lá che phủ
Ruột chẳng kiên cố
Người trí quán sát
Chẳng lấy làm tham
Há là khởi ý
Đắm nơi mắt sắc
Mắt chẳng phải ta
Không tạo không tác
Kia không có ngã
Thì sao có mắt
Người ngu khởi hoặc
Đắm trước mắt này
Luân chuyển u minh
Trường lưu biển khổ
Mắt nay cùng ta
Trọn đời xa lìa
Do nguyên bổn nào
Cùng ta hình thành
Như bọt trên nước
Chợt nổi chợt chìm
Hư ngụy không thật
Tạo nên mắt thịt
Như thế Pháp Ích
Quán rõ nguồn chân
Tư duy huyền diệu
Ý không lay động
Chấp chánh nhiễu loạn
Tâm như Kim cang
Các tưởng tịch tĩnh
Chí không dời đổi
Khi ấy người kia
Lại cầm dao bén
Mổ thêm một mắt
Để vào tay vương
Lại quán nguồn gốc
Mắt từ đâu ra
Giải chư pháp tịch

Vạn vật quy hóa
Liền trên tòa cao
Đắc thiên nhãn thông
Các trần dứt sạch
Thấu đạt đạo mầu
Cảm ứng Thiên địa
Sáu cõi chấn động
Hỷ tình nội phát
Ba lần xưng thiện
Xả mắt ô uế
Mà được tịnh nhãn
Công đức vi tế
Tự biết đạo thành
Chư thần than thở
Uyển chuyển đi quanh
Thống khổ xiết bao
Mất ngôi Thiên đế
Xưa tạo duyên gì
Gây túc nghiệp gì
Nay hoại đôi mắt
Lại thành ngói đá
Rồi bèn chắp tay
Mỗi mỗi thưa trình
Nguyện vương lân mẫn
Thống lĩnh nơi này
Chúng tôi cùng giúp
Đến chỗ phụ vương
Trình bày tấu trần
Cai trị đất này
Bây giờ Pháp Ích
Từ giả quần thần
Lòng đầy cảm luyến
Chí tâm báo đền
Thân làm hoại sĩ
Làm sao sánh được
An ổn quý bang
Nên phải rút lui
Về nơi bổn quốc

Tức cùng phu nhân
Thị thần có một
Bỏ vương bỏ vị
Tìm đường mà đi
Trải qua làng xóm
Quận huyện thành ấp
Các nơi hoang dã
Hiểm trở núi rừng
Nhưng vương thái tử
Khéo biết đàn cầm
Âm thanh vi diệu
Trên đời ít có
Lấy đây làm nghề
Sinh nhai độ nhật
Lần hồi đi mãi
Mạng sống duy trì
Như thế trải qua
Khắp xóm cùng làng
Rồi dần về đến
Cung thành phụ vương
Khi ấy tiếng xấu
Đồn khắp xa gần
Rằng A-dục vương
Hủy đôi mắt con
Thôn xóm quốc thành
Thảy đều kinh động
Chúng ta nên phải
Tìm phương lánh nạn
Nam nữ lớn nhỏ
Khóc lóc tìm đến
Thái tử với vua
Có lỗi lầm gì
Mà bị như thế
Tay không đoạn diệt
Lấy mắt Thánh vương
Hủy hoại thân hình
Vương tử Pháp Ích
Bảo với nhân dân

Phụ vương không lỗi
Thế nhân đừng oán
Đây là túc nghiệp
Phải thọ báo này
Nhân duyên đã lâu
Chẳng phải đời này
Khi ấy A-dục
Ở trên lầu cao
Riêng cùng phu nhân
Đang còn an giấc
Vương tử Pháp Ích
Dừng bên chuồng ngựa
Suốt đêm ca ngâm
Khảy đàn làm vui
Vua nghe tiếng đàn
Buồn bã dặt dìu
Cung thương hòa nhã
Sao như Pháp Ích
Người nào khảy đàn
Mà giống như thế
Có phải đó là
Vương tử Pháp Ích
Phu nhân bảo rằng
Đây chẳng phải con
Hoại sĩ không mắt
Hành khất sinh sống
Nước Kiền-đà-việt
Như cung Đế Thiên
Thống lãnh Tây phương
Như trời che mây
Vua liền đứng dậy
Đến điện trị chánh
Chư thần vân tập
Muốn thấy Chí Tôn
Muốn đến cung vua
Giữ ý giữ niệm
Ra vào lo sợ
Ương lụy vào thân

Vua lại nghe đàn
Âm thanh quen thuộc
Kinh hãi đứng dậy
Cho gọi hầu cận
Hỏi cặn mọi điều
Đây chẳng ai khác
Mà chính con ta
Đã đến nơi này
Không cần nói nhiều
Mau đem người này
Cho ta thấy mặt
Sứ ra ngoài gọi
Đem đến chỗ vua
Vua thấy từ xa
Tự ném thân mình
Kêu trời xưng oán
Tâm ý mê mờ
Đau đớn bi thảm
Như bị lửa đốt
Quần thần đem nước
Rửa mặt hồi lâu
Vua mới tỉnh dậy
Chánh mão nghiêm trang
Cất tiếng hỏi rằng
Ai hoại mắt con
Cay độc như thế
Tan nát tim ta
Đôi mắt ngày thường
Giống như thiên nhãn
Nay gặp nạn này
Bi ai thống thiết
Chết rồi lại sống
Rồi cầm mũ báo
Mà quăng xuống đất
Vò đầu bức tóc
Phấn chấn thiên y
Châu báu anh lạc
Quăng bừa khắp nơi

Tay cầm dao bén
Bảo tả hữu rằng
Ta nay cần phải
Tiêu diệt thiên hạ
Già trẻ lớn bé
Không thoát tay ta
Người thành Thạch thất
Phải trừ tận hết
Nhân dân khắp chốn
Đều móc mắt ta
Nước Kiền-đà-việt
Trở thành hoang địa
Nay cũng hoại ta
Mắt dù thanh bình
Cũng phải phế bỏ
Cả chỗ ta ở
Không hỏi nam nữ
Cũng phải khoét mắt
Lại ném thiết luân
Chuyển động không trung
Khắp cõi Phù-đề
Thuộc loại có hình
Đều không tha thứ
Vua lại khóc lóc
Hỏi vương tử rằng
Ai hoại mắt con
Nhẫn đến thế này
Khiến nát tâm can
Từng đoạn đứt lìa
Quán xem ức số
Ai chẳng bi ai
Vương tử đáp lời
Ấn thư tại đây
Dạy rất nghiêm khắc
Ai cũng kinh ngạc
Xin vua chớ trách
Dân thành Thạch thất
Nơi ấy nhân hòa

Không hề gây tội
Bởi con bạc phước
Chiêu lấy họa này
Đều do đời trước
Quả báo ác làm
Quần thần xem thư
Thảy đều nổi giận
Vua A-dục vương
Làm điều bất nhẫn
Khắp cõi Phù-đề
Thật chẳng từ tâm
Sao khởi tâm này
Hủy mắt của con
Mọi người chúng ta
Cùng nên vân tập
Truyền cáo khắp nước
Sửa sang chiến cụ
Thà mất nước này
Chịu mọi hình phạt
Chớ để vương tử
Thọ lấy hủy hình
Lại cho đốt thư
Giết cả sứ giả
Nơi thành Thạch thất
Mau đánh trống lên
Kia không chủ ta
Đây cũng không thần
Thật không dám hủy
Đôi mắt vương tử
Con liền huấn dụ
Nhân dân nước này
Chớ nên khởi động
Há dám nghịch thiên
Phụ vương cớ sao
Lại sinh nghịch tâm
Từ xưa đến nay
Hưng suy có hạn
Lúc làm tôn ước

Thừa lệnh nghiêm giáo
Không thể chần chờ
Trái mệnh thư này
Dân chúng mê lầm
Không hiểu ngụy chân
Xin vua hàm dung
Chớ giận điều này
Đại vương lưu thần
Quán lời Phật dạy
Nhẫn là đại lực
Hay thắng chúng oán
Mà tâm phóng thích
Không truy tội phạm
Chớ vì mắt con
Khởi tâm sát hại
Địa ngục thống khổ
Khảo hình đau đớn
Theo đủ hình báo
Nếu vì thương con
Đem lòng Từ mẫn
Bổn nguyện nhân từ
Chớ vì thân này
Sát hại muôn dân
Nam nữ quốc sĩ
Dân tình khắp chốn
Đều rất lo sợ
Nguyện xin rộng thứ
Ngay lúc bấy giờ
Thầy của vương tử
Đem các Tỳ-kheo
Vào thành khất thực
Tay cầm ứng khí
Pháp phục chỉnh tề
Dần dà cất bước
Đến cửa vương cung
A-dục trông thấy
Bi mẫn giao hòa
Liền dậy tiếp nghinh

Quỳ dài thưa hỏi
Đệ tử Tôn sư
Vương tử Pháp Ích
Nay gặp tai nạn
Đôi mắt bị hoại
Đau đớn xót xa
Thật khó chịu được
Xin Tôn giả đến
Liệu dùng pháp dược
La-hán bảo rằng
Vô thường trăm biển
Đây do nhiều đời
Chẳng phải ngày nay
Rồi thỉnh Tỳ-kheo
Đến trước điện ngồi
Bảo vua cho gọi
Pháp Ích đến đây
Vương tử đi đến
Chắp tay chờ dạy
Quán các số vạn
Bao nổi khổ tâm
Đến trước lễ lạy
Lệ rơi tuôn trào
Bi phẫn nghẹn tiếng
Khiêm cung thưa rằng:
Xưa thầy đã dạy
Giáo pháp Như Lai
Mắt là vô thường
Chẳng thể kiên cố
Suy nghĩ nghĩa này
Thật là sâu xa
Nhục nhãn uế trược
Không thể trông chờ
Cũng như bọt tụ
Ánh sáng chiếu tan
Như nước bèo bọt
Cảnh tượng chiếu dời
Ba tiêu Dạ-mã

Huyễn hóa không thật
Người trí buông bỏ
Có gì mà tham
Khi ấy A-dục
Quỳ dài thưa rằng
Nguyện nói pháp vị
Khiến cho chiêm ngưỡng
Tâm phẫn ưu sầu
Dứt sạch lắng trong
Người hay vọng chấp
Khiến lại quy chân
Tư duy thầy dạy
An ổn vô vi
Để cho đời sau
Biết rõ túc duyên
La-hán đứng dậy
Đến chỗ vương tử
Tay cầm bạch hào
Che đầu Pháp Ích
Nguyệt Quang phu nhân
Là mẹ vương tử
Từ chỗ ngồi dạy
Chắp tay quỳ hầu
Cung kính đốt hương
Hướng mười phương Phật
Cùng các cảnh giới
Chư vị thần kỳ
Tôn hào quỷ vương
Tụ tập xứ này
Thệ nguyện chí thành
Khiến cho Pháp Ích
Hoàn lại mắt xưa
Chư thần chứng minh
Lòng thành cảm động
Bát bộ quỷ thần
Tức liền hưởng ứng
Bốn mặt vân tập
Khắp cả hư không

Lại cáo vương tử
Nên phát tâm nguyện
Quy Phật pháp tăng
Và tôn sư trưởng
Quá khứ chư Phật
Thập phương vị lai
Từ nay quy mạng
Khởi tâm tôn kính
Chư hiền nghe con
Phát nguyện chân thật
Được thanh tịnh nhãn
Đắc đạo đến nay
Trọn không ăn trước
Trước để độ người
Rồi sau mới ăn
Nhớ lại ngày trước
Thừa sự chư Phật
Làm bậc hộ pháp
Tỳ-xá Như Lai
Dâng các thứ hoa
Tràng phan bảo cái
Cùng các kỹ nhạc
Để mà cúng dường
Lại thân đốt đèn
Quang minh tôn tượng
Bổn duyên đức này
Khiến được nhãn căn
Xưa thường lễ Phật
Phát thệ nguyện này
Dù không nhục nhãn
Ta nên tự liệu
Đắc được nhãn căn
Như trước không khác
Từ nơi nguyện này
Được thanh tịnh nhãn
Nếu như vương tử
Trong năm trăm đời
Suy xét về ta

Như thật không hư
Ta đem kim thân
Không lại thọ thai
Nguyện cho vương tử
Như ta không khác
Lại bảo A-dục
Vua nhớ ngày trước
Lấy một nắm đất
Cúng dường Như Lai
Do phước điền này
Làm vua cõi này
Thiết luân Thánh chúa
Vẫn không hề mất
Nay cũng nên phát
Nguyện thệ chí thành
Phước cùng vương tử
Khiến được nhãn căn
Bấy giờ Tôn giả
Bay lên hư không
Biến hóa vô cùng
Ra vào tự tại
Đại vương trông thấy
Chắp tay quỳ dài
Chuyên lòng ức niệm
Tự nằm xuống đất
Quy mạng Thế Tôn
Thích già văn Phật
Mong còn dư phước
Thống lĩnh Diêm-phù
Nếu khiến Như Lai
Thọ ký riêng tôi
Nguyện một trăm năm
Ở ngôi vị vua
Toàn cõi Phù-đề
Khởi tám vạn tư
Tháp miếu Như Lai
Khắp cùng mười phương
Thần nay đã nói

Ắt quả nhiên được
Toàn cả cảnh giới
Đều hưng phước nghiệp
Thống lĩnh Diêm-phù
Riêng mình tự tại
Thiết pháp không hư
Được tinh nhãn căn
Xưa đã trồng phước
Ở chỗ chân nhân
Phụng sự Tam bảo
Đạo sĩ quốc sư
Bố thí khắp cùng
Người nghèo thiếu thốn
Cùng kẻ khỏa hình
Lấy phước nghiệp đây
Thí cho vương tử
Vua nhớ ngày xưa
Tuần hành quốc giới
Trải qua sông núi
Nghi biểu thiết vi
Trần thế nghe tiếng
Chấn động đất trời
Bi ai vang dội
Âm thanh khốc liệt
Vua dù không nhìn
Thấy vua Diêm-la
Cùng thần Tham tá
Quay hỏi tội nhân
Hình trạng phạm giới
Rồi mới quyết đoán
Tùy tội mới trị
Không dừng cảm tâm
Mười tám địa ngục
Nước sôi lửa cháy
Mười sáu thí dụ
Bao quanh cái vạc
Đao kiếm núi cây
Lửa xe thiêu đốt

Tội nhân kêu khóc
Khổ nạn vạn lần
Vua hỏi tả hữu
Đây là người nào?
Chư thần đều đáp
Người chết là vua
Không phân thiện ác
Gây tội khinh trọng
Dò xét tội tình
Liệu giản hiền ngu
Bấy giờ A-dục
Nói với quần thần
Vua chết còn thế
Chịu tội địa ngục
Ta nay chính là
Thần dân của vua
Há lại không thể
Hóa địa ngục trị
Vua hỏi quần thần
Có ai làm điều
Cực ác hung bạo
Thống lĩnh địa ngục
Nên tạo ra đó
Tóc vàng mắt đỏ
Mày cong má trũng
Trán cao mũi sứt
Thường hay làm ác
Vua bảo đại thần
Nên tìm người này
Đủ dạng như thế
Tìm mau đem về
Quan liền bôn ba
Khắp các huyện thành
Thấy ở một nơi
Có nhà thợ dệt
Có để cung tên
Nhắm bắn phi điểu
Trước bày cơm độc

Dùng để bắt chim
Lại có mồi câu
Dùng để câu cá
Phía sau giăng bẩy
Để bắt thú rừng
Quan trở về cung
Tâu vua sự tình
Muốn cầu ác nhân
Thì chính là đây
Vua bảo: Lành thay!
Nếu được như thế
Mau bắt về đây
Bảo xây địa ngục
Rồi vua sai người
Gọi về ra mắt
Ban thưởng châu báu
Tùy ý mà dùng
Ác nhân nói rằng
Tôi là tiểu nhân
Không có hiểu biết
Để vua sai sử
Sứ giả bảo rằng
Ông chớ lo lắng
Vua muốn được ông
Trị việc địa ngục
Người kia hoan hỷ
Liền trở về nhà
Nói hết sự tình
Cho cha mẹ nghe
Cha mẹ nghe xong
Lòng rất ưu lo
Mới bảo con rằng
Không nên đến đó
Ý con dũng mãnh
Liền cầm dao bén
Chém chết song thân
Để rồi bỏ đi
Tìm đến chỗ vua

Quỳ lạy thưa hỏi
Tỏ vẻ cung kính
Rồi đứng một bên
Vua hỏi ác nhân
Cha mẹ khanh đâu?
Không lo phụng dưỡng
Vì sao đến đây?
Người kia trình bày
Cha mẹ cố ngăn
Nên đã giết chết
Để đi đến đây
Vua nói: Khổ thay!
Trong năm tội nghịch
Có tội giết hại
Cha mẹ của mình
Người này có thể
Dùng vào việc này
Vua liền ủy thác
Bảo làm địa ngục
Vạc lửa đao búa
Nấu đồng xây tường
Nên khiến người này
Làm chủ địa ngục
Lập chư thần tá
Các nơi đầy đủ
Như vua Diêm-la
Có cả quỷ tốt
Nếu có ai vào
Không thể cho ra
Không hỏi sang hèn
Hào tôn trưởng giả
Đều bị trị tội
Chớ tránh ngay gian
Như chính thân ta
Có vào trong này
Cũng không cho ra
Lại thêm trọng pháp
Nhiễu thành mấy vòng

Trồng đầy cây trái
Đào ao xây vườn
Tợ như Thiên cung
Riêng ta độc bộ
Đầu-đà khất thực
Thứ tự đến đi
Nơi cửa thành này
Ngoài thấy hương hoa
Cây cối xanh tốt
Cho là người tốt
Hào quý vùng này
Liền bước vào trong
Muốn tìm thọ thực
Chỉ thấy tội hình
Sợ hãi muốn lui
Quỷ tốt chặn trước
Không cho ra ngoài
Bắt đến vạc dầu
Lại thêm năm độc
Ta bèn cầu xin
Điều khiến khoan thứ
Đến trong ngày ấy
Báo ân chưa rồi
Học đạo còn sơ
Lại không rộng tụng
Nguyện xin hứa khả
Lễ mười phương Phật
Ác nhân mặc hứa
Hẹn trong bảy ngày
Sau đó không lâu
Có hai nam nữ
Phạm tội dâm loạn
Đem vào trị tội
Đặt trong cối đá
Dùng chày giã nát
Chỉ trong khoảnh khắc
Biến thành bọt màu
Lúc ta trông thấy

Duy niệm tiếng Phật
Thân như tụ bọt
Lành thay lời này
Thọ thân thai phần
Qua lại đối đãi
Gặp Thánh hằng sa
Ai tránh hoạn này
Ta nay nên tính
Nghĩa của phi thường
Phân biệt cửu lậu
Ô uế bất tịnh
Khoảnh khắc lại biến
Làm loài bạch hạc
Suy nghĩ hình này
Cốt xương tụ lại
Biến dịch bất nhất
Như huyễn như hóa
Ý liền tỏ ngộ
Giải kết lậu tận
Hận tình bên trong
Hình phát ra ngoài
Lành thay phước báo
Cùng sinh tử biệt
Tâm ý tịch diệt
Chí như kim cương
Trời đất bao la
Hoát nhiên tỏ sáng
Khắp trời đầy lửa
Không thể đốt ta
Ngục tốt lại đem
Đem vạc dầu nóng
Khi ấy ta cười
Nhan sắc bình dị
Ngục tốt nổi giận
Kêu ra bốn người
Nằm hai bên nách
Quăng vào trong chảo
Nước lạnh lửa tắt

Hóa thành thanh lương
Khảo tra đánh đập
Đều được bình an
Cùng liền hóa thành
Ngàn cánh hoa sen
Ở trong liên hoa
Ngồi kết bán già
Nằm ngồi lên xuống
Biến hóa khôn lường
Bay lên hư không
Đi trên mặt đất
Ngục tốt kinh hãi
Vào tâu với vua
Trong ngục kỳ lạ
Chưa bao giờ thấy
Xin vua tạm khuất
Đến thành Nê-lê
Vua đến trông thấy
Kỳ quái vô cùng
Vua bảo ác nhân
Ta trước ra lịnh
Nếu ta có vào
Cũng không được ra
Chuyển luân vương dạy
Không có hai lời
Nên ta sao được
Vào nơi cửa này
Sứ bạch vua rằng:
Nhưng nay một ngày
Cho vào không tội
Sau mới giới hạn
Vua liền theo vào
Thấy người trong vạc
Ngồi trên liên hoa
Kiết già ngay ngắn
Vua mới hỏi rằng:
Đây là người nào?
Khi ấy ta nói

Tôi là Tỳ-kheo
Vua lại hỏi tiếp
Ông đang trong ngục
Phải xưng tội nhân
Sao nói Tỳ-kheo
Khi ấy ta nói
Ông thật người ngu
Nhờ Thánh ban ơn
Làm vua thiên hạ
Muôn kiếp tích công
Mới được như thế
Nay lại hủy báng
Đáng gọi tội nhân
Vua hỏi Đạo nhân
Ông duyên cớ gì?
Trước mặt Chuyển luân
Bảo là ngu si?
Ta liền bảo vua
Trong thời quá khứ
Ông là đồng tử
Lấy một nắm đất
Cúng dường Như Lai
Phật liền thọ nhận
Chú nguyện cho ông
Đến chùa Ca-diếp
Lấy nước hòa bùn
Trét chùa phía Nam
Thọ ký sau này
Cõi Diêm-phù-đề
Làm Chuyển luân vương
Tên là A-dục
Chỉ trong một ngày
Khởi xây chùa tháp
Tám vạn bốn ngàn
Vua nay tạo ngục
Là Phù-đồ chăng?
Lại thêm chiêu họa
Tạo vô biên tội

Thần thức đảo điên
Tâm si ràng buộc
Ngu trong cõi ngu
Không kham làm vua
Hoặc người chấp mê
Đến chết không đổi
Nay bảo người ngu
Có gì sai hoặc
Vua liền tỉnh ngộ
Năm vóc sát đất
Tự mình sám hối
Các việc của thân
Ngục tù bãi bỏ
Hưng khởi thiện căn
Cầu được vô vi
Không khởi diệt pháp
Bởi xưa cúng đất
Nay được vương vị
Làm ruộng phước Phật
Sạch mọi ô uế
Rộng khắp mọi nơi
Phụng trì Tam bảo
Xét có phước này
Khiến được nhãn căn
Vua vì Tôn sư
Phát nguyện chí thành
Nay trên chỗ ngồi
Đắc được tịnh nhãn
Chư Thiên các cõi
Thần kỳ quỷ vương
Đều khen: Thiện tai!
Khen chưa từng có
Không thể nghĩ bàn
Thần lực cảm ứng
Phát nguyện cúng y
Chiêm ngưỡng nhãn mục
Vua và phu nhân
Trông thấy Pháp Ích

Dung mạo khác thường
Trên đời ít có
Khi ấy trời đất
Sáu cõi chấn động
Núi sông tường đá
Cũng đều lay chuyển
Trong lòng hoan hỷ
Không thể nghĩ bàn
Đến trước quỳ xuống
Bạch Thiên sư rằng:
Thầy như Phật sống
Thí mắt cho người
Mong phước uy lực
Càng sinh tịnh nhãn
Vua thấy ứng điềm
Không thể xưng thuyết
Đây tất Thiên thần
Sinh đến ta vậy
Liền cỡi mũ báo
Trao cho Pháp Ích
Thọ Chuyển luân vương
Thống lĩnh Diêm-phù
Vương tử quỳ trước
Bạch với cha rằng:
Con không uy đức
Dám giữ tôn vị
Phụ vương lại bảo
Thấy hành tích con
Chắc là Thiên thần
Không thể nghi ngại
Con để ta trị
Thật là chẳng nên
Con lên ngôi vị
Ta thì trợ giúp
Nên tùy lời ta
Thọ mũ báo này
Chớ có nghi nan
Do dự chần chờ

Thầy lại bảo rằng:
Vua nên thọ lấy
Thiên mũ uy dung
Trí hóa sáu năm
Xưa vốn làm vua
Trải sáu vạn năm
Còn thiếu sáu năm
Giảm không đủ số
A-dục sinh nghi
Bạch Đại sư rằng:
Xin nói bổn duyên
Khai sáng mê tâm
Đã tạo hạnh gì?
Nay được hào quý
Đã là con ta
Đắc được tịnh nhãn
Lại khi hủy mắt
Nay được sáng lại
Vì nhân duyên gì?
Lại được tôn quý
Pháp sư dẫn đạo
Được tịnh pháp nhãn
Nay làm Phật tử
Trần cấu đều diệt
Lại thêm đắc đạo
Ra khỏi sinh tử
Nguyện nói tích xưa
Chỗ làm bổn hạnh
Sư bảo vua rằng:
Nghe ta nói rõ
Rồi tự tư duy
Nhân duyên thuở xưa
Vào đời quá khứ
Chín mươi mốt kiếp
Có Phật tên là
Duy-vệ Như Lai
Khi ấy vương tử
Làm em của ta

Thông minh trí số
Lại khéo vẽ họa
Ta trong bảy ngày
Cúng dường Đức Phật
Vương tử cũng họa
Hình dung Như Lai
Đem hình tượng Phật
Khai thị tối thắng
Thiên hạnh Như Lai
Thật không kể hết
Đối trước Phật kia
Phát tâm thệ nguyện
Chỗ nào sinh ra
Không đọa ác thú
Thân được đoan chánh
Mắt sáng thông minh
Sinh nhà hào phú
Không chốn nghèo nàn
Thường được phụ nhân
Thấy liền ưa kính
Nếu ai có thấy
Nhào lộn xuống đất
Sau đó có Phật
Danh thức Như Lai
Cùng chư Tỳ-kheo
Đến thành Thanh minh
Trước làm Trưởng giả
Đây là thân cuối
Lại cũng cúng dường
Thừa sự Đức Phật
Kế đến có Phật
Ca-diếp Như Lai
Độ thoát chúng sinh
Không thể tính kể
Khi ấy người cầu
Làm đèn đốt sáng
Bảy ngày bảy đem
Quang minh bất tận

Thừa hưởng phước này
Xa lìa khổ não
Các nơi sinh ra
Được mắt thiên tịnh
Trong đời hiền kiếp
Có Phật ra đời
Tên Câu-tôn-na
Độ người vô lượng
Ba mươi hai tướng
Sắc tía vàng rực
Ngồi dưới gốc cây
Hàng phục ma oán
Sáu mươi sáu năm
Phụng trì cấm giới
Sáu tháng ba năm
Không hề thối thất
Kế đến có Phật
Tên Câu-na-hàm
Soi sáng thế gian
Như trăng tỏ đầy
Bấy giờ ta cũng
Là thân trưởng giả
Vương tử cùng ta
Làm con còn nhỏ
Có một Tỳ-kheo
Đắc A-la-hán
Lần lượt khất thực
Đến một nhà nghèo
Vợ con của ta
Cúng dường Tỳ-kheo
Y phục ẩm thực
Ngọa cụ thuốc men
Vương tử giận dữ
Nói với vợ rằng:
Nay nàng làm gì?
Cùng với người này
Ta nay sẽ hoại
Đôi mắt Tỳ-kheo

Lấy gì khất thật
Mà thấy vợ ta
Sau đó có Phật
Tên là Ca-diếp
Các tướng đầy đủ
Xuất hiện ở đời
Ta lại sinh ra
Hào quý trưởng giả
Rộng tiếp ân huệ
Danh xưng bốn biển
Lại gặp đứa con
Sinh ra không mắt
Do gây báo trước
Mà gặp tai ương
Rồi tạo hình tượng
Được phước báo này
Sinh vào vương gia
Nhan sắc đoan chánh
Mắt sáng tinh anh
Trong chúng Độc tôn
Người thấy vui mừng
Thảy đều quy phục
Vì xưa hủy báng
La-hán chân nhân
Mắng nhiếc phụ nữ
Hại đôi mắt ta
Do ác hạnh này
Nay bị hủy nắt
Quả báo thiện ác
Trọn không thể mất
Ta thỉnh Ca-diếp
Và chúng Tỳ-kheo
Cúng dường bảy ngày
Tùy ý cung cấp
Ngươi cũng theo đó
Bảy ngày bảy đêm
Phụng kính Như Lai
Và chư Thánh chúng

Hai tay dâng đèn
Thân không lay động
Ba ngày sám hối
Quy y theo Phật
Ta vốn đã tu
Thân khẩu ý nghiệp
Ngày nay cải hối
Tịnh tu cấm giới
Duy nguyện đời sau
Gặp được Thánh Tôn
Nơi nhà bần tiện
Được gặp cung kính
Tức trong chốn ấy
Cứu hết khổ não
Cùng cha đồng thời
Thành A-la-hán
Nơi Phật Duy Vệ
Bảy ngày đốt đèn
Phát nguyện cầu phước
Mà được thiên nhãn
Nay tuy hoại mắt
Nhục nhãn căn bổn
Mà lại đắc được
Phước báo thiên nhãn
Đã gặp Ca-diếp
Xuất hiện ở đời
Nguyện được sinh ra
Được nhãn thanh tịnh
Hoặc cũng có thời
Lập nguyện kiên cố
Muốn cùng với cha
Cùng thời thành đạo
Ở trong sáu năm
Dùng chánh pháp trị
Trọn đủ số rồi
Dứt trừ kiết lậu
Vua nghe lời này
Thiện tâm sinh trưởng

Liền qùy dài xuống
Lăn mình xuống đất
Tôn sư hôm nay
Thanh tịnh vô cấu
Với pháp Thánh hiền
An ổn vô vi
Pháp Ích tân vương
Thống lãnh Diêm-phù
Không có đạo tặc
Xâm lược của người
Không có tật bệnh
Là nghiệp ác đạo
Hành pháp từ tâm
Tương kính hòa thuận
Lúc này Pháp Ích
Bảo với quần thần
Các ngươi hiếu thuận
Chớ có ngăn tà
Cùng tâm sát đạo
Gây báo bất thiện
Cũng chớ dâm dật
Vọng nói ỷ ngữ
Rượu không qúa môi
Hằng thuận theo pháp
Không trái chánh giáo
Đạo đức huân thành
Thời vua Thiện Hóa
Trải qua sáu năm
Quỳ dài chắp tay
Bạch vương phụ rằng
Con thọ vương mạng
Không dám trái phạm
Xin được xuất gia
Tu hành thanh tịnh
Vua liền hứa khả
Học đạo xuất gia
Lễ lạy phụ vương
Từ tạ ra đi

Đến chỗ Tôn sư
Trình bày các việc
Nguyện thầy nạp thọ
Được học đạo mầu
Tôn giả vui vẻ
Mà bảo lời rằng
Thiện lai chân tử!
Cần tu phạm hạnh
Ông nay thân tâm
Đoạn trừ các lậu
Chẳng hề giải đãi
Tuân thọ hủy nhục
Cạo bỏ râu tóc
Chuyên tinh tâm ý
Khắp cõi chấn động
Mưa hoa trên trời
Cúng dường lãnh thọ
Thọ giới Cụ túc
Học pháp chân nhân
Thảy đều thông suốt
Lần hồi dạy bảo
Nghi tắc chỉ thọ
Mắt là mộng huyễn
Càng thêm tư duy
Quán pháp ngũ uẩn
Đều không sở hữu
Vô nhân vô tác
Không người thọ giả
Pháp không đều biết
Kẻ ngu đắm trước
Tóc lông thân thể
Các loại răng móng
Máu tủy thịt da
Bất tịnh đầy đủ
Thân này bất tịnh
Cũng chẳng lâu dài
Người nên tư duy
Các pháp hữu vi

Đây ngũ ấm hình
Huyễn hóa hư ngụy
Do đây vướng chấp
Không được giải thoát
Ngươi nên ân cần
Đến thành giải thoát
Như Phật thọ ký
Hẳn là hư dối
Vui cảnh vô vi
Đạm bạc thanh tịnh
Chư Phật quá khứ
Như hằng sa số
Khó độ chúng sinh
Không nghe không thấy
Khởi tâm dũng mãnh
Trong pháp Cù-đàm
Đến nơi an ổn
Không có hạn kỳ
Như thế Tôn giả
Giáo hóa Pháp Ích
Trải qua ngày đêm
Không hề ngừng nghĩ
Quán ngũ uẩn này
Như bị lửa đốt
Liền chứng La-hán
Không có thoái chuyển
Thầy lại bảo rằng
Các pháp tụ hội
Đều nên dứt bỏ
Và nơi phiền náo
Cội nguồn thiên nhân
Trôi lăn sinh tử
Giong ruỗi không cùng
Đọa vào ngũ thú
Cuối cùng sinh đây
Đều có nhân duyên
Nguồn gốc các loại
Nay vì ngươi nói

Đi đứng đảo điên
Không tự hiểu biết
Xem nhìn huyễn hoặc
Vui nhiều nên quen
Cử động phiêu diêu
Du hành khắp nẻo
Từ đó mắc phải
Sa vào địa ngục
Thống khổ trăm điều
Mê lầm bất giác
Mộng thấy hung ác
Địa ngục trói buộc
Đau đớn khôn cùng
Lắm điều giận dữ
Thanh trọc bộc phát
Cùng đến địa ngục
Lời to tiếng lớn
Không biết tàm quý
Thích chuyện huyên náo
Không phân chân giả
Nằm ngồi kêu rên
Trong mộng kinh hãi
Nên biết người này
Đọa vào địa ngục
Kêu khóc rên la
Từ trên nhìn xuống
Thích loạn nhà người
Không kể thân sơ
Nói ra thì giận
Bỏ cả ăn uống
Người này chính là
Vốn hay kêu la
Thân dài chân nhỏ
Khí tiết bạc nhược
Nói năng chẳng thông
Tiếng như phá thủng
Tinh thần bất định
Lòng chẳng hiếu thuận

Nên biết người này
A-tỳ địa ngục
Thân thể xấu xa
Đau khổ triền miên
Chẳng chút vui vẻ
Tham san tật đố
Thấy người bố thí
Tự làm phiền não
Người như thế ấy
Rớt vào địa ngục
Lửa cháy kinh hoàng
Ưa thích thiêu đốt
Đi đứng khinh xuất
Không tránh sự tình
Việc làm rồi bời
Sau lại bỏ đi
Người như thế này
Sẽ vào địa ngục
Tâm không khoáng đại
Thấy lớn thì sợ
Việc nhỏ thì vui
Người như thế ấy
Địa ngục Ưu bát
Mắt đỏ hình quỷ
Thích việc tranh tụng
Phỉ báng Thánh hiền
Người chưa đắc đạo
Ngày đêm xem xét
Làm việc phi pháp
Nên biết người này
Địa ngục Bát đầu
Mắt nhìn bốn góc
Bất hiếu song thân
Sinh thời đoản mạng
Địa ngục câu móc
Thích dùng đao kiếm
Người thích khiêu chiến
Tất tạo nhân sát

Địa ngục phân trì
Thân sinh bệnh tật
Miệng đầy khí uế
Cùng người vô thân
Địa ngục khoáng đại
Hình thể to lớn
Bước đi hèn yếu
Da bạc tóc ít
Lại nhiều bệnh hoạn
Thấy người liền giận
Tham ăn không chán
Biết người như vậy
Địa ngục lửa cháy
Hình trắng mắt xanh
Nói chẳng đuôi đầu
Lời không đoan chánh
Thích việc vui chơi
Thân sa vào chốn
Bùn lầy nhơ nhớp
Người như thế này
Thân sa vào chốn
Địa ngục nhơ nhớp
Đầu cong mắt vàng
Ác kiến cùng người
Gặp việc kinh sợ
Địa ngục đao kiếm
Tay thường cầm dao
Thấy loạn thì vui
Cầm dao giết hại
Địa ngục đao kiếm
Thân đầy tội lỗi
Thích chốn u minh
Miệng nói lời ác
Địa ngục tro nóng
Lực bạt khí thiêu
Không được tự tại
Những việc được mất
Đều không do mình

Thấy việc chém giết
Thì không xa lìa
Nên biết người này
Địa ngục sát hại
Sân giận vô chừng
Liền biết biến đổi
Có thể từ tạ
Bất kể ngày đêm
Khiển trách lòng mình
Như bị trừng phạt
Người này như thế
Thích chốn xấu xa
Ưa điều tệ hại
Đắm trước bỉ lậu
Địa ngục phẩn uế
Nhan sắc xấu xa
Miệng nói hung ác
Thích chuyện đấu tranh
Địa ngục hương thiện
Nên quán diện mạo
Việc từ đâu đến
Biết để xa lìa
Như tránh lửa đốt
Kế đến súc sinh
Thọ hình đủ loại
Chuyên lòng quán xét
Không tạo nghiệp duyên
Nói năng thư thái
Không khởi sân si
Tôn kính trưởng thượng
Từ voi mà đến
Thân nhiều xú uế
Kham nhận đói rét
Sân si khó giải
Lạc đà sinh ra
Xa lìa ham ăn
Không tránh hiểm nạn
Hiểu biết chân chánh

Kiếp ngựa đầu thai
Nhân nghĩa khoan hòa
Chịu được nóng lạnh
Việc làm không nhớ
Từ cõi trâu về
Tiếng cao không thẹn
Nhiều chỗ ác niệm
Không biết phải trái
Từ kiếp lừa đến
Lớn nhỏ không sợ
Thường tham ăn thịt
Các việc chẳng kham
Từ sư tử đến
Thân lớn mắt tròn
Thích nơi đồng vắng
Ghét chuyện thê tử
Từ kiếp hổ đến
Lông dài mắt nhỏ
Ít việc sân giận
Không vui một chỗ
Từ loài cầm đến
Tánh không phản phúc
Thích sát hại trùng
Riêng vui đồi vắng
Từ loài hồ đến
Nhỏ tiếng dũng mãnh
Không ưa dâm dục
Không thích thê tử
Từ loài lang đến
Không thích sắc phục
Tránh việc gian tà
Ít ngủ nhiều sân
Từ loài cẩu đến
Thân ngắn lông dài
Ăn nhiều ngủ kỹ
Không thích nơi vắng
Từ loài heo đến
Lông vàng bạo phát

Thích nơi núi đồi
Ham ăn rau quả
Từ di hầu đến
Đa vọng nhiều sân
Không có kiêng sợ
Làm việc trái ngược
Từ loài quạ đến
Tính mê sắc dục
Nhỏ mà nhiều loại
Tâm không ghi nhớ
Là loài bồ câu
Chỗ làm trái ngược
Chịu điều khó nhục
Bất hiếu cha mẹ
Là loài tu hú
Chẳng biết điều phải
Chẳng rõ điều trái
Đêm ngày mê hoặc
Từ loài dê đến
Thích việc đàm luận
Thân cùng hào tộc
Chúng nhân yêu kính
Loài anh vũ đến
Việc làm hung bạo
Vui trong cõi người
Lời nhiều phiền toái
Từ loài chim yến
Đi đứng thư thái
Ý có mưu tính
Hại nhiều chủng loại
Từ loài hạc đến
Thân nhỏ hiếu dâm
Ý không chuyên định
Thấy sắc tâm mê
Từ loài chim tước
Mắt đỏ răng ngắn
Nói thì nhổ bọt
Nằm thì buộc chân

Từ loài trùng đến
Nói thì sân giận
Không xét nghĩa lý
Nói lời độc dữ
Từ loài mọt đến
Riêng chỗ tham ăn
Lời nói nấc nghẹn
Đêm thì ngủ ít
Từ loài hồ đến
Đào tường xuyên vách
Tham tài dẫy đầy
Chẳng có thân sơ
Từ loài chuột đến
Thâm kỹ tướng mạo
Từ súc sinh đến
Tiếp nối ngạ quỷ
Chuyên ý lắng nghe
Thân lớn nhiều lo
Lấy tóc buộc thân
Y phục cấu bẩn
Từ ngạ quỷ đến
Môi sứt mũi thiếu
Miệng nhỏ sắc vàng
Thích chuyện điên đảo
Từ ngạ quỷ đến
Dâm dật san tham
Ghét người sở đắc
Không thích bố thí
Từ ngạ quỷ đến
Bất hiếu cha mẹ
Gia thất lớn nhỏ
Đều ưa tranh tụng
Từ ngạ quỷ đến
Âm thanh tắc hoại
Hưng khởi lòng sân
Lòng tham dẫy đầy
Từ ngạ quỷ đến
Thường thiếu tài vật

Nghèo hèn bỉ lậu
Trí giả thở dài
Từ ngạ quỷ đến
Không tin việc Phật
Không thích nghe pháp
Xa lìa cõi thiện
Từ ngạ quỷ đến
Không kính vợ con
Anh em huynh đệ
Tật đố với người
Từ ngạ quỷ đến
Sinh thì cô quả
Không có người thân
Trọn đời qua lại
Từ ngạ quỷ đến
Ý thức hẹp hòi
Không thích trang sức
Việc làm nhơ uế
Từ ngạ quỷ đến
Chỗ làm không đạt
Muôn việc buộc ràng
Bị người xua đuổi
Từ ngạ quỷ đến
Việc thành hay bại
Không rõ căn nguyên
Không nhận người dạy
Từ ngạ quỷ đến
Không thích tịnh xứ
Thích nơi ô uế
Nhan sắc xấu xí
Từ thần gió đến
Ham thích thân lớn
Thường tham ăn thịt
Thích riêng thừa tự
Từ Dạ-xoa đến
Sân giận đấu chiến
Thấy vật tham trước
Không có uý kỵ

Từ Dạ-xoa đến
Người thấy dựng lông
Đến nơi xem xét
Vừa có lại mất
Từ La-sát đến
Thân hình bạc nhược
Nhan sắc hòa vui
Nghe thì hoan hỷ
Ý thích phiêu du
Hương hoa trang sức
Thích các kỹ thuật
Từ Thát-bà đến
Thường thích ca vũ
Nam nữ theo hầu
Trước nói sau cười
Từ Chân-đà đến
Tánh tình nhu nhuyễn
Hiểu rõ thời tiết
Hay đoạn lậu kiết
Chân-đà-la đến
Đây tướng ngạ quỷ
Dạ-xoa La-hán
Kế đến nói người
Tùy theo căn nguyên
Biết chỗ sinh ra
Sở chấp không vọng
Hiểu rõ sự nghiệp
Từ nhân đạo đến
Rõ điều huyễn ngụy
Mà không theo đó
Việc làm bình đẳng
Từ nhân đạo đến
Lời nói thiện ác
Đầu không quên mất
Không tin gian ngụy
Từ nhân đạo đến
Tham dâm kiêu tật
Tâm chấp khó xả

Rõ khắp phương tục
Từ nhân đạo đến
Niềm tin bố thí
Hiểu pháp phi pháp
Tâm không thiên lệch
Từ nhân đạo đến
Không mất thời khóa
Cũng không giải đãi
Cung kính Thánh hiền
Từ nhân đạo đến
Bái kiến Sa-môn
Trì giới đa văn
Chí tâm thừa sự
Từ nhân đạo đến
Cúng dường chư Phật
Chánh pháp chúng Tăng
Tùy thời nghe pháp
Từ nhân đạo đến
Nghe pháp hiểu biết
Thấy ác không làm
Mau đến Niết-bàn
Từ nhân đạo đến
Đây là nhân tướng
Thô nói diện mạo
Nay nói Thiên trạng
Từ chỗ nào đến
Mắt tròn mặt vuông
Thân màu vàng chói
Tóc màu vàng kim
Đầy đủ kỹ thuật
A-tu-luân đến
Bước thẳng nhìn đất
Không có ngăn ngại
Thân cử chuyển động
A-tu-luân đến
Nương núi Tu-di
Có năm loại trời
Theo chỗ tạo duyên

Tướng trang không đồng
Lưng nhỏ chân thô
Thích ưa vui cười
Trí giả quán xét
Từ Khúc thiên đến
Ý thích vi diệu
Chẳng ham tài vật
Thấy đánh thì sợ
Từ Thiên thi đến
Thân tướng cao lớn
Nhan sắc đoan chánh
Không thích lửa sáng
Từ Bà thiên đến
Thường ôm lòng vui
Việc ác không nghe
Không theo lãnh thọ
Đồ lạc thiên đến
Tư duy nhẫn khổ
Thích phân biệt nghĩa
Hiếu thuận cha mẹ
Tỳ-sa thiên đến
Đêm không thích nhà
Vui du rừng núi
Chí niệm nữ sắc
Từ tám thiên đến
Tài bảo tuy ít
Sinh nhà bần tiện
Tâm thích thanh tịnh
Từ tam thiên đến
Xét mình mà làm
Mọi việc không giữ
Vọng đoạn nguyệt trái
Từ Viêm thiên đến
Thích gian dâm người
Không giữ vợ mình
Làm quỷ sai khiến
Tha hóa thiên đến
Thừa sự cha mẹ

Thường theo pháp tắc
Ít thọ nhận người
Đâu thuật thiên đến
Phi đạo cầu đạo
Tâm không vọng tưởng
Không thích ở nhà
Từ phạm thiên đến
Ý ngu tánh hiền
Thường tham ngủ nghỉ
Cũng không biết pháp
Vô tưởng thiên đến
Ngũ thú chúng sinh
Nguyên bản mỗi loài
Tánh hạnh không đồng
Tiết tháo cũng khác
Bấy giờ A-dục
Tâm còn giận dữ
Bảo với quần thần
Nghe ta truyền lịnh
Các ngươi hãy mau
Đao bén thần luân
Truy xét cho ra
Kẻ giả thư ấn
Giết hại cho hết
Dân Diêm-phù-đề
Khiến cho cảnh giới
Đều thành hoang dã
Quần thần quỳ lạy
Bạch với vua rằng
Xin nguyện khoan thứ
Nay xin xét rõ
Tìm khắp các nơi
Nghe lời diêu ngôn
Cải hình dị phục
Ẩn mình truy xét
Xem ai trá thư
Sứ giả là ai
Đến nơi thạch thất

Đó là người nào?
Ẩn mình dấu tánh
Tiếng vang ra ngoài
Phu nhân Thiện Dung
Da-xa tạo thư
Chư thần vân tập
Bạch với vua rằng
Nghe thần trần tấu
Nguồn gốc ấn thư
Đây là thủ phạm
Ở ngay cạnh vua
Phu nhân Thiện Dung
Đại thần Da-xá
Vua nghe lời này
Nổi giận thiên đình
Liền sai tả hữu
Bắt trói hai người
Đem đến chỗ vua
Cật vấn sự tình
Các ngươi hủy hoại
Mắt vương tử chăng?
Hai người run sợ
Im lặng không nói
Cũng không nói có
Lại chẳng nói không
Vua càng giận dữ
Gọi ngay cận thần
Đem hai kẻ này
Giam vào thiết lao
Bao quanh lửa cháy
Lấy lửa đốt thiêu
Cận thần nghe lịnh
Tức liền cỡi trói
Đem đến ngục thất
Nổi lửa thiêu xác
Chết đọa địa ngục
Như thế trải qua
Khổ nạn kiếp số

Sở dĩ như thế
Vương tử ngày trước
Sinh Ba-la-nại
Tài vật vô lượng
Khi ấy lão mẫu
Cơ cùng đói rét
Lại dắt con thơ
Đến nhà khất thực
Vương tử ra thấy
Liền sinh giận dữ
Dùng tay lấy đất
Ném vào mắt bà
Bà già ôm hận
Trong lòng sinh niệm
Như ta đời sau
Cùng người tương ngộ
Sẽ khoét hai mắt
Như bỏ ngói đá
Thiện ác không dứt
Như ảnh tùy hình
Lão mẫu ngày trước
Nay là phu nhân
Đứa bé đi theo
Chính là Da-xa
Hủy báng La-hán
Lại nhục cô mẫu
Các việc bức thiết
Làm sao tránh được
Bấy giờ Tôn giả
Cùng với dân chúng
Rộng tuyên pháp vị
Giáo lý vi diệu
Tư duy thuần thục
Pháp tu của mắt
Vốn từ đâu đến
Dời đổi thế nào
Đến từ vô thỉ
Đi từ vô chung

Tìm không thấy dấu
Lấy gì làm mắt
Phải nên vọng tưởng
Đây cũng không lâu
Rồi cũng hoại mất
Sắc như bọt tụ
Rồi cũng phân tán
Thinh hương vị pháp
Đều không chân thật
Lìa khổ ân ái
Oán tắng hội khổ
Phải nên dứt trừ
Tu hạnh nhân từ
Nguyệt Quang phu nhân
Các chúng thể nữ
Hơn sáu chục người
Nghe pháp thấy rõ
Đạo tích ban đầu
Đắc tịnh pháp nhãn
Bảy lần sinh ra
Bảy lần mất đi
Diệt mọi khổ tập
Lại có nam tử
Dũng mãnh anh hùng
Một ngàn khai sĩ
Nghe pháp đắc đạo
Không còn gặp nạn
Ba ngàn phu nhân
Cấu uế đều diệt
Đắc được đạo quả
An ổn vô vi
Lại có trăm ngàn
Hào quý tôn giả
Thọ Tam quy y
Thầy là Pháp Ích
Tôn giả khéo nghĩ
Đem chư Tỳ-kheo
Trên trời dẫn giải

Theo đạo mà đi
Đến thành xá rồi
Cuối cùng thuyết pháp
Bay lên hư không
Biến hóa vô cùng
Nằm ngồi tự tại
Đều bỏ mạng thọ
Nhập vào Niết-bàn
Không còn sinh lão.

Kinh Nhân Duyên Pháp Ích Thái Tử Con A-dục Vương Hoại Mắt.

(Hết)

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 183

MÃ MINH BỒ TÁT TRUYỆN

SỐ 2046

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2046

MÃ MINH BỒ-TÁT TRUYỆN

Hán dịch: Đời Hậu Tần, Tam tạng Cưu-ma-la-thập.

Có một vị Đại sư tên là Mã Minh Bồ-tát, là đệ tử của Hiếp trưởng lão.

Khi đó Hiếp trưởng lão cần tu chăm lo cho đạo pháp, liền nhập vào quán Tam-muội, để xem ai có thể xuất gia, rộng tuyên đạo pháp khai ngộ cho chúng sinh.

Ngài thấy ở bên nước Thiên trúc có một vị ngoại đạo xuất gia, có thế trí thông biện, lại khéo lý luận giáo nghĩa. Vị ngoại đạo này nói với chư Tỳ-kheo: "Các ngươi nếu có thể cùng luận biện với ta, thì nên đánh kiền chùy. Nếu như không thể cùng ta luận biện, thì không đủ công lực đánh kiền chùy để thọ sư cúng dường của người được."

Khi ấy Hiếp trưởng lão từ Bắc Thiên trúc đến thành của nước kia, nơi thành Thích-ca. Trên đường thì gặp các Sa-di cùng nhau đùa giỡn mà nói rằng:

–Này trưởng lão Đại đức đi cùng với bọn ta.

Rồi mọi người cùng đi tới, Hiếp trưởng lão sắc mặt dung mạo đều điềm nhiên tự tại. Các Sa-di có vị học rộng hiểu nhiều, thấy vị này thì nghĩ là bậc phi thường, liền hỏi các việc vừa thấy. Ngài tùy theo lời hỏi mà đáp, nhưng chân vẫn bước đều, ý sắc lại sâu xa tinh tế. Khi ấy các vị Sa-di thấy trưởng lão có đức trọng thâm thúy, biết là không thể sánh kịp thì càng thêm cung kính, đều cùng theo hầu cận.

Thế là Hiếp trưởng lão liền dùng thần lực nương theo hư không mà đi đến Trung Thiên trúc. Ngài ở lại một ngôi chùa và hỏi các Tỳ-kheo nơi đó:

Vì sao mà không đánh kiền chùy?

Các Tỳ-kheo đáp:

Trưởng giả Ma-ha-la, vì có nguyên do nên không thể đánh kiền chùy được.

Ngài lại hỏi:

- Duyên cớ gì?

Đáp:

- Có bọn ngoại đạo xuất gia, giỏi việc luận nghị, mới xướng lên nói các Sa-môn Thích tử rằng:

Nếu không có ai có thể cùng ta biệc luận thì không được cùng đánh kiền chùy để cho người cúng dường, vì lẽ đó nên không thể đánh kiền chùy được.

Hiếp trưởng giả nói:

Hãy đánh kiền chùy để bọn kia đến đây cùng ta đối chất.

Các Tỳ-kheo lớn tuổi nghe lời nói này mà vẫn cho là không thể biện luận lại. Rồi tập chúng lại bàn luận và cho đánh kiền chùy. Ngoại đạo nếu đến thì để cho vị trưởng lão này lo liệu.

Liền cho đánh kiền chùy. Bọn ngoại đạo kéo đến hỏi: Hôm nay vì sao lại đánh kiền chùy ở đây vậy?

Đáp:

- Có vị Sa-môn trưởng lão ở phương Bắc đến đánh kiền chùy chứ chẳng phải chúng tôi.

Ngoại đạo nói:

- Hãy gọi người ấy đến đây, Hiếp trưởng lão liền gặp mặt.

Ngoại đạo hỏi:

- Ông muốn luận nghị sao?

Đáp:

- Phải.

Ngoại đạo liền cười bảo:

- Dù đây là trưởng lão Tỳ-kheo thì dung mạo sao như thế.

Ngài lại nói:

- Chớ xem thường người, nếu ngươi muốn cùng ta luận bàn.

Rồi cùng nhau giao ước, sau bảy ngày nữa, nên tu tập quốc vương, Đại thần, hàng Sa-môn ngoại đạo và chư Đại pháp sư cùng đến trong hội luận này.

Đến đêm thứ sáu, Hiếp trưởng lão mới nhập vào Tam-muội thấy vị này đã có chỗ sở ứng. Qua đến sáng ngày thứ bảy, đại chúng đều vân tập đầy đủ.

Hiếp trưởng lão đến trước liền bay lên tòa cao ngồi, nhan sắc tươi

sáng vui vẻ hơn thường ngày.

Ngoại đạo đến sau nên đến trước mặt mà ngồi xuống, nhìn thấy vị Sa-môn này, dung mạo hòa nhã tươi vui mà ý chí lại an lành khoan thái, lại thấy mỗi cử động đều có đầy đủ luận tướng, liền nghĩ rằng:

Đây chẳng lẽ là Thánh nhân Tỳ-kheo sao? Ý chí an nhàn thư thái mà lại có đủ luận tướng. Ngày hôm nay phải biện luận cho thật tốt.

Rồi trưởng lão cùng giao kết với ngoại đạo nếu thua thì phải làm sao?

Ngoại đạo nói:

- Nếu thua thì xin cắt lưỡi của tôi.

Tôn giả nói:

- Không cần như vậy, chỉ cần làm đệ tử của ta thôi.

Đáp:

- Có thể được.

Lại hỏi:

- Bây giờ ai nói trước?

Hiếp trưởng lão nói:

- Ta đã lớn tuổi, lại từ xa đến đây, cũng đến đây trước, cho nên ta sẽ nói trước.

Ngoại đạo nói:

- Cũng được. Nay ông nói trước rồi tôi sẽ phá.

Hiếp Tôn lão nói:

- Nên làm thế nào khiến cho thiên hạ thái bình, nhà vua được trường thọ, dân chúng trong nước đều được an vui giàu có, mà không gặp tai ương. Ngoại đạo im lặng không biết phải trả lời thế nào? Luận pháp không đáp được liền chịu thua, phục làm đệ tử xin cạo bỏ râu tóc. Hiếp trưởng lão liền độ cho xuất gia, cho làm Sa-di rồi thọ giới Cụ túc.

Sau đó vị này, khi ngồi riêng một chỗ mới suy nghĩ rằng: Ta tài trí thông minh, xa gần đều biết tiếng, cớ sao vì một lời nói mà chịu theo người làm đệ tử, nghĩ như vậy nên lòng không vui.

Vị thầy biết tâm niệm của đệ tử, liền bảo đi vào trong phòng. Rồi ngài hiện ra các thứ thần thông biến hóa khôn lường. Đệ tử biết thầy là bậc đắc đạo, nên tâm vui vẻ tin phục, liền thưa:

Con làm đệ tử của người quả thật là xứng đáng.

Thầy bảo:

- Ngươi tài trí thông minh, vì chưa gặp chân đạo nên chưa thành vậy.

Nay học theo ta thì sẽ đắc pháp. Rõ các pháp ngũ căn, ngũ lực, bát

đạo, thất giác chi... thì sự biện tài sẽ thông đạt sâu xa. Lại suy xét nghĩ lý uyên thâm, thì không ai có thể đối đáp được.

Vị thầy liền trở về bản quốc còn đệ tử thì ở lại Thiên trúc, thông suốt hết kinh điển. Biện tài xuất thế tứ chúng đều kính phục. Vua Thiên trúc đều trân trọng kính ngưỡng.

Sau đó ở nước Thiên trúc phía Bắc có vua Tiểu Nguyệt, đem quân chinh phạt vây giữ lấy trung Thiên trúc. Vua Trung Thiên trúc mới sai kẻ thân tín tới hỏi:

Nếu có sở cầu gì thì xin cung cấp đầy đủ, cớ sao lại làm cho nhân dân khốn khổ lâu dài.

Đáp:

- Phải đem nộp ba ức vàng, thì ta sẽ tha cho.

Vua nói:

- Nước này không có đủ một ức, thì làm sao có đủ ba ức mà nạp.

Sứ kia nói:

- Trong nước ông có hai của báu, một là bát Phật, hai là Tỳ-kheo biện tài, đem hai thứ này cho ta thì có đủ hai ức.

Vua nói:

- Đây là hai bảo vật của nước tôi không thể đem dâng được.

Thế là Tỳ-kheo đến chỗ vua thuyết pháp, đem lời huấn từ rằng:

Phàm các loài hàm tình trong thiên hạ được người giáo hóa không có hai lần, Phật đạo giáo nghĩa sâu xa là để cứu độ chúng sinh. Đức của Phật đại nhân nên lấy việc cứu vật làm đầu. Việc hóa đạo ở đời rất khó khăn cho nên vua chỉ giáo hóa được một nước mà thôi. Nay việc hoằng truyền Phật đạo có thể làm pháp vương trong bốn biển vậy. Tỳ-kheo độ người nghĩa không dung dị, công đức ở tại tâm lý cũng không xa gần. Nên dù ở xa mà vẫn như ở trước mặt mà thôi.

Vua vốn tôn trọng lời nói của Tỳ-kheo nên đưa Tỳ-kheo về cho vua Thủy Nguyệt. Tỳ-kheo theo sứ về Bổn quốc. Quần thần nghị bàn rằng:

Vua phụng trì bát Phật, quyết chớ đưa cho họ. Phàm Tỳ-kheo đáng giá trong thiên hạ tới một ức lượng vàng, không thái quá.

Vua biết rõ Tỳ-kheo là bậc cao minh thắng đạt, làm lợi ích cho chúng sinh lợi lạc khôn cùng, dùng biện tài thuyết pháp cảm khắp quần sinh.

Vua muốn giác ngộ các quan còn mê hoặc, nên bắt bảy con ngựa bỏ đói đến sáu ngày, rồi triệu tập các Sa-môn đi học trong và ngoài nước. Thỉnh Tỳ-kheo đăng tòa thuyết pháp, những vị được nghe không

ai mà không khai ngộ. Vua buộc ngựa ở trước chúng hội và lấy cỏ cho ăn.

Ngựa rơi lệ nghe pháp mà không nghĩ đến việc ăn cỏ. Thế là khắp thiên hạ đều biết việc phi thường, vì ngựa hiểu được âm thanh thuyết pháp.

Do đó mà Tỳ-kheo lấy hiệu là Mã Minh Bồ-tát. Tỳ-kheo ở phía bắc Thiên trúc tuyên chương Phật pháp khéo dẫn dắt làm lợi ích quần sinh

Công đức thành tựu của người tứ chúng kính trọng. Lại xưng dương là công đức Phật.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 183

LONG THỌ BỒ TÁT TRUYỆN

SỐ 2047

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2047

BỒ-TÁT LONG THỌ TRUYỆN (1)

Hán dịch: Đời Diêu Tần, Tam tạng Cưu-ma-la-thập.

Bồ-tát Long Thọ, vốn là dòng Phạm chí ở Nam Thiên trúc, là người thông minh đạt ngộ, hiểu hết mọi việc. Trong một buổi cơm trưa, nghe các vị Phạm chí tụng bốn bài Vi-đà. Mỗi bài có bốn vạn bài kệ, mỗi bài kệ có ba trăm hai mươi ba chữ. Nghe đọc văn mà lãnh hội được nghĩa. Khi đến tuổi đội mũ (hai mươi tuổi) thì một mình đi dong ruổi các nước. Thiên văn, địa lý, kinh dịch sấm vĩ bí mật và các đạo thuật, không có điều gì mà không thông thuộc. Người cùng kết bạn với ba người cũng là người tuấn kiệt anh hùng, mới cùng nhau bàn luận rằng:

Những lý nghĩa sâu xa huyền diệu trong thiên hạ chúng ta đều khai thông hiểu rõ cả. Nay muốn làm sao để tự tìm được thú vui, rong ruổi theo những tình cảm cực dục cho thỏa chí một đời. Song các bậc Phạm chí đầy thế lực, nếu không phải hàng hào tộc, vương công thì không do đâu đắc được, duy chỉ có pháp ẩn thân là thích hợp.

Bốn người rất bằng lòng bèn tìm đến nhà thuật gia để học phép ẩn thân. Thuật sư nói rằng:

Bốn người này thuộc dòng Phạm chí, hơn cả mọi loài chúng sinh. Nay vì muốn học ẩn thuật cho nên mới chịu khuất mình đến cầu ta, đây thuộc dòng Phạm chí tài minh tuyệt thế, mà không biết pháp này thuộc pháp hạ tiện. Ta nếu dạy cho họ, nếu được rồi cũng sẽ bỏ ta mà không chịu tuân phục. Nay cứ đưa cho họ thuốc, nếu không biết khi thuốc hết thì sẽ đến tìm ta và chịu làm đệ tử.

Thế rồi phát cho mỗi người một viên thuốc màu xanh và bảo:

Các ngươi đến chỗ vắng lấy nước mài viên thuốc này ra, dùng nó bôi vào mí mắt thì có thể ẩn hình được, không bị ai thấy. Long Thọ khi

mài viên thuốc này thì nghe khí toát ra liền biết là như vậy, số lượng không hề thiếu. Rồi trở lại nói với thuật sư rằng:

Trong viên thuốc này có bảy chục chủng loại ít nhiều đều đủ cả.

Vị thầy hỏi: Ngươi do đâu mà biết được?

Đáp: Thuốc có khí tự nó có thể biết được.

Vị thầy rất thán phục và nghĩ:

Vị này nghe còn không khó, huống chi là cùng gặp mặt nhau. Ta cớ sao lại tiếc thuật hạ tiện của mình.

Thế rồi liền truyền dạy cho bốn người. Khi đã học xong pháp thuật rồi thì lấy đắc ý tự tung, họ liền đi vào trong cung vua, những người đẹp trong cung đều bị họ xâm phạm cả. Hơn trăm ngày sau thì các cung nữ đều hoài thai. Họ cùng lên tâu với vua xin chịu tội. Vua rất buồn cho đây là điều kỳ quái bất thường. Liền cho gọi các vị quan mưu trí đến hỏi việc này.

Có một vị lão thần tâu:

- Phạm việc xảy ra này thì có hai điều, hoặc là quỷ mỵ tạo nên, hoặc do phương thuật làm ra, phải xét kỹ những vùng ở các cửa thành, cho người giữ kín các con đường, nếu là kẻ tàng hình thì sẽ hiện dấu tích lên cho quân bắt trừ diệt, còn như nếu quỷ nhập vào không có dấu tích thì có thể dùng pháp thuật trừ.

Vua liền cử người giữ kín các cửa ngõ, thấy dầu vết của bốn người, thì liền tâu với vua. Vua đem vài trăm lực sĩ vào cung, đóng hết các cửa thành, rồi bảo lực sĩ khua đao vào hư không nên chém chết ba người. Duy chỉ minh Long Thọ ẩn thân bên đầu vua, đầu vua cao tới bảy thước đao không chém tới, lúc này mới hiểu rằng chính do tham dục là căn bổn gây họa khổ vô cùng, làm bại đức nguy thân cũng đều do đây cả, liền phát thệ rằng:

Nếu tôi được thoát khỏi nơi đây thì sẽ đến chỗ Sa-môn cầu xin xuất gia học đạo.

Sau khi thoát khỏi nơi đó liền tìm đến chùa Phật xin xuất gia thọ giới, trong chín mươi ngày đều thuộc làu cả Tam tạng, khi cầu xin kinh khác để đọc thì không còn, bèn tìm đến tháp trên ngọn núi Tuyết sơn. Trong tháp có một thầy Tỳ-kheo, đem kinh Ma-h điển ra cho đọc. Long Thọ tụng xong rất lấy làm vui thích, nhưng biết mình chưa thông suốt hết mọi yếu nghĩa, rồi đi chu du khắp các nước để cầu xin học các pháp khác. Đi khắp cõi Diêm-phù để tìm cầu mà không được. Đến chỗ luận sư ngoại đạo thấy tông giáo nghĩa lý thì tỏ ra rất kính phục. Đệ tử ngoại đạo mới nói rằng:

Thầy là bực trí tuệ đệ nhất, nay làm đệ tử của Phật. Đạo của người đệ tử thì phải tìm cầu học hỏi. Nếu chưa đủ thì phải tìm cầu cho đủ, nếu đã đủ thì chẳng phải bậc Nhất thiết trí.

Nghe những lời nói đó thì tâm liền khởi tà mạn, tự nghĩ rằng:

Các pháp thế gian rất nhiều, kinh Phật tuy diệu lý vô cùng nhưng còn có chỗ ta chưa tỏ suốt, thấu hiểu, nhưng mà có thể suy diễn thuyết trình bày ra, để cho người hậu học hiểu được lý lẽ là không sai trái, mà trái lại đối với sự vẫn không mất. Đây là lỗi gì? Do suy nghĩ như vậy, liền dứt trừ ngay. Tự làm thầy giáo giới mà tạo ra y phục cho chúng, khiến cho người nương Phật pháp mà có ý khác, muốn trừ hết tình nghi cho chúng, chọn ngày học đạo. Cho rằng đệ tử mới thọ giới thì phải đắp y mới. Sau đó Ngài lui về ở trong chỗ vắng vẻ, nơi tịnh phòng bên dòng nước. Đại Long Bồ-tát thấy như vậy thì lấy làm thương xót, liền đưa người đi vào trong biển, ở trong cung điện bèn mở kho tàng bảy báu ra, trong đó phát ra bảy loài hoa báu, dung chứa các hình phương đẳng thâm áo cùng vô lượng kinh điển pháp diệu mà trao cho Long Thọ. Ngài thọ lãnh rồi đọc tụng trong chín mươi ngày được thông giải rất nhiều, trong tâm thâm nhập thể tánh đắc được bảo lợi. Đại Long biết được liền hỏi:

- Ngài xem kinh hết chưa?

Đáp rằng:

- Ông chứa rất nhiều kinh điển, tôi có thể đọc gấp mười lần cõi Diêm-phù-đề.

Rồng nói:

- Kinh sách ở chỗ của tôi đây. Các nơi so với đây đều không thể kể hết.

Long Thọ khi đã thâm nhập các kinh sách và các pháp vô sinh nhị nhẫn.

Đại Long liền đưa ngài trở về cõi Nam Thiên trúc, để hoằng truyền Phật pháp và hàng phục ngoại đạo. Rồng thuyết minh về Ma-ha-diễn và làm mười vạn bài kệ Ưu-ba-đề-xá. Lại sáng tác năm ngàn bài kệ “Trang Nghiêm Phật Đạo luận”. Năm ngàn bài kệ “Đại Từ Phương Tiện luận”, năm trăm bài kệ Trung luận. Rồi khiến cho các Ma-ha-diễn, đem giáo pháp đi khắp cõi Thiên trúc. Rồi làm mười vạn bài kệ “Vô Úy luận”, “Trung luận” đều được rút ra trong luận này.

Lúc này có một người Bà-la-môn khéo biết chú thuật, muốn đem chỗ học thuyết của mình để cùng với Long Thọ tranh tài, liền bảo với quốc vương Thiên trúc rằng:

Tôi có thể hàng phục vị Tỳ-kheo này, xin vua chứng minh.

Nhà vua nói:

Ông thật là ngu si, vị Bồ-tát này, minh sánh với ánh sáng của mặt trời mặt trăng tỏa sáng, trí sánh với tâm Thánh nhân phổ chiếu, ông vì sao không chịu lánh đi mà còn muốn tranh đấu bất kính.

Bà-la-môn nói:

- Vua cho đó là bậc Minh trí, vì sao lại không dùng lý để mà chứng nghiệm, để thấy chỗ khuất nhục.

Vua nghe nói vậy liền cho mời ngài Long Thọ, thỉnh sáng mai đến đàm đạo ở trên Điện. Bà-la-môn đi đến sau, liền đến trước điện đọc chú biến thành ao rộng dài thanh tịnh, ở trong đó có cả ngàn cánh hoa sen, rồi tự mình ngồi trên đó để khoa trương với Long Thọ. Người ngồi trên đất thật chẳng khác gì loài súc sinh, mà lại muốn cùng ta là bậc trí nhân đại đức ngồi trên hoa sen thanh tịnh kháng nghị luận bàn sao?

Lúc này ngài Long Thọ cũng dùng chú thuật hóa ra voi trắng sáu ngà, đi ở trên nước đến chỗ tòa sen vị Bà-la-môn đang ngồi, dùng vòi hất cao lên rồi quăng xuống đất. Bà-la-môn bị thương nơi lưng, chịu khuất phục mà quy phục ngài Long Thọ.

Tại tôi không tự lượng nên hủy nhục Đại sư. Nguyện xin Ngài thương xót mà tha thứ cho sư ngu muội này.

Lúc này có vị vua ở Nam Thiên trúc thống lãnh các nước mà tin dùng ngoại đạo, còn Sa-môn Thích Tử thì không muốn thấy. Người dân trong nước xa gần cũng đều theo tà đạo. Long Thọ nghĩ rằng:

Cây mà không chặt rễ thì cành không ngã. Bậc nhân chủ mà không được hóa độ thì đạo không được thực hành.

Những bậc vương gia thực hành chánh pháp ở nước đó bỏ tiền để thuê người làm túc vệ. Long Thọ được mời vào làm tướng của nhà kia. Vác cây kích đứng giữ xe ngựa đi cho thẳng hàng ngũ. Tuy không uy nghiêm mà khiến cho xe đi đều, pháp không rõ ràng mà làm cho vật tùy theo ý mình. Vua thấy rất là khen ngợi, mới hỏi đây là người nào?

Người hầu thưa:

Đây là người được mời vào, đã không đòi lương thực lại không lấy tiền, mà việc làm thì hết lòng thận trọng như thế. Không biết ý người này muốn cầu điều gì?

Vua liền cho triệu đến hỏi: Ngươi là người nào?

Đáp: Tôi là Nhất thiết trí.

Vua nghe nói rất ngạc nhiên hỏi:

Bậc Nhất thiết trí trong đời rất ít có, ngươi nói như vậy thì lấy gì

để chứng minh.

Đáp rằng:

- Nếu muốn biết trí ở tại lời nói thì vua hãy đặt nói tham vấn.

Vua liền nghĩ:

Ta là bậc trí chủ đại luận nghị sư ai cũng khuất phục. Hôm nay việc này không phải nhỏ, nếu không hỏi thì không hết mối nghi ngờ.

Vua nghi ngại hồi lâu rồi mới nói:

Cõi trời nay như thế nào?

Long Thọ đáp:

- Cõi trời đang cùng với A-tu-la đấu chiến nhau.

Vua nghe lời này chẳng khác nào như người bị nghẹn đã không nhổ ra được lại không nuốt được. Muốn phản lại lời nói này mà không có chứng cớ, muốn nói việc này mà không rõ ràng để nói. Trong khoảng thời gian chưa nói được đó. Ngài Long Thọ liền nói:

Đây chẳng phải lời nói hư luận để mong phân thắng bại, vua hãy đợi một chút, sẽ có ứng nghiệm. Một lát sau trên không trung liền có các loại khí cụ đao kiếm lần lượt rơi xuống. Vua nói:

Đao kiếm này tuy là khí cụ để chiến đấu. Người làm sao biết chắc là trời cùng A-tu-la đánh nhau.

Ngài Long Thọ nói: Lời nói hư hoặc thì không bằng thấy được sự thật.

Khi nói xong thì thấy tay, chân, tai, mũi từ trên không rớt xuống, lại làm cho vua và quần thần trông thấy ở trên hư không hai bên đang đấu chiến nhau. Vua liền cúi đầu thần phục pháp hóa của Ngài. Trên điện khi ấy có cả vạn Bà-la-môn đều cạo bỏ tóc mà thành tựu pháp giới.

Lúc này có một vị pháp sư tiểu thừa có tâm tật đố phẫn giận, khi Long Thọ sắp tịch diệt mới hỏi người ấy rằng:

Ông thích ta trụ trụ đời lâu không?

Vị này đáp: Thật không muốn.

Nghe vậy, ngài bèn lui vào phòng đóng cửa mấy ngày không ra. Khi đệ tử phá cửa để vào thì thấy ngài đã thoát hóa tịch diệt. Từ giả cõi đời này ra đi nay đã được một trăm năm.

Các nước ở Nam Thiên trúc đều lập tháp cung kính cúng dường chư Phật, khi mẹ vừa sinh ngài ra lấy tên cây A-chu-đà-na mà đặt tên, để sớm được chứng thành quả đạo. Cho nên lấy chữ Long làm tên lót, đặt tên là Long Thọ.

BỒ-TÁT LONG THỌ TRUYỆN (2)

Đại sư tên là Bồ-tát Long Thọ. Sinh ra từ dòng Phạm chí ở nước Thiên trúc, thông minh kỳ ngộ, mọi việc đều thông suốt vào giờ thọ thực nghe các vị Phạm chí tụng bốn bài Vi đà gồm bốn vạn bài kệ; mỗi bài kệ có bốn mươi hai chữ. Chỉ tụng qua văn mà thấu hiểu nghĩa lý. Khi đến tuổi trưởng thành (tuổi đội mũ) thì đi chu du các nước. Về thế học thì thông thuộc cả thiên văn địa lý, kinh dịch sấm vĩ và các đạo thuật thảy đều tinh luyện. Học với ba người thì cũng có một vị tài giỏi. Rồi cùng nhau thượng nghị rằng:

- Lý của Thiên địa, chúng ta đều thấu triệt cả. Vậy thì sao không đi tìm thú vui dục lạc để cho một đời tận hưởng. Nhưng các học thuật của Phạm chí nếu chẳng phải vương công thì làm sao đắc được. Duy có pháp thuật ẩn mình là vui hơn cả. Mọi người đồng một ý, cùng đi đến nhà thuật gia mà cầu học pháp ẩn thân.

Thuật sư nghĩ rằng:

Bốn người Phạm chí này đều nổi danh ở đời, chẳng phải hạng tầm thường, vì muốn học pháp thuật mà khuất mình theo ta. Ta nếu trao cho chú pháp, nhưng bọn họ thông minh tuyệt thế rồi sẽ thông suốt. Duy pháp này này là hạ tiện, khi đắc pháp rồi họ tất sẽ bỏ đi. Vậy chỉ dạy các loại thuốc dùng hằng ngày để không biết được, thuốc hết thì lại đến cầu ta, thì mới khuất phục mà làm đệ tử.

Rồi đưa cho mỗi người một viên thuốc màu xanh mà bảo rằng:

Các ngươi tìm chỗ vắng dùng nước mà viên thuốc này rồi thoa vào mí mắt thì có thể tàng hình được. Long Thọ đem thuốc đi mài thì nghe có khí liền biết rõ các phần số của thuốc. Rồi quay lại nói với thuật sư là viên thuốc này có bảy mươi loại.

Thuật sư hỏi:

- Ông vì sao lại biết.

Đáp rằng:

- Thuốc này tự có khí chất thì làm sao không biết.

Vị thầy liền thán phục, nghĩ người này biết được các điều khó khăn, huống gì là học. Ta có nghề mọn vì sao còn tiếc, thế là dạy cho

bốn người pháp thuật ẩn mình để tự tại ra vào cung cấm. Các mỹ nhân trong cung đều bị xâm phạm cả hơn trăm người. Sau đó có người mang thai mới tâu lại với vua. Vua rất buồn, đây là điềm bất thường chăng?

Rồi cho gọi các quan thần trí thức để bàn sự việc. Có vị lão thần nói việc này có hai vấn đề xảy ra, hoặc do quỷ hoặc là do chú thuật, có thể tra xét cẩn thận các cửa ra vào, cho người chặn hết các thuật gia. Nếu là thuật nhân thì có dấu chân tự hiện mà bắt trừ đi. Còn là quỷ thì không có để dấu vết có thể dùng chú thuật mà trừ.

Làm đầy đủ các pháp như trên thì thấy có dấu bốn người, liền cho đóng chặt các cửa thành, cho gọi cả trăm lực sĩ, khua đao trên không trung chém chết được ba người, duy có Long Thọ thì ẩn mình trên đầu vua. Đầu vua cao bảy thước nên đao không chém được. Lúc này Long Thọ ngộ được tham dục là nguồn gốc của đau khổ, rồi sinh tâm nhàm chán mà phát nguyện xuất gia để được độ thoát. Sau đó tìm đến Sa-môn cầu xin xuất gia thọ giới. Trong chín mươi ngày tụng thuộc cả Tam tạng, hiểu thông lý nghĩa rồi cầu học các kinh nhưng không còn. Nơi núi Tuyết sơn xa xôi có tháp Phật, trong tháp có một trưởng lão Tỳ-kheo đưa cho Long Thọ kính Ma-ha-diễn. Tụng xong rất tâm đắc tuy ý nghĩa hiểu chưa thông. Thế nên bèn chu du các nước để cầu học kinh pháp. Đi khắp cõi Diêm-phù-đề cầu học mà không được. Hàng luận sư ngoại đạo cùng Sa-môn các Tông phái thảy đều kính phục. Từ đó Long Thọ khởi tâm kiêu mạn tự nghĩ: Học thuật trong thế giới thì rất nhiều, Phật kinh tuy diệu nghĩa mà lý lẽ vẫn chưa thông suốt, trong chỗ chưa tường tận có thể suy xét để cho người sau học. Nếu lý không trái thì sự cũng không mất. Như đây thì có lỗi gì? Suy nghĩ các việc rồi thì thi hành ngay. Muốn làm thầy giáo giới để kiến tạo pháp phục cho chúng.

Nay đối với Phật pháp sự phân biệt có khác. Muốn đem chỗ vô sở mà tạo thành Nhất thiết trí. Bèn lựa chọn ngày giờ làm thầy truyền thọ, để cho các đệ tử mới thọ giới được đắp y mới.

Long Thọ thường một mình nơi sơn thủy vắng lặng. Đại Long Bồ-tát thấy ngài như thế, tỏ ý thương tiếc mới đón vào thủy cung, ở trong cung điện Đại Long mở ao thất bảo ra, đem ra kinh điển thâm áo vô thượng diệu pháp trao cho Long Thọ. Long Thọ tụng đọc trong chín mươi ngày thì thông luyện rất nhiều. Trong tâm ngài đã đắc được thể, đạt được lợi. Đại Long biết tâm ý ấy nên hỏi rằng:

Xem kinh hiểu hết chưa?

Đáp:

- Trong kho tàng của ông kinh điển thật vô số không thể xiết, tôi đã đọc gấp mười lần cõi Diêm-phù-đề.

Đại Long nói: Kinh điển nơi cung của tôi nơi khác không thể sánh được. Long Thọ xem kinh tạng đạt đến chỗ vô sinh, tam nhẫn đều đầy đủ.

Bấy giờ vua Nam Thiên trúc tin theo ngoại đạo tà kiến hủy báng chánh pháp. Long Thọ Bồ-tát muốn giáo hóa nước kia cho nên xin vào làm kẻ túc vệ đứng trước chỗ vua đi qua. Trải qua năm thứ bảy vua mới thấy lạ hỏi:

Người này là ai? Sao lại đứng trước mặt ta.

Đáp rằng:

- Tôi là người Nhất thiết trí.

Vua nghe lời này thì rất kinh ngạc nói:

Người Nhất thiết trí trên đời ít có, nay ngươi nói thì lấy gì để chứng minh.

Đáp:

- Nếu muốn biết trí đó thì vua nên hỏi sẽ thấy.

Vua liền tự nghĩ:

Ta là bậc trí chủ đại nghị sự, lời nói ra ai cũng khuất phục mà còn không đủ để nêu danh, nhưng hôm nay việc này không phải nhỏ, nếu không hỏi ra thì sự nghi ngờ sẽ không bao giờ được giải đáp.

Vì thế vua bất đắc dĩ mà hỏi rằng:

Trên đời hiện giờ ra sao?

Long Thọ nói:

- Chư Thiên đang cùng với A-tu-la giao chiến.

Vua nghe lời này thì cũng như người mắc nghẹn, nhổ ra không được mà nuốt cũng không xong. Muốn phản bác lại mà không đủ lý lẽ. Muốn chấp nhận thì sự việc cũng chưa rõ ràng.

Lúc đó Long Thọ lại nói rằng:

Đây chẳng phải là lời nói hư luận để cầu thắng thua, vua hãy đợi một chút sẽ có ứng nghiệm.

Nói xong thì trên không trung lần lượt rơi xuống các thứ khí cụ đao kiếm cung tên.

Vua bảo:

Các thứ đao kiếm này tuy là chiến cụ, ông sao lại biết trời cùng A-tu-la đang đánh nhau?

Long Thọ nói:

- Lời hư ngôn không bằng thấy sự thật.

Nói xong thì A-tu-la bị đứt tay chân, tai mũi lần lượt rơi xuống đất. Lại khiến cho vua cùng với quần thần dân chúng thấy rõ cảnh trên không trung hai bên đang đánh nhau. Vua mới cúi đầu kính phục chịu sự giáo hóa, trên điện có vạn vị Bà-la-môn, đều cạo bỏ râu tóc mà thành tựu pháp giới.

Thế là ngài Long Thọ ở trong cõi Nam Diêm-phù-đề thành tựu được sự hoằng truyền Phật pháp, hàng phục ngoại đạo, rộng nói kinh Ma-ha-diễn. Trước tác luận Ưu-ba-đề-xá có mười vạn bài tụng. Lại viết Trang Nghiêm Phật Đạo luận có năm ngàn bài kệ. Đại Từ Phương Tiện luận năm mươi bài kệ, càng khiến cho kinh pháp Đại thừa rộng truyền khắp cõi Nam Thiên trúc. Lại tạo ra Vô Úy luận có mười vạn bài kệ, ở trong Vô Úy luận này đã rút ra thành Trung luận. Bấy giờ có Bà-la-môn khéo biết chú thuật, muốn cùng Long Thọ tranh luận nên thưa với vua Thiên trúc rằng:

Tôi có thể hàng phục vị Tỳ-kheo này, vua có thể cho thử nghiệm.

Vua nói:

- Ông thật là đại ngu si, Bồ-tát này sự thông trí đến cả nhật nguyệt cũng không thể tranh được. Trí cùng Thánh tâm đều tỏ sáng, vì sao ông không cung kính mà còn muốn tranh biện?

Bà-la-môn nói:

- Vua vì kẻ trí thì sao lại không cho thử nghiệm?

Vua nghe vậy thì cho người đến thỉnh ngài Long Thọ để tranh luận với Bà-la-môn. Bà-la-môn sau đó đi đến trước điện đọc chú biến thành một ao lớn, rất thanh tịnh bao la, trong có ngàn cánh hoa sen, tự ngồi lên trên mà mắng Long Thọ:

Ông ở trên đất ngồi chẳng khác nào như loài súc sinh, mà lại muốn cùng ta là bậc Đại trí ngồi trên hoa sen cùng kháng ngôn luận nghĩa sao?

Lúc này Long Thọ cũng đọc chú thuật hóa ra một bạch tượng sáu ngà, đi trên ao nước đến nơi tòa hoa hất người ngồi trên đó dơ lên cao rồi quăng xuống đất. Bà-la-môn bị thương nơi lưng, liền quy phục Long Thọ:

Tôi thật không biết lượng sức mình mà hủy nhục Đại sư. Nguyện xin thương xót cho tôi được bày tỏ sự ngu muội của mình.

Có một vị Pháp sư Tiểu thừa, có lòng ghen ghét, Long Thọ hỏi vị ấy rằng:

Ông có muốn ta trụ đời lâu không?

Đáp rằng:

- Thật tình không muốn.

Ngài bèn lui trở về phòng, trải qua mấy ngày không ra. Đệ tử phá cửa vào thì thấy ngài đã nhập diệt. Từ đó đến nay mới hơn một trăm năm. Các nước ở Nam Thiên trúc, đều có lập tháp thờ kính phụng như Phật. Khi mẹ hạ sinh ra Ngài đặt tên là A-chu-đà-na, A-chu-đà-na là tên của một loài cây, vì long thành đạo quả cho nên lấy tên Long làm chữ lót mà gọi là Long Thọ.

(Y theo kinh Phó pháp tạng tức là vị Tổ thứ mười ba, nhậm trí Phật pháp sau hơn ba trăm năm Phật nhập diệt).

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 183

TRUYỆN ĐỀ BÀ BỒ TÁT

SỐ 2048

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2048

TRUYỆN ĐỀ-BÀ BỒ-TÁT

Hán dịch: Đời Diêu Tần, Tam tạng Cưu-ma-la-thập.

Bồ-tát Đề-bà là người Nam Thiên trúc, là đệ tử của Long Thọ Bồ-tát. Ngài thuộc dòng Bà-la-môn, là người học thức sâu xa, có tài hùng biện tuyệt luân, nổi danh ở xứ Thiên trúc, các nước đều nghe biết. Nhưng Ngài vẫn tìm tòi học tập không ngừng. Như có điều gì chưa rõ, chưa đủ để làm tin thì tìm người hỏi cho tường tận. Ở trong nước đó có thờ một vị Đại thiên thần bằng tượng, đúc bằng huỳnh kim dài hai trượng, hiệu là Đại Tự tại thiên. Nếu ai có cầu nguyện gì đều được như ý. Đề-bà liền đi đến miếu xin được bái kiến, chủ miếu mới nói rằng:

Thiên tượng đến thần nhân nếu ngươi có thấy thì cũng không dám nhìn thẳng, nếu có nhìn thì lại cho người trở về bị thất thủ sau một trăm ngày, ông chỉ nên đến cầu nguyện, cớ sao lại cần phải thấy.

Đề-bà nói: Nếu là thần như lời ông đã nói thì phải khiến cho tôi được thấy. Nếu không thì làm sao biết được điều ước muốn của tôi mà mong cầu.

Lúc này mọi người đều cho đây là kỳ nhân, lại quy phục vì sự minh chánh, bèn kéo nhau đến miếu xem, số có đến mấy ngàn người.

Khi Đề-bà vào miếu thì Thiên tượng dao động, đôi mắt trừng lên nhìn người.

Đề-bà mới nói rằng:

Thần của trời vì sao lại nhỏ vậy? Sao không dùng uy lực để cho người trí đức cảm phục, mà lại mượn vàng tô phết lên, lấy sự tráng lệ để huyễn hoặc người.

Thế là bèn bước lên thềm đục mắt của tượng. Bấy giờ những người đến xem đều có ý nghi ngờ, bậc Đại sư tại vì sao bị vị thiếu niên

Bà-la-môn này làm xúc não, chịu khuất phục qua những lý lẽ bắt lỗi đó.

Đề-bà hiểu được tâm mọi người nên nói: Bậc Thần minh biết được các việc xa xôi rộng lớn, cho nên đem việc để mà thử ta. Ta được tâm đắc của thần cho nên trong tượng vàng xuất ra hạt pha lê này. Để cho mọi người biết thần đây chẳng phải do mượn các tính chất để tạo thành hình, chớ chẳng phải tôi khinh mạn hay là hủy nhục thần đâu. Nói rồi thì liền bước trở ra, trong đêm đó cầu các việc đều như ý, sáng sớm hôm sau cung kính đem đến cúng Thiên thần.

Đề-bà trước đã nổi danh, nay lại dùng trí để khế hợp với thần. Từ chỗ đó mà khi nói lời gì cũng đều được hưởng ứng. Trong một đêm thì việc cung cấp thực phẩm cúng cho thần đều đầy đủ. Đại Tự tại thiên cầm một xâu hình thịt cao bốn trượng, mắt trái bị khoét đi đến ngồi xuống. Nhìn thấy mâm cỗ cúng thì khen ngợi chưa từng có. Cũng nhờ công đức cao đẹp của người nên mới được như thế, mà bảo rằng:

Ông hiểu được tâm ta, vì muốn mọi người thấy hình ta mà ông có tâm cùng người đem cúng các vật thực đầy trí tuệ, để cho mọi người cảm phục, ông cung kính ta, không hủy báng nên ta mới dâng các món ăn rất ngon vật lạ. Duy còn điều ta mong muốn, nếu được thì mới thật là chân thượng thí.

Đề-bà nói:

- Thần đã hiểu thấu được tâm tôi, nếu có điều gì dạy bảo thì xin nghe theo.

Thần nói:

- Ta bị thiếu mắt trái, có thể đem cúng thí cho ta được không?

Đề-bà nói:

- Xin theo lời của thần.

Liền đưa tay trái lấy mắt đưa cho thần. Thiên thần dùng năng lực nhận lấy mắt của Đề-bà, ánh sáng của mắt đó soi sáng khắp nơi.

Thần khen ngợi rằng:

- Lành thay! Việc cúng dường tối thượng, nay ông có sở nguyện gì tất sẽ được như ý.

Đề-bà nói:

- Tôi tự lòng tỏ sáng không nhờ bên ngoài, duy chỉ còn mờ mịt mông lung nên khiến người không tin lời tôi nói, xin thần ban cho, những gì nói ra đều không hư dối, có thể theo người mong cầu mà tùy thuận.

Thần nói:

- Ông sẽ được như sở nguyện. Sau đó, Đề-bà đi đến chỗ ngài Long Thọ cầu xin xuất gia, mặc pháp phục đi hoằng hóa khắp nơi. Lúc này Vua xứ Nam Thiên Trúc thống lãnh các nước lại với nhau nên tin dùng tà đạo. Còn hàng Sa-môn Thích tử lại không muốn nhìn thấy, người trong nước xa gần đều theo đạo này.

Đề-bà nghĩ rằng:

Cây không chặt gốc thì cành lá không đổ. Bậc nhân chủ không được khai hóa thì đạo pháp không được thực hành. Các bậc vương gia trị nước đều bỏ tiền ra để mời người làm túc vệ. Đề-bà liền tìm đến xin làm quân tướng, cầm kích đứng trước đầu xe, điều khiển đoàn xe ngựa đi thẳng hàng lối chỉnh tề. Dù uy không nghiêm mà vẫn được thực hành. Đức không sáng mà muốn vật đều tùy theo ưa thích. Vua thấy vậy rất vui mà hỏi đây là người nào?

Người hầu cận thưa:

- Đây là người vừa được mời vào, đã không đòi vật phẩm mà cũng không cần tiền. Những việc làm đều đốc hết lòng như thế, không biết là ý mong cầu những gì?

Vua cho gọi tới mà hỏi rằng:

- Ông là người ở đâu đến?

Đáp:

- Tôi là bậc Nhất thiết trí.

Vua nghe thì rất đổi kinh ngạc hỏi rằng:

Bậc Nhất thiết trí trên đời ít có. Người tự nói như thế thì có chứng cớ gì?

Đáp rằng:

Muốn biết trí ở trên lời nói, vua phải lắng nghe mà suy nghĩ: Ta là bậc thầy trí chủ Đại luận nghị. Nếu chịu khuất nhục tham vấn thì đâu còn uy danh, nhưng đây chẳng phải là việc nhỏ, nếu không hỏi thì cũng như chịu khuất phục vậy.

Suy nghĩ giây lâu mới bất đắc dĩ hỏi rằng:

Trên trời nay đang làm gì?

Đề-bà nói:

- Chư Thiên cùng A-tu-la đang đánh nhau.

Vua nghe lời này, thì như người bị mắc nghẹn, đã không nhã ra được ma cũng không thể nuốt được. Muốn phản bác mà lại không có lý lẽ chứng cớ. Muốn bảo đó là việc không có mà lại không rõ ràng. Lúc còn đang nghĩ ngợi chưa nói thì Đề-bà đã nói:

Đây chẳng phải là lời hư vọng mà chính là sự thật. Vua đợi giây

lát sẽ có chứng nghiệm.

Vừa nói xong thì trên không trung liền có đao kiếm rơi xuống, có cả kích dài ngắn. Vua nói:

Đây tuy là đồ binh khí để chiến đấu, nhưng sao ông lại biết chư Thiên cùng A-tu-la đang đánh nhau.

Đề-bà nói:

Lời nói cho là hư dối, chẳng bằng thấy được sự thật.

Nói xong thì tay chân, tai mũi A-tu-la lần lượt rơi xuống đất. Vua thấy vậy thì cúi đầu thần phục pháp hóa của người.

Trên điện lúc đó có cả vạn Bà-la-môn, đều xin theo xuất gia, cầu thọ giới pháp. Thế là Đề-bà ở nơi cung vua thiết lập tòa cao giảng về Tam luận. Nói về các bậc Thánh tối thượng của Đức Phật. Tất cả các pháp tối thắng của Đức Phật. Tất cả các việc làm cứu thế của chư Tăng đều là Tối thắng đệ nhất. Lại tuyên nói các Luận sĩ ở tám phương nếu có thể hoại pháp này, thì ta sẽ chém đầu chịu khuất phục. Vì sao? Vì lập lý không rõ ràng thì là ngu si. Cái đầu của kẻ ngu si thì ta không cần, thì có chém đi cũng chẳng làm tiếc. Luận sư trong tám phương nghe lời này cũng đều cùng nhau kéo đến mà lập thệ rằng:

Nếu chúng ta không bằng thì cũng nên chém đầu, cái đầu của kẻ ngu si thì chẳng nên tiếc làm gì?

Đề-bà nói:

- Ta tu pháp từ bi để cứu giúp người cùng vạn vật. Nếu các ông không bằng ta thì nên cạo tóc làm đệ tử, không cần phải chém đầu.

Giao kết xong rồi thì mỗi bên tuyển chọn ra các bậc danh sư luận lý vô phương, rồi cùng đối đáp qua lại. Những bậc trí cạn tình sơ thì một lời nói liền khuất phục. Những bậc trí sâu tình dày thì cùng nhau đối đáp đến hai ngày. Rốt cuộc đều bị đuối lý cũng chịu theo ngài Đề-bà cạo tóc xuất gia.

Như thế hằng ngày trong vương cung đều đem tới mười vạn y bát mà vẫn hết. Trong ba tháng độ hơn một vạn người. Có một vị đệ tử tà đạo ương ngạnh vô trí. Tuy chịu khuất phục tùy chúng mà tâm lấy làm xấu hổ bất thuận. Vì vậy mà lòng cứ oán giận không nguôi rồi tự thề rằng:

Ông đã dùng lời nói mà khuất phục tôi, tôi sẽ dùng đao kiếm mà thắng lại ông, ông đem đao kiếm từ không trung xuống để làm tôi nguy khốn, thì tôi cũng đem đao kiếm thật để vây khốn ông. Nói rồi thì liền cầm đao đi tìm. Lúc này các phương luận sĩ anh tài kiệt xuất đã hết. Đề-bà trở về chốn rừng núi yên tĩnh sống một cuộc sống nhàn cư, sáng

tác ra bộ sách luận hai mươi phẩm, lại tạo ra bốn trăm bài luận để phá tà kiến. Khi ấy các vị đệ tử đều tản ra các gốc cây để tọa thiền tư duy. Đề-bà xuất thiền ra liền đi đến cung thành. Vị đệ tử Bà-la-môn đi đến một bên cầm đao đưa lên nói:

Ông dùng lời nói để thắng thầy tôi, thế thì vì sao tôi không dùng dao để mổ bụng ông.

Nói xong lấy dao chém vào ngũ tạng khiến ngài ngã quỵ xuống đất, nhưng vẫn chưa chết. Vì lòng từ mẫn thương kẻ ngu tặc này nên bảo rằng:

Ta có ba y bình bát để ở chỗ ta, ngươi có thể lấy mang đi, phải đi mau lên trên núi, cẩn thận chớ đi vào nơi đồng bằng. Các đệ tử chưa đắc pháp nhẫn của ta của ta tất sẽ tìm bắt ngươi hoặc là đưa ngươi đến chỗ quan. Vua sẽ theo phép mà trị ngươi. Ngươi vì chưa được pháp lợi, nên còn tiếc thân, tình ái còn nặng lại tiếc danh vị. Đó là cái họa trói buộc để cho muốn sinh tàn sát nhau. Thân danh đó cũng chính là căn bản gây là đại hoạn. Người ngu vì không biết nên vọng chấp xâm phạm nhau, yêu tiếc những thứ không đáng tiếc, nhưng lại không tiếc những điều đáng tiếc. Thật là đáng thương, ta mong cầu pháp Phật không vì thế mà thương tiếc, nhưng nghĩ các ngươi vì cuồng tâm không biết nên than thở ít lời.

Nọc độc của lòng phẫn hận thiêu đốt tội báo chưa được thì kêu gào than khóc mà thọ nhận, người thọ nhận thật là tự vô chủ. Người cho thì thật là không có người. Vô nhân vô chủ lấy ai để mong cầu. Thật đáng tiếc! Người chưa ngộ, vì cuồng tâm nên mê hoặc, vì điên đảo mà tâm trở lại chấp trước. Do đó mà thấy có ta có người, có khổ có vui. Khổ vui mà đến là do xúc trước. Nếu bỏ chấp trước thì không có chỗ cho khổ vui nương tựa. Không có chỗ nương về thì không có khổ, không có khổ thì cũng chẳng có vui, khổ vui là không, thì lấy gì ra vào vào trong sinh tử.

Khi nói xong lời này rồi thì các đệ tử mới đến trước thất thanh la lớn lên. Các môn nhân khắp các vườn cây đều kéo đến. Vì chưa được pháp nhẫn nên ai nấy kêu gào than khóc đập đầu xuống đất kêu la:

Oan tai! Khốc tai! Ai đã làm thầy tôi như thế này?

Cũng có người cuồng loạn lên rồi truy tìm các ngõ đường. Cùng nhau phân bổ các con đường hang hốc la lớn quát tháo đi tìm. Đề-bà lại nói với mọi người về thật pháp Chân đế. Ai oán thù, ai tàn khốc, ai giết, ai hại. Cái thật của chân pháp là không có người nhận lãnh cũng không có người hãm hại; cũng không có người thân kẻ oán tặc, không ai

bị hại. Người vì si độc lừa dối, người vì vọng sinh chấp kiến rồi kêu gào than khóc cũng đều là bất thiện nghiệp. Người làm hại đó là hại nghiệp báo chứ chẳng phải hại ta các ngươi cẩn thận suy tư, chớ có cuồng loạn khóc lóc truy đuổi bi ai quá lắm. Khi nói vừa xong thì an nhiên thoát hóa ra đi. Người này trước kia vì đã cho mắt thiên thần rồi nên chỉ còn một mắt. Vì thế người đời gọi là Già-nê-đề-bà.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 183

TRUYỆN PHÁP SƯ BÀ TẨU BÀN ĐẬU

SỐ 2049

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2049

TRUYỆN PHÁP SƯ BÀ-TẨU-BÀN-ĐẬU

Hán dịch: Đời Trần, Tam tạng
Pháp sư Chơn Đế nước Thiên trúc.

Pháp sư Bà-tẩu-bàn-đậu là người ở Bắc Thiên trúc, tại nước Phú-lâu-sa Phú-la, Phú-lâu-sa dịch là Trượng phu, Phú-la dịch là Thô.

Trong truyện Tỳ-sưu-nữu Thiên vương Thế có nói rằng: Bấy giờ Đế Thích mới sai em xuống làm vua cõi Diêm-phù-đề để hàng phục A-tu-la. Vị kia mới sinh vào Diêm-phù-đề là con của vua Bàn-tẩu-đề-bà. Có A-tu-la tên là Nhân-đà-la Đà-ma-na. Nhân-đà-la là tên Đế Thích. Đà-ma-na dịch là Phục. Đây là A-tu-la thường khiêu chiến với Đế Thích, có thể hàng phục Đế Thích, do đó mà đặt tên như vậy.

Trong Tỳ-la luận giải thích: A-tu-la dịch là Phi thiện hý, nên ứng theo tên này mà dịch. Hàng chư Thiên thì thường thích vui chơi. Còn A-tu-la thì rất ghét hý lạc cho nên mới đặt tên này. Cũng gọi là Phi thiên. A-tu-la này có em gái tên là Ba-la-phạ-bà-để. Ba-la-phạ dịch là Minh. Bà-để dịch là Phi, người này hình dung rất xinh đẹp. A-tu-la muốn hại Tỳ-sưu-nữu Thiên, nên đem em gái để lừa dối với người này. A-tu-la dùng chú thuật biến khắp cõi Diêm-phù-đề trở thành tối tăm, rồi một mình ở chỗ khuất vắng không ai thấy, chỉ để em gái ở nơi sáng sủa và nói với em rằng:

Nếu người nào muốn lấy em làm vợ, thì phải nói rằng: Anh của tôi có Đại lực, nếu muốn lấy tôi thì gặp anh tôi, nếu cùng anh tôi chiến đấu thì mới hứa chịu.

Tỳ-sửu-nữu Thiên vương khi đến chỗ sáng thì thấy cô gái này, tâm rất vui mới hỏi rằng:

–Ngươi là người nào?

Đáp:

- Tôi là A-tu-la đồng nữ.

Thiên vương nói:

- Các nữ A-tu-la trước đây vẫn thích chư Thiên, tôi không có vợ, cô cũng không chồng, nay muốn tương hợp được không?

A-tu-la nữ theo lời anh đã nói trước mà đáp lại.

Thiên vương nói:

- Nàng yêu mến tôi nên mới nói lời này. Nàng đã yêu tôi thì tôi há từ khước. Nay tôi có đại lực sẽ cùng anh nàng chiến đấu.

Thiên vương cùng A-tu-la nữ giao kết làm phu phụ.

A-tu-la sau đó đi đến chỗ sáng mới hỏi Tỳ-sửu-nữu Thiên:

Ngươi thế nào mà muốn lấy em ta làm vợ?

Thiên vương đáp:

- Nếu ta chẳng phải là trượng phu thì em gái ngươi đã bị chê cười. Ta là bậc đại trượng phu chưa có vợ, còn người ấy là đồng nữ chưa có chồng. Ta nay xin cưới cô ấy là phải đạo, đúng lý chứ có gì là lạ đâu.

A-tu-la nói:

- Ngươi có gì mà tự xưng là đại trượng phu. Nếu là trượng phu thì hãy cùng ta chiến đấu, nếu thắng thì sẽ lấy em gái ta.

Thiên vương nói:

- Nếu ngươi không tin thì sẽ quyết đấu vậy.

Thế là mỗi bên đều cầm kích hùng hỗ quyết đánh. Tỳ-sửu-nữu Thiên là thân Na-la-diên nên đao kiếm không thể đụng vào thân. Thiên vương chặt đầu A-tu-la thì đầu liền trở lại. Tay chân cũng bị chặt ra thành từng đoạn rồi cũng hoàn dính trở lại. Từ sáng đến tối chặt mãi không dứt mà A-tu-la vẫn không chết. Sức lực Thiên vương cạn kiệt dẫn tới một vấn đề rất khó khăn. Nếu để đến tối thì sức lực A-tu-la sẽ mạnh thêm. Lúc này Minh phi sợ chồng mình không thắng được, mới lấy hoa Uất-bà-la tách làm hai rồi ném hoa ra hai bên. Thiên vương liền hiểu ý nắm lấy thân A-tu-la xé ra làm hai ném ra hai bên, rồi ở giữa đó mà đi ra. A-tu-la do đây mà mạng chung.

A-tu-la ngày trước đã xin một vị tiên nhân cho một ân nguyện là thân dầu bị đâm chém chặt đứt thì cũng hoàn trở lại. Tiên nhân đã ước nguyện này nên sau đó dẫu bị chặt đứt vẫn hoàn trở lại.

Lúc này tiên nhân muốn Thiên vương giết A-tu-la nên không ban cho phép hoàn thân trở lại, cho nên mới bị mất mạng.

Tỳ-sửu-nữu Thiên bèn ở lại đất này mà tỏ rõ tâm chí của bậc trượng phu. Do đây mà gọi tên nước là Đại trượng phu. Đất này có Quốc

sư Bà-la-môn họ là Kiều-thi-ca. Vị này có ba người con đều đồng tên là Bà-tẩu-bàn-đậu. Bà-tẩu dịch là Thiên, Bàn-đậu dịch là thân. Người Thiên trúc đặt tên con đều do đây mà làm thể thức. Tuy cùng một tên nhưng đều có đặt biệt danh để cho phân biệt rõ. Người con thứ ba là Bà-tẩu-bàn-đậu, ở trong Tát-bà-đa xuất gia đắc quả A-la-hán có biệt danh là Tỳ-lân-trì-bạt-bà. Tỳ-lân-trì là tên mẹ của người, Bạt bà dịch là tử cũng dịch là nhi. Tên này thông cả người và vật như Ngưu tử cũng gọi là Bạt-bà. Chỉ có đất này mới gọi Ngưu tử là Độc trưởng tử, Bà-tẩu-bàn-đậu là người có căn tánh Bồ-tát cũng ở trong Tát-bà-đa-bộ xuất gia, sau tu định đắc quả Ly dục, tư duy về nghĩa không mà không thể ngộ nhập được, muốn tự sát thân này.

Có vị Tân-đầu-la A-la-hán, ở tại phía Đông Tỳ-đề-ha quán biết việc này nên tìm đến, vì ông mà thuyết Đại thừa không quán. Ngài như lời dạy mà quán liền được ngộ nhập. Tuy đắc được Tiểu thừa không quán mà ý vẫn chưa an, cho là lý không chỉ như thế. Do đây mà dùng thần thông bay lên cung trời Đâu-suất-đa hỏi Ngài Di-lặc Bồ-tát. Bồ-tát Di-lặc vì ngài mà thuyết Đại thừa không quán, sau đó trở lại cõi Diêm-phù-đề theo lời dạy đó để tư duy liền được đắc ngộ. Lúc tư duy, mặt đất sáu cõi đều chấn động, đắc được Đại thừa không quán rồi thì lấy đây mà đặt tên, gọi là A-tăng-già. A-tăng-già dịch là Vô trước. Về sau đó vài lần lên cõi trời Đâu-suất-đa hỏi ngài Bồ-tát Di-lặc về kinh nghĩa Đại thừa. Ngài Di-lặc vì ông mà giải nói ý nghĩa rồi tùy theo đó mà được sở nguyện.

Khi trở lại cõi Diêm-phù-đề, đem những gì đã nghe được nói lại cho người khác, nhưng những người nghe phần nhiều đều không tin.

Pháp sư Vô Trước liền phát lời thệ nguyện:

Ta nay muốn khiến cho chúng sinh tín giải Đại thừa. Xin nguyện Đại sư xuống cõi Diêm-phù-đề giải thích về Đại thừa khiến cho mọi người sinh lòng tin. Di-lặc Bồ-tát liền theo sở nguyện của ngài, vào ban đêm xuống cõi Diêm-phù-đề, Bồ-tát phóng quang minh rộng khắp, tụ tập chúng sinh có nhân duyên, ở trong giảng đường thuyết pháp tụng mười bảy bộ kinh. Rồi tùy theo chỗ đọc tụng mà giải thích hết nghĩa lý.

Trải qua bốn tháng, đêm nào cũng thuyết giảng như thế mới xong mười bảy bộ kinh. Tuy cùng ở trong một giảng đường nghe pháp, nhưng chỉ có Pháp sư Vô Trước được gần bên Di-lặc Bồ-tát, những người khác chỉ được nghe từ xa vào ban đêm khi Bồ-tát thuyết. Vào ban ngày Vô Trước pháp sư vì mọi người mà giải thích nghĩa mà Bồ-tát Di-lặc đã nói.

Do đây mà mọi người nghe rồi tin theo Đại thừa do Bồ-tát dạy.

Ngài Vô Trước tu pháp "Nhật Quang Tam-ma-đề". Như lời Bồ-tát dạy mà tu học liền đắc được định này. Về sau những kinh chưa được giải thích thì có thể thông đạt. Có được sở kiến nghe thì nhớ mãi không quên. Những kinh Phật đã giảng trước kia trong hội Hoa Nghiêm về Đại thừa pháp tạng thì đều thông lý mà giải nghĩa.

Ngài Di-lặc ở trong cõi trời Đâu-suất, cũng vì ngài Vô Trước mà giải thích kinh nghĩa Đại thừa. Pháp sư thảy đều thông đạt ghi nhớ thọ trì. Về sau ở trong cõi Diêm-phù-đề sáng tác bộ kinh Đại thừa Ưu-ba-đề-xá. Giải thích những lời mà Phật đã thuyết.

Vị đệ nhị Bà-tẩu-bàn-đậu cũng đến trong Tát-bà-đa-bộ xuất gia, là bậc bác học đa văn hiểu thông kinh sử, tuổi nhỏ mà đã tài trí song tuệ không ai sánh bằng. Giới hạnh lại thanh tịnh cao ngời khó sánh được. Vì anh và em đều đã có biệt danh cho nên ngài chỉ xưng là Bà-tẩu-bàn-đậu (Thế Nhân).

Sau khi Phật diệt độ năm chục năm có một vị A-la-hán tên là ca Chiên-diên-tử. Ca-chiên-diên là lấy theo họ mẹ mà đặt tên. Trước ở trong Tát-bà-đa-bộ xuất gia. Vốn là người Thiên trúc sau đến đến ở nước Kế tân. Nước Kế tân ở phía Tây bắc của Thiên trúc. Ngài cùng với năm trăm vị La-hán và năm trăm vị Bồ-tát cùng tuyển tập ra bộ luận Tát-bà-đa, bộ A-tỳ-đạt-ma, chia làm tám phần Già lan, tức là ở trong đây nói về tám phần Kiền-độ. Già-lan-tha dịch là Kiết cũng gọi là Tiết. Vì nghĩa của các loại này liên kết tùy thuận nhau, cho nên gọi là Kết. Lại vì nhiếp các nghĩa lý lại không làm cho phân tán ra nên gọi là Kiết. Các nghĩa loại đều có phân hạng rõ ràng cho nên gọi là Tiết. Lại cũng gọi luận văn này là phát tuệ luận vì dùng thần lực và nguyện lực rộng nói khắp gần xa. Trước kia nếu có nghe A-tỳ-đạt-ma thì tùy chỗ sở đắc nhiều ít mà đem vào luận văn này. Hàng chư Thiên, Long thần, Dạ-xoa cho đến A-già-ni-sư-sất. Trước có nghe Phật thuyết A-tỳ-đạt-ma, hoặc lược hoặc là rộng, cho đến một câu, một bài kệ cũng đều dựa vào luận hết.

Ca-chiên-diên Tử cùng với chư Bồ-tát và La-hán lý giải lại nghĩa lý.

Nếu cùng với kinh luận không có chỗ nào sai trái, thì lựa chọn để vào. Nếu có chỗ sai trái thì bỏ đi. Như thế mà làm cho văn cú nghĩa lý được tương quan. Nếu nghĩa nói về trí tuệ thì đem đặt ở trong phần trí tuệ. Nếu nghĩa nói rõ về phần định thì đem đặt ở phần định, các phần khác cũng như thế, tám phần hợp lại thành năm vạn bài kệ. Khi đã kết

xong tám phần rồi thì lại muốn giải thích về Tỳ-bà-sa.

Ngài Mã Minh là người nước Xá-vệ vùng Ba-chỉ-đa. Ngài thông suốt cả tám phần Tỳ-già-la luận và Tứ-bà-đà lục luận, giải thích thành mười tám bộ.

Trong Tam tạng kinh điển các văn nghĩa đều được tích góp mà cho vào đây. Ca-chiên-diên tử sai người đi đến nước Xá-vệ thỉnh ngài Mã Minh nghiên cứu lại văn cú. Ngài Mã Minh đi đến nước Kế tân, Ca-chiên-diên Tử lần lượt giải thích tám phần. Chư Bồ-tát và La-hán cùng nhau nghiên cứu biện giải nghĩa lý ý nghĩa về định. Ngài Mã Minh tùy theo đó mà trước tác thành văn tự. Trải qua mười hai năm mới xong bộ Tỳ-bà-sa, có đến trăm vạn bài kệ. Tỳ-bà-sa dịch là rộng giải. Khi trước thuật xong, ngài Ca-chiên Tử liền khắc vào đá lời biểu rằng: Nay những người theo học pháp này đều không ra khỏi nước Kế tân, tám phần văn cú và văn luận Tỳ-bà-sa cũng không được mang ra khỏi nước. Sợ các bộ kinh khác và luận Đại thừa làm cho hư hoại chánh pháp này. Rồi đem dâng biểu lên nhà vua, vua cũng đồng ý.

Nước Kế tân bốn bên đều có núi bao bọc như thành, duy chỉ có một cửa ra vào. Chư Thánh nhân dùng nguyện lực bảo thần Dạ-xoa giữ cửa. Nếu ai muốn học pháp này thì có thể đến nước Kế Tân mà không bị trở ngại. Chư Thánh nhân lại dùng thần lực khiến cho năm trăm Dạ-xoa làm đàn việt. Người theo học pháp này đều được cung cấp vật thực đầy đủ không bị thiếu thốn.

Ở nước A-thâu-xà có một vị Pháp sư tên Bà-sa-tu bạt-đà-la, là người thông minh đạt trí, nghe qua liền thông hiểu thọ trì, Ngài muốn học tám phần nghĩa Tỳ-bà-sa, để đến nước khác hoằng truyền nên giả làm người cuồng si đi đến nước Kế tân, thường đi đến trong đại tập mà nghe pháp, nhưng đức tính không có oai nghi nói cười lẫn lộn, có lần ở trong hội tập giảng luận Tỳ-bà-sa hỏi các việc về Ma-la-diên truyền pháp cho chúng học nhân, khiến người nghe đều tức cười.

Trong suốt mười hai năm nghe Tỳ-bà-sa đắc được văn nghĩa biến số đã xong, ghi nhớ thọ trì tại tâm, rồi muốn trở về bản quốc, khi đi đến cửa thành thì thần Dạ-xoa cao tiếng la lớn:

Thầy A-tỳ-đạt-ma nay muốn ra khỏi nước, rồi bắt đưa lại trong Đại tập. Mọi người kiểm nghiệm hỏi han thì trả lời lẫn lộn không lãnh hội được kinh nghĩa. Mọi người cho là cuồng loạn liền thả ra, Pháp sư sau đó lại đi ra cửa. Thần Dạ-xoa lại la lên và bắt đưa lên vua. Vua đưa đến nơi đại tập thì đại chúng lại kiểm nghiệm hỏi han như trước, mà không thấy lãnh hội được gì. Khi đến lần thứ tư, chư thần tuy đưa lại

trong đại chúng mà không kiểm nghiệm gì nữa, lại bảo Dạ-xoa đuổi ra khỏi nước.

Đại sư khi về được rồi, thì ở trong nước tuyên thệ khiến cho xa gần đều biết là:

Ta đã học được pháp Tỳ-bà-sa ở nước Kế tân, văn nghĩa đều hiểu đầy đủ. Nay có thể tuyên dạy lại cho các vị học giả. Thế là bốn phương đều vân tập đến, Pháp sư vì tuổi tác đã cao nên sợ nói pháp không hết, nên khiến cho các học trò đã học được thì phải tùy theo đó mà diễn thuyết ra hoặc viết lại. Chư vị ở nước Kế tân sau khi nghe pháp này đã được truyền sang nước khác, ai nấy cũng đều than thở.

Sau khi Phật diệt độ khoảng chín trăm năm, có ngoại đạo tên là Tân-xà-ha bà-sa, Tần-xà-ha là tên núi, Bà-sa dịch nghĩa là Trụ, vì ngoại đạo trụ ở trên núi này, nhân đó mà lấy núi đặt thành tên. Lại có Long vương tên là Tỳ-lợi-sa-già-na, cũng ở tại phía dưới chân núi này, Long vương này rất khéo giải luận kinh pháp. Vị ngoại đạo biết Long vương có kiến giải nên đến thọ học. Long vương hiện thân lên núi hình tướng như tiên nhân ở trong nhà lá.

Ngoại đạo tìm đến thuật lại ý mình muốn học, Long vương liền hứa khả.

Ngoại đạo liền hái hoa đầy một giỏ lớn. Rồi đầu đội giỏ hoa đến chỗ của Long vương, đi nhiễu quanh Long vương một vòng rồi ném hoa ra cúng dường, cứ một bông hoa thì làm một bài kệ tán thán Long vương. Tùy theo những gì nghe thấy, tùy theo chỗ phá mà lập nghĩa thành kệ, rồi lấy hoa ném ra ngoài. Rồi tùy theo sự cúng dường mà lập nghĩa kệ và cũng lấy hoa ném. Như thế khi ném hết giỏ hoa thì đến chỗ của Long vương.

Đã làm việc tốt đẹp lại thêm thông minh, Long vương vì đó mà thuyết Tam pháp luận và nói với ngoại đạo rằng:

Ông khi được luận này rồi thì cẩn thận chớ có sửa đổi.

Long vương vì sợ người này hơn mình, nên tùy theo chỗ sở đắc mà lựa chọn. Hoặc là văn nghĩa không rõ, ý lại sửa đổi.

Long vương khi giảng xong, thì vị này trước thuật cũng vừa hết. Liền đem bài luận trước thuật của mình đem trình cho Long vương. Long vương thấy văn chương lời lẽ hơn cả bổn chánh. Thì sinh tâm tật đố nổi lên mà giận dữ nói với người ấy rằng:

Ta trước đã dặn ngươi không được sửa đổi. Nay luận của ta nói ra ngươi vì sao lại sửa như thế. Những lời ngươi trước tác không được đem ra hành trì tuyên nói.

Ngoại đạo nói:

Thầy dặn tôi sau khi nói luận xong rồi thì không được sửa đổi. Chứ không dặn là trong khi nói luận không được sửa đổi. Tôi đã không trái lời thầy dạy, cớ sao lại trách tôi, xin thầy thi ân cho. Tôi chưa hoại thì luận này cũng không hoại. Long vương cũng hứa khả cho. Ngoại đạo được pháp này thì tâm cống cao ngạo mạn, tự cho pháp này là tối thắng không gì qua được.

Duy chỉ pháp của Thích-ca là còn thạnh ở đời, chúng sinh cho pháp này là tối đại hơn cả, vậy ta nên phá họ.

Nghĩ rồi liền đi vào nước Thâu-xà, đánh trống nói luận nghĩa:

Ta nay tuyên nói luận nghĩa này, nếu ai thắng nổi thì ta xin chém đầu mình, nếu ai bị thua thì cũng như thế.

Vua nước Bật-kha-la A-diệt-đa, dịch là Chánh Lặc Nhật. Vua biết việc này mới kêu ngoại đạo đến hỏi.

Ngoại đạo nói:

- Vua là vị quốc chủ, đối với Sa-môn hay Bà-la-môn cũng chớ nên thiên lệch. Nếu có sự tu tập hành trì thì nên thử để biết phải trái. Tôi nay muốn cùng với đệ tử của Thích-ca quyết phân thắng bại, nên lấy đầu để làm chứng.

Vua liền cho phép, rồi sai người đi hỏi các Pháp sư trong nước, ai có khả năng đối đáp với ngoại đạo, nếu có khả năng thì nên luận nghĩa.

Lúc này có Pháp sư Ma-nậu-la-tha và Bà-tẩu-bàn-đầu... chư đại Pháp sư đều đi đến nước khác chứ không ở tại đây. Ma-nậu-la-tha, dịch là tâm nguyện, chỉ có Bà-tẩu-bàn-đầu là vị thầy duy nhất.

Khi ấy có Pháp sư Phật-đà Mật-đa-la (dịch là Giác Thân). Tuy có kiến giải nhưng tuổi đã cao, tinh thần lại suy yếu, biện luận cũng không hoạt bát. Pháp sư nói: “Pháp ta sâu xa có thể rộng truyền khắp nơi.” Ngoại đạo nay đang mạnh, lại tự tung tự tác. Đấy chính lúc ta nên làm việc này.

Pháp sư liền thưa với quốc vương:

Nội trong ngày vua nên triệu tập đại chúng ở Luận Nghĩa Đường, để xem ngoại đạo cùng Pháp sư luận nghĩa.

Ngoại đạo mới hỏi Sa-môn là muốn lập nghĩa hay là muốn phá nghĩa?

Pháp sư đáp:

- Pháp ta như đại hải không có gì là không dung chứa. Còn của ông như đá gạch rớt vào đó tất sẽ chìm. Để cho ngươi tự ý lựa chọn.

Ngoại đạo nói:

Sa-môn có thể lập nghĩa, tôi sẽ phá.

Pháp sư liền lập luận:

Vô thường nghĩa là gì? Tất cả các pháp hữu vi đều ở trong sát-na sinh diệt. Nghĩa là sao? Vì sao không thấy Pháp sư nói những điều thành tựu sâu mầu của đạo lý.

Ngoại đạo nghe vậy thảy đều tụng và ghi nhờ rồi lần lần đem đạo lý ra phá lại, khiến cho Pháp sư không thể giữ vững được lập trường và không thể cứu vãn được.

Pháp sư thế là đuối lý và chịu thua ngoại đạo, nói: " Ông là giòng Bà-la-môn tôi cũng là giòng Bà-la-môn, thì không nên sát hại nhai. Nay ông chỉ lấy roi tự quất vào lưng mình, để cho biết là tôi đã thắng ông." Nói liền bỏ đi.

Vua đem vàng lạc sa thưởng cho ngoại đạo, ngoại đạo lấy vàng bố thí hết cho mọi người trong nước, rồi trở về núi Tần-xà-ha vào trong một hang đá, dùng chú thuật triệu nữ thần Dạ-xoa tên là Trù Lâm đến nói rằng: "Từ nay xin thần nữ cho một ân nguyện khiến cho tôi sau khi mất thân này biến thành đá, vĩnh viễn không bị hủy diệt." Thần nữ liền hứa cho.

Thế rồi ngoại đạo lấy đá bít hết cửa hang lại rồi ở trong đó mà xả thân mạng liền biến thành đá. Sở dĩ có lời nguyện này là vì trước kia đã có lời xin với thầy Long vương rằng: "Nguyện cho thân này chưa hoại thì Tăng già cũng không bị hủy diệt." Vì vậy luận đến nay vẫn còn.

Bà-tẩu-bàn-đậu sau khi trở về nghe sự việc này thì than thở hối tiếc là không được gặp. Bèn sai người đến núi Tần-xà-ha tìm ngoại đạo để triết phục, để lấy lại công bằng việc làm nhục Pháp sư. Nhưng ngoại đạo đã biến thành đá rồi. Thế thân lại càng buồn phiền, liền tạo ra bảy mươi bộ luận chân thật để đả phá Tăng già luận của ngoại đạo, trước sau đều bị phá vỡ hết. Bọn ngoại đạo rất sầu khổ như bị hại thân mạng. Tuy không gặp được thầy của họ. Nhưng cây Tất-đàn đã bị hoại hết cành gốc thì không còn chỗ để nương tựa. Khi Thiên Thân đã trả nhục cho Pháp sư rồi, đại chúng nghe được đều rất vui mừng, đem tam lạc kim ban cho Pháp sư. Pháp sư phân số vàng này làm ba phần. Để xây ba chùa ở nước A-luân-xà. Một chùa cho Tỳ-kheo-ni, một chùa cho Tát-bà-đa-bộ và một chùa cho Đại thừa Pháp sư từ đó về sau chỉnh đốn lại Chánh pháp; trước kia đã học thông Tỳ-bà-sa nghĩa; sau cũng vì chúng mà giảng nghĩa Tỳ-bà-sa. Một ngày giảng thì tạo ra một bài kệ để nói rõ ý trong ngày đó. Lại khắc bảng đồng để chép kệ này và đánh trống

tuyên nói rằng:

Ai có thể phá được nghĩa của kệ này thì đến phá.

Như thế lần lượt tạo hơn sáu trăm bài để nhiếp nghĩa Tỳ-bà-sa.

Mỗi bài đều như thế mà không có người nào phá được. Đó là kệ của Câu-xá luận.

Khi kệ đã làm xong rồi, thì đem năm mươi miếng vàng gói lại rồi gởi cho các Tỳ-bà-sa ở nước Kế tân.

Các vị đó nghe biết thì rất vui mừng cho là giáo pháp đã tuyên dương rộng rãi. Nhưng kệ thì ý nghĩa sâu xa huyền diệu không thể hiểu hết nghĩa.

Lại dùng năm mươi cân vàng, trước đã có năm mươi cân cộng thành một trăm cân để tặng cho Pháp sư. Xin thỉnh Pháp sư làm bài trường hàng để giải thích nghĩa của kệ này. Pháp sư liền làm bài trường hàng giải nghĩa. Lập nghĩa Tát-bà-đa, tùy theo chỗ còn chưa rõ thì dùng nghĩa kinh bộ mà phá, đặt tên là A-tỳ-đạt-ma Câu-xá luận. Sau khi luận xong rồi thì gởi cho chư vị nước Kế tân, các vị này thấy vì chấp cho nghĩa bị hoại nên rất ưu não. Thái tử của vua Chánh Lặc Nhật tên là Bà-la Chật-để-dã. Ba-la dịch là Tân, Chật-để-dã dịch là Nhật. Vua khiến thái tử theo Pháp sư thọ giới. Vương phi xuất gia cũng làm đệ tử của Pháp sư. Thái tử sau này lên kế ngôi, thì cả hai mẹ cùng thỉnh Pháp sư lưu lại ở A-thâu-xà thọ cúng dường. Pháp sư liền hứa khả. Em gái của vua Tân Nhật có chồng là Bà-la-môn tên là Bà-tu-la-đa.

Lúc này Pháp sư ngoại đạo dùng Tỳ-già-la luận nghĩa phá chỗ văn cú của Pháp sư. Cho là cùng với Tỳ-già-la luận trái nhau nên khiến Pháp sư được cứu vãng. Nếu không cứu luận này tất bị diệt.

Pháp sư nói: “Ta nếu không giải Tỳ-già-xa luận, thì há có thể cho luận này đến chỗ tột cùng được.”

Pháp sư vẫn tạo luận để phá Tỳ-già-la, trước sau ba mươi hai phẩm đều bị hoại. Thế là luận Tỳ-già-la bị mất, duy khi làm luận phá. Vua đem một lạc sa kim dâng cho Pháp sư. Còn vương mẫu thì dâng hai lạc sa. Pháp sư phân vàng này làm ba phần. Để ở chùa Trượng phu nước Kế tân và nước A-thâu-xà mỗi nơi khởi xây một ngôi chùa. Ngoại đạo ở đây rất phẫn giận muốn hàng phục được đại sư. Mới sai người đến nước Thiên trúc thỉnh pháp sư Tăng Già-phất-đà-la đến nước A-thâu-xà tạo luận để phá luận Câu Xá.

Pháp sư này khi đến đây liền phá hai bộ luận. Một là Quang Tam Ma-da luận có một vạn bài kệ, kệ này chỉ thuật Tỳ-bà-sa luận nghĩa. Tam-ma-da dịch là nghĩa loại.

Luận thứ hai là Tùy Thật luận có hai mươi vạn bài kệ để cứu Tỳ-bà-sa, nghĩa để phá Câu-xá luận. Sau khi tạo luận xong rồi, thì cho gọi Thiên Thân đến cùng quyết luận.

Thiên Thân biết luận này không thể nào phá được Câu-xá luận, nên không muốn đến gặp mặt vị kia để cùng luận chiến với Pháp sư nói:

Ta nay đã già rồi tùy ý các ông. Sở dĩ ta ngày trước tạo luận để phá nghĩa Tỳ-bà-sa, nghĩa là không cùng với các ông đối mặt để cùng luận chiến. Các ông nay tạo luận vì sao cần gọi ta để trí giải. Nên tự biết những điều phải trái.

Pháp sư đã tạo và lưu rộng ra mười tám bộ luận nghĩa. Vì diệu giải Tiểu thừa nên chấp Tiểu thừa. Vì thế mà không tin Đại thừa. Cho rằng Ma-ha-diễn chẳng phải của Đức Phật nói.

Pháp sư A-tăng-già đã biết em mình là bậc thông minh hơn người, kiến thức sâu xa thông đạt cả nội ngoại điển. Vì sợ em sẽ tạo luận phá Đại thừa cho nên Pháp sư mới đến nước Trượng phu, sai người đi đến nước A-thâu-xà bảo với Bà-tẩu-bàn-đậu rằng:

- Ta nay bệnh nặng người hãy mau đến đây.

Thiên Thân liền theo sứ giả trở về bản quốc để gặp anh hỏi thăm bệnh tình .

Người anh đáp:

- Ta nay vì tâm có trọng bệnh, tất cả đều do người mà sinh ra.

Thiên Thân hỏi vì sao lại do mình.

Anh nói:

- Vì em không tin Đại thừa nên thường hủy báng, vì ác nghiệp này tất sẽ bị trầm luân trong đường ác, do mà bị ưu sầu mạng khó bảo toàn.

Thiên Thân nghe lời này thì rất kinh sợ, liền thỉnh anh giải nói cho nghe pháp Đại thừa. Người anh bèn lược nói hết những yếu nghĩa của kinh Đại thừa. Pháp sư thông minh biết hết sâu cạn, cho nên nghe qua liền ngộ được nghĩa lý Đại thừa vượt hơn Tiểu thừa. Thế là cùng anh học nghĩa Đại thừa.

Về sau ngài cũng như anh mình đều thông đạt giải hết mọi ý nghĩa cùng soi sáng tư duy. Trước sau cùng với lý này tương ưng không có trái quấy. Mới nghiệm rằng Tiểu thừa có buông bỏ thì mới nắm được Đại thừa. Nếu không có Đại thừa thì làm sao có Tam thừa đạo quả. Xưa hủy báng Đại thừa vì lòng ưa thích tin theo, lo sợ tội này làm mình sa vào ác đạo, hiểu sâu được tội lỗi đã gây ra trước kia nên đến bên anh trình bày

sự mê lầm đã qua và nay muốn sám hối. Nhưng chưa biết pháp nào để khỏi tội, bèn nói rằng:

- Em ngày trước đã dùng ba tất lưỡi để hủy báng Đại thừa, nay nên cắt lưỡi để tạ tội ấy.

Anh nói:

- Em có cắt ngàn cái lưỡi cũng không diệt hết tội. Nếu như muốn diệt tội này thì nên tìm cách khác. Pháp sư liền thỉnh anh chỉ cách gì để sám hối tội lỗi.

Người anh nói:

- Lưỡi ngươi đã dùng để hủy báng Đại thừa, thì nay nên dùng nó để diễn nói Đại thừa như thế mới có thể diệt được tội.

Pháp sư A-tăng-già sau này nhập diệt thì ngài Thiên Thân mới tạo ra luận Đại thừa giải thích kinh văn Đại thừa như Hoa Nghiêm, Bát nhã, Niết-bàn, Pháp Hoa, Duy-ma, Thắng Man...

Các kinh điển Đại thừa đều do Pháp sư tạo ra, lại sáng lập ra Duy thức luận. Giải thích Nhiếp Đại thừa, Tam bảo tánh cam lộ môn cùng các kinh luận Đại thừa. Phàm những kinh do Pháp sư viết ra văn nghĩa đều tinh diệu, người học nghe biết đều rất tinh tưởng mong cầu. Thế nên ở nước Thiên trúc và các quốc gia ở gần những vị theo học Đại thừa đều lấy pháp của đạo sư làm căn bổn. Các bộ phái khác cùng hàng ngoại đạo ai nghe danh sư cũng đều kính phục.

Sau đó ngài ở nước A-thâu-xà xả bỏ báo thân vào năm tám mươi tuổi.

Tuy dấu tích lưu ở phàm địa, mà lý thì thật khó bàn.

Trước đã nói rõ truyện huynh đệ của ngài Thế Thân. Sau là ghi lại Tam tạng của A-xà-lê, từ hướng đông đến Quảng châu phiên dịch lại các Đại thừa kinh luận để truyền lại cho đời sau.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 183

ĐỜI TÙY - THIÊN THAI TRÍ GIẢ ĐẠI SƯ BIỆT TRUYỆN

SỐ 2050

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2050

ĐỜI TÙY - THIÊN THAI TRÍ GIẢ ĐẠI SƯ BIỆT TRUYỆN

(Môn nhân là Quán đảnh tuyển chọn).

Đại sư tên Húy gọi là Trí Húc, tự là Đức Ân, vốn dòng họ Trần. Người ở Vĩnh châu. Đời Cao Tông rất thanh truyền về lịch sử phả hệ, đến đời Phổ thế thì dời đô.

Gia đình sư mới dời đến phương Nam. Ngụ bên dòng sông Hán. Nhân đây mà dừng lại ở huyện Hoa dung thành Kinh châu. Tổ phụ của ngài học rất thông kinh truyện, đàm luận khó ai bì. Còn về võ nghiệp thì kế sách tính toán rất đa mưu túc trí. Có Lương xương đông, Vương tiêu dịch ở Kinh châu liệt vào hàng tân khách, ông nghe lời khuyên vào triều đầu quân, Chu Dị thấy khen rằng:

Nếu chẳng phải là bậc anh tài hiền quốc, thì cũng là bậc Minh quân đáng kính trọng.

Năm Hiếu Nguyên tước vị vẫn giữ chức tán kỵ thượng thị, khai quốc công thần ở huyện Ích Dương. Mẹ là người họ Từ, tánh tình ôn hòa hiền lương, đạm bạc, thường giữ trai giới, có lần nằm mộng thấy một làn hương khói năm sắc thoang thoảng bay qua, như là làn sương vòng quanh ở nơi bụng, vừa muốn phớt đi thì nghe có người nói:

Nhân duyên từ nhiều đời này ký thác vào nhà Vương đạo, phước đức tự đến vì sao lại phớt đi.

Lại nằm mộng thấy một con chuột bạch, nhân đó tỉnh dậy cảm thấy thân thể nặng nề. Đến năm sinh sư ra thì từ trong đêm hiện ánh thần quang chiếu khắp mái hiên, bỗng nhiên ánh sáng chiếu khắp các nhà bên cạnh. Gia đình thấy ánh sáng đó liền nhớ đến điềm lành trước

nói Vương đạo. Vì vậy sau đặt tên là Quang Đạo, cho nên thuở nhỏ đã lập hai tên tự. Trong con mắt có hai con ngươi. Cha mẹ dấu không cho người ngoài biết, nhưng rồi người ta cũng biết tất cả.

Đến năm bảy tuổi thích lui tới chỗ già lam, chư Tăng truyền đọc lại phẩm Phổ môn, mới nghe qua một biến liền thuộc, nhưng rồi cha mẹ cấm tuyệt không cho đi đến chùa. Nên có những ý kinh tụng còn mờ mịt chưa có nghe rõ rồi cũng tự nhiên thông hết các văn cú khác. Sau đem kinh kiểm nghiệm lại thì thấy không có sai sót. Đó là do ôn cố tri tân mà được như vậy.

Năm mười lăm tuổi, gặp lúc Hiếu Nguyên bị quốc phá gia vong, cả quyến thuộc đều bị tàn hại. Cả nhà ông cũng chạy loạn và than rằng cuộc vinh hoa hội tụ chẳng bao lâu thì lại chịu sự đau khổ khi phải chia lìa. Thế là Ngài ở nơi tượng Trường sa mà phát đại nguyện làm Sa-môn học đạo, giữ trọng trách gánh vác chánh pháp của Như Lai. Do tấm lòng chí thành đó mà cảm đến oai linh của thần liền nằm mộng thấy điềm lành tượng kia bay vào trong sân nhà, đưa tay kim sắc vàng qua song cửa xoa đảnh ba lần. Do đây mà lòng Ngài cũng chán xa cảnh gia ngục buộc ràng và suy nghĩ diệt trừ căn gốc của mọi khổ đau.

Thế nhưng cha mẹ vì lòng yêu thương không dứt nên không cho đi. Tuy là tùy thuận theo ý song thân nhưng lòng Ngài ăn ngủ không an, mới khắc cây vẽ tượng chép kinh. Sớm tối chuyên tâm lễ tụng niệm niệm không dứt. Đang lúc lễ Phật thì toàn thân đều sát đất. Thốt nhiên thấy ngọn núi rất cao như trong mộng đã thấy, đến một bờ biển lớn nước non ngưng đọng uất kết nên càng thấy rõ. Trên ngọn núi có một vị Tăng đang đưa gọi vẫy lên. Trong khoảnh khắc thì cánh tay của vị Tăng kia duỗi thẳng ra đến chân núi vào trong ngôi Già lam. Thấy bức tượng tạc ở trong điện y như trong mộng thì lệ rơi bi ai mà trình bày sở nguyện, muốn học được Phật pháp trong ba đời để đối với Thiệm bộ luận sư. Dùng lời nói vô ngại không hoang tưởng mà hưởng ân huệ tứ sự của thế gian. Vị Tăng lại đưa tay chỉ vào tượng mà nói rằng:

Ông nên ở đây suốt đời.

Khi tỉnh dậy mới biết mình vì cảm ứng với Phật mà nằm mộng, nước mắt rơi xuống đất như mưa, vui buồn lẫn lộn, lại càng chuyên cần nổ lực chuyên tu. Sau song thân lần lượt lìa đời, lo việc tang gia rồi đến thưa với anh từ biệt ra đi.

Người anh nói:

Trời đã hại chết song thân, nay ngươi còn muốn cắt đứt tâm ta, đã cô quạnh lại chia lìa thì làm sao ta chịu được.

Ông liền quỳ thưa rằng:

Xưa Lương Kinh có cả trăm vạn nô bộc thê thiếp, không bao lâu rồi cũng kẻ nam người bắc, không thể ở chung mãi. Nay em đi chính là muốn báo ân đức song thân, cho dù chẻ da lóc thịt thí ý nguyện vẫn không thay đổi.

Lúc này Vương Lâm đang chiếm cứ Sông Tương, ông đến từ biệt xin đi, Vương Lâm vì tình nghĩa xưa với Trần Hầu và lại yêu mến khí tiết của ông nên chu cấp pháp cụ, hỗ trợ tùy hỷ. Đến năm mười tám tuổi đi đến Tương châu chùa Quả nguyện của Sa-môn Pháp Tự xin xuất gia. Ngài Pháp Tự cho học luật nghi và thọ mười giới.

Sau đó đến phương Bắc học với ngài Huệ Khoáng luật sư, kiêm thông phương đẳng, cho nên được gọi là Bắc Diện sự, về sau lại đến núi Đại hiền tụng các kinh Pháp Hoa, Vô lượng nghĩa kinh, Phổ Hiền quán kinh, trải qua hai tuần thì ba bộ kinh trên đều thông suốt cả. Tiến lên tu Phương đẳng, sám hối tâm thanh tịnh cầu được thắng phước hiện tiền.

Ngài thấy đạo quang thì rộng lớn, trang nghiêm tráng lệ, mà kinh tượng thì ngang dọc khắp nơi, thân ở trên tòa cao mà chân thì ở tại giường, miệng tụng Pháp Hoa mà tay đang cầm kinh tượng. Từ đó về sau tinh thần sáng tịnh thông lợi, khi thọ giới cụ túc đầy đủ luật nghi thì tinh thông sự việc của đời trước, thường vui thiền duyệt nhưng vẫn chưa thỏa nguyện. Đất Giang đông không đủ để tham vấn học hỏi. Bấy giờ có Thiền sư Huệ Ân, người Vũ tân, danh cao, đức trọng, việc hành trì chuyên tinh; mười năm thường tụng bảy thời Phương đẳng, chín tuần thường ngồi một thời Viên chứng, ít có việc gì mà không rõ ràng phân biệt. Xưa ở tại Châu thất dự biết được Phật pháp, vì gặp tai họa nên đi ngao du khắp Nam Bắc, ý muốn dừng chân nơi chốn non xanh núi biếc, ẩn mình trên núi Đại tô ở Quảng châu. Vì tu đức tích thiện nên thường chịu đói khát. Lại, đất này là biên giới của nước Trần và Tề thường xảy ra binh biến, mà Pháp sư xem nhẹ sự sống mà quý trọng đạo pháp, nhưng rồi cái chết tưởng chừng như xảy ra trong đêm, sáng ra ngài liền vượt qua chốn hiểm nạn này mà đi. Lúc đầu được lễ bái liền suy nghĩ: Ngày xưa ở núi Linh sơn cùng nghe Pháp Hoa, túc duyên vẫn còn cho đến ngày hôm nay. Thế là ngài khai giãng đạo tràng Phổ Hiền để thuyết tứ an lạc hạnh, sớm tối khổ trí lấy kinh giáo để khai tâm. Vì chí dũng mãnh cầu pháp cho nên vật dụng phải túng thiếu, phải chặt cây bách làm hương, bách hết thì lấy cây dẽ. Lấy trúc đốt vào buổi tối, hết thì lấy tùng làm đuốc. Trải qua mười bốn ngày tụng đến phẩm Dược vương chư Phật khen ngợi là tinh tấn chân thật là như pháp cúng dường.

Nhẫn đến một câu hoát nhiên nhập vào định tịch diệu. Do tịnh này mà phát chiếu ra Pháp Hoa, như đến chỗ u cốc mà cao sáng, đạt được các pháp tương tựa như gió lớn chu du thái hư. Ngài liền đem sự chứng ngộ đó bạch với sư. Sư lại càng khai diễn, ngài càng hiểu thông cương yếu pháp mục đầy đủ. Như có chỗ nào lầm lạc thì hỏi lại tường tận, thấu đạt mọi lẽ. Tự tâm tỏ ngộ và nhờ sự giáo huấn của thầy. Công lực tu trong bốn đêm bằng cả trăm năm. Hỏi một thì biết tới mười, tuệ quán đều vô ngại, thiền môn cũng không ngưng trệ. Trong đêm tu tập mà tuệ khai phát sáng như hoa nở. Ở trong tư duy vị thầy tán thán rằng:

Không phải chứng chẳng phải ta, chẳng phải người, cũng không phải thức. Chỗ nhập định đó chính là Pháp Hoa Tam-muội tiền phương tiện vậy; chỗ phát khởi thì từ sơ khởi toàn là Đà la ni, khiến cho văn tự của thầy cho dù thiên kinh vạn quyển, thì chỗ hùng biện của ngươi cũng không cùng tận. Ở trong chỗ thuyết pháp đó, ngươi là đệ nhất.

Bấy giờ có Thiền sư Huệ Mạc, việc hành trì chưa thông nên những lúc luận biện cho người nghe rất mờ. Tự nói với môn nhân rằng:

Ta là bậc Sư tử hống chân pháp ở thế gian. Còn các người khác là tiếng nói của loài dã can, tâm nhãn chưa khai, làm cho người mê muội. Tiên sư trích dẫn kinh điển để chất vấn, đem những điều chính lý để bẻ mọi lời giả trá, để cho chúng nhân thấy rõ, phân biệt được sự phải trái. Lọc bỏ hết thì nước lắng đọng làm cho cát đá dễ lộ ra, như thế thì kẻ mê đồ sẽ nhận biết mà trở về bến giác.

Sau đó sư nằm mộng thấy ba tầng lầu cát. Huệ Mạc đứng ở dưới còn mình thì ngồi ở trên, có một người dơ tay trợn mắt lên nói rằng:

Vì sao coi thường vậy? Vì sao mà còn nghi pháp? Có gì thì nên hỏi ta.

Tiên sư nghênh tiếp, phân ra tân chủ thưa hỏi. Nộ nhân đem hết những lý diệu cùng tận, rồi nhân đó dạy rằng:

- Trừ các pháp thật tướng ra, các pháp khác đều là ma sự. Dạy xong rồi thì nhìn lại không thấy Nộ nhân và Huệ Mạc đâu nữa.

Trong đêm có nghe người nói đó chính là thần linh. Sáng ra đi đến chỗ thầy trình bày lại. Thầy bảo: Ông quán Bát-nhã không thiếu phẩm nào, phàm các chủng loại tướng mạo có chín mươi sáu đường. Kinh nói nếu thuyết pháp thì thần sẽ hỗ trợ, thì ông ngày ngày khắc phục tâm ngã mạn, đêm thì đuổi hết bọn tà ác không để mất chánh đạo.

Vị thầy khi khắc chữ vàng Đại phẩm kinh xong rồi, tự khai huyền nghĩa rồi bảo ngài thay thế giảng đạo.

Thế rồi ngài đem trí soi khắp mười phương nhật, nguyệt, biện luận

các phẩm loại thâm sâu, trình bày pháp đạo lý lẽ như thế nào, duy chỉ có tam Tam-muội và tam quán xứ, dùng pháp này để thẩm xét lại.

Vị thầy tay cầm như ý đi đến chỗ ngồi nghe khen rằng: Có thể gọi đây là pháp phó, pháp thần, pháp vương của người vô sự.

Huệ Khoáng luật sư cũng đến ngồi trong hội tọa mà nói rằng:

- Lão Tăng từng nghe pháp nơi hiền tử này.

Đáp:

- Chỗ hiểu của Thiền sư chẳng phải là sâu rộng.

Lại nói:

- Công lực của Pháp hoa nay đã giảng xong rồi.

Thầy dạy rằng:

- Ta từ lâu ý muốn đi đến Nam hoành, chỉ tiếc là pháp chưa có người ủy thác. Nay ngươi đã đắc được pháp đạo rất vừa ý của ta. Nay ta phó chúc lại cho ngươi. Ngươi hãy đem pháp này mà truyền thừa giáo hóa, chớ để cho đoạn tuyệt.

Đã trao pháp huấn cho đệ tử rồi vị thầy đi về núi Hoành nhạc. Lại nghe ở Kim lăng sự nhân nghĩa không mấy tốt lame nên thử tìm đến đó xem. Nếu pháp được hoằng truyền ở đất này thì không cô phụ sự phó chúc. Thế là cùng với các vị pháp hỷ hai mươi bảy người cùng đến kinh đô của nhà Trần. Nhưng các bậc thượng đức và mọi người biết tiếng cũng kéo đến. Quả nhiên có một vị Lão tăng tên là Pháp Tế tự khoe thiền học, nói rằng:

- Có người nhập định nghe nhiếp động cả sơn địa. Bậc trí Tăng giảng nói pháp vô thường này là thiền gì?

Đáp:

- Nếu thiền định không sâu thì tà kiến sẽ nhập vào, nếu nói thì định hoại vô nghi.

Pháp Tế kinh hãi đứng dậy từ tạ:

- Lão tăng thân thường đắc định này. Nay nghe chỗ linh diệu ông, thì mới biết giải thoát chân thật. Nay nghe điều chưa từng nghe. Nếu chẳng phải là gặp bậc thiện trí thức, cũng thấy được tâm người. Pháp Tế đem điều này nói lại với triều đình và nói rằng: Triều đình ở chốn dân quê, tiếng tâm khiến cho đạo tục xa gần đều biết. Pháp sư Đại Nhẫn đây là người đạo cao đức trọng đương thời, mở khai thiện pháp không giao thiệp với đời.

Lúc này có Nghĩa Tập đến hội Tương sơn cùng với Tiên sư Quán tuệ khai thông đạo pháp, làm cho thính giả đều lắng tai nghe, chấp tay thành kính nghe điều chưa từng nghe.

Đại Nhẫn khen rằng:

- Đây chẳng phải là văn sớ xuất ra, là quán cơ mà luận biện Bát-nhã, chẳng phải lợi cũng chẳng phải độn, lợi độn do duyên mà có. Người độn căn mà trì sâu, ý cũng đắc được đạo vị. Lão tăng này may mắn gặp được pháp dược mà quên mất cả bệnh đau. Trước đạt được lời mà tung thành tiếng để nêu cao pháp đạo. Từ đó mà tuệ sáng lời sâu, nhập vào chốn định chiếu Thiên cung, đồng hành với chư Phật, bỏ hết mọi thiền duyên cấu tập mà phát lời thệ rằng:

- Nay thân bị chướng ngại bức bách không toại chí. Lãnh thừa hoằng pháp đạo thông cho hậu thế, mong được ứng khả. Sau đó mộng thấy tiên môn nói rằng:

- Thiền sư là Tông phạm đời trước của ta, ông nên nhất tâm phụng sự.

Đã phụng lời minh huấn rồi nên càng nổ lực tham cứu một chữ cũng không mất, lễ bái không tránh cả bùn nước, khi xem kinh sớ thì rữa tay, đốt hương kính cẩn lạy ba lễ. Lòng cung kính đối với văn tự mỗi câu đều xưng tụng. Nếu chẳng phải là bậc trí đức vi diệu. Há lại khiến cho trong đời tổ được văn hùng ý khuất như thế sao? Rồi cùng với Thẩm Quân luận nghị. Thỉnh ngài đến khai tựa kinh Pháp Hoa. Vua sắc lệnh sau khi bãi triều, bàn việc với quần thần xong cùng các quan thượng thư Mao Hỷ, Quang Bộc, Dạ Châu, Hoằng Chánh v.v... đi đến chỗ Pháp sư. Tất cả đều được nghe pháp vị. Ở chùa Tiểu Trang nghiêm có vị Tăng tên Huệ Vinh trông coi việc nước. Một hôm cầm quạt vừa đưa lên ngang mày, thì quạt liền rơi xuống đất. Biết rằng cả tu và hành sự thật khó mà đáp ứng được liền chấp tay than rằng:

- Pháp hôm nay phi thiền mà lại bất trí đây sao?

Pháp sư Pháp Tuệ lúc đó cũng cùng ngồi bèn vỗ vào lưng của Tuệ Vinh mà giễu cợt rằng:

- Trước đây là rồng nay thành Phục lộc. Quạt đã rơi rồi, thì làm sao che giấu sự hỗ thẹn.

Tuệ Vinh đáp:

- Vì khinh địch cho nên mất thế lực. Thế nên, muốn hưng khởi pháp màu, rồng hoằng long thọ, càng khiến cho bậc cao túc gặp nạn nhiều lần. Lau gương thì phải lau cho sáng, rửa vàng bày đủ sắc; chuyển giả thành thật mà quên mất chỗ về. Người hiếu thắng thì ôm lòng thẹn không bàn luận mà cho là hay.

Thuở kiến sơ Bảo Huỳnh nói với Phùng Nhượng Lộ rằng:

- Lúc thiếu thời học thiền không gặp được bậc danh Tăng. Lớn lên

tuy có lòng tin gặp được hiền nhân thì tuổi cũng đã già. Sự khát ngưỡng đã nhiều đời, được sự dẫn dắt lên Bạch Mã thẩm vấn với chư vị tâm đức mà được học đạo mở mang trí tuệ. Chư vị như pháp An Định Lâm đều là bậc đạo đức Long tượng của đất Kim lăng, dẫn đầu chư tăng chúng. Thế là bèn bỏ yếu chỉ ở phương Nam, đảnh lễ nơi phương Bắc. Nơi đây bốn phương đều quy tụ, người từ phương xa đều tìm đến, đều không tiếc thân mạng, để mong được lợi ích. Lòng mong được thấm nhuần đạo pháp vi diệu, nên càng chú tâm vào thiền định trí tuệ mà quên ăn quên ngủ. Tiên sư thường đối với chúng làm đấng Điều ngự, nên dừng lại ở nơi Ngỏa quang tám năm để giảng luận Đại Trí độ, thuyết lần lượt các pháp thiền môn. Việc ích lợi của sự nói năng hay mặc niệm cũng khó nói hết. Tuy mỗi sự động tịnh đều hợp với đạo, mà lỗi lầm vẫn không tránh được. Khi Nam nhạc chỉnh đốn đạo pháp thì cũng có phần nào hưng thạnh lên. Lúc nhà Trần hưng khởi vua thường ra trấn Động đình, các vị công khanh theo hộ tống đưa tiễn đưa xe trở về Ngỏa quan. Thấy mọi người đều bỏ sơn động, mà lễ bái ân trọng, nhân đó mà ngài than rằng:

- Ta đêm qua nằm mộng, gặp bọn cường đạo. Nay bèn có khinh tắc, nếu bị buộc râu tóc, xương cốt đều bị cắt tiệt thì nhớ kéo đuôi.

Nhưng môn nhân là Tạ Di nói:

- Tôi nghe việc ám xạ thì ứng vào dây cung. Vô minh chính là ám vậy, còn môi răng chính là cung. Tâm lo nghĩ nơi dây cung, âm thanh như tên bắn. Đêm dài vọng phát ra không thể hiểu biết, nếu làm lợi ích cho một người, thì tâm của dây huyền nên thích ứng.

Lại nữa, Pháp sư như gương sáng, vuông tròn như tượng. Nếu duyên theo tâm câu chấp thì chuyển dời vô tận. Nếu duyên bị tâm che lấp thì tự nhiên dính mắc. Xưa Nam nhạc bắt đầu khuyến hóa ở vùng Giang đông. Lúc đầu có bốn chục người tọa thiền thì có hai chục người đắc đạo. Năm kế cũng có một trăm tọa thiền thì có hai mươi người đắc pháp. Năm kế nữa có hai trăm người tọa thiền thì chỉ còn mười người đắc pháp. Về sau thì mỗi lúc học đạo càng nhiều nhưng đắc đạo thì ít. Khi ta đi hoằng hóa đạo thì biết là các bậc là các bậc hiền thiện đều tùy theo đó mà an lạc. Ta muốn bày tỏ cái chí của mình. Nhưng Tương Sơn quá gần chẳng thể tránh được sự huyên náo. Nghe nói ở núi Thiên thai là vùng đất rất xứng hợp là chỗ Tiên cung. Đạo pháp nơi đây có thể hưng khởi. Dùng thi phú thì núi này chẳng khác gì chốn bồng lai. Nếu dứt duyên ở nơi này mà đến chốn ấy mới thỏa chí nguyện.

Vua Trần Tuyên Đế có sắc lịnh cho quan Bộc xạ cầu thỉnh pháp

sư. Thế là ngài theo lời thỉnh cầu mà thẳng đến Đông xuyên tức là vào đời Trần Thái Kiến năm thứ bảy mùa thu tháng chín, ngài bắt đầu đến núi Thiên thai, nhàn du sơn thủy, đem đạo pháp đến chốn núi rừng, vui cùng thạch am tịnh lặng. Tham học nơi sơn lộ cao thâm. Từ đó ngài cùng Tăng chúng khỏi đầm làm cầu đá. Nhiều lần đi đến chỗ Nam môn. Trải qua thời gian dài mà chưa nghĩ đến chuyện định cư. Hằng đêm ở cầu đá thấy có ba người mặc áo đỏ đội khăn đen. Có một lão tăng tiến đến nói rằng:

- Thiền sư nếu lập chùa ở núi này thì có chùa của Hoàng thái tử xin dâng ngài.

Pháp sư nhân đây nói rằng:

- Ngay như hôm nay một am tranh cũng khó làm, thì làm sao có thể lập chùa?

Lão Tăng đáp rằng:

- Nay chẳng phải thời của Tam quốc tạo thành một thế lực lớn, nên người có thể tạo chùa ở đây. Chùa nay vì nước nhà thanh bich, cho nên đặt tên chùa là Quốc thanh. Lúc này trên đỉnh núi ba mặt đều vắng vẻ không người lui tới. Tuy là được thần linh mách bảo nhưng làm sao chu toàn chí nguyện để thấy Phật nơi xứ Lãng nam mà làm kẻ tả hữu trên ngọn núi, soi sáng ánh đạo mầu. Nghĩ thế thì trong lòng bồi hồi lo lắng.

Khi đó Thiền sư Định Quang ở ẩn tích trên núi đã ba mươi năm, đạo hạnh cao minh dễ quen nhưng khó biết, nếu có chỗ huyền bí gì thì phần nhiều đều có sự chứng nghiệm vào ban đêm, lại nghe bean am tranh của Định Quang có tiếng khách kêu giữa chốn hư không, vang đến tận sơn cốc mà tạo thành các vần điệu sâu xa huyền diệu, ngài hỏi Định Quang tiếng này ở đâu? Định Quang duỗi tay dài ra mà ngâm rằng: "Nghe tiếng kiền chùy triệu tập Tăng chúng, đó là tướng đắc trụ. Lòng nghĩ mắt thấy, tay vẫy cùng tương kiến được không? Với người khác thì chớ giải thích ý này. Nhân theo ánh sáng từ phía Bắc núi này mà sáng lập già lam. Quanh đó cây cối rừng tùng tổ chim bao quanh thềm đá. Từ xa trông thấy chùa như trông giấc mộng không khác. Phía Bắc chùa có ngọn núi đứng riêng biệt gọi là Hoa đảnh. Lên đó đứng nhìn thì không thấy các ngọn núi khác. Ở đây cũng xa hẳn mọi sự huyên náo và ấm áp hơn các nơi khác. Tiên sư rời chúng một mình đến đây tu Đầu-đà.

Bỗng nhiên sau đêm đó có gió lớn nổi lên nhổ bạt cả cây cối. Sấm chớp vang động cả núi, ma quỷ vong mị hiện ra muôn hình vạn trạng. Hoặc đầu mang hình rồng rắn, hoặc miệng thổi ra tinh khí. Xuất ra hình

lửa như mây đen, âm thanh phát ra như sét đánh. Thay đổi biến hóa khôn lường. Muốn đồ hoạ sao chép lại các việc quỷ thần biến hóa, sợ rằng cũng không đúng được. Chỉ có an tâm thậm nhiên nơi chỗ không tịch, thì cảnh giới bức bách kia tự nhiên tiêu mất. Bỗng chốc lại hiện ra hình cha mẹ sư tăng, hoặc quỳ hoặc nằm thảy đều bi thương rơi lệ. Ngài chỉ chuyên niệm quán tưởng thân thể đạt đến chỗ không tịch, thì các tướng ưu não tự tiêu diệt. Muôn duyên nhu nhuyễn hay cường mạnh đều không thể khuấy động. Đến sáng sớm thì có Thần tăng hiện đến nói rằng: "Kẻ chế ngự được địch thắng được oán tặc thì có thể cho là dũng mãnh. Nhưng qua cái khó này không ai bằng thầy. Nay đã an ổn rồi thì nên thuyết pháp. Nếu cầu xin thuyết pháp thì có thể đắc ý, chứ không thể dùng văn mà chép lại. Nên ở trong lời nói mà tuỳ diễn giải rõ ràng. Cho dù có vạch mây thấy mặt trời cũng không thể hiểu .

Ngài lại hỏi:

- Đại Thánh là ai? Pháp môn đây gọi là gì? Học và hoằng truyền như thế nào?

Đáp:

- Đây gọi là Nhất thật đế, pháp học là Bát-nhã, pháp tuyên nói là đại Bi.

Từ đó về sau đối với mọi người ngài đều tỏ ra cho biết sự tu hạnh Đầu-đà đã xong, muốn quay về Phật long mà vui cảnh gió mây sơn thủy quên hết ngoại duyên. Bên trong thì thâm thiền đặt tuệ diệu dụng an vui. Nhưng Phật long gian nan cách trở, thuyền xe không thể đến được. Năm đó mất mùa Tăng chúng đều hóa duyên, Pháp sư lúc này tuệ nhãn đã thong thả, chỉ trồng rau ăn trái mà an bền không lo lắng.

Bỗng có chiếu của Trần Tuyên Đế nói rằng:

- Thiền sư là bậc Long tượng hùng kiệt của Phật pháp đương thời, những lời tuyên huấn của người xa gần đạo tục đều khát ngưỡng. Nay cắt huyện Thỉ phong phải cung cấp đầy đủ phí tổn và điều chúng lên đó cùng hai hộ dân để cung cấp việc củi nước. Chúng nhân đó tụ lại đông đúc nên ngài không lấy làm vui thích lắm.

Lúc này có Viên Tử Hùng ở Quận Trần đi vào rừng cách một trăm dặm. Lại có một vị tên là Sùng Nghiệm Dân hai người cùng đi lên núi giảng kinh Tịnh Danh liền ở lại tu trì trai giới. Chuyên tâm nghe pháp. Một hôm Tử Hùng thấy trước giảng đường có một ngọn núi Lưu ly phát ra ánh sáng rực rỡ. Ở phía Bắc quả núi có khe nước chảy quanh dưới đáy đầy ngọc đẹp. Phía trên có cầu vòng lấp đầy ngọc báu trang sức. Có khoảng mười vị Phạm tăng, tay bưng lò lửa từ trên núi mà đi ra rồi bước

lên cầu đi vào giảng đường tề chỉnh oai nghi đầy đủ khói hương thơm ngát trời. Tử Hùng hỏi Sùng Nghiệm Dân. Sùng bảo là không thấy.

Tử Hùng nhân đó mà phát tâm sửa sang lại giảng đường. Việc này chẳng phải là khó khăn. Giảng đường ngày nay vẫn còn ở tại đó.

Nhưng núi Thiên thai nền chùa gần nơi biển lớn. Dân cư ở đây đều theo nghề ngư phủ. Họ đắp bờ ngăn khe nước để dẫn cá. Đến mùa thu thì nước dâng lên đầy khắp cả bờ. Đêm ngày triều nước dâng đầy cả nơm cá, tiếng kêu gào của biển cả của các loài thủy hải sản vẫn không ngớt. Chẳng phải chỉ có loài thủy tộc mới bi thương như thế, mà thuyền nhân qua lại cũng thường bị nhận chìm. Thấy vậy tiên sư động lòng thương cảm, liền đem cả thân mình cùng y phục chuộc một phần đầm ao để làm chỗ phóng sinh sau này.

Sau đó, ở người tên Hủ Lâm ở huyện bên thỉnh sư giảng kinh Kim Quang Minh và chẩn tế cứu vật vô biên. Bảo vật khi ấy trong hang cũng hiện ra. Ngài đem tâm từ tu thân thì người thấy đều hoan hỷ. Đem tâm từ tu khẩu thì người nghe đều được phát tâm. Ngày ân cần dẫn dắt người tu thiện hiểu rõ lý nhân quả, phù hợp với hoàn cảnh của ngư dân, cải ác làm lành, lấy lòng hiếu sinh mà bớt việc sát sinh. Dòng nước xiết dài hơn ba trăm dặm. Các khe đập để đánh bắt hải sản hơn sáu mươi chỗ. Đồng thời đều bỏ hết tạo thành ra một sông pháp. Một ngày cứu tế cả vạn ức số, đâu chỉ dừng cả ngàn thôi đâu. Các ghe thuyền qua lại trên sông đều được nghe giảng phẩm Lưu Thủy. Lại phân phát lương thực đầy đủ tài thí và pháp thí. Thuyền ra khỏi cửa biển thì đến núi phù dung. Rồi hợp lại cao vút như hoa sen hồng mới nở. Những hòn đá nằm ngang rủ xuống giống như hoa héo sắp rụng. Thầy bèn nói lại giấc mộng năm xưa thấy đi trên biển cũng giống như thế. Sa-môn Tuệ Thừa, cùng với thủ quỹ Huyền Trí trước tác lại sách văn thơ vịnh nhiều nhưng không chép lại. Hủ Lâm sau đó trở về kinh đô. Chỉ chuyên vào việc tọa thiền. Còn các việc khác thì giao cho Quan Đình Úy, học pháp và nhớ lời dạy của tiên sư, nguyện hết lòng thâm cứu. Một đêm nằm mộng thấy cá nhiều cả vạn ức không thể tính hết, đều bấn nước thấm ướt vào người của Hủ Lâm. Sáng hôm sau có chiếu chỉ bắt tội Hủ Lâm thì vào lúc đúng ngọ, đột nhiên có một đám mây lành, đủ các màu vàng tía trắng đỏ, hình trạng như vầng nguyệt sáng tỏ, tụ ở trên hư không, từ xa bao phủ cả đãnh chùa. Lại có một bầy Hoàng Tước (chim sẻ) bay lượn trên không, cất tiếng kêu rầm rĩ rồi đậu lại trên mái nhà đến nửa ngày rồi mới đi.

Pháp sư nói: “Bầy cá ở sông hóa thành Hoàng tước bay đến đây

để tạ ơn đó." Thầy liền bảo môn nhân là Huệ Bạt đến Kim lăng dâng biểu.

Vua Trần Tuyên Đế lịnh chiếu rằng:

- Nghiêm cấm việc đánh bắt cá nơi đó và làm nơi phóng sinh mãi mãi về sau này.

Trần Đông Cung hỏi Tử Lăng rằng:

- Công đức của ngài Thiên Thai ai có thể viết bia ký.

Đáp:

- Xin để thần chấp bút. Đến khi vua Tuyên Đế băng hà việc vẫn chưa làm được. Khi đó Quốc Tử sắc lệnh cho Sái Tửu, Từ Hiếu khắc cây làm bia. Bia đến nay vẫn còn ở trên núi. Người xem ai cũng rơi lệ.

Khi đó thái tử Trần Văn Hoàng. Dương Vương Xuất phủ Âu Việt, đều rất ân cần tín tâm, tìm đến nơi hoang vắng mà tu các pháp Phương đẳng, quyến thuộc cũng cùng thọ lãnh tịnh giới. Ban ngày thì nghe giảng pháp, tối đến tập tọa thiền.

Tôn sư hỏi đệ tử Trí Việt rằng:

- Ta muốn khuyến hóa vua tu phước trừ họa có nên chăng?

Trí Việt đáp:

- Phủ liêu nay không còn cựu thần tất không cần sự nóng lạnh.

Thầy nói:

- Dứt việc cơ hiềm ở đời cũng là làm việc thiện.

Sau đó vua đi du ngoạn bị té ngựa mà chết.

Trí Việt lúc này mới cảm thấy hối hận. Nên vì tiên sư mà tự mình khuyên đại chúng làm lễ Quan Âm cùng sám hối. Chuyên tâm trì chí thành cùng với Vương Giác, Tiểu Tỉnh tọa thiền, Vương Giác khi đó thấy một vị Phạm tăng tay cầm lư hương thẳng đến hỏi Vương Giác rằng:

- Việc đời trị loạn như thế nào?

Vương Giác xuất mồ hôi mà không đáp được. Vị Tăng bèn đi nhiễu quanh Vương Giác một vòng, khói hương bay phản phất khắp bên hữu. Đột nhiên bao nhiêu phiền não ưu tư đều dứt sạch. Giới tuệ ngày trước tu trì bấy giờ hiện ra rõ ràng trước mắt. Nếu không muốn sinh tín tâm há có thể được. Thế là liền làm nguyên văn rằng:

- Ngưỡng nguyện ngài Thiên Thai A-xà-lê là bậc đức độ an viễn. Đạo hạnh tỏ sáng khắp xa gần, chấn tích vân tụ, đem chánh pháp cứu độ hết chúng mê lầm. Nguyện tuệ nhật ngày thêm tỏ sáng, cứu vớt kẻ trầm luân. Lại đem pháp môn quán thông hết cõi Thiền uyển, kết hữu vi để xa lìa nhẫn vô sinh ngay hiện tại. Đệ tử nghiệp chướng mê mờ,

trầm luân trong biển ái. Tuy được nghe pháp lạc mà không thâm nhập tâm, được soi thiền duyệt mà trọn đời tâm tán loạn lo toan. Ngày thì dong ruổi như ngựa không cương, khi trăng tỏ thì quay đầu trở lại, gặp bóng hằng nga thì khó mà dừng được. Có hợp có tan nên không dứt. Yêu pháp, kính pháp cứ dần dà không thôi. Nguyện đời đời kiếp kiếp sinh ra được gặp Thiên Thai Trí giả hằng tu phước cúng dường. Như ngài Trí Tích phụng thờ Trí Thắng Như Lai. Như Dược vương hầu cận Đấng Chánh Giác Điện Âm. Cùng an dưỡng nơi cung trời Đâu xuất lãnh thọ Nhất Thừa. Tiên sư tuy hoài bảo ở chốn sơn động xa xôi, mà tiếng vang khắp cả thành thị thôn ấp, dù ẩn mình chốn thâm u mà tuệ vẫn tỏ sáng. Trần Thiếu chủ lại hỏi quần thần:

- Đệ tử thích môn ai là bậc danh thắng?

Tử Lăng đáp:

- Chính là Thiền sư Ngỏa Quan. Đức độ vang khắp muôn phương. Thiền vị soi cùng cả biển cả. Ngày trước du hóa ở đất kinh kỳ thì quần hiền đều theo học. Nay lên đỉnh Thiên Thai thì pháp vân ngùn ngụt ở hướng Đông. Vĩnh dương Vương Bắc Diện đích thân phụng thừa. Xin bệ hạ xuống chiếu mời ngài trở về kinh thành hoằng dương đạo pháp để cho đức tục được nhờ ơn.

Trần chủ, ban đầu truyền cho quan tả hữu là Triệu Quân Khanh; lần thứ hai vua viết thư đưa cho Chu Lôi lệnh; lần thứ ba truyền chiếu; lần thứ tư sai Đạo nhân Pháp Thăng tự tay vua viết thư, đều hết lòng khiêm hạ mà không xưng là Trần chủ. Lại sắc các châu huyện đón tiếp. Vĩnh Dương Vương can rằng:

- Chúa thượng vì mình và triều thần mà cung thỉnh Pháp sư một lời nói lợi ích thì bốn cõi đều nhờ. Nếu từ bỏ chốn thâm sơn thì lòng từ bi sẽ có ngăn cách. Đệ tử vì bạt nhược còn chưa độ hết. Nếu bỏ đi đến kinh kỳ thì lòng làm sao được yên.

Tôn sư nghe lời thỉnh thì tự xét mình vô đức không thể đi được. Lại ở chốn u huyền thì thân này há cho chạy theo nghiệp duyên cuồng lãng. Như vùng Thuỷ lăng này dù có lửa cháy cũng chưa đủ. Nhưng đến Kim lăng, trên đường sẽ gặp hai việc. Đầu tiên là quan tả hữu Hoàng Kiết Bảo đem sắc chỉ đến, kế đến là thư của Trần chủ. Trần Kiến Tông mời đến cúng dường tứ sự và rất ân cần ở phía Đông. Lập thiền cúng ở nơi Linh diệu. Khai Thích Luận ở Đại cực. Lại giảng Nhân vương Bát-nhã.

Bên hữu thì Trần Chủ tự thân đến nghe pháp. Tăng Chánh Tuệ Hằng, Tăng Đô Tuệ và nhiều vị có trí hùng biện, đều phụng sắc chỉ,

làm những việc khó làm. Mùa Đông nước dâng lên cao làm xoáy lở. Còn mùa hạ làm ầm ầm tiêu hết. Thiên tử vui vẻ thì trăm họ cũng đồng cung kính theo.

Khi giảng xong thì Tuệ Hằng cầm lư hương xướng lên rằng:

- Cả nước hơn mười ngày. Nghe giảng bốn lần, văn chương triết lý đạt được kỳ môn. Ngày nay tinh tú đã ra, thấy rõ mọi điều hay xấu. Do đây mà cạnh tranh không ngừng. Tức liền ngồi tọa thiền hết lòng cung kính. Trong bảy đêm tĩnh lặng thì công lực của ngàn cánh hoa vi diệu đều là đấng Pháp vương.

Trần chủ đối với ân đức sâu dày đó liền lễ tạ rằng:

- Chỉ có Phật pháp là chỗ quy ngưỡng, xin nguyện khai thị cho những điều chưa rõ. Đời nhà Trần việc kiểm soát Tăng Ni chưa thông suốt. Vạn người bàn luận kinh sách vẫn chưa hợp với lẽ đạo.

Tiên sư khuyên rằng:

Ngày tung cả vạn lời mà không sao tránh khỏi vào địa ngục. Duy chỉ hành trì một bài kệ mà đắc quả A-la-hán. Học kinh hiểu đạo há là quan trọng ở chỗ nhiều ít. Trần chủ nghe xong thì rất vui, dừng lại việc tra cứu. Nhưng đạo pháp linh diệu không qua được nơi biên ải. Nên Pháp sư càng cầu sự nhàn tịch, lập chúng tu thiền. Một đêm nằm mộng thấy một người, dáng vẻ rất nghiêm nghị tự xưng là Quan Đạt thỉnh ngài đến Tam Kiều.

Sư nói Quan Đạt là pháp danh của LươngVũ Đế. Còn Tam Kiều há chẳng phải là nhà Quang Trạch dời đến đó sao? Tháng tư năm đó Trần chủ làm lễ đại thí tại chùa. Sư lại giảng kinh Nhân vương Bát nhã. Khi nói kinh xong, Trần chủ ở trong đại chúng đứng dậy lễ tam bái. Vua rất tôn trọng kính ngưỡng, thâm nhập kinh tạng. Thái tử cũng mượn thuyền bè cùng đến học giới pháp, đều tôn sùng và theo lời dẫn dắt của tiên sư. An dưỡng đạm bạc cũng chạy theo cái vui của trần thế. Hoàng thái tử có làm bài thỉnh giới văn rằng: “Đạo pháp sâu xa khắp trời Nam, cung nghinh hóa đạo, tùy cơ hóa độ muôn phương. Có bậc vệ hộ quốc sĩ dẫn dắt nhân thiên. Đem ánh đạo chiếu soi, thấy bạn đều lưu dấu. Tỳ-kheo nằm mộng thấy điềm lành chẳng bao lâu có hòa thượng đến. Là bậc phẩm hạnh đạo đức cao siêu, tư cách rất khác người, mười cõi đều khác ngưỡng, tứ chúng đều nương về. Hàng nhị thừa nội ngoại nhị giáo cũng đều tôn kính sư. Đạo do đây mà phát khởi. Các nơi cung nghênh kính thỉnh, xin nguyện đời đời kết duyên. Đều tùy theo bản nguyện đó mà ngày đêm được tăng trưởng. Ngày nay là mùng năm tháng hai, ở trong điện Sùng Chánh có thiết lễ truyền pháp. Pháp hội có

ngàn vị Tăng. Phụng thỉnh thầy làm giới sư Bồ-tát. Lại khiến cho Chủ thư là Lưu Tuyền phụng thỉnh v.v... lúc tiên sư cầm hương khấn nguyện thì rơi lệ. Ngài nói nên làm thiện để tránh sự phản trắc trở về sau. Đến khi nhà Đại Tùy thôn tính nhà Trần. Lúc đó mọi người mới hiểu được lời này. Kim lăng đã bại trận cả vùng Kinh châu và sông Tương cũng không còn. Tiên sư đi trên đường, nghỉ lại trong bổn thành bỗng nhiên nằm mộng thấy một vị lão Tăng nói rằng:

- Xưa Đào Khản mộng thấy điềm lành mà hết lòng cung kính giữ gìn.

Thế là Tiên sư đi đến núi Khế khuông thấy có tượng của Huệ Viễn. Nghiệm thấy linh ứng với điềm Pháp sư thấy ở Nhạn môn. Chẳng bao lâu ở đất Tầm Dương có phản loạn, khắp nơi chùa chiền đều bị đốt phá. Riêng ở tại núi này là không hề gì? Bởi do công đức hộ tượng vậy.

Tần Hiếu Vương sai sứ đến cung thỉnh. Sư nói với sứ rằng:

- Tuy lòng có muốn tương kiến, mà sợ không có duyên.

Nhưng sứ nhân cứ thúc giục mãi nên không thể dừng được. Khi thuyền sắp nhổ neo thì gặp cơn bão lớn suốt mấy ngày liền. Yêu tặc nổi lên làm sóng gió ngăn không cho tàu đi được. Đến khi đem Tôn tượng lên thì tàu vượt đi cả ngàn dặm. Tiếng tăm đều vang xa, bậc hiền sĩ đều quay về. Sau đó vua nói với sư rằng:

- Tôi cùng đại vương có nhân duyên sâu xa, sẽ được thuận buồm xuôi gió, không bao lâu thì đến. Bậc Bồ-tát có đầy đủ luật nghi cũng từ đây mà lãnh thọ. Tiên sư lúc đầu trình bày là mình ít đức, kế đến là nhường lại cho bậc Danh tăng, sau cùng là nêu lên những vị đồng học.

Sau ba lần từ chối mà không được, ngài liền xin bốn điều nguyện:

1. Tuy có hiếu học, nhưng việc thiền hành không xứng pháp, năm nay tuổi cũng đã cao, chỉ lo việc tu sửa mà thôi. Còn việc vỗ ngực luận tâm chỉ là giả danh mà thôi. Thổi phồng ở đây kia khiến cho kẻ xấu nghe càng thêm lỗi. Nguyện xin chớ đem thiền pháp ra để khi dối người.

2. Vì sinh ở cõi biên địa, lớn lên lại gặp cảnh loạn lạc ly tán, thân không được học hành, lời nói thì vụng về, bên ngoài thì hư huyễn. Từ lâu chẳng phải là miền Tây vực, một lúc lễ tiết cũng không giữ được. Tuy muốn cẩn thận mà trọn đời chỉ sợ sự bộc trực ngang nghịch với người, nguyện không làm trái với quy củ.

3. Muốn truyền đăng Phật pháp để báo pháp ân. Nếu thân giữ

giới phạm mà những giới nặng nên bỏ thì lại bỏ. Như phạm giới mà lại truyền pháp thì là khuyết phạm. Còn khinh giới thì lại xem thường chỉ biết tự lại thân an. Như nay ra truyền pháp thì nguyện vì pháp mà chớ hiềm trách khinh trọng.

4. Hơn ba mươi năm ở chốn Thủy thạch, nhân đó mà thành tánh. Nay Vương Đồ đã có, Phật pháp cũng lại hưng thịnh. Nay tam thừa thọ ân đã khai hóa cho mọi người. Nguyện đem tâm lực để báo ngoại d. như ở các nơi xa xôi, xin nguyện bố thí ẩm thực để cứu giúp quần sinh. Như được bốn điều ấy thì xin đi.

Vua vì muốn học tịnh giới, nên mọi điều nguyện của sư điều hứa khả. Sau đó lại thỉnh văn rằng: "Đệ tử lâu đời tích thiện nên được sinh vào chốn Hoàng gia. Sớm tối đều theo quy của chốn cung đình. Nay lại biết giác ngộ tạo phước tu huệ. Nhưng tủi thẹn chỉ mãi đi trên lối nhỏ, mà chưa thấy ánh sáng Đại thừa. Vui thích dừng lại ở nơi hóa thành. Thệ nguyên đưa thuyền đến nơi bờ giác, mở ra muôn hạnh, trì giới tu thiện làm điều tiên quyết. Bồ-tát đem pháp Thập thọ đặc biệt tối thượng, dụ như tạo cung thất phải đắp nền móng trước tiên, còn mượn cảnh hư không thì không thể thành tựu. Khổng lão hay thích đạo cũng đều có khuôn phép rõ ràng, nếu không có lễ nghi thì kính ngưỡng an lạc. Thành bậc văn nhân vốn từ nơi bậc Hòa thượng. Ngài Văn thù ở chốn U minh mà làm bậc A-xà-lê. Làm thầy của trời người truyền thánh giáo đạo mầu khắp mọi nơi, xa thì tùy theo cảm mà ứng biến. Đem ánh sáng tinh hoa soi sáng khắp nơi nơi. Thiện tài thì quên thân ở nơi pháp giới, thuyết kinh thì theo minh văn chứ chẳng phải là phỏng nói. Thâm tín lời Phật dạy, cầu học đạo khắp nơi, làm bậc Long tượng của Phật pháp, giới hạnh thanh tịnh như viện châu. Do định tĩnh lặng mà được phát tuệ, đem pháp vô ngại trước làm lợi ích cho người rồi mới tới mình. Khiêm cung mà thành đức, danh xưng xa gần đều nghe tiếng. Vì thế nên đệ tử xin kiền thành đãnh lễ từ xa, chỉ sợ rằng duyên chưa gặp. Rồi khi tâm yên tĩnh lặng, bỗng nhiên gặp được mây mù mà tiêu sạch phiền não.

Đến năm Khai hoàng thứ 11, vào ngày 23 tháng 11. Ở nơi điện Kim thành Tổng quản, thiết giới hội cả ngàn vị tăng, vua kính cẩn thọ Bồ-tát giới. Lấy giới gọi là hiếu, cũng gọi là chế chỉ, dùng phương tiện trí độ mà quy ngưỡng phụng trì. Lấy đây làm thắng phước phụng đạo chí tôn, đem lòng Từ mẫn đồng với Như Lai, tâm thương xót cùng với chư Phật. Thấy chúng sinh tợ như con nhỏ, mà hết lòng cứu giúp.

Sư nói:

- Đại vương tuân theo lời Thánh dạy. Cho nên đáng gọi là Tổng

trì.

Vua nói:

- Đại sư truyền Phật pháp, xứng danh là bậc đại trí tuệ. Làm lợi ích cho muôn người. Thọ của Đàn-việt hơn sáu trăm loài, đều đem thí lại cho chúng sinh, càng cho phước đức thêm nhiều.

Khi làm việc Phật sự cho đất nước xong ngài liền lên thuyền trở về sơn động. Vua xa giá cờ lộng đưa đến sông Quý châu, hộ tống cung nghênh rất long trọng. Gặp gió thuận xuôi buồm, sáng ra khơi thì chiều đã tới nơi, đến bờ thì hoằng đạo, tục xa gần đã chờ đợi cung nghênh. Già trẻ lớn bé đều đến nơi giới tràng nghe pháp. Lúc ấy có hơn năm mươi người ở trong chỗ thính pháp nhận thấy nơi đây chưa có đạo tràng, nay mặt trời tuệ đã tỏ soi, nên tạo lập phước đức. Thế là nơi núi Ngọc Tuyền huyện Đương dương cùng nhau lập Tịnh xá. Rồi dâng biểu xin sắc tứ ngạch đặt danh hiệu. Rồi cùng trùng tu chùa Ngọc tuyền. Nơi này vốn là vùng đất hung hiểm, quỷ thần thú dữ rất nhiều.

Nên ngạn ngữ có câu: "Nơi chốn đầy tam độc, người đến thấy ghê lòng, (tam độc chi tẩu, tiển giả hàn tâm).

Trong thời gian chùa được sáng lập thì tiên sư không có điều gì ưu tư. Từ mùa Xuân qua đi, Hạ gặp lúc nắng hạn bá tánh đều cho là quỷ thần nổi giận. Cho nên bậc trí giả, tự đến nơi đầu nguồn của dòng suối diệt trừ tà kiến này. Miệng thì đọc chú nguyện tay thì vung lên chỉ khắp nơi. Bỗng chốc có mây đen từ Lũng sơn kéo đến mù mịt. Cầu vòng rực rỡ dài bắt ngang qua suối. Mưa gió khắp trời, ca vịnh đầy lộ. Các quan Vương công tổng quản ở Kinh châu đều đến núi lễ bái mà trong lòng không an, cùng bước ra mà nói rằng: "Trước kia mấy lần trải qua quân trận gặp lúc lâm nguy mà vẫn không hệ nao núng. Chưa có lần nào cảm thấy lo sợ như hôm nay. Năm đó vua sai sứ đến Kinh châu, người ở các phương đều đến đây lễ bái kỳ vọng ngày một đông. Đạo tục ở vùng sông Hoài cũng vui vẻ đến chiêm bái.

Đại Vương tu hạnh Thí ba-la-mật đến trước bờ kia. Đem Trí ba-la-mật. Nay làm bài thỉnh văn rằng:

- Đệ tử thật nhiều may mắn được lãnh thọ ân đức của Tôn sư. Từ vô lượng kiếp đến nay ắt đã từng khai ngộ. Ngày nay được sắc tâm vô tác do nhiều đời kiến thọ đạo mầu. Thân tuy còn sơ lậu mà tâm được hạt minh châu. Cành gốc của định thiền cũng đều quy tụ về tỉnh giác. Gánh vác việc quốc gia làm thần làm tử. Há chẳng phải nhờ vào tứ duyên mà nhập vào trong Tam-muội. Ánh sáng đại tiểu cũng tùy loại khác nhau, tuệ giải thoát nhân tình bằng hữu cũng không ít. Ngày nay muốn đem

trí đoạn học đạo mà làm pháp dụng để trị quốc, không biết là ở cõi này có thể khai hóa được không? đem nghiêm đạo của Tôn sư có thể hàng phục được không? có chút thiện căn nhiều đời có thể phát triển khai mầm được không? Bồ-tát ứng hiện có thể lưu lại được không? Kinh thư nói rằng: Ba người cùng đi cũng có một người là bằng hữu, huống chi luận đàm Thích điển mà không nương theo thầy, chỉ luận là nay lời nói chưa đủ để bày tỏ, khi thành tựu được sự việc rồi, xin bỏ những lời trau chuốt này.

Đáp:

- Nhân tình mạo nhận theo dấu tích của Tôn sư. Nếu chỉ cảm nhận bên ngoài thì chẳng thể hứa được. Huống chi bậc Long cao tôn quí mang lịnh không thể sai lời. Nếu còn trầm ngâm nghĩ ngợi tất là trái với thâm lý diệu mầu.

Việc học đạo quý ở chỗ nương theo thầy mà luận sự, mong cầu trong khắp pháp giới mà tâm vẫn giữ trụ. Đó là do thiện căn trồng đã nhiều đời chứ chẳng phải đời này mà được. Ban đầu do nơi học đạo mà thoát chốc gặp được Thánh cảnh. Nam Nhạc thuyết pháp Đệ nhất, bỗng chốc ánh sáng chiếu rực rỡ đã không còn nữa. Sau đó vua có thuật đầy đủ điều này. Lúc bấy giờ tâm rất là hoan hỷ chí thành. Ngài Trí Giả xưa vào trong cung nhà Trần. Người nước kia bèn thử tài của Ngỏa Quang nên cùng các bộ luận mà tranh biện. Vinh Công manh miệng nói liền bị bẻ gãy. Hái viên ngọc Quỳnh cùng giao chiến mới thấy được sự tinh túy giao hòa. Nhẫn sư tán thán là việc ít có. Hàng đệ tử rất cung kính ngưỡng mộ, mới biết pháp vô úy giải thích thật khó khăn, tự thân nghe thấy càng thêm cảm phục. Trước ở nước Sở không ai mà không tin phục theo. Phi thiền vô trí đều nghiệm ở nơi Kim khẩu cũng như nghe bậc Danh tăng thuyết pháp, bậc trí Giả dung hội rất có thứ bậc, cũng như trăm sông cũng quy về biển lớn. Sự bao quát nêu ra đây mới đắc được ý Phật. Duy nguyện người chưa đắc đạo khiến cho đắc, người chưa độ khiến cho được độ. Đều ưa thích nói các pháp thí không cùng.

Cũng lại khiến cho Liễu Cố nói các việc khể thủ kiền bái v.v...

Ngài Trí Giả luôn từ khước mà không được, bèn trước tác kinh sớ Tịnh Danh, Liễu Cố ở Hà đông nói:

- Ở Từ lăng Đông hải đều có bậc anh tài lỗi lạc. Đối với văn chương nghĩa lý đều ẩn chứa càng sâu xa.

Vua cũng thọ trì, nay vua nhập triều từ giả Đông lãnh, dân chúng đều lo quét dọn đường xá, đào ao đắp đường khiến cho khắp nơi chùa chiền đều hoang phế. Phàm trong mười hai năm không có dầu chân

người khiến cho cây trúc đều mọc thành rừng.

Một hôm Ngài trở về đến nửa chân núi bỗng thấy một vị Sa-môn râu tóc trắng xóa, cầm thiết trượng đi trên đường, mọi người cùng thấy rồi cùng đi đến gần, thì thấy vị ấy đi rất lặng lẽ như bậc Thánh nhân. Ngài Trí Giả thích nơi sông núi, cầm thiết trượng nhàn du đây đó cùng ngâm nga rằng:

- Tuy ở đại nhân gian mà không quên chốn núi rừng u nhã. Tịch tĩnh yen bình tự chiếu soi há chẳng vui sao?

Sau đó một đêm trời trăng sáng chiếu tỏ. Ngài ngồi thuyết pháp rất lâu, như bị người vấn nạn.

Người thị giả sáng hôm sau hỏi rằng:

- Chuyện đêm qua thấy đó là do nhân duyên gì?

Ngài đáp:

- Ta lúc đầu nằm mộng thấy gió lớn thổi đến làm băng hoại cả bảo tháp, kế đến phạm Tăng đến nói với ta rằng:

- Duyên như cũi mà sự chiếu dụng thì như lửa. Sự hỗ trợ như gió mà tam chủng đều đầy đủ. Thế nên việc hóa đạo phải thực hành rộng rãi ở đất này thì sự ảnh hưởng và cơ dụng sẽ cùng tận. Sự hỗ trợ cũng dứt cho nên đến đây cùng cáo biệt. Lại thấy Thiền sư Nam Nhạc cùng Thiền sư Hỷ đến nói pháp cho ta nghe. Tức liền nói rằng:

- Các pháp khác danh nghĩa đều rõ, tự xét chỉ có Tam quán và Tam trí. Lúc ban đầu gặp mặt đã từng nói với ta rằng:

- Ở phương kia sự tương vọng mong chờ đã lâu, duyên tới thì nên đến đó, bọn ta cùng hộ tống. Ta đảnh lễ vâng dạ, đây chính là hiện ra điềm chết vậy. Ta nhớ lúc xưa nằm mộng, lúc lâm chung ở tại đất này, cho nên mỗi khi trở về núi thì vui mừng, nay lại phụng thừa theo lời minh cáo của người xưa. Thế nên biết là không bao lâu nữa sẽ chết. Sau này nên quàn ở phía Tây nam của ngọn núi, chất đá chung quanh, trồng cây cối che phủ. Lập hai bạch tháp khiến cho người thấy phát tâm Bồ-đề.

Một lúc sau lại nói với đệ tử rằng:

Người thương buôn thì dựa vào kim ngân, y dược thì có thuốc thang. Ta tuy không sáng suốt nhưng đối với kẻ cuồng tử cũng sinh tâm thương xót, khi luận về khẩu thọ tâm quán, thì tùy theo lời nói chú sớ lại cho thành tựu chớ không điểm nhuận thêm. Bản luận này vốn riêng biệt nên đến tháng mười mùa Đông muốn vì sao lại trở nên tốt đẹp, khiến cho người hành giả tham luận càng cao, lòng hiếu tín đi vào trong núi mà thỉnh phụng. Nhân đó mà đem thập vật ra cúng thì cho kẻ nghèo,

dưới chân núi không có cọc tiêu để định hướng được hiện đường. Lại họa vẽ việc xây cất chùa làm biểu thức để lại cho Tăng chúng. Như nền móng ở đây mà đắp cao ráo, ta nhận thấy trước mặt ngôi chùa rồi sẽ thành tựu. Khi ta mất rồi ắt sẽ không được thành tựu. Các người sau này, nếu tạo lập chùa thì cứ y theo pháp này.

Đệ tử nghi ngờ hỏi:

- Ở đây sông núi đều hiểm trở, làm sao có đủ duyên lực để tạo ra cảnh chùa.

Sư đáp:

Đây chẳng phải là tiểu duyên mà chính là việc làm của vương gia.

Tăng chúng đều nghe lời này, ai cũng thắc mắc dò hỏi:

Vua ấy tên họ là gì?

Hoặc hỏi:

- Vua là Thiên vương?

Hoặc hỏi:

- Vua là quốc vương?

Ai nấy huyên náo bàn luận mà vẫn không nhất quyết được. Nay sự việc đã chứng nghiệm, mới biết lời yếu chỉ trước kia. Vua đó chính là Đế vương. Nóc mái nền mống của chùa, vua tùy theo đó mà chở đến núi, nhẫn đến việc làm thành bằng đá đều như lời nói.

Khi tiên sư có bệnh thì liền nói với Trí Việt rằng:

Đại vương muốn cho ta đến, ta đã không phụ lời thỉnh mà đến. Ta biết mạng sống cũng ở tại đây, cho ne không cần phải đi đâu nữa. Thạch thành là Tây môn của Thiên thai. Thiên Phật là chỗ linh tượng sau này. Về sau nên dụng tâm như thế mà làm. Các y bát đạo cụ nên phân ra làm hai phần. Một phần dâng cúng Đức Di-lặc, một phần sung vào Yết ma. Khi vua nói xong thì đặt lưng mặt xuống hướng Tây mà nằm, chuyên tâm niệm Di-đà, Bát-nhã, Quán Âm.

Đệ tử xin dâng thuốc uống thì sư nói:

Nếu uống thuốc mà có thể làm cho bệnh này hết hẳn chăng? Bịnh không cùng với thân hòa hợp thì thuốc cũng chẳng làm gì được. Tuổi đã không cùng với tâm hợp, thì thuốc cũng không lưu được thân này.

Trí sáng mà ngày đã tàn thì cũng không còn nghe được gì? Quán ở trong tâm luận thì đâu còn gì để phân vân, thuốc thang càng thêm phiền phức.

Đệ tử lại thỉnh xin thầy thọ trai.

Sư bảo:

- Chẳng phải lưu hình mà thọ dụng. Nếu có thể là vô duyên vô quán thì đó mới thật là tịnh trai. Ta bình sinh lao lung độc trí, thấy sự chết là an nhàn như trở về nơi tịch diệt, không có gì phải than thở, khi ấy miệng đọc tụng kinh sách, tay cầm kinh tượng bốn mươi sáu chữ Liên hoa đều đọc lưu loát. Đại vương nguyện đem hương hoa bảo hộ sách như ý đầy đủ riêng biệt.

Tiên sư dặn dò xong rồi thì sai đem y bát giặt rửa sạch sẽ. Xướng tụng hai bộ kinh để làm tư lương sau cùng và khi nghe xong kinh Pháp Hoa thì tán thán rằng:

Pháp môn là cha mẹ, tuệ giải đều do đây mà sinh ra. Bổn tích thì rộng lớn vi diệu vô cùng không thể nói hết được. Hơn bốn mươi năm tri thức ẩn chứa, nào ai có thể giải bày, duy chỉ hôm nay mới được người soi sáng. Những điều chưa rõ nay đã được tỏ bày.

Khi nghe kinh vô lượng thọ xong liền khen rằng:

Bốn mươi tám nguyện trang nghiêm cõi Tịnh độ. Ao sen cây báo không phải dễ gặp. Người trong biển lửa một khi thấy thì liền cải hối, mà được vãng sinh huống chi người có trí tuệ huân tu tịnh hạnh. Công đức hành đạo lực không thể mất. Tiếng Phạm âm chân thật chẳng khi dối người.

Lúc đang xướng đoạn kinh này thì quan thị Quản Ngô Châu là Trương Đạt cùng năm người bạn cùng thấy Ngài tự hiện ra vị Đại Phật. Núi đá bỗng lớn lên, phóng ánh sáng chiếu rực khắp nơi, rồi đi thẳng vào phòng của chư Tăng. Có lúc hiện ra điềm lành, hoặc có lúc hiện ra kỳ tướng, tuy ở khác nơi nhưng đều thấy như vậy.

Lúc xướng lịnh xong, thì đưa nước hương xúc miệng, thuyết mười Như, bốn Bất sinh, mười Pháp giới, ba Quán, bốn Vô lượng tâm, bốn Tất-đàn, bốn Đế, mười hai nhân duyên, sáu Ba-la-mật. Mỗi một pháp môn đều nhiếp tất cả pháp. Đều có khả năng đem lại sự trong sáng thông đạt cho tuệ tâm. Nếu gặp lúc hoạn nạn bệnh tật, liễu đạt hết các pháp môn, thì hai mươi lăm người trăm vàng cũng có thể gởi. Nay ta nói pháp sách tấn người lần cuối cùng. Cảnh thiện tịch cuối cùng ta cũng đã đạt được.

Đệ tử Trí Lãng thưa rằng:

Xin nguyện đấng từ bi lưu dấu lại, để giải thích những điều chúng còn nghi. Sau khi thầy viên tịch sẽ về cõi nào và chúng sinh sẽ quy hướng với ai?

Đáp rằng:

- Các người đã trồng thiện căn, hỏi công đức của người khác chẳng

khác nào kẻ mù mà lại hỏi đường người đang vội vã, thì nào có ích lợi gì?

Thấy đại chúng rơi lệ, ngài vừa giận vừa trách:

Đã không tự tỉnh lại còn điên đảo cơ hiềm. Ta nay không bao lâu cũng sẽ vì các ngươi phá trừ sự nghi bán. Quán tâm luận nay đã giải phải báo ân cho các ngươi. Nếu ta không lãnh chúng tất sẽ tịnh được sáu căn, vì làm lợi cho người nên tổn hại cho mình, nên chỉ được lên năm phẩm vị mà thôi. Các người sẽ hỏi ta sẽ sinh vào cõi nào. Các thầy bạn của ta từ nơi đất Quán Âm sẽ đến đây nghinh tiếp ta. Còn hỏi các ngươi sẽ theo ai mà tôn nghênh, chẳng nghe nói phải lấy Ba-la-đề Mộc-xoa làm thầy của các ngươi đó sao? Ta vẫn thường thuyết Tam-muội tứ chủng, đó chính là đạo sư soi sáng cho các ngươi. Nơi đó sẽ dạy cho các người xã bỏ mọi trọng trách, dạy cho các hàng phục được tam độc; dạy cho các trị được tứ đại; dạy cho các ngươi giải được duyên ràng buộc; dạy cho các ngươi phá trừ hết ma quân; dạy cho các ngươi điều phục được thiền định; dạy cho các ngươi chặt đứt mọi kiêu mạn; dạy cho các ngươi xa lánh hết tà đạo; dạy cho các ngươi ra khỏi hầm lửa vô vi; dạy các ngươi lìa nạn đại Bi. Đây chính là Đại sư mà ngươi có thể nương về. Ta cùng các ngươi nhân pháp tướng mà hội ngộ, lấy pháp làm tình thân. Truyền tụng Phật đăng mà làm quyến thuộc. Nếu không đem ngọn đèn trí Phật để phá trừ ma chướng thì chẳng phải là đệ tử của ta.

Rồi dạy ngày Duy-na rằng:

Người sắp qua đời mà nghe tiếng chuông khánh càng tăng thêm chánh niệm. Phải càng lâu càng dài cho đến khi hơi thở dứt một lúc lâu. Chớ để khi thân lạnh rồi mới đánh khánh. Thế gian thường hay khóc lóc, thay đổi y phục là điều không nên làm, nói xong thì Ngài ngồi kiết già, xướng hồng danh Tam bảo, như nhập vào Tam-muội.

Đó là năm Khai Hoàng thứ 17 đời Đại Tùy. Tức ngày 24 tháng 11 năm Đinh Tỵ, giờ mùi thì nhập diệt.

Xuân thu sáu mươi tuổi, Tăng lạp bốn mươi tuổi. Lúc qua đời đỉnh vẫn còn nóng. Tuy thầy không cho bi ai khóc lóc nhưng môn nhân luyến tâm thương cảm khôn lường. Mặt trời đã ẩn, thuyền đã chìm sâu, vĩnh viễn không còn ân sư để kính ngưỡng nương về.

Tôn sư ngồi kiết già an tọa trong mười ngày, đạo tục xa gần đều tìm đến đốt hương rải hoa cúng dường. Ai nấy cùng nhiễu quanh lễ bái trong hơn mười ngày. Sau đó nhập vào trong thiền am. Bấy giờ mồ hôi thâm ra ướt cả thân, thấm qua lớp áo bông như tắm. Đã nhập vào trong Phật lũng rồi mà mưa hoa vẫn không dứt. Hàng đệ tử liền chú nguyện.

Nguyện ban cho thần lực mà cảm động đến cõi Nê-hoàn. Mây bay gió thổi, sông núi cũng kêu gào bi ai thảm thiết. Hàng đệ tử đạo tục, theo hầu linh cữu, đều theo lời di chúc mà làm. Am mộ tuy đã đóng mà diệu tích vẫn đây. Nay kính cẩn ghi lại mười việc sau.

1. Xưa thường diễn giải các kinh điển đặc biệt, mỗi khi có chỗ bất thông thì liền hướng về tịnh danh sớ mà chú nguyện rằng:

Xưa thân theo hầu thầy mà không dám tự quyết. Nay nương theo lời di chỉ, thì lấy gì để tỏ ngộ. Nếu tìm văn mà giải nghĩa, xin nguyện hiện thần thông, đêm về cảm mộng. Chư Tăng tụ tập ở điện các vua. Tự nói nghĩa, giải thích những điều khó. Thấy ngài Trí giả từ hư không đi đến, rải xuống điện các bảy thứ báu vật san hô, rồi lại bay đi. Vua sau đó đã viết sớ văn đáp lại công đức di chiếu. Các tập ở trên núi đều có bổn văn riêng biệt. Hộ tống kinh một tạng. Chuông đồng hai cái. Hương đàn ủy tích y vật đều đầy đủ. Hoa của trời người rải xuống khắp đất chùa. Năm tháng cùng nhau tương vong. Mỗi năm đến ngày húy kỵ, đều kiết trai phạn. Tư mã vương đều theo đó mà tạo dựng chùa. Chùa núi là cung thích ở đất này, cũng trang nghiêm tư lệ không kém. Từ khi sáng lập chùa cho tới nay đây là chốn xuân phường. Cho nên nền của Hoàng thái tử là ứng vào điềm lành mà có, tên chùa là Quốc thanh, quả là chứng nghiệm. Điềm linh ứng liên tiếp nối nhau không ngớt. Xưa nay đều có liệt ra.

2. Chùa Thiên hương ở Chu phương, Sa-môn là Huệ Diên. Xưa kia nghe danh đất này liền đến tìm. Sớm giác ngộ pháp lành, nghe lời khuyên hóa, cảm ân di thần phụng kính tôn linh. Vì thế nhân đó mà chép kinh Pháp Hoa làm định kỳ. Nhớ lời minh thị tư duy lâu ngày mà mộng thấy Đức Quán Âm. Ở trên tháp cao bảy tầng. Ánh sáng rực rỡ đầy khắp nơi. Trí giả khi đó thân từ Đức Quán Âm từ hướng Tây đi đến. Tuệ Diên ở trong mộng liền làm lễ. Tiên sư nói với Tuệ Diên rằng:

Tâm còn nghi chăng?

Tuệ Diên giữ kín lời này mà miệng chưa từng nói. Sau thấy được quán đảnh, mới biết là khi lâm chung đến thì được Quán Âm tiếp dẫn. Sự chứng nghiệm rất huyền diệu vô cùng.

3. Người ở đất này có Mã Thiệu Tông nhà rất nghèo. Thường cắt cả lúc trăm bó đem đến để cúng dường chùa Tăng. Vì làm lụng lao khổ mà thành bệnh. Trong tâm thường nghĩ: Ta thường hay cúng dường bố thí mà cảm được ân này, chưa rõ được chốn u minh có được phước báo không? Nhân đó nằm ngủ thấy mộng, thấy ngài Trí Giả ngồi kiết già ở trên giường. Hương đốt mịt mù mà vẫn an lành tự tại và dạy rằng:

Ngươi nhà nghèo mà thích bố thí, vì sao lại còn nghi là không có phước, rồi ngài dùng lời từ mẫn khuyên lời giáo huấn.

Trong đêm đó mẹ, người anh và vợ của Thiện Tông cả ba người đều nằm thấy cùng giấc mộng. Sáng hôm kể lại thật là khác miệng mà cùng lời. Khí hương bay tỏa khắp nhà, cả ngày không ngớt. Cả nhà Tông đều cảm thán sự linh ứng thánh thật không sai.

4. Ngày 16 tháng 4 năm Khai Hoàng thứ 18. Tăng chúng ở Phật lũng vừa mới tọa thiền. Tiên sư hiện ra hình dáng như thường, tiến đến giảng đường mà lập án hạnh. Đạo tu của Thượng tọa chẳng bao lâu, đại chúng được chiêm bái phụng trì. Đến ngày 18 tháng 10 năm ấy, có Khâu Bưu là người huyện Liên thủy, Hải châu. Ban ngày phát tuệ ở trong am, đêm xuống thấy vị Tăng ấy đi vào nhà. Khâu Bưu liền lễ bái thưa:

Nguyện kính lễ này được an ổn không còn lo lắng.

Vị Tăng đi nhiễu quanh chùa một vòng, Khâu Bưu cũng đi theo sau, cùng ra khỏi cửa chừng vài chục bước thì tự nhiên biến mất.

Đến ngày 12 tháng ấy. Có người ở huyện Lâm dương, Hải châu. Cũng thấy ngài Trí Giả, ở nơi am thất cũ, thấy hình dáng các sự tướng cũng giống như khi còn tại thế.

5. Ngày 6 tháng 11 năm Khai Hoàng thứ 19. Có người tên Trương Tạo, đã lớn lại bệnh nặng đến chỗ tháp của sư lễ bái rằng:

Sớm mong làm hương lửa để đời sau được độ thoát. Bỗng nghe trong tháp có tiếng, lại nghe tiếng đàn chỉ, Trương Tạo lại thỉnh rằng:

Nếu là bậc minh lực, xin ban cho thấy thần dị.

Liền có tiếng như lúc đầu. Trương Tạo khóc rồi đảnh lễ, lòng luyến mộ quên cả trở ra.

6. Ngày 19 tháng 1 năm Nhân Thọ nguyên niên, ở huyện Vĩnh gia. Có vị Tăng là Pháp Hiểu. Bình sinh rất thích nghe Thắng đức. Lời truyền về diệu tướng của tiên sư. Ông ta hối vì không sớm được gần gũi gặp gỡ, vì thế mà sinh bệnh tâm. Cho nên tìm đến tháp sư đi nhiễu một ngàn vòng bái một ngàn lễ. Đến tối thì cửa tháp tự nhiên mở ra, ánh quang minh xuất ra, làm tỏ sáng khắp cây cối cành lá. Cả chùa đều chạy đến để chiêm bái.

7. Ngày 13 tháng 8 năm Nhân Thọ thứ 2. Có người tên Tôn Bảo Trường ở huyện Lâm nghi, Nghi châu. Trước giờ ngọ đi đến tháp tiên sư phụng lễ rất tín tâm ân cần. Sau hết hạn kỳ, cũng một mình đến chỗ tháp. Từ biệt rơi lệ, hướng đến Tăng mà nói như thế.

8. Ngày 20 tháng 2, niên hiệu Đại nghiệp Nguyên niên, có người

tên Trương Tử Đạt, mẹ là Du Thị, năm lên chín, mười tuổi thì có bệnh, một chân bị ngắn đi. Năm mười tám tuổi cảm thấy mình rất suy yếu, liền đi đến tháp của sư lễ bái phụng thỉnh thiết trai riêng rất chuyên chú. Bỗng tháy chân ngắn duỗi ra, lại đi đứng bình thường như lúc nhỏ. Người mẹ rất vui mừng thương cảm, thấy người là thuật lại. Rồi từ xa lễ bái ngài Thiên Thai để làm thường kỳ.

9. Đệ tử ở Kinh châu tên là Pháp Yển, ở Giang đô tạo ảnh tượng của Đại sư Trí Giả. Khi đưa tượng đến Giang tân thì tượng bỗng nhiên toát mồ hôi, lau rồi vẫn không khô. Đạo tục đều chiêm bái, như bình sinh vết mồ hôi vẫn còn.

10. Chùa Ngọc tuyền ở Kinh châu có làm bia đá. Lúc chưa khắc tượng của ngài Trí Giả. Đến lúc bia dựng lên tự nhiên xuất ra máu thành lời văn nói rằng:

- Thiên địa huyền diệu, mỗi chỗ lưu xuất ra đều như ma sát. Mỗi ngôn từ ý vị soi sáng khắp cảnh giới trong ngoài đến ba ngày mới hết.

Đại sư Trí Giả hoằng pháp hơn ba mươi năm không chứa kinh sớ điển chương, cũng không chướng ngại việc biện giải khế lý phù văn. Sinh ra đã có Thiên trí, thế gian đều cảm phục. Nếu có đại cơ cảm ứng mới làm trước văn.

Phụng sắc chỉ tuyển soạn kinh sớ tịnh danh, đến phẩm Phật đạo làm thành hai mươi tám quyển. Giác ý Tam-muội một quyển. Lục diệu môn một quyển. Có chương môn trong pháp giới hơn ba trăm đoạn. Mới đầu trước tác sáu mươi khoa làm ba quyển, Tiểu chỉ quán một quyển, Pháp Hoa Tam-muội hành pháp một quyển. Lại thường ở trên Cao tọa nói rằng: Như thuyết lần lượt ở các Thiền môn mỗi năm một biến. Trước tác kinh sớ năm mươi quyển. Thuyết Pháp Hoa huyền nghĩa, cùng Viên Đốn chỉ quán trong nửa năm, mỗi kinh một biến, còn trước tác chương sớ mỗi thứ ba mươi quyển. Ba pháp môn này đều không ghi trên văn sớ, chỉ giảng truyền mà thôi. Ở chùa Đại Trang nghiêm, ngài Pháp thuận ghi lại các pháp môn của thầy. Lúc đầu phân làm ba mươi quyển, vẫn còn chưa san định lại mà Pháp Thuận lại lưu bổ ở chùa Quốc thanh. Quán Đỉnh Hoằng Ký Pháp Hoa Huyền phân được mười quyển. Mọi người đều mong được nghe từ đầu đến cuối. Khi Đại sư Trí Giả nhập Niết-bàn, sự cung nghinh không có chỗ nào là không có. Lúc Long chương chưa đạt đến chỗ vi diệu, mà người học giả sâu rộng đã tìm đến mong học được pháp môn. Bậc học sĩ vui theo có mười bảy vị Thiền sư. Có vị tuổi đã cao mới gặp được Trí Giả. Quan thượng thư nhà Trần là Mao Hỷ nói rằng Tôn sư còn nhỏ, mà vì sao đệ tử lại già.

Đáp:

- Việc tùy theo người có đức chớ cho là ở nơi tuổi tác.

Lại hỏi:

- Làm sao mới gọi là người có đức?

Đáp:

- Người khéo thuyết pháp, tức là hậu thân của Phú-lâu-na, người phá trừ ma chướng ấy chính là Ưu-ba-cúc-đa.

Mao Hỷ khéo ghi nhớ được lời nói này, luận đàm việc triều thường nói lời chân thật, lại thường hành pháp Phương đẳng sám hối.

Sau đó, vua sai thần quan đến hỏi rằng: Phật đạo đương trụ ở Tây phương, người chưa đắc hiện thời chẳng phải là ngài sao? Nhưng rồi ở chùa Ngỏa quan đoan tọa mà nhập diệt. Việc hoằng pháp kiến nghiệp trời đất đều biết đến. Lại có Tuệ Dao nhân nghe pháp mà phát định, đạo lực do nơi đó mà lãnh ngộ, rồi quán thông tịnh biện ghi lại những điều công đức. Ở nơi Phật lũng thiêu tuệ thân tu sám tượng vương đều hiện, pháp thân học đạo thiền mà phát công lực vi diệu. Hai, ba vị này không may lại mất sớm. Hàng môn nhân hành giải thiện căn về sau nay rất nhiều, nhân nơi thọ pháp bí trân bảo không để cho người biết. Nay lược lại những điều nghe thấy như trên. Đời vua Lương Phổ An, ở trong quân có Thân Quân Trần Châm là trưởng huynh của ngài Trí Giả. Năm đó bị chết ở tại Hối sóc. Sư tụng trì pháp Phương đẳng cho anh. Trần Châm hiện lên bài vị rằng: Đây là nhà của Trần Châm, sau mười lăm năm sẽ sinh ra đất này. Rồi trải qua mười lăm năm sau quả nhiên có người trông thấy Trần Châm, liền kinh hãi hỏi, ông có phương thuốc hồi sinh nào thì Châm đáp: Chỉ tu pháp sám mà thôi.

Nếu quả như thế thì chẳng phải do đạo lực thì làm sao cải tử hoàn sinh được.

Lương Phương Mậu theo sự tập tọa thiền bỗng nhiên thân được thông triệt nhẹ nhàng. Đại sư Trí Giả quở trách rằng:

Ngươi mang theo vợ con thì làm sao tu học, nay nên bỏ đi.

Các quan đại phu là Tưởng Thiêm, Chu Nghi, Đồng Công, Ngô Minh Triệt đều lãnh thọ pháp khí xa lìa pháp trần như thế, lạm việc thiên hạ trong mười ba năm, trời đất bao la cũng không thể đo được sự cao thâm. Năm Khai Hoàng thứ 21 thì gặp mặt Tôn sư. Liễu Cố ở Khai phủ nói đến ân với Trí Giả, hàng tục gia như Tang tử nhập đạo nguyên do đều không thể biết, khắc kỷ tâm tư tự trách mình thì biết là tỉnh ngộ, nhưng nếu hỏi Viễn tổ là bậc Cố lão, cũng như theo thọ nghiệp các việc trước kia với bậc Tiên Đạt, Ngỏa Quan, hoặc thừa theo Âm chỉ, theo

Thụy hậu của Thiên thai tùy phần mà ghi nhớ. Nhưng luyến mộ huyền phong không do đâu mà không kính ngưỡng.

Nếu cùng nghe thấy mà phụng dưỡng từ nhan, suy tìm nguồn gốc thì mọi việc đều rõ ràng.

Tiển Pháp sư nói: Những việc Đại sư làm đều là công đức. Lập chùa ba mươi sáu ngôi; mười lăm Đại tạng kinh. Tự tay độ Tăng hơn một vạn bảy ngàn người. Tạo tượng họa hình Phật, Bồ-tát bằng vàng, đồng, Chiên-đàn có hơn tám mươi vạn. Truyền đệ tử ba mươi hai vị. Còn đắc pháp tự hành đạo thì không thể kể hết.

Tùy Thiên Thai Trí Giả Đại Sư Biệt Truyện (Hết)

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 183

BIỆT TRUYỆN VỀ SA MÔN HỘ PHÁP ĐỜI ĐƯỜNG LÀ NGÀI PHÁP LÂM

SỐ 2051
(QUYỂN THƯỢNG - TRUNG & HẠ)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2051

LỜI TỰA
LÂM PHÁP SƯ BIỆT TRUYỆN

Xử sĩ Lý Hoài Lâm ở Lũng Tây soạn.

Phàm xét các việc, ban đầu của thái cực nguyên khí, Tam Quang vẩn còn ẩn dấu, sau Mộc Hoàng Hỏa đế, dùng bát quái hưng khởi, cho nên biết nhân nghĩa dần dần mở ra, mượn Long Đồ mà khởi thành chữ. Đạo đức cho rằng phế, do dấu chim mà ghi thành sách.

Thế nên trong Tả Sử Ký có nói rằng: Hạ Thương đủ ở nơi cáo thệ.

Còn Hữu Sử Ký nói: Đường Ngu để lại khuôn phép, Sử ký ghi từ Ban Cố nối tới Ban Bưu. Bậc anh hùng cao sĩ kỳ cựu đều ẩn dật, làm nên truyện ký đến nay vẫn còn. Huống chi là mây pháp, mặt trời Phật, không đến, không đi. Diệu hữu chân không, lìa sanh lìa diệt. Tuy lý đạt đến lý, bất động vắng lặng nhưng sự cũng tùy cơ mà ứng biến.

Thế nên Phật mới đản sinh ở cõi Tây Vực, Châu Vương nhìn thấy năm sắc vàng chói sáng, ứng điềm vào cõi Đông Hạ. Vua Hán Đế mộng thấy người vàng trượng sáu. Thế là ngài Ma-đằng vì căn cơ chúng sanh mà đến thành Lạc Dương. Triển khai tăng hội, mở đại đạo ở đất Ngô.

Trong đời có một người, là bậc anh hùng trên đời, ở thành Tương Dương tên là Thích Pháp Lâm, nối dấu tứ y nên sanh vào cõi đời có năm thứ vẫn đục gồm cả tám tạng ở trong lòng, ôm hết chín dòng trong dạ. Từ đó duy trì giềng mối đạo lý.

Biên soạn những ý hay tốt trước kia của ngài Long Thọ, nối lại kỷ cương giềng mối còn lại của ngài Mã Minh, đến như những lời nói thẳng không kiêng kỵ. Lấp ván ở Chu Vân, có phạm mà không ẩn. Xa

nấm ở Vương Tượng, xúc chạm với Rồng lân mà không dời ý chí. Xét cỏ cứng mà gió mau, mạo hiểm lên tận núi cao mà không đổi chí tiết, thật là bậc trung thần như lá cuối mùa thu. Nhưng văn từ lại nhã nhặn rộng sâu. Tần huyền một chữ cũng không thể sánh bằng. Sự lý đều mở rộng. Nhà Thục quảy ngàn vàng cũng không thể sánh.

Than ôi! Bậc Quân tử của cả Nho giáo, Phật giáo ít người nếm được mùi vị của đạo, tin rằng khúc nhạc càng cao thì người họa theo càng ít. Bao nhiêu người bị chìm mất.

Bấy giờ ở chùa Hoằng Phước, có Tông Thượng nhân bẩm khí tinh anh, thể đạo cao ngời, tư chất như biển núi. Trải qua năm tháng dưỡng đức nuôi tâm, chí khí lóng trong. Thề diệt tà đạo, đem lại sự an ổn cho muôn nơi. Lấy việc mở mang chánh pháp để làm tâm, còn như dùng chỉ vàng mà xâu hoa ngọc điệp, tông thú đến chỗ nhiệm mầu rốt ráo, ủy khúc lại tận cùng u huyền.

Nhưng mà Pháp sư muôn sự thấy nghe, hiểu biết đều có dư, lại thông kinh sử hiểu hết tình lý. Nên bao gồm cả Hoàng Lão, gồm chung cả nho Mặc. Mỗi thứ Lâm Công đều dùng lời nhã nhặn, phân chia ra thành nhiều. Tuân theo pháp của người xưa, sao chép thành một quyển, chia ra thượng trung hạ, đặt tên là biệt truyện. Lý cùng tận đầy đủ, Pháp sư đã xem xét, cắt bỏ chỗ rườm rà, thêm vào chỗ thiếu sót, cũng đều là sử hay trong chúng tăng.

Nhưng mà ghi lời ghi việc, thì nghĩ còn thẹn nhiều với Ban Mã, ghi thẳng nói thẳng vẫn hổ với Trần Phạm Phương. Mới nghiệm rằng sự khai sáng của Pháp sư Lâm, chỉ lấy cái đẹp ở nhất thời, được sự nhuận sắc của Thượng nhân. Mới thành khuôn phép cho muôn đời đệ tử Địch Đạo Lý Hoài Lâm cùng với Tông Thượng nhân, chí hợp với Kim lan, nghĩa tợ keo sơn. Tuy đạo tục có khác, mà khứu vị lại giống nhau. Nhân đó mà ra mắt gom các điều thiết yếu mà trước giảng lại, cho nên dẫn lời tựa ra đây...

BIỆT TRUYỆN VỀ SA-MÔN HỘ PHÁP ĐỜI ĐƯỜNG LÀ NGÀI PHÁP LÂM

Sa-môn Ngạn Tông chùa Hoằng Phước
ở kinh đô biên soạn.

QUYỂN THƯỢNG

Pháp sư húy Pháp Lâm, họ Trần, người quận Dĩnh Châu. Là con cháu của Trọng Cung. Viễn Tổ vì làm quan nên ngụ ở Tương Dương, lại sớm từ bỏ quan trường, Sư rất tinh thông bác vật nên đến sở Dĩnh thuộc Kim lăng, để tìm hiểu nghiên cứu các kinh giáo của đạo Khổng đạo Phật. Thế là rõ thông hết cửu bộ, tường tận cả trăm nhà hiền triết, suốt thấu lời vàng tỏ sâu giống ngọc. Thường than rằng: Làm bậc Đại trượng phu không có khả năng lập chánh bỏ tà giữ gìn giềng mối Đạo lý, há là chẳng xấu hổ khi nối bước Long Thọ, Mã Minh sao? Nếu không thì nên ẩn mình giữ tâm ở chốn núi sâu hang thẳm.

Thế rồi, vào tháng năm mùa Hạ niên hiệu Khai nguyên thứ mười bốn, đời Tùy Sư đi ẩn dật trong động Quỷ Cốc trên núi Thanh Khê, xem tường các lẽ huyền diệu của Đạo nho, không luống bỏ thì giờ. Lều tranh ở chốn xa xôi chỉ được che bằng nhật nguyệt. Cửa bằng hư không, thở ra hít vào chỉ có gió mây.

Nhân khi chọn lựa lại ghi về núi Thanh Khê, có hơn tám ngàn lời, lý thú thì cao vời mà văn chương thì bóng bẩy. Vì thấy truyền ở đời cho nên ghi chép lại. Nhưng Pháp sư luôn ẩn đức che mình, mỗi lời nói việc làm đều thệ nguyện giữ gìn cho đời mạt thế, quán sát hóa độ những người ở thượng kinh. Thế rồi vào mùa xuân tháng ba niên hiệu Nhân thọ thứ nhất (601) mới bỏ Sở mà đến vùng Tứ Xuyên của Tần. Trải qua ba cõi du khắp tám miền, ở mỗi nơi đều có học tiên thuật, sấm lạc, hư trần của Lý môn. Phục sức màu đen để tìm hiểu nguyên ủy cho được tường tận, mượn y mũ của bọn Hoàng Cân để tìm cho hết cội nguồn tông phái, theo họ đến ở trong quán trọ. Nhưng Pháp sư chay lạt trang nghiêm, mỗi lời nói đều thánh thoát diệu kỳ. Còn các Đạo sĩ, cũng tranh nhau hợp với kim lan, hết dạ kheo sơn, nên khiến cho tam thanh bí điển

thông suốt lẽ huyền tân. Các yếu đạo u huyền ở chín phủ đều đạt được ý chỉ cát vọng hư vô. Những điều còn thắc mắc trong lòng đều nhờ họ Lý giải thích rồi ghi nhớ vào tâm.

Đến đầu niên hiệu Vũ Đức, thì trở về với Đạo Phật, đủ để bước chân vào pháp Đạo, đến khắp các trước giảng. Ý muốn dùng Thần Châu để thay đổi trời đất mà làm khuôn phép cho đời. Nhân đó mà đi đến Đạo tràng tế pháp, tâm sống trong định tuệ. Đến tháng chín mùa Thu niên hiệu Vũ Đức thứ tư. Có vị Đạo sĩ trước kia là Thái sử ra lệnh cho quan Phó dịch rằng: Trước vị này cũng mặc áo đội mũ vàng. Lập ra mười một điều để phá hoại Phật pháp. Đại khái như: Kinh điển đạo Phật đều là luống dối, nói các việc yêu tà làm hại nước phá nhà, không hề nghe Đạo này làm lợi ích cho đời. Xin đuổi trả về Thiên Trúc loại tà giáo của ông Phật người Hồ kia, còn bọn Sa-môn thì đuổi về quê nhà. Như thế thì nước nhà mới được xán lạn an lạc giáo lý đạo Khổng đạo Lão mới được lưu hành.

Vua Cao Tổ tiếp đọc hiến thư, liền hạ chiếu hỏi Sa-môn rằng:

Cạo tóc lìa bỏ cha mẹ, bỏ y phục đẹp của các quan. Lợi ở chỗ nào và ích ở đâu? Hai điều này xin giải thích rõ ràng. Mà Pháp sư tu hành đã lâu, biết hết mọi điều. Nay xin thừa theo đây!

Sau khi đọc chiếu, Pháp sư bèn trần tình đáp:

Pháp lâm này nghe, chỗ chí đạo dứt bặt lời nói. Há là ở trong chín cõi mà lại biện bạch. Pháp thân là vô tướng, chẳng thể đem kinh luận mà nói hết được. Nhưng vì chúng sanh trong bốn đường nổi trôi mênh mông trong biển dục. Ba cõi qua lại đọa lạc trong núi tà. Người mê mờ nên tự đốt mình, bị chìm trong biển khổ mà không thoát lên được. Bậc Đại Thánh vì muốn cứu vớt chúng sanh nên xuất hiện ra đời. Bậc chí nhân giáng thần, mở cửa giải thoát, chỉ cho mọi người con đường an ổn. Thế nên từ dòng dõi vua chúa Sát-đế-lợi, đều lìa bỏ ân ái mà đi xuất gia. Hàng quý tộc ở Thiên Trúc, xả bỏ vinh hoa mà vào đạo. Cũng vì vậy mà Thái tử Tất-đạt xả bỏ y phục Long bào để mặc y phục ruộng phước. Thệ nguyện ra khỏi hai thứ sanh tử của thế gian. Chí cầu diệu quả Niết-bàn. Mở mang đạo pháp đền đáp bốn ân, đem công đức cứu giúp khắp ba cõi. Đó chính là điều lợi ích vậy. Trong phẩm Thế Phát Xuất Gia của Kinh Phật Bản Hạnh có bài kệ:

Giả như ở lâu trong ái ân
Đến giờ mạng tận cũng chia lìa
Vô thường khoảnh khắc nên soi xét
Thế nên nay ta cầu giải thoát.

Vì khát ngưỡng ân đức đó mà người tu hành lấy việc dứt bỏ điều ác để lập thân. Khâm kính Đạo phong mà giữ mình tu điều lành cho nên xem thường thân tướng để thành tựu chí nguyện ấy, cho nên cạo bỏ râu tóc, hình dung đẹp đẽ, thay đổi cuộc sống thế tục để hội ý đạo. Cho nên mới xả bỏ y phục đẹp của vua quan. Tuy thiếu sự phụng dưỡng cha mẹ, mà lòng vẫn ôm chữ Hiếu. Lễ tuy trái việc thờ vua mà tâm vẫn giữ ân sâu, chọn lựa oán thân để thành đại thuận. Phước đức thấm nhuần, u hiển há là câu chấp ở chỗ chút trái. Bậc thượng trí y theo lời Phật dạy để làm lợi ích, còn hàng phàm phu vì thiếu lời thánh giáo cho nên bị tổn hại. Thế nên ngăn ngừa việc ác thì kẻ lạm bàn sẽ tự đổi mới, tiến tu điều lành thì sẽ cảm hóa đến người. Cúi mong Bệ hạ là bậc chí đức, dùng tâm nhân từ mà nuôi dưỡng muôn dân. Lại hàng phục dục tình, chánh pháp lưu ý xuất gia, rải mây lành khắp để làm mặt trời Phật thêm sáng, đem lợi ích cho đạo khó có thể nói hết. Từ đây mà Đế nghiệp của Đại Đường ân đức nhuần thấm cả trăm họ. Hạt giống Thánh tạo nền móng lớn, ban ân tuệ khắp muôn nơi. Không dám đem lòng ngu muội mà đo lường tâm trời. Cúi mong Bệ hạ soi xét.

* Bấy giờ, vua Cao Tổ ngự xem các Thiền sư đối đáp, rốt cuộc cũng không từ chối: Pháp sư vào cung, không mong diệt sao?

Vua chỉ truyền nội thị điều trần các việc, chứ chưa cho ban hành, nhưng bài hịch đã công nhiên truyền bá xa gần. Những lời chế giễu đầu trọc truyền khắp làng xóm. Bài vè nói về quỷ hồ rêu rao khắp quán rượu. Đây là muốn che lấp ánh sáng mặt trời Phật để không còn chiếu soi. Làm cho dòng pháp bị tắc nghẽn không thấm nhuần muôn nơi. Lúc này bậc Quân tử thấy xa học rộng càng nhiều. Mà bậc khế lý danh tăng hào khí chẳng phải một.

Có vị tổng trì Đạo tràng là Thích Phổ Ứng, là bậc giới hạnh tinh ròng, bác vật bất quần. Khi xem lời hịch cuồng ngôn, nhân đó mà Ngài soạn bài văn phá tà luận hai quyển. Lại trước kia thường giúp đỡ cho Lý Sư chính nên vị này cũng quy tâm theo Phật lý, dốc lòng với huyền tông. Mà ý còn phẫn giận trong lòng.

Ngài lại soạn ra tập "Nội đức chánh tà nhị luận", mỗi bài đều dẫn sớ Phật mà chỉ rõ nghiệp duyên, lại dẫn thêm lời phạm nói rõ về tà chánh.

Pháp sư đều có hỏi qua tác giả, xem đủ các văn từ, có chỗ vẫn chưa ổn. Nên nói với mọi người rằng: Kinh giáo để phế lời bài dịch, há là chỉ dẫn lời ra mà phế được chứng thành. Tuy là muốn phá tà quy chánh, mà chưa nêu được nguồn gốc của tà giáo. Nay xét đạo Khổng,

đạo Lão thì Sư kính văn Phật, Tông giáo kia làm những điều luống dối sai lầm, mọi người đều cho là phải.

Nhân đó, Pháp sư liền soạn “Phá Tà Luận” một quyển. Có hơn tám ngàn lời, lý lẽ đều hòa hợp, được truyền khắp trong ngoài.

Nhưng ngòi bút của Pháp sư đã đạt đến chỗ thanh thoát diệu kỳ đứng đầu mọi người, bèn khiến cho các bậc hiền sĩ đều thích ghi nhớ trong tâm. Các bậc danh nho trên đời cũng cất trong nhà một bản. Thật có thể nói rằng núi từ sừng sững, biển lý rộng sâu, làm thuyền trong biển rộng, mà làm ngọn đèn biển chiếu soi trong đêm tối. Lúc đầu khi Pháp sư mới soạn luận thì đạo tục đều không nghe biết. Nếu không rộng lưu bố thì làm sao khai đạo nhãn cho người thế tục.

Do đó mà tháng giêng mùa xuân niên hiệu thứ năm. Khải tâu lên Chữ Hậu rằng: Bắt đầu từ thời tam nguyên ngũ vận, hưng khởi Thiên Hoàng nhân đế, lời văn được viết trên mu rùa ô-sách, điển tích được ghi lại trên bảng vàng trúc đỏ. Đo bằng lục hành cửu quang, sách muôn quyền của trăm nhà hiền triết. Không có việc gì mà không tuân theo phong tục nhân luân tín nghĩa, theo lời dạy của Chu Khổng, gom chung các yếu nghĩa đó lại cũng chưa đạt được nguồn gốc sanh tử. Lý này nên rõ vậy.

Không xuất xứ từ chỗ có không, há là bằng năm phần pháp thân, ba minh chủng trí. Vắng lặng thường vui, đâu còn đổi đâu còn dời, rồi đến cảnh chân như chẳng sanh chẳng diệt. Từ đây có thể cứu giúp muôn hữu, từ độ khắp trăm loài, cùng vươn tới bến bờ kia giải thoát. Mở ra con đường rốt ráo vô vi, đưa chúng sanh ra khỏi biển khổ, cứu các con ra khỏi nhà lửa.

Hơn một ngàn năm Phật giáo truyền đến đất Hán, sáu trăm năm khám tháp nhìn nhau. Thần nhân nối gót, cho nên ngài Đạo An lên xe của vua Tần. Ngài Tăng Hội bước lên xe chúa Ngô. Trên tòa cao Pháp sư có thể phô bày tám chánh đạo. Hòa thượng Phật-đà khéo nói pháp năm thừa, pháp hóa khắp cả chín châu, phước thấm nhuần khắp cả ba đời, đều vì lợi ích cho chúng sanh. Chính là nghĩa này vậy.

Nhà Tùy vì đem binh mã gây nhiễu loạn muôn dân nên xảy ra bốn thứ tai ách xấu ác cho bá tánh. Đèn tuệ đã tắt, mưa pháp cũng thôi rơi. Đến thời Đại Đường ta, trên ứng với tâm trời, dưới giúp dân lành tròn ý nguyện. Giúp trời để làm rực rỡ tam tương, giữ đất để an ngũ nhạc. Muôn dân được nhờ ơn tái tạo, Cửa thiền môn cũng nhờ đó mà hưng thạnh. Cho nên muốn cho lục Tư ngũ đế, tứ ba, tam hoàng, đều không trái với phong cách thuần phác để hành hóa pháp vô vi.

Trộm thấy bài dịch truyền bá đó là việc chê bai hủy báng. Tại ty sở đã chưa cho lưu hành, mà bài dịch đã công nhiên truyền bá xa gần. Các quán rượu trong nhân gian tranh nhau đàm tiếu. Đã làm lụy đến phong cách thanh cao mà cũng làm nhơ uế cho tập tục tốt đẹp. Lâu dài thì tà kiến này làm tổn hại ruộng phước nước nhà. Lý không thể được vậy. Cúi mong Điện hạ! Trở về quy y tam bảo, chín cõi đều hành theo mười điều lành, đó chính là chỗ mong chờ của muôn loại. Đến kỳ đạt được đại bảo thì đạo hiệp với Long bình Đức Quang phó Hậu. Một khi phát ra tiếng vang lớn, thì cửa ngõ kín cũng đều mở. Ánh quang minh chiếu sáng khắp nơi, thì mọi ngõ ngách đều soi sáng. Thật là tốt đẹp! Khó thể nói hết đó là ánh sáng đời Hán trở lại nơi đời, trùm khắp muôn năm. Lại có thể để tâm nơi cửa phước, theo tình thắng cảnh, làm cầu bến hào tường trong từng tâm niệm. Lại nguyện-bẻ tà kiến mà đốt lên ngọn đèn chánh pháp. Lấy đó mà điều phục giáo hóa chẳng phải là may mắn lắm sao? Bất kể là chí dù đang lo nghĩ muộn phiền, xin kính cẩn dâng lên Điện hạ “Phá Tà Luận” một quyển. Để tỏ bày sự uy nghiêm và làm tăng thêm niềm tin tưởng.

* Lại vào ngày long tiệm của vua Văn Đế, Pháp sư lại dâng biểu khải tấu.

Pháp Lâm này nghe nói: Người mà tâm tình tha thiết thì tiếng nói chắc chắn buồn thảm. Người lý chánh thì lời nói chắc chắn ngay thẳng. Cho nên gã cùng tử nghĩ thấu đáo ở lời nói. Nhọc người xin ca ngợi việc ấy? Vì sao? Vì trộm thấy vào những năm cuối niên hiệu Đại nghiệp dân chúng trong nước bị tán loạn. Nhị nghi thì chịu thảm độc, nước tứ hải dâng cao. Sóng gầm cát bay, cánh đồng gò cao bị đốt cháy. Năm ngựa tuyệt đường mất hướng. Bọn đồng tử có lời ca “Bình Lũy” hễ giặc nổi lên thì lời hịch cũng bày tỏ sự cần kíp. Ngoài biên ải binh đao nổi lên không dứt. Đạo đức bị tiêu loạn, vận khí đã đến tận cùng. Thây chết như rạ, máu chảy thành sông. Dân không biết nhờ vào đâu mà sống, súc vật cũng chẳng còn. Thế là khống cáo lên không có chỗ ném thi hài. Bá tánh khổ vì đời đảo ngược. Vận nước khốn đốn vì vô chủ. Há là chẳng phải do bánh xe pháp đã không còn vang tiếng, chánh giáo cũng lụi tàn. Thánh thượng vì lòng thương xót nhân dân, thuận theo mạng trời, đem đại nghĩa mà bình định vũ trụ. Lúc này, dân chúng đạo tục ai nấy đều vui mừng, từ đây hiệp với trời đất mà thông tám phong. Đo âm dương mà điều phục bốn mùa. Trên hòa với các nước, dưới thì sắp đặt nhân luân. Công che chở ngang bằng với Thiên thần. Hàng phục mưa gió cho muôn loài lớn lên, mở ra mặt trời, mặt trăng chiếu soi khắp cả, ơn đức

thấm nhuần cả cỏ cây muôn vật. Nên mới muốn thuật lại Cửu trù, chép lại năm giáo, để mở mang sự học cho dân làng. Xa thì nối nghiệp Hy - Hiên, gần thì đồng với Văn cảnh, công đức sự nghiệp muôn đời, không biết lấy gì mà diễn tả cho hết.

Thần trộm thấy, việc truyền bài dịch đó, lý lẽ chưa thông mà năm nội đã tan rã như băng. Người tìm đọc thì phá hết sáu căn than ôi! Lời tà làm mê hoặc chánh, lời ma làm bức bách chân, vẫb không đáng cho những người hạ ngu nghe, huống là muốn cho vua biết trời nghe. Nhưng bài dịch đó truyền ra các nơi đều biết, thì làm sao nhân tình vô tội không gây ra điều ác. Văn đã cạn cợt, hẹp lượng thì sự lý không rõ ràng. Càng làm nhục khuôn phép của tiên vương. Làm bại hoại mẫu mực của nhân luân. Vì sao? Phàm người không nói! Nói thì chắc chắn có ý. Phu tử có nói: Lời nói mà hợp lý, thì thiên hạ đều theo, một việc mà trái thường thì vợ con cũng quay lưng bội phản. Xét bài dịch nói về việc trên, được truyền bá khắp cả kinh đô cùng các vùng xa xôi từ trước đến nay, đều là lừa dối không thật. Thật là hủy nhục bậc Thánh. Như ý của bài dịch này, vốn là muốn nhân đây mà mưu cầu tiến đạt, thật không đem lại ích nước lợi dân. Thật là xem thường trong triều ngoài nội. Nhưng Bệ Hạ đã ứng thiên thuận thời, nắm giữ vận nước, hiểu được tâm tư của muôn dân trong nước, đáp ứng theo niềm vui của mọi người. Đem năng lực để phò nguy giúp đời. Lấy công đức để trừ hung dẹp nạn, uy đức bao trùm tiên vương, tiếng tăm cao hơn các vua trước. Lại còn quy tâm về Tam bảo, để lòng nơi ruộng phước dự vào hàng xuất gia, tất cả đều đội ơn thấm nhuần của vua. Nhưng bởi do chúng tăng không giữ gìn giới hạnh, để đền đáp ơn nước. Người không hiểu biết việc trái đạo, gây ra tội lỗi, cho đến khiến cho người ngoài làm bài dịch, phơi bày những điều xấu này. Đấm ngực đau lòng, không chỗ chôn xác. Nhưng tăng ni có tội, thì cam chịu cực hình. Chỉ giận lời hịch khinh nhục bậc Thánh, ngôn từ tha thiết thảm hại. Sợ để lâu thì bọn tà kiến nhân đây mà làm điều trái đạo. Người không hiểu biết dần dần sanh tâm dị kiến. Lại xét trong kinh xuân thu có nói rằng: Vua Lổ Trang Công vào tháng tư mùa hạ năm thứ bảy, thường thấy sao không hiện, ban đêm trời sáng như ban ngày. Ấy chính là điềm ứng vào ngày Phật đản sinh.

Nhưng Phật có hai thân là chân thân và ứng thân, có hai trí là quyền trí và thật trí. Có ba minh tám giải, năm nhãn sáu thông. Thần gọi là không thể suy nghĩ bàn luận. Pháp gọi là chỗ tâm hành diệt, đạo này cũng đưa chúng sanh và các Thánh vào cõi Nê-hoàn, có năng lực dắt dẫn hạ phàm ra khỏi biển khổ.

Về sau, đời Hán Minh Đế niên hiệu Vĩnh Bình thứ mười ba, vua nằm mộng thấy người thân toàn sắc vàng đi đến. Điềm báo ứng Phật giáo du nhập vào Đông độ chẳng phải một. Có nói đầy đủ như trong sách "Hán Ngụy chư sử Diêu Thạch" v.v... Đến như ngài Đạo An, Đạo Sanh và Đồ-trừng, La-thập, đều là bậc Đạo cao đức trọng hạnh giải sâu xa. Các bậc danh tăng đương thời, đều được Quân vương và những người hiểu biết, quý trọng tôn sùng.

Từ hơn năm trăm năm đến nay, chùa tháp xây dựng khắp cả chín châu, tăng ni đầy khắp ba phủ. Đây là do vua chúa đương thời kính tin, trong triều ngoài nội quy hướng. Đạo pháp hưng thạnh từ đó đến nay không dứt thật là nhờ năng lực của nhà vua, nhưng vua tôi, cha con ở thế gian vẫn là những thứ ân sâu khó báo đền, trời xanh khó đáp trả. Huống chi Phật là đấng cha lành xuất thế của chúng sanh, lại là thầy thuốc hay của cả phàm thánh. Nay muốn bẻ gãy muốn hủy nhục, thì lý ấy thật là không được. Hạnh đức Như Lai, trí vượt ra ngoài hữu vô, Tam Hoàng đâu thể lường được. Công đức Phật bao trùm cả tạo hóa, nhị nghi chẳng đo lường được. Thế nên Liệt tử có nói: Xưa Ngô Đại Tể hỏi Khổng Khâu rằng.

Phu tử có phải là bậc Thánh không?

Khổng Tử đáp rằng: Khâu chỉ là người học rộng nhớ dai, chẳng phải là bậc Thánh.

Lại hỏi: Tam Hoàng có phải là bậc Thánh không?

Đáp rằng: Tam Hoàng khéo dùng trí dũng, còn phải Thánh hay không thì Khâu này chẳng biết.

Lại hỏi: Ngũ Đế có phải là bậc Thánh không?

Đáp rằng: Ngũ Đế khéo dụng nhân tín, còn phải là bậc Thánh hay không thì Khâu này chẳng biết.

Lại hỏi: Tam Vương có phải là bậc Thánh không?

Đáp: Tam Vương khéo biết thời, còn phải là bậc Thánh hay không thì Khâu này chẳng biết.

Đại Tể rất kinh sợ nói:

Vậy thì ai là bậc Thánh?

Khổng Tử nhíu mày rồi đáp rằng:

Khâu này nghe ở bên phương Tây có bậc thánh ra đời. Vị này không trị mà không loạn, không nói mà tự có niềm tin, không giáo hóa mà tự thực hành. Đạo pháp mênh mông, không thể diễn tả được. Nếu Tam Hoàng Ngũ Đế là bậc Đại thánh mà Khổng Khâu này che giấu không nói, thì có lỗi với các bậc Thánh ấy. Lấy đây mà xét thì chỉ có

Phật là bậc Đại thánh.

Xét trong Lão Tử Tây Thăng kinh nói rằng:

Thầy của ta đang hóa duyên ở Thiên Trúc, đã khéo nhập Nê-hoàn.

Phù tử nói: Thầy của Lão Đam tên là Thích-ca.

Những lời đó nằm ở trong kinh sách của Lão Tử. Những chỗ kính Phật là bậc thầy trong văn chứng minh không phải ít. Há là những lời trong bài dịch mà có thể hủy báng. Xưa Công Tôn Long có soạn Kiên bạch luận, kết tội Tam Hoàng, chê bai ngũ đế. Đến nay người đọc qua còn cho là ấu trĩ, thật đáng buồn thay.

Nay chúa thượng là bậc thánh minh Quân, mà muốn bỏ trâu ngựa, cưỡi lừa đắp mộ mà dấy lên phong cách của Tam Hoàng, khai hóa đạo Thích lão. Thì những lời cuồng gian ấy rất nên đốt bỏ. Nếu nói Đế Vương không có Phật thì việc trị nước được lâu dài, có Phật thì bạo ngược đoản phúc thì xét đời vua Nghiêu vua Thuấn chỉ cai trị đất nước một mình, không truyền cho con cháu. Đời vua Hạ, Ân, Chu, Tần mỗi thời chánh trị đều thay đổi. Việc nghịch loạn dấy lên bên trong vẫn đến, khi ấy đâu có Phật mà vận khí cũng đâu được lâu dài.

Nhưng Pháp Lâm, v.v... trước ở đời Nghiêu, những việc thường ngày đều không biết, thấy bên ngoài các việc truyền hịch xảy ra. Vì sợ các nước xa nghe biết, cho là Hoa Hạ không có người hiểu biết, Phu Tử nói rằng: Nói đủ việc thiên hạ mà miệng không lỗi. Làm đủ các việc trong thiên hạ mà không có điều oán ghét. Thì người nói đó muốn không gây tội. Người nghe để tự răn mình. Những lời nói ra đó của bài dịch khiến cho người nghe đều sợ hãi, sẽ làm cho phong tục nước nhà bị tổn hại. Vậy cúi mong Điện hạ suy xét, xem qua những lời khải tấu này.

Đại Vương Điện Hạ! Trời cao anh linh, tự nhiên vẫn cao lớn khác người. Thần phong chót vót mà độ lượng muôn loài. Lấy điều tốt lành làm vui mà đến cõi Đông Bình. Vì ôn dịch mà thích đến chốn Tây Sở. Hoặc toan tính cho người nương tựa. Hoặc bày ra lục điều. Nhân đức bao trùm khắp muôn vật. Dù làm khách của Yến Văn Nhã, đem lời thơ rất đỗi duyên tình, phú đến chỗ tận cùng của thể vật, thì lòng tin cóthể được yên vui ở trong triều ngoài nội, đội mũ đẹp làm bậc anh minh tiền bối.

Nhưng pháp Lâm này, dù biết mình tài đức chưa trọn vẹn, ít người biết đến, nhưng thấy bài dịch của bọn hạ ngu đem ra để chế giễu phàm tăng. Lời lẽ mắng nhiếc ác độc, tội không phải nhỏ. Từ thời Tôn Lư

Hách Tư về sau, sau khi trời đất mở mang thêm, chưa có bài cuồng dịch nào trái lý như thế. Không có ý chặt xương thì đau lòng. Lại đem trình cho vua để bày hết mọi lời lẽ thô bỉ, lời nói lại không chánh đáng, làm tổn giảm uy nghiêm, lại thêm dứt hẳn. Nay xin khải tấu trình lên. Ngày mùng hai, tháng năm, niên hiệu Vũ Đức thứ sáu. Sa-môn pháp Lâm ở chùa Tế Pháp khải tấu chúa Thượng.

Bấy giờ bọn Hoàng Trữ, nhân bài luận tấu của Pháp sư, Cao Tổ còn đang ở chỗ khác, nên giao cho Thị Sở Trần đem vào chánh tẩm để luận bàn. Nay thích môn lại khải tấu, thật là nhờ vua ta thương lượng.

Pháp sư có việc ấy nhưng phó Thị Sở dùng tư tưởng cuồng loạn nịnh hót triều đình, cho nên ôm lòng bất tiếu, muốn ủng hộ tà đạo nên xuyên tạc chánh giáo, ngọc đá cũng lẫn lộn, đỏ tím thật khó phân biệt.

Vua Cao Tổ, chấp nhận lời luận nghị, nhưng không tự rõ. Sau vào tháng ba, mùa xuân niên hiệu Vũ Đức thứ chín, vua ban chiếu hỏi Hoàng Trữ rằng: Trẫm xét, từ khi Phật giáo hưng khởi đến nay. Hàng tăng ni vào đạo vốn cắt đứt duyên đời, thuế má không thâu, lính tráng đều được miễn. Theo lý thì xả bỏ hình tục ở chốn thiền viện lấy đức mà an cư chân tánh, thì nên trọn đời lấy cửa Thích Tôn mà an thân dưỡng tánh. Những năm gần đây bọn Sa-môn lại gây nhiều tội lỗi, trái phạm giới luật lại phiền đến chánh sự, chẳng làm điều ích nước lợi dân, lại tu theo tả đạo.

Giới của Phật tuy có nghiêm lịnh cấm ngăn, nhưng đều không sợ. Lấy việc này cũng đủ rõ, dường như chẳng chân thành. Nay trẫm muốn hủy bỏ hết hình tượng, phế diệt tăng ni. Mà còn sợ làm kinh hãi bậc phàm thánh. Các khanh xét xem có nên không?

Hoàng Trữ đáp rằng: Thần nghe Đạo ba thừa khởi phát đã giúp cho các con thoát khỏi tai họa nhà lửa. Bát chánh đạo khai mở, giúp chúng sanh giác ngộ đạo vô vi. Thế nên khi mây từ giăng phủ thì không phân biệt là cỏ hay hoa. Mặt trời trí tuệ chiếu soi thì đâu kể hang núi bến bờ. Vả lại, từ lúc lập giáo, đạo Phật đã đem mọi phép tắc nhiệm mầu tỏ sáng khắp nơi, chí lý thật là sâu xa khó đo lường được. Tuy có nho thuật của Chu Khổng, huyền phong của Trang Lão, đều muốn tùy theo đây mà không trái đạo lý. Những bậc hiền sĩ ở đời, và đấng minh quân xưa nay, đều tôn sùng quy ngưỡng không có trái phạm. Đời nay, người ta phần nhiều đều gian trá, xảo quyệt. Người xuất gia cũng chưa phải là bậc toàn thiện. Dù đã vào đạo cũng chưa dứt hết sự kiêu dâm. Cũng có người vì trốn thuế trốn nợ mà dối nói là học đạo, tìm cách an thân sớm tối, giả xưng là tăng môn.

Lại có bậc uy nghi đầy đủ, chí nguyện như châu sáng, giới hạnh không thiếu, tâm như ngọc sáng. Nay Bệ hạ muốn họ hoàn tục hết mà không phân biệt được người hiền kẻ ngu, chỉ sợ lửa cháy đến ngọn Côn Sơn thì ngọc hay đá cũng đều bị tiêu diệt hết. Sương rơi xuống khu vườn nào thì cỏ và hoa cũng bị ảnh hưởng. Chỉ lấy việc đó mà nói thôi cũng sợ làm thương tổn sự cai trị của vua. Nay trách Đức Như Lai hàng phục trị phạt để dứt gian, chỉ có Phật tánh từ bi, pháp môn bình đẳng, không có kia đây, không có ta người, dứt hết thương ghét, lòng như biển rộng. Lúc đầy đủ thì không vọng tưởng. Khi hoạn nạn thì không giận dữ, xét rõ việc này cũng có thể chứng nghiệm. Vả lại. Thương Quân sống ở trong triều Thuấn, Đan Chu lớn lên từ nơi cung Nghiêu. Nhị tử tuy chẳng phải là người nhưng vẫn còn không thiếu bậc Thánh của hai vua. Nay bỗng nhiên do lỗi của Ngu tăng mà lại muốn hủy hình tượng Phật. Việc tiến thoái thương lương, lý vẫn chưa thể được.

Vua Cao Tổ lại hỏi các quan rằng:

Bài truyền dịch mỗi lời đều đối với trẫm mà nói rằng: Phật giáo là vô dụng, trẫm muốn đem việc này ra bàn luận ý các khanh thế nào?

Lúc này, có Quan Tả Bộc Xạ là Ngụy Quốc Công Bùi Tịch, dâng lời can ngăn vua Cao Tổ rằng: Thần có nghe! Thuở xưa Tề Hoàn Công cùng với quần thần là Quản Trọng, Bào Thúc Nha, Ninh Thích.... Cùng uống rượu vui thích, Tề Hoàn Công nói với Bào Thúc rằng: Các khanh hãy vì quả nhân mà chúc rượu đi.

Bào Thúc dâng rượu và chúc rằng:

Nguyện cho vua tôi không quên xuất xuất từ huyện Cử. Nguyện cho Quản Trọng không quên lúc bị trói ở nước Lỗ. Nguyện cho Ninh Thích không quên bữa ăn của ngựa.

Lúc này, Tề Hoàn Công rời khỏi chỗ ngồi mà từ tạ rằng: Quả nhân cùng hai vị Đại phu, sẽ không quên lời nói của phu tử. Được thế thì xã tắc nước Tề chắc chắn sẽ không bị phế diệt, lời này là thường nhớ người xưa vậy.

Bệ hạ! Xưa khai sáng chí của Nghĩa Sư, nương tựa Tam Bảo, nói rằng đem chín mươi lăm lời thệ nguyện mà khai sáng huyền môn. Nay Bệ hạ sáu cõi đã quy về, nhân phú có bốn biển. Muốn theo lời tà mỵ mà hủy phế Phật tăng. Đây là do còn thiếu lòng tin của bệ hạ, nay xin xét lại, đừng để muôn dân mất chỗ trông cậy, lý không thể được vậy.

* Vua Cao Tổ nghe lời can ngăn của bọn Trữ Hoàng, bèn ban sắc rằng: Chỉ lưu lại ba chùa ở kinh đô và một ngàn vị tăng, còn bao nhiêu thì ban cho các vương công, tăng lữ thì trả về đồng ruộng quê nhà.

Nghiêm lệnh đã ban, đen trắng thật khó phân, nên không dám trái ý mà vâng chỉ.

Ngày mùng sáu tháng năm mùa Hạ, vua Cao Tổ băng, văn Đế nhiếp chánh. Đại xá cho người dân trong nước, trở lại thần cư.

Mặt trời Phật nhờ đây mà được hưng thạnh. Lại nhân vì bài dịch truyền trước kia nên có các đạo sĩ là Lý Trung Khanh, Lưu Tiến Hỷ v.v... đều trình bày ý kiến nhỏ hẹp của mình, và soạn dung văn. Họ trước tác "Thập dị, cửu mê" và "Hiển chánh đẳng luận" chê Phật thánh làm tối tăm sanh linh. Lời nói trái khuôn phép, đều trái với kinh sử.

Pháp sư xem qua những lời trước thuật, thì thương xót người lầm lạc, liền soạn luận văn, để làm lời biện chánh. Rõ ràng Pháp sư dùng sự hiểu biết rộng lớn của mình chẳng phải một ngày mà thành. Lúc này dùng văn thư đương nhiên là lần lữa lâu dài. Có Quan Hữu Bộc Xạ Sái Quốc Công là Đỗ Như Hối muốn đem chí khí của mình trình lên Thiên đình, nên cùng Pháp sư dốc chí muốn khai hưng chí đạo Pháp sư cũng mượn lời kẻ sĩ. Nên gửi thư nói với Pháp sư rằng:

Pháp Lâm ở chốn núi non, ăn cây trái mặc áo cỏ. Đối với muôn sự dẫu có chí thành cũng đồng với cây cỏ hư nát. Không biết hết chuyện đời, ngậm miệng không nói đến trọn đời. Trong thì thẹn với đức của người trước, ngoài thì hổ với muôn lời khen. Đó chẳng phải là cô phụ ngài Tuệ Viễn, cũng thật là để lụy cho ngài Đạo An. Thế nên muốn giữ chí mãi với suối xanh, quy tâm vào núi biếc, ẩn mình giữa chốn tòng lâm, thưởng pháp vị của kinh thư. Bên am cốc nơi dòng suối ngắm xem chim cá. Há chẳng phải là chốn từ lâm rộng lớn lại nhập vào cõi trần bao la. Làm khách ở lâu trên đất Tần Xuyên, bỗng chốc lại xa lìa nước Sở. Bèo trôi trên bát thủy, lá rơi trong ba cõi, che lấp tâm khẩu đã lâu. Cái tình của Trọng Thúc đâu có gì đáng nương cậy. Ngồi ở linh đài mà sanh tâm buồn giận, lên Bạch Xã mà than thở, lòng luyến mộ Nam sào càng tăng, thương xót Bắc phong càng tha thiết, bất đắc dĩ phải lãnh thọ truân chiên, dối vịnh "thất ai", luống ngâm "Cửu thán". Mạng sống này chẳng biết như thế nào, lại thêm bịnh tật buộc ràng, nhiều năm liền tưởng chừng sắp dứt, chưa biết khi nào. Trăm nhà có muôn quyển chưa rõ ràng nhân người trước truyền lại đều mang nhiều văn vẽ, mà chưa dứt hết tà nguyên. Nay người lại muốn sửa sang để biện chánh, lại vì kinh thư không đủ, sách sử thiếu thốn, tuy hết lòng nhưng ngặt không biết nương dựa vào đâu.

Kính mong Quan Bộc Xạ, đem tài đức mà trù liệu tính toán. Lấy uy quyền của Quan A-hành, Biết được gương sáng của người, ở chốn

sông núi xa xôi, mà có tâm tiếp sĩ đãi hiền. Biết được người phong tư soi sáng, thức độ mở rộng. Đã nắm giữ được hạt châu của rắn linh, lại có được ngọc ở Kinh Sơn. Cho nên cùng giúp đỡ nhau công việc văn thư Quan lại. Gương đức thì soi sáng nhà quan mà khen ngợi hình luật trong triều ngoài nội. Lại do môn xưng biển bút, thế hiệu nối tông, không quên bổn hoài đời trước. Luôn có những điều lo buồn chất chứa. Muốn làm cho tro mùa đông thêm ấm, cây mục thành tươi.

Ngày trước, Vương Xán xem sách, để giúp Sái Thị. Tương Như đọc thư, thì phụ giúp Dương Hùng. Đó là ý của các nhà hiền triết và các sách, và văn tịch trong ngoài từ thời nhà Tấn, Tống đến nay. Có sự tương quan với kinh Phật. Nay xin nguyện soi sáng, sao chép ra mà kính trình lên. Mong được đặc ân che phép, đọc qua lời cầu thỉnh này.

Nhưng tà kiến và tín tâm xưa nay đều có người lành và bọn ác ngày nay vẫn còn. Trước đem chuyện phó tử dua nịnh, lược trình lại tiểu luận, lại mong được quan trên soi sáng bao dung, trong lòng chỉ biết hổ thẹn đức tài. Xưa, có bài phú Tam Đô, chưa gặp được Trương Hoa nên không người được thưởng. Nay bộ luận "Phá tà" không gặp Quân tử thì ai biết quý trọng. Rồi đạo tục bốn phương ở các chân trong nước, đều lưu thông sao chép khen ngợi thành chương, xong tâm người tà đạo, phát khởi điều lành cho người ngu, há chẳng phải nhờ năng lực của minh công sa? Chắc chắn có khả năng làm lợi ích chúng sanh, bạc hữu Quần mê. Xin hồi hướng sự trang nghiêm này về Phật đạo.

Bấy giờ, Đỗ Công đáp thư của Pháp sư rằng: Thân hèn này nhờ Đề-bạt mà lưu tiếng với đời. Lời hay bỗng ghi, làm cho lời minh thêm sâu sắc. Kính mong Pháp sư mạng thế càng cao thì lòng càng soi sáng. Khí lượng càng rộng lớn thì sự hiểu biết cang thanh thoát, khí lượng sâu xa mà thức độ thanh thóat. Vượt cả Phật-trừng, La-thập để làm sáng tỏ người trước. Hơn cả Đạo An, Tuệ Viễn mà cùng lưu dấu cho người sau. Nói cười trên đống tro tàn của nhà Hán, luận bàn đương thế của nhà Tần. Trong thì làm cho phong phú năm thừa, hiểu tận cùng tám tạng. Ngoài thì bao gồm cả trăm họ, tỏ thấu cả chín lưu. Ẩn nơi tử đài mà đón rước, trốn giữa thanh khê mà ca ngâm. Đưa ngọn gió của ngài Tuệ Viễn đến chỗ xa xôi mà xem dấu của Đạo Dung. Chí những muốn buộc lại giềng mối đạo mầu. Thế là Pháp sư dời gót khỏi sơn môn mà đến thượng quốc, thấy bài hịch của bọn cuồng đạo. Nên ngài liền làm bài văn phá tà để đối lại với những lời dối trá của bọn Lưu Lý, mà biện luận chánh tà. Kinh nói Bồ-tát Hộ Pháp, chính là nên như thế.

Xưa kia, nghe được lời này, nay lại thấy được người này. Nhưng

Phật tử nay thừa lệnh quan mà cảm thấy xấu hổ, lạm mong được cất nhắc mà rất thẹn với A-hành.

Sách nói: Đem biển bút mà nối tông, cũng thành ra luống dối, huống chi gia nghiệp đệ tử chẳng phải Cấp Quận, há là có sách để luận giải. Thất khác nước Lỗ, lý lại không đủ chữ nghĩa. Người thì lại khác hai đội, đời thì khác ở hai mũ. Ngũ thể cách đoạn, tứ bộ phần nhiều thiếu sót.

Pháp sư đã dựng chí theo Giác Đức, nối gót theo Đề-bà. Đệ tử cũng dám trình bày ra mà sánh với Trung sơn, kính vâng lời các bậc thạc đức mà truy hỏi bọn Hồng nho. Rộng tìm chỗ cần dùng, xa thiết bày những điều cần làm. Cũng mong gần gũi bậc Thánh, phụng thừa đạo pháp. Xem qua văn từ đẹp đẽ của bậc thánh đức. Nghe luận giải của bậc Trưởng giả. Nhưng đệ tử việc vua bề bộn, đợi lúc nghỉ ngơi rảnh rỗi sẽ tìm đến ra mắt.

Bấy giờ, Pháp sư có thiếu thốn điều gì, thì Đỗ Công đều cung cấp đầy đủ.

Pháp sư giải đạo tầm nho một cách cương quyết. Lập luận tạo ra có tám trục mười hai thiên, lưu hành khắp chín châu, truyền bá cả ba phủ, rõ ràng mênh mông ai cũng có thể xem qua. May mắn có thể đến chỗ Đại La Ngọc Đế, lại sợ rằng ở trong chỗ cửa vàng, tiên quân trong chín phủ. Làm rung chuyển cả tứ thiên, sửa đổi quần tà ở cõi khác, chuyển tâm mê mờ của chúng sanh. Huống chi bọn tả đạo Hoàng Cân không làm cho khuynh đảo ư?

Có đông cung học sĩ là Trần Tử Lương, lời nói làm gương mẫu cho thế gian, sự học trùm khắp rừng Nho thấy được luận này nhân đó lấy làm lời huấn cáo. Đầu mối chính là đây vậy.

Nghe rằng, đấng Tuyên Hoàng nằm mộng, đạo pháp nhờ đây mà hưng khởi.

Bách Dương ra khỏi cửa ải, nghĩa nhị thiên liền thành tựu. Hoặc là buộc ý tưởng. Hoặc nghiên cứu sâu xa. Chỗ tên gọi thì không nêu ra, chỗ âm dương khó đo lường được. Vẫn còn có thể dời cả đất trời, bao gồm cả quỷ thần. Đạo không hợp với Đại thiên, lời không vượt ra khỏi nội giới. Huống gì pháp thân thì tròn sáng vắng lặng, vượt ngoài hữu vô. Chí lý bất động, nhiệm mầu, dấu vết khắp cả chân tục. Thể dứt bặt ba tướng, lụy khắp cả bảy đời. Vô tâm tức là tâm, phi sắc chính là sắc. Vì Vô tâm tức là tâm cho nên năng tâm chính là tâm này, vì phi sắc chính là sắc, cho nên năng sắc chính là sắc này vậy. Rắn bay lên hư không, hình tướng, danh sắc đều vắng lặng. Ngoài lưới đánh bắt thì đâu

thể dùng lời mà nói được. Như thế, nên Tây Bá bị giam nơi đất Khương mà hiển bày tinh vi. Tử Trương nơi ngục kín mà thành bậc Tiên chí cho đời.

Cho nên Kinh Dịch nói rằng: Việc làm của người xưa thì dễ, nên có lòng suy nghĩ, lo lắng vậy. Hưng khởi luận này cũng chính có lòng tin như thế!

Pháp sư họ Trần, là con cháu của quan Thái Khâu Trương Trọng Cung đời Hán. Vì Viễn Tổ làm quan nên đi khắp vùng Giang Tả. Gần đây do cư ngụ ở đất Kinh Châu, đến đời nhà Tùy thì đến kinh đô theo thầy tạo cơ nghiệp. Có thể gọi là Ngọc dời vào hang núi mà ánh sáng vẫn tỏa khắp cùng. Quế ở trong rừng sâu thì mùi thơm càng bay xa. Pháp sư ứng theo điềm lành của chân nhân, là điều tốt bẩm thọ Hoàng y. Trong thì thông cả ba tang, ngoài tỏ cả chín lưu, đã giỏi về duyên tình lại khéo về thể vật, lại càng có công với muôn loài. Viết sách thì lý nghĩa sâu xa, văn vẽ rõ ràng bóng bẩy đến chỗ tinh hoa chải chuốt. Khi thì nhẹ nhàng mà cao vút đến trời mây, vàng ngọc của Ban Giả cũng chưa thể đồng năm. Lấy hết cây cỏ đất đai ở sông hồ cũng không thể lấp hết. Còn học trò của Trang Tử, Mặc Tử, sách của Hoàng Tử, Lão Tử, văn của Tam Thanh, Tam Đổng. Văn thư cả cửu phủ cửu tiên, dù là chân thật bí truyền. Nghi thức Linh bảo độ mệnh, thuộc như làu trong bụng, nói như nằm trên bàn tay. Lại thêm từng đọc qua Trung Quán, Thiếu Uẩn Pháp Hoa. Đã có văn trì, lại chuyên soạn thuật. Ngoài thì vận dụng suy nghĩ, dắt dẫn không mỏi mệt. Giải thích Trung Quán thì có thể sánh cùng Long Thọ, bàn về thuyết tự nhiên thì không xa Lão Tử. Thế là người trong bốn phương đều kéo đến như trở về vườn Trưởng giả.

Bảy báu đều lẫn lộn như vào chợ Hoa Âm, đó chính là bậc học sĩ tài cao lỗi lạc khắp xa gần. Thật là bậc rường cột của khai sĩ, là tường hào của pháp môn. Bởi vì có các đạo sĩ Lý Trọng Khanh, Lưu Tiến Hỷ v.v... Tự bày kiến thức hẹp hòi của mình bằng văn tự, để hủy báng chánh pháp, khiến cho mọi người sanh tâm kính tin tà vạy. Pháp sư vì lòng thương xót sợ họ đọa vào địa ngục, nên phát tâm đại bi mà soạn ra luận này. Có thể gọi là vang cả biển pháp, động đến núi từ, đá ở trong Bích Khê cùng cạnh tranh. Ngựa tốt Hoàng mã cùng tranh phi nước rút. Chỗ nào lá cây cũng rụng, đưa dao búa lên thì mây tan sương quyện. Cũng giống như đốt lò lớn mà chỉ có một sợi lông nhỏ, như làm nguội lò luyện mà chỉ có chút bay. Những người thích phân thắng thua có thể xem đây mà biết vậy. Bỗng chốc đem lòng từ định mà phá sạch quân ma. Dùng đao trí tuệ mà hàng phục bọn ngu. Mặt trời Phật từ đây càng

sáng soi, mây pháp nhờ đây được trùm khắp.

Pháp sư bèn làm các văn từ thi phú, khởi tụng bia chí chương biểu. Tạo ra giáo pháp Đại thừa và phá tà luận hơn ba mươi quyển, lưu truyền lâu ở đời. Luận này văn có tám quyển, mười hai thiên và hơn hai trăm trang giấy. Nói tận cùng cội nguồn giáo lý của đạo Phật, đạo Nho. Nêu danh lý bình phẩm đến chỗ cùng cực. Đã soạn viết nhiều năm mà chưa truyền bá. Xưa, có Tần Hiếu Công nghe thuyết đế lý mà ngủ say, nghe đàm bá mà hưng khởi, Dương Xuân Hòa vì ít hiểu mà sanh lòng buồn thương thở than. Nhưng các tác phẩm do Pháp sư soạn thuật thì nội ngoại điển đều đầy đủ, sợ rằng kẻ hậu sanh thích việc có chỗ chưa rõ. Có đệ tử là Trần Tử Lương ở Dĩnh Xuyên thường gần gũi thưa hỏi cuội nguồn, tự nhiên được sáng tỏ, hiểu thông mọi lẽ vào lòng, ứng cơ vắng lặng, thí như ánh sáng của hạt châu đủ soi chiếu muôn vật. Đã ngộ được sự huyễn hóa của bốn đường, liền dứt sự ngao du trong trăm cõi.

Ngài đem những điều chưa nghe mà chú giải lại, kế đến đem đến cho người cùng thích, cùng xem xét kỹ lại. Niên hiệu Trinh Quán thứ nhất, vua Văn Đế bỏ cung Đại Hòa lại dâng thỉnh lên Cao Tổ khi đến chùa Long Điền, thấy cảnh sông núi hữu tình, trong tâm cho là kỳ lạ. Vả lại, Pháp sư dùng lời thuyết giáo nhã nhặn cao đẹp, bèn dời lên ở nơi đây. Đến tháng hai mùa xuân niên hiệu Trinh Quán thứ bảy, có Thái tử Trung Xá Nhân là Tân Tư, đặt ra hai điều khó để hỏi vị tăng Thích Tuệ Tịnh ở chùa Kỷ Quốc. Tuệ Tịnh nhân đó soạn luận Chiết Nghi để đáp lời Tân Tư. Luận này nằm trong Cao Tăng truyện, Tuệ Tịnh khi soạn luận có trình lên Pháp sư, Pháp sư đáp thư lại rằng: Gần đây có xem qua luận “Chiết Nghi” của Báo Tân Trung Xá Nhân, ý nghĩa văn từ thì bao gồm rõ ràng siêu tuyệt. Ánh sáng ngọc làm cho mắt hoa nên chưa thấy được. Tiếng khua vang làm ù tai. Đó là vì ở trong chỗ diệu tận không còn lời lẽ để diễn đạt. Thí như viên ngọc hành che khắp cả thất chính. Như biển lớn gom chung cả trăm sông. Thật là sáng sủa! Thật là mênh mông!

Lời nói vượt ngoài mọi sự thấy nghe, lý biểu thật không thể suy nghĩ, bàn luận. Đủ để nhìn rõ muôn điều, mở được con đường của ý. Đến như trụ vô sở trụ, nghĩa kiêm tu ở tại đây vậy. Làm cái việc không làm, công đức cứu độ thật rộng lớn. Vẫn giữ lối mềm dịu mà căn lành sâu lắng, lý thì nhỏ nhẹ mà sáng sủa khác thường. Lẽ nào không đồng với huyền đạo. Phàm lập tượng để mà biểu ý, được ý thì quên tượng, nếu quên được cái phải quên, thì tình lý kia đây cũng đều mất. Không quên, cái phải quên thì Đại Tiểu thừa có khác. Cho nên biết khi mặt trời

mặt trăng đã lố dạng, thì đâu cần ánh sáng của đuốc. Cũng như khi mưa đã tuôn xuống thì đâu cần nước của ao đầm.

Cho nên nói: Kia đây có thể quên nhưng chẳng phải không có kia đây, đó là ta đã bỏ thân trước kia. Do bỏ thân này mà nói là vô thường, thân mới ta nay đang thọ,mượn nó mà nói là duyên khởi. Chẳng phải mới chẳng phải cũ, nghĩa huân tu này không thành. Vô thiện vô khắc, thì sự tốt xấu không có ai để chấp trước. Bởi mượn sanh diệt này để dứt bỏ các mê chấp đoạn thường kia. Nhờ nhân quả này mà chỉ con đường Trung Quán, dứt đoạn kiến, thường kiến thì kẻ mê lầm sẽ thấy được lối về. Lý Trung Quán đã rõ ràng, thì chân như tự hiển bày, hoặc là nói về nghiệp lý để làm sáng tỏ sự huân tập, vừa mở được báo phần để giải thích tự nhiên. Ý đã xuất ra lời nói ngay thẳng thì ý chỉ vượt ngoài câu văn. Báo phần đang hiện hữu, thì chim cú chim hạc không bỏ thân tốt xấu của nó. Nhân của tướng nghiệp lý, thì ve sầu và loài ong đều tự mình bay lên mà hóa thành. Có thể gọi đó là ở trong không danh tướng, mượn danh tướng để nói. Thể chân hòa hợp với tục há chẳng phải như thế sao? Thấy rõ tài do trời phú của Trung Xá Nhân, cũng chưa bằng với bậc thượng nhân nói cùng tận lý lẽ. Tử Kỳ có thể hổ thẹn đối với Tang Ngẫu. Nhan sanh cũng hổ thẹn với việc chết ngồi, có thể dứt đi mà nắm hai đầu. Dứt hết mọi nguồn gốc hoạn nạn nghiêng ngửa, Sở đã được thì Tề cũng không thể mất. Pháp sư là bậc học rộng không ai bằng, trí tuệ vô cùng. Nay làm bậc rường cột Phật pháp, làm thiện tri thức cho đại chúng. Thật cũng vang danh khắp nẻo, lại thêm nhiều lần ra mắt cửa vàng, thường đến nơi thượng tịch. Thổi gió huyền vào nơi hạc thước, đánh trống pháp ở nơi lầu rồng. Đã ở nơi trời xanh tung cánh, lại tung hoành trong bốn biển. Lấy chuyện xưa mà kể chuyện này, để người biết đến.

Ngài Pháp Lâm cáo bệnh lui về Nam Sơn mà giữ tâm nơi hang vắng. Không hề rời khỏi chỗ, suy tư chốn gió mây mà mọi việc đều không thấy không nghe. Gởi tâm tình ở nơi suối đá. Gặp chuyện thấy tên mà khởi lên ưu phiền. Vừa thấy quỳnh chương dùng để dứt bệnh lâu ngày, bồi hồi ngâm thơ đọc sách chất chứa trong lòng. Bất giác lấy giấy viết lại chuyện xưa, đem chút tâm tư bày trên giấy trắng. Chậm gặp kẻ sanh sau nên càng khai mở cho người chưa hiểu rõ, nên Pháp Lâm không lượng kiến thức hẹp hòi của mình mà thuật lại đôi chút bổn hoài của mình. Lời văn nói rằng: Mong làm sáng tỏ hai câu hỏi của Xá Nhân. Văn từ yếu chỉ rộng sâu, lý đạt đến chỗ mầu nhiệm . Đã mở khai ý nghĩa, văn phong lại rõ ràng vi diệu. Nêu bày Phật tánh vốn bình

đẳng. Lược nói về sự dắt dẫn chúng sanh. Trình bày hai câu hỏi khó này, là cùng trở về một mối, khế hợp với đạo lý. Ai có thể vì câu hỏi này mà luận diễn cao xa, thì thấy đẹp, thấy có đẹp mà vẫn còn nghi. Vì sao? Vì tìm về Thượng Hoàng đặt ra phép tắc mới lưu truyền danh hiệu của bậc Tiên Giác. Đấng Pháp vương ứng với cơ duyên vạn vật, bèn nêu lên danh hiệu Phật-đà. Trí tuệ là sự bao trùm tiểu thuật của phân biệt. Bát-nhã là đại tông của vô tri, phân biệt duyên khởi, cho nên xưng đại là Tiên Giác. Tánh vô tri vắng lặng, cho nên mượn gọi là Phật-đà. Sự phân biệt đều ở ngoài cái hữu số. Vô tri cũng ở trong chỗ vô tâm. Ở bên ngoài hữu số, thấy phân biệt mà không mất. Ở trong chỗ vô tâm, công năng dẫn dụ không mất. Thu hào rất nhỏ mà so với núi lớn. Chim Yến nhỏ mà sánh với Đại bàng. Đây không thể đồng niên mà nói được. Trang sanh nói rằng: Ta quên điều phải trái, chứ không quên kia đây. Đây há là việc thường sao? Cho nên kẻ tiểu trí không thể sánh với bậc đại trí. Người nhỏ tuổi không thể sánh với người lớn tuổi. Chỉ có Bành Tổ đặc biệt được nghe, chẳng phải là việc mà mọi người đạt được. Huống chi lý ba đời không sai.

Cửa nhị đế đều có thể chứng nghiệm. Cho nên bậc thánh lập ra nhân quả phàm phu có được kỳ hạn thành Thánh thì đạo xứng rất tự nhiên. Học giả không có lợi ích thành đạo. Từ nhỏ nhiệm mà đến sáng tỏ. Nương vào sự thay đổi mà trở nên tốt đẹp nhờ nhân mà hưởng quả, nương vào huân tu mà bắt đầu thấy biết. Người kia đã biết mà cố hỏi, ta cũng lược đáp lại. Rộng đàm pháp chân như, để tự hiển bày, khi đã hiển bày ra thì càng nhiệm mầu càng tỏ sáng. Cùng trở về thì ai đến ai đi. Bởi biết theo nghiệp mà chịu báo. Hai con chim không biết hiềm khích vì sự xấu đẹp, nhân từ loài thấp sanh mà đến. Hai con muỗi không lựa chọn chỗ hóa sanh, mà là do đợi hay không đợi. Hiểu được đợi mà không đợi, xin hãy thử xem bộ luận này. Thuở xưa, Hám Trạch có hỏi rằng: Khổng giáo và Lão giáo là noi theo trời mà không dám trái mệnh trời. Các vị trời bắt chước Phật không dám trái lời Phật. Còn thuận theo trời mà chế ra Hồng phạm cửu trù. Trên thì nương theo mười điều lành mà phụng theo pháp Phật. Nếu so sánh Khổng giáo Lão giáo với Thánh Tôn thì có thể gọi là Tử Cống là bậc Hiền của Trọng Ni.

Con Ba Ba kiểng chân vượt qua con ngựa giỏi, muốn xem biển khơi mà du ngoạn trên dòng nước. Làm sao loài không mắt mà mong thấy được trời xanh. Người đi bộ mà cầu đến trước, là chuyện không thể có vậy. Vả lại Vương Đạo, Chu Ký mang mũ áo của Tể Phụ. Vương Mông, Tạ Thượng làm bậc vũ nghi trong nhân luân. Kế đến thì có Khích

Siêu, Vương Mật, Lưu Cầu, Tạ Dung v.v... Đều là những vị anh hùng của đất Giang Tả. Hơn bảy mươi người đều học theo Cửu lưu, tài anh khắp thiên cổ, cũng đều nói đến tánh linh chân là thiết yếu, có thể dùng để giữ thân mà cứu giúp thế tục, không gì hơn được đạo pháp của Thích Tôn. Còn như Tống Văn Đế cùng Hà Thượng Chi cũng có luận đàm về việc này. Như thế khắp trong thiên hạ đều tuân theo pháp yếu này, thì ta sẽ ngồi yên mà hưởng cảnh thái bình vậy.

Lại nói: Nếu xướng lên tu mười điều lành thì cõi trời, người thêm đông. Ngũ giới thực hành thì loài quỷ đói, súc sanh cũng được tỉnh ngộ. Đây chính là khuôn phép mầu nhiệm cứu đời. Há là thô tháo mà luận bàn được sao? Văn của Trung Xá Nhân thì dồi dào cao diệu, văn hoa lý lẽ rõ ràng. Đời Tần thì treo một chữ, nhà Thục thì treo nghìn vàng.

■

BIỆT TRUYỆN VỀ SA-MÔN HỘ PHÁP ĐỜI ĐƯỜNG LÀ NGÀI PHÁP LÂM

QUYỂN TRUNG

Đạo Tràng Hoằng Phước tại kinh thành, Sa-môn Thích Ngạn Tông biên soạn.

Thánh giêng mùa xuân niên hiệu Trinh Quán thứ mười một.

Vua Văn Đế muôn tuyên xướng tổ phong, tuân theo Tung Bổn Hệ mà viết ra.

Vua ban chiếu tuyên cáo với lê dân rằng: Khuôn phép của Đạo Lão, nghĩa ở chỗ thanh hư. Di huấn của Đức Thích-ca lý là nhân quả, lấy luận để triển khai giáo lý vậy. Vì muốn dắt dẫn chúng sanh mà lập ra các tông phái, làm lợi ích cho thế gian. Nhưng sự hưng thạnh của đại đạo bắt đầu từ xưa, nguồn gốc ban đầu không có nêu danh, sự nghiệp cao lớn mà biểu hiện có hình thể, vượt qua lưỡng nghi mà vận hành, ôm muôn vật mà nuôi dưỡng. Cho nên việc cai trị đất nước trở nên thuần hòa chất phát. Còn sự hưng khởi của Phật giáo ở bên Tây Vực, từ thời Đông Hán truyền sang Trung Hoa, giáo điển truyền khắp ra nhiều nơi, việc báo ứng chẳng phải một. Gần đây sự sùng tín lại càng sâu rộng. Người muốn được phước ở ngay đời, họa thì lo sợ ở tương lai. Do đó mà người còn đắm chìm trong thế tục, nghe đạo Huyền tông thì cười lớn. Người ưa thích điều lạ nghe chân đế mà tranh nhau quy về. Lúc đầu đạo khởi xướng ở chốn làng xã, sau đó vươn tới triều đình. Càng khiến cho kinh điển trở nên khác tục, sự vi diệu hơn hết những giáo điển trước kia.

Trẫm sớm tối thường lo nghĩ xa xôi đến chí đạo, nghĩ tư cách trước đây thường bị trói buộc bởi phép tắc. Huống chi trẫm vốn là trụ cột của nước nhà nên phải khởi xướng lên. May nhờ phước lộc của Thượng Đức mà dân chúng trong nước được đại định, cũng lại nhờ công đức của pháp vô vi, nên mới được pháp mầu mở mang khai hóa ở đây. Từ nay về sau việc thiết trai cúng dường lập hạnh ở nơi giảng luận. Bậc Đạo Sĩ nữ Quan có thể ở trước tăng ni khai hóa đạo mầu ở các nơi tôn trọng

phong cách của tổ tông xua tan mọi chướng khí. Bấy giờ, tăng chúng trong các kinh ấp đều đến.

Bài biểu chương của vua vừa ban ra, Pháp sư cũng dâng biểu thưa rằng:

Pháp Lâm nay tuổi hạc đã cao, mới gặp được thời thái bình thạnh trị. Khi sức đã về chiều mới gặp được vị vua Thánh anh minh. Trộm nghe! Con gặp được điều lành liền hiến dâng lên cho cha mình. Bề tôi có điều thiện thì tất sẽ dâng cho vua. Đạo thần tử đối với vua cha dám đâu không tận tâm bày tỏ. Điều gì mà cha thường khuyên bảo con, thì con đâu dám làm điều bất nghĩa. Kẻ sĩ nếu biết can ngăn bạn bè thì thân không lìa việc tốt. Pháp Lâm tuy dự vào hàng xuất gia, nhưng vẫn xếp vào hạng bề tôi, nên có phạm điều gì cũng không dám che giấu mà không trình bày ra kính nhận.

Chiếu thư rằng: Quốc gia vốn nhờ phép nước luật vua mà được bền vững. Thổi ngọn gió của Tôn Tổ, phơi bày kinh điển của người trước. Bố cáo khắp nhân dân trong nước đều được hay biết. Khiến cho bọn Đại Sĩ ở trên tăng ni, chu toàn theo chiếu chỉ đâu dám chống cự. Noi theo khuôn phép của Lão Tử mà cai trị đất nước, sửa đổi việc nhà. Các điều chương đều cảm phục cũng không thay đổi. Chí cao thanh hư không đồng với đời, không lập Quán vũ, không lãnh đồ chúng ở trong chỗ khiêm hạ để giữ toàn chân, ẩn đức lớn để nuôi tánh. Người có trí thấy đó thì cho là Trí. Kẻ ngu thấy vậy thì bảo là ngu. Nếu chẳng phải là Lỗ Tư Khấu thì không ai biết được. Nay Đạo Sĩ không tuân theo pháp tắc, mặc áo đội mão như bọn Huỳnh Cân. Đó vốn chẳng phải là con cháu của Lão Tử, làm các việc tà thuật của Tam Trương, bỏ diệu môn của ngũ thiên. Lại đồng với các câu chương cú ngạo mạn của Trương Vũ. Từ thời Hán Ngụy đến nay, thường đem quỷ đạo biến hóa ở trong cõi Diêm-phù này. Dối gá làm con cháu của Lão Tử, thật là mầm móng của tà đạo. Nếu đặt trên tăng ni thì sợ rằng phàm thánh lộn lạo khó phân, sẽ tổn hại cho việc cai trị nước nhà. Nếu không trình tấu lên, thì làm sao biểu lộ hết cái tình của bề tôi. Cung kính sao lục đạo kinh và các sử của Hán Ngụy thì đều là việc Phật trước Đạo sau, như thế thì không sai trái vậy. Cúi mong Thiên từ dũ lòng xem nghe. Xin trình tấu lên.

Vua cho vời Quan Trung thư thị lang là Sầm Văn Bổn tuyên khẩu sắc rằng: Nói với chúng tăng rằng, chiếu lệnh đã hạ rồi. Nếu cũng không phục. Nước có nghiêm lệnh, Pháp sư ăn chay giữ giới, cho nên nói với chúng tăng rằng:

Vua ở tại Cửu trùng, dung nhan Ngài khó mà thấy được. Giả như muốn kéo áo chặt cầu cũng không do đâu mà làm được. Nếu chưa bằng Chủng Vũ, Khuất Nguyên Thê Hoàng ở chỗ hoang dã, kết cỏ lan mà mặc, tự sống đời thanh bạch.

Đến tháng chín mùa thu niên hiệu thứ mười ba có Hoàng Cân Tần Thế Anh giỏi các việc y phương tế lễ, nên đem tài thuật ra để dua nịnh theo thời, nên được lòng của Trữ Hậu, bèn lén tâu các bài luận của Pháp sư, cho là hủy báng Hoàng tộc, chê bai người trước, mang tội vọng thượng.

Vua nghe bèn nổi giận, sa thải tăng ni. Ra lệnh cho đồ chúng y theo lời di giáo, là pháp Lâm hủy báng tông hệ của trẫm. Nếu không trừng trị, thì không có hình pháp quốc gia là gì. Nay Pháp sư muốn vươn đôi cánh bay lên để đến tận trời xanh. Không đợi truy xét mà hãy đưa đến nha phủ. Bọn Quan lại thừa lệnh chúa Thượng bèn tra hỏi Pháp sư, bắt nhốt ở châu đình. Quan Tư Không là Mao Minh Tố, thường đứng lâu nhìn Pháp sư thanh thản trong chốn u nhàn nên làm thơ nói với Pháp sư rằng:

An nhiên trong lao ngục
Chẳng màng việc tử sanh
Mới nghiệm cây trong núi
Mới biết bậc kỳ tài

Pháp sư cũng làm thơ mà tạ rằng:

Bần đạo thức tánh ngu muội, nên không dám tự thị, mà chỉ mượn mấy lời văn vẻ cuồng giản, kính dâng lên hiền giả. Vì chưa có thể tự vẫn, nên còn chút hơi thở, mà tướng công lại ban cho thanh ngoạn, thì Lâm này cũng cam ở mãi chốn giam cầm này. Xin nói ra vài lời hư huấn này:

Tiếng than đêm u uẩn
Bày ra nỗi khổ cùng
Tại nay ta thất thế
Uổng cùng với người xưa
Cỏ dầy khó thấy trời
Tùng xa dể gặp gió
Nhân nói mà đắc ý
Ai tránh chốn cùng thông

Mao Minh Tố khi đọc thơ của Pháp sư thì kinh dị vô cùng, than rằng:

Than ôi! Thật là biết quá trễ.

Tháng mười mùa Đông năm Quý Hợi, nhân ở chùa Hưng Thiện có thiết trai mời Pháp sư, Pháp sư viết thư tạ rằng:

Lòng thành nhận thọ cúng dường của triều đình, dù chẳng phải trân lương mỹ vị thì cũng là hương phấn lan phần. Đây cũng là ẩn lòng nhân từ khoan thứ sâu xa. Đêm mùi vị mà nuôi dưỡng thân hư huyễn này. Thật là may lắm, may lắm.

Cúi mong đại chúng dừng mọi hành động để cùng hưởng thọ an lành vậy.

Pháp Lâm này thật bất tài nhận thọ của tăng chúng. Cùng nương tựa mà không thể tự dung. Cũng không phải là người có tài đức vượt hơn mọi người, chợt thân này tàn lụi, không thể hòa hợp với nhau, trọn chỉ lo không có tội trạng, môn đồ lại phải quỳ gối ngâm dài phúng điếu thì hổ thẹn cho vong hồn vậy.

Thế nên biết dù người uống rượu say sưa mà tiết tháo tùng bách cũng vẫn còn giữ sạch trong. Làm cho bùn dậy sóng mà sen quế mùi hương càng thanh khiết, Pháp Lâm này đâu được là người như vậy! Đã vậy mà nhân lúc nhàn rỗi làm thơ suy xét việc đời, thì cũng là hủy báng bậc trung sĩ, lại để cho kẻ hạ ngu dẫm lên dấu vết. Và lại để cho người giữ chân kéo đuôi, thì làm sao mà thanh thản được! Vả lại, bậc đạt nhân không mong cầu danh lợi. Người đại đạo giữ trọn khí tiết, thì cho dù suối trong giếng lặng vẫn không thể đo lường được. Nên mới đem sự tăm tối ở chốn này mà làm tiêu mất tiếng tăm ở hang vắng, xua tan đám mây trắng phủ che. Nhàn du ở chốn thông xanh, sớm thấy Tuệ Uyển, tối gặp thiền lâm. Mà quanh năm suốt tháng buông tình theo cảnh vật bên ngoài. Nguyện này chưa đủ bao trùm hết cảnh giới. Nhưng người có tội này nghĩ đem hết từ chương lý lẽ, bút mực thô thiển để nói hết lòng mình, thì thước trắng dễ phiền mà tấc lòng khó hết vậy.

Đến tháng mười, mùa Đông năm Bính Thân. Vua ban sắc cho Quan Kinh Bộ Thượng Thơ Lưu Đức Uy, Lễ Bộ Thị Lang Cô Đức Phân, Thị Ngự Sử Vi Tông, Quan Tư Không Mao Minh Tố v.v....đến tại khám đường, mà hỏi Pháp sư rằng:

Người đã cạo tóc sửa tâm, mọi việc nên giữ điềm tĩnh. Xuất gia xả tục phải khế lý vô vi. Nên ẩn tích tu tứ thiền, tâm thực hành sáu độ.

Đem hết cặn bã của Đạo Nho, Mặc, tuân theo tinh hoa bán, mãn, thành hoa, sao phóng tâm trong chín cõi, anh tâm trong ngũ điển, dẫn rộng tam giáo. Từ lúc thăng trầm trị đạo, nêu đủ mười vua. Nêu lên sự hơn kém về sùng kính. Hoặc thuật lại đạo Phật trước sau. Lúc đàm luận về thầy trò Thích-ca, Lão Tử. Rộng bày mười dụ chín châm, đầy đủ khí

thành đạo quả. Lời nói thành tín bị hủy hoại thì rõ ràng bị quả báo. Luận bàn nhân vật thì trải qua hết các sách vở. Việc lầm lỗi của Đạo gia, Tăng sĩ làm sao mà biết thờ Phật. Quy tâm thì giữ lòng trong sáng. Soạn luận căn khởi, quen bài xích ngoại đạo, thì người tội phải chịu lấy.

Pháp sư đáp rằng: Pháp Lâm nghe: Nhất thiết chủng trí hiệu là Tất-đạt-đa, trải qua số kiếp nhiều như bụi nhỏ mà ứng sinh. Người hiền trí thì theo học mà soi sáng khắp nơi: Hoặc mở bày cho ngoại đạo. Hoặc lại hiện làm nho lâm, ứng theo đồng loại mà khuyến dụ. Tùy theo hình loại khác nhau mà hóa độ. Về sau mới xưng là Vô Thượng Sĩ hiệu là Thiên Trung Thiên. Lưu dấu khắp cõi Ta-bà, giáo pháp truyền khắp các cõi nhiều như cát sông. Hoặc là nương an thiền ngộ đạo, tuệ giải mà khai sáng, cho đến dùng thần thông nói pháp khai hóa độ người. Nhưng vì cơ duyên ngộ đạo của chúng sanh khác nhau, cho nên khai tâm Bán giáo, Mãn giáo, mở đạo Nhất thừa, Tam thừa. Tùy căn cơ mỗi loài mà lý giải. Ýcũng do đây. Cho nên Phật khiến trong mười hai thời thì một thời học ngoại điển, đều muốn họ quy phục mà dắt dẫn kẻ tục. Duyên cạn đã sâu, thì dùng lời ái ngữ đồng sự, thế nên trong “Nội điển thông học luận” chép: Phàm ở trên trời thì thành tượng, thành mặt trời mặt trăng tinh dị khác thường. Dưới mặt đất thì biến hình thành sông núi mà khí có động tĩnh. Vật đã vậy thì người cũng như thế, cho nên thể hiện dung nghi đạo hạnh, đầu tròn áo vuông. Đem dụng của tánh tình, âm buồn thảm mà dương thư thái.

Tâm hạnh thì có sự ham muốn khác nhau, đồng cho nên sâu cạn ngu hiền cũng khác. Ý nghĩ tâm niệm cũng phân ra cuồng, thánh. Mở ra các giáo lộ đường tắt, khóc đến bạc đầu vẫn chưa thôi. Sắc tơ mỗi thời đều thay đổi, đem lòng từ bi thương khắp chúng sanh. Đêm tâm tín giải lợi khắp, chín cõi trăm nhà đều khởi xướng. Lễ lạc của Nho giáo Đạo giáo, đem cửu tiên để loạn thần, việc đạo trống không, mà đem sáu kinh làm mất đức. Đem hình dung khác lạc mà luận biện dọc ngang. Đem lời của Khổng Tử làm lưu nhược mũ nhà Nho. Chuyên môn thì nhụt chí do chương cú. Văn chương thì lầm lỗi do khinh bạc. Người tục thì lấy hư vô làm nội điển. Kẻ tăng thì đem sách ngoài làm thí dụ. Giữ tiểu tiết thì bỏ đi rộng lớn, tu theo Đại đạo thì bỏ Tỳ-ni. Các tuệ sĩ thì lấy kiêu ngạo làm đạo phước chí tôn. Người tu thiền thì giữ gìn trí tuệ, phân nhiên dị học thì khó mà thắng lời nói. Các việc thì thích nghi, há cho không tu tập? Thích đồng với ác lạ, giữ chặt mê lầm lâu ngày cũng do đây. Ngôn từ ít thì tri thức cũng không nhiều, há như nửa văn nửa chất, vừa tục vừa chân, xem hết các sách, lao lung các nghề. Chỉ có

bậc Năng nhân chủng trí bao trùm xưa nay. Có người ở vương xá, thử dùng bí mật chăn trâu, Phạm Chí ở rừng cây Thái tử Kỳ-đà. Những điều chứng nghiệm thì rất nhiều, khó mà nêu bày tỉ mỉ hết được. Cho nên, Đồng tử Thiện Tài đi tham cầu tri thức mà không biết chán. Trưởng Giả Kỳ vực chí thích học mà thông hiểu, lượng xét mà không bỏ một mảy bụi, vì tích đức rộng như núi, không rơi một giọt nước, nhóm thành biển trí rộng lớn. Rồi có Long Thọ khí lớn, và Mã Minh đức cao, mở mang đạo pháp một thời, truyền pháp cả ngàn năm. Lại có Đạo An thức soi cao như đỉnh. Pháp lan biện luận còn lưu sáng đời sau. Ngài Tăng Hội từ khí thanh cao, Tuệ Viễn thần thái rực rỡ đó đều là bậc lãnh tụ đi trước, cùng cảnh tiến cho hành giả đời sau vậy. Há chỉ có Phương Sóc mới có nhiều tài năng khéo léo. Còn Trương Hoa là người nổi tiếng học rộng mà thôi sao. Nghe rằng: Muối đỏ gọi thì chê bất thức, bồ câu trắng bay lên thì cười bất tri. Còn có người thông hiểu học khắp thì hầu như không có sự hổ thẹn này. Trộm nghe, đức mà bao trùm trong ngoài, thì các thứ tà vạy sợ nép phục. Lý giải cùng tận đại tiểu, tùy căn cơ mà hướng hội. Nếu tiểu giáo chưa thông, thì tuệ phẩm không đủ. Ngoại học có thiếu thì giới thiên còn phạm. Thế nên khéo trau chuốt văn từ, thì vốn thành đức bốn biện. Nếu thanh vận vi diệu hòa nhã thì thật là dự vào phương năm minh. Nhưng mà kinh Hoa Nghiêm thì quở trách học rộng. Pháp Hoa thì răn việc gần gũi. Tự tỉnh ngộ vô chấp mà lại khác với kia sao? Không tự khoe là Tịnh Danh mà kiêu căng với đời. Muốn giúp sức chân đạo mà nương nhờ Chánh giác. Còn Điền Quân dùng kỹ nhạc hạ tọa mà còn có lúc cứu giúp. Người nước Tề có chút thuật toán, còn có thể tự sửa đổi. Huống chi người mài giũa văn chương để noi theo đạo đức của các Tổ. Đã đồng với vàng đá trúc tơ, đều là những âm thanh vui vẻ vậy. Các loại quả trái đều là mùi vị vừa miệng. Thí dụ núi cao dụ cho Sơ địa, thuận với Nan thắng của thế gian. Phong lưu không rơi rớt, văn chương ở đây sao? Cũng khiến cho chư tăng và tục điển không bị hoang phế ở nơi gò vắng. Bậc nho sĩ biết Phật pháp thì không xem thường giới định. Cho nên nói: Bậc Đại sĩ học rộng, thông minh há lại hẹp hòi thủ cựu với người sao! Nhưng Biện Chánh căn khởi do Pháp Lâm soạn có lý do.

Đến giữa mùa Đông niên hiệu Vũ Đức thứ tư được Đạo sĩ Thanh Hư Quán là Lý Trọng Khanh soạn bài văn Thập Dị Cửu Mê. Và Lưu Tiến Hỉ soạn Hiển chánh đẳng luận. Nói về việc khinh thường Đại Thánh, làm mờ tối sanh linh... vọng trích dẫn kinh điển lấy trái làm phải. Lâm này đã giận bọn họ không hiểu biết. Vì nghĩ tội lỗi của họ nên mới rộng góp nhặt “Cửu lưu luận” thành “Bát trục”. Trình bày ra tam giáo

chí minh để làm lợi cho đất nước. Nêu thập Đại là ý muốn làm rõ sự tôn sùng. Căn cứ vào sách sử mà biện giải trước sau. Đem lời huấn cáo để làm rõ sự kính trọng tôn sư. Dùng người dụ để bác bỏ mười dị của họ. Lấy chín châm để phá bỏ chín mê. Hào khí căn bản của đạo thì đều có khuôn phép. Đem lòng tín phá tà đạo, nhưng Pháp Lâm đã xưa có soạn "Đạo sĩ ngụy Mâu tử Tế" nói rõ về việc đạo Phật, đạo Khổng, đạo Lão đều cùng quy tâm, vì sao lại tự giữ cho mình. Rồi khi lý phù hợp, sự thuận theo thì thanh bạch rõ ràng. Căn bản đã rõ thì muôn việc đều được.

Bọn Đức Uy v.v... lại hỏi Pháp sư rằng:

Trong luận "Trọng khanh ưu liệt". Điều thứ chín trong mười điều, là bài văn "Tiến Hỉ Hiển Chánh", chỉ có một trục, cũng không vọng trình bày những điều tốt xấu, rộng dẫn đế vương, vì sao những lời biện lại lộn xộn lung tung như thế. Giả sử trích dẫn giải cho người có học, mà trình bày những từ ngữ luống dối, vọng trình bày, khai sĩ, Nho sinh toàn không có thật lục, là muốn đem việc ngày nay để rõ việc ngày xưa, ý có chỗ chưa phải. Nay phải trình bày cho rõ ràng không được che dấu.

Pháp sư đáp: Lâm này nghe nói!

Vì sao có sự trái phải, là nói rõ lời của Tư Mã, Tử Mặc, Hàn Lâm thuộc bài phú của Dương Hùng. Lần lượt có bọn Huyền Vi, Cảnh Cơ truyền bá mạnh mẽ ở đương thời. Đó là theo lời của Tuẩn Hoa, Xung Mạc ngày trước, nói rõ ngôn từ của Tông này ngày xưa, khuôn phép đã như vậy, Lâm làm sao mà nói khác được. Nếu không mượn đây để mở tông, thì làm sao lấy chỗ tà đạo để nêu bày tam giáo. Cho nên lúc sáng lập tam giáo, do đây bày ra mà lập luận, kế đến làm sáng rõ chín châm, trả lời thuyết của Trọng Khanh. Trong đó cũng có các sự mê hoặc từ trước đến nay. Nhân đó đem luận để giải thích cho thông suốt. Về sau đến giữa mùa niên hiệu Vũ Đức thứ tám, vua Cao Tổ đích thân đến Quốc học, lúc sắp hành lễ cúng tế, mới trình bày tam giáo đầy đủ. Bấy giờ, cả hai chúng thông nhân Vân La đều nhóm họp đón rước, các vị tài giỏi của năm bộ vân tập nhiều như sao trời trên chiếu nghĩa.

Khi đó, có Phan Diên Hoàng Cân mới vọng tấu trước sau, tâu với vua Cao Tổ rằng:

Thái tử Tất-đạt không thể thành Phật. Sáu năm cầu đạo mới được thành Phật, đây là đạo có công năng sanh ra Phật. Phật do đạo mà thành, Đạo là thầy của Phật. Phật là đệ tử của đạo.

Bèn dẫn trong kinh Phật rằng: Cầu đạo Vô thượng chánh chân.

Lại nói rằng: "Thể giải đại đạo, phát vô thượng ý" v.v...

Bấy giờ, có sư Thích Tuệ Thừa chùa Thắng Quang, học nghiệp

sâu xa, tài cao hơn đời. Khi ở trong quân thì tích lương mặc giáp, khi nước nhà có giặc thì đều đến cầu viện. Khi được hỏi về việc khai tông thì liền vỗ núi gõ đá, liền viết lời "Tả Huyền Hà ". Kiêm bài từ của Thổ Phi Long. Nghĩa lý cao sâu mà truyền bá rộng rãi. Không có lời nào mà không ứng cơ. Người này đã khiến Chúa thượng suy nghĩ lại, các quan lễ bái. Bây giờ, bọn cửu tiên ngoại đạo đều thúc lễ ở ngoài cửa ngọ môn. Bọn Tam Đổng Hoàng Cân nghe ngóng rồi nói ra. Pháp Lâm cũng duyên theo đây mà luận nghị, lại chọn ra các sách Phật đạo trước sau giải thích về thầy trò Thích-ca, Lão Tử.

Lại làm bài "Bác Dịch" trình lên rằng:

Sau đời Hậu Hán, ở Trung Nguyên hoàn toàn chưa có lòng tin. Đến đời Tấn, Ngụy người dân mọi rợ một phần có lòng tin. Trong Trọng Khanh Luận chép: Trong bia đá có nói nước Tây Vực cùng Tăng Trừng Đạo nhân, nhờ đây mà Phật pháp ở đây được hưng thạnh.

Lưu Tiến Hỉ nói: Từ Tây Vực truyền đến Trung Hoa qua đất này chưa hoàn toàn có lòng tin. Từ Diêu Thạch về sau, ngọn gió Hồ thổi sang mới bắt đầu hưng thạnh.

Pháp Lâm do ba người này nên không thể im lặng. Bèn khéo rộng trình bày cho Quân Vương, các quan đều kính Phật độ tăng. Dùng ngôn từ đối đáp làm rõ sự luống dối của ngoại đạo. Sau bày tỏ rằng lòng tin phả bỏ giao báo, để chỉ cho Trọng Khanh, nêu rõ kết quả của thiện ác, giúp họ sửa đổi.

Nhưng Trọng Khanh v.v... văn tuy có hai mà sự có nhiều điều. Giả như sách pháp Lâm có tám quyển, cũng vẫn là lược báo. Ngày nay chúa thượng rõ các việc chánh tà, từ đó mà hưng hiển Sa-môn, tôn sùng thích giáo. Há là dám đem việc ngày nay mà so sánh với người xưa. Ý có sự sai lầm nhưng lý số thì rõ ràng, thật là chính xác.

Bọn Đức Uy v.v... lại hỏi Pháp sư rằng:

Trong phần thứ nhất của luận có nói! Đời Đại Đường vua gặp bậc thánh thì chấp tay. Chuộng người hiền đức mà làm việc chánh. Quý bậc nhân đức mà trở nên thuần lương. Phật giáo và Đạo giáo cốt ở sự chánh tín, chẳng phải nóng nảy, gấp rút. Từ lâu muốn trình bày mà chưa dụ, nên còn những điều thắc mắc. Vậy thì điều đó có thật không, Pháp sư nên trình bày lại rõ ràng. Nay Thánh thượng có xem qua, văn tư có chỗ còn chưa rõ cần giảng lại không?

* Pháp sư đáp: Pháp Lâm nghe! Khi Nho giáo cứu giúp thì, người ít biết tôn nghinh. Đạo Phật, đạo Lão làm lợi ích cho muôn vật thì kẻ ngu còn nghi. Cho nên mượn lời trên để làm rõ những điều chưa dẫn

dụ. Bậc học rộng nhờ đây mà xướng lên công đức nhiệm mầu này. Vậy nên nói: Tuẫn chúa thờ cha mẹ lấy trung hiếu làm đầu. Toàn thân viễn hại thì đạo đức được tôn trọng. Cứu khổ lợi sanh, thì lòng từ bi. Luôn giữ lòng trung hiếu, mới có thể làm lợi ích cho nước nhà. Hành đạo lập đức có thể truyền bá thân danh. Hưng khởi tâm Đại bi, có thể cứu giúp chúng sanh, cứu giúp chúng sanh thì ân đức ban đều khắp trong sáu đường. Truyền bá thân danh tức làm hiển vinh pháp môn. Nước nhà đem công đức này mà bao gồm cả sáu hợp. Cho nên lấy trung hiếu để giáo huấn thế tục. Đem đạo đức làm phương thuật để giữ thân, hành đạo từ bi để chở che muôn vật, cũng giống như trời có tam quang, mỗi quang đều cân xứng với đức của nó. Như đảnh có ba chân, mỗi chân đều có công năng của nó. Tam giáo đồng tuân thì muôn sự đều tốt đẹp vậy.

Nay Chúa thượng ở ngôi cao tối thượng, lòng cung kính Đạo Vô vi, Văn chương thông minh đều hiểu rõ không cần dẫn dụ. Nhưng vì bọn Trọng Khanh gốc tà kiến sâu xa, khiến cho Đạo pháp thánh thiện chưa thấm nhuần hết. Cho nên mượn ý của Tân chủ để xướng lên khuôn phép này. Nói ra lời lành để nêu cao việc ấy.

Con như hỏi rằng: Hoàng Thượng chưa rõ có thể trình bày không?

Thì xin xem rõ văn tự đều có phân ra rõ hết.

Đức Uy v.v... lại hỏi Pháp sư rằng:

Trong phần thứ hai của luận có nói! Xét các sách sử từ xưa thì biết việc nho học đời trước, không nghe tên linh bảo, chưa ghi thuyết của Thiên Tôn. Lại vọng xưng là thông suốt, rộng chế ra trai nghi, mà không thấy được chỗ thiết yếu. Chỉ tham cầu tiên thuật, danh hiệu Đạo Sĩ không biết từ đâu đến. Lời nói xa xôi như vậy thật không biết gốc gác từ đâu. Nhưng đạo giáo thì nói sự vi diệu của linh bảo, bí mật ở tại huyền đài. Lão giáo thì luận biện thần của Thiên Tôn là Đại La cung kính chấp tay, rồi chế ra ba nguyên mười chân. Đây chính là cách xuất ly. Là nghi thức sáu trai bát phẩm. Há lại là phương thuật tham cầu. Danh của Đạo Sĩ còn như thế. Những lời như thế đã lâu dài vậy.

Người Hồ bác bỏ sự tôn sùng của triều đình, chẳng phải vì sự tôn kính của nước nhà, môn đồ năm lần nghe chưa vượt hơn ba chương. Lưới trời mênh mông, thưa mà chẳng lọt.

Pháp sư đáp: Pháp Lâm nghe rằng!

Điển thì có chín đầu hai mắt, Văn thì kim thiên hỏa Đế. Mô là Bạch Tần Xích Hán, Chí là ba Quốc hai kinh. Đó gọi là Tả sử Hữu sử, ký sự ký từ. Đây là lời trực bút trực ngôn, không hư vọng, không luống

dối. Cho nên Ngô chủ Tôn Quyền hỏi rằng:

Quan thượng thư lệnh là Hám Trạch rằng:

Tiên có pháp linh bảo. Thế còn Đạo giáo này thì như thế nào?

Hám Trạch thưa: Pháp linh bảo đó, một là không có tên tuổi để nương theo. Hai là không có nơi chốn để thành đạo. Còn Đạo giáo xuất xứ từ hang cốc vắng vẻ, con người chẳng biết được, thật là chỗ thâm sơn mà lạm nói, chẳng phải bậc Thánh chế ra.

Ngô chủ khéo nghe lời đối đáp, lại hỏi:

Danh hiệu Thiên Tôn xuất xứ từ kinh Phật, đó là trộm ý của Đạo Thánh ta sao?

Vì sao xét trong ngũ kinh chánh sử của Tam Hoàng đến nay, đều không cho là riêng chỉ có Thiên Tôn sống trên cõi trời. Nhưng từ thời Chu Công, Khổng Tử đã đặt ra lễ pháp, sau định thi thơ, vì vậy trong năm điển ba phần không thấy xưng là Đại-la. Các vua đời trước cũng không nghe cúng tế Thiên Tôn. Ở điện Đoan Củng cửu Hoa chỉ gọi là Đại Đạo. Ở cung Thống ngự thất Ánh, có Đạo giáo biện luận nói về Thiên Tôn, các nhà hiền triết nói về linh bảo. Đây là chuyện đạo thính đồ thuyết (đầu đường xó chợ), đâu đáng y cứ. Những loại sách quanh co ngõ tất đó chẳng phải là sách được công nhận. Lại có các sự tích trai nghi kiểu chế có thể tìm đọc. Không thể nào trình bày ra hết. Đó đều là do bọn Tam Trương ngụy soạn, Tu Tĩnh nói dối, bác bỏ như trong luận Pháp Lâm đã nói.

Lại danh hiệu Đạo Sĩ là do Đạo giáo dùng trước, không phải là tên Hòa thượng. Bên Nho giáo chưa có lời biện luận. Vì sao?

Trong Diêu thư có nói rằng: Bắt đầu từ đời Hán Ngụy về sau đã có Phù Diêu, đều gọi chúng tăng là Đạo Sĩ. Đến thời Ngụy Thái Vũ có một bọn tà đạo trộm xưng là Đạo Sĩ, lại đổi là Sái tửu. Đây có lẽ là sự ức đoán của Pháp Lâm, mà chính trong sử sách có nói rõ. Lại trong "Ban Cố Hán Thư Văn Đế Truyện" và "Phiên Nhạc Quan Trung Ký", trong "Kê Khang Hoàng Phủ Mật Cao Sĩ Truyện" và "Phỏng Phụ Lão v.v..." đều không có nói Hà Thượng Công kết cỏ làm am thất mà hiện thần biến xứ. Các việc đều là luống dối, không có trong sách vở. Chỉ là vọng đem văn chương ma tạo thành pho quyển. Đến nay chúa Thượng cung kính hỏi đạo ở tại triều, Cửu tộc, Tôn thân bình an cả trăm họ. Thật có thể bỏ đi uế thuật của Tam Trương, mở mang diệu môn của ngũ thiên. Pháp Lâm nay vì hấp tấp mà phạm thượng, cúi mong Chúa thượng minh xét. Nếu khư khư mà từ chối thì sợ làm cho Thánh đế trở thành hôn quân. Cúi mong đến muôn lần, xin dâng những lời quê mùa này lên

Thánh thượng. Nếu được nạp thọ thì mong được lợi ích thật cao sâu.

Đức Uy v.v... lại hỏi Pháp sư rằng:

Trong phần thứ ba của luận có nói rằng! Vua Cao Tổ nhà Lương để tâm nơi kinh điển nhà Phật, cầu phúc mà xả thân. Vua Tùy Văn Đế gánh vác tứ sanh, làm rường cột cho Tam bảo. Hết lòng gìn giữ chánh pháp. Không hủy phạm tôn dung. Như thế thì chứa lành tích phước sẽ gặp điều an vui, mà xa lìa tai ương. Cớ sao, nhà Ngụy thì mấy đời ngự ở bên ngoài, nhà Chu thì mấy vua đều truyền tự, nhà Lương thì bị nạn lớn lúc còn trẻ, nhà Tùy thì chỉ mới hai đời liền mất, cho nên biết Thiên Đạo không thiên vị, liền thành những lời luống dối. Họa dâm phước thiện, mà nói thật sai lầm. Vì sao lại làm cho đời bị tổn hại. Người sùng kính thì thọ mạng không lâu dài, tới lui vô chừng, mọi việc đã hiển nhiên, đến đi tự trái ngược, cũng đủ thấy đây là luống dối.

Pháp sư đáp rằng:

Pháp Lâm có nghe! Đạo giáo lúc ban đầu há chỉ nói rõ ba báo. Nho Tông lúc sơ khởi đâu chỉ bày một đời.

Cho nên Trọng Ni mới đáp lời Quý Lộ rằng: Sanh là việc của người, ông còn chưa biết. Chết là việc của quỷ thần ông làm sao biết được. Trong "Viên Hoằng Hậu Hán" Thư có nói rằng: Đạo gia có ra từ Lão Tử, Lão Tử thì lấy thanh hư đạm bạc làm chính. Làm thiện lánh ác là giáo lý. Nuôi dưỡng vợ con dùng làm sách bùa. Họa phước báo ứng đều trong một đời. Đây chỉ là lời nói cạn cợt chớ chẳng phải luận đàm xa xôi gì. Cho nên nếu vui với điều nghi lớn, huyễn hoặc sâu xa thì như bậc Thượng Thánh đời Đường Ngu nuôi dưỡng Chu Quân, Hạ Ngu thì sanh ra vua Thuấn. Nhan Hồi là bậc Đại hiền mà phải chết yểu. Thương Thần cực ác mà được nối dõi. Đạo chích ngang tàng bạo ngược mà hưởng phước trọn đời. Di Tề là bậc Chí nhân mà chết đói. Trương Thang làm quan tàn ác mà bảy đời con cháu đều làm quan. Tỷ Can là bề tôi trung chánh mà phải chịu cắt mổ. Các vị như trên đây thật không thể kể hết. Đều là mê hoặc nghi ngờ cho nên là thường tình cả. Cì vậy bậc Đại giác của ta mới riêng xưng hiệu là Biến Tri. Xương rộng bốn sanh, trình bày ba báo. Là muốn khiến cho bày sự nghi để hiển lộ chánh giáo. Lưu lại phả điệp trình bày rõ ràng đầy đủ những lời vàng. Cho nên trong kinh có nói:

Có nghiệp hiện ra khổ thì có quả báo, khổ đau. Có nghiệp hiện ra khổ mà có quả báo an vui, có nghiệp hiện ra vui thì có quả báo an vui, có nghiệp hiện ra vui mà có quả báo đau khổ, có lẽ là do phước dư chưa hết, điều ác chưa nhận chịu. Hoặc tội lỗi đời trước vẫn còn, mà duyên

lành đã phát. Như tro phủ lửa đâu thể nói không có lửa? Nếu trong chỗ tối mà tìm âm thanh nên biết chắc chắn sẽ có. Vả lại thiện ác không rõ ràng, cũng giống như mặt trời thiếu ánh sáng, báo ứng đều có trở về. Khi Kình ngư mất thì các sao hiện ra. Chỉ xét ở phần cảm thông, đủ rõ nguyên nhân của thiện ác, thế nên Tiêu Dương Chu Ngụy có thể không nghĩ mà tự mình giải thích được.

Đức Uy v.v... lại hỏi Pháp sư rằng:

Phần thứ tư của luận có nói rằng: Đời vua Cao Tổ Vũ Hoàng Đế dường như vua ban chiếu rồi mới có soạn luận. Đến nay các vua đều tôn sùng Lão Đam làm gốc. Tuân phụng từ đó mới ban sắc xếp Đạo Lão ở trên hết. Nay Pháp sư vì sao lại cố chống lại chiếu văn. Tội cố hủy phạm chuyện chẳng phải nhỏ, phải trình bày rõ ràng. Không được luống thêm bớt những điều hư hoặc.

Pháp sư đáp: Lâm này soạn luận văn, bổn duyên từ đời Lưu, Lý, thật chẳng phải từ lúc có chiếu lệnh về sau. Đó là do tám năm trước, chỉ vì thụy hiệu chưa thi hành. Từ lúc sáng lập ra gọi là Hoàng Đế, lần lượt y theo Hán Sử mà làm Thái Thượng Hoàng. Sau thấy Đế thụy đã ban hành, mới ghi là Đại Vũ. Xin tìm đọc luận quyển thứ tư, có chỉ ra đức độ hiển nhiên. Nhưng bút ký trong tám năm đủ biết không phải sai lầm. Lẽ nào dám công nhiên hủy báng chiếu thư về sau. Tìm hư mà trách thật, tôi cũng chỗ trở về. Xin xét lần lượt sẽ phân biệt sự trong sạch.

Đức Uy v.v... lại hỏi: Phần thứ năm của luận nói rằng! Theo Y Diêu Trường Khiêm Lịch chép: Phật ra đời năm giáp Dần đời Châu Chiêu Vương, đến năm Nhâm thân vua Mục Vương mới diệt độ. Nhưng vì sao ngài Pháp Hiển lại truyền rằng: Phật sanh vào thời Thánh Ân Vương. Rút ở trong bài ký về Tượng chánh pháp nói là: Năm Chu Bình Vương thì Phật đản sanh. Ngài Đạo An soạn luận lại nói chính xác là đời Hoàn Vương. Trương Phòng sao lục lại thì kiên quyết nói vào đời Trang Đại. Cho nên biết thì việc truyền thuật rất trái ngược lộn xộn, không thể nào y cứ, hiển bày trước sau, xa gần lại khác nhau.

Pháp sư đáp: Tôi nghe rằng! Đức Đại Thánh ứng sanh vốn là để đem lại lợi ích cho chúng sanh, người không căn duyên thì chẳng gặp. Cho nên trong kinh nói rằng:

Phật nói một thứ tiếng, tùy theo loài mà hiểu. Luận về âm thanh đã như vậy, thì ngữ thể cũng thế, nhưng truyện ký có nói rõ, chẳng phải là không có lý lẽ. Nay, Pháp Lâm căn cứ ở nhiều nhà. Trước là nêu bày cái đúng thật rồi sau mới nói cái sai lầm. Y theo Pháp sư Đàm Mô Tối người nước Ngụy, Pháp sư Thượng Tổng đời Tề và Bác sĩ Tu Lịch

Diêu Trường Nhượng, v.v... đời Tùy. Lại căn cứ vào “Chu Mục Thiên Tử Truyện” “Chu Thư Dị Ký”, bài tựa “Tiền Hán Lưu Hướng Liệt Tiên Truyện” “Tinh Cổ Cựu Nhị Lục” “Hậu Hán Pháp Bổn Nội Truyện” và “Truyện Nghị Pháp Vương Bổn Ký”

Ngô Thượng thư lệnh Hám Trạch v.v... y cứ theo kinh A-hàm thì xét Phật đản sanh vào đời Chu Cơ thứ năm là năm Chiêu Vương Hà lên ngôi, tức năm Quý Sửu thứ hai mươi ba, ngày mười lăm tháng bảy. Khi ấy, Bồ-tát hiện hình voi trắng mà giáng thần, từ cung trời Đâu-suất thác sanh vào cung vua Tịnh Phạn, Ma-da phu nhân liền thọ thai.

Cho nên trong sách “Hậu Hán Pháp Bổn Nội Truyện” có nói:

Vua Minh Đế Pháp sư Ma-đằng rằng! Ngày tháng Phật đản sanh có thể biết được không?

Ngài Ma-đằng thưa:

Phật đản sanh vào ngày mười lăm tháng bảy năm Quý Sửu, gá thức ấm vào bụng Ma-da, tức là năm này vậy. Đến năm Giáp Dần đời Chu Chiêu Vương thứ hai mươi bốn, ngày mùng tám tháng tư, ở trong vườn Lâm-tỳ-ni dưới cây Ba-la, Bồ-tát từ sườn bên phải đản sanh.

Trong Kinh Phổ Diệu chép:

Lúc Phật đản sanh, khắp nơi đều phát ra ánh sáng rực rỡ chiếu khắp cả thế giới Tam Thiên.

Trong “Chu Thư Dị Ký” chép:

Năm Giáp Dần, đời Chiêu Vương thứ hai mươi bốn, nhằm ngày mùng tám tháng tư. Khi ấy các sông suối, ao hồ bỗng nhiên dâng lên. Giếng khô, suối cạn cũng đầy ngập nước. Cung điện, nhà cửa, sông núi thảy đều rung chuyển. Trong đêm không khí có năm màu sắc, nhập vào trong thái hư rồi biến khắp bốn phương, chỗ tận cùng làm thành màu xanh hồng.

Vua Chiêu Vương liền hỏi Quan Thái Sử là Tô-do rằng:

Đây là điều lành gì?

Tô-do đáp:

Có bậc Đại Thánh vừa hạ sanh ở phương Tây, cho nên hiện ra điềm này.

Chiêu Vương hỏi:

Đối với dân chúng trong nước thì như thế nào?

Tô-do thưa:

Ngay bây giờ thì không có chỗ khác. Đến một ngàn năm sau, thanh giáo kia mới đến Trung Quốc.

Chiêu Vương liền sai người khắc bia đá ghi lời này, chôn ở phía

trước đền thờ trời ở ngoại ô phía Nam. Phật đản sanh cũng chính vào năm này.

Đến năm Nhâm Thân, năm Chiêu Vương thứ hai mươi bốn, nửa đêm ngày mùng tám tháng tư vượt thành xuất gia, nên kinh Thụy Ứng chép: Năm Thái tử mười chín tuổi, nửa đêm ngày mùng tám tháng tư người trời liền nhìn qua cửa sổ, chấp tay nói rằng:

Bây giờ chính là lúc nên đi. Nhân đó sai gọi ngựa đem đến đến rồi lên đường, cũng chính là vào năm này.

Đời vua Chu thứ sáu là Mục Vương, húy là Mãn. Vào ngày tám tháng hai năm Quý Mùi niên hiệu thứ hai, bấy giờ Phật ba mươi tuổi vừa thành đạo.

Nên trong kinh Phổ Diệu chép:

Bồ-tát ngồi thiền, khi sao vừa xuất hiện sáng rỡ thì bỗng nhiên đại ngộ. Đây chính là vào năm này.

Vào ngày rằm tháng hai năm năm Nhâm thân đời vua Chu Mục Vương thứ năm mươi hai, bấy giờ Phật bảy mươi chín tuổi mới diệt độ.

Kinh Niết-bàn chép:

Ngày rằm tháng hai là lúc Phật nhập Niết-bàn, phát ra các thứ ánh sáng, mặt đất rung chuyển, âm thanh vang đến trời Hữu Đảnh. Ánh sáng biến khắp cõi Tam thiên.

Trong "Chu thư dị ký" chép:

Khi vua Mục Vương lên ngôi vào năm Nhâm Thân thứ năm mươi hai, nhằm ngày rằm tháng hai. Trời vừa sáng, gió bỗng nhiên thổi mạnh làm cây cối nhà cửa đều gãy đổ, sông núi mặt đất thảy đều rung chuyển. Đến giờ ngọ thì trời tối mây đen. Hướng Tây có mười hai lần cầu vồng, từ hướng Nam bắc thông qua, suốt đêm không tan.

Vua Mục Vương hỏi Thái sư Hỗ Đa rằng:

Đó là điềm gì?

Hỗ Đa đáp:

Phương Tây có bậc Đại Thánh đã diệt độ nên tướng suy hiện ra.

Phật nhập Niết-bàn cũng chính vào năm này. Bắt đầu đản sanh ở Tây Vực vào năm Giáp dần đời vua Chiêu Vương thứ hai mươi bốn đến nay. Là năm Kỷ Hợi niên hiệu Trinh Quán thứ mười hai đời Đường. Đã trải qua một ngàn sáu trăm mười tám (1.618) năm.

Trong Pháp Hiển Truyện chép:

Phật đản sanh vào thời vua Thánh Ân. Nhưng Pháp Hiển tuy từng đi du giáo hóa ở nước ngoài, nhưng truyện cũng không thể y cứ. Năm tháng sai biệt lớn nên chưa đủ để làm tin.

Lại ngài Đạo An nói từ năm Ất sửu cho đến năm Giáp Dần thì Phật đản sanh, cũng không có căn cứ rõ ràng, chưa đủ chứng nghiệm. Lại trong “Tượng Chánh Chi Ký” cũng ít thấy có bằng chứng để y cứ. Ngài Đạo An soạn luận căn cứ theo lời ký của ngài La-thập. La-thập làm bài ký đó, là nương theo ngài An Thế Cao, ngài An Thế Cao ở tại thành Lạc Dương đời Hán Hoàn Đế mà phiên dịch kinh tạng. Căn cứ theo thời người cầm bút thì thời vua Hoàn Vương. Nhưng ngài La-thập từ đầu nhà Tần đến nay, ngài An Thế Cao từ đời Hán về trước, hai vị Đại sư cách nhau ba trăm năm. Cùng tin tưởng nương theo mà làm bài ký. Chẳng phải là luận của ngài Đạo An soạn ra có lầm lẫn, mà do lỗi của người truyền lại. Lại vào đời Tùy, học sĩ phiên dịch đời Tùy là Phí Trường Phòng nói.

Phật đản sanh vào thời vua Trang Vương, Thí Trường Phòng nói Nhị Trang đồng thời, Chu Trang Vương năm thứ mười, tức là Lỗ Trang năm thứ bảy vậy. Nhưng căn cứ theo hằng tinh làm chứng nghiệm để nói Phật đản sanh thì chưa biết hằng tinh riêng do việc khác.

Pháp Lâm căn cứ theo Văn-thù-sư-lợi Niết-bàn kinh chép:

Sau khi Phật diệt độ sau hai trăm năm mươi (250) năm, ngài Văn-thù đến núi Tuyết, giáo hóa cho năm trăm (500) vị tiên, sau đó trở về bổn Quốc, phát ra ánh sáng rực rỡ khắp thế giới rồi nhập Niết-bàn. Điềm lành Hằng tinh tức là vào thời này. Trường Phòng nói ngày tám tháng hai Phật đản sanh. Đó chính là tháng tư chứ không phải tháng hai. Lời Trường Phòng phán quyết đó, là chưa xét cùng tận nguồn gốc. Vì sao?

Trường Phòng nói:

- Nhà Chu lấy tháng mười một làm tháng giêng. Nói tháng hai chính là tháng tư ngày nay. Tuy là nói tháng hai nhưng cuối cùng là tháng tư. Còn xét theo bộ Xuân Thu thì tính năm theo năm của Lỗ Trang Công, còn tháng thì lấy theo tháng của Chu Vương, Hằng tinh vốn là điềm lành xuất hiện vào thời nhà Chu, nên căn cứ vào ngày tháng đời Chu.

Trường Phòng nói rằng:

Phật đản sanh vào ngày mùng tám tháng hai năm thứ mười đời vua Trang Vương. Thật là sai lầm lớn. Nếu nói tháng hai thì không nên luận về sao.

Trường Phòng lại nói:

Phật mùng tám tháng tư gá vào thai bà Ma-da, đó là nói về tháng của nhà Chu. Khi đản sanh cũng theo chu kỳ của nhà Chu. Ở đây nói

tháng hai cũng không đúng. Nếu theo lịch nhà Chu lấy tháng mười một làm tháng giêng, thì Như Lai không sanh vào tháng hai. Phàm người tháng giêng thụ thai thì đến tháng mười mới sanh. Tháng tư thụ thai thì tháng giêng mới sanh. Khi Phật hạ sanh thì cũng giống như người đời, nên tháng bảy thụ thai thì đến tháng tư mới sanh.

"Vương Thiệu Tề Chí" có chép:

Tháng tư của nhà Chu chính là tháng sáu nhà Hạ (Chu Hạ phải có hai chữ Thượng Hạ thì mới phân biệt được). Lấy đây mà suy ra thì Phật sanh tháng tư, phải thọ thai vào tháng bảy. Còn nói tháng sáu là lấy theo thời tiết. Tuy đã qua tháng bảy nhưng rốt cuộc thuộc về tháng sáu. Nếu tin lời Vương Thiệu nói thì không sai.

Trường Phòng lại nói:

Vào tháng hai năm Quý Hợi đời Chu Tuệ Vương thứ mười một. Khi sao sáng xuất hiện thì Phật hoát nhiên thành đạo. Đây cũng là sai lầm lớn. Vì sao?

Xét theo sách "Lưu Hướng Cổ Cựu Nhị Lục" chép:

Thời Chu Tuệ Vương thì đã dần bắt đầu có Phật giáo. Một trăm năm mươi năm sau, Lão Tử mới nói "Ngũ Thiên" văn, nếu cho bắt đầu từ thời Chu Vương mới thành Phật, thì không phù hợp với kinh giáo như đã truyền ở Kinh đô Lạc Dương. Lại tính Tuệ Vương tức cháu của Trang Vương. Lấy năm Quý Hợi mà suy thì cách nhau chỉ ba mươi năm, không phù hợp với lúc mới thành Phật. Kinh giáo đã đến Trung Hoa, Như Lai hóa đạo ở thế gian bốn mươi chín năm. Ngài Ca-diếp kiết tập lại sau khi Phật diệt độ. Pháp môn dần dần đi về hướng Đông chính là vào thời nhà Chu. Lời của Lưu Hướng thật không có sai lầm. Trường Phòng sao lục lại nên không đáng y cứ. Nên hiểu là bậc Thánh ứng hiện không có phương lý thì khó mà suy tính ước đoán. Huống chi Đông Tây cách trở niên đại xa xôi. Lại gặp lúc sáu nước ngang dọc, Tần Sở giao tranh. Về niên kỷ thì không ít sự sai lầm, người làm lịch thì nhiều nhà, nên càng có sự sai trái thêm bớt khác nhau, ai cũng cho ý của mình là chỉ Nam, nay Pháp Lâm chỉ nói sơ về sự thấy nghe của mình, để làm rõ các sử lục, trình bày sơ lược những điều xa gần, nêu bày sự chính xác trước sau vậy.

(Đường Hộ Pháp, Sa-môn Pháp Lâm Biệt Truyện - Quyển Trung).

■

BIỆT TRUYỆN VỀ SA-MÔN HỘ PHÁP ĐỜI ĐƯỜNG LÀ NGÀI PHÁP LÂM

Kinh Đô, đạo tràng Hoằng Phước,
Thích Ngạn Tông soạn tuyển.

QUYỂN HẠ

Đức Uy v.v... lại hỏi Pháp sư rằng:

Phần thứ sáu của luận có nói: Trang sức y phục của Đạo nho gây nên họa hoạn cho nhà Tống. Giữ xiêm y mà con cháu nhà Tấn bị đại bại. Đội mũ đai mà nhà Nam Trịnh phản Hán. Treo cờ phướn mà các nhà bị tru diệt. Nhưng bày biện đủ các loại mũ lớn, mũ nhỏ, bắt đầu từ đời Hán mà hưng thạnh xưa nay. Khăn mão đây là pháp phục của mọi thời đại. Cái đai, cái hốt là cách ăn vận quan trường của kẻ sĩ. Đó là trang phục như Vân-la. Còn Đạo sĩ y phục cũng đồng với các vị Tiên là các loại sa nhiễu như sương.

Cho nên biết dấu vết có thể tìm trong ba chi chẳng xa. Phong tục có thể đón rước bát quế cũng không xa. Cho nên Tiêu sử hòa hảo là ngựa phụng xe loan của nhà Tần. Thục Khanh mênh mang là xe hai trắng của nhà Hán. Như vậy mà cho là bại nước phá nhà sao?

Pháp sư đáp rằng:

Pháp Lâm có nghe "Tiếng điều vang Thuận, hình ngay bóng thẳng, không bao giờ thấy dùi lửa mà được nước, trồng đậu mà sanh ra lúa. Cho nên Tô Tần, Trương Nghi gặp nhau ở nơi hang quỷ. Mỗi bên đều lấy sự dối trá làm đầu, đều ra mắt Mẫn Vương ở cửa Khổng, đều nêu đức hạnh làm đầu. Cho nên biết tu theo sự giáo hóa của nhị thiên thì nhiệm mầu vô vi, thực hành theo phong cách của Tam Trương, đây là đầu mối mưu loạn. Vì sao? Vào thời Thuận Đế nhà Hậu Hán, có Trương Lăng người đất Bái, là khách viễn du tới đất Thục, nghe các vị già nua truyền với nhau:

Xưa Hán Cao Tổ ứng theo hai mươi bốn khí, nên cúng tế hai mươi bốn ngọn núi, mà làm vua khắp trong nước.

Trương Lăng chẳng xét đức độ mình, mà muốn bắt chước theo

đây, giết bò cúng tế hai mươi bốn chỗ. Làm đàn đất trên nhà cỏ. Làm hai mươi bốn cái Trị Quán. Trị Quán sanh khởi cũng từ đây. Hai mươi ba chỗ ở đất Thục, một chỗ Y Hy thì ở Hàm Dương. Bấy giờ luống dụ ngu dân, chiêu vời nhóm họp bọn hung đảng, mưu thâu thuế ruộng làm loạn triều đình. Bấy giờ bọn kia không có điều nghịch ác nào mà không làm. Cháu của Lăng là Trương Lỗ, bắt chước thực hành theo, đến đời Hậu Hán tự xưng là Sư Quân, gây họa loạn ở các nơi nổi dậy, bị Tào Công tiêu diệt. Lại vào niên hiệu Trung Bình thứ nhất, có người ở Cự Lộc tên Trương Giác, tự xưng là Hoàng Thiên bộ sư, có ba mươi sáu vị tướng, đều đội khăn vàng. Từ xa cùng với Trương Lỗ tiếp ứng nhau. Quân đến mười muôn người, thiêu đốt thành Nghiệp. Hán Đế mới sai quân ở Hà Nam tiến đánh, quân tướng đều bị tiêu diệt.

Lại, vào niên hiệu Hàm Ninh thứ hai (277) đời vua Vũ Đế nhà Tấn. Có Đạo Sĩ Trần Đoan mê hoặc mọi người bằng Tả đạo, tự lấy hiệu là Thiên sư, đồ đảng cả mấy ngàn, trải qua nhiều năm tháng rồi cũng bị Quan Thứ sử Ích Châu là Vương Tuấn giết chết.

Lại vào niên hiệu Đại Hòa thứ nhất đời vua Văn đế nhà Tấn. Ở Bành Thành có Đạo Sĩ là Lô Tủng, tự xưng là Đại Đạo Tế Tửu, dùng tà thuật để mê hoặc dân chúng, tụ hợp đồ đảng, hướng về mặt trời để xem chiêm bói ngày giờ. Công Quảng Hán Môn chép: "Tây Công ở Nghinh Hải, Hoàn bí" ở trong điện lúc ấy.v.v... Rồi cùng triều đình giao chiến mà bị giết chết.

Lại vào niên hiệu Đại Đồng thứ năm (540) đời vua Lương Vũ Đế có Đạo sĩ tên Viên Căng, dùng lời yêu mị để mê hoặc dân chúng làm những điều tà mị phản trắc rồi cũng bị Quan quân theo bắt giết chết.

Lại vào niên hiệu Khai Hoàng thứ mười (590) đời vua Tùy Văn Đế, ở huyện Xương Long thuộc Miên Châu có Đạo sĩ Bồ Đồng, cùng với hai vị Tả Đồng ở tại quán Băng Khê, tự xưng là đã chứng quả Thánh, lừa dối dân chúng, Y làm một cái giường lớn ở trong phòng, ngồi trên đó mà nói rằng:

Đồng nữ mười lăm tuổi mới có khả năng thọ pháp. Rồi bảo người nữ lên giường, che màn chung quanh mà làm điều gian tặc. Như thế trải qua mấy tháng, sau sự việc bị phát giác, nhân đó mà phải trốn đi.

Lại vào niên hiệu Khai Hoàng thứ mười tám, ở Ích Châu có Đạo sĩ tên Hàn Lãng; ở Miên Châu có Đạo Sĩ Hoàng Nho Lâm, mê hoặc vua Thục làm cho sanh ra những việc ác nghịch, cho rằng: Muốn làm được việc lớn phải nhờ duyên tốt. Bèn tâu vua Thục đem hết kho lẫm ra, tạo được pho tượng cao một ngàn thước, thiết lễ trai tăng một ngàn ngày;

họa hình Tiên Đế, bó tay và đầu lại rồi dùng chú ếm. Quan Công ở Hà Bắc là Triệu Trung Khanh, kiểm soát biết được sự thật, bèn bắt đem về kinh thành, tra hỏi nhận tội rồi bị hành hình tại chợ.

Gần đây, vào niên hiệu Vũ Đức thứ ba, ở Miên Châu huyện Xương Lăng có Lý Vọng cùng với Hoàng Lão thường làm các việc yêu tà, ra đi vào những năm cuối niên hiệu Đại Nghiệp.

Có Đạo Sĩ là Bồ Tử Chân, dùng tà thuật yêu mị, bị bắt đưa đến Đông kinh. Nhưng đi đến Lương Hán thì chết, nên an táng ở đó.

Vậy mà Lý Vọng lại nói bịa rằng:

Tử Chân gần đây đã trở lại ở bên cạnh ngọn núi của huyện kia, có một hang đá, trong hang núi vắng vẻ, người không thể thấy được. Lý Vọng lấy đó là cớ để làm những điều yêu hoặc. Ở chỗ sáng thì nói lớn lên là đã đại ngộ, lãnh nạp sự truyền thừa. Ở chỗ tối thì xướng khí tiểu thanh, dối nói những điều họa phúc.

Rồi khiến các Đạo Sĩ đi khắp nơi truyền nói đến tận các châu huyện. Quan quân lúc đầu có kiểm tra, thảy đều tin theo.

Sau có Quan Thứ Sử là Lý Đại Lễ nói rằng:

Việc này chẳng thể xem thường, cần phải tấu trình, cần phải kiểm nghiệm mới định được tội ấy.

Bèn cùng với các Quan ở các châu huyện, cùng với Đạo sĩ hơn một trăm người cỡi ngựa đến nơi hang đá; cùng bái lễ cầu thỉnh.

Lý Vọng bèn dối đáp rằng:

Người nghe phải lắng tâm, duy hướng về huyện Ba Tây, thì được vui vẻ ở đời.

Rõ được cơ tình thì biết đây là dối trá. Bèn đi vào trong am thất để hầu. Thấy Lý Vọng đang làm trò tà mị, mọi người quở trách. Lý Vọng liền chịu tội. Quan bắt về giam ở ngục để định tội. Trải qua mấy ngày thì uống thuốc độc mà chết.

Thế nên biết, làm các việc trái lý, tà đạo làm rối loạn dân chúng, cho điều này là đáng tin. Bọn giặc đội mũ vàng hưng khởi ở Cự Lộc. Lấy sách tà mị ra giảng nói mà nói là phục tượng vân la, cho lời này là đúng. Y phục thì đồng với Vũ Hộc, không gần gũi với nhân tình. Đi thì có ngựa xe, thân thì mặc áo vải bố. Có xe loan ngự phượng, đầu đội khăn da. Đó là bọn Bạch Thạch Xích Tùng, đều chẳng phải quỷ tốt. Lại xem các việc Thiên văn đời nhà Chu của Lý Đam, phục sức đồng với Nho Mặc. Xem ngày đoán giờ thời nhà Hán có Hoàng Cân, noi theo Đạo sĩ Bá Dương bái yết triều đình rồi đem cờ phướn mà làm quy tắc. Tục lệ này cần phải từ bỏ.

Đức Uy v.v... lại hỏi: Phần thứ bảy của luận có nói!

Kiến An cảm mộng mà lành bệnh, Văn Tuyên Giáng linh mà hết đau. Ngô Vương vây chùa mà Xá-lợi phát sáng, Tề chúa bị hành hình, dao liền gãy từng khúc, Vũ Văn hủy tăng mà bị thương tổn, Thác Bạt phế chùa mà bị đổ máu. Tôn Hạo làm nhơ tượng bị đau đớn chỗ kín, Hách Liên dữ dằn ngang tàng mà bị sét đánh chết. Dẫn chứng các việc rõ ràng ra đây, họ đều là các vị Đế vương, đâu thể bỗng chốc quy tâm mà có thể tiêu trừ các bệnh khổ đau. Rồi vì một chút bỗng nhiên phá hủy mà làm cho nước mất, thân chết sao? Bậc Đế vương mà làm điều sai trái thì tự chuốc lấy vận số ngắn ngủi. Việc hưng suy của Hoàng Vương cũng chẳng phải do lòng tin hay hủy báng. Vì sao lại vọng bày ra các điều họa phước quỷ thuật yêu mị, căn cứ vào đây mà luận tội thì không thể quở trách được.

Pháp sư đáp rằng: Kinh Dịch có nói!

"Tích thiện dư khánh, tích ác dư ương" (làm lành thì vui, làm ác gặp nạn).

Kinh Thư cũng nói:

"Thiện ác chi báo đồng hô ảnh hưởng" (Quả báo của thiện ác, giống như vang theo tiếng, bóng theo hình)

Thế nên lúc văn võ thành khang, mà việc trị đạo được yên bình. Vào hai đời Tần, Hoàng đối xử tàn khốc với dân chúng trong nước. Do đây mà lộc nước ngôi vua chẳng bao lâu bị đứt đoạn, sách vở nói nhiều há lại quan hệ tới vận số. Huống chi Phật được xưng tụng là đấng điều Ngự, tôn quí nhất trong ba cõi. Tăng được gọi là phước điền, bốn loài sanh đều tôn trọng. Lẽ nào có sự cung kính khát ngưỡng mà phước lại không có, còn hủy diệt tiêu trừ lẽ nào không vời lấy tai họa. Trước đã lược qua sự báo ứng đối với bọn tà đạo. Khiến cho người nghe hiểu mà không bị lầm lạc. Như bọn Văn Tuyên, Kiến An, cùng dòng với Ngô Vương, Tề Hậu và cùng với Thác Bạt, Vũ Văn, Hách Liên, Tôn Hạo. v.v... chứng tích về thiện ác truyện ghi đầy đủ, rộng như các việc chứng nghiệm, cảm ứng đã nói. Vả lại thiện ác lý số đều rõ ràng, khuôn phép lưu truyền treo cao như mặt trời mặt trăng, đủ khiến cho người làm ác thấy đó mà tu tỉnh, kẻ hèn yếu biết mà trở về. Thấy người hiền đức suy nghĩ mình phải sánh bằng; mê lầm tự hiểu.

Pháp Lâm chỉ nói lại một phần nào đó mà thôi. Lời nói cạn cợt không thể bày hết ý được. Cho nên nay Thánh Thượng khâm minh, tâm trở về nẻo giác. Đo vườn Trúc mà xây dựng phạm vũ. Đốn rừng cây Thái tử Kỳ-đà mà lập thiền am, tạo tôn tượng Vô Trước mà hàng phục

chúng ma. Ân đức sâu rộng đến bờ Mã Minh, đạo trùm đủ cả gò Long Thọ. Phàm làm người ai mà không được thấm nhuần ân đức, Pháp Lâm há dám vọng bày hư dối yêu nghiệt mà làm lầm hại cho nước nhà. Chỉ vì đối với bọn Trọng Khanh, mà soạn ra luận này.

Đức Uy v.v... lại hỏi:

Phần thứ tám của luận có nói rằng: Có ra các đạo tà giáo là thật có vậy, như nai ngựa hình thù khác nhau, người Tần thì tạo ra các hình chất dị kỳ. Tục lệ của người Lỗ thì mê lầm hình dung. Muốn mở bày cho người sau, biết được các điều luống dối. Nhưng "Tử khí phù Quan" Y Hy khơi dậy chỗ sâu xa của hai thiên, trâu xanh ra khỏi phạm vi, Lão Tử trình bày chỗ vi diệu trùng huyền. Vì thế Cảnh Văn nhà Hán, tu trì không biếng nhác, vua ta là người nối gót, phải tự nương theo mà thực hành. Nay bèn hủy báng cuộc sống phù hoa ở cõi này. Xem xét sự gian dối cho nên nhà Vũ thấy đây mà rơi lệ.

Nay Thánh thượng thần mưu, đạt được bốn thông ở nơi sáu hợp. Đem đạo cả soi sáng khắp nhân gian. Bỗng nhiên loài nai ngựa làm hại chốn thần minh. Loài Lân xạ ghen ghét bậc hiền triết. Như vậy thì ai mà nhẩn được, ai có thể dung hòa được.

Pháp sư đáp rằng: Lâm có nghe!

Ngựa trắng đi về hướng Đông. Tam Tạng từ đây mà sanh ra, trâu đen đi về hướng Tây. Nhị Thiên từ đây mà hưng khởi. Hoặc mở rộng đạo nhiệm mầu để hóa độ dân chúng. Hoặc nói tỏ không không mà cứu vật. Nghiệm xét dấu tay trong đồ điệp thì có thể biết. Cho nên mở mang hiển tông rốt cùng cũng ở đời này. Đạo Phật phiên dịch thời đại rõ ràng. Văn sử điển chương lưu lại đầy đủ cho lê dân không còn mê lầm. Còn sách vở Đạo gia thì không rõ ràng. Duy có Nhị Thiên của Lão tử thì đích thân Lý Đam mở mang. Còn các kinh giáo khác thì chế tạp rất phàm tình. Vì sao? Vì thời Tiền Hán có Vương Bao soạn ra Đổng Huyền Kinh. Thời Hậu Hán có Trương Lăng soạn Linh Bảo Kinh và sách của Chương Tiếu Đẳng Đạo có hai mươi bốn quyển. Đời nhà Ngô có Cát Hiếu Tiên soạn ra Thượng Thanh Kinh; đồng thời có Đạo sĩ Vương Phù soạn Minh Uy Hóa Hồ Kinh. Lại có Bão Tĩnh soạn Tam Hoàng Kinh, về sau đổi thành Tam Thanh Kinh. Đời Tề có đạo sĩ Trần Hiển Minh soạn "Chân Thiệp Hư Kinh" sáu mươi bốn quyển. Nhà Lương có Đào Hoằng Cảnh soạn Đại Thánh Kinh và Chương Tiếu Nghĩa mười quyển. Về sau, thời Chu Vũ Đế diệt Nhị giáo, thì Tiền Đạo sĩ ở Hoa Châu là Trương Tân, được ban chiếu cho làm chức Thứ sử châu này.

Tiền Đạo sĩ ở Trường An là Tiêu Tử Thuận tên là Đạo Kháng

được chọn vào khai phủ giữ phong lệnh. Tiền Đạo sĩ Mã Dực, cùng với bốn người là bọn Lý Vận làm biệt giá ở Ung Châu. Niên hiệu Thiên Hòa thứ năm, các vị này đến chùa Thủ Chân ở trong cố thành ở Hóa Châu, nắm giữ hết kinh Phật rồi soạn ra Đạo gia ngụy kinh hơn một ngàn quyển. Bấy giờ người ở huyện Vạn Niên có người đòi trang hoang kiểu cách nhưng lại vụng về, chỉ làm trò cười cho người mà thôi.

Gần đây như vào những năm cuối niên hiệu Đại Đồng có Ngũ Thông Quán Đạo sĩ là Phụ Tuệ Tường, ba năm không nói, nhân đó liền đổi kinh Niết-bàn thành Trường An Kinh, đương thời bị câu thúc không cho đem ra khỏi cửa thành, người trong nhà thấy bên trong mặc áo vàng bèn giữ lại, phát sanh việc sửa đổi kinh điển. Việc bị phát giác bị Quan Thượng Thư Vệ Văn Thăng tâu lên triều đình; kẻ ấy bị chém ở ngoài cửa Kim Quang, bọn tai mắt cũng đều bị cả.

Lại ở trong "Tiếu Đạo Luận" của Chân Loan nói rằng:

Đạo gia vọng chú giải các sách của trăm nhà hiền triết, có ba trăm năm mươi quyển để làm Đạo kinh, lại làm "Huyền Đô Mục Lục" lại vọng lấy tên sách Nghệ Văn Chí, chú giải thành tám trăm tám mươi bốn (884) quyển làm Đạo Kinh.

Nói theo đây thì, đủ thấy sự luống dối vô cùng. Cho nên đời đời xuyên tạc luống dối quá nhiều. Người người ngụy soạn ra văn chương sách vở cũng không ít. Pháp Lâm lại xét, vào niên hiệu Chánh Quang thứ nhất (520) đời Hậu Ngụy. Hiếu Minh Đế vời Đạo sĩ Thanh Thông Quán là Khương Bân cùng với chư Tăng chùa Dung Giác cùng đối luận.

Khương Bân vọng dẫn Khai Thiên kinh nói rằng:

Thiên sư Trương Lăng soạn ra kinh này. Minh Đế mới sai Quan Thái Úy Đan Dương là Vương Tiêu, quan Tán Kỵ là Thường Thị Ôn Tử Thăng v.v... Tất cả là một trăm bảy mươi người, cùng bàn luận rằng:

Lão Tử chính đã soạn Văn Ngũ Thiên. Đem dấu ở sa mạc mà không nói. Chúng thần đã bàn luận Khương Bân đây quả có tội mê hoặc dân chúng.

Vua nói:

Khương Bân đã nói lời yêu hoặc, thì đem giam vào ngục đợi xử trảm.

Lại xét, vào niên hiệu Vĩnh Bình thứ mười bốn (năm72) đời vua Minh Đế thuộc Hậu Hán có Đạo sĩ Chử Thiện Tín cùng với sáu trăm chín mươi (690) người nghe Phật pháp truyền đến Lạc Dương bèn thỉnh cầu luận chiến. Rồi đem hết kinh thư của Đạo gia, hợp thành ba mươi

(30) bộ, bảy trăm bốn mươi bốn (744) quyển, tựu trung có năm trăm lẻ chín (509) là của Đạo Đức kinh còn hai trăm ba mươi lăm (235) quyển là sách của các nhà hiền triết.

Lại xét trong "Tấn Cát Hồng Thần Tiên Truyện" nói rằng:

Lão giáo có pháp làm tiêu lửa để độ đời, gồm có chín trăm ba mươi (930) quyển. Các sách phù thơ có bảy mươi (70) quyển. Tổng cộng là một ngàn (1000) quyển.

Lại xét, vào niên hiệu Thái Thỉ năm thứ bảy (472) đời Tống có Đạo sĩ Lục Tu Tĩnh đáp lời vua với Minh Đế rằng:

Kinh sách của Đạo gia gồm Dược phương chú Phù Đồ v.v... tổng cộng có một ngàn hai trăm hai mươi tám (1228) quyển, một ngàn không trăm chín mươi (1090) quyển đã được lưu hành ở đời, còn một trăm ba mươi tám (138) quyển thì vẫn giữ ở cõi trời.

Nay lại xét trong "Huyền Đô Kinh Mục Lục" nói rằng:

Theo Mục Lục của Lục Tu Tĩnh người Tống thì nay nên nói là có sáu ngàn ba trăm sáu mươi ba (6363) quyển v.v... hai ngàn không trăm bốn mươi (2040) quyển thấy có bổn này. Còn bốn ngàn ba trăm hai mươi ba quyển thì chưa thấy có bản.

Như thế xem xét tỉ mỉ lại các sự tích thì có thể biết, do sự gian dối này mà các sách sử bộc khởi ra nhiều. Nếu theo lời luận bàn của Tiêu Ôn, thì Đạo Đức kinh chỉ có hai Thiên, như so sánh với thời Hán Đế thì phải là bảy trăm (700) quyển. Theo thuyết của "Cát Hồng Thần Tiên" thì chỉ có một ngàn, theo mục lục của Tu Tĩnh thì hơn trước chín mươi quyển. Còn theo "Huyền Đô Kinh Lục" thì dời đổi rất nhiều. Trước sau đã khác nhau, đủ thấy các việc luống dối rõ ràng vậy.

Tăng thêm số quyển cho đủ thiên chương. Rồi y theo đó hủy báng kinh Phật, sửa đầu đổi đuôi. Hoặc tự bịa ra danh từ sông núi, mà xướng lên là "Tiên Động Phi Lai". Làm sao để tự biết mà bậc anh hùng hiền giả không thấy. Xin hỏi các bậc Đạo Sĩ đương thời, xem xét hết các kinh sách soạn ra sau này, sách nào là Thiên Tôn nói thêm. Nếu phải của Lão Tử nói thì phải có chứng cứ thời gian, không gian. Ở niên đại nào, nước nào, năm nào, tháng nào? Nếu có căn cứ rõ ràng thì cho lưu hành. Nếu là nói dối thì phải đốt bỏ. Nay Minh Triều trị thế, che khắp trăm quan, Thánh Thượng ngự giá ứng triều cả ngàn năm, nên mới muốn rộng truyền ngũ giáo, dứt bỏ các sách yêu tà gian dối. Thuật lại chín trù, mở mang di huấn của yếu đạo. Nhưng vì bọn Hoàng Cân không hiểu biết chẳng rõ chân ngụy. Vì bọn đạo sĩ không phân biệt được phải trái. Cho nên mới mượn chuyện của người nước Lỗ để so sánh với người

nước Tần. Nếu voi rồng ngựa của trời đất mà có thể tung hoành trong trời đất. Lý hẳn không rõ ràng, làm sao bị trách.

Đức Uy, v.v... thu thập các điều Pháp sư trình bày, rồi đến ngày rằm tháng mười một thì làm cáo trạng đầy đủ tâu lên nhà vua. Nhà vua đích thân xem qua và hỏi:

Trẫm vốn nghĩ đến Lão Đam. Thời Đông Chu thì ẩn đức, cuối đời thì tiếp nối. Khởi nghiệp từ Lũng Tây, mở mang Đại Đạo thành Đạo Nguyên, tùy nghinh tiếp mà không đo lường được. Đàm luận điều thượng đức làm đức mẫu; thấy nghe nhưng không biết. Ôm cả bốn tượng để vận hành. Bao gồm cả nhị nghi mà nuôi dưỡng. Đã không được mà xưng vậy. Tin theo nhật dụng mà không biết. Trẫm sở dĩ tôn trọng Tổ phong là trên muốn nêu cao Đạo Nhất thừa, lấy căn bản để giáo hóa, Vì sao lại cho là ngụy tạo thầy trò, dối bày các việc trước sau, không nói thì chết, có nói thì sống.

Pháp sư đáp rằng:

Lâm nghe Sư kinh đối đáp với Văn Hầu rằng! Vua Nghiêu Thuấn chỉ sợ không nói. Vua Kiệt, vua Trụ chỉ sợ lời nói.

Lại có Đông Phương Sóc đáp lời Vũ Đế rằng:

Thần sống cũng nói, mà chết cũng nói. Nay Lâm theo lời dặn của vua Nghiêu vua Thuấn! Làm sao để được vô ngôn đây.

Lâm có nghe:

Thác-bạt-đạt-xà, đời Đường dịch là Lý Dân! Họ Lý của Bệ Hạ là mầm chứ chẳng phải là trụ cột dòng dõi ở Lũng Tây.

Còn xét họ Lý của Lão Đam do Mục mẫu sanh ra. Nếu căn cứ ở Lũng Tây đó đều là con cháu của hàng tôi tớ.

Vì sao trong Đôn Hoàng Bảo Lục nói rằng:

Đời vua Hoàn Vương năm thứ ba mươi chín, lúc rãnh rỗi vua cùng với các quan cả đêm luận bàn chuyện xưa nay.

Vua nói:

Cha của Lão Đam là người như thế nào?

Quan thái thú Thiên Thủy là Thác Tuy đáp rằng:

Cha Lão Đam họ Hàn, tên Kiền, tự là Nguyên Ty. Lưng gù hai chân khô đét. Ở trong thai đã không có tai, một mắt nhìn không rõ. Một mình đi xin ăn, tới năm bảy mươi hai (72) tuổi không có vợ, giao hợp với một người phụ nữ hàng xóm ở nơi đồng hoang mà sanh ra Lão Tử.

Lại trong "Vương Kiệm Bách Gia Phổ" nói rằng:

Họ Lý đó, từ thủy tổ về sau là Cao Diêu, làm lý Quan cho vua Thuấn, nhân đó mà lấy làm họ, xưng là họ Lý. Họ Lý sanh ra từ thời

Lão Đam vậy. Vì hạ sanh ông ở dưới gốc cây Lý nên mới lấy họ Lý. Đến thời Hán Thành Đế có Lý Ẩn chống cự triều đình nên bị giết chết. Đồ đảng dòng họ của người ấy bị bắt đến Trương Dịch giữa đường thì bị chết. Bọn nô lệ đem giữ ấn thọ mũ của người mà được làm quan. Cho nên họ Lý ở Lũng Tây được sanh khởi lên từ đây.

Lại, Lão Tử nói rằng:

Ta không dám làm người đi trước của dân chúng trong nước. Cho nên mới soạn ra lời di huấn Ngũ thiên.

Lại nói:

Không cạnh tranh với muôn vật; ở trong chỗ làm ác của mọi người, đã không cạnh tranh với muôn vật, lại không dám làm trước. Nhún mình mà suy tôn người. Mềm mỏng nhún nhường.

Trong Lão Tử Tây Thăng Kinh lại chép:

Ở Kiền Trúc có Cổ Hoàng Tiên sanh chính là thầy của ta, mãi mãi thường còn, ta nay cũng noi bước theo đó.

Lại trong Phù Tử nói rằng:

Thầy của Lão Tử hiệu là Thích-ca văn.

Trong "Doãn Hy Nội Truyện" nói rằng:

Lão Tử nói! Vua muốn xuất gia, thầy của ta hiệu là Phật, giác ngộ cho tất cả chúng sanh. Hiện giờ đang thọ Thiên Đế thỉnh thực. Khi trở về sẽ truyền giới cho vua và các quan. Trộm nghĩ Thác-bạt đời Nguyên Ngụy, là vua ở Bắc Đại đến núi Xà-đạt-hệ-âm.

Trong Quý Chủng Kinh chép: Đem vàng mà đổi đá, đem lụa đổi lấy vải bố. Như bỏ vợ quý mà thông dâm với tôi tớ. Bệ hạ cũng như người này vậy. Bỏ Bắc Đại mà nhận lấy Lũng Tây.

Lại Lão Tử sanh vào cuối đời vua Chu là Cơ Quý (520 trước Tây lịch). Thích-ca đản sanh vào đầu nhà Chu, cách nhau hơn mười đời vua, trải qua hơn hai trăm năm; lấy đây mà suy nghiệm vậy; trước sau đều hiển nhiên; có thể khám xét rõ ràng ở nơi văn chỉ. Cúi mong Bệ hạ, hiếu sanh mà ghét sự giết chóc, không sát hại cả loài trùng cá. Cứu người nghèo khổ, ơn nhuần cả loài thảo mộc, đồng với đời Tam Hoàng chỉ dạy mà không giết. Đồng với thời Ngũ đế, có quân mà không ra trận. Nếu Bệ hạ lấy việc này mà giận dữ, thì trăm muôn lần cũng không đủ để thỏa tình. Nếu bệ hạ chứa nhóm ân đức hằng năm, thì một lời nói có thể để lại cho con cháu đời sau.

Lúc này, vua nghe liền nổi giận, trợn mắt lại hỏi Pháp sư rằng:

Trẫm nghe Tông tổ nhà Chu thề bỏ hết các dị tánh về sau. Tôn tổ trong người thân thật là do tiên cổ. Vì sao lại chạy theo chỗ dở mà

dứt bỏ hết hai đầu. Hãy dẫn chứng ra đầy đủ những lời tương tự, tội ác chồng chất so với đây còn nhẹ. Đem hết giấy bút để ghi lại thì vẫn không hết cái tội hủy báng Tổ tông, Tiên nhân của trẫm. Như thế này thì lý không thể tha thứ.

Pháp sư đáp:

Pháp Lâm nghe! Văn Vương là bậc đại thánh, Chu Công là bực đại hiền, nhớ việc xa xưa mà cẩn thận lúc lâm chung, vói lên trời cao cũng không đáp thì lòng hiếu để soi thấu cả thần minh. Tuy là có trong Tông tộc nhà Chu, mà nghĩa không tranh ngôi thứ. Vì sao? Vì hoàng thiên không gần gũi, duy có đức giúp mình. Người xưa theo lý mà không theo tình thân. Không tự ở trước ta mà cũng không ở sau ta. Không vì người sơ mà không ban thưởng, mà thưởng người có công. Không vì thân mà không trị tội. Trị những người có tội.

Cúi mong Bệ hạ! Đạo rộng khắp mà chiếu sáng rực rỡ, ân đức bao trùm muôn cõi. Đức độ che chở mà vẫn bình đẳng.

Bệ hạ nay nếu có giận dữ, thì Pháp Lâm này cam chịu tội phân thây. Hoặc giả như nhờ ân đức chở che vũ lộ của bệ hạ, tha cho toàn xương cốt, thì về sau có biện luận, truyền hơn hai trăm điều. Hỏi thì không nói, có thiếu cũng không ghi thêm.

Đến ngày hai mươi vua lại ban sắc rằng:

Ông soạn "Biện Chánh Luận" để phá hủy Đạo giáo. Nói niệm Quán Âm dù đao kiếm có chém chặt cũng không thương tổn, nay để có điều linh ứng. Trẫm gia hạn trong bảy ngày sẽ tha cho ông. Trong bảy ngày để cho ông niệm Phật. Đợi lúc hành hình xem đao có chặt thân ông được không. Pháp sư đã bị xiềng xích lại chịu các thứ bức bách, tro lạnh đất đầy khắp thân thể. Đến đêm thứ sáu, đang lúc quanh quẩn buồn bã trầm ngâm; nhìn vầng trăng sáng thì càng lặng lẽ, cảm khái kiếp phù sinh nương gởi, bỗng chốc rơi lệ, nhân đó mà làm thơ nói lên chí mình.

Mạng cỏ như sương rơi
Sống Nhẹ như cánh buồm
Thở than đêm trăng sáng
Khó đồng với người xưa.

Pháp sư gạt nước mắt xướng thơ, rồi ngước nhìn trời mà than rằng:

Xưa Trâu Diễn bị cầm ở nước Tề. Yên Đan bị giữ ở nước Tần. Đâu chỉ riêng có Pháp Lâm này, mới chịu cảnh dời đổi vô chừng này sao? Nói đoạn, Pháp sư bỗng thấy vị thần nhân thân cao hơn trượng,

mặc y phục trắng đội mũ, nhảy qua tường rồi nói với Sư rằng.

Đã có thể vong thân vì đạo, sao lại buộc phiền não. Ở chốn tối tăm mà giữ tâm đạo, thì bao lao nhọc sẽ không còn, nói xong thì biến mất. Pháp sư liền cung kính, gieo năm vóc sát đất, mặc niệm Tam tôn, trong tâm tự nhiên rỗng rang không còn lo sợ.

Đến sáng ngày thứ bảy vua ban sắc cho bọn Lưu Đức Uy đến hỏi Pháp sư rằng:

Nay thời kỳ gia hạn đã đủ, đến lúc phải hành hành. Ông niệm Quán Âm có linh ứng gì không?

Pháp sư đáp rằng:

Từ cuối đời nhà nhiễu nhương, bốn biển dậy sóng, dịch bệnh lan tràn, chiến tranh nổi dậy khắp nơi. Các tướng đem quân chinh phạt, còn các Quan nịnh, vua thì hoang dâm không lo việc trị nước. Giặc giã nổi lên che lấp hết vương lộ, chỉ cố giữ lấy mảnh đất ngoài biên ải. Thánh Hoàng ta khởi tâm điếu phạt, thống nhất cả thiên hạ. Xá bỏ hình phạt ở đô thị, đây chính là Quán Âm. Chôn cất hết thây chết ở đình chợ chẳng khác gì Thế Chí. Luận công so đất này, chính là bậc thượng thánh. Pháp Lâm này trong bảy ngày qua chỉ nghĩ đến Bệ Hạ.

Bọn Lưu Đức Uy lại hỏi Pháp sư rằng:

Trước đã vâng sắc, khiến cho Thầy niệm Quán Âm, vì sao lại không niệm, mà nói chỉ nghĩ đến Bệ hạ.

Pháp sư đáp:

Lâm có nghe! Quán Âm thánh thường soi xét, biến hiện thân hình trong sáu đường. Trên trời, dưới đất đều làm khuôn phép, Thánh Thượng là bậc văn tư thông biện sáng suốt khắp cả trời biển. Cửu di (tru di sáu họ) vâng giữ chức, hình phạt tám biểu đều rõ ràng. Vua Thánh, bề tôi thì hiền tài thật không uổng soi sáng. Nay Bệ hạ nuôi dưỡng người dân như con, như trong kinh ấy chính là Quán Âm. Đã có sự linh ứng phù hợp nhau, cho nên Pháp Lâm chỉ nghĩ đến Bệ hạ. Chỉ vì Lâm này soạn luận để biện chánh tà. Cho là phù hợp với sách sử, một câu sai sót, mà cam chịu gia hình. Nếu Bệ hạ thuận trung thuận chánh, thì Lâm này sẽ không mất một mảy lông, nếu Bệ hạ lạm hình kẻ vô tội, Lâm này cũng chịu chết.

Bọn Đức Uy v.v... viết sớ tâu lên vua, vua đọc xong rất vui, cho mời Pháp sư vào hỏi:

Trẫm đã xem bài văn của Thầy đều cùng với Lão giáo, mà phát ra ý Phật mà đạo Phật thì kém còn đạo Lão thì hơn, nay trẫm chưa hiểu, Phật lớn, Đạo nhỏ. Không phải không rõ điều này. Nên nói hết những

điều hơn kém, để không còn nghi hoặc.

Pháp sư tâu rằng:

Tâu Bệ hạ! Lâm này nghe nói: Bậc diệu giác, thân thường trụ vốn không có sắc tướng, vì chúng sanh nên để lại dấu vết hình nghi. Cảm ứng với Hồng chung mà tùy âm thanh có lớn nhỏ, ứng với gương sáng mà cùng muôn vật tươi tỉnh. Nhưng do đạo quan nhị thiên lý vượt hơn trăm họ. Khuôn phép trước mắt mà khó lược nói hết. Cho nên Quan thái phó thời Hậu Hán là Trương Diễn nói ở Nam Nhạc với Đạo sĩ là Hạt Thiện Tín rằng:

Phàm giáo pháp ở bên Tây Vực, là do đấng Pháp Vương nói ra, độ khắp sáu đường, nhuần thấm cả hàm linh. Nếu ông có thể bỏ vọng về chân, gắng tâm học đạo. Còn như không tôn kính phụng trì, có thể gọi là luống độ cả trăm năm. Vô công mà trôi qua. Nếu ông xem thường không tôn kính, cũng có thể chuyên tâm nơi Hoàng Lão. Hoàng Lão tuy không phải là Pháp Vương, thì cũng là tuyển tập của bậc Thánh đời trước. Tuy đồng ngôn hạnh sâu xa của các nhà hiền triết, gá tánh vào nhà vô vi đạo đức. Xưa Hiếu Cảnh Hoàng Đế thường tu hành không mõi mệt, Đạo giáo do đây mà hưng khởi. Các bậc trưởng thượng của trăm nhà hiền triết đều nghĩ kinh Phật là thứ yếu. Đến như Mao Thành Tử, Liệt Tử, Tuệ Tử.v.v... Đều theo học đạo tự nhiên tiêu diêu ngoài cảnh trần. Cũng cho Hoàng Lão là thứ. Ông có thể hâm mộ chăng?

Lại có Ngô Thượng Thư Lệnh Hám Trạch, nói với Ngô chủ là Tôn Quyền rằng:

Thần xét biết Phật là đấng Pháp Vương vô thượng, các thánh đều nương về. Lại giáo hóa tất cả muôn các loài chúng sanh Thật là sâu rộng như biển lớn, không thể xen lẫn với tà giáo khác. Soi sáng khắp nơi mà không mặt trời mặt trăng nào so sánh được.

Xúc cảnh thì hóa duyên, gặp vật đều được nương nhờ. Ở trong cõi trời, cõi người mà được tôn quý tự tại. Giả như trời có công che chở, đất có công mang vác, đều do các Đức Phật xây dựng mà tạo nên như vậy. Thần lại trộm nghĩ suy tầm, như Khổng Khâu nước Lỗ đó là bậc anh tài giỏi giang, thánh đức không ai bằng, đời gọi là Tố Vương, soạn ra kinh điển, lấy đây để huấn thị mọi người trong thời Chu Mạt; dạy dỗ nhân dân lúc cuối mùa. Đem đến cho Nho giáo sự khởi sắc xưa nay. Cũng là đạo ẩn thế an nhàn, như Hứa Thành Tử, Quảng Thành Tử, Nguyên Dương Tử, Quyên Tử, Tuệ Tử, Trang Tử v.v... Kinh sách của trăm nhà hiền triết đều tu tiên tự luyện ở núi non an nhàn vắng lặng, giữ tâm thông thái, học đạo đạm bạc. Mọi việc đều trái với khí tiết nhỏ lớn của

nhân luân. Cũng không phải phong cách an đời, dạy người. Thế nên người xưa thường không theo, bởi nghĩa đây vậy.

Đến thời vua Cảnh Đế nhà Hán, khảo sát cả trăm nhà hiền triết, vì Hoảng Tử, Lão Tử nghĩa thể sâu rộng, trong ngoài đều sáng tỏ thấu đạt cho nên đổi Lão Tử thành kinh; mới lập ra Đạo học, vua ban sắc cho trong triều ngoài nội đều đọc tụng kinh này. Nếu đem hai nhà Khổng, Lão ra so với Phật pháp, thì thật là cách xa vậy. Sở dĩ như thế, là do Khổng giáo thiết lập giáo lý, đều theo pháp trời mà chế dụng, mà không dám trái mệnh trời. Còn các Đức Phật lập giáo, pháp trời đều vâng làm, không dám trái với Phật. Nói theo đây thì, thật chẳng thể so sánh.

Ngô chúa nghe điều đó, mới hỏi Hám Trạch rằng:

Ông học rộng thông hiểu mọi chuyện, nên nay phong cho ông làm Thái phó cho Thái tử, lại lãnh thọ chức Thị Trung Thượng Thư như xưa.

Vào thời Lương Vũ Đế, cho hội Tam giáo lại rồi làm thơ rằng:

Tuổi nhỏ học Chu, Khổng
Thông hết cả sáu kinh
Trung niên xem sách Đạo
Có tiếng và không tiếng
Tuổi già xem kinh Phật
Như trời giữa các sao

Lại xét trong Đại phu Tống Quang Lộc nói rằng:

Việc ba đời của nhà Phật, tin mà có chứng cớ. Muôn hạnh đều trở về không. Há là so với chín kinh bác học của trăm nhà hiền triết? Dù là Nghiêu, Thuấn, Chu Khổng, Lão Trang cũng không thể hơn được.

Lại trong Mâu tử luận nói:

Sự giáo hóa của vua Nghiêu, Thuấn, Chu, Khổng, Lão Thị, so với Phật, dụ như nai trắng sánh với kỳ lân.

Lại, vào đời Hậu Chu có Vương Tụ Đình nói rằng:

Nghĩa của đạo gia thì như thân thể mà xả bỏ hết sự thông minh, bỏ cả nghĩa nhân, lìa xa hình trí. Bên Tây Vực có giáo lý của Thích Ca, thấy khổ mà dứt tập, tu đạo chứng diệt, rõ suốt nhân quả; lìa phàm chứng thánh. Đây chính là chỗ cùng cực của giáo lý.

Lại ở trong sách “Giam Ngu Thế Nam Đế Vương Lược Luận” có nói:

Nghĩa của Lão Tử thì cốc thần bất tử, huyền đạo lại còn mãi. Nhìn thấy sống lâu mà nương rồng cỡi hạc. Còn giáo lý của Thích-ca hữu, không đều chẳng dính mắc, nhân ngã đều quên. Ra khỏi sanh tử mà trở

về vắng lặng. Đây là bàn về hình tượng bên ngoài. Vả lại dấu vết hơn kém, huấn thị lại như thế, mà dẫn đến sự lớn nhỏ cũng từ đây.

Tâu Bệ hạ! Trước khi chưa có chiếu chỉ thì Phật lớn, Đạo nhỏ. Sau khi ban chiếu rồi thì Đạo lớn, Phật nhỏ. Lớn nhỏ hơn kém nghĩa chính là đây vậy.

Cúi mong Bệ hạ là bậc chí đức thông thần, ban ân đức đối với tăng lữ. Đạo nghĩa gần như cực thánh. Mặt trời mặt trăng soi sáng nơi huyền môn, tiếng vang trần thế. Chỉ có Pháp Lâm mạo phạm dám thuật lại cựu chương làm phiền lòng Thánh Thượng.

Vua thấy Pháp sư đối đáp trôi chảy thì truyền lệnh tha về.

Bấy giờ, có Quan Hiến Tư tâu rằng;

Pháp không thể bỏ qua, nước có luật hình. Tội chê bai phạm thượng, đáng xử trị.

Vua nói:

Pháp Lâm tuy chê bai Tổ Tông của trẫm, không phải là không có chứng cứ. Nay đặc xá cho tội trạng. Đày ra Ích Bộ làm tăng.

Pháp sư được thả về, trong lòng không tự vui bèn làm bài "Điệu Khúc Nguyên Thiên" để bày tỏ chí của mình.

Thơ nói rằng:

Vì đạo trời rất âm chừ
Sự ngang trái bao đời
Khiến cho Khuất Nguyên lòng trung chánh chừ
Mà được thả về
Nịnh thần dua nịnh chừ
Ngôi vị hiển danh
Lời thẳng không kiêng kỵ chừ
Thì gặp tai ương
Ngọc chưa giũa còn ẩn trong đá chừ
Đá yến làm châu báu
Tây thi sắc đẹp mà bất hạnh
Mô Mẫu trông thấy
Nhủ lòng nghĩ nhớ Khuất Nguyên chừ
Học thức sâu rộng
Quân vương chẳng xét
Lòng trung chánh chừ
Nghe lời nịnh thần vu báng
Đuổi ra khỏi nước chừ
Tự hôn mê che đức

Yến Tô bỏ nơi hoang dã chừ
Muôn vật sinh sôi
Chim kêu ở trong rừng chừ
Phượng loan ẩn dấu
Lang Sói tung hoành khắp ngã chừ
Lân Phụng dấu mình
Chim muôn còn muốn nhớ ân đức chừ
Bị phá tổ mà bay cao
Kỳ Lân còn vui với đạo chừ
Thấy bất nhân liền bay đi
Lời trung can ngăn không lọt chừ
Ky Tử giả điên
Đỗ Bá dùng lời ngay chừ
Đều gặp tai ương
Tỷ Can chánh trực bị mổ tim chừ
Ngũ Tử Tư lòng trung mà bị móc mắt
Khuất Nguyên thanh bạch chừ
Trầm mình nơi sông Mịch La

Bấy giờ chư tăng ở Kinh Ấp nói với Pháp sư rằng:

Không thể yên tĩnh tu duy, tinh thần lắng đọng, cầu thoát sanh tử, mà soạn "Phá Tà Biện Chánh" phạm tội với triều đình. Khiến cho chúa Thượng nổi giận, Thích giáo bị lật đổ. Nếu ông trình bày rõ ràng thì đầu đến nỗi phải bị đày đến Kiến Nam. Nếu có công với Phật pháp thì đâu bị lăng trì như thế.

Pháp sư nghe lời này bèn nói với các bạn đồng tu rằng:

Pháp Lâm nghe rằng vua lo buồn thì thần nhục, vua nhục thì thần vong. Bài dịch nói chư tăng là gã đầu trọc, Phật là quỷ nước Hồ. Nghe lời này khó ai mà chịu được. Đến như bực Đại đức như mây, danh tăng như mưa, dù dắt dẫn bốn hàm tám tạng. Tôi đem bút văn để luận biện, luống giải Tam thừa ngũ bộ thì đặt lời nói ở chỗ nào! Pháp Lâm này không lượng mình tài sơ đức bạc, mà muốn buộc lấy giềng mối; nên mới sưu tầm sách xưa mà biên tập lại. Để cho người hiểu được mà bỏ hết lời tà mị. Người tin thì biết rõ lớn nhỏ, chân ngụy mà theo.

Khi vua ban sắc cho Pháp Lâm về Ích Bộ; cũng thành ra phạt tội.

Đối với Pháp Lâm, Phật pháp ngày nay vẫn được bình yên, đây đâu gọi là đảo ngược. Xưa, Khuất Nguyên bị lời sàm tấu mà trầm mình xuống sông; há là chẳng phải vì lòng trung. Biện Thị hiến ngọc mà bị gia hình. Ai nói là lầm lỗi. Đây là do gặp thời vua biết dùng hay không

biết dùng. Khuất Nguyên nhờ trầm mình, nên khúc ly tao mới được thanh hành. Biện Thị bị gia hình mà Liên Thành còn vật báu, nhưng dòng nước xanh thước tròn há lại không oán hận. Người đời thật không hiểu ta vậy.

Nói xong, thì để rơi vài giọt lệ, nhân đó mà làm thơ rằng:

Bẩm thừa chí Khuất Nguyên
Không thử lòng ngư phủ
Hỏi rằng gặp thời chuyển
Đáp là thẳng như dây

Ngâm xong nghẹn ngào rơi lệ nói:

Pháp Lâm cũng không gặp thời nên nay bị đày về Nam, ít gặp các bậc hiền đức. Chỉ gởi lại lời thơ để xét việc sanh tử. Bấy giờ, các Đạo tục đều đến đưa tiễn, đông đảo khắp chốn kinh kỳ, đều kính trọng như thần minh. Pháp sư từ biệt mọi người lên xe đi, lại làm thơ rằng:

Phi ý thì chẳng tội
Lìa bạn lại lìa thân
Núi sông cách muôn dặm
Nhọc nhằn thân bảy thước
Du hồn nơi đất Sở
Lòng riêng nhớ cõi Tần
Chẳng phải kẻ biết nhau
Ai thương tử biệt người

Tháng sáu mùa Hạ năm Đinh Mão, Pháp Lâm chùa Bồ-đề ở Bách Lao Quan, vì bị bệnh lỵ rất nặng không chữa được. Lúc gần lâm chung thì than rằng:

Đại trượng phu mang thân bọt huyễn này, có niềm tin mà vô dụng, quán sát như sương sớm. Thật là đáng chán! Vốn muốn tử đao để lập thân, mà không được toại chí. Khóc Phượng thương Lân, lẽ nào lại không buồn thương.

Nói xong thì thị tịch, đó là ngày hai mươi ba tháng bảy mùa Thu niên hiệu Trinh Qúan thứ mười bốn. Thọ sáu mươi chín (69) tuổi, Tăng tục lo an táng, như an táng cha mẹ, chôn Ngài trên núi Đông Sơn, xây ngôi tháp trắng cao. Hành lữ qua lại viếng thăm đều thương tiếc. Dân chúng khắp nơi biết đều rơi lệ. Nhưng Pháp sư nghề nghiệp vốn đã đầy đủ. Văn từ thế hiệu đều gọi là bậc Học hải. Hoặc đoán gió nhìn trăng mà ngâm vịnh; ngắm lan mùa Xuân, cúc mùa Thu. Thể vật duyên tình đều rất rực rỡ. Những sách Pháp sư bí mật làm lúc ở phương Nam, danh vang cả xưa nay. Bèn sưu tập văn từ của Pháp sư, để dẫn giải ra đây.

Nếu các việc thần diệu vô phương chẳng trù tính đo lường đến chỗ lý cùng cực thì chẳng có sự chuẩn mực nào mà có thể biết được chỗ thường đạo vô ngôn. Đây là bến bờ an ổn có thể nương theo đó mà ra khỏi sanh tử, đến nơi an vui giải thoát. Còn như các kinh sách về năm môn năm độ, giáo pháp Bán tự, nhất thừa, chín dòng trăm họ, ba động kiểm v.v... thì làm sao có thể dùng kinh vĩ của Khổng Tử để mở mang cơ đồ, há có thể đem hết tâm lực mà đạt được cảnh giới đó sao? Anh minh tài giỏi đời có được mấy người. Pháp sư thuở nhỏ học thông cả Tam luận, nổi tiếng khắp trong triều ngoài nội. Lớn lên lại giỏi hết các kinh sách, lưu tiếng xa gần, uy nghi trang nghiêm cung kính, khí tiết thông suốt sâu xa. Đem đạo lý cao siêu mà soi cùng xưa nay, tỷ như đất mùa xuân ẩn dụng mà hiển nhân. Như ngu như ngọng mà có công lực, ngoài tối mà trong sáng suốt. Cố nhiên trí có thể đồng với đại dương mà Đạo lại đầy đủ khắp cả cõi trời, người. Há đâu chỉ soi sáng ở chỗ sông núi mà thôi. Văn tình như thế, có điển chương mà không theo khuôn mẫu, rực rỡ mà vẫn có phép tắc, dụ như tám âm cùng tấu lên. Các dây năm màu đều tương ưng, Đạo hạnh thì thâu nạp chánh kiến đối với ba không, cứu vớt chúng sanh ở trong tám khổ. Học hạnh sâu xa mà tâm lại khiêm hạ, cũng giữ vẽ cung kính mà lại cao thâm. Thật là rường cột của họ Thích. Là bậc thiện nhân đầy nghi vũ vậy. Lại thêm cứu khổ phò nguy, trước người rồi sau mới tới mình. Trọng Phong Quang mà soi sáng cửa Thiền lâm ở nơi Sơn thủy, đem đạo pháp đến chốn xa xôi. Đem nguyện lực cứu giúp hết các loài chúng sanh.

Vào những năm cuối niên hiệu Khai Hoàng đời Tùy thì ở ẩn trong động Quỷ Cốc núi Thanh Khê, trên ngọn núi cao, mà che hết mặt trời, mặt trăng. Ở chốn cao mà nuốt hết mây gió. Giữa chốn không gian đem cỏ năm mầu mà đón rước. Đi trong tám thiền mà ngơi nghỉ. Vui trong tùng bách giữa khe xanh. Ăn cây trái, ở sơn động, đều chắp tay quy y, xoa đảnh hỏi đạo, kinh hành điềm tĩnh hơn mười năm trong chốn thanh tịch. Nhưng mà ở rừng núi vòi vọi hiểm trở, tùng bách bao la nơi hoang dã, theo gương người xưa. Ở chốn núi sâu hang rừng không người biết, Ngài liền soạn bài “Thanh Khê Sơn Ký” một quyển. Khi thấy lưu hành ở đời sách này, Thái Sử khiến cho truyền hịch. Người soạn bài này vì học nghiệp thấp kém, sự hiểu biết chưa đủ nên xuyên tạc cho bài của Pháp sư là đoản thiên, lăng mạ Chánh giác. Pháp sư vì lòng xót thương kẻ hậu côn, lại chọn ra bộ luận “Phá Tà” một quyển. Tuy biết bọn họ sàm tấu, dâng biểu lên triều đình. Ngựa tốt ngựa xấu cùng chạy trên đường ngàn dặm, cuối cùng thì sắc màu dù trong dù đục cũng được chia

dòng, trách gì bọn phàm nhân muốn làm thánh, kẻ tục lại muốn sanh với chân. Cho nên ngài mới dẫn văn chứng lý, chẳng phải Đạo giáo thì Nho, văn cú đều thâm sâu, ý chỉ thì nghiêm mật. Nên được truyền chép không cùng, lưu bố nơi đời, như vạch mây mà thấy được mặt trời, kẻ cùng mê mà gặp được đạo pháp. Sự soạn thuật của Pháp sư chính là phù hợp với tánh mà lại đúng lý. Vì bị đè nén nên phần nhiều đều bị sót mất. Nay xét lại thì còn các bài thi phú bia chí, những bài tán tụng châm ngôn, ký truyện, khải luận, và tam giáo hệ phổ, Thích Lão Tông Nguyên.v.v... hợp lại thành ba mươi quyển.

Pháp sư cùng với người giúp việc tình như nước bạc, nghĩa tợ kim lan tuy, cung các đạo tục có khác. Mà tánh tình đôn hậu. Hai vị biên chép, nối kết thành chương mục thứ tự, đều là những lời hay ý đẹp. Tiếng tốt vang xa, truyền khắp trong đạo tục, lưu bố xa gần.

Thích Ngạn Tông có lời khen kinh Dịch rằng:

"Đạo cực sanh lưỡng nghi, Lưỡng nghi sanh tứ tượng". Lão Tử nói vô danh là nguyên thủy của trời đất. Hữu danh là mẹ của muôn vật. Nói đạo nói đức, luận hiếu luận trung. Đây là chỗ đạt đến những lời chí ngôn trong phương nội. Còn lời đại huấn của Phật giáo, ngoài sự nghe nhìn về tứ đức thường thân, trước là vì hình khí nhất như bất động. Vì muốn cứu giúp muôn loài mà gá thân ở nước Ca-duy, làm lợi ích cho chúng sanh cõi Diêm-phù, dựng cao cây đạo, Phật là đấng đã tịnh năm nhãn mà thông cả ba minh, đầy đủ sáu thông, mà viên thành muôn đức. Soi sáng ánh đạo vàng nơi thế giới Ta-bà, phóng hào tướng ở phương khác. Rung chuyển mặt đất làm kinh hồn mê chúng. Vang pháp âm mà kinh hãi muôn loài. Đầu tiên thì đem pháp vũ đến những nơi hoang dã, soi sáng hàng tiểu căn. Cuối cùng thì đem Đại pháp đến chốn Hạc Lâm, thấm nhuần cả đại thọ. Trong thời gian đó thì tam tà đều bị hàng phục. Bỏ hỏa cụ ở nơi chốn Thiền hà, mười loại đều quy tâm. Gội dòng trong ở nơi đất phước. Từ khi pháp âm vắng tiếng, mặt trời Phật cũng mất dần ánh sáng. Đại nghĩa pha lẫn với tà phong muôn phần dữ dội. Khi ấy thì có Đề-bà, Đồng Thọ, tiếp nối giềng mối đạo. Rồi ngài Long Thọ, Mã Minh giữ gìn đạo pháp. Đến khi vua nằm mộng cảm thấy được người vàng, rồi Tần Thái du tây. Ngọc Mã đi về hướng Đông, cùng với ngài Ma-đằng, Pháp Lan. Thì có chín tiên tả đạo cùng nghị luận ở kinh kỳ. Bọn Ngũ nhạc tà đồ cùng khuấy động triều đình. Lại còn khoe khoang văn điển cao siêu, muốn đem đom đóm mà sánh với trời xanh. Tiến cử cỏ bao cỏ tranh, Lan Công không thể sánh với Lục thao. Hướng gió ngậm ngọc mà được chở che bởi không huyền ngũ vân. Nơi sân sương

mù hóa đầy bảy chất báu. Lúc này kẻ bỏ thế tục theo đạo rất nhiều, người theo Đạo giải thoát như gió thổi bạt hết cỏ. Lúc này đạo pháp được mở mang, mặt trời Phật mới lên cao.

Bọn mục dã ngoại đạo không thể so sánh. Từ đó, danh tăng Kỳ thỉnh thoảng xuất hiện. Xem lại sách sử phả diệp; thì đạo pháp soi sáng khắp vùng. Lấy gươm trí mà tung hoành. Trên thì có Hiển Công, ôm pháp màu mà thẳng tiến, bẻ Khương Bân ở nước Ngụy, Thắng Lục Tĩnh ở nhà Tề, giúp thân vũ trong một đời, lưu danh tiếng cả ngàn năm. Vượt Đại Đường mà có dân chúng, vượt Tam Hoàng, qua Ngũ Đế. Mẹ vua Nghiêu, vua Thuấn mà con của Thành Khang. Ánh đạo soi khắp tám miền, vua đến muôn nước, mở mang lời dạy của Ngọc Cổ Pháp Lãi, làm cho mặt trời Phật lên cao, chiếu sáng gương vàng.

Bấy giờ, có Phó Lưu dùng lời vọng mị, nói pháp này cùng hỗ tương như môi với răng. Mà Pháp sư lòng nhỏ lượng cao, chí muốn cứu hết loài hung bạo. Cho nên sưu tập mọi điển chương để viết thành văn lý, treo cao cả mặt trời mặt trăng, đạo tục đều rõ ràng. Đem khí lành cho bốn sanh; chiếu trí tuệ trong ba cõi. Để cho đỏ lam phân biệt, tà chánh rõ ràng, nên mới mạnh dạn nói lên những lời chân thật. Tôi đã từng ở bên Ngài nghe được luận này, nghĩ đến công đức của người nên mạo phạm ghi chép lại. Còn như thi phú làm ra, trình độ bia ký biểu chương, lại bao gồm những văn hoa cao đẹp; phân biệt rõ ràng.

Chẳng phải đây từng nói rằng:

- Viết lại những lời của Phật thánh, ghi lại sách sử của Đấng Pháp Vương. Như đem thiên mạng soi sáng đại đạo, lại chở hết mọi điều thấy đem làm thật lục. Ngõ hầu đạo hạnh của người trước soi sáng cho kẻ hậu sanh. Cũng là bổ khuyết cho sử sách tăng già; để lưu lại ân đức của Pháp sư.

Đường Hộ Pháp, Sa-môn Pháp Lâm Biệt Truyện Quyển Hạ (Hết)

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 183

HÀNH TRẠNG CỦA TAM TẠNG PHÁP SƯ HUYỀN TRANG ĐỜI ĐƯỜNG

SỐ 2052

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2052

HÀNH TRẠNG CỦA TAM TẠNG PHÁP SƯ HUYỀN TRANG ĐỜI ĐƯỜNG

Pháp sư tên húy là Huy, tự Huyền Trang, họ Trần, là con cháu của Hán Thái Khâu Trương Trọng Cung. Quê ở Dĩnh Xuyên, sau dời về Hà Nam, cháu con do đó mà là người họ Hầu. Đời Cao Tổ có Quan Thái Thú Nguy Thanh Hà từng làm Sơn Ngụy chinh Đông tướng Quân ở Quận Nam Dương. Là bậc khai Quốc Công tổ được phong làm khang Tế Quốc tử Bác sĩ chuyển tư Nghiệp. Lại được chuyển làm Lễ Bộ Thị Lang. Vị này văn tuệ anh tài thanh khiết có nhã khí tiết tháo, lại sớm thông kinh thuật, thân cao tám thước, mày đẹp mắt sáng, áo bầu đai rộng, thích hình dung của bậc nho gia.

Sau lại dời về Giang Lăng. Khi nhà Tùy suy, bèn dứt hết ân oán trong lòng, kết chí ly trần, làm bậc cao sĩ trong đời.

Mẹ Ngài là người họ Tống, là con gái của Tùy Lạc Châu Trương Sử khâm. Pháp sư là con thứ tư, khi còn nhỏ đã thông minh hơn người. Đến năm hai mươi tuổi, dung biểu càng thêm trinh thuần, bậc cơ trí có khác, lại thông minh lanh lợi khác thường. Đây là do gieo trồng căn lành từ nhiều đời trước, nên sớm chán cảnh bó buộc duyên trần. Suy nghĩ về cửa huyền đạo giác ngộ. Đem đại nghiệp cứu giúp muôn loài, hóa độ tăng ni. Bấy giờ, có sứ nhân của nước Đại Lý là Trịnh Thiện Quả, có việc đi vào thành một lần thấy Pháp sư, liền nói rằng:

- Người này tuổi tuy nhỏ mà phong điệu cốt cách rất lạ, nếu là người xuất gia thì chắc chắn sẽ là rường cột của Phật pháp, nhân đó cho phép xuất gia, dừng nghỉ tại Đạo tràng Tịnh độ ở Đông Đô, bấy giờ

có Pháp sư Cảnh giảng kinh Niết-bàn. Sư nghe cầm giữ mãi bên mình quên cả ăn ngủ. Lại học Nhiếp luận của Nghiêm Pháp sư rất thích thú. Một lần nghe xong sau lại xem lần nữa, thì đều ghi nhớ không hề sót. Đại chúng thảy đều kinh lạ. Liền mời sư lên tòa giảng lại. Thế là sư giảng dạy kinh pháp mọi lẽ rất tường tận.

Tiếng tăm từ đây vang dội. Đó là năm mười lăm tuổi. Về sau nhà Tùy suy sụp, nhân dân ly tán. Sư bèn nói với người anh rằng thôn ấp tuy là của cha mẹ, mà thời buổi loạn lạc như thế, lẽ nào giữ để mà chết, nghe nói vua nhà Đường cùng dân chúng khởi binh khắp nơi, nay đang chiếm cứ Trường An, dân chúng trong nước đều theo về. Cha mẹ và người anh cũng nguyện đi theo. Ngài cũng đến đó. Bây giờ là niên hiệu Vũ Đức năm đầu (618). Lúc này nhà Đường mới sáng lập, nơi kinh thành cũng chưa có giảng đường.

Lúc đầu, vua Dạng Đế nhà Tùy có cho xây bốn đạo tràng ở Đông Đô, cho mời tăng ni khắp trong nước. Đến những năm cuối thì đất nước loạn lạc. Mọi người lo lắng nên phần nhiều đều dời đến đất Thục. Người biết pháp nghĩ rằng Đạo pháp sẽ hưng thạnh ở đây. Pháp sư thưa với anh là không có việc gì, xin đến đất Thục để thọ nghiệp. Người anh cũng đi theo. Trải qua nhiều hiểm trở mới đến được Hán Xuyên, gặp được hai vị Pháp sư Không và Cảnh, đều là bậc Đại đức ở đạo tràng, từ đó mà Ngài xin theo học. Sau đó thì đi đến thành đô, tuy là bạn đồng hành nhưng vẫn giữ lòng cung kính, tùy chỗ mà tham vấn học hỏi.

Khi đến Ích Châu, các bộ Nhiếp luận, Tỳ-đàm mỗi bộ đều giảng một biến. Các vị Đại đức cùng họp bàn, để xây dựng đạo pháp ở đây. Ngài càng ra sức giảng Nhiếp luận. Tỳ-đàm vì chí muốn mở mang đạo Thích-ca, rất kính tiếc thời giờ. Khoảng bốn năm năm, nghiên cứu thông thạo hết các bộ. Mỗi khi lên tòa thuyết giảng, thường có vài trăm người là bậc kỳ tài có thể lãnh hội được ý chỉ, mọi người đều tin phục.

Vị sư huynh Pháp sư, nhân đó mà đến chùa Không Tuệ ở Thành Đô. Tức là Pháp sư Trường Tiệp vậy. Pháp sư cũng là bậc tài giỏi phong thần. Thể trạng khôi ngô, mạnh mẽ, lại thêm tuấn tú. Mỗi khi đi ra ngoài thì mọi người bên đường ai trông thấy cũng dừng xe lại. Ngài thường giảng kinh Niết-bàn, luận Nhiếp Đại thừa, A-tỳ-đàm, lại thông cả sử truyện, và giỏi về lão Trang, được người đất Thục kính trọng. Quan Tổng Quản là Toản Công, Quan Thượng Thư là Vi vân khởi v.v... đều đặc biệt khâm phục.

Đến nổi mỗi lời nói ra đều ẩn kín nét phong lưu, tiếp vật độ phàm, văn sớ điển chương đều hòa quang vui vẻ, hợp với tình lý đạo tục.

Nếu có nói lời gì thì lý lẽ thanh tao, không hề vướng bụi trần. Đi khắp nơi mà vẫn thấu cùng lẽ nhiệm mầu, chí khí lại sâu xa. Tiếp nối đạo nghiệp của Thánh hiền, giữ gìn giềng mối đạo mầu. Đi giữa dòng đời mà vượt xa thế tục, chịu lắm phong ba mà ý vẫn không mệt mỏi. Gặp đại nạn mà khí tiết vẫn cao ngời, hiểu sâu mọi thắc mắc sâu xa của người xưa. Khai mở cho kẻ hiền chưa tỏ ngộ. Để lại công đức nhân nghĩa cho đời sau, làm khuôn phép cho người đương thời. Người noi theo chẳng phải là ít. Nhưng anh em hai người, ý đức thanh quy, khí chất hòa nhã lưu danh ở đời. Tuy ở chốn rừng núi xa xôi hoang vắng mà cũng có người biết tới. Năm Pháp sư hai mươi mốt tuổi, vào niên hiệu Vũ Đức thứ năm, Ngài ở nơi Thành đô thọ giới cụ túc, nhập hạ học luật, cùng các tông năm thiên bảy tụ, cũng soi khắp từ đây. Kinh luận của Ích bộ đều nghiên cứu tường tận. Thế nên lại nghĩ về kinh để tham vấn những yếu chỉ thù thắng. Nhưng vẫn còn ngần ngại, vì người anh cứ giữ lại, nên vẫn chưa toại ý. Bèn bí mật nhập với những người đi buôn sửa soạn thuyền buồm ba chiếc, ven theo dòng sông mà trốn đến Kinh châu, dừng lại tại chùa Thiên Hoàng. Chư Tăng tụ ở chùa này, đem văn nghĩa kinh luận từ lâu nay ra luận nghị rồi thỉnh Pháp sư nói lại, Pháp sư vì mọi người mà nói lại Nhiếp luận và Tỳ-đàm mỗi bộ nói ba ngày mới xong. Sau đó lại đi lên hướng Bắc, đến Trương Châu thưa hỏi các vị tiên đức. Yết kiến Pháp sư Đạm học luận Thành thật.

Lại đến Trường An, học luận Câu-xá với Pháp sư Nhạc, chỉ một lần thì hiểu hết mọi yếu chỉ, chỉ qua mắt là ghi nhớ ở trong tâm. Các vị Tôn Đức ở kinh thành, đều tìm đến thăm hỏi những chỗ dị đồng. Quan Bộc Xạ là Tống Công Tiêu là hai anh em, lại rất trân trọng kính mến. Rồi đến chùa Đại Trang Nghiêm, sư đến ra mắt các vị hiền tăng, sau bữa ăn thì nói pháp, giải thích rõ ràng các yếu nghĩa. Đem thánh điểm khảo nghiệm cùng tăng đồ, lý lẽ ẩn hiện có khác nhau, không biết theo lý nào. Ngài bèn thệ nguyện đến Tây Vực, để hỏi rõ những điều còn thắc mắc. Phân tích luận Thập Thất Địa, để giải thích các điều nghi. Đó chính là luận Du-già-sư-địa. Lại nói chuyện ngày trước có ngài Pháp Hiển, Trí Nghiêm, cũng là kẻ sĩ một thời, đều có thể đến cầu pháp, làm lợi ích cho chúng sanh, ta nên nối tiếp người. Bèn kết bạn với Trần Biểu, có sắc lệnh không cho đi. Mọi người đều trở lại, chỉ có Pháp sư không chịu khuất phục. Một mình tiến về phía trước, lại đi theo đường phía Tây rất nguy hiểm. Bèn tự xét lại tâm mình, hỏi han những điều khổ, các thứ điều phục, chịu đựng không lui sụt.

Sau đó mới đi vào tháp, mới bày tỏ ý mình, nguyện xin các thánh

thầm gia hộ, đi về đều không gặp chướng nạn, khó khăn. Lúc Pháp sư mới sanh ra, mẹ nằm mộng thấy Pháp sư mặc y trắng đi về hướng Tây.

Mẹ nói: Con là con của ta, bây giờ định đi đâu?

Đáp rằng: Vì cầu pháp nên đi. Đây chính là điềm báo trước về việc tạo lập giềng mối thánh điển sau này. Niên hiệu Trinh Quán thứ ba. Lúc sắp ra đi sư lại cầu điềm ứng hiện. Trong đêm đó nằm mộng thấy trên biển cả mênh mông có ngọn núi Tô-mê-lô cực kỳ rực rỡ trang nghiêm, ý muốn bước lên. Khi đó sóng vỗ dữ tợn mà vẫn không sợ, bèn quyết ý bước lên, bỗng nhiên thấy có đóa hoa sen đẩy hết sóng ra ngoài, hễ chân bước đến đâu thì có hoa sen đến đó, trong giây lát đã đến núi. Nhưng núi cao chót vót không thể lên được, rồi thân tự bay lên. Khi lên tới đỉnh, nhìn xem bốn phía đều rộng lớn bao la không có gì ngăn che, lấy làm vui vẻ bèn tỉnh dậy. Sau đó lại đi tiếp. Lúc này Pháp sư hai mươi chín tuổi.

Bấy giờ, có vị tăng Hiếu Đạt ở Tần Xuyên, đến kinh đô học xong bèn trở về quê, Pháp sư cũng cùng đi theo, lần lượt đến Qua Châu, hỏi thăm đường đến Tây Vực tốt xấu thế nào? Ai cũng nói ở đó toàn là cát, chứ không có đường đi. Sư cùng với nhiều người đi đường kết thành bạn lữ, xem phân trâu, ngựa và xương cốt để làm dấu. Khi gió lớn thì cát bay lên nên hài cốt cũng bị lấp bằng. Thường có gió nổi lên tạo ra các loại ly mị yêu quái. Đi về hướng Đông tây hơn tám trăm dặm lý muốn đi một mình nhưng không thể đi được, nên rất muộn phiền không biết tính sao? Bèn lễ Phật cầu nguyện. Nguyện có một người cùng đưa qua cửa ải. Tức là Ngọc môn Quan.

Ở phía Tây cửa ải này khoảng một trăm dặm có một đồn canh, dưới đồn canh có nước. Có tất cả năm đồn canh, ngoài năm đồn canh không còn lính tuần canh, đều là sa mạc mênh mông. Lại gặp và hỏi thăm một người Hồ, người này hứa sẽ đưa qua ải. Đến khi đi lại có ý thoái lui. Pháp sư cương quyết nên người này cũng đi theo. Đêm đến tới được bờ sông cách cửa ải khoảng hơn mười dặm. Ở trên thượng nguồn có cây Ngô Đồng. Người Hồ liền chặt cây để làm cầu, trải cỏ lấp cát để cưỡi ngựa đi. Khi qua được bên kia sông trong tâm ngài Huyền Trang rất vui mừng. Mỗi người đều trải đệm ra nằm nghỉ. Nửa đêm người Hồ thức dậy cầm dao đi tới muốn giết hại Pháp sư. Pháp sư cũng đã ngồi dậy niệm Phật, tụng kinh, người Hồ thấy vậy bèn trở lại chỗ ngồi. Một lúc, lại đứng dậy đi đến chỗ Pháp sư nói rằng: Theo pháp quốc gia, nếu riêng đối với người ngoại quốc thì tội danh rất nặng. Con đường của

năm đồn canh đối với trước, ai đi qua chắc chắn bị tội chết chứ không thoát được. Nếu chỉ một chỗ bị bắt lại thôi cũng là bị giết. Đệ tử cũng có gia đình, làm sao có thể đưa Ngài đi. Pháp vua không thể tránh được. Xin cùng thầy trở lại.

Pháp sư bảo rằng: Huyền Trang này chỉ có thể đi về hướng Tây mà chết, thề không trở lại hướng Đông mà được sống. Nay ông không đi được thì cứ trở lại, Trang sẽ đi một mình.

Người Hồ nói: Thầy phải theo tôi trở lại, nếu không khó tránh được tội. Pháp sư vì đã có lời trọng nguyện, giả như thân có nát ra tro bụi cũng không thể trở lại. Ngài liền đưa tay chỉ trời đất, trăng sao mà phát thệ. Người Hồ từ biệt quay trở lại, Pháp sư cùng ngựa tiếp tục đi tới. Khi trời tối, đến một đồn canh bèn múc nước cho ngựa uống. Bỗng chốc có cung tên bắn tới, có mấy mũi suýt trúng vào đầu gối. Ngài biết mình đã bị phát giác, vội vàng đi nhanh lên. Trên ngọn tháp canh có một người cầm lửa hỏi rằng:

- Ông là ai, định đi đâu?

Ngài liền cởi mũ để bày pháp phục ra rồi nói rằng:

- Tôi từ kinh đô đến. Muốn cầu pháp ở nước Ba-la-môn.

Người ở tháp canh đưa Ngài đến chỗ quan Hiệu úy. Quan Hiệu úy hỏi rõ các việc. Pháp sư trình bày lại tất cả. Mỗi lời nói đều rơi lệ. Vị Quan cũng động lòng mà rơi lệ theo, rồi nói.

- Thầy có thể vượt qua các tháp canh mà đi. Nếu được như sở nguyện, cũng là lợi ích cho nước nhà. Hôm nay nên nghỉ lại đây.

Thế là sắp đặt cho Ngài nghỉ lại. Sáng dậy thì làm cơm thiết đãi. Lại cúng dường lương khô vật dụng, Quan đưa tiễn hơn mười dặm rồi nói:

- Thầy cẩn thận qua các tháp canh. Qua khỏi tháp canh thứ năm có dòng suối Dã Mã, có thể lấy nước để đi. Pháp sư khi qua tháp thứ năm thì gặp gió cát rất dữ dội, không biết suối chỗ nào. Trời tối thì dừng bên dòng suối cát. Bước xuống chỗ nước muốn uống, thì tay đãi trên yên ngựa đều rớt xuống. Ngài đưa tay đỡ lấy một ít lương khô, còn các vật khác đều bị cuốn mất hết. Tư lương, vật dụng đi cả ngàn dặm giờ đây đều bị mất cả. Sự buồn phiền cũng không sao nói được. Sau canh ba rồi lại đi nữa, nhưng không biết đường, duy chỉ nhìn sao trời và mặt trăng ở hướng Tây bắc mà đi tới. Đến đúng ngọ ngày hôm sau, Ngài rất khát nước. Tuy còn một ít bột gạo nhưng khô không thể ăn được. Như thế trải qua bốn đêm năm ngày không có giọt nước thấm môi, người và ngựa đều rất khốn khổ không thể nào để đi tiếp được, Ngài liền nằm trên

cát, chỉ niệm thầm Quán Âm chứ không niệm ra tiếng được, hơi thở gần như muốn dứt. Đến đêm thứ năm, bỗng nhiên có ngọn gió mát thổi đến, sảng khoái vô cùng. Cơ thể hồi phục tỉnh lại. Ngựa cũng khỏe mạnh có thể đi tiếp, sư lại cương quyết đi được hơn hai mươi dặm nữa. Rồi cũng nằm xuống không thể nào đi tiếp. Đêm đó nằm mộng thấy một vị thần cao lớn bảo rằng. Đã cương quyết mạnh mẽ đi tới. Vì sao lại nằm ở đây, thế là trở đậy đi tiếp, con ngựa bỗng nhiên lại đi sang hướng khác, bắt quay trở lại nhưng không được. Đi khoảng hơn mười dặm thì gặp một cái ao, nước trong xanh mát mẻ, Ngài rất vui mừng liền bước xuống lấy nước cho ngựa uống, tự mình thì tắm rửa. Rồi lại lấy gạo bột cho ngựa ăn. Ở gần bờ ao cũng có cỏ xanh. Gần sáng thì người ngựa đều được ăn uống khỏe khoắn, lại đi thêm một ngày một đêm, khi nước sắp hết Ngài lại lấy nước đầy và cũng tiếp tục đi. Trải qua ba ngày mới đến nước Y-ngô. Ở hướng Bắc có sa mạc cũng lại gặp yêu mị, có ngày gặp khốn khổ gian nan vô cùng, qua được nạn rồi thì Ngài liền ghi lại sự việc. Khi đến nước Y-ngô, gặp được sứ giả nước Cao-xương, vị kia trở về cung tâu với vua có Pháp sư đến. Vua rất vui mừng. Sai người đem ngựa đi đón rước. Sư đến được nước Cao-xương, gặp nhau thì vừa mừng vừa vui. Vua muốn giữ Pháp sư lại. Nhưng Ngài nhất quyết đi về Tây Vực. Vua không cho phép, Pháp sư bèn nhịn đói tới bốn ngày, vì ý chí quá mạnh nên làm cảm động vua, nên vua mới cho đi. Mẹ của vua lại nguyện xin làm mẹ con, vua cũng nguyện làm anh em, nếu bằng lòng sẽ Pháp sư đi, Pháp sư bèn hứa, vua vui mừng thỉnh Ngài giảng kinh Nhân Vương, cùng làm thầy độ cho bốn vị sa-di. May pháp phục đến mấy mươi bộ. Vua sai quan đem để trên yên ngựa, rồi tận lực đưa tiễn. Vua lại đưa hai mươi bốn phong thư cho vua các nước Độ-quyết, Khả-hàn v.v... đem gởi theo hơn năm trăm tấm lụa, lần lượt đưa hộ tống, trong thư vua nói:

"Pháp sư là em của ta. Nguyện xin vua Khả-hàn thương sư như thương ta, giúp đỡ cho đến nước Bà-la-môn thỉnh kinh".

Sau đó lại từ biệt ra đi. Khi đi qua Nha Sở đưa Hộ Điệp ra. Nhận thư thì vua Khả-hàn rất vui mừng, sai người đưa tiễn đi. Cuối cùng đến nước Ca-thấp-di-la (Cựu dịch là nước Kế-tân) cũng đều nhờ uy lực của vua Khả-hàn và vua nước Cao-xương. Trong khoảng thời gian đó trải qua nhiều núi rừng, núi tuyết biển nóng cửa sắt, nguy hiểm muôn phần. Lại gặp vua các nước cung kính đón rước không thể nói hết. Nước Ca-thấp-di-la, có vị Đại đức tên là Tăng Thắng giỏi về kinh luận. Pháp sư liền xin theo học chánh lý của luận Câu-xá và nhân minh, Thanh minh v.v... Kế đến học Đại Tỳ-bà-sa. Quốc vương của nước nước này thương

Ngài ra sức học tập mà không có kinh bổn, bèn cấp cho mười người làm người ghi chép, để sai việc sao chép và làm các việc khác. Ngài có cần gì thì đều cung cấp đủ. Học xong rồi lại đi về hướng Đông nam, đến nước Trách-già, đồng bạn môn đồ đi theo có hơn hai mươi người, cùng qua sông Chiên-đà-la-bà-già. Đi về phía Đông thì đến rừng Bà-la-xà thì gặp cướp. Những đồ y thực mang theo đều bị cướp sạch. Khi đi đến một ngôi làng thì mọi người cùng đi theo lại có được y phục. Lần lượt đi về phía Đông của nước Trách-già, ở đây có rừng Am-la, trong rừng có vị Bà-la-môn bảy trăm tuổi, nhưng vừa xem qua diện mạo chỉ cho là chừng ba mươi tuổi. Vị này rất thông hiểu Trung luận và Bách luận cùng Phệ-đà thư, lại nói là đệ tử của Pháp sư Long Mãnh. Ngài cũng dừng lại một tháng để học Bách luận. Lại đi về hướng Đông đến nước Na-bộc-để có Pháp sư Điều Phục, học các bộ luận "Đối pháp Hiển Tông Ly môn" v.v.... Lại đi về phía Đông đến chùa Na-già-la v.v... gặp Pháp sư Tào Nguyệt học "Chúng Sự Phần Tỳ-bà-sa".

Lại đến nước Lộc-lặc-na, gặp Đại đức Xà-na-cúc-đa học kinh Bộ Tỳ-bà-sa Tát-bà-đa Biện Chân Luận, lần lượt đi đến nước Kiếp-tỳ-đà, lễ bái Thánh tích nơi ngày xưa, Phật đến cung trời Đao-lợi vì muốn báo ân mẹ, nên trong một mùa hạ nói pháp xong. Lại xuống nhân gian nói pháp cho đại chúng. Lại đến nước Nhược-cúc-xà gặp Tam Tạng Tỳ-tà-tê-na học sử Phật Tỳ-bà-sa, Nhật Trụ Tỳ-bà-sa. Từ đây đi về hướng Đông nam đến nước A-thâu-đà, lễ Thánh tích xong, đi đến sông Căng-già ở phía Đông. Hơn tám mươi người cùng xuống thuyền, muốn đến nước A-a-bang-mục-khư, ở hai bên bờ sông đều là rừng A-thâu-già, cây cối rất rậm rạp xanh tốt. Bỗng nhiên có hơn mười chiếc thuyền cướp đang khua chèo đi ngược dòng nước, một lúc thì trờ tới. Mọi người trên thuyền sợ hãi, có vài người nhảy xuống sông. Bọn giặc đưa thuyền vào bờ bảo mọi người cởi áo ra để tìm kiếm châu báu. Bọn giặc này trước có thờ Đột Gia Thiên Thần mỗi năm đến mùa Thu thì tìm một người, có hình tướng khôi ngô xinh đẹp để giết rồi lấy máu, để cúng tế thần cầu phước báu. Thấy Pháp sư thân tướng khôi ngô thì rất vui lòng. Thế là bọn giặc sai người lấy nước, vào trong rừng hoa, trộn bùn với đất làm đàn, rồi kéo Pháp sư lên đàn, sai vài người cầm đao đứng hầu. Vừa muốn đưa đao lên thì Pháp sư bảo rằng:

- Tôi từ xa đến cầu pháp có nhiều điều chưa học hết, nên lòng chưa toại nguyện, nếu đàn-việt giết đi thì sợ rằng không có phước.

Bọn giặc không chịu nghe. Pháp sư biết là không tránh được. Nên nói với họ:

- Xin đợi một chút, xin đừng bức não, để cho tôi giữ chánh niệm, cũng là ân trạch của đàn-việt.

Thế là Ngài chuyên tâm hướng về tầng trời Đổ-sử-đa nơi Bồ-tát Từ Thị đang ngự. Trong tâm tưởng lúc ấy thấy như bước lên núi Tô-mê-lô, vượt qua một, hai, ba tầng trời thì thấy cung Đổ-sử-đa. Bồ-tát Từ Thị ngự trên Đài Diệu Bảo. Bồ-tát đang đi nhiễu quanh nước. Lúc này thâm tâm Ngài rất vui mừng, không biết là đang ở trên đàn, cũng không nhớ có giặc, các đồng bạn cùng đi theo, cùng phát lên khóc lớn. Trong khoảnh khắc thì gió đen nổi lên bốn phía làm cây gãy cát bay, nước dưới sông dậy sóng, thuyền bè bị lật úp. Bọn giặc sợ hãi hỏi những người đồng bạn của Pháp sư rằng:

- Vị Pháp sư này từ nước nào đến, tên gọi là gì?

Đáp rằng:

- Vị này từ nước Trung Quốc đến, xin cầu pháp nơi đây. Các ông nếu giết chết, thì bị tội vô lượng. Vả lại, đã thấy hiện tượng gió sóng nổi lên. Đó chính là thiên thần nổi giận nên mau sám hối đi.

Bọn giặc kinh sợ nên bảo nhau tới lễ tạ và sám hối, cúi đầu xin qui y. Lúc này ngài Huyền Trang cũng không biết, giặc lấy tay chạm vào người. Ngài mới mở mắt ra, hỏi họ rằng:

- Đến giờ chưa?

Bọn họ nói:

- Chúng con không dám hại thầy, nguyện xin sám hối.

Pháp sư nhận lễ tạ của họ lại nói pháp rộng rãi, khiến cho mọi người phát tâm. Bọn giặc lần lượt được khuyến cáo, thâu hết khí cụ mà ném xuống sông, rồi đem y phục của cải trả lại cho bổn chủ.

Tất cả mọi người đều thọ năm giới, trời đất yên tịnh, không còn sóng gió. Bọn giặc rất vui mừng, đảnh lễ rồi từ biệt. Đồng bạn của Ngài càng thêm tôn kính, khen ngợi truyền nói những điều khác thường nên khắp xa gần đều biết tiếng, không ai không lấy làm lạ.

Từ đó, Ngài trải qua nhiều nước. Khi đi về hướng Đông bắc đến nước Thất-la-phạt-tất-để, xưa dịch Xá-vệ là lầm. Thánh tích ở đây rất nhiều, Ngài đều lễ kính. Lại đến thành Phệ-xá-ly, thấy ngôi nhà của Duy-ma-cật, cùng chỗ Phật hứa với Ma vương vào Niết-bàn, Ngài đều đến lễ bái. Từ đây lại đến nước Ma-yết-đà. Ở đây thánh tích cũng rất nhiều. Pháp sư dừng chân bảy ngày, lễ bái cùng khắp. Từ đây đi về hướng Đông nam, hơn bốn trăm dặm, đến chỗ cây Bồ-đề. chỗ này chu vi khoảng ba mươi dặm, thánh tích khắp nơi, Pháp sư ở lại tám, chín ngày để lễ bái. Đến ngày thứ mười, chư Tăng ở chùa sai bốn mươi vị

Đại đức đến đón ngài Huyền Trang đến chùa. Lúc này Ngài nghỉ đêm trong làng vốn là ngôi làng của ngài Mục-liên trước kia.

Sáng ngày, sau khi thọ thực xong, lại có hơn hai trăm vị tăng và một ngàn đàn-việt, đem cờ lọng và hoa hương đến đón rước đưa Ngài về chùa Na-lan-đà.

Khi Ngài đến thì cả chúng đều nhóm họp đầy đủ, Pháp sư cùng đại chúng ngồi xuống, khiến vị duy-na xướng lên là Pháp sư đã đến chùa. Trong chùa Ngài cũng được thọ dụng các vật sở hữu như chúng, khi chúng gặp nhau xong rồi, thì sai hai mươi vị có đức hạnh, đưa Pháp sư đến tham vấn ngài Chánh Pháp Tạng, tức là Pháp sư Giới Hiền. Vị này học rộng nhớ dai. Tất cả kinh sách của Phật và ngoại đạo đều thông suốt. Lại là bậc lão túc tối thượng. Năm đó Ngài đã một trăm sáu mươi tuổi, đại chúng đều tôn trọng nên không gọi tên, mà gọi là Chánh Pháp Tạng. Pháp sư liền vào ra mắt Ngài, khi đảnh lễ khen ngợi xong rồi, Chánh Pháp Tạng bảo Pháp sư và đại chúng ngồi. Rồi hỏi Pháp sư từ nước nào đến? Đáp rằng từ nước Trung Quốc đến, muốn đến chỗ thầy học Du-già và các kinh luận. Ngài Giới Hiền nghe xong rồi liền gọi đệ tử Giác Hiền bảo nói cho Pháp sư biết nhân duyên ba năm bị bệnh não loạn về trước. Ngài Giác Hiền thưa với Pháp sư:

- Cách nay ba năm Hòa thượng bị bệnh, tứ chi đều nguy cấp, bị bệnh như lửa thiêu dao cắt, trong tâm chán ghét thân này muốn không ăn uống để đi. Vào một đêm nằm mộng thấy một vị trời thân màu vàng ròng nói với Hòa thượng:

- Ngài chớ nhàm chán thân này. Thân chính là pháp khí, tu tập rất khó được. Đời trước ông là vua, vì làm não loạn chúng sanh, nên vời lấy khổ này, phải nên sám hối tự trách, lễ tụng hành đạo, rộng truyền chánh pháp thì nghiệp lụy mới tiêu trừ. Còn như muốn không ăn để xả bỏ thân này thì không thể được. Chết rồi cũng thọ thân, trở lại chịu khổ nữa. Giống như bánh xe xoay chuyển không dứt ba năm sau sẽ có vị Pháp sư từ Trung Quốc sẽ tìm đến đây học các kinh luận. Hiện nay đang trên đường đi đến, Ngài nên đợi, vì Pháp sư ấy giảng nói trao truyền giáo pháp. Khi vị ấy đắc pháp rồi sẽ lưu thông, truyền bá khắp nơi, nhờ công đức này mà tội của Ngài sẽ tự diệt. Ta là Mạn-thù-thất-lợi vì lòng thương xót cho nên đến bảo với Ngài, nếu y theo lời ta nói, thì từ nay về sau, những nạn khổ cũng sẽ tiêu trừ.

Nói xong liền biến mất, từ đó đến nay, Hòa thượng cũng dần được an ổn.

Ngài Chánh Pháp Tạng lại hỏi: Ông trên đường đi đến đây đã bao

lâu?

Đáp: Đã gần bốn năm.

Thấy giống với giấc mộng của Hòa thượng, nên càng tin tưởng, Pháp sư nghe rõ lời nói này thì vừa buồn vừa vui không thể kiềm chế được, liền đứng dậy lễ lạy tạ ân, nói ý của mình xong, từ tạ rồi lui ra. Đại chúng sắp đặt cho Pháp sư ở trong viện Ấu Nhật Vương.

Sau bảy ngày cúng dường, Ngài trở lại ở trên thượng phòng của tầng thứ tư. Chư Tăng cung cấp vật dụng thêm, trong một ngày thì đem tới một trăm hai mươi cây la-diệp, hai mươi cây tân lang, hai mươi cây đậu khấu, một lượng long hương, một thăng gạo cung đại nhân và các loại sữa dầu, nhũ lạc, đường phèn.... Tất cả đều lo liệu trong một ngày, số người dùng không hết. Lại cung cấp một vị tịnh nhân Bà-la-môn, ra ngoài thì đi xe voi có hai mươi người theo hầu, miễn tất cả việc tăng, gạo cung đại nhân là loại gạo hạt lớn như đậu đen, khi nấu thành cơm rồi thì mùi thơm bay xa hơn một trăm bộ. Chỉ có ở nước Ma-yết-đà, các xứ khác đều không có. Loại này trồng rất ít chỉ có vua chúa, và các bậc Đại đức rộng biết pháp mới được dùng. Người khác đều không được nên gọi là “gạo cung đại nhân”. Khi ngài Huyền Trang đi đến các nước khác được kính trọng, đến đâu đều được như vậy. Pháp sư được an trí xong rồi liền đi về hướng về thành Vương-xá chiêm lễ Thánh tích, mấy ngày mới xong. Khi trở về Na-lan-đà, thỉnh Pháp sư Giới Hiền giảng luận Du-già. Thính giả cùng nghe có đến mấy ngàn người. Cứ như thế Ngài nghe Du-già ba lần, thuận chánh lý một lần, hai bộ Trung luận và Bách luận mỗi bộ ba lần và các bộ “Câu-xá”, “Bà-xá”, “Lục Túc A-tỳ-đàm” v.v.... Lúc ở nước Ca-thấp-di-la và các nước khác đã nghe rồi, nay chỉ tìm đọc lại các quyết nghi mà thôi.

Trải qua năm năm như thế, bất luận ngày đêm, khi Ngài nghe xong lại đi đến nước Bạn-lạn-noa-phạt-đa, tìm lễ các Thánh tích. Có một ngọn Cô Sơn, rất xinh đẹp. Trong núi có ngôi tinh xá, bên trong có tượng bằng Bồ-tát Quán Tự Tại bằng cây tử đàn, có nhiều sự linh nghiệm. Nếu ai có nguyện điều gì, dốc lòng đều được như ý.

Người giữ ngôi tinh xá này vì sợ bụi cát, nên làm lan can tường cách mặt ngoài mỗi bên mười bộ. Người có đến tán hoa thỉnh nguyện, đều phải đứng ở ngoài lan can này chứ không được vào. Pháp sư có tâm cung kính muốn đến đó để cầu thỉnh, Ngài mua các loại hoa, xâu lại thành tràng, đem đến cúng dường tượng, chí thành đảnh lễ xong rồi hướng về Bồ-tát phát ba lời nguyện .

Sau khi học xong ở đây bình an trở về bổn quốc, xin cho hoa dính

vào tay Ngài.

Nguyện đem phước đức tu trì đời này sanh về cung trời Đổ-sử-đa, được kính thờ Bồ-tát Từ Thị. Nếu được như nguyện, thì hoa này treo vào hai cánh tay Ngài.

Thánh giáo xưng tụng ở trong cõi chúng sanh, có một phần không có Phật tánh. Vậy Phật tánh đó, hôm nay con tự thắc mắc, không biết có hay không? Nếu có Phật tánh, người tu hành sẽ được thành tựu. Thì xin cho hoa này quàng trên đảnh Ngài.

Cầu xin xong rồi thì rải tán ba tràng hoa từ xa, thảy đều được như ý nguyện. Sở cầu đã mãn, lòng Ngài vui mừng vô lượng những người đứng bên cạnh thấy vậy cũng tôn kính, rồi cùng kết nhân duyên.

Từ đây, Ngài đi khắp các nước, đến vùng Nam Hải, xét tìm các thánh tích, tham vấn thiện hữu, tri thức. Lại đến nước Bát-phạt-đa có một số Đại đức, học nghiệp đáng noi theo, do đó bèn dừng lại hai năm để học các bộ, căn bản A-tỳ-đạt-ma, và luận Nhiếp chánh thập, luận Giáo thật, v.v... thuộc Chánh lượng bộ.

Sau đó trở về chùa Na-lan-đà tham lễ ngài Chánh Pháp Tạng, sau đó lại đến núi Trượng Lâm là chỗ của cư sĩ Thắng Quân Luận sư. Luận sư thuộc dòng Sát-đế-lợi. Tuổi nhỏ mà thông hết kinh sách trong ngoài, năm minh số thuật không có gì mà không xem kỹ, thường nương ở núi Trượng, dạy dỗ đồ chúng, giảng nói kinh Phật. Đạo tục xa gần đến nghe mỗi ngày đến mấy trăm người. Các vị vua chúa cũng thường đến lễ bái, rửa chân cúng dường, được phong thưởng thành ấp. Người đương thời gọi là bộ dị, Hán dịch là thực ấp. Pháp sư theo học luận Duy thức quyết trạch, luận Ý nghĩa lý thành vô úy, luận Bất trụ Niết-bàn, luận Thập nhị nhân duyên, luận Trang nghiêm kinh. Và nghe các luận Du-già, Nhân minh xong. Vào một đêm nằm mộng thấy chùa Na-lan-đà, phòng viện đều hoang phế, chỉ thấy vài con trâu qua lại, không có bóng dáng chư Tăng. Pháp sư từ cửa phía Tây đi vào viện Ấu Nhật Vương, thấy trên lầu cao ở từng thứ bốn có một người vàng, thân tướng xinh đẹp trang nghiêm, ánh sáng chiếu khắp hư không. Từ xa chỉ ra ngoài chùa nói với Pháp sư rằng: Thầy xem ở ngoài kia kìa.

Pháp sư liền nhìn ra ngoài, thấy thôn xóm ao ngòi rừng cây đều bị lửa đốt thành tro bụi cả.

Người vàng bảo rằng: Nay ông có thể sớm quay về. Chỗ này hơn mười năm sau, khi vua Giới Nhật băng hà, toàn cõi Ấn Độ đều hoang phế loạn lạc. Bọn người ác sẽ giết hại lẫn nhau, sẽ như chỗ này, ông nên biết điều đó. Nói xong liền biến mất. Pháp sư tỉnh dậy rất kinh ngạc

than thở, kể lại điều đó cho ngài Thắng Quân nghe.

Ngài Thắng Quân đáp: Ba cõi không an có thể biết như vậy. Bậc Thánh đã rủ lòng dạy bảo, không thể không y lời, những việc Pháp sư làm đều có Bồ-tát che chở, giúp đỡ.

Ngài đến xứ Ấn Độ, bảo mọi người biết, nhưng bị tiếp đãi giữ lại mãi. Ngài mới khuyến hóa về sự vô thường để trở về. Nếu việc làm không khế hợp với Thánh tâm, ai có thể hưởng lộc này mãi mãi.

Sau đó vua Giới Nhật quả nhiên băng, khắp nước Ấn Độ loạn lạc đói khổ như lời đã nói trước. Quốc gia sai người thi hành các việc đập phá chùa chiền như trong giấc mộng. Pháp sư ở tại chùa Na-lan-đà cùng với các vị Đại Đức lập ra tông Trung bách luận, bác bỏ các nghĩa của Du-già. Đem pháp ngữ của bậc Thánh làm luận, không bao giờ sai trái, chỉ vì người học không thông đó thôi, nhân đó soạn ra luận Hội tông, có ba ngàn bài tụng, Pháp sư Giới Hiền và tăng chúng thấy liền khen ngợi, cho là đáng được lưu hành.

Trước có Thầy của vua Quán Đảnh ở Nam Ấn Độ tên là Bát-nhã-cúc-đa làm sáng tỏ nghĩa của Chánh lượng bộ, bác bỏ bảy trăm bài tụng của luận Phá Đại thừa. Bấy giờ, vua Giới Nhật nhân đi đánh dẹp các nước có ngang qua nước Ô-trà, có cái Luận sư Tiểu thừa, rất bảo trọng luận này, lấy đó để chỉ bày cho vua, và thỉnh tranh luận với Đại thừa. Vua bằng lòng.

Thế là họ viết thư cho chùa Na-lan-đà thỉnh bốn vị Đại đức giỏi về các tông Đại, Tiểu thừa và các kinh sách của ngoại đạo đến đó để cùng tranh biện.

Ngài Chánh Giác Tạng bèn sai bốn vị: Hải Tuệ, Trí Giác, Sư Tử Quang và Pháp sư theo lệnh vua mà đến. Lại có ngoại đạo Thuận Thế cũng đến xin tranh luận, viết bốn mươi điều nghĩa treo ngoài cửa chùa. Pháp sư liền sai người ra gỡ và lập luận, kêu ngoại đạo cùng luận biện. Thẩm xét vua lại ba, bốn lần, Bà-la-môn không điểm nào nói được. Trước có giao ước, nếu thua sẽ chặt đầu tạ lỗi. Ngoại đạo xin y theo lời giao kết.

Pháp sư nói: Ta là Sa-môn họ Thích, còn không làm tổn hại đến loài côn trùng, huống là giết người sao?

Ngoại đạo rất vui mừng: Xin trọn đời làm người hầu. Người nghe ai cũng khen ngợi vui mừng, đều đến nước Ô-trà, để tham hỏi tìm hiểu những chỗ còn nghi đối với luận này, Pháp sư hỏi vị Bà-la-môn vừa bị hàng phục rằng:

- Ông có hiểu được nghĩa này không?

Đáp: Có hiểu, tôi gặp duyên lành đã từng nghe qua một lần, bèn hiểu hết ý chỉ.

Ngài bèn tìm những lỗi để dẫn nghĩa Đại thừa ra phá. Làm một ngàn sáu trăm (1600) bài tụng, đặt tên là "luận Chế ác kiến". Ngài đem trình cho Đại sư Giới Hiền và đại chúng, thảy đều khen ngợi nói rằng:

- Lý này đạt đến chỗ cùng cực, làm sao có thể bẻ được. Pháp sư khéo làm được tông yếu này mới hàng phục Bà-la-môn. Tùy theo kiến giải của họ mà lập, ngoại đạo rất vui vẻ từ giã ra về. Ngoại đạo đi đến phía Đông Ấn Độ, nói về đức độ của Pháp sư cho vua Câu-thi-la nghe, vua nghe rất vui, sai sứ đi cầu thỉnh. Sứ vua đến thỉnh tới ba lần Ngài mới đi.

Khi ấy, Ngài muốn trở về nên mới sửa soạn mọi thứ, các Đại đức và đồ chúng đều khuyên Ngài ở lại. Sư nghĩ nay kinh luận này vẫn còn thiếu, bổn ý muốn lấy để truyền bá. Khi trình bày ý của mình. Quả nhiên không được cho phép.

Thế là Ngài bèn từ biệt, đem theo kinh tượng đến chỗ vua Câu-ma-la. Nước này từ trước đến nay không thực hành Phật pháp, phần nhiều chỉ tin theo ngoại đạo Bà-la-môn giáo, khi Pháp sư đến đây thì họ xin với vua cho luận biện để chứng nghiệm việc thắng thua. Pháp sư bèn dùng lời biện luận khéo léo, khai mở cho tà đạo, để họ thấy được sự tà mị, vua lại càng thêm kính trọng.

Vua thỉnh vấn rằng: Xin chỉ bày nguyên do công đức của các Đức Phật? Pháp sư vì vua mà thuật lời khen ngợi ba thân của Như lai làm lợi lạc chúng sanh, nhân đó mà tạo ra bài luận về ba thân có ba trăm bài kệ. Vua nghe qua vui mừng chưa từng có liền đảnh lễ thọ trì.

Vua Giới Nhật nghe Pháp sư ở nước Câu-ma-la thì ngạc nhiên nói:

- Ta thường thỉnh mà không đến. Cớ sao lại đến đó?

Liền sai sứ đến nói với vua Câu-ma-la đưa Pháp sư Trung Quốc đến đây.

Vua biết vua Giới Nhật rất kính luyến, bèn ra lệnh sửa soạn hai muôn xe voi và ba muôn chiếc thuyền đưa Pháp sư đến nước kia.

Vua Giới Nhật trông thấy Pháp sư liền đảnh lễ Ngài và rải hoa cúng dường, khen ngợi xong bèn thưa rằng. đệ tử trước có thỉnh Pháp sư . Vì sao Ngài không đến?

Pháp sư đáp: Lúc vua thỉnh thì đang thọ học pháp chưa xong, nên không đến tham kiến vua được.

Vua hỏi: Thầy từ nước Trung Quốc đến nước kia, vua nước ấy có

khúc ca múa Tần Vương phá trần lạc, Tần Vương là ai? Lại có công đức gì mà được ca vịnh như thế.

Pháp sư bảo: Tần Vương là thiên tử hiện nay của nước Trung Quốc. Bổn quốc thấy quốc vương có Thánh đức, có khả năng trừ hung diệt bạo, che chở cho chúng sanh, nên ca vịnh Ngài.

Tần Vương là bậc Đại thánh. Vì trăm họ bỏ loạn làm chánh, nên muốn trùng an vũ trụ, chiếu sáng ba quang, sáu hợp mang ân, nên có khúc ca vịnh này. Vua nói: Bậc Thánh như thế, cho nên trời mới sai làm chủ muôn vật.

Sau đó, vua mời Pháp sư vào cung, bày các thứ cúng dường.

Vua nói: Nghe nói Pháp sư soạn “luận Chế ác kiến” nay ở đâu?

Pháp sư đáp: Ở tại đây.

Vua nghe vậy rất vui, nói với các môn sư v.v... rằng: Đệ tử nghe nói ánh mặt trời xuất hiện, áy mất ánh sáng của đom đóm. Các vị kia đem tông bảo của mình ra mà nói, đều bị Pháp sư phá hết, mà chư Tăng Tiểu thừa không dám nói lại.

Vua nói: Thầy lý luận rất hay, các sư tại đây thảy đều tin phục, nhưng sợ rằng ngoại đạo Tiểu thừa ở các nước khác, vẫn còn giữ ngu mê. Ở Trung Ấn Độ có thành khúc nữ, vì Pháp sư mà tổ chức pháp hội, ra lệnh cho Sa-môn, Bà-la-môn ngoại đạo trong toàn cõi Ấn Độ mở bày Đại thừa, khiến cho mọi người bỏ tà về chánh, như thế không lớn lao sao?

Trong một ngày phát lệnh, các nơi lại nhóm họp ở thành khúc nữ để xem Pháp sư Trung Quốc luận biện. Từ đầu mùa Đông đến tháng một, mới tới hội trường. Các Sa-môn, Bà-la-môn ngoại đạo, v.v... ở bốn phương đều kéo đến nghe áo nghĩa sâu xa, có đến mấy ngàn người. Vua trước đã cho xây dựng điện phòng có sức chứa hơn một ngàn người, bên trong có đặt tượng Phật, bày các loại hương hoa âm nhạc, thiết bày trai phạm, cúng dường xong thì thỉnh Pháp sư thăng tòa, nêu cao luận tông để cho mọi người luận phá. Trong mười tám ngày không ai dám hỏi gì. Vua khen ngợi, cúng dường Pháp sư ba muôn đồng tiền bạc, một muôn đồng tiền vàng cùng một trăm chiếu y bằng da.

Lại sai đại thần đem ca sa cho Pháp sư. Rồi cáo thị cho khắp nơi rằng:

- Pháp sư người Trung Quốc luận biện được thắng. Đến ngày thứ mười tám không ai dám hỏi gì, mọi người nên biết điều đó.

Mọi người rất vui mừng, vì Pháp sư mà đặt các danh hiệu tốt đẹp. Chúng Đại thừa thì đặt hiệu là Ma-ha-na-đề-bà, Hán dịch là Đại

chúng thiên. Tiểu thừa thì đặt hiệu là Mộc-xoa-đề-bà, Hán dịch là Giải thoát thiên. Các vị đốt hương rải hoa, lễ kính rồi ra về. Từ đây tiếng khen công đức vang khắp xa gần. Khi pháp hội xong, sư muốn trở về, vua giữ lại, lại xem hội đại thí bảy mươi lăm ngày, xem xong rồi từ biệt ra về. Vua ban cho một con voi lớn và vô số vàng bạc, Pháp sư chỉ nhận voi, chứ không nhận tiền. Vua Giới Nhật và vua Câu-ma-la cùng mười tám đại quốc vương đều rơi lệ từ biệt.

Pháp sư Huyền Trang đi theo hướng Bắc trở về, trải qua đủ các gian nan nguy hiểm, vượt qua núi Tuyết, Thông Lãnh, v.v.... Trải qua hơn ba mươi nước, rồi đến nước Vu-điền, dâng biểu thỉnh trình lên vua Vu-điền xin cung cấp ngựa xe. Đến Đôn Hoàng vào niên hiệu Trinh Quán thứ mười chín. Vào đầu mùa Xuân thì đến Trường An. Lúc ở Tây Vực thỉnh bảy pho tượng chuyển pháp luân. Sáu trăm năm mươi bảy bộ kinh luận, một trăm năm mươi hạt xá-lợi thân Phật. Hai mươi lăm ngày hộ tống kinh tượng, đến Hoàng Phước xong, thì vào ra mắt vua ở Lạc Dương. Ngày mùng một tháng ba vâng sắc trở về kinh đô, đến chùa Hoàng Phước phiên dịch và viết Tây Vực ký. Đến ngày mười ba tháng bảy vào mùa Thu niên hiệu Trinh Quán thứ hai mươi tiến đến dịch kinh mới và thỉnh vua viết lời tựa và dâng Tây Vực ký. Mong thần bút báo ứng thành kinh sách, thật là tốt đẹp. Trong sắc thứ nói rằng: Pháp sư túc duyên cao hạnh, sớm ra khỏi trần gia, vượt thuyền báu để lên bờ giác, tìm diệu đạo mà mở ra pháp môn. Mở mang đại đạo, rửa sạch các tội, thế nên khi mây lành muốn quyện, che khắp bốn không, mặt trời trí tuệ sắp lặn, chiếu ánh sáng trong tám cực. Người mở ra ánh sáng đó chỉ có Pháp sư. Sự học của trẫm nông cạn, tâm chưa thông suốt. Vì muôn vật còn mê, nên nghe Pháp sư càng dạy pháp sâu mầu thì công đức sâu dầy khó đo lường. Nay thỉnh vua đặt tựa đề kinh, mình chẳng nghe biết được. Lại nói: Bản Tây Vực ký tân soạn phải tự trình bày cho rõ thêm, vua ban sắc tưởng thưởng Pháp sư.

- Pháp sư Huyền Trang, lại dâng biểu từ tạ, đồng thời thỉnh viết thêm lời tựa.

Đến niên hiệu Trinh Quán thứ hai mươi hai, vua đến cung Ngọc Hoa, đến tháng sáu vua ban sắc mời Pháp sư đến, khi Pháp sư tới thì tiếp lễ rất trọng hậu và hỏi Pháp sư đã dịch kinh luận gì?

Pháp sư đáp: Gần đây dịch luận Du-già-sư-địa một trăm quyển.

Vua nói: Bộ luận này rất lớn. Vì sao khi bậc thánh soạn ra nghĩa lý lại rõ ràng như thế?

Đáp: Luận này do Đức Di-lặc nói ra, làm sáng tỏ ý nghĩa mười

bảy địa.

- Sao gọi là mười bảy địa.

Pháp sư đáp: Đó là tên để nêu lên ý chỉ lớn.

Vua rất vui. Sai sứ về kinh lấy luận, khi luận đem tới, vua coi xong càng vui mừng, nhân đó ban sắc cho quan Sở ty viết luận Tân dịch ra chín bản. Ban cho chín châu để theo thứ lớp truyền bá, Pháp sư lại thỉnh vua đặt tựa đề kinh. Đến ngày mùng bốn tháng tám năm đó viết lời tựa xong, có bảy trăm tám mươi lời.

Đề rằng: Đại Đường Tam Tạng Thánh Giáo tựa. Thông đạo tâm kinh ở điện Minh Nguyệt lệnh cho các bậc học sĩ ở Hoằng Văn Quán cùng thương nghị để viết lời tựa, còn bạn đồng liêu nên đọc tụng để cùng làm sáng tỏ nghĩa lý. Khi vua phán quyết cho trăm nhà đồng liêu, thì ai cũng vui mừng hớn hở.

Nay vua ở tại xuân cung, lại viết lời tựa soạn Tam Tạng Thánh Giáo xong, có năm trăm bảy mươi lời. Nhị Thánh viết hai lời văn tựa xong. Về sau, Pháp sư lại viết lời trần biểu tạ ơn nhuận sắc, vua bảo rằng: Trẫm mượn lời khuê chương để tạm truyền đạt. Còn đối với nội điển có chỗ chưa thông, viết lời tựa này chỉ sợ ngòi bút đen làm xấu lời vàng ngọc, đem ngói gạch để vào rừng châu, nhưng khi thấy có sách này cũng mạo muội viết lời khen ngợi, để cho mọi nơi cùng biết, mà được lợi ích lâu dài. Việc lành không đáng xưng tụng, công lao không đáng tạ ơn.

Pháp sư lại dâng biểu tạ ơn. Vua bèn viết lời nhuận sắc rằng:

- Tánh trẫm không đọc kinh văn đầy đủ, lại không có tài trí, bỗng nhiên phải ghi lời đề tựa, sợ rằng làm bẩn văn kinh. Đủ thấy lời nói, chỉ là cuồng kiến tô sức thêm thẹn, dùng lời đẹp đẽ cũng chỉ vì lợi ích chân thật. Từ đây về sau, đạo tục khắp nơi đều vui mừng hớn hở, ca vịnh nối nhau, trong goài đều nêu, chưa từng thấu suốt mà vẫn đầy đủ sáu hợp. Mây từ lại che chở, mặt trời trí tuệ lại sáng soi. Mọi người quy y làm cho sóng tan, mây tạnh. Thượng cầu hạ hóa, gió thổi thì đồng cỏ trống không. Nhân đó vua ban cho Ngài một y cà-sa bá nạp ma vân. Loại tuyệt diệu xưa nay, giá trị cả muôn lượng vàng. Lại ban sắc khắp các chùa quán trong nước, mỗi chùa độ năm người. Đến tháng mười mùa đông, vua trở về kinh, ở phía Bắc cửa cung có an trí viện hoằng pháp, ban sắc cho Pháp sư dời về đó phiên dịch, cung cấp năm mươi vị đệ tử. Nơi Hoằng Phước cũ, vẫn cung cấp mười vị đệ tử ở lại coi sóc giữ gìn. Đến niên hiệu Vĩnh Huy thứ hai (652) sư thỉnh vua xây dựng đài để giữ kinh bản Phạm, được vua ban sắc cung cấp vật liệu, xây dựng thành

tựu.

Đến tháng sáu niên hiệu ?? thứ năm (655). Đón Pháp sư vào cung nội, Pháp sư đến ở trong điện Văn Đẳng, dịch các bộ luận như luận Phát trí, v.v.... Vài ngày sau, vua lại xuống chiếu nói rằng: Sư nay tuổi đã cao, ở chỗ này nhỏ hẹp, thân thể như thế nào?

Lại niên hiệu Hiển Khánh vua có ban sắc rằng: Vị tăng Huyền Trang ở chùa Đại Từ Ân, phiên dịch lại mới các kinh luận, phiên dịch văn nghĩa cần phải tinh tường. Nên khiến cho Thái tử, Thái phó, thượng thư Tả Bộc Xạ, Quốc công đều giúp đỡ. Trọng Thư bảo Kiểm Giáo với con quan Lại bộ Thượng thư khai quốc công thần ở huyện Nam Dương đến giúp. Con của khai quốc Lễ bộ Thượng thư huyện Cao Dương là Hứa Kính Tông, Huỳnh Môn Thị Lang cùng Kiểm Giảo với Thái Tử Tả Thứ Tư khai quốc ở huyện Bân Âm là Tát Nguyên Siêu. Thủ Trung Thư Thị Lang cùng Kiểm Giảo Thái Tử Hữu Thứ Tử là khai quốc Nam Lý Nghĩa phủ ở huyện Quảng Bình. Lúc xem duyệt lại, có chỗ nào chưa rõ thì tùy theo đó mà nhuận sắc lại. Nếu cần các vị học sĩ thì tùy theo số lượng mà cung cấp ba, bốn vị.

Pháp sư lại thỉnh xin đề bia văn chùa Đại Từ Ân, vua ban sắc cho phép, Pháp sư viết văn từ. Mọi người phần nhiều khen ngợi. Sau khi văn bia thành tựu rồi, lại dâng biểu thỉnh viết văn thư Thần Hàn. Lại được vua cho phép. Sau khi viết xong, Pháp sư đánh dấu sự tôn vinh đối với Phật, bèn cùng với chư Tăng ở kinh thành, làm cờ lọng để đón rước. Vua ban sắc lại ra lệnh cho các vương công. Thái Thường chín châu Nhạc và hai huyện Âm Thanh đem hơn một ngàn xe trợ tống theo. Vua ở nơi cửa An Phước xem thấy ánh sáng rất rực rỡ khó mà thuật lại, vua lại dâng cho Pháp sư một tấm nạp y ma vân, cũng loại thượng diệu như trước.

Trong hai năm vua xa giá đến cung Lạc Dương, Pháp sư đến trước, được an trí ở cung Xưng Thúy, nơi điện Nhật Lệ trong đại nội phiên dịch luận Quán sở duyên duyên v.v... Lại dịch các bộ luận như luận Đại Tỳ-bà-sa, v.v... Ngài làm việc không thôi. Khi thì Ngài ở huyện xưa Cốc Thị, phía Tây bắc núi Thiếu Thất. Khi thì về phương Nam ở hang Phượng Hoàng, tại làng Khống Hạc thuộc Tiên Khanh, là đất sống của Pháp sư. Chùa Thiếu Thất ở phía Bắc núi Thiếu Thất là do vua Hiếu Văn lập nhà Ngụy xây dựng. Nơi đây có phong cảnh suối đồi rất đẹp, cũng là chỗ ngài Lưu-chi dịch kinh. Pháp sư ý nguyện muốn nương gá, đến tháng chín Ngài dâng biểu xin trụ chùa Thiếu Lâm, vì nước phiên dịch, xin bút thần báo thư, xét biểu chương, vua biết ý Ngài muốn về ẩn

chốn tòng lâm yên tĩnh. Vua liền ban sắc nói:

"Trẫm công nghiệp không có học nhiều, sự nghiên cứu không cao sâu. Kiến thức cạn lại nghe qua chưa nhiều, chưa thấy được lẽ đạo. Pháp sư là rường cột trong ba cõi, dắt dẫn bốn loài sanh. Trí sáng, tâm soi, định thần, ý lặng, chẳng bị tình trần vướng bận, ngọn đèn trí thức làm kinh hãi muôn loài. Bậc đạo đức có thể ở đây đầu cần phải tìm về chốn núi non. chỗ nào yên tĩnh vẫn có thể ở, há lại riêng mình tìm tịnh thất ở chốn núi sâu. Nay trẫm cấm không được nói đến nữa, vậy chớ có trần thỉnh. Ở chốn kinh đô mà vẫn đại ẩn thì cũng quí như bậc hiền sĩ thưở xưa. Mở mang sự thấy nghe được lợi ích, cũng là đáng trân trọng ở đời". Vua đã không phê chuẩn, nên Ngài không dám thỉnh nữa.

Vào niên hiệu Hiển Khánh thứ ba vua ban sắc làm Hoàng Thái tử cho ở nơi nhà xưa của vua Hán, xây dựng chùa Tây Minh, cấp cho Pháp sư một thượng phòng, cho mười vị tăng mới xuất gia làm đệ tử Pháp sư, ở đây rất quý kinh Bát-nhã. Đời trước tuy đã có dịch, nhưng chưa đầy đủ, các vị Đại đức đều cung thỉnh, Ngài y theo đại bổn mà dịch lại.

Nhưng Bát-nhã tổng số có hai mươi muôn bài kệ, thành sáu trăm quyển, Pháp sư ở tại kinh đô thì nhiều việc, e rằng khó mà hoàn thành được.

Thế là Ngài thỉnh lên ẩn cư trên núi. Lúc này vua mới chấp thuận. Ngài đến chùa Ngọc Hoa Cung phiên dịch, vua vẫn ban sắc cung cấp, nhất định ở tại kinh đô. Khi ấy là nhằm ngày mồng một tháng giêng niên hiệu Hiển Khánh thứ năm, Ngài bắt đầu dịch kinh Đại Bát-nhã. Đến niên hiệu Long Sóc thứ ba, ngày hai mươi ba tháng mười mới xong, tất cả gần sáu trăm quyển có bốn nơi và mười sáu hội thuyết. Trong khoảng thời gian đó lại phiên dịch Thành Duy thức luận, cùng với Biện trung biên luận, Duy thức nhị thập luận, phẩm loại túc luận v.v... Đến ngày hai mươi ba tháng mười một sai Khuy Cơ dâng biểu thỉnh Thánh thượng viết lời tựa kinh Đại Bát-nhã, đến ngày bảy tháng mười hai ở cung Bồng Lai lúc này các vị Thông sự xá nhân đều có tấu xin vua chứng nghĩa nên vua đã đồng ý. Pháp sư từ lâu vẫn thường nguyện sanh về cung trời Đâu-suất của Phật Di-lặc và du hành lên cõi Tây phương. Lại cũng nghe ngài Vô Trước và cả ba anh em cũng nguyện sanh về Đổ-sử-đa thiên cung, để phụng sự Di-lặc đều được như nguyện, và có chứng nghiệm. Nên Ngài càng nỗ lực cầu về cõi ấy. Từ lúc đến chùa Ngọc Hoa, mỗi lúc Ngài phiên dịch và lễ sám hằng phát nguyện sanh về Đâu-sử-đa thiên để ra mắt Phật Di-lặc. Ngoài lúc phiên dịch ra cả ngày lẫn đêm mỗi mỗi tâm niệm đều tương tục, không hề thối chí. Từ

sau lúc phiên dịch kinh Đại Bát-nhã xong, thì Ngài không còn dịch nữa, chỉ chuyên hành đạo lễ sám.

Đến ngày mồng một tháng giêng năm Lân Đức nguyên niên. Chư Tăng và đại chúng ở chùa Ngọc Hoa thỉnh Ngài phiên dịch kinh Đại Bảo Tích, nhưng Ngài từ chối rằng: Ta biết kinh này ở đất Hán Thổ chưa có duyên, nhưng nếu có dịch đi chăng nữa cũng không xong. Vì đại chúng cứ thỉnh mãi nên Ngài không thể từ chối, Ngài nói: Cho dù có phiên dịch thì cũng không đủ năm bộ.

Ngài dịch được bốn bộ thì ngừng lại Ngài bảo với đệ tử và chúng tăng rằng: Các pháp hữu vô cũng sẽ trở thành ma diệt. Huyễn chất bào ảnh, không thể trụ được lâu dài. Nay là năm Lân Đức nguyên niên ta đã gần sáu mươi ba tuổi rồi, chắc phải tịch diệt ở chùa Ngọc Hoa này. Đối với kinh luận có chỗ nào nghi, thì nên hỏi mau. Chớ để ngày sau phải hối tiếc. Đồ chúng nghe Ngài nói như vậy thì rất sợ hãi và than rằng: Hòa thượng tôn thể còn khang kiện, tuổi lại chưa đến cổ lai hy, cớ sao lại thốt nhiên nói lời này? Ngài nói: Việc này ta tự biết, các người chưa thấu hiểu đâu. Pháp sư lúc ấy, chẳng có gì là bệnh hoạn cả. Đồ chúng tỏ ra sanh nghi. Đến ngày ba tháng giêng. Pháp sư lại bảo môn nhân: Ta sợ vô thường đến nên muốn từ biệt Phật, Ngài liền cùng chúng đệ tử đến đó. Trước tiên Ngài đến chỗ tạo các tượng Phật, rồi Ngài lễ bái từ biệt chư Tăng cùng phiên dịch và đệ tử từ kinh đô đến.

Ngài bảo: Các ông hãy cùng với những vật sở hữu y bát kinh sách đi đi. Ta nay từ biệt các ông, các ông không cần đến đây nữa, mai này cũng không gặp lại.

Các vị ấy bảo rằng: Hòa thượng còn mạnh khỏe chắc không có chuyện gì?

Pháp sư nói: Chẳng phải điều mà ông biết được.

Các vị ấy quả là không còn thấy Ngài nữa. Đến ngày mồng tám tháng giêng. đệ tử của Ngài là tăng Huyền Giác đêm nằm mộng thấy một cây lớn che khắp cõi phù đồ, cây cao lớn rất là tráng lệ, vừa muốn chiêm ngưỡng, thì bỗng nhiên cây ngã làm chấn động cả đại địa, tâm vị ấy rất sợ hãi. Bất chợt vị ấy thức giấc dậy như mọi ngày, tăng đến tham lễ Hòa thượng, thuật lại các việc. Sư nói: Việc này thuộc về ta, không quan hệ đến ông chớ có lo lắng. Đến ngày Thân tháng chín, sư lại bảo với vị trụ trì Tuệ Đức ở chùa Ngọc Hoa rằng: Ta đương nhiên phải xả thân này, trong kinh nói: Thân này chứa muôn điều ô uế, dụ như thây chó. Ta xả bỏ thân này, chớ để lại ở chùa. Nên an trí ở núi non yên tịnh, làm một áo quan, để trong cái quách. Làm cái xe bằng chiếu trúc đưa đi

lên núi, tốt nhất là theo pháp mà hỏa thiêu.

Bọn ông Tuệ Đức vừa kinh ngạc vừa than thở. Vẫn nghĩ việc này sẽ không tới liền. Đến khi trời sắp tối, nhân ở phòng sau Sư đốn một cây cừ nhỏ nên bị thương ở chân. Trải qua ngày thứ tư, Ngài vẫn hành trì như thường, đến ngày mười ba thì có bệnh. Ngày mười sáu mắt lúc nhắm lúc mở, thường thấy có hoa sen trắng lớn như bình bát, ánh hào quang mát diệu thanh khiết. Đến ngày mười bảy lại thấy có vô lượng trăm ngàn chúng nhân hình dáng rất to lớn, đều mặc y bằng gấm, lại đem cẩm y bằng các loại hoa báu đến phòng ở của Pháp sư rất trang nghiêm. Từ trong ngoài Điện đường và Viện dịch thuật, cho đến núi rừng cũng được trang sức bằng các tràng hoa bảo cái, có tấu âm nhạc. Lát sau lại thấy ở ngoài cửa có vô số xe báu, có cả trăm mùi vị thức ăn, và hoa quả y-dược, đều chẳng phải vật của người thế gian. Những vật này đều đem đến hiến cúng cho Pháp sư. Pháp sư từ chối nói rằng: Vật này để người có đầy đủ lục thông thọ nhận. Ta chưa có đầy đủ đức, không dám nhận. Tuy là cố từ chối nhưng vẫn không được. Vị thị giả rất là kinh ngạc và xúc động. Ngài bèn mở mắt, hướng về đại chúng nói đầy đủ các việc như trên.

Trong đêm đó trăng rất sáng, Ngài thấy có ngọn khảm sơn ở trên cây, đều biến thành bạch bảo cái, rồi thấy hai người cầm một cái mâm đựng đầy đồ bảo vật đem đến phụng hiến cùng trình bày đầy đủ các việc. Lúc đó Pháp sư nói: Ta một đời đem trí tuệ và phước đức, đều nhất nhất theo sở kiến, công đức không mất, lời nói cũng không sai lầm.

Nhân đó, Ngài sai các chư Tăng phiên dịch đem các bộ kinh đã dịch như Đại Bát-nhã, Du-già, và các kinh Đại Tiểu thừa, tổng cộng có bảy mươi lăm bộ hợp thành một ngàn ba trăm ba mươi mốt quyển để mọi người cùng đọc tụng. Ngài rất vui mừng nói:

- Ta vô thường đã đến, nên bảo môn đồ, đến đây để từ biệt.

Đến ngày hai mươi mốt, tự chủ Tuệ Đức nằm mộng thấy vô lượng kim tượng nói là thiên Phật, từ hướng Đông của Viện dịch thuật ở trên không trung giây lát thì biến mất.

Đến ngày hai mươi hai, môn đồ đều vân tập lại. Ngài dạy đem xả hết những y phục và vật sở hữu. Tạo ra mười tượng Câu-chi và thỉnh chúng tăng đọc kinh và đốt đèn cúng dường.

Đến ngày hai mươi ba, sau khi thọ trai xong đúng chánh ngọ, Ngài sai một người ở trong điện Gia Thọ, đem các thứ hương hoa cúng dường tượng Bồ-tát, đối với bổn tự và đồ chúng, Ngài đều xin vui mừng, và nói lời từ biệt, lại viết biểu đưa cho đệ tử Khuy Cơ dâng lên vua, rồi Ngài

im lặng chánh niệm. Lát sau Ngài nói kệ và dạy người đứng bên tụng. “Nam mô Di-lặc Như Lai ứng chánh đẳng giác, Thủ giữ hàm thức Tốc phụng Từ nhan. Nam mô Di-lặc Như Lai sở cư nội chúng, thủ xả mạng dĩ, tất sanh kỳ trung”.

Đến ngày mùng bốn tháng hai. Khán bệnh Tăng là Minh Tạng thấy hai người cao hơn trượng mặc y đội mũ trắng mỗi vị cùng kính cầm trên tay một hoa sen trắng lớn, đài hoa có ba tầng rất là khả ái. Đến trước mặt Ngài nói rằng:

Từ vô lượng kiếp đến nay đã từng não loạn chúng sanh, các định nghiệp báo ứng nên phải trả chút bệnh hoạn, nhận thọ rồi thì sẽ tiêu diệt, phải nên vui mừng, chớ có ưu não.

Pháp sư trông thấy như thế thì chắp tay một lúc lâu, rồi chuyển mình xoay qua nằm bên phải duỗi chân ra để chồng lên nhau. Tay mặt để trên đầu, tay trái duỗi thẳng xuống đùi cho đến lúc mạng chung, vẫn không chuyển động. Minh Tạng hỏi vì sao lại nằm như vậy?

Ngài bảo: Chớ hỏi làm gì mà động đến chánh niệm của Ta.

Trong đêm mùng năm, đệ tử Quang Đẳng lại hỏi: Hòa thượng có quyết định sanh về cung Di-lặc như trước không?

Ngài đáp: Nhất định được sanh, nói xong thì mạng chung. Trải qua sáu mươi ngày nhan sắc vẫn như lúc còn sống, sắc mặt vẫn như thường, trắng hồng không thay đổi, lại có mùi hương vô dư bay khắp phòng.

Khi Ngài bị bệnh, sứ nhân dịch kinh là Hứa Huyền, có văn tấu lên vua xin cho ngự y khán bệnh và cho thuốc. Khi thầy thuốc đến thì sư đã mất. Cuối cùng quan Thứ sử ở Phương Châu viết biểu thư tấu, vua sắc lệnh mai táng, các việc cần thiết khiến cho Quan Quân cung cấp. Kế đến phụng sắc chỉ tăng Huyền Trang ở chùa Ngọc Hoa đã tịch, những bản phiên dịch đã xong nên chuẩn theo bản cũ mà ghi chép lại, còn những kinh chưa dịch thì đem giao cho chùa Từ Ân, giữ gìn chớ để cho tổn thất, chư Tăng cùng phiên dịch và đệ tử của Huyền Trang trước chẳng phải là tăng ở chùa Ngọc Hoa. Nay có thể trở về chùa cũ.

Lại phụng sắc chỉ rằng. Cố Hòa thượng Huyền Trang, ngày an táng nên khiến cho tăng ni ở kinh thành làm tràng phan để đưa tiễn về mộ phần. Ngày trước Pháp sư, những việc tối việc sáng đều dâng biểu trình bày đầy đủ. Nhà vua liệt Ngài vào hàng Nhị đế, nên rất trân trọng quý kính, dâng cúng lụa màu hơn vạn tấm. Ca sa pháp phục số dùng cả trăm năm. Pháp sư đều vì nước mà lấy đó để xây tháp. Viết sách xây tượng Câu-chi hết một ngàn trinh.

Tượng Hiền kiếp thiên Phật một ngàn trinh. Di-lặc một ngàn trinh,

đắp tượng Phật Câu-chi, cúng dường chúng tăng cấp thí cho người nghèo. Ngài không có cất chứa. Tùy những gì có được mà đem phân phát hết, chỉ lấy việc dịch kinh truyền pháp làm mục đích. Mỗi khi phiên dịch bộ kinh nào, đều làm gấp rút sợ là không hết được.

Một bộ dịch xong rồi thì vui mừng nói rằng: Lấy đây để báo từ ân. Trộm nghe yếu chỉ của Bát chánh đạo thật là để cho người làm thuyền từ ra khỏi biển khổ. Tông phái của nhất thừa là thềm thang đưa người chứng diệu quả Niết-bàn. Nhưng chúng sanh căn cơ chưa thuần thục, nên Phật ra đời xứ Tây Vực. Thời kỳ pháp hóa dung hòa khắp cả vùng sông Hằng. Ngài Ma-đằng truyền sang Hán Thổ Phật giáo từ đây Xiển Dương ở đất này. Ngài tăng hội truyền sang Ngô. Nghĩa Đàm đến đất Sở. Từ đó đến nay đã tạo nhiều nhân duyên cho người tu hành giải thoát, nối gia nghiệp của Long Thọ Bồ-tát. Thế nên biết việc truyền pháp thật là lợi ích lớn vậy. Do vậy mà Pháp sư đã trải qua dặm ngàn thiên lý tìm cầu. Nguyên lý của đạo mầu, lo nghĩ muốn cứu muôn loài. Khuôn phò đại pháp làm sự nghiệp, cho nên trải qua bao gian khổ để cầu kinh pháp, thoát khỏi ách nạn để tham cầu học đạo. Cuối cùng thấy được trân bảo khác thường, đạt được chân văn đầy đủ. Từ thuở Đức Như Lai một đời thuyết pháp. Trên ngọn Linh Thứu triển khai giáo lý phương đẳng, nơi vườn Lộc Uyển, đem văn chương nửa chữ mà lưu lại cho các bậc học thánh là Mã Minh, Long Thọ, Vô Trước, Thiên Thân nương theo chân lý mà xiển dương đầy đủ mười tám loại dị chấp. Ngũ bộ với các loại thù thắng đều đầy đủ. Nghiên cứu đạt đến chỗ yếu chỉ, tức đạt được văn ý. Tìm dấu tích niên đại nơi xứ Phật như rừng Nê-hoàn hiến cố. Hàng phục Ma Vương nơi cây Bồ-đề xây tháp Già-lộ nơi chốn non cao. Trên núi còn lưu ảnh tích Na Kiệt, để cho người sau hết lòng kính lễ, cũng không sai sót. Tam kỳ đều xung mãn, trí giác chiếu soi, đem tâm bố thí khắp quốc độ, mà khéo tả kinh Đại Tiểu thừa giáo, được sáu trăm năm mươi bảy bộ, lại thỉnh bảy thân đức chuyển pháp luân, Phật Xá-lợi hơn một ngàn viên. Đến mùa xuân ngày hai mươi lăm tháng giêng năm Trinh Quán thứ mười chín, Ngài trở về đến Trường An, đạo tục đều nghinh tiếp, khắp cả kinh thành chợ búa đều kinh động. Trên đường đi Ngài mang về cả ngàn quyển kinh, đủ thấy trải qua bao nhiêu khổ nạn, như leo núi bằng hàn giá tuyết vượt qua sóng biển chập chùng, phong khí độc xà hắc ám và các loài sư tử lang sói hung hãn, rồi đem pháp hiển dương nơi thôn xóm.

Trí nghiêm soi cùng đất bạn, chỗ Ban Trương không đặt chân tới, mà Chương Hợi chưa qua. Pháp sư biết là nơi cô sơn chướng ngại, sót

thương vô hạn, nên đem tám ngọn gió bát đạo mà ra ngoài cùng sông Hà, xiển dương quốc ân nơi miền ngũ ấn, khiến cho các bậc quân hầu nơi chốn xa xôi, đều qui tâm trở về nơi Phật quốc.

Ngưỡng vọng thiên uy, tuy thánh đức cảm ứng từ xa cũng là lực thông suốt của Pháp sư, tự trở về nước mà tuyên hóa, bắt đầu thuyết pháp ở nơi am vườn. Những lời áo nghĩa tinh văn, như kim khẩu mới khai. Mà tiết tất bóng quang âm nỗ lực chuyên tu không giải đãi. Thần khí rõ ràng không bị ngưng trệ. Sau mỗi công vụ, Ngài còn vì chư Tôn Đức, nói lại văn nghĩa chế thuật của bốn phương Thánh hiền yếu chỉ từ cạn tới sâu, các bộ loại không đồng, cùng với các vị thiếu niên ở trong khoảng thời gian này. Chu du giảng luận các pháp. Cùng đàm biện với các bậc cao luận, lời lẽ thật rõ ràng mạnh mẽ không hề biết mỏi mệt, tinh lực lại vượt hơn người.

Như Pháp sư đây, từ khi trở về nước đến nay, đã được hai mươi năm, cùng phiên dịch các kinh Phạm bản gồm có bảy mươi lăm quyển, dịch ra tiếng Hán.

Tổng cộng được một ngàn ba trăm bốn mươi mốt quyển còn tới năm trăm tám mươi ba bộ chưa thấy được phiên dịch, như Đại Bát-nhã, Du-già luận, Đại Tỳ-bà-sa, Thuận chánh lý luận v.v... Đều là bảo pháp của nước nhà. Ân trạch của chúng học nhân, nhưng việc phiên dịch kinh điển, đã bắt đầu khởi lên từ khi Hán Minh Đế, do ngài Ma-đằng chủ xướng. Đến nay thì Tam Tạng, đạo tục trước sau có cả trăm người. Đời trước phiên dịch phần nhiều Pháp sư là Bà-la-môn. Bắt đầu từ mùa đông sang đến hạ, mà vẫn chưa dung thông hết. Những vị lãnh thọ đều thừa hành. Tuy vậy, sự tụng đọc hội tụ rất là gian nan hiểm trở. Mỗi khi truyền một câu, đương nhiên phải xét rõ mọi điều nghi vấn. Vì vậy có nhiều phần đảo lộn. Ngày nay Pháp sư, tiếng Hán, Phạm phân ra làm hai ngôn từ đều rõ ràng, sự truyền dịch càng thêm dễ dàng khéo léo như cầm một vật đưa lên cho mọi người xem thì thấy rõ ràng không khác. Cho nên dù tuế nguyệt chưa được bao nhiêu mà công đức tô bền như bậc tiền triết. Đến như La-thập là bậc hiền thiện của nhà Trần, dịch kinh có hơn mười năm chỉ hơn hai trăm quyển. Lấy đây mà so sánh, khó dễ đều thấy rõ, cho dù có hết lòng suy xét cũng khó thể sánh kịp. Than ôi! Thật là cao lớn!

ĐẠI ĐƯỜNG CỐ TAM TẠNG HUYỀN TRANG HÀNH TRẠNG

Tháng tám năm Minh Đức thứ hai cảm ứng mà ghi lời ký rõ ràng ra đây. Trong “Đại Sư Phó Pháp Truyện” các hành trạng văn đều dẫn ra đây. Trước sau đều phù hợp có thể gọi là đáng trân trọng vậy.

Pháp ấn thay mặt các vị đại tăng hiền sĩ ghi lại lời bảo ký. Tả Hiền Bảo Sư bổn văn là bí tạng sâu xa, nên ghi lại sau đây nhân ngày húy kỵ ba trăm năm mươi lần của Pháp sư, để tỏ lòng nhớ ơn và làm rạng rỡ thêm cho đạo pháp.

(Ngày mùng năm tháng sáu năm Đinh mão, tăng Thượng Hiền hết lòng chúc tụng).

Viết xong vào ngày mùng tám tháng tám năm Gia Bảo thứ ba.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 183

TRUYỆN TAM TẠNG PHÁP SƯ CHÙA ĐẠI TỪ ÂN ĐỜI ĐƯỜNG

SỐ 2053
(QUYỂN 1 → 10)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2053

BÀI TỰA VỀ TRUYỆN TAM TẠNG PHÁP SƯ CHÙA ĐẠI TỪ ÂN ĐỜI ĐƯỜNG

Ngày mười lăm tháng ba niên hiệu Thùy Củng thứ bốn
Sa-môn Thích Ngạn Tông biên soạn.

Đức Thích-ca đến cõi Ta-bà đầu tiên giảng nói pháp Bát chánh đạo, lập ra Tam bảo, bác bỏ kinh điển của các tà giáo. Do đó mà Phật giáo được thạnh hành. Các kinh điển Phương đẳng, Nhất thừa, viên tông Thập địa, đều gọi là Đại pháp, đều gọi là chân thuyên. Hóa thành và y phục nhơ bẩn, cứu giúp bằng xe dê, xe nai. Đó gọi là tiểu học, là quyền chỉ. Cho đến đem thiền học, giới luật, chú thuật soi sáng cho muôn loài, để dứt bỏ hoặc nghiệp, làm lợi ích cho chúng sanh, cùng quay về bờ giác đạo.

Thế nên, trải qua các triều đại, các bậc anh quân Thánh đức ra đời, đều hết lòng tôn kính bảo trợ. Kinh điển trong tám hội, đều là ý nghĩa căn bản của Phật giáo. Ba lần chuyển pháp luân mang ý nghĩa mạt chi của đạo. Trên trời rải mưa hoa bốn phía. Mặt đất rung chuyển khắp sáu cách. Giải thích hạt châu trên búi tóc, chỉ bày hạt châu trong chéo áo. Mượn một để phá ba nhiếp, gom ngọn trở về gốc.

Trong Phó Pháp Tạng Truyện chép:

Thánh giả A-nan có khả năng tụng trì tất cả pháp tạng của Như Lai. Cũng như các loại khoáng chất đều nặn ra bình tích được, tức có nghĩa là một đời Đức Thích Tôn truyền pháp bốn mươi chín năm đều tùy căn cơ của chúng sanh mà thuyết giáo. Khắp cả bờ sông Đề Hà đều được thấm nhuần soi sáng, làm cho các học thuật sâu sa khác đều dứt

mất. Như Lai nhập diệt, ngài Ca-diếp nối tiếp truyền thừa. Mắt sáng của trời, người đã nhắm. Nỗi trầm luân của chúng sanh không người cứu vớt. Cho nên Tôn giả bèn triệu tập các bậc Thánh để kết tập lại kinh điển. Đem giấy mực để lập ra các pháp môn, tức là xâu hóa lại mà mở ra luật bộ. Y cứ vào Ưu-ba-đề-xá để làm luận, giải thích rõ các pháp hữu không, phân biệt các pháp đoạn thường, chỉ bày nhân tu, soi sáng để làm quả chứng. Lấy đó để làm khuôn phép cho đương thời và lời dạy cho đời sau. Người học Phật quy hướng về, đều nương theo nghĩa này. Các bậc vương thần đều vâng giữ, khiến tìm ánh quang minh và tìm cầu học Phật. Ngài Ma-đằng, Trúc Pháp Lan theo lời cầu thỉnh mà diễn giải kinh điển khắp nơi. Và phiên dịch ra kinh pháp phàm những điều dễ thì đặt ở phía sau, những điều mới thì để vào giữa và đầu. Truyền bá cái đẹp thì để ở bên ngoài. Trình bày những nghĩa sâu xa trên lá triện. Dịch những gì tinh túy đều để bên trong. Nhưng tất cả đều đến chỗ xuất thần. Những người tư lự, hoặc mê theo tánh tướng thì duy chỉ biết lờ mờ, người đàm luận thì mê muội ở nơi phải trái, huống chi đời nay cách bậc Thánh đã xa, giáo điển phần nhiều đều thiếu sót. Môn đồ các tông phái cạnh tranh đâu phải chỉ bấy nhiêu thôi sao? Thế nên Pháp sư mới ra đời, ứng với không sinh trong cửa đạo, thắp lại ngọn đèn sắp diệt. Tâm phù hợp với sự chí thành của diệu đức, lòng từ bi không bờ bến, nơi đất giác định thần trú lại. Cho nên, Ngài xuất gia học Phật để mong nhóm họp nhị không. Mong đem ngựa ngàn dặm vượt lên núi cao, thường than rằng, sách sử tiên hiền để lại có nhiều sai sót, khiến người nghe vẫn còn nhiều nghi ngờ mê hoặc chưa rõ ràng.

Trộm nghĩ, âm nhạc dưới cây ắt là do âm hưởng của vàng đá. Trong ngủ Thiên Trúc ý nghĩa của cả trăm thiên.

Do đó, Pháp sư phát tâm mạnh mẽ, xem nhẹ cái chết một mình vượt qua bao núi sông hiểm trở, đến tận ngọn Thứu Sơn, vào vườn nai, chiêm ngưỡng các thánh tích nhiệm mầu nơi đất Phật.

Trải qua mười bảy năm trời, đi qua một trăm ba mươi nước. Đến đâu cũng nói lên sự hưng thịnh của Đại Quốc Hoàng Đế đương triều, thống lãnh cả quyền hào. Xét những điều cao thấp của dị học, nêu cao sự học với đồng sư.

Các vị vua nổi tiếng đều sùng bái, đồng học đều tôn vinh, cho rằng xưa nay chỉ có vị này mà thôi. Pháp sư đi qua các nước đều thỉnh được Tam tạng kinh điển Đại Tiểu thừa bằng bản Phạm, gồm có sáu trăm năm sáu bộ. Tất cả chuyên chở bằng voi ngựa vượt qua bao trạm gác để về nước. Trải qua bao sương gió nắng mưa, nhờ uy đức của

Hoàng Đế mà được yên ổn trở về.

Đến niên hiệu Trinh Quán thứ mười chín Pháp sư về đến Thượng kinh, tăng ni, dân chúng khắp kinh thành đều ra đón nước, tiếng chuông khánh rền vang khắp nẻo, Ngài vào ra mắt nhà vua, vua cũng thiết tha thăm hỏi bao sự nhọc nhằn của Pháp sư.

Rồi sai quan Hữu ty sắp xếp chỗ cho Ngài phiên dịch. Mọi người cung kính cúng dường khó mà nói hết được.

Ngài thuộc dòng họ trâm anh, còn xa lìa thân tộc mà đi xuất gia, du hóa khắp xa gần, trong ngoài đều khen ngợi. Chỉ bày khuyến hóa để trở về chân, cũng như củi hết thì lửa tắt.

Sách này biên soạn có năm quyển, vào thời nhà Ngụy ở chùa Quốc Tây do Sa-môn Tuệ Lập thuật lại.

Ngài Tuệ Lập vốn họ Triệu, là người ở Công Lưu, tỉnh Thiểm Tây, con của Lang Tư Lệ Tùng Sự Nghị đời nhà Tùy.

Là người hiểu sâu cả Nho học và Phật giáo, khéo luận biện lại thêm lời nói ngay thẳng, sắc diện nghiêm trang không sợ uy quyền thế lực, dù có giẫm vào lửa, đi trong nước vẫn không khuất phục.

Ngài rất kính ngưỡng sự học vấn và đức hạnh của Pháp sư Huyền Trang. Do đó mà biên chép lại để khen ngợi công đức của Ngài. Nhưng bản cảo đã viết xong, ngài Tuệ Lập vẫn lo còn thiếu sót, những điều tốt đẹp, cho nên đem cất không phổ biến ra. Đến khi sắp thị tịch ngài mới đưa cho môn đồ xem. Sách này về sau bị phân tán thất lạc đi. Tôi phải nhiều năm tra cứu suy tầm, sắp xếp, chú thích hiệu đính mà hoàn thành lại bộ sách này gần đầy đủ. Do đó mà tôi viết lời tựa này để trình bày lần lượt các việc sau đây:

Nhân có người lại nói với tôi rằng: Việc ở trong Phật Phật pháp, há cho thế sự xen vào, huống chi phơi bày các việc khổ cực của bậc Thánh.

Tôi nghe xong trầm ngâm hồi lâu ý muốn lui sụt. Tay cầm quyển kinh mà sụt sùi rơi lệ, nào đâu dám lẫn lộn giữa gạch đá mà cho là ngọc báu, cho nên mượn bản văn này soạn thành mười quyển.

Trình bày lần lượt trước sau. Mọi người xem qua xin chớ chê cười.

TRUYỆN TAM TẠNG PHÁP SƯ CHÙA ĐẠI TỪ ÂN, ĐỜI ĐƯỜNG

QUYỂN 1

Sa-môn Tuệ Lập biên soạn bổn văn,
Thích Ngạn Tông chú thích biên chép lại.

BẮT ĐẦU TỪ KHI SINH RA Ở CÂU THỊ CHO ĐẾN LÚC ĐI VỀ CAO XƯƠNG

Pháp sư húy là Huyền Trang, Họ Trần, là người ở Trần Lưu. Vốn là con cháu của Thái Khâu Trương Trọng Cung đời nhà Hán. Tăng Tổ là quan Thái thú ở Thượng Đảng đời Hậu Ngụy. Tổ phụ là bậc học sĩ, làm chức Quốc tử bác sĩ. Thực ấp ở phía Nam, con cháu nhân đây mà lập cơ nghiệp gọi là đất Câu Thị. Cha Ngài là bậc trí tuệ anh minh, lại tiết tháo nho nhã, sớm thông kinh thuật, thân cao tám thước ra dáng một nho sĩ đương thời, nhưng ông tánh tình điềm đạm giản dị, cũng không mưu cầu vinh tiến, gặp lúc nhà Tùy suy vi, bèn ẩn tích mai danh, xem kinh viết sách. Người trong châu quận đều tiến cử ông giữ chức Hiếu Lâm và Tư Lệ. Nhưng ông đều viện cớ bệnh mà không nhận. Người hiểu biết thì khen ngợi.

Ông có bốn người con trai, Pháp sư là con thứ bốn. Khi còn nhỏ đã nổi tiếng là thông minh đạt ngộ. Năm lên tám, khi ấy cha đang ngồi trên ghế để dạy cho Pháp sư bài văn nói về sự hiếu thảo, đến chỗ Tăng Tử rời khỏi chiếu. Ngài cũng đứng dậy, sửa áo ngay thẳng đứng dậy mà thưa với cha: Tăng Tử nghe thầy dạy liền rời khỏi chiếu thì Huyền Trang cũng y theo lời cha dạy đâu dám ngồi yên.

Người cha nghe con nói hết sức vui lòng. Bởi ông nghĩ ngày sau con tất sẽ nên người. Ông đem điều này nói với các vị danh sĩ thì ai nấy đều khen rằng:

Con của ông ngày sau sẽ nổi tiếng, nên mới sớm phát tuệ như thế.

Từ đó về sau, sư thông hiểu đầy đủ nghĩa sâu của các kinh, lại ưa

chuộng các vị Hiền thánh thuở xưa. Còn sách nào mà không tao nhã chân chánh thì không xem, phong tục nào chẳng phải là Thánh triết thì không học tập, không dao du với bọn trẻ con, không lui tới chốn phường chợ. Tuy đủ các trò ồn náo trên đường phố, trăm thú vui ca hát trong xóm làng. Các nơi kỹ nữ tụ tập thì chưa một lần đến. Lại cũng ít biết về sắc dục, tánh tình ôn hòa cẩn thận. Người anh thứ hai đã đi xuất gia trước. Đều ở tại chùa Tịnh Độ ở Đông Đô. Thường giảng dạy truyền pháp cho Pháp sư. Do đó mà đến đạo tràng để tu tập kinh nghiệp. Chẳng bao lâu lại có sắc chỉ, ở Lạc Dương thế độ cho mười bốn vị tăng. Người có nghiệp tốt có đến mấy trăm. Pháp sư vì nhỏ tuổi nên không được xếp hạng dự phần, bèn đứng ở bên ngoài cửa.

Bấy giờ, có người sứ nước Đại Lý là Trịnh Thiện Quả rất biết trọng kẻ sĩ. Nhìn thấy Pháp sư thì lấy làm lạ hỏi: Ngươi là con nhà ai?

Đáp: Là con nhà họ ấy.

Lại hỏi: Ngươi muốn xuất gia chăng?

Đáp: Vâng, nhưng vì tuổi nhỏ sức kém nên không mong được dự vào.

Lại hỏi: Ngươi muốn xuất gia để làm gì?

Đáp: Ý tôi muốn xa là nối tiếp hạt giống Phật của Như Lai. Gần là muốn làm sáng tỏ Đạo pháp.

Bởi chí ý sâu sa tốt đẹp, lại con nhà hiền sĩ khí mạo khác người, cho nên Ngài đặc biệt được nhận vào. Nhân đó quan mới nói với các quan đồng liêu rằng:

Thông nghiệp thì dễ, mà thành được phong cốt mới thật là khó. Nếu độ người này thì chắc chắn là pháp khí vĩ đại của nhà Phật. Chỉ sợ rằng các vị không thấy, người này bay xa lên được khoảng trời xanh thì sẽ rưới dòng cam lộ, mà danh giá gia môn không thể mất.

Ngày nay quán xét lại việc kia, thì lời của Trịnh Khanh nói quả là không luống dối. Sau khi Pháp sư được xuất gia thì ở chung với anh. Bấy giờ ở trong chùa có Pháp sư Cảnh giảng Kinh Niết-bàn. Ngài lúc nào cũng ôm kinh bên mình quên cả ăn ngủ. Lại học luận Nhiếp Đại thừa với Pháp sư Nghiêm, lòng yêu thích nên chỉ nghe qua một lần liền thông thuộc hết. Sau xem lại một lần nữa thì nghĩa lý không còn thiếu sót. Đại chúng đều lấy làm lạ, bèn mời Ngài lên tòa giảng lại. Những lời Ngài giảng lại đều phù hợp kinh sách của các vị Tôn sư, thế là tên tuổi vang lừng từ ấy.

Đó là năm Ngài mười ba tuổi. Về sau, khi nhà Tùy mất, dân chúng khắp nơi nổi dậy. Chốn Đế kinh là nơi hùng cứ của đạo tặc, khắp sông

ngòi là hang ổ của sói lang, quan binh không còn thì pháp chúng cũng mất, xương trắng đầy đường, khói lửa mới dứt.

Vương Đổng dấy binh soán ngôi, Lưu Thạch làm loạn gây đồ thán cho sinh linh. Pháp sư lúc ấy tuy còn nhỏ tuổi mà thấu đạt mọi tình lý, bèn nói với anh rằng: Đây tuy là ấp của cha mẹ để lại, nhưng khi loạn lạc nổi lên thì chẳng lẽ giữ mà chịu chết? Tôi nghe nói nhà Đường khởi nghiệp, cùng dân chúng Tấn Dương nổi lên ở đất Trường An, thiên hạ nương tựa như gặp cha mẹ. Vậy xin anh hãy đến đó.

Người anh nghe lời, liền cùng em đến đó, bấy giờ là niên hiệu Vũ Đức năm đầu. Bấy giờ, nước nhà mới sáng lập, binh giáp các nơi vẫn còn khởi lên, đối với pháp thuật Tôn Ngô thì đây là mục đích chính phải giải quyết gấp, còn đạo Phật và đạo Khổng vẫn chưa được đề xướng, cho nên đất kinh thành chưa có nơi thuyết giảng, Pháp sư rất bùi ngùi. Vào năm đầu tiên đời vua Dạng Đế (nhà Tùy) ở Đông Đô có lập ra bốn đạo tràng, cho mời danh tăng khắp trong nước đến, các vị ở đó đều là bậc tài giỏi. Cho nên đạo pháp phát triển như rừng, Người người đều tìm đến.

Vào năm cuối đời vua Dạng Đế thì nước nhà ly loạn nên mọi việc chấm dứt, tăng chúng phần nhiều đều sang đất Thục. Biết rằng Phật pháp rồi sẽ hưng thạnh tại đây, nên Pháp sư nói với người anh rằng: "Ở đây không có pháp sự, không thể để luống qua, nguyện đến đất Thục thọ học". Người anh nghe theo. Lại cùng với Kinh Tử Ngọ Cốc đến Hán Xuyên, gặp hai Pháp sư Không và Cảnh đều là những bậc Đại đức chốn đạo tràng, các vị gặp nhau vừa buồn vừa vui, bèn dừng lại đó hơn một tháng để thọ học. Sau đó cùng nhau đến thành đô. Các Đại đức đã về đây, cùng kiến tạo đạo tràng, thế là Pháp sư ở đây tạo nền móng học nhiếp luận Tỳ-đàm và chấn hưng cùng với các Pháp sư khác.

Lúc này, trong nước dân chúng đói khổ ly loạn, chỉ có đất Thục là bình yên sung túc, cho nên tăng chúng khắp nơi đều trở về đây rất đông. Hằng ngày người đến nghe pháp thường có đến mấy trăm. Tài trí của Pháp sư sâu rộng, mỗi lời nói ra đều có lợi ích, lâu nay ở đất Kinh sở, Ngô Thục này chưa hề nghe biết Phật pháp nên lòng luôn ngưỡng vọng mong cầu.

Anh của Pháp sư nhân đó đến trụ trì chùa Không Tuệ ở thành đô, cũng làm cho Phật pháp hưng thạnh thêm lên. Ngài cũng là bậc tài giỏi đương thời giống như cha mình. Thích học thông cả nội, ngoại điển. Thường giảng Kinh Niết-bàn và luận Nhiếp Đại thừa cùng A-tỳ-đàm, càng thông với các sách sử và khéo phù hợp với lão Trang, nên

được người dân Thục kính mến. Quan tổng quản là Toản Công rất kính trọng. Đến như một lời nói ra đều ẩn nét phong lưu, tiếp vật độ người, thật không hổ thẹn với em. Còn Pháp sư thì rộng lớn anh tú riêng mình mà không xen một chút bụi trần, dạo chơi cả tám cõi đạt hết mọi lý lẽ nhiệm mầu. Muốn chu du khắp cả hoàn vũ để nói lên ý chí, tâm nối gót bậc Thánh đạt, gìn giữ giềng mối, khác tục. Dù gặp phong ba ý vẫn không nản. Đối với muôn lý Đại thừa đều thể hiện khí tiết của bậc cao sĩ, ngay cả người anh cũng không thể bì được. Nhưng cả hai anh em ý nghiệp đều cao cả thanh quy, danh tiếng nhã chất đều tỏ sáng khắp nơi. Tuy rằng ở chốn núi non sơn dã, mà đâu đâu cũng biết tiếng, khi Pháp sư vừa tròn hai mươi tuổi, đó là vào niên hiệu Vũ Đức thứ năm, ở nơi thành đô thọ giới cụ túc và nhập hạ học luật. Các tông yếu về năm thiên bảy tụ đều thông suốt, nhiều bộ kinh luận đều nghiên cứu tường tận. Sư lại muốn đến kinh đô để học thêm yếu chỉ, nhưng đường xá xa xôi trở ngại, lại vì người anh cứ lưu lại nên chưa được toại chí. Sau bèn kết bạn với những người đi buôn, cùng đóng ba chiếc tàu, men theo dòng sông trốn đi. Khi đến Kinh Châu thì vào chùa Thiên Hoàng, chẳng bao lâu hàng đạo tục nghe tiếng đều kéo đến, đều cung thỉnh Ngài lên tòa nói pháp.

Pháp sư liền giảng nhiếp luận và Tỳ-đàm, từ mùa hạ cho đến mùa đông mỗi kinh đều giảng qua ba lần. Bấy giờ, có Hán Dương Vương là người có uy đức đang trấn nhậm tại đây. Khi nghe có Pháp sư đến thì rất vui mừng. Tự tìm đến bái yết làm lễ, rồi trong ngày bắt đầu khai giảng, vua và các đồng liêu cùng hàng đạo tục, các bậc học sĩ đương thời đều nhóm họp ở chỗ Pháp sư để hỏi đạo nghe pháp, Pháp sư trả lời, giải thích mọi ý kinh không có chỗ nào mà không sáng tỏ. Ngài đều thể hiện lòng từ bi vô lượng nói hết những lý mầu sâu sa, khi ấy vua cũng khen ngợi vô cùng. Đại chúng đem tài vật đến cúng dường như núi, nhưng Ngài đều không nhận. Sau đó, Ngài từ giã để đến phương Bắc cầu học các bậc tiên đức, đến Tương Châu gặp Pháp sư Tào Hưu thưa hỏi các điều còn nghi ngờ, sư lại đi đến Triệu Châu tham yết Pháp sư Thâm học luận Thành thật. Kế tiếp đi đến Trường An dừng chân tại chùa Đại Giác. Học luận Câu-xá với Pháp sư Nhạc, chỉ nghe qua một lần đều thấu triệt hết ý chỉ. Tất cả các kinh mục đều ghi nhớ ở trong tâm. Nhưng tuy tu học đã nhiều năm mà lý kinh vẫn không giảng giải ra được. còn những lời lẽ sâu sa, mở ra mọi lý nhiệm mầu, cũng chỉ riêng ngộ ở nơi chỗ sâu xa, cho nên đó chẳng phải là một nghĩa. Bấy giờ, ở Trường An có hai vị Đại đức tu học nghiên cứu pháp Nhị thừa, tu trì theo ba học,

đây cũng là pháp tượng ở chốn kinh kỳ, hàng tăng tục đều theo về, đạo vang khắp cả Thần Châu, tiếng vang ra khỏi nước, nên được bạn lữ theo về đông đảo. Tuy thông suốt các kinh mà chỉ riêng giảng luận Nhiếp Đại thừa. Pháp sư cũng có công đức ở Ngô Thục, nay tự đến Trường An, lại tùy theo đại chúng mà giảng nói các ý kinh. Nhưng những chỗ sâu xa nhất lại thâu thập hết mọi ý nghĩa. Hai vị Đại đức đều hết sức khen ngợi nói với Pháp sư rằng: Thầy đáng được gọi là con ngựa câu ngàn dặm trong hàng thích môn lại soi sáng mặt trời trí tuệ khắp nơi. Nay nên lưu lại đây để độ chúng, hận là chúng ta tuổi đã già, e rằng không được nhìn thấy.

Từ đó tăng đồ theo học khắp cả kinh thành, Pháp sư yết kiến hết các vị Đại sư, nghe đầy đủ các kinh pháp, thấu triệt hết mọi ý nghĩa sâu sa, rồi đem các thánh điển của các môn phái mà chứng nghiệm lại thì thấy ẩn hiện có nhiều sai khác mà không biết theo ai. Ngài liền phát nguyện đến Tây Vực học đạo để tìm hiểu những chỗ còn nghi ngờ, nên dùng luận Thập thất địa để giải thích những điều còn nghi. Nay chính là luận Du-già-sư-địa.

Lại nói về thuở xưa ngài Pháp Hiển, Trí Nghiêm cũng là bậc học giả một thời, đều đi cầu pháp, dắt dẫn làm lợi ích cho chúng sanh. Lẽ nào bây giờ lại không noi theo dấu vết của ngày xưa, mà để cho ngọn gió mát phải ngừng thổi. Đại trượng phu phải nối gót theo người trước, thế là Ngài liền kết bạn để đi và dâng biểu lên trình tấu tâm nguyện, nhưng sắc chỉ không cho phép. Mọi người đều thối chí, riêng Pháp sư thì cương quyết không nản lòng, bèn một mình đơn độc ra đi, lại nương theo con đường hiểm trở phía Tây. Ngài tự hỏi tâm mình có vì đạo mà kham chịu các khổ nạn hay không? Và đều nhất trí với sự điều phục chịu đựng không lui sụt. Rồi vào trong tháp Phật nói rõ ý nguyện, cầu xin Thánh chúng thầm gia bị, khiến cho đi về đều được bình an. Khi Pháp sư vùa mới sinh ra, người mẹ nằm mộng thấy sư mặc áo đi về hướng Tây, người mẹ hỏi: Ngươi là con ta giờ đây định đi đâu?

Đáp rằng: Vì cầu pháp cho nên phải đi. Đây là điềm báo trước cho sự ra đi này. Niên hiệu Trinh Quán thứ ba, tháng tám mùa Thu sư lại định ra đi, lại cầu được điềm lành. Đêm ấy, nằm mộng thấy giữa một bờ biển lớn có ngọn núi Tô-mê-lư, bốn phía đều do châu báu tạo thành rất tráng lệ rực rỡ, ý muốn bước lên núi, nhưng vì sóng đập quá mạnh, lại không có tàu bè. Dù vậy Ngài vẫn không lấy làm sợ, bèn quyết tâm đi vào.

Bỗng nhiên thấy có đài hoa sen bằng đá nổi lên trên sóng, theo

mỗi bước chân ngài bước mà sinh ra. Khi bước qua thì các bông sen đó đều biến mất. Trong khoảnh khắc thì đến dưới chân núi, nhưng núi thì cao chót vót không thể lên được, Ngài bèn thử đặt chân lên thì tự nhiên bay vọt lên đỉnh núi, nhìn khắp bốn phương đều bao la rộng lớn không trở ngại gì!

Khi ấy, lòng Ngài rất vui mừng rồi chợt thức giấc. Bèn quyết chí ra đi! Bấy giờ Ngài đã hai mươi sáu tuổi.

Lúc này, ở Tần Châu có vị tăng tên Hiếu Đạt. Đi đến kinh đô để học Kinh Niết-bàn, học xong trở về quê hương. Nên Ngài cùng đi theo, khi đến Tần Châu thì dừng lại một đêm, gặp người bạn ở Lan Châu lại cùng đi theo đến Lạn Châu, nghỉ lại một đêm. Lại gặp người ở Kinh Châu đang hộ tống xe ngựa cho quan trởvề. Ngài lại theo đến đó, lưu lại hơn một tháng, các đạo tục lại thỉnh giảng Kinh Niết-bàn, nhiếp luận và Bát-nhã. Pháp sư đều giải thích cho họ nghe. Kinh Châu là nơi đô hội của Hà Tây. Nơi đây là chốn thông hành buôn bán vải lụa giữa các nước, các thương buôn qua lại nơi đây không ngớt. Pháp sư khai giảng đạo pháp ngày một đông. Có người đem trân báo vải lụa đến cúng dường Sư, ai nấy đều khen ngợi Sư và cùng quy hướng về. Họ lại đến các nơi khen ngợi Sư không ngớt và nói Sư muốn đi về Tây Vực để cầu pháp. Thế là bên xứ Tây Vực và các xứ gần đó nghe nói rất vui mừng, đều lo trang hoàng các nơi và chờ đợi Ngài đến.

Đến ngày chia tay, mọi người đem châu báu đến cúng dường thật nhiều, lại còn tiền vàng, tiền bạc, ngựa xe vô số, Pháp sư thọ nhận một phân nửa để đốt đèn, còn bao nhiêu thì cúng cho các chùa. Lúc này, việc chính trị trong nước còn mới, biên giới vẫn chưa ổn. Nên nghiêm cấm dân chúng không cho ra khỏi lãnh thổ. Quan Đô đốc Kinh Châu là Lý Đại Lượng, tuân theo sắc chỉ nên việc phòng vệ, nghiêm cấm rất ngặt. Có người đến báo với Lượng rằng: Có vị tăng từ Trường An đến muốn đi đến Tây Vực, không biết để làm gì?

Lượng sợ nên cho bắt Pháp sư đến tra hỏi nguyên do, Pháp sư đáp rằng:

"Muốn sang Tây Vực để cầu pháp". Lượng nghe rồi thì bắt buộc trở về kinh. Ở đây có Pháp sư Tuệ Uy, là lãnh tụ ở đất Hà Tây, là người thông minh thần ngộ, đã trọng Pháp sư về ngôn từ đạo lý, lại nghe nói chí cầu pháp của người nên càng sinh tâm vui theo, bèn thầm sai hai người đệ tử, một người tên là Tuệ Lâm, một người tên Đạo Chỉnh, lén đưa người về hướng Tây, nhưng không dám đưa đi công khai, ban ngày thì ẩn trốn, đợi khi đêm đến mới đưa đi, rồi đến được Trảo Châu. Bấy

giờ, quan Thứ sử là Độc Cô Đạt nghe Pháp sư đến rất vui mừng, mọi việc cúng dường thừa sự rất tha thiết hậu đãi. Pháp sư nhân đó bèn hỏi đường đi Tây Vực, có người bảo rằng: Từ đây đi lên hướng Bắc hơn năm mươi dặm. Có Sông Hồ Lô ở dưới rộng mà trên hẹp, nước chảy rất mạnh còn độ sâu không thể đo dược. Ở phía trên có đặt Ngọc Môn Quan, con đường chính là từ đây. Đây chính là yết hầu của Tây Vực. Phía Tây bắc ngoài cửa ải lại có năm ngọn đèn hiệu, đều đặt người canh gác, mỗi tháp canh cách nhau một trăm dặm, trong đó không có nước và cây cỏ. Ngoài năm tháp canh đó ra thì toàn là sa mạc, không có ngựa xe nào để nương theo mà vào nước ta được.

Pháp sư nghe xong rất lo lắng, con ngựa kéo xe lại bị chết không biết tính kế nào để đi. Lặng lẽ qua hơn một tháng, thì ở Kinh Châu đưa văn thư đến nói là có vị tăng Tên Huyền Trang, muốn đến Tây Vực, bảo các châu huyện ở tại đó phải nghiêm ngặt truy bắt. Quan Châu sử là Lý Xương Sùng là người có lòng kính tin, tâm ông có nghi là Pháp sư, bèn lén đem chiếu văn đến trình cho Ngài và nói: Thầy có phải là người này không?

Pháp sư còn đang nghi ngại chưa trả lời, thì Xương liền nói: Thầy nên nói thật để đệ tử lo liệu cho.

Pháp sư bèn trình bày ý định của mình. Xương nghe xong thầm cảm phục cho là chưa từng có, nói thầy đã nói thật ra hết, thì xin vì thầy mà hủy văn thư này.

Ông liền ở trước mặt Pháp sư mà xé văn thư rồi nói rằng: “Thầy nên sớm ra đi”. Từ đó càng tăng thêm sự chán nản lo lắng cho hai vị tiểu tăng đi theo, ngài Đạo Chỉnh trước đã đi về Đôn Hoàng rồi, chỉ có ngài Tuệ Lâm ở lại. Biết người này cũng không thể kham được đường xa cực khổ, nên Sư cũng trả cho về, Ngài liền tìm mua một con ngựa, nhưng khổ nỗi không có người dẫn đường. Ngài dừng lại trước một ngôi chùa, đến trước tượng Di-lặc mà cầu thỉnh: “Nguyện cho một người dẫn đường để vượt qua cửa ải”. Trong đêm đó, ở chùa có một vị tăng người Ấn Độ là Đạt-ma nằm mộng thấy Pháp sư ngồi trên một đài hoa sen, đi về phía Tây. Đạt-ma lấy làm lạ, sáng ra liền thưa lại. tâm Pháp sư rất vui mừng cho là việc ra đi của mình đã có chứng nghiệm. Nhưng nói với ngài Đạt-ma rằng mộng chỉ là luống dối, đâu đáng nói, Ngài lại đến đạo tràng để lạy cầu thỉnh, trong phút chốc có một người Ấn Độ đi vào lễ Phật, đi nhiễu Pháp sư hai ba vòng. Pháp sư hỏi họ tên thì nói họ Thạch tên Bàn-đà. Người này xin thọ giới, Ngài liền cho thọ năm giới. Người này rất vui vẻ từ biệt ra về. Lát sau lại mang thức ăn hoa quả đến

cúng dường. Pháp sư thấy người này diện mạo sáng sủa mạnh khoẻ lại hết sức cung kính, bèn nói ý định ra đi của mình. Người này hứa sẽ dẫn đường, đưa thầy vượt qua năm tháp canh. Pháp sư rất vui mừng, bèn đổi y phục và tiền của để lấy ngựa mà đi. Sáng hôm sau vừa muốn đi vào đồng cỏ. Một lát sau người kia đến dẫn theo một lão người Ấn Độ, cưỡi con ngựa già màu đỏ cùng đến. Thấy Pháp sư tỏ vẻ không vui, người ấy liền nói:

Ông lão này rất am tường đường đến Tây Vực. Đã từng qua lại nơi đó hơn ba mươi lần, cho nên con mới dẫn đến. Ông lão nhân đó cũng nói: Đường đến Tây Vực rất hiểm trở, toàn là sa mạc nóng cháy. Lại có yêu mị gió dữ khó mà vượt qua được, cả một đoàn người đi mà còn bị lạc đường, huống chi thầy đơn thân độc mã làm sao đến được, xin lượng xét chớ khinh thân mạng. Pháp sư đáp rằng: Bần đạo vì cầu Đại pháp nên phát nguyện đến Tây Vực. Nếu không đến được nước Bà-la-môn thì quyết không trở về Trung Quốc. Cho dù phải chết ở dọc đường cũng không hối hận.

Ông lão nói: Thầy nhất định đi thì lấy con ngựa của tôi mà đi. Con ngựa này đã qua lại bên đó mười lăm lần, nó rất khỏe mà lại thuộc đường, con ngựa của thầy nhỏ lại không kham nổi đường xa.

Pháp sư liền suy nghĩ: Lúc còn ở Trường An khi phát chí nguyện đi Tây Vực, có vị thuật nhân tên Hà-tư-đạt, tụng chú bói xem các việc. Pháp sư cũng bói xem việc hành sự của mình ra sao.

Hà-tư-đạt nói: Thầy sẽ đi được. Khi thầy đi thì cỡi con ngựa xấu màu đỏ, yên ngựa bằng sắt sơn. Nay lại thấy người Ấn Độ này cỡi con ngựa y như đã bói, cùng rất phù hợp với lời nói. Tâm bèn cho là phải, bèn đổi ngựa. Ông lão rất vui vẻ lễ lạy rồi từ biệt. Thế là Pháp sư bèn sửa soạn cùng với người Ấn Độ trẻ trong đêm ấy lên đường. Canh ba thì đi đến một bờ sông, từ xa đã trông thấy Ngọc Môn Quan. Cửa ải này cách thượng lưu khoảng mười dặm, hai bên bờ rộng khoảng hơn một trượng. Một bên có khu rừng hồ tiêu, người Ấn Độ chặt cây làm cầu, trải cỏ lấp cát, rồi cưỡi ngựa đi qua. Pháp sư qua được rồi rất vui. Nhân đó tháo yên ngựa ra để ngựa nghỉ ngơi. Rồi đi cách người Ấn Độ năm mươi bước tìm chỗ trải đệm nằm ngủ. Được một chút thì người Ấn Độ ngồi dậy cầm dao tiến tới chỗ Pháp sư. Chưa được mười bước thì trở lại, không biết với ý định gì. Pháp sư nghi là có ý xấu, liền ngồi dậy tụng kinh, niệm Bồ-tát Quán Âm. Người Ấn Độ thấy vậy liền trở lại nằm ngủ. Trời vừa sáng Pháp sư đã gọi dậy, lấy nước rửa mặt và bày thức ăn ra ăn xong lại muốn lên đường. Người Ấn Độ nói: Đệ tử thấy phía

trước đường đi xa xôi hiểm trở, lại không có cây cỏ, nước uống, vậy phải đợi đến tối lội qua nước mà đi, chỉ một chỗ phát giác thì cũng đủ chết, không bằng quay trở lại thì được an ổn, dĩ nhiên Pháp sư không chịu quay lại. Pháp sư vẫn tiến bước. Kẻ kia bèn giơ dao, giương cung ngăn cản Pháp sư tiến bước, Pháp sư không chịu khuất phục. Người Ấn Độ cũng theo đến vài dặm quay trở lại nói: "Đệ tử không thể đi tiếp", việc gia lụy đã nhiều mà vương pháp không thể dung tha.

Pháp sư biết ý người này bèn cho hắn quay trở lại, người Ấn Độ nói:

Chắc chắn thầy sẽ không đi được. Nếu bị truy bắt thì làm sao? Pháp sư nói: Giả như thân này có bị nát thành tro bụi, cũng nhất định không quay trở lại. Người Ấn Độ thấy ý thầy như vậy, bèn cùng với một con ngựa từ biệt cáo lui. Từ đó, Pháp sư một mình đơn chiếc đi trên bãi sa mạc mênh mông, chỉ biết nhìn theo hướng có xương cốt và phân ngựa mà dò đường đi. Không bao lâu bỗng nhiên có quân binh đi tới, số đến vài trăm người, đầy khắp sa mạc. Họ thoắt đi, rồi thoắt dừng, tất cả đều mặc áo lông cừu cỡi ngựa, lại mang cờ xí và gươm dài, bỗng chốc họ thay hình đổi dạng cả ngàn lần. Từ xa thì thấy rất lớn, đến gần thì lại nhỏ. Lúc đầu Pháp sư tưởng là giặc cướp, sau đến gần thì biến mất nên biết là yêu quái. Lại nghe trên không trung có tiếng nói:

"Chớ sợ! Chớ sợ!", nhờ đó mà được an ổn. Đi được tám mươi dặm thì thấy tháp canh thứ nhất, sợ lính canh trông thấy nên Pháp sư ẩn vào một hố cát, đợi đêm xuống mới đi ra. Đến phía Tây của chòi canh thì thấy có giòng nước ở dưới, bèn lấy túi da muốn lấy nước thì có một mũi tên bay tới trúng vào đầu gối, giây lát lại có mũi tên bay đến nữa thì biết là có người thấy, Pháp sư liền nói lớn: Tôi là vị tăng từ kinh đô đến, các ông đừng bắn.

Pháp sư liền dẫn ngựa đi về tháp canh, người trên tháp cũng mở cửa cho vào, khi gặp mặt mới biết là tăng, bèn đưa vào ra mắt quan Hiệu úy Vương Tường, Tường bảo quân đem lửa đến để xem mặt và nói: Đây chẳng phải là vị tăng Hà Tây, thật giống như ở kinh đô đến.

Rồi hỏi Pháp sư đi đến đây có việc gì? Pháp sư đáp: Quan Hiệu úy nghe người ở Kinh Châu nói có vị tăng tên Huyền Trang muốn đến nước Bà-la-môn để cầu pháp không?.

Đáp: Nghe là đã đưa sư trở lại phía Đông rồi. Làm sao lại đến đây được? Pháp sư liền đưa người kia xem văn sớ và tên họ, quan mới tin, bèn nói:

Đường qua Tây Vực rất gian nan xa xôi, thầy không bao giờ đến

được đâu. Nay cũng không thể để cho thầy chịu tội, đệ tử là người Đôn Hoàng, nên muốn đưa thầy trở về Đôn Hoàng, ở đó có Pháp sư Trương Kiểu, cũng là bậc Hiền thiện đức độ, nếu gặp thầy ắt chắc chắn vui mừng. Xin thầy nên đến đó.

Pháp sư đáp: Trang này vốn quê ở Lạc Dương, thuở nhỏ đã mến đạo. Nhị kinh đều biết là bậc tài giỏi của Phật pháp. Xứng danh là vị tăng đất Ngô Thục, không ai không tin tưởng quy hướng về. Nay nếu chỉ biết đàm luận suông há không làm nhục tổ tông, và xem thường đàn-việt ở Đôn Hoàng sao? Chỉ hận là kinh Phật lưu truyền chưa trùm khắp, nghĩa lại thiếu sót cho nên không màng đến tánh mạng, không nệ gian nguy, nguyện đến được Tây phương, để tìm cầu di pháp, đàn-việt đã không giúp đỡ khuyến khích lại còn bảo quay về, há gọi là đồng chán cảnh trần lao mà cùng gieo trồng nhân Niết-bàn sao? Nếu muốn giữ lại để trị tội, thì Trang này quyết không trở về hướng Đông một bước mà phụ tâm ban đầu. Vương Tường nghe nói thế bèn than thở rằng: Đệ tử thật có duyên may mới gặp được Pháp sư, dám đâu không tùy hỷ, nay Sư đã mệt mỏi nên nghỉ lại qua đêm, đến sáng tôi sẽ đích thân đưa Sư lên đường.

Bèn sai người quét dọn, trải chiếu cho Sư nằm nghỉ đến sáng. Sau khi Pháp sư tiểu thực xong. Vương Tường lại bảo người lấy đầy nước và thức ăn cho Sư, rồi đưa đi hơn mười dặm. Từ đây, Pháp sư đi đường tắt hướng về tháp canh thứ tư, người coi ở đây cũng có tâm lành, lại là đệ tử cốt nhục, họ Vương tên Bá Lủng, đến đây thì có thể nói là đệ tử đưa thầy đi, lễ bái rơi lệ mà từ biệt nhau. Trong đêm đó Pháp sư đi tới tháp canh thứ tư, lại sợ bị lưu nạn, nên chỉ lặng lẽ lấy nước mà đi, đến chỗ dòng nước chưa kịp lấy thì có mũi tên bay đến, rồi cũng cỡi ngựa lại báo như trước, quân lính cấp báo lên, và cũng được đưa vào trong tháp canh, quan giữ tháp cũng tra hỏi thì Pháp sư đáp rằng:

"Tôi muốn đến Thiên Trúc đi ngang qua đây. Quan Hiệu úy Vương Tường ở tháp đầu tiên đã cho qua". Người kia nghe nói rất vui vẻ, liền lưu lại một đêm. Lại cúng dường túi da lớn và ngựa, thức ăn khô. Lúc đưa tiễn, vị quan nói rằng: Thầy không cần phải đến tháp canh thứ năm. Người coi ở đây rất sơ suất sợ sinh ý khác. Sau đó, Pháp sư đi khoảng một trăm dặm có suối Dã Mã, liền xuống lấy thêm nước rồi đi tiếp. Rồi đi thêm hơn tám trăm dặm nữa, đến một nơi gọi là Sa Hà, nơi đây, trên không có chim bay, dưới không có thú chạy, lại không có cây cối, cỏ nước. Lúc này, Pháp sư chỉ lặng lẽ bước đi và niệm thầm Bồ-tát Quán Âm và Bát-nhã Tâm Kinh. Ngày trước, ở tại nước Thục có

gặp môt người bệnh, thân thể lở lói hôi thúi, y phục lại rách nát. Ngài động lòng thương mới đem về chùa cho thức ăn và y phục. Người bệnh hổ thẹn mới trao cho Pháp sư quyển kinh này, do đó nên Pháp sư vẫn thường tụng cho đến khi tới sông Sa Hà này, gặp lúc có ác quỷ hiện ra muôn hình trạng đi nhiễu theo người trước sau. Tuy Ngài có niệm Quán Âm nhưng ác quỷ kia vẫn không biến mất. Đến khi tụng kinh nàẩ tiếng thì chúng đều tan mất. Khi gặp nguy ách mà được cứu giúp thì mới thấy được sự chứng nghiệm này. Khi Pháp sư đi thêm một trăm dặm thì bị lạc đường, tìm suối Dã Mã mà không được. Khi tìm thấy suối, vừa muốn lấy nước thì tay đãi bị rơi mất. Thức ăn cả ngàn dặm bỗng chốc lại hết sạch, lại lạc đường nên bàng hoàng mờ mịt không biết phương hướng, định trở lại tháp thứ tư. Vừa đi hơn mười dặm thì Pháp sư tự nghĩ trước ta đã phát nguyện, nếu không đến được Thiên Trúc thì không trở về hướng Đông dù một bước, nay sao ta lại trở lại, thà đi về hướng Tây mà chết chứ nhất định không trở lại hướng Đông mà sống. Thế là Ngài lại lặng lẽ chuyên niệm Quán Âm theo hướng Tây bắc mà đi tới. Lúc này, bốn phía đều vắng vẻ, chẳng có một bóng người bóng chim, ban đêm thì yêu mị nổi lửa lập lòe như sao trời. Ban ngày thì gió mạnh thổi cát bay như mưa. Tuy thường gặp như vậy mà tâm Pháp sư vẫn không chút sợ hãi. Chỉ khổ là nước hết, khát quá không thể đi được. Thế là trải qua bốn đêm năm ngày không có một giọt nước vào cổ họng, bụng và miệng đều khô khốc, tưởng chừng như ngã quỵ không tiến về phía trước được. Ngài bèn ngồi xuống bãi cát, niệm thầm Quán Âm, tuy gặp nguy khốn mà ý vẫn không dứt bỏ. Ngài cầu khẩn Bồ-tát rằng: Huyền Trang này đi không vì cầu tài lợi, không mong tiếng tăm, chỉ vì Chánh pháp Vô thượng mà ra đi. Cúi mong Bồ-tát từ bi, nhớ nghĩ chúng sanh, lấy việc cứu khổ làm mục đích thì nỗi khổ của con hôm hôm nay, Bồ-tát không nghe sao?

Như thế, Ngài cứ niệm niệm, cầu nguyện không dứt, đến nửa đêm thứ năm bỗng nhiên có ngọn gió mát thổi đến khắp toàn thân, lúc ấy thật là khoan khoái như được tắm nước lạnh. Thế là mắt liền mở sáng, ngựa cũng đứng dậy được, cơ thể dường như được sống lại. Ngài bèn nhắm mắt ngủ một chút, trong giấc ngủ nằm mộng thấy một vị thần lớn, thân cao mấy trượng, cầm cây kích dài nói rằng: Vì sao không mạnh dạn đi tới, mà lại nằm đây?

Pháp sư liền tỉnh giấc lại tiếp tục đi được mười dặm. Con ngựa đột nhiên rẽ sang đường khác, dù kiềm giữ nó vẫn không quay lại. Đi được vài dặm thì đột nhiên thấy thảm cỏ xanh rộng mấy mẫu, Ngài bước

xuống cho ngựa ăn, đi cách đám cỏ chừng mười bước thì muốn quay trở lại, đến một ao nước, nước ở đây ngọt ngào trong xanh, bèn bước lại đó uống, thế là thân mạng được bảo toàn, người và ngựa như được sống lại. Xét ra đây chẳng phải cỏ và nước thật, đó là do lòng từ bi cuả Bồ-tát mà sinh ra, thần thông do tâm, chí thành mà được cũng giống như thế. Bởi vậy nên ao nước và bãi cỏ này chỉ một ngày là biến mất. Sau khi lấy nước đầy và cỏ tươi thì Sư lại lên đường. Lại trải qua hai ngày mới ra khỏi biển cát đến được xứ Y Ngô. Sự nguy nan này đến cả trăm ngàn lần không thể kể hết ra đây, khi đến được nước Y Ngô thì Sư dừng nghỉ trong một ngôi chùa. Chùa có ba vị tăng là người Hán, trong số đó có một vị đã già, y không kịp đắp, đi chân không bước ra đón rước Pháp sư, rồi ôm lấy nghẹn ngào, khóc lóc không thôi, sau đó mới nói: Đã lâu rồi, hôm nay mới gặp được người đồng hương, lúc này vua nước Hồ và vị tăng nước Hồ đến cầu ra mắt Pháp sư, Pháp sư cũng rơi lệ mà tiếp đãi mọi người. Vua thỉnh Ngài về cung, rồi sắp đặt cúng dường đầy đủ. Vua nước Cao Xương là Khúc Văn Thái trước đã sai sứ sang Y Ngô, khi sứ định trở về thì gặp Pháp sư bèn về tâu lại với vua. Vua nghe nói liền sai người đến nước chỗ vua Y ngô mời Pháp sư về. Vua lại chọn mười con ngựa tốt, sai các vị đại thần cỡi ngựa đi đón rất trọng hậu.

Pháp sư đi nghỉ lại ở nước Y Ngô hơn mười ngày. Vua lại sai sứ đến trình bày ý của Sư, bái thỉnh rất tha thiết. Lúc ấy Pháp sư muốn qua nước Phù Đồ của vua Khả Hàn, nhưng vì vua Cao Xương cầu thỉnh nên Sư không từ chối được. Thế nên Ngài bèn đi qua bãi sa mạc phía Nam, trải qua sáu ngày thì đến ranh giới nước Cao Xương. Khi đến thành Bạch Lực thì trời đã chiều tối, Pháp sư muốn dừng lại trong thành này, nhưng các vị quan và sứ thần đều nói: Vương thành cũng gần đây xin mời Ngài đến.

Các quan đổi lấy ngựa tốt cho Pháp sư, rồi cùng tiến về phía trước. Con ngựa đỏ mà lúc trước Pháp sư cỡi thì để lại, cho nó đến sau. Thế là ngay trong đêm đó khi gà vừa gáy thì đến Vương thành, quan giữ cửa vào tâu với vua, vua sai mở cửa thành, Pháp sư vào thành, vua sai thị vệ đốt đèn lên, vua ra khỏi cung đón rước Pháp sư đến viện sau, ngồi trong màn báu của gác Nhất Trùng. Vua lễ bái thưa hỏi rất tha thiết rồi thưa: Đệ tử có nghe, Pháp sư ưa thích cầu pháp quên cả ăn ngủ, tính toán chuẩn mực trên đường đi thì biết Pháp sư đêm nay sẽ đến đây, nên trẫm và vợ con chưa ngủ, ngồi đọc kinh và chờ đợi.

Một lát sau, Vương phi và mấy mươi cô gái hầu cùng đến lễ bái.

Lúc này, trời dần dần sắp sáng, nói chuyện lâu mỏi mệt nên vua

khuyên Ngài đi nghỉ, vua sai người sửa soạn chỗ cho Pháp sư nghỉ, rồi mới trở về cung, để lại một số hoạn quan đứng hầu suốt đêm.

Sáng hôm sau, khi Pháp sư chưa thức dậy thì vua đã đến ngoài cửa, Vương phi cũng đến thưa hỏi lễ bái. Vua nói: Đệ tử nghĩ phải vượt qua bãi sa mạc mênh mông thật là gian nan hiểm trở, mà Pháp sư lại đi một mình đến đây thật là việc lạ lùng, dù cho rơi lệ khen ngợi cũng không thể hết.

Sau khi mời Pháp sư thọ thực xong, bên cạnh cung có một đạo tràng riêng, vua tự dẫn Pháp sư đến đó, sai hoạn quan thị vệ theo hầu. Ở xứ này có Pháp sư Thoán từng thọ học ở Trường An, khéo thông hiểu các pháp tướng. Vua rất quý trọng, liền sai người mời đến để gặp mặt Pháp sư. Một lát sau thì Pháp sư Thoán ra về. Vua lại cho mời Pháp sư Quốc Thống Vương, tuổi đã tám mươi là người đồng xư với Pháp sư, vị này khuyên Ngài ở lại chớ đi Tây phương. Pháp sư không nghe theo, ở lại được hơn mười ngày Ngài định từ biệt ra đi. Vua nói: Đã nhờ Thống Sư cầu thỉnh, vậy ý Sư như thế nào?

Pháp sư đáp rằng: Ở lại đây thật là ân đức của vua, nhưng tâm nguyện thì không thể ở lại được.

Vua lại nói: Trẫm và tiên vương có đến Đại quốc, từ đời vua Tùy Đế trải qua hai kinh đô Đông Tây, và cũng đến núi Yên Đại, Song Phần..., có gặp nhiều vị danh tăng nhưng tâm không kính mến, nay gặp được Pháp sư lòng rất đỗi vui mừng, muốn Pháp sư dừng lại đây để đệ tử cúng dường trọn đời, và người trong cả nước đếu làm đệ tử Pháp sư, mong Pháp sư truyền trao cho tăng đồ, tuy ít nhưng cũng có đến mấy ngàn vị, xin Pháp sư lượng xét tâm thành, chớ đi qua Tây Vực nữa. Pháp sư từ tạ nói: Ý vua đã hậu đãi, bần đạo ít đức đâu dám nhận lãnh, vả lại sự ra đi này đâu phải vì sự cúng dường mà đến, bởi lòng thương bổn quốc pháp nghĩa chưa đầy đủ, kinh giáo còn thiếu sót. Bởi lòng hoài nghi không dứt, sự tìm cầu không cùng, nên mới vượt đường xa đến Tây Vực để được nghe yếu chỉ chưa nghe. Bởi muốn đem pháp phương đẳng cam lộ thấm nhuần khắp nơi, chớ đâu chỉ để riêng mình an ổn chốn già-lam, nay quyết giữ lời nói phải đem pháp về truyền bá ở Trung Quốc, thỏa chí hỏi đạo ở chốn Ba Luân, tâm cầu thiện tri thức của Thiện Tài, ngày lại càng thêm vững chắc, lẽ nào giữa đường lại dừng bước, xin vua đổi ý chớ giữ bần đạo ở lại.

Vua nói: Đệ tử vì kính mến Pháp sư nên muốn giữ lại cúng dường, dù núi cao có thể chuyển thì ý này vẫn chẳng dời, lòng tín ngu thành chớ ngại là không thật.

Pháp sư đáp: Ý sâu của vua há phải nói nhiều, rồi sau sẽ rõ, nhưng Huyền Trang vì pháp mà ra đi, pháp chưa được thì không thể giữa đường mà dừng lại, nay xin từ ta, xin vua chớ giữ lại. Vả chăng Đại vương đời trước đã từng làm được phước đức tốtlành nên được làm bậc nhân chủ. Chẳng riêng gì trăm họ được cậy nhờ, mà đạo Phật cũng nhờ đây được phát triển. Theo lý thì nên giúo đạo hưng thịnh, há lại làm trở ngại sao?

Vua nói: Đệ tử cũng đâu dám làm trở ngại, chỉ vì trong nước không có bậc đạo sư, cho nên muốn giữ Pháp sư lại để dẫn dắt chúng sanh mê lầm mà thôi. Pháp sư vẫn chối từ không chấp nhận. Nhà vua lộ sắc giận, duỗi tay áo nói lớn rằng: Đệ tử đạ có tâm đãi Sư nước ngoài, vì sao thầy cứ mực đòi đi. Hoặc là giữ Sư ở lại đây, hoặc là đưa Sư trở về nước, xin tự xét lấy, nên thuận theo thì hơn.

Pháp sư đáp rằng: Huyền Trang đi đến đây là vì Đại pháp, giờ đây gặp chướng nạn thì chỉ có thể bỏ xương cốt lại nước của vua thôi, nhưng thần thức vẫn chẳng ở lại đây.

Vua vẫn không chịu và càng tăng thêm sự cúng dường, mỗi ngày tới giờ thọ thực vua tự mình dâng thức ăn cho Pháp sư. Pháp sư bị vua ngăn trở giữ lại, bèn thề sẽ không thọ thực để hóa cảm tâm vua. Thế là Pháp sư ngồi thẳng chánh niệm, một giọt nước cũng không thấm vào môi, trải qua ba ngày như vậy, đến ngày thứ tư, vua biết Pháp sư hơi thở đã suy yếu, thì rất lo sợ hối hận, bèn cúi đầu lễ tạ nói rằng: Xin tùy ý Sư, xin dùng tiểu thực rồi đi sang Tây Vực.

Pháp sư sợ vua không thật lòng, vua chỉ vào mặt trời mà thề, rồi thỉnh đến bàn Phật để kết nhân duyên. Sư bèn cùng vua đến đạo tràng lễ Phật, vua đối trước mẹ là Trương Thái phi xin kết làm anh em với Pháp sư, xin theo thầy cầu pháp. Ngày trở về xin ghé qua đây ba năm để thọ đệ tử cúng dường. Nếu Ngài tương lai được thành Phật thì nguyện đệ tử cũng như là vua Ba-tư-nặc và Tấn-bà-ta-la v.v.... Vì thầy mà làm đàn-việt ngoại hộ, nhưng xin thầy ở lại đây một tháng để giảng kinh Nhân Vương, trong thời gian đó để thầy sửa soạn hành lý trang phục.

Pháp sư chấp thuận. Vương Thái phi rất vui mừng, ngyện cùng Sư đời đời làm quyến thuộc, đời đời được độ thoát.

Thế là Pháp sư mới chịu ăn trở lại, vì tiết chí vững chắc như thế. Ngay ngày sau vua đặc biệt cho giăng màn trướng lớn để Sư bắt đầu giảng kinh. Trong đạo tràng đó chứa hơn ba trăm người. Từ Thái phi cho đến vua và các thống sư Đại thần v.v... mỗi vị tùy theo mỗi bộ kinh mà đến nghe. Mỗi ngày đến giờ giảng, vua cung kính cầm lư hương tự

đến đón rước Pháp sư khi Pháp sư sắp bước lên tòa thì vua quỳ xuống đỡ Pháp sư lên, ngày nào cũng đều như thế, khi giảng xong thì Pháp sư độ được bốn Sa-di đều cho theo hầu, may thêm pháp phục được ba mươi bộ. Vì bên Tây Vực rất lạnh nên may thêm khăn che mặt, bao tay và các loại vớ tất... Vua lại cúng một trăm lượng vàng ròng, ba muôn đồng tiền vàng, bạc, năm tấm vải lụa, đủ cho Pháp sư qua lại chi dụng hai mươi năm. Lại cấp ba mươi con ngựa, hai mươi lăm lực sĩ, làm lễ đưa tiễn ở trong điện rồi đưa tiễn ra đến ngoài thành, vua cũng viết hai mươi bốn bức thư, để đưa cho hai mươi bốn nước ở Khuất-chi. Mỗi một bức thư thì gởi kèm một tấm lụa hoa lớn để làm tin, lại đưa thêm năm trăm tấm lụa, hai xe cây trái thức ăn, hiến cúng các thứ...

Trong thư vua lại nói Pháp sư là hiền đệ, muốn cầu pháp ở nước Bà-la-môn xin vua xem Pháp sư lân quốc cũng như vua hèn lân quốc này. Xin sắc lệnh cho đi sang các nước phương Tây cấp cho hộ chiếu để xuất cảnh.

Pháp sư thấy vua đưa cho Sa-di và quốc thư cùng lụa vải tiền vàng rất hậu.

Liền từ tạ khải tấu rằng: "Trang này nghe nói sông biển rất sâu rộng, cần phải có thuyền buồm để vượt qua, chúng sanh mê hoặc phải có bậc đạo sư mượn lời thánh mà giảng đạo. Thế nên Đức Như Lai vận lòng Đại bi xem chúng sanh như con một mà trong cõi uế trược này, đem gương tuệ nhật ba minh mà soi sáng chốn mê lầm tăm tối này, áng mây từ che khắp cõi trời Hữu đảnh, mưa pháp thấm nhuần khắp cõi Tam thiên. Khi làm việc lợi ích an vui cho chúng sanh đã xong, Phật liền nhập Niết-bàn trở về nguồn chân với lời di giáo Phật pháp truyền sang Trung Quốc sau sáu trăm năm. Ngoài Ma-đằng, Khương Tăng Hội chấn hưng ở miền Ngô Lạc, Đàm-vô-sấm, La-thập truyền pháp ở chốn Tần Lương, không làm lạc mất huyền phong, khuôn phò thắng nghiệp. Nhưng người xưa phiên dịch âm vận lại không đồng, bởi cách Phật quá xa nên nghĩa loại đều sai khác, vì thế khiến cho yếu chỉ nhất vị ở song lâm chia ra làm đương lai là thường vàhiện tại là thường. Tông giáo Đại thừa không hai, lại chia làm Nam Bắc hai đường, rồi tranh luận phân vân suốt mấy trăm năm, kẻ học đạo thì hoài nghi không có thầy chỉ dạy. Huyền Trang do nhân đời trước học đạo nên sớm dự vào chốn huyền môn. Theo thầy học đạo cũng được hai năm, có tham học với các bậc danh hiền bạn tốt, các tông phái Đại, Tiểu thừa đều đã xem qua, mỗi khi cầm quyển kinh lên thì dạ ngẩn ngơ, tâm chí trù trừ, nên lòng cứ ôm ấp một hoài bão là được lên núi Thứu học đạo cho thỏa chí,

nguyện được bái kiến nơi đất Phật. Nhưng biết là ống sáo nhỏ không thể nhìn thấu được trời xanh. Loài trùng kiến thì làm sao uống hết nước biển, nhưng không thể bỏ lòng chí thành này mà không tìm cầu, vì vậy mà sửa soạn vượt qua ngàn dặm đến được nước Y Ngô này, xin nguyện Đại vương bẩm thọ sự thuần hòa của trời đất, tuân theo khí tiết nhị nghi, làm bậc quân chủ che chở muôn dân, phía Đông là đến Đại quốc, phía Tây thì an ủi dân chúng binh sĩ, lầu gác là đất nguyệt Thị, xe cộ quân lính lànơi mong ngóng đều thấm nhuần ân đức sâu dày của Đại vương, lại thêm yêu hiền mến sĩ, thích làm điều lành, để tiếng nhân từ, lo lắng cho người ở xa đến, hết lòng tiếp đãi, đến đây rồi thì muốn ở lại, lòng nhân ái càng sâu dày, chỉ một lời nói mở mang pháp nghĩa lại mong kết làm anh em.

Cùng viết chiếu thư đưa cho hai mươi bốn nước, để có sự tiếp đón ân cần đối với Trang này. Lại vì đường xá xa xôi hiểm trở cho bốn vị Sa-di đi theo để làm bầu bạn, và cung cấp đầy đủ các vật dụng y phục thuốc men hơn năm mươi việc, cùng tiền bạc lụa là đều chi dụng đủ để đi về trong vòng hai mươi năm, lại đi qua các trạm không cần khải tấu. Rồi vượt qua sông suối núi rừng, các nơi hiểm trở nguy nạn, đều nhờ ân vua che chở, giúp đỡ mọi điều. Sau đó lần lượt đi yết kiến các vị chân sư, bẩm thừa chánh pháp, để rồi khi trở về nước phiên dịch kinh sách, rộng truyền bá cho người chưa học. Từ đó mà phá dẹp hết rừng tà kiến, dứt hết tâm dị đoan cố chấp. Cùng khai hóa đạo mầu trong thời Tượng pháp, định lại chỉ nam trong chốn huyền môn, lấy đó để báo đáp ân đức sâu nặng của các Phật các Tổ. Lại vì đường trước còn khá xa, nên không thể dừng lại lâu được, ngày mai xin từ biệt lên đường, xin viết vài lời khải tấu lên vua".

Nhà vua đáp rằng: Pháp sư đã hứa làm anh em, thì những việc của nước này cũng là của Pháp sư, cớ sao lại còn nói đến ân nghĩa.

Hôm sau, vua cùng các quan, tăng chúng và nhân dân đều đưa tiễn Pháp sư ra khỏi kinh đô đi về hướng Tây Vực. Vua ôm lấy Pháp sư rơi lệ, mọi người cũng khóc theo, sự ly biệt chấn động cả thành ấp. Rồi vua bảo các vương phi và bá tánh trở về, tự mình cùng với các Đại đức mỗi người lên ngựa đưa Pháp sư đi hơn mười dặm mới quay về. Từ đó, Pháp sư trải qua các nước đều được hậu đãi, từ đây đi về hướng Tây đến thành Vô Bán, thành Đốc Tiến. Rồi đến nước A-kỳ-ni (cựu dịch là Ô-kỳ-ngoa).

■

TRUYỆN TAM TẠNG PHÁP SƯ CHÙA ĐẠI TỪ ÂN, ĐỜI ĐƯỜNG

QUYỂN 2

BẮT ĐẦU TỪ NƯỚC A KỲ NI CHO ĐẾN NƯỚC YẾT-NHÃ-CÚC- XÀ

Từ đây đi về hướng Tây đến nước A-kỳ-ni, có dòng suối A-phụ-sư. Suối ở con đường phía Nam của một ngọn núi cát, núi cao mấy trượng. Nước từ lưng chừng núi chảy ra. Tương truyền, xưa có mấy trăm người buôn đi đến đây thì hết nước, vô cùng khốn khổ mà chẳng biết làm sao. Khi đó, trong số họ có một vị tăng, không có tài của gì mà chỉ khất thực để sống. Có người đề nghị rằng: Vị tăng này thời Phật, cho nên chúng tôi cúng dường, dù trải qua ngàn dặm vẫn không thiếu thốn, nay bỗng nhiên bọn tôi gặp cảnh này, xin bạch cho Ngài biết để. Vị tăng nói: Các vị muốn có nước thì nên lễ Phật thọ ba quy năm giới, ta sẽ lên núi tìm nước cho các vị.

Mọi người vì nguy khốn nên vâng theo lời dạy, khi họ thọ giới xong, vị tăng dạy rằng: Sau khi ta lên núi rồi các vị nên gọi A-phụ-sư xin cho con nước, phải dốc lòng cầu thỉnh mới được.

Vị tăng đi lên núi một lúc, thì mọi người vâng theo lời dạy mà cầu thỉnh, chốc lát nước từ trên núi chảy xuống tràn ngập, mọi người đều rất hớn hở, thấy vị Sư không xuống, mọi người bèn lên đó xem thì thấy Sư đã nhập diệt rồi.

Mọi người than khóc kêu gào, theo pháp bên Tây Vực mà làm lễ hỏa táng. Tại chỗ Pháp sư ngồi, họ chất đá lên xây thành tháp, ngôi tháp này hiện nay vẫn còn, dòng nước vẫn không mất, khách đi đường qua lại đây tùy nhiều ít mà nước chảy ra cũng nhiều ít. Nếu không có người thì chỉ là nước ngầm mà thôi. Lúc này, Pháp sư cùng mọi người dừng nghỉ qua đêm ở một bên suối. Sáng ra thì leo lên núi, thấy núi rất cao rộng, các nơi đều có mỏ bạc, các nước phương Tây lấy vàng bạc cũng từ đây mà ra. Đến phía Tây núi lại gặp bọn cưới, mọi người đem

vật báu đi xuống, đi đến thành Vương-xá nghỉ đêm bên bờ sông. Khi đó những thương buôn người Ấn Độ khoảng vài chục người, vì tham việc mua bán trước nên nửa đêm lén đi, đi được hơn mười dặm thì bị bọn cướp giết sạch không còn một người. Khi Pháp sư đến chỉ thấy thi hài mà chẳng còn tài sản thì thương xót than thở không thôi. Sau đó lại đi tiếp, từ xa đã trông thấy kinh thành, Vua A-xà-ni và các quan ra đón rước vào cung cúng dường. Nước này trước thường bị người nước Cao Xương sang cướp phá nên rất oán hận, không chịu chu cấp ngựa cho Pháp sư, Pháp sư chỉ dừng lại một đêm. Sáng hôm sau, phải vượt qua hai con sông lớn. Đi vài trăm dặm nữa thì đến nước Khuất-chi (cựu dịch Quy-tư là sai). Khi sắp đến kinh thành, vua, các quan với Đại đức tăng là Mộc-xoa-cúc-đa cùng tăng chúng... cả ngàn vị ra ngoài thành đón rước. Ngoài cửa phía Đông thành đều treo màn lọng, đặt hành tượng, trổi nhạc mà đi đến. Khi Pháp sư đến thì các Đại đức đứng dậy thăm hỏi, rồi mỗi vị trở về chỗ ngồi, sai một vị tăng đem một tràng hoa tươi đến cúng dường Pháp sư, Pháp sư nhận lấy rồi đem đến trước bàn Phật tán hoa lễ bái, sau đó đến chỗ Mộc-xoa-cúc-đa ngồi xuống. Đại chúng đem hoa và nước Bồ-đào đến. Lúc đầu, ở trong chùa này cũng thọ hoa và Bồ-đào, sau đó kế tiếp các chùa khác cũng như thế. Lần lượt cho đến sáng mới xong, tăng chúng mới giải tán. Có hơn mười người Cao Xương đến nước Khuất-chi này xuất gia, ở riêng một ngôi chùa. Chùa này ở phía Đông nam của thành. Khi biết Pháp sư từ quê nhà đến, Họ mời qua chùa nghỉ lại đêm đầu tiên. Vua cùng các Đại đức đều trở về, hôm sau vua mời Pháp sư vào cung rồi bày biện thức ăn cúng dường. Nhưng thức ăn lẫtm tịnh nhục nên Pháp sư không dùng, vua rất lấy làm lạ, Pháp sư bảo ở đây chỉ khai đạo tiệm giáo mà Pháp sư Huyền Trang là học giả Đại thừa cho nên không thể dùng mặn, phải thọ thực riêng.

Khi thọ thực xong, Pháp sư đi đến phía Tây bắc thành có chùa A-xà-lý-nhi (đời Đường dịch là Kỳ Đặc). Đây là chùa của Đại đức Bổn-xoa-cúc-đa. Ngài Cúc-đa là người hiểu biết, siêng năng học đạo, có du học Ấn Độ hơn hai mươi năm. Tuy làu thông kinh sử mà Ngài lòng vẫn trong sáng hiền thiện. Vua và nhân dân rất tôn trọng gọi là Độc Bộ. Khi thấy Pháp sư đến thì bảo đệ tử dẫn vào ngồi đợi. Vì không hiểu sâu pháp lý, không rõ việc cầu kinh nên nói với Pháp sư rằng: Ở xứ này chỉ chuyện tu tạp tâm Câu-xá, Tỳ-bà-sa v.v... tất cả đều có, sự thọ học đã đủ không phải sang phương Tây gian khổ hiểm nguy. Pháp sư hỏi: Đây có luận Du-già không? Cúc-đa nói: Vì sao lại hỏi loại sách tà kiến đó. Người Phật tử chân chánh không học sách này.

Pháp sư ban đầu rất kính tin, nhưng khi nghe lời này, thì coi như đất nên bảo rằng: Bà-sa, Câu-xá bên nước tôi đã có, Chỉ tiếc là nghĩa lý và lời lẽ còn cạn cợt chưa đạt đến chỗ rốt ráo, cho nên mới đến đây để học luận Đại thừa Du-già. Lại vì luận Du-già đó, là do hậu thân của Bồ-tát Di-lặc nói, nay gọi là tà thư, há là không sợ bị đọa lạc sao?

Vị kia nói: "Các sách Bà-sa các ông còn chưa rõ, vì sao cho là không sâu được?".

Pháp sư đáp: Nay thầy có hiểu không mà nói mình hiểu hết.

Pháp sư liền dẫn những lời văn đầu tiên của luận Câu-xá ra hỏi. vị ấy vừa nói đã sai, nhân đó mà đuối lý, liền lộ sắc giận nói:

Thầy hãy hỏi chỗ khác. Pháp sư lại dẫn một câu nữa cũng không thông, vị ấy nói: Trong luận không có câu này. Bấy giờ, em của vua là Trí Nguyệt xuất gia cũng hiểu kinh luận, bấy giờ ngồi bên cạnh liền nói:

"Luận có nói câu này", bèn lấy bổn kinh đối chiếu đọc lại. Cúc-đa rất hổ thẹn nói vì già cả nên quên.

Pháp sư lại hỏi các bộ luận khác và Cúc-đa cũng không giải thích được.

Sau đó, Pháp sư vượt qua núi Tuyết, vì đường sá chưa thông nên không thể tiến lên được, phải dừng lại hơn sáu mươi ngày.

Những cư dân qua lại nơi đây thấy vậy. Riêng nói với nhau rằng: Vị tăng Trung Quốc này, chẳng phải dễ đối đáp lại, nếu qua Ấn Độ thì những vị trẻ tuổi chưa chắc đã hơn. Họ khen ngợi như thế.

Qua hôm sau, vua cung cấp những con ngựa tốt. Rồi cùng đạo tục đến đưa tiễn Pháp sư đi. Từ đây đi về hướng Tây hai ngày thì gặp bọn cướp ở Đột-quyết hơn hai trăm tên, định cướp tài vật của mọi người. Có người bất bình chống cự mới dẹp tan được. Lại đi thêm sáu trăm dặm nữa, vượt qua một bãi sa mạc nhỏ thì đến nước Bạt-lục-già, dừng lại đó một đêm. Lại đi về hướng Tây bắc ba trăm dặm nữa, vượt qua một bãi sa mạc thì đến núi, tức là ngọn Thông lãnh ở phía Bắc, núi này rất to lớn, hiểm trở cao đến tận mây. Khi đến đây thì nước cũng đóng thành băng tuyết. Rồi tích tụ lại mà thành núi, dù xuân hạ cũng không tan.

Ngước lên thấy trời trắng phau, không có gì che khuất. Lên tới đỉnh núi thì có các đường ngang dọc, hoặc là cao một trăm thước, hoặc rộng vài trượng. Do đó nên các lối tắt ngoằn nghoèo khúc khuỷu rất hiểm trở. Lại thêm gió tuyết bay loạn xạ, tuy mặc y phục dày mà vẫn rét cóng, muốn nấu ăn cũng không thể nhúm lửa được, chỉ biết treo nồi lên mà thổi lửa, và trải chiếu trên băng mà nằm. Suốt bảy ngày đêm

mới ra khỏi núi. Trong các đồ đệ, bạn lữ đi theo thì mười người chết cóng hết ba bốn, chỉ có ngựa lừa là chịu được. Ra khỏi núi thì đến một ao nước xanh (Thanh trì, cũng dịch là Nhiệt Hải, đối lại với ngọn Lăng Sơn không có nước đông lạnh, nên được gọi như vậy, chứ nước ở đây không hẳn là ấm). Suối này chu vi khoảng một ngàn bốn, năm trăm dặm, chiều Đông sang Tây dài còn chiều Nam Bắc thì hẹp. Nhìn thì nước mênh mông, không cần gió lớn mà sóng vẫn cao cả mấy trượng. Nương theo hướng Tây bắc của bờ biển đi khoảng năm trăm dặm thì đến thành Tố-diệp, gặp vua nước Đột-quyết là Kha Hãn. Ở đây việc săn bắn, chiến đấu rất thạnh. Vua Kha Hãn thân mặc lụa mỏng, áo bào choàng dài cả trượng. Nơi cổ lót lụa trắng rủ ra phía sau. Các quan khoảng hai trăm người, đều mặc lụa bào kết tóc đứng chung quanh vua. Còn binh lính đều mặc áo lông thú, đều cầm cờ, giáo mác cung tên và cỡi ngựa. Khi gặp Pháp sư, vua Kha Hãn vui mừng nói:

Ngài tạm ở chỗ này rồi hai, ba ngày nữa sẽ trở về.

Pháp sư còn phải đến nơi nha sở, nhờ Đạt Quan sắp đặt nơi ở. Đến nha sở ba ngày, Kha Hãn mới tiếp rước Pháp sư vào, Kha Hãn ở trong màn trướng lớn. Trong trướng có trang sức hoa vàng, sáng rực hoa cả mắt người. Các quan đứng phía trước tùy lớn nhỏ mà chia ra hai hàng, trang phục đầy đủ trang nghiêm chói lọi. Còn người hầu thì đứng ở phía sau. Tuy là xem chỗ của vua cao lớn, nhưng cũng trang nghiêm xinh đẹp. Pháp sư đi còn cách màn trướng hơn ba mươi bước thì vua Kha Hãn bước ra đón rước mời vào, rồi hỏi thăm lễ lạy, ở xứ Đột-quyết này vì thờ lửa nên không có giường, cây chỉ dùng để đốt lửa, nếu là người cung kính mà không có chỗ ở thì trải đệm dày nằm dưới đất mà thôi. Nhưng vì Pháp sư nên vua cho trải đệm trên giường sắt mời Ngài ngồi. Trong giây lát, đưa sứ người Hán và sứ Cao Xương đem đến, Thông Quốc thư và các tín vật. Vua Kha Hãn trông thấy các việc thì rất vui mừng, mời sứ ngồi và đem rượu thết đãi. Vua cùng các quan và sứ thần đều ăn uống, dọn riêng các thức chay và nước bồ-đào dâng cho Pháp sư. Việc thù tạc yến ẩm thật là vui nhộn. Một lát sau, lại đưa thức ăn đến, toàn là các món cao lương mỹ vị làm từ các loại cá, thịt dê, bò... Dọn riêng cho Pháp sư các món tịnh thực, gồm bánh cơm sữa, đường phèn, bồ-đào v.v...

Ăn xong thì thỉnh Pháp sư nói pháp. Pháp sư nhân đó mà dạy pháp mười điều lành, thương tiếc nuôi dưỡng sinh mạng loài vật, và tụng Ba-la-mật-đa giải thoát. Đại chúng đều chắp tay vui mừng tin nhận. Nhân đó mà Vua thỉnh Pháp sư ở lại vài ngày. Sau đó, Vua lại khuyên Pháp sư chớ đi sang nước Ấn-đặc-già (Ấn Độ). Vì thời tiết ở xứ này rất nóng

từ tháng mười cho đến tháng năm. Xét dung mạo của Sư sang xứ kia sẽ chịu không nổi. Người bên đó thì đen đúa không có uy nghi đáng nhìn.

Pháp sư nói: Huyền Trang này đi sang xứ kia chỉ vì tìm thánh tích và mến cầu Phật pháp thôi.

Vua Kha Hãn bèn sai quân đi dò xét tìm người về giải Hán ngữ và các quốc âm, quân đi tìm được một thiếu niên đã từng đến Trường An học Hán ngữ mấy năm, vua liền phong là Ma-khuất Đạt Quan để viết các quốc thư, rồi sai Ma-khuất đưa Pháp sư đến nước Già-tất-thí. Lại cúng dường năm mươi tấm lụa là gấm vóc, vua cùng các quan đưa tiễn ra mười dặm, từ đây đi về hướng Tây hơn một trăm dặm nữa thì đến Bình Duật, đây gọi là Thiên Tuyền, xứ này chỉ khoảng vài trăm dặm, đã nhiều ao suối, lại đầy các loài cây lạ, cây cối rậm rạp xanh tốt. Đây chính là nơi tránh nắng của vua Kha Hãn, từ Bình Duật đi khoảng một trăm năm mươi dặm thì đến thành Đát-la-tư, lại đi về hướng Tây nam khoảng hai trăm dặm nữa thì đến thành Bạch Thủy, lại tiếp tục theo hướng Tây nam hai trăm dặm thì đến thành Cung Ngự, tiếp tục đi theo hướng Nam năm mươi dặm thì đến nước Nô-xích-kiến. Lại theo hướng Tây hai trăm dặm thì đến nước Giả-thì (đời Đường dịch là Thạch Quốc). Đi đến phía Tây của nước thì gặp sông Diệp-diệp, đi thêm một ngàn dặm về hướng Tây thì đến nước Tốt-đổ-lợi-sắt-na, phía Đông của nước có sông Diệp-diệp. Qua khỏi sông là đến phía Bắc ngọn Thông Lãnh, thượng nguồn con sông ở phía Tây bắc. Theo hướng Tây bắc này mà đi thì đến một sa mạc lớn, không có cây cối, nước uống, chỉ nhìn vào xương trắng mà đi. Hơn năm trăm dặm thì đến nước Táp-mạt-kiến (đời Đường dịch là Khang Quốc). Ở đây vua và dân chúng không tin Phật pháp, họ theo đạo thờ lửa. Có hai ngôi chùa nhưng không có tăng ở. Khi có khách tăng đến đây thì những người Ấn Độ dùng lửa đốt đuổi đi không cho ở lại. Khi Pháp sư mới đến thì vua đón rước còn tỏ vẻ kiêu mạn, sau một đêm Ngài nói về nhân quả của trời, người, công đức khen ngợi Phật, phước lợi của việc cung kính thì vua vui mừng xin thọ trai giới rất tha thiết. Khi ấy có hai vị tiểu Sa-di đến chùa lễ bái, những người Ấn Độ dùng lửa đốt rồi đuổi họ đi, xong trở về báo với vua. Vua nghe bèn sai bắt người đốt lửa, nhóm họp dân chúng lại rồi bắt chặt tay chân của người đó, Pháp sư vì muốn khuyến khích làm lành nên không nỡ để người khác bị hủy hoại thân thể, vua bèn sai dùng roi đánh và đuổi ra khỏi thành. Từ đó, trên dưới đều cung kính, đều mong cầu tín sự. Pháp sư bèn cho thiết đại hội để độ người đến ở chùa, đây là do Pháp sư hết lòng sửa đổi tâm tà, khai sáng cho người mê lầm, nên mơí được

như vậy.

Sau đó, Pháp sư lại đi về hướng Tây hơn ba trăm dặm nữa thì đến nước Khuất-sương-di-ca, đi theo hướng Tây bốn trăm dặm nữa thì đến nước Bổ-yết (đời Đường dịch là Trung An Quốc)

Lại đi về hướng Tây hơn một trăm dặm thì đến nước Phạt-địa (đời Đường dịch là Tây An Quốc). Lại đi về hướng Tây năm trăm dặm đến nước Hóa-lợi-tập-di-già, đi về phía Đông đến sông Phược-sô, lại đi về phía Tây nam hai trăm dặm nữa đến nước Yết-sương-na, lại đi theo hướng Tây nam hai trăm dặm thì đến một ngọn núi, đường trên núi rất hiểm trở chỉ lọt vừa một người đi bộ, cũng không có cây cỏ, nước uống. Vượt qua núi hơn ba trăm dặm thì vào Thiết Môn, đỉnh núi cao chót vót mà tường lại hẹp, đá lại nhiều, nương đó làm cửa. Người ta đúc sắt làm chuông treo đầy ở trên cho nên mới gọi tên như thế. Đây chính là biên giới của nước Đột-quyết. Ra khỏi Thiết Môn thì đến nước Đổ-hóa-la (xưa dịch là Thổ-hỏa-la là lầm). Từ đây đi vài trăm dặm, vượt qua sông Phược-sô thì đến nước Hoạt, tức Diệp Hộ, là nơi ở của trưởng tử của Kha Hãn là Đát-độ-thiết (Thiết là tên quan), lại là em rể của vua nước Cao Xương, vua Cao Xương có viết thư gởi cho Pháp sư đem đến, báo tin rằng công chúa Kha-hạ-đôn đã chết, Đát-độ-thiết lại bệnh, nghe Pháp sư từ Cao Xương đến, lại nhận thư của anh vợ nên cùng con cái ra đón rước, nhân đó thỉnh Pháp sư rằng: “Đệ tử thấy Sư mắt sáng, xin dừng lại ít ngày, tôi sẽ sai người hộ tống thầy đến nước Bà-la-môn”.

Bấy giờ, lại có một vị phạm tăng đến, tụng chú cầu nguyện cho vua nên bệnh hoạn dần dần được tiêu trừ. Về sau, vua lấy vợ là Kha-hạ-đôn, được ít năm nàng nghe lời Tiền Nhi dùng thuốc giết chồng của người này, đã làm chết đứa con trai nhỏ công chúa Cao Xương, bèn lập Tiền Nhi Đặc Cần Toản lên làm vợ, nhưng sau cũng bị đọa thai mà chết.

Nước này có Sa-môn là Đạt-ma Tăng-già, có du học ở Ấn Độ. Là bậc tài giỏi ở miền Tây đỉnh Thông Lãnh, tăng Sớ-lặc ở Vu-điền không dám đối đáp lại, Pháp sư muốn biết sở học của người này sâu hay cạn nên cho người tới hỏi Sư mấy bộ kinh luận, các đệ tử nghe liền nổi giận, Đạt-ma cười nói rằng: Tùy ý các ông hỏi ta sẽ giải nghĩa hết. Pháp sư biết vị này không học Đại thừa, chỉ đem giáo lý Tiểu thừa Bà-sa ra hỏi vài điều, không phải là người thông suốt, nhân đó mà chịu cảm phục, các môn nhân đều hổ thẹn, từ đó gặp nhau đều vui mừng, các nơi đều khen ngợi, cho rằng mình không bằng.

Bấy giờ Quan Tân Thiết đã lập. Pháp sư cầu xin sứ giả đưa đến

Ô-lạc, muốn tiến về phía Nam để đến nước Bà-la-môn, Quan Tân Thiết bảo: Trong sở bộ của đệ tử có nước Phược-hiệt, đi đến phiá Bắc gặp sông Phược-sô, chỗ này mọi người thường gọi là thành Vương-xá nhỏ, có rất nhiều thánh tích, xin thầy tạm đi chiêm ngưỡng đảnh lễ. Sau đó hãy lên đường đi tiếp về hướng Nam.

Bấy giờ, chư tăng ở Phược-hiết khoảng mấy mươi vị nghe Quan Cựu Thiết đã mất, con cũng được lập, cùng đến đón rước chúc thọ an ủi, Pháp sư cùng họ gặp nhau nói hết ý nguyện. Các vị kia nói: Nên đi ngay, ở kia có đường tốt, đường không quanh co như ở đây.

Pháp sư theo lời họ, liền vào từ tạ Quan Tân Thiết, để theo các vị kia đi. Khi đến đó thì đi chiêm ngưỡng các nơi thành quách thôn xóm, sông núi bao la rộng rãi, thật là thắng địa. Có cả trăm ngôi chùa, hơn ba ngàn vị tăng, đều tu theo Tiểu thừa. Ở ngoại thành phía Tây nam có ngôi chùa Nạp-phược (đời Đường dịch là Tân) rất trang nghiêm rực rỡ. Trong ngôi chùa này chính giữa là Phật đường, có chậu tắm của Phật, sức chứa hơn một đấu. Lại có răng Phật dài một tấc, rộng tám, chín phân, màu vàng trắng. Mỗi răng đều có ánh sáng tốt lành. Lại có chổi quét tinh xá Phật làm bằng cỏ già-xa, dài hơn ba thước, chu vi khoảng bảy tấc. Chuôi của chổi trang sức bằng các thứ báu. Ba thứ này đều bày ra để mỗi ngày người xuất gia, tại gia tới chiêm bái đảnh lễ, người có tâm chí thành đều phát ra ánh sáng thần diệu. Phía Bắc chùa có ngôi tháp cao hơn hai trăm thước, phía Tây nam chùa có một tinh xá, xây dựng đã nhiều năm để hành đạo, những bậc chứng đắc bốn quả đời đời không dứt bặt. Sau khi Phật Niết-bàn đều có Tháp Ký. Sự truyền thừa nối tiếp đã mấy trăm năm rồi. Ở phía Tây bắc cách đại thành năm mươi dặm là thành Đề-vị, ở phía Bắc thành bốn mươi dặm có thành Ba-lợi, trong thành có hai ngôi tháp cao ba trượng. Xưa lúc Phật mới thành đạo, thọ bát cháo mật của hai Trưởng giả, lần đầu tiên được nghe năm giới mười điều lành, đồng thời thỉnh cúng dường Như Lai và nhân tóc, móng tay của Phật rồi xây tháp, và nghi thức xây tháp. Khi hai vị Trưởng giả đó trở về nước xây dựng linh tháp tức là đây vậy. Cách phía Tây tháp hơn bảy mươi dặm có ngôi tháp cao gần hai trượng, ngôi tháp này được xây dựng vào thời Phật Ca-diếp ở quá khứ. Chùa Nạp-phược có vị tăng Tam tạng Tiểu thừa ở nước Trách-già tên là Bát-nhã-yết-la (đời Đường dịch là Tuệ Tánh) nghe nước Phược-hiệt có nhiều Thánh tích, cho nên đến đây lễ bái. Vị này là người thông minh, ưa chuộng sự học, còn nhỏ mà đã thấu đạt anh tài, nghiên cứu thông suốt chín bộ kinh, du học khắp bốn cõi, khắp xứ Ấn Độ đều biết tiếng. Các kinh sách Tiểu thừa như A-

tỳ-đạt-ma, Ca-diên Câu-xá, Lục túc A-tỳ-đàm, v.v... Không có bộ nào không thông đạt. Đã nghe việc Pháp sư từ xa đến cầu đạo, khi gặp mặt rất vui mừng. Pháp sư nhân đó đem những điều con nghi vấn trong các bộ luận Câu-xá Tỳ-bà-sa ra hỏi, vị này đối đáp đều thông suốt. Ngài bèn dừng lại ít tháng, để tụng học luận Tỳ-bà-sa. Trong chùa lại có hai vị Tam tạng Tiểu thừa là Đạt-ma-tất-lợi (đời Đường dịch là Pháp Ái) và Đạt-ma-yết-la (đời Đường dịch là Pháp Tánh) đều được mọi người tôn trọng, gặp Pháp sư thần thái minh tú thì rất kính ngưỡng. Bấy giờ, ở phía Tây nam Phược-hiệt có nước Nhuệ-mạt-đà-hồ-thật-kiểm, vua xứ này nghe Pháp sư từ xa đến, bèn sai đại thần tới lễ bái mời sang nước này lễ thọ cúng dường. Pháp sư từ chối không đến, sứ giả qua lại tới ba lần, bất đắc dĩ Ngài phải ghé qua, vua rất vui mừng, bèn bày biện các thứ thức ăn ngon quý để cúng dường. Pháp sư không thọ nhận mà quay trở về. Từ nước Phược-hiệt đi về phía Nam, cùng Pháp sư Tuệ Tánh đến nước Yết-chức. Rồi theo hướng Đông nam đến núi Đại Tuyết, đi hơn sáu trăm dặm nữa thì ra khỏi địa phận nước Đổ-hóa-la, đến nước Phạm-diễn-na. Cách nước này hơn hai ngàn dặm về phía Đông tây, là núi Tuyết Sơn, trong núi Tuyết Sơn đường sá gian nan nguy hiểm gấp bội cả vùng sa mạc, mây đọng lại thành tuyết mà không tan. Thỉnh thoảng mới gặp được con đường bằng phẳng chừng vài trượng. Cho nên Tống Vương mới gọi sự gian nan của Tây phương mây nước, tuyết bay cả ngàn dặm chính là đây vậy.

Than ôi! Nếu không vì chúng sanh cầu Chánh pháp Vô thượng thì ai lại đem di thể thọ bẩm của cha mẹ mà đến chốn này sao? Ngày trước, vua vượt qua bảy ngọn núi cao, tự nói ta là trung thần của nhà Hán, nay Pháp sư đến chốn Tuyết Lãnh để cầu kinh, cũng đáng gọi là Như Lai chân tử.

Cứ như thế dần dần Pháp sư đi đến đô thành Phạm-diễn-đô, có hơn mười ngôi chùa còn tăng đồ cũng vài ngàn vị, tu theo Xuất Thế Thuyết Bộ của Tiểu thừa. Vua nước này cung thỉnh Pháp sư vào cung cúng dường, nhiều ngày mới ra đi. Ở đây có các vị tăng tu theo Ma-ha Tăng-kỳ Bộ như A-lệ-na-đà-bà (đời Đường dịch là Thánh Sử), A-lợi-da-tư-na (đời Đường dịch là Thánh Quân) đều hiểu sâu pháp tướng, gặp Pháp sư họ rất kinh ngạc khen ngợi. Ở nước Trung Quốc xa xôi mà có được vị tăng như vậy. Các vị dẫn Pháp sư đi các nơi để tham bái hết lòng không thôi. Ở trên ngọn núi ở phía Đông bắc Vương thành có lập tượng đá, cao một trăm năm mươi thước, phía ĐÔNG tượng có ngôi chùa, phía Đông chùa có tượng Phật Thích-ca đứng bằng đá, cao một trăm thước. Trong

chùa có tượng Phật Niết-bàn, dài một ngàn thước, đều rất trang nghiêm nhiệm mầu. Từ đây đi về hướng Đông nam hơn hai trăm dặm vượt qua núi Đại Tuyết, đến một con sông nhỏ có ngôi chùa, trong chùa này có thờ răng Phật và răng của vị Độc Giác từ thời kiếp Sơ. Răng dài năm tấc rộng khoảng bốn tấc. Lại có răng của vua Kim Luân, dài ba tấc rộng hai tấc, lại thờ bát bằng sắt của Tôn giả Thương-nhã-già-phược-sa (cựu dịch là Thương-na-hoa-tu là sai) bát chứa khoảng tám, chín thăng, và chiếc y tăng-già-chi màu đỏ thẩm. Vị Tôn giả này trong năm trăm đời sinh ra đều thọ y này, thường mặc y này từ bào thai sinh ra cùng lượt, về sau biến thành ca sa. Nhân duyên này trong Biệt Truyện có nói rõ. Như thế trải qua mười lăm ngày mới ra khỏi Phạm-diễn, đi hai ngày thì gặp tuyết nên lạc đường. Đi đến một đồi cát nhỏ thì gặp được người săn bắn chỉ đường. Vượt qua ngọn núi đen thì đến nước Già-tất-thức-cảnh, chu vi hơn bốn ngàn dặm, ngọn núi Tuyết ở sau lưng phía Bắc, vua nước này là dòng Sát-đế-lợi, là người thông minh thao lược có uy đức thống lãnh hơn mười nước. Khi Pháp sư sắp đến kinh đô, vua cùng chư tăng ra ngoài thành đón rước. Ở đây có hơn một trăm ngôi chùa, chư tăng đều tranh nhau cố mời Ngài về. Ở đấy có một ngôi chùa Tiểu thừa tên Sa-lạc-ca, tương truyền rằng chùa này do một vị Hoàng tử con vua nhà Hán qua làm con tin ở đây lập ra. Một vị tăng trong chùa nói:

Chùa tôi vốn do Hoàng tử con tin tạo nên. Nay Ngài từ nước Trung Quốc đến, vậy trước nên ghé qua chùa tôi.

Pháp sư thấy vị này ân cần mời thỉnh nên ưng thuận. Vả lại có bạn đồng lữ lá Pháp sư Tuệ Tánh vốn tu theo Tiểu thừa, ý của vị này không muốn ở chùa Đại thừa nên cùng đi về chùa này.

Vị Hoàng tử khi lập chùa này lại cất giấu vô lượng châu báu ở cửa Đông Phật viện, và phía Nam dưới chân Đại Thần Vương. Sau đó, khi sửa sang lại ngôi chùa này, chư tăng đều nhớ ân đức của người, nên mỗi bức tường ở trong phòng thất đều có họa hình Hoàng tử, mỗi năm kiết hạ an cư mỗi ngày đều có giảng kinh tụng kinh cầu phước. Đời đời cùng truyền nhau ở đây không dứt. Gần đây có vị vua ác rất tham bạo muốn đoạt lấy tăng bảo ở đây, mới sai người đào dưới chân thần, mặt đất liền rung chuyển, trên đỉnh vị thần có tượng chim anh vũ, chim thấy người đào đất thì vỗ cánh kêu lên kinh hãi. Vua và quân lính đều lo buồn, sợ hãi trở về. Trong chùa có ngôi tháp cũng bị đổ nát, có vị tăng muốn lấy vật báu ở đây để tu sửa, mặt đất lại rung chuyển, vị ấy không dám đến gần.

Khi Pháp sư đến đây, đại chúng cùng nhóm họp lại thỉnh Ngài và

nói lại các việc trước kia, Pháp sư liền đi đến chỗ vị thần đốt hương mà nói rằng: Hoàng tử con tin ngày trước dấu vật báu ở đây là vì muốn tạo lập công đức, nay đem ra để cúng thí thật đúng lúc, nguyện xin Ngài chứng giám, đừng quên mất tâm thành mà dấu đi sự uy nghiêm. Vậy mong để cho Huyền Trang này tự đào lên, rồi giao số lượng bao nhiêu cho quan Sở ty coi sóc, đúng như pháp mà sửa chữa lại chớ để hoang phế, nếu thần có hiển linh nguyện xin soi xét. Pháp sư nói xong thì sai người đào, quả nhiên không có việc gì xảy ra. Đào được bảy, tám thước thì thấy một hộp bằng đồng lớn, trong đó có vàng ròng mấy trăm cân, minh châu mấy trăm hộp. Mọi người vui mừng, không ai không cảm phục. Pháp sư liền dừng lại nơi chùa này để nhập hạ.

Vua nước này cũng kính tin Đại thừa, ưa thích việc giảng tụng.

Thế là Tam tạng Tuệ Tánh vì khuất phục cảm kích Pháp sư mà theo quy tắc chùa Đại thừa để tu tập. Ở đây cũng có một vị Tam tạng Đại thừa là Mạt-nô-nhược-cù-sa (đời Đường dịch là Như Ý Thinh).

Vị tăng tu theo Tát-bà-đa Bộ là A-lê-da-phạt-ma (đời Đường dịch là Thánh Phục) vị tăng tu theo bộ phái Di-sa-tắc là Cầu-na-bạt-đà (đời Đường dịch là Đức Hiền). Các vị đều là bậc thượng thủ của các tông phái, nhưng việc học không kiêm thông, Đại Tiểu đều riêng biệt, tuy tinh tường hết các lý nhưng không có sở trường, các vị đều tham vấn Pháp sư để học hỏi thêm.

Pháp sư đều tùy theo mà giải nói đầy đủ theo bộ phái, các vị đều kính phục, cứ như thế năm ngày mới giải tán. Vua rất vui mừng bèn đem năm khúc lụa gấm để cúng dường riêng cho Pháp sư.

Khi ở Sa-lạc-già an cư xong, Pháp sư Tuệ Tánh lại thỉnh vua trở về, Pháp sư cũng xin từ biệt.

Từ đó lại đi về hướng Đông hơn sáu trăm dặm thì vượt qua ngọn Hắc Lĩnh, và địa phận Bắc Ấn Độ đến nước Lam-bà. Nước này chu vi hơn một ngàn dặm, có mười ngôi chùa, tăng chúng đều tu theo Đại thừa. Ngài dừng lại đây ba ngày, rồi lên đường đi về hướng Nam, vượt qua một ngọn núi nhỏ. Trên ngọn núi này có một ngôi tháp, ngày trước Phật từ hướng Nam đi bộ đến đây, người đời sau vì lưu luyến thương kính cho nên xây tháp này để ghi nhớ. Từ đây đi về hướng Bắc có một nơi gọi là Miệt-lệ-xa (đời Đường dịch là Biên Địa) Như Lai muốn giáo hóa nơi đây nên nương theo hư không mà qua lại chứ không đi trên đất, vì nếu đi bộ thì mặt đất sẽ rung chuyển.

Từ đây đi về hướng Nam hơn hai mươi dặm, xuống núi vượt qua một dòng sông thì đến nước Na-yết-la-hát (địa phận Bắc Ấn). Ở phía

Đông nam cách đại thành hai dặm có ngôi tháp cao hơn ba trăm thước, do vua Vô Ưu xây dựng. Nơi đây khi Như Lai tu Bồ-tát hạnh ở tăng-kỳ thứ hai gặp Phật Nhiên Đăng, Bồ-tát trải y bằng da nai và và trải tóc trên sình lầy mà được thọ ký. Tuy trải qua kiếp hoại mà thánh tích này vẫn còn, trời thường rải hoa trời để cúng dường.

Pháp sư đến đây lễ bái và đi nhiễu quanh, có vị lão tăng trình bày cho Pháp sư nghe về nhân duyên xây dựng ngôi tháp này.

Pháp sư hỏi: Lúc Bồ-tát trải tóc là tăng-kỳ thứ hai, từ đó đến A-tăng-kỳ thứ ba là trải qua đến vô lượng kiếp, trong mỗi kiếp đó có nhiều lần thành hoại. Như thời hỏa tai khởi lên mà núi Tô-mê-lô vẫn còn hóa thành tro bụi thì làm sao thánh tích này vẫn còn mà không bị hủy hoại.

Đáp: Lúc thế giới bị hủy hoại thì nơi đây cũng hủy hoại theo, Khi thế giới thành, thì thánh tích này vẫn trở lại như cũ, vả lại, núi Tô-mê-lô hoại rồi cũng trở lại, thì sao Thánh tích này không thể thành trở lại, lấy đây mà so sánh thì đâu có gì phải nghi ngờ.

Sau đó, Pháp sư lần đi tiếp về hướng Đông nam, vượt qua một ngọn núi cát hơn mười dặm thì đến thành Phật đảnh cốt, trong thành này có ngôi lầu các, trên tầng hai của ngôi lầu nay có ngôi tháp nhỏ làm bằng bảy chất báu, trong đó xương đảnh Như Lai, xương đầu Phật chu vi một thước hai tấc, ở trong mỗi lỗ chân tóc đều có màu vàng nhạt rất rõ ràng, đựgn trong cái hộp bằng báu.

Nếu muốn rõ biết tội phước thì mài mạt hương nhỏ như bùn, dùng lụa gói kín xương này lại đặt lên trên rồi tùy theo chỗ mà định được lành dữ.

Pháp sư ở tại đây được một tượng cây Bồ-đề. Còn hai vị Sa-di đi theo, vị lớn được một tượng Phật, vị nhỏ được một tượng hoa sen, vị Bà-la-môn giữ xương Phật ở đây rất vui mừng, hướng về Pháp sư búng ngón tay tán hoa cúng dường ngài và nói:

Thầy có được những vật này thật là ít có, đây là biểu tượng được quả Bồ-đề

Lại có ngôi tháp đựng xương đầu của Phật, xương giống như lá sen, lại có tròng mắt của Phật, con ngươi lớn như quả nại, ánh sáng phát ra đỏ rực chiếu cả bên ngoài hộp, lại có Tăng-già-chi của Phật, may bằng loại dạ tốt.

Lại có tích trượng của Phật, có vòng làm bằng sắt trắng, thân làm bằng gỗ chiên-đàn.

Khi đến lễ bái những nơi này, Pháp sư đều tỏ lòng thương cảm cung kính vô cùng.

Nhân đó Ngài cúng dường nơi đây hơn năm mươi đồng tiền vàng, một ngàn đồng tiền bạc, bốn tấm lụa, hai khúc gấm và hai bộ pháp phục.

Sau đó, Ngài đem các loại hương hoa đến cúng dường, rồi từ biệt đi tiếp.

Lại nghe ở phía Tây nam cách thành Đăng Quang hơn hai mươi dặm có Long Vương Cù-bà-la ở trong hang núi, Đức Phật ngày xưa đã hàng phục rồng này, nhân đó mà lưu lại hình ảnh tại đây, nên Pháp sư muốn đến để lễ bái. Đường đi hoang sơ cách trở lại có nhiều trộm cướp, đã hai, ba năm nay ít có người qua lại, cho nên càng vắng vẻ. Bấy giờ, người sứ hộ tống Sư đến nước Ca-tất thí vì tham nên trở về liền, không muốn lưu lại, khuyên cũng không chịu. Pháp sư bảo rằng: Chân thân của Như Lai còn lưu hình bóng cả ức kiếp cũng không gặp, đã đi qua đây sao lại không đến chiêm bái. Các ông hãy dần dần đi trước, để Huyền Trang tạm đến đó, sẽ trở lại ngay.

Thế là Pháp sư một mình đi đến thành Đăng Quang, vào trong một ngôi chùa hỏi thăm đường, tìm người hướng dẫn nhưng không ai chịu đi. Sau đó, có một đứa bé nói:

Chùa ấy cũng ở gần đây, bây giờ con có thể đưa Sư đến đó.

Sau đó, Sư đi theo đứa bé đến chùa, gặp một lão ông biết rõ chỗ này, cùng dẫn Sư đi

Đi được vài dặm thì gặp năm tên cướp cầm dao đi tới, Pháp sư liền cởi bỏ mũ bày ra pháp phục. Bọn cướp nói: Thầy muốn đi đâu?

Đáp: Muốn lễ bái hình Phật.

Bọn cướp nói: Thầy không nghe ở đây có cướp sao?

Sư đáp: Cướp cũng là người, nay tôi chỉ muốn lễ Phật, dù là thú dữ đầy đường tôi còn không sợ, huống chi các vị là người.

Bọn giặc nghe vậy liền phát tâm đi theo lễ bái. Khi đến được hang, trong hang ở tường phía Đông có khe nước, cửa xoay mặt về hướng Tây. Mở cửa thì vừa sâu vừa tối không thấy được gì. Ông lão nói rằng:

Thầy đi thẳng vào, đụng vách tường phía Đông, rồi đi lùi lại năm mươi bước, nhìn thẳng vào hướng Đông sẽ thấy hình hiện ra.

Pháp sư thành tâm làm đúng theo lời nói, quả nhiên đụng vách tường phía Đông, rồi đứng lùi lại năm mươi bước, Ngài chí thành lễ một trăm lạy, nhưng vẫn không thấy được gì. Ngài tự trách mình nghiệp chướng sâu dày, lòng bi thương thật áo não. Ngài càng chí tâm lễ tụng các kinh như Thắng-man, v.v... tụng kệ tán Phật. Mỗi lời khen ngợi là một lạy, thì thấy ở phía Đông tường hiện lên vầng ánh sáng rực rỡ như

cái bát. Bỗng chốc lại biến mất, Ngài vừa vui vừa buồn lại càng đảnh lễ, lại thấy vầng ánh sáng rực rỡ như cái bát hiện ra, hiện rồi lại mất. Pháp sư càng tăng thêm lòng kính mộ liền phát nguyện nếu không thấy Đức Thế Tôn hiện ra thì không rời khỏi chỗ này. Ngài nguyện như thế đến hơn hai trăm lạy thì thấy bên một góc hang ánh sáng rực rỡ, thấy hình Như Lai hiện ra rõ ràng trên vách, như vệt tan đám mây mù, chợt thấy rõ núi vàng, có muôn dịu tướng sáng rực.

Pháp sư chiêm ngưỡng không chớp mắt, lòng vui mừng không thể nào tả hết. Thân Phật cùng cà sa đều tỏa màu vàng rực rỡ, từ đầu gối trở lên các tướng tốt đều sáng chói, từ tòa hoa trở xuống ánh sáng hơi tối một chút, bên tả hữu và sau lưng Phật, đều hiện hình Phật Bồ-tát và Thánh tăng, cũng đều đầy đủ. Sau đó, Pháp sư liền bảo sáu người ở ngoài cửa đem lửa vào đốt hương. Khi có ánh lửa nổi lên thì hình Phật tự nhiên biến mất. Ngài liền bảo tắt lửa đi và cầu thỉnh thì hình Phật hiện trở lại. Trong số sáu người đi theo thì năm người được thấy, còn một người thì không hề thấy gì cả. Như vậy chỉ trong khoảng thời gian nửa bữa ăn mọi việc đều thấy rõ ràng. Mọi người lễ lạy cúng dường, đem hương hoa lễ tán xong thì vầng ánh sáng liền biến mất, cả đoàn người từ tạ trở ra.

Mọi người đưa Ngài đến nước Bà-la-môn ai cũng tỏ vẻ vui mừng cho là điều chưa từng có. Họ nói: Nếu không phải do lòng chí thành và nguyện lực sâu dày của Pháp sư thì không thể được như thế.

Ở bên ngoài hang động còn có rất nhiều Thánh tích đã nói trong Biệt Truyện. Khi mọi người quay ra thì năm tên cướp đều vất bỏ đao kiếm, xin quy y Pháp sư rồi mới trở về. Từ đây, Ngài cùng bạn hợp lại mà đi. Đi theo hướng Đông nam hơn năm trăm dặm nữa thì đến nước Kiền-đà-la, đi về hướng Đông nước này thì lại vượt qua sông, tới một thành đô gọi là Lộ-xa-bố-la. Nước này có rất nhiều bậc Hiền thánh. Xưa nay thường có các bậc Đại sư soạn luận như Na-la-diên Thiên, Bồ-tát Vô Trước, Bồ-tát Thế Thân, ngài Pháp Cứu, Như Ý, Hiếp Tôn giả... Đều xuất xứ từ nước này. Ở phía Đông bắc của Vương thành có xây đài báu để đặt bát Phật, bát này về sau được dời đến các nước. Hiện nay đang ở tại nước Ba-thứ-noa-tư. Phía Đông nam ngoại thành hơn tám mươi dặm có cây Tất-bát-la, cao hơn một trăm thước, bốn Đức Phật đời quá khứ, đều ngồi dưới gốc cây này, hiện vẫn còn tượng bốn Đức Như Lai này.

Đời vị lại chín trăm chín mươi sáu vị Phật cũng ngồi dưới gốc cây này, bên cạnh đó có ngôi tháp do vua Ca-nị-sắc-ca xây dựng, cao bốn

trăm thước, nền bao chung quanh đến nửa dặm, cao một trăm năm mươi thước. Trên đó xây tướng luân bằng đồng mạ vàng cao hai mươi lăm tầng. Trong đó có một hộp Xá-lợi của Phật. Cách Đại tháp về hướng Tây nam hơn một trăm bước có bức tượng bằng đá trắng cao một trượng tám thước, đứng xoay mặt về hướng Bắc. Tượng này có rất nhiều điềm linh ứng. Những người qua lại vào ban đêm đều thấy tượng đi kinh hành nhiễu quanh tháp. Lại đi một trăm dặm về hướng Đông bắc có ngôi chùa Ca-nị-sắc-ca, rồi vượt qua một dòng sông lớn thì đến thành Bố-sắc-yết-la-đại-để. Ở hướng Đông thành cũng có một ngôi tháp do vua Vô Ưu xây dựng, bốn Đức Phật trong thời quá khứ cùng nói pháp tại đây. Ở phía Bắc thành cách bốn mươi lăm dặm, trong chùa có ngôi tháp cao hơn hai trăm thước, cũng do vua Vô Ưu xây dựng. Đức Phật Thích-ca ngày trước khi còn thực hành đạo Bồ-tát, thích tu hạnh bố thí, ở tại nước này, một ngàn đời sinh ra làm vua, thì một ngàn lần xả bỏ mắt ở tại chỗ này. Thánh tích ở đây thật là vô lượng, các nơi Pháp sư đều đến tham quan lễ bái. Tất cả vàng bạc, lụa là, y phục được cúng dường từ nước Cao Xương cho đến những chỗ tháp lớn chùa lớn, Pháp sư đều chia ra cúng dường các nơi rồi đi. Từ đây, lại đi đến thành Ô-dịch-ca-hán-đồ. Đi đến phía Bắc thành thì vượt qua sông núi, đi thêm sáu trăm dặm thì đến nước Ô-trượng-na (đời Đường dịch là Uyển, ngày trước là khu vườn của vua A-luân-ca, xưa dịch Ô-trường là sai). Sau đó, Ngài vượt qua sông Giáp-tô-bà-tát-đổ. Ngày xưa ở đây có một ngàn bốn trăm ngôi chùa, tăng chúng một muôn tám ngàn vị. Nay thì hoang sơ vắng vẻ đi nhiều. Các vị tăng ở đây giảng dạy truyền pháp năm bộ luật nghi là: một là Pháp Mật Bộ; hai là Hóa Địa Bộ; ba là Ẩm Quang Bộ; bốn là Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ; năm là Đại Chúng Bộ. Nhà vua nước này phần nhiều ở tại thành Mạn-yết-lý. Nơi đây, dân chúng sống sung túc giàu có. Ở phía Đông thành cách bốn mươi lăm dặm có ngôi tháp lớn, có rất nhiều điều kỳ diệu. Đây là nơi trước kia Phật là vị tiên tu hạnh nhẫn nhục bị vua Yết-lợi (đời Đường dịhc là Đấu Tránh, xưa dịch Ca-lợi là lầm), cắt chặt các phần trên thân thể. Từ đây đi về hướng Đông bắc hai trăm năm mươi dặm thì vượt qua một ngọn núi lớn, đến suối rồng A-bà-la-la, tức là thượng nguồn của sông Tô-bà. Vùng đất ở phía Tây nam ở dòng sông này rất lạnh buốt, xuân hạ thường đóng băng, đến tối thì có tuyết rơi, tuyết có năm màu lất phất bay bay tựa như muôn sắc hoa. Ở phiá Tây nam cách suối rồng này hơn hai mươi dặm, nơi bờ phía Bắc trên một hốc đá còn lưu dấu tích bàn chân Phật, tùy theo nguyện lực và phước đức của mỗi người mà có dài ngắn. Đây là chỗ ngày trước Đức

Như Lai hàng phục rồng đầu đàn A-bà-la-la. Pháp sư đến đây chiêm bái xong rồi lại đi, xuôi theo dòng nước đi hơn ba mươi dặm thì có cục đá giặt y Phật. Các màu sắc điều diệp của y vẫn còn rõ ràng, đi theo phía Nam thành hơn bốn trăm dặm thì đến núi Ê-la, đây là nơi khi xưa Đức Như Lai nghe nửa bài kệ. Vì trả ân cho Dược-xoa mà xả bỏ thân ở nơi này.

Qua khỏi thành Tào-yết-lý đi thao hướng Tây năm mươi dặm vượt qua sông Đại Hà, thì đến chỗ tháp Lô-ê-đán-ca (đời Đường dịch là Xích) cao hơn mười trượng. Tháp này do vua Vô Ưu xây dựng, bởi ngày trước Đức Như Lai khi còn là vua Từ Lực lấy dao cắt thân trả ân cho Dược-xoa (xưa dịch Dạ-xoa là sai). Đi về phía Đông bắc của thành hơn ba mươi dặm thì gặp tháp Yết-bộ-đa (đời Đường dịch là Kỳ-đặc) bằng đá cao ba mươi thước, tại đây ngày trước Phật nói pháp cho trời, người nghe. Sau khi Phật nhập diệt tự nhiên nổi lên ngôi tháp này.

Từ tháp đi về hướng Tây, vượt qua dòng lớn đi chừng ba, bốn dặm thì đến một tinh xá, nơi đây có tượng Bồ-tát A-phược-lô-chỉ-đa-y-hiển-đại-la (đời Đường dịch là Quán Tự Tại, xưa dịch là Quan Thế Âm hoặc Quán Thế Âm, hoặc Quán Thế Âm Tự Tại đều là lầm) tượng này rất uy linh, ở phía Đông bắc thành nghe nói có người vượt qua hang núi, đi ngược lên dòng sông, giữa đường gặp nguy ách trượt chân mà bay lên được tới cầu, có thể gọi là đi ngàn dặm đến sông Đạt-lê-la, tức là thành cũ Ô-trượng-na.

Ở bên dòng sông này có một ngôi chùa lớn, có tượng Bồ-tát Từ Thị khắc bằng gỗ, màu vàng trang nghiêm, cao hơn một trăm thước, do A-la-hán Mạt-điền-để-gia tạo nên. Bồ-tát dùng thần lực đem tượng này lên cõi trời Đổ-sử-đa (xưa dịch Đâu-xuất-đà là lầm) tự thân Bồ-tát quán diệu tướng, qua lại cõi này ba lần công đức mới viên mãn. Từ thành Ô-dịch-ca-hán-trà đi về hướng Nam vượt qua sông Tín-độ. Sông rộng đến ba, bốn dặm, nước trong và chảy xiết. Các loài rồng dữ, ác thú ở trong hang rất nhiều. Thuyền bè đi đây đều bị chìm hết. Qua khỏi dòng sông này thì đến nước Đát-xoa-thỉ-la (biên giới Bắc Ấn Độ). Cách thành này khoảng mười hai, mười ba dặm có một ngôi tháp do vua Vô Ưu xây dựng. Ngôi tháp này thường phát ra ánh sáng kỳ lạ. Đây là nơi Đức Như Lai thuở xưa làm vị Đại quốc vương thực hành đạo Bồ-tát, hiệu là Chiên-đạt-la-bát-thứ-bà (đời Đường dịch là Nguyệt Quang) vua chí cầu đạo Bồ-đề, xả một ngàn thân ở tại chỗ này. Bên cạnh tháp có ngôi chùa, ngày xưa có vị sư kinh bộ tên Câu-ma-la-đa (đời Đường dịch là Đồng Thọ) vị Sư này soạn ra các bộ luận ở đây. Từ đây, Pháp sư đi về

hướng Đông nam hơn bảy trăm dặm thì đến nước Tăng-ha-bổ-la (biên giới Bắc Ấn Độ). Lại từ phía Bắc biên giới Đát-xoa-thỉ-la vượt qua sông Tín-độ, di về hướng Đông Nam hơn hai trăm chín mươi dặm thì đến Đại thạch môn, là nơi ngày xưa Vương tử Ma-ha-tát-đỏa, xả thân cho chim Ô-trạch đang bị đói ăn, là nơi mà máu của Vương tử đã đổ ra, nay vẫn còn màu đỏ, cây cỏ cũng như thế.

Từ đây, Pháp sư đi về hướng Đông nam vượt qua núi hơn năm trăm dặm thì đến nước Ca-thấp-di-la, đi từ kinh đô nước này đến phía Tây thì có dòng sông lớn. Nơi đây có cả trăm ngôi chùa, hơn năm ngàn vị tăng, có bốn ngôi tháp, rất cao lớn nguy nga. Tháp này do vua Vô Ưu xây dựng, mỗi tháp đều có thờ xá-lợi Như Lai. Lúc đầu Pháp sư đi đến Thạch Môn, tức là cửa Tây nước này. Vua cho người cậu đem ngựa xe ra tiếp rước đưa vào Thạch Môn, sau đó, Pháp sư đi lễ bái các chùa, đến một ngôi chùa ngủ lại đêm, tên là chùa Hộ-sắc-ca-la. Tăng chúng trong chùa trong đêm đó đều nằm mộng thấy có vị thần đến bảo rằng: Vị tăng này từ nước Trung Quốc đến, muốn học kinh ở xứ Ấn Độ này và chiêm bái các thánh tích. Vị Sư này vì pháp mà đến đây, có vô lượng thiên thần theo che chở, giúp đỡ hiện đang có mặt tại đây. Có phước duyên đời trước mới gặp được Pháp sư từ phương xa đến viếng. Vậy nên siêng năng tu tập để cho người khen ngợi kính ngưỡng, cớ sao lại biếng nhác, mờ mệt ngủ nghỉ như thế.

Chư tăng nghe vậy ai cũng kinh hãi thức giấc, rồi lo tụng niệm đi kinh hành cho đến sáng. Mọi người đều đến chỗ Pháp sư nói lại nhân duyên ấy và lễ bái càng cung kính hơn.

Pháp sư ở lại mấy ngày rồi mới đi đến Vương thành. Cách đó một do-tuần thì đến Đạt-ma-xá-la (đời Đường dịch là Phước Xá). Vua cùng các quan và chư tăng ở kinh đô cả ngàn vị đón rước Ngài rất trọng thể. Cờ lọng và tràng hoa cung nghinh đầy đường. Khi gặp Ngài thì vua lễ bái rất cung kính hết lòng, tự tay tán rải vô lượng hoa cúng dường, sau đó, mời Ngài lên voi lớn để về kinh đô. Ngài ở lại chùa Xà-da-nhân-đà-la (chùa này do cậu của vua xây dựng). Hôm sau, vua lại thỉnh vào cung cúng dường. Các vị Đại đức tăng cả ngàn vị cùng đến thọ trai. Sau đó, vua thỉnh Ngài khai giảng, giải thích những điều còn chưa rõ. Người nghe ai nấy đều rất vui mừng.

Nhà vua biết Pháp sư đến tìm học nghiên cứu kinh bổn, cho nên cung cấp hai mươi người viết tay để biên chép kinh luận, lại cấp riêng cho năm người để sai làm các việc khác, các vật dụng thọ thực đều cung cấp đầy đủ.

Các vị Pháp sư ở nước đó cũng là bậc đức hạnh cao xa. Giới pháp thuần khiết, lý đạo sâu sa. Quý ngài học rộng tổng trì, tài năng như thần, mà tánh lại kính trọng bậc hiền sĩ, xem Pháp sư như bậc thượng khách.

Pháp sư cũng tham cầu học hỏi các Ngài ngày đêm không mỏi mệt.

Pháp sư ở lại đây hai năm để học kinh luận và thỉnh các vị Luận sư giảng lại các bộ luận. Các vị sư ở đây có vị đã bảy mươi tuổi, sức khỏe đã suy yếu, gặp được Pháp sư tâm rất vui mừng nên cố gắng truyền đạt lại. Mỗi ngày trước giờ ngọ thì giảng luận Câu-xá, sau giờ ngọ thì giảng luận Thuận chánh lý, từ đầu hôm trở đi thì giảng luận Nhân minh, Thanh minh. Do đây mà các người học trong xứ đều cùng đến học tập. Pháp sư tùy theo mỗi bộ kinh được nghe giảng dạy mà lãnh ngộ không thiếu sót. Ngài nghiên cứu sâu sa, lãnh hội hết mọi đều thần bí. Các vị Luận sư đều rất vui mừng khen ngợi Ngài không thôi, và nói với mọi người rằng:

Vị tăng Trung Quốc này trí lực sâu rộng, học chúng ở đây thật chẳng ai bằng. Đây là bậc trí sáng, có đủ năng lực nối tiếp đạo phong của ngài Thế Thân, chỉ tiếc là sinh ở quá xa bổn quốc, không sớm tiếp cận được những lời dạy để lại của Thánh hiền. Ở trong chúng lúc này có chư tăng học Đại thừa như Tỳ-mậu-đà-tăng-ha (đời Đường dịch là Tịnh Sư Tử) Chấn-na-phạn-trà (đời Đường dịch là Tối Thắng Thân).

Học tăng của Tát-bà-la là Tô-già-mật-đa-la (đời Đường dịch là Như Lai Hữu), Bà-tô-mật-đa-la (đời Đường dịch là Thế Hữu), học tăng của Tăng-kỳ Bộ là Tô-lợi-na-đề-bà (đời Đường dịch là nhật Thiên), Chấn-na-đát-la-đa (đời Đường dịch là Tối Thắng Cứu).

Các vị này đến đây thọ học từ trước, đều là các bậc có ý chí vững bền, tài năng lỗi lạc, nhưng so với Pháp sư vẫn không bằng, nhưng với mọi người đều là bậc cao đức. Thấy Pháp sư là bậc tài giỏi, mở mang Phật pháp, nên cùng đến hỏi han, bắt bẻ, Pháp sư đều đối đáp trôi chảy, do đó mà các vị đều thần phục.

Nước này trước kia là cái ao rồng, sau khi Phật Niết-bàn năm mươi năm, đệ tử của A-nan là La-hán Mạt-điền-địa đến đây giáo hóa được rồng đầu đàn, mới lấp được ao nước này, xây được năm trăm ngôi chùa, và mời các vị Thánh tăng đến trụ ở đây, lại được rồng đầu đàn cúng dường. Sau đó Vua Ca-nị-sắc-ca (vua A-dục) của nước Kiền-đà-la. Sau khi Phật diệt độ bốn trăm năm, nhân ngài Hiếp Tôn giả thỉnh các Thánh tăng được bốn trăm chín mươi chín vị, đều là bậc lão thông ba tạng thấu đạt năm minh, cùng với ngài Thế Hữu hợp lại được năm

trăm vị Hiền thánh, cùng kết tập kinh tạng ở đây.

Trước tiên soạn được mười muôn bài kệ tụng, luận Ô-bà-đệ-thước (xưa dịch Ưu-ba-đề-xá là sai) để giải thích bộ: Tố-đạt-lãm tạng. Kế đến soạn mười ngàn bài tụng Tỳ-nại-da, luận Tỳ-bà-sa, giải thích tạng Tỳ-nại-da (xưa dịch Tỳ-da là sai). Kế tiếp soạn mười vạn bài tụng A-tỳ-đạt-ma Tỳ-bà-sa luận, để giải thích A-tỳ-đạt-ma tạng (có chỗ phiên âm A-tỳ-đàm là sai). Tổng cộng là ba mươi muôn bài tụng, chín mươi sáu muôn câu. Vua sai dùng đồng đỏ làm những lá mỏng, khắc những bài kệ tụng này trên đó để lưu giữ, xây tháp cất giữ trong đó, sai thần Dược-xoa giữ gìn, đủ biết năng lực của các bộ sách này nghĩa lý thật sâu sa nhiệm mầu. Như thế Pháp sư ở lại đây tổng cộng hai năm học tập các kinh luận và lễ lạy Thánh tích xong rồi mới từ tạ ra đi.

Pháp sư tiếp tục đi về hướng Tây nam vượt qua sông núi hơn bảy trăm dặm thì đến nước Bá-noa-xoa.

Từ đây đi về hướng Đông nam hơn bốn trăm dặm thì đến nước Yết-la-xà-bổ-la (phía Bắc Ấn Độ)

Từ đây đi về hướng Đông nam leo núi vượt sông hơn bảy trăm dặm thì đến nước Thược-ca (Bắc Ấn Độ). Từ Lam-ba đến đất này, ở đây phong tục rất hoang sơ, cách ăn mặc và tiếng nói hơi khác với Ấn Độ.

Từ nước Hạt-la-xà-bổ-la, trải qua ba ngày, vượt qua sông Chiên-đạt-la-bà-già (Hán dịch là Nguyệt Phân) đến thành Xà-na-bổ-la, nghỉ qua đêm tại chùa ngoại đạo, chùa ở phía ngoài cửa Tây thành. Bấy giờ có hơn hai mươi vị tăng. Ngày hôm sau thì đến thành Xa-yết-la, trong thành này có ngôi chùa, tăng chúng hơn trăm vị. Nơi đây ngày trước Bồ-tát Thế Thân soạn luận Thắng Nghĩa Đế, cạnh chùa có ngôi tháp cao hai trăm thước. Đây là nơi bốn vị Phật đời quá khứ từng nói pháp, thấy có dấu vết kinh hành. Từ đây ra khỏi thành Na-la-tăng-ha, đi theo hướng Đông đến nước Ba-la-xa, trong khu rừng lớn gặp năm mươi tên cướp, Pháp sư và mọi người đều bị tước mất hết quần áo và tất cả mọi thứ. Chúng giơ đao đẩy mọi người xuống một cái ao khô ở phía Nam đường muốn giết hại hết. Pháp sư cùng một Sa-di trốn thoát được vào rừng, thấy ở phía Nam con sông có một cái hang có thể chui qua lọt, hai người liền vượt qua đó, chạy nhanh đến hướng Đông nam chừng hai, ba dặm thì gặp làng của Bà-la-môn mới báo tin cho mọi người biết. Ai nghe cũng đều kinh ngạc, liền cỡi trâu cùng Pháp sư đi đến khu rừng, hơn tám mươi người cùng khua chiên đánh trống, khí thế hùng hậu kh-iến cho bọn cướp hoảng sợ bỏ chạy hết. Pháp sư bèn đến chỗ ao cởi trói

cho mọi người. Mọi người dắt nhau vào xóm tá túc và được người cung cấp y phục vật dụng, ai cũng rơi lệ khóc lóc, còn Pháp sư chỉ mỉm cười không hề lo lắng. Đồng bạn hỏi: Vì sao Ngài có thể mỉm cười được, khi đồ đạc y phục đã bị bọn cướp lột sạch, sự nguy khốn thật cùng cực, may mà tánh mạng vẫn còn, Pháp sư thật là vô tư.

Ngài đáp: Mạng sống là quý hơn cả, nay đã được an toàn thì cớ gì lại khóc? Nước chúng tôi có câu: "Vật báu lớn nhất của trời đất là sự sống", sự sống là vật báu lớn nhất mà chúng ta đã không mất. Còn y phục vật phẩm chỉ là chuyện nhỏ thì đâu đáng để lo buồn như thế.

Do đây mà các bạn đều tỉnh ngộ và cảm phục tiết lượng và sự trầm tỉnh của Ngài.

Hôm sau cả đoàn người đi đến nước Thược-ca, ở phía Đông có một tòa thành lớn, khu rừng Đại Am-la ở phía Tây thành. Ở đây có vị Bà-la-môn đã bảy trăm tuổi, nhưng nhìn qua chỉ khoảng độ ba mươi tuổi, thần khí vẫn mạnh khỏe, thân thể vẫn còn tươi trẻ, vị này thông suốt hết các kinh luận, thuộc hết các kinh điển Phệ-đà, có hai vị thị giả đều đã trên một trăm tuổi. Khi gặp Pháp sư thì tỏ vẻ rất vui mừng. Lại nghe gặp cướp mất hết đồ đạc vị Bà-la-môn bèn sai một vị thị giả đưa vào trong thành, đến những nhà tin Phật pháp để Pháp sư khất thực. Thành này có cả ngàn hộ, nhưng người tin Phật pháp rất ít, các tông phái ngoại đạo thì nhiều. Lúc Pháp sư đi đến xứ Ca-thấp-di-la này, thì tiếng tăm Ngài các nước xa gần đều biết, do đó các người sứ đi khắp làng xóm loan báo rằng: Vị tăng người Trung Quốc đến, gần đây bị bọn cướp lấy hết y phục, mọi người nên biết là phước lực sẽ cảm hóa được mọi tà tâm, vậy chúng ta nên cúng dường Ngài.

Khi đó, có những nhà giàu có hơn ba mươi người, nghe nói liền đem y phục, mùng mền, vật dụng đến cung kính cúng dường, lễ bái thăm hỏi. Pháp sư chú nguyện cho họ, lại giảng về nhân quả báo ứng, khiến cho mọi người đều phát tâm đạo, bỏ tà về chánh. Ai nấy đếu vui vẻ hớn hở trở về, khen ngợi là việc chưa từng có từ nhiều năm nay. Mọi người được vật dụng cúng dường thật nhiều, Ngài đem ra cúng dường bố thí lại.

Pháp sư dừng lại ở đây hơn một tháng học Bách luận và Quảng bách luận. Ngài có vị đệ tử là Long Mãnh, được đắc pháp nơi thầy, giảng nói kinh luận đều thông suốt rõ ràng. Lại từ đấy đi đến nước Na-bộc-để, ghé vào chùa Đột-xá-tát-na, có vị Đại đức là Tỳ-nị-đa-bát-lạp-bà, là bậc đạo phong lâu thông cả ba tạng, tự soạn ra Ngũ Uẩn Luận Thích, Duy Thức Tam Thập Luận Thích. Pháp sư ở lại chùa này

mười bốn tháng, học các bộ luận Đối pháp, luận Hiển Tông, luận Lý Môn v.v... Sau đó, Ngài đi về hướng Đông nam hơn năm mươi dặm thì đến chùa Đáp-mạt-tô-phạt-na (đời Đường dịch là Ám Lâm) tăng chúng hơn ba trăm vị, đều tu theo Nhất thiết hữu bộ. Một ngàn Đức Phật của kiếp Hiền sẽ nhóm trời trời ở tại đây để nói pháp. Sau khi Đức Thích-ca Như Lai Niết-bàn khoảng ba trăm năm có Luận sư là Ca-đa-diễ-na (xưa dịch Ca-chiên-diên là sai) ở tại đây soạn luận Phát Trí. Từ đây đi hơn một trăm năm mươi dặm về hướng Đông bắc thì đến nước Xà-lan-đạt-na (phía Bắc Ấn Độ), nước này có chùa Na-già-la-đà-na, có Đại đức Chiên-đạt-la-phạt-ma (Hán dịch là Nguyệt Mạo), rất làu thông ba tạng, Pháp sư bèn dừng lại bốn tháng để học luận Tỳ-bà-sa. Rồi từ đây đi về hướng Đông bắc hơn bảy trăm dặm, đường đi rất gian nan nguy hiểm mới đến nước Khuất-lộ-đa (phạm vi Bắc Ấn Độ). Từ nước này đi về hướng Nam hơn bảy trăm dặm. Vượt núi qua sông đến nước Thiết-đa-đồ-lư (phạm vi Bắc Ấn Độ). Từ đây đi về hướng Tây nam hơn tám trăm dặm thì đến nước Ba-lý-dạ-đán-la (phạm vi Trung Ấn Độ). Từ đây đi về hướng Đông hơn năm trăm dặm thì đến nước Mạt-thố-la (phạm vi Trung Ấn Độ). Nơi đây có tháp thờ các đại đệ tử Phật như Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên v.v... Những ngôi tháp này ngày nay vẫn còn. Và tháp các vị Mãn-từ-tử, Ưu-ba-ly, A-nan-đà, La-hầu-la, và Mạn-thù-thất-lợi (Văn-thù-sư-lợi). Mỗi năm tới ngày tu phước, tăng đồ các nơi đều kéo đến cúng dường. Tăng chúng của phái A-tỳ-đạt-ma thì cúng dường tháp ngài Xá-lợi-phất. Đồ chúng tu tập thiền định thì cúng dường tháp ngài Một-đặc-già-la-tử (Mục-kiền-liên) Chúng tụng đọc kinh bộ thì cúng dường tháp ngài Mạn-từ-tử. Chúng học Tỳ-nại-da thì cúng dường tháp ngài Ưu-ba-ly. Chúng Tỳ-kheo ni thì cúng dường tháp ngài A-nan, chúng chưa thọ giới cụ túc thì cúng dường tháp ngài La-hầu-la.

Chúng học Đại thừa thì cúng dường tháp các vị Bồ-tát v.v...

Từ phía Đông thành này đi chừng năm, sáu trăm dặm thì đến một ngôi chùa trên núi, do Tôn giả Ưu-ba-cúc-đa (đời Đường dịch là Cận Hộ) xây dựng. Trong chùa này có thờ tóc, móng tay, và xá-lợi Phật. Ở sườn núi phía Bắc chùa có một ngôi thạch thất, cao hơn hai mươi thước, rộng ba mươi thước bốn tấc, là nơi chứa thẻ tre ghi chứng đạo ngày trước. Tôn giả Ưu-ba-cúc-đa nói pháp cả vợ chồng đều ngộ đạo chứng quả A-la-hán, nhưng không ghi tên vào thẻ tre này.

Từ đây đi về hướng Đông bắc hơn năm trăm dặm thì đến nước Tát-tha-nê-thấp-phạt-la (thuộc Trung Ấn Độ). Lại đi về hướng Đông hơn bốn trăm dặm thì đến nước Lục-lặc-na (thuộc Trung Ấn Độ), vượt

qua sông Căng-già, đi về phía Đông thì gặp ngọn núi lớn ở phía Bắc sông Hằng, lại qua sông Diêm-mâu-na, ở Trung Ấn Độ chảy qua. Lại đi về hướng Đông hơn tám trăm dặm thì đến đầu nguồn của sông Hằng. rộng ba, bốn dặm. Đi về hướng Đông nam, lại vượt qua biển rộng hơn mười dặm, biển lại có mùi vị ngọt dịu, cát lại mịn màng. Ở trong Tục Thư Ký gọi là biển phước. Nếu tắm ở biển này thì tội nghiệp đều tiêu trừ. Còn súc miệng thì tai nạn cũng dứt mất. Người bị chìm chết ở đây cũng được sinh lên trời hưởng phước, người dân nam nữ thường nhóm họp ở dòng sông Hằng này để tắm rửa, cầu nguyện. Đó đều là thực hành theo tà ngôn của ngoại đạo. Sau Bồ-tát Đề-bà nói rõ những việc chánh lý, thì việc này dân chúng mới dần bỏ. Trong nước có một vị Đại đức tên là Xà-da-cúc-đa, thông suốt ba tạng. Pháp sư ở lại đó trọn mùa Xuân và nửa mùa Đông để học bộ Luận Tỳ-bà-sa.

Sau khi qua sông lên bờ phía Đông, Ngài đến nước Mạt-để-bổ-la, ở đây có hơn mười ngôi chùa, tăng chúng hơn tám trăm vị, đều tu học Nhất thiết hữu bộ của Tiểu thừa.

Ở phía Nam của đại thành cách chừng bốn, năm dặm có một ngôi chùa nhỏ có hơn năm mươi vị tăng, ngày trước Luận sư Cù-noa-bát-thích-bà, soạn các bộ luận biện chân ở tại đây, gồm hơn một trăm bộ. Luận sư là người nước Bát-phạt-đa, vốn tu theo Đại thừa, sau sang qua tu theo Tiểu thừa. Bấy giờ, có vị La-hán tên Đề-bà-tê-na (đời Đường dịch là Thiên Quân) thường qua lại cung trời Đổ-sử-đa, Đức Quang mong được thấy Bồ-tát Từ Thị để giải hết nghi vấn, nên mới xin Thiên Quân dùng năng lực thần thông đưa mình lên cõi trời. Khi gặp ngài Di-lặc thì chỉ vái chào chứ không làm lễ, mà nói rằng: Tôi đã xuất gia thọ giới cụ túc, cõi trời của ngài Từ Thị cũng là cõi phàm nếu lễ lạy thì không nên. Như thế qua lại đến ba lần mà không làm lễ, vì ngã mạn tự cao, nên tâm nghi không dứt bỏ được.

Cách chùa Đức Quang khoảng ba, bốn dặm về phía Nam có một ngôi chùa, hơn hai trăm vị tăng, đều tu học theo Tiểu thừa. Đây là nơi Luận sư Chúng Hiền thị tịch. Luận sư vốn là người nước Ca-thấp-di-la, là bậc bác học đa tài rõ thông luận Tỳ-bà-sa của Nhất thiết hữu bộ. Bấy giờ, ngài Bồ-tát Thế Thân cũng là bậc thông minh học rộng, trước đã soạn ra các bộ luận A-tỳ-đạt-ma Câu-xá luận, phá những điều chấp trước của các Luận sư Tỳ-bà-sa. Lý lẽ thật là văn hoa uyên áo, học đồ ở Tây Vực đều rất kính trọng khen ngợi, cho đến quỷ thần cũng theo học tập. Ngài Chúng Hiền tuy học rộng nghe nhiều nhưng tâm vẫn còn nóng giận, nên vào năm hai mươi tuổi soạn luận Câu-xá-bạc, hơn hai muôn

năm ngàn bài tụng, gồm tám mươi muôn lời. Soạn xong thì muốn cùng Thế Thân đối mặt để phân phải trái, nhưng chưa được thì đã mất, ngài Thế Thân sau thấy bộ luận này thì khen là có tri giải và nói: thật không kém với các bộ luận Tỳ-bà-sa, tuy nhiên nếu theo ý ta thì nên đặt tên là luận Thuận chánh lý. Thế là Ngài liền gọi bằng tên đó. Ngài Chúng Hiền sau khi mất, được xây tháp thờ trong rừng Am-một-la, đến nay vẫn còn, bên cạnh đó lại có tháp di thân của Luận sư Tỳ-mạt-la-mật-đa-la (đời Đường dịch là Vô Cấu Xưng). Luận sư là người nước Ca-thấp-di-la, xuất gia theo thuyết Nhất thiết hữu bộ, đi khắp cõi ngũ Ấn, học hết cả ba tạng, rồi quay trở về bổn quốc, giữa đường thấy tháp thờ ngài Chúng Hiền lòng thương cảm vị này soạn thuật kinh luận chưa được truyền bá thì đã mất, do đó mà thệ nguyện rằng sẽ soạn luận để phá nghĩa Đại thừa, làm mất danh tiếng của Thế Thân, giúp cho pháp yếu của Luận sư được truyền đến môn đời. Nói xong lời này thì tâm trí trở nên cuồng loạn, khắp thân đều ra máu. Tự biết đây là do tâm ác kiến mà ra bèn viết thư tỏ lòng sám hối, khuyên các bạn đồng tu chớ hủy báng Đại thừa. Nói xong thì qua đời, nơi vị này mất đất sụt xuống thành hố.

Nước này có một vị Đại đức tên là Mật-đa-tư-na, từ năm lên chín, lên mười đã theo làm đệ tử Luận sư Đức Quang, khéo thông cả ba tạng. Pháp sư lại ở đây mùa Hạ và nửa mùa Xuân để học luận Đát-đỏa Tam-đệ-thước, luận Tùy phát trí v.v... thuộc Tát-bà-đa-bộ.

Sau đó, Pháp sư lại đi về hướng Bắc hơn ba trăm dặm thì đến nước Bà-la-hấp-ma-bổ-la (thuộc Trung Ấn Độ). Rồi từ đây đi về hướng Đông nam hơn bốn trăm dặm thì đến nước Ê-chế-đán-la (thuộc Trung Ấn Độ). Lại đi về hướng Nam hơn hai trăm dặm thì đến sông Căng-già. Đi về hướng Tây nam nước Tỳ-la-na-noa (thuộc Trung Ấn Độ). Lại đi về hướng Đông hơn hai trăm dặm thì đến nước Kiếp-tỉ-tha (thuộc Trung Ấn Độ). Ở phía Đông thành cách hai trăm dặm có một ngôi chùa lớn. Trong nội viện có Thềm Tam bảo, mặt trước xoay về hướng Nam bắc, mặt dưới là Đông tây.

Đây là nơi ngày trước Phật lên cung trời Đao-lợi nói pháp độ Ma-da phu nhân xong trở xuống đây. Ở bên trong toàn là vàng ròng, bên trái là thủy tinh, bên phải bạc trắng. Như Lai lập ra Thiện pháp đường ở đây, dẫn các vị trời bước lên thềm này mà đi xuống. Vua Đại phạm Thiên cầm phất trần trắng đi vào thềm bạc bên phải, trời Đế Thích cầm lọng báu đi vào thềm thủy tinh bên trái, sau đó cả ngàn vị trời và Bồ-tát đều bước theo sau, từ vài trăm năm trước còn có thềm cấp, nay đã bị chìm mất. Sau vua vì lòng luyến mộ mới xây thềm bằng đá lại y

như cũ, trang sức bằng các thứ châu báu, cao hơn bảy mươi thước, trên thì lập tinh xá, trong có tượng Phật bằng đá, hai bên tả hữu là tượng Phạm thiên, cũng mô phỏng y theo hiện trạng như trước kia, Bên cạnh có một cột đá cao bảy trượng, tất cả đều do vua Vô Ưu xây dựng. Bên cạnh đó còn có nền đá dài hơn năm mươi bước, cao bảy thước, đây là nơi trước kia Phật thường đi kinh hành. Từ đây đi về hướng Tây bắc hơn hai trăm dặm thì đến nước Yết-nhược-cúc-xà, chu vi nước này khoảng bốn ngàn dặm, ở phía Tây đô thành là sông Căng-già, dài hơn hai mươi dặm, rộng năm, sáu dặm, có cả trăm ngôi chùa, cả vạn vị tăng, tu học theo Đại thừa lẫn Tiểu thừa, vua thuộc dòng Phệ-đà, tên là Hạt-lợi-sa-phạt-đàn-na (đời Đường dịch là ??), cha tên là Ba-la-yết-la-phạt-đàn-na (đời Đường dịch là Quang), tiên huynh tên là Át-la-xà-phạt-đàn-na (đời Đường dịch là Tăng).

Vua này khi tại vị trị nước rất nhân từ, ai cũng khen ngợi xưng tụng. Lúc này, ở phía Đông Ấn Độ có nước Yết-la-noa-tô-phạt-thích-na (đời Đường dịch là Kim Nhĩ), vua là Thiết-thưởng-ca (đời Đường dịch là Đồng Thượng), vị vua này rất tàn ác nên bị nước láng giềng dụ đến mà giết đi. Quan đại thần là Bà-ni (đời Đường dịch là Minh Liễu) và các bạn đồng liêu vì thương trăm họ vô chủ mới lập người em vua là La-a-dật-đa (đời Đường dịch là Giới Nhật) lên nối ngôi để giữ gìn tông miếu. Vị vua này rất anh hùng tài giỏi, mưu lược sâu xa, đức độ soi cả trời đất, ân nghĩa cảm cả lòng người. Từ đó vua nuôi chí báo thù cho anh, làm lao lung khắp xứ Ấn Độ, uy phong rất lẫm liệt, lễ giáo thấm nhuần, đâu đâu cũng quy phục. Khắp trong nước đều được ổn định, dân chúng đều được an lành. Vua lại lấy việc thao tập binh mã làm sự nghiệp, nhưng ban sắc lệnh khắp cả nước không được sát sinh. Nhân dân cũng theo vua không hề ăn thịt.

Tùy theo các nơi có thánh tích mà xây dựng các chùa. Mỗi năm có hai mươi mốt ngày làm lễ cúng dường chúng tăng, năm năm lại lập đại hội Vô giá một lần. Đem hết tài vật chứa trong kho ra cúng dường bố thí. Chẳng khác gì Tu-đạt-noa ngày trước. Phía Tây bắc thành có một ngôi tháp cao hơn hai trăm thước, cũng do vua Vô Ưu xây dựng, cũng là chỗ ngày trước Phật nói pháp.

Khi vào nước này Pháp sư ở lại chùa Bạt-đạt-la-tỳ-ha ba tháng, nương theo Tam tạng Tỳ-li-da-tê-na học “Phật Sử Tỳ-bà-sa” và “Nhật Trụ Tỳ-bà-sa”.

■

TRUYỆN TAM TẠNG PHÁP SƯ CHÙA ĐẠI TỪ ÂN, ĐỜI ĐƯỜNG

QUYỂN 3

BẮT ĐẦU TỪ NƯỚC A THÂU ĐÀ ĐẾN NƯỚC Y LAN NOA

Từ đây Ngài đi về hướng Đông nam hơn sáu trăm dặm, qua sông Hằng, đi về hướng Nam thì đến nước A-thâu-đà (thuộc Trung Ấn Độ) có cả trăm ngôi chùa, tăng chúng có mấy ngàn vị, tu học theo cả Đại thừa lẫn Tiểu thừa. Trong thành lớn có ngôi chùa cũ, đây là chỗ ngày trước ngài Phạt-tô-bàn-độ (đời Đường dịch là Thế Thân, xưa phiên âm là Bà-tẩu-bàn-đậu, dịch là Thiên Thân là sai) soạn chế tác ra các kinh Đại tiểu thừa, rồi giảng dạy cho chúng. Ở phía Tây bắc thành khoảng bốn, năm dặm là bờ sông Hằng. Trong ngôi chùa lớn có ngôi tháp, cao hơn hai trăm thước, do vua Vô Ưu xây dựng, đây là chỗ ngày trước Phật ở lại ba tháng nói pháp. Bên cạnh đó lại có chỗ bốn vị Phật quá khứ đi kinh hành, cách năm, sáu dặm về phía Tây nam có ngôi chùa xưa, đó là chỗ Bồ-tát A-tăng-già nói pháp, vào ban đêm Bồ-tát bay lên cung trời Đâu-suất, chỗ Bồ-tát Di-lặc nghe các bộ luận Du-già, Trang Nghiêm Đại thừa, và Trung Biên phân biệt v.v.... Ban ngày thì xuống nói pháp cho đại chúng nghe. A-tăng-già cũng gọi Vô Trước, là người nước Kiền-đà-la, sau Phật diệt độ một ngàn năm thì Ngài ra đời, xuất gia với phái Di-sa-tắc Bộ, sau tin theo Đại thừa. Huynh đệ đều là bậc Thánh minh xuất thế, đều có tài soạn thuật, soạn ra nhiều bộ luận và giải thích kinh Đại thừa. Thật là bậc tài giỏi của xứ Ấn Độ. Các bộ luận ấy gồm: Luận Nhiếp Đại thừa, Hiển Dương Thánh giáo, Đối Pháp, Duy Thức, Câu-xá v.v... Pháp sư ở nước A-du-đà lễ lạy hết các thánh tích, rồi xuôi theo dòng sông, cùng hơn tám mươi người lên thuyền đi về hướng Đông đến nước A-na-mục-khứ, đi khoảng một trăm dặm, hai bên bờ sông đều là rừng A-di-ca, rất rậm rạp. Bất ngờ có một toán cướp hơn mười chiếc thuyền từ trong rừng chèo ra, những người trên thuyền đều kinh hãi, có một vài người nhảy đại xuống sông, bọn cướp bắt thuyền trở vào bờ,

bảo mọi người cởi hết y phục để tìm châu báu.

Bọn cướp này thờ thần Đột-già Thiên, mỗi năm tới giữa mùa thu thì chúng tìm một người có hình dáng xinh đẹp giết đi để lấy máu thịt cúng tế, để cầu thần ban phước. Chúng thấy Pháp sư dung nghi khôi ngô lại khỏe mạnh, bèn vui mừng bảo nhau: Chúng ta nay thần cứ sợ không gặp người, nay đã có Sa-môn này rất khôi ngô thì nên giết đi để làm vật tế thần chẳng phải là tốt sao?

Pháp sư liền bảo: Thân tôi thật xú uế không đáng để tế thần, thật chẳng phải là tiếc mà vì tôi có ý nguyện muốn lễ cây Bồ-đề, lễ thánh tích Bồ-tát ở các hang động, và thưa hỏi kinh pháp, tâm này vẫn chưa toại nguyện, nếu đàn-việt giết đi thì e không được tốt.

Người trên thuyền đều cùng cầu xin, lại có người xin thay thế. Nhưng bọn giặc đều không bằng lòng. Chúng bảo người lấy nước đem lại, rồi ở trong rừng hoa lập đàn tế thần. Sai hai người cầm đao đưa Pháp sư lên đàn vừa định giết, khi đó Pháp sư không hề tỏ ra một chút sợ sệt nào làm cho bọn giặc rất kinh ngạc.

Ngài biết khó tránh khỏi nên nói với bọn cướp rằng: Xin thư thả chớ có bức bách, đợi cho tôi an tâm, hoan hỷ rồi hãy giết.

Pháp sư liền chuyên tâm hướng về cung trời Đâu-suất, một lòng nghĩ tưởng đến ngài Di-lặc, nguyện sinh về cõi đó, để cung kính cúng dường và học luận Du-già-sư-địa, xin được nghe diệu pháp, đầy đủ thông tuệ, trở lại đây để giáo hóa những người này, giúp họ tu thắng hạnh, diệt trừ hết nghiệp ác, nói rộng các pháp, làm lợi lạc tất cả chúng sanh. Ngài lễ khắp các Đức Phật trong mười phương, rồi ngồi thẳng giữ chánh niệm, chú tâm nghĩ đến Bồ-tát mà không phan duyên cảnh khác. Trong tâm tưởng thấy dường như đang bước lên ngọn núi Tô-mê, Vượt lên các tầng trời thứ nhất, thứ nhì, thứ ba thì thấy cõi trời Đâu-suất, la nơi ngài Từ Thị ở, trên đài diệu bảo thấy các vị trời vây quanh. Lúc này thân tâm ngài rất vui mừng. Không biết là đang đứng trên đàn, cũng không nhớ bọn cướp. Trong những người bạn đồng hành người kêu gào la khóc, chốc lát bỗng có cơn gió mạnh thổi đến đen kịt, làm gãy cây cối và thổi tung cát đá. Nước sông dậy sóng, thuyền bè đều trôi dạt, bọn cướp rất kinh hãi, hỏi đồng bạn: Sa-môn này từ nước nào đến, tên là gì? Đáp rằng: Thầy từ nước Trung Quốc đến để cầu pháp ở đây. Các ông nếu giết đi sẽ mắc tội vô lượng. Vả lại thấy cơn gió dữ này, thì đủ biết thiên thần đang nổi giận, phải mau sám hối.

Bọn giặc sợ hãi liền xin sám hối và quy y. Lúc này, Pháp sư vẫn không hay biết, bọn cướp đưa tay đụng vào người, lúc ấy Ngài mới mở

mắt ra, hỏi họ rằng: “Đã tới giờ chưa?”

Đáp: Thật không dám hại Pháp sư, xin cho chúng con sám hối.

Pháp sư cho mọi người lễ sám, lại nói việc cướp bóc giết hại để tế thần chẳng phải là nghiệp lành, đời sau sẽ chịu khổ Vô gián.

Bọn cướp đều cúi đầu sám hối và nói: Chúng con vì vọng tưởng điên đảo, gây ra những việc không nên làm, nếu không gặp được thầy là bậc đức độ cảm hóa cả thần linh, thì làm sao được nghe lời dạy bảo, từ nay về sau xin từ bỏ nghiệp ác này, xin thầy chứng minh.

Pháp sư tùy theo đó mà khuyên hóa họ. Cả bọn đều quy y Ngài và đem trả hết những gì đã cướp bóc cho bổn chủ. Lúc này, trời đất đã trở lại quang đãng, bọn cướp đều rất vui mừng, đảnh lễ Ngài rồi xin từ biệt.

Các bạn đồng hành với Ngài rất cung kính, khen ngợi là việc chưa từng có, xa gần nghe tiếng không ai không lấy làm lạ. Đó là do Ngài đều hết lòng cầu pháp mà được như vậy. Từ đây đi về hướng Đông hơn ba trăm dặm, vượt qua sông Hằng, đi về hướng Bắc đến nước A-da-mục-khứ (thuộc Trung Ấn Độ). Từ đây lại đi về hướng Đông nam hơn bảy trăm dặm vượt qua sông Hằng, đi về hướng Nam là sông Mâu-na, đi về hướng Bắc thì đến nước Bát-la-da-già (thuộc Trung Ấn Độ). Trong rừng hoa Thiệm-bác-ca ở phía Tây nam thành có ngôi tháp do vua Vô Ưu tạo lập, đây là chỗ Phật hàng phục ngoại đạo. Bên cạnh có ngôi chùa, là nơi Bồ-tát Đề-bà soạn luận Quảng Bá để phá Tiểu thừa và ngoại đạo. Ở phía Đông thành là nơi các dòng sông giao nhau.

Ở phía Tây có một vùng đất chu vi khoảng mười bốn, mười lăm dặm, mặt đất bằng phẳng. Từ xưa đến nay các bậc vương tôn hào kiệt đều là bậc nhân từ đức độ đều xuất thân từ đây, và đều xây đàn cúng thí cho nên đặt tên vùng đất này là đại thí trường. Ngày nay, vua Giới Nhật cũng tiếp tục việc này. Năm năm tích góp tài vật rồi bố thí hết trong bảy mươi lăm ngày. Cúng thí trên từ Tam bảo cho đến kẻ nghèo cùng khốn khổ.

Từ đây đi về hướng Đông nam thì đến một khu rừng lớn, đầy các thú dữ, đi thêm năm trăm dặm đến nước Kiều-thưởng-di (cựu dịch là Câu-thiểm-di là lầm, thuộc Trung Ấn Độ). Nước này có hơn mười ngôi chùa với hơn ba trăm vị tăng. Trong cung cũ ở trong thành có ngôi tinh xá lớn cao hơn sáu trăm thước, có tượng Phật khắc bằng cây tử đàn, phía trên có che lọng bằng đá, do vua Ổ-đà-diễn-na (đời Đường dịch là Xuất Ái, xưa dịch vua Ưu-điền là lầm) xây dựng nên. Ngày trước Đức Như Lai lên cung trời nhập hạ, nói pháp hóa độ mẹ. Vua mới thỉnh cầu ngài

Mục-kiền-liên, dùng năng lực thần thông đưa lên cõi trời để được thấy tôn nhan Phật. Khi trở về vua sai đem cây tử đàn để khắc chân dung Phật. Khi Thế Tôn trở về thì đem tượng đón rước Phật tại đây.

Ở phía Nam thành có ngôi nhà xưa tên là Cù-sử-la (xưa phiên âm Cù-sư-la là lầm) là chỗ ở của một vị Trưởng giả ngày trước. Cách thành không xa về phía Nam có ngôi chùa xưa, cũng nằm trong vùng đất của Trưởng giả, trong khuôn viên chùa có ngôi tháp cao hơn hai trăm thước, do vua A-dục xây dựng. Kế đó ở phía Tây nam có ngôi lầu gác, là nơi ngài Thế Thân soạn luận Duy Thức.

Kế đến đi về hướng Đông đến rừng Am-một-la có một nền nhà cũ, là nơi ngài Vô Trước soạn luận Hiển Dương. Từ đây đi về hướng Đông hơn năm trăm dặm thì đến nước Tỳ-sách-ca, hơn hai mươi ngôi chùa, hơn ba ngàn vị tăng, tu học theo Chánh lượng Bộ của Tiểu thừa. Đi về hướng Đông nam ở bên trái con đường có một ngôi chùa. Đây là nơi La-hán Đề-bà-thiết-ma soạn Thức Thân Túc luận nói không có ngã nhân.

A-la-hán Cù-bà soạn "Thánh Giáo Yếu Thật Luận" nói có ngã, nhân. Do đó việc pháp chấp càng thêm dữ dội hơn. Lại là nơi Bồ-tát Hộ Pháp trong bảy ngày hàng phục cả trăm vị Luận sư Tiểu thừa. Bên cạnh là nơi Đức Phật nói pháp sáu năm, có một cội cây cao hơn bảy mươi thước, ngày trước Phật dùng cây này xỉa răng rồi bỏ ở đây, do đó, nên đàn-việt trồng cây tại đây đến nay vẫn còn xanh tốt. Về sau, bọn tà kiến đã mấy lần đến tàn phá nhưng cây vẫn sống và xanh tươi như cũ. Từ đây, Pháp sư lại đi về hướng Đông bắc hơn năm trăm dặm thì đến nước Thất-la-phạt-tất-để (xưa dịch Xá-vệ là sai). Chu vi hơn sáu trăm dặm, có mấy trăm ngôi chùa với mấy ngàn vị tăng, đều tu học theo Chánh lượng Bộ. Lúc Phật còn tại thế thì đây là kinh đô của vua Ba-tư-nặc, trong nội thành còn nền cũ của cung điện. Cách đây không xa về hướng Đông có một nền đất cũ, trên có xây một ngôi tháp, vua Thắng Quân (Ba-tư-nặc) lập đại giảng đường để Phật nói pháp tại đây, kế bên lại có ngôi tháp, là tinh xá Tỳ-kheo ni Bát-la-xà-bạt-để (đời Đường dịch là Sanh Chủ, xưa dịch Ba-xà-ba-đề là lầm) là di mẫu của Phật. Về hướng Đông lại có ngôi thấp, là ngôi nhà xưa Tô-đạt-đa (đời Đường dịch là Lạc Thí, xưa dịch Tu-đạt là lầm), cạnh ngôi nhà này có ngôi tháp lớn, là nơi bỏ tà của Ương-lũ-lợi-ma-la (xưa dịch Ương-quật-ma-la là lầm). Cách thành về phía Nam chừng năm, sáu dặm có rừng Thệ-đa (đời Đường dịch là Thắng Lâm, xưa dịch Kỳ-đà là sai), tức là vườn cây của Truởng giả Cấp Cô Độc. Xưa là chùa, nhưng nay đã hoang phế

tiêu sơ. Hai bên cửa phía Đông đều có dựng cây cột bằng đá cao hơn bảy mươi thước, do vua Vô Ưu xây dựng. Các ngôi chùa đều đã bị hủy hoại, chỉ còn một cái nhà gạch, trong nhà này có pho tượng bằng vàng, xưa Phật lên cõi trời nói pháp hóa độ mẹ. Vua Thắng Quân vì tâm luôn nhớ Phật nên sai người khắc cây làm tượng để tạo ra tượng Phật. Phía sau chùa không xa là nơi phạm chí ngoại đạo trước kia giết vợ để hủy báng Phật. Ở phía Đông chùa hơn trăm bước có một cái hố sâu, là chỗ Đề-bà-đạt-đa dùng thuốc độc dược hại Phật trước kia, nên khi còn sống đã đọa vào địa ngục. Ở phía Nam lại có một cái hố lớn, là nơi còn sống đã bị đọa vào địa ngục của Tỳ-kheo Cù-già-lê hủy báng Phật. Cách đó hơn tám trăm bước về phía Nam là nơi còn sống đã đọa vào địa ngục của Bà-la-môn Chiến-già hủy báng Phật. Ba cái hố này rất sâu không thể nhìn thấy đáy. Cách chùa hơn bảy mươi bước về phía Đông có một tinh xá cao lớn, trong có tượng Phật xây mặt về hướng Đông. Đây là chỗ trước kia Phật luận nghị với ngoại đạo. Kế đến ở hướng Đông có ngôi đền thờ trời, lớn bằng tinh xá. Mặt trời di chuyển, bóng của ngôi đền thờ trời không đến tinh xá, nhưng bóng của tinh xá thường che phủ ngôi đền thờ trời. Lại đi về hướng Đông ba, bốn dặm có một ngôi tháp, là nơi ngài Xá-lợi-phất luận nghị với ngoại đạo. Cách thành lớn về phí Tây bắc khoảng sáu trăm dặm có một ngôi thành xưa, là nơi mà trong kiếp Hiền con người thọ hai muôn tuổi, Đức Phật Ca-diếp-ba thành Chánh Giác ở phía Nam thành này. Ở phía Bắc thành có ngôi tháp, trong tháp có xá-lợi kim thân của Phật Ca-diếp-ba, đều do vua Vô Ưu xây dựng. Từ đây đi về hướng Đông nam hơn tám trăm dặm đến nước Kiếp-tì-la-phạt-tốt-đổ (xưa dịch là nước Ca-tỳ-la-vệ). Nước này chu vi hơn bốn ngàn dặm, đô thành hơn mười dặm nay đều bị đổ nát. Cung thành chu vi mười lăm dặm, đều làm bằng gạch rất vững chắc. Trong thành vẫn còn nền gạch cũ, là cung điện của vua Tịnh Phạn, trên nền này hiện nay xây dựng tinh xá, trong pho tượng vua. Ở phía Bắc cũng có nền gạch cũ, là cung nghỉ ngơi của phu nhân Ma-da. Trên nền này hiện nay xây dựng tinh xá, bên trong có pho tượng nhu nhân, bên cạnh đó còn có tinh xá là nơi Bồ-tát Tất-đạt-đa giáng thần vào thai mẹ, bên trong có pho tượng Bồ-tát giáng sinh. Thượng Tọa Bộ cho rằng: Bồ-tát ở trên cung trời Đâu-suất. Vào đêm ba mươi giáng thần vào thai mẹ, nay là ngày mười lăm tháng năm. Các bộ phái khác thì nói là ngày hai mươi ba, nay là mùng tám tháng năm. Về phía Đông bắc có ngôi tháp là chỗ tiên A-tư-đà gặp Thái tử. Hai bên thành là nơi Thái tử đấu sức với những người họ Thích. Lại có nơi Thái tử cỡi ngựa du ngoạn ngoài

kinh thành và nơi mà ngày trước Thái tử cửa Tây thấy các cảnh sinh già bệnh chết và Sa-môn, nên nhàm chán cảnh sống ở thế gian, quày xe trở về cung điện.

Từ đây đi về hướng Đông khoảng năm trăm dặm thì đến khu rừng hoang và nước Lam-ma (thuộc Trung Ấn Độ) dân chúng ở đây rất thưa thớt. Ở phía Đông nam thành cũ có ngôi tháp gạch cao hơn năm mươi thước. Sau khi Như Lai Niết-bàn, vị tiên vương của nước này được chia xá-lợi nên đem về đây xây tháp. Mỗi viên đều tỏa ánh sáng rực rỡ. Bên cạnh có ao rồng, rồng thường biến thân thành người đi nhiễu quanh tháp. Các loài dã thú thường ngậm hoa đem đến cúng dường. Cách đó không xa có một ngôi chùa, do vị Sa-di coi sóc, tương truyền xưa có một vị Bí-sô ở xa cùng với bạn đồng học đến lễ bái, thấy một con voi hoang ngậm hoa đem đặt trước tháp. Rồi lại dùng răng ngậm cỏ, dùng mũi phun nước. Mọi người thấy không ai mà không cảm thán. Có một vị Bí-sô bèn xả đại giới, nguyện ở lại để cúng dường, nói với mọi người rằng: Voi là súc sinh mà còn biết kính tháp quét dọn dâng hoa, ta là con người, lại xuất gia với Phật, há thấy sự hoang phế này mà không ở lại để coi sóc sao?

Liền từ biệt đại chúng ở lại cất chòi, đào ao trồng hoa trái. Tuy khó nhọc mà vẫn không nản chí. Các nước lân cận nghe biết liền đem tài vật đến cúng dường để xây cất chùa. Từ đó, vị Sa-di này coi sóc việc tăng, bèn trở thành sự tích. Từ ngôi chùa Sa-di này đi về hướng Đông băng qua rừng hơn một trăm dặm thì có một ngôi tháp, do vua Vô Ưu xây dựng, đây là nơi mà ngày trước Thái tử du hành ra ngoài thành, đến đây liền cởi bỏ y phục châu báu giao cho Xiển-đặt-ca (xưa dịch là Xa-nặc là sai) đem về, Rồi cạo tóc xuất gia. Các việc đều có ghi lại trong tháp. Từ khu rừng này đến nước Câu-thi-na-yết-la đường đi rất hoang vắng. Ở góc Đông bắc của thành có một ngôi tháp, cũng do vua Vô ưu xây dựng, là nhà của Chuẩn-đà (xưa dịch Thuần-đà là sai). Trong nhà này có giếng nước ngày trước cúng dường Phật. Nước giếng nay vẫn còn trong vắt. Đi về hướng Tây bắc thành ba, bốn dặm thì qua sông A-thị-đa-phạt-để (đời Đường dịch là Vô Thắng, xưa dịch A-lợi-bạt-đầ-ô là sai). Cách đó không xa là đến rừng Ta-la. Cây này giống như cây hộc nhưng da xanh lá trắng, rất tươi sáng, cây có bốn cặp đôi đều cao lớn. Chính là chỗ Như Lai Niết-bàn, có một ngôi tinh xá bằng gạch lớn, bên trong có tượng Như Lai Niết-bàn, nằm xoay đầu về hướng Bắc. Cạnh chùa có ngôi tháp cao hơn hai trăm thước, do vua Vô Ưu xây dựng. Lại dựng cột đá ghi việc Phật nhập Niết-bàn, nhưng không ghi ngày tháng.

Tương truyền rằng: Phật trụ thế tám mươi năm, nhập Niết-bàn vào ngày mười lăm, nửa sau của tháng Phệ-xá-khư, nay chính là ngày mười lăm tháng hai.

Thuyết Nhất thiết hữu bộ thì cho rằng: Phật nhập Niết-bàn nửa sau tháng Ca-thích-để-ca, nay là mùng tám tháng chín. Từ khi Phật Niết-bàn đến nay, có chỗ nói là một ngàn hai trăm năm, hoặc một ngàn ba trăm, hoặc một ngàn năm trăm. Hoặc có chỗ nói chỉ hơn chín trăm chứ chưa đủ một ngàn năm. Lại nói Đức Như Lai lúc nằm trong kim quan nói pháp để độ mẹ, đưa tay ra để hỏi A-nan, hiện chân để khai thị cho Ca-diếp. Gỗ thơm đốt thân được tám vị vua chia ra xây tháp đều có ghi lại.

Pháp sư xuyên qua khu rừng lớn này, đi khoảng hơn năm trăm dặm nữa thì đến nước Bà-la-ni-tư. Nước này chu vi khoảng bốn ngàn dặm. Ở phía Tây đô thành là dòng sông Hằng, dài hơn mười dặm, rộng năm, sáu dặm. Có hơn ba mươi ngôi chùa, với hơn hai ngàn vị tăng, tu học theo Nhất thiết hữu bộ Tiểu thừa.

Lại vượt qua sông Bà-la-ni-tư, đi về hướng Đông bắc hơn mười dặm thì đến chùa Lộc-dã, có đài cao tới mây, lan can dài khắp bốn bên, có hơn một ngàn năm trăm vị tăng, tu học Chánh lượng Bộ của Tiểu thừa. Trong đại viện có tinh xá, cao hơn một trăm thước, thềm bằng gạch đá, có thềm thang một trăm bậc, đều ẩn hiện tượng Phật màu vàng ròng. Trong thất lại có tượng Phật bằng đá, khối lượng bằng với tượng Phật quay bánh xe pháp luân. Phía Đông tinh xá lại có ngôi tháp bằng đá, do vua Vô Ưu xây dựng, cao hơn mười thước, phía trước có trụ đá, cao hơn bảy mươi thước, là nơi Phật xoay bánh xe pháp lần đầu tiên. Bên cạnh lại là chỗ thọ ký cho Bồ-tát Mai-đát-lệ (đời Đường dịch là Từ Thị, cựu dịch Di-lặc là sai). Ở hướng Tây có ngôi tháp, là nơi Bồ-tát Hộ Minh vào thời kiếp Hiền khi con người thọ hai muôn tuổi, Phật Ca-diếp-ba đã thọ ký cho Bồ-tát ở chỗ này. Ở phía Nam có một chỗ cao bảy thước, dài năm mươi thước là nơi bốn vị Phật thời quá khứ đi kinh hành làm bằng đá xanh. Trên có tượng bốn vị Phật kinh hành. Ở phía Tây chùa có ao Đức Như Lai tắm rửa. Lại có ao rửa đồ vật và ao giặt y, tất cả đều có rồng thần giữ gìn, không cho ai đến làm nhơ uế. Bên cạnh ao cũng có ngôi tháp, khi Phật tu hạnh Bồ-đề thì đây là chỗ voi trắng sáu ngà đem ngà cho thợ săn. Lại là chỗ lúc Bồ-tát làm loài chim, Ngài cùng voi trắng và khỉ giao ước ở dưới cây ni-câu-luật, quyết định trải qua nhiều kiếp hóa độ mọi người.

Từ đây lại vượt qua sông Hằng, đi về hướng Đông hơn ba trăm

dặm thì đến nước Chiến-chủ, đi về hướng Đông bắc vượt qua sông Hằng, đi một trăm bốn mươi, một trăm năm mươi dặm thì đến nước Phệ-xá-ly (xưa dịch Tỳ-xá-ly là sai), chu vi khoảng năm ngàn dặm, đất đai ở đây rất tốt lại có nhiều trái Am-một-la, đô thành hoang phế, cho nên nền đất chu vi khoảng sáu, bảy ngàn dặm mà cư dân rất ít.

Ở cách cung thành năm, sáu dặm về hướng Tây bắc có một ngôi chùa, bên cạnh có ngôi tháp, là nơi thuở xưa Phật nói kinh Tỳ-ma-la-cật. Đi về phía Đông bắc chừng ba, bốn dặm cũng có ngôi tháp, là ngôi nhà cũ của Tỳ-ma-la-cật. Ngôi nhà này vẫn còn nhiều điều kinh dị. Cách đó không xa lại có một ngôi nhà bằng đá, là nơi ngài Vô Cấu xưng thị hiện tật bệnh để nói pháp. Bên cạnh đó cũng có ngôi nhà cũ của Bảo Tích, nhà cũ của nàng Am-ma-la. Đi về hướng Bắc chừng ba, bốn dặm có ngôi tháp, là nơi khi Phật sắp đến nước Câu-thi-na để nhập Niết-bàn, các trời, người đứng sắp hàng đợi ở đây. Tiếp tục đi về hướng Tây lại có chỗ khi Phật đến đây lần cuối để xem kinh thành Phệ-xá-ly. Ở phía Nam lại có nơi nàng Am-ma-la cúng dâng khu vườn lên Đức Phật. Lại có chỗ Phật hứa với Ma Vương sẽ nhập Niết-bàn. Từ nước Phệ-xá-ly đi về hướng Nam qua sông Hằng hơn một trăm dặm đến thành Phệ-đa-bổ-la, nơi đây Pháp sư được Bồ-tát kinh tạng.

Lại đi về hướng Nam vượt qua sông Hằng đến nước Ma-kiệt-đà (xưa dịch Ma-già-đà là sai), nước này chu vi hơn năm ngàn dặm, dân ở đây đều tôn sùng việc học và kính trọng bậc hiền tài. Có hơn năm mươi ngôi chùa với hơn một muôn vị tăng, phần nhiều tu theo Đại thừa. Ở phía Nam sông có ngôi thành cổ, chu vi hơn bảy ngàn dặm, tuy bị hoang phế nhưng vẫn còn bức tường thấp. Thuở xưa, khi con người thọ vô lượng tuổi thì thành này tên là Câu-tô-ma-bổ-la (xưa dịch là thành Hương Hoa Cung). Vương cung này có rất nhiều hoa nên gọi là Hương Hoa Cung. Lại đến khi con người thọ mấy ngàn tuổi thì thành lại có tên là Ba-sất-lý-tử (xưa dịch ấp Hy-liên-phất là sai), đó là gọi theo tên cây.

Sau khi Phật nhập Niết-bàn một trăm năm, có vua A-du-ca (đời Đường dịch vua Vô Ưu, xưa dịch vua A-dục là sai), tức cháu nội của vua Tần-tỳ-sa-la. Từ thành Vương-xá dời đô về đây, vì đã lâu năm nên nay chỉ còn nền cũ. Có mấy trăm ngôi chùa nay chỉ còn hai, ba ngôi.

Từ cung cũ đi về phía Bắc, vượt qua sông Hằng thì có một ngôi thành nhỏ. Thành có hơn một ngàn ngôi nhà. Phía Bắc cung thành có cột trụ bằng đá, cao vài chục thước. Đây là chỗ vua Vô Ưu lập địa ngục. Pháp sư dừng lại ở thành nhỏ này bảy ngày để chiêm bái thánh tích. Ở

phía Nam địa ngục có ngôi tháp, tức là một ngôi tháp trong tám muôn bốn ngàn ngôi tháp mà vua Vô Ưu đã cho xây dựng. Mỗi tháp đều có một viên xá-lợi, tất cả đều phát ra ánh sáng rực rỡ. Kế lại có tinh xá, trong tinh xá có tảng đá nơi Như Lai đi qua. Trên tảng đá có dấu hai chân Phật dài một thước tám tấc, rộng sáu tấc. Dưới hai bàn chân có hình bánh xe ngàn căm, ở đầu mười ngón chân có chữ ?? (Vạn), hoa văn và bình ngư v.v... tất cả đều sáng rõ. Là nơi Đức Thế Tôn khi sắp nhập Niết-bàn Ngài đi từ nước Phệ-xá-ly đến đây, Ngài đứng trên tẳng đá vuông lớn trên bờ phía Nam sông, rồi quay lại nói với A-nan rằng: Đây là nơi cuối cùng của ta.

Rồi Phật quay nhìn dấu tích còn lưu lại trên tòa Kim cương và thành Vương-xá. Phía Bắc tinh xá có cột đá cao hơn ba mươi thước, có ghi vua Vô Ưu ba lần cúng dường Phật, pháp, tăng ở cõi Diêm-phù-đề này, ba lần dùng châu báu để chuộc từ ở phía Đông nam ngôi thành cổ có nền của ngôi chùa Khuất-sất-a-lạm-ma, do vua Vô Ưu lập nên, là nơi mời cả ngàn vị tăng đến Sự cúng dường tứ sự. Pháp sư dừng lại nơi thánh tích này bảy ngày để chiêm bái lễ lạy rồi mới đi tiếp.

Lại đi về phía Tây nam sáu, bảy do-tuần thì đến chùa Đê-la-trách-ca, trong chùa có mấy mươi vị Tam tạng, nghe có Pháp sư đến họ đều ra đón rước. Từ đây lại đi về hướng Nam hơn một trăm dặm thì đến cội Bồ-đề, cây có bờ tường bao quanh vững chắc, chiều đông tây dài, chiều nam bắc hơi hẹp. Cửa chánh ở hướng Đông, đối diện với sông Ni-liên-thiền. Cửa Nam giáp với ao Đại Hoa, phía Tây là nơi hiểm trở kiên cố, phía Bắc thông với ngôi chùa lớn. Bên trong có nhiều thánh tìch liên tiếp, hoặc tinh xá, hoặc tháp... đều do các vị vua, quan, trưởng giả giàu có vì mộ Thánh hiền nên xây dựng lên để ghi nhớ cho dòng họ. Ở trong chánh điện có tòa Kim cương, từ khi kiếp Hiền bắt đầu mới thành thì tòa Kim cương này có mặt đồng thời với mặt đất. Căn cứ vào cõi tam thiên đại thiên thì dưới tận đến mé kim luân, trên ngang đến mé đất, đều do Kim cương tạo thành. Chu vi hơn một trăm bộ, nói Kim cương đây là chỉ cho sự vững chắc khó hoại diệt, có công năng ngăn trở cả muôn vật, nếu không nương vào bản tế thì đất không thể đứng vững, nếu không nương vào tòa Kim cương thì không thể phát sanh định Kim cang. Nay muốn hàng phục ma vương thành đạo Chánh giác thì phải ở tại đây.

Cho nên ngàn vị Phật trong kiếp Hiền thành tựu đạo nghiệp chính ở tại đây. Vì vậy chỗ này cũng gọi là Đạo tràng. Thế giới dù có nghiêng động thì riêng ở đây vẫn được bình an. Vài trăm năm trở lại đây chúng sanh vì phước mỏng, có đến cây Bồ-đề cũng không thấy tòa Kim cương.

Sau khi Phật Niết-bàn, vua các nước đem hai tượng Bồ-tát Quán Tự Tại làm tiên giới cho nam bắc, ngồi theo hướng Đông, tương tryuền rằng thân Bồ-tát này ẩn mất thì Phật pháp sẽ bị tiêu diệt. Nay ở phía Nam tượng Bồ-tát đã chìm tới lưng, còn cây Bồ-đề tức là cây Tất-bát-la. Khi Phật tại thế thì cây cao hơn một trăm thước, vì thường bị các vua ác tàn phá nay chỉ còn hơn năm trượng. Ngày trước Phật ngồi dưới gốc cây thành Vô thượng Chánh giác, cho nên gọi cây này là Bồ-đề. Thân cây màu vàng nhạt, lá màu xanh thẫm, thu đông đều không xơ xác. Nhưng đến ngày Như Lai nhập Niết-bàn thì lá rụng hết, qua một đêm lại mọc như cũ. Mỗi năm đến ngày này vua các nước và các quan cùng đi đến dưới gốc cây này, quét dọn sạch sẽ và rải hoa cúng dường, rồi hái lá đem về. Pháp sư đến lễ bái cây Bồ-đề và tượng Bồ-tát Di-lặc thành đạo rất chí thành cung kính, lòng Ngài bi thương sầu não gieo năm vóc sát đất rồi tự than rằng: Phật khi thành đạo thì không biết con còn đắm chìm trong đường nào, nay cuối thời chánh pháp con mới đến được nơi đây, bởi do nghiệp chướng quá sâu nặng.

Bây giờ, gặp ngày chúng tăng giải hạ, xa gần đều trở về có mấy ngàn vị. Người thấy không ai mà không thương cảm. Người đến chiêm bái thánh tích này càng đông, Pháp sư dừng lại đây tám chín ngày lễ bái rồi mới đi. Đến ngày thứ mười, chùa Na-lan-đà sai bốn vị Đại đức đến đón rước, Pháp sư liền đi theo. Đến một ngôi làng vốn là nơi Tôn giả Mục-kiền-liên sanh ra. Pháp sư thọ thực trong giây lát lại có khoảng hơn hai trăm vị tăng và một ngàn cư sĩ đem cờ lọng hoa hương lại đến đón rước, khen ngợi vây quanh đưa Pháp sư vào chùa Ma-lan-đà. Đại chúng đến lễ lạy Pháp sư xong thì mời Ngài lên tháp tòa ngồi, đồ chúng cũng ngồi xuống, sau đó sai Duy-na lấy kiền chùy xưng tụng. Pháp sư ở tại chùa, Những các pháp vật, đạo cụ mà tất cả chư tăng trong chùa chứa dùng đều giống nhau, rồi sai hai mươi vị còn khỏe mạnh uy nghi tề chỉnh lại thông hiểu kinh luật, đưa Pháp sư đến ra mắt ngài Chánh Pháp Tạng, tức là Pháp sư Giới Hiền. Vì đại chúng rất tôn kính cho nên gọi Ngài là Chánh Pháp Tạng. Pháp sư theo chúng vào ra mắt Ngài. Khi gặp mặt thì Pháp sư vô cùng cung kính, Pháp sư thưa hỏi khen ngợi xong rồi, ngài Pháp Tạng bảo trải tòa rộng để Pháp sư và đại chúng ngồi, xong rồi liền hỏi Pháp sư rằng:

Ngài từ đâu đến đậy?

Đáp: Đệ tử từ Trung Quốc đến, muốn học luận Du-già với thầy.

Ngài Chánh Pháp Tạng nghe xong thì rơi lệ. Mới gọi người đệ tử là Phật-đà-bạt-đà-la (đời Đường dịch là Giác Hiền) tức cháu ngài Pháp

Tạng. Năm nay đã hơn bảy mươi tuổi và thông hiểu kinh luận, khéo bàn luận đàm yếu nghĩa.

Ngài Pháp Tạng bảo: Ông vì đại chúng mà nói các nhân duyên bệnh não của ta ba năm trước cho Pháp sư nghe.

Ngài Giác Hiền nghe xong thì rơi lệ rồi mới trình bày lại về nhân duyên ngày trước: Hòa thượng bị chứng bệnh phong, mỗi khi phát bệnh thì tay chân co quắp như lửa thiên, đao chém rất đau đớn. Chợt phát bệnh ra rồi lại chợt dứt, suốt hơn hai mươi năm như vậy. Cách đây ba năm, bệnh càng dữ dội, Ngài chán ghét thân này muốn nhịn ăn để chết. Trong đêm đó lại nằm mộng thấy ba vị trời, một vị màu vàng ròng, vị thứ hai màu lưu ly xanh, vị thứ ba màu bạc trắng. Ba vị hình dáng đều xinh đẹp, nghi phục sáng rực nhẹ nhàng. Bước đến chỗ Hòa thượng nói: Ngài muốn dứt bỏ thân này phải không? Trong kinh chỉ nói thân là khổ, chứ không nói phải xa lìa, chán ghét thân này. Vào thời quá khứ Ngài từng làm vị quốc vương, vì giết hại chúng sanh nên giờ đây phải chịu khổ báo này. Nay nên quán sát tội lỗi đời trước mà chí thành sám hối, ở trong sự khổ mà an nhẫn siêng năng giảng nói kinh luận, thì tội sẽ tự tiêu diệt, nếu ông chán thân mà hủy diệt đi, thì khổ báo không dứt được

Hòa thượng nghe xong thì chí thành lễ bái, vị có màu vàng bèn chỉ vào vị có màu lưu ly xanh nói với Hòa thượng rằng: Ngài biết không? Đây chính là Bồ-tát Quán Tự Tại.

Lại chỉ vị có màu bạc trắng nói: Đây là Bồ-tát Từ Thị.

Hòa Thượng liền lễ lạy ngài Từ Thị và thưa: Giới Hiền thường nguyện sinh về chỗ Tôn giả, chẳng biết có được không?

Đáp: Ông rộng truyền bá chánh pháp, sau sẽ được sinh về.

Vị màu vàng lại nói: Ta là Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi. Chúng ta vì thấy ông muốn xả bỏ thân này mà không được lợi ích gì, cho nên mới đến khuyên ông nên theo lời ta dạy mà truyền bá chánh pháp, luận Du-già, v.v.... Đến khắp những người chưa nghe, được như vậy thì thân ông sẽ dần dần được an ổn, chớ lo không hết bệnh. Rồi sẽ có vị tăng ở nước Trung Quốc đến, vì cầu đại pháp nên sẽ học với ông, ông nên đợi vị ấy để truyền dạy. Ngài Pháp Tạng nghe xong thì lễ bái rằng: "Xin kính vâng theo lời Ngài chỉ dạy".

Nói xong ba vị liền biến mất. Từ đó đến nay bệnh Hòa thượng dần bớt hẳn, tăng chúng nghe qua không ai không khen ngợi cho là việc ít có.

Pháp sư nghe được lời này thì lòng vừa vừa vui buồn không thể

kiềm chế được, lại càng cung kính lễ lại và nói: Nếu như lời thầy nói, thì Huyền Trang này xin dốc hết sức mình học pháp nghe kinh, xin Tôn giả từ bi nhiếp thọ dạy bảo. Ngài Pháp Tạng lại hỏi Pháp sư: “Ông đi đường đã bao lâu?”

Đáp: Đã ba năm.

Khi biết thời gian rất phù hợp với giấc mộng thì Pháp sư càng vui mừng lấy tình thầy trò mà đối xử, xong rồi từ biệt lui ra. Pháp sư được sắp đặt ở viện Ấu Nhật Vương, ở trên tầng lầu thứ tư nơi cửa phòng ngài Giác Hiền để thọ sự cúng dường trong bảy ngày, sau đó lại được sắp đặt ở trên thượng phòng. Ở tại phía Bắc phòng Bồ-tát Hộ Pháp và được cung cấp một trăm hai mươi quả đam-bộ, hai mươi quả tân-lang, hai mươi quả đậu-khấu, một lượng long não hương, một thăng gạo Cung đại nhân, khi nấu lên mùi hương bay ra khắp cùng, chỉ có nước Ma-kiệt-đà là có loại gạo thơm này, các xứ khác không có. Chỉ để dành cung cấp cho đại vương và hàng Đại đức học rộng, cho nên đặt tên là gạo Cung đại nhân.

Mỗi tháng lại cung cấp cho Pháp sư ba thăng dầu, và các thứ sữa lạc tô v.v... mỗi ngày đều đầy đủ như thế. Lại cho một tịnh nhân Bà-la-môn, được miễn hết các việc tăng chỉ lo việc xe ngựa cho Pháp sư. Hằng ngày ở chùa Na-lang-đà này chủ khách cả muôn vị tăng đều được cung cấp cúng dường.

Trong vườn Am-một-la ở phía Nam chùa này có ao, trong ao có con rồng tên là Na-lan-đà, vì nằm cạnh chùa cho nên đặt tên là chùa Na-lan-đà.

Lại nói: Khi Như Lai còn thực hành đạo Bồ-tát, vì vua nước này kiến lập đô thành ở đây, vì thương xót người nghèo khổ nên thường thực hành bố thí tài vật. Vì dân chúng nghĩ nhớ ân đó cho còn gọi là Thí-vô-yếm. Khu vườn này vốn là của Trưởng giả Am-một-la, có năm trăm người đi buôn cùng bỏ ra mười ức đồng tiền vàng để mua khu vườn cúng dường Đức Phật. Đức Như lai đã ở lại đây ba tháng để nói pháp, có nhiều người thương buôn được chứng quả. Sau khi Phật nhập Niết-bàn, vị vua ở nước này là Thược-già-la-a-dật-da (đời Đường dịch là Đế Nhật) vì kính nhớ Phật cho nên xây dựng ngôi chùa này. Sau khi vua băng hà thì con là vua Phật-đà-cúc-đa cũng nối nghiệp cha xây dựng thêm ngôi chùa ở phía Nam. Kế tiếp vua con là Đát-tha-yết-đa cũng xây dựng ngôi chùa ở hướng Đông, rồi đến đời con Bà-la-a-dật-đa (đời Đường dịch là Ấu Nhật) lại xây ngôi chùa ở hướng Đông bắc. Sau thấy Thánh tăng từ nước Trung Quốc đến thì tâm vua rất vui mừng, bèn bỏ ngôi vị đi

xuất gia, con là Phạt-xà-la lên nối ngôi, lại xây dựng ngôi chùa ở hướng Bắc. Về sau vua xứ Trung Ấn lại lập thêm ngôi chùa ở một bên, như thế sáu vị vua kế tiếp nhau lập chùa, lại lập ở kinh đô một ngôi chùa bằng gạch, lại lập đình tự riêng, ở trong chia thành tám viện. Lại xây riêng bảo đài nguy nga riêng biệt, khói mây bao bọc quanh năm, gió mây vờn ngoài song cửa, vầng nhật nguyệt soi ngoài mái hiên. Lại có dòng nước uốn quanh trong suốt, mọc đầy hoa sen xanh. Lại có cây hoa Yết-ni diệu kỳ trong sáng. Rừng Am-một-la rậm rạp ở bên ngoài. Chư tăng trong các chùa viện đều có bốn lớp, lầu gác xây cất bằng các loại cây tốt quý, có chạm khắc đủ kiểu, và trang sức bằng các loại châu báu quý giá vô cùng. Các ngôi chùa ở xứ Ấn Độ này có đến ngàn muôn, đều rất nguy nga tráng lệ, tăng chúng chủ khách thường có cả muôn người, đều học Đại thừa kiêm Thập bát bộ, cho đến các loại sách thế tục như Phệ-đà v.v... ngũ minh cũng đều nghiên cứu học tập. Còn người thông hiểu hai mươi bộ kinh luận thì có hơn một ngàn vị, ba mươi bộ kinh luận thì có năm ngàn vị, năm mươi bộ kinh luận thì có mười vị Pháp sư, chỉ có Pháp sư Giới Hiền thì tất cả đều thông suốt. Ngài là bậc đức độ cao sâu, làm bậc Tôn tượng cho đại chúng. Ngài thường giảng kinh trong chùa viện, học chúng tu tập không bỏ phí thời gian, do đó mà đức chúng thường trú tự nhiên trang nghiêm, ngôi chùa này được xây dựng đến nay đã hơn bảy trăm năm, chưa hề có một người phạm lỗi, quốc vương rất tôn kính, đem hơn trăm ấp để sung vào việc cúng dường, hơn hai trăm hộ trong ấp đều dâng cúng gạo thóc, bơ sữa mỗi ngày. Do đó mà người học dù không có mong cầu, mà tứ sự vẫn thường đầy đủ. Sự nghiệp thành tựu đều do sự gắng sức của mỗi vị, Pháp sư được sắp đặt ở chùa Na-lan-đà này, Ngài liền đến thành Vương-xá để lễ bái thánh tích. Thành cũ Vương-xá này còn có tên là thành Cừ-xà-yết-la-bổ-la (đời Đường dịch là thành Thượng Mao Cung). Thành này nằm trong nước Ma-kiệt-đà. Ngày trước các vua thường ở trong thành, lại vì thành này có loài cỏ tranh (mao) rất thơm nên gọi là thành Mao Cung. Bốn mặt đều có núi bao bọc cao chót vót, hướng Tây thông với con đường nhỏ, phía Bắc có Đại Môn, chiều đông tây dài, nam bắc hẹp. Chu vi hơn một ngàn năm trăm dặm, bên trong có một nền cũ của tòa thành nhỏ, chu vi hơn ba mươi dặm. Các nơi đều mọc cây Yết-ni-ca thành rừng, bốn mùa hoa nở không ngớt, màu lá như vàng. Ở cửa phía Bắc cung thành có ngôi tháp, đây là chỗ Đề-bà-đạt-đa cùng VUA Vị Sinh oán thả voi say để hại Phật. Ở phía Đông bắc lại có ngôi tháp, đây là chỗ ngài Xá-lợi-tử nghe ở nước A-thấp-bà có vị Bí-sô nghe nói pháp mà chứng quả. Cách

đó không xa về hướng Bắc có một cái hố rất sâu là nơi Thất-lợi-cúc-đa, vâng lời tà đạo của ngoại đạo, làm hố lửa và cơm độc để hại Phật.

Ở phía bắc thành này lại có ngôi tháp, đây là nơi Phược-ca-đại-y (xưa dịch là Giả-bà là sai) xây dựng giảng đường cho Phật nói pháp. Bên cạnh hiện vẫn còn ngôi nhà cũ của Phược-ca. Cách cung thành mười bốn, mười lăm dặm về hướng Đông bắc thì đến núi Cật-lật-đà-la-cũ-tra-sất (đời Đường dịch là Thứu Phong, cũng gọi là Thứu Đài, xưa dịch là núi Kỳ-xà-quật là sai).

Núi này hình như chim Thứu, lại cao lớn, cho nên gọi là Thứu Phong. Ở đây có suối đá trong vắt, rừng cây xanh tốt. Khi Phật còn tại thế Ngài ở núi này nói vô lượng các kinh như Pháp Hoa, Đại Bát-nhã, v.v.... Ở phía bắc núi đi hơn một dặm thì đến vườn trúc Ca-lan-đà, hiện nay vẫn còn ngôi nhà gạch, khi còn tại thế Phật vẫn thường ở nơi này đặt ra các giới luật. Chủ vườn tên là Ca-lan-đà. Trước vườn này được cúng cho ngoại đạo, sau gặp Phật lại nghe pháp sâu, hận vì không có vườn cúng cho Như Lai, bấy giờ, thiên thần biết được ý này, hiện các điều tai quái để làm cho ngoại đạo sợ hãi và nói rằng: Trưởng giả muốn đem vườn này cúng dường lên Phật, các ông nên đi đi.

Ngoại đạo đều giận và bỏ đi, Trưởng giả rất mừng bèn xây dựng tinh xá rồi đích thân đến thỉnh Phật, Phật thọ nhận. Ở phía Đông vườn trúc có một ngôi tháp, vua A-xà-đa-thiết-đốt-lộ (đời Đường dich là Vị Sanh Oán, xưa dịch là A-xà-thế) xây dựng nên. Sau khi Như Lai Niết-bàn, các vua cùng chia xá-lợi, vua này được một phần liền xây tháp cúng dường, vua Vô Ưu phát tâm muốn xây dựng các tháp, mới mở lấy xá-lợi ở đây, chỉ lưu lại một ít, nay đều phát ra ánh sáng rực rỡ. Ở phía Tây nam vườn trúc cách hơn năm, sáu dặm bên cạnh núi có một rừng trúc khác. Bên trong có ngôi thất lớn bằng đá. Đây là nơi Tôn giả Ma-ha Ca-diếp-ba, ở cùng với chín trăm chín mươi chín vị đại A-la-hán, sau khi Như Lai Niết-bàn đến đây kiết tập kinh điển. Khi kiết tập, có vô lượng thánh chúng nhóm họp, ngài Ca-diếp-bảo: Trong chúng, vị nào tự biết mình có đầy đủ ba minh sáu thông, tổng trì tất cả pháp tạng của Như Lai không có sai lầm thì nên đến đây.

Bấy giờ, có được chín trăm chín mươi chín vị, khi đó ngài A-nan cũng đến. Ngài Ca-diếp liền nói: Ông chưa dứt hết các lậu, chớ làm nhiễm ô đại chúng thanh tịnh.

A-nan xấu hổ đi ra, chỉ qua một đêm chuyên tu dứt hết ba hoặc, chứng quả A-la-hán, bèn đi đến gõ cửa. Ca-diếp hỏi: Ông đã dứt hết kiết lậu rồi sao?

Đáp: Vâng, đã hết.

Lại hỏi: Nếu hoặc lậu đã dứt, thì cần gì phải gõ cửa, có thể tùy ý mà vào.

A-nan liền dùng thần lực bay qua cửa để vào lễ bái dưới chân chúng tăng. Ngài Ca-diếp nắm tay A-nan nói: “Ta vì muốn ông chứng quả cho nên mới đuổi ông ra, ông nên hiểu mà chớ giận”.

A-nan nói: Nếu có tâm hờn giận thì đâu dứt hết lậu hoặc.

Rồi ngoài lễ tạ ngồi xuống. Sau đó ở lại an cư mười lăm ngày .

Ca-diếp nói: Như Lai thường ở trước đại chúng nói ông là người học rộng, tổng trì hết pháp tạng của Như Lai, nay ông nên vì chúng tăng mà lên pháp tòa, tụng lại hết các kinh đã nghe, tức Nhất Thiết Kinh. A-nan vâng lệnh, đứng lên hướng về núi Phật nhập Niết-bàn đảnh lễ rồi lên tòa ngồi tụng kinh, đại chúng tùy theo miệng A-nan tụng mà ghi nhớ. Ngài Ca-diếp lại nhờ Ưu-ba-ly tụng Tỳ-nại-da, tức là tất cả giới luật, ngài Ưu-ba-ly tụng xong, ngài Ca-diếp tự mình tụng tạng A-tỳ-đạt-ma, tức là Luận Tạng, trải qua ba tháng an cư thì tụng xong cả ba tạng, chép vào lá cây rồi đem ra truyền bá. Các thánh nói với nhau:

Chúng ta kiết tập kinh điển để báo ân Phật, ngày nay được nghe là nhờ năng lực của Ca-diếp.

Ngài Ca-diếp được tôn làm bậc Thượng tọa trong chúng tăng, nhân đó gọi là Thượng tọa bộ.

Từ đây đi về hướng Tây hai mươi dặm thì có một ngôi tháp, do vua Vô Ưu xây dựng, tức là nơi Đại chúng bộ nhóm họp. Các vị học, vô học số đến mấy ngàn vị, lúc ngài Ca-diếp kiết tập không đến dự thì nhóm họp ở đây. Các vị nói với nhau: Đức Như Lai còn tại thế thì cùng học một thầy, Thế Tôn nhập diệt lại xua đuổi chúngta, lẽ nào chúng ta lại không thể kết tập kinh điển để báo ân Phật được sao?

Thế là các vị nhóm họp lại cùng kết tập tạng Tố-đát-lãm, tạng Tỳ-nại-da, A-tỳ-đạt-ma, tạng Tạp tập, tạng Cấm chú, chia ra làm năm tạng riêng biệt, nơi đây phàm Thánh cùng hội họp, nhân đó mà gọi là Đại chúng bộ.

Kế đến, đi về hướng Đông bắc khoảng ba, bốn dặm thì đến thành Vương-xá. Bên ngoài thành đã đổ nát nhưng bên trong thành vẫn còn nguy nga, chu vi hơn hai mươi dặm, trước mặt có một cửa, lúc đầu vua Tần-bà-ta-la ở nơi Cung Mao, trăm họ no ấm, nhà cửa đông đúc. Sau vì xảy ra hỏa hoạn mới lập ra nghiêm chế, nếu người nào không cẩn thận gây cháy sẽ bị đem bỏ vào rừng lạnh, rừng này là nơi bỏ thây chết, không bao lâu chính nơi cung vua xảy ra hỏa hoạn. Vua nói:

Ta là bậc nhân chủ mà phạm pháp, nếu không thi hành thì còn trị ai, bèn sai Thái tử ở lại cai trị dân chúng, còn vua thì đi vào rừng lạnh. Bấy giờ, vua Phệ-xá-ly nghe vua Tần-bà-ta-la ở nơi hoang vắng thì muốn đem binh đánh úp nước này. Quan hầu cận biết bèn tâu với vua nên xây thành ấp ở đây, vì vua lập thành xá ở đây cho nên gọi là thành Vương-xá, đây chính là ngôi thành mới. Các vua sau nhân đó mà lập kinh đô tại đây.

Đến đời vua Vô Ưu mới dời đô về Ba-tra-lý, giao thành cho Bà-la-môn, hiện nay trong thành này không có giai cấp khác ở, duy chỉ hơn một ngàn ngôi nhà của Bà-la-môn.

Ở phía Tây nam trong cung thành có ngôi tháp, là ngôi nhà cổ của Trưởng giả Thù-để-sắc-ca (đời Đường dịch là Tịnh Lịch, xưa dịch Thọ-đề-già là sai), bên cạnh lại có chỗ hóa độ La-hổ-la (tức con của Thái tử Sĩ-đạt-ta), phía Tây bắc chùa Na-lan-đà có ngôi tinh xã lớn cao hơn ba trăm thước, do vua Bà-la-a-thất-la xây dựng, rất trang nghiêm rực rỡ, bên trong có tượng Phật và tượng cây Bồ-đề. Phía Đông bắc của tinh xá lại có ngôi tháp, đây là chỗ Như Lai ở lại bảy ngày để nói pháp.

Ở hướng Tây bắc lại có chỗ ngồi của bốn vị Phật thời quá khứ.

Lúc này, Pháp sư đi đến ngôi tinh xá xây dựng bằng đá ở hướng Nam, do vua Giới Nhật xây dựng. Tuy là chưa xong, nhưng công trình ước lượng đã rõ ràng, dự tính cao hơn mười trượng. Ở phía Đông thành cách chừng vài trăm bộ có tượng Phật đứng bằng đồng, cao hơn tám mươi thước. Lầu gác có sáu tầng, do vua Mãn-trụ ngày trước lập nên. Đi về hướng Đông vài dặm lại có ngôi tháp. Khi Phật mới thành đạo, Ngài đi đến thành Vương-xá, khi đến đây thì vua Tần-bà-ta-la cùng nhân dân ra đón rước.

Lại đi về hướng Đông hơn ba mươi dặm thì đến núi Nhân-đà-la-thế-la-lũ-ha, ở trước ngôi chùa ở phía đông núi này có một ngôi tháp tên là Tăng-sa.

Ngày trước ở chùa này tu theo Tiệm giáo của Tiểu thừa, ăn tam tịnh nhục, nhưng trong một thời gian mua bán được, người xem xét bàng hoàng, không biết làm sao.

Khi đó bất chợt có vị tăng nhìn thấy có bầy nhạn bay qua liền ngước lên nhìn vui vẻ nói rằng: Ngày hôm nay tăng có thiếu sót gì xin Ma-ha-tát-đỏa liễu tri cho.

Nói rồi thì dẫn đến trước vị ấy, nói sẽ giết bầy nhạn để có thịt ăn. Bầy nhạn tự nhiên đâm đầu xuống chết cả. Vị Bí-sô thấy vậy thì vừa lo sợ vừa xấu hổ, bèn nói với chúng tăng biết. Mọi người nghe qua đều

kinh sợ, ai cũng than thở rơi lệ, rồi nói với nhau:

Đây là Bồ-tát, ta gặp người này thì đâu còn dám ăn thịt. Lại, Đức Như Lai lập ra giáo pháp thứ lớp mà ngăn ngừa. Chúng ta chấp vào lời nói khuyến dụ ban đầu ấy bèn cho là lời rốt ráo, cố chấp không sửa đổi gây ra sự thương tổn này. Từ nay về sau nên tu theo Đại thừa, không ăn tam tịnh nhục.

Sau đó, các vị Bí-sô bèn xây linh tháp, để chôn bầy nhạn chết trong đó. Có ghi lại những điều tâm nguyện để lưu truyền cho đời, vì thế mà có ngôi tháp này. Như thế trải qua các thánh tích, Pháp sư đều lần lượt đi tham kiến lễ bái, xong rồi thì trở về chùa Na-lan-đà. Ngài liền thỉnh Pháp sư Giới Hiền giảng luận Du-già. Người đến nghe có mấy ngàn vị. Khi ngài Giới Hiền vừa khai đề xong, thì có một vị Bà-la-môn, ở bên ngoài chúng vừa kêu gào khóc lóc rồi lại cười nói, Ngài sai người ra hỏi thì vị ấy đáp: Tôi là người ở Đông Ấn, ở trên núi Bố-trách-ca, đối trước tượng Bồ-tát Quán Tự Tại phát nguyện làm vua. Bồ-tát liền hiện thân ra quở trách tôi rằng: Ngươi chớ phát lời nguyện này, vào ngày tháng đó nên đi đến chùa Na-lan-đà có Pháp sư Giới Hiền giảng luận Du-già cho vị tăng ở Trung Quốc đến, ngươi nên đến nghe, nhờ nghe pháp này mà về sau được thấy Phật, cần gì được làm vua. Nay tôi đến đây thấy vị tăng Trung Quốc và Pháp sư giảng kinh như Bồ-tát đã dạy, cho nên lòng vui mừng mà rơi lệ.

Pháp sư giới Hiền liền cho vị này vào nghe, qua mười lăm ngày thì giảng xong. Pháp sư sai người đưa vị Bà-la-môn cùng vua Giới Nhật ra về, vua phong cho vị này ba ấp.

Pháp sư Huyền Trang ở lại chùa nghe luận Du-già ba lần, Thuận Chánh Lý một lần, Hiển Dương, Đối Pháp mỗi bộ một lần, các luận Nhân Minh, Thanh Minh, Tập Lượng, v.v... mỗi bộ hai lần. Trung luận, Bách luận mỗi luận ba lần và các bộ Câu-xá, Tỳ-bà-sa, Lục Túc, A-tỳ-đàm v.v... đã nghe ở các nước Ca-thấp-di-la, v.v.... Đến đây chỉ để tìm đọc giải quyết những điều còn nghi ngờ mà thôi, kiêm học các điển thư của Bà-la-môn và phạm thư của Ấn Độ, gọi là Ký luận, có nguồn gốc từ vô thỉ nên không biết tác giả thường cho rằng từ lúc kiếp Sơ Phạm vương đã nói rồi truyền trao cho trời, người. Vì do Phạm vương nói ra cho nên gọi là Phạm thư, lời lẽ rất rộng, có đến trăm muôn bài tụng, xưa dịch gọi là Tỳ-già-la luận, chính là Phạm thư ở đây nói. Nhưng cách phiên âm này chưa đúng, Nếu đúng thì nên gọi là Tỳ-da-yết-thích-nam, Hán dịch là “Thanh Minh Ký Luận”.

Vì sách này ghi chép rộng các pháp cho nên gọi là Thanh Minh

Ký Luận. Ngày trước khi mới thành lập kiếp thì Phạm thiên đã nói ra trước tiên, có đến trăm muôn bài tụng. đến đầu kiếp Trụ, thì Đế Thích lược lại chỉ còn lại mười muôn bài. Về sau, Bà-la-môn nước Kiền-đà-la ở Bắc Ấn Độ là Đổ-la-ấp-ba-nị-ni-tiên lại lược còn tám ngàn bài, đến nay vẫn còn hiện hành. Trở lại xứ Nam Ấn Độ khi các vị Bà-la-môn vì quốc vương ở đây lại lược còn hai ngàn năm trăm bài, lưu truyền rộng rãi khắp các nước. Các vị học rộng ở Ấn Độ, đếu không thích học tập theo đây. Đây chính là gốc tiếng Tây Vực. Từ đó chia ra nhiều âm tự khác. Lại có bài ký luận, lược có một ngàn bài, lại có tự thể khác có ba ngàn bài tụng. Lại có hai loại tự duyên: Một gọi là Gian-trạch-ca có ba ngàn bài. Hai là Ôn-na-địa có hai ngàn năm trăm bài, đây chỉ phân biệt về tự duyên tự thể. Lại có Bát giới luận có tám trăm bài, trong đây lược hợp các duyên thể của chữ. Các ký luận này phân biệt năng thuyên sở thuyên có hai trường hợp: Một là Để-sản-đa-thinh có mười tám bài, hai là Tô-mạn-đa-Thinh có hai mươi bốn bài. Để-sản-đa-thinh văn chương bóng bẩy, các loại phiếm văn cũng ít dùng, hai mươi bốn bài này tất cả các văn tự đều dùng. Mười tám bài Để-sản-đa-thinh thì có hai loại: Một là Bàn-la-táp-mê, hai là A-đáp-mạt-nê. Mỗi loại có chín điều, tổng cộng có mười tám điều, chín điều trước, cũng như phiếm luận nhất sự, tức nhất sự thì có ba, tha thuyết có ba, tự thuyết có ba, mỗi mỗi trong ba là nói một, nói hai, nói nhiều, cho nên có ba. Cả hai câu đều như thế, vì có thinh khác nhau nên có mười tám điều, nếu y theo Bàn-la-táp-mê thì nói có vô lượng các pháp.

Vả lại, như Thuyết hữu bộ thì có ba tên: Một tên là Bà-bì-để, hai tên là Bà-bì-sất, ba tên là Bà-phạn-để.

Thuyết tha cũng có ba: Một là Bà-bì-tủ, hai tên là Bà-bì-chách, ba tên là Bà-bì-tha.

Tự thuyết có ba: Một là Bà-bì-di, hai tên là Bà-bì-ngoa, ba là Bà-bì-ma. Y theo A-đáp-mạt-nê thì có chín điều, từ chín điều trước trở xuống, mỗi điều đều đem Tỳ-da-để mà nói. Các điều khác cũng đồng như trên. Đem đặt ở đây là khiến cho văn trở nên hay ho mà nghĩa vẫn không khác, cũng nói lên nghĩa rất hay.

Tô-mạn-đa-thanh có hai mươi bốn điều, nghĩa là gồm có tám điều, trong mỗi điều này đều có ba điều nhỏ, gọi là thuyết nhất, thuyết nhị, thuyết đa, khai ra thì có hai mươi bốn điều, trong hai mươi bốn điều này, mỗi điều đều có ba, gọi là “Nam thanh, nữ thanh, phi nam phi nữ thanh”.

Tám điều đó: Một là giải thích thể các pháp, hai là sở tác nghiệp,

ba là nói rõ về tác cụ và năng tác, bốn là giải thích việc phải làm, năm là việc sở nhân, sáu là giải thích việc sở thuộc, bảy là việc sở y, tám là việc kêu gọi.

Văn cú của pháp đều đạt đến chỗ thông đạt sâu sắc, cùng với người luận bàn những điều vi diệu, và học sách Phạm, phàm kinh trong năm năm.

Sau đó, Ngài lại đi qua nước Y-lan-noa-bát-phạt-đá, ở đây Ngài ghé lại chùa Ca-bố-đức-già. Cách chùa hai, ba dặm về phía Nam có ngọn Cô Sơn, núi này cao lớn vòi vọi, rừng cây rậm rạp, có dòng suối trong vắt thấy cả cá lội, hoa cỏ thơm lừng, đây là đất Thánh nên linh miếu thật nhiều, sự cảm ứng của thần linh cũng thật nhiều. Trong một tinh xá có tượng Bồ-tát Quán Tự Tại bằng cây tử đàn, oai thần đặc biệt tôn nghiêm. Tường có vài mươi người từ bảy ngày đến mười bốn ngày nhịn đói để cầu xin các điều nguyện. Tâm hết lòng cầu khẩn tha thiết liền thấy thân tướng Bồ-tát đầy đủ đức tướng trang nghiêm chiếu diệu từ bên trong tượng cây bước ra, an ủi khuyến hóa người đó và giúp cho như sở nguyện. Rất nhiều người được cảm ứng như thế, cho nên thường lui tới đây đông đảo để làm lễ cúng dường Bồ-tát. Người giữ tháp vì sợ mọi người làm nhơ uế tôn nghi, cho nên xây hàng rào bốn bên che kín bên ngoài, mỗi bên cách tượng khoảng bảy bộ. Người muốn đến lễ bái đều đứng từ xa mà không đến gần tượng được. Muốn dâng hương cũng rải tán từ xa, nếu hoa mà đến được tay hay đeo vào cánh tay Bồ-tát thì người đó sẽ được tốt lành và được như sở nguyện.

Pháp sư nghe nói cũng muốn đến cầu thỉnh, Ngài mua đủ các loại hoa xâu lại thành tràng, đem đến tượng Phật để cúng dường. Đến nơi, Ngài thành kính lễ tán Bồ-tát xong, rồi quỳ xuống phát ba lời nguyện lớn:

Một là khi ở đây học xong, trở về nước được an lành không gặp trở ngại gì, nguyện cho hoa này đến được tay Bồ-tát.

Hai là nhờ nguyện lực tu phước tuệ, nguyện sanh về cõi trời Đâu-suất, thờ phượng Phật Di-lặc. Nếu được như ý xin nguyện hoa này đến hai cánh tay Bồ-tát.

Ba là trong kinh sách Thánh giáo nói chúng sanh trong pháp giới có một số người không có Phật tánh, nay Huyền Trang này vẫn còn nghi ngờ không biết có đúng không? Nếu người tu hành có Phật tánh sẽ được thành Phật, nguyện cho hoa nay treo vào cổ Bồ-tát.

Nói xong, Pháp sư cầm những tràng hoa từ ngoài xa tung lên, tất cả đều được như lời nói, sở cầu được viên mãn, Pháp sư thật vui mừng

vô lượng. Người giữ tinh xá và dân chúng đến lễ bái thấy vậy, ai cũng khen ngợi cho là việc chưa từng có. Tương lai nếu Ngài thành đạo, xin nhớ đến nhân duyên ngày nay mà hóa độ chúng tôi trước.

Ngài từ giã nơi đây rồi dần đi đến nước Y-lan-noa. Ở đây có mười ngôi chùa, với hơn bốn ngàn vị tăng, phần nhiều tu học theo thuyết Nhất thiết hữu bộ của Tiểu thừa. Gần đó có vị quốc vương, phế bỏ vua nước này, cúng dường kinh thành cho tăng, trong đó có xây dựng hai ngôi chùa, mỗi ngôi có tới ngàn vị tăng.

Có hai vị Đại đức: Một vị tên là Đát-tha-yết-đa-cúc-đa (đời Đường dịch là Như Lai Mật), vị kia tên Lý-để-tăng-ha (đời Đường dịch là Sư Tử Nhẫn) đều giỏi về Tát-bà-đa Bộ. Ngài dừng lại nơi đây một năm để học luận Tỳ-bà-sa, luận Thuận chánh lý, v.v...

Ở phía Nam thành lớn có một ngôi tháp, ngày trước Đức Thế Tôn dừng lại đây ba tháng để nói pháp cho trời, người nghe, bên cạnh còn có dấu tích của bốn vị Phật thời quá khứ. Phía Tây là sông Hằng, phía Nam có ngọn núi nhỏ. Phật ngày trước ở đây an cư ba tháng hàng phục được Dược-xoa Bạc-câu-la. Phía Đông nam núi có một tảng lớn dưới núi, trên tảng đá còn in dấu tích Phật ngồi thiền sâu vào đá hơn cả tấc, dài năm thước hai tấc, rộng bốn thước một tấc. Lại có dấu tích nơi Phật tắm rửa sâu hơn tấc, có làm tám hoa văn nổi lên, phía Nam nước này có khu rừng hoang, có rất nhiều con voi rất to lớn mạnh khỏe.

■

TRUYỆN TAM TẠNG PHÁP SƯ CHÙA ĐẠI TỪ ÂN, ĐỜI ĐƯỜNG

QUYỂN 4

BẮT ĐẦU TỪ NƯỚC CHIÊM-BA CHO ĐẾN VUA THỈNH VỀ NƯỚC CA-MA-LŨ-BA

Từ đây xuôi theo phía Nam sông Hằng, đi về hướng Đông hơn ba trăm dặm thì đến nước Chiêm-ba (thuộc Trung Ấn Độ), có mười ngôi chùa, với hơn hai trăm vị tăng, tu theo Tiểu thừa giáo. Thành xây bằng gạch cao mấy trượng. Ở đây có một hào sâu thật vững chắc. Ngày xưa, người ở kiếp Sơ đều sống trong hang, về sau có Thiên nữ hạ giáng làm người, đến sông Hằng tắm, vì nước linh xúc chạm vào người nên sinh được bốn người con, chia ra làm vua ở Thiệm bộ châu, xây dựng các cường quốc riêng biệt, sửa sang đất nước. Đây là đô thành của một trong những người con, cách phía Nam nước chừng mấy mươi do-tuần, có khu rừng rộng lớn bao quanh xanh tươi u tịch hơn hai trăm dặm, ở đây có nhiều voi hoang, sống thành từng bầy cả trăm con. Cho nên ở hai nước Y-lan-noa và Chiêm-ba quân voi rất nhiều, thường đi vào rừng này khiến cho người nài voi bắt đem về nước để cỡi dùng. Lại có nhiều cọp sói báo đen khiến người không dám qua lại.

Tương truyền rằng: Khi Phật chưa ra đời thì có một người giữ trâu, chăn thả mấy trăm con, lùa vào trong khu rừng này. Một con vì lạc bầy đi mất không tìm được, đến chiều tối muốn quay về, tìm đến trong bầy, nhưng vì màu sắc của nó lúc này sáng đẹp, tiếng kêu lại khác thường nên bầy trâu đều sợ không dám tới gần. Như thế qua nhiều ngày, người giữ trâu lấy làm lạ, muốn tìm hiểu rõ ràng. Con trâu kia ít bữa lại bỏ đi, người giữ trâu bèn đuổi theo xem thử, thấy trâu đi vào một hang đá, người ấy cũng theo vào đến chừng bốn, năm dặm thì tự nhiên thấy sáng sủa rộng lớn. Trong khu rừng hoang kia có đầy hoa quả, trái cây rất la, ngắm không chán mắt, ở trần gian không thấy được cảnh này. Trâu đi đến một nơi để ăn cỏ, màu sắc và hương thơm của loài cỏ này ở nhân

gian cũng không có được. Người này nhìn thấy các loài quả màu vàng, đỏ như kim cương mà rất lớn, bèn hái lấy một quả, tâm tuy ưa thích nhưng lại sợ không dám ăn. Một lát sau trâu quay trở ra, người ấy cũng đi theo. Khi chưa bước ra khỏi cửa hang thì có một con ác quỷ đoạt lại quả đó. Người ấy trở về hỏi một người thầy thuốc về hình dáng của trái đó, người thầy thuốc nói: Không được ăn liền mà hãy tìm cách lấy về đây một quả. Ngày hôm sau, người giữ trâu lại tìm vào, hái một quả vừa muốn đem về, thì quỷ cũng chặn đường và đoạt lại. Người kia hái quả dấu vào trong miệng, thì quỷ lại móc họng, người kia bèn nuốt vào trong bụng thì thân thể tự nhiên to lớn lạ lùng. Khi trở ra thì đầu tuy lọt qua hang mà thân không chui qua được, nên không thể quay về. Sau người nhà đi vào tìm thấy hình tướng kỳ lạ thì rất kinh sợ . Nhưng khi nghe người ấy nói rõ nguyên nhân. Người nhà trở về dẫn theo nhiều tay lực sĩ vào để kéo người ấy ra mà vẫn không được.

Quốc vương nghe nói thì lại lo sợ người này gây hậu hoạn bèn sai người tới đào, lôi ra mà vẫn không được. Trải qua thời gian lâu người kia dần dần biến thành đá, nhưng vẫn còn hình dáng người. Sau có vị vua biết đá này là do quả tiên biến thành, bèn nói với quan hầu cận rằng: Người kia đã dùng thuốc để biến thân, thì thân ấy chính là thuốc. Xem thì thấy là đá nhưng chất thể kia chính là thần linh. Vậy ngươi nên sai người đẻo lấy một ít đem về đây.

Vị quan phụng vâng lệnh vua, dẫn thợ vào đó ra sức đẽo tượng đá. Trải qua một tuần mà vẫn không được miếng nào. Đá ấy hiện nay vẫn còn.

Từ đây đi về hướng Đông thì đến nước Yết-mạc-ôn-kỳ-la (thuộc Trung Ấn Độ), tìm lễ thánh tích, có sáu, bảy ngôi chùa với hơn ba trăm vị tăng. Từ đây đi về hướng Đông vượt qua sông Hằng, đi khoảng sáu trăm dặm thì đến nước Bôn-na-phạt-đàn-na (thuộc Nam Ấn Độ), lễ bái thánh tích. Có hơn hai mươi ngôi chùa với hơn ba ngàn vị tăng, tu học cả Đại thừa lẫn Tiểu thừa. Ở phía Tây thành cách hai mươi dặm có chùa Bạt-kết-bà, lầu đài thật nguy nga với hơn bảy trăm vị tăng. Bên cạnh đó có một ngôi tháp, do vua Vô Ưu xây dựng. Xưa Đức Như Lai ở tại đây nói pháp trong ba tháng, thường phát ra ánh sáng, lại có dấu tích đi kính hành bốn vị Phật. Bên cạnh có ngôi tinh xá, bên trong có tượng Bồ-tát Quán Tự Tại, nếu chí tâm cầu thỉnh thì nguyện nào cũng như ý. Từ đây đi về hướng Đông nam hơn chín trăm dặm, thì đến nước Yết-la-noa-tô-phạt-thích-na (thuộc Trung Ấn Độ). Có mười ngôi chùa, với hơn ba trăm vị tăng, tu học theo pháp Chánh lượng bộ của Tiểu thừa. Riêng có ba

ngôi chùa không ăn sữa lạc, đây là do lời dạy để lại của Đề-bà-đạt-đa. Trong thành lớn còn có chùa Lạc-đa-mạt-tri-tăng.

Bởi ngày trước ở nước này lúc Phật pháp chưa có, Sa-môn ở Nam Ấn qua đất này. Sau khi hàng phục bọn tà giáo ngoại đạo rồi thì vua mới xây ngôi chùa này, bên cạnh đó lại có ngôi tháp do vua Vô Ưu xây dựng, là nơi Như Lai ở lại bảy ngày để nói pháp.

Từ đây đi về hướng Đông nam thì đến nước Ma-đát-tra (thuộc Trung Ấn Độ). Vì gần biển nên khí hậu rất ôn hòa. Có hơn ba mươi ngôi chùa, với hơn hai ngàn vị tăng, tu theo nghĩa của Thượng tọa bộ. Đồ chúng ngoại đạo trong các ngôi đề nthờ trời cũng đông. Cách thành không xa có ngôi tháp, do vua Vô Ưu xây dựng. Ngày trước Phật ở tại đây nói pháp cho trời, người nghe trong bảy ngày. Cách đó không xa lại có ngôi chùa, trong ngôi chùa này có pho tượng Phật bằng ngọc màu xanh cao tám thước, tướng tốt khôi ngô, thường có mùi hương tự nhiên tỏa ra khắp viện, năm màu sắc soi sáng đến cõi trời, tất cả những người thấy nghe đều phát tâm đạo. Từ đây đi về hướng Đông bắc vượt qua biển rừng gần hang núi thì đến nước Thất-lợi-sai-đát-la. Tiếp tục đi về hướng Đông nam thì đến nước Ca-ma-lãng-ca, đi về hướng Đông lại đến nước Đọa-la-bát-để, tiếp tục đi về hướng Đông thì đến nước Y-thưởng-na-bổ-la. Đi về hướng Đông là nước Ma-ha-chiêm-ba. Đi về hướng Tây thì có nước Diêm-ma-na-châu, cả sáu nước này đều có biển núi rất cao, tuy không vào địa phận nước này nhưng phong tục vẫn có thể biết. Từ nước Tam-ma-đát-sất đi về hướng Tây hơn chín trăm dặm thì đến nước Đam-ma-lật-để (thuộc Đông Ấn Độ) nước này ở gần bờ biển, có hơn mười ngôi chùa, với hơn ngàn vị tăng, bên cạnh thành có ngôi tháp cao hơn hai trăm thước, do vua Vô Ưu xây dựng. Bên cạnh đó lại có di tích kinh hành của bốn vị Phật quá khứ. Bấy giờ nghe dưới biển có nước Tăng-già-la (Hán dịch là Chấp Sư Tử).

Ở đây có Tam tạng Minh Thượng tọa bộ và Giải Du-già Luận giả, vượt qua biển này bảy trăm do-tuần thì sẽ đến đó. Chưa đi thì gặp vị tăng ở Nam Ấn Độ đến, khuyên khích rằng: Đến nước Sư Tử không cần phải qua biển, vì qua biển sẽ gặp gió dữ và quỷ Dược-xoa làm hại gây sóng lớn, có thể đi về hướng Nam, đi bên cạnh bờ biển ba ngày thì đến. Tuy là có vượt qua núi rừng nhưng vẫn được an ổn, lại được xem thánh tích của các nước như Ô-trà, v.v...

Pháp sư liền đi về hướng Tây nam đến nước Ô-trà (thuộc Trung Ấn Độ), có hơn trăm ngôi chùa, với hơn mười ngàn vị tăng, tu học theo pháp Đại thừa. Cũng có ngoại tà đạo thờ trời, tà chánh lẫn lộn, có hơn

mười ngôi tháp, đều do vua Vô Ưu xây cất, rất linh ứng.

Đi về hướng Đông nam thì đến một biển lớn có thành Chiết-lợi-đát-la (đời Đường dịch là Phát Hành), liền nhập cùng với những người đi buôn và lữ khách phương xa, con đường qua lại dừng nghỉ. Từ hướng Nam đi đến nước Tăng-già-la hơn hai muôn dặm. Thường khi yên tịnh không có mây mù, thì từ xa trông thấy tháp Phật ở trên có ánh sáng châu báu tỏa ra sáng rực trời. Từ đây đi về hướng Nam thì đến rừng Đại Lâm, đi chừng một ngàn hai trăm dặm thì đến nước Cung-ngự-đà (thuộc Đông Ấn Độ). Từ đây đi về hướng Tây nam đến khu rừng Đại Hoang, khoảng một ngàn bốn trăm, một ngàn năm trăm dặm thì đến nước Yết-lộ-già (thuộc Trung Ấn Độ) có hơn mười ngôi chùa, với năm trăm vị tăng, tu học theo pháp Thượng tọa bộ. Ngày trước dân chúng nơi đây rất đông đúc, vì làm xúc phạm mười lăm vị tiên nên tiên giận dùng ác chú tàn hại cả nước, già trẻ đều chết hết. Những người sống sót thì dời đi nơi khác. Từ đây theo hướng Tây bắc hơn một ngàn tám trăm dặm đến nước Nam-kiều-tát-la (thuộc Trung Ấn Độ), vua thuộc dòng Sát-đế-lợi rất tôn kính Phật pháp, ưa chuộng học nghề, có một trăm ngôi chùa, với một muôn vị tăng, có cả ngoại đạo thờ trời sống lẫn lộn. Cách phía Nam thành không xa có ngôi chùa xưa, bên cạnh có ngôi tháp cũng do vua Vô Ưu xây dựng. Xưa Đức Như Lai ở trong chỗ này hiện năng lực thần thông rộng lớn để hàng phục ngoại đạo, sau có Bồ-tát Long Mãnh dừng lại tại chùa này bấy giờ chùa tên Sa-đa-bà-ha (đời Đường dịch là Dẫn Chánh), rất tôn kính ngài Long Mãnh, nên cúng dường rất hậu. Lúc này, Bồ-tát Đề-bà từ nước Sư Tử đến muốn vấn nạn. Viết biểu cầu thỉnh đề ngoài cửa. Long Mãnh biết đây là bậc kỳ danh, bèn đưa một bát đầy nước, sai đệ tử đem đến dâng. Ngài Đe-bà nhìn thấy nước thì im lặng ném cây kim vào, đệ từ đem trở lại, Long Mãnh thấy thì hiểu ý lại thêm vui mừng nói: Nước đã lắng đủ để soi đức của ta, vị kia ném kim xuống tận đáy, như vậy có thể luận nghị diệu nghĩa với ta. Ngài Long Mãnh tự ra dẫn Đề-bà vào pháp tọa. Hai bên đối đáp qua lại đều rất vui vẻ, hài hòa như cá và nước. Cá Ngài Long Mãnh nói: Ta suy yếu rồi, mặt trời trí tuệ soi sáng được là do ông.

Đề-bà đứng dậy lễ ngài Long Mãnh nói: Con không được thông tuệ để dám nhận lời dạy này. Nước này có vị Bà-la-môn giỏi về Nhân minh, Pháp sư dừng lại đây hơn tháng để đọc Tập Lượng Luận. Từ khu rừng lớn ở phía Nam này đi về hướng Đông nam hơn chín trăm dặm thì đến nước An-đạt-la (thuộc Nam Ấn Độ), cạnh thành có một ngôi chùa lớn, cấu trúc rất cao rộng, tôn dung rực rỡ, phía trước có ngôi tháp đá,

cao mấy trăm thước, do A-la-hán A-triết-la xây dựng. Cách chùa La-hán về phía Tây nam hơn hai mươi dặm có ngọn Cô Sơn, trên đó có ngôi tháp đá, là chỗ Bồ-tát Trần-na soạn luận Nhân minh. Từ đây đi về hướng Nam hơn hai ngàn dặm thì đến nước Đà-na-yết-trách-già (thuộc Nam Ấn Độ). Núi Cứ ở phía Đông thành có chùa Phất-bà-thế-la (đời Đường dịch là Đông Sơn). Núi Cứ ở phía Tây thành có chùa A-phạt-la-thế-la, do tiên vương nước này xây dựng để thờ Phật. Quy thức rất to lớn, có đủ vẻ rực rỡ của núi rừng. Ở đây thiên thần đều che chở, thần thánh đều lui tới. Sau khi Phật Niết-bàn một ngàn năm, thường có một ngàn vị phàm tăng đến an cư tại đây, an cư xong đều chứng quả La-hán, vọt lên hư không mà bay đi. Sau một ngàn năm thì phàm Thánh đồng cư. Từ hơn một trăm năm trở lại đây, sơn thần dị chất thường làm não loạn người qua lại, nên ai cũng sợ sệt không dám đến. Do vậy đến nay vẫn hoang vu không có tăng lữ. Cách thành về phía Nam không xa có một ngọn núi đá lớn, là nơi Luận sư Bà-tỳ-phệ-ca (đời Đường dịch là Thanh Biện), ở nơi Lạc Cung để đợi Bồ-tát Di-lặc thành Phật, giải hết mọi điều nghi vấn.

Pháp sư ở tại nước này gặp hai vị tăng, một vị tên là Tô-bộ-để, vị kia tên là Tô-lợi-da, khéo thông hiểu ba tạng của Đại chúng bộ, nhân đó Pháp sư dừng lại vài tháng, học các bộ luận căn bổn của Đại chúng bộ như A-tỳ-đạt-ma, v.v... Các vị cũng học các bộ luận Đại thừa với Pháp sư. Rồi lập chí cùng đi tham bái thánh tích.

Từ đây đi về hướng Tây một ngàn lý thì đến nước Chu-lợi-da (thuộc Nam Ấn Độ). Phía Đông nam thành có ngôi tháp do vua Vô Ưu xây dựng. Đây là nơi ngày trước Phật hiện thần thông rộng lớn để hàng phục ngoại đạo, nói pháp hóa độ trời, người. Phía Tây thành này có ngôi chùa cổ, là nơi Bồ-tát Đề-bà đến chùa này luận nghị với A-la-hán Yết-đát-la (đời Đường dịch là Thượng Dã). Đến ngày thứ bảy thì vị A-la-hán không đáp được, bèn vận thần thông đến cung trời Đâu-suất hỏi Bồ-tát Từ Thị. Bồ-tát nói: Đề-bà là người trồng cội lành từ nhiều đời, vào kiếp Hiền sẽ thành bậc Đẳng chánh giác, ông chớ có xem thường. Khi trở về, vẫn đem những điều nghi ra vấn nạn như trước, Đề-bà nói: Nghĩa này là của Bồ-tát Từ Thị, chẳng phải trí của nhân giả tự biết được.

Vị La-hán xấu hổ liền qùy lạy tạ lễ. Từ đây đi về hướng Nam qua khu rừng lớn đi hơn một ngàn năm trăm, một ngàn sáu trăm dặm thì đến nước Đạt-ma-tỳ-trà (thuộc Nam Ấn Độ) đô thành lớn của nước này là Kiến-chí-bổ-la, thành Kiến-chí là nơi giáng sanh của Bồ-tát Ma-bà-la. Bồ-tát là con của vị đại thần nước này, còn nhỏ mà đã tthông minh, đến

tuổi trưởng thành, vua vì yêu tài nên muốn gả công chúa cho, Bồ-tát từ lâu tu hạnh ly dục, nên không có tâm ái nhiễm. Một đêm, lúc sắp thành hôn thì sanh lo buồn, bèn đến trước tượng Phật cầu gia bị, nguyện thoát khỏi nạn này. Lòng chí thành cảm động đến đại thần vương hiện đến dẫn đi, đưa đến một nơi cách xa cung thành mấy trăm dặm, trong Phật đường của một ngôi chùa trên núi, tăng chúng vào thấy ngỡ là ăn trộm, Bồ-tát trình bày lý do, ai nghe cũng đều kinh hãi, đều kính trọng ý chí của Ngài. Rồi Ngài xin xuất gia. Về sau, càng tinh chuyên tu hành chánh pháp. Ngài có thể nghiên cứu hết các bộ kinh luận, lại thích soạn thuật. Ngài soạn Thanh Minh Tạp luận, có hai muôn năm ngàn bài tụng. Lại giải thích Quảng bách luận, Duy thức luận, Nhân minh mấy mươi bộ, đều rất thạnh hành. Vì Ngài là bậc đức rộng tài cao nên có tự truyện riêng.

Thành Kiến Chí tức cửa khẩu của Biển Nam Ấn Độ, hướng về nước Tăng-già-lam, đi đường thủy ba ngày thì đến. Chưa đến nơi thì nghe vua nước này đã băng hà. Trong nước trở nên loạn lạc đói khổ. Có các Đại đức tên là Bồ-đề-mê-kỳ, Thấp-phạt-la, A-bạt-da-đặng-sắt-chiết-la, hơn ba trăm vị tăng như thế, đều đi đến thành Kiến-chí. Pháp sư cũng gặp mọi người, hỏi các vị tăng ấy rằng: Các vị Đại đức ở nước các vị đều thông hiểu ba tạng của Thượng tọa bộ và luận Du-già. Nay tôi muốn đến đó tham học cớ sao các vị lại đến đây.

Đáp rằng: Nước chúng tôi vua vừa mất, dân chúng đói khổ loạn lạc không thể nương ở được. Nghe ở xứ này an vui sung túc, là nơi Phật đản sinh, lại có nhiều thánh tích, cho nên tìm đến đây. Lại biết các bậc học giả đây không thể bằng chúng tôi, Trưởng lão có nghi vấn gì xin cứ hỏi.

Pháp sư dẫn các đoạn văn quan trọng trong luân Du-già ra hỏi. Cũng không thể qua được lời giải của ngài Giới Hiền.

Từ phạm vi nước này đi hơn ba ngàn dặm nghe có nước Mạt-la-cũ-tra (thuộc Nam Ấn Độ). Ở bên cạnh bờ biển có nhiều châu báu lạ. Ở phía Đông thành có ngôi tháp do vua Vô Ưu xây dựng. Xưa, Đức Như Lai ở đây nói pháp, hiện thần biến rộng lớn, độ chúng vô lượng. Ở bờ biển phía Nam có núi Mạt-thích-na, hang núi sâu thẳm, trong đó có các loại cây chiên-đàn, bạch đàn... có các loại bạch dương, tánh chất mát lạnh, rắn thường đeo trên các cây ấy, đến mùa đông mới ẩn đi. Lại có cây yết-bố-la hương, thân lá hoa quả cũng khác lạ. Khi trời ẩm ướt thì không thơm, sau khi khô mới thơm. Hình trạng thì như mây che, màu sắc như băng tuyết, cây này được gọi là hương long não.

Lại nghe ở bờ biển Đông bắc có một ngôi thành, từ thành này đi về hướng Đông nam hơn ba ngàn dặm thì đến nước Tăng-già-la (đời Đường dịch là Chấp Sư Tử, không thuộc phạm vi Ấn Độ), nước này có chu vi hơn bảy ngàn dặm, chu vi đô thành hơn bốn mươi dặm, dân chúng đông đúc, lúa thóc dồi dào.

Cồn bãi trong nước có nhiều trân kỳ, về sau ở Nam Ấn Độ có người nữ đẹp đưa sang lân quốc, giữa đường gặp con sư tử đầu đàn, những người hầu đều sợ hãi bỏ trốn, chỉ còn người con gái này trong xe, sư tử đầu đàn thấy bèn tha đi, đem vào trong rừng sâu. Hằng ngày sư tử hái hoa quả chu cấp, lâu ngày chày tháng bèn sinh ra con cái, hình dáng giống người mà tánh tình hung bạo. Người con trai dần dần lớn lên mới hỏi mẹ:

Con là loài gì khi cha là thú, mẹ là người.

Người mẹ mới kể lại các việc, con nói: Người và thú khác xa, tại sao không bỏ đi mà lại theo ở.

Mẹ nói: Không phải là không muốn bỏ đi, nhưng do không có cách nào thoát được. Người con sau đó theo cha lên núi quan sát những con đường trên hang núi. Vào ngày khác đợi sư tử cha đi xa, liền trốn về dẫn mẹ và em gái vào trong xóm làng loài người. Khi về đến quê xưa, người mẹ mới hỏi thăm những người lớn tuổi thì biết dòng họ đã dứt tuyệt, bèn nương ở nơi làng xóm.

Sư tử đầu đàn khi trở về không thấy vợ con, thì giận dữ đi xuống núi. Kêu rống khắp các xóm làng, mọi người qua lại đều bị sư tử giết hại. Dân chúng tâu việc này lên vua. Vua sai bốn thứ binh tới tiêu diệt con thú dữ. Khi vừa định bao vây hạ thủ, thì sư tử trông thấy nổi giận kêu rống lên, người ngựa đều ngã quỵ không ai dám tới gần. Như thế trải qua nhiều ngày mà không làm gì được. Vua bèn kêu gọi ban thưởng, nếu ai giết được sư tử thì ban cho vàng bạc ức lượng.

Người con nói với mẹ rằng: Nay đói lạnh cùng khổ muốn đến chỗ vua ban thưởng thì phải thế nào?

Mẹ nói: Không thể được. Đó tuy là loài thú nhưng cũng là cha của con. Nếu giết đi thì đâu còn là người.

Con nói: Nếu không làm như thế thì sư tử sẽ không bao giờ bỏ đi, có thể sẽ theo chúng ta vào ngôi làng này, nếu vua biết thì chúng ta cũng sẽ chết, cũng không thể trở về, vì sư tử sẽ nổi giận tàn bạo cả với mẹ và con, đâu chỉ là một mà còn làm não loạn nhiều người.

Hai, ba lần suy nghĩ cũng không có cách nào hơn, người con bèn đi tìm. Sư tử thấy con thì vui vẻ thuần phục mà không làm hại. Con bèn

dùng dao bén đâm vào cổ và mổ bụng sư tử. Tuy đau đớn nhưng lòng thương con sâu sa, sư tử cam nhẫn chịu rồi chết. Vua nghe tin thì vừa vui vừa lấy làm lạ hỏi người con, nhưng hắn vẫn giữ kín không nói ra, nhiều lần bức bách quá hắn đành phải nói ra.

Vua bảo: Than ôi! Nếu chẳng phải loài súc vật, thì ai khởi tâm như vậy, tuy nhiên, trước ta đã hứa ban thưởng thì không nuốt lời. Nhưng người đã giết cha, phạm tội nghịch thì không được ở nước ta.

Vua bèn ban thưởng nhiều vàng bạc và đuổi ra khỏi nước.

Người con bèn trang bị hai chiếc thuyền chở đầy vàng ròng và tư lương, rồi đưa mẹ vượt biển ra đi. Thuyền của người anh xuôi theo biển, đến một hòn đảo báu vật. Thấy ở đây sung túc lạ kỳ, bèn dừng lại, sau đó, có người đi buôn đem gia đình đi tìm châu báu, lại đến nơi này. Người kia bèn giết người đi buôn mà lấy vợ người ấy. Rồi từ đó sinh ra con cháu đến vô lượng đời sau, dân chúng dần dần đông thêm. Bèn lập triều đình vua tôi. Vì viễn tổ đã giết sư tử, nhân đó mà đặt tên nước là Sư tử.

Còn thuyền của người em gái đi đi về hướng Tây, đến nước Bathích-tư, gặp loài quỷ mị ở đây, sinh ra một bầy con gái, nay ở hướng Tây có nước Đại nữ chính là nước này.

Lại nói: Tăng-già-la là tên con của người đi buôn, vì người này thông minh trí tuệ nên thoát được quỷ La-sát hại, rồi xây dựng đô thành, do đó mà đặt tên là Tăng-già-la.

Còn trong Tây Vực ký nói: Nước này trước không có Phật pháp, Như Lai sau khi Niết-bàn một trăm năm, em của vua Vô Ưu là Ma-hênhân-đà-la, nhàm chán sinh tử nên xuất gia đầu Phật, đắc bốn quả Samôn. Nương hư không qua lại xứ này để giáo hóa dân chúng, khen ngợi Phật pháp, hiển bày thần thông. Người trong nước kính tin ngưỡng mộ, xây hơn trăm ngôi chùa, với cả vạn vị tăng, tu theo giáo pháp Đại thừa và Thượng tọa bộ. Tăng đồ đều tinh tấn tu đạo, giới hạnh nghiêm minh, chuyên cần không biếng nhác. Bên cạnh cung vua có ngôi tinh xá thờ răng Phật, cao mấy trăm thước, trang nghiêm bằng các vật báu. Trên có dựng cột biểu, đặt Đại bảo Bát-đàm-ma-la-già đặt ở trên, ánh sáng chiếu khắp hư không. Trong đêm yên tịnh không có mây thì dù cách muôn dặm cũng đều trông thấy.

Bên cạnh đó lại có một tinh xá cũng trang nghiêm bằng các thứ báu. Bên trong có tượng vàng, do tiên vương nước này xây dựng. Trên đỉnh có hạt châu giá trị đến vô lượng. Sau, có người muốn trộm lấy hạt châu này, nhưng nhờ giữ gìn rất vững chắc nên không thể vào được. Kẻ

trộm mới đào hầm dưới đất để đột nhập vào lấy, nhưng tượng dần dần cao nên kẻ trộm không thể lấy được. Người kia trở ra nói rằng: Xưa Như Lai tu đạo Bồ-tát vì tất cả chúng sanh, đã không tiếc thân mạng cả cung thành đất nước. Ngày nay vì sao lại vững chắc như thế.

Nói rồi thì trở vào, thì thấy pho tượng cúi xuống trao hạt châu cho người kia. Người kia được hạt châu thì đem bán, người hiểu biết bèn bắt giao cho vua.Vua hỏi vì sao có được hạt châu này?

Tên trộm nói: Phật tự cho tôi.

Bèn kể lại sự việc. Vua tự mình đi đến xem, thì thấy đầu tượng còn thấp, vua thấy sự linh ứng của bậc Thánh nên càng phát tâm, vua bèn chuộc lại hạt châu của kẻ trộm đem cúng lại cho pho tượng Phật, đến nay vẫn còn. Ở phía Đông nam có núi Lăng-ca, có nhiều thần quỷ nương ở. Xưa Như Lai ở núi này nói kinh Lăng-ca (cựu dịch Lăng-già là sai). Phía Nam của nước có biển dài mấy ngàn dặm kéo dài đến châu Na-la-khể-la. Người châu này rất lùn, nhỏ con chỉ hơn ba thước, thân như chim mổ. Không biết trồng lúa, chỉ ăn dừa. Nước này ở ngoài biển xa xôi nên người không đến được, chỉ hỏi thăm mọi người nên biết đại khái như thế. Khi đến nước Đạt-la-tỳ-trà cùng hơn bảy mươi vị tăng nước Sư tử, cùng theo Pháp sư đi về hướng Tây bắc để chiêm lễ thánh tích. Đi hơn hai ngàn dặm thì đến nước Kiến-na-bổ-la (thuộc Nam Ấn Độ), có hơn trăm ngôi chùa với hơn một muôn vị tăng, tu theo Đại thừa lẫn Tiểu thừa, các ngoại đạo thờ trười cũng rất đông.

Bên cạnh thành của cung vua có ngôi chùa lớn, với hơn ba ngàn vị tăng, đều là những vị học rộng. Trong tinh xá có mũ báu của Thái tử Nhất Thiết Nghĩa Thành, cao chưa đến hai thước, đựng trong rương báu. Mỗi khi đến ngày trai, đem ra để trên đài cao chí thành quán lễ thì phần nhiều được ánh sáng lạ. Ngôi chùa ở bên cạnh thành có tinh xá, bên trong có tượng Bồ-tát Di-lặc khắc bằng cây tử đàn, cao hơn mười thước, cũng thường phát ra ánh sáng lành, nghe nói do hai trăm ức vị La-hán tạo nên. Phía Bắc thành có cây đa-la, chu vi hơn ba mươi dặm, lá dài màu sắc trơn láng. Các nước dùng lá này sao chép kinh sách rất tốt. Từ đây đi về hướng Tây bắc qua khu rừng lớn có đầy thú hoang. Đi được hai ngàn bốn trăm, hai ngàn năm trăm dặm thì đến nước Ma-ha-thích-sá (thuộc Nam Ấn Độ), người ở đây xem nhẹ cái chết mà coi trọng tiết tháo. Vua thuộc dòng Sát-đế-lợi, thích việc binh chiến, võ nghiệp cho nên khắp cả nước việc binh mã rất hoàn chỉnh, pháp lệnh rất nghiêm minh. Mỗi khi sai tướng đi đánh giặc thì dù bị thất trận táng quân vị tướng ấy không bị hình phạt, mà chỉ bắt mặc y phục của phụ nữ cho xấu

hổ, có người vì quá hổ thẹn mà chết.

Vua thường nuôi các dũng sĩ cả đến ngàn người, nuôi voi dữ mấy trăm con, dùng để đánh trận. Trước khi đánh giặc thì lại uống nhiều rượu cho đến say, rồi mới dong cờ xí, lấy đó mà xông phá, không hề có lần nào thua trận, cho nên ỷ lại, kiêu ngạo xem thường các nước láng giềng. Vua Giới Nhật nói rằng: Trí lược cao xa, quân lính lại hùng manh, mỗi khi ra trận, mỗi lần thân chinh thì không thể thua trận.

Nước này có hơn trăm ngôi chùa, với hơn năm ngàn vị tăng, tu theo Đại thừa lẫn Tiểu thừa. Cũng có ngoại đạo thờ trời, bôi tro. Trong và ngoài thành lớn có năm ngôi tháp, đều cao mấy trăm thước, là dấu tích du hóa của bốn vị Phật thời quá khứ, do vua Vô Ưu xây dựng.

Từ đây đi về hướng Tây bắc hơn một ngàn dặm, vượt qua sông Nại-mạt-đà thì đến nước Bạt-lục-yết-chiếp-bà (thuộc Nam Ấn Độ). Từ đây đi về hướng Tây bắc hơn hai ngàn dặm đến nước Ma-lạp-bà (nước Nam-la-la thuộc Nam Ấn Độ). Ở đây phong tục hòa mục, yêu thích thế nghiệp. Trong năm khu vực Ấn Độ, chỉ có hai nước Ma-lạp-bà ở phía Tây nam và Ma-yết-đà ở phía Đông bắc, thì đáng gọi là có nhiều bậc hiếu học thượng hiền, nói năng có phong vận. Nước này có hơn trăm ngôi chùa, với hơn một muôn vị tăng, đều tu theo giáo pháp Chánh lượng bộ của Tiểu thừa. Cũng có ngoại đạo bôi tro và ngoại đạo thờ trời. Tương truyền trước đây sáu mươi năm có vua tên Giới Nhật, là bậc tài cao học rộng, nhân từ bác ái, yêu mến nhân dân, tôn kính Tam bảo. Từ khi lên ngôi cho đến lúc qua đời, miệng không nói lời thô lỗ, sắc không lộ vẻ giận, không có ý làm thương tổn quan dân, cả đến loài côn trùng nhỏ nhít. Mỗi khi cho voi ngựa uống nước thì lọc xong mới cho uống, vì sợ làm tổn hại vi trùng trong nước. Cho đến nhân dân trong nước cũng khuyên không sát sinh. Do đó mà thú hoang cũng ở gần người, loài lang sói cũng hết hung dữ. Khắp nước đều an lành, ngày một phát triển, vua soạn ra nghi thất Phật, lập hộ vô già. Như vậy trải qua hơn năm mươi năm tại vị, không bao giờ tạm nghỉ. Muôn dân ghi nhớ ân đức đến nay vẫn còn. Cách thành lớn hơn hai mươi dặm về phía Tây bắc có ấp của Bà-la-môn, bên cạnh có một hố sâu là nơi mà Bà-la-môn ngã mạn hủy báng Phật nên đang còn sống đã bị đọa vào địa ngục, có nói trong Tây Vực ký. Từ đây đi về hướng Tây bắc hơn hai ngàn bốn trăm, hai ngàn năm trăm dặm thì đến nước A-tra-lý (thuộc Nam Ấn Độ). Đất này là nơi sản xuất ra cây hồ tiêu, lá hồ tiêu giống như cây thục tiêu, thoảng ra mùi hương của cây huân lục. Lá cây này giống cây đường lê. Từ đây đi về hướng Tây bắc ba ngày thì đến nước Khế-tra (thuộc Nam

Ấn Độ). Đi về hướng Tây bắc hơn một ngàn dặm thì đến nước Phạt-lạp-tỳ (thuộc Nam Ấn Độ), có hơn một trăm ngôi chùa với hơn sáu ngàn vị tăng, tu theo pháp Chánh lượng bộ của Tiểu thừa. Ngày trước, Như Lai thường đến nước này, vua Vô Ưu tùy theo những nơi Phật đến mà có làm biểu ký. Vua này thuộc dòng Sát-đế-lợi, lấy con gái của vua Thi-la-a dật-đa, ở nước Yết-nhã-cúc-xà, tên vua là Đỗ-lỗ-bà-bạt-tra (đời Đường dịch là Đế Trụ), tánh nhanh nhẹn nhưng lại sơ suất, nhưng quý người thông minh hiếu học, tôn kính Tam bảo. Mỗi năm thiết đại hội bảy ngày để cúng dường chư tăng các nước, bố thí đủ các thứ trân bảo y phục vật dụng. Từ đây đi về hướng Đông bắc hơn bảy trăm dặm thì đến nước A-nan-đà-bổ-la (thuộc Tây Ấn Độ) Lại đi về hướng Tây bắc hơn năm trăm dặm đến nước Tô-thích-sá (thuộc Tây Ấn Độ). Từ đây đi về hướng Đông bắc hơn tám trăm dặm đến nước Cù-chiết-la, lại đi về hướng Đông nam hơn hai ngàn tám trăm dặm thì đến nước Ô-xà-diễn-na (thuộc Nam Ấn Độ).

Cách thành này không xa có một ngôi tháp, do vua Vô Ưu xây dựng để làm nơi địa ngục. Lại đi về hướng Đông bắc hơn ngàn dặm đến nước Trịch-chỉ-đà (thuộc Nam Ấn Độ). Từ đây đi về hướng Đông bắc hơn chín trăm dặm đến nước Ma-hê-thấp-phạt-la-bổ-la (thuộc Trung Ấn Độ).

Từ đây lại đi về hướng Tây trở lại nước Tô-thích-sất, lại đi về hướng Tây đến nước A-điểm-bà-sí-la (thuộc Tây Ấn Độ), Như Lai ngày trước thường đến vùng đất này. Vua Vô Ưu tùy theo những nơi có thánh tích đều xây dựng tháp. Nay vẫn còn đầy đủ. Từ đây đi về hướng Tây hơn hai ngàn dặm đến nước Lang-yết-la (thuộc Tây Ấn Độ), đến gần biển lớn hướng về con đường của Nữ quốc ở phía Tây. Từ đây đi về hướng Tây bắc đến nước Bà-thích-tư (thuộc Bắc Ấn Độ). Nghe nói ở nước này có nhiều loại trân bảo vải lụa, là nơi sản xuất ngựa giỏi, lạc đà. Có được hai, ba ngôi chùa, với vài trăm vị tăng, tu theo thuyết Nhất thiết hữu bộ của Tiểu thừa giáo. Bát của Phật cũng ở tại cung vua này. Khu vực ở phía Đông nước có thành Hạc-mạt, phía Tây bắc là nước Phất-bẩm. Ở hòn đảo trên biển phía Tây nam có nước Tây nữ, đều là người nữ, không có người nam. Nước này có nhiều vật chất quý giá, phụ thuộc nước Phất-bẩm.

Lại đi về hướng Tây nam hơn bảy trăm dặm đến nước Tý-đa-thế-la (thuộc Tây Ấn Độ) trong nước có ngôi tháp cao mấy trăm thước, do vua Vô Ưu xây dựng, bên trong có xá-lợi thường phát ra ánh sáng. Là nơi khi Phật còn làm vị tiên bị vua hại. Từ đây đi về hướng Đông bắc

hơn ba trăm dặm đến nước A-tham-đồ (thuộc Tây Ấn Độ). Trong khu rừng lớn ở phía Đông bắc thành có nền cũ của ngôi chùa, ngày xưa ở chỗ này Phật cho phép các Bí-sô mang giày, nay có ngôi tháp do vua Vô Ưu xây dựng, cạnh đó có tinh xá, trong tinh xá có thờ tượng Phật đứng bằng đá xanh, thường phát ra ánh sáng. Kế là đi về hướng Nam hơn tám trăm bộ có khu rừng lớn, trong khu rừng có ngôi tháp do vua Vô Ưu xây dựng, là nơi ngày trước Như Lai có dừng lại nghỉ đêm, trời lạnh lấy ba y để đắp. Hôm sau Ngài khai cho các Bí-sô được đắp nạp y.

Từ đây lại đi về hướng Đông hơn bảy trăm dặm đến nước Tín-độ (thuộc Tây Ấn Độ). Đất này sản xuất ra đủ các loại vàng, bạc, trâu, dê, lạc đà đỏ, lừa trắng đen v.v... các nơi khác đều lấy về làm thuốc. Như Lai khi còn tại thế Ngài thường đến nước này, tất cả các thánh tích, vua Vô Ưu đều xây tháp và bia ký để ghi nhớ. Lại có thánh tích của Đại A-la-hán Ô-bà-cúc-đa du hóa. Từ đây đi về hướng Đông hơn chín trăm dặm vượt qua bờ sông phía Đông đến nước Mậu-la-tam-bộ-lư (thuộc Tây Ấn Độ). Dân chúng ở đây quen thờ Thiên thần. Họ đúc Thiên tượng bằng vàng ròng trang sức các loại châu báu, người ở các nước phần nhiều đến đây cầu thỉnh. Rừng hoa ao nước đều có xây thềm bậc, người đến đây ai cũng yêu thích. Từ đây đi về hướng Đông bắc hơn bảy trăm dặm đến nước Bát-phạt-đa (thuộc Bắc Ấn Độ). Cạnh thành có ngôi chùa lớn, với hơn trăm vị tăng, đều tu theo Đại thừa. Đây là nơi ngày trước Luận sư Thận-na-phất-đát-la (đời Đường dịch là Tối Thắng Tử) soạn luận Du-già-sư-địa Thích Luận, cũng là chỗ Luận sư Hiền Ái và Luận sư Đức Quang xuất gia. Ở nước này có hai ba vị Đại đức, đều có học nghiệp đáng kính, nên Pháp sư dừng lại đó hai năm để học căn bản A-tỳ-đạt-ma và luận Nhiếp Chánh Pháp, luận Giáo Thật v.v... của Chánh lượng bộ. Từ đây đi về hướng Đông nam trở lại nước Ma-yết-đà vào chùa Thí-vô-yếm, tham lễ ngài Chánh Pháp Tạng, sau đó nghe ở phía Tây cách ba du-thiên-na có chùa Để-la-trạch-ca, có vị Đại đức xuất gia tên Bát-nhã-bạt-đà-la, vốn là người nước Phược-la-bát-để, xuất gia với Tát-ba-đa Bộ, giỏi về ba tạng của tông mình và Thanh Minh, Nhân Minh v.v... Pháp sư dừng lại đó hai tháng để tham thưa hỏi những điều còn nghi ngờ. Từ đây lại đến núi Trượng Lâm, là chỗ cư sĩ Luận sư Thắng Quân ở. Thắng Quân vốn là người nước Tô-thích-tha, dòng Sát-đế-lợi, tuổi nhỏ đã ham học, trước học Nhân Minh với Luận sư Hiền Ái. Lại học Thanh Minh, luận Đại thừa, Tiểu thừa với Bồ-tát An Tuệ. Lại học luận Du-già với ngài Pháp sư Giới Hiền, cho đến các sách ngoại điển tứ Phệ-đà, các loại thiên văn, địa lý, y phương, toán số, đều nghiên

cứu rõ suốt hết nguồn gốc. Đã thông suốt nội ngoại điển mà đức độ lại cao thâm, vua Mãn-trụ, đứng đầu nước Ma-yết-đà rất yêu hiền trọng sĩ, nghe vậy thì lòng rất vui, bèn sai người đến thỉnh, tôn làm Quốc sư, phong cho hai mươi ấp lớn, nhưng Luận sư không nhận. Sau khi vua Mãn-trụ băng hà, vua Giới Nhật lại thỉnh làm thầy phong cho tám mươi ấp lớn ở nước Ô-đồ, Luận sư cũng từ chối không nhận. Vua hai, ba lần đến thỉnh, Sư cũng cố từ chối, nói với vua rằng: Thắng Quân nghe nói nhận bổng lộc của người thì phải lo việc của người, nay chỉ cầu mau chóng ra khỏi sự trói buộc của sanh tử, lẽ nào có thời gian rảnh rỗi mà nghĩ đến việc vua? Nói xong bèn xá chào ra về, vua không thể nào giữ lại được.

Từ đây Pháp sư thường nương ở trong rừng Trượng Lâm, nuôi dạy các đệ tử, thường dạy kinh Phật. Đạo tục trở về thường hơn trăm vị, Pháp sư lưu lại khoảng hai năm để học Duy thức, luận Quyết trạch, luận Ý nghĩa, luận Thành vô úy, luận Bất trụ Niết-bàn thập nhị nhân duyên, luận Trang nghiêm kinh, và hỏi các điều nghi trong Du-già, Nhân minh xong rồi. Trong đêm đó nằm mộng thấy các phòng việc trong chùa Na-lan-đà đều hoang phế, chỉ có vài con trâu bị cột ở đó, không còn vị tăng nào! Pháp sư từ phía cửa Tây viện Ấu Nhật Vương vào thấy ở trên lầu tầng thứ tư, có một người vàng, sắc mạo rất khôi ngô, ánh sáng soi khắp phòng, trong tâm Ngài rất vui mừng muốn bước lên mà không thể được, bèn xin vị ấy dẫn lên, người vàng liền nói: Ta là Bồ-tát Mạn-thù-thất-lợi, ông vì duyên nghiệp nên chưa thể lên đây được. Rồi chỉ ra bên ngoài chùa nói: Ông hãy nhìn đây.

Pháp sư nhìn theo tay Bồ-tát chỉ bên ngoài chùa, lửa cháy thiêu đốt cả xóm làng đô thị, người vàng lại nói: Ông phải sớm rời khỏi nơi này, mười năm sau khi vua Giới Nhật băng hà thì xứ Ấn Độ này sẽ trở nên hoang phế loạn lạc, bọn tà ác làm hại khôn cùng. Ông nên biết điều đó. Nói xong liền biến mất.

Pháp sư tỉnh dậy lấy làm lạ, liền đến chỗ Thắng Quân kể lại, Thắng Quân nói: Ba cõi không an, thật đúng như thế. Đã có Bồ-tát mách bảo, vậy nhân giả nên trở về thôi. Thế đủ biết những việc làm của bậc Đại sĩ, đều được Bồ-tát che chở giúp đỡ.

Khi sắp rời khỏi Ấn Độ thì nói lại với ngài Giới Hiền, nhưng Ngài cứ giữ lại mãi chưa cho về, Pháp sư phải đem những điều vô thường ra nói rõ để khuyên người cho trở về, nếu việc làm không khế hợp với Thánh tâm thì ai có thể chiêu cảm được điều này.

Vào cuối niên hiệu Vĩnh Huy, quả nhiên vua Giới Nhật băng hà,

Ấn Độ trở nên loạn lạc hoang tàn đói khổ như Pháp sư đã thấy.

Lúc bấy giờ, quốc gia sai người là Vương Huyền Sách đến đây nên thấy rõ các việc như thế, lúc ấy là đầu tháng giêng.

Theo pháp ở các nước phương Tây dùng tháng này, chùa Bồ-đề đem ra xá-lợi Phật, Pháp sư liền cùng với Thắng Quân cùng đến đó xem xá-lợi, có viên lớn, viên nhỏ, viên lớn như hạt châu, sắc sáng màu hồng nhạt. Lại có viên xá-lợi như hạt đậu to, màu đỏ thẩm. Vô lượng đồ chúng dâng cúng hương hoa khen ngợi lễ lạy rồi đặt vào trong tháp, đến tối, qua canh một mới xong, Pháp sư cùng Thắng Quân luận bàn về các viên xá-lợi lớn nhỏ khác nhau rằng:

Đệ tử thấy ở chỗ khác có những viên xá-lợi lớn như hạt lúa, trong khi ở đây lại quá lớn, ý Pháp sư có nghi ngờ gì không?

Pháp sư bảo: Huyền Trang cũng có điều nghi này.

Một lát sau, bỗng không thấy trong phòng có đèn đuốc gì mà cả trong và ngoài phòng đều sáng rực. Mọi người lấy làm lạ ra ngoài xem thì thấy tháp xá-lợi tỏa ra ánh sáng rực rỡ, phát ra năm màu chiếu rực lên tận trời xanh. Mặt đất sáng rỡ mà không có trăng sao. Lại có mùi thơm lạ bay khắp viện. Pháp sư liền bảo chúng rằng: Xá-lợi có thần biến rộng lớn, các người nên biết.

Mọi người lại lễ bái khen ngợi là việc ít có. Ánh sáng của xá-lợi tỏa ra chừng khoảng bữa ăn thì dần dần lịm tắt. Trời đất trở lại tối tăm, trăng sao xuất hiện trở lại.

Đại chúng thấy được điều này thì dứt hết mọi nghi ngờ. Cùng nhau lễ lạy cây Bồ-đề và thánh tích. Trải qua tám ngày Ngài lại trở về chùa Na-lan-đà, lúc này Luận sư Giới Hiền bảo Pháp sư giảng luận Nhiếp Đại thừa, luận Duy thức quyết trạch cho chúng nghe. Lúc này, Đại đức Sư Tử Quang, trước giảng luận Trung luận, Bách luận cho chúng nghe, trình bày yếu chỉ để phá nghĩa Du-già. Pháp sư thì khéo giảng cả Trung luận, Bách luận lại giỏi Du-già, cho rằng bậc Thánh lập giáo đều theo một ý, không hề trái nhau. Nếu có người chưa thông hiểu, cho là trái lý thì đây là do người truyền thọ chớ đâu phải do pháp. Thương xót sự hạn hẹp nên thường đến gạn hỏi, nhưng lại không thể trả lời. Do đây mà người học dần dần giải tán, mà tôn sùng Pháp sư.

Pháp sư lại dùng yếu chỉ của Trung luận, Bách luận, nhưng chỉ phá tánh biến kế sở chấp, không nói tánh y tha khởi, và tánh viên thành thật. Sư Tử Quang không khéo ngộ. Thấy luận chép tất cả không thật có bèn cho rằng Viên thành thật v.v... do Du-già lập ra. Cũng dựa trên các lập luận khác mà nói thôi

Pháp sư vì hòa hợp hai tông mà nói không trái nhau, bèn soạn luận Hội tông ba mươi bài tụng. Khi xong rồi thì trình lên Pháp sư Giới Hiền và đại chúng, ai cũng khen ngợi, và cùng theo đó tu hành

Sư Tử Quang dần dần có vẻ giận, bèn rời khỏi chùa Bồ-đề, đi đến Đông Ấn cùng với người bạn đồng học tên là Chiên-đà-la-tăng-ha, đến để bứt bẻ hầu giải sự hổ thẹn trước kia, nhưng khi đến thì thấy Pháp sư uy đức vô cùng nên không dám nói, từ đó danh tiếng Pháp sư càng vang dội. Lúc đầu, khi Sư Tử Quang chưa bỏ đi thì vua Giới Nhật ở bên cạnh chùa Na-lan-đà cho lập một tinh xá bằng đá, cao hơn mười trượng, các nước đều biết, sau đó vua đích thân đi cung thỉnh.

Pháp sư lần lượt đi đến nước Ô-đồ, ở đây tăng chúng đều tu theo Tiểu thừa, không tin Đại thừa, cho Đại thừa là của ngoại đạo chứ chẳng phải do Phật nói. Khi thấy vua đến thì đều nói: Nghe nói ở chùa Na-lan-đà vua đã xây dựng một tinh xá, công đức thật vĩ đại. Vì sao không ở nơi chùa Ca-ba-ly của ngoại đạo, riêng ở đó? Vua nói: Đây là ý gì?

Đáp: Chùa Na-lan-đà là của Không Hoa ngoại đạo, cùng với Ca-ba-ly không khác. Trước kia ở Nam Ấn Độ vị sư đã quán đỉnh cho vua là lão Bà-la-môn Bát-nhã-cúc-đa, giảng rõ nghĩa Chánh lượng bộ, để phá Đại thừa luận bảy trăm bài tụng, các Luận sư Tiểu thừa đều khâm phục, nhân đó mà khai thị cho vua rằng: Tông phái của tôi như thế, há có người tu theo Đại thừa nào có thể phá được một chữ.

Vua nói: Đệ tử nghe nói người đi giữa bầy chuột nhắt, tự cho là người hùng, khi gặp sư tử thì hồn phi phách tán, quý thầy vì chưa thấy công đức của Đại thừa, cho nên giữ mãi ý thấp kém, nếu thấy được, thì e rằng cũng tu theo thôi.

Người kia đáp: Nếu vua còn nghi ngờ thì vì sao không nhóm họp chư tăng lại, để quyết định sự phải trái.

Vua bảo: Việc này cũng không khó. Thế là ngày hôm sau, vua hạ chiếu thư gửi cho chư tăng ở chùa Na-lan-đà và ngài Chánh Pháp Tạng Giới Hiền như sau:

Đệ tử đi đến nước Ô-đồ thấy các vị tăng Tiểu thừa nương vào sự hiểu biết nhỏ hẹp soạn luận phỉ báng Đại thừa. Ngôn từ nghĩa lý thật tác hại không phù hợp với nhân tình, nhưng lại muốn luận biện với các Pháp sư, đệ tử biết các vị Đại đức trong chùa, tài đức trí tuệ có dư, học vấn lại cao sâu, cho nên đồng ý cho họ luận biện. Xin Pháp sư cho bốn vị Đại đức khéo thông cả kinh luận nội ngoại tự tha để đi đến nước Ô-đồ đối đáp với họ. Ngài Chánh Pháp Tạng nhận được thư liền họp đại chúng lại để chọn lựa. Sai bốn vị là Hải Tuệ, Trí Quang, Sư Tử Quang

và Pháp sư, theo lệnh của vua để đến đó, ba vị kia đều rất lo lắng, riêng Pháp sư nói:.

Kinh Tạng Tiểu thừa, Huyền Trang khi còn ở tại bổn quốc và nước Ca-thấp-di-la đều có học qua, nếu họ muốn đem yếu nghĩa của tông phái mình để phá Đại thừa thì không bao giờ có đủ lý lẽ. Trang này tuy học cạn trí sơ nhưng cũng thông suốt hết, xin các Đại đức chớ lo phiền. Nếu như có sai trái thì nói là do vị tăng của Trung Quốc, không quan hệ gì ở đây.

Mọi người đều vui vẻ. Ngày hôm sau vua lại có thư đến, trước đã thỉnh các Đại đức, xin cùng đến đây.

Lúc này lại có bọn ngoại đạo Thuận Thế đến tu viện Na-lan-đà để khiêu khích luận nạn, họ viết ra bốn mươi quan điểm dán trước cửa tu viện và nói: Nếu ai có khả năng phá được một điều, thì bọn ta sẽ tự cắt đầu tạ tội.

Qua mấy ngày mà không có ai ra ứng đối, Pháp sư sai tịnh nhân ra xé bỏ và lấy chân đạp lên, Bà-la-môn rất giận dữ hỏi rằng: Ông là ai? Đáp: Ta là thị giả của Pháp sư Trung Quốc. Bà-la-môn cũng vốn nghe danh Pháp sư, thì lòng hổ thẹn không dám hỏi nữa, Pháp sư bảo những người ấy vào đối trước sự hiện diện của ngài Giới Hiền và các Đại đức làm chứng Ngài luận biện với vị ấy. Ngài gom hết các tông bổn mà các nhà ngoại đạo đã lập, rồi nói rằng: Như ngoại đạo Phô-đa, ngoại đạo Ly-hệ, ngoại đạo Lâu-man, ngọai đạo Thù-trưng-già. Bốn phái này hình dáng y phục đều khác nhau. Còn ngoại đạo Số Luận (xưa dịch là Tăng Khư) và ngoại đạo Thắng Luận, hai phái này lập nghĩa cũng khác, những người tu theo Phô-đa thì trét tro lên người để tu đạo, khiến cho thân thể trắng xám như mèo ở trong lò, còn đồ chúng của Ly-hệ thì lõa hình, lại có những tập tục kỳ dị như nhổ râu tóc và cho như vậy là có công đức, da dẻ họ trở nên lở loét và bàn chân nứt nẻ chẳng khác nào như những cây mục bên bờ sông.

Còn ngoại đạo Lâu-man thì thân thể lại trang sức bằng các sâu chuỗi sọ người đeo trên cổ, trông họ hốc hác kinh hoàng như những Dược-xoa ở nghĩa địa, còn phái ngoại đạo Trưng-già, thì khoác trên người những tấm vải đầy bụi bặm và ăn những đồ nhơ bẩn, trông họ hôi hám xấu xa như con heo ở trong chuồng. Họ cho đó là đạo giải thoát, há là không ngu muội sao.

Đến như ngoại đạo Số Luận, lập ra nghĩa hai mươi lăm đế, từ tự tánh sinh ra đại, từ đại đế sinh ra ngã chấp, rồi lần lượt sinh ra ngũ duy lượng (sắc thanh hương vị xúc) kế tiếp sinh ra ngũ đại, rồi đến mười

một căn, hai mươi bốn điều này đều cung phụng cho thần ngã, là cái mà Ngã thọ dụng, nếu xa lìa được chúng thì ngã được thanh tịnh. Thắng Luận Sư lập ra sáu cú nghĩa, đó là thực, đức, nghiệp, đồng, dị và hòa hợp tánh, sáu phạm trù này là cái mà Ngã sở lãnh thọ đầy đủ, khi chưa giải thoát thì Ngã sở thọ dụng nó, nếu được giải thoát lìa sáu thứ này, thì gọi là Niết-bàn.

Nay tôi sẽ phá những điều mà Số Luận lập ra, như ông nói trong hai mươi lăm đế, thì Ngã là trong hai mươi lăm đế đó có tánh chất đặc biệt, còn hai mươi bốn đế xoay vần cùng là một thể. Còn một loại tự tánh thì lấy ba pháp làm thể, gọi là Tát-đỏa-thích-xà-đáp-ma.

Ba thứ này lần lượt hợp thành hai mươi ba đế đại đẳng, hai mươi ba đế mỗi đế đều lấy ba pháp làm thể, nếu khiến mỗi đại đẳng đều đủ ba thành thì như chúng như rừng, tức là giả danh, làm sao nói tất cả là thật được. Lại nữa, nếu các đại đẳng này mỗi đẳng đều lấy ba thành thì ngay nơi một là tất cả, nếu một là tất cả thì nên mỗi mỗi đều có tất cả tác dụng, nhưng không phải như thế, thì tại sao lại chấp ba là tất cả thể tánh? Lại như nếu một là tất cả thì các căn mắt mũi... sẽ cũng là chỗ đại, tiểu tiện. Nếu mỗi căn đều có tất cả tác dụng thì miệng, tai cũng ngửi được hương và thấy hình sắc. Nếu không như vậy thì tại sao lại chấp ba đức là tất cả pháp thể. Chẳng lẽ người hiểu biết lại lập nghĩa này. Vả lại, nếu tự tánh là thường còn như ngã thể, thì tại sao nó lại chuyển biến thành pháp đại đẳng? Lại nếu bản tánh của Ngã sở chấp là thường thì nó nên như tự tánh mà không nên là ngã. Nếu như thể của tự tánh chẳng phải ngã thì không nên thọ dụng hai mươi bốn đế, cho nên ngã chẳng phải năng thọ. hai mươi bốn đế chẳng phải là sở thọ, năng sở đều không thì đế nghĩa không lập.

Như thế, Pháp sư lần lượt phá hết các điều tà thuyết một cách hùng biện thông suốt, Bà-la-môn chỉ biết im lặng không nói được gì, sau cùng phải đứng dậy tạ lỗi rằng: Giờ đây chúng tôi đã chịu thua, xin y theo lời đã giao ước

Pháp sư nói: Người tu hành họ Thích chúng tôi không bao giờ hại người. Nay chỉ cần các ông theo làm thị giả, vâng theo lời chỉ dạy của tôi.

Bà-la-môn vui vẻ vâng lời chỉ dạy, Pháp sư liền dẫn các vị ấy về phòng, người nghe ai cũng khen ngợi.

Bấy giờ, Pháp sư lại muốn đến nước Ô-đồ, bèn phỏng theo bảy trăm bài tụng mà phái tiểu thừa đã lập ra để phá Đại thừa. Pháp sư tìm một vài văn bản có những điều nghi ngờ, rồi bảo vị Bà-la-môn đã bị

hàng phục trước đó rằng:

Ông đã nghe những điều này chưa?

Đáp: Đã nghe năm lần.

Pháp sư bảo vị ấy giải thích lại cho Ngài nghe, người kia nói: Hiện giờ tôi làm nô bộc, thì làm sao dám giảng cho Ngài nghe.

Pháp sư nói: Đây thuộc về tông phái khác ta chưa từng nghe, ông chỉ nói lại chứ không hề gì.

Người kia nói: Nếu vậy thì xin để đến đêm nay, vì sợ người ngoài nghe cho là Pháp sư học của nô bộc, làm hại tiếng tăm Ngài.

Tối hôm ấy, khi không còn ai thì vị Bà-la-môn nói lại cho Pháp sư nghe qua một lần. Ngài nghe đủ các yếu chỉ bèn tìm những điều còn chưa rõ, rồi dùng nghĩa Đại thừa phá bỏ. Ngài lập ra một ngàn sáu trăm bài tụng, gọi là "Luận Chế Ác Kiến" để bác những điều trên. Viết xong Ngài đem trình lên Pháp sư Giới Hiền, và đồ chúng của các tông phái thì ai cũng khen ngợi cho rằng lý này đã cùng cực, làm sao Tiểu thừa có thể bẻ được.

Luận này được chia ra từng mục, khi hoàn thành Ngài liền bảo Bà-la-môn: Nhân giả vì luận biện thua nên phải làm kẻ bần, đã đủ hổ thẹn rồi, nay ta cho nhân giả được tùy ý ra đi.

Bà-la-môn mừng rỡ từ tạ rồi đi về nước Ca-ma-lâu-ba ở Đông Ấn. Khen ngợi đức độ của Pháp sư với vua nước đó là Cưu-ma-la, vua nghe xong rất vui, liền sai sứ đi mời.

■

TRUYỆN TAM TẠNG PHÁP SƯ CHÙA ĐẠI TỪ ÂN, ĐỜI ĐƯỜNG

QUYỂN 5

BẮT ĐẦU TỪ NƯỚC NI-KIỀN-CHIÊM-QUY ĐẾN TÂY TÀO Ở ĐẾ THÀNH

Khi vua nước Cưu-ma-la sai sứ đi mời Pháp sư chưa đến, thì có một Ni-kiền-tử lõa hình, tên là Phạt-xà-la, đột nhiên đi vào phòng Pháp sư . Pháp sư vốn biết Ni-kiền-tử rất giỏi việc bói toán, liền mời ngồi và hỏi về điều nghi ngờ của mình:

Huyền Trang này từ nước Trung Quốc đến đây cầu học đạo đã lâu, nay muốn quay về, chẳng biết có được không. Lại ở và đi hai cách, chọn cách nào là tốt nhất và tuổi thọ dài hay ngắn, xin nhân giả bói xem. Kiền-tử bèn lấy một miếng đá trắng vẽ dưới đất để bói, bảo Pháp sư rằng: Ngài ở lại đây rất tốt, vua của năm xứ Ấn Đô và hàng đạo tục sẽ kính trọng thầy. Nếu trở về Ngài cũng được sự kính trọng, nhưng không bằng ở lại đây. Còn tuổi thọ của Ngài sẽ sống thêm mười năm nữa, còn nếu Ngài làm nhiều công đức thì không biết sẽ thọ thêm bao lâu nữa. Pháp sư lại hỏi: Ý tôi muốn mang về một số lớn kinh tượng, không biết có được không?

Ni-kiền-tử bảo: Ngài chớ lo, vua Giới Nhật và vua Cưu-ma-la, sẽ cho người hộ tống Ngài về được an ổn.

Sư bảo: Hai vị vua ấy tôi chưa gặp mặt, làm sao mà được ân đức này.

Ni-kiền-tử đáp: Vua Cưu-ma-la đã sai sứ đến cầu thỉnh, hai, ba ngày nữa sẽ đến, nếu gặp được vua Cưu-ma-la thì cũng sẽ gặp vua Giới Nhật. Ni-kiền-tử nói xong thì từ tạ ra về. Pháp sư ý lại lo sửa soạn kinh tượng, các Đại đức nghe được đều đến khuyên Ngài ở lại và nói:

Ấn Độ là nơi Phật đản sinh cho dù các bậc đại thánh không còn nhưng di tích thì vẫn còn, Pháp sư ở đây, đi khắp các nước để chiêm bái thánh tích cũng đủ thỏa chí bình sinh, cớ sao lại bỏ về. Vả lại, Trung

Quốc là nơi biên địa xa xôi, con người bị khinh rẻ, đạo pháp bị xem thường. Bởi vậy nên các Đức Phật không đản sinh tại đó. Bởi chúng sanh ở nơi ấy ý chí hẹp hòi, mà cấu nhiễm lại sâu xa nên các Thánh cũng không đến. Khí hậu thì lạnh buốt, sông núi đất đai lại hiểm trở, như thế không đủ để Pháp sư suy nghĩ sao?

Pháp sư đáp: Đấng Pháp vương lập giáo nghĩa, những muốn giáo nghĩa được lưu thông, nay tâm tôi được thấm nhuần chánh lý, lẽ nào không ban phát cho những người chưa giác ngộ, hơn nữa, ở bên bổn quốc có nhiều phong tục đáng quý, nhiều pháp độ đáng tôn trọng. Vua thánh tôi trung, cha hiền con hiếu, ai cũng quý nhân nghĩa, bậc lão niên đức độ càng được tôn trọng. Lại thêm mọi người thấu triệt mọi lẽ sâu xa, trí tuệ khế hợp với thần minh. Thể tánh hợp với trời, đáng làm khuôn phép, cho dù bảy sắc mặt trời cũng không thể che được nền văn hóa của nước này, ở đây người ta biết nhạc khí, lại phân chia được thời gian, dù đem sáu luật cũng không thể che lấp được sự thấy biết của họ, cho nên họ có thể chế ngự được loài chim bay thú chạy và cảm hóa được quỷ thần, biết điều tiết âm dương và lợi an cả muôn vật. Từ lúc di giáo đến Đông Thổ, đạo pháp Đại thừa được tín ngưỡng tôn trọng, ở đây nước thiền định soi sáng lắng trong, hương giới luật ngát cả trời xanh, người tu đều phát tâm tạo hạnh nguyện, công đức ngang bằng Thập Địa, lại huân tu để chứng tam thân, các bậc Đại thánh ra đời để truyền pháp hóa, tai nghe lời nói nhiệm mầu, mắt thấy được Kim dung. Họ như chiếc xe đi trên đường dài chưa được hiểu biết, đâu thể nói Phật không đến mà khinh thường sao? Người kia nói: Trong kinh dạy rằng: Các trời tùy theo phước đức, mà thức ăn có khác, nay chúng tôi cùng Pháp sư ở cõi Diêm-phù này, mà Phật sinh ở đây không sinh ở kia. Đủ biết nơi kia là chốn biên địa xấu ác vậy. Nơi không có phước, cho nên mới khuyên Ngài chớ trở về. Pháp sư đáp: Chớ nên nói như thế, vậy chớ mặt trời vì sao đến cõi này. Đáp: Là để xua tan tăm tối.

Nay sự trở về của tôi cũng giống như vậy. Lẽ nào các vị không thấy điều này sao? Các vị đến chỗ Pháp sư Giới Hiền để trình bày mọi việc và nói rõ ý đó. Ngài Giới Hiền hỏi Pháp sư:

Nhân giả định thế nào?

Đáp: Xứ này là nơi Phật đản sinh lẽ nào không yêu thích, nhưng Huyền Trang đi đến đây là để cầu pháp, làm lợi ích cho chúng sanh, từ khi đến đây được thầy giảng cho nghe luận Du-già-sư-địa, xé toang được lưới nghi, lại lễ bái thánh tích và được nghe yếu chỉ các bộ luận, lòng riêng rất cảm kích, thật là việc đi này không hề luống uổng.

Nguyện đem những điều thấy nghe trở về để phiên dịch, giúp cho những người có duyên đều được thấy nghe, để báo ân thầy, do đó nên đệ tử không thể ở lại được.

Pháp sư Giới Hiền liền vui vẻ nói: Đây chính là ý của Bồ-tát, lòng ta cũng mong muốn như vậy.

Pháp sư nói rồi liền trở về phòng. Hai ngày sau tại nước Cưu-ma-la ở Đông Ấn sai sứ đem thư đến cho Pháp sư Giới Hiền rằng:

Đệ tử muốn được gặp Đại đức nước Trung Quốc, xin thầy từ mẫn cho Pháp sư đến đây.

Ngài Giới Hiền được thư bèn bảo đại chúng rằng: Vua nước Cưu-ma-la muốn mời Huyền Trang, nhưng những người này đang đưa chúng tăng đến chỗ vua Giới Nhật để tranh luận với Tiểu thừa, nay nếu đi đến thì vua Giới Nhật làm thế nào được?

Vậy thì không nên đi.

Bèn nói với người sứ rằng: Vị tăng Trung Quốc nay muốn trở về nước, không thể đi đến đó được.

Sứ trở về vua lại phái đến mời nữa: Thầy muốn trở về thì tạm qua chỗ đệ tử, rồi đi cũng không khó gì. Xin Ngài chớ từ chối.

Ngài Giới Hiền không cho đến, vua nước kia liền nổi giận, lại sai sứ đem thư đến cho ngài Giới Hiền: “Đệ tử là người phàm phụ, tạp nhiễm thế lạc, đối với pháp Phật chưa biết hồi hướng. Nay nghe danh tiếng vị tăng từ nước ngoài đến thì rất vui mừng. Giống như hạt giống được nẩy mầm, mà thầy lại không cho đến, đó là muốn làm cho chúng sanh chìm sâu trong đêm tối, há là bậc Đại đức nối tiếp làm hưng thạnh dị pháp, dắt dẫn chúng sanh mê muội sao? Sự khát ngưỡng chẳng thể kể xiết, thiết tha sai người đến mời thỉnh nhiều lần nếu Ngài không đến thì đệ tử sẽ trở thành kẻ ác. Gần đây có vua Thường-ca còn phá hoại Phật pháp, đốt chặt cây Bồ-đề, thầy cho rằng đệ tử không có khả năng làm việc ấy hay sao? Đệ tử sẽ sửa soạn binh mã để đến nước kia, có thể dẫm nát chùa Na-lan-đà ra tro bụi, nếu lời này sai lầm thì thầy hãy thử xem”. Ngài Giới Hiền đọc thư xong bèn nói với Pháp sư rằng:

Vua kia đã có tâm lành cầu thỉnh, trong nước Phật pháp không được lưu hành, tự nghe danh mà phát ý sâu, đây cũng do nhiều đời là bạn lành của ông, ông nên cố gắng đến đó, người xuất gia lấy việc lợi ích chúng sanh làm gốc, nay đã đến lúc. Thí như chặt cây, chỉ cần chặt gốc thì cánh lá cũng tự rụng, nếu đến nước kia mà vua đã phát tâm thì muôn dân sẽ được giáo hóa. Nếu chống trái không đến thì sẽ xảy ra việc không tốt, chớ ngại chút mệt nhọc.

Pháp sư từ tạ rồi cùng sứ giả lên đường đến nước kia. Vua nghe tin rất vui mừng, bèn hối thúc các quan lo sửa soạn đón rước, lễ bái khen ngợi. Khi Pháp sư vừa đến cung thành thì trổi âm nhạc, thức ăn, hoa hương, hết lòng cúng dường, xin thọ trai giới. Như thế trải qua hơn một tháng.

Vua Giới Nhật đi chinh phạt nước Cung-ngự-đà trở về nghe Pháp sư ở tại nước Cưu-ma-la thì kinh ngạc nói: Ta trước luôn cầu thỉnh mà Ngài không đến, nay vì sao lại ở nước kia?

Rồi vua sai sứ đến thưa với Vua Cưu-ma-la rằng: Mau đưa vị tăng Trung Quốc đến đây. Vua Cưu-ma-la kính trọng Pháp sư, quyến luyến không rời, nên nói với Sứ giả.

Ta đã mời Pháp sư trước, Pháp sư không thể đi được.

Người sứ trở về báo lại, vua Giới Nhật rất tức giận nói với quan hầu rằng:

Vua Cưu-ma-la khinh ta, tại sao vì một vị tăng mà nói lời thô thiển như thế.

Lại sai sứ đến trách rằng: Nếu Ngài nói mời Pháp sư trước thì nên nghĩ đến tương lai.

Vua Cưu-ma-la lo sợ mình thất ngôn, liền ra lệnh sửa sang hai muôn quân voi và ba muôn chiếc thuyền cùng Pháp sư vượt qua sông Hằng đến chỗ vua Giới Nhật.

Khi đến nước Yết-chu-ôn-kỳ-la, bèn dừng lại. Vua sai người xây một hành cung ở phía Bắc sông Hằng. Ngay trong ngày đó vua qua sông đến cũng, sắp đặt Pháp sư ở tại đó xong vua cùng các quan vào ra mắt vua Giới Nhật ở bờ sông phía Nam. Vua Giới Nhật thấy vua đến thì rất vui, biết người này kính trọng Pháp sư cho nên không trách lời nói trước kia, chỉ hỏi: Vị tăng Trung Quốc hiện ở đâu?

Đáp: Ở tại hành cung.

Vua nói: Vì sao không đến?

Đáp: Đại vương yêu hiền kính đạo, lẽ nào để Pháp sư đến đây ra mắt trước

Vua nói: Phải.

Rồi vua Giới Nhật từ tạ đi ra, bảo hôm sau sẽ đến. Vua Cưu-ma-la trở về nói với Pháp sư: Tuy vua nói ngày mai đến, sợ rằng đêm nay sẽ đến. Nhưng cần phải để cho hầu đợi, nếu đến thầy không nên ra đón.

Pháp sư nói: Huyền Trang này vì Phật pháp lý tự như thế.

Đến tối, vào canh một, quả nhiên vua đến, có người bảo rằng:

Ở dưới sông có cả ngàn ngọn đuốc và chiêng trống vang rền. Vua

nói: Đây là vua Giới Nhật đến. Rồi ra lệnh giơ đuốc lên, vua cùng các quan từ xa đón rước. Khi vua Giới Nhật đến, thường đem theo mấy trăm cái trống vàng, đi một bước thì đánh một tiếng, đó gọi là "Tiết bộ cổ". Chỉ vua Giới Nhật mới có trống này, các vua khác không có. Khi đến thì đảnh lễ dưới chân Pháp sư, tung hoa chiêm ngưỡng, dùng vô lượng bài tụng khen ngợi, sau đó nói với Pháp sư rằng: Đệ tử trước kia đã mấy lần cung thỉnh vì sao Ngài không đến?

Bảo rằng: Huyền Trang này từ xa đến đây để cầu Phật pháp, vì đang nghe luận Du-già, lúc được lệnh vua triệu đi thì nghe chưa xong, vì thế nên không thể đi được.

Vua lại hỏi: Thầy từ nước Trung Quốc đến, đệ tử nghe nước kia có vua Tần phá trận nên vui khúc ca múa, chẳng hay vua Tần là người như thế nào, lại có công đức gì mà được xưng dương như thế. Pháp sư bảo rằng: Nơi quê hương của Huyền Trang hễ thấy người thì nghĩ đến công đức của Thánh hiền, có khả năng vì trăm họ diệt trừ hung bạo, che chở các loài chúng sanh, thì lời ca sẽ tán vịnh công đức. Trên thì đầy đủ nhạc của tông miếu, dưới thì cất tiếng hát đến cùng thôn xóm, vua Tần đó chính là vua hiện nay của nước Trung Quốc vậy, khi chưa lên hoàng cực đã được phong làm vua Tần, lúc mà trời đất mịt mờ, nhân dân chưa có chủ, ở nơi đồng hoang thịt người chất đống, máu chảy thành sông, yêu tinh ban đêm tụ lại, khí độc đầy cả ban ngày. Ba sông khổ bởi tham tàn không dứt, bốn biển nguy khốn do khí độc của rắn dài. Vua dùng thân đế nghiệp, tuân theo mệnh trời, chấn chỉnh muôn dân, sửa an vận nước tạo nên sự thái bình thống nhất. Trong sáu cõi đều nhớ ân, cho nên mới có lời ca vịnh này.

Vua nói: Người như thế là do trời sai xuống để trị vì muôn dân vậy. Lại hỏi Pháp sư rằng: Đệ tử nay trở về, ngày mai sẽ đón rước thầy, xin thầy nghỉ ngơi. Nói rồi thì từ biệt. Sáng mai lại sai sứ đến, Pháp sư và vua Cưu-ma-la cùng đến cung thành vua, vua cùng các quan hơn hai mươi vị ra ngoài đón rước mời ngồi, làm lễ dâng hoa cúng dường thọ thực xong rồi, vua bèn hỏi: Nghe nói thầy có soạn "Luận Chế Ác Tà" nay ở đâu?

Sư bảo ở tại đây. Rồi lấy ra cho vua xem, khi xem xong vua rất vui, nói với các môn sư rằng: Đệ tử nghe khi mặt trời chiếu sáng thì ánh sáng lò sưởi và đèn đuốc sẽ lu mờ, khi trời nổi sấm sét thì tiếng búa không còn nghe được, Pháp sư đã dùng lý thuyết chân lý để bái bác tông môn của các vị, trẫm muốn xem các vị luận biện thế nào?

Vua lại nói: Các vị như Thượng tọa Đề-bà-tư-na tự nói là mình

uyên thâm bác học, thấu suốt mọi hệ thống triết, các vị ấy thường dùng dị kiến của mình để hủy báng Đại thừa, ngay khi nghe Pháp sư từ phương xa đến, liền bỏ đi đến thành Phệ-xá-ly chiêm bái thánh tích để tránh mặt, đủ biết các thầy không đủ năng lực để đối biện.

Vua có một người em gái thông minh lanh lợi, giỏi về nghĩa của Chánh lượng bộ, bà ngồi ở sau vua, nghe Pháp sư giảng yếu nghĩa sâu sa của Đại thừa và sự nông cạn của Tiểu giáo. Bà nghe xong thì hết sức vui mừng khen ngợi. Vua nói: Sư luận về đại thừa rất hay, đệ tử và các Luận sư ở đây đều tin phục, nhưng sợ các ngoại đạo Tiểu thừa ở các nước khác vẫn chấp chặt sự mê muội, vậy mời các vị đến thành Khúc Nữ để cùng dự hội với Pháp sư.

Vua hạ chiếu chỉ mời các vị Sa-môn, Bà-la-môn, ngoại đạo ở khắp năm xứ Ấn Độ đến để nghe lý kinh Đại thừa vi diệu, dứt hết tâm hủy báng, hiển bày đức độ cao sâu của Pháp sư, bẻ gãy tâm ngã mạn.

Ngay ngày đó, vua ban sắc lệnh mời các nước và những vị nghĩa giải nhóm họp ở thành Khúc Nữ để xem Pháp sư người Trung Quốc luận biện.

Pháp sư từ đầu mùa Đông cùng vua vượt qua sông mà tiến. Đến tháng chạp mới đến được hội trường. Mười tám vị vua trong năm xứ Ấn Độ cũng đã có mặt, có hơn ba ngàn vị Tỳ-kheo am hiểu cả Đại, Tiểu thừa cũng đến, hơn hai ngàn Bà-la-môn và phái Ni-kiền-tử, hơn ngàn vị tăng ở chùa Na-lan-đà cũng tới. Đó là những vị có đầy đủ biện tài, hiểu rộng văn nghĩa, nghe tiếng Pháp sư luận hội đều đến. Mỗi vị đều có thị giả theo, rồi nào xe nào voi ngựa, màn lọng tàng phướn, cùng đi đến vây quanh, nguy nga rực rỡ như mây nổi sương giăng, che kín cả không gian hơn mười dặm. Tuy là sáu cõi có lấy tay áo che thành màn, tam ngô đổ giọt thành mưa, cũng chưa đủ nói lên sự hùng hậu này. Vua trước đã sắc lệnh xây hai thảo đường đồ sộ ở hội trường để thờ tượng Phật và đồ chúng, mỗi điện đều rộng lớn uy nghi chứa hơn ngàn người. Hành cung của vua cách hội trường năm dặm về phía Tây. Vua trước kia đã cho đúc một pho tượng Phật bằng vàng, sắp đặt một voi lớn, có màn báu che ở trên, đặt tượng Phật bên trong. Vua Giới Nhật mặc sắc phục của Đế Thích, cầm cờ trắng đứng hầu bên phải, vua Câu-ma-la mặc sắc phục pham Thiên cầm lọng báu đứng hầu bên trái, cả hai vua đều rất lộng lẫy. Vương miện bằng tràng hoa, trang hoàng bằng ngọc bích. Lại trang hoàng hai xe voi lớn chở đầy hoa báu, đi theo sau xe Phật để tung hoa, Pháp sư và chư vị tăng khác, mỗi vị ngôi trên một voi lớn lần lượt đi theo sau vua, lại dành ba trăm voi lớn, để cho vua, các

quan, các Đại đức các nước, v.v... ngồi, đám rước đi trên đường có hoa rắc và nhạc trổi. Từ sáng sớm đoàn xe lần lượt từ cung thành tiến ra hội trường, khi đến nơi mọi người cùng bước xuống, thỉnh Phật vào trong điện đặt trên tòa báu. Vua cùng Pháp sư đều lần lượt dâng hương cúng dường, sau đó cho mời mười tám vị quốc vương vào điện, rồi các vị tăng các nước bác học gồm hơn một ngàn vị, và hơn năm trăm vị Bà-la-môn ngoại đạo và hơn hai trăm chư đại thần các nước đều vào an tọa. Còn người thế tục thì đứng bên ngoài cửa viện. Vua sai ban phát thực phẩm cho cả trong lẫn ngoài viện. Khi thọ thực xong, vua Giới Nhật cúng dường tượng Phật một khay bằng vàng, bảy chén vàng, chậu tắm bằng vàng, một tích trượng bằng vàng, ba ngàn đồng tiền vàng, ba ngàn tấm y bằng nỉ, lại cúng dường vật dụng cho Pháp sư và các vị tăng, sau đó dành riêng một tòa báu mời Pháp sư ngồi làm luận chủ, để giảng nói Đại thừa, trình bày luận ý. Kế đến cử một vị sư của chùa Na-lan-đà là Pháp sư Minh Hiền đọc bản văn cho đại chúng nghe. Lại viết riêng một bản treo ở ngoài hội trường cho công chúng bên ngoài xem. Lại thông báo có chữ nào vô lý nếu có thể bắt bẻ phá bỏ được thì luận chủ xin lấy đầu tạ tội. Như thế cho đến tối mà không ai dám nêu lên một lời bài bác nào. Vua Giới Nhật rất vui mừng, cho bãi cuộc hội rồi trở về cung.

Các vua và tăng chúng các nơi đều về nơi an nghỉ. Pháp sư cùng vua Cưu-ma-la cũng trở về cung mình. Hôm sau, lại đón rước, đưa đi, nhóm họp như lúc đầu, qua năm ngày Tiểu thừa ngoại đạo bị hủy báng tông mình nên ôm hận muốn âm mưu hại Pháp sư. Vua biết tin này liền bảo rằng:

Tà đảng làm loạn chánh đạo đã có từ xưa nay làm che lấp chánh giáo, mê hoặc chúng sanh. Nếu không có bậc Thượng hiền làm sao có thể soi xét được tà ngụy, Pháp sư Trung Quốc đây trí đạo thông suốt, hạnh giải sâu xa, vì để hàng phục các tà giáo cho nên đến nước này để mở mang Đại thừa, dắt dẫn người ngu, đồ chúng yêu vọng đã không biết hổ thẹn, lại còn khởi tâm mưu hại, việc này nếu xảy ra thì sẽ không dung thứ, nếu ai xúc phạm đến Pháp sư thì sẽ bị bêu đầu, còn ai hủy báng mắng nhiếc thì sẽ bị cắt lưỡi, còn như muốn tranh luận thì không nằm trong hạn này. Lời tuyên bố của vua làm tà môn không dám manh động. Trải qua mười tám ngày vẫn không có người luận bác. Đến ngày cuối cùng, Pháp sư lại khen ngợi Đại thừa, khen ngợi công đức Phật, khiến cho vô lượng người bỏ tà về chánh, bỏ Tiểu thừa theo Đại thừa. Vua Giới Nhật càng thêm tôn kính, lại cúng cho Pháp sư mười ngàn đồng tiền vàng, ba mươi ngàn đồng tiền bạc, một trăm chiếc giày bằng dạ,

mười tám vị quốc vương mỗi vị lại đem châu báu cúng dường Pháp sư. Pháp sư đều nhất quyết không nhận. Vua lại sai quan hầu trang nghiêm lộng lẫy một xe voi treo cờ, để thỉnh Pháp sư đi vòng quanh hội trường có các quan theo hầu, để dân chúng biết chúng biết được Pháp sư đã luận biện thắng cuộc, nhưng Pháp sư từ chối lời cầu thỉnh.

Vua nói: Đó là phép tắc xưa nay không thể làm trái được.

Liền đem bộ ca-sa của Pháp sư đặt lên kiệu voi đi tuần hành các nơi và tuyên cáo rằng: Pháp sư Trung Quốc nay đã lập nghĩa Đại thừa để phá bỏ ác dị kiến, đã mười tám ngày mà không ai dám luận bác, nay công bố cho dân chúng biết.

Mọi người đều rất vui mừng, tranh nhau đặt tên gọi đẹp cho Ngài, Đại thừa thì gọi là Ma-ha Da-na-đề-bà (Hán dịch là Đại Thừa Thiên). Tiểu thừa thì được gọi là Mộc-xoa-đề-bà, Đây Hán dịch là Giải Thoát Thiên. Mọi người đốt hương tung hoa lễ bái xong mới từ tạ ra về. Từ đó danh tiếng của Ngài vang xa. Ở phía Tây hành cung có một ngôi chùa, là nơi được vua cúng dường, bên trong có thờ răng Phật dài một tấc rưỡi, màu vàng nhạt, thường phát ra ánh sáng. Xưa, ở nước Ca-thấp-di-la, vua dòng Ngật-lợi-đa, hoại diệt Phật pháp làm tăng đồ giải tán, có một vị Bí-sô từ xa đến xứ Ấn Độ này. Sau đó, vua nước Đổ-hóa-la là Tuyết Sơn Hạ, thấy vị vua ở đây tàn bạo, Phật pháp bị hủy diệt, bèn giả làm người đi buôn, dẫn ba ngàn lực sĩ, đem nhiều châu báu giả nói là dâng hiến. Vua vì lòng tham nghe nói rất vui mừng, sai sứ ra đón rước. Nhưng vua Tuyết Sơn bản chất rất mạnh mẽ, uy lực như thần, khi bọn người đến bên trướng kêu lên, vua Ngật-lợi-đa trông thấy thì rất kinh sợ té nhào xuống đất. Vua Tuyết Sơn bắt lấy chém đầu, rồi nói với các quan rằng: Ta là vua Tuyết Sơn Hạ, vì thấy vua các ngươi hủy hoại Phật pháp, cho nên mới đến đây trị phạt, lỗi chỉ một người không quan hệ đến các ngươi.

Vua đã trừ bạo chúa, lại xây dựng chùa miếu, nhóm họp tăng chúng đến thiết lễ cúng dường rồi mới trở về. Vị Bí-sô trước đến nước Ấn Độ nghe nước đã được ổn định, bèn cầm tích trượng trở về. Giữa đường gặp một bầy voi đang kêu rống đi đến, Bí-sô thấy bèn leo lên cây để trốn. Voi bèn dùng vòi hút cây, dùng răng đào rễ, trong khoảnh khắc thì cây ngã, voi dùng mũi đưa Bí-sô đặt lên lưng nó rồi mang đi. Đến một khu rừng lớn, có một con voi bị thương đang nằm trong đó. Voi nắm tay Bí-sô đặt vào chỗ đau, Bí-sô dùng thuốc trị vết thương cho voi, voi dần dần hồi phục, sáng ra cả bầy voi đều tranh nhau đi tìm trái cây ngon lạ để cúng dường Bí-sô. Khi Bí-sô ăn xong rồi thì có một con voi

đem một hộp vàng đưa cho con voi bệnh, con voi bệnh đem đến dâng cho Bí-sô, Bí-sô nhận rồi thì bầy voi đưa trở ra khỏi khu rừng, đến chỗ cũ đặt xuống đất, quỳ lạy xong rồi mới đi. Bí-sô mở hộp vàng ra thì thấy đó là răng Phật, mới đem về nước cúng dường. Sau, vua Giới Nhật nghe nói ở nước Ca-thấp-di-la có răng Phật, liền đích thân đến đó cầu thỉnh được xem và lễ bái. Chư tăng ở đây vì tham tiếc không muốn đem ra, nhưng vua vì sợ uy lực của vua Giới Nhật, nên phải trình lên, vua Giới Nhật trông thấy càng thêm kính trọng. Lại cậy có sức mạnh bèn đoạt lấy đem về cúng dường, tức là răng này vậy. Sau khi lễ hội xong vua lại cho đúc tượng vàng, y phục, tiền bạc, v.v... đến trao cho chùa, nhờ chư tăng giữ gìn. Pháp sư trước đã từ tạ các Đại đức chùa Na-lan-đà và sửa soạn kinh tượng xong, sau khi bãi hội, đến ngày mười chín liền vào từ giã vua để trở về, vua nói:

Đệ tử tiếp nối tông miếu, đứng đầu cả nước hơn ba mươi năm, thường lo phước đức không tăng trưởng, pháp nhân không tương tục cho nên chứa để của cải vật báu ở trong nước Bát-la-da-già này và cả vùng lưỡng hà để lập hội trường lớn. Cứ năm năm lại tổ chức lễ hội thiết trai cúng dường chư tăng trong năm xứ Ấn Độ, Bà-la-môn và những kẻ nghèo nàn, cô độc, bố thí không ngăn ngại trong bảy mươi lăm ngày đã thành được năm hội, nay muốn tổ chứa hội thứ sáu, vì sao Sư không tạm dừng lại để cùng tùy hỷ. Pháp sư bảo: Bồ-tát thực hành phước tuệ song tu, bậc trí đắc quả không quên cội gốc, vua đã không tiếc tài của chẳng lẽ Huyền trang này không thể dừng lại ít ngày, xin tùy theo ý vua.

Vua rất vui mừng, đến ngày hai mươi mốt công bố việc lập thí trường lớn tại nước Bát-la-na-già. Ở bờ phía Bắc sông Hằng, và phía Nam sông Diêm-mâu-na. Đều từ hướng Tây bắc và hướng Đông chảy xuống gặp nhau ở đây. Nơi phía Tây chỗ hai dòng sông giao nhau đó có một vùng đất rộng chừng mười bốn, mười lăm dặm bằng phẳng như gương. Từ xưa các vua đều dùng đất này để thực hành thí, do đó nên gọi là Thí Trường.

Tương truyền rằng: Nếu cúng thí ở đất này một đồng tiền vẫn hơn trăm ngàn đồng tiền ở chỗ khác, do đó mà xưa nay đều tôn trọng nơi này.

Vua ban sắc lập thí trường ở nơi đó, dựng tre làm bờ rào, mỗi mặt cả ngàn bộ, trong làm nhà cỏ hơn mười gian, đặt các vật báu, đều là các vật quý giá. Bên cạnh đó có cả dãy nhà rộng cả mấy trăm gian để cất giữ các loại y phục nỉ dạ vàng bạc châu báu v.v.... Ngoài hàng rào đều có xây nhà nấu ăn. Trước các kho báu lại xây các nhà dài hơn một

trăm bước, giống như thành ấp thẳng hàng. Mỗi ngôi nhà dài có sức chứa hơn một ngàn người ngồi. Trước vua ban sắc thông báo cho tất cả Sa-môn, Bà-la-môn và kẻ nghèo cùng ở trong năm nước biết, cùng đến thí trường để thọ thí. Đến ngày đó hàng đạo tục đến hội trường có hơn năm mươi muôn người. Dinh của vua Giới Nhật ở bên bờ Bắc của sông Hằng.

Vua Nam Ấn Độ là Đỗ-lỗ-bà-bạt-sất ở cung phía Tây đông. Vua Cưu-ma-la ở bờ Nam sông Diêm-mâu-na bên khu rừng hoa, những người đến thọ thí ở phía Tây dinh Vua Bạt-tra.

Khi ấy, vua Giới Nhật cùng vua Cưu-ma-la đi thuyền đến, vua Bạt-tra cỡi voi đều nghiêm chỉnh nghi vệ đi đến hội trường. Mười tám vị quốc vương cũng lần lượt theo sau. Ngày thứ nhất thì an trí tượng Phật trong điện cỏ của thí trường. Đem các thứ thượng bảo, thượng y và thức ăn ngon đến cúng dường, trổi nhạc tung hoa đến chiều tối mới trở về dinh. Ngày thứ hai lại an trí Thiên tượng, cũng cúng dường bằng nửa ngày đầu. Ngày thứ ba an trí tượng trời Đại tự tại, cúng dường như Thiên tượng. Ngày thứ tư cúng dường cho tăng chúng cả hơn vạn người.

Lần thứ năm cúng cho các vị Bà-la-môn, hơn hai mươi ngày mới xong.

Lần thứ sáu bố thí cho ngoại đao, mười ngày mới hết.

Lần thứ bảy cúng cho những người ở xa đến xin, mất mười ngày.

Lần thứ tám cúng thí cho kẻ nghèo nàn, cô độc, một tháng mới hết.

Thế là tiền bạc chứa để trong năm năm đều đã hết, chỉ lưu lại xe ngựa binh khí để giữ gìn tông miếu dẹp trừ bạo loạn.

Khi xong xuôi, vua đảnh lễ chư Phật mười phương, vui mừng hớn hở chấp tay thưa rằng: Lâu nay chứa để tài của, cứ lo sợ không giữ được bền chắc, nay đã để dành phước đức, có thể gọi là nhập vào tạng thức vậy. Nguyện cho con đời đời luôn được tài pháp để bố thí chúng sanh, đầy đủ mười thứ tự tại, hai thứ trang nghiêm.

Khi lễ hội xong rồi thì các vị quốc vương đều cầm tiền vàng, vật báu đến trước mọi người để chuộc lại những trân châu báu, y phục vật dụng mà vua đã cúng thí. Xong đem dâng hiến cho vua, trải qua mấy ngày vua lại có y phục và vật trang sức như cũ.

Pháp sư lúc này muốn từ tạ trở về thì vua nói: Đệ tử muốn cùng Pháp sư mở mang Phật pháp, cớ sao Ngài lại quay về sớm vậy.

Như thế, Pháp sư ở lại thêm mười ngày nữa.

Vua Cưu-ma-la cũng hết lòng mời thỉnh . Thầy hãy đến chỗ đệ tử

để thọ cúng dường, đệ tử sẽ vì thầy mà xây dựng một trăm ngôi chùa. Pháp sư thấy ý các vua không hiểu, bèn cáo từ rằng:

Tôi rời nước Trung Quốc ra đi đã lâu. Nơi ấy cách đây xa xôi, được nghe Phật pháp muộn màng, tuy là có thấm nhuần chút ít nhưng vẫn chưa đủ, vì từ xưa đến nay luận thuyết có nhiều sai khác. Cho nên tôi đã phát nguyện, bởi do các bậc Hiền bên bổn quốc luôn khát ngưỡng chí thành, nên lòng không giây phút dám quên. Kinh nói rằng: Nếu làm ngăn trở người cầu pháp thì đời đời không có mắt, nếu vua giữ mãi Huyền Trang ở lại đây, thì vô lượng chúng sanh ở quê hương sẽ không có lợi ích biết được Phật pháp. Nghiệp báo không mắt há chẳng sợ sao?

Vua nói: Đệ tử kính mến ân đức của Pháp sư, nguyện thường được chiêm bái cúng dường, nhưng sợ làm tổn lợi ích của người, nên tùy ý đưa Sư trở về. Nay thầy muốn đi về bằng đường nào? Nếu thầy đi về hướng Nam Hải thì sẽ cho người đưa tiễn.

Pháp sư bảo: Huyền Trang từ nước Trung Quốc ra đi, đến phía Tây có nước Cao Xương, vua xứ này thông minh lại kính pháp, khi thấy Huyền Trang đến đây tìm đạo, đã sinh tâm vui mừng, cung cấp rất hậu. Đã cầu xin tôi khi trở về nên qua đó, xét về tình thì không thể sai hẹn được, nay muốn đi về hướng Bắc. Vua hỏi: Thầy cần bao nhiêu tư lương? Pháp sư bảo: Không cần.

Vua nói: Như thế sao được!

Thế là vua hạ chiếu đem vàng bạc vật dụng đến cúng dường Pháp sư. Vua Cưu-ma-la cũng đem tài vật đến cúng dường, Pháp sư nhất quyết không nhận, chỉ nhận của vua Cưu-ma-la một cái mền lông vì sợ trên đường sẽ gặp mưa, sau đó liền cáo biệt. Vua và các quan, dân chúng đưa ra đến mười dặm mới quay về, mọi người nghẹn ngào khóc tiễn không thôi. Pháp sư dùng voi chở hết kinh tượng. Rồi cùng đi với vua Ô-địa-đa của xứ Bắc Ấn, sau đó vua Giới Nhật lại gởi sang cho vua Ô-địa-đa một con voi lớn, ba ngàn đồng tiền vàng, mười ngàn đồng tiền bạc, để cúng dường Pháp sư làm lộ phí. Ba ngày sau vua cùng vua Cưu-ma-la, Bạt-tra, ruổi ngựa cả trăm dặm đến để cúng dường đưa tiễn. Vua lại viết thư đưa cho bốn vị Đạt Quan, thư viết trên lụa bạch có ấn triện son gởi cho các nước Pháp sư đi qua, nhờ cung cấp hộ tống các thứ cho đến khi Pháp sư về đến địa phận đất Hán. Đến nước Bát-la-na-già, đi về hướng Tây nam vượt qua khu rừng bảy ngày thì đến nước Kiều-thưởng-di. Ở phía Nam thành là nơi Trưởng giả Cù-sư-la cúng vườn cho Phật ngày trước. Pháp sư dừng lại lễ bái thánh tích, sau đó lại cùng vua

Ô-địa-đa đi về hướng Tây bắc, đi hơn một tháng trời trải qua nhiều nước và trở lại thăm Thánh tích Thiên Thê.

Ngài lại nhắm hướng Tây bắc đi thêm ba dặm thì đến kinh đô nước Tỳ-la-na-noa, Ngài dừng lại hơn hai tháng, và gặp hai người bạn học là Sư Tử Quang và Sư Tử Nguyệt. Ngài lại giảng Câu-xá, Nhiếp luận, Duy thức v.v...

Hai vị gặp lại Pháp sư đều rất mừng. Đón tiếp nồng hậu. Lại đi về hướng Tây bắc hơn một tháng, trải qua nhiều nước thì đến xứ Xà-lan-đạt, tức kinh đô của Bắc Ấn Độ. Ngài dừng lại một tháng,nơi đây Ngài từ biệt vua Ô-địa, vua cho người theo hộ tống Ngài trở về nước.

Đi về hướng Tây hơn hai mươi ngày thì đến xứ Tăng-hoa-bổ-la, ở đây có hơn một trăm vị tăng, đều là người phương Bắc, mang kinh tượng nương theo Pháp sư trở về nước. Trong hai mươi ngày đó Ngài trải qua nhiều vùng núi non hiểm trở, có nhiều chỗ gặp cướp. Pháp sư sợ bị cướp kinh, thường sai một vị tăng đi trước nếu gặp cướp thì nói, từ xa đến đây cầu pháp, nay chỉ mang theo kinh tượng xá-lợi, xin đàn-việt ủng hộ chớ khởi dị tâm. Pháp sư bảo đệ tử theo sau hộ tống, cũng có mấy lần gặp cướp nhưng không bị tổn hại gì. Hai mươi ngày sau, họ đến xứ Đát-xoa-thi-la. Dừng lại làm lễ chỗ vua Nguyệt Quang thí xả đầu ngàn lần tại đây. Lại đi về hướng Đông bắc hơn năm mươi dặm thì đến nước Ca-thấp-di-la, vua nước này sai sứ mời thỉnh, vì hành lý cồng kềnh nên Pháp sư từ chối không đến. Ngài ở lại đó bảy ngày rồi nhắm hướng Tây bắc thẳng tiến. Qua ba ngày thì đến sông Tín-độ (Indus) sông rộng năm, sáu dặm Pháp sư cỡi voi và một mình lội qua sông, còn bạn đồng hành và kinh điển cùng một ít hạt giống hoa quý của Ấn Độ thì đi thuyền qua. Lúc đến giữa dòng, bỗng nhiên một trận gió dữ dội làm nghiêng động tàu thuyền suýt muốn chìm mất. Người giữ kinh hoảng sợ rơi xuống nước, may mắn được cứu thoát. Năm mươi bộ kinh cùng hạt giống đều bị trôi mất, còn số còn lại được bảo toàn. Bấy giờ vua Ca-tất-thí ở đô thành Ô-đạc-ca-hán-đồ nghe Pháp sư đến thì đích thân đến bên bờ sông đón rước. Hỏi rằng: Nghe nói thầy qua sông bị mất kinh, thầy có muốn đem theo các loại cây giống của xứ Ấn Độ không? Đáp: Muốn đem.

Vua nói: Từ xưa đến nay các giống hoa của xứ Ấn Độ đều lấy ở đây. Rồi vua thỉnh Pháp sư về kinh ở trong một ngôi chùa hơn năm mươi ngày, vì mất kinh nên lại sai người về nước Ô-trưởng-na sao chép lại Tam tạng giáo điển của môn phái Ca-diếp-tí. Vua Ca-thấp-di-la nghe Pháp sư ở gần đó, cũng đích thân đến bái yết và ở lại một ngày mới quay về. Pháp sư cùng vua Ca-tất-thí đi về hướng Tây bắc hơn một

tháng thì đến phạm vi nước Lam-ba. Vua sai Thái tử về trước, cùng ban sắc cho nhân dân và chúng tăng trang hoàng cờ phước ra khỏi thành để đón rước Ngài. Khi thấy vua và Pháp sư đến, mấy ngàn người cả tăng lẫn tục cờ phướn đầy đường, mọi người thấy Pháp sư đều vui mừng lễ bái, họ vây quanh Ngài khen ngợi. Sau đó, Pháp sư đến kinh đô, được mời ở trong một ngôi chùa lớn. Nhà vua cũng tổ chức hội Vô-già trong bảy mươi lăm ngày.

Từ đây đi về hướng Nam mười lăm ngày thì đến xứ Phạt-thích-noa để chiêm bái thánh tích, lại đi về hướng Tây bắc đến nước A-bạt-kiền, lại đi về hướng Tây bắc đến nước Tào-cũ-tra. Lại đi về hướng Bắc hơn năm trăm dặm đến nước Phật-lật-thị-tát-thưởng-na. Từ đó đi về hướng Đông đến địa phận Ca-tất-thí. Vua lại tổ chức đại thí bảy ngày, sau đó Pháp sư lại từ biệt lên đường. Đi về hướng Đông bắc một dặm đến thành Cù-lư-tát-bàng, nơi đây Pháp sư từ biệt nhà vua đi về hướng Bắc. Vua sai một vị đại thần dẫn hơn một trăm lực sĩ đem theo lương thực đưa tiễn Pháp sư vượt qua núi Tuyết. Đi bảy ngày thì đến đỉnh núi. Núi non hiểm trở muôn hình muôn trạng, hoặc bằng phẳng hoặc cao ngất thế núi thật nguy hiểm vô cùng, sự gian nan thật không thể nào tả hết. Ngựa xe đều không thể cỡi được, ngài phải dùng gậy lần bước đi. Trải qua bảy ngày, lại đến một ngọn núi cao, lại vào một xóm làng có hơn một trăm nóc nhà làm nghề nuôi dê. Dê ở đây lớn như con lừa. Cả đoàn ngủ đêm tại đó. Đến nửa đêm ngài lại tiếp tục hành trình và nhờ một người dân làng dẫn đường. Đất ở đây nhiều tuyết lại đầy những hố băng, nếu không có người dẫn, thì sợ bị trượt té. Đến sáng hôm sau thì vượt qua khỏi ngọn núi băng nguy hiểm đó. Lúc này đoàn lữ hành chỉ còn lại bảy vị tăng, hơn hai mươi người hộ vệ, một voi, mười lừa và bốn ngựa.

Ngày hôm sau thì đoàn người đi đến chân núi. Vượt qua một đoạn đường quanh co thì đến một dãy núi khác. Ở xa trông như có tuyết phủ, khi đến gần thì là dãy núi đá màu trắng, đây là ngọn núi cao nhất, dù mây và tuyết không che khỏi đỉnh. Đến chiều mới lên tới đỉnh núi, mà gió núi lạnh buốt, cả đoàn không thể đứng vững. Núi lại không có cây cối, thảo mộc gì, chỉ có những khối đá khổng lồ, uy nghi sừng sững. Từ đỉnh phía Nam cho đến đỉnh phía Bắc khoảng chừng hơn vài trăm bước. Tìm khắp cõi Ta-bà này ngọn núi cao nhất không thể cao hơn ngọn này được. Pháp sư ra khỏi núi đi về hướng Tây bắc vài dặm thì có một vùng đất bằng phẳng. Ngài cho nghỉ đêm tại đó. Sáng hôm sau lại lên đường đi trong sáu ngày vượt qua núi thì đến xứ An-đát-la-phước-bà, tức là nền đất cũ của nước Đổ-hóa-la. Ở đây có ba ngôi chùa, với vài mươi vị

tăng, đều tu theo pháp Đại chúng bộ. Có một ngôi tháp, do vua Vô Ưu xây dựng. Pháp sư dừng lại đây năm ngày.

Tiếp tục đi về hướng Tây bắc khoảng hơn bốn trăm dặm thì đến nước Hoạt-tất-đa, cũng là nên đất cũ của nước Đổ-hóa-la. Từ đây đi về hướng Tây bắc lại đi núi hơn ba trăm dặm thì đến Hoạt-quốc, nằm bên cạnh sông Phược-sô, tức phạm vi phía Đông của của nước Đổ-hóa-la, đô thành ở phía Nam bờ sông, nhận đó được vua Diệp-hộ-kha-hãn tên Diệp-hộ mời Ngài dừng lại một tháng, Diệp-hộ cho người theo hộ tống, cùng với đoàn người đi buôn đi vài ngày thì đến nước Mông-kiện. Bên cạnh là nước A-lợi-ni, Cát-la-hồ, nước Ngật-lật-sắc-ma, nước Bát-lợi-hạt, đều là đất cũ của nước Đổ-hóa-la.

Từ nước Hoăng-kiện lại đi về hướng Đông vượt qua núi hơn ba trăm dặm thì đến nước Hê-ma-đát-la, cũng là đất cũ của nước Đổ-hóa-la, phong tục đại khái cũng giống như nước Đột-quyết, mà điều lạ nhất là phụ nữ đầu đội mũ bằng sừng gỗ cao hơn ba thước, Đằng phía trước có hai đường rẽ biểu thị cho cha mẹ chồng, ở trên thì một đường biểu hiện cho cha, và một đường dưới là biểu thị cho mẹ, nếu ai mất trước thì bỏ chỗ ấy đi, nếu bà con mất thì đội mũ toàn bằng lá.

Từ đây đi về hướng Đông hơn hai trăm dặm đến nước Bát-sáng-na cũng là đất cũ của nước Đổ-hóa-la, vì có tuyết lạnh nên Ngài dừng lại hơn tháng. Từ đây lại đi về hướng Đông nam hơn hai trăm dặm đến xứ Dâm-bạc-kiện và đi thêm ba trăm dặm đi về hướng Đông nam đầy hiểm trở thì đến nước Khuất-lãng-noa. Từ đây đi về hướng Đông bắc qua núi hơn năm trăm dặm thì đến nước Đạt-ma-tất-thiết-đế. Nước này ở giữa hai ngọn núi, đến sông Phược-sô, nơi đây sản xuất một giống ngựa nhỏ nhưng rất khỏe và chạy nhanh. Phong tục ở đây không biết lễ nghĩa, nên dân chúng tánh tình hung bạo, thân hình xấu xí, mắt phần nhiều màu xanh biếc khác với các nước khác. Ở đây có hơn mười ngôi chùa, kinh đô là Hôn-đà-đa. Trong thành có ngôi chùa do tiên vương nước này xây dựng. Trong chùa thờ tượng Phật bằng đá trên có chiếc lọng tròn bằng đồng mạ vàng, và các thứ báu, các vật trang sức quý giá, tự nhiên trụ ở trên đỉnh tượng Phật. Nếu người vào lễ lạy đi quanh thì lọng cũng quay theo, nếu người dừng thì lọng cũng dừng, khó lường nỗi sự linh thiêng.

Từ nước này vượt qua ngọn núi lớn đi về hướng Bắc thì đến nước Thi-khí-ni. Lại vượt qua nước Đạt-ma-tất-thiết-đế thì đến nước Thương-di. Từ đây lại vượt qua ngọn núi hướng Đông, đi hơn bảy trăm dặm thì đến sông Bà-kế-la, vượt qua sông đi về hướng Đông tây hơn một ngàn

dặm, đi về hướng Nam bắc hơn một trăm dặm, ở giữa hai ngọn núi Tuyết, lại vào một thung lũng, thung lũng gió tuyết phủ kín quanh năm, nên cây cối không phát triển được, lúa gạo cũng không xanh tốt. Cảnh vật tiêu điều không có dấu chân người qua lại. Trong dòng sông có một con rồng lớn, có chiều dài hơn ba trăm dặm, chiều rộng năm mươi dặm. So với các nơi khác thì địa thế nơi đây mênh mông bát ngát tầm nhìn không thể hết. Có cả ngàn muôn loài thủy tộc, âm thanh thật hỗn độn. Lại có các loài chim, thân cao hơn một trượng, mỏ thì to như chậu, xưa gọi Điều-chi-cự-hạc, chắc có lẽ là loài này vậy. Từ phía Tây của ao, chia ra thành dòng sông, đi về hướng Tây thì đến nước Đạt-ma-tất-thiết-đế. Sông Phược-sô nằm về phía Đông nước này, sông chảy ra biển đi về hướng Tây. Đi về hướng đông thì đến nước Khư-sa, phía Tây hợp với sông Tỷ-đa, sông chảy ra biển đi về hướng Đông. Phía Nam sông bên ngoài ngọn núi có nước Bát-lộ-la. Nước này có nhiều vàng bạc, màu sắc của vàng đỏ như lửa.

Từ hướng Đông lại qua vùng núi tuyết hiểm nghèo, đi hơn năm trăm dặm đến nước Khiếp-bàn-đà. Vua nước này rất thông minh, trị nước đã nhiều năm, tự nói rằng: “Ta vốn dòng dõi Đề-bà-cù-đát-la (đời Đường dịch là dòng Hán Nhật Thiên) của Trung Quốc”. Ở cung cũ của vua có cố Tôn giả là Luận sư Đồng Thọ Già-lam, Tôn giả là người nước Hằng-xoa-thỉ-la, là người thần ngộ anh tú, một ngày tụng được ba muôn hai ngàn lời. Cách sách khác cũng như thế. Thường dạo chơi trong các pháp và trứ tác, Tôn giả soạn được mấy mươi bộ luận đều đem ra lưu hành khắp nơi, tức kinh Bộ Bản Sư. Lúc đó phía Đông có ngài Mã Minh, phía Nam có ngài Đề-bà, phía Tây có ngài Long Mãnh, phía Bắc có ngài Đồng Thọ, gọi là Tứ Nhật, có công năng soi sáng mê hoặc của chúng sanh, ngài Đồng Thọ tiếng tăm rất cao, cho nên tiên vương ngày trước đích thân chinh phạt nước ấy để đón rước Ngài về cúng dường.

Cách kinh thành ba trăm dặm về hướng Đông nam hơn ba trăm dặm là đến bức tường lớn bằng đá, có hai ngôi nhà đá, trong mỗi ngôi đều có một vị La-hán ngồi nhập định diệt tận bên trong, ngồi ngay thẳng bất động, thấy như người già mà không hề mục rã, đã trải qua hơn bảy trăm năm. Pháp sư dừng lại đây hơn hai mươi ngày. Sau đó, đi về hướng Đông bắc, năm ngày sau thì gặp bọn cướp, những người đi buôn sợ hãi chạy lên núi trốn, còn con voi của Ngài bị chết đuối. Sau khi bọn cướp đi khỏi, Ngài cùng những người buôn đi dần xuống phía Đông, đến một thung lũng. Vượt qua hơn tám trăm dặm nữa thì ra khỏi thung lũng, đến nước Ô-sát, cách hai trăm dặm về hướng Tây là ngọn Đại Sơn

rất cao lớn uy nghi. Trên núi này có ngôi tháp, nghe người xưa nói lại rằng: Cách vài trăm năm trước, vì sấm sét nên núi bị sup đổ. Bên trong có một vị Bí-sô thân hình cao lớn, khô khan, ngồi hai mắt nhắm nghiền mái tóc dài che phủ cả mặt, vai. Có một người hái củi trông thấy bèn về tâu vua, vua đích thân đến lễ bái, kẻ tử sĩ từ khắp nơi nghe truyền liền nhóm họp về cùng đảnh lễ cúng dường.

Vua hỏi: Đây là ai vậy?

Có vị Bí-sô đáp: Đây là vị La-hán xuất gia, nhập định diệt tận. Nhiều năm rồi mà vẫn như còn sống, tóc lại dài thêm ra.

Vua hỏi: Vì sao không lay động cho tỉnh dậy?

Đáp: Thân đã đoạn thực này, nếu xuất định thì liền tan hoại, nếu trước đem các loại sữa lạc tưới vào khiến cho thân thấm nhuần, sau đó đánh kiền chùy thì sẽ tỉnh dậy.

Vua nói: Lành thay!

Bèn theo lời vị tăng nói rưới sữa rồi đánh kiền chùy, vị La-hán liền mở mắt ra, nhìn mọi người nói: Các người ai mà ăn mặc như vậy?

Đáp: Chúng tôi là Bí-sô đây.

Vị kia nói: Thầy của ta là Đức Phật Ca-diếp-ba, nay vì sao lại ở đây?

Đáp: Đức Phật kia nhập Niết-bàn lâu rồi. Vị ấy nghe xong thì rất buồn bã.

Lại nói: Đức Thích-ca thành Vô thượng Đẳng giác chưa?

Đáp: Đã thành Phật, nói pháp độ chúng sanh, và nay cũng đã nhập diệt, vị kia nghe xong thì nhíu mày nghĩ ngợi hồi lâu, rồi đưa tay vuốt tóc, bay lên hư không hiện ra các thứ thần biến, hóa lửa đốt thân khiến cho xương cốt rớt xuống. Vua và đại chúng nhặt lấy xương này về xây tháp thờ, tức là ngôi tháp này. Từ đây đi về hướng Bắc hơn năm trăm dặm thì đến nước Khư-sa. Từ đây đi về hướng Đông nam hơn năm trăm dặm qua sông Tỷ-đa, vượt qua núi thì đến nước Chước-câu-ca. Phía Nam nước có ngọn núi lớn, trên núi này có nhiều am thất, là những vị chứng quả ở Ấn Độ, phần nhiều vận thần thông đến đây cư trú, nhân đó mà những vị nhập tịch diệt rất đông. Nay vẫn còn ba vị La-hán trụ trong hang núi nhập định diệt tâm, râu tóc cũng dần dần dài ra, chư tăng vẫn thường đến đây để cắt. Lại ở nước này còn nhiều kinh sách Đại thừa, bộ kinh gồm mười muôn bài tụng thành một bộ thì có mấy mươi bộ. Từ đây đi về hướng Đông hơn tám trăm dặm thì đến nước Cù-tát-đát-na. Nước này sa mạc chiếm hơn nửa, nên ngũ cốc tốt tươi, sản xuất ra các loại đệm dạ rất mịn tốt. Nơi đây cũng sản xuất nhiều loại ngọc, khí hậu

ôn hòa, có lễ nghĩa phong tục. Người thích học các loại âm vận phong nghi, có nhiều cái khác với người Ấn Độ, văn tự cũng theo như Ấn Độ nhưng có sửa đổi chút ít, kính trọng Phật pháp, có cả trăm ngôi chùa, với hơn năm ngàn vị tăng, phần nhiều tu theo Đại thừa. Vua xứ này rất anh hùng, trí tuệ lại có nhân đức, thường tự nói rằng: Ta là con cháu của trời Tỳ-sa-môn. Tổ tiên của vua chính là Thái tử con vua Vô Ưu ở nước Đát-xoa-thỉ-la. Sau dời đi lên hướng Bắc núi Tuyết, tổ tiên ở đây nuôi trâu đào ao mà xây dựng ra kinh đô này, ở lâu mà không có con, nên cầu Thiên miếu thời trời Tỳ-sa-môn, do đó mà sinh ra một con trai, khi đó đất ở trước miếu có vị lạ, ngọt thơm như sữaa, bèn lấy đó mà nuôi con cho đến lớn. Sau khi cha mất thì lên ngôi, uy đức vang xa, sức mạnh trùm các nước. Vua nay chính là con cháu. Tổ tiên vốn nhờ đất sữa mà giúp thành, cho nên đất Vu-điền gọi đúng phải là nước Địa Nhũ.

Pháp sư vào địa phận nước ấy, đi đến kinh thành Bột-già-di, trong thành có tượng phật ngồi, cao hơn bảy thước, đầu đội mũ báu, khuôn mặt tròn đầy. Nghe người xưa nói rằng: Pho tượng này vốn ở nước Ca-thấp-di-la được thỉnh đến đây. Thuở xưa, có vị La Hán, nuôi một Sa-di mắc bệnh sởi. Khi sắp mất vị Sa-di này đòi ăn loại bánh gạo. Vị thầy dùng thiên nhãn thấy xứ Cù-tát-đát-na có, nên vận thần túc đến đó xin đem về. Sa-di ăn xong thì tâm rất vui mừng nguyện sanh về nước kia. Nguyện lực không trái cho nên khi mất sinh vào trong cung vua. Sau được lên ngôi có tài thao lược muốn thôn tính các nơi, rồi đến ngọn núi Tuyết chinh phạt bổn quốc. Bấy giờ, vua nước Ca-thấp-di-la cũng tập luyện binh mã để chống cự. Vị La-hán nói: Không cần phải lao nhọc động binh, ta sẽ có cách để họ lui. Sau đó, Ngài đi đến chỗ vua Cù-tát-đán-na nói về lỗi tái sinh quên mất ý chí mà trở thành tham tàn. Lại đem y phục thân trước của Sa-di cho vua coi. Vua nghe xong đắc túc mạng trí, sinh tâm rất hổ thẹn, bèn kết giao với vua nước Ca-thấp-di-la và bãi binh. Nhưng xin vua cúng tượng, rồi vận chuyển mang về nước. Khi chở tượng đến thành này thì xe không thể tiến được nữa, vua sai quân binh gắng sức cách mấy cũng không thể đi, cuối cùng phải xây dựng tinh xá, mời chư tăng xả mũ yêu thích để trang nghiêm đảnh Phật mũ này nay vẫn còn, có rất nhiều châu báu quý giá, ai thấy cũng vui mừng. Pháp sư dừng lại đây bảy ngày. Vua Vu-điền nghe Pháp sư đến nước mình bèn đích thân hành đến đảnh lễ yết kiến. Hôm sau, Ngài lại lên đường, vua đã trở về kinh đô trước, để Thái tử ở lại hầu Ngài. Hai hôm sau, vua sai Đạt Quan đến rước, khi rời thành bốn mươi dặm thì nghỉ lại đêm. Hôm sau, vua cùng tăng tục đem âm nhạc hương hoa đến

đón rước Ngài. Ngài vào thành, trụ trong một ngôi chùa của phái Tát-bà-đa thuộc tiểu thừa. Cách cung thành về phía Nam hơn mười dặm có một ngôi chùa, tiên vương nước này là do A-la-hán Tỳ-lư-triết-na xây dựng. Ngày trước khi Phật pháp chưa thấm nhuần nơi đây thì có vị La-hán từ nước Ca-thấp-di-la đến ngồi thiền ở trong rừng. Khi đó có người trông thấy, thấy hình sắc y phục của người ấy thì lấy làm lạ về tâu lại với vua, vua đích thân đến xem và hỏi rằng: Ông là ai mà ngồi một mình trong rừng vắng như thế?

Đáp: Ta là đệ tử của Như Lai, sống thanh thản trong Phật pháp như thế.

Vua nói: Như Lai nghĩa là gì?

Đáp: Như Lai là đức hiệu của Phật. Xưa là Thái tử con vua Tịnh Phạn, vì nghĩ chúng sanh bị chìm đắm trong biển khổ, nếu không có người cứu khổ thì không thể thoát ra được, cho nên Thái tử bỏ hết bảy báu, nghìn người con và cả ngôi vị Luân vương, bốn châu, đi vào rừng tu đạo, suốt sáu năm chứng thành đạo quả. Được thân sắc vàng, chứng pháp Vô thượng. Ngài rải cam lộ nơi vườn nai, chiếu ma-ni nơi ngọn Linh Thứu. Trong tám mươi năm giáo hóa làm lợi ích chúng sanh. Khi hóa duyên đã hết, thì Ngài trở về cõi Niết-bàn vắng lặng. Từ đó môn đồ tạo tượng, tạo kinh, lưu truyền đến nay vẫn còn. Vua nhờ có phước đời trước được làm vua cõi người, nên phó chúc pháp luân, quy y với bậc tôn đức. Nếu không tin thì làm sao rõ được lý này.

Vua nói: Tôi nghiệp chướng sâu dày nên không nghe được danh hiệu Phật. Nay mong bậc Thánh giáng đức, nếu còn chút phước dư tôi sẽ tạo tượng tạo kinh, xing vâng tu hành.

La-hán bảo: Nếu nguyện tất sẽ được, trước nên xây dựng một ngôi chùa thì linh tượng tự đến.

Vua liền hồi giá trở về cung, cùng các quan chọn kỹ một vùng đất thật tốt. Rồi tuyển thợ giỏi, đến hỏi vị La-hán cách xây dựng, rồi theo đó xây dựng. Khi chùa xây xong rồi vua lại đến cầu thỉnh: Chùa đã xong còn tượng Phật ở đâu?

La-hán bảo: Nếu vua chí thành thì tượng sẽ đến không xa.

Vua cùng đại thần và nhân dân đều nhất tâm cầu thỉnh và đốt hương rải hoa. Chẳng bao lâu thì tượng Phật từ hư không hạ xuống ngồi trên tòa báu, ánh sáng rực rỡ, dung nghi trang nghiêm. Vua trông thấy rất vui mừng, hớn hở không cùng. Rồi thỉnh La-hán nói pháp cho đại chúng nghe. Vua nhân đó cùng nhân dân ra sức cúng dường, cho nên ngôi chùa này được xây dựng từ lúc ban đầu ấy.

Pháp sư trước kia vì lội qua sông mà mất kinh, đến đây lại sai người trở lại nước Khuất-chi để tìm lục bản gốc của kinh đã mất, và vì vua Vu-điền muốn lưu lại nên chưa thể về ngay được.

Pháp sư lại sai một người thanh niên ở Cao Xương theo những người đi buôn đem thư về nước nói là Pháp sư đến nước Bà-la-môn cầu pháp, nay đã trở về đến nước Vu-điền. Thư viết rằng:

Sa-môn Huyền Trang nói: Trang nghe phục sinh minh mẫn, Triều Nam tìm học ở Tế Nam.

Thế nên biết rằng, rừng nho học thuật của người xưa mọi người đều mong cầu học hỏi, huống chi Phật pháp làm lợi ích cho chúng sanh không ít. Ba tạng kinh điển được giảng nói phiên dịch, mọi người xa gần đều tu học theo. Huyền Trang nghe Phật pháp hưng thịnh ở Tây Vực, di giáo truyền sang Trung Quốc. Nhưng, tuy thánh điển đã đến mà Viên tông vẫn còn thiếu, nên tôi vẫn thường mong được tìm cầu học tập không tiếc thân mạng. Vào tháng tư niên hiệu Trinh Quán thứ ba, Huyền Trang mạo muội vượt ngoài Hiến chương của triều nội, lén đến Thiên Trúc. Chân giẫm lên một vùng biển cát mênh mông, vượt qua núi tuyết cao ngất, đi qua những cửa ải đầy chông gai nguy hiểm, những con đường đầy sóng gió của biển nóng. Bắt đầu từ ấp Thần ở Trường An, cuối cùng ở thành mới Vương-xá, đã vượt qua hơn năm ngàn dặm, tuy phong tục ngàn muôn sai khác, sự gian nguy lại muôn trùng nhưng nhờ nương vào thiên uy của các vua ở các nơi, thật vô cùng. Nhưng dù thân này gặp nhiều gian nan khổ sở thì tâm nguyện vẫn quyết đi đến, để được trông thấy núi Kỳ-xà-quật, lễ lạy cây Bồ-đề, thấy được những thánh tích chưa từng thấy, nghe được kinh điển chưa từng nghe, hiểu hết mọi sự linh kỳ trong vũ trụ, rõ suốt mọi điều biến hóa của âm dương, nêu cao đức trạch của hoàng phong, phát huy các phong tục khác lạ. Vòng quanh các nước ròng rã suốt mười bảy năm, nay đã từ nước Bát-la-na-già đi qua khu vực Ca-tất-thí. Vượt qua ngọn Thông Lãnh, qua sông Kế-la, trở về đến nước Vu-điền, vì con voi lớn dẫn theo bị chết đuối, kinh bổn lại nhiều phải dừng lại ít lâu vì chưa tìm được ngựa giỏi.

Sáng sớm vào ra mắt nhà vua. Vì chưa rõ nghi thức tập tục nên nhờ một người Cao Xương là Mã Huyền Trí, theo những người đi buôn vào ra mắt trước, rồi sau Ngài mới đến, sau đó Pháp sư giảng các bộ luận như Du-già, Đối pháp, Câu-xá, Nhiếp Đại thừa cho chư tăng nhân duyên Vu-điền nghe. Chỉ trong một ngày một đêm bốn bộ luận này đã lần lượt được giảng xong. Vua cùng kẻ tăng người tục đều quy y nghe nhận, một ngày có cả ngàn người. Trải qua thời gian bảy, tám tháng rồi

muốn trở về. Mong vua ban sắc, đón rước sứ giả an ủi rằng: Nghe thầy đi tìm đạo trải qua các nước, nay được trở về, thật vui mừng vô lượng. Pháp sư hãy mau đến đây, cho trẫm được thấy, chư tăng hiểu tiếng Phạm và nghĩa kinh ở nước ấy cũng hướng dẫn đến đây, trẫm sẽ bảo ban sắc cho nước Vu-điền v.v... sai sứ đưa tiễn Pháp sư, người ngựa xe cộ đều không thiếu, cũng khiến cho các quan ty ở Đôn Hoàng đưa qua các bãi sa mạc, các nước Thiện Thiện ở vùng sông Thư sẽ ra đón rước.

Pháp sư vâng sắc liền lên đường. Vua Vu-điền cúng dường vật dụng tư lương rất nhiều. Từ lúc bắt đầu đi được hơn ba trăm dặm, hướng về phía Đông đến thành Hoán-ma, trong thành này có tượng Phật đứng, khắc bằng cây tử đàn, cao hơn hai trượng. Hình dáng trang nghiêm, rất nhiều linh ứng. Nếu người có bệnh tật gì thì tùy theo đau chỗ nào dùng vàng lá dán vào tượng bệnh liền hết. Còn như có nguyện cầu gì, thì thường được như sở nguyện. Tương truyền rằng:

Thuở xưa, khi Phật còn tại thế, Ngài ngự ở nước Kiều-thưởng-di. Vua Ổ-đà-diễn-na vì Phật mà tạo ra tượng này. Sau khi Phật diệt độ, tượng này từ đây bay đến phía Bắc thành Hạt-lao-lạc-ca. Sau đó lại tự dời đến đây (nhân duyên như trong Biệt Truyện), lại tương truyền có lời thọ ký rằng: “Khi giáo pháp của Đức Thích-ca hoại diệt thì tượng này sẽ dời đến long cung”.

Từ hướng Đông của thành Hoán-ma, Pháp sư đi vào bãi sa mạc, đi hơn hai trăm dặm thì đến thành Nê-hoại. Từ đây lại đi về hướng Đông thì đến một sa mạc rộng lớn. Ở đây gió lớn cát bay không hề có một dòng nước, một ngọn cỏ, lại có rất nhiều các loại độc dữ yêu mị, lại không có đường đi, người đi đường qua lại nơi đây chỉ nhìn vào xương cốt của người và thú mà làm định hướng. Lại đi hơn bốn trăm dặm nữa thì đến nước xưa Đổ-hóa-la, lại đi hơn sáu trăm dặm thì đến nước xưa Chiết-ma-đà-na, tức địa phận của sông Thư. Đi về hướng Đông bắc hơn một ngàn dặm thì lại đến nước xưa Nạp-phược-ba, tức vùng Lâu-lan. Lần hồi đến ranh giới Trung Quốc. Khi được xe ngựa rồi thì bảo sứ thần đem ngựa trở về nước Vu-điền. Có sắc chỉ đến ban thưởng công lao, nhưng Pháp sư đều không nhận mà lại ra đi. Khi đã đến Sa Châu, lại dâng biểu. Bấy giờ vua ngự tại cung Lạc Dương, khi nhận được biểu thư thì biết Pháp sư đã gần về. Vua ban sắc cho quan trấn thủ Tây Kinh là Tả Bộc Xạ, Lương Quốc Công, Phòng Huyền Linh, khiến quan hữu ty đón rước tiếp đãi. Pháp sư sợ chậm trễ không kịp.

Nên gấp rút đi tới. Chẳng bao lâu thì đến Tào Thượng, quan cung ty không biết uy nghi đón rước, cũng không rảnh trình bày, nhưng có

người nghe tự nhiên cũng tìm đến, xem và lễ lạy chật cả đường phố nên dù muốn đi tiếp cũng không thể được, cho nên đêm đó phải ngủ lại ở Tào Thượng.

■

TRUYỆN TAM TẠNG PHÁP SƯ CHÙA ĐẠI TỪ ÂN, ĐỜI ĐƯỜNG

QUYỂN 6

BẮT ĐẦU TỪ THÁNG GIÊNG NIÊN HIỆU TRINH QUÁN THỨ XIX ĐI VÀO TÂY KINH ĐẾN THÁNG SÁU NĂM XX VIẾT LỜI TỰA NGỰ CHẾ KINH VÀ LỜI ĐÁP

Vào tháng giêng mùa Xuân niên hiệu Trinh Quán thứ mười chín (645) ở kinh thành các quan Lưu Thủ, Tả Bộc Xạ, Lương Quốc Công, Phòng Huyền Linh v.v... thừa lệnh vua biết Pháp sư mang kinh tượng đến bèn sai đại tướng quân Hữu Vũ Hầu, Hầu Mạc Trần Thật, Tư Mã Ung Châu là Lý Thúc Thông, huyện lệnh Tường An là Lý Càn Hựu, đi đón rước Pháp sư. Ngài từ Tào Thượng đến, vào khách xá ở kinh đô để nghỉ. Những người đi theo đông nhiều như mây.

Vào ngày ấy, quan Hữu ty ban cho các chùa xe có màn trướng, phướn hoa, v.v... để đón rước kinh tượng về chùa Hoằng Phước. Dân chúng vô cùng hân hoan đua nhau trang nghiêm. Hằng mấy trăm hương án sắp hàng để đặt kinh tượng do Pháp sư mang về.

Pháp sư sang Tây Vực đã mang về gồm:

Một trăm năm mươi hạt xá-lợi Phật

Một tượng Phật bằng vàng lưu ảnh ở trong hang rồng, núi Chánh Giác. Nước Ma-yết-đà, cùng với tòa báu cao khoảng ba thước bốn tấc.

Một tượng Phật khắc bằng gỗ chiên-đàn, là tượng khi Phật quay bánh xe pháp ở vườn nai, nước Bà-la-nê-tư, cùng với tòa báu cao ba thước năm tấc.

Một tượng Phật khắc bằng gỗ chiên-đàn, do vua Xuất-ái nước Kiều-thưởng-di vì nhớ kính Phật nên dùng cây đàn hương khắc đúng chân tướng của Phật, luôn cả tòa báu cao hai thước chín tấc.

Một tượng Phật bằng bạc, cả tòa cao bốn tấc, tạc hình Như Lai từ cung trời giáng sanh xuống nước Ca-tỳ-la-vệ.

Một tượng Phật bằng vàng cao ba thước năm tấc luôn cả tòa, tạc

hình Phật đang nói kinh Pháp Hoa và các kinh khác, trên đỉnh Linh Thứu, nước Ma-yết-đà.

Một tượng Phật khắc bằng gỗ chiên-đàn cao một thước năm tấc luôn cả tòa, tạc hình Phật hàng phục rồng dữ ở xứ Na-yết-la-hạt.

Một tượng Phật khắc bằng gỗ chiên-đàn, tạc hình Phật đi khất thực hành hóa quanh thành Phệ-xá-ly.

Còn về kinh sách Pháp sư mang về được hai trăm hai mươi bốn bộ kinh Đại Thừa, một trăm chín mươi hai bộ luận Đại thừa.

Mười lăm bản kinh Luật luận của Thượng tọa bộ.

Mười lăm bộ kinh Luật luận của phái Đại chúng bộ.

Mười lăm bộ kinh luật luật của Tam di để bộ.

Hai mươi hai bộ kinh Luật luận của Di-sa-tắc bộ.

Mười bảy bộ kinh luật luận của Ca-diếp-tí-da bộ.

Bốn mươi hai bộ kinh luật luận của Pháp mật bộ.

Sáu mươi bảy bộ kinh Luật luận của thuyết Nhất thiết hữu bộ.

Ba mươi sáu bộ luận Nhân minh.

Mười ba bộ luận Thanh minh.

Tổng cộng có năm trăm hai mươi hòm, sáu trăm năm mươi tám bộ, phải dùng hai mươi con ngựa để chở về.

Ngày hôm đó, quan Sở ty ban phát hiệu lệnh cho các chùa, đều phải chuẩn bị cờ báu, phướn báu để cúng dường đầy đủ, kỳ hạn đến ngày hai mươi tám sẽ nhóm họp tại ngã tư Chu Tước để đón rước kinh tượng về chùa Hoằng Phước. Khi ấy mọi người hớn hở, đua nhau trang nghiêm các thứ tốt đẹp, với các loại cờ báu, phướn báu, lọng báu, bàn báu, xe báu. Mỗi chùa đều đã phân bố xong, tăng ni tề chỉnh đi theo sau, nhã nhạc vang lên ở trước còn hương xông đằng sau, bây giờ đều bày khắp các ngả đường, có cả mấy trăm việc, theo sau kinh tượng mà lần lượt đi. Âm thanh vang dội, tràng hoa tán đầy, các việc tính trước để cung nghinh đều có ca vịnh. Ai cũng quên hết nhọc mệt mà khen là ít gặp. Bắt đầu từ trong thành ở đường Chu Tước, cuối cùng ở cửa chùa Hoằng Phước, trong mấy mươi dặm, đều là những bậc sĩ tử quan liêu khắp cả trong ngoài, sắp hàng đứng ở hai bên đường mà chiêm ngưỡng. Dòng người đông nghẹt, quan Sở ty sợ họ chen lấn nên ra lệnh các nơi đốt hương tung hoa tại chỗ không được di động. Vậy mà âm thanh khen ngợi cùng hương hoa đốt lên như mây khói liên tục các nơi không dứt. Thuở xưa, Như Lai giáng hạ ở thành Ca-tỳ-la-vệ, Di-lặc lúc đầu lên cung Đổ-sử, có rồng thần cúng dường, các trời vây quanh. Sự đón rước lúc này tuy không bằng nhưng cũng đủ để Phật pháp hưng thạnh mãi nơi

đời. Ngày hôm đó, mọi người cùng thấy ở trên hư không có vầng mây năm mầu rất dẹp, hiện ở phía Bắc mặt trời uyển chuyển bay trên kinh tượng, rực rỡ rõ ràng bay khắp cả vài dặm như đón rước, như đưa đi, khi đến chùa rồi mới tan.

Thích Ngạn Tông biên thuật lại rằng:

"Tôi sưu tầm trong các sách sử, thì vầng mây che này là hỷ khí của trời. Người nào biết thì vui mừng. Thuở xưa, Đức Như Lai giáng sanh xuống nước Ca-tỳ-la-vệ, Đức Di-lặc lên cung trời Đổ-sử, trời rồng cúng dường, các trời đón rước, tuy không bằng lúc đương thời, nhưng cũng làm cho di pháp được truyền bá về phía Đông, hưng thạnh ở đời".

Năm Nhâm thìn Pháp sư vào yết kiến Văn Đế Thánh Hoàng ở cung Lạc Dương. Tháng hai năm Kỷ hợi được tiếp kiến ở điện Nghi Loan. Vua đón rước an ủi trọng hậu. Khi Pháp sư ngồi rồi vua mới hỏi:

Vì sao thầy đi mà không bẩm báo?

Pháp sư tạ lỗi nói:

Lúc Huyền Trang ra đi, có dâng biểu tấu ba lần, nhưng nguyện lực thành ý còn thiếu kém nên không mong được cho phép, vì lòng mộ đạo không thôi, cho nên mới riêng mình lén đi, tội tự chuyên này trong tâm rất lo sợ hổ thẹn.

Vua nói:

Thầy xuất gia khác vớinf thế tục. Nhưng lại có thể quên mình cầu pháp, làm lợi lạc quần sinh, trẫm rất vui mừng, cũng không phiền muộn. Nhưng mà đường sá xa xôi núi sông cách trở, đầy những hiểm nạn ngặt nghèo, phong tục tập quán lại khác mình. Vậy làm sao thầy có thể đến đó được?

Pháp sư đáp rằng: Huyền Trang có nghe:

"Nương theo gió mạnh thì đào được ao trời chẳng phải là việc xa vời, ngự trên thuyền rồng để vượt qua biển sóng thì không khó. Từ khi Bệ hạ lên ngôi cửu ngũ, thanh đức vang ra bốn biển, thuần phong soi sáng khắp trời nam, thánh uy chấn động cả ngoài sông núi. Cho nên các nước mọi rợ đều tôn là quân trưởng, mỗi khi thấy chim bay liệng trên mây, từ trời đông đến còn nghĩ đó bắt đầu từ nơi thượng quốc, mà cúi rạp mình lại để tỏ lòng cung kính, huống chi Huyền Trang là người đầu tròn áo vuông, đích thân nhận lãnh trách nhiệm quả khai hóa muôn sinh, bởi nhờ đức thiên uy cho nên việc đến đi đều không khó khăn".

Vua nói:

Đây là tự nơi lời nói của sư trưởng, trẫm làm sao được như vậy. Nhân đó vua lại hỏi các việc bên nước kia, từ phong cảnh của ngọn núi

Tuyết bên trời Tây Ấn Độ, cùng các phong tục tập quán khí hậu nhân tình vật sản. Các thánh tích của các Đức Phật quá khứ...

Ngựa vằn không có để chở kinh, Pháp sư đã đích thân du hóa xứ người, những điều tai nghe mắt thấy ghi nhớ không sai sót, tùy theo những điều vua hỏi mà đối đáp lại có tình lý rõ ràng. Vua rất vui, bảo các quan hầu rằng:

Thuở xưa, vua Phù Kiên khen ngài Đạo An là thần khí, cả triều đình đều tôn trọng. Nay trẫm thấy Pháp sư luận đạo trang nhã, phong tiết cao vời, đã không hổ thẹn với người xưa cũng đủ soi sáng khắp xa gần.

Bấy giờ, Triệu Quốc Công là Trưởng Tôn Vô Kỵ đáp:

Thật đúng như thánh chỉ. Thần có đọc xuân thu các nước thấy các việc an thật là do các bậc cao tăng bác học hạnh đức sâu xa, nhưng Phật pháp truyền bá đến nay, kinh luận không nhiều. Tuy có vị tìm tòi nghiên cứu, nhưng không bằng Pháp sư xả thân đi đến đất Phật, tìm hết cội nguồn các điều nhiệm mầu, tìm ra dấu vết của Niết-bàn.

Vua nói: Ông nói rất phải!

Vua nói với Pháp sư rằng:

Nước Phật xa xôi, các thánh tích linh ứng và giáo pháp, sử trước có chép nhưng không được rõ ràng, thầy đã tự mình đến đó trông thấy mọi việc, cần nên truyền ra rộng rãi cho những người chưa nghe. Vua lại xét Pháp sư có thể đảm nhiệm được việc quốc gia, nhân đó lại khuyên sư hoàn tục để lo việc thế sự.

Pháp sư từ tạ rằng:

Huyền Trang từ thuở nhỏ đã đặt chân vào cửa thiền, quy hướng Phật đạo, tu tập lẽ huyền tông, Khổng giáo còn chưa nghe đến. Nay nếu trở về thế tục thì chẳng khác gì thuyền đang theo dòng nước mà lại bỏ nước chèo trên đất bằng. Đã không có công đức, còn khiến cho Tông đồ bị hủ bại, nguyện xin trọn đời được hành đạo để báo ơn nước, đó cũng là may mắn cho Huyền Trang lắm.

Pháp sư cố từ chối như thế vua mới thôi.

Bấy giờ, vua sắp đặt cuộc chinh phạt phương xa, mộ binh sĩ hội ở Lạc Dương, việc quân rất bận rộn. Nghe có Pháp sư đến, liền bảo quân dẫn vào triều để gặp mặt. Rồi khi đàm luận, lời hay hòa hợp quên cả thời gian.

Triệu Quốc Công Trưởng Tôn Vô Ký phải trình tấu, đưa Pháp sư về nghỉ tại Hồng Lô, vì sợ không kịp trời tối. Vua bèn nói:

Bỗng chốc vẫn chưa hết ý, nay trẫm muốn cùng thầy đi về phương

Đông để xem xét nhân tình. Ngoài việc chỉ huy còn để đàm đạo, vậy ý thầy như thế nào?

Pháp sư từ chối rằng:

Huyền Trang từ xa mới về lại đang có bệnh, sợ không kham được việc bồi giá Thánh thượng.

Vua nói:

Sư còn có thể một mình đi đến nước xa xôi, nay việc đi này chỉ như nửa bước chân, sao lại từ chối.

Pháp sư đáp:

Bệ hạ trong cuộc đánh dẹp các nước phía Đông này có sáu quân hộ tống, phạt loạn quốc giết tặc thần, chắc chắn sẽ thắng được Mục Dã và đánh bại Côn Dượng. Huyền Trang tự biết, sẽ không giúp được cho việc hành quân này. Lại trở thành gánh nặng, tổn phí vô ích. Vả lại trong luật Phật dạy, tăng sĩ tránh xem các việc quân trận tập duyệt binh khí, Như Lai đã có lời dạy như vậy, nên không dám vâng lệnh Bệ hạ được, xin Bệ hạ mở lòng thương xót thì thật là may mắn cho Huyền Trang.

Vua tin hiểu liền thôi không mời nữa. Pháp sư lại tâu:

Huyền Trang sang Tây Vực đã mang về các kinh bản Phạm hơn sáu trăm bộ, chưa dịch được một lời, nay thần biết ở phía Bắc núi Thiếu Thất thuộc phía Nam núi Trung này chùa Thiếu Lâm, nơi đây cách xa chốn kinh thành nên thanh bạch an nhàn, núi đá sông suối u huyền, vắng lặng. Đó là nơi Hoàng đế Hiếu Văn đời Hậu Ngụy đã xây dựng, tức là nơi ngài Bồ-đề-lưu-chi phiên dịch ba tạng kinh điển. Huyền Trang này những mong vì nước được phiên dịch tại đây, Ccầu mong vua ban sắc chỉ.

Vua nói:

Đâu cần phải ở trên núi, sau khi thầy đã đi Tây phương, trẫm vì Mục Thái Hậu nên cho xây dựng chùa Hoằng Phước ở Tây Kinh. Chùa này cũng có thiền viện rất thanh tịnh, Pháp sư cũng có thể đến đó để phiên dịch.

Pháp sư lại tâu:

Dân chúng không thấy biết Huyền Trang từ Tây Vực mới về, sẽ tìm đến đây để xem, thành ra sẽ ồn ào, khó mà tránh được. Đã trái theo luật nước mà trở ngại cho pháp sự. Vậy xin cho người giữ cửa đừng để cho ai qua lại.

Vua rất vui nói:

Ý của thầy đây có thể gọi là lời bảo trọng thân mình, phải chia

ra các nơi, thầy có thể dừng lại năm ba ngày nghỉ ngơi xong rồi hãy trở về chùa Hoằng Phước để sắp đặt. Nếu có việc gì xin cùng đàm đạo chớ nên từ chối vậy.

Tháng ba năm Kỷ tỵ, Pháp sư từ Lạc Dương trở về đến Trường An, liền trụ chùa Hoằng Phước để phiên dịch kinh sách. Ngài viết sớ thỉnh nguyện quan Tư Không Lương Quốc Công Huyền Linh xin cung cấp các vị cùng phiên dịch và chứng nghĩa, cùng thư ký ghi chép v...v Huyền Linh khiến các quan Sở ty tìm đủ những người mà Pháp sư cần. Đến tháng sáu mùa Hạ năm Mậu tuất, những vị Đại đức chứng nghĩa am hiểu các kinh luận Đại, Tiểu thừa cùng đến chùa Hoằng Phước, đó là mười hai vị danh tăng đương thời, tức là Sa-môn Linh Nhuận và Văn Bị ở chùa Hoằng Phước tại kinh đô, Sa-môn Tuệ Quý chùa La-hán, Sa-môn Minh Diễm chùa Thật Tế, Sa-môn Pháp Tường chùa Bảo Xương, Sa-môn Phổ Hiền chùa Tịnh Pháp, Sa-môn Thần Phưởng chùa Pháp Hải, Sa-môn Đạo Thâm chùa Pháp Giảng ở Quách Châu, Sa-môn Huyền Trung chùa Diễn Giác ở Biện Châu, Sa-môn Thần Thái chùa Phổ Cứu ở Bồ Châu, Sa-môn Kính Minh chùa Chấn Hưởng ở Miên Châu và Sa-môn Đạo Nhân chùa Đa Bảo ở Ích Châu.

Lại có chín vị Đại đức coi về trau chuốt lời văn, đó là Sa-môn Thê Huyền chùa Phổ Quang ở kinh đô, Sa-môn Minh Tấn chùa Hoằng Phước, Sa-môn Biện Cơ chùa Hội Xương, Sa-môn Đạo Tuyên chùa Phong Đức ở núi Chung Nam, Sa-môn Tịnh Mại chùa Phước Tụ ở Giản Châu, Sa-môn Hành hữu chùa Phổ Cứu ở Bồ Châu, Sa-môn Đạo Trác chùa Thê Nham, Sa-môn Tuệ Lạp chùa Chiếu Nhân ở U Châu và Sa-môn Huyền Tắc chùa Thiên Cung ở Lạc Châu. Lại có một vị Đại đức tự học là Sa-môn Huyền Ứng chùa Đại Tổng Trì ở kinh đô và một nhà học giả về tiếng Phạm là Sa-môn Huyền Mộ chùa Hưng Thiện ở kinh đô. Ngoài ra còn có các vị ghi chép, thư ký cung cấp tài liệu cũng đều đến đủ.

Vào niên hiệu Đinh mão Pháp sư mới bắt đầu công việc phiên dịch, khai diễn phạm văn, trước tiên dịch bốn bộ: kinh Bồ-tát Tạng, kinh Phật Địa, kinh Lục Môn Đà-la-ni, luận Hiển Dương Thánh Giáo v.v.... Ngay ngày hôm đó Ngài dịch xong kinh Lục Môn, kinh Phật Địa đến năm Tân tỵ dịch mới xong, kinh Bồ-tát Tạng và luận Hiển Dương đến cuối năm mới xong. Vào tháng giêng mùa Xuân năm Giáp tý (646) Sư lại bắt đầu dịch Đại thừa A-tỳ-đạt-ma Tạp Tập luận. Đến tháng hai thì xong. Lại dịch luận Du-già-sư-địa, đến tháng bảy mùa Thu năm Tân mão Pháp sư tiến hành việc tân dịch các kinh luận hiện đã xong. Lại

dâng biểu rằng tâu rằng:

Pháp sư Huyền Trang nói: Trộm nghe yếu chỉ của Bát chánh đạo, thật là bến bờ để vượt qua biển khổ. Tông phái nhất thừa, chính là thềm thang để bước lên lâu đài Niết-bàn. Nhưng vì căn cơ chúng sanh chưa thuần thục đắm chìm trong năm dục sáu trần, nên giáo pháp chưa từng nghe. Trải qua các triều đại Chu Tần mà giáo pháp vẫn chưa đến. Đến khi ngài Ma-đằng vào Lạc Dương, mới biết vùng Tam Xuyên, ngài Tăng Hội đến nước Ngô, mới thấm nhuần Kinh Sở. Từ đó đến nay, người người tu theo nhân giải thoát, gia nghiệp nơi gốc Bồ-đề. Đều biết việc truyền pháp làm lợi lạc chúng sanh thật là vô lượng. Lại đến khi ngài Nghiêm Hiển cầu kinh, Ngài Phật Đồ Trừng, La-thập nối tiếp nhau phiên dịch thì tuy gió giải thoát đã thổi mà chưa cùng khắp, cho nên Huyền Trang này chẳng ngại sinh tử, một mình đi tìm minh thánh. Kinh sách đã mang về nay khởi trình tấu văn, mong Bệ hạ kính trọng lời thánh, ban sắc phiên dịch. So với các vị tăng học thì chuyên tinh ngày đêm, không bỏ phí ngày tháng, tuy đã chấp bút lâu nay mà vẫn chưa xong, nay vừa xong năm bộ năm mươi tám quyển đó là Đại Bồ-tát Tạng kinh hai mươi quyển, kinh Phật Địa một quyển, kinh Lục Môn Đà-la-ni một quyển, luận Hiển Dương Thánh giáo hai mươi quyển, luận Đại thừa A-tỳ-đạt-ma Tạp Tập mười sau quyển, cộng chung thành tám pho, sao chép riêng, kính đến cung dâng lên.

Huyền Trang lại nghĩ: chùa Hoằng Phước tôn tượng mới hoàn thành, Bệ hạ đích thân đến đây để xem tường tận. Nay kinh điển dịch lúc đầu là vì thánh đại Tân Văn, dám duyên nghĩa trước, cũng mong cầu thánh điển. Nay xin Bệ hạ ghi lời tựa để tán dương tông yếu, cho đời sau hiểu rõ yếu chỉ sâu xa. Mong cùng nhật nguyệt soi sáng, chữ ngọc, câu vàng, vững chắc như trời đất, lưu đến muôn đời sau, ca vịnh không cùng, cả ngàn năm sau chiêm ngưỡng không dứt. Trước ở Lạc Dương đã gặp Thánh quân, sắc cho Pháp sư soạn Tây Du Ký, đến nay đã thành. Năm Ất mùi lại dâng biểu Pháp sư Huyền Trang nói:

Kính mong Bệ hạ! Nắm giữ quyền uy khắp chốn, lấy uy thiên hạ mà trị vì muôn dân, như thế cũng đủ nhận chìm hết mọi tai hoạ mà che chở cho đời. Thắp sáng vũ kinh trong bảy đức, mở mang văn giáo ở thập luân, thấm nhuần cả sông suối, hóa chuyển cả cỏ cây, làm cho loài cỏ dại cũng xinh tươi, giếng sâu cũng ra hoa. Vườn thú ngựa hoang cũng tuân theo luật nước. Khơi dậy Tử cao ở nơi cửa cung, nương mây trắng ở chốn Ngọc Kiểm. Cây khô cũng trở thành tươi tốt mà ao đầm đầy nước, lửa sáng khắp nơi. Ở trên núi cao mà trông ngóng khơi dậy biển khơi

để biết ngọn nguồn. Sách sử đều nói về các việc trước, há như nhà Hán mở trương dịch để tiếp gần Kim Thành, Quân Tần đóng ở Quế Lâm chỉ mới thông được Châu Phố mà thôi. Huyền Trang may mắn nhờ đất trời từ niên hiệu Trinh Quán lìa cõi tinh hoa tĩnh bậc, đem tâm về nơi Tây Vực, dám mong cầu điều tốt. Mạng sống đồng như sương sớm, lực thệ cõi thu chung. Chốn Hoàng Linh thân phiêu ảnh tiến, xoay vần về quê hương lễ bái. Lưu lạc xa lìa bên ngoài, thấy rõ cả cỏ cây muôn thú mới nghiệm được việc trước đã nghe. Chim Cô Loan ở nước Kế-tân cùng trở về chốn xưa. Bấy giờ, năm dài chất chứa người nguyện trời theo, bèn ra khỏi núi tuyết mà vượt qua sông Đề-hà, thấy được Hạc Lâm mà xem núi Linh Thứu, con đường đến kỳ viên vẫn còn phảng phất. Nền cũ thành vua cứ mãi vấn vương, tìm cầu xem xét khắp nơi đã có nhiều thay đổi, cho là rời xa đế kinh lâu hơn thế kỷ. Những điều đã nghe, những chỗ đã đi qua có một trăm hai mươi tám nước. Trộm y cứ vào sự ghi chép của Chương Ngạn thì chỗ không mà trình bày rộng khắp. Xây đắp lăng mộ tổ tiên không y theo phong thổ. Ban Siêu theo hầu mà vẫn chưa xa. Trương Khiên mong cầu mà không rộng. Nay lời ký trình bày có điều khác với những gì đã nghe từ trước. Tuy chưa phải là bờ cõi cùng cực của Đại thiên, nhưng đã cùng tận cảnh giới bên ngoài, đều ghi chép lại đầy đủ không dám điêu ngoa. Cẩn thận biên chép đầy đủ, đặt tên là "Đại Đường Tây Vực Ký", gồm mười hai quyển. Sao chép lại các việc riêng biệt, mong cầu ngòi bút của họ Ban, tô điểm cho lời nói, che bác vật ở nơi Tấn thần, rộng tuyên cửu khâu đối với Hoàng Đại. Nhưng Huyền Trang tư chất kém cỏi, lậu hoặc lại nhiều, lại vụng về trong việc ghi chép, sợ rằng không đủ sức nhìn rộng.

Đến năm Bính thân, thần bút lại đáp thư rằng: Xem thơ thấy rõ hết ý tưởng, Pháp sư túc hạnh cao sâu, sớm ra khỏi trần lao, đi trên thuyền báu mà lên bờ kéo. Mưu cầu đạo mầu mà mở rộng pháp môn, truyền bá đại đạo để gội rửa các tội. Cho nên áng mây lành muốn che mát khắp bốn cõi không, mặt trời trí tuệ sẽ soi sáng cả tám phương mờ tối. Nhưng người thắp sáng ngọn đèn cho chúng sanh đó chỉ có Pháp sư. Trẫm học lực yếu kém, tâm trí mê mờ đối với vạn vật. Huống gì Phật giáo nhiệm mầu, há có thể đo lường được. thỉnh viết lời tựa kinh, đó chẳng phải là chỗ thấy nghe của mình.

Vua lại nói: Bài văn Tây Vực Ký vừa mới biên soạn, sẽ tự mình xem qua. Năm Đinh Dậu, nhận được sắc chỉ, Sa-môn Huyền Trang lại dâng biểu tâu: Nhận được sắc chỉ, Huyền Trang nhận thấy mình nghiệp hạnh mỏng manh mà lạm xen vào hàng tăng. May mắn gặp được cửu

trùng, cắt đứt tứ biểu không còn lo lắng gì.

Hoàng đế đi chinh phạt xa, thị quốc uy để hỏi đạo. Mạo hiểm khắp nơi để bày tỏ lòng ngu thành, đem kinh sách mà ôm lòng hoài tưởng hóa đạo tại thiên triều. Cho nên gặp được bộ kinh luận nào liền muốn dịch ngay. Sách đã dịch thành rồi mà chưa có lời tựa. Kính mong Bệ hạ, ân đức sâu xa, che cả đất trời, lý luận thì bao gồm cả vạn tượng, điều phục tâm tánh mà trở thành người tài giỏi, tiếng tăm vượt hơn nghìn xưa, che lấp cả trăm vua. Trộm dùng thần lực vô phương, nếu không phải thần uy của Bệ hạ thì không thể luận bày hết nghĩa lý.

Thánh giáo sâu xa, nếu không phải bậc Thánh quân ghi lời tựa thì làm sao tỏ hết ngọn nguồn. Cho nên bần tăng mới mạo phạm uy nghiêm dám mong người ghi lời tựa. Huyền Trang nghe: Trời trăng soi sáng cả đất trời, không chỉ chiếu tỏ bên khung cửa mà sông núi, đất đai cũng được chiếu sáng. Mây hòa nhạc trổi khắp nơi cũng không tạo chút ảnh hưởng với người điếc. Vàng ngọc châu báu đâu làm dao động kẻ mù lòa. Dám duyên theo lý này thì phước báo thật vô cùng.

Cầu nguyện mưa gió đúng lúc, thiên văn tỏ chiếu, phối lưỡng nghi mà được lâu dài, cùng trời trăng để mà soi chung. Nhưng vì kinh ngạc trước lời lẽ sâu xa, nên mượn thần bút mà truyền rộng ra. Thác mượn ngôn từ người tài giỏi để mà tuyên dương. Há đâu chỉ khư khư vì phạm chúng mà riêng nhờ ân đức tôn vinh, vì chúng sanh mê lầm mới vượt ra cõi trần lụy mà thôi.

Lúc này vua mới bằng lòng. Mùa Xuân năm thứ hai mươi hai, vua xa giá đến cung Ngọc Hoa. Mùa Hạ tháng năm năm Giáp ngọ, Pháp sư dịch bộ luận Du-già-sư-địa xong, gồm một trăm quyển. Tháng sáu năm Canh thìn, Vua ban sắc mời Pháp sư vào cung. Khi đi giữa đường thì có sứ đến, khiến cho thông thả vào triều để đừng làm lao nhọc Pháp sư. Đến lúc vào cung Ngọc Hoa, vua trông thấy Pháp sư thì rất vui mừng. Vua nói: Trẫm ở tại cung khổ vì nóng bức cho nên mới dời về núi này. Ở đây có suối đá mát mẻ nên khí lực khỏe mạnh, có thể tỉnh táo mà xem xét mọi việc, nhưng lại nhớ Pháp sư, cho nên cho đi mời làm mệt nhọc Ngài.

Pháp sư từ tạ: Dân đen ở trong bốn biển, đều nhờ ân Bệ hạ mà được sống còn, thân thể thánh đức không được an ổn thì trăm họ cũng lo buồn. Nay xe loan đã đến đây thì nên nghỉ ngơi cùng với thiên nhiên, chớ nên bận bịu các việc. Nguyện xin Bệ hạ mãi mãi gánh vác việc lớn lao đồng với sự vô cực của trời. Huyền Trang đức mỏng cũng mong nhờ ân triều đình không màng sự mệt nhọc.

Vua vì thấy Pháp sư học nghiệp đầy đủ, nghi vận cũng sâu xa. Mỗi ý nghĩ đều lo lắng đến cuộc đời, cho đến cùng với mọi người lo việc triều chánh.

Thế nên vua cùng đến cung Lạc Vương để thường gặp mặt Pháp sư hầu luận bàn đạo pháp. Khi vua đến thì lại nói rằng: Xưa các vua Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thương, rồi nhà Chu rộng lớn, nhà Hán hưng thạnh, đều cho là việc sáu hợp rộng lớn, việc muôn cơ tha thiết. Chỉ có hai mắt thì không thể quan sát khắp hết, chỉ một tâm thì khó riêng xét. Cho nên nhà Chu dựa vào mười loạn, vua Thuấn nương vào năm quan, mở mang việc triều chính, hòa hợp với các nước gần. Các vị minh quân thánh chủ còn phải nhờ đến bậc tôi hiền, huống chi trẫm ít đức mê mờ, mà lẽ nào không nương vào bậc hiền giả sao?.

Ý trẫm muốn Pháp sư cởi bỏ pháp phục Bồ-đề, mặc áo trắng Duy-ma-cật, mà mưu tìm đường công danh huyễn lộ, ngồi dưới sân hòe mà luận đạo. Vậy ý Ngài nghĩ thế nào?

Pháp sư đáp rằng: Bệ hạ nói là: Việc sáu hợp rộng lớn, ba vua, năm vua không thể một mình mà giữ gìn được, nhờ các hiền giả lo toan mà được thành tựu. Khổng Tử cũng nói: “Vua mất bề tôi được”. Cho nên vua là người đứng đầu, còn bề tôi là tay chân. Huyền trang lại cho rằng: Lời nói này nếu theo lý trung dung thì chẳng phải là thượng trí. Nếu bảo có bề tôi hiền thì đều được, thì vua Kiệt, vua Trụ há là không có tôi hiền sao? Y cứ vào đó mà suy thì không hẳn phải như thế, Bệ hạ là bậc quân vương thượng trí, nếu một người lập được kỹ cương đầu mối thì muôn việc tự khắc được thành. Huống chi từ lúc Bệ hạ hưng quốc đến nay, trời đất thảy đều an bình, trong ngoài đều yên ổn? Đó chính là do Bệ hạ không hoang dâm vô độ, không xa xỉ đắm mê theo dục lạc, hết lòng mở mang cơ nghiệp, đổi mới đất nước. Tuy được nghỉ ngơi mà lại không nghỉ, ở chỗ an lành mà nghĩ tới việc nguy nạn của muôn dân, vì chí nguyện muốn thay trời làm lành.

Huống gì tham dự vào các việc khác. Nay xin luận ra hai, ba việc để minh chứng Bệ hạ là người mưu lược trong cả tám cõi, là người tài đức giỏi giang trong cả nước, có công bình định việc họa loạn trong nước, mở mang cơ nghiệp muôn đời. Về đức độ thì thông minh trí tuệ, phong tư lễ nghĩa đủ đầy, đó là thọ trời trao cho, không phải chỉ nhờ vào sức người. Đó là nghĩa thứ nhất. Giữ gốc bỏ ngọn, chuộng nhân chuộng lễ. Dời phong tục nhà Nghiêu nơi quý tục, đổi thuần chánh đối với Thượng hoàng, giữ nghiêm pháp luật mà xem nhẹ pháp chế, dùng hình phạt mà lại xem thường kinh điển. Bốn biển chín châu, muôn loài hàm

thức, đều thấm nhuần ân này mà được an ổn. Đây chính là do thánh tâm khuyến hóa, không nhờ nơi sức người. Đây là nghĩa thứ hai.

Chí đạo mà càng thông thì ân sâu càng tỏ, hướng Đông thì đi đến Nhật Bản, Tây Vực, phía Tây thì đến Côn Khâu, phía Nam thì qua tận Diễm Châu, phía Bắc thì cùng cả cõi Huyền tắc. Rồi các phong tục khắc chân uống mũi, phong tục người mặc y phục bằng các loại cỏ và vạt áo bên trái, cho đến khí hậu mưa gió cũng khác xa. Các nơi đều đem đến triều cống đầy đủ châu báu. Đây cũng do thiên uy chiêu cảm nên chớ không nhờ vào sức người. Đây là nghĩa thứ ba. Giống người Hiểm Duẫn làm loạn đến nay đã lâu, năm đế không chịu thần phục, ba vương cũng không thể chế ngăn, do đó mà khiến cho vùng Hà Lạc trở thành hoang dã, nơi Phong Cao trở thành hội trường Minh Cảo, khi Trung Quốc bị chia lìa, bọn Hung Nô càng đắc chí. Từ đời Ân Chu đến nay không có lúc nào an ổn. Đến đời Hán Vũ đem binh trừ phạt mới dẹp yên được. Tuy vậy, cành lá tuy đã chặt bỏ mà gốc rễ vẫn còn, từ đó về sau không thấy một phương sách nào tốt đẹp. Rồi đến khi Bệ hạ ngự giá thân chinh một lần liền dứt hẳn, làm cho khuynh đảo cả hang ổ, không còn di chứng. Các vùng biển xa xôi đều phong cho vua Hung Nô, để làm tôi thần. Nếu nói là do bề tôi, thì thời Ngu Hạ đến nay hiền thần rất nhiều, vì sao lại không thu phục được. cho nên biết rằng người có đạo đức thì mọi việc ắt sẽ thành, không cần phải nhờ vào người khác. Đây là nghĩa thứ tư. Như nước Cao Ly là phiên quốc nhỏ mà thất lễ với thượng quốc, vua nhà Tùy mới đem hết quân trong nước đánh dẹp ba lần, công phá thành mà không hao tổn nửa cọng cỏ, không xâm phạm đến một người nơi hoang vắng. Rồi giả như để tang Lục Quân, cùng kéo nhau trở về. Bệ hạ bỗng chốc đem binh mã cả hằng muôn bày thế trận mạnh khắp cả cấm đường, phá tan tòa thành vững chắc của Liêu Cái.

Thắng trận trở về, bắt được hơn ba mươi muôn quân giặc. Vua dụng binh khiển tướng theo pháp đạo không khác. đến khi nhà Tùy mất, nhà Đường nối tiếp. Cho nên biết là do chủ chứ không do nơi người khác. Đó là nghĩa thứ năm. Lại như trời đất giao thời, trời trăng chiếu soi, khí trời chan hòa, mây lành rực rỡ. Năm linh bày ra các vẽ nhiệm mầu như sói trắng, chồn trắng, chim đỏ, cỏ đỏ. Muôn thứ chiếu soi sặc sỡ đến vô lượng ức ngàn không thể nói hết. Đó đều là do đức mà có, chứ không phải nhờ người khác. Đây là bần tăng muốn tỉ dụ các vì vua trước có kỳ công dẹp loạn. Trộm nghĩ Bệ hạ không nhận lấy thì dù cho cần người thì nay bậc hiền lữ theo về cũng nhiều. Huyền Trang đâu đủ tài sức để tham dự vào. Chỉ một lòng giữ giới chốn thiền môn, để mở

mang đạo pháp, ý nguyện này kính xin Thánh thượng mở lòng từ chớ nên ép buộc.

Vua nghe xong thì vui vẻ nói với Pháp sư rằng: Những lời Pháp sư vừa trình bày đều nhờ thần lực nhiệm mầu cùng sự linh ứng của tông miếu, năng lực của bậc khanh sĩ, trẫm làm sao được như vậy, khanh đã muốn mở mang đạo mầu, ta cũng không thể trái với ý nguyện bậc chí cao, hãy nên cố gắng. Từ nay về sau, ta cũng sẽ trợ duyên cho Pháp sư mở mang đạo pháp.

Thích Ngạn Tông chú thích rằng:

* Pháp sư tài đức kiêm cả trong ngoài. Khi gặp việc thì đối đáp hòa hợp như thế, thật là khó thay! Thuở xưa, ngài Đạo An dâng biểu can ngăn mà xa giá vua Phù Kiên vẫn không dừng, Hằng Tiêu dâng biểu từ tạ mà tâm Diêu Hưng vẫn không màng tới. Cuối cùng dẫn đến cái nhục bị bại trận phải đào tẩu trốn đi. Há như Pháp sư dùng lời nhã nhặn luận biện bày tỏ, Thánh hoàng chấp nhận, gió mát thổi đến, chí nguyện càng vững, nói theo đây thì không cần nhọc công cũng thấy hơn kém. Bấy giờ, quan Trung lệnh là Trữ Toại Lương dâng biểu tâu rằng:

Nay bốn biển đều mở mang, chín cõi đều được an ổn, đó là nhờ thánh đức của Bệ hạ như lời Pháp sư nói, chúng thần chỉ phụ tá mà thôi. Dưới vầng nhật nguyệt thì ánh sáng của đom đóm nào có nghĩa lý gì?

Vua xem rồi cười mà nói rằng:

Không phải như vậy? Áo cừu quý chẳng cần phải là da nách của con chồn, nhà lớn cần phải dùng nhiều cây gỗ mới tạo thành, làm sao chỉ có một mình ông vua mà lo toan xã tắc hết được. Pháp sư vì muốn giữ tròn tiết tháo, cho nên mới lạm bày đề cao như vậy!.

Vua lại hỏi Pháp sư: Pháp sư đang phiên dịch bộ kinh luận gì?

Pháp sư đáp: Phiên dịch gần xong bộ luận Du-già-sư-địa, gồm một trăm quyển.

Vua nói: Bộ luận này rất lớn, không biết vị Thánh nào nói mà nghĩa lý rõ ràng như thế?

Đáp: Luận này do Bồ-tát Di-lặc nói, nói rõ ý nghĩa mười bảy địa.

Lại hỏi: Vì sao gọi là mười bảy địa?

Đáp: Đó là: Ngũ thức tương ưng địa, ý thức tương ưng địa, Hữu tầm hữu từ địa, Vô tầm duy từ địa, Vô tầm vô từ địa, Tam-ma-hy-đa địa, Phi Tam-ma-hý-đa địa, Hữu tâm địa, Vô tâm địa, Văn sở thành địa, Tư sở thành địa, Tu sở thành địa, Thanh văn địa, Độc giác địa, Bồ-tát địa,

Hữu dư y địa, Vô dư y địa.

Rồi Ngài nêu ra các đề mục phân ra các yếu nghĩa rõ ràng.

Vua nghe xong rất thích thú, bèn sai người về kinh đô lấy bộ luận Du-già đem đến. Vua tự mình xem kỹ, thấy văn từ ý thật sâu xa, chẳng phải điều từ trtước đến giờ từng nghe thấy. Rồi vua than với các quan hầu cận rằng:

Trẫm xem kinh Phật chẳng khác nào như nhìn trời trông biển, không thể nào lường được độ cao sâu, Pháp sư đã đi cầu pháp bên xứ Tây Vực, được pháp sâu này, trẫm vì lo toan việc nước việc quân nên không thể tìm hiểu lời Phật dạy, mà nay xem qua nguồn gốc của các học phái không thể hiểu hết bờ mé. Nho giáo đạo giáo trong chín dòng so với Phật giáo như chùm bọt giữa dòng đại dương mênh mông, người đời cho là tam giáo ngang bằng chỉ là lời nói luống dối mà thôi.

Vua lại ban sắc cho các quan Sở ty tuyển chọn các bí thư, tỉnh thư để biên chép các kinh luận mới phiên dịch thành chín bản. Bao gồm chín châu như: Duyệt châu, Tương Châu, Kinh Châu, Dương Châu, Lương Châu, Ích Châu... lần hồi đều được lưu thông, khiến cho kẻ sĩ trong nước cùng lãnh thọ những nghĩa lý chưa nghe.

Bây giờ, có quan Tư đồ Triệu Công Trưởng Tôn Vô Kỵ, quan Trung thư lệnh Trữ Toại Lương... dâng biểu tâu lên vua:

"Phật giáo nghĩa sâu xa lý thật sâu mầu, hàng trời, người không thể nào đo lường nổi. Lời nói vốn đã sâu sắc, cửa chữ nghĩa cũng khó vào. Kính mong Bệ hạ, chí đạo soi chiếu, ánh sáng như ban ngày, thấm nhuần khắp cõi xa, ân giáo đầy cả trong nước. Người hết lòng ủng hộ năm thừa, xây dựng Tam bảo. Cho nên mới gặp được Pháp sư, nên cây nhỏ mà bẩm chất đã xanh tốt, trong khoảng một ngàn năm mà sinh trưởng vượt lên. Trải qua bao cách trở để cầu kinh, vượt trên mọi nguy hiểm để học đạo. Nhờ đó mới thấy được mọi sự quý giá hơn đời, gặp được đầy đủ chân văn, trở về nước phiên dịch, như bắt đầu nói trong vườn Am-la, văn chuyên ròng, nghĩa sâu kín, như miệng vàng mới mở đều do thánh đức của Bệ hạ chiêu cảm. Chúng thần ngu muội được dự vào sự thấy nghe này, trong biển khổ dậy sóng được nương thuyền từ, lại lòng thiên từ của Người lại rộng xa, truyền khắp chín châu, dù cho hạng dân đen thấp hèn cũng được nhờ ân đức pháp mầu. Chúng thần ức kiếp mong gặp, thật là may mắn không thể kể xiết.

Vua nói: Đây là do nguyện lực đại bi của Pháp sư, và do phước đời trước của các khanh mà được tương hội, chứ chẳng phải ân đức gì của riêng mình trẫm.

* Vua trước đây có hứa sẽ viết lời tựa cho kinh mới dịch. Vì việc quốc gia đại sự nên chưa làm được. Nay Pháp sư lại thưa thỉnh, nên vua liền cầm bút, chẳng bao lâu mà thành bài văn tựa, đặt tên là "Bài tựa Đại Đường Tam tạng Thánh Giáo", gồm có bảy trăm tám mươi mốt chữ, bài tựa đã viết xong rồi, vua sai đặt trên đầu các bộ kinh.

Khi đó vua ngự ở điện Khánh Phước, có các quan theo hầu hạ, che chở. Vua thỉnh Pháp sư ngồi, rồi bảo Hoằng Văn Quán đại học sĩ là Thượng Quan Nghi đem bài tựa vua soạn đối trước các quan mà tuyên đọc lại lời tựa với những lời ý rõ ràng khúc chiết, mạch lạc sâu xa. Lời tựa nói rằng: "Nghe rằng nhị nghi có hình tượng che chở cho hàm sinh. Tứ thời vô hình đem thời tiết lạnh nóng để chuyển hóa muôn vật. Do vậy mà thấy rõ được trời đất, dù là kẻ ngu tình cũng biết được đầu mối, hiểu rõ âm dương, bậc hiền triết chẳng có bao người, nhưng mà trời đất bao gồm âm dương, nhưng cái dễ biết thì cho là có hình tượng. Âm dương ở khắp đất trời mà khó cùng tận cho đó là vô hình. Cho nên biết muôn tượng có thể hiển bày, tuy là ngu nhưng không mê hoặc, hình mất không thấy, là đối trí trí còn mê. Huống gì Phật đạo mầu nhiệm, lấy sự u huyền mà đạt đến chỗ vắng lặng. Pháp mở mang cứu giúp muôn người, kinh điển có mặt khắp mười phương, nêu bày oai linh mà không có pháp nào trên, đè nén thần lực nên không có pháp nào dưới. Lớn thì bao trùm cả vũ trụ, nhỏ thì nhiếp chứa đựng cả mảy may, vô diệt vô sinh. Trải qua ngàn kiếp mà vẫn không xưa, vừa ẩn vừa hiện, vận dụng trăm phước mà kéo dài đến nay, đạo mầu vắng lặng, vâng theo mà không biết hết cùng tận, dòng pháp vắng lặng mà không đo lường hết nguồn chân. Thế nên biết! Dù hạng phàm phu ngu muội cũng hiểu hết yếu chỉ này vậy.

Nhưng sự hưng khởi của Đại giáo, nền móng vốn ở Tây thổ. Ngài Ma-đằng đến đất Hán mà làm sáng tỏ điềm mộng, soi sáng Trung Quốc mà truyền bá đạo từ bi. Thuở xưa khi chia hình chia dấu, lời nói chưa đến đã thành giáo hóa, cho nên ngay nơi thường hiện thường. Người kính đức mà biết tuân theo, trong nẻo tối mà thấy được đường chân. Dung nghi sắc vàng che mất màu sắc thế gian, ánh sáng Tam thiên không gương, bốn mươi tám tướng uy phong soi cùng nhân thế, dùng lời nhiệm mầu mà truyền bá cứu độ chúng sanh trong ba cõi. Lời di huấn tuyên nói khắp xa gần, dẫn dắt hàm linh trong mười cõi. Nhưng chân giáo khó gặp, không thể một lời có thể đưa người quay về nẻo chánh. Còn việc học cong vạy thì dễ vâng theo, tà chánh rối loạn. Cho nên luận về chỗ "không, hữu" hoặc theo tập tục có phải trái, nương theo đại tiểu,

lúc gặp duyên thì hưng thạnh. Có Pháp sư Huyền Trang, là bậc thầy các pháp môn, khi còn nhỏ Pháp sư đã là người lanh lợi anh tài, sớm tỏ ngộ ba không, khế hợp cả thần tình. Trước bao gồm hạnh bốn nhẫn, tùng gió nước trăng không đang sánh với hoa sen xanh, hạt minh châu ở nơi cảnh tiên há có thể soi sáng bằng. Cho nên dùng trí thông suốt không ngăn ngại thì dù thần so lường cũng không thấy hình, vượt ngoài sáu trần mà ra khỏi thế gian, từ nghìn xưa đến nay chỉ có riêng Ngài. Tâm bất động trong chốn nội cảnh, nghĩ thương chánh pháp suy đồi mà tìm về chốn huyền môn, nghĩ đến văn nghĩa sâu xa bị sai lạc, nên muốn phân rõ mọi điều triết lý. Rộng đem những điều nghe biết trước kia để cắt bỏ sự ngụy vọng, nối tiếp lời chân, khai sáng cho người hậu học. Thế nên ngài nghiêng tâm về tịnh độ, đi du hóa sang cõi Tây Vực, vượt bao nguy hiểm giữa chốn xa xôi, một mình vượt qua bao hiểm trở giữa núi tuyết bao la, giữa chừng lạc đường, đi qua biển cát trong đêm tối tăm. Không phân định được trời đất, vượt qua sông núi cả muôn dặm, dựa vào khói mây mà tiến bước, trăm lần nóng lạnh, nương theo đường tuyết mà đi, lòng chí thành nặng hơn cả mọi sự mệt nhọc, nhờ mưu cầu sâu xa mà ý nguyện đạt thành, chu du khắp xứ Tây Vực suốt mười bảy năm ròng, trải qua nhiều nước, học hỏi tìm cầu chánh giáo. Nơi chốn song lâm bát thủy thấy được chân lý đạo mầu, trong vườn nai, trên ngọn Linh Thứu thấy được bao điều kỳ diệu, theo lời dạy rốt ráo của bậc Tiên thánh, thọ học chân giáo với các vị Thượng hiền, hiểu sâu sắc các pháp môn vi diệu. Tinh thông hết nghĩa sâu xa của đạo Nhất thừa ngũ luật, rong ruổi trên mảnh ruộng tâm chở về có đến ba hòm tám tạng, vượt cửa biển sóng gió, trải qua các nước mới mang về được.

Tổng số ba tạng mang về gồm có sáu trăm năm mươi tám bộ, dịch ra tiếng Trung Hoa để tuyên dương thắng nghiệp, dẫn mây lành ở nơi Tây Vực, rót mưa pháp ở chốn đông độ. Thánh giáo thiếu trở thành đủ đầy. Chúng sanh có tội mà lại được phước. Dập tắt nhà lửa trogn ba cõi, để cứu giúp đường mê, vượt qua sóng mờ tối của sông ái, cùng đến bờ giác ngạn. Thế nên biết, làm ác sẽ bị đọa lạc, làm thiện thì được sanh lên cõi lành. Phước trời hết thì tùy sanh xuống làm người, cũng ví như người trồng cây quế ở trên núi cao, khi mây tan mới thấy được hoa của nó. Hoa sen vươn lên từ sóng xanh, không để chút bụi trần dính vào cánh của nó, chẳng phải tự hoa sen tánh nó tự thanh khiết, và quế nào phải bẩm chất tự trong sạch, bởi do nó nương trên chỗ cao, thì không có vật nhỏ bé nào có thể trói buộc nó. Còn hoa sen nhờ nương vào chỗ sạch nên không có loại nhỏ uế nào có thể thấm vào nó. Thế nên, dù là

cây cỏ vô tri còn nhờ chỗ tốt mà thành tốt, huống chi loài người có hiểu biết, lại không duyên vào chỗ lành để được an lành sao? Thế nên muốn lưu truyền rộng kinh này, cùng khắp vô tận như nhật nguyệt thì phước này thật vô lượng, to lớn như trời đất bao la.

Lúc này, Pháp sư kính vâng thánh chỉ, liền dâng biểu tạ rằng:

Sa-môn Huyền Trang nói:

Trộm nghe lục hào sâu xa, cũng hạn cục trong chỗ sinh diệt. Trăm vật chính danh cũng chưa vượt qua được cảnh giới chân như. Vả như đem sách Phục Hy ra mà làm chứng, thấy chỗ sâu xa mà không thể đo hết được sự thần bí, xa tưởng Hiên Đồ, đã chọn ra những điều tốt đẹp.

Kính mong Hoàng đế bệ hạ là bậc ngọc hào giáng chất, kim luân chế ngự cả trời, mở mang chín châu của tiên vương, nắm giữ trong tay trăm ngàn nhật nguyệt, mở mang bờ cõi qua các đời, thâu nạp vào pháp giới Hằng sa. Từ đó mà khiến tinh xá vườn Cấp cô độc, đều nhập vào cõi này, đầy đủ linh văn mà tạo thành sách.

Huyền Trang này nhân đến đây chấn tích tham yết chốn núi cao, trải qua ngàn dặm, nhờ thiên uy mà cất bước, chẳng phải nhờ Thiên diệp. Khi đến Song Lâm như trong khoảnh khắc bữa ăn, mở mang ba tạng. Đi đến tận cung rồng, nghiên cứu đạo Nhất thừa. Nhận di chỉ nơi Linh Thứu, chở kinh trên lưng ngựa trắng, trở về bổn quốc. Mang ân vua ban sắc cho phiên dịch Huyền Trang này trí thua ngài Long Thọ mà lạm nhận sự truyền đăng Phật đạo. Tài thì kém ngài Mã Minh, càng hổ thẹn cầm bút dịch kinh e nhiều chỗ còn lầm lẫn chưa thông. Nay nhờ ân Thánh thượng quan tâm viết lời tựa, văn chương siêu xuất biểu tượng cao minh, lý bao gồm hết mọi pháp môn mầu nhiệm, bỗng nhiên sanh ra, đích thân thừa lãnh ân đức Phạm thiên, hớn hở vui mừng. Như nghe lời thọ ký, không còn ân đức nào hơn. Kính cẩn dâng biểu, xin đem bày tỏ tấm lòng từ tạ ân Thánh đế. Vua vừa xem biểu xong, lại biên thư đáp:

Trẫm tài thì mượn khuê chương, lời nói còn chưa thông đạt, còn nội điển thì làm sao có thể tỏ thông hết được. Mạo viết lời tựa văn sâu mà vụng về, nên e mực đen làm ô sách vàng, đem ngói gạch để vào rừng châu. Khi sách thành tựu thì cũng tiếm nhận lời khen ngợi mà thôi. Không xứng đáng để tạ ơn.

■

TRUYỆN TAM TẠNG PHÁP SƯ CHÙA ĐẠI TỪ ÂN,ĐỜI ĐẠI ĐƯỜNG

QUYỂN 7

Sa-môn Tuệ Lập biên soạn bổn văn, Thích Ngạn Tông sưu tầm ghi chép lại. Bắt đầu từ tháng sáu năm thứ hai mươi hai. Thiên Hoàng chế thuật thánh ký.

Đến mùa Xuân tháng hai, niên hiệu Vĩnh Huy năm thứ năm, Pháp sư trả lời thư.

Tháng sáu mùa hạ năm thứ hai mươi hai. Thiên Hoàng Đại Đế ở cung mùa xuân, kính phụng Thánh văn. Lại thuật ra thánh ký. Lời nói rằng: Nếu mở mang chánh giáo mà không có trí thì chẳng thể hiểu rộng hết toàn văn, ghi lại lời khéo léo, nếu chẳng phải bậc hiền đức thì không định được yếu chỉ. Bởi chân như thánh giáo đó là huyền tôn của các pháp. Xét rõ các kinh điển, bao gồm sâu xa, yếu chỉ kín mầu, đạt đến chỗ tinh vi giữa không và hữu. Thể sinh diệt thật khôn cùng. Nếu người học không nghiên cứu đến chỗ cùng cực, thấy văn nghĩa sâu xa thì không thể đo được lý. Cho nên biết: Thánh từ soi sáng khắp nơi, nghiệp bất thiện thì sẽ không nhìn thấy pháp mầu bao la, duyên không có thì không thấm nhuần. Khai giềng mối pháp mầu, mở mang chánh giáo trong sáu cõi, cứu chúng sanh ra khỏi cảnh lầm than. Dùng chân lý ba tạng độ người cùng khổ, cho nên nói không cánh mà vẫn bay xa. Đạo chẳng có rễ mà lại bám vững chắc. Đạo danh truyền mãi, trải qua bao đời mà không lạc mất, từ đó mà cảm được ứng thân. Trong muôn kiếp mà không hư mục. Sớm tối truyền bá, đem nhị âm đến Linh Thứu, mặt trời tuệ luân, xoay sóng luân ở vườn nai, bày lọng báu trên hư không. Tiếp từ vân để cùng bay, đến nơi rừng xuân hoang dã, hòa hợp với thiên hóa.

Hoàng đế bệ hạ! Trên soi giúp phước, khoanh tay mà trị muôn dân, đức sáng cả trăm họ, muôn quốc đều theo về, càng thêm suy xét, chốn hang đá trở về, gom đủ cả văn nghĩa, thấm nhuần cả loài côn

trùng. Dùng hòm vàng lưu lại kệ Phạm âm, cũng khiến cho đến dòng A-nậu. Đem tám sông về thần điện, kỳ-xà khuất trên núi, tiếp thúy đảnh ở cao hoa, trộm dùng pháp tánh yên tịnh. Nếu không trở về tâm thì sẽ không thông. Trí địa sâu xa, cảm lòng thành khẩn mà hiển bày, há gọi là đắm chìm trong đêm dài, bởi nhờ đèn tuệ soi sáng. Sớm vào nhà lửa, giáng mưa pháp thấm nhuần. Cho nên trăm sông dù có khác dòng, cùng hội chung về biển cả. Muôn lời chia nghĩa ra, mà tổng thành ý thật. Đâu phân biệt thắng thua với vua Thang, vua Vũ, so thánh đức với vua Nghiêu, vua Thuấn. Pháp sư Huyền Trang đây, sớm có tâm thống lãnh, lập chí muôn phương, tuổi dù còn trẻ, mà thể trùm cả người đời, lòng vì đạo cả, một mình tìm thánh tích chốn non xa, vào chốn Tam thiền, tuần du Thập địa, vượt qua sáu trần, riêng mình thẳng tiến, hội yếu chỉ Nhất thừa, tùy cơ hóa vật. Bởi xứ Trung Hoa chưa đủ lý nên tìm đến chân văn nơi xứ Ấn. Vượt qua sông Hằng, cuối cùng mới được lên núi Tuyết, mới tròn tâm nguyện. Học đạo quay về đã tròn mười bảy năm, rồi cũng thông dịch kinh Phật, tâm vì lợi vật. Đến ngày mùng sáu tháng hai niên hiệu Trinh Quán thứ mười chín mới tấu trình xin vua trụ tại chùa Hoằng Phước để phiên dịch yếu văn Thánh Giáo. Được tất cả sáu trăm năm mươi tám bộ, đem pháp đạo về nơi biển cả, rửa sạch trần lao không hề mỏi mệt. Truyền ngọn đèn trí soi sáng các nơi tăm tối. Đó chẳng phải là lâu trồng duyên tốt thì làm sao hiển bày được yếu chỉ này. Cho nên pháp tánh thường trụ, dùng ba minh để soi sáng. Hoàng đế của ta phước nghiệp sâu dày, cùng giữ vững hai nghi soạn lời tựa các kinh, soi xưa hơn nay, lý chứa đựng âm thanh vàng đá. Văn ôm cả trời đất gió mây. Trị đời mà xem nhẹ việc thế gian, lược nêu mọi điều cương yếu, để viết thành lời tựa sâu sắc này.

Pháp sư liền tâu rằng: Huyền Trang nghe bảy ánh mặt trời chiếu soi, ở trên cao mà tỏa sáng khôn cùng. Chín sông thấm nhuần, nhờ đất mà thông lưu. Cho nên biết, những cái đẹp cùng gặp nhau, muôn vật đều rõ ràng. Giảng pháp nương người, lý ở nơi vô hoặc. Kính mong Hoàng Thái tử điện hạ phát huy, được tâm ý nên cùng thuật lại.

Thiên văn! Khen ngợi cái đẹp của Đại thừa, trang nghiêm thật tướng, đến chỗ châu hồi ngọc chuyển, trời thanh mây trắng, dùng nhật nguyệt để tỏ soi, cùng cảm âm mà hợp vận. Huyền Trang may mắn sinh ra đã sớm nghe Phật pháp, quyết không hổ thẹn tông phong, kính dâng mấy lời.

Bấy giờ, vua giáng lệnh, thư rằng:

Trị vốn không có tài học, tánh không thông minh. Nội điển văn

chương cũng chưa quán xét. Nay viết lời tựa, truyền bá rộng khắp nơi, bỗng nhiên gặp được sách này, nên mở mang khen ngợi. Lòng riêng an ủi tự xét mình, lại sợ chưa phù hợp, làm nhọc lòng các vị Pháp sư.

Thích Ngạn Tông biên soạn, thuật lại rằng:

Từ lúc văn ý của hai bậc Thánh nói ra về sau, vương công trăm họ, pháp tục lê thứ, đều rất vui mừng, hân hoan đón nhận đức ân. Trong ngoài mở mang chưa thấm nhuần mà cùng khắp sáu hợp. Mây từ lại che chở, mặt trời tuệ càng tỏ soi. Đồ chúng quay về, sương tan sóng lặn. Cho nên từ trên hóa xuống, như gió đến chỗ không cỏ cây, chính là nghĩa này.

Đức Như Lai sở dĩ phó chúc giáo pháp cho quốc vương, cũng là do ý này.

Bấy giờ, tự chủ chùa Hoằng Phước là Viên Định, và tăng chúng trong kinh thành thỉnh Ngài khắc hai chữ văn vào Kim Thạch rồi giữ ở trong chùa. Để cho vua xem, sau để chư tăng ở chùa luôn nhớ ân, bèn hợp lại lời răn chắc của vua và các quan ghi vào bia ký.

Vào năm Canh thìn Hoàng Thái tử vì Hoàng thái hậu Văn Đức sớm quy tiên cho nên lòng muốn riêng báo hoàng thiên, tôn sùng phước nghiệp, bảo Trung đại phu Thủ Hữu Thứ tử Đại Thần Cao Quý phụ ban lệnh, lệnh rằng: Quả nhân không tạo phước, lâu nay vẫn tự trách mình. Ngày tháng vẫn chưa tỉnh ngộ, lời từ bi thương xót lại bỏ sau lưng, lo lắng cả đời. Thường quán xét tâm này, như gió làm nghiêng ngả cây cối. Lại khắc cốt ghi lòng, lâu ngày thành ra cảm ứng; trong cảnh không mà hoài vọng hướng về, bệnh tâm càng nặng. Nghĩ đến báo ân đức trời cao, không theo tình thường của muôn thú. Trộm dùng đạo giác ngộ soi sáng khắp nơi. Thật vì cầu phước thần, mong được thân kính mến cho phép quy y. Nên khiến cho quan Sở ty, đối với các ngôi chùa ở kinh thành bị hoang phế trước kia, nay cùng chọn lại một nơi, phụng thờ thánh Hoàng hậu văn đức, tức là chùa Dinh Tăng. Ngày khánh thành chùa nên riêng độ chúng tăng, cho đến ở chốn núi rừng tu hành tinh tấn. Kính mong hướng quả Đao-lợi, đạt đến chỗ vô cực. Thế là quan Hữu ty, tìm một nơi đất tốt, đó là ao Diện Khúc, ở thôn Phổ Xương, phía Nam cung thành, y theo ngôi chùa xưa Tịnh Giác mà xây dựng. Đo đất xem sao, xem trời mà xây dựng vườn cây, kiến trúc đủ thứ khéo léo, toàn loại cây tốt trên núi Hoắc, như cây tử, cây quế, cây chương, cây phanh lư. Vàng ngọc châu báu trang sức đủ các màu xanh đỏ. Phòng ở trong điện, trên lầu gác hơn chín mươi phòng. Tổng cộng gồm một ngàn tám trăm chín mươi bảy gian. Giường nệm vật dụng đều

trang bị đầy đủ. Hoàng đế Thiên Vũ Thánh lại thỉnh Pháp sư dịch xong kinh Bồ-tát Tạng, nhân đó vua ngự tại Xuân cung soạn lời tựa cho bộ kinh. Bài tựa nói rằng: Bởi nghe! Đạo huy hoàng đạt đến chỗ sâu xa, tinh túy dừng ở chỗ Quy văn, Hiên hậu thông ở chỗ u huyền. Sự nhã nhặn sâu xa không cùng ở nơi điểu triện. Khảo sát đan thư mà tỏ ẩn ý, hiểu được chỗ tận cùng, nghiên cứu những điều chưa rõ. Bởi chẳng phải đạo thường lạc, thì cũng vì muốn soi sáng lịch sử. Thổi lên ngọn gió mát ở tám duyên, đức độ bao gồm cả hàm linh. Kích động sóng mòi ở nơi muôn đời. Kính mong Hoàng đế bệ hạ, duỗi tay xoay bánh xe mà khuyến hóa dẫn kê viên. Chốn điện vàng thắng diệu mà thần giáo đến tận Linh Thứu. Lấy danh hiệu là Điều Ngự, chẳng thể thấy được chỗ văn tư. Do đây mà giáo lý lan truyền khắp mọi nơi, truyền âm trong tám cõi, giáo hóa khắp chốn. Đều theo khuôn phép của Tứ thiền, khiến cho Tam thiên thế giới. Trấn giữ đất nước trong khoảng trăm ức núi Tu-di. Đức sáng cả dòng sông Ni-liên, soi cả muôn dặm. Ở nơi am vườn Xá-vệ, làm xanh tốt chốn thượng lâm. Tuy là pháp tánh vắng lặng, nhưng tùy theo sự cảm nhận mà được thông suốt chỗ chân thừa nhiệm mầu sâu xa vô cùng. Cho nên Đại Quyền ngự ở vô cực, khai hóa pháp lưu mà khôn cùng. Đức Năng Nhân che chở, muôn kiếp mà vẫn không hết, thể tướng đều đầy đủ không thể nghĩ bàn. Khảo sát những điều hay đẹp của tiên vương làm sao có thể cùng năm mà nói. Rồi tự mở bày khắp cả mọi nơi. Ánh sáng còn chưa soi khắp, linh văn còn ẩn kín mà Hán vương đã cảm ứng, thác mộng tưởng vào nơi mầu nhiệm, Phổ Hậu lòng thành đem kinh về từ Bạch Mã, cùng với Mâu Chước lẽ nào cùng khắp cả bốn biển, thí như dùng ống trúc nhìn trời, thấy rõ sự sâu mầu của bảy diệu. Còn như Thánh giáo soi sáng, đức lại che khuất cả kim cương, uy càng tiêu biểu cho núi Thiết Vi. Hằng hà sa cõi nước đều thấm nhuần. Mở pháp môn giải thoát, mở ra con đường chân chánh. Long cung nói kệ Phạm âm, làm xanh tươi cả cung điện. Văn kinh chép đầy lá kinh, cũng đều gom lại thành sách. Cam lộ tưới thấm cỏ cây. Ánh tuệ vân đến cõi này che chở muôn loài. Há chẳng phải nghiệp tốt đẹp quy về mà linh cảm được bậc Thánh chỉdạy hay sao? Tạng kinh Bồ-tát đó là yếu chỉ của nghĩa tông của bậc Đại giác. Phật tu theo hạnh này mà chứng quả Vô sinh, hàng Bồ-tát thọ trì mà lên ngôi Bất thối. Sáu ba-la-mật là tư lương học đạo, bốn tâm vô lượng, năm căn ngũ lực đầy đủ, là bến bờ vượt qua bờ kia, là thuyền từ đến bờ Chánh giác.

Khoảng giữa niên hiệu Trinh Quán. Pháp sư một mình vượt qua bao trùng dương biển cả, khảo sát huyền độ ở chốn xa xăm. Văn nghĩa

quy tắc đã đồng, đạo độ cũng không ngăn trệ. Sa-môn Huyền Trang, chống tích trượng để tìm ra chân lý. Bắt đầu từ cửa ngọc môn kéo dài cho tới vườn nai tận bên Thiên Trúc, tìm cầu học hỏi các kinh điển, rồi đem trở về bổn quốc, nhận sắc chỉ phiên dịch ra, nhờ đó công đức được thành tựu. Ta nhân lúc rảnh rỗi liền đến hỏi thăm, lắng tâm nơi pháp bảo nhiệm mầu, kính thuật lại thiên chỉ. Lòng hết sức khen ngợi, bèn khiến cho quan Hữu ty viết lời bạt ở cuối quyển kinh. Đó cũng bày tỏ chút lòng tin yêu, soi sáng được pháp nghĩa sâu mầu, công đức ruộng phước không thể nào nói hết. Vua lại ra sắc lệnh cung cấp vật dụng, y phục cho Pháp sư đủ số cần dùng để dịch kinh. Đến tháng bảy sau mùa hạ, vua lại cúng dường Pháp sư một y ca sa, giá trị cả trăm lượng vàng. Xem cách chế tạo ra y này, đều không biết là loại gấm ở đâu? Trong kho của vua có rất nhiều nạp y từ các thời trước, nhưng đều không tốt lắm, cho nên vua mới bảo hậu cung làm ra y này, khi xong rồi vua rất vừa ý, phải qua nhiều năm mới được dệt xong. Vì thế, vua khi đi đâu cũng thường mang theo bên mình.

Năm thứ hai mươi hai, vua xa giá đến cung Lạc Dương, bấy giờ có Pháp sư Đạo Cung ở Tô Châu, Pháp sư Tuệ Tuyên ở Thường Châu, cũng đều là bậc cao tăng đức hạnh, thông cả nội ngoại điển, rất được tôn trọng ở triều đình. Vua cho vời, nay đã đến. hai vị cao tăng mỗi vị đều đắp y bá nạp, đó là y của vua Lương Vũ Đế cúng dường ngày trước cho tiên sư, làm vật báu truyền lại. Khi hai vị đến yết kiến long nhan thì mặc pháp phục đó.

Vua cười mà không cho đó là khéo, liền cho đem nạp y ra cho mọi người cùng xem, rồi bảo mọi người làm thơ phú để ca vịnh. Pháp sư Đạo Cung làm thơ rằng:

Ruộng phước soi muôn đức
Bậc Thánh lý càng sâu
Không sánh với lầu vàng
Mà ghi chép thành văn
Châu ngọc tự tỏ soi
Khí mây cũng rạng rỡ
Chẳng riêng lìa nơi đây
Ý đạo vẫn phân bày.

Pháp sư Tuệ Tuyên cũng làm bài thơ sau cùng rằng:

Mong được pháp phục này
Mới gọi là ruộng phước.

Ý muốn được y này, nhưng vua không ban cho, chỉ cúng dường

mỗi vị năm mươi thước lụa. Như y bá nạp này, là loại rất tuyệt đẹp, người thường không thể nào có, chỉ có Pháp sư là bậc đức độ mới có được. Lúc này, vua lại ban cho Pháp sư một bộ dao cạo tóc, Pháp sư dâng biểu tạ ân rằng:

Sa-môn Huyền Trang phục sắc chỉ vua ban cho một tấm ca-sa và một bộ đồ cạo tóc. Được ân sủng quá hậu thì lòng càng lo sợ. Như ở trong giòng nước trong xanh mát mẻ, Huyền Trang may mắn gặp được vua Thánh, cùng được dự vào hàng bạn lữ. Ba nghiệp không có giềng mối, bốn ân cũng không thể báo đáp, lạm nhìn cao, nhờ ân sâu nặng mà được pháp phục nhẫn nhục này, gấm lụa rực rỡ. Lại nhận được dao trí tuệ, sắc nhọn như ngọc dao này, dứt trừ phiền não, lại dứt hết mọi trần lao. Lòng vẫn tự quở trách mình, lại hổ thẹn vô cùng, lòng tha thiết cung gìn giữ vâng hành, tinh tấn tu niệm. Nay dâng biểu tấu tạ ân Thánh đức.

Vua lâu nay ít lo việc binh bị, do đó tâm thường được an ổn. Nay lại đến Liêu Đông đánh dẹp, gặp lúc thời tiết phong sương. Khi trở về thì khí lực không còn được như xưa, lại sinh ra lo buồn. Khi gặp Pháp sư, bèn giữ tâm theo tám chánh đạo, tu theo năm thừa. Do đó mà thân thể dần được bình phục, bèn hỏi Pháp sư rằng.

Làm công đức gì mới mang lại lợi ích nhiều nhất?

Pháp sư đáp:

Chúng sanh bị mê hoặc, nếu không nhờ trí tuệ thì chẳng thể ra khỏi sinh tử. Trồng pháp là tư lương để trí tuệ nẩy mầm. Việc mở mang chánh pháp đều do trồng người, đó chính là việc độ tăng. Đây là công đức bậc nhất. Vua rất vui mừng. Đến tháng chín mùa Thu năm Kỷ mão lại ban chiếu rằng:

Ngày trước nhà Tùy rối loạn, nên thiên hạ chịu cảnh chia lìa, bốn biển đồ thán, tám phương loạn lạc. Trẫm do đó phải đứng lên dẹp loạn, thân xông pha giữa chốn gươm đao. Ngày chịu phong sương, tối ngủ trên lưng ngựa. Nếu được chăm sóc thuốc men đầy đủ thì bệnh cũng không bớt. Mấy ngày trở lại đây mới được bình phục. Há chẳng phải là do phước thiện cảm vời mà được như thế sao? Vậy các chùa ở kinh thành và các châu huyện, mỗi chùa phải tế độ năm vị. Còn chùa Hoằng Phước nên độ năm mươi vị. Tính chung trong nước có đến ba ngàn bảy trăm mười sáu ngôi chùa, độ tăng ni hơn một vạn tám ngàn năm trăm (18500) vị. Từ trước đến nay, chùa miếu vào cuối đời Tùy đều hoang phế, tăng lữ gần như dứt bặt. Nhờ đó mà đồ chúng ngày thêm nhiều, cao đẹp thay bậc quân tử biết trọng lời đúng.

Vua lại hỏi:

Kim Cang Bát-nhã là nơi mà tất cả chư Phật đã sinh ra. Người nghe mà không hủy báng, công đức bố thí hơn cả thân mạng, chẳng phải hằng sa châu báu mà có thể sánh được. Lại thêm lý thì mầu nhiệm, ngôn từ thì sơ lược. Cho nên bậc hiền đạt phần nhiều đều ưa thích đọc tụng thọ trì. Nhưng chẳng biết đời trước phiên dịch văn nghĩa có đầy đủ không?

Pháp sư đáp:

Công đức kinh này thật như thánh chỉ đã nói. Người ở phương Tây, cũng đều ưa thích kính tin. Nay xem các kinh cũ, cũng có ít nhiều sự sai sót. Nếu y cứ theo phạm bổn, gọi đầy đủ là “Năng Đoạn Kim Cang Bát-nhã”. Cựu kinh chỉ gọi là “Kim Cang Bát-nhã”, vì muốn nói rõ Bồ-tát dùng phân biệt để làm phiền não, mà hoặc phân biệt bền chắc như kim cương, chỉ có kinh này giải thích kỹ càng. Đến chỗ “phân biệt tuệ” mới trừ hết được, cho nên mới gọi là “Năng Đoạn Kim Cang Bát-nhã”.

Do đây nên biết, cựu kinh đã làm mất đi hai chữ trên, lại thêm ở văn dưới, ba lần hỏi thì thiếu một, hai lần tụng thì thiếu một, chín dụ thì thiếu ba, v.v... như thể Pháp sư La-thập dịch ở thành Xá-vệ. Ngài Lưu-chi dịch ở Bà-già-bả.

Vua nói:

Thầy đã có phạm bổn, hãy dịch lại để cho chúng sanh nghe được đầy đủ. Nhưng bổn kinh vốn quý ở nơi lý, đâu cần phải trau chuốc câu văn mà làm cho trái nghĩa. Cho nên nay dịch lại thì nên dịch “Năng Đoạn Kim Cang Bát-nhã” rồi y theo phạm bổn mà tâu lại.

Vua rất vui lòng. Đến tháng mười mùa Đông, xa giá trở về kinh. Pháp sư cũng đi theo. Vua trước đã sắc chỉ cho quan Sở ty, xây một biệt cung ở phía Tây điện Tử Vi, đặt tên là “Hoằng Pháp Viện”. Khi Pháp sư đến ở đó, ban ngày thì vua lưu lại để nói chuyện, ban đêm trở về viện để dịch kinh. Vừa dịch kinh Vô Tánh Bồ-tát xong, lại dịch luận Nhiếp Đại thừa mười quyển, Thân luận mười quyển, Duyên Khởi Thánh đạo một quyển, luận Bách pháp minh môn một quyển.

Năm Mậu thân, Hoàng Thái tử lại ra lệnh rằng:

Việc xây dựng chùa Từ Ân đã gần hoàn thành. Nhà cửa to lớn lộng lẫy nhưng còn thiếu chúng tăng. Nay sắc chỉ độ ba trăm vị tăng. Lại thỉnh riêng năm mươi vị Đại đức, cùng vâng chỉ đến ở để hành đạo. Với ngôi đạo tràng mới xây dựng này nên đặt tên là chùa Đại Từ Ân. Lại xây một ngôi nhà riêng để phiên dịch. Nơi đây có cầu vồng bắt qua giếng, hơi mây xanh đỏ. Ngọc huỳnh vàng đá hoa văn xây chồng lên

nhau, thật là tuyệt đẹp. Nên vua mời Pháp sư dời đến đây phiên dịch. Nhưng Pháp sư đã vâng chiếu chỉ, giữ vững giềng mối chùa chiền, lại sung vào bậc Thượng tọa, lại dâng biểu từ chối rằng:

Pháp sư Huyền Trang khải tấu:

Vâng phục lệnh vua, cho Huyền Trang làm Thượng tọa chùa Từ Ân, cung kính vâng mạng mà tâm không thể lo liệu, lo sợ không thôi, ngày đêm nghĩ ngợi. Bởi Huyền Trang học lực không sâu, hạnh nghiệp lại thiếu kém, đâu dám nhận lãnh. Nhưng nhờ ân thánh đức giúp đỡ, bỏ thân học đạo khắp nơi, đem được kinh điển về nước, vâng chỉ phiên dịch. Lòng mong pháp đạo được truyền tụng, báo ân chúa thượng. Pháp sự được lưu truyền, sách sử càng soi sáng. Huyền Trang trải qua bao nhiêu nguy hiểm, lâu ngày thành bệnh, thể lực đã suy yếu, sợ không giữ được bao lâu, thành ra cố phụ ân nước, tội càng thêm nặng. Nay việc tăng ngày thêm nhiều trọng trách, loài cá chim tánh tình dễ thay đổi, bị rơi xuống thành ra mất phương hướng.

Cúi mong Hoàng Thái tử điện hạ! Ân đức giáo hóa khắp trời người, ái kính khắp nhân tâm, lòng từ cảm cả gió cây, chở che muôn dân, xây dựng chùa viện, tạo nên phước lớn, sửa sang việc chánh lý, thừa đạo Năng Nhân. Nếu không dụng tâm thì sao làm được.

Kính nguyện lòng thành soi sáng khắp nơi, do ruộng phước mở mang chánh pháp, đem lòng từ cứu giúp kẻ ngu tình, thì pháp tăng không có gì hối hận. Cá chim bị chết chìm, không khỏi động lòng thương xót. Kính dâng lên Thái tử, bày tỏ hết sự tình, mong Người soi xét.

Tháng mười hai năm Mậu thìn, lại sắc chỉ cho quan Thái Thường Khanh ở vùng Giang Hạ là Vương Đạo Tông đem ban nhạc trong cửu bộ, Vạn niên lệnh Tống Hành Chất, Trường An lệnh là Bùi Phương Sản, đốc xuất các ban âm thanh trong các huyện và cờ phướn các chùa, tất cả đều chuẩn bị thật trang nghiêm. Đến một sáng năm Kỷ tỵ nhóm họp lại ở cửa An Phước để đón rước chư tăng đến chùa Đại Từ Ân. Thế là khắp hết các ngã đường, cờ xí phướn lọng xe ngựa có hơn chín ngàn năm trăm chiếc, lộng che hơn ba trăm chỗ. Bên trong vườn có hơn hai trăm bức họa thật đẹp, Tượng bằng vàng bạc là hai trăm. Vàng bạc lụa là cờ phướn hơn năm trăm bộ, đều lưu lại tại chùa Hoằng Phước. Pháp sư đem kinh sách, xá-lợi, tượng Phật thỉnh từ bên Tây Vực về, từ chùa Hoằng Phước cho lên xe có mang lọng che ở trên, đi qua khắp các nơi. Lại ở trước tượng và hai bên đều có xe lớn trang nghiêm đi theo. Trên xe có dựng một cây tre dài, treo cờ hiệu ở sau. Lại có tượng sư tử, thần vương v.v..., đi dẫn đầu lại có năm mươi chiếc xe trang hoàng châu báu

để chở các Đại đức. Kế đến tăng chúng ở kinh thành cầm hương hoa lễ bái, tụng niệm, đi theo sau. Kế tiếp là bá quan văn võ, các tướng quân hộ vệ của các bộ châu đi theo sau. Ban nhạc Thái Thường ở chín châu, đều chia ra làm hai ban, cùng hai ban nhạc đi theo sau, cờ xướng rực rỡ, chiêng trống vang dội khắp thôn xóm, kinh thành. Dõi mắt nhìn cũng không thể thấy hết trước sau. Hoàng Thái tử sai quan xuất ý Thiệu tông phó úy là Vương Văn Huấn lãnh một ngàn binh sĩ ở phía Đông cung. Sắc cho Ngự sử đại phu là Lý Càn Hựu làm Đại sứ cùng các võ tướng coi sóc mọi việc. Vua cùng Hoàng Thái tử và cả hậu cung, đứng trên lầu cửa An Phước, tay cầm lư hương mắt nhìn ra đưa tiễn Pháp sư với niềm vui vô tận. Hai bên đường người đứng xem có cả vạn. Khi kinh tượng rước đến cửa chùa, vua ban lệnh cho Triệu Công, Anh Công, Trung Thư Trữ Lệnh, cầm hương hoa đưa vào điện, chín bộ nhạc tấu lên, ca vũ múa trình diễn ở ngoài sân xong rồi mới trở về.

Đến năm Nhâm thân vua muốn độ tăng, năm Tân mùi, Hoàng Thái tử cùng hộ vệ ra khỏi cung vào ban đêm, ngày hôm sau từ phía Nam chùa bày ra vũ nghi để đi đến. Khi đến nơi thì xuống xe bước vào, có trăm quan theo sau. Khi Thái tử lễ Phật xong rồi, thì vào gặp năm mươi vị Đại đức nói chuyện về việc xây dựng ngôi chùa. Lời nói phát ra đầy sự xúc động nghẹn ngào. Nói xong thì lên lầu của gác điện phía Đông. Khiến cho kẻ tùy sư là Trương Hành Thành vốn là người tù nay được ân xá vào chùa chế phát xuất gia.

Xong rồi cùng mọi người xuống gác lễ Phật.

Thái tử và phi tử đi qua hành lang đến phòng Pháp sư, làm bài thơ ngũ ngôn dán ở cửa, thơ rằng:

Dừng xe xem điện phước
Mắt nhìn thấy hoàng kỳ
Bánh xe pháp thường chuyển
Lộng hoa tiếp mây bay
Khói thúy hương lầu gác
Ráng đỏ sáng y báu
Cầu vồng xa tỏa sắc
An nhiên lên Thập Địa
Tự được hội ba quy.

Khi xem xong thì Thái tử liền trở về cung. Bấy giờ các tăng tục đều rất hớn hở, gặp nhau đều chúc mừng. Ai cũng cho là Đạo pháp hưng thịnh xưa nay chưa từng có.

Ngày hôm sau có sắc chỉ gọi Pháp sư trở về cửa Bắc. Tháng tư

ngày hai mươi ba mùa Hạ, vua xa giá đến cung Thúy Vi, Pháp sư và Hoàng Thái tử đi theo. Khi đến đây thì vua chỉ đàm đạo huyền luận. Tham vấn về nhân quả báo ứng, và các thánh tích ở Tây Vực cùng di phương của tiên đức. Pháp sư đều dẫn kinh điển để đáp lại. Vua rất vui mừng lãnh thọ, khi chia tay vua nói:

Trẫm gặp Pháp sư thật quá muộn, không được làm nhiều Phật sự.

Sau đó, vua trở về kinh, tuy ít có gì trái khí, nhưng vua thần lực suy yếu không còn như trước. Đến tháng năm năm Kỷ tỵ, bệnh càng thêm nặng. Vua cho gọi Pháp sư ở lại đêm trong cung. Năm Canh ngọ thì vua băng hà tại điện Hàm Phong, lúc này các quan giữ bí mật không nói ra, khi đem về kinh mới phát tang. Linh cữu quàn tại điện Thái Cực. Ngày hôm đó, Hoàng Thái tử liền tức vị bên tử cung, đổi niên hiệu là Vĩnh Huy. Dân chúng đều khóc than buồn bã như cha mẹ mất. Pháp sư trở về chùa Đại Từ Ân, từ đây về sau chỉ chuyên về việc dịch kinh, không bỏ qua thời gian. Mỗi ngày, Ngài tự lập thời gian. Nếu ngày nào có việc gì không hoàn thành thì làm luôn cả đêm. Sau đó, mới dừng bút xếp kinh lại. Ngài lễ Phật hành đạo đến canh ba mới đi ngủ, canh năm đã thức dậy. Tiếp tục đọc bản tiếng Phạm và đánh dấu thứ tự, để sáng ra thì bắt đầu dịch. Mỗi ngày hai thời sau giờ thọ trai xong và lúc hoàng hôn Ngài đều giảng lại kinh luận mới phiên dịch, cho chư tăng từ các châu tới học và giải quyết nghi ngờ hỏi nghĩa.

Chư tăng nhận lãnh trách nhiệm việc tăng, thường đến đây thưa hỏi. Lại có vị làm các việc công đức, trước sau tạo được mười bộ Nhất Thiết Kinh. Tượng Phật hơn hai trăm vị, cũng do Pháp sư tiến chỉ mà được đệ tử trong chùa cả trăm vị, đều thỉnh Ngài chỉ dạy.

Ngài dạy bảo phân xử các việc không sai lầm. Tuy việc chúng bận rộn, mà thần khí vẫn ung dung không hề mệt mỏi. Ngài còn cùng các Đại đức nói về các bậc thánh hiền ở phương Tây lập nghĩa các bộ kinh. Mấy năm ở tại đây Ngài thường đi các nơi giảng kinh. Những lúc bàn luận cao hứng mà vẫn không mệt mỏi, lại siêng năng mạnh mẽ hơn người. Các vị vương công, khanh tướng cũng thường đến lễ sám, được ngài khuyến hóa mà phát đại tâm, không ai chẳng khen ngợi, cung kính Ngài. Tháng giêng năm Nhâm dần, Thứ sử Doanh Châu là Cổ Đôn Trách Thứ Sử Bộ Châu lý Đạo Dụ. Thứ Sử Cốc Châu là Đỗ Chánh Luân, Thứ sử Hằng Châu là Tiêu Duệ Nhân, tất cả đều triệu tập về kinh, khi công sự rảnh rỗi thì cùng nhau đến tham kiến Pháp sư và xin thọ giới Bồ-tát. Pháp sư liền truyền giới cho họ và nói về hạnh Bồ-tát. Ngài

khuyên mọi người hết lòng vì nước tận trung với vua và từ ái với mọi người, với dân chúng. Cácvị đều vui mừng, từ biệt ra về. Đến năm Quý mão, các vị đem tịnh tài cúng dường và viết thư tạ ơn tham yết Pháp sư và được nghe giới pháp, thư viết rằng:

Trộm nghe thân thể phải được ăn uống, Đức Như Lai còn thọ bát sữa Thuầ-đà cúng dường, mà được pháp vô sở cầu. Ngài Tịnh Danh bèn thỉnh bậc Thiện đức, đều là muốn nói rõ lý thường hằng, nêu bày pháp không hai của phàm Thánh. Lại vì căn cơ mà tiếp độ muôn sinh, mượn các tướng mà mở mang đạo pháp, đó là người biểu thị lòng chí thành trọng pháp. Người thọ giới vì phước báo hạnh đàn, há gọi là tâm duyên ở đây kia, đem tình mà nhiễm vào chốn danh lợi hay sao? Cúi mong các bậc cao đức trồng cội đức vốn không ở nơi hai, bốn, năm vị Phật mà sâu đạt được pháp tướng. Khéo thông hiểu từ một đến mười hai bộ kinh, mà riêng ngộ được chân tông, xa tìm được thánh tích, du hóa ở tịnh độ quật sơn, được tắm mình trên dòng sông Hằng thanh khiết. Nhập sâu vào pháp giới, cầu thiện tri thức. Thu được chỗ chí văn hơn cả trăm đời sau. Tham cứu huyền chỉ nơi muôn đời trước. Bờ bến giác ngạn không sáng cũng không tối. Cùng đem ra ban bố cho tất cả mà cũng không trước, không sau. Trong chỗ sâu xa che lấp cả hai không, nghiệp luân trong ba cõi. Cũng như tằm nhả tơ rồi tự buộc lấy. Như giếng sâu không thể đo lường được. Tuy vậy, thuận theo lời dạy mà sinh tín tâm, tùy duyên mà ngộ giải, rồi đảnh lễ quy y thọ trì bốn câu, ẩn thân mà an tọa, nhàm chán nơi vô minh, gần thì mê chánh lý. Chưa thể tự thân ngộ được Phật tánh, biết được cảnh giới Duy thức, tâm chẳng phải vô khứ, nghĩa thì chấp hữu vô. Không thể từ tám tà mà nhập vào tám chánh, hạnh chẳng phải là đạo mà thông được Phật đạo. Thí như lội giữa biển mà không thấy bờ, quay mặt vào tường làm sao thấy được. Hôm qua nhân lúc rảnh rỗi, được đến đây tham học thọ trì, lòng mong được tiếp dẫn, cho thọ giới Bồ-tát, được ân thí pháp chưa từng có. Do đây mà phát tâm đạo Vô thượng, một niệm phá bỏ vô minh. Đạt được bốn tâm vô lượng, gieo được hạt giống Bồ-đề, ra khỏi trần lao. Ở trong lửa mà mọc lên hoa sen, sao chẳng đủ để làm dụ. Mới biết tự tánh của Như Lai là thế gian, quả vị Niết-bàn chẳng khác với sinh tử. Thực hành pháp Bát-nhã chính là không hành, đắc "Bồ-đề" đó gọi là Vô đắc. Hàng tiểu cơ được dự nghe chánh giáo, lãnh thọ suy nghĩ, thì sẽ được vô lượng vui mừng. Nhưng kinh pháp đàn nhiếp nghĩa trong sáu độ, mà pháp thí thì nhiều, về tôn vị thì từ một đến ba sư, dùng pháp Từ làm lợi ích chúng sanh. Tuy muôn loại vô tâm với nhật nguyệt, mà sự chiếu sáng ân đức vẫn cảm ứng đến

loài cây cỏ. Bậc Đại sĩ nghe pháp tổn thân bỏ mà chẳng màng, Đồng tử thấy Phật mà cúng đất, liền cảm ân sâu. Một chút vật mà biểu lộ được tâm thành, do đó mà được ruộng phước, Phật thọ vật nhỏ mà tùy ý giữ lại. Khiến cho thêm giọt sương trong biển cả, càng thêm sâu lắng. Như bụi trần bay vào núi, họp cùng Tu-di mà trở thành vững chắc, về lâu dài mà thành ra to lớn. Thật là may mắn. Cái lạnh mùa xuân vẫn còn, xin dừng lại nghỉ ngơi. Kính cẩn xem thơ trắng, dù không đầy đủ.

Bọn ông Cổ Đôn Trách là bậc hiền triết của triều đình mà sao lại tôn kính như thế. Đến tháng ba mùa Xuân năm thứ ba, ở phía Nam cửa chùa Pháp sư muốn lập một ngôi tháp bằng đá, để an trí các kinh tượng đem từ Tây Vực về. Ý Ngài sợ việc thời đại bất thường, kinh điển có thể bị thất lạc, và cũng đề phòng việc hỏa hoạn. Ngôi tháp này cao khoảng ba mươi trượng. Đây cũng muốn tỏ rõ sự tôn kính Đạo pháp của đại quốc. Vì muốn giữ gìn thánh tích của Phật nên xây dựng ngôi tháp này. Ngài dâng biểu tâu lên, vua sai Trung thư lệnh xá nhân là Lý Nghĩa Phù đến bảo với Pháp sư là:

Thầy muốn xây ngôi tháp bằng đá, công sức thật nhiều sợ khó mà thành tựu, vậy nên dùng gạch làm cũng được. Như thế cũng không để thầy phải lao nhọc. Nay ở Đông cung trong Đại nội có bảy cung còn trống. Y phục vật dụng sẽ trợ duyên cho thầy đầy đủ, dùng ngói gạch sửa sang lại mà đổi thành Tây viện. Làm nền tháp mỗi mặt là một trăm bốn mươi thước, mô phỏng theo cách thức Tây Vực mà làm, không cần theo nghi thức cũ ở đây. Tháp có năm tầng, đều theo kiểu vòng tròn lộ mặt ra, cao một trăm tám mươi thước. Mỗi tầng ở chính giữa đều có xá-lợi, hoặc một ngàn, hai ngàn cho đến hơn một vạn viên. Tầng trên hết làm ngôi thất bằng đá, mặt phía Nam có hai bia đá, ghi lời tựa về ba tạng thánh giáo của nhị thánh. Nét bút này là do quan Thượng thư tả bộc xạ ở Hà Nam là Trữ Toại Lương v.v.... Ngày mới đào nền tháp, Tam tạng Pháp sư tự kể lại sự chí thành phát nguyện. Lược nói rằng:

Huyền Trang tự nghĩ mình phước mỏng, sinh ra không gặp Phật. Nhờ có chút gốc lành được dự phần vào đời Tượng giáo này. Nếu sinh vào đời Mạt pháp thì làm sao biết chỗ quay về. Lại nhờ được xuất gia từ thuở nhỏ, sớm thấy được tánh linh. Còn nhỏ mà đã hiểu Phật pháp, tai nghe lời dạy bảo, nghe các việc tu hành của Bồ-tát, lòng liền nghĩ cũng có thể như thế.

Từng nghe các pháp sở chứng của Như Lai, kính mong ở thân tâm. Cho nên cầu học trải qua các bậc Tôn sự, thọ lãnh các vị học rộng tiên đạt. Lòng tin vào giấc mộng của vua Hán Vũ Đế, từ đó cảm được chánh

giáo truyền đến Đông Độ. Sự truyền đạo còn trắc trở xa xăm, cho nên các vị chuyên môn lại thường chấp giữ cạnh tranêntf bị dính mắc trong tông phái nhị thường. Cùng một giáo pháp mà sự tuyền đạt khác nhau, cho đến mất đi yếu chỉ Nhất thừa. Do đó mà khiến cho ngươì sau truy tìm học hỏi. Lại không biết phương hướng để tìm. Cho nên xoay mặt về núi Linh Thứu lòng càng thương cảm. Đêm thường thao thức buồn khóc, giả như ngủ say. Rồi chỉ biết cầu nguyện có vị vua Thánh ra đời hiển bày quốc uy. Bèn quyết chí một lần sang xứ Tây Vực. Đem thân vào chốn nguy hiểm muôn lần tưởng chết mới đến được thánh tích của Phật. Rồi đi cầu kiến các nơi tham vấn các vị hoằng pháp, cầu học chánh thuyết, để được thấy những điều chưa thấy, được nghe những điều chưa nghe. Cho nên muốn dùng thân xác còn lại này viết lại kinh điển còn thiếu sót. Do nguyện lực chí thành, quy hướng bổn triều may mắn gặp được thánh đức, ban chiếu cho phiên dịch. Trước Hoàng Đạo, cưỡi qua kim luân, trống ngọc vang rền. Nhờ lòng thành mà được gửi gắm, làm hưng thạnh đời tượng quý, từ lòng trung mà xét được ba tạng. Nay ở cung Thượng Xuân giảng đạo, và thuật lại những nơi thánh tích. Có thể gọi là ánh đạo quang hợp với ngọc bích, chấn cả xứ Trung Hoa này. Từ Bạch Mã ở Đông Đô cho đến Thảo Đường ở Tây Minh, sự phiên dịch truyền đạo rất hưng thạnh, đâu thể nói cho hết được. Nhưng vì sinh linh phước mỏng, sợ rằng ba tạng chữ Phạm ý nghĩa khó rõ, thiên văn của nhị thánh vắng lặng không ghi lại cho nên xin sửa sang lại tháp báu để an trí phạm bổn và làm bia ký để ghi lời tựa. Như thế mới được lâu dài. Nguyện chư Phật đồng quán thấy được thánh tích, cùng với Nhị nghi che chở vững chắc. Cho nên ba tạng được Thánh đế cho xây dựng nơi chốn để gìn giữ. Công việc nay đã hoàn thành. Tháng năm mùa Hạ năm Ất mão, các vị Đại đức như Trí Quang, Tuệ Thiên ở chùa Ma-ha Bồ-đề ở Trung Ấn Độ, gởi thư đến cho Pháp sư. Ngài Trí Quang thông đạt hết các pháp, học Đại, Tiểu thừa và các sách ngoài như bộ Vệ-đà, bốn thư, năm minh v.v... Ngài chính là đệ tử đứng đầu của Pháp sư Giới Hiền. Học giả ở năm xứ Ấn Độ đều tôn sùng Ngài. Còn Tuệ Thiên đối với mười tám bộ kinh Tiểu thừa đều học tập thông suốt. Hai vị đều có tài đức và cũng rất kính trọng Pháp sư khi Ngài sang Tây Vực, thường tham vấn rất thân thiết. Hai vị tuy có công với bán giáo, nhưng chưa để tâm vào Phương đẳng, vì còn chấp trước biên kiến. Pháp sư vẫn còn quở trách. Khi học pháp ở thành Khúc Nữ, Ngài lại càng bẻ gãy, các vị cũng hết sức quy phục. Sau khi từ biệt, lòng kính phục của chư vị đối với Pháp sư cũng không mất, bèn sai một vị Tỳ-kheo lớn trong chùa đem

thư đến, hết lòng khen ngợi Pháp sư, thư nói rằng:

Thế Tôn ngồi trên tòa Bồ-đề vi diệu tốt đẹp. Nơi chùa Ma-ha Bồ-đề các đại chúng học rộng cùng vây quanh. Thượng tọa Tuệ Thiên kính cẩn gởi thư cho Pháp sư nước Trung Quốc. Kính mong Pháp sư ít bệnh ít não, đối với vô lượng kinh, luật, luận đều tinh tường đạo mầu, Mộc-xoa A-già-lợi-da, kính hỏi vô lượng. Tôi là Tỳ-kheo Tuệ Thiên, đã tạo Phật Đại Thần Biến Tán Tụng và kinh luận Tỳ-đàm Trí cùng các kinh khác, nay nhờ Tỳ-kheo Pháp Trưởng đem đến. Nơi đây có các bậc lão Đại đức học rộng, trí tuệ thật thông suốt. Nay cùng gởi một bộ lụa trắng, nói về tâm bất không. Đường xa xin chớ chê trách. Nguyện xin nhận lãnh. Lại đem ít kinh sách, luận tạng sao chép từ Mộc-xoa A-già-lợi-da, cúi xin biết cho. Ở đây vì lòng kính mến bậc hiền triết ở xa.

Đến tháng hai mùa Xuân năm thứ năm, Pháp Trưởng từ tạ trở về. Pháp sư liền viết thư đáp lại, nói đã nhận được tín vật. Ngài cũng viết sớ tâu lên vua. Thư nói rằng: Bí-sô Huyền Trang nước Đại Đường kính cẩn dâng thơ lên Tam tạng Pháp sư Trí Quang nước Ma-yết-đà ở xứ Trung Ấn Độ. Thấm thoát từ lúc giã biệt đến nay đã hơn mười năm, cảnh vật xa xôi, âm thanh lại lặng tiếng, chút tình lưu luyến nói sao cho cùng. Từ lúc Tỳ-kheo Pháp Trưởng đến viếng thăm, biết rằng quý vị vẫn bình an mạnh khỏe, bỗng nhiên như mắt được sáng, như thấy được tôn nhan, lòng thật xúc động. Bút đen khó nói cho hết được. Thời tiết cũng đang ấm dần. Nếu không xét lòng tin, về sau như thế nào? Năm trước khi tôi trở về nương vào chánh pháp tạng, nay Đại Pháp sư đã vô thường không còn nữa.

Than ôi! Đáng gọi là khổ hại đắm chìm, con mắt của trời, người đã nhắm, sự dời đổi đau đớn này vì sao lại quá mau chóng? Ngài Chánh Pháp Tạng đã trồng sâu gốc lành, công đức thật muôn kiếp, cho nên sẽ được ngộ vào cảnh giới lành. Ngài Chánh Pháp Tạng vốn nối đức Thánh Thiên, kế bậc Long Mãnh trí tuệ càng thêm tỏa sáng, lập lại cờ pháp, lửa bốc cháy trên ngọn núi tà, lấp kín hồng lưu nơi biển đảo, sách tấn đồ đệ đang mỏi mệt đối với đảo châu báu, chỉ bày cho chúng sanh mê lầm ở đại phương, thật là mênh mông, thật là cao cả! Đây cũng thật là pháp môn mầu nhiệm.

Lại như giáo pháp Ba thừa và các sách nói về dị đạo đoạn thường, không có loại nào không thông suốt trong lòng. Văn chương nghĩa phú lý ẩn kín mà lại soi sáng, cho nên mọi người trong và ngoài nước đều quy hướng theo về. Ngài là bậc Tông trụ của xứ Ấn Độ. Ngài thường dùng lời khuyến hóa người suốt ngày mà vẫn không mệt mỏi. Huyền

Trang ngày trước nhân đi tham vấn hỏi đạo mà gặp Ngài nhờ đó được dạy bảo. Tuy là hạng tầm thường cũng y theo đây mà trực ngộ. Sau đó từ tạ trở về bổn quốc, lòng càng nhớ sâu sắc. Bao lời dạy tha thiết của Ngài nay vẫn còn bên tai.

Kính mong Pháp sư đã được thừa lãnh lời dạy bảo, sớm lên ngôi Đường thất, đem chút tình lưu luyến, nên khó ở lại. Vì sao? Vì đây là pháp Hữu vi, nguyện xin ra khỏi. Ngày xưa, khi bậc Đại giác nhập diệt, ngài Ca-diếp nối truyền pháp đạo. Ngài Thương-na giáo hóa khắp nơi. Ngài Cúc-đa mở mang chánh lý, cho nên ngày nay pháp tướng đều trở về chân, Pháp sư đảm nhiệm truyền thừa, xin nguyện đem lời thanh từ khéo biện, truyền bá khắp bốn phương, phước trí đều được trang nghiêm. Được lâu dài cùng với năm núi. Ngài Huyền Trang từ khi mang kinh luận về, đã phiên dịch luận Du-già-sư-địa cả Đại, Tiểu hơn ba mươi bộ. Bộ Câu-xá, Thuận chánh lý dịch vẫn chưa xong, nội trong năm nay sẽ xong hết. Đó chính là ngày mà Thiên tử Đại Đường được thánh thân muôn phước, muôn sự an khương. Dùng lòng từ của bậc Luân vương, mở mang giáo hóa của Đấng Pháp vương, cho nên việc phiên dịch kinh luận này, mong được Thánh quân viết lời tựa. Rồi khiến các quan Sở ty sao chép truyền bá khắp nước. Cho đến các xứ Liên bang, cũng lấy đây mà nhóm họp theo. Tuy rằng đang bước qua giai đoạn cuối thời Tượng pháp mà pháp giáo vẫn tỏa sáng khắp nơi. Hòa nhã mà vẫn sâu xa, chẳng khác gì nơi Phật giáo hóa là Thất-la-phiệt, rừng Thệ-đa ngày nào.

Cúi mong xét biết! Lại trước kia khi vượt qua sông Hằng bị mất một số kinh. Nay viết lại các kinh ấy để sau có thỉnh mà được phụ vào. Còn nếu có chút vật cúng dường, nguyện xin nạp thọ, đường xa nên thỉnh không nhiều, xin chớ chê ít nhiều.

Ngài Huyền Trang kính lễ, lại đáp thư cho Pháp sư Tuệ Nhiên rằng:

Pháp sư Huyền Trangín Đại Đường kính cẩn gởi đến Tam tạng Pháp sư Tuệ Thiên chùa Ma-ha Bồ-đề, từ ngày chia tay đến nay đã mấy năm lòng mong đợi càng sâu. Âm ngữ đã không thông, nỗi lòng càng gắn bó. Rồi Tỳ-kheo Pháp Trường đem thư đến, lòng kính cẩn vui mừng càng tăng lên gấp bội. Còn nhận của Ngài hai tấm lụa trắng, một bộ lễ phục, biết ý Ngài đối xử quá sâu đậm, nghĩ mình đức cạn, hổ thẹn thật khôn cùng, thật là lo sợ, lo sợ. Nay thời tiết đang dần hòa hợp, chẳng biết Ngài hậu thể như thế nào? Đem tâm sáng suốt mà nói cả trăm nhà, nói kinh trong cả chín bộ, xây dựng đạo tràng chánh pháp. Dẫn dắt

khách quy tông, bay liệng ở trước bậc vương hầu, tôn kính người tài hoa, cho nên xa gần đều tìm đến.

Huyền Trang là kẻ tầm thường, khí lực cũng đã suy, lại càng nhớ ân đức của Thánh quân, chỉ biết cố gắng, ngày trước nhân đi du hóa đến xứ Tây Vực mà thấy được Quang Nghi. Nơi thành Khúc Nữ lại được bàn luận với các vị Tôn đức. Nên đối với các vị quân vương và trăm ngàn đồ chúng lòng càng kính trọng. Do đây mà tạo ra được yếu chỉ Đại thừa, lập ra các tông giáo. Trong thời gian ở đó, từ khí thì chẳng có hơn kém, mọi việc làm đều thuận theo chánh lý, chứ không theo ý muốn con người. Từ đó về sau lòng thường thông suốt, đến nay vẫn còn truyền tụng.

Pháp sư viết thư từ tạ, lòng thật tha thiết biết bao. Pháp sư học rộng, lời ý thanh tao, chí hướng sâu xa vững chắc. Như nước A-nậu-đạt không thể so với sóng. Viên châu mạt-ni thanh tịnh cũng không đủ trong khiết. Sau đó, tiến hành các nghi biểu, gửi gắm lại bậc cao nhân, nguyện làm sáng tỏ thanh quy, mở mang chánh pháp, còn như lý cùng ngôn tận, không vượt qua Đại thừa. Ý có vẻ hận Pháp sư nên chưa có lòng tin sâu sắc, cho nên ham vui theo trần cảnh bỏ mất chánh đạo. Thường xuôi theo nhân tình, lìa bỏ pháp bảo. Dù là bậc Đại đức minh minh, làm sao không bị hoặc nghiệp này làm cho ngưng trệ? Lại thân này chẳng khác nào như ngói gạch, hư hoại khó giữ được lâu dài, nên sớm phát đại tâm, trang nghiêm chánh kiến, chớ để đến lúc gần qua đời mới hối hận. Nay đã được trở về bổn quốc, kính cẩn thay cho lòng chí thành xin dâng lên ít lễ vật, bởi muốn nói lên tình ý qua lại, dù chưa tỏ hết thâm tâm. Nguyện xin rõ biết cho. Từ khi vượt qua sông Hằng bị thất lạc một số kinh, nay ghi ra đây, xin thỉnh đem về cho đủ số, còn những việc khác không thể nói hết. Bí-sô Huyền Trang xin kính cẩn trình lên.

■

TRUYỆN TAM TẠNG PHÁP SƯ CHÙA ĐẠI TỪ ÂN, ĐỜI ĐƯỜNG

QUYỂN 8

BẮT ĐẦU TỪ THÁNG NĂM MÙA HẠ, NIÊN HIỆU VĨNH HUY NĂM THỨ VI DỊCH LUẬN LÝ MÔN, ĐẾN THÁNG BA MÙA XUÂN NĂM HIỂN KHÁNH NĂM ĐẦU, TRĂM QUAN DÂNG BIỂU TẠ, VUA SOẠN VĂN BIA CHÙA

Tháng năm mùa Hạ năm Canh ngọ, niên hiệu Vĩnh Huy năm thứ sáu, Pháp sư đang dịch các bộ khác, lại bắt đầu dịch luận Lý Môn. Trước kia trụ chùa Hoằng Phước đã dịch luận Nhân minh. Hai bộ này mỗi bộ một quyển. Đại minh lập ra để phá khuôn phép hiện có của Tỷ lượng môn. Các vị tăng đồng liêu lại đua nhau soạn văn sớ. Lúc dịch kinh thì tăng Thê Huyền truyền bộ luận đó cho quan Thượng dược phụng ngự là Lữ Tài. Tài bèn xem lại và chỉ ra những đoạn dài ngắn, viết chú giải cho luận Nhân Minh để lập phá nghĩa.

Lời tựa rằng: Bởi nghe một lần diệt mất thì một lần tăng lên, cũng nằm trong trời đất. Thật là cao lớn! Biến hiện thật vô cùng. Lý thì chưa vươn ra bên ngoài, sự thì còn ở trong cõi này. Làm vẫn đục tinh chất ban đầu mà không biết, cùng khắp cả âm dương mà không đo lường được.

Còn khai triển pháp môn tám chánh đạo. trước là nói về hình khí, lại nói rộng về giáo của hai trí.

Cho nên có thể vận từ "không, hữu" mà biến chiếu, soi chân tục mà chia hai, nhận chìm sáu cõi trong biển ái dục, ngồi ba xe vào nhà lửa. Cho nên pháp lực của Đấng Pháp vương vượt thoát khỏi chúng sanh mà được từ tại. Tự giác, giác tha, hàng phục các ma mà được giác ngộ. Nghiệp vận từ đây phát khởi, hóa duyên ở cõi này, mở mang pháp mầu. Cũng do lửa diệt mà củi hết, xem hết mọi kỳ tính từ trước đến nay. Xét rõ sự chân thường này, vốn không có sinh trụ. Nhưng Đạo pháp mở mang truyền bá khắp nơi, có duyên thì ứng hiện. Bậc tiên tổ Minh Đức, không xa cũng không đến, nhân duyên gieo từ đời trước, thần quang soi

sáng đã bao đời, mới gặp được nơi chốn quay về hôm nay.

Cúi mong! Thiên đế của nhà Đường, Vận kim luân mà đến bốn cõi. Che chở muôn đời mà phủ dụ muôn dân. Mặt trời tuệ chiếu trong sáu tầng trời cõi Dục, che phủ mây pháp khắp Thập Địa. Tây Vực xa xôi, là cảnh diệu lạc vô cùng. trời đông soi dần về biển cả, khắp kinh thành đều vui mừng. Chấn thanh giáo khắp vô biên, thông kinh giáo ở trên Hữu Đảnh, khiến cho trăm ức Tu-di, đều cảm hóa mà quay về. Ở Tam thiên thế giới, cũng thấm nhuần ngọn Hoàng Phong vì vậy mà năm phương Ấn Độ, sửa đổi chốn hoang sơ thành nơi thông suốt. Mười tám Đức Vi-đà, dịch văn Phạm ở phủ thần, do đó mà có Pháp sư Tam tạng Huyền Trang, đó là bậc Năng Nhân thời nay. Ngài là bậc thông tuệ từ bao đời đã thành thục, là bậc hiểu rộng thấy xa, đức hạnh thuần khiết, giới luật tròn đầy. Thật là rường cột của Tam bảo, là giềng mối của bốn chúng. Bởi thấy thích giáo khai hóa ở Đông Độ này đã lâu, lại cũng sợ tà chánh lẫn lộn, nước sữa khó phân. Nếu không thấy được thật tướng ở đất Phật, nghiệm chân văn ở nước Ma-kiệt thì làm sao ba tạng được quyết định, đạt tông đạo đến chỗ rốt ráo, may mắn gặp được hai nghi giao hòa, bốn hải bất nhiễm, bèn phất y đến những nơi huyền đạo xa xôi, chống tích trượng đến nơi thống lãnh. Đến tận sông Hà ở Tây Vực, đến cuối dòng ở chốn đông duy, hái lá bối trên núi Linh Thứu. Thấy Kim Văn nơi rừng hạc. Trải qua các nước, cả trăm chốn kinh đô đem được kinh tạng gần bảy trăm bộ, về phiên dịch ở Thượng Kinh. Do đó mà thấy được thánh nhan đối mặt với tông cực.

Luận Nhân minh này, chính nằm trong phạn bổn của ba tạng, lý thì bao gồm trong ba thừa, sự thì chứa đựng cả trăm pháp, nghiên cứu hết mọi lẽ hữu không, phát huy các tông phái trong ngoài, tuy ngôn từ đại khái mà lý lại rộng sâu. Văn tuy sâu kín mà nghĩa lại rõ ràng cho người dễ đọc. Vì người đời nay không hiểu hết mọi yếu nghĩa. Người học đi du phương bao năm cũng chưa đủ so lường hết nguyên ủy. Nếu muốn rõ hết yếu môn mầu nhiệm thì trước phải phiên dịch. Gồm có các vị như: Pháp sư Thần Thái, Pháp sư Tĩnh Mại, Pháp sư Minh Giác, v.v... đều dùng thần cơ triết học của mình, chí nghiệp đều thông đạt. Thấu suốt cả ba tạng, phần nhiều thông ngộ. Thế là được sắc chỉ vua vời đến, đồng đến pháp diên, làm nhiều lợi ích. Các Pháp sư Tam tạng đã khéo nói pháp yếu, hiểu tận nguồn chân. Nên cùng sao lục lại văn tự, sớ lại nghĩa lý, chỉnh lại rõ ràng mới đem ra truyền bá.

Thế là các vị già trẻ đủ đức đủ tài cùng ở trên non xanh, thường qua lại chốn sơn môn, cùng với các quan ở kinh đô, các học sĩ ở khắp

nơi. Tự mong tu nhiếp hơn ba mươi năm, lòng chí thành tha thiết, hai nạn cũng tiêu tan. Nhưng Pháp sư tiết tháo tinh khiết, giới hạnh tinh nghiêm, học hạnh thông suốt, đạt đến Nhất thừa, thân chẳng câu nệ ở nơi Thập tụng, tài đạt đến chỗ tinh cần.

Bấy giờ, mở đạo tràng phiên dịch, nhưng vì trong ngoài khác nhau, hạnh giải cũng khác. Trong lúc bàn luận, phải trái lại phát sinh. Pháp sư bèn mời các vị có tài đến nói:

Đàn-việt phải nghiên cứu hết sáu kinh, tham kiến trong trăm họ, điều khiển hàng phục cả âm dương, xét điệu hát mà hiểu được môn sự.

Lại nghe lúc bình sinh chưa thấy được Thái Huyền, bèn triệu đến thưa hỏi giây lát thì đều hiểu thông. Nếu người chưa thấy được chân lý, thử tạo trong vài tuần thì thành. Vì tâm người hữu hạn, gặp việc liền muốn xuyên tạc. Nhưng Phật pháp mầu nhiệm khôn cùng, vì chưa đồng tâm kia. Tuy người thích sưu tầm học hỏi, sợ rằng khó mà thi thố được. Cho nên nay còn phiên dịch nội luận, để mong cho người được thấy?

Sau đó, Pháp sư lại gặp Nhân Minh thấy nghĩa lý thật sâu xa, cho nên bèn viết lại, để khai thông cho người sau, bèn viết thư nói rằng: Luận này rất khó nghiên cứu đến chỗ cùng tận. Ví như người thông minh học rộng nghe nhiều cũng khó lý giải được. Nay nếu các sư đều thông suốt, thì được gọi là trong ngoài đều tỏ. Luận này trong mùa hạ sẽ xong nhưng vì tài năng chưa đủ, nên vẫn hổ thẹn chưa dám công bố ra. Nếu được các học giả duyệt lại, thì nghĩa lý càng thêm sâu sắc. Nếu so sánh mà cầu đạt được mọi lý lẽ mầu nhiệm, thấu suốt hết tông chỉ, sau lại nhờ các Pháp sư giải nghĩa thêm mới được tường tận rõ ràng. Nhưng tuy các vị Pháp sư văn lý hội thông, nhưng còn kiến chấp, cho nên tự mình mâu thuẫn, nghĩa đồng lãnh thọ ba tạng, mà sự nghiêng về một bên vẫn tạo ra bao sự khác nhau.

Nhưng Phật giảng nói pháp âm, là tùy theo căn cơ chúng sanh, đâu riêng chỉ người tại gia, không phân biệt chúng sanh. Tài của Pháp sư có dư, nên khi chú giải luận này, các vị Pháp sư đều cho là phải. Do đó mà được thành tựu. Nếu có ai nghi ngờ, thì nên lập luận mà phá, chia làm ba quyển thượng, trung, hạ, gọi là "lập phá chú giải".

Các vị viết thành "Mặc Thư", tức là văn này của luận. Còn chú giải "Chu Thư" (Sách đỏ) các vị sư gọi là Cựu thuyết, lời văn chú giải "Mặc Thư" về sau, chính là những lời soạn mới bây giờ, dùng các nghĩa trước kia mà các Pháp sư đã quyết trạch. Gồm có hơn bốn mươi điều. Từ khi sáng lập về sau vì chưa đủ duyên, nên văn lý ẩn mất khó thấy được.

Nhưng họa thành nghĩa lý, cùng nhau so sánh, chọn riêng ra một bản, đó là bản chú luận gần đây, ngoài ra không còn ai chú giải. Thật chẳng phải là chuyện đầu đường xó chợ, hoặc do lời nói mà biết, bởi chẳng phải do tài năng thật sự. Nhưng dùng sở học mà không cầu thỉnh, còn gọi là truyền đăng, nghe một biết mười mới gọi là người thông minh, huống chi lúc bình thường không thấy, lúc gặp việc lại chần chờ. Nay đã không nhờ vào thầy, mà sự chú giải lại không lầm lộn, thầm nghĩ ở trên đỉnh núi Tuyết, có Dạ-xoa nói pháp sinh diệt, ở nơi hang động loài dã thú nói kinh Vị Tằng Hữu. Một lời nói hợp lý, còn được Thiên tiên quy kính, người tài đức chú giải, thì có được mấy vị. Các Pháp sư có thể quên việc nhỏ nhặt của Hồ Quỷ, nghĩ tới pháp vị thì vẫn tôn trọng, thấy việc lành thì theo, không câu nệ là chân tục. Đó chính là đạo của Như Lai.

Nếu không đọa vào cõi này, mở mang Phật pháp sâu rộng cho mọi người thì làm sao có được lẽ chân thường, tức là tâm chưa quên đối với nhân ngả, nghĩa cũng không xét đối với phải trái. Tài cũng không thể ngăn ngại, là còn nghĩa đến việc dịch ra ba tạng.

* Tháng bảy mùa Thu năm Kỷ tỵ, khi Pháp sư đang dịch kinh thì Sa-môn Tuệ Lập nghe rất cảm mến, nhân đó viết thư cho quan Tả bộc xạ là Yên Quốc Vu công nói về các điều lợi hại rằng: Tuệ Lập nghe sự lập giáo của chư Phật, văn ngôn sâu xa, ý nghĩa lại rộng khắp, tròn đầy rộng lớn thật vô cùng, làm lợi ích cho muôn loại chúng sanh ở trong cõi trầm mê này, nói rõ tánh tướng của chân như, ở trong Thập Địa mà vẫn còn mê, nói nhân duyên các pháp vô sinh mà vẫn còn tối tăm, huống chi những kẻ còn lầm lạc trong tám tà, đắm chìm trong bốn đường, mà muốn luận giải nghiên tầm mọi lẽ đồng khác của tông môn, há chẳng phải là luống dối sao?

Thấy rằng chùa Đại Từ Ân có được Pháp sư phiên dịch để tạo nền móng cho đạo pháp. Trí lực đã sớm thành, hạnh giải đều cao siêu, trong sạch, nắm giữ giềng mối cùng qua lại trong cõi Thánh, vâng theo lời mầu nhiệm, giữ ba tạng ở trong lòng, ôm cả bốn sinh trong lòng bàn tay, giữ cờ xanh ở trong túi tuệ, tạo khuôn phép cho ngày nay, thật là thuyền từ cho thế gian, tạo gương mẫu cho rừng thiền. Ngài phiên dịch thánh giáo hơn ba trăm quyển. Trong đó có tiểu luận tên là Nhân Minh, đem yếu chỉ này ra để luận đối với tà thuyết. Tuy chưa đạt được yếu chỉ của Thiền môn, nhưng cũng dần đạt được chỗ hiểu biết.

Gần đây có nghe Quan Thượng Thư Dược Lữ, vì có bọn người thường, trộm ngôn luận của các sư, soạn ra Nhân minh đồ, giải thích

nghĩa của tông Nhân minh, không thể đạt đến chỗ tinh ngộ, thích khởi khác mối, dối tìm tiếng tăm, nên càng xuyên tạc thanh đức. Tự mình ngã mạn, tự khoe mình trước hàng công khanh, dương dương tự đắc trước mọi người, không thẹn với nhan hậu, chẳng nhọc trước thần lao, trải qua thời gian sự tình càng mờ nhạt.

Nhưng phụng sự việc thế tục ít có lúc rảnh rỗi, làm sao gọi là chân tông rõ được, chẳng khác nào như loài chuột nhắt chui qua lỗ bếp mà cho là chẳng khó. Loại sâu nhện thấy cây gai mà cho là lưới. Đó cũng gọi là cái lưới của cây dâu, do không lường được bờ bến làm sao dứt ra được. Khi cái nghe bị ức chế thì âm thanh sẽ càng nhỏ. Lời biện luận nếu từ tốn thì ngài Tịnh Danh cũng không dùng lời nói, giới đức càng cao sâu.

Tháng mười mùa Đông năm Đinh dậu. Quan Thái thường bác sĩ là Liễu Tuyên nghe việc này, bèn làm bài kệ quy kính để khuyến khích chúng tăng dịch kinh.

Kính lễ chư Phật
Nguyện hộ thần uy
Lòng thành kính thỉnh
Mê hoặc bao đời
Đắm chìm chưa ngộ
Quy về viên giác
Ra khỏi biển ái
Thuyền chèo thưa thớt
Chấp khác càng sâu
Hòa hợp nương tựa
Xa lìa chấp hữu
Lý bặt lầm lỗi
Khinh mạn tám chánh
Nói suông trăm phi
Thủ xả cùng giải
Nhiễm tịnh chẳng phân
Vàng đá không tỏ
Ngọc đã soi sáng
Năng nhân xét khắp
Dứt bặt nghi lầm
Khế thành đại đạo
Ai dám hủy báng
Nêu đức ngay thẳng

Chớ để suy bại
Cúi mong lắng nghe
Ngày càng phát huy
Vọng cầu tha thiết
Dủ lòng thương xót.

Quy Kính nói: Xưa Đức Năng Nhân thị hiện ở cung vua, nhập diệt tại song thọ, nói pháp mầu nhiệm, đến chỗ sâu xa. Chúng sanh mong được ơn nhiếp thọ. Từ khi Phật nhập diệt, Đạo pháp truyền về Đông Độ, vua Hán Ngụy đều hết lòng kính tin. Vua Phù Diêu càng chấn hưng phát triển. Từ đó danh tăng xuất hiện, hiền sĩ nối truyền. Mặt trời tuệ sáng soi, bánh xe pháp thường xoay, bắt đầu từ ngài Ma-đằng, Pháp Hiển ra sức mở rộng, tiếp đến ngài La-thập, Đạo An cùng khai sáng ánh đạo. Ngài Phật-đồ-trừng vào đời Triệu, Ngụy dùng lời khuôn phép, cũng chưa thể nói rõ, đều dùng không hữu ở trong Nhất thừa, luận khổ tập trong bốn đế. Mượn lời nói nên chưa dứt hữu vi, dứt hết ngôn ngữ thì ánh đạo rõ ràng, mới khế chứng ở trong vắng lặng. Nếu còn chấp huyền để cầu huyền, thì chẳng phải là huyền lý. Nhân nơi huyền để quên nó, thì đó chính là huyền. Nghĩa tuy thầm hợp với u đồ, mà sự lý thì dính mắc ngôn ngữ. Nhưng nhiếp sinh trở về vắng lặng cuối cùng cũng mượn ngôn từ. Đã lập lời nói thì đúng sai liền khởi. Như người gây chiến tranh, gươm đao liền phát. Nếu thua là tinh khí, thắng là tiên minh. Cho nên mới hàng phục ma quân, ngự chế ngoại đạo. Nếu chẳng có biện tài, thì khó bề đối đáp. Nếu gặp cảnh sinh tình lại sinh tâm hổ thẹn. Cho nên chúng ta phải chuyên tâm giữ đạo, nhất ý tu trì, để xây dựng cờ pháp, suy nghĩ trống pháp, cờ trống đã chánh thì địch quân sẽ bại trận, bánh xe pháp đã xoay thì năng uy bất phục. Còn như cờ không gió vọng, gặp nạn càng khó gỡ, dù có mở mang Tam bảo cũng chẳng có chỗ thật có. Còn như Dược Lữ vâng lời vua nhập vào cửa không hữu, rong ruổi trên đường chánh kiến, nghe các bậc Hiền thánh xưa, hiểu được bậc sĩ đời trước. Nào là bậc luận biện, vị nghĩa minh, có vị chân đức, có vị hạnh giải. Đã ở trong dòng chảy tám chánh đạo, lại ngộ từng phần trong bảy giác, từ đó mà ảnh hưởng thành ra giáo hóa. Nếu đến am viên của ngài Tịnh Danh, nghe đạo thì sẽ cầu, cùng quy về không vô. Ý vẫn muốn mở mang truyền bá Phật pháp, lập sớ để phá Nhân Minh. Nếu muốn như vậy thì phải có sở trường. Nếu không được như vậy, thì là sở đoản. Nay thấy tăng chúng nhóm họp trên núi, các nơi đều nghe. Lữ Quân cầu thỉnh, ai ai cũng biết, khắp nơi trông đợi. Có Thái sử lịch là Lý Thuần Phong nghe liền tới hỏi rằng: Tâm này thường nhớ chánh đạo, hạnh

muốn quy y. Lấy thật tuệ làm đại giác, trở về với pháp quy y, là điều ngự pháp thể. Nhưng nhật nguyệt soi tỏ, thật là giúp đỡ cho bậc Thượng huyền vận dụng, bậc Hiền tăng mở mang Phật pháp, thật cũng để cho bậc Thiên sứ diệu đạo, đó là chỗ tin nhận, là chỗ an tâm. Nhưng không dám lấy lá vàng để làm vòng, lấy loài gà mà cho là phượng.

Hoặc có lời bàn nghị khác, chẳng lẽ là tâm thành hay sao? Nhưng từ rừng Hạc về sau, đã gần hai ngàn năm, chánh pháp càng xa, Mạt pháp đang đến gần, huyền lý không còn soi sáng, pháp đạo cũng dần lạc mất. Cho nên Pháp sư Huyền Trang, theo hạnh đầu-đà đi khắp pháp giới, đến nơi đất Phật xa xôi. Tự tìm đến chỗ cây đạo, bên dòng sông Hằng thấy được bảy hội tám hội, nơi thành Ca-tỳ-la-vệ, núi Linh Thứu. Khi đến nước kia, nơi rừng Ta-la, mới nghiệm được điều hư thật. Còn như trải qua các nước tham bái thánh tích, học đạo Đại thừa Bát-nhã nên các nghĩa nghi đều được thông suốt. Tạng Tỳ-ni học với các sư nước kia đều vâng giữ không lìa bỏ. Minh nghĩa Tỳ-đàm cũng đồng phán xét. Đối với Tô-đố-lộ đã được pháp thinh minh. Nậu-đa-la cũng dứt được nghi tình. Pháp không có lớn nhỏ, không có chỗ nào mà không ẩn kín trong lòng. lý không có cạn sâu, thảy đều có thể suy nghiệm, cho nên gọi là ba tạng, ở Chấn Đán có thể thiền định gọi là Ma-ha. Nơi thành La-vệ cùng xưng, đó thật là đạo lý. Nhưng Lữ Quân học thức sâu xa, nghĩa lý đều tinh thông, ngôn hạnh đều chân chánh tùy nghi, kinh luật đạo pháp đều thông suốt, biện tài vô ngại, ai cũng kính phục. Nhưng nghĩa Nhân minh lại tiềm ẩn sâu kín, nói ra khác nhau. Khi gặp cảnh thì lại biến hiện muôn hình trạng, cùng một khí chất mà hình dạng thường khác nhau.

Lữ Quân đã theo đó mà chấp tình, các đạo tục đều trông đợi lời chỉ định, thu sương đã giáng, bên cạnh nghe tiếng chuông kêu, mây pháp đã trải, sấm chớp không còn phát. Nhưng rồng voi rảo bước, loài lừa chẳng thể kham được. Nhưng y phục bình bát, tại gia không giẫm được, giả như loài rồng có kháng cự nói vô cấu, giải thích các điều nghị luận thì Bí-sô luận bàn cũng có thể tường tận. Cho nên liền lập chí, thỉnh mời không thôi. Nếu còn điều nào nghi vấn thì thỉnh cầu ba tạng quyết nghi. Đem những điều thọ lãnh được truyền lại cho bốn chúng cùng lãnh hội, chánh đạo càng mở mang, ba chướng liền tiêu diệt, nối tiếp làm hưng thạnh Tam bảo chính tại ngay đây.

Đệ tử là Liễu Tuyên Bạch, dịch kinh năm Canh tý, Tăng Minh Tuấn đáp, Liễu bác sĩ tuyên nói, rồi thuật lại lời tụng rằng:

Đại Thánh giác ngộ

Tròn sáng tỏ chiếu
Lặng lẽ vô cùng
Như âm đáp tiếng
Khắp chốn cùng nghe
Lời nói chí thành
Dẫn dắt chúng sanh
Khiến kẻ mê lầm
Trăm sông sóng tà
Một vị nuốt hết
Vật có lấy bỏ
Chánh trái đủ thiếu
Tám tà bén nhạy
Bốn câu nêu danh
Dùng tà soi chánh
Lấy trọng làm khinh
Nắng soi tan băng
Châu sáng nước trong
Hiển bày thượng đức
Thể đạo kiên trinh
Dù có khen chê
Thảy đều buông bỏ
Triết lý cao ngời
Hàm tình rực rỡ
Kẻ sĩ quán xét
Dùng định cân bằng
Tinh thần dứt bặt
Phân biệt rõ ràng.

Lại thuật rằng: Trong khoảnh khắc quay về, thấy được lời nói quy kính, văn chương soi sáng thật là hay đẹp. Đạt đến chỗ chí thành, há là không tỏ ngộ hay sao. vì thương phàm phu đắm chìm trong biển ái dục, núi tà che khuất mặt trời, càng tạo nên nhân ngã. Nơi chốn đọa lạc càng kết thêm kiêu mạn, đắm chìm mãi không cùng. Cho nên trong sáu mươi hai kiến tranh chấp mê lầm lẫn nhau, chín mươi lăm đường cùng đua chen mà quên mất lối về. Như Lai vì bổn nguyện Đại bi tạo duyên lành cứu độ. Bên trong thì đầy đủ bốn trí, ngoài thì hiện rõ sáu thông. Dùng mười lực để hàng phục thiên ma, đem bảy biện mà xô ngã ngoại đạo. Từ đây biển ái cạn dần, rõ được ba không, phá trừ núi tà, noi mình trong tám chánh. Nêu nhân để thấy quả, trở về cội nguồn, chính là bậc Đại

sĩ? Bi trí diệu dụng, ngôn ngữ đều dứt bặt. Xưa Phật ngồi dưới cây Bồ-đề đạt đạo Chánh giác. Từ đó soi Thanh giáo ở trong muôn ức, thánh tích tìm đến muôn vàn, chấn hưng cả ba cõi. Từ hướng Tây Vực mặt trời Phật quay lần về Đông Độ. Vua nhà Chu ban đêm thấy được điềm lành, nhà Hán mộng được pháp mầu, ngài Ma-đằng, Trúc-pháp-lan soi đèn pháp trước tiên. Kế đến Phật-đồ-trừng, La-thập nối đèn kế theo. Nay đây Pháp sư lại dịch kinh hoằng pháp. Dùng thần dị để soi sáng cho đời, dùng cao luận mà hàng phục tà giáo, dùng thiền định để trang nghiêm mọi việc, giữ gìn cương lĩnh đạo pháp. Không để dòng nước u minh nhận chìm, hoa sen không ẩn mất, có thể lược giải rõ ràng. Nay có ba tạng, Pháp sư tú ẩn oai linh, rõ ràng muôn thể. Nhất vi mà vẫn thông suốt cả năm thừa, vì lòng từ bi đi tìm thánh tích nơi xa xôi để bổ khuyết cho giáo lý đạo nhà, suy nghĩ sâu xa mà ngộ được lý nghĩa, dùng đạo để tu thân. Tâm miệng đều phù hợp, hình ảnh đều tương ứng v.v.... Chấn y cầm tích trượng, kiếm gốc tìm nguồn, ra khỏi ngọc môn quan mà du hóa, đến sông Hằng tìm thánh tích. Học quyết nghi trong phạm bổn. Thấu triệt lý nghĩa sâu xa, khai hóa thần minh trong khắp nước. Mở mang chánh đạo, dứt hết mọi nghi lầm, cho nên từ đó kinh điển ngày một dồi dào, phương đẳng viên tông rộng bàn mọi thắng nghĩa. Ở trong chỗ diệu tuyệt, thấy rõ hết chân tánh chân không, truyền bá khắp trong ngoài. Khi không còn chấp giữ nữa thì chân lý xuất hiện. Từ chỗ vô cầu mà chứng thật nghĩa. Thánh tích chia làm hai bên, quên mất tướng Trung đạo, dù trải qua nhiều đời tu tập vẫn chẳng dễ gì đạt đến chỗ cực yếu. Thật là mầu nhiệm vô cùng. Tâm thanh tịnh hoàn toàn, đó chính là pháp. Tại tâm là pháp, mượn hình để thọ giáo. Pháp thì có tự tướng, cộng tướng, giáo thì có đốn tiệm. Yếu chỉ tinh túy của các tông, há là lười nhác mà đạt được sao? Pháp sư là bậc trí thần sâu xa, rõ hết việc trước sau, thâm nhập mọi huyền nghĩa. Từ đó Ngài khai sáng pháp mầu, mở các tông phái đại tiểu, mở rộng nghĩa lý đạo mầu. Tham học các vị Thạc đức cao tăng ở các phương, hết lòng học đạo giải quyết nghi tình. Khi bụng đã chứa hết pháp tạng nơi dòng sông Hằng thì hiểu hết mọi điều sâu cạn. Nghe danh biết các vị học đức xa xôi, Ngài đều tìm đến để học tiểu đạo Nhân minh. So lại các điều mầu nhiệm, Ngài biết đây chỉ dành cho người Sơ học. Ngài nêu sự lập luận rõ ràng, đến như mọi then chốt bí tạng đều thành công. Tất cả đều đầy đủ trong sách vở, chẳng phải chỉ nói ra đây mà thôi.

Lữ Phụng Ngự nói: Dùng gió thần soi sáng, khéo giỏi nhiều tài, thông cả vũ trụ. Sớm làu thông bác vật, rõ biết điển tích, cùng các môn

số thuật chấn phong đều luận bàn trôi chảy Ngài là bậc anh tài ở chốn Hàn lâm.

Một lần người xem qua các sớ liền giải thích, mới tìm cầu lập thử mà được thành tựu. Thật là bậc đại tiên ở đời. Những lúc ngao du khắp nơi, khi rảnh rỗi có xem qua kinh Đại thừa, cũng hết lòng kính mến tin tưởng. Lúc cùng bạn vui chơi, bỗng nhiên thông suốt hết Nhân minh không nhờ thầy chỉ dẫn, tự mình thông suốt. Như soạn các văn sớ, ý tưởng cũng hạn hẹp. Khi nghị luận ở triều đình, dùng lời nói để khảo xét ý chí mình, thật là càng khó. Sự hiểu biết cũng không rõ ràng.

Luận này có một quyển mà dùng năm bộ giấy mới viết thành. Nghiên cứu qua một lần ba bộ sớ này thì tự thấy sai có bốn mươi điều, không có một điều đúng. Tự nó là không đúng, mà lại nói là đúng. Sớ văn vốn là không sai mà lại làm cho thành sai. Nói sai thì không sai, mà nói đúng cũng không đúng. Nói đúng không đúng, đúng đúng mà vẫn thường sai, nói sai, không sai, sai sai mà thường đúng, sai sai mà vẫn đúng đó, do chẳng đúng vì đúng mà tạo ra, đúng đúng mà vẫn sai, cũng không vì sai mà làm ra. Trái đây là do sự chê bai mê hoặc mà làm ra. Vả lại, y cứ vào sinh nhân, liễu nhân, chỉ chấp vào một thể mà quên mất hai nghĩa của năng lễ, sở lễ. Phong ở một tên mê hoặc cả hai thể. Lại đem các tông nương vào tông thể, rồi lại truyền bá các tông ấy để làm tông. Đem các việc dụ thể, dụ y, bỏ thể, lưu y mà làm dụ. Do đây mà chia ra sự vọng khởi đa nghi. Mê một lúc mà lầm sinh trong bảy kiếp. Nhưng do xét cùng các vị Luận sư đã nhất tâm, thì câu văn trên dưới đều bị ngưng trệ, mê lầm đối với văn chữ, lại dùng số luận để làm Thanh luận. Nêu sinh thành làm diệt thành. Đâu phải chỉ sai nơi chỗ tông nhân lý hợp, mà cũng trái với điều thuận nghịch trước sau. Lại xét sự sai lầm là do tiếng Phạm chuyển âm ra. Tuy có rộng nêu ra bảy thứ, mà chỉ lược qua một lần, nhưng chẳng phải bảy điều sở mục, mà là hô thanh thứ tám. Sự xuyên tạc thật là sai lầm, do đâu mà ra?

Lại xét trong Thắng Luận lập ra thường cực vi số mà không cùng, thể thì cực nhỏ, về sau hòa hợp lại mà sinh ra tử vi. Số thì bồi giảm ở trong thường vi. Thể thì tăng dần đến cùng cha mẹ sinh ra, cuối cùng thì thể cùng khắp cả Đại thiên, rốt ráo tột cùng thì số chẳng phải là một, Lữ Công lại dẫn Kinh Dịch nói rằng: “Thái cực sinh lưỡng nghi, lưỡng nghi sinh tứ tượng, tứ tượng sinh bát quái, bát quái sinh ra muôn vật”. Nói đây cùng với kia, lời khác mà nghĩa đồng. Nay xét rằng: Thái cực là vô hình, khi sinh ra mới tượng hình. Nguyên thỉ vốn là khí, cuối cùng thành ra muôn vật, há là từ nhiều mà sinh ra một, từ một mà sinh ra nhiều hay

sao? Dẫn các loại là muốn nói lên học rộng, nghĩa đã trái thì lấy gì thỉnh cầu. Lại dẫn trong Đại lệ, việc sinh nghĩa cũng tương đồng, nếu cố giải thích thì đồng với tà kiến. Mê lầm sâu như thế làm sao tránh được, đâu được một chút lại đem điều tà hòa với việc chánh, bởi thân làm các điều sai trái nên dẫn đến như thế.

Những lời phỉ báng bên ngoài nếu có thắng được lời nói thì cũng đưa mình đến chỗ mê lầm. Cội gốc đã bất chánh, cành lá cũng ngả nghiêng, càng rơi vào nghi lầm đọa lạc, rồi tùy nghi vặn hỏi, hình cong bóng ngay lại có thể được hay sao? Thử nêu ra hai, ba ý thì cũng đủ rõ. Căn bệnh này lâu ngày lại lập luận khác nhau, mong Lữ Công xem xét lại, lẽ nào bậc đại thần mà như thế hay sao? Nêu rõ những điều chân tục, trình bày những điều khó dễ, thì mọi sự sẽ rõ ràng. Đạo Phật truyền bá đã rộng khắp, chánh pháp lại cao sâu. Chẳng khác nào thuyền mắc cạn làm sao vượt qua biển lớn.

Quan Thái sử lệnh là Lý Quân lý học sâu xa, thần minh tỏ ngộ. nên chuyên tinh vào chín số, chú trọng vào sáu hào. Lại vì khảo cứu rộng các phần điển thì sẽ thấy rõ sự thất truyền này. Ông thuộc hết các bộ luận của Lữ Công, liền can ngăn rằng: Dùng thật tế để tự tìm đến Đại giác, dùng vô vi mà chế ngự pháp thể. Đây chính là dùng lòng tin để huân tu mà đạt được phần chứng, còn bẩm thọ tự nhiên thì rốt cuộc sẽ không thành, chỉ sợ lời nói thì giống mà ý lại trái, ngôn từ gần mà yếu chỉ lại xa, đạo mầu của Thích Tôn, may mắn mà gặp được.

Vả lại bọn giặc Thiên sứ, cao lời đặc tiến, cũng theo những lỗi lầm đó thì làm sao mà nói. Tuy nói là không lẫn lộn chánh tà, cũng bởi tự lạm vào đó rồi. Đây là lỗi của Lữ Công khuếch trương sự học, muốn tạo nhân nghĩa cho thân mình thích ứng muôn vật để lập then chốt, muốn cho sâu rộng thanh cao. Nâng khí tiết đến tận trời mây, đem dòng nước tưới nhuần khắp mặt đất. Để tiếng nơi văn nghiệp, nổi tiếng nơi rừng Nho sĩ, nhặt góp nơi các tông, nghiên cứu trong hai năm. Đến như kinh lễ ba trăm, khúc lễ ba ngàn, sự lý đều nắm vững. Pháp độ sẽ cũng đạt thành. Vì thế mà làm cho lời thơ bặt ở nơi hoang vắng, khắp nơi đều ca vịnh, cho đến trong triều ngoài nội. Từ đó mà phô bày hết cái hay cái đẹp, mà sự kính thành càng tha thiết. Tâm hoằng pháp thật bao la. Đem đạo mầu ra luận nghi, lòng những hổ thẹn bấy lâu. Cho nên buông bỏ hết mọi ràng buộc chốn hàm tình thì đại nghĩa sẽ tỏ sáng. Khi tài đức gồm cả trong ngoài, tì đâu thể để kích dương trong đục, cứu tục giữ chân sao? Xưa môn hạ của Thiệp Công có đến ba ngàn vị. Nay trong đại hội này bậc Đại đức đông như rừng, còn bần đạo thì hẹp hòi dung lậu, hiểu

biết chưa sâu. Tuy ở trong triều ngoài nội gặp được vua thánh mà sớm hôm càng hổ thẹn. Kinh sớ nêu đủ ba đức, quán chung cả năm thừa.

Đã vì Đạo pháp mà truyền bá thì mưa pháp sẽ thấm nhuần, Điện từ cũng sẽ phát, sợ không đủ duyên để nghe được mà thôi.

Người xưa nói rằng: Một cành có thể làm nơi tập bay, chớ đâu cần phải cả rừng mới có thể được. Ao nước đục cũng có thể làm cho cá chìm, đâu đợi phải là biển sâu. Cho nên không vì sự ngu si mà từ chối mọi việc, lời thô thì ngang ngạnh, dù văn không đủ lý, mà nghĩa cũng có thể tỏ qua.

Vài lời đơn giản tỏ bày, ý vẫn còn lo sợ, nên chỉ nói lại mấy điều dâng lên Thánh thượng, mong thấu suốt nguồn chân.

Năm Quý Mão, vua nhận được thư. Có người lại khích Lữ Phụng Ngự, nhân đó tâu lên các việc. Vua lại sắc chỉ khiến cho các quan học sĩ, đến chùa Từ Ân, thỉnh ba tạng, đối luận với Lữ Công. Sư viết lời từ chối. Tháng giêng, mùa Xuân niên hiệu Hiển Khách năm đầu. Hoàng Thái tử Lý Trung, vì không phải con vợ chánh nên không dám nối ngôi, bèn bắt chước theo Thái Bá, dâng biểu từ chối nhường lại. Hoàng đế liền theo lời xin đó, phong cho Trung làm Lương Vương, ban cho trấn giữ một vùng đất. Cũng trong tháng đó phong cho Lý Hoằng làm Thái tử. Vào năm Mậu tý chùa Đại Từ Ân vì Hoàng Thái tử thiết lễ cúng dường năm ngàn vị tăng, dâng ba đoạn lụa.

Vua ban sắc lệnh cho triều đình hành hương. Lúc này, Hoàng môn thì lang tiết nguyên triệu trung thư thị lang Lý Nghĩa Phủ, tham kiến Pháp sư, hỏi rằng: Dịch kinh là một việc làm tốt đẹp, chưa xét việc đó soi sáng cho Đạo pháp, chúng sanh như thế nào, lại không biết ngày xưa cách thức việc phiên dịch kinh điển như thế nào.

Pháp sư đáp: Pháp tạng sâu xa, nếu phiên dịch ra hết yếu nghĩa thật là khó. Nhưng hội trường phiên dịch thì bên trong là hàng Thích chủng, ngoại hộ xây dựng, thuộc về Đế vương, sở dĩ thuyền vượt qua đại dương cả ngàn dặm, nương vào dây cáp có thể đi nhanh, mượn các duyên tốt mới có thể truyền bá rộng được. Nay thì cách đời Hán Ngụy đã xa, chưa thể thông hiểu hết các bộ luận. Vả lại từ đời Trần Phù Diêu đến nay, phiên dịch kinh sách ngoài chư tăng ra còn có bậc quân thần giúp đỡ. Đời vua Phù Kiên có Đàm-ma-nan-đề dịch kinh, có quan Huỳnh môn thị lang là Triệu Chỉnh ghi chép. Thời Dao Hưng ngài Cưu-ma-la-thập dịch kinh có Dao chủ và An Thành Hầu Diêu Cao ghi chép. Đời Hậu Ngụy Bồ-đề-lưu-chi phiên dịch có quan Thị trung là Thôi Quang ghi chép, và viết lời tựa. Các đời nhà Tề Lương, Chu, Tùy

cũng đều như thế. Đầu niên hiệu Trinh Quán có Ba-phả-la-na dịch kinh, vua sắc cho quan Tả bộc xạ là Phòng Huyền Linh, Triệu Quân Vương, Lý Hiếu Cung, và các vị Thái phủ Khanh Tiêu Hoàng, v.v... cùng xem lại. Nay thì không như thế. Lại ở chùa Từ Ân, Thánh thượng vì Thánh hoàng hậu Văn Đức xây dựng nên, rất rộng lớn tráng lệ, xưa nay không có người ở, chưa được khắc bia truyền lại về sau. Sự hiển dương linh diệu không gì hơn đây. Các vị nếu có thể vì đây mà cầu thỉnh, thì thật tốt đẹp. Hai vị công hầu đều hứa. Hôm sau nhân lúc lâm triều, vì Pháp sư mà trần tấu cho Hoàng đế. Vua liền chấp thuận.

Vào năm Nhâm thìn, có quan Lục đại phu trung thư lệnh, kiêm Kiểm giảo Thái tử Chiêm Sư Giám Tu Quốc Sử, Khai quốc công ở Huyện Cố An là Thôi Ân Lễ, tuyên sắc chỉ rằng: Tăng Huyền Trang ở chùa Đại Từ Ân, đang phiên dịch kinh luận. Các bộ mới dịch xong, văn nghĩa cần xem xét lại. Nên khiến cho Thái tử, Thái phó, Thượng thư, Tả bộc dạ, Yến quốc công Vu Chí Ninh, Trung thư lệnh kiêm Kiểm Giảo, Sử bộ thượng thư huyện Nam Dương, con của Khai quốc công Lai Tề. Lễ bộ thượng thư huyện Cao Dương là con của Khai quốc công Hứa Kính Tông.

Thủ Hoàng môn thị lang kiêm Kiểm Giảo Thái tử tả thứ tử, con của Khai quốc công Tiết Nguyên Siêu, Trung thư thị lang kiêm Kiểm giảo hữu thứ tử huyện Quảng Bình con của Lý Nghĩa Phù. Trung thư thị lang Đỗ Chánh Quân, v.v... cùng đến xem xét, có chỗ nào chưa ổn thì tùy theo việc mà nhuận sắc. Nếu cần học sĩ, thì được cho thêm hai ba vị.

Sau khi bãi triều, lại sắc cho Nội cấp sư Vương Quân Đức đến báo với Pháp sư rằng: Sư cần các vị quan giúp đỡ phiên dịch, đã phân ở các nơi, các vị Vu Chí Ninh đều sai đến, còn văn bia để trẫm tự làm. Không biết có hợp ý Pháp sư không? Sau đó các tướng về bẩm báo Pháp sư đã vâng chỉ.

Luận chỉ rằng: An ủi tâm xưa, đối với sứ nhân lòng bi hỷ, bất giác rơi lệ trên tay áo.

Hôm sau, Pháp sư tự dẫn đồ chúng vào triều, dâng biểu cảm tạ (biểu văn này đã mất). Tháng hai có ni Bảo Thừa, là con dâu của Cao Tổ Thái Vũ Hoàng Đế, là con gái của Tổng quan Tương Châu đời Tùy là Lâm Hà Công Tiết Đạo Hành. Bà là bậc nhi nữ hạnh đức song toàn, đáng ghi vào sử sách. Cha là người học nghiệp danh gia, con gái cũng vâng theo lời chỉ dạy không thua kém, thông suốt cả kinh sử đạo mầu, lại có khiếu văn chương. Khi vua còn nhỏ đã có học với Bà. Khi lên

ngôi cho đến sau này vẫn xem Bà như Thái phó, thường nhớ ân xưa. Phong là Hà Đông Quân phu nhân, lễ kính rất hết lòng. Phu nhân siêng năng học đạo xin được xuất gia, vua cũng cho Bà được toại chí. Ở trong cung lập riêng chùa Hạc Lâm cho Bà ở, lại lập văn bia nêu hạnh đức của Bà, lại cho độ mười người nữ làm thị giả. Bốn thứ cần dùng đều cung cấp đầy đủ. Sau đó, Bà thọ giới Cụ túc, đến ngày mười tháng giêng sắc chỉ mời Pháp sư cùng chín vị Đại đức của các chùa cùng đến chùa Hạc Lâm làm thầy giáo giới cho Bà thọ giới. Lại sắc chỉ trang hoàng mười xe báu, cùng mười xe âm nhạc theo sau. Cùng đợi trong cửa Cảnh Diệu. Trước là đem ngựa đến chùa đón rước, khi vào đến cửa mới đưa xe lên. Các Đại đức đi trước còn xe âm nhạc theo sau. Lúc ấy là giữa mùa Xuân, cảnh vật rất tươi tắn xinh đẹp, thúy liễu hồng đào đều rực rỡ, thông xanh sương biếc, xe gấm lọng tím. Trong khoảng ánh sáng giao mùa ấy, đoàn ngựa xe nhịp nhàng đi vào vương thành. Khi đến nơi rồi thì các Đại đức được an trí nơi biệt quán. Thiết lập xe báu bằng cây đàn cho năm mươi vị thọ giới, chỉ có Pháp sư làm A-xà-lê, làm tôn chứng cho Đại đức mà thôi. Đến mùng 3mới xong. Khi thọ giới xong rồi, lại cho một người thợ vẽ khéo léo là Ngô Trí Mẫn họa hình của Thập sư, lưu lại để cúng dường v.v....

Bên cạnh chùa Hạc Lâm, trước kia đã có chùa Đức Nghiệp, ni chúng cả trăm vị. Chư ni ở đây xin Pháp sư đến chùa Đức Nghiệp cho chư ni thọ giới Bồ-tát. Khi xong rồi thì Pháp sư từ tạ ra về.

Vua sắc lệnh quan Cấp sự là Vương Quân Đức đem lực sĩ cầm lọng báu để đưa tiễn Pháp sư, lại cúng dường rất trọng hậu. Người xem ai cũng vui mừng. Về sau chùa Hạc Lâm được đổi thành chùa Giáng Quốc. Không bao lâu thì việc ngự chế văn bia được thành tựu. Sắc lệnh cho Thái úy công là Trương Tôn Vô Kỵ, để nói rõ công trạng. Bia nói rằng: Trẫm nghe, lúc trời đất mới được hình thành, khi muôn vật bắt đầu sanh khởi, không đâu không che chở. Nhưng ánh sáng của vầng nhật nguyệt, không thể nào dùng cảnh tượng hư vô mà đo lường được. Bốn biển mênh mông đâu phải cùng cực. Huống chi Pháp sư tâm ý rỗng không vắng lặng, trước đã hiện tướng sinh bất diệt, thánh giáo lại thường lao lung, nói rõ hữu vô nhân ngã. Cho nên Đạo pháp soi sáng bao năm vẫn hòa hợp với chúng phàm linh. Nay thì nơi cung vua phát tích, hoa sen đua nở, thần minh càng soi sáng. Dưới gốc cây thành đạo, diễn đức âm ở vườn nai, hội quần sĩ ở Long cung, khai tội phước cho chúng sanh, hưng pháp diệt cho người đời. Có thể khiến cho kẻ hạ ngu hiểu đạo, bỏ xương cốt nơi Hàn lâm. Bậc thượng triết đều khâm phục

kính tin, hồn sa vào núi Tuyết, Pháp sư chuyển luân. Vượt ra nhà lửa ba cõi tăm tối, đêm đã tan thì ánh sáng sẽ tỏa hiện. Trẫm thường xem kinh học sử, thấy rõ việc đạo thế phước lợi kính tin đến nhiều kiếp. Đâu phải chỉ có Thích giáo!

Hoàng Thái hậu Văn Đức là dòng trâm anh thế phiệt, đức soi cả núi non, đạo chiếu khắp sông nước, để tiếng cả đồng quang, ý sáng ở nơi tám hoành, thấu khắp cung tía. Chấn đạo cả đối với xưa nay, càng sáng đức trung trinh, xứng danh bậc mẫu nhi trong thiên hạ, xưa Trọng Do thường than thở ở chốn đỉnh cung. Ngu Khâu than thở tại tam thất. Trẫm giữ ngôi thiên hạ, cũng mong được trọn đời. Cho nên lòng vẫn thường gìn giữ cơ nghiệp. Điểm lại trang trại cả ngàn cây gấm, phía trước đến núi Chung Nhạc, núi cao cả trăm nhận, mặt trái có tám sông, y theo mặt nước mà chia ranh giới. Bên mặt có chín châu, đường chim bay thẳng cánh đến trời mây.

Vì lòng tin là chốn đất tốt của Thượng kinh, cho nên xe loan ngự đến soi sáng cả cung điện nhật nguyệt. Mặt trời đã lố dạng, thì trăng đâu còn chiếu nữa.

Nay có Pháp sư Huyền Trang thật là bậc chân tu đạo hạnh, hào khí chốn thiền môn, thổi gió mát cả rừng thiền, khắp nơi đều được thấm nhuần. Trí đức chung cả xưa nay, đỉnh ngộ phi phàm, lòng chứa đầy hoài bão thiết tha. Tuổi trẻ đã phát huy trí lực, một đời tầm đạo mà khai sáng người sau, vượt xa hơn cả bậc tiên đức. Đem đạo lý thuần phong của đời xưa, soi tỏ mỹ tục cho đời nay. Lòng thương xót nhân sinh mê lầm trong đêm dài tăm tối, nghĩ đạo mầu bị che khuất, thế nên Ngài quyết cầu học bên xứ Tây Vực để sưu tầm học hỏi chân lý tận nguồn gốc. Nương đạo cả bên ngoài đất Hán, chống tích trượng ở chốn trời Tây. Vượt biển đạp trời, trải bao sóng gió mới đến được đất Phật. Dấu tích lưu khắp cõi trời trí tuệ, chân tâm ngộ đạt được chân lý mầu nhiệm. Nghiên tầm mật thuật, thông suốt bậc tiên hiền, Ngộ được các kinh điển chưa từng nghe, từ đó mà được truyền đem về Đông Độ, kế tục Chân tông. Đem bảo pháp từ Tây Vực để bổ khuyết những gì còn thiếu sót. Mở rộng nghĩa sâu kín, dâng bối điệp ở chốn kỳ lâm. Mở mang Đạo pháp, nước lóng trong ở định thủy. Trẫm sở dĩ chí thành tu tám chánh, túc chí ở chốn song lâm, tô bồi phước nghiệp. Nhờ Phật lực che chở cho Hoàng Thái hậu sớm siêu Tịnh độ, thần du lạc cảnh Tây phương. Nêu bốn chữ Di-đà, vàng đá cũng khó lưu. Tri sáu từ trong khuya sớm chí chẳng đổi dời. Biển cả hóa thành ruộng dâu, nào phải thế đất tạo ra. Núi cao trở thành hang động, nào đâu phải phá đá dời non, có bài minh

nói rằng:

Ba sáng chiếu tượng
Muôn phẩm lưu hình
Đời người vô thường
Thời thế luống dối
Gió mà ngưng động
Nước sẽ dâng lên
Sóng ái bao trùm
Nghiệp thức tối tăm
Lành thay Điều Ngự
Lưu dấu cho đời
Đạo mầu cao sâu
Nguồn chân vắng lặng
Ẩn tích Thứu sơn
Long cung truyền rộng
Mặt trời tuệ chiếu
Mây từ bủa khắp
Di ngôn thánh giáo
Nghĩ tưởng đức âm
Đức soi muôn kiếp
Đạo sáng nhiều đời
Thần dạo chín cõi
Chấn tích song lâm
Mộng Hán như còn
Sao rơi khắp chốn
Lòng từ tha thiết
Thương kẻ đắm chìm
Đạo cả mong cầu
Thấm nhuần người đời
Ngồi trên xe mây
Lưu cả muôn năm
Chí khởi vô cùng
Tuệ mạng càng cao
Anh khí linh thần
Cô thân muôn nẻo
Riêng bước ba không
Vị đạo năm xưa
Nơi vườn Cô Độc

Núi Tuyết gió buốt
Trí tuệ càng soi
Chân lý cao dày
Bốn vận truyền bá
Sáu rồng rong ruổi
Đêm dài tan mộng
Ánh sáng chan hòa
Công đức khuôn phép
Sáng cả hồng trần
Nêu cao văn ý
Vịnh mãi ngàn năm.

* Tháng ba năm Đinh hợi, các quan hội lại cùng đến triều đường dâng biểu từ tạ lên vua:

Hoa trời ban phát nơi nơi, thấy được vật báu kỳ lạ ở chốn Hà Tông. Vua tỏ lòng thành kính khai mật triện.

Nghe được lời lẽ đẹp đẽ, ghi lại làm khuôn phép, soi sáng cả ngàn năm sau. Rồi cùng nhau giải thích, không biết giới hạn.

Bởi lẻ, Mặt trời trí tuệ chiếu ở trời Tây, soi sáng đêm dài, xua tan bóng tối. pháp truyền đến Đông Độ, hợp thời cơ mà càng vượt trội, giáo hóa khắp muôn phương, muôn vật đều quy về.

Trải qua nhiều thời đại đến nay, đạo càng hưng khởi.

Kính mong Bệ hạ! Lấy đức soi cả biển Đông, truyền khắp trong ngoài, đạo mầu chánh pháp.

Khai Cấp viên ở nơi cảnh đẹp, mở chân lý ở chốn nhàn cư. Khắp nơi cùng chung hưởng, đời cho là bậc rồng voi.

Từ đó mà khởi sáng thêm yếu chỉ sâu xa, vua bèn viết ra lời phong bia, lời lẽ thật là mầu nhiệm. Nghĩa đã cao siêu, lý càng sâu sắc. Chúng thần cung kính chân tông, may mắn gặp được thiên nhan, ân đức của người không biết lấy gì mà đo lường được.

■

TRUYỆN TAM TẠNG PHÁP SƯ CHÙA ĐẠI TỪ ÂN, ĐỜI ĐẠI ĐƯỜNG

QUYỂN 9

BẮT ĐẦU TỪ THÁNG BA NIÊN HIỆU HIỂN KHÁNH NĂM ĐẦU, VIẾT VĂN BIA CẢM TẠ CHÙA TỪ ÂN XONG, ĐẾN THÁNG GIÊNG NA9M THỨ BA, VUA XA GIÁ TRỞ VỀ TÂY KINH

Tháng ba Mùa xuân năm Quý hợi, niên hiệu Hiển Khánh năm đầu, ngự chế văn bia cho chùa Từ Ân xong. Bấy giờ, quan Lễ bộ thượng thư là Hứa Kính Tông. Sai sứ giả hộ tống văn bia và Pháp sư đến chùa Hồng Lô, lại sắc biểu phù cho chùa. Năm Giáp tý, Pháp sư dẫn chúng đến cung vua từ tạ.

Pháp sư Huyền Trang nói: Vua sắc chỉ cho chùa Hồng Lô, nhận sắc phù mà lòng cứ băn khoăn. Thánh chỉ lập bia ký cho chùa Từ Ân nay đã thành tựu. Bia nằm bên một cái đầm có mái che, làm cho cửa huyền môn rộng lớn, phạm lữ cũng tăng lên. Nơi vùng đất tốt càng sinh hổ thẹn. Chốn cao sa mà lại ít lực. Huyền Trang nghe: Công của tạo hóa, truyền khắp muôn vật mà thành giáo hóa. Đạo của bậc Thánh, đem sự nhân tình mà thấy hết hữu tình. Nhưng họa ra bát quái để viết thành văn, không bàn ở nơi hình khí. Vạch hào phân tượng chưa vượt qua được đất đai của Thiên tử. Đức độ của Phục Huy, Hoàng Đế, còn tiếng tăm từ thời tiền cổ.

Gió thơm của cỏ hậu, cũng được truyền tụng mãi đến đời sau, huống chi việc khai hóa muôn vật, mở rộng tám chánh ở Cầm Chương, truyền đạo lập ngôn, chứng ba minh mà dẫn dắt muôn loài, lý soi khắp cùng cả trời đất, tình thì gồm chứa cả nhật nguyệt. Nếu so về hơn kém thì Bệ hạ quả là cao quý.

Kính mong Hoàng đế Bệ hạ!

Bánh xe vàng xoay chuyển, ngọc lịch theo thời. Sự giáo hóa đã đầy đủ cả bốn châu, nhân đức bao trùm cả chín cõi, đạo gồm cả bậc

Thánh, công đức trùm cả quỷ thần. Dù cho ở trong đời biết được các việc tư lợi là do trời mang đến. Từ đó khai sáng đạo nghiệp mở mang bờ cõi. Hoa trời đã nở, rong tảo càng leo. Nuốt bút biển mà dựng Long cung, ngậm từ lâm mà ôm hạc thọ. Nội thông cả tám tạng, ngoài thấu cả sáu kinh. Sâu xa khắp nội điển, rộng mà lại sâu, cho nên vua cấp vườn để lưu lại di tích, đem châu báu để tôn cao, thật muôn phần xinh đẹp. Giả như Quỳnh Chương không có mê muội, thì đâu bị ức chế trong cảnh mộng, chìm trong đường mê, xét như sinh vào cõi có phước báo vững chắc thì còn nằm trong ba cõi mà thôi.

Ngài Huyền Trang lời nói và việc làm đều không chấp chặt, tiếp độ tăng chúng báo ân đức Phật cũng là may mắn lắm rồi. Lại thêm khi Khúc Thành tạo xong, vui vì gặp lúc Tượng pháp hưng thạnh, vừa mừng vừa tủi. Thật cũng đem hoài bão này, chí thành kính cẩn đi đến triều đình dâng biểu để từ tạ. Đến năm Ất sửu Pháp sư lại dâng biểu: Chúa thượng văn sáng soi đến trời. Bậc Thánh nhiều tài nhưng không gặp văn từ của ngụy quân thì cũng thấy được sách của Hán Chủ. Pháp sư thấy văn bia thánh triết, cũng mong đem chút thần bút, nhân đó mà đến cửa cung để cầu thỉnh.

Hoàng đế xem thư, lời biểu tâu rằng: Sa-môn Huyền Trang nói: Thiết nghĩa muôn vật tùy hình mà ứng hiện, Đạo pháp tùy thời mà lập giáo, việc đạo rồi cũng sẽ xong, thế đủ biết vầng nhật nguyệt soi sáng. Bắt đầu từ thái cực xoay vần, cây cỏ đều tốt tươi, Đạo Đức chiếu soi khắp chốn.

Kính mong Hoàng đế Bệ hạ! Trí cùng khắp muôn vật, nhân đức thấm nhuần cả ba cõi, đã giáo hóa sâu rộng lại mở mang huyền phong. Chí đạo hòa kính với bỉ cơ, ca vịnh khen ngợi Diêu Trì. Không sùng pháp Hán Minh, chẳng thờ bạch mã, hàng chục thiên văn mở mang yếu chỉ. Phát ra âm thanh của sáu cõi, soi sáng cả năm vĩ. Giữ lòng mà cảm hóa kẻ tục, mở rộng Đại thệ để giúp đời. Đâu chỉ khen ngợi Đạo chân như mà hiển bày khắp cả. Tuy Ngọc Miệt đã xướng lên, Thúy bản sắc khắc mà sách ngân câu chưa có, chữ đỏ cũng chưa mài. Nhưng chuông nhạc đã treo, chẳng có lẽ nào mà không kham dự. Long Hương đã sáng, thì ngọn đuốc nào soi tỏ được. Nếu chẳng phải nha khoáng phủ luật, Hy hòa tổng trì, thì làm sao mở rộng được tiếng lớn của trống pháp. Chiếu sâu vầng nhật nguyệt. Nào dám đem nghĩa duyên này mà mạo phạm, can kỳ. Chỉ mong đem thành ý đủ đầy, buộc làm thần bút. Kế đến nêu lên diệu dụng của lăng vân, phơi bày dấu vết của tiên vương, hiển bày công đức. Soi sáng bậc Hậu thánh, thanh vang cả vàng ngọc,

liền khai ngộ được chúng sanh, dùng lời rồng bay phượng múa để chỉ bày cho chúng sanh, đâu chỉ dừng lại ở việc khắc rồng voi để dạy bảo. Cứu muôn sinh ân đức thật vô cùng, thật cũng do ngòi bút khen ngợi mà sáng tỏ. Tông xả hưởng phước. Huyền Trang này bẩm tánh thật ngu muội, mạo nhận chốn thiền lâm, thật lấy làm hổ thẹn, phần nhiều thiếu luật hạnh, làm tủi nhục tông môn, nào mong những điều tốt đẹp. Tuy là sợ hãi sự thi thố bất tài, mà lòng ân cần tha thiết, lòng chí thành soi sáng, nên mới dám trình bày ra, càng ôm lấy thủy hỏa, dâng biểu tấu không nhận.

Pháp sư Cảnh Diễn lại thỉnh rằng: Tối hôm qua mong đêm tảo trời nhưng không được, vì chưa đủ thần lực, chữ son còn giữ, trộm kết vinh vào cây, sẽ ngậm cười mà được thơm cả. Qùy bảo ngọc sầm, cũng thư thả mà soi sáng.

Kính mong Bệ hạ! Ném vật để giữ sự tinh túy, buông tay mà được yên ổn. Dốc lòng soi ý, mong đem sự nhiều tài, hồng phạm soi sáng ở nơi hang núi, sớm gặp thánh đức ở Lâm Trì.

Huyền Trang này thường nhớ ân trước, giữ như hoa ở nơi gương vàng, mong nhờ ân trạch về sau. Trữ Quế Ảnh ở Ngân Câu, đâu thay nhau với ngọc bích, mà cùng soi sáng, cũng sợ chẳng phải Thiên Hàn. Không vì đem văn chương mà treo vầng nhật nguyệt, chỉ muốn nêu lên bày sự, y cứ vào chỗ mầu nhiệm mà nêu bày mọi điều khúc chiết.

Chẳng dám cầu mong, không lòng cất giữ, dù có chết cũng xin thần thỉnh dâng biểu tấu lên với thánh đức.

Lúc vua mới vận thần bút cho Pháp sư được như nguyện. Vua đã hứa khả, không giấu sự vui mừng, Pháp sư lại dâng biểu từ tạ rằng: Sa-môn Huyền Trang nói:

Vâng theo sắc chỉ, vua hứa giáng thần bút, để tự viết lời ngự chế văn bia chùa Đại Từ Ân. Lòng vui mừng vô kể, chẳng biết phải dùng lời gì để diễn tả và không biết lấy gì để lo liệu. Huyền Trang nghe: Nhắm cung tới đích thì loài chuột cáo không đúng để động đến. Hồng chung dứt tiếng, không phát ra tiếng vang xa xăm, nên không thể gọi là trời trăng soi chiếu, bèn hồi cảnh ở trên cửa không. Mây thấm mưa nhuần, mà cảm chiếu ở chốn huyền môn. Đó chính là sở nguyện mà há là mưu đồ sao?

Kính mong Bệ hạ! Nối cơ nghiệp của người xưa, dựng nên nhà Hạ, nhà Ân dùng pháp mầu để giáo hóa, tổng kết nhiều tài năng mà soi sáng cõi tục ở trong chín cõi, thổi ngọn gió nhân đức thấm nhuần cả bốn cõi, cho nên pháp bến cầu, nếu chẳng phải bậc Đại thánh thì đâu đủ đức

để mở mang khen ngợi mọi công lực sâu mầu, chẳng phải là bậc trí thì làm sao nói hết cội nguồn. Tuy tìm đến chỗ xa xôi, mà tự cảm động đến tình thiên, lại các thần giúp sức. Vượt lên mọi thời đại, mọi bét lấp được khai thông, giá trị như châu báu. Phàm đối với các phẩm loại, không điều gì chẳng tôn kính. Cho nên đồ chúng phạm tăng, càng vui mừng, hớn hở. Mộng thấy quân thiên rộng lớn, cho đây chẳng phải kỳ lạ. Được búi tóc ở Luân Vương, đây há là quý, ngõ hầu trinh thạch, dùng cây để tạo sân phước. Để cho kẻ ngu tình được mở tai mắt. Pháp đuốc soi sáng khắp nơi, truyền đến đời vị lai, để cho người thấy được pháp báu mà cung kính đón rước. Từ đây mà phát tâm Bồ-đề, đọc tôn văn mà tìm hiểu đến chỗ sâu xa. Bát-nhã ở nơi đất này, ở trong khắp pháp giới, đem cái đẹp soi sáng mà thường còn. Bãi biển dù thành nương dâu, gió thổi đùng đùng mà không hư mục. Huyền Trang này xuất thân là kẻ phàm trần, sớm hổ thẹn với hạnh nghiệp, đã mong được tu sức lại, nên mới nghĩ đến việc mở mang đạo mầu, cho nên đi đến nước Phật, mong được sự giáo hóa sâu xa để đem về phiên dịch. Lại mong ân triều đình, nên đến niên hiệu Trinh Quán được hồng từ thấm đầy. Từ niên hiệu Vĩnh Huy đến nay, càng chịu ân của vua ban thần bút. Mong ân thánh đức cả hai triều hết lòng động viên khen ngợi, tự cảm thấy mình kém cỏi cùng lo sợ. Chỉ biết đem lòng thành báo đáp, sớm tối không quên. Thế nhưng, ân đức kia thật vô cùng, đâu chỉ vài giọt nước mà báo đáp được sao? Sự cúng dường cao như gò núi, đâu thể chỉ đền trả bằng chút mảy trần. Chỉ biết đem tuệ lực, vận dụng đến vô cùng, nhờ phước lộc nơi vườn tược, mà tạo nên cơ nghiệp đến bảy trăm năm. Nếu không dốc lòng lo lắng lâu nay, nhờ ân vua phụ cấp nên nghĩ đến nghĩa vua tôi mà dâng biểu tấu từ tạ, mà khinh phạm đến uy nghiêm, lòng càng sợ hãi. Ngày mùng tám tháng tư mùa Hạ, lời bia của vua thợ khắc đã xong, muốn đưa về chùa, Pháp sư cảm nhận ân đức của thánh từ, nên không dám ở chùa chờ đem đến, mà đốc xuất tăng chúng chùa Từ Ân và tăng ni ở kinh thành, lo sửa soạn hương hoa cùng cờ phướn, lọng báu đến tận cửa Phương Lâm để đón rước. Lại khiến cho các ban âm nhạc ở hai huyện Trường An và Vạn Niên cùng đón rước. Trăng thì rất thấp trên có mây cầu vồng che, còn phướn thì rất ngắn, mà che khắp trời xanh. Gồm hơn ba trăm việc, xe chở âm nhạc hơn ba trăm chiếc. Đến ngày mùng bảy mọi người đều nhóm họp tại các ngả đường ở phía Tây cửa An Phước. Đêm ấy trời đổ mưa. Sáng ngày mùng tám đường xá không đi được, vua ra lệnh tạm dừng lại, chỉ mời Pháp sư vào trong. Đến ngày mùng mười, bầu trời quang đãng, lại sắc chỉ đón rước như trước. Ngày mười bốn,

sáng sớm đã bày cờ phướn, hương hoa, âm nhạc từ cửa Phương Lâm đến chùa Từ Ân khoảng ba mươi dặm, sáng rực đầy khắp.

Vua ngự trên lầu ở cửa An Phước, nhìn ra thấy thì rất vui, kẻ sĩ ở kinh đô đến xem cả trăm muôn người. Đến ngày mười lăm, Pháp sư độ được bảy vị tăng, thiết trai cúng dường hai ngàn vị tăng, bày chín bộ nhạc ở trước điện Phật, đến chiều mới giải tán.

Đến ngày mười sáu, Pháp sư lại cùng với tăng chúng vào triều trình bày cảm tạ việc đón rước bia ký đến chùa. Lời biểu nghị rằng:

Sa-môn Huyền Trang nói: Hôm nay ngày mười bốn vâng sắc chỉ của vua đưa, bia thư của vua đến từ chùa Từ Ân gồm thiết lễ chín bộ âm nhạc để cúng dường, mặt trời Nghiêu tỏ sáng, càng sáng hơn đuốc tuệ trước kia.

Biển Thuấn dậy sóng, càng đủ để truyền rộng dòng pháp, ngọn núi đứng sừng sững, Thiên Văn tỏ sáng trang nghiêm như ráng hồng trên Linh Sơn, sặc sỡ như sao lụa muôn màu, tăng tục đều như điện chớp mây bay, người thấy đều kính mến vui mừng, cho là điều chưa từng có. Trộm dùng tám quái để xét văn, dùng sáu hào để giải thích, xem ô mà chế pháp, khóc lân để bày ra điển khúc. Là việc bậc Thánh có thể làm, có thể thấy đủ ở đây. Nếu y theo pháp tắc thì có thể lập lời dạy bảo, đúc tượng cho sinh linh để ức chế gió bão. Nhưng thời Tần Hoàng khắc đá, chỉ chiếu sáng phong thiền. Ngụy Hậu khắc bia, công đức đều cùng chung hưởng. Còn xưng Đề Mục, Cao Thị, Bách Vương đâu chỉ đem thân nơi thấp kém, phủ phục mở cửa Tiên Hàn, dùng lời vàng mà nói lời tốt đẹp, ý bạc để nêu văn sức. Lắng nghe cung rồng mà thấy được ba huyền. Chở triện phượng mà soi cùng cả tám thể. Nêu lên nét xuân ba mà rõ ý. Trích thu lộ để bày vẻ nhiệm mầu. Mở rộng diệu lý Nhất thừa, soi chỗ sâu xa của sáu độ, hóa duyên số đến ba ngàn cõi, tiếng tăm ra ngoài trăm ức. Đem lời nhiệm mầu linh động, như thiên ngôn thường soi sáng. Chốn Trúc Lâm khai thổ, gá thần bút để di tôn. Nhân đó khiến cho phạm chí quy tâm, dứt mọi nghi tình mà nêu bày chỉ dạy. Ba-tuần kịp thời xa lánh trốn vào núi tà để tuẫn đạo, đâu chỉ dừng lại ở chốn trần môn, bắt đầu hiểu sự mê lầm ấy chỉ là mượn khách mộng mà dùng sự tu hành để vượt qua cõi khổ. Tượng giáo lần lần đi về hướng Đông đã trải qua sáu trăm trăm năm sự mở mang chánh đạo ngày một mạnh, không đâu bằng nơi này, còn như thời Hán Minh Đế đường cảm ứng giao nhau, còn lo nghĩ ở nơi Phó Nghị. Ngô chủ quy tông, còn khảo sát sự nghi ngờ đối với Hám Trạch. Từ đây mà hàng phục, cũng không đủ để xưng danh, tùy duyên hóa độ. Riêng dùng pháp lành soi sáng, có

tâm lành tức được thích ứng, như vua Kim Luân thần thông công lực không thể đo được. Đồng làm vua đội mũ báu, hưởng ngôi mãi mãi.

Huyền Trang và chúng tăng đều mạo nhận ân đức của triều đình. May mắn được ban cho Huyền Tứ. Từ đó dùng mây từ mà tuyên dương trống pháp. Đem ba minh giáo hóa khắp nơi. Rộng mở pháp môn tám chánh đạo, chẳng phải mong giữ lòng thành khẩn trinh bạch, luống cầu lý đạo, chỉ mang lòng chí thành bày tỏ vài lời ở cửa cung.

Khi văn bia đến, quan Hữu ty đem đặt ở góc phía Đông bắc ở trước điện Phật, lập một nhà bia để đặt riêng tại đó. Tại nhà này kèo cột, xà ngang, nóc mái đều bằng vàng hoa chiếu sáng xuống dưới. Chuông báo chói rực ở trên, có vị tiên cầm cái mâm lộ ra ngoài, đồng với cái linh tháp. Vua lại khéo viết hàng chữ Thảo khéo léo bằng phi bạch. Trên bia này có viết bài thơ. Lại dùng phi bạch để viết bốn chữ "Hiển Khánh năm đầu". Thật là thần diệu. Người đến xem một ngày có cả ngàn, các quan văn võ từ hàng Tam phẩm trở lên đều dâng biểu xin viết lại khuôn mẫu, vua bằng lòng. Rồi họ tự sửa lại nên dùng văn tự thay vào cho chữ nổi lên, hình thù của hai chữ theo lối chữ Thảo rất dị kỳ, treo cong để rủ xuống. Khí mây nằm nép trên sóng. Có bài minh khắc trên đá viết chương trình chia ra thành tám hàng chữ lệ.

Loài người xưa nay vẫn có cao thấp, cho nên chẳng thể hoàn toàn tốt đẹp. Chí như Hán Nguyên khéo viết sử thơ. Ngụy vũ dày công viết chữ Thảo. Chung Diêu an nhàn ở nơi ba thể. Vương Trọng diệu dụng nơi tám phân. Lưu Thiệu, Trương Hoằng nổi tiếng ở phi bạch. Bá Anh, Tử Ngọc để tiếng nơi thảo thánh. Chỉ có Trung lang Hữu Quân khéo gồm hết các môn khéo đẹp, mà cũng chẳng thể hết. Cho nên Vi Văn Hưu thấy trong sách Nhị Vương nói rằng: Nhị Vương tự cho là biết hết, là chưa biết về kinh thư. Nếu người ấy có ngọn bút thiên nhổ hết mọi cái đẹp, bao gồm hết mọi thực thể của Cổ Hiền, rõ suốt sự nhiều tài năng của bậc tiên triết, là tạo nên bao vẻ dương xuân hài hòa của văn tự.

Người tin tưởng đều noi theo Hoàng đế của ta. Pháp sư lúc nhỏ nhờ có học tập qua và khi đến phương Tây vượt qua ngọn Lăng Sơn Tuyết Lãnh, lúc bị bệnh sốt rét phát lên, tức là phong tâm thường trải qua sự khốn khổ. Mấy năm trở lại đây thường dùng thuốc phòng ngự nên mới dứt được. Nay thời tiết tháng năm vào Hạ từ trời mát đổi sang nóng. Bệnh cũ của Ngài tái phát, các đạo tục lấy làm lo sợ, liền viết thơ khải tấu lên vua.

Vua ban chiếu chỉ khiến các vị thượng y là Thượng dược Tưởng

Hiếu Chương cùng với y Thượng Quan Tông chuyên về khám bệnh đến khám bệnh. Nếu cần thuốc thì sai nội thị đem đến. Ở cửa phía Bắc mỗi ngày đều có mấy ban bộ được vua sai đến để xem khí hậu, lần lượt báo lại tin tức, cho đến nhà ngủ cũng đều có nội cục trông coi sắp đặt. Vua quý trọng Ngài như vậy, chẳng khác nào như con đối với cha hiền cũng không thể hơn được.

Các vị thầy thuốc lo săn sóc thang thuốc ngày đêm không rời, qua năm ngày sau thì bớt, trong ngoài đều bình an. Pháp sư nhờ ân vua Thánh mà khỏi bệnh. Hôm sau liền dâng biểu từ tạ: Sa-môn Huyền Trang nói: Huyền Trang vụng về, bị bệnh sốt rét nặng, may nhờ lòng từ chiếu vận, ân trời xót thương, cho vời thầy thuốc đến để châm cứu uống thuốc mà bệnh được khỏi. Nay tôi tuổi đã cao, lại khí phách cũng yếu mòn. Nhưng càng thấy được chánh lý, lại vâng lời minh đạo. Đâu chỉ dựa vào lớp da thịt bề ngoài này sao mà muốn giữ lại nó? Tôi lại thường nhờ ân sâu nặng, không biết lấy gì báo đáp, chỉ biết dùng tuệ lực của mình, làm theo lời chỉ dạy. Huyền Trang cảm thấy mình còn thiếu sót, nên dâng biểu từ tạ. Ngài sai đệ tử dâng biểu lên vua, vua lại sai quan cấp sự là Vương Quân Đức đến an ủi Pháp sư rằng:

Pháp sư đã được chăm sóc thuốc thang đầy đủ. Về sau khí lực có suy yếu thì xin Pháp sư khéo giữ gìn, chớ nên dụng tâm quá đáng.

Pháp sư nhận được lời thánh chỉ thì rất đỗi vui mừng, lại dâng biểu từ tạ. Sa-môn Huyền Trang nói: Huyền Trang này nghiệp lực sâu dày nên vời lấy khổ bệnh, hơi thở đứt đoạn chẳng còn bao lâu nữa. Bỗng nhờ ân lo lắng của Hoàng đế, Hoàng hậu, Thiên sứ vẫn thường đến có hơn mười vị đem thuốc thần đến cứu chữa. Nếu gặp được thuốc, uống vào nhờ ơn Thánh thượng mà bệnh được bớt. Nếu không nhờ sự lo liệu của thầy thuốc, thì hồn phách này đã ra đi. Bỗng thấy Bệ hạ gọi lại, cho nên làm sống lại thân mạng yểu tướng này. lại nhờ sự tu tỉnh mà được hồi phục. Nay dù có đấm ngực hổ thẹn muôn phần cũng không thể nói đủ ân đức sâu dày, lớn lao đó. Dù có phân thân ra cũng không từ tạ hết. Chỉ còn biết cố gắng lễ tụng, đem hết thân tâm này để đền đáp ân sâu. Huyền Trang cảm thấy trách nhiệm thật nặng nề vô cùng, nên phải dâng biểu này để tạ ơn Thánh thượng, mừng lo lẫn lộn, không biết lấy gì lo liệu.

Đến niên hiệu Trinh Quán năm thứ mười một lại có chiếu chỉ rằng: Lão Tử là tổ tông của trẫm, tên họ danh vị nên đặt ở trên Phật.

Lúc bấy giờ, Đại đức Pháp Thường ở chùa Phổ Quang. Đại đức Phổ Ứng ở chùa Tổng Trì cùng hơn một trăm vị, đến triều đình để trình

bày mong được cải chánh. Khi Pháp sư về nước đến nay vẫn luôn vào kinh trình tấu. Vua hứa là sẽ thương lượng. Nhưng chưa đạt kết quả thì vua đã băng hà.

Vào niên hiệu Vĩnh Huy thứ sáu có chiếu chỉ rằng: Hàng đạo sĩ chư tăng nếu ai phạm tội, y theo tình thì khó giải quyết, có thể xử như kẻ tục. Các vị quan ở những nơi xa xôi, không rõ được ý sắc chỉ, cho nên dù việc nhỏ, việc lớn hễ có chuyện là dùng đến gông cùm gậy gộc, làm nhục nhã rất nhiều. Pháp sư mỗi ngày thường lo nghĩ việc đó. Nhân lúc bệnh ngặt, sợ sẽ không còn thấy được thiên nhan, nên nhờ người trình lên vua hai việc, để cho nước nhà được yên ổn. Huyền Trang này mạng sống chẳng còn được bao lâu. Sợ sau này không còn nói được nữa. Nên có lời khải tấu, lo sợ dâng biểu.

Sắc chỉ bảo rằng: Theo những điều trình bày của Pháp sư, chỉ có danh vị của Phật đạo là ở trước triều đình, việc phân xử cần phải rõ ràng phân minh, cũng như thế tục sắc chỉ sẽ khiến cho việc đó chấm dứt. Pháp sư nên an tâm lo thang thuốc.

Đến ngày hai mươi ba lại giáng chỉ rằng:

Đạo giáo thì thanh tịnh hư vô. Thích đạo thì kinh điển mầu nhiệm. Muôn vật đều nương theo đây làm bờ bến, ba cõi đều tôn nghinh. Chỉ vì đời mạt pháp, nhân tình kém phước, phần nhiều đều làm trái với luật đạo, nên mới mượn pháp thế tục để khuyên nhắc răn cấm, là mong cho mọi người bỏ ác làm lành. Chẳng phải vì người mà khinh pháp. Chỉ vì các vị xuất gia, có đủ giới điều, nếu xét xử riêng, sợ sẽ có nhiều lao nhọc. Trước có sắc chỉ khiến cho Đạo sĩ, nữ Đạo sĩ cùng tăng ni có tội thì xử theo thế tục, thì nay nên chấm dứt. Nếu có ai trái phạm gì thì nên y theo lời chế.

Pháp sư đã thọ ân thánh chỉ, nên dâng biểu đến cửa cung, từ tạ rằng:

Sa-môn Huyền Trang nói: Lại xin Bệ hạ sắc chỉ cho tăng ni có lỗi thì không xử phạt theo thế tục, cung cách trở lại như cũ. Mà nghiêm trị theo khuôn phép thiền môn, chứ không theo pháp thế gian. Không sao lường được ân đức của vua Thánh đạo pháp được thấm nhuần khắp nơi thật là nhờ ân mưa móc.

Kính mong Hoàng đế Bệ hạ! Ngự nơi đường báu, nương vào bánh xe vàng. Nay đối với Thích giáo, hết lòng mở mang, giữ gìn chốn huyền môn, ngoài khác với thế tục. Tuy tình vẫn còn vướng mắc trong năm trược, luật hạnh cũng thiếu sót, mà nếu mặc đủ ba y, thì ruộng phước cũng từ đó mà có. Bỏ hết mọi ràng buộc thế gian, để trải rộng lòng

khoan nhân chánh đạo. Tin theo lời chỉ thẳng lời vàng, thật lòng hồi hướng. Từ đây mà trời thần đều vui, mọi việc đều tốt đẹp. Đâu chỉ hoài ân với phạm lữ, càng thêm giữ lòng trong sạch. Nếu còn y theo lỗi thì trái với lời chỉ dạy nghiêm khắc của Đại sư, thiếu từ tâm của Thánh chủ. Ở chốn minh linh, thì tự nên khiển trách, chứ nào đợi sự công bình của pháp luật, mới rõ được tội gian tà. Huyền Trang này mê muội, làm dơ lòng pháp đạo. Mỗi khi nghĩ đến hồng ân là tâm không khỏi hổ thẹn. Trọng kinh thì tưởng lòng càng thêm lo sợ. Gần đây lại bị bệnh nặng, không được tùy tiện đến cửa cung, vì không thể đến được cửa cung liền sai đệ tử dâng biểu đến trình cho Hoàng đế, để mong từ nay tăng ni được an lòng tu niệm.

Pháp sư trong lòng vui mừng khôn xiết, bất giác rơi lệ ướt cả tay áo. Ngài xúc động lại dâng biểu từ tạ.

Sa-môn Huyền Trang nói: Nhờ ân sắc chỉ cho tăng chúng y theo pháp tục nên lòng vui mừng không thôi, chẳng biết lấy gì để bày tỏ, chỉ biết dùng chánh đạo để nói. Tùy Hoàng thượng thương ghét. Mặc ý cạn sâu, dùng huyền phong để hưng khuyết. Tự thánh ý xoay chuyển nơi ngọc tuyền, để Minh Hoàng nắm giữ phần tinh túy, tôn sùng đạo nghiệp, phân biệt Huyền Nho, mở khóa bất nhị, rộng giữ gìn đạo Nhất thừa. Tả long cung ở nơi Bồng Các, giáp với Linh Thứu ở chốn Thần Cao. Tỷ như gióng lên tiếng chuông Phạm âm, vang động khắp vũ trụ. Nghiệp phước lành thấm nhuần chúng sanh. Thật là tốt đẹp cho đạo pháp, may mắn cho muôn dân. Nếu như tăng đồ có điều không đúng, thì răn nhắc để chế ngự. Trong thì thiếu sự giáo hóa của Phật giáo, phạm pháp vua. Một người phạm tội, thì cả chúng đều phơi bày, mà xúc phạm đến thiên uy, khiến cho phải xử theo thế tục. Đến khi nghiêm giới trừng phạt, tăng chúng đều khiếp sợ, sớm tối lo lắng. Mà thánh đức chiếu soi, đức nhân thấm nhuần cả cửa mầu. Che hết trần nhơ mà giáng thù ân. Việc nghiêm phạt này, chẳng đáng cho người kính sợ. Xét nghĩ hình pháp này có được tôn trọng, cũng chỉ khiến cho người ra khỏi lưới cá mà dạo chơi khắp vùng Hán Giang. Chim xổ lồng bay về chốn mênh mông xa thẳm. Pháp nước đục mà còn trong, ruộng phước càng thêm tươi tốt, chúng tăng càng đội ân muôn trùng. Người hiểu biết phải cố gắng mà dứt hết mọi tâm ác xấu xa, để xứng với tâm trời, phải lo chuyên tinh lễ niệm, để báo đáp ân lớn.

Kính mong Hoàng đế, Hoàng hậu. Nhờ công đức nối tiếp làm hưng thạnh trăm phước cho muôn đời. Theo hạnh từ bi, mà cơ nghiệp giữ vững muôn đời, khắp nơi đều được an ổn.

Chúng tăng nhờ ân thánh đức thật vui mừng khôn xiết, nên viết lời biểu tạ ân này dâng lên, động đến cửu trùng thật là lo sợ.

Vua xem qua tờ biểu, biết Pháp sư đã bớt bệnh, mới cho thỉnh Ngài vào điện Ngưng Âm ở phía Tây các để cúng dường. Nhưng Pháp sư bận phiên dịch nên hai, ba tuần mới vào một lần. Đến tháng mười mùa Đông, ở trong cung có việc, Hoàng hậu muốn quy y Tam bảo, thỉnh Ngài dủ lòng che chở, Pháp sư khởi tấu rằng:

Thánh thể sẽ được an ổn vô hại. Nhưng việc mang thai này chắc chắn là Hoàng nam, sau khi sinh nở xong, xin cho được xuất gia, mong ân thánh chỉ cho phép. Đến ngày mùng năm tháng mười một, Hoàng hậu cúng dường Pháp sư một y ca-sa và các tạp vật khác. Pháp sư liền dâng biểu tạ rằng: Sa-môn Huyền Trang khải tâu:

Mong ân thọ nhận y và các vật dụng, thật lấy làm hổ thẹn, không biết nói gì. Vả lại “y phục tốt bằng sợi vàng”, truyền từ các bậc tiên hiền, đó là y vô giá, có xem qua các Thánh điển, chưa hề thấy có y nào diệu dụng như y vua ban cho đây. Xem các hoa văn sặc sỡ đậm nhạt, không có y nào tinh xảo hơn y này. Đem cắt may thật thích hợp. Mọi người đều chiêm ngưỡng, càng tôn vinh thêm giá trị. Ngày trước, ngài Đạo An có nói: Châu báu đời Tần, cũng chưa được ân đức này. Lại gọi đó là lễ của nhà Tấn cũng ít nghe việc ấy, chỉ có Huyền Trang đức mỏng, lại được Bệ hạ riêng ân sủng vô cùng, nên càng lo sợ.

Kính mong Hoàng đế, Hoàng hậu, được nhiều con cháu về sau, lại hưởng phước đức vô biên, giàu sang tột đỉnh, hết lòng che chở chúng sanh, cùng hưởng phước trời cùng cực. Kính cẩn dâng lời từ tạ, nghĩa nặng lời nhẹ không thể nói hết được.

Sau giờ thân ngày mùng năm bỗng nhiên có con chim sẻ đỏ bay đến đậu trên màn của vua, Huyền Trang vui mừng viết biểu chúc mừng vua rằng. Sa-môn Huyền Trang nói: Huyền Trang có nghe: Hạc trắng mang điều tốt đến, tiêu biểu cho sự hưng thạnh của nhà Ân. sẻ đỏ xuất hiện nói lên ngày vui của Chu Vương, cho nên biết, trời cao mang điềm lành đến, để làm sáng tỏ việc người, cơ nghiệp sẽ được lâu dài.

Hôm nay sau giờ thân trước giờ dậu, HuyềnTrang ở trước sân của điện Hiển Khánh, trong màn thấy một con chim sẻ, lông trên lưng toàn màu đỏ. Từ hướng Nam bay đến đậu trên màn, lòng không khỏi bồi hồi, hân hoan. Xem rõ hình dung thấy đây là loài chim lạ, liền biết đó là Hoàng hậu đã thọ thai, chưa biết khi nào hạ sinh. Huyền Trang càng thêm lo lắng bồn chồn, cầu xin cho được bình an. Nếu như được sở nguyện thì xin hiển bày tướng vui vẻ. Chim sẻ liền bay về, bước chân

của nó tỏ rõ sự bình an vô sự, dường như rõ được ý của người. Huyền Trang càng thêm vui mừng, giơ tay gọi nó thì chim từ từ bay đến mà không có một chút lo sợ, vỗ vào nó cũng không sợ, mọi người xung quanh đều nhìn thấy. Huyền Trang nhân đó truyền ba quy y cho nó. Nó nghe được nhã ý, chưa kịp bắt thì nó đã bay đi, lòng cứ bồi hồi nhìn theo.

Kính mong Hoàng đế, Hoàng hậu. Đức thông cả thần minh, ân càng sâu nặng, lễ hòa nhạc hiệp. Nhân sâu thì nghĩa cũng xa. Cho nên khiến loài chim tới báo điềm lành. Thần cầm tính chất rất công hiệu, nói rõ viêc hưng thạnh hơn tám trăm năm. Đã được thọ hưởng sự tốt đẹp lâu dài, cũng là việc linh ứng của đời nay. Huyền Trang thật may mắn nên gặp được điềm lành này, vui mừng biện ý sâu xa, chẳng dám dấu diếm, chỉ xin vài lời sơ lược, kính cẩn dâng lên. Như uy nghi của loài phi cầm này, đều nói lên sự thuần túy cao đẹp. Xét sự tích qua các thời đại, đều có xuất hiện biểu tượng này, cho nên không biết.

Biểu dâng lên chưa bao lâu, thì có sắc chỉ của vua đáp lời Pháp sư rằng:

Hoàng hậu trải qua thời gian khó khăn đã hạ sinh một hoàng nam, tướng mạo thật khôi ngô xinh đẹp, ánh sáng chiếu soi cả nội cung, ngoài sân trời cũng sáng rực. Trẫm thật vui mừng khó tả, sẽ không trái với lời hứa. Xin Pháp sư hãy hộ niệm, đặt tên là Phật Quang Vương.

Pháp sư lại dâng biểu chúc mừng, biểu nói:

Trộm nghe! Chí đạo bao trùm, đó là điều trời người cùng vui hưởng, cảm ứng đến thời sâu sa thì sinh ra bậc Huyền Thánh ở nơi kinh kỳ.

Kính mong Hoàng đế, Hoàng hậu! Soi tình ở trong ba không, hóa đạo trong chín cõi, cho nên có thể mở được nghiệp đế. Cỡi ngựa nương theo Nhất thừa, ở điện lan hưởng phước đầu tiên. Bèn phát nguyện với đấng Câu-chi, mà được thọ thai. Liền kết duyên đi dạo thành, thầm giúp mười hiệu giáng linh, thường hay nhiếp thọ, trăm thần làm lành, đầy đủ chốn cung đình. Cho nên đổi tai nạn mà thành tốt đẹp, an hòa sinh ra, trên hoa đi bảy bước, chín rồng cúi đầu dâng nước. Chốn huyền môn vẫn còn lưu sự tích, cây đạo chốn hư âm. Tuy đế nghiệp xưa có điềm lành ứng hiện, cũng đủ để cho đây cảm huống. Gần đây các bậc anh tài mưu lược khắp nơi đều khen ngợi. Vui vì Hoàng gia có phước thầm, chốn truy lâm mạnh mẽ, vui mừng cỡi ngựa xanh đi đến. Nguyện cho phước này không thay thế ân trước, khiến cho pháp phục không thường thay đổi, từ đó tạo thành nhân tốt. Vả lại, sự tôn kính con vua chỉ ở trong

đời này. Làm Đấng Pháp vương cao thượng vô cùng, lại thêm công đức vô biên làm khuôn mẫu đến muôn đời. Bậc thánh đức không lầm lạc, nguyện sâu không cùng. Thầm cho rằng dù đem hết tư lương trong bốn biển cũng không đủ để so sánh với hạnh đàn này. Đem hết nghiệp lực trong mười cõi cũng không gầy dựng nên phước này.

Kính mong Hoàng đế, Hoàng hậu! Trăm phước nở hoa, soi sáng cả Bắc cực. Muôn xuân thọ hưởng, vững chắc cả Nam sơn. Từ đây tạo niềm vui trong lúc tuổi già. Đạt quả Bồ-đề ở kiếp xa. Con cháu muôn đời hùng mạnh, nối nghiệp Đế vương, soi sáng vương thất, dòng dõi anh minh, hưởng phúc muôn đời. Huyền Trang xem cơ nghiệp lớn lao này, kết cục vẫn ảnh hưởng đến chốn cấm môn, sự tôn quý chẳng bằng đức lớn, mộ duyên ân nghĩa lâu dài, may mắn thì nước nhà an hưởng lúc ban sơ. Tịnh nghiệp đã khai cơ, lòng thường ôm ấp, duyên trần vô hạn, không thể vui hưởng trọn đời. Kính dâng biểu này lên thánh đức, động đến uy nghiêm, mong hưng khởi tâm đàn-việt.

Phật Quang Vương sinh được ba ngày, Pháp sư lại dâng biểu. Sa-môn Huyền Trang nói: Trang có nghe Kinh Dịch nói: Muôn sự tốt đẹp đó là ngày mới. Kinh Thi cũng nói: Cái đẹp không gì bằng mạnh cháu con. Cho nên nhà Chu phước lộc lâu dài. Nhà Hán đến mấy trăm năm, là ứng với đạo này.

Lại nghe, Long Môn hưng thạnh là do cội nguồn ở chốn xa xăm. Cây rừng phát triển là do cội gốc sâu xa rậm rạp, xin nguyện cho Hoàng thương vận khí lâu dài, để làm khuôn phép cho đời, tích trồng nhân nghĩa, nuôi dưỡng muôn dân, hưởng lạc lâu dài. Do đây mà nhị hậu soi sáng cả đại bảo, vì cơ nghiệp cháu con có thể gọi là gốc rễ sâu xa, nguồn cội được lâu dài. Bệ hạ xây dựng cơ đồ công nghiệp càng mạnh, mọi việc đều tốt đẹp hơn cả đời trước. Chế ra lễ nhạc, noi theo phép tắc của nhà Ân, nhà Chu, không cho Hoàng thất là tôn quý, chỉ vì tâm cứu giúp muôn dân. Chưa sáng đã tìm áo, tối đến lại quên ăn. Một người khoanh tay, thì muôn dặm thênh thang.

Dù là đời hưng khởi của Thành Khang cũng không được như thế. Cho nên mây lành phảng phất, sông biển đều không dậy sóng. Mưa gió thuận hòa, quê rồng nhuần hóa. Thật là bao la, thật là hùng vĩ!

Khó mà nói cho hết được. đó là do đạo cách sâu xa nên thần minh giáng phước, khiến cho ngày lành tháng tốt, Hoàng tử ra đời, trời đất chở che muôn việc đều được tốt lành. Huyền Trang vì muôn sinh, đâu chỉ vui vì thánh hậu được bình an, thật cũng vui vì có sự kế thừa của Như Lai, kính mong vua giữ lời hứa trước, tức là cho xuất gia. Đổi ngôi vị

vua thế gian mà được làm con của Đấng Pháp vương. Xin cho mặc pháp phục, đặt cho pháp danh, thọ trì ba quy y, xếp vào hàng tăng chúng, làm người nối tiếp tượng hóa, truyền bá huyền phong, làm sáng rỡ chốn thiền lâm, mở mang đạo pháp. Soi tịnh nhãn làm bậc cao túc, che chở muôn dân. Dứt trừ hai thứ ràng buộc, thành Vô thượng giác. Hoàng tử sắc thân mầu nhiệm, thí như Sơn Vương, phẩm hạnh trang nghiêm, sáng hơn cả nhật nguyệt, sau này sẽ là bậc Từ Vân trong Đại thiên. Dùng đuốc tuệ chiếu soi cả trăm ức cõi, đánh trống pháp mà diệt tan ma vương, dựng cờ phướn để xua ngoại đạo. Tiếp kẻ đắm chìm trong biển khổ, dập lửa cháy ở ngọn núi tà, tát cạn sông phiền não, dập tắt màn vô minh, làm bậc thầy cả trời người, làm đấng Điều Ngự sĩ khắp muôn sinh.

Cúi mong tiên miếu tiên linh, mượn phước Hoàng tôn mà đến bờ kia.

Hoàng đế, Hoàng hậu, nhờ phước của con mà được hưởng muôn mùa xuân, nắm giữ linh đồ trọn kiếp, thường qua lại trong chín cõi. Con mà được như thế thì mới gọi là Đại hiếu, mới đáng làm vinh hiển cha mẹ. Cho nên, Đức Thích-ca bỏ nước mà cầu Bồ-đề, chính là như thế. Há đâu chỉ cầu chút lành cỏn con, giữ lấy cái tài thường thường. Nói theo ngày thì có hơn kém, nói theo năm thì có cạn sâu, kính cẩn mang y trì bát để cầu làm khách thiện lai. Rửa sạch đồ đựng để mong đến được du thành. Vì mong điều tốt đẹp, nên dâng biểu trình bày phạm đến thần uy.

Vua liền cho con thọ ba quy y mặc pháp phục ca-sa, tuy nói là nuôi nấng, nhưng vẫn ở gần chỗ Pháp sư. Đến hai ngày mùng năm tháng mười thì vua sắc chỉ vì Phật Quang Vương mà độ bảy người thỉnh Pháp sư làm thầy thế pháp.

Pháp sư lại viết biểu tạ rằng:

Sa-môn Huyền Trang nói: Hôm qua phụng trì ân chỉ, khiến Huyền Trang này làm thầy thế phát cho Phật Quang Vương, và độ thêm bảy người. Rồi khi xuống tóc, bao nhiêu phiền não của vua đều tiêu mất, tăng được độ cũng là thị vệ của vua, cũng đủ làm rung chuyển cung điện của Ba-tuần, mở rộng cửa tịnh cư. Hạnh nguyện đã sâu, phước lực cũng mạnh, há cho đó là người tầm thường hay sao? Đắc hiệu kỳ ở nơi thiên phu, dù là người phàm cũng mong được nhập đạo. Trên dưới đều vui mừng đàm đạo, vui mừng lẫn lộn. Thầm nghĩ: Sự chở che bảo hộ chính là nơi đảo châu báu ban đầu. Nhân của giải pháp, chính là ở sự tô điểm đầu tiên. Kính mong Hoàng đế, Hoàng hậu! Đạo là ảnh tượng bên ngoài, phước hợp ở bên trong, cho nên quang khởi diệu môn, phải

tu lấy đức làm cội gốc. Nguyện Bệ hạ được hưởng phước, ngọc thể kéo dài cho đến trăm tuổi. Phật quang kỳ tử, nhũ bộ duy nghi đều có thiện thần che chở, chư Phật xoa đỉnh đầu, tư chất càng thêm anh minh. Đáng làm bậc nối tiếp làm hưng thạnh hạt giống Thánh. Các vị tăng vừa mới độ, thọ nhờ ân đức sâu xa cũng đến tiến tu đạo nghiệp, giữ gìn giới hanh chuyên tinh, như thế mới khỏi phụ ân nuôi dạy, xin kính cẩn dâng biểu.

Ngày hôm đó, Pháp sư vì để chúc mừng Phật Quang Vương đầy tháng, cùng tiến cúng pháp phục, nên dâng biểu.

Sa-môn Huyền Trang nói: Hôm nay là ngày mừng đầy tháng của Phật Quang Vương. Thầm nghe: Nương gió bay lên, lâu ngày thành rỗng không, soi trăng mà ngọc sáng, đi khắp nơi mà thành tựu, cho nên biết, biểu tượng của linh vật, lượng xét do trời, sau đó mới phát ra những điều hay đẹp để cho người phán quyết. Chỉ có Phật Quang Vương, lấy việc cao quý để báo điềm tốt, bày lý trung hòa để nuôi đức, tự giáng sinh nơi vườn lâm-tỳ-ni, các vị trời đều đến chiêm ngưỡng duệ chí thanh cao, dáng vẻ anh tú, sớm tối đều vui tươi. Nếu chẳng phải mặt trời tuệ sâu dày của Hoàng đế, Hoàng hậu, dùng pháp mới thấm nhuần, đem nối tiếp ở nơi Bàn Thạch, khải lạc sức ở trời, người thì ai có phước để thọ nhận y báu này. Làm sao để Hoàng tử nhũ bộ, không tai không hại. Tuy nhỏ mà rộng lớn biết bao!

Nay tinh khí sơ hoàn, tư dung đã đủ tháng, nhỏ mà lại lớn, như hoa sen xinh đẹp muôn phần. Cho nên được nuôi dưỡng trong điện tía cung vàng, mọi người ai cũng vui vẻ. Bảy chúng đều trở về, bốn cửa đều đứng nhìn, há không cao đẹp hay sao?

Huyền Trang may mắn được nhờ ân sủng. Xem như tình sư đệ đồng phạm thật là tha thiết. Cho nên ôm hoài bão mới tiến dâng bộ Bát-nhã Tâm Kinh chữ vàng một quyển, Báo Ân Kinh Biến một bộ, ca-sa pháp phục một y, lò hương chữ báu, v.v... và nhiều vật dụng quý giá khác.

Để sung vào đạo cụ, để biểu lộ niềm vui riêng, dùng ngọc chương để chúc mừng sinh nam tử, dùng cung tên để trừ hình phạt. Thiện thần nhìn thấy đều rất vui mừng, nguyện rộng nhân đó mà vững chắc, xem thường bổng lộc, thất là đáng sợ. Kính mong Hoàng đế, Hoàng hậu uy quyền nắm giữ đã thông suốt lại tỏ sáng, thấy được điềm lành mà sinh tâm vui mừng, hưởng phước lạc cả muôn mùa xuân, thắp sáng cả vùng biển nhỏ.

Kính nguyện Phật Quang Vương, được ngàn vị Phật xoa đảnh,

phước duyên trọn đầy. Đức âm ngày một thạnh, uy tướng phi thường. Nay phụng biểu kính dâng.

Tháng hai mùa Xuân năm thứ hai, vua xa giá đi đến cung Lạc Dương, Pháp sư cũng đi theo và hơn năm mươi vị tăng theo phiên dịch. Mỗi vị có một người đệ tử theo để cung cấp mọi việc. Xa giá của Phật Quang Vương đi trước. Pháp sư cùng chung với Vương tử, chư tăng đi theo sau. Khi đến nơi thì được sắp đặt ở cung Tích Thúy. Đến tháng tư mùa Hạ xa giá đến cung Minh Đức tránh nóng, Pháp sư cũng lại đi theo, được sắp đặt ở điện Phi Hoa. ở phía Nam cung này giáp một khe suối. Ở phía Bắc của bến sông lạ vốn là cung Hiển Nhân của nhà Tùy.

Đến tháng năm cho Pháp sư trở về cung Tích Thúy để phiên dịch. Pháp sư vâng thánh chỉ, liền viết biểu tạ.

Sa-môn Huyền Trang nói: Vâng chỉ Thánh thượng trở về cung Tích Thúy dịch kinh. Đã chịu ân trạch nhiều, lòng càng thêm vui mừng, nghĩ đến việc xa lìa chư tăng đều bồi hồi xúc động. Huyền Trang đem công huân chứa nhóm của mình để cảm tạ ân đức sâu xa của Thánh quân. Kính mong Hoàng đế, Hoàng hậu! Thánh triết sâu rộng, nhân từ nuôi nấng, nên khiến cho muôn loại đều được bình yên. Đã ở gần bên mà lại ngăn cách, thuận theo xe loan mà khởi từ bi, lên ngọn Tỳ-lãnh nghĩ mọi việc mà lòng vui mừng.

Kính mong Ngọc Vũ Diên Hòa, tiên thần đem đào đến dâng lên, gặp cam tuyền giải trừ nắng hạn, giao du nơi dòng Dao Thủy. Lúc trời nóng thì có cây đón gió, khi trời lạnh thì làm cho ấm. Cho là niềm vui trong vạn xuân, cam từ bỏ cửu thệ, không đạt đến chỗ cảm biến. Kính cẩn trong dâng lời phụ biểu lên tôn thánh đức.

Những ngày Pháp sư lưu trú ở tại kinh thành, trước phiên dịch luận Phát Trí ba mươi quyển và Đại Tỳ-bà-sa nhưng chưa xong, khi đó có sắc chỉ bảo Pháp sư rằng: Từ đây Pháp sư muốn dịch bộ kinh nào thì nên dịch trước những bộ chưa ai dịch. Những bộ đã có người dịch rồi thì nên để sau này sẽ liệu. Pháp sư lại dâng biểu tâu: Thầm nghe: Đội mũ miện làm vua ở đời là do đời trước có tu. Các việc làm đều giữ lấy đức độ sâu xa. Hoàng đế tạo phước ở chốn Huyền đạo, nay được làm vua một cõi bao la, sáng lập cơ nghiệp ở Vũ Lăng, mở ra nhà phiên dịch, giáng tập Hồng Tự, soi sáng cả nghìn xưa, để tiếng lại muôn kiếp.

Bệ hạ! Theo nghiệp lớn biên tập, mở ra vận học xa xôi. Thần dung ngày một mới, thường xem qua không hề mỏi mệt.

Huyền Trang thấm nhuần thiên tạo, có được trí tuệ, mỗi khi nghĩ đến lòng thường lo lắng, nghĩ suy. Ngày qua tháng lại nhận được sắc chỉ

phiên dịch kinh luận ở đây. Vẫn biết các bộ chưa dịch thì nên dịch trước, những bộ đã dịch rồi thì để dịch sau. Nhưng " luận Phát Trí Tỳ-bà-sa" có hai trăm quyển, ở đây trước kia chỉ dịch được có phân nửa, mới hơn một trăm quyển, mà văn phần nhiều sai sót, lộn xộn. Nay cần phải sửa sang dịch lại. Từ mùa Thu đến nay đã dịch được hơn bảy mươi quyển, còn hơn một trăm ba mươi quyển chưa dịch. Bộ luận này người học đạo rất cần, mong được dịch cho xong. Còn các bộ luận khác thì có bộ dịch lược rõ ràng, các bộ sai sót khác nhau, cũng mong được dịch tiếp theo.

Theo lời của Pháp sư trình lại, nên vua bằng lòng. Pháp sư rất ít khi rời kinh thành Lạc Dương. Nhân lúc có tin từ quê nha gởi đến, nên Ngài muốn trở về chốn cũ để thăm viếng người thân. Mọi người đều lưu lạc hết, chỉ còn lại người chị gái ở Doanh Châu tên là Trương Thị, Ngài liền đi mời về, chị em gặp nhau mừng mừng tủi tủi. Ngài hỏi thăm chị về mộ phần cha mẹ ở đâu. Rồi tự mình đến đó thăm viếng quét dọn, vì đã lâu không ai chăm sóc nên hoang phế đổ nát. Pháp sư ý muốn tìm một vùng đất tốt để cải táng lại có đủ quan quách, tuy vậy Ngài vẫn chưa dám tự chuyên. Pháp sư liền dâng biểu tâu rằng: Pháp sư nói: Huyền Trang không may sớm mất cha mẹ, lại gặp lúc loạn lạc đời Tùy, tang dâu thay đổi, sự sống không cùng, đã trải qua hơn bốn mươi năm, mộ phần cha mẹ đều bị hư hoại tiêu điều, trải qua năm tháng lòng chẳng được an. Nay xin cùng chị được cải táng mộ phần vì nơi nay chật hẹp, nên dời về phía Tây. Để báo đáp ân sâu của cha mẹ trong muôn một.

Qua hôm sau nhận ân sắc chỉ cho Huyền Trang ba mươi ngày trở về quê lo cải táng. Nhưng Pháp sư không còn anh em, chỉ còn người chị không thể làm đúng kỳ hạn. Ngày mùng một tháng mười hai thì quàn lại. Còn việc cải táng lo liệu chưa xong, vua ban cho ba mươi ngày sợ rằng không kịp trở về. Hoàng đế ra ân cho Huyền Trang cải táng xong mới về. Có một thượng khách Bà-la-môn nay cũng theo về, nếu làm quá sơ sài sợ người chê cười. Cho nên chẳng thể bắt buộc được. Ngài lại viết biểu dâng lên vua. Vua xem biểu liền cho theo lời thỉnh cầu. Lại bảo quan Sở ty, nếu Pháp sư có cần gì thì nên cung cấp. Pháp sư được ân trạch của vua, lại viết sớ từ tạ.

Sa-môn Huyền Tang khải tấu:

Huyền Trang trải qua bao tai nạn nổi chìm, mộ phần cha mẹ điêu tàn mà vẫn còn đến hôm nay.

Nhưng mộ phần nơi đây trải qua nhiều năm tháng bị hoang phế tiêu điều. Nay nghĩ đến việc cải táng, gặp sự trắc trở núi rừng, khó được thành tựu. May mắn nhờ ân Thánh đức, được trở về quê cũ cho tròn tâm

nguyện.

Lại mong ân che chở của Hoàng đế, Hoàng hậu, mọi việc đều được giúp đỡ. Quả thật là ánh sáng của trời trăng ở nơi sỏi đá mà vẫn còn tỏa sáng. Mây gió đượm nhuần dù cỏ dại cũng vẫn tươi thắm. Cảm tạ ân lớn lòng vui không kể xiết. Cho đến kẻ còn người mất đều được thấm nhuần ân đức. Nay viết lời khải tấu trình lên. Việc nặng mà lòng nhẹ, không thể nói hết được.

Pháp sư được vua cho phép, bèn lo việc cải táng. Việc tống táng thật là uy nghi và được quan gia cung cấp đầy đủ. Hàng tăng tục đến dự lễ có cả ngàn người. Sau đời Hiếu Văn Hoàng đế nhà Ngụy, dời kinh đô về Lạc Dương, ở phía Bắc núi Thiếu Thất lập chùa Thiếu Lâm, vì địa thế có cao thấp, nên gọi là thượng phương, hạ phương, có khoảng mười một, mười hai viện. Phía Đông có ngọn Tung Nhạc, mặt Nam là Thiếu Phong, phía Bắc nương ngọn Cao Lãnh, và cả Tam Xuyên. Nơi đây núi đá cao ngất. Suối mây lượn quanh uốn khúc, các loại thông bách, lau lách, tre nứa mọc quấn quít. Các loại quế bạch, kỷ tử, tiêu sâm mọc chen chúc tạo nên cảnh thanh hư huyền ảo, thật chẳng khác gì cảnh bồng lai. Ở phía Tây đài thật là rực rỡ, tức là nơi ngài Bồ-đề-lưu-chi dịch kinh. Cũng là nơi Thiền sư Bạt-đà an tọa, nay còn thấy tháp để lại di thân Ngài.

Cuối niên hiệu Đại Nghiệp, giặc giã loạn lạc nổi lên không dứt, các món quý báu ở khắp nơi bị tàn phá, cướp bóc hết. Chùa ở dưới ngọn núi phía Tây bắc, thuộc hướng Đông nam huyện Câu Thị là thôn Phượng Hoàng Cốc Trần, cũng gọi là Trần Bảo, tức là sinh địa của Pháp sư. Ngày hai mươi tháng chín mùa Thu, Pháp sư được mời đến chùa Thiếu Lâm để phiên dịch.

Lại dâng biểu tâu: Sa-môn Huyền Trang nói: Huyền Trang nghe: Nơi cõi Bồ-đề xa xôi, người muốn đến đó phải mượn tư lương, sông sinh tử mênh mông, người muốn vượt qua phải mượn lấy thuyền bè. Tư lương đó tức là diệu hạnh của ba học, ba trí. Chứ chẳng phải là loại bình thường.

Thuyền bè, là tịnh nghiệp của tám nhẫn tám quán, chẳng phải là tàu bè các phương. Đó chính là phương tiện để đến bờ đạo quả. Phàm phu thiếu nó thì sẽ đắm chìm trong sinh tử. Do đó mà mê mờ trong ba cõi, trôi giạt trong dòng sông bảy lậu. Ra vào trong bốn cõi, trói buộc trong mười triền, chẳng có nơi nào không làm cho tâm mê ý loạn, cùng kiếp bị chèn ép mà không sợ hãi, chúng sanh bị mê lầm nên không hề biết nương vào ba xe để ra khỏi nhà lửa. Nương theo tám chánh mà

đến đảo châu báu, thật là đáng thương. Mỗi lần nghĩ đến tình Khổng phụ thì lòng không khỏi bùi ngùi, đến nỗi ăn không ngon, ngủ thường không yên. Huyền Trang mỗi khi nghĩ đến thân này do các duyên giả hợp tạo thành, niệm niệm đều vô thường, dù là cây bờ dây giếng, cũng không nguy hiểm bằng, thành Càn-thát-bà như bọt nước thì đâu thể dụ cho sự bền chắc vững vàng, cho nên sớm tối đều có kì hạn đâu mong gì được lâu dài. Mà năm tháng như dòng nước. Năm nay sáu mươi, già suy đã đến. Một niệm qua nhanh, sinh vào bờ nào có thể biết được. Lại lúc thiếu thời vì cầu pháp nên tìm thầy học bạn, các nước chẳng nơi nào không đến. Đường xá xa xôi trắc trở, năng lực mình thì có hạn. Mấy năm gần đây lại thêm yếu sức, tấc bóng thời gian nào được bao lâu. Tư lương chưa đủ, đường trước đã thúc giục, cho nên chẳng ngày nào không thương xót thở than, dùng ngòi bút đen này ra trình bày thật không thể hết được. Nhưng cón chút may mắn gặp được vị vua sáng suốt, nhờ ân tiên triều, lại nhờ Bệ hạ hết lòng ủng hộ che chở, nên được thấm nhuần bên dòng nước từ đã lâu năm. Cho đến nay được chút tiếng tăm, không cánh mà được bay. Ngồi trên ngọn Lăng Tiêu Hán, thọ bốn việc cúng dường. Vượt lên hoa Luân Bối. Người xưa mong cầu là điều chưa từng có. Huyền Trang nào có công đức gì mà được như vậy. Đây là do sóng trời lồng lộng, nhật nguyệt đều đến. Càng khiến cho yến thạch làm châu báu, ngựa hèn làm quý, xét lại thân mình lại càng thêm hổ thẹn. Vả lại, những việc tà ác dẫy đầy thật là yếu chỉ thanh nhã của tiền triết. Ít muốn biết đủ cũng là giới ngôn của Phật Huyền Trang tự xét, nghề nghiệp là hư giả, danh tiếng cũng không giữ, thiên từ thánh đức cũng không nên tham mạo. Chỉ momg dùng thân mạng này nơi chốn núi rừng, lo tụng niệm lễ lạy kinh hành, để báo đáp ân sâu. Lại mong Bệ hạ mãi là vị vua thánh Chuyển luân, ban bố Pháp vương, bao nhiêu kinh sách từ Tây Vực mang về đều cho phiên dịch, Huyền Trang vì người mà lạm nhận trách nhiệm quan trọng này. Đã vâng thiên chỉ nên sớm tối lòng chẳng được an. Nay đã dịch xong hơn sáu trăm quyển, đều là tông yếu trọng ba tạng, là nòng cốt của Đại, Tiểu thừa, là rừng thiền của ngôi vị phàm Thánh, là biển cả của tám muôn pháp môn, bên Tây Vực đều khen ngợi, lấy làm kinh điển để giữ nước giữ thành, cho nên văn nghĩa không phơi bày ra thì không được. Dụ như chọn cây được rừng, tùy sự mong cầu mà có lớn nhỏ. Thâu châu báu nơi biển cả rồi lấy những viên tròn vuông, người học đạo đối với tông phái rất lờ mờ, Huyền Trang đem công đức này để báo ân nước. Lòng thành không thể dứt. Tuy nhiên, sự mong muốn muôn lần không được một. Muốn

dứt phiền não thì phải có tư lương định tuệ, như xe hai bánh, thiếu một thì không thể đến. Như muốn nếm mùi vị kinh luận tuệ học thì phải nương chốn thiền lâm, an tọa định học. Huyền Trang từ nhỏ đã được chuyên tinh giáo nghĩa. Nhưng ở nơi bốn thiền chín định không hề được an tâm. Nay nguyện mượn chốn thiền môn để lắng tâm định thủy, chế ngự tình trường buông lung, tâm vượn ý ngựa. Nếu không thúc liễm ở chốn núi sâu thì làm sao thành tựu được đạo nghiệp. Thầm nghĩ nương nơi chốn núi cao thật kín. Ở trên ngọn Thông Lãnh núi non nhiều lớp, lấy chốn phong vân mà nuôi hai trí, cây quả sung túc, hoa trái thanh hư, thật là danh sơn trong nước thần nhạc ở cõi này. Trong đó, lại có chùa Thiếu Lâm, và nhiều ngôi chùa khác, đều là chốn núi non thanh nhã, suối nguồn bao la. Các nơi điện Phật đều trang nghiêm, liêu xá u nhàn vắng lặng, đây chính là chỗ vào đời Hậu Ngụy có Tam tạng Bồ-đề-lưu-chi dịch kinh ở đây. Thật có thể nương vào đây mà tu thiền quán. Lại nữa, các hàng triều sĩ lưỡng sơ còn bỏ hết mà trở về đây tu dưỡng. Kẻ sào hứa tục nhân còn biết tìm về nương náu chốn chân tịnh, huống chi Huyền Trang đã xuất gia, phiên dịch kinh điển, phải lấy cảnh thanh phong vắng lặng mà thêm lòng hổ thẹn. Kính mong Bệ hạ! Đức sáng hơn bảy sao, soi cả chín cõi u huyền. Xin lượng xét lời ngu thành này, ban lời cho phép, để cho Huyền Trang này xa lánh nơi ồn náo thị thành, lánh ảnh tích ở nhân gian, bỏ bầy nai trần tục, mà làm bạn với loài hạc, giữ thân trên phiến đá, che bóng nơi cây cối, quán sát tâm mình để thấy rõ thật tướng các pháp, khiến cho bọn bốn quỷ chín kết, không có chỗ để xuyên tạc. Tâm năm nhẫn mười hạnh, cùng đều phát khởi, từ đây mà phát tâm Bồ-đề, làm nhân duyên tiến đến bờ giác. Ngoài không lụy ở Hoàng phong, trong thì tăng thêm hạnh nghiệp, dùng đó để báo ân Phật tổ. Nếu được lời cho phép, thì cảnh Lư Sơn vắng lặng của ngài Tuệ Viễn, chốn cao sâu thanh huy của Đạo Lâm sẽ tìm đến dung thân. Nhưng vì muốn dành thời gian phiên dịch thiền quán, nên không được niềm vui như ý nguyện.

Vua xem xong biểu tấu thì không bằng lòng, đến ngày mùng một tháng hai, vua hạ thần bút viết thư bảo rằng: Xem qua biểu tâu biết ý Pháp sư thích chốn núi sông vắng lặng, tìm nơi xa xôi mà tu đạo. Mượn cõi Thiền tịch mà ngưng hoặc tu chân, tiếp đạo phong huy. Thật là cao thượng. Trẫm nghiệp không học ít, chẳng nghiên cứu sâu sa. Bởi lẽ trí cạn tâm mỏng chưa thể nhận thức được. Pháp sư là rường cột trong ba cõi, đạo sư của bốn loài. Trí sáng tâm trong, định ý đều ngưng bặt. Nếu chẳng phải tình trần rỗng rang, thì trí thức làm sao tỏ sáng. Nếu đạo đức

không đủ đầy, thì làm sao ở chốn thái hoa núi thẳm. Lấy chỗ vắng lặng làm nhà, thì đâu cần phải dựa chỗ núi non để làm thiếu thất. Vậy xin Pháp sư chớ cầu thỉnh nữa. Ở chốn thành đô đại ẩn thì đâu riêng quý đối với các bậc tích hiền. Dùng sự thấy nghe để làm lợi ích cho muôn người thì đều đáng quý trọng. Sắc lệnh vua ban ra rồi nên Pháp sư không dám thưa thỉnh nữa, sau đó Pháp sư lại dâng biểu từ tạ:

Pháp sư Huyền Trang nói: Sứ nhân là Lý Quân Đức đến trao chiếu chỉ. Nét chữ vẫn còn màu mực đỏ, lời văn sâu sắc sáng tỏ. Hình ý cao xa lỗi lạc, thấm nhuần khí gió mây, nếu chẳng gọi là để tiếng trăm năm, thì cũng đáng là xuân hoa văn vật tinh túy. Vua tuy ở chốn Lạc Dương, chợt thấy được vật báu ở Côn Kinh, nhận lấy mà lòng vui mừng tột cùng. Xưa, Quý Trọng nhận được trát của Ngụy Quân, chỉ bày ra sự ngang trái chia lìa. Tuệ Viễn nhận được thư của Tấn Đế, mới khiến cho được cấp gạo, chưa thấy được từ chương đạt đến chỗ vắng lặng, yếu chỉ có thể xả bỏ được. Lời chỉ dạy ẩn hết tính triều nội. Cho nên giữ được lòng của thánh chủ, chân tục đều cùng tận, bao gồm cả hữu vô. Vượt lên Hy Càn cao lớn, lên xe ngựa mà dạo khắp xa gần. Nhưng Huyền Trang này lòng trắng như tơ mà sợ còn chưa rõ được. Thân cát đằng cũng mong được làm tùng kỷ, thường nguyện khói mây ráng chiều ở thiếu thất, chợt gặp được suối đá ở chốn núi cao, dùng cái tình yếu hèn, tạo nên chí phòng hỏa. Cho nên dám đem hết lòng ngu thành dù chết cũng xin trình bày ra, lòng từ của thợ gốm không dời được chim nhỏ. Mây cao thấm ướt không đủ che chở các loài côn trùng. Ánh sáng đã soi đến mà không được người lượng xét cho phép, nên cũng mong gia ân cho Huyền Trang này, dù không được toại nguyện, cũng không dám cầu xin nữa. Xin dâng biểu khải tấu mấy lời.

Ngày mồng năm tháng mười một thì Phật Quang Vương đầy năm. Pháp sư lại cúng một bộ pháp y cho Phật Quang Vương và lại dâng biểu tâu rằng:

Huyền Trang nghe: Lan được trồng nơi vườn tím, người được xem qua thì rất vui mừng, quế được sinh ra và lớn lên ở chốn Thanh Khê, người nào gặp đều ưa thích. Cỏ cây còn như thế, huống chi là con người? Huống chi là bậc Thánh? Kính mong Hoàng đế, Hoàng hậu! Nắm dung mạo thần duệ, lòng ôm đức trời đất, giữ lấy khu hạ, nuôi dưỡng muôn sinh, trùng tu cảnh chùa, rộng hưng khởi phước đức, làm lớn thêm sự nghiệp muôn đời. Trợ duyên đảnh thọ kim cang vững chắc. Đã huân tu khéo léo, khiến cho Hoàng Thái tử cơ thần ngày một mạnh. Lô Vương tài ý sáng soi. Phật Quang Vương càng tỏ sáng hơn người. Có thể gọi là

vượt hơn cả Chu Thương, được tôn sùng như Hoàng đế. Cháu con muôn đời được đầy đủ. Huyền Trang kém cõi, phận hèn mà thường được tham kiến vua và Thái tử, lòng thật vui vẻ khôn cùng. Nay là ngày sinh đầy năm của Phật Quang Vương, lễ vật chúc mừng, với chút lòng ngu thành kính dâng một bộ pháp phục.

Lại nguyện Vương tử, muôn thần đều ủng hộ, trăm phước đều phò trì, ăn ngủ đều được an hòa, mọi việc đều được an ổn, nối tiếp làm hưng thạnh Tam bảo, chấn phục bốn ma, hành hạnh Bồ-tát, thừa kế sự nghiệp của Như Lai, cho đến không gì vui mừng bằng cành vàng lá ngọc, muôn phần tươi tốt. Nay kính cẩn dâng biểu và y theo thánh đức, xem thường thần minh, rất đỗi sợ hãi.

Pháp sư lúc này ở tại cung Tích Thúy phiên dịch, không hề dừng nghỉ, lâu ngày dồn khí thành ra bị bệnh. Các quan tâu lên vua, vua nghe qua không được vui, liền sai các thầy thuốc Lữ Hoằng Triết cùng vào thăm bệnh Pháp sư. Huyền Trang vui buồn khôn xiết, lại viết biểu tạ ân.

Sa-môn Huyền Trang nói: Các vị sứ nhân là Lữ Hoàng Triết có đến thăm viếng an ủi. Hơi thở trong ngoài gần như muốn dứt, bỗng nhiên có thánh chỉ đến thăm viếng. Thân bệnh liền ngồi dậy, như đang đối diện với vương miện, như đem đặt vào dòng nước hồi sinh.

Huyền Trang vì bị ép ngặt trái mùa thành ra bị bệnh, tâm bệnh càng thêm u uẩn, xương thịt đau nhức, ăn ngủ đều khó khăn, hơi thở cũng đứt đoạn. Sợ có điều gì sẽ làm nhơ bẩn cung cấm, lòng những muốn tìm chỗ núi sâu vắng lặng, nhưng sợ làm kinh động đến vua Thánh, chưa dám tự tiện trình lên. Bèn y theo lời thăm hỏi đến nơi bổn tự. Bệnh do sự lao nhọc quá đáng mà thành nặng. Tâm cũng chia cách rõ ràng. Tuy vậy lại có thuốc thang đầy đủ, nên bệnh cũng bớt dần.

Xin nguyện thần minh soi sáng cả trời trăng, lượng xét cho lòng ngu thành này, ân trạch như sông biển, đều bao dung che chở, đâu thể đem sự may mắn này đến chỗ mầu nhiệm mà soi giáo pháp ở nơi kinh điển cho được?

Mong bày tỏ lẽ công đạo, dùng giới luật để răn mình, hồ linh này có mục nát vẫn chịu ân soi sáng, khắc ghi mãi trong lòng. Tự xét đó chẳng phải là việc tầm thường, nếu có chút gì lo liệu, cũng muốn chiếu soi tới bờ bến. Nhưng tiếc là ân kia chưa đáp, thì mạng sống hao mòn, lòng nghĩ đến sự ân cần của vua thân đầy mệt nhọc, lấy việc săn bắn để luyện võ, dùng cái tình ở tại quân binh, dùng lòng nhân chiếu soi muôn vật. Lại ban công cho người hiền, xa gần đều vui mừng tìm đến, trên

dưới đều hớn hở. Gió mạnh quét sạch cả bụi trần, thần núi che chở nơi hoang vắng, lòng cung kính động cả đất trời quả thật là điềm tốt.

Vì sợ ân đức khó đền, nên dâng biểu xin chịu tội. Lo lắng thất lễ nên vâng sắc chỉ liền khải tấu từ tạ. Vua xem xong biểu tấu thì vui lòng, ba ngày sau, liền sai xứ đi thỉnh Pháp sư vào cung để cúng dường, bốn thứ cần dùng, lưu lại ít ngày, rồi lại đưa Pháp sư trở về cung Tích Thúy, vẫn dịch kinh như cũ. Đến mùa Đông tháng mười hai cung Lạc Dương đổi thành Đông Đô, vì đất đai ở đây chất hẹp, mới chia ra hướng Đông là sông Tỷ của Trịnh Châu, sông Hà Dương ở Hoài Châu. Phía Tây thì bỏ Cốc Châu và các huyện ở sông Mẫn đều bị lệ thuộc. Pháp sư vì thấy quê nhà ngày càng mở rộng phát triển nên viết biểu chúc mừng.

Sa-môn Huyền Trang nói: Thầm nghe đầu con chim thuần mang gậy thiếc đời Tần, vua y theo điềm đó mà xây Kim Thành. Qui đồ tiến vào nhà Hạ, Trung Kỳ đổi thành Ngọc Tuyền. Nên biết sự linh ứng trời ban cho để tạo cơ nghiệp hiển hách. Do đó nói là lấy việc đó để bói xem sự nghiệp sáng sủa truyền bá rộng về sau.

Kính mong Hoàng đế, Hoàng hậu! Đo lường sự vật để ứng dụng mà an ủi bá tánh, trong dãy đất rộng lớn đó đều an ổn vui hòa. Do đời trước có chế ra Ngọc Hoàn Vĩ, lấy theo dạng kinh thành nhà Chu mà xây dựng thành quách. Nhưng vì cung điện nhỏ hẹp nên đổi thành nơi đóng binh trước kia. Tiết chế tại niệm, nơi đây sao Chẩn sao Thần tỏ sáng. Tự xét chẳng phải đây là trung tâm qua lại của các nơi, đâu thể lưu lại được? Hiệu lệnh vua đã ban, cho nên lúc ban sơ, nơi núi sông vắng lặng, chế ra đầu tiên. Khói mây lả tả mà làm động sắc, chói sáng cả mặt trời, nắm giữ phong thanh, thần kỳ đều ảnh hưởng. Huyền Trang này cảm tài đức của người mà chẳng dám sánh, tâm kính phục lại càng sâu. Nơi chỗ giao nhau của ba sông thấm nhuần hết làng xã cũ, ngàn năm sau uất kết tạo nên các thôn xóm mới. Chốn thiền môn tuy bị cỏ lấp mà khí lực vẫn còn, huống chi ánh sáng vua Thánh chiếu tỏ, xa gần đều vui mừng. Thánh thượng còn an ổn, các quan đều hết lòng gánh vác, thật may mắn vô cùng, xin kính cẩn dâng chiếu trình bày tạ ân.

Đến tháng giêng, năm thứ ba, vua xa giá về lại Tây Kinh.

Pháp sư cũng theo trở về

■

TRUYỆN TAM TẠNG PHÁP SƯ CHÙA ĐẠI TỪ ÂN, ĐỜI ĐẠI ĐƯỜNG

QUYỂN 10

BẮT ĐẦU TỪ THÁNG GIÊNG NIÊN HIỆU HIỂN KHÁNH NĂM THỨ III, PHÁP SƯ THEO XA GIÁ TỪ LẠC DƯƠNG TRỞ VỀ TÂY KINH, ĐẾN THÁNG HAI NIÊN HIỆU LÂN ĐỨC NĂM ĐẦU, XẢ BÁO THÂN TẠI CUNG NGỌC HOA

Tháng giêng, niên hiệu Hiển Khánh năm thứ ba, xa giá từ Đông Đô trở về Tây Kinh, Pháp sư cũng theo về.

Đến tháng bảy lại có chiếu chỉ mời Pháp sư về chùa Tây Minh.

Chùa này xây dựng ngày mười chín tháng tám năm Mậu tý, niên hiệu Hiển Khánh năm đầu.

Trước đã có chiếu chỉ sắc rằng:

Ở phường Diên Khang là nhà cũ của vua trước. Nay Hoàng Thái tử muốn chia thành Quán và Chùa. Nên khiến Pháp sư coi sóc các nơi ấy.

Khi Ngài trở về tâu lại là nơi ấy đất hẹp, không thể làm được cả hai. Thế là cho sử dụng hết để xây chùa, nhà Quán đổi lại thành phường Phổ Ninh. Nhưng trước phải xây chùa. Tháng sáu năm đó chùa xây dựng xong, mặt chùa hơn ba trăm bộ, chu vi khoảng mấy dặm. Hai bên thông với đường xe chạy, sau lưng là chợ, có hàng hòe xanh trồng bên ngoài, có khe nước ở giữa. Cảnh cũng đáng vui, một nơi thờ tự ở chốn đô thành, đây là bậc nhất. Mà hàng hiên nơi cung điện lầu đài vượt hơn cả đời Hán. Phô bày các loại cây cẩn vàng hoa mắt rực rỡ. Có mười viện, hơn bốn ngàn gian. Thật vĩ đại trang nghiêm, dù cho cung điện đời Lương, đời Ngụy cũng không thể sánh bằng.

Vua lại sắc chỉ cho các quan Sở ty, chọn năm mươi vị Đại đức, mỗi vị một người thị giả, lại tổ chức cho thi khảo nghiệp hạnh của một trăm năm mươi đồng tử để thế độ. Đến ngày mười ba tháng đó, tại chùa có mở lễ thiết trai độ tăng, mời Pháp sư làm thầy thế độ xuất gia cho các

vị này.

Đến ngày mười bốn tháng bảy, đón rước chư tăng vào chùa, có đầy đủ nghi thức cờ phướn, lọng báu, âm nhạc. Khi các Đại đức đã vào chùa Từ Ân thì cũng đón rước bia lập khuôn phép cho chùa. Sắc chiếu bảo chùa Tây Minh cấp cho Pháp sư một ngôi thượng phòng. Các vị tân Sa-di thì cấp cho mười vị để làm đệ tử Ngài.

Vua trước kia vốn đã xem trọng Pháp sư, sau khi lên ngôi càng hết lòng tôn kính. Thường sai các vị đại thần trong triều đến thăm hỏi không dứt. Lại cùng dường Ngài pháp y tăng phục trước sau cả muôn thước, cùng cả trăm vật dụng khác. Pháp sư thọ dung cũng đều vì nước mà xây tháp và in kinh tạc tượng, cấp thí cho người nghèo và cúng dường các vị Bà-la-môn ở nước ngoài. Tùy theo sự thọ dụng mà cúng thí hết chứ không giữ lại. Ngài phát nguyện lập ra mười pho tượng Câu-chi Phật. Cả trăm muôn đồng một tượng câu-chi, tất cả đều được thành tựu. Ở Đông Quốc này thường chú trọng kinh Bát-nhã. Đời trước tuy có phiên dịch nhưng chưa đầy đủ. Đại chúng thỉnh Ngài phiên dịch lại. Nhưng Bát-nhã là bộ kinh lớn, ở kinh đô lại nhiều việc, mạng sống thì vô thường, sợ rằng khó xong kịp. Pháp sư tâu vua xin dời về cung Ngọc Hoa để phiên dịch. Vua bằng lòng, đó là vào khoảng tháng mười mùa Đông năm thứ tư. Pháp sư từ kinh đô dời về cung Ngọc Hoa để phiên dịch. Các Đại đức và đại chúng cũng đồng đi theo. Mọi việc đều được cung cấp như cũ. Khi Pháp sư đến thì được an trí ở viện Tiêu Thành. Đến ngày mùng một tháng giêng năm thứ năm bắt đầu phiên dịch bộ kinh Đại Bát-nhã. Kinh này bằng Phạm bổn có hai mươi muôn bài tụng. Văn đã rộng lớn, học chúng xin Ngài san lược lại. Pháp sư đều thuận theo ý đại chúng, dịch lại các phần mà ngài La-thập đã dịch, lược bỏ hết các phần quan trọng. Như thế nghĩ đã xong. Vào một đêm nằm mộng thấy các việc rất đỗi lo sợ như muốn răn nhắc cảnh tỉnh Ngài. Hoặc thấy xe sa vào chỗ nguy hiểm, hoặc thấy hổ dữ bắt người. Ngài kinh hãi bỏ chạy toát mồ hôi mới thoát được. Khi tỉnh dậy lại càng lo sợ. Ngài nói lại cho đại chúng nghe, rồi dịch rộng y như kinh bổn. Trong đêm đó, lại nằm thấy chư Phật và Bồ-tát phát ra ánh sáng giữa hai đầu chân mày, xúc chạm vào thân và tâm thì ưa thích. Pháp sư lại thấy mình chấp tay cầm đèn hoa đến cúng dường chư Phật. Hoặc bay lên tòa cao nói pháp cho đại chúng nghe. Có rất nhiều người vây quanh cung kính khen ngợi. Hoặc mộng thấy có người cúng cho mình loại hoa quả quý hiếm. Khi tỉnh dậy, Ngài thật vui mừng nên không dám lược bỏ, cứ y theo Phạm bổn mà dịch. Phật nói kinh này, ở bốn chỗ: Một là ở núi

Linh Thứu nơi thành Vương-xá, hai là ở vườn Cấp cô độc, ba là ở cung Thiên Vương Tha Hóa Tự Tại, bốn là ở tịnh xá Trúc Lâm trong thành Vương-xá. Tổng cộng có mười sáu hội, hợp thành một bộ kinh. Nhưng Pháp sư đem về từ Tây Vực chỉ được ba bổn, đến khi phiên dịch, nếu có chỗ nào còn nghi ngờ, thì so lại với ba bổn kia mà quyết định. Ngài cẩn thận xem xét lại rồi mới chép thành văn. Sự cẩn thận này xưa nay ít có, có khi văn trái mà ý sâu xa, nếu có lần lựa thì biết là đã khác, nếu có người thọ nhận để rồi quyết định sáng suốt, thì lý lẽ sẽ rõ ràng. Như vạch mây trắng được mặt trời, tự nói rằng: Nếu chỗ này mà ngộ được sẽ tất có sự tỏ thông. Đó chính là nhờ chư Phật, Bồ-tát che chở. Ở hội nói kinh đầu tiên có phẩm "Nghiêm Tịnh Phật Độ" trong phẩm này nói chúng Bồ-tát Ma-ha-tát vì tu hạnh Bát-nhã ba-la-mật, dùng thần thông đại lực, cùng với trăm ngàn châu báu thượng diệu, các hương hoa mầu nhiệm, trăm thứ mùi vị uống ăn, y phục âm nhạc, tùy ý theo các cảnh giới năm trần mà cúng dường trang nghiêm pháp giới. Bấy giờ, trụ trì chùa Ngọc Hoa là sư Tuệ Đức và tăng chúng phiên dịch đều nằm mộng thấy chùa Ngọc Hoa rất rộng lớn trang nghiêm thanh tịnh, các thứ trang sức cờ phướn, lọng báu thật rực rỡ trang nghiêm. Lại có các xe báu chở đầy hương hoa âm nhạc đi vào chùa. Lại thấy có vô lượng tăng chúng tay cầm lọng hoa như đã cúng dường ở trước đem đến cúng dường kinh Đại Bát-nhã. Các con đường, tường vách trong chùa đều trang hoàng gấm lụa. Dưới đất mọc lên các loại hoa thơm, đỡ chân của đại chúng, cho đến viện Dịch Kinh. Ở trong viện lại càng đẹp đẽ muôn phần. Như những nơi để kinh dưới đất trải đầy hoa báu trang nghiêm, lại nghe ở nội viên, trong ngôi giảng đường đều có giảng sư đang nói pháp trong đó. Khi thấy vậy ai nấy đều vui mừng và tỉnh giấc dậy. Rồi tìm đến Pháp sư kể lại giấc mộng kia.

Pháp sư nói: Nay đang phiên dịch phẩm này, các Bồ-tát chắc chắn có cúng dường, các thầy nên tin việc này?

Bấy giờ, ở bên cạnh điện có cây song nại, đang lúc trái mùa và ra hoa vô số. Mỗi hoa đều có sáu cánh, tươi đẹp hồng trắng rất đáng yêu. Khi ấy, đại chúng nói với nhau rằng: Đây là chứng cớ kinh Bát-nhã lại được mở rộng. Lại sáu cánh là biểu thị cho sáu đến bờ kia. Nhưng Pháp sư dịch kinh này rất miệt mài nhưng vẫn lo sợ vô thường, mới nói với chúng tăng rằng: Huyền Trang năm nay đã sáu mươi lăm tuổi, sẽ qua đời tại già-lam này. Bộ kinh này quá lớn, e rằng khó dịch xong, cho nên mọi người phải cố gắng, chớ ngại gian khổ.

Đến ngày mười ba tháng mười. niên hiệu Long Sóc thứ ba, công

việc mới xong, gồm có sáu trăm quyển, gọi là "Đại Bát-nhã kinh".

Ngài vui vẻ chắp tay nói với đại chúng rằng: Kinh này thật có duyên với đất Hán. Huyền Trang đến cung Ngọc Hoa cũng là do nguyện lực dịch kinh này. Còn đối với kinh công việc bận rộn, các duyên làm chướng ngại thì khó mà xong được. Nay dịch đã xong, đều nhờ chư Phật che chở, trời rồng giúp đỡ. Đây là bộ kinh giữ nước, là vật báu của trời, người, vậy tăng chúng nên vui mừng. Lúc này, chúng ở chùa Ngọc Hoa đều tung hoa vắng lặng rực rỡ, để chúc mừng công việc hoàn thành, lại thiết trai cúng dường. Ngày đó lại thỉnh kinh từ điện Tiêu Thành đến điện Gia Thọ để giảng đọc. Lúc đón rước kinh thì Bát-nhã phát ra ánh sáng, các vị trời rải hoa như mưa.

Lại nghe thoang thoảng trên hư không có tiếng âm nhạc, mùi thơm vô cùng.

Ngài thấy được điềm linh này, lại càng tin tưởng vui mừng, bảo các môn nhân rằng: Kinh có nói cõi này sẽ có người ưa thích Đại thừa, nhà vua các quan cho đến bốn chúng đều nên ghi chép, thọ trì, đọc tụng rồi đem truyền bá rộng ra, sẽ được sinh lên cõi trời, cuối cùng sẽ được giải thoát, khi đã có văn kinh thì không được im lặng.

Đến ngày hai mươi tháng mười một, Ngài bảo Đệ tử là Khuy Cơ viết biểu tâu vua, thỉnh vua viết lời tựa. Đến ngày bảy tháng mười hai, quan Thông sự xá nhân là Phùng Mậu Tuyên đem sắc chỉ vua đã cho phép. Pháp sư sau khi dịch kinh Bát-nhã, tự biết sức lực đã suy, biết vô thường sẽ đến, bèn bảo các môn nhân rằng:

Ta đến chùa Ngọc Hoa vốn có duyên với kinh Bát-nhã. Nay đã dịch xong, sức lực ta cũng hết, sau khi ta mất, các ông nên nhớ lời ta dạy phải nên tiết kiệm, chỉ dùng chiếu cỏ đơn sơ để tống táng. Phải chọn chốn núi non sông nước tĩnh lặng để làm nơi an táng, chớ để gần chùa cung đình, thân bất tịnh này phải tìm nơi yên tịnh xa xôi.

Mọi người nghe Pháp sư nói đều buồn thương khóc lóc, và thưa rằng:

Hòa thượng sức lực còn mạnh khỏe, tôn nhan không hề thay đổi, sao lại nói như thế.

Pháp sư nói: Ta tự biết điều đó, các thầy làm sao biết được.

Ngày mùng một tháng giêng niên hiệu Lân Đức năm đầu, các Đại đức dịch kinh và đại chúng chùa Ngọc Hoa, đều hết lòng thỉnh Pháp sư phiên dịch kinh Đại Bảo Tích. Pháp sư thấy đại chúng cần cầu tha thiết nên bắt đầu dịch bộ kinh này. Khi dịch được vài hàng, Ngài liền dừng lại, xem qua Phạm bổn rồi bảo tăng chúng: Bộ kinh này và kinh Bát-

nhã thật vĩ đại vô cùng, Huyền Trang tự lượng sức khỏe nên khó thể làm xong. Việc sinh tử đã đến, chẳng còn bao lâu. Nay muốn đến chỗ phong cảnh hang núi lễ lạy Phật tượng Câu-chi.

Nói đoạn Ngài cùng các môn nhân ra đi, tăng chúng cố thỉnh đều không được. Khi lễ lạy xong thì trở về chùa, chuyên tinh hành đạo, không còn nghĩ đến việc phiên dịch. Đến ngày mùng tám có vị đệ tử từ Cao Xương đến là sư Huyền Giác, nằm mộng thấy có một ngôi tháp trang nghiêm cao lớn đột nhiên bị nghiêng đổ. Vị này thấy vậy kinh sợ giật mình thức dậy liền thưa lại với Pháp sư.

Pháp sư nói: Đây chẳng phải việc của ông, mà là nói lên việc ta sắp nhập diệt.

Đến ngày mùng chín, vào lúc trời tối, Ngài đào một con kênh, chẳng may bị ngã, bị thương ở chân. Do đó mà bị bệnh, hơi thở dần suy yếu. Đến ngày người sáu, Ngài như từ cõi mộng trở về, nói rằng: Ta thấy phía trước có hoa sen trắng lớn như cái mâm, rất xinh đẹp đáng yêu.

Sang ngày mười bảy, lại mộng thấy có hàng trăm nghìn người, hình dung cao lớn, đều mặc y lụa. Mọi người đem đến lụa là và các thứ châu báu, hoa đẹp đến để trang nghiêm chỗ Pháp sư nằm. Rồi lần lượt trang nghiêm khắp cả phòng ốc, cả trong ngoài viện dịch kinh, sau đó ra đằng sau viện đến núi Thông Lãnh nơi rừng cây, dựng cờ xí phướn lọng. Trong các tia sáng ấy có xen lẫn tiếng âm nhạc. Phía ngoài cửa lại thấy có vô số xe báu, trong xe có đầy các thức ăn thơm ngon và hoa quả tươi đẹp đủ loại màu sắc. Đây chẳng phải là vật phẩm của người dùng. Các vị đều đem các thứ này đến cúng dường Pháp sư, Pháp sư từ chối rằng: Đây là các món vị ngon quý giá dành cho bậc tu chứng thần thông mới được thọ nhận, Huyền Trang chưa đạt đến quả vị này, làm sao dám nhận.

Tuy Ngài từ chối nhưng các vật thực đều đưa đến không dứt, vị thị giả trông thấy nhìn không chán mắt nhân đó nói lại với sư Tuệ Đức trụ trì chùa Ngọc Hoa này đầy đủ mọi việc. Pháp sư lại bảo: . Một đời Huyền Trang chỉ tu phước tuệ, y theo đó thì giống như có công mà không hề dứt, tin hiểu nhân quả Phật giáo đều không mất. Nhờ phước duyên này mà Pháp sư phiên dịch kinh điển, tổng cộng gồm có bảy mươi bốn bộ, một ngàn ba trăm ba mươi tám quyển lại đắp họa tượng Phật Di-lặc, tượng vẽ Câu-chi, mỗi tượng cả ngàn đồng, lại đắp mười tượng Câu-chi, lại sao chép các kinh Bát-nhã, Dược sư, Lục Môn Đà-la-ni, v.v... mỗi kinh mười bộ. Lại thiết lễ cúng dường cả ngàn vị tăng, đốt

trăm ngàn ngọn đèn để cứu chuộc mấy vạn chúng sanh.

Khi sao chép kinh điển xong thì truyền bá cho mọi người cùng đọc. Ai nghe đến cũng chắp tay vui mừng. Lại bảo với các môn nhân rằng: Ta vô thường đã đến, ý muốn xả thân, nay hãy kêu gọi người hữu duyên nhóm họp lại.

Thế là Ngài bỏ hết y vật tài của, để tạc tượng, và thỉnh tăng hành đạo. Đến ngày hai mươi ba lại thiết trại cúng dường, ngày hôm đó lại bảo thợ là Tống Pháp Trí lập tượng Bồ-đề đứng bằng xương ở trong điện Gia Thọ, rồi sau đó nhân các Đại đức và đại chúng môn ở chùa nhóm họp, Ngài hoan hỷ từ biệt tất cả rồi nói: Huyền Trang này đã nhàm chán thân năm uẩn này, việc đã xong rồi không nên ở lại lâu dài. Nguyện các phước tuệ đã tu hồi thí cho hữu tình, cùng các hữu tình đồng sinh về cõi trời Đâu-suất làm quyến thuộc với Phật Di-lặc, thờ phụng Đức Từ Tôn. Sau khi Phật Di-lặc hạ sinh, cũng nguyện theo xuống để làm nhiều Phật sự, cho đến đạt quả Vô thượng Bồ-đề.

Từ biệt xong, Ngài im lặng chánh niệm, lúc này trong miệng lại đọc tụng: Sắc uẩn cũng không thật có, thọ tưởng hành thức cũng không thật có. Nhãn giới không thật có, cho đến ý giới cũng không thật có. Nhãn thức giới cũng không thật có, cho đến ý thức giới cũng không thật có, vô minh đã không thật có thì sinh già bệnh chết cũng không thật có, cho đến Bồ-đề cũng không thật có, không thật có cũng không thật có. Ngài lại nói kệ dạy những người ở bên cạnh rằng: Nam-mô Di-lặc Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Nguyện cùng các hàm thức mau được tận mặt trông thấy Từ nhan.

Nam-mô Di-lặc Như Lai ở trên cõi trời Đâu-suất, nguyện xả thân này được sinh về nơi đó.

Lúc này, sư Tuệ Đức chủ chùa lại mộng thấy có ngàn người thân vàng, từ phía Đông đi đến rồi đi vào nhà phiên dịch, hương hoa đầy khắp cả hư không. Đến nửa đêm mùng bốn tháng hai, vị tăng săn sóc bệnh là Thiền sư Minh Tạng thấy có hai người cao hơn trượng, mỗi vị cầm một hoa sen trắng, giống như bánh xe nhỏ, hoa này có ba thứ, lá dài hơn thước, sáng đẹp rất đáng yêu. Hai vị đem hoa đến trước Pháp sư, dâng hoa lên rồi nói: Thầy từ vô thỉ đến nay, vì có làm tổn não hữu tình, do nghiệp ác này mà bị bệnh nhẹ, nhưng nay cũng sẽ được tiêu trừ, vậy nên vui mừng.

Pháp sư nhìn thấy thì chắp tay hồi lâu, rồi tay mặt tự kê lên đầu. Kế đến thì tay trái duỗi thẳng đặt trên đùi chân trái, hai chân duỗi thẳng, nằm nghiêng về bên phải, cho đến khi qua đời vẫn không dời

đổi. Không uống không ăn cho đến nửa đêm ngày mùng năm, đệ tử là Quang Đẳng hỏi:

Hòa Thượng có chắc chắn được sinh về nội viện của Đức Di-lặc hay không?

Pháp sư đáp: Chắc chắn sinh về đó, nói xong hơi thở dần dần suy yếu. một lúc sau thì ra đi, mà thị giả vẫn không biết. Một lúc sau mọi người mới rõ. Bắt đầu lạnh từ chân rồi lên tới đầu, chỉ có đỉnh đầu vẫn còn ấm, nhan sắc vẫn hồng hào, tươi vui như thường. Qua bốn mươi chín ngày vẫn không thay đổi, cũng không có mùi gì khác, đây chẳng phải do định tuệ trang nghiêm, đầy đủ giới hương đức hạnh, thì ai được như thế?

Ở chùa Từ Ân có vị tăng tên Minh Tuệ, hạnh nghiệp siêng năng khổ hạnh, từ đầu hôm đến gầ nsáng thường niệm tụng, kinh hành không hề biếng nhác, trong đêm Pháp sư mất cho đến nửa đêm hôm sau, Sư đi nhiễu quanh Phật đường hành đạo, bỗng thấy ở phương Bắc có bốn đường cầu vồng màu trắng, từ hướng Bắc xuyên qua hướng Nam, soi sáng cả mặt giếng, rồi đi thẳng đến tháp viện chùa Từ Ân. Sáng tỏ thật rõ ràng, tâm Ngài rất lấy làm lạ, lại nghĩ đến xưa Đức Như Lai diệt độ có hai lần ánh sáng, từ hướng Tây chiếu thẳng đến, sáng rực mầu nhiệm. Đó chính là do bậc Đại thánh biến hóa, cho nên nay có tướng này, có phải là Pháp sư ở chùa Ngọc Hoa đã tới lúc vô thường rồi chăng?

Sáng hôm sau, sư nói lại với đại chung điều mình nhìn thấy, đại chúng cũng lấy làm lạ. Đến sáng ngày mùng chín, chuyện Pháp sư tịch đã về tới kinh đô, phù hợp với hiện tượng cầu vồng xuất hiện. Người nghe biết ai cũng cho là kỳ lạ. Pháp sư thân cao bảy thước, màu trắng hồng, mày mắt đều sáng tỏ. Thân trang nghiêm như tượng, lại xinh đẹp như hoa, âm thanh thì thanh thoát vang xa, lời nói thì nhã nhặn trong sáng, người nghe mãi không chán. Hoặc đối với tăng chúng, hoặc với khách, Ngài ngồi nói chuyện đến nửa ngày mà thân vẫn không giao động. Phục sức vẫn như Càn-đà, cắt từng miếng nhỏ ráp lại, rộng dài vừa chừng. Dáng đi thì ung dung, nhìn thẳng không hề liếc ngó hai bên, như nước từ dòng sông lớn mênh mông che chở cả mặt đất, sáng rỡ như hoa sen trên mặt nước. Lại thêm giới hạnh trang nghiêm trước sau như một. Chí khí cao ngời, trì giới vững chắc. Không phạm đến cả loài cây cỏ. Tánh tình vui vẻ hòa đồng, không thích giao du. Khi vào đạo tràng rồi thì chẳng phải chiếu chỉ triều đình gọi thì không hề bước ra. Sau khi Pháp sư mất, Luật sư Đạo Tuyên ở chùa Tây Minh có cảm được thần đức. Đến niên hiệu Càn Phong thấy một vị thần hiện đến nói rằng: đệ

tử là con của thiên tướng Vi-đà, chủ lãnh cả loài quỷ thần, lúc Như Lai sắp nhập diệt, sai đệ tử hộ trì Phật pháp ở Châu Thiệm bộ ở phương Bắc. Thấy thầy giới hạnh trang nghiêm, chuyên tâm về luật bộ. người trong bốn biển có nghi vấn đều đến thăm. Nhưng thầy giảng luật cho đại chúng vẫn còn một vài điều khinh trọng và có sự sai lầm, thầy nay tuổi đã cao, văn nghĩa không rõ ràng sẽ làm lầm lạc cho người sau. Cho nên đệ tử đến đây nêu rõ ý Phật cho thầy nghe, những chỗ còn sai lầm đều được sửa lại. Ngài Đạo Tuyên nghe xong thì vừa lo sợ vừa vui mừng, do đó hỏi về kinh, luật, luận, và các điều nghi ngờ, vị thần đều giải thích rõ. Đạo Tuyên lại hỏi: Các vị tăng đức truyền pháp xưa nay cao thấp thế nào?

Thần đáp: Từ xưa các Đại đức giải hạnh đều có chênh lệch lẫn nhau. Vả lại, như Pháp sư Huyền Trang, từ lúc chín tuổi đã tu đầy đủ phước tuệ. Các việc trong ngoài đều thông suốt, có đủ biện tài thông minh. Ngài đang ở nước Trung Quốc thuộc Châu Thiệm bộ, là Pháp sư bậc nhất, trí tuệ cũng giống như thế, văn chất đều không trái với Phạm bổn. Do nguyện lực nghiệp lành sâu dày, nay đã thấy sinh về cõi trời Đâu-suất, ở trong chúng của ngài Từ Thị. Hiện đang nghe pháp được liễu ngộ, không bao giờ trở lại cõi nhân gian.

Vị thần nói cho ngài Đạo Tuyên nghe rồi thì liền từ giã trở về.

Sau đó, ngài Đạo Tuyên tìm đọc lại các kinh sách, thấy tạng kinh ở tại chùa Tây Minh, y cứ vào đây mà nói. Nếu chẳng phải bậc Pháp sư tài cao đức trọng, thì làm sao được thần ứng hiện cho biết, chẳng lẽ phàm tình mà hiểu được sao?

Lúc Pháp sư bị bệnh, coi lại các kinh sách đã phiên dịch.

Có sứ nhân là Hứa Huyền, ngày mùng ba tháng hai năm đó tâu trình lại mọi việc đầy đủ. Lúc Pháp sư bị thương ở chân, đến ngày mùng bảy vua sắc lệnh cho Trung ngự phủ, đưa thầy thuốc đến xem bệnh bốc thuốc cho Ngài.

Quan Sở ty liền sai các vị ngự y là Trương Đức Chí, Trình Đào Bổng đến chữa trị cho Ngài. Nhưng khi đến nơi thì Pháp sư đã viên tịch, thuốc men cũng không còn hiệu lực. Lúc này, quan Thứ sử phường châu là Đậu Sư Luân viết sớ tâu lên vua là Pháp sư đã mất.

Vua nghe tin đau đớn thương xót, truyền bãi triều và nói rằng: Trẫm đã mất quốc bảo rồi.

Lúc này bá quan văn võ, đều thương tiếc rơi lệ.

Vua nói xong thì than khóc rất buồn thương. Qua ngày sau vua lại bảo các quan rằng: Tiếc thay! Trẫm đã mất một người như Pháp sư

Huyền Trang, có thể gọi đây là rường cột của mọi người. Bây giờ thì bốn chúng không còn người dẫn dắt. Ở trong biển khổ mênh mông mà thuyền từ đã chìm mất, trong nhà tối mà ngọn đèn đã tắt. Vua nói rồi lại càng thương khóc không thôi. Đến ngày mùng sáu tháng mười hai, vua lại hạ chiếu: Theo lời Đậu Sư Luân tấu thì tăng Huyền Trang ở chùa Ngọc Hoa đã viên tịch. Việc tang thì nhờ các quan chu cấp. Đến ngày sáu tháng ba lại có chiếu chỉ: Tăng Huyền Trang ở chùa Ngọc Hoa đã mất. Công việc phiên dịch bị dừng lại. Các kinh đã dịch xong, thì y theo bổn cũ đưa cho các quan sao chép lại. Còn những kinh chưa dịch, thì đem đến để tại chùa Từ Ân để gìn giữ, chớ để lạc mất. Các vị đệ tử ngài Huyền Trang và chư tăng phiên dịch, trước đây chẳng phải tăng chúng chùa Ngọc Hoa, nay nên trở về bổn tự của mình.

Đến ngày mười lăm tháng ba lại có chiếu chỉ: Cố Pháp sư Huyền Trang chùa Ngọc Hoa. Đến ngày an táng, tăng ni khắp kinh thành phải cầm cờ phướn lọng báu đưa tiễn đến mộ phần. Pháp sư là bậc đạo cao đức trọng, lúc còn sống rất được kính yêu quý trọng, thì sau khi mất càng được gia ân tôn kính, người xưa không ai so sánh được.

Thế rồi môn đồ đều vâng theo lời chỉ dạy của Ngài, dùng chiếu trúc để làm áo quan, rồi chở về kinh an trí tại chùa Tư Ân, trong nhà phiên dịch kinh điển. Đệ tử hàng trăm vị đều than khóc, hàng tăng tục ở kinh thành cũng đến đưa tiễn thương xót rơi lệ, có cả trăm ngàn người. Đến ngày mười bốn tháng tư thì an táng ở phía Đông. Tăng ni ở trong thành và các sĩ thứ dân chúng, cùng đến đưa tiễn linh cữu, có hơn năm trăm việc như: khắp nơi treo cờ lọng, màn phướn màu trắng, trang hoàng xe chở quan tài bằng vàng, quách bằng bạc, các cây sa-la v.v.... Tất cả đều được trưng bày dọc đường lớn để dự đám lễ. Nhạc tang được cử hành và không gian đầy những tiếng khóc buồn thảm. Dân chúng các nơi kéo đến cách hơn năm trăm dặm có cả trăm ngàn người. Mặc dù lễ an táng được chuẩn bị rất hoàn chỉnh, mà quan tài Pháp sư vẫn đặt trong áo quan bằng tre theo lời ước nguyện cuối cùng của Ngài.

Những người bán lụa ở phía Đông đã làm một cái áo quan Niết-bàn bằng ba ngàn thước lụa và kết hoa rất đẹp để đặt quan tài Pháp sư. Những đồ đệ lại sợ trái với di chúc của thầy nên không cho dùng. Mọi người chỉ đặt ba bộ tăng phục của Pháp sư, và một bộ khác đáng giá trăm đồng tiền vàng do triều đình cúng dường để trên áo quan lộng lẫy kia đi trước, còn xe chở quan tài Pháp sư thì theo sau và được đặt trên áo quan bằng tre, mọi người chứng kiến đều không cầm được nước mắt. Đêm ấy hàng tăng tục lưu lại bên quan cữu có hơn ba ngàn vị.

Đến sáng ngày mười lăm, sau khi an táng xong. Một buổi lễ thiết trai cũng được cử hành ngay tại nghĩa địa trước khi mọi người ra về. Lúc ấy, trời đất bỗng đổi màu, chim thú kêu thương buồn thảm. Muôn thú còn bi cảm, huống chi là người sao chẳng đau thương!

Bởi ai nấy đều nghĩ rằng sông ái còn tràn ngập, mà thuyền từ đã chìm mất. Bóng đêm còn kéo dài vô tận mà đèn tuệ đã sớm lịm tắt. Mọi người đau đớn lưu luyến như mất đi đôi mắt sáng của mình. Thật chẳng khác nào như núi sụp cây đổ, thật đáng thương tiếc làm sao?

Đến ngày mùng tám tháng tư niên hiệu Tổng Chương năm thứ hai có chiếu chỉ vua khiến cho đồ đệ an táng Pháp sư phía Bắc sông Phiền, và xây tháp ở đó. Bởi vì chỗ cữu ở gần bên kinh thành, nơi cung cấm nhiều người qua lại vì kính tiếc bậc Thánh cho nên cải táng. Môn nhân cũng thương khóc buồn bã làm cảm động những người đi đường.

Thích Tuệ lập luận rằng:

Xem sao đêm trăng tỏ, tiếp theo ánh sáng mặt trời xoay về hướng Tây, ba sông chín sông giúp cho biển Đông rộng lớn. Tư lương về đạo pháp muôn vật cũng giống như thế, theo gió mà huân tập. Đối với người thì có khác gì. Sau khi Đấng Pháp vương nhập diệt, ngài A-nan kết tập kinh điển đến nay, đã trải qua ngàn năm.

Trong hơn mười đời bậc Thánh xuất hiện, người tài giỏi lần lượt sinh ra ở đời, xây dựng cơ nghiệp khắp nơi. Cũng đều là bậc thượng trí, đảm trách việc truyền thừa Phật pháp, chế ngự cả trời, người. Đạo ngăn cả gió cuồng, thần khí làm nghiêng ngả sông núi. Hoặc duỗi tay mà lưu cả cao dịch, hoặc ở trong dị thất mà soi sáng cho đời. Hoặc nối thi thể để hàng phục thiên ma, hoặc một lần đối đáp mà hồi bổn chủ, hoặc nguyện truyền bá giáo pháp ở nơi đường hiểm, hoặc quên mình để lợi ích muôn vật, cầu tư lương mà thực hành đạo pháp. Cuối cùng khiến cho chân lý truyền bá khắp nơi. Đã kế tục truyền đăng, thật cũng phù hợp với lời phó chúc, xem xét lại các kinh sách kia thì thật rõ ràng. Cho nên nguồn đạo lý không cùng tận, nay mong người được bậc truyền đèn nối đuốc, chỉ có Pháp sư đây mới chính là bậc rồng voi giáng trần, khí vượt cả Đông Tiễn, danh tiếng cả Nam kim, bậc nhã tháo thì không có nhiều. Ngài vì chúng sanh mà quên mình, dùng chánh pháp làm Phật sự, lồng lộng như trời cao, sáng rỡ như giếng ngọc soi cả biển hồ. Trí lại thông minh lanh lợi phát khởi tự nhiên, vì đạo mà xem thường vinh hiển, đều do thiên tánh. Cho đến đa thức hợp văn, vượt xa mọi dung tình mà giữ gìn chí đạo.

Thất là cao cả vô cùng, đây chính là thần khí nối tiếp làm hưng

thạnh. Vì muốn đem đạo soi sáng trong đời Tượng pháp này, cho nên bậc minh đức mới ra đời độ thế.

Pháp sư nhận thấy các bậc Đại đức mở mang kinh luận từ trước đến nay. Tuy là y theo Thánh giáo mà sự dẫn giải y cứ lại khác nhau. Việc tranh luận chia rẽ đã xảy ra từ lâu. Đến như lệ-da là báo hay phi báo, hóa nhân có tâm hay vô tâm đều hòa hợp nhau. Dịch kinh hơn một trăm phẩm loại đều là căn bản của ba tạng bốn A-hàm, là chìa khóa của hai tông Đại, Tiểu. Nhưng vì bậc tiền hiền có nhiều chỗ chưa quyết trạch được, nên còn có chỗ nghi lầm. Pháp sư cũng lần lựa trong văn nghĩa, chưa rõ được ý chỉ. Rồi bỗng nhiên than rằng: Kinh luận ở đất này, bởi không rõ nguồn gốc, chưa thấy được nguồn chân. Các Tổ sư tuy mỗi vị đều có luận bàn khác nhau, mà nghi tình vẫn không hết. cuối cùng cần phải xem lại đại bổn, nên quyết định tìm đến kỳ tham. Do đó mà Huyền Trang nuôi chí hướng đi xa. Đến tháng tám mùa Thu niên hiệu Trinh Quán năm thứ ba, thì lập thệ ra đi. Khi qua xứ Thiên Trúc, đến chùa Na-lan-đà gặp một vị Đại Pháp sư tên là Thi-la-bạt-đà, Hán dịch là Giới Hiền, vị này thông cả hai tông, rõ suốt cả ba tạng, khéo hiểu bốn bộ Vi-đà, đối với mười bảy bộ địa luận đều tinh thông. Vì luận này bao gồm hết kinh luận nên Ngài thường đem ra để giảng nói. Bộ này vốn do ngài Di-Lặc nói ra. Tức là thuộc về hệ thống Đại thừa. Vì thế nên Pháp sư phát tâm cầu học hỏi. Trong mười sáu nước đều quy về tông này, học chúng theo học có cả muôn người. Pháp sư đã đi nhiều nơi tu tạo, một mặt hết lòng du hóa ở nơi xa, tìm cầu thỉnh thọ, vì thưa hỏi những điều còn quyết nghi. Một mặt những gì học được đều không che giấu mà thệ nguyện được nạp thọ quần lưu, như mộng thú dữ nuốt mây. Vị thầy khen là chưa từng có. Nói rằng:

Như người nay nghe danh còn khó, há là bàn luận huyền môn.

Pháp sư từ đó tiếng tăng vang cả miền Thông Lãnh, danh lưu cả tám nước, khắp nơi các bậc Tiên đạt tài giỏi đều nghe biết. Các bậc tôn túc trọng vọng cũng khó hỏi han. Khi các vị biện luận, Pháp sư đều từ tốn giải đáp, lý lẽ đều như vào nhà cầm mâu mà đâm vào thuẫn. Mọi người đều khen ngợi cho đây là bậc tài giỏi khó đối đáp.

Vua Giới nhật nhìn thấy Pháp sư thì rất vui mừng, hết lòng mới thỉnh cúng dường. Sau đó, Pháp sư cùng chuyên tâm học Phạm thư và các kính luận mà một đời Đức Như Lai đã nói. Lập giáo phương Đông ở núi Kỳ Sơn, văn bán tự ở vườn nai, cho đến các bậc Thánh về sau như Mã Minh, Long Thọ, Vô Trước, Thế Thân soạn các kinh luận. Cùng với mười tám tông phái dị chấp, năm bộ khác đường, v.v... Ngài đều nghiên

cứu học hỏi đạt hết mọi yếu chỉ. Ngài cũng đi thăm các nơi thánh tích của Phật như rừng Nê-hoàn vững chắc. Cây Bồ-đề hàng phục các ma, tháp Ca-lộ cao lớn uy nghi, núi Na-yết còn để lại hình bóng. Ngài đều hết lòng cung kính như thấy được linh thánh mà không bỏ sót chỗ nào!

Pháp sư tâm ý đã mãn, học đạo cũng đầy đủ, liền muốn trở về nước mình. Từ đó phiên dịch kinh điển cả Tiểu lẫn Đại thừa hơn sáu trăm bộ, thỉnh bảy tượng Phật, xá-lợi hơn một trăm viên.

Đến ngày hai mươi lăm tháng giêng, niên hiệu Trinh Quán năm thứ mười chín đời Đường, trở về đến Trường An. Hàng tăng ni, đạo tục khắp cả kinh thành đều ra đón rước. Lúc ấy, các nơi khói quyện sương tan, phong cảnh hữu tình thanh thoát, cờ xí đầy đường. Mây tỏa màu sắc khắp bầu trời rực rỡ bao la, dân chúng hết lời khen ngợi Ngài. Gió tà đều ẩn kín, mặt trời tuệ lại sáng soi. Tuy không gặp Đức Thế Tôn từ cung trời Đao-lợi hạ sinh xuống cõi Diêm-phù-đề. Nhưng đây cũng là việc tốt đẹp ngàn năm mới có. Pháp sư tìm cầu kinh điển nơi xa xôi trải qua biết bao gian nan nguy hiểm.

Vượt qua dãy núi tuyết cực kỳ hiểm trở, nào biển cát sông hồ, rồi khí độc thú hoang, cọp dữ sói lang. Cũng như ngài Pháp Hiển xa lìa quê hương, ngài Trí Nghiêm dời bạn đến những chỗ Ban Siêu chưa hề giẫm qua. Nơi Chương Hợi chưa đến. Pháp sư chỉ một mình đơn chiếc ra đi. Ngài vẫn thản nhiên vượt qua. Thổi ngọn gió Đại Đường ra ngoài tám cõi. Chấn Quốc Hoa nơi nưm xứ Thiên Trúc. Khiến cho các cõi xa. Các vương hầu đều quy phục. Các Tù trưởng đều kính ngưỡng. Tuy Pháp sư không có công đối với thế gian. Nhưng thánh triều vẫn cảm phục đón rước. Hoàng đế nắm long đồ mà tính toán, Ứng Xích phục để quang lâm. Giết kình ngư để giúp dân lành. Quét sạch mây mờ để soi nhật nguyệt. Chấn suy nghĩ để làm rường cột, dứt Thương Hải mà rộng truyền bá. Trùng lập lại trời đất, tái thiết lại khuôn phép. Giữ cửu công hơn cả Ngu Hạ. Soi bảy đức hơn cả Tào Lưu, biển lặng sông yên, thời tiết hòa dịu. Kẻ xa thuận thảo, người gần an ổn, trời yên đất bình. Người vui vẻ, thần hài hòa. Lại thêm xem trọng những điều hay đẹp, khắc giữ ba điều lành. Bậc tể phụ trung thần đáng để khen ngợi. Đã ban công đức sâu dày, cảm ứng cả Thiên hoàng. Cỏ chi làm đẹp nơi thềm ngọc. Hoa quả kết trái ở lầu son. Lại như ngọc đá Tây Châu treo ở Côn Phù, nối nghiệp ngàn năm của Thánh chủ, kế nghiệp ân sư, trải qua ngàn đời vẫn chưa khai mở. Đến đời Hoàng đế của ta mới bắt đầu xuất hiện. Há chẳng phải do ân đức mà trời ban phước lành cho đó hay sao? Lại đem tâm du hóa nơi xa xôi tìm học năm thừa, truy tìm đạo màu trên núi Linh

Thứu. Cho nên khiến cho đạo pháp được sáng, thánh điển của tăng càng được lưu truyền. Đạo từ bi ban bố khắp sáu cõi, trống pháp được đánh vang trong Tam thiên. Hoa trời theo gió bay xa. Mây thúy đưa khói hương bay khắp. Để rồi kẻ đắm chìm trong biển khổ, tìm bờ giác mà được khế ngộ, đến nơi đạo mầu thanh thoát.

Pháp sư đạo cao đức trọng, nên gặp thời như thế, há là lắng lòng nơi Đạo cả. Gặp sư giả trá của Phù Diêu mà so sánh sự hơn kém, tức là làm ngập cả sông hồ mới rõ điều sáng tối. Ánh sáng của mặt trời cùng với ánh sáng của đom đóm thật khác xa nhau.

Xưa, khi Chung Quyết đến, Ngụy văn làm thơ phú để khen ngợi, khi Thần Tước bay đến. Cổ lăng hiến tụng mà nói điều khác lạ. Loài cầm thú là thấp kém mà người xưa còn ca vịnh khen ngợi, huống chi Pháp sư là thần minh bất hủ, rường cột của Đạo pháp. Lẽ nào giữ kín bậc minh sư, mà không trình bày ra. Lập chí học thì hổ thẹn với bậc vãng hiền, đức thì thua xa với bậc Tiên đạt. Trong đời tượng hóa muốn soi sáng đạo mầu, lòng vui mừng với muôn phẩm. Cho dù lực yếu dung ngu, vẫn hết lòng tỏ bày, đem thanh huy để mong cầu cái đẹp, dứt hậu quang để tiến về phía trước. Đan ngòi bút mà phiên dịch kinh điển, chẳng thể nào nói cho hết được. Mong được lời soi xét của vua, ý không vui sao?

Lời khen rằng:

Muôn loài cảm tuyệt
Đại thánh ra đời
Truyền đèn nối đuốc
Chỉ có triết nhân
Mã Minh đầu tiên
Đề-bà kế tiếp
Như mặt trời lặn
Trăng sáng vừa soi
Rồi đến Pháp sư
Là bậc trinh sĩ
Hơn cả trời, người
Chẳng dính trần lao
Sâu kín cùng huyền
Rỏ lý nhà Nho
Sạch như ngọc quý
Thơm như hoa huệ
Thấy kinh thiếu sót

Xét nghĩa còn lầm
Vâng cầu gửi gắm
Vượt bao nguy nan
Tỏ bao chí khí
Bày cả lòng thành
Chấn động Tây châu
Quy về lầu Đông
Gặp được chí đạo
Nơi vùng trời xa.
Lúc này Hoàng đế
Càng treo gương ngọc
Đem lý túi châu
Ba thừa mở rộng
Thập địa cùng soi
Mặt trời tuệ sáng
U huyền rực rỡ
Cho mình hèn ngu
May gặp đạo mầu
Thấy được cửa huyền
Không thể bao gồm
Núi cao kính mến
Thanh lưu khát ngưỡng
Nguyện được nương về
Dựa nương sắn bìm.

Thích Ngạn Tông kể lại rằng: Tôi xem Phật giáo từ khi truyền đến Đông Độ đến nay, có biết bao nhiêu bậc hiền triết tài giỏi giữa chốn thiền môn. Nhưng ít ai toàn vẹn, chỉ một vài vị là nổi bật, còn các việc thấy nghe, nói năng đều hợp với kiến thức, khinh tài trọng đạo, hóa đạo khắp nơi. Đều là bậc trinh tháo như tùng trúc, chí khí vượt hơn cả vàng đá. Quần hùng lo nghĩ, Thánh chủ hồi quang, thế là có đủ cả ba tạng. Từ đó hưng thạnh, truyền bá khắp nơi. Nếu chẳng phải bậc Hiền thánh ra đời thì lấy ai khai sáng.

Lại, lúc Bấc cung bị bệnh, vui ít buồn nhiều, cái chết đã tới, sắc mặt vẫn như thường, khó ai đạt được. Rồi sau khi qua đời có người mang mạt hương chiên-đàn đến, xin y theo pháp bên Tây Vực, thiêu thân Tam Tạng, nhưng đại chúng đều không bằng lòng. Xin y theo lời Tôn sư dạy, mọi người đều vâng giữ. Đến ngày khi lễ an táng, mọi người đều ngửi thấy các mùi hương hóa khí chất lạ kỳ, đều kinh ngạc thưa hỏi. Nói

rằng: Người được như thế này là bậc đắc đạo.

Thế là đưa linh cữu Ngài an táng chỉ để lại bộ pháp phục. Đại chúng thấy Pháp sư, vẫn y như khi còn sống. Bá tánh càng kêu thương than khóc rồi cùng thấy các thứ y phục an táng và quan quách, bỗng nhiên đều biến mất, đại chúng cho là bậc trời, người đắc đạo.

Tôi có xem qua ba tạng, nên tâm khế hợp với Thánh tích gần đây. Nếu chẳng phải đây là Đại Bồ-tát thì làm sao được như thế. Chúng ta thật may mắn được gặp Người, lại không quy ngưỡng hay sao?

Truyện Tam tạng Pháp sư chùa Đại Từ Ân, đời Đại Đường

(HẾT)

■